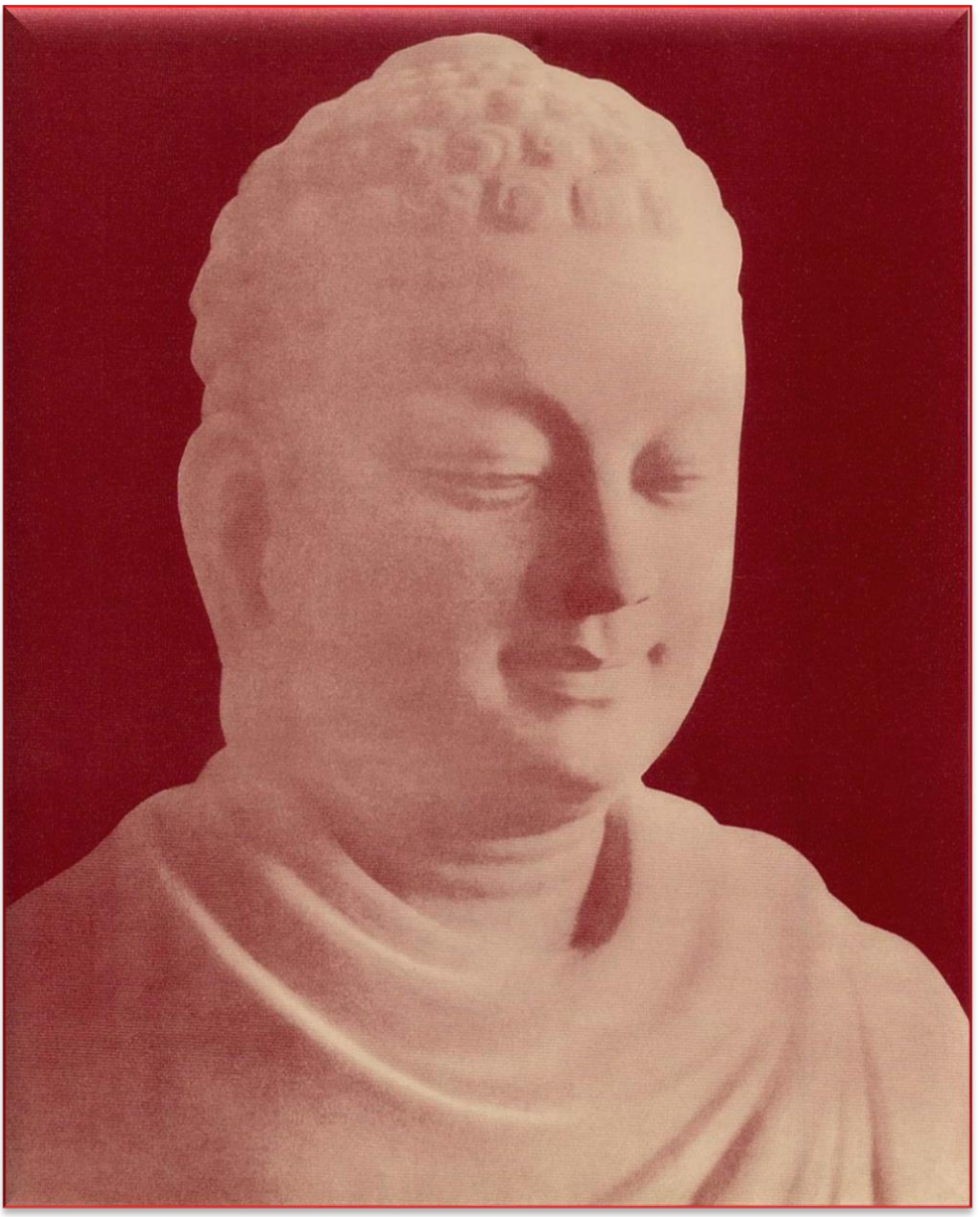

NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 33

BỘ BÁT NHÃ

XVI

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- Viết hoa toàn bộ:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- Viết hoa chữ đầu + gạch nối: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- Gạch nối: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

ví dụ: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 33

BỘ BÁT NHÃ
XVI

SỐ 231 → 261

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ BÁT NHÃ 16 – T033

SỐ 231 3
KINH THẮNG THIÊN VƯƠNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT 3
QUYỂN 1 3
Phẩm 1: Thông Đạt 3
Phẩm 2: Hiển Tướng 16
QUYỂN 2 26
Phẩm 3: Pháp Giới 26
Phẩm 4: Niệm Xứ 38
QUYỂN 3 50
Phẩm 5: Pháp Tánh 50
QUYỂN 4 69
Phẩm 6: Bình Đẳng 69
PHẨM 7: Hiện Tướng 75
QUYỂN 5 86
Phẩm 8: Vô Sở Đắc 86
Phẩm 9: Chứng Cớ Về Chuyên Cần 98
QUYỂN 6 105
Phẩm 10: Tỏ Bày Công Đức 105
Phẩm 11: Hiện Hóa 112
Phẩm 12: Đà-La-Ni 116
QUYỂN 7 122
Phẩm 13: Khuyến Giới 122
Phẩm 14: Nói Về Hai Hạnh 126
Phẩm 15: Tán Thán 132
Phẩm 16: Phú Chúc 138
SỐ 232 143
KINH VĂN-THÙ-SƯ-LỢI SỞ THUYẾT MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT .. 143
QUYỂN THƯỢNG 143
QUYỂN HẠ 157
SỐ 233 169
KINH VĂN-THÙ-SƯ-LỢI SỞ THUYẾT BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT 169
SỐ 234 199
KINH PHẬT THUYẾT NHU THỦ BỒ-TÁT VÔ THƯỢNG THANH TỊNH PHÂN VỆ 199
QUYỂN THƯỢNG 199
QUYỂN HẠ 217

SỐ 235 235
KINH KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT 235
SỐ 236 249
KINH KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT 249
SỐ 237 267
KINH KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT 267
SỐ 238 283
KINH KIM CANG NĂNG ĐOẠN BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT 283
SỐ 239 299
PHẬT NÓI KINH NĂNG ĐOẠN KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT 299
SỐ 240 315
KINH THẬT TƯỚNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT 315
SỐ 241 323
KINH KIM CANG ĐẢNH DU-GIÀ LÝ THÚ BÁT-NHÃ 323
SỐ 242 333
KINH PHẬT THUYẾT BIẾN CHIẾU BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT 333
SỐ 243 341
KINH ĐẠI LẠC KIM CANG BẤT KHÔNG CHÂN THẬT TAM-MA-DA ... 341
SỐ 244 349
KINH PHẬT THUYẾT TỐI THƯỢNG CĂN BẢN ĐẠI LẠC KIM CANG BẤT KHÔNG TAM-MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG 349
QUYỂN 1 349
Phần 1: Nghi Quỹ Về Lý Chân Thật Của Đại Tam-muội Kim Cang 349
Phần 2: Nghi Quỹ Kim Cang Tam-muội Trong Lý Chân Thật Của Tất Cả Như Lai 358
QUYỂN 2 361
Phần 3: Nghi Quỹ Kim Cang Tam-muội Hàng Phục Ba Cõi 361
Phần 4: Nghi Quỹ Về Tam Muội Thanh Tịnh Các Phiền Não 366
Phần 5: Nghi Quỹ Nói Về Tất Cả Bảo Quán Đảnh Đại Tam-muội 367
Phần 6: Đại Nghi Quỹ Về Tất Cả Quyền Ấn Tam-muội 369
Phần 7: Đại Nghi Quỹ Về Tam-muội Kim Cang Tự Luân 372
Phần 8: Đại Nghi Quỹ Nói Về Tam-Muội Nhất Thiết Mạn-noa-la Kim Cang Luân 373
Phần 9: Đại Nghi Quỹ Nói Về Các Tam-muội Kim Cang 375
Phần 10: Đại Nghi Quỹ Nói Về Tam-muội Kim Cang Phẫn Nộ 376
QUYỂN 3 378
Phần 11: Đại Nghi Qũy Nói Về Tam-muội Nhất Thiết Lạc 378
Phần 12: Nghi quỹ Ngoại Kim Cang Bộ 379
Phần 13: Khen Ngợi Bát-nhã Ba-la-mật-đa Giáo 382

Phần 14: Nghi Quỹ Nói Về Đại Mạn-noa-la tối Thượng Bí Mật Của Bồ-tát Kim Cang Thủ 383
QUYỂN 4 400
Phần 15: Nghi Quỹ Nói Về Sự Thành Tựu Đại Lạc Kim Cang Bất Không Tam-muội Đại Minh Ấn Tướng 400
Phần 16: Đại Nghi Quỹ Nói Về Kim Cang Bồ-đề Của Tất Cả Như Lai 406
PHẦN 17: Nghi Quỹ Nói Về Đại Kim Cang Hỏa Diệm Nhật Luân 412
QUYỂN 5 422
Phần 18: Nghi Quỹ Nói Về Nhất Thiết Trí Kim Cang Dứt Trừ Các Nghiệp Chướng 422
Phần 19: Nghi Quỹ Nói Về Tất Cả Nguyện Viên Mãn Kim Cang Bảo 427
Phần 20: Nghi Quỹ Thành Tựu Tối Thượng Trong Tất Cả Nghi Quỹ 430
Phần 21: Nghi Quỹ Về Tất Cả Tương Ưng Với Tam-muội Mạn-noa-la Của Chư Phật 435
QUYỂN 6 446
Phần 22: Nghi Quỹ Về Đại Tam-muội Mạn-noa-la Của Tất Cả Như Lai 446
Phần 23: Nghi Quỹ Về Tất Cả Tương Ưng 454
QUYỂN 7 461
Phần 24: Thành Tựu Ấn Tướng Tối Thượng 461
Phần 25: Nghi Quỹ Bí Mật Tối Thường 466
SỐ 245 479
KINH PHẬT THUYẾT NHÂN VƯƠNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT 479
QUYỂN THƯỢNG 479
Phẩm 1: Mở Đầu 479
Phẩm 2: Quán Không 481
Phẩm 3: Bồ-Tát Giáo Hóa 484
Phẩm 4: Nhị Đế 492
QUYỂN HẠ 496
Phẩm 5: Hộ Quốc 496
Phẩm 6: Tán Hoa 499
Phẩm 7: Thọ Trì 500
Phẩm 8: Chúc Lụy 505
SỐ 246 509
KINH NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA 509
QUYỂN THƯỢNG 509
Phẩm 1: Tựa 509
Phẩm 2: Quán Như Lai 511
Phẩm 3: Hạnh Bồ-Tát 514
Phẩm 4: Nhị Đế 523

QUYỂN HẠ 527
Phẩm 6: Chẳng Nghĩ Bàn 530
Phẩm 7: Phụng Trí 531
Phẩm 8: Chúc Lụy 541
SỐ 247 545
KINH LIỄU NGHĨA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA 545
SỐ 248 549
KINH NGŨ THẬP TỤNG THÁNH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT 549
SỐ 249 551
PHẬT THUYẾT ĐẾ THÍCH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH 551
SỐ 250 555
KINH ĐẠI MINH CHÚ MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT 555
SỐ 251 557
BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH 557
SỐ 252 559
PHỔ BIẾN TRÍ TẠNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH 559
SỐ 253 561
BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH 561
SỐ 254 563
BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH 563
SỐ 255 565
BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH 565
SỐ 256 567
BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH BẢN TIẾNG PHẠM ĐỜI ĐƯỜNG 567
SỐ 257 569
KINH THÁNH PHẬT MẪU BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA 569
SỐ 258 571
KINH PHẬT THUYẾT THÁNH PHẬT MẪU TIỂU TỰ BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA 571
SỐ 259 575
KINH BỒ-TÁT QUÁN TƯỞNG PHẬT MẪU BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA. 575
SỐ 260 577
KINH KHAI GIÁC TỰ TÁNH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA 577
QUYỂN 1 577
QUYỂN 2 583
QUYỂN 3 590
QUYỂN 4 597
SỐ 261 605

KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC BA-LA-MẬT-ĐA 605
QUYỂN 1 605
Phẩm 1: Quy Y Tam Bảo 605
QUYỂN 2 620
Phẩm 2: Đà-La-Ni Hộ Trì Quốc Giới 620
Phẩm 3: Phát Tâm Bồ Đề 631
QUYỂN 3 636
Phẩm 4: Không Thoái Chuyển 636
QUYỂN 4 653
Phẩm 5: Bố Thí Ba-La-Mật-Đa 653
QUYỂN 5 669
Phẩm 5: Tịnh Giới Ba-La-Mật 669
QUYỂN 6 684
Phẩm 7: Nhẫn Nhục Ba-La-Mật-Đa 684
QUYỂN 7 697
Phẩm 8: Tinh Tấn Ba-La-Mật-Đa 697
QUYỂN 8 711
Phẩm 9: Thiền Định Ba-La-Mật (phần 1) 711
QUYỂN 9 729
Phẩm 9: Thiền Định Ba-La-Mật (phần 2) 729
Phẩm 10: Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa (phần 1) 738
QUYỂN 10 753
Phẩm 10: Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa (phần 2) 753

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 33

BỘ BÁT-NHÃ
16

SỐ 231

(QUYỂN 1 → 7)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 231

KINH THẮNG THIÊN VƯƠNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Hán dịch: Đời Trần, Vương tử Nguyệt-bà-thủ-na, người nước Ưu-thiền-ni.

QUYỂN 1

Phẩm 1: Thông Đạt

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật thuộc thành lớn Vương xá, cùng với đại chúng Tỳ-kheo bốn vạn hai ngàn người, đều là A-la-hán, các lậu hết hẳn, công hạnh đã mãn, đã bỏ gánh nặng, được tự lợi và đoạn hết kết sử, tâm hoàn toàn giải thoát, tự tại giống như bậc đại long; chỉ có A-nan còn trong địa vị hữu học với quả Tu-đà-hoàn.

Tên của các vị là Tịnh mạng A-nhã Kiều-trần-như, Ma-ha Ca-diếp, Kiều-phạm-ba-đề, Bạc-câu-la, Ly-bà-đa, Tất-lăng-già-bà-tha, Đại trí Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, A-ni-lâu-đà, Ma-ha Ca-chiên-diên, Ưu-ba-ly, La-hầu-la…, bốn vạn hai ngàn người như vậy.

Bậc Đại Bồ-tát cũng có bảy vạn hai ngàn người đều đã thông suốt pháp tánh thâm sâu, khéo tùy thuận, hóa độ các loài một cách bình đẳng và là bạn lành tri thức của tất cả chúng sinh, được vô ngại Đà-la-ni, có thể truyền bá pháp luân không thoái chuyển, từng cúng dường vô lượng chư Phật, là bậc Nhất sinh bổ xứ của cõi Phật kia vì pháp mà đến đây tu tập; hộ trì pháp tạng không cho đoạn dứt hạt giống Tam bảo; là con Pháp vương sẽ truyền bá pháp luân của Phật, thấu rõ cảnh giới thâm sâu của Như Lai, tuy sống ở đời mà không bị pháp thế gian làm ô nhiễm.

Tên của các vị là Bồ-tát Bảo Tướng, Bồ-tát Bảo Ấn, Bồ-tát Bảo Chưởng, Bồ-tát Bảo Quan, Bồ-tát Bảo Kế, Bồ-tát Bảo Tích, Bồ-tát Bảo Hải, Bồ-tát Bảo Diễm, Bồ-tát Bảo Tràng, Bồ-tát Kim Cang Tạng, Bồ-tát

Kim Tạng, Bồ-tát Bảo Tạng, Bồ-tát Đức Tạng, Bồ-tát Tịnh Tạng, Bồ-tát Như Lai Tạng, Bồ-tát Trí Tạng, Bồ-tát Nhật Tạng, Bồ-tát Định Tạng, Bồ-tát Liên Hoa Tạng, Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt, Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Quán Nguyện, Bồ-tát Phổ Âm, Bồ-tát Phổ Nhãn, Bồ-tát Liên Hoa Nhãn, Bồ-tát Quảng Nhãn, Bồ-tát Phổ Hành, Bồ-tát Phổ Giới, Bồ-tát Trí Ý, Bồ-tát Liên Hoa Ý, Bồ-tát Thắng Ý, Bồ-tát Thượng Ý, Bồ-tát Kim Cang Ý, Bồ-tát Sư Tử Du Hý, Bồ-tát Sư Tử Hống, Bồ-tát Đại Âm Vương, Bồ-tát Diệu Âm, Bồ-tát Vô Nhiễm, Bồ-tát Nguyệt Quang, Bồ-tát Nhật Quang, Bồ-tát Trí Quang, Bồ-tát Trí Đức, Bồ-tát Hiền Đức, Bồ-tát Hoa Đức, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

Bồ-tát Bạt-đà-bà-la làm Thượng thủ cho mười sáu Hiền sĩ; Bồ-tát Di-lặc làm thượng thủ cho hiền kiếp Bồ-tát; Tứ Thiên vương làm thượng thủ cho cõi trời Tứ thiên vương; Đế Thích làm thượng thủ cho cõi trời Tam thập tam, Tu-dạ-ma vương làm thượng thủ cho chư Thiên Dạ-ma; Đâu-suất-đà vương làm thượng thủ cho cõi trời Đâu-suất-đà; Thiện Hóa vương làm thượng thủ cho cõi trời Hóa lạc; Tự Tại vương làm thượng thủ cho cõi trời Tha hóa tự tại; Đại Phạm vương làm thượng thủ cho các Phạm thiên, Ma-hê-thủ-la làm thượng thủ cho cõi trời Thủ-đà-bà-sa; lại có các A-tu-la vương, A-tu-la vương Sa-lợi, A-tu-la vương La-hầu…, vô lượng trăm ngàn các đại A-tu-la vương như vậy.

Lại có các Long vương, Long vương A-nậu Đại Trì, Long vương Ma-na-tư, Long vương Sa-già-bà, Long vương Bà-tu-cát, Long vương Đức-xoa-ca mỗi vị đều đem theo vô lượng trăm ngàn quyến thuộc, đến kín hết núi Kỳ-xà-quật, bao quanh khắp bốn mươi do-tuần và trên hư không, không còn chỗ hở; Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân… một lòng chắp tay cung kính Đức Như Lai.

Khi ấy, từ giữa hai chân mày, Đức Như Lai phóng ra một luồng hào quang lớn, chiếu khắp mười phương vô lượng thế giới; lại trở về đến chỗ Phật, nhiễu quanh bên hữu ba vòng, rồi thâu vào giữa hai chân mày. Cả trăm ngàn đại chúng, trước sau nhiễu quanh Đức Thế Tôn, cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi.

Phật bảo:

–Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Đông, có cõi Phật tên là Trang nghiêm, Đức Phật hiệu là Phổ Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Hiện đang ở đó nói chánh

pháp Nhất thừa cho các Đại Bồ-tát; cõi Phật đó còn không có tên Thanh văn, Bích-chi-phật, huống nữa lại có người tu pháp ấy; các chúng Bồ-tát đều không thoái chuyển đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chúng sinh ở cõi ấy không dựa vào sự ăn uống mà chỉ nhờ vào thiền định; ánh sáng của mặt trời, mặt trăng và sao đều không thể hiện, chỉ có hào quang của Đức Phật chiếu sáng cõi nước đó; không có các gò núi; đất đai bằng phẳng như lòng bàn tay.

Có một vị Bồ-tát tên là Ly Chướng cùng với trăm ngàn Bồ-tát đến chỗ Phật đó, trịch bày vai hữu, quỳ gối hữu, chắp tay đảnh lễ Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì có hào quang như vậy chiếu sáng cõi nước này. Khi đó Đức Phật Phổ Quang Như Lai bảo Đại Bồ-tát Ly Chướng:

–Này thiện nam! Cách đây mười hằng hà sa thế giới, về phương Tây, có cõi Phật tên là Ta-bà, Đức Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn đang muốn nói Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật cho bậc Đại Bồ-tát; do nhân duyên đó, nên Đức Phật phóng ra hào quang này.

Khi ấy Bồ-tát Ly Chướng bạch Phật:

–Con đang muốn đến cõi Ta-bà đảnh lễ, cung kính cúng dường Đức Thích-ca Như Lai để được nghe giảng chánh pháp.

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Nay chính là lúc!

Bấy giờ Bồ-tát Ly Chướng được sự cho phép của Đức Phật, liền cùng với vô lượng Bồ-tát và quyến thuộc đến núi Kỳ-xà-quật, ở cõi Ta-bà đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh bên hữu ba vòng, rồi ngồi qua một bên. Phật dạy:

–Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Nam, có cõi Phật tên là Thanh tịnh hoa, Đức Phật hiệu là Nhựt Quang đầy đủ mười danh hiệu, Bồ-tát tên Nhựt Tạng.

Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Tây, có cõi Phật tên là Bảo Hoa, Đức Phật hiệu là Công Đức Quang Minh, đầy đủ mười danh hiệu, Bồ-tát tên Công Đức Tạng.

Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Bắc, có cõi Phật tên là Thanh tịnh, Đức Phật hiệu là Tự Tại Vương, Bồ-tát tên là Quảng Văn.

Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Đông nam, có cõi Phật

tên là Hỏa diệm, Đức Phật hiệu là Cam Lộ Vương, Bồ-tát tên Bất Thoái Chuyển.

Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Tây nam, có cõi Phật tên là Công đức thanh tịnh, Đức Phật hiệu là Trí Cự, Bồ-tát tên là Đại Tuệ.

Cách đây mười hằng sa thế giới về phương Tây bắc, có cõi Phật tên là Duyệt ý, Đức Phật hiệu là Diệu Âm Vương, Bồ-tát tên là Công Đức Tụ.

Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Đông bắc, có cõi Phật tên là Tuệ trang nghiêm, Đức Phật hiệu là Trí Thượng, Bồ-tát tên là Thường Hỷ.

Cách đây mười hằng hà sa thế giới về phương Trên, có cõi Phật tên là Bất động, Đức Phật hiệu là Kim Cang Tướng, Bồ-tát tên là Bảo Tràng.

Cách đây mười hằng sa thế giới về phương Dưới, có cõi Phật tên là Nguyệt quang minh, Đức Phật hiệu là Kim Cang Bảo Trang Nghiêm Vương. Bồ-tát tên là Bảo Tín.

Bấy giờ trong đại chúng có một vị Thiên vương tên là Bát-bà-la, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu, quỳ gối hữu, chắp tay cúi đầu đảnh lễ, bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con nay muốn hỏi, nếu được Đức Thế Tôn cho phép con mới dám tỏ bày lòng nghi hoặc. Khi ấy Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri sẽ tùy theo chỗ nghi của ông hỏi mà giảng giải:

Thắng Thiên vương hớn hở vui mừng được điều chưa từng có, liền bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao bậc Đại Bồ-tát tu học chỉ một pháp mà thông suốt được tất cả pháp?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Lành thay, lành thay! Câu hỏi rất hay, ông hãy lắng nghe suy nghĩ kỹ; với câu hỏi của đại vương, ta sẽ phân biệt, giải thích rõ.

–Lành thay, thưa Thế Tôn, con xin muốn nghe!

Đức Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát tu học một pháp mà thông suốt tất cả pháp, đó có nghĩa là Bát-nhã ba-la-mật. Bậc Đại Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật thì có khả năng thông suốt được Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Tĩnh lự ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật, Phương tiện thiện xảo ba-la-mật, Nguyện ba-la-mật, Lực ba-la-

mật, Trí ba-la-mật.

Này đại vương! Vì sao Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật và thực hành Bố thí ba-la-mật? Vì Đại Bồ-tát, với tâm thanh tịnh, không có điều mong cầu; nói pháp cho người khác mà không cầu danh lợi, chỉ mong làm cho họ hết khổ; không thấy mình nói mà cũng chẳng thấy có người nghe, tự tánh xa lìa nên không hai không khác; đó gọi là Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật và thực hành Bố thí ba-la-mật.

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thực hành Bố thí ba-la-mật không sợ sệt, nên xem các chúng sinh như cha mẹ, anh em thân thiết, làm cho tất cả chúng đều thân cận, gần gũi nhau. Vì sao? Vì từ vô thỉ đến nay, bị trôi lăn trong sáu đường nhưng đều là những người thân thích của ta. Hoặc có chúng sinh ở nơi nguy hiểm sợ sệt, Đại Bồ-tát vẫn đem thân mạng này để cứu vớt cho họ thoát khỏi, chứ không phải gây thêm sợ hãi, không thấy ta bố thí vô úy; không thấy người nhận vì tự tánh xa lìa nên không hai, không khác.

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật, hành Bố thí ba-la-mật giúp đỡ chúng sinh; tùy theo chúng sinh cần vật lợi dưỡng gì, thì Đại Bồ-tát đều bố thí, làm cho họ thọ được mười điều thiện; cũng không thấy mình bố thí điều thiện và người khác nhận thí vì tự tánh xa lìa nên không hai, không khác.

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật. Hành Bố thí ba-la-mật không mong cầu quả báo; hễ khi thực hành bố thí thì không mong cầu quả báo, bởi pháp của Bồ-tát là như vậy; tự mình thực hành bố thí mà không hề thấy mình bố thí và không nghĩ đến quả báo bố thí vì tự tánh xa lìa nên cũng không hai, không khác.

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật với tâm đại Bi thực hành Bố thí ba-la-mật là thấy các chúng sinh nghèo cùng, già, bệnh, không người cứu giúp, nên sinh tâm đại Bi mà phát thệ nguyện: "Ta chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác sẽ làm nơi cho các chúng sinh trở về nương tựa, dùng ít căn lành để hồi hướng Bồ-đề, luôn vì chúng sinh nên không có phân biệt. Ta là người cứu độ và là người nhận cứu độ; tự tánh xa lìa, nên không hai không khác."

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật với lòng cung kính thực hành Bố thí ba-la-mật là nên tùy theo nhu cầu của người khác. Đại Bồ-tát tự mình lấy vật trao cho họ, nhưng không làm cho tâm cung kính của họ mệt mỏi, không thấy mình được cung kính và không thấy sự cung kính của người khác, nên tự tánh xa lìa không hai không khác.

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật với lòng tôn trọng thực hành Bố thí

ba-la-mật, nghĩa là đối với chúng sinh đều phát khởi tưởng đó như là Sư tăng hay Cha mẹ, mà đem lòng tôn trọng, chắp tay cung kính, nếu không có của cải để bố thí thì bằng lời nói tốt đẹp; không thấy mình là người tôn trọng và không thấy người khác được trọng, nên tự tánh xa lìa không hai không khác.

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật với lòng cúng dường thực hành Bố thí ba-la-mật, nghĩa là nếu thấy chùa tháp thì nên cúng dường hương hoa, đèn, dầu và lau chùi, hoặc thấy tôn tượng sứt bể, kinh điển rách nát thì nên sửa chữa tu bổ lại, nên cúng dường bốn việc cho chư Tăng; không thấy ta là người cúng dường và người nhận cúng dường, nên tự tánh xa lìa không hai không khác.

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật, hành Bố thí ba-la-mật không nương tựa, không suy nghĩ thế này: "Do việc bố thí này, nguyện được sinh lên cõi trời hoặc mong làm vua cõi trời, nguyện sinh làm người hoặc làm vua cõi người. Cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không mong giữ lấy vì vô sở đắc, cho nên gọi là Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thông suốt Bố thí ba-la-mật."

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật nên thực hành Trì giới ba-la-mật và phải suy nghĩ như thế này: "Đức Phật dạy Ba-la-đề-mộc-xoa trong A-hàm và trong Luật tạng, Đại Bồ-tát nên học, không thấy tướng của giới và mình được trì giới, lại cũng không chấp vào giới, chẳng chấp thấy có giới và người trì giới." Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật phải suy nghĩ như thế này: "Đạt được Chánh đẳng Chánh giác không chỉ trì giới mà được, mà phải nên học tất cả giới hạnh của Bồ-tát, vì tự tánh của giới thanh tịnh, vắng lặng, chẳng sanh, tự tánh xa lìa."

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật phải suy nghĩ thế này: "Vì sao trì giới diệt được phiền não? Vì ba thứ phiền não tham, sân, si lại chia làm ba bậc thượng, trung, hạ, cần phải biết cách đối trị. Người tham dục nhiều thì phải tu quán Bất tịnh, quán đầy đủ ba mươi sáu vật trong thân. Người nhiều sân hận thì phải tu quán Từ bi. Người nhiều ngu si thì phải tu quán Nhân duyên, không thấy pháp chủ thể quán và pháp đối tượng để quán vì tự tánh xa lìa, không hai không khác."

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật phải suy nghĩ như vầy: "Vì sao Đại Bồ-tát xa lìa sự suy nghĩ không chân chánh? Vì Đại Bồ-tát không phát sinh tâm đó. Ta thực hành tịch tĩnh, thực hành xa lìa, thực hành không; các Sa-môn, Bà-la-môn khác ở trong ồn náo, không thích thực hành hạnh không, không thấy có hai, không có khác; biết tự tánh xa lìa, liền tiêu diệt tà niệm."

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật, tuy biết xa lìa các pháp mà cũng phải sợ nghiệp tội thâm sâu. Như lời Phật dạy: Nên giữ gìn Tịnh giới và tu tập các công đức cho đến Bát-nhã ba-la-mật. Người ít thiện pháp hoặc không có thiện pháp thì không nên ở chung.

Đức Thế Tôn dạy:

–Giống như thuốc độc nhiều hay ít đều tai hại. Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thường sinh lòng lo sợ tin tưởng và thực hành hợp nhau. Đại Bồ-tát ở những nơi trống vắng, đi bộ một mình, không có bạn; nếu có Sa-môn, Bà-la-môn…, đem vàng bạc, lưu ly, trân châu, mã não, hổ phách, san hô, xa cừ, bạch ngọc gởi thì Bồ-tát không phát sinh tâm tham trước, không có tâm giữ lấy mà phải suy nghĩ thế này: "Đức Thế Tôn dạy, thà rằng tự cắt thịt mình mà ăn nhưng đối với của cải của người khác không cho, thì không được lấy."

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật, trì giới phải vững chắc; nếu ma và quyến thuộc của ma đem hình sắc xinh đẹp đến thử thách Bồ-tát thì tâm của vị ấy không lay động mà phải suy nghĩ như thế này: "Đức Thế Tôn dạy, tất cả các pháp như mộng huyễn, vì tự tánh xa lìa không hai không khác."

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật phải lo giữ gìn giới mà không mong cầu sinh làm người, làm trời hoặc làm vua cõi người cõi trời, thân lìa ba lỗi, miệng không còn bốn lỗi, ý khỏi ba tội; trì giới như vậy mà không thấy mình trì và không thấy giới tướng, tự tánh xa lìa, không hai, không khác. Đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thông suốt Trì giới ba-la-mật.

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật, nghĩa là Đại Bồ-tát với thâm tâm phải thường phát sinh nhẫn nhục, vì thế lo buồn phiền não đều không còn, cũng học pháp nhẫn nhục ở ngoại duyên là khi người khác đánh đập chửi mắng Bồ-tát cũng không sinh giận hờn. Đó là pháp nhẫn phải học.

Như lời dạy của Thế Tôn, tánh chân thật rất là sâu xa, không có người, không có pháp và không sinh tịch tĩnh, đó gọi là Niết-bàn. Nghe nói như vậy tâm không lo sợ mà phải suy nghĩ như thế này: "Không học pháp đó thì làm sao có thể chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; quán sâu xa ba độc như thế thì tham, sân do nơi nào phát sinh; nhân duyên nào sinh và nhân duyên nào diệt; quán sát như thế thì không thấy pháp sinh và pháp được sinh; không thấy pháp diệt và pháp bị diệt; tâm nhẫn nhục liên tục như vậy không dứt; ở trong sáu thời không có xen hở, không kịp chọn cảnh giới. Từ cha mẹ cho đến quốc vương, ta đều phải tu nhẫn nhục; ngoài ra nếu người khác dùng oai lực gây hại thì Bồ-tát thực hành nhẫn nhục, thì

nên đền đáp lại bằng ân đức, mà không vì việc danh lợi, nhân nghĩa, xấu hổ, sợ sệt…

Đại Bồ-tát hành nhẫn nhục, nghĩa là nếu có người đánh đập, chửi mắng, hãm hại rất thậm tệ nhưng tâm của Bồ-tát vẫn không lay động. Đại Bồ-tát nếu làm quốc vương, làm vua…, mà có người nghèo cùng chửi mắng, nhục mạ thì không cho rằng mình có uy quyền của pháp vương ra lệnh trừng trị mà phải suy nghĩ như thế này: "Ta từ xưa ở trước các Đức Thế Tôn thường phát đại thệ nguyện: Đối với tất cả chúng sinh, con đều cứu độ ra khỏi bể khổ, làm cho chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nay nếu sinh giận hờn thì trái với thệ nguyện. Giống như thầy thuốc phát thệ nguyện như thế này: Ở thế gian nếu có bệnh mù thì ta đều chữa hết, nhưng nếu mình cũng mù thì đâu chữa được bệnh cho người khác. Như vậy Bồ-tát muốn diệt trừ vô minh mê mờ cho chúng sinh mà từ khởi tâm sân hận thì đâu thể cứu giúp được họ." Cho nên không thấy mình nhẫn và người kia được mình nhẫn nên tự tánh xa lìa không hai, cũng không khác. Đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thấu đạt được Nhẫn nhục độ.

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật khi thực hành Tinh tấn ba-la-mật phải nên hiểu chưa diệt làm cho diệt, chưa độ làm cho độ, chưa giải thoát làm cho giải thoát, chưa an ổn làm cho được an ổn, chưa hiểu biết làm cho được hiểu biết; Bồ-tát khi thực hành tinh tấn như vậy, sẽ có ác ma làm trở ngại, nói với Bồ-tát rằng:

–Này thiện nam! Chớ tu pháp này, chịu khó uổng công. Vì sao? Vì ta khi xưa từng tu pháp này, do chưa diệt làm cho diệt, chưa độ làm cho độ, chưa giải thoát làm cho giải thoát, chưa an ổn làm cho được an ổn, chưa giác ngộ làm cho giác ngộ; chịu khổ uổng công như vậy không được lợi ích gì. Ta từ xưa đến nay đã thấy nhiều Bồ-tát tu học hạnh này đều thoái chuyển; ông hãy hồi tâm lại, giữ lấy thừa Thanh văn hay Bích-chi-phật mà tự diệt độ." Đại Bồ-tát liền hiểu biết ngay nên bảo ác ma, các ngươi hãy đi đi, tâm ta như kim cang, ngươi chẳng thể phá hoại, nếu ngươi làm trở ngại thì tự chuốc lấy tội khổ lâu dài; nghe vậy mà liền biến mất.

Nếu Bồ-tát nào, tu năm pháp Ba-la-mật mà chưa đắc được Bát-nhã ba-la-mật thì Đại Bồ-tát hành tinh tấn như vậy giả sử trải qua cả trăm ngàn kiếp cũng có thể vượt qua, huống nữa là thừa Thanh văn, Bích-chi-phật.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thành tựu được pháp của Phật nên các ác đều xa lìa, do vậy khi thực hành tinh tấn không vội vàng, cũng không chậm chạp phải phát thệ nguyện:

–Làm sao cho thân ta được như thân của Đức Thế Tôn; với lông trắng

giữa hai chân mày, trên đầu có nhục kế; Phật chuyển pháp luân ta cũng như vậy. Cũng như vàng ròng và các thứ báu tốt như ngọc dùng làm đồ trang hoàng thời có thể làm cho vật được nghiêm tịnh hơn. Bồ-tát hành tinh tấn cũng như vậy phải xa lìa cấu uế. Đó là sự lười biếng, buông lung và mỏi mệt suy nghĩ bất chinh tự chẳng hay biết. Lìa được các cấu uế này, liền được công đức, trí tuệ thanh tịnh và cùng với sự trang nghiêm sẽ làm cho thân không mỏi mệt, tâm không nhàm chán, buông lung; tất cả các pháp ác và bất thiện làm trở ngại Thánh đạo đều tiêu diệt, các pháp trợ đạo hướng đến Niết-bàn lại được tăng trưởng, vì thế chút ít việc ác còn không thể có, huống gì phát sinh nhiều điều ác. Giả sử mười phương hằng hà sa cõi mà trong đó đầy khắp lửa dữ như A-tỳ ngục. Nếu như ngoài thế giới này có một chúng sinh cần phải cứu độ, Đại Bồ-tát cũng không thể bỏ huống nữa là nhiều chúng sinh đang ở trong A-tỳ ngục. Phải suy nghĩ thế này: "Vô thượng Chánh giác không dễ chứng, Bồ-tát tu hành như cứu lửa cháy đầu, nên phải gánh vác; dù gánh nặng khó gánh đến trăm ngàn kiếp" và phải suy nghĩ như thế này: "Quá khứ, hiện tại chư Phật đều tu hạnh này mà thành tựu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta cũng nên tu tập chân chánh như vậy, thà trăm ngàn kiếp ở trong địa ngục để cứu độ chúng sinh, chớ hoàn toàn không lãng quên mà vội chứng Niết-bàn. Tinh tấn như thế thì tâm không tự cao đối với người không tinh tấn như mình; không thấy mình thực hành và pháp để thực hành, nên tự tánh xa lìa không hai không khác"; đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thông suốt được Tinh tấn độ.

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật, thực hành Thiền định ba-la-mật là gieo trồng những căn lành sâu xa đối với giáo pháp Đại thừa, đời đời tu tập diệu hạnh, gần gũi Thiện tri thức, không sinh nhà nghèo khổ, thường sinh vào các dòng họ lớn như Bà-la-môn, Sát-đế-lợi; lòng tin chân chánh đối với Tam bảo nên pháp lành được tăng trưởng và nhân nơi túc mạng, căn lành mà phải suy nghĩ như vầy: "Chúng sinh bởi do tham ái nên luân hồi mãi trong sáu đường, chịu đau khổ tiếp nhau không dứt; còn Đại Bồ-tát thì sinh tâm nhàm chán xa lìa vì biết nó từ giả dối, phân biệt mà có."

Trong kinh điển thường dùng mọi phương tiện để nói tai họa nguy hiểm của dục như giáo, như đao, như rắn, như bọt nước, xấu dơ không thanh tịnh, vô thường; người trí vì sao lại tham đắm pháp này? Nên cạo bỏ râu tóc xuất gia tu đạo. Chưa thấy làm cho thấy, chưa được làm cho được, chưa chứng làm cho chứng, nghe nói liền thọ trì hoặc là Thế tục đế hay Đệ nhất nghĩa đế, tu hành chân thật đúng như pháp đã quán sát, đó mới là chánh kiến; phân biệt chân chánh, tinh tấn chân chánh, nói năng chân chánh, việc

làm chân chánh, đời sống chân chánh, nhớ nghĩ chân chánh, thiền định chân chánh, xa lìa chỗ ồn ào, không cầu danh tiếng. Cung kính cúng dường, thâm tâm tinh tấn luôn luôn không dừng nghỉ và nên suy nghĩ tâm này nên thực hành cảnh giới nào, hoặc thiện, hoặc ác, hoặc cảnh giới vô ký.

Nếu thực hành cảnh giới thiện, siêng năng tinh tấn thì thiện căn được tăng trưởng, đem ba mươi bảy phẩm Trợ đạo đối trị các pháp ác bất thiện. Pháp ác bất thiện đó là tham, sân, si.

Tham dục có ba phẩm thượng, trung, hạ; người ở thượng phẩm khi nghe đến dục thì toàn thân rung động, tâm vui mừng rộn ràng, không thấy được lỗi của dục, không sinh lòng nhàm chán, không biết hổ thẹn.

Vì sao gọi là không hổ thẹn? Thường nghĩ đến cảnh dục đã từng trải qua, nhớ mãi không quên, chỉ thấy sự xinh đẹp mà không biết cái lỗi của nó. Nếu Cha mẹ hay bậc Tôn trưởng có quở trách về dục của họ thì trước mặt các Tôn trưởng ấy họ luôn luôn cãi lại, đó gọi là không hổ thẹn; người này sau khi chết sẽ sinh vào đường ác.

Người có tâm dục ở phẩm trung, nếu xa lìa cảnh dục thì không sinh tâm dục.

Người có tâm dục ở phẩm hạ, chỉ cùng nhau cười nói thì tình dục liền tiêu tan.

Sân cũng có ba phẩm. Sân phẩm thượng là nếu tức giận nổi lên thì tâm mê mờ, mắt trợn lên, hoặc tạo năm tội nghịch, hoặc hủy báng chánh pháp; những tội nặng ấy không bằng một phần trăm của tội ngũ nghịch.

Sân phẩm trung là do sân hận mà tạo ra các việc ác, nhưng liền sinh tâm hối cải.

Sân ở phẩm hạ là tâm không ngờ vực, không thù hận, chỉ có miệng quở trách hoặc hủy hoại rồi tùy theo đó sinh lòng hối cải lỗi lầm. Si cũng như vậy. Tuy quán như thế nhưng vẫn biết được tất cả pháp đều như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như thành Càn-thát-bà. Tất cả cái thấy được đều là giả dối, không thật và điên đảo. Cảnh giới bên ngoài nếu diệt thì trong tâm sẽ vắng lặng. Không thấy mình thực hành và pháp để thực hành nên tự tánh xa lìa, không hai, không khác. Đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thực hành thông suốt Thiền định ba-la-mật.

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật, thực hành Bát-nhã ba-la-mật là dùng trí tuệ chân chánh quán sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà không thấy sắc sinh ra, không thấy sắc hình hành, không thấy sắc mất. Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy. Vì sao? Vì tự tánh đều không, không có chân thật, chỉ là danh tự giả dối mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật là để

giáo hóa chúng sinh. Đối với họ hoàn toàn không thể nói không nghiệp, không quả báo. Bởi tất cả các pháp đều như mộng, như huyễn, không có mình không có người, không có chúng sinh, không có tuổi thọ, không có dưỡng dục nên nói có nghiệp, có quả báo.

Đại Bồ-tát tu và thực hành Bát-nhã ba-la-mật như thế, thì các ác ma không thể phá hoại được. Vì sao? Vì được gần gũi các bậc Thiện tri thức giúp đỡ thành tựu Bồ-đề, xa lìa pháp thế gian. Đối với chánh pháp thâm sâu của Như Lai dù là Thiên, Ma, Sa-môn, Bà-la-môn, trừ chánh trí của Phật, không kể hàng Bồ-tát đều phải vui mừng khen ngợi. Không thấy mình thực hành và pháp để thực hành, nên tự tánh xa lìa không hai, không khác, đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thấu rõ Trí tuệ ba-la-mật.

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật, thực hành phương tiện thiện xảo sẽ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hoặc ngày đêm sáu thời đem hoa quả cúng dường chư Phật và chúng Bồ-tát. Dùng căn lành này mà hồi hướng Bồ-đề; cây hoa, cây quả cũng như vậy; hoặc nghe trong kinh, Đức Như Lai nói nghĩa lý sâu xa rồi tin tưởng, ưa thích, thọ trì. Rồi vì chúng sinh mà giảng nói, dùng căn lành này hồi hướng Bồ-đề. Hoặc thấy tháp miếu ảnh tượng của Như Lai đem hương hoa cúng dường; hoặc làm cho chúng sinh xa lìa việc phá giới, để được giới hương thanh tịnh của Như Lai; hoặc lau chùi vọng nghiệp làm cho chúng sinh oai nghi đoan chánh; dùng lọng hoa che chở, làm cho chúng sinh đều xa lìa sự nóng bức của phiền não và khi vào trong Tăng-già-lam thì nguyện cho các chúng sinh đều vào Niết-bàn; hoặc ra khỏi già-lam thì nguyện cho các chúng sinh ra khỏi cảnh giới ngạ quỷ; mở cửa già-lam phát nguyện như vầy: "Dùng trí tuệ xuất thế mở cánh cửa chưa mở cho chúng sinh; hoặc thấy cửa đóng, nguyện vì các chúng sinh mà đóng cửa ác thú và ba cõi."

Khi ngồi nghĩ rằng: "Nguyện cho chúng sinh ngồi tòa Bồ-đề"; khi nằm nghiêng bên phải: "Nguyện cho chúng sinh đều đắc quả Niết-bàn"; ngồi dậy thì nghĩ rằng: "Nguyện cho chúng sinh phát khởi sự xa lìa các mê hoặc"; hoặc lúc rửa chân: "Nguyện cho chúng sinh xa lìa các phiền não"; lễ Phật hoặc nhiễu tháp: "Nguyện cho chúng sinh thành bậc thầy của trời người"; hoặc có ngoại đạo tà kiến khó giáo hóa, liền nghĩ rằng: "Ta mà làm thầy người kia ắt không tin được hay là làm vị đồng học hoặc làm đệ tử, tuy ở chung với họ nhưng giới hạnh và tài đa văn hơn hẳn ngoại đạo, nhờ đó mà điều phục được họ và được họ tôn trọng làm thầy; lời nói ra được tin tưởng thọ trì, nên sẽ phá hủy được pháp tà mà nói pháp Niết-bàn cho họ, làm cho người học được chánh pháp, tấn tu phạm hạnh và nhờ thiền định

Tam-muội nên được các thần thông.”

Hoặc thấy người đa dục thì hóa làm người nữ rất là xinh đẹp, khiến cho người kia yêu mến không thôi, trong chốc lát hiển bày vô thường làm cho nhan sắc biến đổi sình lên, rã nát, thối tha, khiến cho người đa dục kia gớm ghét, sinh tâm nhàm chán xa lìa; bấy giờ liền trở lại thân Bồ-tát mà vì họ nói pháp, làm cho họ phát tâm Chánh đẳng Chánh giác, thành tựu được quả vị Vô thượng.

Hoặc thấy người Đại thừa, xa lìa Thiện tri thức, học pháp Nhị thừa không chứng quả Vô thượng, lại vứt bỏ Đại thừa, thì nên quán căn tánh của người đó, mà vì họ nói pháp làm cho thâm nhập vào đạo Vô thượng; người chưa phát tâm làm cho họ phát tâm, người đã phát tâm dạy cho họ làm tâm được vững chắc.

Hoặc thấy người trì giới, phạm chút ít tội nhỏ mà không biết sám hối, lười biếng thoái lui, lại ưu sầu không tiếp tục tu tập liền nói cho họ pháp sám hối đối trị sẽ làm họ tinh tấn trên đường đạo. Đại Bồ-tát ít muốn, biết đủ, chỉ mong được lợi ích của giáo pháp và nên nói pháp cúng dường Như Lai cho chúng sinh. Thành tựu được sáu pháp Ba-la-mật rồi thuyết pháp cúng dường. Đó gọi là Bố thí ba-la-mật.

Thực hành không trái với lời nói đó gọi là Trì giới ba-la-mật. Hoặc trời, hoặc ma không thể phá hoại não loạn thì gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật. Tâm tâm liên tục không biết mỏi mệt đó gọi là Tinh tấn ba-la-mật. Chuyên tâm nhất niệm, không duyên vào cảnh giới khác, đó gọi là Thiền định ba-la-mật. Nói pháp cúng dường không thấy ta và pháp của ta đó gọi là Bát-nhã ba-la-mật. Không thấy ta thực hành và pháp được thực hành, nên tự tánh xa lìa, không hai, không khác. Đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thấu rõ được Phương tiện thiện xảo ba-la-mật.

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật, thực hành Nguyện ba-la-mật, nghĩa là Bồ-tát phát nguyện không vì sự vui thích xa lìa ba cõi mà cầu đạo Nhị thừa mà phải phát lời thệ nguyện rộng lớn: “Mong tất cả chúng sinh và làm cho chúng sinh đều vào Niết-bàn. Sau đó thân ta mới thành tựu Chánh đẳng Chánh giác. Người chưa phát tâm làm cho họ phát tâm, người đã phát tâm chỉ dạy cho họ tu hành, người đã tu hành trợ giúp cho họ đắc quả Bồ-đề và người đắc quả Bồ-đề liền thỉnh họ chuyển pháp luân, cho đến việc phân chia xá-lợi xây tháp cúng dường.”

Lại phát nguyện: “Nếu thế giới nào có chư Phật thành đạo thì không có Thiên ma, nguyện đem trí tuệ của mình phát tâm vô thượng, không nhờ duyên bên ngoài.” Lại nguyện thân ta thường ở thế gian để làm cho tất cả

chúng sinh thành tựu. Nguyện các Bồ-tát mới phát tâm… Nếu nghe Như Lai nói pháp sâu xa thì tâm không khiếp sợ. Phật đạo vô biên, cảnh giới Phật cũng vô biên, đại Bi cũng vô biên, nguyện cho các chúng sinh đều được thấu rõ. Lại nguyện thân ta thường sinh trong cõi uế trược, không sinh ở cõi thanh tịnh. Vì sao? Vì ví như người bệnh thì mới cần thầy thuốc, người không bệnh thì không cần. Không thấy ta là người thực hành và pháp được thực hành, nên tự tánh xa lìa, không hai, không khác. Đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thấu rõ Nguyện ba-la-mật.

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật, thực hành Lực ba-la-mật. Nghĩa là Bồ-tát hàng phục Thiên ma, đánh tan ngoại đạo vì đầy đủ sức trí tuệ công đức, tu hành, chứng đắc tất cả Phật pháp, vận sức thần thông lấy một sợi tóc nhấc cả cõi Diêm-phù-đề lên và cả bốn thiên hạ, tam thiên đại thiên thế giới cho đến vô lượng trăm ngàn thế giới, ở trong không trung lấy các thứ của báu bố thí cho chúng sinh. Chư Phật thuyết pháp ở vô lượng, vô biên thế giới mười phương Bồ-tát đều lắng nghe và thọ trì không thấy ta là người thực hành và pháp được thực hành, vì tự xa lìa, không hai không khác. Đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thấu rõ Lực ba-la-mật.

Này đại vương! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật, thực hành Trí ba-la-mật, nghĩa là Đại Bồ-tát đó quán năm ấm: sinh không thấy thật sinh, diệt cũng chẳng thật diệt mà phải suy nghĩ như vầy: "Năm ấm này là không, không có ta, không có người…, không có chúng sinh, không có thọ mạng, không có nuôi dưỡng. Phàm phu chúng sinh do ảo vọng chấp trước vào ngã. Năm ấm chẳng phải ngã, trong năm ấm cũng không có ngã, ngã chẳng phải năm ấm, trong ngã không có năm ấm. Phàm phu ngu mê, không biết chân thật nên cứ luân hồi mãi trong sinh tử, như vòng lửa quay. Tất cả các pháp tự tánh vốn không, nên không có sinh, cũng không có diệt. Chỉ có duyên hợp gọi là sinh, duyên phân tán gọi là diệt. Vì tự tánh chẳng phải không, cho nên không sinh; tự tánh chẳng phải có, cho nên không diệt."

Đại Bồ-tát đối với tất cả cảnh giới, không có một pháp nào mà không thấu rõ. Bởi thế, tu hành Bát-nhã ba-la-mật nên hàng Nhị thừa, ngoại đạo không thể lấn áp; do dùng trí quán sát, nên từ lúc phát tâm, cho đến khi vào Niết-bàn, thấy đều rõ ràng. Có thể dùng một pháp mà biết tất cả cảnh giới; tất cả cảnh giới cũng tức là một pháp. Vì sao? Vì nhất nhất đều như nhau đều là một; cho nên không thấy ta là người tu và pháp được tu, nên tự tánh xa lìa, không hai, không khác. Đó gọi là Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thấu rõ Trí ba-la-mật.

-oOo-

Phẩm 2: Hiển Tướng

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu, gối hữu quỳ sát đất, chắp tay đảnh lễ, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật ấy rất thâm sâu thì tướng của Bát-nhã ba-la-mật đó như thế nào?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Như tướng đất, nước, gió, lửa; tướng của Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tướng của đất?

Phật bảo:

–Nó rộng lớn cùng khắp khó có thể đo lường, gọi là tướng đất. Tướng Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như thế. Vì sao? Vì như vậy nó rộng lớn khắp nơi khó có thể nghĩ lường.

Này đại vương! Tất cả dược thảo đều nương vào đất mà phát sinh thì tất cả pháp lành cũng đều nương vào Bát-nhã ba-la-mật mà phát sinh.

Như đất không vui khi tăng, không buồn khi giảm, vì xa lìa ngã và ngã sở nên không có hai tướng Bát-nhã ba-la-mật cũng như thế, khen ngợi không tăng, hủy báng cũng không giảm, vì xa lìa ngã và ngã sở, nên không có hai tướng. Cho nên ở thế gian, việc đi lại nhấc chân lên, thả chân xuống đều nương vào đất; giống như cầu thiện đạo để đi đến Niết-bàn cũng phải nương vào Bát-nhã ba-la-mật.

Lại như tất cả của báu đều có từ lòng đất Bát-nhã ba-la-mật cũng vậy nó sinh ra tất cả các loại công đức ở thế gian.

Lại như đất rộng có tất cả côn trùng và các khổ, nhưng không làm lay động mặt đất; Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, lìa ngã và ngã sở cũng không thể lay động.

Lại như mặt đất nếu như nghe tiếng của sư tử, rồng, voi thì hoàn toàn không khiếp sợ. Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, không sợ sệt Thiên ma ngoại đạo. Vì sao? Vì tự tánh vốn không nên không thấy có người, không thấy có pháp.

Lại như nước từ trên cao chảy xuống, tất cả thiện pháp cũng đều hướng đến Bát-nhã ba-la-mật.

Lại như nước, thấm nhuần cỏ cây để sinh ra hoa quả. Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy thấm nhuần Tam-muội và sinh các pháp trợ đạo, thành

tựu cây Nhất thiết trí và được quả Phật pháp, làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Lại như nước làm xói mòn gốc rễ có thể làm cây cỏ nghiêng ngã và cuống theo dòng nước. Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, tất cả gốc ngọn của các kiến chấp, phiền não, tập khí đều tiêu diệt vĩnh viễn, không cho phát sinh lại.

Lại như nước, tánh căn bản của nó là trong sạch, không dơ, nhớp. Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như vậy, thể của nó không có phiền não, nên gọi là thanh tịnh; xa lìa các mê hoặc nên gọi là không dơ, một tướng chẳng khác nên gọi là không nhớp.

Như mùa hạ nóng nực, người được nước mát nên cái nóng đó sẽ giảm đi. Như chúng sinh bị nhiệt não, khi nghe Bát-nhã ba-la-mật liền được mát mẻ.

Như người bị khát uống nước thì hết khát. Người cầu pháp xuất thế tìm được Bát-nhã ba-la-mật thì mong muốn thỏa mãn.

Lại như suối sâu khó lội Bát-nhã ba-la-mật và cảnh giới chư Phật cũng rất thâm sâu, khó vào như vậy.

Lại như nước trong hồ, trong ao đều bình đẳng, Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, tất cả phàm phu, Thanh văn, Bích-chi-phật tất cả đều bình đẳng.

Lại như nước, có thể làm cho mặt đất được sạch sẽ Đại Bồ-tát thấu rõ Bát-nhã ba-la-mật nên xa lìa các phiền não mà được thanh tịnh. Vì sao? Vì tự tánh vốn thanh tịnh, xa lìa các mê hoặc.

Lại như lửa có thể đốt cháy tất cả các loài cỏ cây nhưng không hề suy nghĩ thế này: "Ta có thể đốt cháy vật." Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, có thể diệt tất cả phiền não, tập khí nhưng cũng không nghĩ: "Ta có thể diệt trừ."

Lại ví như lửa có thể làm chín tất cả vật thì Bát-nhã ba-la-mật cũng có thể thành tựu được tất cả Phật pháp.

Ví như lửa đều có thể làm khô cạn tất cả vật ẩm ướt. Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, làm khô dòng hữu lậu, không sinh lại nữa.

Giả sử đống lửa ở trên đỉnh núi tuyết, cách một do-tuần hay mười do-tuần đều chiếu sáng đến mọi nơi được mà cũng không nghĩ là ta có thể chiếu xa. Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, đều chiếu được cho Thanh văn, Duyên giác và cả Bồ-tát mà cũng không suy nghĩ như vầy: "Ta chiếu được những nơi đó."

Như loài cầm thú, ban đêm thấy lửa sáng khiếp sợ tránh xa. Hàng phàm phu bạc phước và cả hàng Nhị thừa nếu nghe Bát-nhã ba-la-mật cũng khiếp sợ lìa bỏ. Nghe đến tên Bát-nhã ba-la-mật còn khó, huống nữa lại tu học.

Ví như đêm tối, đi xa bị lạc đường, nếu thấy lửa sáng liền vui mừng, biết có làng xóm nên mau tìm đến, đến nơi thì được an ổn và không còn sợ hãi. Biển sanh tử mênh mông, người có phước đức nếu nghe được Bát-nhã ba-la-mật thì lòng rất vui mừng liền quay về thọ trì, nên tâm được an vui, vĩnh viễn xa lìa phiền não.

Như lửa của người sang hay hèn trong thế gian này đều như nhau. Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, là phàm hay Thánh đều có.

Như Bà-la-môn, Sát-đế-lợi đều cúng dường lửa. Chư Phật, Bồ-tát đều cúng dường Bát-nhã ba-la-mật.

Như ngọn lửa nhỏ có thể đốt cháy tam thiên đại thiên thế giới. Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, nếu nghe và hiểu biết một câu có thể đốt cháy vô lượng phiền não.

Này đại vương! Bát-nhã ba-la-mật xa lìa cấu, không chấp trước, vắng lặng, không biên giới. Vô biên trí sẽ nhanh chóng đạt đến Pháp tánh, giống như hư không, tánh của nó vốn không có chỗ trụ xa lìa tướng của cảnh giới sẽ vượt qua các giác, quán. Tâm và tâm sở pháp không có sự phân biệt, không sinh, không diệt, nên tự tánh là xa lìa.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật là làm lợi ích cho chúng sinh ở thế gian, giống như mặt trời, mặt trăng, tất cả đều thọ dụng.

Ví như mặt trăng, có thể trừ được sức nóng. Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, có thể trừ sức nóng độc hại của phiền não.

Ví như ở thế gian, vui mừng khi thấy được mặt trăng. Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, tất cả Thánh nhân đều thấy vui mừng khi đạt được.

Lại như đầu tháng, mỗi ngày mặt trăng lớn dần. Đại Bồ-tát gần gũi Bát-nhã ba-la-mật cũng lần lần tăng trưởng, từ lúc phát tâm cho đến Vô thượng Bồ-đề. Trăng khuyết ngày càng tròn sáng. Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật thì phiền não kết sử dần dần bị tiêu diệt.

Như mặt trăng ở thế gian đều được Bà-la-môn, Sát-đế-lợi khen ngợi. Nếu thiện nam, thiện nữ nào gần gũi Bát-nhã ba-la-mật thì tất cả Trời, Người, A-tu-la trong thế gian đều tỏ bày sự khen ngợi.

Như mặt trăng đi khắp bốn phương thiên hạ, Bát-nhã ba-la-mật cũng

như vậy; hoặc là sắc, hoặc là tâm không nơi nào mà không tới cùng.

Như mặt trăng ở thế gian thường được coi là trang nhã, xinh đẹp, Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, tự tánh của nó cũng là trang nghiêm. Vì sao? Vì không sinh, không diệt, tánh vốn thanh tịnh, cùng khắp tất cả pháp tự tánh là xa lìa.

Lại như mặt trời ở thế gian, phá tan tất cả bóng tối mà không nghĩ là ta có thể phá tan bóng tối. Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, có thể phá tan tất cả phiền não từ vô thỉ, mà cũng không nghĩ là ta phá được phiền não.

Như mặt trời làm cho hoa sen nở, mà cũng không nghĩ rằng ta làm cho hoa sen nở. Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, có thể chỉ bày đạo Bồ-tát mà cũng không nghĩ như thế.

Ví như mặt trời chiếu sáng khắp mười phương mà cũng không nghĩ rằng ta có thể chiếu khắp, Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, có thể chiếu vô biên mà không có tướng chiếu.

Như thấy phương Đông hừng đỏ, thời biết không bao lâu mặt trời sẽ mọc; hoặc được nghe Bát-nhã ba-la-mật thì biết được còn cách Phật không xa.

Như người cõi Diêm-phù-đề, nếu thấy mặt trời mọc thì rất vui mừng; nếu trong thế gian, có danh tự của Bát-nhã ba-la-mật thì tất cả Thánh nhân đều rất vui mừng.

Lại như mặt trời xuất hiện thì ánh sáng của mặt trăng và sao đều không hiện; Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì đức của hàng Nhị thừa và ngoại đạo cũng không hiện.

Như mặt trời mọc lên, thì thấy được chỗ cao, thấp, chỗ hầm hố; Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì ở thế gian mới biết được con đường chánh hay tà. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật, tự tướng bình đẳng không sinh, không diệt, tánh ấy là xa lìa vậy.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật là tu tập nhiều hạnh không, không có chỗ trụ không chấp trước, tu đạo xa lìa chướng ngại; xa bạn ác tri thức, gần gũi chư Phật; tâm niệm Phật liên tục không dứt; tùy thuận theo pháp giới thấu rõ sự bình đẳng; dùng thần thông dạo chơi các cảnh giới ở mười phương nhưng ở cảnh giới của mình thì hoàn toàn không chút lay động, thấy các Phật pháp, như hiện rõ trước mặt.

Tuy sống ở đời mà không bị pháp thế gian làm ô nhiễm, giống như hoa sen ở trong bùn, Đại Bồ-tát tuy ở trong sinh tử, nhưng nhờ sức phương tiện của Bát-nhã ba-la-mật nên không ô nhiễm. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật không sinh, không diệt, tướng của nó bình đẳng và tánh ấy xa lìa nên

không thấy, không chấp.

Như hoa sen không bị dính nước, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, không bị vướng mắc vào một ác pháp nào cả.

Ví như chỗ ở của hoa sen đều có mùi hương; Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật dầu ở thành ấp, xóm làng, cõi trời, cõi người cùng đều đầy đủ giới hương.

Như hoa sen thể tánh vốn thanh tịnh, nên Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Trưởng giả, Cư sĩ rất quý trọng, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật được Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân…, cùng Bồ-tát và chư Phật yêu mến, cung kính.

Như hoa sen lúc mới chớm nở, có thể làm cho tâm mọi người đều vui, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật nét mặt luôn luôn vui vẻ, không nhăn nhó buồn rầu, để làm cho chúng sinh vui vẻ.

Lại như người ở đời trong mộng thấy hoa sen cũng cho đó là điềm lành; tất cả trời, người, cho đến trong mộng nếu nghe hoặc thấy Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật cũng cho là điềm lành huống chi là được thấy.

Như hoa sen lúc mới nở thì được người, cùng loài chẳng phải người giữ gìn quý mến, Đại Bồ-tát mới học Bát-nhã ba-la-mật được chư Phật, Bồ-tát, Đế Thích, Phạm vương, chư Thiên hộ vệ. Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật khởi tâm nghĩ như vầy: "Phải như lý mà thông suốt các pháp Ba-la-mật, ngồi dưới cội Bồ-đề, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đầy đủ pháp Phật truyền bá chánh pháp, chuyển pháp luân giáo hóa chúng sinh. Vì ở thế gian, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên ma, Đế Thích, Phạm vương đều không thể truyền bá chánh pháp." Đại Bồ-tát hóa độ tất cả chúng sinh ở vô biên thế giới khắp mười phương; bình đẳng cứu độ tất cả thoát khỏi biển sinh tử và đều an trú trong Bát-nhã ba-la-mật. Người không chỗ quay về nương tựa, không được cứu hộ thì làm chỗ quay về nương tựa cho họ. Người muốn thấy Phật vì họ thuyết pháp như tiếng rống sư tử để chỉ bày; dùng thần thông dạo chơi, khen ngợi công đức của Phật và làm cho chúng sinh thỏa lòng ngưỡng mộ. Tâm họ thanh tịnh không đổi dời, ý không dua nịnh do vậy mà xa lìa được tà niệm. Nghĩa là không nghĩ pháp Thanh văn, Bích-chi-phật dứt được các cấu uế và phiền não, không cho phát sinh lại. Thân không làm việc sai trái nên xa lìa oai nghi tà. Miệng nói chân thật, không nói xảo trá; nhận ân thường biết ân, dẫu ân nhỏ cũng đáp đền lớn; tâm không ôm ấp giận hờn; miệng thường nói dịu dàng. Tâm tu tập như vậy là tâm thanh tịnh thì không thể bị làm ô nhiễm, nên tự tánh xa lìa không

hai không khác.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tin được ba loại thanh tịnh của Như Lai và nghĩ thế này: "Khế kinh nói Pháp thân của Như Lai là thân tịch tĩnh, thân không gì sánh bằng, thân vô lượng, thân bất cộng, thân kim cang; tâm đã quyết định tin tưởng chắc chắn không nghi ngờ." Đây gọi là tin vào thân thanh tịnh của Như Lai.

Lại suy nghĩ nữa: "Kinh nói miệng của Như Lai vốn thanh tịnh luôn vì phàm phu mà thọ ký cho; làm Phật cũng vì Bồ-tát mà thọ ký để được thành Phật." Tin lời nói như vậy thì không sai trái nhau. Vì Như Lai vĩnh viễn xa lìa tất cả lỗi lầm, không có các cấu uế, thanh tịnh vắng lặng, không có phiền não; hoặc Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm vương không có thể tìm được lỗi lầm từ miệng Như Lai. Đó là tin vào miệng thanh tịnh của Như Lai.

Lại nữa, kinh nói ý của Như Lai thanh tịnh là chư Phật Thế Tôn hay nghĩ đến việc gì thì hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát và tất cả trời, người đều không thể biết được. Vì sao? Vì tâm Như Lai sâu xa khó hiểu, chẳng phải cảnh giới nghĩ lường, xa lìa các giác quán, không có hạn lượng, đồng như cảnh giới của hư không; tin như vậy thì biết được tâm không nghi hoặc, ngăn ngại. Đó gọi là tin vào ý thanh tịnh của Như Lai.

Lại nữa, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật nghĩ như vầy: "Như lời Phật dạy, Đại Bồ-tát vì các chúng sinh không sợ hãi, không mỏi mệt, gánh vác việc lớn mà tâm đó vẫn kiên cố, không thoái chuyển và lần lần tu tập các pháp Ba-la-mật, thành tựu Phật pháp không còn chướng ngại." Pháp đó là vô biên, là vô đẳng, là bất cộng. Lời nói quyết định, tính dũng mãnh, nên thành tựu được sự việc rộng lớn của Như Lai. Đại Bồ-tát ở trong việc đó không nghi, không mê; lòng tin nhận việc đó rất thâm sâu.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nên suy nghĩ như vầy: "Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, khi ngồi trong đạo tràng, có thể chứng được vô ngại thanh tịnh, Thiên nhĩ, Thiên nhãn, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Lậu tận trí. Trong một niệm, thấu rõ trí bình đẳng của ba đời; quan sát chân thật tất cả thế gian, các chúng sinh này đều có thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác; hủy báng Thánh nhân, có tà kiến tạo nghiệp; khi thân hoại, mạng chung sẽ đọa vào đường ác. Nếu chúng sinh này, đều có thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, không hủy báng Thánh nhân, có chánh kiến chánh nghiệp; sau khi chết sẽ sinh vào cảnh giới thiện." Quán sát chân thật cảnh giới của chúng sinh, rồi nghĩ như vầy: "Xưa kia ta phát nguyện thực hành Bồ-tát đạo, tự giác, giác tha nguyện này đầy

đủ.” Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật đối với việc này không nghi không ngờ nên tin thọ chân thật.

Này đại vương! Nơi Bồ-tát thành Phật gọi là giáo xứ, tự giác ngộ gọi là Chánh giác, thành tựu cho chúng sinh gọi là Chánh biến giác.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy nên tin biết là Như Lai sẽ xuất hiện ở đời.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, khi nói pháp Nhất thừa thì liền tin nhận. Vì lời nói chư Phật chân thật, không giả dối. Tất cả các thừa đều từ Phật thừa mà sinh ra. Như cõi Diêm-phù-đề, tất cả các thành ấp, xóm làng, tên thì khác nhưng đều thuộc một châu này. Như vậy các thừa tuy có nhiều tên nhưng đều thuộc về Phật thừa. Lại nghĩ như vầy: “Như Lai, Thế Tôn dùng phương tiện thiện xảo, nói tất cả pháp đều chân thật, không giả dối. Vì Đức Thế Tôn nói pháp tùy theo căn tánh của chúng sinh, cho nên phân biệt có ba thừa nhưng thật sự chỉ có một đạo.”

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật phải nghĩ thế này: “Đức Như Lai thuyết pháp, âm thanh rất sâu xa chân thật không hư dối, vì Phạm thiên, Đế Thích… nhờ có chút ít công đức cũng có được âm thanh sâu xa, huống chi là Đức Như Lai đã chứa nhóm công đức từ vô lượng ức kiếp.”

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, lại phải nghĩ như thế này: Như Lai nói pháp không trái với các căn, các hạng thượng, trung, hạ đều làm cho thành tựu. Các chúng sinh đều cho rằng được Phật nói riêng cho mình; nhưng chư Phật từ xưa đến nay không nói, không chỉ bày, nên Đại Bồ-tát đối với các sự việc như thế không còn nghi, mà lại tin hiểu ngay.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tâm được vi tế nên suy nghĩ như thế này: “Thế gian như đống lửa lớn cháy mạnh. Đó là lửa tham dục, khói tức giận, bóng đen ngu si. Làm sao khiến cho tất cả chúng sinh phải đều xa lìa; hoặc có thể làm cho thông suốt các pháp bình đẳng, gọi là xuất ly để như thật biết các pháp, giống như huyễn tướng; phải khéo quán sát nhân duyên để khỏi phân biệt.”

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nên nghĩ như thế này: “Pháp vốn không mà lại có nghiệp báo; phàm lời của chư Phật Bồ-tát nói ra, ta biết ý đó; đã biết ý rồi, thì suy tư về nghĩa; đã suy tư về nghĩa rồi, tức thấy chân thật; thấy chân thật rồi, liền cứu độ chúng sinh.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật là dùng phương tiện thiện xảo, nói pháp cho chúng sinh; nghĩa là các pháp thảy đều không ngã, không chúng sinh, không dưỡng dục, không người, không tạo tác, không người hiểu, không người sinh, không người thấy, vô sở hữu

không, chẳng phải tánh tự tại, mà chỉ do hư vọng và phân biệt, hòa hợp sinh ra.

Này đại vương! Nếu nói các pháp đều không ngã, cho đến không người thấy là đúng lý; nói không, vì không sở hữu cho đến duyên sinh cũng lại như vậy.

Này đại vương! Người muốn nói pháp ấy phải tùy thuận theo pháp tướng đó, gọi là xứng lý, không trái pháp tướng. Lý cùng với pháp tương ưng, nên được vào bình đẳng nghĩa lý sẽ hiển hiện, nên gọi là khéo thuyết pháp.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật sẽ đạt được biện tài vô ngại. Nghĩa là tài biện luận không có chấp trước, tài biện luận không cùng tận, tài biện luận không đoạn dứt, tài biện luận liên tục, tài biện luận không khiếp nhược, tài biện luận không kinh sợ, tài biện luận bất cộng, tài biện luận trời, người đều tôn trọng, tài biện luận vô biên.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật sẽ được tài biện luận thanh tịnh. Nghĩa là tài biện luận không kêu la quát mắng, tài biện luận không mê hoặc não loạn, tài biện luận không sợ sệt, tài biện luận không cao mạng, tài biện luận nghĩa lý đầy đủ, tài biện luận ý vị đầy đủ, tài biện luận thông suốt, tài biện luận đúng thời tiết.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, vì xa sự sợ hãi oai đức của đại chúng, nên không kêu la quát mắng. Nhờ trí tuệ vững trụ, không khiếp sợ, nên không mê loạn. Bồ-tát ở giữa mọi người như vua sư tử, nên không sợ sệt, xa lìa các phiền não, nên không cống cao ngã mạng không nói vô nghĩa; thấu rõ pháp tướng nên nghĩa lý đầy đủ. Khéo hiểu rõ ràng về văn tự thơ luận của thế gian trí nên ý vị đầy đủ. Từ vô lượng kiếp đến nay khéo học tập tiếng địa phương nên mới thông suốt như vậy.

Khi nói pháp này phải tùy theo bốn mùa; như mùa xuân thì nói mùa xuân; hạ, thu, đông cũng như vậy. Việc gì nói trước thì không nên nói giữa và sau; việc gì nói sau thì không nên nói trước và giữa; việc gì nói giữa thì không nên nói trước và sau, phải khéo biết thời.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, sẽ được tài biện luận, làm cho chúng sinh vui mừng. Nghĩa là nói phải dịu dàng, nét mặt luôn vui vẻ không có buồn rầu, nhăn nhó; nói ra lời nào đều có ý nghĩa; nên được gọi là lời nói chân thật, nhất định không lừa dối, lấn áp người. Những lời nói vui vẻ và nhu hòa sẽ làm cho mọi người vui mừng. Sắc mặt khoan thai hòa nhã khiến người khác càng muốn thân cận. Tùy người nghe mà nói nghĩa để cho họ tự hiểu lấy; thuyết giảng đúng pháp vì làm lợi ích,

bình đẳng thuyết giảng bằng cái tâm không biết thiên lệch, bè đảng. Phải nói những lời chắc chắn không hư vọng. Những điều gì được nói ra cũng tùy theo căn tánh của chúng sinh làm cho họ được hoan hỷ.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật sẽ thành tựu oai đức rất lớn. Vì sao? Vì chẳng phải là người có khả năng thì không thể nghe được.

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, thì tự tánh bình đẳng; vì sao lại không nói cho người chẳng có khả năng?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Bát-nhã ba-la-mật tự tánh vốn bình đẳng; không thấy người có tài năng, không thấy người chẳng có tài năng; không thấy người thuyết và pháp được thuyết chúng sinh là hư vọng, thấy và nói đều chẳng nói được. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật không sinh, không diệt; không có tướng phân biệt; giống như hư không biến khắp tất cả; chúng sinh cũng như vậy không sinh, không diệt; hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát và Phật cũng như vậy. Không có pháp danh tự, mà giả lập có danh tự; gọi là chúng sinh, gọi là trí tuệ, gọi có người nói, gọi có pháp bị nói, gọi có người nghe. Trong đệ nhất đồng là một tướng; đó gọi là vô tướng.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, oai đức rất lớn nên không phải là người có khả năng thì không thể nghe được.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật; không nói cho chúng sinh không có khả năng; không nói cho ngoại đạo; không nói cho người không tôn trọng; không nói cho người không tin chân chánh; không nói cho người cầu pháp mua bán; không nói cho người tham lam lợi dưỡng; không nói cho người ganh ghét; không nói cho người mù, điếc, câm, ngọng. Vì sao? Vì khi Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tâm không keo kiệt, không giấu giếm pháp sâu xa; chẳng phải đối với chúng sinh, không có lòng Từ bi mà cũng không bỏ chúng sinh. Do chúng sinh trồng nhiều căn lành ở đời quá khứ nên thấy được Như Lai và nghe chánh pháp. Chư Phật Như Lai vốn đã không nói là tâm này hay tâm kia; chỉ vì người có nghiệp chướng nặng nên tuy ở gần mà không thấy không nghe.

Khi ấy Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Những chúng sinh nào chịu nghe chư Phật và Bồ-tát nói pháp?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Người đủ niềm tin chân chánh, chư Phật và Bồ-tát sẽ nói pháp cho họ; người căn tánh thuần thục thì cho là pháp khí, ở chỗ chư Phật thời quá khứ, đã trồng các căn lành nên tâm không dua nịnh; oai nghi tề chỉnh; không mong danh lợi, gần gũi bạn lành; người căn tánh lanh lợi, nói văn hiểu nghĩa, vì pháp tinh tấn không trái lời Phật dạy.

Này đại vương! Chư Phật, Bồ-tát nói pháp cho những chúng sinh như vậy.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, có thể làm vị Pháp sư nói pháp khéo léo. Vì sao nói pháp phải thuyết khéo léo? Vì lợi ích Phật pháp mà nói Phật pháp hoàn toàn không thể thấy; tuy nói Ba-la-mật mà Ba-la-mật hoàn toàn không thể được; tuy nói Bồ-đề mà nói Bồ-đề hoàn toàn không thể được; tuy đoạn phiền não mà nói phiền não hoàn toàn không thể được; tuy là Niết-bàn mà nói Niết-bàn hoàn toàn không thể được; tuy là Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả, cho đến A-la-hán hướng, A-la-hán quả, mà bốn quả bốn hướng hoàn toàn không thể được; tuy là quả Bích-chi-phật, mà quả Bích-chi-phật hoàn toàn không thể được; diệt trừ ngã kiến, mà nói ngã kiến hoàn toàn không thể được; nói có nghiệp báo, mà nói nghiệp báo hoàn toàn không thể được. Vì sao? Vì điều mà danh từ diễn tả thì chẳng phải là pháp chân thật; pháp chẳng phải là danh tự; chẳng phải là cảnh giới của nói năng. Pháp chẳng có thể nghĩ bàn, chẳng phải là nơi tâm suy lường; danh tự chẳng phải là pháp, pháp chẳng phải là danh tự; chỉ dùng nền tảng thế gian hư vọng, giả danh mà nói có. Không có pháp danh tự, mà nói là danh tự, danh tự là không, mà không cũng không có. Không sở hữu là chẳng phải Đệ nhất nghĩa đế; chẳng phải Đệ nhất nghĩa đế tức là pháp hư vọng của phàm phu.

Này đại vương! Đó gọi là Đại Bồ-tát nói pháp phải thuyết khéo léo. Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật dùng sức phương tiện để được biện tài vô ngại và tùy theo căn tánh của từng chúng sinh mà nói Bát-nhã ba-la-mật sâu xa đó.

-oOo-

KINH THẮNG THIÊN VƯƠNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 2

Phẩm 3: Pháp Giới

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu, quỳ gối hữu chắp tay đảnh lễ bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật, làm sao thấu rõ pháp giới thâm sâu?

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen Thắng Thiên vương:

–Lành thay, Đại vương! Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ!

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con xin lắng nghe.

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Đại Bồ-tát có trí tuệ, nên gần gũi Thiện tri thức, siêng năng tinh tấn tu học, lìa các phiền não chướng ngại, tâm phải được thanh tịnh, cung kính tôn trọng, ưa thích tu tập pháp không; xa lìa các kiến chấp, tu đạo chân thật, thì thấu rõ được pháp giới.

Này đại vương! Đại Bồ-tát có trí tuệ nên gần gũi Thiện tri thức, vui mừng cung kính, tưởng giống như Phật; do thân cận nên không biếng lười, diệt được tất cả ác và các pháp bất thiện, căn lành được tăng trưởng; đã diệt được phiền não; xa lìa được pháp chướng ngại nên được ba nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh. Do thanh tịnh, nên sinh lòng kính trọng; do kính trọng nên tu tập hạnh không; tu tập hạnh không nên xa lìa được các kiến chấp; xa lìa các kiến chấp nên tu hành chánh đạo; tu hành chánh đạo nên thấy được pháp giới.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Pháp giới là gì?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Tức là chân thật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao chân thật?

–Này đại vương! Là không biến đổi sai khác.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì không sai không khác?

–Này đại vương! Vì nó là như như.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao như như?

–Này đại vương! Ở đây chỉ có trí tuệ mới có thể biết, chứ chẳng phải dùng lời nói mà giảng được. Vì sao? Vì vượt qua các văn tự xa lìa phạm vi ngôn ngữ và lời nói; cho nên không có các hý luận, không kia không đây; lìa tướng thì không còn tướng; xa lìa suy lường tức đã vượt cảnh giới giác quán; không tưởng, không tướng tức đã vượt qua hai cảnh giới, vượt cảnh giới phàm phu và lìa cảnh giới phàm phu; vượt các ma sự, lìa được mê hoặc chướng ngại. Đó chẳng phải là cái biết của thức. Nhưng nó cũng không có vị trí để trụ, Thánh trí vắng lặng thì về sau, là cảnh giới của trí tuệ không phân biệt không có cái ta và của ta, tìm cầu không thể được, không giữ, không bỏ, không nhiễm, không uế, thanh tịnh lìa cấu là tánh tối thắng đệ nhất, nó luôn luôn không biến đổi. Nếu Phật ra đời hay không ra đời, tánh tướng vẫn thường trụ.

Này đại vương! Đó là pháp giới mà Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật; tu pháp giới này khổ hạnh trăm điều nhưng làm cho các chúng sinh đều được thông suốt.

Này đại vương! Đó là chân như thật tế Bát-nhã ba-la-mật, không có tướng phân biệt, là cảnh giới chân không, không thể nghĩ bàn, Nhất thiết trí và Nhất thiết chủng trí là cảnh giới không hai.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Làm sao có thể chứng đến pháp giới này?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Nhờ chứng được Bát-nhã ba-la-mật xuất thế, nên về sau đạt được Hậu trí vô phân biệt.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Chứng cùng với đạt có gì sai khác?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Với Bát-nhã ba-la-mật, thấy đúng đắn chân thật gọi là chứng, nhờ trí mà thông suốt gọi là đạt.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như lời Phật dạy: "Văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ là thông suốt; Bát-nhã ba-la-mật chẳng phải là pháp xuất thế, sau đó mới đạt được trí vô phân biệt."

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Không phải vậy, Đại vương! Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật sâu xa vi diệu, văn tuệ thô cạn, không thể thấy được Đệ nhất nghĩa, cho nên không thể suy lường được. Vì là pháp xuất thế, cho nên tu mà không thể thực hành được.

Này đại vương! Bát-nhã ba-la-mật sâu xa như vậy, hàng phàm phu, Nhị thừa không thể thấy được. Vì ví như sinh ra đã bị mù thì không thể thấy các màu sắc, trẻ con mới sinh bảy ngày không thấy vầng mặt trời còn lại càng không thể thấy huống gì tu hành.

Này đại vương! Ví như mùa hè nóng, có người đi về hướng Tây, ở giữa đồng trống, lại có người đi từ Tây đến Đông hỏi người trước mặt rằng: "Tôi đang nóng khát, chỗ nào có nước trong, bóng cây mát?" Người kia đáp: "Này thiện nam! Từ đây đi về Đông có hai đường, một đường bên trái và một đường bên phải; nên đi theo đường bên phải có suối nước trong và bóng mát của cây."

Này đại vương! Ý ông như thế nào? Tuy nghe người nói như vậy mà chỉ đến đó bằng suy nghĩ thì có thể trừ sự nóng khát, được vị nước trong không?

Thưa Thế Tôn, không thể! Người này phải đến nơi ấy, vào ao tắm rửa, uống nước, nghỉ ngơi dưới cây thì mới hết nóng khát, mới biết mùi vị của nước trong.

Phật bảo:

–Đúng thế, đúng thế! Này đại vương! Không thể dùng ba tuệ văn, tư, tu mà thấu rõ chân thật được Bát-nhã ba-la-mật.

Này đại vương! Nói đồng trống là sinh tử, người hỏi là chúng sinh, nóng gọi là phiền não, khát gọi là tham ái, người từ phương Đông đến là Bồ-tát, đường bên phải là Nhất thiết chủng trí đạo.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, khéo biết sinh tử và đường xuất thế; nước trong mát đó là Bát-nhã ba-la-mật, cây có bóng mát tức là đại Bi.

Đại Bồ-tát thực hành hai pháp nên xa lìa đạo của phàm phu và Nhị thừa.

Này đại vương! Như vậy Bát-nhã ba-la-mật sâu xa là không hình, không tướng, mà Bồ-tát phải khéo nói bằng nhiều cách để làm cho chúng sinh được vào pháp không đó.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật biết như thật

các Lực là không; pháp Vô úy là không; pháp Bất cộng là không; Giới tụ là không; Định tụ, Tuệ tụ, Giải thoát tụ, Giải thoát tri kiến tụ là không; Không là không; Đệ nhất nghĩa là không, mà tướng không cũng chẳng thể nắm bắt được; không chấp thủ tướng không; không khởi thấy tướng không; không chấp tướng không; không nương tựa vào không; như vậy không chấp thủ trước nên đối với không, không bị đọa lạc.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật đều xa lìa các tướng, không thấy tướng trong ngoài, lìa tướng hý luận, lìa tướng phân biệt, lìa tướng tìm tòi, lìa tướng tham trước, lìa tướng của cảnh giới, lìa tướng phan duyên, lìa tướng năng tri và sở tri.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát dùng Bát-nhã ba-la-mật quán vô tướng như vậy thì chư Phật Thế Tôn đã từng quán thế nào?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Cảnh giới của chư Phật là không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì xa lìa cảnh giới, nên tất cả chúng sinh nghĩ lường cảnh giới của chư Phật thì tâm sẽ cuồng loạn không biết gì cả. Vì sao? Vì đồng với tánh hư không, không thể nghĩ lường, cầu không thể được, xa lìa cảnh giới giác quán. Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật còn không thấy có cảnh giới của phàm phu để mà nghĩ lường, huống nữa là cảnh giới của chư Phật; cũng không được nương tựa vào các nguyện. Tuy thực hành Bố thí mà không chấp vào quả báo của Bố thí; Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ cũng như vậy. Tất cả công đức cho đến Niết-bàn cũng không chấp trước, không nương tựa. Vì sao? Vì lìa ngã và ngã sở nên tự tánh xa lìa, không hai, không khác.

Khi nói pháp môn Bát-nhã ba-la-mật đó, thì tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách. Tu-di sơn vương, Mục-chân-lân-đà sơn, Thiết vi sơn, Đại thiết vi sơn, Bảo sơn, Hắc sơn, Đại hắc sơn tất cả đều chấn động; vô lượng trăm ngàn ức các Đại Bồ-tát cởi thượng y của mình trải làm tòa cao như núi Tu-di để dâng Phật; vô lượng trăm ngàn Đế Thích, Phạm vương, chư Thiên hộ thế…, chắp tay cung kính rải các thứ hoa vi diệu, như hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa, hoa sen trắng, sen đỏ, sen hồng, sen xanh; từ núi Kỳ-xà-quật trải rộng khắp bốn mươi do-tuần, hoa chất đầy khắp đến đầu gối của Phật; vô lượng Thiên tử trỗi nhạc trời, nhạc không đánh mà kêu vang, ở trong hư không khen ngợi.

Lại thấy chư Phật ra đời, lại thấy chuyển pháp luân, lành thay cho tất

cả chúng sinh cõi Diêm-phù-đề, siêng năng tu các công đức, gieo nhiều căn lành, còn được nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa như vậy; huống là đời sau ai có thể tin tưởng pháp đó, chúng sinh nào được như vậy chắc chắn ở trong cảnh giới của Như Lai. Lại có vô lượng trăm ngàn đại Long vương, dùng thần lực làm mây lớn che khắp, trời mưa thơm khắp núi Kỳ-xà-quật và tam thiên đại thiên thế giới, các người nghe pháp cảm thấy thấm nhuần mùi hương mà không thấy ướt át; vô lượng Long nữ đều ở trước Phật chắp tay khen ngợi; vô lượng Càn-thát-bà dùng âm nhạc vi diệu để cúng dường Phật, các Dạ-xoa cũng tung nhiều thứ hoa đẹp cúng dường, chư Phật Thế Tôn ở vô lượng, vô biên cõi nước khắp mười phương, đều từ giữa hai chân mày phóng ra một luồng hào quang, chiếu núi Kỳ-xà-quật trong thế giới Ta-bà này và những nơi tối tăm trong tam thiên đại thiên thế giới, nơi mặt trời, mặt trăng không thể chiếu ánh sáng tới được. Hào quang ấy chiếu khắp thế giới rồi trở về chỗ Phật, nhiễu quanh bên hữu ba vòng, rồi từ từ nhập vào đảnh đầu của Phật. Vô lượng trăm ngàn Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Trưởng giả, Cư sĩ dùng hương xoa, hương bột, tràng hoa, cờ phướn, lọng báu cúng dường Phật.

Bấy giờ trong chúng có bảy mươi hai ức Đại Bồ-tát đã được Vô sinh pháp nhẫn; có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh đã lìa trần cấu, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh; có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật, lìa văn tự, không nói năng, vậy tại sao Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-lại nói pháp cho chúng sinh?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật nói pháp như vậy là vì sao? Vì tu tập Phật pháp mà nói Phật pháp rốt ráo là không thể được; vì thành thục các pháp Ba-la-mật mà Ba-la-mật rốt ráo là không thể được; vì Bồ-đề thanh tịnh mà Bồ-đề rốt ráo là không thể được; vì Niết-bàn xa lìa dục diệt mà Niết-bàn lìa dục diệt rốt ráo là không thể được; vì quả Tu-đà-hoàn, Tư đà hoàn, A-na-hàm, A-la-hán mà Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán rốt ráo là không thể được; vì Bích-chi-phật mà Bích-chi-phật rốt ráo là không thể được; vì đoạn trừ ngã thủ mà ngã và thủ rốt ráo là không thể được.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa như vậy, thì tâm không phân biệt tất cả các tướng; ta là người phân biệt và pháp phân biệt

của ta cũng đều không thể được; phải tùy thuận theo Bát-nhã ba-la-mật mà không trái với sinh tử; tuy trong sinh tử mà không chống lại Bát-nhã ba-la-mật, lại còn tùy thuận theo pháp tướng.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát vì sao phải thuận theo pháp tướng mà không trái với thế gian?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Đại Bồ-tát thuận theo Bát-nhã ba-la-mật sâu xa mà không xa lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không xa lìa Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; không xa lìa pháp mà cũng không chấp trước Bát-nhã ba-la-mật, không xa lìa đạo. Vì sao? Vì có đầy đủ phương tiện thiện xảo.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là phương tiện thiện xảo của Đại Bồ-tát?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Nghĩa là vô lượng Đại Bồ-tát, đều Từ, Bi, Hỷ, Xả, không bỏ chúng sinh; thường làm lợi ích cho chúng sinh.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật đầy đủ lòng Từ vô biên, lòng Từ không phân biệt, pháp Từ, lòng Từ không dừng nghỉ, lòng Từ không phiền não, lòng Từ làm lợi ích, lòng Từ bình đẳng, lòng Từ lợi ích khắp, lòng Từ xuất thế; phải thành tựu tất cả lòng đại Từ như vậy.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao gọi là đại Bi?

Phật bảo:

–Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật; vì chúng sinh khổ não không nơi nương tựa, cứu hộ họ thoát khỏi khổ mà phát tâm Bồ-đề, siêng năng mong cầu chánh pháp; chánh pháp mình được rồi thì nói pháp cho chúng sinh. Với người keo kiệt tham lam thì dạy họ thực hành bố thí; với người không có giới, người phá giới thì dạy cho họ trì giới; với người căn tánh ác thì dạy cho họ thực hành nhẫn nhục; với người lười biếng hay trễ nải thì dạy cho họ tinh tấn; với người tán loạn thì dạy cho họ thực hành thiền định; với người ngu si thì dạy cho họ thực hành trí tuệ; vì nguyện độ chúng sinh, tuy bị gặp khổ sở nhưng hoàn toàn không bỏ tâm Bồ-đề; đó gọi là đại Bi.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao gọi là đại Hỷ?

Phật dạy:

–Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật nên suy

nghĩ như vầy: "Ta đã lìa khỏi ba cõi lửa cháy nên vui mừng; từ lâu bị trói buộc trong dây sinh tử, nay ta đã cắt đứt, nên vui mừng; tất cả các giác quán và các tướng chấp thủ ở trong biển sinh tử; ta đã được ra khỏi nên vui mừng; ta đã bẻ gãy cây cờ ngã mạn được dựng lên từ vô thỉ nên vui mừng; dùng trí Kim cang phá hoại núi phiền não để mãi mãi không còn trở lại nữa nên vui mừng; ta đã an ổn lại làm cho người khác an ổn. Vì ngu si đen tối tham ái trói buộc ngủ mãi trong thế gian, nay mới được thức dậy nên vui mừng; ta đã lìa tất cả các cõi ác, lại cứu độ chúng sinh làm cho họ ra khỏi ác đạo. Chúng sinh đã từ lâu ở trong sinh tử, mê mờ không biết đường ra, ta đã cứu độ, chỉ bày đường chánh, làm cho họ đều đến được thành Nhất thiết trí, nên sinh vui mừng; đó gọi là đại Hỷ.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật; mắt thấy sắc không chấp, không lìa, mà có tâm xả bỏ; tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi thơm, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý pháp cũng đều như vậy.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật sẽ thành tựu được trí vô lượng tâm như vậy.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Làm sao Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật chỉ bày được các tướng để cứu độ chúng sinh?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Tướng Bát-nhã ba-la-mật không thể có được; tướng của Đại Bồ-tát cũng không thể có được; mà chỉ dùng sức phương tiện để giáo hóa chúng sinh, thị hiện vào thai cho đến Niết-bàn. Vì sao? Vì chư Thiên thường cho như vậy là không đọa lạc.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật dùng sức phương tiện phá chấp này, cho nên phải thị hiện vào thai, nhân đó làm cho chư Thiên kia phát sinh tâm nghĩ đến vô thường. Người rất cao thượng ở thế gian không ai bằng, là người không chấp trước năm dục, không bị năm dục làm dơ bẩn mà có khi còn bị đọa lạc; huống gì các chư Thiên khác. Vì vậy mọi người chớ nên buông thả phải cố gắng siêng năng tinh tấn, nhất tâm tu đạo. Ví như thấy mặt trời còn bị lặn, thì biết lửa đom đóm không thể giữ cho lâu dài được.

Này đại vương! Lại có các chư Thiên buông lung cẩu thả, ưa thích tham đắm cố chấp, nên không tu tập chánh pháp; tuy cùng với Bồ-tát đồng ở Thiên cung mà không đến lễ bái, không hỏi han thọ trì pháp; chỉ nghĩ như vầy: "Nay hãy cứ rong chơi, khi đến chỗ Bồ-tát nếu họ có hỏi thì ta sẽ nói: Bồ-tát cùng ta thường ở đây tu hành, có gì là lầm lỗi?" Đại Bồ-tát thực hành

Bát-nhã ba-la-mật phải siêng năng, tinh tấn tu tập như cứu lửa cháy đầu. Phá bỏ sự buông thả kia từng ngày chỉ bày sự hư hỏng. Thị hiện như vậy có hai nhân duyên: Một là làm cho chư Thiên xa lìa sự buông lung; hai là làm cho chúng sinh đều được thấy.

Này đại vương! Ở thế gian, lại có chúng sinh căn cơ hạ liệt, chẳng thấy được Phật thành đạo Vô thượng và chuyển pháp luân. Đại Bồ-tát vì chúng sinh này, cho nên thị hiện thành đứa bé đồng tử, dạo chơi ở hậu cung; Bồ-tát nếu thị hiện hình tướng khác để nói pháp thì nữ nhân ở hậu cung sẽ không tin tưởng ưa thích, nên thị hiện đứa bé đồng tử.

Này đại vương! Người có đức hạnh cao cả thường xa lìa được thế tục, muốn giáo hóa người ấy Đại Bồ-tát thị hiện xuất gia.

Này đại vương! Lại có vị suy nghĩ như vầy: "Nếu ngồi yên hưởng thú vui của trời, người thì cũng được Thánh đạo vậy." Đại Bồ-tát vì giáo hóa những người này nên thị hiện khổ hạnh; muốn dẹp trừ các ngoại đạo các Đại Bồ-tát cũng thị hiện khổ hạnh.

Này đại vương! Lại có vị Thiên từ lâu phát nguyện: "Nếu Đại Bồ-tát đi đến đạo tràng, thì chư Thiên chúng ta luôn luôn cúng dường." Đại Bồ-tát vì giáo hóa chúng sinh này, nên thị hiện đến đạo tràng; tất cả mọi người đều được nhân duyên nên đắc quả Bồ-đề.

Này đại vương! Lại có vị Thiên suy nghĩ thế này: "Vì các ác ma, ngoại đạo ngăn ngại chánh pháp ta nguyện chứng quả Bồ-tát ngồi ở đạo tràng, dẹp trừ các ma và các ngoại đạo; người có lòng tin chân chánh khiến cho họ được thấy pháp."

Đại Bồ-tát đã đắc đạo rồi, thì trong hư không khắp tam thiên đại thiên thế giới sẽ phát ra vô số âm thanh khen ngợi:

"Mặt trời Phật đã mọc thì lửa đom đóm ẩn mất"; các vị Thiên này đều phát lời thề: "Ta nguyện đời sau sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như ngày nay Đại Bồ-tát vì các chúng sinh, ngồi ở đạo tràng chứng quả.

Này đại vương! Lại có vị Thiên nói lời thế này: Nguyện gặp được vị Thầy thành tựu Nhất thiết trí, Vô sư trí, Tự nhiên trí, sẽ chẳng xa rời căn tánh thuần thục là bậc Pháp khí cao thâm vì các chúng sinh ba phen chuyển pháp luân, mười hai hành pháp.

Này đại vương! Lại có vị Thiên ưa thích nghe Niết-bàn; Bồ-tát vì giáo hóa chúng sinh đó mà thị hiện Niết-bàn.

Này đại vương! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật Đại Bồ-tát có thể

thị hiện được tất cả tướng như thế.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật không sinh nơi hiểm nạn. Vì sao? Vì người không có phước đức mới không nghe danh tự của Bát-nhã ba-la-mật. Lại nữa, Bồ-tát lại thường xa lìa tất cả ác nghiệp, giới của Phật nói ra không hủy phạm và tâm không ganh ghét, trồng nhiều căn lành với vô số chư Phật ở quá khứ, nên đầy đủ công đức trí tuệ để làm sức phương tiện mà thành tựu được đại nguyện, tâm thích vắng lặng và siêng năng tinh tấn hành trì.

Này đại vương! Đại Bồ-tát có tánh hạnh mười điều thiện, thì không có nghiệp ác không đọa vào địa ngục. Đại Bồ-tát hành trì giới, không phạm giới, không đọa vào hàng súc sinh. Đại Bồ-tát không tị hiềm ganh ghét nên không bị đọa vào ngạ quỷ; không sinh vào nhà tà kiến, thường gặp Thiện tri thức. Vì sao? Vì đã trồng nhiều căn lành thâm sâu, với vô số chư Phật ở quá khứ, cho nên sinh đến đâu cũng được chánh kiến. Bồ-tát khi sinh ra, các căn luôn đầy đủ sẽ thành Pháp khí của Phật pháp. Vì sao? Vì đời quá khứ đã từng cúng dường chư Phật, lắng nghe chánh pháp, lễ bái cung kính đại chúng, nên các căn đầy đủ, tướng mạo đoan trang xinh đẹp nên trở thành pháp khí của Phật pháp.

Này đại vương! Đại Bồ-tát không sinh nơi biên địa, không bị độn căn ngu si, không biết thiện ác, nói những lời mà ý nghĩa không phù hợp Phật pháp, không biết Sa-môn, Bà-la-môn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát khi sinh, nhất định ở trung tâm của nước, được lợi căn trí tuệ, ngôn ngữ lưu loát, biết rõ ngôn ngữ ý nghĩa đó là Pháp khí của Phật, biết rõ Sa-môn, Bà-la-môn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát do sức của trí tuệ ở đời quá khứ. Bồ-tát không sinh cõi trời Trường thọ, vì không gặp chư Phật, không làm lợi ích cho chúng sinh; sở dĩ Bồ-tát sinh ở Dục giới, thị hiện ra đời là để làm lợi ích cho chúng sinh. Vì sao? vì nhờ vào phương tiện thiện xảo khéo léo.

Này đại vương! Bồ-tát không sinh trong thế giới không; vì nơi này không có Phật, không được nghe Chánh pháp và không cúng dường chúng Tăng. Vì sao? Vì nơi sinh của Bồ-tát nhất định có đủ Tam bảo, thọ giữ nguyện xưa vững mạnh. Bồ-tát nếu nghe tên thế giới ác, liền sinh nhàm chán xa lìa, tu hành thanh tịnh vắng lặng, tâm không biếng lười dùng tất cả pháp thiện để diệt các pháp ác; do nhân duyên đó Bồ-tát không sinh ở nơi có nhiều nguy nan.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, cho đến trong giấc mộng vẫn không quên mất tâm Bồ-đề, huống gì lúc thức. Vì sao? Vì tất cả thiện pháp đều sinh ở tâm này, tức là tâm Vô thượng Chánh đẳng

Chánh giác.

Nếu không có tâm này thì không có Phật; không có Phật thì không có Pháp; không có Pháp thì không có Tăng; do tâm này nên có Tam bảo và cũng do tâm này nên có trời, người. Đại Bồ-tát thường thẳng thắn nhu hòa, xa lìa dua nịnh, quanh co; tâm thanh tịnh, không nghi ngờ Phật pháp; người nào muốn nghe và học thì Bồ-tát không hề giấu ý nghĩa thâm sâu; lìa pháp ganh ghét và lìa được ba đường ác; đối với ban đầu, ở giữa hay sau cùng tướng không khác nhau; hộ trì Đại thừa, việc làm, không trái với lời nói; thấy người đồng học thì sinh lòng cung kính, khuyến khích người khác tu tập, khen ngợi Đại thừa; đối với Thầy thuyết pháp luôn luôn tưởng Phật và nên gần gũi Thiện tri thức và xa lìa bạn ác.

Này đại vương! Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, như vậy sẽ thành tựu được tâm Bồ-tát; nhờ tâm này mà biết được thọ mạng đời trước. Vì sao? Vì đã từng cúng dường vô số chư Phật, hộ trì chánh pháp, tu thanh tịnh giới, xa lìa nghiệp ác, không còn bị chướng ngại; tâm thường vui mừng, siêng năng tu học, không tán loạn, trí của tâm không mất, vì sao?

Này đại vương! Nếu Bồ-tát đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, thì sẽ tôn trọng chánh pháp. Do tôn trọng chánh pháp nên giảng thuyết khắp cho mọi người và vì hộ trì chánh pháp nên không tiếc thân mạng. Ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh; do nghiệp đã thanh tịnh nên lìa được chướng ngại; lìa được chướng ngại nên tâm thường vui mừng; tâm vui mừng nên siêng năng tinh tấn; tâm tánh đoan trực chân chánh nên niệm trí đầy đủ; do niệm trí đầy đủ nên biết được đời quá khứ; một kiếp, mười kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp cho đến vô số kiếp.

Này đại vương! Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, nên biết rõ túc mạng, biết rõ ở quá khứ đã gần gũi Thiện tri thức; do Thiện tri thức đối với chư Phật không quên ba việc lớn là thấy, nghe, nhớ nghĩ, nên thường được nghe chánh pháp, cúng dường Tăng bảo, không bỏ thời giờ trôi qua vô ích, luôn luôn cung kính, lễ bái tôn trọng chư Phật Bồ-tất cả khi đi đứng, nằm, ngồi cũng không xa lìa đa văn.

Này đại vương! Người trì tịnh giới, nhĩ căn thường được nghe danh tự Bát-nhã ba-la-mật; thường siêng năng tu tập pháp trợ đạo; không bao giờ xa lìa ba pháp môn Giải thoát, tu bốn Vô lượng tâm, thường nghe tên Nhất thiết trí.

Này đại vương! Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, do nhân duyên đó mà gần gũi Thiện tri thức.

Này đại vương! Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, cho đến trong

giấc mộng còn không gần bạn ác, huống gì khi thức. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát không cùng ở chung với người phá giới, người tà kiến, người không oai nghi, người tà mạn, người nói lời vô nghĩa, người làm biếng, người ưa thích ở trong sinh tử, người bỏ Bồ-đề, người ưa việc thế tục.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành như vậy là hành pháp xa lìa bạn ác tri thức.

Này đại vương! Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, có thể được thân thanh tịnh của Như Lai; đó là thân bình đẳng, thân thanh tịnh, thân vô tận, thân nhờ tu tập mà được Pháp thân, thân không thể hiểu biết, thân chẳng nghĩ bàn, thân tịch tĩnh, thân bình đẳng như hư không, thân trí.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát ở tại địa vị nào, có thể được mười thân Như Lai?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Bồ-tát ở Địa thứ nhất được thân bình đẳng. Vì sao? Vì lìa các tà đạo quanh co, thấu rõ pháp tánh, thấy được bình đẳng; đối với Địa thứ hai được thân thanh tịnh. Vì sao? Vì giới thanh tịnh. Đến Địa thứ ba, được thân vô tận. Vì sao? Vì xa lìa sân hận. Đến Địa thứ tư được thân do tu tập mà có. Vì sao? Vì thường siêng năng tu tấn tu tập Phật pháp. Đến Địa thứ năm thì được Pháp thân. Vì sao? Vì thấy được các nghĩa lý sâu xa, căn bản. Đến Địa thứ sáu được thân lìa giác quán. Vì sao? Vì quán lý nhân duyên chẳng phải chỗ biết của giác quán. Đến Địa thứ bảy, được thân chẳng nghĩ bàn. Vì sao? Vì phương tiện đầy đủ. Đến Địa thứ tám được thân vắng lặng. Vì sao? Vì lìa tất cả hý luận, không còn phiền não. Đến Địa thứ chín được thân bình đẳng như hư không. Vì sao? Vì thân tướng không thể lường, nó biến khắp tất cả. Đến Địa thứ mười thì được thân trí. Vì sao? Vì được thành tựu Nhất thiết chủng trí.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Thân của Như Lai và thân của Bồ-tát có gì sai khác không?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Thân thì không sai khác chỉ có công đức mới khác nhau.

Thắng Thiên vương thưa:

–Nghĩa ấy như thế nào?

–Này đại vương! Thân Phật và Bồ-tát không có sai khác. Vì sao? Vì tất cả các pháp đồng một tánh tướng sinh ra, nhưng công đức thì sai khác.

–Bạch Thế Tôn! Vì sao công đức có sự sai khác?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Nay sẽ nêu thí dụ để Đại vương hiểu rõ. Ví như ngọc báu, có trang sức hay không trang sức, thì giá trị của nó cũng không khác; công đức của Phật, Bồ-tát có sai khác, nhưng Pháp thân không sai khác. Vì sao? Vì tất cả công đức của Như Lai đều đầy đủ, khắp cả pháp giới chúng sinh ở mười phương đều thanh tịnh; vĩnh viễn không còn cấu nhiễm làm ngăn ngại. Còn công đức của thân Bồ-tát chưa đầy đủ, nên còn có chướng ngại. Ví như bắt đầu từ ngày mười lăm trở đi, trăng khuyết dần nên khác đi, nhưng tinh chất mặt trăng không khác; các thân này đều vững chắc như kim cang, không thể phá hoại. Vì sao? Vì ba độc không phá được; pháp thế gian không ô nhiễm; cái khổ ở cõi ác thú và cõi người không thể áp bức; đều đã xa lìa sinh, lão, bệnh, tử, có thể pháp trừ ngoại đạo, vượt quả cảnh giới của ma, không còn hướng đến thừa Thanh văn, Bích-chi-phật, do nhân duyên đó nên không thể phá hoại.

Này đại vương! Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, có khả năng dẫn đường khéo cho tất cả Trời, Người, A-tu-la trong thế gian.

Ví như có người giỏi hướng dẫn đường thì các quốc vương, trưởng giả, cư sĩ tất cả đều sử dụng; Bồ-tát cũng vậy, hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, chư Phật tất cả đều cần dùng để dẫn đường.

Lại có người giỏi dẫn đường ở thế gian, thì quốc vương, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, đều cung kính tôn trọng; Bồ-tát cũng vậy, Trời, Rồng, Dạ-xoa, hàng Hữu học, Vô học đều cúng dường.

Lại như có người đi giữa đồng trống hiểm nạn, mỏi mệt sợ sệt; gặp người giỏi dẫn đường có thể làm cho an ổn; Bồ-tát cũng vậy, dùng sức phương tiện dẫn dắt chúng sinh ra khỏi sinh tử, phiền não, giặc nạn đến nơi an ổn.

Lại như có người nghèo, phải nhờ vào trưởng giả giàu có, mới qua khỏi khó khăn; Phạm chí, Ni-kiền và các ngoại đạo, đang ở trong sinh tử thì phải nương hạnh Bồ-tát, hành Bát-nhã ba-la-mật, để lìa khỏi sinh tử.

Lại như trưởng giả rất giàu, của cải vô lượng, có thể cung cấp cho tất cả mọi người sử dụng, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật cũng vậy, đó là chỗ cho tất cả chúng sinh trong sinh tử sáu đường thọ dụng.

Lại như trưởng giả rất giàu có, muốn vượt quả hiểm nạn, ắt cần nhiều bạn, đầy đủ thức ăn uống và hành lý thì mới vượt qua được; Đại Bồ-tát cũng như vậy, muốn ra khỏi thế gian, phải dùng công sức trí tuệ, cứu độ tất cả chúng sinh vượt hoạn nạn sinh tử đến Nhất thiết trí.

Như người đi xa, đem nhiều vật báu thì sẽ được lợi ích: Bồ-tát cũng

vậy, từ biển sinh tử đến Nhất thiết trí đã rộng tu công đức trí tuệ, để chứng được Nhất thiết trí.

Như người đời, cầu của cải không nhàm chán; thì tâm Bồ-tát thích pháp cũng không chán như vậy.

Lại như người dẫn đường, được bốn việc hơn người đó là: Tài sản, sự sang giàu, địa vị và người nghe lời; Bồ-tát cũng vậy, rất giàu công đức, địa vị thù thắng, tự tại đối với pháp, không làm khác lời nói.

Như người khéo dẫn đường thì sẽ đến được thành lớn; Bồ-tát cũng vậy, rất giỏi hướng dẫn đường để đến thành Nhất thiết trí.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, biết rõ đường nào nên đi, đường nào không nên đi, đường nào tà, đường nào chánh, đường nào an ổn, đường nào có nước, đường nào không nước, địa hình của nó cong hay thẳng, đường nào vượt qua được… tất cả đều thông suốt.

Này đại vương! Do Đại Bồ-tát biết nên không bị lộn đường. Phàm làm việc chỉ đường, không trái với căn tánh mọi người, với người Đại thừa thì chỉ đạo Vô thượng, không chỉ đường Thanh văn, Bích-chi-phật; với hàng Tiểu thừa thì chỉ đạo Thanh văn, không nói Đại thừa; tùy theo căn cơ của hàng Bích-chi-phật; mà chỉ bày đạo Duyên giác, không nói đạo Nhất thiết trí; với người chấp trước ngã thì nói đạo Vô ngã, chúng sinh chấp pháp thì nói đạo không; với người chấp nhị biên thì nên nói trung đạo; với người tán loạn thì nên nói phương pháp tu chỉ quán, không nói pháp tán loạn; với chúng sinh lý luận thì nên chỉ bày đạo như như, không dùng lời nói năng; với người chấp trước sinh tử thì nên chỉ bày đạo Niết-bàn, không nói pháp thế gian; với người lầm lạc thì chỉ dẫn con đường chánh chân.

Này đại vương! Đó gọi là Đại Bồ-tát biết đường tà chánh.

-oOo-

Phẩm 4: Niệm Xứ

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch bày vai hữu, quỳ gối, chắp tay, đảnh lễ bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, nên có thể biết được đường chánh và đường tà, thì tâm duyên vào đâu?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tâm chánh trực, không tán loạn. Vì sao? Vì khéo niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp. Đại Bồ-tát, phàm khi cần du hành đến xóm làng mà nghe được lợi dưỡng, như giới của Phật dạy, đó là sự trói buộc của phiền não hãy tự ghi

nhớ.

Này đại vương! Vì sao Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thường niệm thân và được tương ưng với thân, chán ghét pháp bất thiện?

Bởi vì dùng trí như thật thì sẽ xa lìa được pháp ác đó và quán được lỗi lầm của thân: Từ chân cho đến đỉnh đầu, thân này là vô ngã, hư hoại, không thường; chỉ do gân mạch ràng rịt hợp thành, mủ thịt tanh hôi, màu sắc xấu xí, trông thật đáng chán. Quán trong mình như vậy, thì tham dục không thể phát triển nơi thân ta; do nhân duyên đó mà tương ưng và tùy thuận với pháp thiện.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, thì niệm thọ như thế nào?

Bồ-tát phải suy nghĩ như thế này: "Các thọ đều là khổ, nhưng vì điên đảo, chúng sinh tưởng là vui; phàm phu ngu si lấy khổ làm vui; bậc Thánh nhân chỉ nói tất cả đều là khổ, nên phải tinh tấn tu tập để đoạn trừ hết phiền não và dạy mọi người cũng tu học pháp này." Quán như vậy rồi, luôn tự niệm thọ, không thực hành theo thọ mà lại tu hành đoạn diệt thọ, rồi cũng khiến cho người khác học.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, thường niệm tâm như thế nào?

Nên suy nghĩ như thế này: "Tâm này vô thường mà gọi là thường trụ, khổ cho là vui, vô ngã cho là ngã, bất tịnh cho là tịnh, luôn luôn chuyển động không dừng, dời đổi mau chóng. Vì kết sử là cội gốc của các đường ác; phiền não là nhân duyên hoại diệt thiện đạo, nên không thể tin. Vì tham, sân, si làm chủ những điều không đáng tin; tâm đứng đầu trong tất cả các pháp, nếu khéo biết tâm thì đều hiểu các pháp. Tất cả các thứ ở thế gian đều do tâm này tạo, tâm không tự thấy hoặc thiện hoặc ác, tất cả đều do tâm khởi. Tánh tâm dời đổi như vòng lửa quay, chuyển dịch như vó ngựa, có thể thiêu đốt như lửa, ồ ạt như nước chảy." Quán sát như vậy, đối với niệm không động, không hành động theo tâm, mà làm cho tâm theo mình. Nếu điều phục được tâm thì điều phục được các pháp.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nên niệm pháp như thế nào?

Là phải biết một cách chân thật về pháp bất thiện, như: tham dục, sân hận, ngu si và các phiền não; để tu tập đối trị, như đối trị tham dục, đối trị sân hận, đối trị ngu si biết như vậy rồi, liền thay đổi khởi niệm, không làm theo pháp kia và cũng làm cho người khác xa lìa.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, khởi niệm đối với cảnh giới như thế nào?

Nếu thấy sắc, thanh, hương, vị, xúc thì Bồ-tát suy nghĩ như thế này:

"Vì sao sinh tham ái với pháp không chân thật? Đây là việc chấp trước của phàm phu ngu si, cho là bất thiện." Đức Thế Tôn nói: "Vì tham ái mà chấp trước, do chấp trước nên mê hoặc, vì mê hoặc cho nên không biết pháp thiện, ác; do nhân duyên đó mà sinh vào ác thú." Đại Bồ-tát không mất cảnh giác vào cảnh giới, không chấp trước vào cảnh giới và làm cho người khác cũng vậy.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật niệm A-lan-nhã, phải suy nghĩ như vầy: "A-lan-nhã là chỗ ở của người không có tranh cãi, là chỗ ở vắng lặng; ở nơi này Trời, Rồng, Dạ-xoa và người có Tha tâm trí đều có thể biết tâm và tâm sở pháp của ta; vì thế không nên ở đây suy nghĩ tà ý, phải liền bỏ lìa. Đối với chánh pháp luôn ghi nhớ, cố gắng siêng năng tu tập."

Này đại vương! Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, phải suy nghĩ như vậy những thành ấp, xóm làng mà người xuất gia chẳng nên lui tới, đó là nơi quán rượu, nhà điếm, lánh xa những nơi ca hát, bài bạc, vương thành.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật nghe đến việc lợi dưỡng thì phải nhớ nghĩ chân chánh như vầy: "Vì để sinh phước cho người bố thí, nên nhận vật này, không phải vì tham ái mà nhận, cũng không đem vào nhà để nuôi con cháu, không nói tài vật là của ta mà phải cung cấp khắp tất cả cho những người nghèo cùng. Người thực hành như vậy, được mọi người khen ngợi, hoàn toàn không toan tính cho ta cho việc của ta làm." Lại nghĩ như vầy: "Mọi người đều sẽ khen về tiếng tăm bố thí của ta; thế gian thì vô thường, mau chóng hoại diệt; tại sao người trí cũng chạy theo sự vô thường không thật, không bền, không quyền hành mà phát sinh cái ta và cái của ta."

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, đối với lời Phật dạy thì nên niệm giới và suy nghĩ như vầy: Chư Phật quá khứ đều học giới này mà thành đạo Vô thượng, được đến quả Niết-bàn; chư Phật đương lai và hiện tại cũng như vậy, đã biết như vậy thì phải nên tinh tấn tu học.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, vì giáo hóa chúng sinh cho nên đối với thân mình ít muốn biết đủ, đắp y phấn tảo, tâm luôn trong sạch, lòng tin vững chắc, thà mất thân mạng này chớ không phạm giới cấm, tâm xa lìa cống cao ngã mạn đi trong thành ấp không mắc cỡ vì mặc y cũ, xa lìa sự lười biếng, thường tinh tấn tu tập; việc làm chưa xong thì không bỏ giữa chừng, đối với y phấn tảo không thấy đó là nỗi lo, đối với y cũ, xấu không khinh chê, chỉ giữ lấy đức hạnh. Người ly dục mới mặc y phục này, được Như Lai khen ngợi đó là cách ngăn lòng tham lam;

cũng không tự hào mình mặc y phục này, cũng không chê người không mặc y phục ấy. Người tu hạnh như vậy, được chư Phật khen ngợi, Bồ-tát hộ trì, chư Thiên, Bà-la-môn, Sát-đế-lợi đều lễ kính.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, như thế là tu hạnh thanh tịnh. Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật với cao hạnh như thế mà còn dùng y phấn tảo hay sao?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Vì các Đại Bồ-tát luôn dẫn dắt và ủng hộ người ở đời. Vì sao? Vì thấy chúng sinh ưa thích không giống nhau.

–Này đại vương! Ý ông thế nào? Bồ-tát đức hạnh cao thượng như Thế Tôn sao?

Thắng Thiên vương thưa:

–Đức hạnh cao thượng của Bồ-tát chẳng bằng một phần trăm ngàn vạn ức hằng hà sa không thể đếm thí dụ so với đức hạnh của Phật. Vì sao? Vì Như Lai Thế Tôn là Bậc Đại Pháp Vương Nhất thiết chủng trí, không một pháp nào mà không rõ ràng.

–Này đại vương! Ý ông thế nào?

Chư Phật Như Lai ở trong khắp thiên hạ; ở trong Thiên, Long, Dạ-xoa, Nhân phi nhân mà thị hiện khổ hạnh và tán thán công đức hạnh Đầu-đà để làm gì?

Vua thưa Thế Tôn:

–Vì muốn giáo hóa, cứu độ cho chúng sinh và các vị Bồ-tát mới phát tâm, mà nói pháp đối trị cho người chưa hết phiền não.

Phật bảo:

–Đúng thế, đúng thế! Này đại vương! Đại Bồ-tát có đức hạnh cao quý mà mặc y phấn tảo cũng như vậy; cho nên Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, có rất nhiều phương tiện để làm lợi ích cho chúng sinh.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thị hiện ở thế gian, chỉ giữ ba y, vì sao? Vì tâm biết đủ không cầu nhiều nên ít ham muốn; vì không mong cầu nên không cất chứa; vì không cất chứa nên không bị mất; không bị mất nên không sinh khổ; không sinh khổ cho nên xa lìa các phiền não; lìa các phiền não nên không có đắm trước; không đắm trước cho nên gọi đó là lậu đã dứt sạch.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật vào thành ấp. Xóm làng bưng bát khất thực là để làm lợi ích cho chúng sinh, vì sao?

Vì Đại Bồ-tát đã huân tập tâm Từ bi, quán sát chân thật khổ nghèo của chúng sinh, muốn cho họ được giàu có, nên thọ nhận cúng dường của họ. Hoặc vào xóm làng, oai nghi tề chỉnh, tâm đoan chánh, không tán loạn; khéo nhiếp phục các căn, nhìn tới trước sáu thước (một thước tám Tây); pháp khất thực này như hai cái ách giữ trâu cày đất, lần lượt đi không bỏ qua nhà nghèo, thọ thực có hạn lượng, không được lấy nhiều; đối với vật được ở trong bát, lại để ra một phần cúng dường lại. Vì sao? Vì tín thí khó tiêu, vì muốn sinh phước đức.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, chỉ ngồi ăn một lần, không thay đổi. Vì sao? Vì một khi đã ngồi trong đạo tràng, ma có đến nhiễu loạn cũng không lay động, trí tuệ xa nơi thiền định xuất thế, Thánh đạo như thật, tất cả pháp đều không đạo; đạt đến Nhất thiết chủng trí chân như, thật tế đối với các pháp này đều không lay động. Vì sao? Vì pháp Nhất thiết trí này chỉ ngồi một lần là được, cho nên Đại Bồ-tát thực hành pháp này khi ăn ngồi một chỗ.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng sức phương tiện mà thị hiện sự khất thực như vậy.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, học hạnh A-lan-nhã; nghĩa là thường tu phạm hạnh; không phát sinh lỗi lầm nơi các căn; rất thâm hiểu, ưa thích đa văn; tu hành xa lìa sợ sệt về ngã; không đắm trước, thân, thường hành tịch tĩnh. Đại Bồ-tát xuất gia trong chánh pháp, giữ gìn ba loại giới thanh tịnh, biết rõ pháp tướng và thông đạt tất cả những gì mà Như Lai giảng dạy về giới của ba hạng người; trẻ, trung niên và già. Không theo ngoại duyên, tâm tự nghĩ, hủy báng chê bai pháp thế tục, khen ngợi pháp xuất thế, điều phục các căn không duyên vào cảnh ác. A-lan-nhã là nơi sinh sống không có hoạn nạn, muốn đến làng xóm để khất thực cũng không xa không gần; có suối nước trong mát để tám rửa, sinh hoạt thuận tiện, có cả rừng cây hoa quả yên tĩnh, không có cầm thú ác; núi non vắng lặng, thanh vắng ít người lui tới ngày đêm ba thời siêng năng đọc tụng, những pháp đã được nghe, âm thanh không quá cao, cũng không quá thấp; tâm không duyên cảnh bên ngoài nhất niệm trì tụng nhớ mãi trong lòng. Nếu Bà-la-môn, Sát-đế-lợi đến nơi A-lan-nhã này, thì mời họ ngồi, nếu người kia không chịu nghe lời; nêu ân cần khuyên thỉnh và xét theo căn tánh của họ để mà thuyết pháp, làm cho họ vui mừng, tin nhận, tu hành; có đầy đủ phương tiện quyền xảo như thế mới nên lìa tâm ngã. Bởi vô ngã nên ở A-lan-nhã không sợ sệt, dò lìa sợ sệt nên ưa thích tu hành nơi vắng vẻ; Đại Bồ-tát dùng sức phương tiện như vậy mà chỉ bày hạnh A-lan-nhã.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, khéo quán sát hạnh này và suy nghĩ rằng: Tất cả đồ ăn uống thơm ngon, trong sạch ở thế gian, khi tiếp xúc với thân nhiệt nên thành ra bất tịnh, thối tha hôi hám; tất cả phàm phu ngu si không trí tuệ, yêu đắm thân này và đồ ăn uống; nếu nương tựa vào Thánh trí mà quán sát chân thật thì sẽ sinh ghê tởm, không còn ưa thích, tham đắm.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, suy nghĩ như thế này. Do tạo nhiều sân hận nên phát sinh ác nghiệp, ta nay phải xa lìa, đem tâm chánh trực hướng đến đạo, suy nghĩ chân thật chẳng theo lời nói suông.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, suy nghĩ thế này: "Nếu có pháp sinh tức là do nhân duyên, nhân duyên của các pháp lại do duyên mà sinh ra. Vì sao người trí ở nơi pháp nhân duyên, hư vọng này mà tạo tội lỗi?" Trong thân của Bồ-tát, có chướng ngại ngăn pháp lành thì đoạn trừ ngay. Nếu không có thể đoạn trừ chướng ngại ngăn pháp lành của người khác thì tâm liền bỏ không phát sinh vô minh. Thế nào là pháp chướng ngại điều thiện? Vì không cung kính tịnh giới Phật, Pháp, Tăng và bạn đồng học, người già, người trẻ nhỏ tuổi thì cao ngạo với họ; hướng đến năm dục; quay lưng với Niết-bàn, mà phát sinh ngã kiến, chúng sinh kiến, mạng kiến, nhân kiến; chấp không, khởi đoạn kiến; chấp có, khởi thường kiến, xa lìa Hiền thánh, thân cận phàm phu; bỏ người trì giới, nương tựa người phá giới; gần bạn ác, xa lánh bạn lành; nghe pháp sâu xa liền hủy báng; oai nghi không chân chánh; lời nói không đàng hoàng; phiền não che tâm, có nhiều xiểm nịnh; tham đắm lợi dưỡng, sinh năm ngã thứ mạng: một là họ sang giàu, hai là dòng dõi, ba là kiến thức hơn người, bốn là cõi nước, năm là đồ chúng; thấy ác thì giúp gặp thiện thì bỏ; khen ngợi người nữ trẻ em ngoại đạo; không thích sống nơi A-lan-nhã, ăn uống không biết đủ; không gần gũi thầy; tuy đọc tụng mà không biết giờ giấc; hoặc thấy thiện pháp cũng không có tâm tôn trọng; thấy ác không sợ, như voi không móc câu, như ngựa không dây cương buông lung không chế ngự; thường sân hận, không sinh tâm từ; thấy khổ không có lòng thương; gặp bệnh không chăm sóc, không sợ chết chóc; ở trong đống lửa, không mong thoát ra; việc nên làm mà không làm, không biết tính toán; suy nghĩ những điều không thể suy nghĩ; mong cầu những điều không thể mong cầu; chưa ra mà cho là ra; chẳng phải đường mà gọi là đường; chưa đắc mà gọi là đắc; xa lìa thiện pháp cho đến hủy báng Đại thừa; khen ngợi người Tiểu thừa, hủy báng người Đại thừa; khen ngợi người ít học, ưa thích đấu tranh; miệng nói thô tục; tâm không Từ bi, lại làm cho người khác sợ sệt, nói ra lời thô tục

bỉ ổi, không một lời chân thật; thích đắm trong hý luận không chịu lìa bỏ.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, thì những việc như vậy gọi là làm chướng ngại các thiện pháp.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, là diệt các hý luận, tu tập hạnh không, suy nghĩ như thế này: "Các cảnh giới được quán sát đều là không, tâm quán cũng như vậy; không thể có, không có sự sai khác giữa năng quán và sở quán, các pháp chỉ một tướng gọi là vô tướng; suy nghĩ như vầy, thì xa lìa tướng trong ngoài, nên không thấy thân, không thấy tâm, không thấy pháp. Cứ thế, liên tục tu chỉ và quán; quán là thấy pháp chân thật, chỉ thì nhất tâm không loạn. Bồ-tát tu quán thực hành như vậy rồi, liền được giới thanh tịnh, được giới thanh tịnh rồi thì hạnh cũng như vậy. Đó gọi là Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật quán hạnh thanh tịnh.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật là hộ trì kho tàng chánh pháp của Như Lai; nghe giảng và thọ trì chánh pháp là để giữ gìn chứ không vì lợi dưỡng. Vì giữ hạt giống Tam bảo không cho đoạn dứt, chứ không vì cung kính. Vì hộ trì người thực hành Đại thừa chứ không vì tiếng tăm. Vì những chúng sinh không có nơi quay về nương tựa để được cứu độ và được an lạc. Vì người không có Tuệ nhãn, nên làm cho được Tuệ nhãn. Vì người tu Tiểu thừa, nên chỉ bày đạo Thanh văn. Vì người muốn tu Đại thừa, thì thị hiện Đại đạo. Nghe pháp như vậy gọi là Vô thượng trí, không nhận lấy thừa hạ liệt.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, biết rất rõ các giới luật; nghĩa là giới luật và hành giới luật. Giới luật rất thâm sâu, rất vi diệu; giới luật về tịnh cùng bất tịnh, có mất hay không mất, giới luật biệt giải thoát; giới luật hàng Thanh văn, giới luật hàng Bồ-tát.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, đều biết rõ các giới luật như vậy.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, khéo biết tất cả oai nghi giới hạnh; khéo học giới Thanh văn, giới Bích-chi-phật, giới Bồ-tát. Đã thực hành giới hạnh rồi, nếu thấy oai nghi không chân chánh thì nên xa lìa và không hành không đúng chỗ. Hoặc thấy Sa-môn có oai nghi giới hạnh, thì sẽ thân cận, hoặc gặp Bà-la-môn tu học dị hạnh, khuyên tu giới luật, chân thật tu hành giới hạnh như vậy, tâm không dối trá nên tật đố được diệt trừ; tự mình thực hành bố thí, khuyên người thực hành bố thí và khen ngợi bố thí, thấy người bố thí sinh tâm vui mừng; không nghĩ như vầy: Hãy đem cho ta đừng cho người khác. Chỉ nên suy nghĩ: "Tất cả chúng

sinh có nhiều đói lạnh, khốn khổ; nguyện cho họ được của cải, đời này cho họ được an lạc. Do nghe pháp cho nên đời sau được an lạc. Ta nay phải tinh tấn tu đạo để cùng với chúng sinh đồng được xuất thế. Đó gọi là Đại Bồ-tát không có tâm ghen ghét; đối với chúng sinh đều được bình đẳng. Nếu thực hành Bố thí cho khắp tất cả chúng sinh và Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ cho đến khi đạt Nhất thiết chủng trí, cũng không có tu hai tâm. Vì sao? Vì pháp được tu và chúng sinh cùng với niệm là cảnh giới sẽ làm cho mau thành đạo quả. Đối với lửa sinh tử ta đã lìa khỏi, cũng làm cho người khác ra khỏi. Ví như trưởng giả có sáu người con, đều là trẻ con, nên thương nhớ không chênh lệch; trưởng giả ở ngoài nhà mà trong nhà đó lửa cháy.

Này đại vương! Ý ông như thế nào? Trưởng giả nghĩ như thế nào đối với sáu người con này, có nên cứu người trước người sau hay không?

Không, thưa Thế Tôn! Vì sao? Vì người cha kia đối với các con tâm đều bình đẳng.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy. Vì phàm phu tham lam đắm chấp ở nơi sáu đường nên ở trong hầm lửa sinh tử không biết thoát ra. Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật tâm bình đẳng, dùng tất cả phương tiện, khuyến dụ, giáo hóa người khác, làm cho họ ra khỏi và đều an trí trong cảnh yên tĩnh.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, đối với các pháp đều bình đẳng. Nghĩa là dùng pháp cúng dường Như Lai, tu hành chân thật để cúng dường Như Lai và làm lợi an lạc cho tất cả chúng sinh, hộ trì thiện pháp cho tất cả chúng sinh, tùy thuận chúng sinh mà khéo léo giáo hóa hành Bồ-tát đạo, thực hành không trái với lời nói, tâm không mỏi mệt để cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu được như vậy, mới gọi là cúng dường chư Phật, không phải vì mưu sinh mà làm việc cúng dường.

Này đại vương! Pháp là thân Phật, nếu cúng dường Pháp là cúng dường Phật.

Này đại vương! Chư Phật Thế Tôn, đều từ sự tu hành chân thật mà ra, đều làm lợi ích, an lạc cho chúng sinh và giữ gìn thiện pháp, tùy thuận chúng sinh. Nếu người không làm được như vậy thì trái với lời thệ nguyện, sẽ buông lung lười biếng, không thể thành tựu được tâm Bồ-đề. Vì các Đại Bồ-tát và chúng sinh cùng tồn tại Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu không có chúng sinh, làm sao Bồ-tát đắc được Bồ-đề.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, đem pháp cúng dường Như Lai gọi là chân chánh cúng dường; cúng dường như vậy

thì diệt trừ được ngã mạn; nghĩa là phải xa lìa thế tục; cạo bỏ râu tóc, đối với cha mẹ anh em thân thích, không còn quan hệ nhau, giống như mình đã chết; hình dáng, y phục, tướng mạo, khác thường; bưng bát đi vào thành quách, đến nhà quen hay nhà Chiên-đà-la, đều khiêm tốn khất thực, với suy nghĩ như thế này: Thân mạng ta lệ thuộc vào người khác, nhờ vào thức ăn của họ mà sinh sống. Do nhân duyên ấy mà ngã mạn được trừ bỏ, lại suy nghĩ rằng: "Ta nay nên tùy thuận theo Sư tăng, bậc Tôn trưởng và bạn đồng học, làm cho họ hoan hỷ. Người chưa từng nghe pháp làm cho họ nghe pháp. Nếu thấy người khác sân hận hơn thua với ta thì nên nhẫn nhục khiêm tốn tránh xa họ.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, là diệt trừ được ngã mạn.

Này đại vương! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, sẽ sinh niềm tin chân chánh kiên cố. Vì sao? Vì đã gieo trồng nhiều công đức ở quá khứ, nên căn lành mạnh mẽ, đầy đủ nhân lành, được thành tựu chánh kiến, không tin ngoại đạo, trong tâm thanh tịnh, không nương tựa các thầy khác, tâm hạnh ngay thẳng, chất phác, xa lìa giả dối, các căn lanh lẹ, trí tuệ đầy đủ, lìa các triền cái chướng ngại, tâm được thanh tịnh, xa lìa bạn ác gần gũi bạn lành, tìm cầu lời hay, không sinh lười biếng, nhờ nghe giáo pháp, biết được công đức của Phật.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Cầu xin Đức Đại Từ thương xót mà giảng giải cho con về công đức đại oai thần lực của Như Lai.

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ cho kỹ!

–Ta sẽ vì đại vương tuyên nói chút ít thần lực công đức của Như Lai.

–Lành thay, Thế Tôn! Con nguyện muốn nghe.

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Như Lai đầy đủ vô biên đại Từ chiếu khắp chúng sinh. Chúng sinh sẽ được bảo hộ cho đến mười phương cùng tận cõi hư không cũng đều chiếu hết, không thể đo lường. Lòng đại Từ của Như Lai, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát đều không bằng. Vì sao? Vì đó là pháp bất cộng; không một chúng sinh nào, ở mười phương thế giới, mà không được đại Bi chiếu đến.

Lại nữa, Như Lai nói pháp vô tận cho chúng sinh khắp mười phương, một kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp hoặc vô lượng kiếp, vì nhân duyên của mọi loài mà thuyết pháp vô tận. Tất cả các ngôn ngữ ý nghĩa câu nói của chúng

sinh hỏi Như Lai; thì trong chốc lát làm cho tất cả chúng sinh phân biệt được rõ ràng, không ai có thể phá hoại được.

Lại nữa, Như Lai tức là cảnh giới thiền định vô ngại, giả sử tất cả thế giới của chúng sinh, đều trụ ở địa thứ mười nhập vào các Tam-muội trăm ngàn ức kiếp, quán chiếu thiền định của Như Lai thì cũng không thể suy lường được.

Lại nữa, thân Như Lai vô lượng, vô biên, vì tùy theo người nào ưa thấy, thì ngay trong một niệm sẽ hiện ra vô số Như Lai. Như Lai lại có Thiên nhãn thanh tịnh, thấy hết tất cả thế giới với vô lượng chúng sinh, mỗi mỗi chúng sinh với mỗi mỗi thế giới. Như vậy tất cả sự việc trong thế giới, Như Lai đều thấy như xem quả A-ma-lặc trong lòng bàn tay. Mắt của loài người, trời đều không thể thấy được. Như Lai lại có Thiên nhĩ thanh tịnh; tất cả chúng sinh tùy theo chủng loài, có những âm thanh không đồng, Như Lai đều nghe và hiểu được nghĩa rõ ràng. Như Lai lại có Tha tâm trí thanh tịnh; tất cả các thế giới đều có chúng sinh, nghĩ, tưởng, tạo nghiệp hoặc bị mắc quả báo; Như Lai, Thế Tôn đi, đứng, nằm, ngồi chỉ với một niệm trong chốc lát, thảy đều rõ biết, vì Như Lai thường thiền định, không tán loạn.

Này đại vương! Chư Phật Như Lai không mất chánh niệm, tâm không tán loạn, căn không duyên cảnh khác, vì sao? Vì lìa phiền não tật khí nên rất thanh tịnh, vắng lặng, không có cấu uế; còn người có phiền não thì tâm tán loạn, tâm tìm cách duyên vào cảnh khác. Như Lai Thế Tôn lìa cấu nhiễm, được vô lậu, được tất cả pháp tự tại bình đẳng, thường ở trong Tam-muội chánh định.

Này đại vương! Như Lai dùng một oai nghi Tam-muội, cũng du hành được khắp nơi cho đến Niết-bàn; trời, người không thể nào biết được. Huống nữa, Như Lai ở trong vô lượng kiếp đã tu tập; vô lượng, vô biên, vạn ức Tam-muội. Vì đối với Như Lai thì không thể lường, không thể nghĩ bàn, không thể quán sát được.

Lúc bấy giờ Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con nghe Như Lai đã ba a-tăng-kỳ kiếp tu hành, mới được thành Phật; vì sao mà nói vô lượng kiếp tu tập?

Phật bảo:

–Này đại vương! Không phải như vậy, vì sao? Vì Đại Bồ-tát tu chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phải dùng vô lượng công đức và sức lực không phải chỉ bấy nhiêu kiếp ấy mà cho đến khi chứng được lý pháp bình đẳng mới gọi là thành Phật.

Thắng thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lành thay, lành thay! Tất cả chúng sinh, luôn thực hành các thiện pháp, xa lìa các nghiệp chướng, ưa thích quả Phật, tu hạnh Bồ-tát.

–Bạch Đức Thế Tôn! Hoặc có chúng sinh được nghe về sức thần thông của Như Lai, tâm sinh vui mừng, tin nhận khen ngợi phải biết người đó không lâu sẽ đạt được thần thông này. Huống nữa, nếu có người đọc tụng, biên chép, giảng nói, những người như vậy đều không thể nghĩ lường.

Phật dạy:

–Này đại vương! Đúng như vậy! Các chúng sinh này Như Lai ủng hộ vì đã trồng các căn lành, cúng dường vô số chư Phật ở quá khứ, mới có thể nghe được sức đại thần thông của Như Lai. Những thiện nam, thiện nữ nghe, tâm không nghi ngờ, trong bảy ngày, tắm rửa sạch sẽ, mặc y phục, dùng hương hoa cúng dường nhất tâm chánh niệm.

Bấy giờ, Như Lai liền hiện thần thông, làm cho họ được thấy Phật mà cúng dường, nếu có thiếu chút ít nhưng nhất tâm chánh niệm, khi lâm chung thì chư Phật cũng sẽ hiện tiền.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Thưa Đức Thế Tôn! Có chúng sinh nào, nghe nói công đức và thần lực của Như Lai mà không khởi tâm tin tưởng lại hủy báng không?

Phật bảo:

–Có chúng sinh đó, hoặc nghe pháp môn thần lực của Như Lai liền khởi sân hận không có tâm thiện. Đối với vị thầy nói pháp, tưởng là ác tri thức. Người này lúc chết sinh vào địa ngục. Nếu nghe thần lực công đức của Như Lai, có thể sinh lòng tin thọ, hoặc đối với vị thầy nói pháp, tưởng là Thiện tri thức, liền được làm người, trời cho đến thành Phật.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn hiện ra tướng lưỡi dài rộng, che cả mặt cho đến đỉnh đầu, che khắp thân, che cả tòa Sư tử, che cả chúng Bồ-tát, chúng Thanh văn, sau đó che trời Thích, Phạm, Hộ thế và tất cả đại chúng rồi thâu tướng lưỡi về.

Phật bảo đại chúng:

–Như Lai có tướng lưỡi này lẽ nào nói dối đại chúng, các ông đều tin thọ sẽ được an lạc lâu dài.

Khi nói pháp môn đó, trong hội chúng có tám vạn bốn ngàn Bồ-tát đắc được Vô sinh pháp nhẫn; vô lượng trăm ngàn chúng sinh xa lìa trần cấu, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh; vô lượng, vô biên chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

-oOo-

KINH THẮNG THIÊN VƯƠNG
BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 3

Phẩm 5: Pháp Tánh

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Ngài là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Ngài thường hoan hỷ nói về sức thần thông vi diệu. Vì sao các Đức Phật Như Lai được thần thông này? Cúi xin Thế Tôn giải rõ cho.

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Việc làm của chư Phật Như Lai sâu xa không thể nghĩ bàn, nên được quả như vậy.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chư Phật Như Lai thực hành những pháp gì mà gọi là sâu xa không thể nghĩ bàn?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Pháp tánh của chư Phật Như Lai nhân và quả không thể nghĩ bàn; pháp và công đức làm lợi ích cho chúng sinh cũng như vậy.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao nói pháp tánh không thể nghĩ bàn?

Phật dạy:

–Này đại vương! Từ vô thỉ các ấm, giới, nhập luôn nối tiếp với nhau trong chúng sinh; nhưng thể của pháp tánh thanh tịnh không bị ô nhiễm. Tất cả tâm thức không thể nương vào đó phát khởi, các quan sát và hiểu biết khác thì không thể phân biệt được. Những suy nghĩ bằng tà kiến cũng không thể duyên được; pháp đó xa lìa tà niệm nên vô minh không khởi; cho nên không từ mười hai nhân duyên mà sinh. Đó gọi là vô tướng, chẳng phải tác pháp, tự tướng của nó thường trụ, không sinh, không diệt, không cùng tận, không biên giới.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, biết được pháp tánh thanh tịnh như vậy, nên xa lìa được cấu uế, không bị nhiễm trước, cho nên vượt qua phiền não đạt đến giải thoát. Tánh này tức là pháp căn bản của chư Phật; công đức, trí tuệ nhân nơi đây mà phát sinh, thể tánh của nó sáng suốt thanh tịnh, không thể suy lường được.

Này đại vương! Ta nay dùng ví dụ để nói, ông hãy lắng nghe.

Vua thưa:

–Bạch Thế Tôn, con xin muốn nghe!

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Ví như viên ngọc như ý vô giá, nếu được mài dũa trang sức thì nó trong sáng rất đẹp. Khi rơi vào trong bùn lầy, trải qua thời gian rất lâu, nhưng thể của nó vẫn tròn sáng, không bị nhơ bẩn. Nếu có người nhặt được, giữ gìn thì không bị mất. Pháp tánh cũng vậy, tuy ở trong phiền não nhưng không bị ô nhiễm vẫn luôn hiện rõ.

Này đại vương! Chư Phật Như Lai đều biết tự tánh của chúng sinh là thanh tịnh, nhưng bị khách trần phiền não che lấp, nên không thể nhập được tự tánh. Vậy bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật phải nghĩ như thế này: "Ta sẽ dũng mãnh chuyên cần, tinh tấn tu tập, chỉ bày Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này cho chúng sinh để diệt trừ các phiền não. Tất cả chúng sinh đều có tự tánh thanh tịnh. Nên đối với họ đừng cho là thấp kém, phải tôn trọng, coi họ là Thầy của ta, cung kính đúng pháp." Bậc Đại Bồ-tát với tâm như vậy, liền sinh Bi, Trí, Lực lớn.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, như vậy thì đạt được địa vị không thoái chuyển.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, lại nghĩ thế này: "Các phiền não không có năng lực, tự thể của nó là hư vọng, trái nhau với thanh tịnh. Vì sao? Vì nó trái với Nhất thiết trí. Pháp tánh thanh tịnh là căn bản của các pháp, tự tánh của nó vốn không phiền não, hư vọng, đều từ tà niệm điên đảo sinh ra."

Này đại vương! Ví như bốn đại, nương tựa nơi hư không để đứng, nhưng hư không lại không có chỗ nương tựa. Phiền não cũng vậy, nương vào pháp tánh, nhưng pháp tánh không có chỗ để nương.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật quán biết như thật nên không sinh trái nghịch, do tùy thuận nên không sinh phiền não.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát, quán sát phiền não, không sinh

nhiễm trước; nếu bị nhiễm trước thì làm sao nói pháp xa lìa cho người khác. Cho nên, Đại Bồ-tát phải đoạn diệt tâm nhiễm trước, giảng dạy pháp như thật để mở trói buộc cho chúng sinh.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-lại nghĩ thế này: "Nếu trong sinh tử có một phiền não, vì lợi ích cho chúng sinh, ta sẽ nhận lãnh."

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-lại nghĩ như thế này: "Như xưa, chư Phật thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nên được hạnh như vậy. Vì sao? Vì chư Phật Như Lai thuở xưa còn ở nhân địa, cũng học như vậy; do hai nhân duyên này mà thành Chánh giác. Nên Bồ-tát dùng mọi phương tiện để biết được pháp tánh đó.

Này đại vương! Pháp tánh vô lượng, vô biên như vậy, nhưng bị các phiền não che lấp, nên chúng sinh bị chìm đắm, trôi lăn mãi trong sáu đường sinh tử, đó gọi là chúng sinh tánh.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, sinh tâm nhàm chán và diệt trừ tham dục năm trần; tu đạo Vô thượng thì tánh này, gọi là xuất ly. Vì vượt qua tất cả khổ, nên gọi là pháp vắng lặng, là pháp rốt ráo mà tất cả thế gian đều mong cầu. Nhất thiết chủng trí, thường trụ vi diệu, cũng nhân nơi pháp tánh này mà được tự tại và thọ nhận địa vị Pháp vương.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật; ở địa vị sơ, trung và thượng, quán sát tất cả pháp tánh, xưa nay đều bình đẳng và vắng lặng, đều không chướng ngại, giống như các sắc đều không thể đầy hư không. Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, biết như thật tất cả các hạnh, vì bình đẳng một tướng. Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, có thể trừ hai tướng: Nhân tướng và Pháp tướng. Tất cả phàm phu bị chấp chặt trói buộc nên không biết, không thấy, không đạt được pháp tánh. Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì thông đạt pháp tánh này, nhưng chúng sinh thì không hai, không khác, vì sao? Vì như như không khác.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nương vào pháp tánh này để tu tập các căn lành, vào trong ba cõi làm lợi ích cho chúng sinh. Tuy hiện vô thường mà chẳng phải chân thật. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thấy pháp tánh như thật, đầy đủ phương tiện đại Bi, nguyện lực không từ bỏ chúng sinh. Hàng phàm phu, Nhị thừa không có bản nguyện đại Bi như vậy, nên không thấy pháp tánh tròn đầy thanh tịnh.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật nên quán như thế này: "Pháp tánh của tất cả Thánh nhân không có người tu và

pháp để tu; không có người thực hành và pháp để thực hành; không có tâm và tâm pháp; không có nghiệp và quả báo; không khổ, không vui.” Người quán như vậy gọi là bình đẳng, không khác sự xa lìa và tùy thuận rộng lớn, không có ngã và ngã sở, không cao, không thấp. Nó chân thật, thanh tịnh, sáng suốt, thường trụ vô tận. Vì sao? Vì tất cả pháp của Thánh nhân do nơi đây mà thành tựu, cũng nhân nơi tánh này mà hiện bày Thánh nhân.

Này đại vương! Pháp bất cộng, với công đức vô biên của chư Phật Như Lai đều từ tánh này mà sinh, do tánh này mà ra.

Này đại vương! Tất cả giới, định, tuệ của Thánh nhân, do từ tánh này mà sinh; Bát-nhã ba-la-mật của chư Phật và Bồ-tát cũng từ tánh này mà ra. Tánh này vắng lặng, vượt qua các danh tướng, nó chân thật, xa lìa điên đảo, tánh chẳng biến đổi nên gọi là như; cảnh giới của Thánh trí, gọi là Đệ nhất nghĩa trí. Tánh này chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, chẳng phải sinh tử, chẳng phải Niết-bàn, chẳng phải nhiễm, chẳng phải tịnh, lìa một, lìa khác, không danh, không tướng.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, lại phải nghĩ thế này: “Pháp tánh lìa tướng và tất cả pháp đều lìa tướng, không hai, không khác.” Vì sao? Vì tất cả pháp lìa tướng thì pháp tánh lìa tướng; pháp tánh lìa tướng thì tất cả chúng sinh lìa tướng, đồng pháp giới lìa tướng; pháp giới lìa tướng thì tất cả pháp lìa tướng; lìa tướng như vậy, cầu không thể được. Vì pháp tánh như như, chúng sinh như như, đồng một không hai; chúng sinh như như, pháp tánh như như đồng một không hai; pháp tánh như như, tất cả pháp như như không hai không khác, tất cả pháp như như, chư Phật như như, không hai không khác; pháp tánh như như, quá khứ, hiện tại, vị lai như như, không trái nghịch; quá khứ như như, vị lai như như cũng không trái nhau; quá khứ, hiện tại, vị lai như như tức là ấm giới, nhập như như; ấm, giới, nhập như như tức là nhiễm tịnh như như; nhiễm tịnh như như tức là sinh tử; Niết-bàn như như, sinh tử Niết-bàn như như, tức là tất cả pháp như như.

Này đại vương! Những điều nói về như như nghĩa là không khác, không biến đổi, không sinh, chân thật, vô tránh. Do vô tránh, nên gọi là như như. Thấy biết như thật các pháp không sinh, các pháp tuy sinh nhưng như như bất động. Như như tuy sinh tất cả các pháp nhưng như như không sinh. Đó gọi là Pháp thân thanh tịnh, không biến đổi, giống như hư không, không gì bằng. Tất cả ba cõi không có một pháp nào sánh bằng hay một thân chúng sinh nào sánh bằng. Thanh tịnh, lìa cấu uế xưa nay không nhiễm, tự tánh sáng suốt thanh tịnh, không sinh không khởi; ở tại tâm ý thức nhưng chẳng

phải tánh của tâm ý thức; tức là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Khắp hư không thế giới và các chúng sinh vô lượng, vô biên; tất cả bình đẳng, không sai khác. Chẳng phải sắc nhưng không lìa sắc; chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức nhưng không lìa thọ, tưởng, hành, thức; chẳng phải địa, thủy, hỏa, phong đại nhưng không lìa địa, thủy, hỏa, phong đại; không sinh nhưng lìa sinh; tuy trái với sinh tử nhưng không thuận với Niết-bàn. Mắt không thấy, tai không nghe, mũi không ngửi, lưỡi không nếm, thân không xúc, ý không biết không ở tại tâm ý thức, nhưng không lìa tâm ý thức.

Này đại vương! Đó gọi là pháp tánh. Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát nhã ba-la-mật thông đạt pháp này, tu hành thanh tịnh thì ở trong tam thiên đại thiên thế giới, hoặc cõi Diêm-phù-đề, thành ấp, xóm làng Bồ-tát có thể thị hiện sắc thân khắp nơi; nhưng sắc thân ấy chẳng phải sắc, chẳng phải tướng mà hiện sắc, tướng; chẳng phải sáu căn, sáu cảnh mà giáo hóa chúng sinh luôn luôn không dừng nghỉ. Vì nói thân này là pháp vô thường, vô ngã, khổ, bất tịnh. Nhưng biết rõ chúng sinh có tánh vắng lặng. Bồ-tát có thể thị hiện vô lượng các loại thân, khéo dùng phương tiện thiện xảo để giáo hóa chúng sinh, làm cho nhận biết được tất cả thân, không có người tạo tác cũng không có người thọ nhận, giống như cây, như đá, Bồ-tát vì chúng sinh mà nói hạnh thanh tịnh.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, thông đạt pháp tánh nên được tự tại, không bị xao động liền sinh trí nghiệp nên đạt được du hý thần thông, thị hiện sự an trú tự tại và có thể hiển bày tất cả oai nghi, tự tại đạt đến Nhất thiết chủng trí và đều thấu triệt tất cả các pháp.

Này đại vương! Bát-nhã ba-la-mật tự tại như vậy, là vô tận tướng nhưng ở khắp mọi nơi; tuy không sắc nhưng hiện bày sắc. Tự tại quán sát khắp tâm ở chúng sinh, thấy tâm tánh như thật và tự tại nhớ nghĩ vô số kiếp nối nhau không dứt. Tự tại biến hóa trụ nơi tướng giải thoát, tự tại nơi lậu tận, nhưng vì chúng sinh nên không chứng lậu tận. Tự tại xuất thế: đó là cảnh giới tự tại sâu xa của bậc Thánh trí mà hàng Thanh văn và Duyên giác không thể so lường được. Tự tại mà kiên cố, ma không thể phá hoại được, mà còn có thể đến nơi đạo tràng để thành tựu Phật pháp tối thượng đệ nhất. Tự tại tùy thuận chuyển bánh xe pháp; tự tại điều phục, giáo hóa tất cả chúng sinh. Tự tại nhận lãnh địa vị là được pháp tự tại.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, thông đạt pháp tánh sâu xa như thật, nên được tự tại. Đại Bồ-tát tu các thiền định, giải thoát, đẳng trì của Bạt đề nên được tự tại này và không bị lệ thuộc vào

cảnh Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Vì sao? Vì xa lìa được tất cả phiền não trói buộc, giả dối, phân biệt, điên đảo, chấp tướng. Bồ-tát nếu có tự tại thọ sinh thì tự tại sinh ở nơi không có trói buộc, hoặc muốn hiện và diệt cũng được tự tại. Bồ-tát sinh ở chốn nào cũng luôn luôn hằng giữ Đại thừa thành tựu Phật pháp, nhưng ở nơi mười phương tìm cầu cho hết Phật pháp, đều không thể được. Vì tất cả các pháp đồng một Phật pháp, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tìm cầu pháp này là không thể được. Dùng lý chân như mà cầu là không thể được. Pháp đó không thể nói có, nói không, cũng không có danh tướng; nó vượt qua cảnh giới này, nên xa lìa danh tướng tức là bình đẳng. Nếu là pháp bình đẳng thì không chấp trước; mà pháp không thể chấp trước, tức là pháp chân thật; nếu chấp trước chân thật tức là giả dối. Ở đây, do không chấp trước nên không phải giả dối, không đắm trước thì tâm không ngại; không ngại tức là không chướng, không chướng tức là không tranh luận, không tranh luận là đồng với hư không. Pháp đó không lệ thuộc vào Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Do không lệ thuộc vào nơi nào, nên pháp ấy không sắc, không hình, tướng. Nếu pháp không sắc, không hình, không tướng, thì nên biết pháp đó như thật, tùy theo cảnh giới kia mà xa lìa chủ thể hiểu biết và đối tượng được biết. Vì sao? Vì trong đó không có một chút pháp giác ngộ nào và một chút pháp nào để giác ngộ; đó gọi là bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thông đạt pháp bình đẳng.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, quán đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, nhưng không thấy ta và chúng sinh, không thấy người, không thấy thọ mạng.

Tuy thực hành bố thí mà điều phục tâm, để lìa tâm giới tường, nhưng luôn luôn trì giới thanh tịnh. Dùng tâm vô tận để tu hành nhẫn nhục; dùng tâm viễn ly để tu hành tinh tấn; dùng tâm vắng lặng để tu tập thiền định; dùng tâm không vướng mắc để tu hành trí tuệ; nhờ tâm để tu bốn Niệm xứ; dùng tâm bình đẳng tu tập Chánh cần; lìa tâm hý luận tu tập các Thần túc; phân biệt chúng sinh mà quán sát các Căn; lìa tâm lầm lỗi tu tập các Lực, dùng tâm phân biệt quán sát Giác phần; dùng tâm không có công dụng tu tập chánh đạo; tâm không chấp trước mà có lòng tin thanh tịnh, trí tuệ tự nhiên nhớ nghĩ các pháp; dùng tâm bình đẳng trí tu các Tam-muội; dùng tâm không phân biệt để quán sát Bát-nhã ba-la-mật; dùng tâm ngừng nghĩ để tu định; dùng tâm không chỗ thấy để tu quán; dùng tâm không chỗ niệm mà để tu niệm Phật; dùng tâm bình đẳng, thông đạt pháp giới để tu niệm Pháp; dùng tâm không chỗ trụ để tu niệm Tăng; dùng bản tâm thanh tịnh để giáo hóa chúng sinh; dùng không khởi lên sự phân biệt phân biệt pháp

giới để thâu nhiếp tất cả pháp; dùng tâm như hư không để trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật; dùng tâm không sở đắc để được Vô sinh pháp nhẫn; dùng tâm không thoái lui để được quả vị không thoái chuyển; nhờ tâm xa lìa tướng nên không thấy có tướng, dùng tâm bình đẳng khắp ba cõi để trang nghiêm đạo tràng. Tâm có thể hiểu biết tất cả các pháp, nên đối với việc Chuyển pháp luân mà không thấy có nghe nói. Thị hiện Niết-bàn thì biết rõ bản tánh của sinh tử vốn bình đẳng.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, quán sát các pháp không thấy người quán và pháp quán, như vậy liền được rong chơi tự tại. Vì sao? Vì tự tâm thanh tịnh nên thấy tất cả chúng sinh cũng thanh tịnh.

Này đại vương! Ví như hư không đầy khắp tất cả, thì Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật tâm cũng như vậy.

Khi nói pháp này xong, trong đại chúng có bốn vạn tám ngàn người và trời, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác; có ba vạn hai ngàn Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn; có tám vạn bốn ngàn chúng sinh được Pháp nhãn thanh tịnh, xa lìa trần cấu; một vạn hai ngàn Tỳ-kheo đều được lậu tận.

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tâm được thanh tịnh, sâu rộng như biển, công đức trí tuệ không thể so lường được. Đại Bồ-tát có thể hiện ra ở đời, đem các công đức quý báu để cứu độ chúng sinh, cho đến khi rốt ráo thành Phật, nhưng công đức Bồ-tát không thể hết. Ví như biển lớn sinh ra nhiều thứ báu.

Trí tuệ của Bồ-tát sâu xa khó thấu hiểu được, nên hàng Thanh văn, Duyên giác không thể sánh kịp. Cũng như biển lớn, thú nhỏ không thể vào được. Trí tuệ của Bồ-tát rộng lớn vô biên. Vì sao? Vì không chấp trước, không trụ, không sắc, không tướng. Trí tuệ của Bồ-tát từ ban đầu cho đến sau cùng, theo thứ lớp càng sâu xa, từ khi mới phát tâm Bồ-đề, cho đến được Nhất thiết trí thì pháp của Bồ-tát cũng vẫn như vậy; không cùng ở chung với phiền não và ác tri thức. Trí tuệ của thế gian nếu đi vào trong trí tuệ của Bồ-tát thì trở thành một tướng một vị. Bởi vì Nhất thiết trí vô tướng nên không có vị phân biệt.

Bậc Đại Bồ-tát quán sát tất cả pháp, nhưng không thấy có pháp tăng, giảm. Vì sao? Vì thông đạt pháp tánh bình đẳng sâu xa. Đại Bi, đại Lực của Bồ-tát không trái với bản nguyện, đây là chỗ nương tựa của tất cả Thánh nhân. Vì các chúng sinh mà Bồ-tát trọn đời nói pháp không bao giờ thôi.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thông

đạt pháp tánh sâu xa như thế.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát có thể thông đạt các pháp nói về đạo lý của người thế tục (Thế đế). Tuy nói các sắc mà chẳng phải có thật sắc, tìm cầu sắc này thì hoàn toàn không nắm giữ được. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Tuy nói địa mà chẳng phải chân thật là địa, tìm cầu địa thì hoàn toàn không thể nắm giữ được… Thủy, hỏa, phong, không, thức cũng lại như vậy. Tuy nói nhãn nhập thật chẳng phải chân thật là nhãn nhập, tìm cầu nhãn nhập thì hoàn toàn không thủ trước được…, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý lại cũng như vậy. Tuy nói ngã nhưng chẳng phải chân thật là ngã, tìm cầu ngã thì hoàn toàn không thể thủ trước được. Mạng chúng sinh được người nuôi dưỡng, thì người làm, người thọ, người thấy người biết đều cũng như vậy. Tuy nói thế gian nhưng chẳng phải chân thật là pháp thế gian, tìm cầu pháp thế gian thì hoàn toàn không thể thủ trước được. Tuy nói Phật pháp nhưng chẳng phải chân thật là Phật pháp, tìm cầu Phật pháp thì hoàn toàn không thể thủ trước. tuy nói Bồ-đề nhưng chẳng phải chân thật là Bồ-đề, tìm cầu Bồ-đề thì hoàn toàn không thể thủ trước được.

Này đại vương! Nếu các lời nói đều là đạo lý của người thế tục, nó chẳng phải chân thật nhưng không có nó thì không thể nói được Đệ nhất nghĩa đế.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thông đạt pháp của người thế gian nhưng không trái với Đệ nhất nghĩa đế; nhờ thông đạt được pháp đó, nên biết các pháp không sinh, không diệt, không hoại, không đây không kia đều lìa ngôn ngữ văn tự hý luận.

Này đại vương! Đệ nhất nghĩa đế vắng lặng, lìa lời nói; nó là pháp không thể biến hoại, là cảnh giới của Thánh trí. Nếu Phật ra đời hay không ra đời thì tánh tướng của nó vẫn thường trụ; đó gọi là Bồ-tát thông đạt Đệ nhất nghĩa đế.

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không sinh, không diệt, tự tánh là không, là xa lìa. Vậy tại sao có Phật ra đời Chuyển pháp luân? Tại sao Bồ-tát đối với pháp không sinh mà thấy có sinh?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Pháp không diệt cho nên không sinh. Vì sao? Vì tánh không biến đổi, nhưng do nhân duyên của người thế tục thấy có sinh, diệt; tất cả đều là giả dối, chẳng chân thật có.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng phương tiện thiện xảo thấy được pháp nhân duyên, liền biết pháp của người thế gian đều là

không, không có, không thấy chắc thật, giống như ảnh tượng huyễn hóa của bóng nắng, như tiếng vang, dựa vào nhân duyên mà sinh nên nó lay động không dừng. Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, quán sát các pháp là không, cho đến các pháp từ nhân duyên sinh ra, phải suy nghĩ thế này: "Các pháp bình đẳng này, nay thấy có sinh, có trụ, có diệt." Vậy nhân duyên nào sinh và nhân duyên nào diệt; liền biết là do nhân duyên vô minh sinh các hành, nương nơi hành mà sinh thức, thức sinh danh sắc, danh sắc sinh nhập lục, nhập lục sinh xúc, xúc sinh thọ, phàm phu khởi sinh ái, do khát ái nên sinh thủ, nhân nơi thủ nên hữu nối nhau, do hữu nên có sinh, do sinh nên có lão, do lão nên có tử và ưu, bi, khổ, não. Cho nên tu hành phải đoạn vô minh, nếu đoạn vô minh thì mười một phần còn lại cũng đều diệt. Ví như thân người nếu đoạn mạng căn, thì các căn còn lại không hoạt động được.

Này đại vương! Bọn ngoại đạo tà kiến muốn cầu giải thoát, nhưng chỉ muốn diệt sự chết mà không biết diệt sự sinh; nếu pháp không có sinh thì không có diệt. Ví như có người cầm cục đất ném vào sư tử, sư tử đuổi theo bắt người đó, còn cục đất dừng lại. Bồ-tát cũng vậy, chỉ đoạn sinh thì tử tự diệt. Ví như con chó chỉ biết rượt theo cục đất mà không biết rượt theo người, nên đất cứ ném mãi không dứt. Ngoại đạo cũng vậy, không biết đoạn sinh nên cũng không lìa được tử.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, như vậy là đã khéo biết do nhân duyên nên các pháp có sinh có diệt.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, biết các pháp do nhân duyên sinh là không, không thật có, nên không sinh ngã mạn. Nếu sanh vào nhà Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Cư sĩ, Trưởng giả, thì cũng không khởi lên ngã mạn về sự tôn quý và giàu có. Còn nếu sinh vào nhà nghèo hèn thì nên biết nghiệp của mình đời trước không thanh tịnh, bị quả báo thấp kém, tâm sinh nhàm chán liền cầu xuất gia, nên suy nghĩ thế này: "Như thân này của ta, đã được xa lìa nghiệp chướng, lại tu nghiệp thanh tịnh, làm cho tự mình thanh tịnh và khiến người khác cũng vậy. Tự mình cứu độ rồi lại cứu độ người khác; tự mình cầu thoát ly rồi lại mở sự trói buộc cho người khác."

Do nhân duyên này, liền được tinh tấn, không còn biếng lười; ác pháp, chướng đạo đều được đoạn trừ; thiện pháp trợ đạo đều được tăng trưởng, tu hành chuyên cần tinh tấn. Bồ-tát suy nghĩ thế này: Ta vì gánh vác việc này, nên phải tự diệt tất cả phiền não, độ thoát chúng sinh, không được lười biếng.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, phải gần gũi Sư tăng, nghe ít, nghe nhiều, có biết, không biết, trì giới, phá giới. Nên sinh lòng tưởng nhớ cung kính các vị đồng học như Phật. Suy nghĩ: "Ta nay nương nơi Thầy học tập, việc tu thiện chưa hoàn thành thì làm cho đầy đủ, phiền não chưa đoạn diệt thì làm cho đoạn diệt, ủng hộ pháp thiện xa lìa pháp ác, dùng Nhất thiết chủng trí và ruộng phước đại Bi vắng lặng mà thương xót chúng sinh như bậc Thầy của trời, người. Ta là bậc Thầy khéo làm được việc tốt, tất cả trời người phụng sự Pháp vương, coi đó là bậc Đại sư.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, suy nghĩ thế này: "Phật dạy tịnh giới, dù bỏ thân mạng cũng không hủy phạm. Như Thế Tôn nói, làm theo lời Ngài dạy tức là cúng dường chư Phật. Nếu Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Cư-sĩ, Trưởng giả, đem tất cả các loại thức ăn uống, tín tâm cúng dường thì Bồ-tát phải như pháp mà thọ dụng, không làm mất lòng tin vào quả báo của họ. Kẻ cúng dường, người thọ nhận đều được lợi ích. Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Cư-sĩ, Trưởng giả lấy danh của Sa-môn mà tưởng là danh của Bồ-tát để làm ruộng phước thì Bồ-tát nên phải như lý, như lượng mà tu hành chánh pháp, khiến cho công đức của Sa-môn được hiển bày như ruộng phước công đức. Bồ-tát thực hành và giáo hóa người khác như vậy chưa từng thôi nghỉ."

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tu hành như vậy thì có thể tùy thuận tất cả thế gian. Thấy người sân hận sinh tâm khiêm nhường, thấy người ngã mạn sanh tưởng không ngã, thấy người tà vạy quanh co sanh tưởng ngay thẳng, thấy người nói dối thì nói như thật, đối với người ác khẩu thường nói lời hòa ái, thấy người cang cường thì hiện nhu hòa, thấy người độc ác thì thực hành từ nhẫn, thấy người có pháp tà thì sinh lòng đại Từ, thấy chúng sinh khổ thì sinh lòng đại Bi, thấy người keo kiệt thì thực hành bố thí.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tùy thuận thế trí như vậy thì sinh vào cõi Phật thanh tịnh. Vì sao? Vì trì giới không khiếm khuyết, xa lìa các tạp uế, tu tâm bình đẳng ở nơi chúng sinh, đầy đủ các căn lành, không đắm trước danh lợi, lòng tin thanh tịnh, không mong cầu phước báo, siêng năng tu hành, không sinh lười biếng, tu các thiền định, lìa pháp tán loạn, dùng trí tuệ vi diệu mà học tập nghe nhiều, các căn không khuyết tật, đầy đủ trí thông minh, thường tu đại Từ, xa lìa sân hận phiền não, do nhân duyên này nên sinh và cõi Phật thanh tịnh.

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói! Tu pháp bình đẳng và giữ giới

thanh tịnh thì sinh vào cõi Phật. Vậy tu hành đủ một hạnh thì cũng sinh vào nơi cõi Phật?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Nếu có bậc Đại Bồ-tát như đã nói ở trước, trong tất cả các pháp nếu tịnh tu một hạnh liền đủ các pháp; một hạnh như thế thì được sanh tịnh độ. Vì sao? Vì trong mỗi một hạnh có đầy đủ các hạnh.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, được sanh tịnh độ, không sinh ở thai uế trược. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát tạo đắp tượng Phật, tu sửa chốn già-lam, tô láng nền tháp Phật bằng chất thơm và cúng dường trước tháp Như Lai, hoặc dùng nước thơm lau rửa tượng Phật, hoặc quét dọn, rưới nước láng nền trong đất chùa. Bậc Đại Bồ-tát cúng dường săn sóc cha mẹ, thầy, bạn đồng học và các vị Sa-môn, với tâm bình đẳng cúng dường tất cả. Vì tất cả chúng sinh mà hồi hướng những căn lành này, tất cả cùng hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng giác; khiến được thanh tịnh.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, liền được xa lìa thế tục. Vì sao? Vì tâm không chấp trước, không đắm nhiễm bè đảng xấu ác, không chạy theo các cảnh giới, xa lìa và không đắm nhiễm cảnh giới duyên ái; như thật tu hành giới do Đức Thế Tôn dạy, thiểu dục, tri túc, tùy nghi bốn việc. Hướng đến sự biết đủ, khi có lỗi lầm thường sợ sệt, ưa ở nơi vắng lặng, muốn xa lìa tất cả.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, không đắm trước pháp thế tục thì liền được đời sống thanh tịnh; miệng, ý và oai nghi không nguỵ tạo, không dối trá. Đối trước thí chủ, thân không giả dạng oai nghi dối trá, đi lại từ tốn, an nhiên nhìn về trước sáu tấc; nhưng sau đó nếu không có đàn-việt lại ăn nói buông lung; ở trước thí chủ không vì lợi dưỡng mà hạ giọng nói lời nhỏ nhẹ, êm ái, hoa mỹ, vuốt đuôi theo ý lời của họ; nhưng sau lưng đàn-việt liền tự buông thả phóng túng. Thấy người bố thí thì miệng nói không dùng, nhưng trong tâm lại rất mong muốn. Như vậy gọi là trong tâm bị phiền não thiêu đốt. Miệng nói thiểu dục nhưng trong tâm lại tham lợi dưỡng.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, đều không có tướng lừa dối và xa lìa việc cầu lợi dưỡng. Nếu thấy đàn-việt không được nói là ba y hư rách, bình bát thiếu thốn, hoặc cần thuốc thang. Đối trước thí chủ, không được nói đàn-việt tên gì đó cúng cho tôi vật này. Nếu người ấy cho rằng ta có tâm đại Bi học rộng nghe nhiều, trì giới thanh tịnh; tuy khen ngợi như vậy, nhưng ta không có đức này thì ta chỉ biết tu

hành để báo ân thí chủ.

Bậc Đại Bồ-tát không nên khen mình, chê người như vậy; để thuận theo bạch y mà cầu lợi dưỡng. Nếu họ bố thí cho người khác, mình không nên bực bội và không được gièm pha để lấy tài vật ấy; không được dối trá làm thân thiện để hại người khác mà lấy của cải; không đùa giỡn với người khác để lấy đồ vật. Đàn-việt có ý định bố thí, khen ngợi người nói pháp, hoặc cho đại chúng mà chưa nghĩ, hoặc chưa quyết định cho thì Bồ-tát không được gợi ý xen vào để lấy phần. Nếu nhận của bố thí không nên chấp trước; cái này ta có, cái này là vật của ta thì phải liền bố thí trở lại cho Sa-môn, Sư tăng hoặc Cha mẹ và cho những người túng thiếu, thọ dụng bình đẳng. Nếu tài vật hết, không nên sinh lòng phiền muộn, hoặc vài ngày không được bố thì thì tâm không nên khổ não.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát nếu nhận của bố thí và cho trở lại, cả hai đều thanh tịnh. Tâm thực hành thanh tịnh nên không mệt mỏi, vì sao? Vì bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật là vì lợi ích chúng sinh nên ở mãi trong sinh tử mà không nhàm chán. Nếu có việc của ma làm khổ sở, bức bách thì tâm sẽ không thoái chuyển. Nếu người muốn thực hành đạo Nhị thừa, liền vì đó mà nói pháp không sợ mệt nhọc. Bồ-tát tự tu để trợ giúp cho pháp Bồ-đề không có nhàm chán.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật tinh tấn như vậy, thì có thể thuận theo chánh hạnh của Phật đã dạy. Vì sao? Vì bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, là xa lìa mọi sự buông lung, tâm luôn cẩn thận, khéo hộ trì tự thân, không làm các điều ác, các pháp bất thiện. Miệng và ý cũng vậy.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tuy ở hiện tại nhưng luôn sợ tất cả các điều ác, các pháp bất thiện; ở vị lai, nên quyết đoạn trừ chúng để không cho phát sinh. Lời nói đúng lý, thường thuyết pháp để giảng dạy, không nói lời phi pháp và bỏ hết nghiệp uế trược, liền tu tịnh hạnh không hủy báng lời Phật dạy, xa lìa pháp bất tịnh và phiền não. Đó gọi là ủng hộ pháp của Như Lai. Tất cả các điều ác, các pháp bất thiện đều đoạn dứt sạch.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, thuận theo lời dạy thanh tịnh của Phật như vậy. Thấy chúng sinh thì nét mặt tươi cười, không nhăn nhó; sở dĩ như vậy là tâm do đã lìa uế trược, các căn thanh tịnh, lìa cấu lìa nhiễm, tâm không sân hận và trong lòng không thù hằng.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, liền được đa

văn; quán sát sinh tử biết như thật các lửa dục hừng hực, lửa sân thiêu đốt, lửa ngu si thường làm cho mê loạn; cũng biết như thật pháp hữu vi là vô thường, tất cả các pháp hành khổ là vô ngã. Chúng sinh trong thế gian thì đắm trước vào hý luận. Trong tất cả các pháp, chỉ có Niết-bàn mới là vắng lặng. Nếu nghe người khác nói phải liền nghĩ cách, để truyền trao cho mọi người cùng phát khởi tâm đại Từ bi kiên cố. Nếu không được nghe pháp thì không có suy nghĩ và tu tập. Cho nên nghe pháp là cái gốc để có trí tuệ, cũng giống như văn tự vậy. Tất cả trí tuệ nhân nơi đây mà phát sinh, nếu đã được đa văn tức hộ trì được chánh pháp.

Này đại vương! Vào thời mạt pháp trong tương lai, khi chánh pháp bị diệt, trong đó cũng có chúng sinh siêng năng, tu hành nhưng không gặp ánh sáng của pháp, vì không có người nói pháp sâu xa.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát liền diễn nói pháp mầu sâu xa. Đó là Bát-nhã ba-la-mật để làm cho chúng sinh được giới, định, tuệ.

Bồ-tát lại khen rằng:

–Này thiện nam! Ở đời mạt pháp, khi chánh pháp bị hủy diệt như vậy, mà ông có thể phát tâm Bồ-tát cầu Vô thượng Chánh đẳng giác, để làm lợi ích cho chúng sinh. Ba đời chư Phật đã thực hành pháp Bát-nhã ba-la-mật này, nếu ông siêng năng tu tập pháp này thì không xa Vô thượng Chánh đẳng giác. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật này không lìa Bồ-đề.

Ví như có người trồng lúa đã trổ bông, thì biết chắc chắn không lâu sẽ thu hoạch. Bồ-tát cũng vậy, cầu Vô thượng Chánh đẳng giác, mà được nghe Bát-nhã ba-la-mật thì sẽ biết chắc chắn Phật không còn xa.

Này đại vương! Nếu thiện nam, tín nữ nào mà lìa bỏ Bát-nhã ba-la-mật, thì ngoài ra không có pháp nào nương tựa để cầu Chánh đẳng giác. Cũng như con vua mà bỏ vua cha để cầu người khác làm thái tử, thì quyết không thể được. Bồ-tát cũng vậy, cầu Nhất thiết trí thì quyết phải nhân nơi Bát-nhã ba-la-mật mà được.

Ví như nghé con muốn bú sữa, phải nhờ vào mẹ nó; nếu đến trâu khác thì không thể được.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thường làm con của vị Pháp vương, gần gũi pháp Bát-nhã ba-la-mật để trang nghiêm thân tướng, giống như lấy hoa đẹp trang sức thân tướng; các căn đầy đủ thường đi đến chỗ của Như Lai, thực hành theo con đường mà Như Lai đã giác ngộ, để được giác ngộ và cứu hộ chúng sinh bị khổ não ở thế gian. Khéo thông đạt lời Phật dạy, thường tu phạm hạnh để giữ gìn thành quách Nhất thiết trí của Như Lai.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, là con

của Pháp vương; nên Phạm vương, Đế Thích thường giúp đời cũng phải tôn trọng. Vì sao? Vì thực hành Bồ-tát đạo, được quả vị không thoái chuyển nên tất cả các ma không thể quấy nhiễu. An trụ nơi pháp Phật, thông đạt tất cả lý không, bình đẳng; nên không tin ngoại duyên. An trụ nơi trí tuệ của Phật như thế thì không ở chung với Thanh văn và Bích-chi-phật, vượt khỏi thế gian trụ nơi Vô sinh pháp nhẫn.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, có thể biết như thật tâm tham dục, sân, si của tất cả chúng sinh, cũng biết như thật tâm thiện và tâm kiên cố. Biết như thật rồi thì nhất nhất phải dùng các pháp đối trị để có thể khéo léo giáo hóa chúng sinh.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nếu có chúng sinh muốn thấy thân Phật để hóa độ họ thì Đại Bồ-tát liền hiện thân Phật vì họ mà nói pháp; chúng sinh muốn lấy thân Bồ-tát hóa độ, thì hiện thân Bồ-tát; chúng sinh muốn lấy thân Bích-chi-phật nhận sự giáo hóa, liền hiện thân Bích-chi-phật; chúng sinh muốn lấy thân Thanh văn nhận sự giáo hóa, liền hiện thân Thanh văn; chúng sinh muốn lấy thân Phạm vương, Đế Thích, Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Trưởng giả, Cư sĩ để nhận sự giáo hóa, thì đều vì họ mà thị hiện độ thoát.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, để giáo hóa chúng sinh; nếu Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì tâm tánh từ hòa, chánh trực, vui mừng, không có các tâm dua nịnh, tật đố, cấu uế. Tâm phải luôn luôn thanh tịnh, lời nói diệu hòa, xa lìa ác khẩu và luôn thực hành nhẫn nhục để gần gũi chúng sinh.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, thì được an lạc tại chỗ. Sở dĩ như vậy là bởi vì Bồ-tát có đầy đủ chánh kiến và thanh tịnh kiến, hạnh thanh tịnh nếu được thực hành thì cảnh giới cùng với tâm tương ưng. Nếu tâm trái với pháp bất thiện thì cảnh giới là chỗ nhiễm uế, đều không thể thực hành hạnh thanh tịnh.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, thấy người đồng học thì sinh tâm hoan hỷ. Nếu có tài vật, hoặc pháp thì cùng mọi người dùng chung và chỉ hành một đạo, đó là Phật đạo. Chỉ lấy Phật làm Thầy chứ không tôn thờ người khác.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, thì an lạc tại chỗ, đầy đủ nhiếp pháp để nhiếp thọ chúng sinh; lấy bố thí an lạc, bố thí lợi ích và bố thí vô tận để giáo hóa chúng sinh; dùng lời nói lợi ích có ý nghĩa như pháp và lời nói chân thật để giáo hóa chúng sinh. Dùng tài vật, lợi ích bình đẳng, thân lợi ích bình đẳng, mạng lợi ích bình đẳng,

đồ dùng riêng tư lợi ích bình đẳng để giáo hóa chúng sinh.

Này đại vương! Bố thí lợi ích tức là bố thí pháp. Bố thí an lạc tức là bố thí tài vật. Bố thí vô tận tức là chỉ bày con đường giác ngộ. Lời nói lợi ích là để cho người kia làm việc thiện. Lời nói có ý nghĩa thì làm cho người kia thấy chân lý. Lời nói đúng như pháp là thuận theo lời Phật đã dạy. Lời nói không sai tức là nói pháp như thật. Tài vật lợi ích bình đẳng là những thứ ăn được, nhai được, uống được, hút được, nếm được và y phục…. Thân lợi ích bình đẳng là bảo vệ để lợi ích thân mình và làm cho người khác cũng như vậy. Mạng lợi ích bình đẳng là trân châu, lưu ly, san hô, mã não, những cái gì bên ngoài, mạng. Đồ dùng riêng tư lợi ích bình đẳng là voi, ngựa, xe để cỡi và tất cả tịnh tài.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, thấy mình thực hành và đem cho người khác đều như nhau.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật nên có thân hình tốt đẹp, thường tu tập oai nghi vắng lặng, oai nghi không giả dối, oai nghi thanh tịnh; mọi người ưa nhìn trong ngoài ôn hòa, ai nhìn xem cũng đẹp lòng vui thích, không nhàm chán. Tất cả chúng sinh đều yêu mến và kính trọng, hoặc có ai thấy liền phát thiện tâm. Nếu người sân hận mà thấy, sân hận liền được giải thoát.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, xinh đẹp như vậy, thì nên nhận làm nơi nương tựa để chúng sinh gần gũi, làm cho phiền não tiêu diệt, có thể dẫn dắt chúng sinh ra khỏi sinh tử mênh mông vô biên, có thể độ chúng sinh thoát hiểm nạn ở thế gian. Làm bạn thân cho những người không có quyến thuộc, làm vị lương y trị bệnh phiền não, làm người cứu hộ cho những người không được cứu giúp, làm chỗ quay về nương tựa cho những người không có nơi quay về nương tựa, làm ngọn đuốc pháp cho chúng sinh vô minh.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, vì các chúng mà làm chỗ nương tựa, như cây thuốc lớn trị các tật bệnh.

Ví như cây đại thọ Thiện kiến, gốc, rễ, nhánh, lá, hoa, quả, sắc, hương, vị, xúc đều trị lành bệnh cho chúng sinh.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, cũng như vậy. Từ khi mới phát tâm, vì các chúng sinh mà chữa trị các thứ bệnh phiền não, nên công đức trí tuệ của Đại Bồ-tát, nếu có người tật bệnh thấy nghe đều được lành bệnh.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, thường cùng với công đức tương ưng, tùy theo khả năng mà cúng dường Tam bảo. Ai có tật bệnh

liền bố thí thuốc thang, hoặc thấy đói khát liền Bố thí đồ ăn uống, hoặc thấy lạnh rét liền bố thí áo mặc, tận tâm phụng sự Sư tăng, Hòa thượng; người đồng học Phật pháp thì nên chắp tay cung kính, tạo lập già-lam, bố thí ruộng vườn. Tùy theo khả năng của mình mà bố thí cho chúng Tăng, cho đến việc phục dịch sai bảo cũng liệu tình nghĩa lý đúng như pháp. Khi nghe tên Sa-môn, Bà-la-môn tu hành đạo hạnh, đức độ thì luôn luôn tìm đến tận nơi.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, có thể phát sinh các việc lành; có thể dùng các phương tiện thiện xảo để giáo hóa chúng sinh.

Ở trong cõi Phật này, tuy thân không di động, mà có thể dạo khắp vô lượng thế giới chư Phật để học hỏi chánh pháp.

Ở cõi Phật này thân tuy không di động, nhưng dạo khắp vô lượng thế giới chư Phật, để nghe nhận chánh pháp.

Ở cõi Phật này, thân tuy không di động, nhưng thị hiện ở vô lượng cõi nước chư Phật, để cúng dường các Đức Như Lai.

Ở cõi Phật này, thân tuy không di động, nhưng dạo khắp vô lượng thế giới chư Phật, để thành tựu tư lương Vô thượng Bồ-đề.

Ở cõi Phật này, thân tuy không di động, nhưng dạo khắp vô lượng thế giới chư Phật; nếu thấy có Bồ-tát thành Phật thì cung kính cúng dường.

Ở cõi Phật này, thân tuy không di động, nhưng thị hiện thành đạo ở vô lượng thế giới.

Ở cõi Phật này, thân tuy không di động, nhưng thị hiện chuyển pháp luân ở vô lượng cõi Phật.

Ở cõi Phật này, thân tuy không di động, nhưng thị hiện Niết-bàn ở vô lượng cõi Phật.

Ở cõi Phật này, thân tuy không di động, nhưng vì muốn được độ cho người mà hiện thân ở vô lượng cõi Phật để cho họ đều thấy mà không có tát ý phân biệt.

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao Đại Bồ-tát thị hiện tất cả hóa thân mà tâm không phân biệt?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Ví như mặt trời, mặt trăng chiếu khắp bốn châu thiên hạ mà có phân biệt đâu, ta chiếu xuống thiên hạ, làm ánh sáng để cho chúng sinh bị nghiệp báo, tự cảm nhận là ánh sáng mặt trời, mặt trăng chiếu xuống thiên hạ.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật cũng lại như vậy. Tuy hiện hóa thân mà không phân biệt. Vì sao? Vì chúng sinh đời trước đều có thiện nghiệp.

Đại Bồ-tát từ xưa khi mới tu hành, đã phát nguyện độ chúng sinh, do nguyện lực này mà tùy theo ý nghĩ mà ứng hiện, nhưng không có tâm phân biệt.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng phương tiện thiện xảo giáo hóa chúng sinh như vậy, thì mau đạt đến Vô thượng Chánh đẳng giác. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đã thực hành đầy đủ bố thí, trì giới thanh tịnh không thiếu sót tạp loạn nên được giới tụ thanh tịnh. Vượt qua cảnh giới của Thanh văn và Bích-chi-phật, đầy đủ nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, phương tiện, nguyện lực trí, công đức bất cộng của Như Lai Thế Tôn. Tất cả đã đầy đủ nên vượt qua được cảnh giới Thanh văn và Bích-chi-phật.

Này đại vương! Bồ-tát Sơ địa cho đến Thập địa, thực hành Bát-nhã ba-la-mật tu hành như vậy thì được Vô thượng Chánh đẳng giác.

Khi nói pháp môn này, trong chúng hội có hai vạn Thiên tử đạt được Pháp nhẫn thanh tịnh, xa lìa trần cấu; ba vạn Đại Bồ-tát chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn; tám vạn bốn ngàn người và trời phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác; vô lượng trăm ngàn ức Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, thảy đều chắp tay, vây quanh núi Kỳ-xà-quật, để tán thán Như Lai; vô lượng trăm ngàn chúng Dạ-xoa, vây quanh núi Kỳ-xà-quật, rải các hoa sen như mưa; mười phương vô lượng hằng hà sa thế giới Bồ-tát đều đến tập hợp khen ngợi Như Lai Thế Tôn.

Thế Tôn vui vẻ vì các Bồ-tát mà nói pháp Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này. Nhân nơi pháp Bát-nhã ba-la-mật này mà có được Trời, Người, Tu-đà-hoàn hướng; Tu-đà-hoàn quả, cho đến A-la-hán hướng, A-la-hán quả; đạo Bích-chi-phật; Thập địa của Bồ-tát, mười Ba-la-mật, mười Lực của Như Lai; bốn Vô sở úy; mười tám pháp Bất cộng, Nhất thiết chủng trí. Tất cả đều từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra.

–Bạch Thế Tôn! Ví như tất cả chúng sinh trong thế gian đều nương vào hư không, nhưng hư không, không có chỗ nương. Bát-nhã ba-la-mật cũng vậy, là căn bản của các pháp mà tự nó không dựa vào đâu cả. Chúng con nguyện, ở đời vị lai, vì các Đại Bồ-tát mà nói pháp Bát-nhã ba-la-mật, như Phật đang nói; nói xong, lại dùng nhiều thứ hương hoa rải khắp chỗ của Như Lai.

Lúc bấy giờ, tại núi Kỳ-xà-quật, Thiên thần và những người tập hợp

đến giữa hư không, tán thán rằng: "Chúng con ghi nhớ ở đời quá khứ đã có vô lượng chư Phật, ở trong núi Kỳ-xà-quật này, nói pháp Bát-nhã ba-la-mật, cũng như ngày hôm nay."

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chư Thiên ở giữa hư không làm sao biết được ở đời quá khứ, Phật nói pháp Bát-nhã ba-la-mật?

Phật dạy:

–Này đại vương! Các chư Thiên này, đều trụ giải thoát, nên không thể nghĩ bàn, vì vậy mà họ có thể biết việc làm lâu xa ở quá khứ.

Này đại vương! Khi xưa ta còn làm Bồ-tát, cũng đã từng sinh vào cảnh giới của Thiên thần kia, thấy vô lượng Đức Phật thành đạo nói pháp cho đến Niết-bàn. Ta thường tán thán, chắp tay lễ bái. Vì sao? Vì cảnh giới của Thiên thần này mạng sống rất lâu dài.

Bấy giờ, trong chúng có một vị Thiên tử tên là Quang Đức, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chư Phật, Bồ-tát thì phải ở cõi thanh tịnh; thế giới Ta-bà này lại không thanh tịnh, tại sao Thế Tôn xuất hiện ở cõi này?

Phật bảo Thiên tử Quang-Đức:

–Chỗ ở của chư Phật Như Lai, không có cảnh giới uế trược. Lúc đó Thế Tôn liền dùng thần lực, hiện tam thiên đại thiên thế giới này, mặt đất bằng phẳng như bàn tay, hoàn toàn bằng lưu ly, không có các thứ núi, đồi, gò, đống, gai gốc,… khắp nơi tụ họp các thứ báu như hương hoa, cỏ mềm; có suối chảy, có ao để tắm với nước tám công đức, nhiều tầng, nhiều bậc với cây cối, hoa quả bằng bảy thứ báu, có nói pháp không thoái chuyển cho Bồ-tát. Nơi đó không có phàm phu, chỉ thấy mười phương các Đại Bồ-tát. Không còn nghe âm thanh khác, chỉ nghe tiếng Bát-nhã ba-la-mật. Mọi nơi đều có hoa sen xanh, hồng, đỏ, trắng lớn như bánh xe. Trong mỗi một hoa đều có Bồ-tát ngồi kiết già. Ngay lúc đó thấy Như Lai ở trong đại chúng đang vì các Bồ-tát mà nói pháp sâu xa và có vô lượng trăm ngàn Phạm thiên, Đế Thích hộ đời, đi nhiễu quanh trước sau cung kính cúng dường, tôn trọng, ngợi khen Như Lai:

–Hy hữu Thế Tôn, hy hữu Thế Tôn! Ngài nói pháp không có giả dối, chân thật không hai. Đúng như Thế Tôn đã nói! Là chư Phật ở nơi không có uế trược, chỉ vì chúng sinh phước mỏng nên thấy không thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, tín nữ mà được nghe danh tự Bát-

nhã ba-la-mật đã là hy hữu, huống chi lại thọ trì, biên chép, đọc tụng và vì người khác diễn nói.

Phật dạy:

–Nếu có thiện nam, tín nữ nào ở vô lượng trăm ngàn kiếp; dùng tâm không chướng ngại bố thí tài vật cho người khác; hoặc có người đem lòng tin thanh tịnh biên chép kinh này, truyền trao cho mọi người, thì công đức nhiều hơn sự bố thí tài vật kia. Vì sao? Vì bố thí tài vật thì có thể hết, nhưng bố thí pháp thì vô tận. Vì tài thí chỉ có được ở thế gian, hoặc người hoặc trời mà từ xưa đã được rồi lại được nữa, như vậy sẽ trở đi trở lại trong vòng đọa lạc. Nếu lấy pháp mà bố thì, thì xưa nay chưa được, nay mới có được thì đó là Niết-bàn. Nên tất cả chúng sinh, trong tam thiên đại thiên thế giới, nếu có người giáo hóa thì đều được an trụ trong mười điều thiện. Nếu thiện nam, tín nữ nào dùng lòng tin thanh tịnh thọ trì, đọc tụng Bát-nhã ba-la-mật và vì người khác giảng nói, thì công đức hơn ở trước. Vì tất cả pháp lành đều từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra vậy.

Nếu tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới, có người giáo hóa thì đều có thể đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật; hoặc lại có người với lòng tin vững chắc, thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh Bát-nhã ba-la-mật thì công đức hơn trước. Vì sao? Vì pháp của Thanh văn, Bích-chi-phật đều trong Bát-nhã ba-la-mật sinh ra. Tất cả pháp của Đại Bồ-tát từ trong Bát-nhã ba-la-mật mà ra. Nhân nơi Bát-nhã ba-la-mật này nên mới có Phật ra đời. Nơi nào có Bát-nhã ba-la-mật thì nên biết đó là Bồ-đề đạo tràng, là nơi chuyển pháp luân, phải nên nhớ nghĩ chỗ này là Đại sư của ta; Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri cũng đang ở chỗ này. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đều từ Bát-nhã ba-la-mật mà sinh ra. Nếu có người cúng dường hình tượng Như Lai, không bằng cúng dường Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì ba đời chư Phật đều từ nơi Bát-nhã ba-la-mật này mà sinh.

-oOo-

KINH THẮNG THIÊN VƯƠNG
BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 4

Phẩm 6: Bình Đẳng

Lúc bấy giờ Thắng Thiên vương từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu làm lễ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói pháp tánh bình đẳng, thế nào là bình đẳng và những pháp nào gọi là bình đẳng?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Bình đẳng là quán các pháp không sinh, không diệt, tự tánh vắng lặng. Tất cả phiền não, giả dối, phân biệt, không sinh không diệt tự tánh vắng lặng, gọi là bình đẳng. Danh tướng, vọng tưởng không sinh, không diệt, tự tánh vắng lặng gọi là bình đẳng. Diệt trừ các điên đảo, không sinh tâm phan duyên gọi là bình đẳng. Khi tâm năng duyên đã diệt, thì vô minh hữu ái đều vắng lặng. Si ái đã diệt, nên không sinh ngã và ngã sở, gọi là bình đẳng. Ngã và ngã sở diệt, thì danh sắc vắng lặng, gọi là bình đẳng vì danh sắc diệt nên biên kiến chẳng sanh gọi là bình đẳng. Chấp đoạn, chấp thường đã diệt thì thân kiến vắng lặng, gọi là bình đẳng.

Này đại vương! Tất cả phiền não năng thủ sở thủ chướng ngại pháp lành đều nương vào thân kiến mà sinh ra. Bậc Đại Bồ-tát diệt được thân kiến thì tất cả nghiệp tạo tác và kết sử đều đoạn dứt và vắng lặng.

Ví như cây lớn, nếu nhổ gốc rễ thì cành lá đều bị chết khô. Cũng như người không đầu thì chết. Tất cả phiền não cũng như vậy, nếu đoạn thân kiến thì kết sử tự diệt.

Này đại vương! Nếu có người quán các pháp không có ngã, thì năng thủ và sở thủ đều vắng lặng.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao phát sinh ngã kiến thì che mất lý chân thật?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Đối với thân năm ấm, vọng chấp có ngã thì liền sinh ngã kiến. Nhưng pháp chân thật tự tánh vốn bình đẳng, không có năng chấp, sở chấp, ngã kiến trái ngược nên gọi là chướng.

Này đại vương! Như vậy ngã kiến không ở trong, không ở ngoài, không ở trong và ngoài; nên không có chỗ trụ, gọi là vắng lặng, tức là bình đẳng. Xa lìa ngã kiến, thấu rõ bình đẳng, gọi là quán chân thật không; tức là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Tự tánh vắng lặng không sinh, không diệt, không thủ, không trước, xa lìa ngã kiến gọi là bình đẳng.

Này đại vương! Nói về ngã tức là không đi; không đến; không có phân biệt chân thật hay giả dối pháp từ nơi vọng mà có cũng gọi là hư vọng. Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật quán sát các pháp như vậy, xa lìa hư vọng nên gọi là vắng lặng, bình đẳng.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng phương tiện thiện xảo, có thể biết như thật các phiền não bị đoạn diệt; vì thiện pháp tăng trưởng nên phiền não bị đoạn trừ, nhưng không thấy có sinh, không thấy có diệt, gọi là bình đẳng. Tu pháp Ba-la-mật xa lìa ma chướng, nhưng không thấy pháp để tu và không thấy pháp để xa lìa, gọi là bình đẳng. Bồ-tát thường ra sức trợ giúp pháp Bồ-đề, không có sinh tâm Thanh văn và Bích-chi-phật. Đối với việc trợ giúp pháp Bồ-đề, không thấy có tướng khác của Thanh văn và Duyên giác, gọi là bình đẳng. Tâm duyên vào Nhất thiết trí, thì không dừng nghỉ, thường tu hạnh không và dùng đại Bi lực để không từ bỏ chúng sinh, nên gọi là bình đẳng.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, với đầy đủ phương tiện, liền được tâm duyên tự tại. Dùng tâm duyên vô tướng, để tu pháp giác ngộ nhưng không thấy có pháp vô tướng và giác ngộ khác nhau, nên gọi là bình đẳng. Tâm duyên vô nguyện không bỏ ba cõi; nhưng không thấy vô nguyện và ba cõi khác nhau, nên gọi là bình đẳng. Quán thân bất tịnh, tâm phải trụ thanh tịnh; quán hạnh vô thường, tâm trụ ở sinh tử mà không nhàm chán xa lìa; quán chúng sinh khổ, tâm trụ ở Niết-bàn; quán pháp vô ngã thì phát tâm đại Bi đối với các chúng sinh; thường vì chúng sinh nói thuốc bất tịnh không thấy bệnh tham; thường nói đại Bi không thấy sân hận; thường nói nhân duyên không thấy ngu si và nhiều bệnh tật; nói thuốc vô thường nên không thấy các bệnh và vô thường khác.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng sức phương tiện như vậy; đối tất cả các pháp, tâm duyên tự tại; duyên pháp ly dục để giáo hóa Thanh văn; duyên pháp lìa sân hận là giáo hóa Bích-chi-phật; duyên pháp lìa ngu si là giáo hóa Bồ-tát; duyên tất cả sắc là nguyện được sắc thân

vô sở đắc của Phật. Tâm duyên các âm thanh là nguyện được âm thanh vi diệu của Như Lai; tâm duyên các mùi hương là nguyện được giới hương thanh tịnh của Như Lai; tâm duyên các mùi vị bậc nhất là nguyện được vị ở trong tướng đại trượng phu bậc nhất của Như Lai; tâm duyên các xúc là nguyện được bàn tay mềm mại của Như Lai; tâm duyên các pháp là nguyện được tâm vắng lặng của Như Lai; tâm duyên pháp bố thí là nguyện được thành tựu thân tướng tốt đẹp; tâm duyên tịnh giới là nguyện được cõi Phật thanh tịnh; tâm duyên nhẫn nhục là nguyện được âm thanh đại Phạm của Như Lai, thân tỏa hào quang thanh tịnh; tâm duyên tinh tấn là nguyện độ chúng sinh; tâm duyên thiền định là nguyện được thành tựu các đại thần thông, tâm duyên trí tuệ là nguyện đoạn tất cả kiến hoặc phiền não; tâm duyên đại Từ, bình đẳng, không ngại là để làm cho chúng sinh đều được an lạc; tâm duyên đại Bi là nguyện hộ trì chánh pháp; tâm duyên đại Hỷ là nguyện được nói pháp ưa thích cho chúng sinh; tâm duyên đại Xả là nguyện không thấy phiền não kết sử của chúng sinh.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng sức phương tiện không thấy hai việc, gọi là hạnh bình đẳng. Tâm duyên bốn Nhiếp pháp là để giáo hóa chúng sinh; nương theo lỗi tật đố mà xả bỏ tư tài; nương theo lỗi phá giới, để trụ giới thanh tịnh; nương theo lỗi sân hận để trụ nhẫn nhục; nương theo lỗi lười biếng nên được Phật lực; nương theo lỗi tán loạn, nên được thiền định vắng lặng của Như Lai; nương theo lỗi trí tối tăm nên được trí tuệ vô ngại của Như Lai. Tâm duyên với Thanh văn và Bích-chi-phật là vì muốn thành tựu vô thượng Đại thừa; tâm duyên với đường ác vì muốn cứu giúp tất cả chúng sinh; tâm duyên với chư Thiên là vì biết tất cả đều bị hư hoại; tâm duyên các chúng sinh là vì biết không chắc thật; tâm duyên nơi niệm Phật nên được thành tựu thiền định và trợ đạo; tâm duyên nơi niệm Pháp nên được thông đạt các pháp tạng bí mật; tâm duyên nơi niệm Tăng nên được quả vị không thoái chuyển; tâm duyên nơi niệm xả nên không ái trước; tâm duyên nơi niệm giới nên được giới thanh tịnh; tâm duyên nơi niệm Thiên nên thành Phật được chư Thiên khen ngợi; tâm duyên nơi tự thân nên được thân Phật; tâm duyên nơi miệng nên được kim khẩu của Phật; tâm duyên nơi ý nên được tâm bình đẳng của Như Lai; tâm duyên nơi hữu vi nên được trí Phật; tâm duyên nơi vô vi nên được vắng lặng.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật không có một tâm, một hạnh nào mà không hướng đến Nhất thiết trí. Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật duyên khắp các pháp mà không bị đắm trước, xem thấy các pháp đều đưa đến giác ngộ nên gọi là phương tiện thiện

xảo.

Này đại vương! Ví như đại địa trong tam thiên đại thiên thế giới sinh ra các vật để mọi người đều dùng vậy.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, các cảnh giới đã duyên đều con đường lợi ích để đưa đến giác ngộ. Ví như các sắc đều nhân nơi bốn đại mà thành. Như vậy, Bồ-tát duyên các cảnh giới, không có một pháp nào mà không đưa đến giác ngộ. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát tu tập các hạnh, đều nhân nơi duyên bên ngoài mà được thành tựu. Như nhân nơi người keo kiệt mà Bồ-tát thành tựu được Bố thí ba-la-mật; nhân nơi người quên ân mà Bồ-tát thành tựu được Trì giới ba-la-mật; nhân nơi tánh ác, sân hận của chúng sinh mà Bồ-tát thành tựu Nhẫn nhục ba-la-mật; nhân nơi người lười biếng mà Bồ-tát thành tựu Tinh tấn ba-la-mật; nhân nơi người tán loạn mà Bồ-tát Thiền định ba-la-mật, nhân người ngu dốt mà Bồ-tát thành tựu Trí tuệ ba-la-mật.

Nếu có chúng sinh làm não hại Bồ-tát, thì nhân đấy Bồ-tát không sanh tâm sân hận.

Nếu thấy người tu hành pháp lành hướng đến giác ngộ, thì Bồ-tát cứ xem như là thân của con mình.

Nếu thấy người khen ngợi, thì Đại Bồ-tát không sanh vui mừng và chê cũng không sân hận.

Thấy chúng sinh khổ thì Bồ-tát sinh tâm đại Bi, thấy chúng sinh vui thì sinh tâm đại Hỷ.

Nếu chúng sinh khó giáo hóa thì Bồ-tát thương tưởng, phát tâm vắng lặng, chúng sinh nhân đó mà tin và thực hành; nên Bồ-tát liền được trí tuệ và sự biết ân.

Nếu thấy ác duyên bên ngoài của chúng sinh mạnh và nhân thiện ở bên trong yếu, thì Bồ-tát phát tâm ủng hộ.

Nếu Bồ-tát thấy chúng sinh cậy nơi sức mạnh, thời dùng mọi phương tiện làm cho họ nhận sự giáo hóa.

Nếu Bồ-tát thấy trí tuệ của chúng sinh được khai ngộ, hiểu rõ nghĩa lý, thì nói pháp sâu xa cho họ.

Nếu người có trí tuệ thì Bồ-tát theo thứ lớp mà nói pháp.

Nếu có người chấp trước văn tự thì Bồ-tát nói nghĩa lý cho họ.

Bồ-tát nói pháp quán cho những người đã tu pháp chỉ và nói các Tam-muội cho những người đã tu pháp quán.

Nếu có người chấp trước trì giới thì Bồ-tát nói địa ngục, còn không

chấp trước thì không nói.

Bồ-tát nói pháp tư duy và tu tập cho người chấp trước việc nghe; nói trí tuệ cho người chấp trước thiền định; nói pháp viễn ly cho người ưa nhàn vắng; nói Thánh trí cho người muốn nghe công đức của Phật; nói pháp bất tịnh cho người tham dục; nói pháp từ bi cho người sân hận; nói pháp duyên sinh cho người ngu si, nói tất cả pháp bình đẳng cho mọi người, như: nói bất tịnh, hoặc nói từ bi, hoặc nói nhân duyên, hoặc nói tịnh giới, thiền định, trí tuệ... để giáo hóa chúng sinh.

Nếu có chúng sinh nào thích hợp nhận sự giáo hóa của Phật thừa thì Bồ-tát theo thứ lớp nói pháp Ba-la-mật; chúng sinh thích hợp nhận sự giáo hóa bằng khống chế, thì Bồ-tát trước bác bỏ lời nói của họ, nhưng sau đó nói pháp cho họ.

Nếu chúng sinh thích hợp nhận sự giáo hóa bằng lời nói, thì Bồ-tát liền nên vì đó mà nói pháp nhân duyên và thí dụ làm cho họ được hiểu rõ; ai muốn được giáo hóa bằng pháp sâu xa, thì Bồ-tát liền vì đó mà nói Bát-nhã ba-la-mật và sức phương tiện; không nhân, không ngã và không nói pháp tướng người chấp thấy chúng sinh thì nói pháp không. Người có nhiều giác quán nên nói vô tướng; người ưa đắm pháp hữu vi thì nói vô nguyện. Chấp trước nơi năm ấm chúng sinh thì nói huyễn hóa. Chấp trước nơi giới chúng sinh thì nói không chỗ có. Chúng sinh chấp trước nơi nhập của chúng sinh thì nói như mộng. Chúng sinh chấp trước nơi Dục giới thì nói thiêu đốt; hoặc chấp trước nơi sắc giới thì nên nói hành khổ; hoặc chấp trước nơi Vô sắc giới thì nói hạnh vô thường. Chúng sinh khó giáo hóa thì khen ngợi thánh chủng. Chúng sinh dễ giáo hóa thì nói các thiền định và tâm vô lượng; ai thích được giáo hóa muốn sanh lên trời thì nên nói pháp an lạc. Người muốn được giáo hóa bằng pháp Thanh văn, thì nên nói Tứ đế; người muốn được giáo hóa bằng pháp Bích-chi-phật, thì nên nói pháp nhân duyên; người thọ nhận giáo hóa bằng pháp Bồ-tát thì nên nói tâm thanh tịnh và pháp đại Bi. Người tu hạnh Bồ-tát thì nên nói công đức trí tuệ; các Bồ-tát không thoái chuyển thì nên nói cõi Phật thanh tịnh; bậc Nhất sinh bổ xứ thì nên nói đạo tràng trang nghiêm; người lấy lời Phật nói mà nhận sự giáo hóa thì nên liên tục nói theo thứ lớp.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành thanh tịnh Bát-nhã ba-la-mật, dùng sức phương tiện nên được tự tại, nói pháp lợi ích không có sai lầm.

Khi Bồ-tát nói pháp môn tự tại này, trong chúng có ba ngàn người và trời phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, năm ngàn Bồ-tát được Vô sinh

pháp nhẫn.

Lúc bấy giờ Thế Tôn vui vẻ mỉm cười. Theo thường lệ, khi Phật mỉm cười thì ở giữa mặt phóng ra các luồng hào quang lớn, màu xanh, vàng, đỏ, trắng, màu tía và pha lê chiếu khắp vô lượng, vô biên thế giới, lên đến cõi trời Sắc cứu cánh, rồi trở lại cõi Phật nhiễu bên phải ba vòng rồi thâu vào đảnh đầu của Phật.

Lúc bấy giờ, ngài Đại trí Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật cúi đầu đảnh lễ mà bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chư Phật Như Lai không vì đại nhân duyên thì không hiện tướng tốt hiếm có này. Nay Đức Thế Tôn phóng hào quang, chiếu khắp mười phương vô lượng thế giới, vì nhân duyên gì! Nguyện xin Ngài nói cho?

Lúc bấy giờ, Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Này thiện nam! Thắng Thiên vương này, vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ kiếp về quá khứ, đã ở nơi chư Phật, tu hành các Ba-la-mật, vì các Bồ-tát mà giữ gìn pháp Ba-la-mật, như vậy đến đời vị lai trải qua vô lượng trăm ngàn a-tăng-kỳ kiếp để thành tựu Vô thượng Bồ-đề tư lương, sau đó mới được Vô thượng Chánh đẳng giác. Danh hiệu Phật là Công Đức Trang Nghiêm, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Nước đó tên là Nghiêm tịnh; kiếp số tên là Thanh tịnh; cõi đó giàu có nhân dân an lạc, trong nước hoàn toàn là chúng Bồ-tát. Nước đó đều trang hoàng oai nghiêm bằng bảy thứ báu.

Đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não, trân châu. Bảy thứ báu trộn lại thành đất, bằng phẳng như bàn tay, dùng thứ cỏ mềm và hương hoa để trang sức. Cõi đó không có các thứ đồi núi, gò nỗng, gai gốc, dùng rất nhiều cờ phướn quý báu để trang hoàng, Thành đó tên là Nan phục, dùng lưới bảy báu che ở trên thành và treo đầy những chuông vàng.

Ngày đêm sáu thời, chư Thiên giữa hư không tự trỗi lên các thứ nhạc trời, rải các thứ hương và hoa trời. Nhân dân cõi đó hoan hỷ thọ nhận các dục lạc hơn ở cõi trời Tha hóa. Người, trời tự do qua lại, không có ba đường ác, chúng sinh cõi đó chỉ cầu trí Phật, không có tên Nhị thừa.

Phật Thế Tôn vì các Đại Bồ-tát có đức hạnh cao cả mà nói pháp thanh tịnh, vô lương, vô biên quyến thuộc của Bồ-tát không có người phá giới, tà mạn, ác kiến, không có câm ngọng, đui điếc, mù lòa, lõa hình và các căn không đầy đủ. Đều đầy hai mươi tám tướng tốt đẹp để trang nghiêm thân.

Đức Phật sống lâu tám tiểu kiếp, chúng trời người không có chết yểu.

Này thiện nam! Đức Phật ở cõi nước đó, có vô lượng các công đức như vậy. Khi muốn nói pháp, phóng hào quang chiếu khắp cõi nước, các Bồ-tát gặp được ánh sáng đó, liền biết Thế Tôn nói pháp, chúng ta đến nghe cho đúng lúc.

Lúc bấy giờ, chư Thiên trải tòa Sư tử, cao một trăm do-tuần, cho Đức Thế Tôn, cúng dường vô lượng thứ báu để trang nghiêm tòa đó.

Đức Thế Tôn liền ngồi trên tòa nói pháp cho chúng sinh. Các Bồ-tát thông minh, lanh lợi, một khi nghe pháp liền ngộ vô ngã và ngã sở. Ở đây thức ăn, uống và đồ cần dùng, chỉ cần nhớ nghĩ thì liền được.

Khi nói pháp môn thọ ký cho Thắng Thiên vương, trong chúng có năm vạn trời, người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác và nguyện đời vị lai sẽ sinh nơi cõi nước đó.

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương nghe mình được Thế Tôn thọ ký, tâm vui mừng chưa từng có, liền vọt lên hư không cao đến bảy cây Đa-la.

Lúc bấy giờ, tam thiên đại thiên thế giới, đều chấn động sáu cách, các thứ nhạc trời không đánh mà tự nhiên trỗi lên, rải các thứ hoa trời để cúng dường Phật và Thắng Thiên vương.

Lúc đó, Thắng Thiên vương từ giữa hư không hạ xuống, cúi đầu lễ Phật rồi ngồi qua một bên.

-oOo-

PHẨM 7: Hiện Tướng

Lúc bấy giờ, Đại trí Xá-lợi-phất nói với Thắng Thiên vương:

–Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, thông đạt pháp tánh, thì phải ngồi đạo tràng để chuyển pháp luân ngay, vì nhân duyên gì mà phải tu khổ hạnh và hàng phục ác ma trước?

Thắng Thiên vương trả lời Xá-lợi-phất:

–Này thiện nam! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, thật ra không có tu khổ hạnh, vì hàng phục ngoại đạo nên thị hiện khổ hạnh mà sự thật thì Thiên ma không thể phá hoại. Vì là chủ của cõi Dục, nên thị hiện để hàng phục, giáo hóa chúng sinh.

Này Xá-lợi-phất! Ngoại đạo tự cho khổ hạnh là đệ nhất, cho nên Bồ-tát thị hiện khổ hạnh để vượt hẳn ngoại đạo.

Này Xá-lợi-phất! Nếu có chúng sinh thấy Bồ-tát chỉ đứng co một chân, hoặc thấy Bồ-tát đứng bằng hai tay, hoặc thấy Bồ-tát đứng nhìn mặt

trời, hoặc thấy Bồ-tát dùng năm lửa để đốt thân, hoặc thấy Bồ-tát đứng chổng đầu xuống đất, hoặc thấy Bồ-tát nằm trên gai nhọn, hoặc nằm trên phân trâu, hoặc ngồi trên đá dăm, hoặc nằm trên đất, hoặc nằm trên ván, hoặc nằm trên chông, hoặc nằm trên bụi đất, hoặc mặc áo mỏng, mặc áo vải gai, mặc áo vỏ cây, hoặc lõa hình, hoặc mặc áo cỏ tranh, hoặc mắt nhìn mặt trời và xoay theo mặt trời, hoặc ăn gạo đắng, hoặc ăn lúa tẻ, ăn gốc cỏ và thứ lá cây khác, ăn quả, ăn hoa, ăn củ mài, ăn khoai lang, ăn cây gai, ăn gạo hoặc uống nước để qua ngày, hoặc ăn một cọng rau để qua ngày, một giọt sữa, một giọt mật, hoặc không ăn hoặc hiện ngủ say.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát thị hiện tất cả khổ hạnh như vậy, trong suốt sáu năm không thiếu một việc. Bồ-tát thật không có khổ hạnh như vậy, nhưng vì chúng sinh thấy có; bởi Bồ-tát thị hiện khổ hạnh là để độ thoát cho chúng sinh, do có sáu mươi na-do-tha người an trú nơi ba thừa nên Bồ-tát thị hiện khổ hạnh.

Này Xá-lợi-phất! Lại có trời người, đời trước trồng căn lành sâu, ưa pháp Đại thừa thì thấy Bồ-tát ngồi đài bảy báu, thân tâm không động, nét mặt vui cười, nhập định Tam-muội, như vậy trải qua sáu năm mới xuất định.

Này Xá-lợi-phất! Lại có chúng sinh ưa pháp Đại thừa sâu xa, muốn lắng nghe thì thấy Bồ-tát ngồi yên mà nói pháp.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng sức phương tiện đại Bi hóa độ tất cả chúng sinh, có thể hàng phục Thiên ma và các ngoại đạo.

Bậc Đại Bồ-tát sau sáu năm liền xuất định. Ngài thuận theo pháp thế gian đi đến sông Ni-liên-thiền, tắm rửa xong đứng bên bờ sông thấy có một cô mục đồng, chọn lấy một con trong một trăm con bò sữa; sau đó lấy sữa con này nấu cháo dâng cúng Bồ-tát. Lại có sáu ức Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, đều đem thức ăn uống đến dâng cúng và nói:

–Đại sĩ, xin nhận sự cúng dường của chúng con! Chánh sĩ, xin hãy nhận sự cúng dường của chúng con!

Bồ-tát đều nhận tất cả, nhưng cô gái chăn cừu và Thiên, Long, Dạ-xoa… đều không thấy nhau, mỗi một vị trời đều thấy Bồ-tát riêng nhận sự cúng dường đó.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát thị hiện hận sự cúng dường để cho chúng sinh nhân nơi đó thấy mà ngộ đạo. Nhưng Bồ-tát này thật sự không có tắm rửa và nhận sự cúng dường.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng

sức phương tiện thị hiện đi đến đạo tràng. Khi ấy, có trời Địa-cư tên là Diệu Địa cùng các Thiên thần quét dọn vùng đất này và rải các thứ hoa báu, rồi dùng nhiều thứ nước hương để rưới chỗ ấy, cho đến khắp tam thiên đại thiên thế giới và dưới núi Tu-di, trời Tứ Thiên vương và chúng trời làm mưa các hoa trời, trời Tam thập tam và trời Dạ-ma ở giữa hư không khen ngợi và trỗi các thứ nhạc trời, vua San-đâu-suất-đà ở cõi trời Đâu-suất-đà dùng lưới bằng bảy báu che khắp thế giới, bốn góc đều treo những chuông bằng vàng đều mưa hoa cúng dường Bồ-tát và vua Thiện hóa ở cõi trời Lạc hóa, dùng lưới bằng vàng ròng che thế giới, trỗi các thứ nhạc và mưa hoa cúng dường Bồ-tát các Thiên tử cõi trời Tha hóa tự tại, cùng các Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân... mỗi mỗi sắp đặt cúng dường mọi thứ. Trời Tự tại cùng với vua trời Đại phạm, chủ thế giới Ta-bà, thấy Bồ-tát đi đến đạo tràng, liền bảo tất cả Phạm thiên:

–Này thiện nam! Các ông phải biết, bậc Đại Bồ-tát này dùng thân lớn vững chắc để tự trang nghiêm, không trái với lời nguyện, tâm không biếng nhác, tất cả hạnh Bồ-tát đều đầy đủ và thông đạt. Ngài giáo hóa vô lượng chúng sinh, các địa vị của Bồ-tát đều được tự tại; đối với các chúng sinh, tâm luôn thanh tịnh, khéo biết căn tánh, thông đạt Mật tạng sâu xa của Như Lai, vượt qua các việc làm của ma, tất cả căn lành không theo ngoại duyên, ủng hộ vô lượng chư Phật, có thể vì chúng sinh mở cửa giải thoát. Ngài là Bậc Đại Sư dẫn đường, xô dẹp các thứ ma; Ngài là người mạnh mẽ số một của đại thiên thế giới. Ngài là đại y vương khéo cho thuốc pháp để giải thoát cho tất cả và nhận ngôi vị Pháp vương, phóng ánh sáng của trí tuệ, không nhiễm tám pháp của thế gian, như hoa sen lớn. Ngài thông đạt tất cả Đà-la-ni sâu xa như biển, an trụ bất động như núi Tu-di, trí tuệ thanh tịnh không có cấu uế như ngọc ma-ni, đối với tất cả pháp được tự tại, phạm hạnh thanh tịnh.

Này thiện nam! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng sức phương tiện, đến đạo tràng; ngồi cội Bồ-đề để hàng phục ác ma, thành tựu mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng, chuyển đại pháp luân, phát ra tiếng rống sư tử lấy pháp bố thí làm cho chúng sinh đều được đầy đủ. Vì muốn chúng sinh được Pháp nhãn thanh tịnh, nên dùng chánh pháp vô thượng hàng phục ngoại đạo. Muốn thành tựu bản nguyện nên thị hiện chư Phật, đối với tất cả pháp do vậy đều được tự tại.

Này thiện nam! Các ông có thể đi đến cúng dường Bồ-tát.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng

sức phương tiện thị hiện, để đến đạo tràng; dưới chân liền hiện tướng Thiên bức luân, ánh sáng vi diệu chiếu khắp tất cả địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu gặp được ánh sáng này thì xa lìa được khổ não và được an vui.

Khi ánh sáng này chiếu vào Long cung, có vua rồng Ca-lê-ca gặp ánh sáng này liền bảo với chúng rồng:

–Ánh sàng màu vàng này, chiếu đến Long cung làm cho thân tâm các ông được an lạc. Ta ở đời quá khứ, từng thấy tướng này là liền biết có Phật xuất hiện. Nay ánh sáng này giống như xưa không khác, ta nên biết chắc chắn là có Phật xuất hiện ở đời. Các ông có thể dùng các thứ hương xoa, hương bột, hương mùi vị; vàng bạc, trân châu, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, bạch ngọc, cờ phướn lọng báu và trỗi các thứ nhạc đi đến trong cung Bồ-tát để cúng dường các vật tốt đẹp ấy.

Khi ấy Long vương Ca-lê-ca cùng với quyến thuộc, nổi lên vừng mây lớn, làm mưa thơm rưới xuống chỗ Bồ-tát và trỗi các thứ nhạc để biểu lộ cúng dường, rồi đi nhiễu bên phải Bồ-tát mà khen rằng:

–Ánh sáng màu vàng làm cho mọi người vui sướng hơn hết, nhất định không còn nghi ngờ là Phật xuất hiện. Sau đó nhiều thứ báu trang hoàng oai nghiêm cho cả mặt đất: những cây sống trên mặt đất đều biến thành vật báu; sông ngòi đều yên lặng không có sóng gió; suy luận theo điềm lành này thì chắc chắn Phật xuất hiện, làm cho ánh sáng mặt trời, mặt trăng và cả trời Đế Thích, trời Phạm thiên bị che khuất, các đường ác đều thanh tịnh nên chắc chắn Phật xuất hiện.

Ví như có người lúc nhỏ lạc mất cha mẹ, đến khi trưởng thành bỗng nhiên gặp lại được cha mẹ thì lòng rất vui mừng. Tất cả thế gian gặp Phật ra đời cũng như vậy. Các ông đã từng cúng dường chư Phật ở đời quá khứ, nay gặp bậc Pháp vương là sư tử trong loài người, thì ta được sinh làm người trong lúc này không uổng vậy.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng sức phương tiện, lấy cỏ trải tòa nơi cội Bồ-đề, rồi nhiễu bên phải bảy vòng và ngồi đoan nghiêm chánh niệm. Các chúng sinh thấp kém nên thấy tướng đó như vậy.

Này Xá-lợi-phất! Lại có các Đại Bồ-tát đức hạnh cao cả; thấy tám vạn bốn ngàn Thiên tử, trải tám vạn bốn ngàn tòa Sư tử lớn làm bằng nhiều thứ báu và dùng lưới bằng bảy thứ báu che khắp trên tòa, bốn góc và ở mọi nơi đều treo chuông vàng, cờ phướn, lọng báu, vải lụa năm màu treo la liệt.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát ngồi khắp cả tám vạn bốn ngàn tòa này, nhưng các Thiên tử không thấy nhau, cho là Bồ-tát chỉ ngồi riêng tòa của mình mà

thành Vô thượng Chánh đẳng giác. Do nhân duyên này, nên các Thiên tử sinh tâm hoan hỷ, thấy được việc chưa từng có nên đều chứng quả vị không thoái chuyển.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng sức phương tiện, từ nơi tướng lông trắng ở giữa chân mày, phóng ra hào quang chiếu khắp các cung ma. Tất cả các cung ma trong tam thiên đại thiên thế giới đều bị mất ánh sáng.

Khi ấy, các chúng ma đều suy nghĩ thế này: "Do nhân duyên gì mà các cung của chúng ta ánh sáng bị mất. Há chẳng phải Bồ-tát đã ngồi ở đạo tràng chứng đạo Vô thượng Chánh đẳng giác ư?" Chúng ma cùng lúc đó liền quán sát, xem thấy Bồ-tát đang ngồi đoan nghiêm nơi đạo tràng dưới cội Bồ-đề.

Lúc đó, các ác ma ở cung điện của mình tập hợp quân ma lại, hiện ra vọ lượng ngàn ức thứ màu sắc, các loại hình, các tướng mạo, các đầu mặt cầm các thứ đao trượng, các loại cờ phướng và nhiều thứ âm thanh. Nếu có ai nghe âm thanh đó thì lỗ tai, mũi, miệng đều chảy máu. Lúc bấy giờ, Bồ-tát dùng sức đại Bi, làm chúng ma phát ra âm thanh không được.

Này Xá-lợi-phất! Đó là Bồ-tát dùng sức phương tiện đại Bi, thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng sức phương tiện, trong vô lượng ức kiếp thực hành Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Thiền định, Tinh tấn, Trí tuệ, Từ, Bi, Hỷ, Xả, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Chánh đạo, Chỉ quán, tám Minh, bốn Giải thoát. Bồ-tát lại dùng cánh tay màu vàng tự xoa từ đảnh đầu cho đến khắp thân và nói như thế này:

–Chúng sinh bị khổ não nên ta muốn cứu độ họ mà phát tâm đại Bi này.

Lúc bấy giờ, ma vương và các quyến thuộc nghe Bồ-tát nói vậy liền ngã nhào xuống.

Đại Bồ-tát dùng sức từ bi làm cho các chúng ma ở trong hư không nghe có tiếng nói: "Các ông có thể dùng thần sức Thiên ma mà quy y, trì giới, bố thí vô úy để cứu độ tất cả chúng sinh."

Thiên ma và quyến thuộc nghe tiếng nói này xong, đều nằm rạp xuống đất, cùng nói:

–Cúi mong Đại sĩ, Chánh sĩ cứu giúp mạng con!

Này Xá-lợi-phất! Lúc bấy giờ, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-

mật, dùng sức phương tiện, phóng hào quang sáng lớn. Nếu có ai gặp được ánh sáng này đều xa lìa sợ sệt. Ma và các quyến thuộc, thấy thần lực đó, vừa vui vẻ vừa sợ sệt, hai việc hòa lẫn với nhau.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, hoặc có chúng sinh thấy có hàng ma; cũng lại có người không thấy việc này. Hoặc có chúng sinh chỉ thấy có Bồ-tát trải cỏ làm tòa ngồi; hoặc thấy Bồ-tát ngồi ở nơi đài báu Sư tử; hoặc thấy Bồ-tát ngồi ngay trên đất; hoặc thấy giữa hư không tự nhiên có tòa Sư tử, Bồ-tát ngồi trên tòa đó; hoặc có chúng sinh thấy cây A-thuyết-tha là cây Bồ-đề; hoặc thấy cây hương biến, hoặc thấy các thứ báu hợp thành làm cây Bồ-đề; hoặc có chúng sinh thấy cây Bồ-đề cao gấp bảy lần cây Đa-la; hoặc có chúng sinh thấy cây Bồ-đề cao tám vạn bốn ngàn do-tuần; hoặc thấy tòa Sư tử cao bốn vạn ngàn do-tuần; hoặc có chúng sinh ở xa trông thấy Bồ-tát dạo chơi trong hư không, hoặc thấy Bồ-tát ngồi cội Bồ-đề.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng sức phương tiện, thị hiện tất cả sự thần biến như thế để hóa độ chúng sinh.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng sức phương tiện, thị hiện ngồi nơi đạo tràng, vô lượng, vô biên Đại Bồ-tát ở mười phương hằng hà sa thế giới đều đi đến nhóm họp ở giữa hư không, phát ra lời nói mừng vui để an ủi Bồ-tát:

–Lành thay, nhanh chóng, dũng mãnh, tinh tấn, đại kiết tường, chớ nên sinh sợ sệt, tâm như kim cang, dùng thần thông để làm lợi ích chúng sinh, chỉ một niệm trong giây lát liền được Nhất thiết trí.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát khi ngồi đạo tràng, chúng ma đến quấy nhiễu nhưng không sinh tâm hận; chỉ một sát-na, tâm cùng với Bát-nhã ba-la-mật tương ưng thì chỗ thấy hiểu biết thảy đều thông đạt.

Này Xá-lợi-phất! Lúc bấy giờ, chư Phật Như Lai trong mười phương hằng hà sa thế giới cùng đồng thanh khen rằng:

–Lành thay Đại sĩ! Ông đã thông đạt trí tự nhiên, trí vô ngại, trí bình đẳng, trí vô sư, đại Bi trang nghiêm.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng sức phương tiện, có thể thị hiện nhiều cách như vậy; hoặc có chúng thấy Bồ-tát mới vừa thành đạo; hoặc thấy Bồ-tát thành đạo từ lâu; hoặc thấy Tứ Thiên vương của một thế giới đến hiến dâng bình bát; hoặc thấy Tứ Thiên vương ở hằng hà sa mười phương thế giới đến hiến dâng bình bát.

Này Xá-lợi-phất! Lúc bấy giờ, Bồ-tát muốn độ chúng sinh, nên liền nhận tất cả bình bát đó, đem chồng lại trong tay làm thành một cái. Nhưng

các Thiên vương đều không thấy nhau, cho là Thế Tôn đã dùng riêng bát của mình.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng sức phương tiện, thị hiện những việc như vậy.

Khi nói pháp môn này, trong chúng có ba vạn Đại Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn; có ba vạn sáu ngàn Bồ-tát đều là bậc không thoái chuyển được Vô thượng Chánh đẳng giác; có tám vạn trời, người xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh; có vô lượng, vô biên chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác.

Này Xá-lợi-phất! Lại có sáu vạn Thiên tử đi đến trước, yên lặng cúng dường là do sức nguyện lực đời quá khứ, nếu Bồ-tát thành đạo xin thọ nhận chúng con cúng dường trước.

Lúc bấy giờ, Đại Bồ-tát dùng sức phương tiện của Bát-nhã ba-la-mật sẽ thị hiện ước muốn chuyển pháp luân.

Khi đó Phạm vương Thi-khí là chủ của thế giới Ta-bà, cùng với sáu mươi tám vạn Phạm thiên đi đến chỗ Thế Tôn cúi đầu làm lễ, rồi nhiễu bên phải bảy vòng mà nói rằng:

–Cúi xin Đức Đại Bi chuyển pháp luân vô thượng! Cúi xin Đức Đại Bi chuyển pháp luân vô thượng!

Lúc bấy giờ, liền hiện tòa Sư tử cao bốn vạn hai ngàn do-tuần, trang trí oai nghiêm nhiều thứ báu kiên cố và an ổn. Mười phương vô lượng Thích Đề-hoàn Nhân cùng đều vì Như Lai mà trải tòa Sư tử giống như vậy.

Bấy giờ, Bồ-tát dùng sức thần thông ngồi trên tòa Sư tử. Các chư Thiên đều thấy Bồ-tát ngồi trên tòa Sư tử của mình mà chuyển pháp luân.

Đại Bồ-tát đã ngồi trên tòa này, thì vô lượng, vô biên mười phương thế giới đều chấn động và phóng ánh sáng lớn nhập vào vô biên cảnh giới Tam-muội. Tất cả chúng sinh ở hằng hà sa mười phương thế giới bị khổ nạn trong ba đường ác đều xa lìa ba độc, liền được an lạc, tất cả đều ở chung với nhau như mẹ con không có tâm ác.

Lúc bấy giờ, tam thiên đại thiên thế giới này, trong đó có Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma hầu-la già, Nhân phi nhân... đầy kín mít không còn có kẻ hở như lỗ chân lông; nếu có chúng sinh thích pháp khổ mà nhận sự giáo hóa thì nghe Phật nói khổ.

Chúng sinh thích vô ngã, không, vắng lặng, xa lìa, vô thường cũng đều như vậy.

Chúng sinh thích pháp như huyễn mà nhận sự giáo hóa thì nghe nói

như huyễn; chúng sinh thích lấy pháp như mộng, như ánh trăng trong nước như ảnh, như tiếng vang đều cũng như vậy.

Có chúng sinh thích giáo hóa bằng pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện thì liền nghe Phật nói pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện; hoặc nghe Như Lai nói tất cả pháp từ nhân duyên sinh; hoặc nghe nói các ấm, giới, nhập; hoặc nghe thuyết về Khổ, Tập, Diệt, Đạo; hoặc nghe nói bốn Niệm xứ; hoặc nghe nói bốn Chánh cần; hoặc nghe nói bốn Thần túc; hoặc nghe nói năm Căn; năm Lực; bảy Giác chi; hoặc nghe nói tám Chánh đạo; hoặc nghe nói tu Chỉ; hoặc nghe nói tu Quán; hoặc nghe nói pháp của Bích-chi-phật; hoặc nghe nói pháp Đại thừa.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng sức phương tiện để thị hiện đủ mọi cách mà chuyển pháp luân, làm cho vô lượng chúng sinh tùy theo căn tánh được hoan hỷ lợi ích.

Lúc bấy giờ, Xá-lợi-phất thưa với Thắng Thiên vương:

–Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng sức phương tiện gì mà vào cảnh giới sâu xa khó biết, khó nghĩ, khó lường?

Thắng Thiên vương trả lời Xá-lợi-phất:

–Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, với nhiều việc có công đức thù thắng. Ta nay nói một phần của trăm ngàn vạn ức, cho đến toán số thí dụ cũng không thể hết. Chỉ có Đức Như Lai mới có thể nói hết. Ta nay chỉ nói một phần ít, là đều nhờ vào sức oai thần của Như Lai, vì sao? Vì Đại Bồ-tát ở địa vị Nhất sanh bổ xứ, còn chưa biết hết được cảnh giới chư Phật huống chi là Bồ-tát.

Này Xá-lợi-phất! Cảnh giới của chư Phật vắng lặng, không thể nói, chỉ có trí vô phân biệt mới có thể hiểu rõ.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát muốn vào cảnh giới của chư Phật nên học Bát-nhã ba-la-mật và các Tam-muội như: Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội, Như huyễn Tam-muội, Kim cang dụ Tam-muội, Kim cang Tam-muội, Bất động ý Tam-muội, Biến thông đạt Tam-muội, Bất duyên cảnh giới Tam-muội, Sư tử tự tại Tam-muội, Tam-muội vương Tam-muội, Công đức trang nghiêm Tam-muội, Tịch tịnh ý Tam-muội, Siêu xuất Tam-muội, Vô trước Tam-muội, Ý trang nghiêm vương Tam-muội, Vô đẳng đẳng Tam-muội, Đẳng giác Tam-muội, Chánh giác Tam-muội, Duyệt ý Tam-muội, Hoan hỷ Tam-muội, Thanh tịnh Tam-muội, Hỏa diệm Tam-muội, Quang minh Tam-muội, Nan thắng Tam-muội, Thường hiện tiền Tam-muội, Bất tương cận Tam-muội, Vô sinh Tam-muội, Thông đạt Tam-muội, Tối thắng Tam-muội, Quá ma giới Tam-muội, Nhất thiết trí ý Tam-muội,

Tràng tướng Tam-muội, Đại bi Tam-muội, Hoan hỷ Tam-muội, Ái niệm Tam-muội, Bất kiến pháp Tam-muội.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng sức phương tiện, thông đạt vô lượng, vô biên trăm ngàn ức, hằng hà sa các Tam-muội nhiều như vậy mới có thể vào được cảnh giới của chư Phật, tâm được an ổn mà không sợ sệt. Như Sư tử vương không sợ cầm thú. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đã tu các Tam-muội nhiều như vậy rồi, có đi khắp các chỗ cũng đều không sợ sệt, không thấy một oán thù có ở trước. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng sức phương tiện, tâm không có chỗ duyên và không có chỗ trụ. Ví như có người sinh vào cõi Vô sắc, trong bốn vạn tám ngàn kiếp chỉ là một thức, không có chỗ trụ, cũng không có chỗ duyên. Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy; tâm không chỗ trụ cũng không chỗ duyên. Vì sao? Vì tâm không hành và không có chỗ hành; tâm không tưởng và không có chỗ tưởng; tâm không duyên và không có chỗ duyên; tâm không chấp trước và không có chỗ chấp trước; tâm không loạn và không có chỗ loạn; tâm không cao, thấp và không tùy thuận, không trái nghịch, không vui, không lo, không phân biệt và lìa phân biệt; lìa chỉ quán, tâm không theo trí; tâm không tự trụ cũng không trụ nơi khác; không nương vào nhãn mà trụ và cũng không nương vào nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý mà trụ; không nương vào sắc mà trụ, và cũng không nương vào thanh, hương, vị, xúc, pháp mà trụ; tâm không trụ trong và cũng không trụ ngoài; tâm không duyên pháp, không duyên trí; không trụ quá khứ, vị lai, hiện tại.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, không giữ lấy một pháp nào; đối với tất cả pháp thấy, biết không ngại; tâm hạnh thanh tịnh, thì thấy biết được tất cả pháp đều không cấu nhiễm, không ôm giữ tướng thấy, thấy mà không phân biệt thì lìa được các hý luận.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì không cùng với Nhục nhãn tương ưng; không cùng với Thiên nhãn tương ưng; cũng không cùng với Tuệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn tương ưng; không cùng với Thiên nhĩ tương ưng; không cùng với Tha tâm trí tương ưng; không cùng với Túc mạng trí tương ưng; không cùng với Thần thông trí tương ưng; không cùng với Lậu tận trí tương ưng.

Này Xá-lợi-phất! Bát-nhã ba-la-mật này cũng không cùng với tất cả pháp tương ưng; nhưng không phải là có tương ưng.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng sức phương tiện, đối với tất cả phát đạt được trí bình đẳng; có thể quán sát tất cả tâm hạnh của

chúng sinh và tất cả nhiễm tịnh đều biết như thật. Đối với mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng và Nhất thiết trí của Phật đều không mất niệm.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng tâm không có công dụng để thông đạt tất cả pháp, không có tâm ý thức. Thường ở trong Tam-muội vắng lặng mà không bỏ Tam-muội là để giáo hóa chúng sinh, làm các Phật sự không cho dừng nghỉ; đối với pháp của chư Phật đạt được trí vô ngại, tâm không nhiễm trước.

Này Xá-lợi-phất! Ví như Đức Hóa Phật lại hóa ra Phật, Đức Phật được hóa đó không có tâm ý thức, không có thân và nghiệp của thân, không có khẩu và khẩu nghiệp. Không có tâm và nghiệp của tâm, mà có thể làm tất cả các Phật sự để đem ích cho chúng sinh. Vì sao? Vì đó là sức thần của Phật.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát dựa vào Bát-nhã ba-la-mật cũng có thể hóa được như vậy; không có thân và nghiệp của thân; không có khẩu và khẩu nghiệp. Không có ý và ý nghiệp, dùng tâm không có công dụng thường làm Phật sự lợi ích chúng sinh.

Vì Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thông đạt tất cả pháp và cũng như tướng huyễn, tâm không phân biệt và có chúng sinh thường nghe nói pháp.

Này Xá-lợi-phất! Trí tuệ của Đại Bồ-tát như vậy, không trụ nơi hữu vi, không trụ nơi vô vi, không trụ nơi các ấm, giới, nhập, không trụ trong và ngoài, không trụ nơi pháp thiện và ác, không trụ nơi thế gian và xuất thế gian, không trụ nơi nhiễm và tịnh, không trụ hữu lậu, vô lậu, không trụ quá khứ, hiện tại, vị lai, không trụ số duyên diệt, không trụ nơi chẳng phải số duyên diệt.

Này Xá-lợi-phất! Đó là bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tâm không có chỗ trụ mà có thể thông đạt tất cả các pháp. Dùng trí vô ngại và sức không công dụng để nói pháp cho chúng sinh, thường ở trong vắng lặng mà việc giáo hóa chúng sinh không có dừng nghỉ.

Này Xá-lợi-phất! Những nguyện lực đời trước của Đại Bồ-tát rất mạnh, lấy tâm không công dụng vì người mà nói pháp.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng sức phương tiện, nên không sợ sệt. Vì sao? Vì có thần cầm chày Kim cang thường hộ vệ, những lúc đi, đứng, nằm, ngồi đều không rời bỏ.

Này Xá-lợi-phất! Bậc Đại Bồ-tát nghe nói Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, tâm không kinh, sợ; không nghi ngờ, hối hận, biết đó là người sẽ được thọ

ký. Vì sao? Vì tin nhận Bát-nhã ba-la-mật là được gần cảnh giới chư Phật. Dùng nhất tâm này có thể thông đạt tất cả pháp của Phật; đã thông đạt pháp Phật rồi, thì làm lợi ích cho chúng sinh, nhưng không thấy chúng sinh và pháp của Phật khác nhau. Vì sao? Vì lý không có hai vậy.

-oOo-

KINH THẮNG THIÊN VƯƠNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 5

Phẩm 8: Vô Sở Đắc

Lúc bấy giờ, trong chúng có một vị Đại Bồ-tát tên là Tu Chân Chi, thưa với Thắng Thiên vương:

–Như Lai có thọ ký cho Đại vương không?

Thắng Thiên vương đáp:

–Này Bồ-tát khéo suy nghĩ.

–Này thiện nam! Tôi được thọ ký như mộng tướng.

Bồ-tát lại hỏi:

–Này đại vương! Thọ ký như thế sẽ được pháp gì?

Vua đáp:

–Này thiện nam! Phật thọ ký cho tôi hoàn toàn không có sở đắc.

Bồ-tát lại hỏi:

–Vô sở đắc nghĩa là pháp gì?

Vua đáp:

–Không được chúng sinh, tuổi thọ, người, ấm, giới, nhập, nuôi dưỡng đều không có sở đắc; hoặc thiện, bất thiện; hoặc tịnh, bất tịnh; hoặc hữu lậu, vô lậu; hoặc thế gian, xuất thế gian; hoặc hữu vi, vô vi; hoặc sinh tử Niết-bàn đều không sở đắc.

Bồ-tát lại hỏi:

–Nếu không được gì thì thọ ký làm chi?

Vua đáp rằng:

–Này thiện nam! Không sở đắc cho nên được thọ ký.

Bồ-tát lại hỏi:

–Nếu như lời đại vương nói có nghĩa là có hai trí: Một là không sở đắc, hai là được thọ ký?

Vua đáp rằng:

–Nếu có hai trí thì không được thọ ký. Vì sao? Vì trí Phật không hai. Chư Phật Thế Tôn do không có hai trí nên thọ ký cho Bồ-tát.

Bồ-tát lại hỏi:

–Nếu trí không có hai, tại sao có thọ ký và được thọ ký?

Vua đáp rằng:

–Được thọ ký và thọ ký, thật ra không có hai bên.

Bồ-tát lại hỏi:

–Không có hai bên, tại sao có thọ ký?

Vua đáp:

–Thông đạt, không có hai bên tức là thọ ký.

Bồ-tát lại hỏi:

–Đại vương trụ ở nơi nào mà được thọ ký?

Vua đáp:

–Trụ ở nơi ngã được thọ ký, trụ nơi chúng sinh, nơi thọ mạng, nơi người mà được thọ ký.

Bồ-tát lại hỏi:

–Phải tìm cầu nơi ngã ở đâu?

Vua đáp:

–Cầu ở Như Lai giải thoát.

Bồ-tát lại hỏi:

–Bên Như Lai giải thoát được cầu ở đâu?

Vua đáp:

–Cầu ở nơi vô minh, hữu ái.

Bồ-tát hỏi:

–Vô minh, hữu ái được cầu ở đâu?

Vua đáp:

–Nơi ở nơi rốt ráo không sinh.

Bồ-tát hỏi:

–Nơi rốt ráo không sinh được cầu ở đâu?

Vua đáp:

–Cầu ở nơi vô tri.

Bồ-tát hỏi:

–Vô tri là không biết, tại sao cầu ở nơi vô tri?

Vua đáp:

–Nếu có chỗ biết thì cầu không thể được, do vì vô tri nên cầu ở nơi đó.

Bồ-tát hỏi:

–Nơi đó không nói làm sao có thể cầu?

Vua đáp:

–Do dứt bặt ngôn ngữ cho nên có thể cầu.

Bồ-tát hỏi:

–Tại sao dứt bặt ngôn ngữ?

Vua đáp:

–Các pháp nương nơi nghĩa chớ không nương nơi ngôn ngữ.

Bồ-tát hỏi:

–Tại sao nương nơi nghĩa?

Vua đáp:

–Không thấy tướng của nghĩa.

Bồ-tát hỏi:

–Tại sao không thấy?

Vua đáp:

–Nghĩa không sinh phân biệt là có thể nương nơi ngã làm năng y. Việc này không hai nên gọi là thông đạt.

Bồ-tát hỏi:

–Nếu không thấy nghĩa thì có gì mà cầu?

Vua đáp:

–Không thấy, không lấy nên gọi là cầu.

Bồ-tát hỏi:

–Nếu pháp có thể cầu tức là có cầu?

Vua đáp:

–Không đúng, nếu ai cầu pháp là không chỗ cầu. Vì sao? Vì nếu cầu thì đó là phi pháp.

Bồ-tát hỏi:

–Sao gọi là pháp?

Vua đáp:

–Pháp là không văn tự, là xa lìa ngôn ngữ.

Bồ-tát hỏi:

–Lìa văn tự ngôn ngữ sao gọi là pháp?

Vua đáp:

–Tánh của văn tự ngôn ngữ là lìa, dứt bặt tâm hành? Đó gọi là pháp. Tất cả các pháp đều không thể nói, cái không thể nói cũng không nói được.

Này thiện nam! Nếu có nói tức là giả dối, đúng là pháp không thật.

Bồ-tát hỏi:

–Những lời chư Phật, Bồ-tát nói đều là hư vọng chăng?

Vua đáp:

–Chư Phật, Bồ-tát từ xưa đến nay không nói một chữ, sao lại hư vọng.

Bồ-tát hỏi:

–Nếu có nói tại sao có lỗi?

Vua đáp:

–Nói là lỗi của ngôn ngữ.

Bồ-tát hỏi:

–Ngôn ngữ có lỗi gì?

Vua đáp:

–Nghĩa là lỗi của suy lường.

Bồ-tát hỏi:

–Pháp nào không có lỗi?

Vua đáp:

–Không nói và không có chỗ nói; không thấy hai tướng; đó là không lỗi.

Bồ-tát hỏi:

–Gốc của lỗi là gì?

Vua đáp:

–Gốc của lỗi là hay chấp.

Bồ-tát hỏi:

–Gốc của hay chấp là gì?

Vua đáp:

–Gốc của chấp là tâm chấp trước.

Bồ-tát hỏi:

–Gốc của chấp trước là gì?

Vua đáp:

–Là phân biệt giả dối.

Bồ-tát hỏi:

–Gốc của phân biệt giả dối là gì?

Vua đáp:

–Là phan duyên.

Bồ-tát hỏi:

–Phan duyên ở chỗ nào?

Vua đáp:

–Phan duyên với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Bồ-tát hỏi:

–Sao là không duyên?

Vua đáp:

–Nếu lìa ái thủ thì không có chỗ phan duyên. Do nghĩa này nên Như Lai thường nói các pháp bình đẳng.

Khi nói pháp môn này, trong chúng có năm ngàn Tỳ-kheo xa lìa trần cấu, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh. Một vạn hai ngàn Bồ-tát đạt được Vô sinh pháp nhẫn; có vô lượng, vô biên chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác.

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương từ chỗ ngồi, đứng dậy, trịch áo bày vai phải, gối quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu làm lễ mà bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có thiện nam, tín nữ nghe Bát-nhã ba-la-mật này, nhưng tại sao có người chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác thì liền có thể phát tâm và đều thành tựu quả vị không thoái chuyển, tu hành luôn tiến tới mà không bị đọa lạc?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Ta sẽ vì ông mà nói.

Có thiện nam, tín nữ nghe Bát-nhã ba-la-mật, tu hành được tiến tới, không bị rơi rớt.

Thắng Thiên vương thưa:

–Lành thay Thế Tôn, con xin muốn nghe!

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Thiện nam, tín nữ nào nghe Bát-nhã ba-la-mật, thì ý sẽ thanh tịnh, nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, đầy đủ lòng tin chân chánh, gần gũi Thánh hiền, ưa nghe chánh pháp, xa lìa sự ganh tỵ ghen ghét, không có tham lam, thường tu vắng lặng, khéo thực hành bố thí,

tâm không chướng ngại, thường lìa uế trược, tin chân chánh ở nghiệp quả, tâm không nghi hoặc, biết quả báo trắng đen, không làm những điều không nên làm, dầu phải bỏ thân mạng.

Này đại vương! Thiện nam, tín nữ mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy thì xa lìa sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham, sân, tà kiến. Tâm thường suy nghĩ ở mười thiện pháp này.

Này đại vương! Thiện nam, tín nữ thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng sức phương tiện, nếu thấy, Sa-môn, Bà-la-môn chánh hạnh tinh tấn, giới phẩm trong sạch, nghe nhiều học rộng, hiểu biết nghĩa lý, thường chánh niệm, tâm tánh điều phục, vắng lặng không tán loạn, miệng thường nói lời êm dịu, xa lìa các pháp ác, tu tập các pháp lành, không tự kiêu ngạo cống cao mình và hạ thấp người khác, không nói ác và lời vô nghĩa, không bỏ niệm xứ, tâm được ngay thẳng, có khả năng đoạn dứt sinh tử, khéo nhổ tên độc, xả bỏ gánh nặng, có thể vượt qua các nạn rồi sau mới độ chúng sinh.

Này đại vương! Thiện nam, tín nữ nào thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nếu thấy Đại Bồ-tát như vậy thì nên gần gũi mà y chỉ. Người đó là Thiện tri thức, Đại Bồ-tát dùng sức phương tiện mà nói pháp cho.

Này thiện nam! Nếu bố thí thì được giàu có, trì giới thì được sinh Thiên, nghe pháp thì được đại trí.

Bồ-tát lại bảo rằng:

–Đây là bố thí và quả báo của bố thí; đây là ganh ghét nghi kỵ và quả báo của ganh ghét nghi kỵ; đây là nhẫn nhục và quả báo của nhẫn nhục; đây là tinh tấn và quả báo của tinh tấn; đây là thiền định và quả báo của thiền định; đây là trí tuệ và quả báo của trí tuệ; đây là ngu si và quả báo của ngu si; đây là nghiệp thiện của thân và quả báo nghiệp thiện của thân; đây là nghiệp ác của thân và quả báo nghiệp ác của thân; đây là nghiệp thiện của miệng và quả báo nghiệp thiện của miệng; đây là nghiệp ác của miệng và quả báo nghiệp ác của miệng; đây là nghiệp thiện của ý và quả báo nghiệp thiện của ý; đây là nghiệp ác của ý và quả báo nghiệp ác của ý.

Này thiện nam, tín nữ! Pháp này nên làm, pháp kia không nên làm. Nếu như vậy mà tu hành thì được an lạc lâu dài, còn không làm như vậy thì bị khổ đau lâu dài.

Này đại vương! Thiện nam, tín nữ dùng sức phương tiện, gần gũi Thiện tri thức thì được nghe thuyết pháp thứ lớp như thế. Đại Bồ-tát nếu biết người kia là pháp khí thì nên nói pháp Bát-nhã ba-la-mật sâu xa cho họ, nghĩa là Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô tác, không sinh, không diệt, không ngã, không chúng sinh, không thọ mạng, không nhân giả mà nói

pháp nhân duyên sâu xa. Nhân nơi pháp này mà pháp kia sinh, pháp này diệt thì pháp kia diệt. Nghĩa là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, ưu, bi, khổ, não. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái, diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử, ưu, bi, khổ, não diệt.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng sức phương tiện nói pháp như vầy: Ở trong pháp chân thật, không có một pháp nào có thể sinh và có thể diệt. Vì sao? Vì các pháp ở thế gian đều do nhân duyên sinh, không có người tạo tác, bởi do nhân duyên hòa hợp; không có một pháp chân thật nào bị sinh diệt; ở trong ba cõi chỉ có hư vọng, phân biệt và giả danh, theo nghiệp phiền não mà chịu quả báo. Nếu dùng Bát-nhã ba-la-mật, quán sát tất cả pháp như thật không sinh, không diệt, không tạo tác, không thọ lãnh. Nếu pháp không tạo tác thì cũng không thực hành; đối với các pháp thì tâm không chấp trước nghĩa là không chấp trước sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không chấp trước vào nhãn, sắc thức; không chấp trước vào ý thức, pháp thức.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát nói như vầy: "Tự tánh của tất cả các pháp là không, xa lìa, không giữ, không đắm." Thiện nam, tín nữ nhân nơi lời nói như thế thì không bị thoái lui.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, ưa thấy chư Phật, ưa nghe chánh pháp thì không bị đọa nơi thấp hèn, sinh ở chốn nào cũng đều nghe thấy Phật và nghe nhận Chánh pháp, cúng dường chúng Tăng, gặp được chư Phật và dũng mãnh tinh tấn, quyết chí cầu chánh pháp, không chấp trước pháp hữu vi, vợ con, tôi tớ, tiền của đều không tham đắm, không nhiễm dục, thường nương chánh pháp, nhớ nghĩ chư Phật, bỏ thế tục, xuất gia tu hành đúng pháp, thường giảng pháp cho người khác với tâm không mong cầu, thấy chúng nghe pháp thường sinh tâm đại Từ, với tất cả chúng sinh thì sinh khởi tâm đại Bi, học rộng nghe nhiều, không tiếc thân mạng, biết đủ, ít ham muốn, thường ưa vắng lặng, chỉ cầu nghĩa lý, không vướng mắc vào ngôn từ, nói pháp tu hành không vì tự thân, chỉ mong giáo hóa chúng sinh được vui vô thường; đó là Phật trí.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tu hành như vậy sẽ xa lìa được sự buông thả, giữ gìn các căn. Nếu mắt thấy sắc

không đắm trước sắc tướng, quán sát như thật, sắc này là tai họa sinh ra tội lỗi. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân chạm xúc, ý khởi đều cũng như vậy. Nếu các căn phóng túng gọi là buông lung, hoặc hay giữ gìn các căn gọi là không buông lung.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, điều phục tự tâm và giúp người khác giữ gìn ý, gọi là không buông lung, xa lìa tham dục, tâm thuận theo thiện pháp. Phải thấy và hiểu, sân si có nguồn gốc bất thiện; thân làm ác, miệng nói ác và tà niệm, tất cả đều là bất thiện nên xa lìa, gọi là không buông lung.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tâm thường chánh niệm gọi là không buông lung.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tất cả các pháp tín là đứng đầu. Người chánh tín không sinh vào đường ác, tâm không làm việc ác được Thánh nhân khen ngợi.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, theo như pháp mà tu hành, thì sinh ở mọi nơi thường gặp chư Phật, xa lìa Nhị thừa, an trụ chánh đạo, được đại tự tại, thành tựu việc lớn được chánh trí của Như Lai.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, muốn cầu an lạc cần phải thuận theo con đường Nhất thiết trí.

Này đại vương! Nay đại chúng này nghe được Bát-nhã ba-la-mật sâu xa là do ở nơi quá khứ trăm ngàn vạn kiếp đã từng cúng dường chư Phật và tu tập căn lành, cho nên cần phải tinh tấn chớ để cho lui mất.

Này đại vương! Nếu trời hoặc người chế ngự được các căn, không đắm trước năm dục, xa lìa thế gian, thường tu pháp xuất thế, ba nghiệp thanh tịnh, tu tập pháp trợ đạo gọi là không buông lung.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, chánh tín đầy đủ, tâm không buông lung, chuyên cần tu tinh tấn nên được pháp thắng, gọi là không buông lung.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát muốn đầy đủ chánh tín, tâm không buông lung, tinh tấn chánh niệm thì phải học Bát-nhã ba-la-mật, nhân nơi niệm trí này mà có thể mau thành tựu pháp Vô thượng Chánh đẳng giác.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, đầy đủ chánh trí, tâm không buông lung, cần tu tinh tấn, liền được chánh niệm, dùng niệm trí đó nên biết có, biết không.

Tại sao gọi là có và không?

Nếu tu chánh hạnh được chánh giải thoát, gọi đó là có. Nếu tu tà hạnh được chánh giải thoát, gọi đó là không. Nhãn, nhĩ, tỷ, nhiệt, thân, ý và pháp của thế gian gọi là có, trong chân thật gọi là không.

Đại Bồ-tát cần tu tinh tấn, có thể được giải thoát, gọi đó là có. Bồ-tát biếng lười mà được giác ngộ, gọi đó là không.

Nếu nói năm ấm đều từ hư vọng điên đảo sinh ra, gọi đó là có. Nếu nói pháp thế gian không từ nhân duyên mà tự nhiên sinh ra, gọi đó là không.

Sắc là pháp vô thường, khổ, hư hoại, gọi đó là có. Nếu nói thường lạc chẳng phải pháp hư hoại, gọi đó là không. Thọ, tưởng, hành, thức, cũng là như vậy.

Vô minh duyên hành gọi đó là có. Nếu lìa vô minh mà hành sinh, gọi đó là không. Hành duyên thức cho đến sinh duyên lão tử, ưu, bi, khổ, não cũng đều như vậy.

Bố thí thì được giàu có, gọi đó là có. Bố thí mà bị nghèo hèn, gọi đó là không. Tinh tấn, trì giới được sinh vào đường thiện, gọi đó là có. Nếu sinh vào đường ác, gọi đó là không; cho đến Bát-nhã ba-la-mật có thể được thành Phật gọi đó là có, tu hành Bát-nhã ba-la-mật mà làm phàm phu, gọi đó là không.

Nếu tu đa văn thì được đại trí, gọi đó là có; nếu bị ngu si, gọi đó là không. Nếu tu chánh niệm thì được xuất ly, gọi đó là có; nếu không được thì gọi đó là không nếu hành tà niệm không được xuất ly gọi đó là có, nếu được gọi đó là không.

Không ngã và ngã sở có thể được giải thoát, gọi đó là có; có ngã và ngã sở mà được giải thoát gọi đó là không. Nếu nói hư không có khắp tất cả chỗ, gọi đó là có; trong ngũ ấm có ngã, gọi đó là không. Như thật tu trí có thể giải thoát, gọi đó là có. Nếu chấp trước tà trí mà được giải thoát, gọi đó là không.

Nếu lìa ngã kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, nhân kiến có thể được trí không, gọi đó là có; chấp ngã, chúng sinh, thọ giả, nhân kiến có thể được trí không thì gọi đó là không.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, biết các pháp thế gian có và không, như vậy thì có thể tu bình đẳng; rõ biết nhân duyên sinh ra các pháp của thế gian, cho nên có mà không khởi thường kiến; biết nhân duyên của các pháp căn bản tự tánh vốn không, nên không sinh đoạn kiến. Đối với các lời dạy chư Phật đã thông đạt như thật.

Này đại vương! Chư Phật Như Lai nói tóm lược cho Bồ-tát nghe, bốn pháp đó là: Thế gian, Sa-môn, Bà-la-môn và trời Trường thọ; tâm đều chấp

vào thường, vì phá chấp này nên nói hạnh vô thường. Có các trời, người nhiều tham đắm, lạc thú; vì phá chấp này nên nói tất cả khổ. Ngoại đạo tà kiến chấp trong thân có ngã, vì phá chấp này nên nói vô ngã. Lại vì muốn phá tăng thượng mạn của người, cho nên nói Niết-bàn vắng lặng.

Nói vô thường, nghĩa là làm cho họ quyết chí cầu pháp cứu cánh. Nói khổ nghĩa là làm cho họ lìa mong cầu. Nói vô ngã nghĩa là làm cho họ hiển bày nữa không. Nói vắng lặng nghĩa là làm cho họ thông đạt vô tướng.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật tu học như vậy, đối với các pháp thiện không bao giờ thoái lui, mau thành Vô thượng Chánh đẳng giác.

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật tu hành những hạnh gì để hộ trì chánh pháp?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, việc làm không trái với lời nói, kính trọng bậc Tôn trưởng và thuận theo chánh pháp, tâm hạnh ngay thẳng, các căn vắng lặng, xa lìa các điều ác và pháp ác, tu tập căn lành nên gọi là hộ trì chánh pháp.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tu thân nghiệp từ bi, khẩu nghiệp từ bi, ý nghiệp từ bi, không cầu danh lợi, trì giới trong sạch, xa lìa các kiến hoặc, gọi đó là hộ trì chánh pháp.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, không làm theo ái, không làm theo sân, không làm theo si, không làm theo sự sợ sệt, gọi là hộ trì chánh pháp.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, biết tu tập hạnh hổ thẹn, gọi là hộ trì chánh pháp. Này đại vương! Bậc Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, thuyết pháp tu hành đúng như lời Phật dạy, gọi là hộ trì chánh pháp.

Này đại vương! Ba đời chư Phật vì hộ trì chánh pháp, cho nên ủng hộ vua trời, vua người để cho chánh pháp được tồn tại lâu dài, nên nói đại thần chú:

Đa điệt tha a hống la hống la bà để hậu la nõa sa cửu trà chá chá chá chá chá nĩ phú nõa sứu đa xoa đa xoa diên đa xoa dã sa ma xà ma nĩ kha la âu lâu âu lâu bà để kỷ la bà để kim a-tỳ xá để nĩ sa la nĩ xã xà xã xã ma đễ a bà tha nĩ bà tha bạt đa bạt đa nâu sa lý bầu đa nâu tất mật lý đễ đề bà đa nâu tất mật lý đễ.

Hoặc Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già và tất cả chúng sinh đều được an ổn.

Này đại vương! Ba đời chư Phật, nói đại thần chú này là để hộ trì chánh pháp, ủng hộ vua trời, vua người nên tụng trì; các oán tặc, ác nạn ma chướng chánh pháp đều bị tiêu diệt. Chư Phật Như-Lai vì làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài ở đời, cho nên ủng hộ vua trời, người, khiến họ hộ trì chánh pháp.

Khi nói pháp môn thần chú Bát-nhã ba-la-mật này; tất cả cung trời, đại địa, các núi, biển lớn đều chấn động và trong chúng có tám vạn chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác.

Lúc bấy giờ, Thắng Thiên vương dùng lưới kết bằng bảy thứ báu che ở trên Đức Phật, mà bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tu những pháp gì mà đối với tâm Vô thượng Chánh đẳng giác không bị dao động?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tu đại Bi vô ngại và không nhàm chán đại Bi, nên thành tựu việc lớn này; chuyên cần tinh tấn học Tam-muội không, tu trí bình đẳng, dùng sức phương tiện, thì có thể thông đạt trí thanh tịnh, hiểu rõ như thật ba đời bình đẳng, không có chướng ngại ngăn che con đường mà ba đời chư Phật đã đi.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tu pháp như vậy thì đối với tâm Vô thượng Chánh đẳng giác sẽ không bị dao động.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, làm sao nghe được việc chẳng nghĩ bàn của Phật mà không sợ sệt, không kinh hãi?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Bồ-tát phải đầy đủ trí tuệ và đầy đủ đức hạnh, gần gũi Thiện tri thức, ưa nghe những pháp sâu xa; hiểu rõ các pháp đều như huyễn, ngộ lý vô thường ở thế gian, tâm không trụ vào chấp trước cũng như hư không, biết tất cả pháp có sinh thì có diệt.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tu pháp và nghe được việc chẳng nghĩ bàn của Phật như vậy thì không sợ sệt, không kinh hãi.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, làm sao được tự tại ở mọi nơi?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tu năm Thần thông. Đầy đủ vô ngại và các môn Giải thoát, bốn Thiền, bốn Vô lượng tâm, phương tiện; nên thực hành Bát-nhã ba-la-mật được tự tại ở mọi nơi.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, được những pháp môn gì?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, được pháp môn đức hạnh, có thể độ chúng sinh có căn cơ lanh lợi và chậm lụt; được pháp môn trí tuệ, phân biệt cú nghĩa; được pháp môn Đà-la-ni, biết hết tất cả ngôn ngữ và âm thanh; được pháp môn vô ngại, nói pháp bất tận.

Này đại vương! Đó là Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật được các pháp môn như vậy.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, được những sức gì?

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Này đại vương! Bồ-tát được sức vắng lặng: thành tựu đại Bi; được sức tinh tấn: thành tựu quả vị không thoái chuyển; được sức đa văn: thành tựu đại trí; được sức tin ưa: thành tựu giải thoát; được sức tu hành: thành tựu xa lìa; được sức nhẫn nhục: thường giúp chúng sinh; được sức tâm Bồ-tát: đoạn trừ ngã kiến; được sức đại Bi: giáo hóa chúng sinh; được sức Vô sinh nhẫn: thành tựu mười Lực.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, được thành tựu các lực như vậy.

Khi nói pháp môn này, trong chúng có năm trăm Bồ-tát đạt được Vô sinh pháp nhẫn; tám ngàn Thiên tử đạt được quả vị không thoái chuyển; một vạn hai ngàn Thiên tử xa lìa trần cấu, được Pháp nhãn thanh tịnh; bốn vạn trời, người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác.

-oOo-

Phẩm 9: Chứng Cớ Về Chuyên Cần

Bấy giờ, Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Đời quá khứ cách đây vô số kiếp không thể tính đếm suy lường; có Đức Phật tên là Công Đức Bảo Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Nước tên là Bảo trang nghiêm và kiếp tên Thiện quán. Đời sống sung sướng an vui, không có bệnh tật ưu phiền; trời người qua lại không chướng ngại. Mặt đất bằng phẳng như bàn tay không có núi non gò đống; chỉ mọc loại cỏ nhỏ, cao khoảng bốn tất, mềm mại xanh biếc như lông công; chân bước thời lún xuống, dỡ chân thì phồng lên; có các loại hoa đẹp như: Hoa Tu-ma-na, hoa, Đãn-lặc-già, ngoài ra khắp nơi đều là cỏ mềm, không lạnh, không nóng, bốn mùa điều hòa, mát mẻ; đất toàn bằng lưu ly; chúng sinh ở thế giới này, tâm tánh hiền lành, khéo điều phục ba độc, không để nó chi phối. Công Đức Bảo Vương Phật, có một vạn ba ngàn na-do-tha hàng Thanh văn và sáu mươi hai ức Đại Bồ-tát. Tuổi thọ của con người đến ba mươi sáu ức na-do-tha tuổi; không có chết yểu.

Có một nước tên là Vô cấu trang nghiêm; thành của nước này từ Nam đến Bắc rộng một trăm hai tám do-tuần; từ Đông sang Tây tám mươi do-tuần, có mười ngàn vườn cây trang hoàng oai nghiêm đẹp đẽ, xung quanh có mười ngàn nước nhỏ. Chuyển luân thánh vương tên là Trị Thế, đầy đủ bảy báu làm chủ bốn châu thiên hạ, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, trồng nhiều căn lành, nên tâm không thoái lui với đạo Vô thượng Chánh đẳng giác.

Vua có bốn vườn cây, hoa đẹp; công đức trang trí rất oai nghiêm và vừa ý; bốn mùa chim khổng tước đùa giỡn vui chơi. Tường thành dày mười sáu do-tuần, các cửa của tầng lầu đều bằng bảy báu, có bốn ao lớn, mỗi ao rộng nửa do-tuần; bờ ao bằng bảy báu. Vàng Diêm-phù-đàn dùng làm đường đi và đáy ao lót bằng vàng. Nước trong ao đủ tám công đức, sinh ra hoa sen báu; các loại chim thú vui chơi nhảy nhót trong ao như: chim le, chim nhạn, ngỗng, chim hạt, chim uyên ương, đười ươi.

Trên bờ các hàng cây hương đàn màu trắng, màu đỏ và thi-lợi-sa… trên cây có chim oanh vũ, chim xá-lợi từng đàn cất tiếng ca bay lượn vui đùa. Trong cung vua, có bảy mươi ngàn người nữ, tướng mạo xinh đẹp đoan trang phục vụ những việc quan trọng. Họ đều phát tâm hướng đến Vô thượng Chánh đẳng giác. Vua có một ngàn người con trai cao lớn, tráng kiện, đủ khả năng đánh bại kẻ thù; mỗi người đều đầy đủ hai mươi tám

tướng tốt đẹp của bậc Đại trượng phu, thân thể trang nghiêm và đã phát tâm hướng đến Vô thượng Chánh đẳng giác.

Bấy giờ, Công Đức Bảo Vương Như Lai cùng vô lượng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-cầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu la-già, Nhân phi nhân… lần lượt vào thành lớn Vô cấu trang nghiêm. Thánh vương Trị Thế cùng một ngàn người con và cung nhân cung kính đón rước Thế Tôn, bày các lễ vật bằng bảy báu xinh đẹp cúng dường. Bấy giờ Thế Tôn và các đại chúng nhận cúng dường xong liền trở về bản xứ. vua cùng một ngàn người con và cung nhân ra khỏi thành tiễn đưa rồi mới trở về cung.

Vua Trị Thế than rằng: "Thân người vô thường, quyền quý cao sang như giấc chiêm bao, được các căn đầy đủ, niềm tin chân chánh cực khó; gặp được Phật nghe pháp như thấy được hoa Ưu-đàm."

Một ngàn người con, biết phụ vương ngưỡng mộ Thế Tôn và ưa nghe chánh pháp, nên dùng gỗ Chiên-đàn làm đài giống như núi Ngưu đầu trang sức bằng bảy báu, mùi hương khắp Diêm-phù-đề. Đài rộng từ Đông sang Tây mười do-tuần, từ Nam sang Bắc mười ba do-tuần. Bốn trụ lớn trang trí bằng châu báu và có một ngàn bánh xe báu. Các người con đem đến dâng lên Thánh vương. Vua nhận rồi khen rằng: "Hay thay các con, phụ vương muốn đến chỗ Phật nghe giảng chánh pháp." Bấy giờ, một ngàn người con cùng tạo ra một tòa Sư tử ở trong đài.

Thánh vương và các cung nhân ngồi vào tòa Sư tử ấy. Bốn bên đài treo cờ, phướn, lọng, giăng lưới bằng bảy báu, mỗi góc đều treo chuông vàng, đem các loại hoa rải lên đài: Như hoa Chiêm-bặc-già, hoa Tu-ma-na, hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi, hoa Ca-ma-la. Rồi đốt hương quý giá, hương thoa và rải hương bột. Một ngàn người con, mỗi người nắm một bánh xe bay lên hư không đến chỗ Phật, giống như vua loài ngỗng, rồi từ từ hạ xuống một cách an lành vừa chạm đất, ngàn người này liền đến trước Phật cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh bên phải Thế Tôn và đại chúng bảy vòng rồi lui ra đứng một bên. Lúc này Thánh vương cùng các cung nhân từ đài báu xuống, vua cất mũ báu, cởi giày đến trước Thế Tôn đảnh lễ sát chân, nhiễu quanh bên phải Thế Tôn và đại chúng bảy vòng rồi lui ra ngồi một bên.

Bấy giờ, Phật Bảo Trang Nghiêm Vương mới hỏi:

–Nay Thánh vương đến nghe chánh pháp ư?

Thánh vương Trị Thế từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, cúi đầu đảnh lễ sát chân, bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Chánh pháp mà Ngài nói đó là gì?

Thế Tôn khen vua Trị Thế rằng:

–Hay thay, hay thay! Vì lợi ích vô lượng cõi trời, người mà đại vương hỏi pháp sâu xa này. Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri sẽ vì đại vương mà phân biệt giảng nói.

Thánh vương Trị Thế bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con xin muốn nghe!

Phật bảo Thánh vương Trị Thế:

–Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thông đạt tất cả pháp gọi là chánh pháp; chánh pháp ấy là: Bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Chánh đạo, Không, Vô tướng, Vô nguyện… đều thông đạt bình đẳng.

Thánh vương Trị Thế bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trong pháp Đại thừa, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật như thế nào mà được thắng tấn không thoái đọa?

Phật dạy:

–Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật nhờ vào chánh tín nên được thắng tấn.

Thế nào là chánh tín? Nghĩa là: Bồ-tát biết tự tánh của tất cả pháp là không sinh, không diệt, vắng lặng, thường hay gần gũi với người có hạnh ngay thẳng, không ưa tạo ra các pháp hoàn toàn không tạo tác, tâm thường thanh tịnh; nghe thọ chánh pháp nhưng không thấy người nói pháp và mình nghe pháp; siêng năng, tinh tấn, tu tập, nên được thần thông, thân tâm nhẹ nhàng, giáo hóa chúng sinh, song cũng không thấy mình có thần thông giáo hóa và không thấy có chúng sinh để giáo hóa. Vì sao?

Này đại vương! Vì bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật là không thấy mình và chúng sinh, cả hai đều bình đẳng nên được thắng tấn, không thoái đọa.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, thường giữ gìn các căn không cho đắm nhiễm. Tưởng nghĩ tất cả của cải và thân mạng đều là vô thường, giả tạm, vì biết các pháp thường vắng lặng.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, ở trong pháp Đại thừa tâm không buông lung.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dù trong chiêm bao cũng không quên mất tâm Bồ-đề, mà còn giáo hóa chúng sinh, phát tâm tu Phật đạo. Đại Bồ-tát đem tất cả căn lành mà hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng giác, thấy thần lực của Phật mà vui mừng

khen ngợi.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy nên mau thành Vô thượng Chánh đẳng giác. Vì thế, Đại vương cần phải siêng năng, tinh tấn chớ buông lung. Đại Bồ-tát muốn thỉnh cầu giáo pháp thì chớ nên đắm nhiễm năm dục.

Này đại vương! Tất cả phàm phu đối với năm dục, ham muốn không biết nhàm chán. Còn người được Thánh trí thì hay xa lìa, vì họ biết thân người là vô thường, mạng sống ngắn ngủi. Vì thế, Đại vương nên xa lìa thế gian mà cầu đạo xuất thế. Nay đại vương cúng dường Như Lai là đã được căn lành nên đem hồi hướng, sẽ được bốn món vô tận:

1. Được tự tại vô tận.

2. Pháp vô tận.

3. Trí tuệ vô tận.

4. Biện tài vô tận.

Bốn thứ hồi hướng này cùng với Bát-nhã ba-la-mật đều là vô tận.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật cần phải ngăn ngừa thân, khẩu, ý cho thanh tịnh. Vì sao? Vì sẽ được ba món văn, tư, tu. Dùng sức phương tiện giáo hóa chúng sinh, dùng năng lực trí tuệ để đánh bại các ma. Khi nguyện lực thành tựu thì việc làm và lời nói hợp nhau.

Khi nghe Phật nói nghĩa lý sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật; Chuyển luân thánh vương Trị Thế sinh tâm vui mừng chưa từng có, liền đem mũ báu và sâu anh lạc cúng dường Như Lai, nguyện bỏ ngôi vị vâng theo lời Phật, và lập lời nguyện: "Thường tu phạm hạnh, học Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này và tâm quyết định hướng đến Vô thượng Chánh đẳng giác."

Trong lúc nghe Phật nói pháp, vương cung thể nữ đều vui mừng, phát tâm Bồ-đề, đem y phục quý giá và bảo châu, anh lạc cúng dường Như Lai. Thánh vương Trị Thế đem đài báu dâng cúng Phật, xin cầu xuất gia.

Công Đức Trang Nghiêm Vương Phật khen:

–Lành thay, lành thay! Này đại vương! Việc làm ngày nay của đại vương không trái với nguyện xưa. Đại vương khéo tu Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ. Vì quá khứ chư Phật đã tu pháp này mà thành Phật đạo. Vị lai chư Phật cũng tu pháp này để được thành Phật.

Thánh vương Trị Thế bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Việc tu bố thí của Đại Bồ-tát có khác với Bát-nhã ba-la-mật không?

Phật dạy:

–Này đại vương! Luận về bố thí; nếu không có Bát-nhã ba-la-mật thì chỉ là bố thí chứ không phải là Ba-la-mật. Phải có Bát-nhã ba-la-mật thì mới gọi là Bố thí ba-la-mật. Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ cũng lại như vậy. Vì sao? Vì tánh của Bát-nhã ba-la-mật bình đẳng, cho nên công đức trang nghiêm.

Khi Phật nói pháp này, Thánh vương Trị Thế đắc Vô sinh pháp nhẫn.

Phật bảo Thắng Thiên vương:

–Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật nên như Chuyển luân thánh vương Trị Thế. Chuyển luân thánh vương Trị Thế nay chính là Phật Nhiên Đăng, còn một ngàn vương tử, nay chính là một ngàn vị Phật đời Hiền kiếp.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật tu học như thế nào để mau thành tựu Vô thượng Chánh đẳng giác?

Phật dạy:

–Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, phải tu tập đại Từ, không khởi tâm buồn bực chúng sinh, siêng năng thực hành đầy đủ các Ba-la-mật và dùng bốn Nhiếp pháp, bốn Vô lượng tâm để hỗ trợ Bồ-tát tu học pháp thần thông và thông đạt phương tiện thiện xảo, tu tập đầy đủ các thiện pháp. Tu hành như vậy mới mau thành Vô thượng Chánh đẳng giác.

Này đại vương! Đạo giác ngộ là: Tâm tin chân chánh, tâm thanh tịnh, tâm lìa sự dối trá, hạnh tâm bình đẳng, tâm bố thí không sợ hãi làm cho tất cả chúng sinh gần gũi, siêng năng tu hạnh bố thí, thì quả báo không cùng tận. Cố gắng giữ giới thanh tịnh thì không chướng ngại. Tu hạnh nhẫn nhục để xa lìa các điều bực tức. Nếu siêng năng tinh tấn thì việc tu hành trở nên dễ dàng. Do có thiền định nên không khởi tâm tán loạn. Nhờ đầy đủ trí tuệ nên khéo thông đạt các pháp. Hoàn toàn không thoái chuyển là nhờ có đại Bi. Có đại Hỷ nên thường làm tâm người khác vui. Tu hạnh đại Xả nên không khởi phân biệt. Không tham, sân, si nên xa lìa thù oán. Không nhiễm sắc, thanh, hương, vị, xúc nên diệt được các hý luận. Không phiền não nên xa lìa được thù oán. Xả ý niệm của Nhị thừa để tâm được rộng lớn; đủ Nhất thiết trí nên sinh các báu.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, phải học như vậy, mới mau thành tựu Vô thượng Chánh đẳng giác.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, hiện ra những hình tướng gì để giáo hóa chúng sinh?

Phật dạy:

–Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thị hiện sắc hình nhưng không có tướng nhất định; tùy tâm ưa thích của chúng sinh mà thấy sắc tướng Bồ-tát như vậy. Hoặc hiện màu vàng, hoặc hiện màu bạc, hoặc màu pha lê, hoặc màu lưu ly, hoặc màu mã não, hoặc màu xa cừ, hoặc màu trân châu, hoặc màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hoặc màu mặt trời, mặt trăng, màu lửa, màu sóng nắng, màu Đế Thích, màu Phạm vương, màu hạt sương, màu vàng nhạt, màu son, màu chiêm-bặc-già, màu tu-ma-na, màu bà-lợi-sư-ca, màu ba-đầu-ma, màu câu-vật-đầu, màu phân-đà-lợi, màu công đức thiên, màu con ngỗng, màu khổng tước, màu san hô, màu ngọc như ý, màu hư không, hoặc trời thấy là trời, người thấy là người.

Này đại vương! Tất cả các sắc tướng, hình tượng ở hằng hà sa thế giới trong mười phương đều thâu nhiếp tất cả, không bỏ một chúng sinh nào. Vì tâm của chúng sinh không đồng, cho nên Bồ-tát phải thị hiện ra tất cả. Vì sao? Vì trong quá khứ, Đại Bồ-tát đã có nguyện lực lớn là tùy tâm chúng sinh nếu thấy ưa thích chịu giáo hóa thì Bồ-tát vì họ mà thị hiện.

Này đại vương! Như gương sáng, vốn không hình tướng; ngoại sắc dù đẹp dù xấu thảy đều hiện vào trong gương, nó chẳng phân biệt. Thể thanh tịnh sáng suốt của ta hay hiện ra sắc tướng của chúng sinh.

Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật cũng vậy. Tâm không dụng công, tùy chúng sinh ưa thích mà thị hiện ra tất cả, để cho họ vui, nhưng cũng không phân biệt là mình có hiện thân.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, ở trong một tòa, tùy theo đối tượng nghe hoặc thấy Bồ-tát nói pháp, hoặc thấy Phật nói pháp, hoặc thấy Bích-chi-phật nói pháp, hoặc thấy Thanh văn nói pháp, hoặc thấy Đế Thích, hoặc thấy Phạm vương, hoặc thấy Ma-hê-thủ-la, hoặc thấy Vi-nữu Thiên, hoặc thấy Tứ Thiên vương, hoặc thấy Chuyển luân thánh vương, hoặc thấy Sa-môn, Bà-la-môn, Sát-lợi, hoặc thấy Tỳ-xá-thủ-đà, hoặc thấy Cư sĩ, Trưởng giả, hoặc thấy ngồi trong đài báu, hoặc thấy ngồi trên hoa sen, hoặc thấy đi trên đất, hoặc thấy bay trong hư không, hoặc thấy nói pháp, hoặc nhận chánh định.

Này đại vương! Bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật là vì độ thoát chúng sinh, nên không một hình tướng oai nghi nào mà chẳng hiện.

Này đại vương! Bát-nhã ba-la-mật không có hình tướng cũng như hư không trùm khắp tất cả. Ví như hư không, không có hý luận, Bát-nhã ba-

la-mật cũng vậy, vượt qua các ngôn ngữ lời nói; như hư không là chỗ thọ dụng của thế gian, Bát-nhã ba-la-mật cũng vậy, đó là chỗ thọ dụng của tất cả phàm Thánh; như hư không, không có phân biệt thì Bát-nhã ba-la-mật cũng vậy, cũng không có tâm phân biệt; như hư không dung thọ các sắc thì Bát-nhã ba-la-mật cũng dung thọ tất cả Phật pháp; ví như hư không hiện ra các sắc, Bát-nhã ba-la-mật cũng hiện ra tất cả Phật pháp; ví như tất cả cỏ cây, thảo dược, hoa quả nương vào hư không để tăng trưởng, Bát-nhã ba-la-mật cũng vậy, tất cả thiện căn nương vào đấy mà tăng trưởng; ví như hư không là pháp phi thường, chẳng phải vô thường đều lìa ngôn ngữ, Bát-nhã ba-la-mật cũng vậy, chẳng phải thường, vô thường, đều lìa ngôn ngữ, lời nói.

Này đại vương! Thế gian, Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Đế Thích, hoặc Phạm vương thì không ai có thể nghĩ lường được hết về Bát-nhã ba-la-mật.

Này đại vương! Bát-nhã ba-la-mật không có một pháp nào có thể lấy làm ví dụ được. Nếu thiện nam hay thiện nữ nào tin thọ Bát-nhã ba-la-mật, thì công đức rộng lớn không thể nghĩ lường. Nếu công đức này có hình sắc thì cõi hư không, không thể dung chứa hết. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật sinh ra tất cả thiện pháp thế gian và xuất thế gian, hoặc là người, trời, hoặc vua cõi trời, cõi người, hoặc Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả cho đến A-la-hán hướng, A-la-hán quả, Bích-chi-phật, mười Địa của Bồ-tát, mười Ba-la-mật, chư Phật Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, Nhất thiết chủng trí, mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng đều từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra.

Khi Phật nói pháp môn này, trong chúng hội có năm vạn Đại Bồ-tát đạt được quả vị không thoái chuyển; một vạn năm ngàn Thiên tử đạt được Vô sinh pháp nhẫn; một vạn hai ngàn trời, người được Pháp nhãn thanh tịnh, xa lìa trần cấu; hằng hà sa chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác. Những âm nhạc cõi trời tự nhiên kêu vang, chư Thiên rải hoa cúng dường Như Lai và Bát-nhã ba-la-mật. Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu la-già, Nhân phi nhân… đều rải hoa và các báu vật cúng dường Thế Tôn cùng Bát-nhã ba-la-mật, cùng lúc đồng thanh khen rằng:

–Lành thay, lành thay! Thế Tôn, Ngài đã hoan hỷ nói Bát-nhã ba-la-mật!

-oOo-

KINH THẮNG THIÊN VƯƠNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 6

Phẩm 10: Tỏ Bày Công Đức

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, từ nơi tòa đứng dậy, sửa áo bày vai phải, gối quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật bao nhiêu kiếp, cúng dường bao nhiêu Đức Phật mà được đối trước Như Lai, để nghe nói về Bát-nhã ba-la-mật sâu xa như Thắng Thiên vương vậy?

Phật bảo Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Này thiện nam! Việc này không thể nghĩ lường; nếu Bồ-tát chẳng tải qua vô số trăm ngàn ức kiếp, tu tập các hạnh, gieo trồng căn lành thì không thể nghe được tên Bát-nhã ba-la-mật này.

Này thiện nam! Hằng hà sa thế giới trong mười phương, còn có thể đếm biết; chứ không thể đếm được số kiếp mà Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật và số vị Phật mà Bồ-tát cúng dường.

Này Văn-thù-sư-lợi! Về quá khứ vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ kiếp không thể nghĩ bàn; có Đức Phật hiệu là Đa Văn Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nước tên Nhựt quang và kiếp tên Tăng thượng. Bấy giờ, Phật Đa Văn vì các Đại Bồ-tát mà nói pháp môn thanh tịnh. Các thiện nam, cần phải siêng năng tinh tấn tu hành, chẳng nên xem trọng thân mạng. Lúc đó, trong pháp hội có một Đại Bồ-tát tên là Tấn Lực, từ nơi tòa đứng dậy, sửa áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vấn đề Thế Tôn khuyên chúng con phải siêng năng tinh tấn, tu hành, chớ xem trọng thân mạng; như con hiểu lời Phật dạy là: Đại Bồ-tát cần nên biếng lười mới mau thành Vô thượng Chánh đẳng giác. Vì sao? Vì nếu Đại Bồ-tát siêng năng, tinh tấn, tu hành thì không thể ở lâu trong sinh tử, thì không hoàn thành được phần tự độ; còn mau chứng Niết-

bàn thì không giáo hóa được chúng sinh.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát ở trong sinh tử lấy đó làm vui, chứ không lấy Niết-bàn làm vui. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì Đại Bồ-tát làm lợi ích chúng sinh, nên lấy việc đó làm vui; tùy sự ưa thích của chúng sinh mà dùng tất cả phương tiện nói các loại pháp, làm cho họ được an vui; nếu Bồ-tát đoạn trừ hết lậu hoặc thì không thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Bạch Thế Tôn! Cho nên Bồ-tát xem xét sinh tử mà khởi tâm đại Bi, không bỏ chúng sinh mới thành tựu được bản nguyện.

Bạch Thế Tôn! Vì thế Đại Bồ-tát mới đủ sức phương tiện, ở lâu trong sinh tử, gặp được vô lượng, vô biên chư Phật và nghe vô lượng, vô biên chánh pháp; giáo hóa vô lượng, vô biên chúng sinh. Do đó, Đại Bồ-tát không nhàm chán sinh tử và không ưa Niết-bàn.

Bạch Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát xem xét sinh tử mà tâm hoảng sợ thì rơi vào phi đạo, không thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh và không biết rõ cảnh giới sâu xa của Như Lai.

Thế nào là phi đạo? Nghĩa là: "Còn tham ưa địa vị Thanh văn, Bích-chi-phật; đối với chúng sinh không có tâm đại Bi. Vì sao? Vì đạo Thanh văn và Bích-chi-phật chẳng phải là đạo của Đại Bồ-tát. Vì Thanh văn và Bích-chi-phật lo sợ sinh tử, nên mong cầu ra khỏi. Do đó, công đức trí tuệ chưa được đầy đủ." Bởi nghĩa này, nên chẳng phải đạo của Bồ-tát.

Đa Văn Thế Tôn khen ngợi Đại Bồ-tát Tấn Lực:

–Hay thay, hay thay! Thiện nam, như điều ông nói, Đại Bồ-tát nên tự hành chớ học phi đạo.

Bồ-tát Tấn Lực bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là đạo mà Đại Bồ-tát tự tu hành?

Đa Văn Thế Tôn bảo rằng:

–Thiện nam! Đại Bồ-tát thành tựu tất cả các công đức, trí tuệ dùng sức đại Bi; không bỏ chúng sinh, xa lìa địa vị Thanh văn và Bích-chi-phật nên được Vô sinh trí; không rời ba cõi, tâm không mong cầu điều giả dối mà thiện căn tăng trưởng, phương tiện tu hành đủ các Ba-la-mật; nhờ năng lực trí tuệ và tâm không phân biệt, nên sinh các căn lành thành tựu tận trí, vô lượng công đức. Bồ-tát không còn một pháp nào để sinh nhưng dùng phương tiện thị hiện có sinh; không có một chúng sinh nhưng vẫn dùng phương tiện giáo hóa. Bồ-tát biết tất cả pháp đều lìa tự tánh, xem các cõi Phật cũng như hư không, nên dùng phương tiện để trang nghiêm thanh tịnh

cõi Phật. Bồ-tát biết tất cả pháp thân Phật không có hình tướng, chỉ dùng phương tiện thị hiện tướng tốt đẹp trang nghiêm, tùy tâm chúng sinh ưa muốn, liền ứng hiện cho. Thân tâm Bồ-tát thường tịch tĩnh, viễn ly; nhưng vì chúng sinh nên phải luôn giảng thuyết các pháp, nhưng cũng dùng các phương tiện để xa lìa sự ồn ào, cũng tu các thiền định và biết tự tánh vốn không, thông đạt tất cả trí tuệ sâu xa. Đem phương tiện nói pháp cho người khác, nhưng không chứng quả Thanh văn và Bích-chi-phật; chỉ cầu quả vị Phật, nhưng không bỏ tất cả đạo hạnh của Bồ-tát.

Này thiện nam! Đó gọi là đạo của Đại Bồ-tát.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát Tấn Lực đã từng nghe Đa Văn Thế Tôn nói về cảnh giới chưa từng có mà Bồ-tát thực hành, nên Bồ-tát Tấn Lực bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Theo con hiểu lời Phật dạy: Đạo mà Đại Bồ-tát thực hành có đầy đủ phương tiện, thâu nhiếp tất cả các pháp.

Bạch Thế Tôn! Ví như hư không, đều có thể dung chứa tất cả các sắc; đạo mà Bồ-tát thực hành cũng vậy. Nó gồm đầy đủ phương tiện, thâu nhiếp tất cả các pháp; lại như cây cỏ, thảo dược, hoa quả, hương thơm đều nhờ hư không mà tăng trưởng, nó không làm dơ hư không mà cũng không làm sạch hư không, không giận cũng không vui. Đại Bồ-tát cũng vậy, có phương tiện Bát-nhã ba-la-mật nên duyên vào tất cả pháp làm cho tất cả đều là đạo; chẳng hạn như pháp của phàm phu, pháp hữu học, pháp Bích-chi-phật, pháp của Bồ-tát, hoặc pháp của Như Lai. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đều thông đạt; ví như lửa, nếu gặp cây, gỗ, cỏ, trúc tất sẽ cháy mạnh thêm; các loại cỏ cây đó đều lợi ích cho lửa, làm tăng thêm ánh sáng. Các pháp cũng vậy, đều là đạo của Đại Bồ-tát; ví như tự thể của Kim cang cứng chắc, đao không thể chặt đứt, lửa không thể đốt cháy, nước không thể xói mòn, chất độc không thể làm hư rã; Đại Bồ-tát cũng vậy, dùng trí tuệ làm phương tiện, đối với hàng Thanh văn, Duyên giác và các ngoại đạo, tất cả phiền não đều không thể phá hoại.

Bạch Thế Tôn! Như viên ngọc thanh thủy, nếu bỏ vào nước đục thì nước liền trong; Đại Bồ-tát có viên ngọc Bát-nhã ba-la-mật làm cho tất cả phiền não của chúng sinh đều được thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Ví như viên ngọc báu dịu dược và chất độc không thể ở chung với nhau mà nó hay tiêu trừ các độc. Đại Bồ-tát hành phương tiện Bát-nhã ba-la-mật cũng không ở chung với tất cả phiền não mà hay tiêu diệt phiền não.

Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên này, mà tất cả các pháp đều là đạo

của Đại Bồ-tát.

Văn-thù-sư-lợi! Khi nghe Bồ-tát Tấn Lực nói pháp môn này, trong chúng có tám ngàn Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác, hai trăm Bồ-tát đạt được Vô sinh pháp nhẫn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát Tấn Lực thời Đức Phật Đa Văn trong quá khứ, nay chính là Thắng Thiên vương.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật như thế nào để có được sức bền vững mà ủng hộ chánh pháp?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát thà bỏ thân mạng chứ không bỏ chánh pháp; thường khiêm nhường cung kính, không kiêu mạn đối với người thấp hèn; chịu đựng những điều sỉ nhục của người không thế lực; đối với chúng sinh đói khát thường vui vẻ ban thức ăn uống ngon nhất, giúp đỡ những người trong cơn nguy khốn khởi sự sợ hãi; đối với các bệnh tật đều trị đúng pháp; làm cho chúng sinh nghèo khổ được tiền của giàu có; tô sơn lại các tháp miếu thờ Phật; xóa tan các việc ác và biểu dương các việc thiện, làm cho chúng sinh đau khổ được an vui.

Văn-thù-sư-lợi! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tu hành như vậy sẽ được sức bền vững để ủng hộ chánh pháp.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, phải làm thế nào để điều phục được tâm?

Phật dạy:

–Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật là không xâm phạm việc của người; trước nghĩ, sau mới làm; tâm tánh ngay thẳng, xa lìa sự dối trá; không tự cao ý tứ thường hay nhún nhường.

Văn-thù-sư-lợi! Đại Bồ-tát thực hành như vậy mới có thể điều phục được tâm.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, và tu các hạnh như vậy sẽ sinh vào cõi nào?

Phật dạy:

–Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, như vậy sẽ sinh trong cõi trời, hoặc sinh trong cõi người; nếu sinh trong cõi trời thì làm Đế Thích hoặc Đại Phạm vương làm chủ cõi Ta-bà đều được gặp Phật ra đời; nếu

sinh trong cõi người thì làm Chuyển luân thánh vương, trưởng giả, cư sĩ và cũng gặp Phật ra đời.

Văn-thù-sư-lợi! Đại Bồ-tát điều phục tâm hạnh, sẽ được sinh vào các cõi như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người tin chân chánh được pháp gì?

Phật đáp:

–Gặp được bạn lành.

–Bạch Thế Tôn! Bố thí được pháp gì?

Phật đáp:

–Được giàu sang.

–Bạch Thế Tôn! Đa văn được pháp gì?

Phật đáp:

–Được Trí tuệ ba-la-mật.

–Bạch Thế Tôn! Giữ giới được pháp gì?

Phật đáp:

–Được tất cả đạo lành.

–Bạch Thế Tôn! Nhẫn nhục được pháp gì?

Phật đáp:

–Được chúng sinh chứa, nhận.

–Bạch Thế Tôn! Tinh tấn được pháp gì?

Phật đáp:

–Thành tựu tất cả Phật pháp.

–Bạch Thế Tôn! Tư duy được pháp gì?

Phật đáp:

–Được vắng lặng.

–Bạch Thế Tôn! Có trí tuệ được pháp gì?

Phật đáp:

–Được pháp đoạn trừ tất cả phiền não.

–Bạch Thế Tôn! Nghe pháp được pháp gì?

Phật đáp:

–Được xa lìa lưới nghi ngờ.

–Bạch Thế Tôn! Hỏi đúng như pháp được pháp gì?

Phật đáp:

–Được trí quyết định.

–Bạch Thế Tôn! Ở nơi tịch tĩnh được pháp gì?

Phật đáp:

–Được thiền định và các thần thông.

–Bạch Thế Tôn! Tu hành chân chánh được pháp gì?

Phật đáp:

–Được đạo nhàm chán xa lìa.

–Bạch Thế Tôn! Biết vô thường được pháp gì?

Phật đáp:

–Không nắm giữ hộ trì gì cả.

–Bạch Thế Tôn! Biết khổ đau được pháp gì?

Phật đáp:

–Được vô sinh.

–Bạch Thế Tôn! Biết vô ngã được pháp gì?

Phật đáp:

–Diệt được ngã và ngã sở.

–Bạch Thế Tôn! Biết không, được pháp gì?

Phật đáp:

–Được vắng lặng.

–Bạch Thế Tôn! Chánh niệm được pháp gì?

Phật đáp:

–Được chánh kiến của bậc Thánh.

–Bạch Thế Tôn! Thân tâm xa lìa được pháp gì?

Phật đáp:

–Được Tam-muội và thần thông.

–Bạch Thế Tôn! Tu Thánh đạo được pháp gì?

Phật đáp:

–Được quả Thánh.

–Bạch Thế Tôn! Tin tưởng và ưa thích được pháp gì?

Phật đáp:

–Được thành tựu các giải thoát.

–Bạch Thế Tôn! Phật ra đời được pháp gì?

Phật đáp:

–Được tất cả pháp trợ Bồ-đề.

Bấy giờ Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Phật ra đời?

Phật đáp:

–Như phát tâm Bồ-đề.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là phát tâm Bồ-đề?

Phật đáp:

–Này đại vương! Như sinh đại Bi.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là sinh đại Bi?

Phật đáp:

–Không bỏ tất cả chúng sinh.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là không bỏ tất cả chúng sinh?

Phật đáp:

–Như không bỏ Tam bảo.

–Bạch Thế Tôn! Ai không bỏ Tam bảo?

Phật đáp:

–Là người không phiền não.

Thắng Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là ít có! Bạch Thiện Thệ! Thật là ít có! Chư Phật Thế Tôn với sự bí mật vi diệu sâu xa như vậy, thường nói tất cả pháp đều là không; không sinh, không diệt, vắng lặng, không phá hoại sự tu hành đưa đến quả báo thiện ác và xa lìa hai pháp đoạn thường.

Bạch Thế Tôn! Ở trong thế giới, có chúng sinh nào nghe pháp như vậy mà chẳng khởi lên tâm chánh tín kính trọng lại còn hủy báng không?

Bạch Thế Tôn! Các chúng sinh này, do nhờ thiện nghiệp trong quá khứ mà được thân người, nay lại gần gũi bạn ác nên không tin pháp sâu xa như vậy, tức là phụ bạc nghiệp thiện trong quá khứ và ân đức sâu nặng của chư Phật, Thế Tôn. Giả sử tự cắt thân mình, lấy máu thịt cúng dường Như Lai, cũng không thể báu đáp ân Phật. Vì thế chúng con căn lành đang tăng trưởng, được an lạc trong đại pháp và tự tại.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, phải biết ân Phật và gần gũi bạn lành, nên học hạnh Phật để được quả vị Phật.

Khi pháp này được nói, trong chúng có hai vạn năm ngàn Bồ-tát đạt được Vô sinh pháp nhẫn; bốn vạn năm ngàn trời, người phát tâm vô thượng Chánh đẳng giác. Một vạn hai ngàn Thiên tử được Pháp nhãn thanh tịnh,

xa lìa trần cấu.

-oOo-

Phẩm 11: Hiện Hóa

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Thiện Tư Duy thưa Thắng Thiên vương rằng:

–Hóa Phật mà Như Lai tạo ra có thể biến hóa được không?

Thắng Thiên vương đáp:

–Lấy sự việc của Đức Thế Tôn làm chứng, hóa Phật mà Phật tạo ra, có thể biến hóa thành vô lượng, hằng hà sa số hóa Phật với nhiều màu sắc hình tướng, thị hiện thần thông để nói pháp lợi ích cho chúng sinh. Thiện nam tử! Nhờ nguyện lực thanh tịnh đời trước của chư Phật nên mới có như vậy.

Bồ-tát Thiện Tư Duy thưa:

–Đại vương! Ngài khéo nói pháp sâu xa về nguyện lực thanh tịnh đời trước của chư Phật, vậy cúi mong đại vương, thỉnh sức oai thần của Phật làm cho Bát-nhã ba-la-mật trụ lâu ở đời mà không bị chìm mất.

Thắng Thiên vương đáp:

–Thiện nam tử! Bát-nhã ba-la-mật đều được tất cả chư Phật hộ trì. Vì sao? Vì dùng văn tự để nói Bát-nhã ba-la-mật như vậy văn tự không sinh, không diệt, không chìm mất; văn tự làm rõ nghĩa lý nên cũng không sinh, không diệt, không mất.

Thiện nam tử! Bát-nhã ba-la-mật của chư Phật Như Lai rất sâu xa nên cũng không chìm mất. Vì sao? Vì pháp không sinh, nếu pháp không sinh thì tất nhiên không diệt. Như vậy lời dạy của Như Lai là bí mật. Nếu Phật ra đời hoặc không ra đời thì tánh tướng vẫn thường trụ, gọi là pháp giới hay như như. Tên không khác, nhưng tùy thuận nhân duyên bên ngoài mà không trái nghịch. Đó là chánh pháp, tánh ấy thường trụ không mất.

Bồ-tát Thiện Tư Duy thưa:

–Đại vương! Những người nào có thể hộ trì chánh pháp?

Thắng Thiên vương đáp:

–Thiện nam tử! Nếu không trái nghịch với tất cả pháp, thì gọi là hộ trì chánh pháp. Vì sao? Vì không có tranh luận và không trái đạo lý, nên gọi là hộ trì chánh pháp.

Lại hỏi:

–Thế nào không trái đạo lý?

Đáp:

–Nếu thuận theo văn tự là không trái đạo lý và không có chỗ để tranh luận thì gọi đó là hộ trì chánh pháp. Vì sao? Vì phàm phu thế gian đều chấp trước các kiến, còn người thuận đạo lý thường nói không. Cho nên thế gian sinh ra tranh luận; như vậy phàm phu tham đắm vào pháp có, còn người thuận theo đạo lý thì coi thường việc này. Thế gian nói có thường, lạc, ngã, tịnh; người thuận đạo lý nói: Vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, cho nên thế gian sinh ra tranh luận.

Thiện nam tử! Tất cả phàm phu đều thuận theo thế gian, còn người thuận theo đạo lý thì ngược lại với thế gian, cho nên thế gian thường sanh tranh luận. Tất cả phàm phu đều chấp ấm, xứ, nhập, còn người thuận đạo lý thì nói tất cả pháp đều không có chấp trước, cho nên thế gian pháp khởi tranh luận.

Thiện nam tử! Tất cả phàm phu thuận theo đời thì không thực hành đạo lý, còn người thuận theo đạo lý thì trái với đời.

Bồ-tát Thiện Tư Duy thưa:

–Đại vương! Nay ngài chọn lấy những pháp nào?

Thắng Thiên vương đáp:

–Tôi không chọn lấy người mà cũng không chọn lấy pháp.

Lại hỏi:

–Vì sao không chọn lấy?

Đáp:

–Lìa ngã, lìa chúng sinh, lìa pháp; những cái lìa ấy đều không thể nắm bắt. Lìa quá khứ, vị lai, hiện tại, những cái lìa ấy cũng không thể nắm bắt. Lìa chư Phật và không lìa chư Phật; lìa cõi nước Phật và không lìa cõi nước Phật; lìa pháp và chẳng lìa pháp…

Này thiện nam! Thực hành như vậy gọi là thuận đạo lý, là không nắm giữ những điều không đáng nắm giữ.

Bồ-tát Thiện Tư Duy khen:

–Hay thay Đại sĩ, hay thay Chánh sĩ! Ngài có khả năng nói Bát-nhã ba-la-mật sâu xa như vậy; không lấy, không chấp trước, không danh, không tự; diệt các hý luận, lìa chẳng thể phân biệt và đối tượng tư duy.

Khi ấy, trong chúng có một Thiên tử tên là Hiền Đức, đứng dậy sửa áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Pháp không phân biệt như Thắng Thiên vương đã

nói. Vậy pháp đó là pháp gì?

Phật bảo Thiên tử Hiền Đức:

–Pháp không phân biệt tức là vắng lặng. Vì sao? Vì lấy mà chẳng lấy; chẳng lìa ngã và ngã sở; không khởi động, không dừng nghỉ. Đó gọi là pháp không phân biệt.

Thiện nam tử! Đại Bồ-tát quán sát như vậy, mới có thể hộ trì chánh pháp, nhưng cũng không thấy mình hộ trì và pháp được hộ trì.

Khi Phật nói pháp này, trong chúng có mười ngàn Tỳ-kheo tâm được giải thoát. Một ngàn Thiên tử đạt được Pháp nhãn thanh tịnh, xa lìa trần cấu.

Bấy giờ, Bồ-tát Thiện Tư Duy thưa Thắng Thiên vương:

–Những biện tài gì mới có thể nói pháp sâu xa như vậy?

Thắng Thiên vương đáp:

–Thiện nam tử! Phải hoàn toàn không còn tập tánh phiền não, đạt được biện tài mới có thể nói như vậy; nó vượt qua ngôn ngữ, không thể bày tỏ Đệ nhất nghĩa trí; biện tài như vậy mới có thể nói được pháp sâu xa.

Bấy giờ, Bồ-tát Thiện Tư Duy hỏi Thiên tử Hiền Đức:

–Thiện nam tử! Thế nào là trong pháp vô sinh mới nói được biện tài?

Thiên tử Hiền Đức đáp:

–Nếu Đại Bồ-tát không trụ trong pháp không sinh, không diệt thì không có biện tài nói pháp sâu xa được. Vì sao? Vì phải xa lìa hý luận; không thấy đối tượng duyên và chủ thể duyên; tâm không có chỗ trụ trước thì mới có thể nói. Không trụ người, không trụ pháp, không trụ bên đây, bên kia mà chỉ trụ nơi thanh tịnh Đệ nhất nghĩa đế, cho nên mới có thể nói.

Bồ-tát Thiện Tư Duy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thiên tử Hiền Đức thật là hiếm có, có khả năng thông đạt pháp sâu xa biện tài vô tận như vậy.

Phật dạy:

–Này thiện nam! Thiên tử Hiền Đức này từ thế giới Diệu hỷ là cõi nước của Đức Phật Bất Động, đến thế giới Ta-bà, để nghe giảng Bát-nhã ba-la-mật sâu xa đó.

Phật lại bảo Bồ-tát Thiện Tư Duy:

–Ở quá khứ vô lượng trăm ngàn ức kiếp, Thiên tử Hiền Đức đã tu tập môn Đà-la-ni, do đó trọn kiếp nói pháp cũng không hết được.

Bồ-tát Thiện Tư Duy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đà-la-ni là những pháp gì?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Tên các pháp, không có pháp nào có thể nhập Đà-la-ni.

Thiện nam tử! Đà-la-ni này vượt qua các văn tự; lời nói không thể diễn tả hết được mà tâm cũng không thể suy lường; các pháp trong ngoài đều không nắm bắt được.

Thiện nam tử! Không có một pháp nhỏ nào có khả năng nhập được Đà-la-ni. Cho nên nói các pháp không thể nhập Đà-la-ni. Vì sao? Vì pháp này bình đẳng, không cao thấp, không ra vào, không có một văn tự nào đến từ bên ngoài mà vào được, cũng không có một văn tự nào từ pháp này ra, lại không có một văn tự nào trụ trong pháp này, cũng không có một văn tự nào làm cho ta thấy được Đà-la-ni, cũng không phân biệt được pháp và phi pháp. Các văn tự đó, có nói nó cũng không giảm, không nói nó cũng không tăng, từ xưa đến nay không tạo ra mà cũng không hoại diệt.

Thiện nam tử! Như văn tự, thì tâm cũng vậy; giống như tâm, tất cả pháp cũng như vậy. Vì sao? Vì pháp lìa ngôn ngữ nói năng nên cũng lìa sự suy lường; vốn không sinh, diệt nên không ra vào. Đó gọi là các pháp không thể nhập Đà-la-ni. Nếu thông đạt được pháp môn này thì biện tài vô tận, vì sao? Vì khi thông đạt được pháp môn này rồi thì pháp nói không hết, không cùng tận.

Thiện nam tử! Người nào có thể nhập được hư không, thì mới có thể nhập được pháp môn Đà-la-ni này.

Thiện nam tử! Đại Bồ-tát có khả năng thông đạt được pháp môn Đà-la-ni này, nên thân, tâm, khẩu được thanh tịnh; hành động theo đạo lý, nên trí tuệ được kiên cố; tất cả chúng ma không thể não loạn; tất cả ngoại đạo không dám ngước nhìn; tất cả phiền não không thể phá hoại; sức khỏe tráng kiện, tâm không khiếp nhược; nói pháp vô tận tuyên giảng tất cả Thánh đế sâu xa. Trí tuệ đa văn cũng như biển lớn, an trụ chánh định như núi Tu-di khiến chúng sinh không sợ, như sư tử vương, ví như hoa sen không nhiễm pháp đời, lợi ích chúng sinh như đại địa, rửa sạch nhơ bẩn như dòng nước lớn, dùng lửa lớn để thành tựu thế gian, làm đẹp lòng mọi người bằng sự bình đẳng mát mẻ như mặt trăng. Hay phá vỡ được tối tăm như ánh sáng mặt trời. Diệt hết phiền não oán hận mới gọi là sức mạnh. Chế ngự tâm tánh cũng như rồng lớn, có thể tạo ra sấm pháp vang động cả bầu trời và tuôn ra mưa pháp giống như trận mưa lớn; cũng như thầy thuốc trừ bệnh phiền não cho chúng sinh; như quốc vương dùng pháp trị đời; như Tứ Thiên

vương hay bảo hộ chúng sinh và chánh pháp; như Đế Thích giàu sang nhất cõi trời, người; tâm được tự tại như Đại phạm vương làm chủ thế giới Ta-bà; thân được vô ngại như chim Ca-lầu-la; chỉ dạy chúng sinh như người cha ở đời; giống như vua Tỳ-sa-môn hay ban pháp báu và cho các báu. Đó là chỗ công đức trí tuệ trang nghiêm mà mỗi khi chúng sinh nhìn thấy, thảy đều lợi ích; là chỗ khen ngợi của chư Phật, Thế Tôn và tất cả chư Thiên hết lòng ủng hộ.

Thiện nam tử! Đại Bồ-tát đạt được các pháp không thể nhập Đà-la-ni này. Với nhiều tự tại sẽ làm lợi ích chúng sinh; phương tiện nói pháp không cùng tận; tâm không mỏi mệt, không cầu danh lợi; bố thí pháp bình đẳng không ghen ghét; giữ giới thanh tịnh thì thân, khẩu, ý không lỗi lầm; nhẫn nhục thanh tịnh xa rời các buồn giận; tinh tấn thanh tịnh sẽ làm xong được các việc; thiền định thanh tịnh thì khéo chế ngự được tâm; trí tuệ thanh tịnh thì không còn nghi ngờ vướng mắc, đủ bốn Vô lượng tâm cũng như Phạm vương; thực hành các chánh định, đẳng trì; tu đạo vô thượng thế gian không gì hơn; đủ các công đức trí tuệ, nhận địa vị Quán đảnh.

Khi Phật nói pháp môn Đà-la-ni này, trong chúng có sáu vạn bốn ngàn Bồ-tát đạt được quả vị không thoái chuyển. Ba vạn Bồ-tát đạt được Vô sinh pháp nhẫn. Hai vạn trời người được Pháp nhãn thanh tịnh, xa lìa trần cấu; vô lượng, vô biên trời, người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác.

-oOo-

Phẩm 12: Đà-La-Ni

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là hiếm có! Điều mà Như Lai nói, Đại Bồ-tát đạt được các pháp không nhập Đà-la-ni này để thành tựu công đức vô lượng, vô biên.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Này thiện nam! Công đức như thế, giả sử trăm ngàn năm, Như Lai có nói cũng không hết.

Khi ấy trong chúng có một Đại Bồ-tát tên Tịch Tịnh Ý thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đại Bồ-tát được Đà-la-ni này, đó là chỗ mà chư Phật Thế Tôn khen

ngợi, người này đã khéo được nhiều lợi ích đã hoàn tất cả việc độ mình và độ người.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Thiện nam tử! Trong Đệ nhất nghĩa không có pháp để khen không sắc, không tướng; đã không sắc tướng thì có gì để khen; không thể khen thì có gì mà vui.

Bồ-tát Tịch Tịnh Ý thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Như tôi nghe Phật dạy, trong Khế kinh, tất cả pháp không có ngã và ngã sở, không thể làm cho vui hay giận, vì thế Bồ-tát nên học pháp bình đẳng này.

Ví như đại địa ở trên nước, nếu đào ao giếng thì được nước dùng, còn không đào giếng thì không có nước. Như vậy cảnh giới của Thánh trí trùm khắp tất cả pháp, nếu siêng tu trí tuệ phương tiện thì liền được pháp bình đẳng, còn ngược lại không tu thì làm sao có được. Do đó Bồ-tát muốn cầu giác ngộ, thì không được lười biếng. Nếu siêng năng tinh tấn tu hành như vậy, thì pháp ấy sẽ hiển hiện.

Thiện nam tử! Nếu người mới sinh ra đã mù, thì không thể thấy sắc; cũng vậy, phiền não làm mù mắt chúng sinh nên không thể thấy pháp. Như người có mắt, nếu không có ánh sáng bên ngoài, thì không thể thấy sắc; cũng vậy, người tu hành tuy có trí tuệ nhưng không có bạn lành thì không thể thấy pháp; như có Thiên nhãn, thì không cần nhờ ánh sáng bên ngoài cũng có thể thấy sắc. Như vậy Đại Bồ-tát thể nhập pháp lưu thì tự nhiên thắng tấn. Như hài nhi ở trong thai, không tự thấy mình lớn thêm mỗi ngày; cũng vậy, Đại Bồ-tát siêng năng tinh tấn tu hành không tự thấy các hạnh của mình tăng trưởng mà có thể thành tựu tất cả Phật pháp. Ví như núi tuyết, có cây thuốc chúa, luôn luôn không bị khô gãy, Đại Bồ-tát luôn siêng năng, tinh tấn, tu hành thì tất cả các hạnh không tổn thất, không thoái lui.

Ví như Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở đời thì đủ bảy báu; Đại Bồ-tát phát tâm Bồ-đề cũng đủ bảy báu: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ và sức phương tiện. Như Chuyển luân thánh vương dạo chơi bốn thiên hạ, tâm của Ngài luôn bình đẳng đối với mọi chúng sinh; cũng vậy, Đại Bồ-tát dùng bốn Nhiếp pháp làm lợi ích tất cả chúng sinh cũng như vậy. Như Chuyển luân thánh vương đến đâu thì không có tranh tụng; cũng vậy, Đại Bồ-tát thuyết pháp như thật không còn có tranh luận.

Ví như tam thiên đại thiên thế giới mới hình thành, liền có núi chúa Tu-di và biển lớn; Bồ-tát cũng vậy, nếu phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác thì liền có trí tuệ và đại Bi.

Ví như mặt trời xuất hiện thì những ngọn núi cao có ánh sáng trước; Đại Bồ-tát được ngọn đuốc trí tuệ thì Bồ-tát nào có đạo hạnh cao quý, thiện căn thần thục sẽ được chiếu ánh sáng trước.

Ví như mặt đất rộng lớn, gánh vác tất cả hoa quả cây cỏ thảo dược một cách bình đẳng. Đại Bồ-tát được Đà-la-ni thì luôn có tâm bình đẳng đối với chúng sinh.

Thế Tôn khen Đại Bồ-tát Tịch Tịnh Ý:

–Thiện nam tử! Như lời ông nói, Đại Bồ-tát được môn Đà-la-ni này dù có nói một lời, một câu nào, cũng không trái với lời Phật.

Thiện nam tử! Lời thuyết pháp này đều lìa sắc, thanh, hương, vị, xúc. Vì sao? Vì chẳng phải là pháp thế gian, nên nói đến vô tận, vô biên cũng làm cho tất cả thân tâm con người được nhẹ nhàng lợi ích. Giả sử có đối trước trăm ngàn Đức Phật mà nói, cũng không khiếp sợ. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này được sức hộ trì của Phật, nên tâm không chấp trước, không chấp ngã, không chấp chúng sinh, không chấp pháp nên được pháp giới thanh tịnh, Như Lai thanh tịnh, thật tế thanh tịnh, được pháp vô tận, tự vô tận, thuyết vô tận liền sinh vui mừng. Do được trí tuệ nên hiểu biết đúng đắn và không còn bị nghi ngờ bao vây.

Khi Phật nói pháp môn Đà-la-ni này, trong chúng có tám ngàn Bồ-tát đạt được các pháp không thể nhập Đà-la-ni này. Một vạn hai ngàn Bồ-tát đạt được quả vị không thoái chuyển. Năm ngàn Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn. Một vạn sáu ngàn Thiên tử được Pháp nhãn thanh tịnh, xa lìa trần cấu. Có vô lượng, vô biên chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác.

Thế Tôn bảo Bồ-tát Tịch Tịnh Ý:

–Đà-la-ni này có thể điều phục các ma; phá trừ các ngoại đạo và những người không ưa thích chánh pháp; diệt lửa phiền não, thắp sáng ngọn đèn trí tuệ, ủng hộ Pháp sư, làm cho đạt đến Niết-bàn; điều phục tự tâm, khéo giáo hóa mọi người, thân tướng oai nghi đẹp đẽ, ai thấy cũng hoan hỷ; làm người chánh hạnh, nói pháp bình đẳng, quán sát căn tánh chúng sinh như thật, chẳng trước, chẳng sau.

Khi Phật nói pháp này, tam thiên đại thiên thế giới, các núi Tu-di và biển lớn đều chấn động, từ các cõi trời hoa rải như mưa, nào Hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hao Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa, hoa Ưu-bát-la, hao Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi, hoa Ca-ma-la. Các tiếng âm nhạc cõi trời không đánh không gảy tự nhiên kêu vang.

Thế Tôn bảo Bồ-tát Tịch Tịnh Ý:

–Này thiện nam! Vào đời quá khứ, cách đây vô lượng, vô biên vô số kiếp, không đếm được, có Đức Phật ra đời hiệu là Bảo Nguyệt Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Nước tên Vô hủy, kiếp tên Hoan hỷ. Đệ tử Thanh văn hơn ba mươi ức, còn Đại Bồ-tát thì không đếm được số lượng. Phật Bảo Nguyệt thành đạo không có khổ hạnh và hàng phục Thiên ma. Trong chúng đệ tử có một Bồ-tát tên là Bảo Công Đức, biện tài khéo léo nói được tất cả pháp.

Khi ấy, đại chúng thỉnh Phật ở đời chớ nên vào Niết-bàn.

Bồ-tát Bảo Công Đức nói với đại chúng:

–Như Lai Thế Tôn không sinh, không diệt, cần gì khuyến thỉnh Ngài chớ nên vào Niết-bàn. Nếu như hư không vào Niết-bàn thì Như Lai mới vào Niết-bàn; nếu pháp giới, thật tế, chân như; pháp giới chẳng nghĩ bàn vào Niết-bàn thì Như Lai mới vào Niết-bàn. Vì sao? Vì pháp Như Lai không có thành tựu, không hoại diệt, không nhiễm, không tịnh; chẳng phải thế gian hoặc xuất thế gian, hữu vi hoặc vô vi; chẳng đoạn, chẳng thường. Giả sử một cái miệng có mười lưỡi, mỗi một lưỡi lại sinh ra trăm cái lưỡi, mỗi một cái lưỡi này lại sinh ra ngàn cái lưỡi nữa thì cũng không thể nói hết sự thành hoại của Như Lai.

Khi Bồ-tát Bảo Công Đức nói pháp này; có tám vạn sáu ngàn Bồ-tát đạt được quả vị không thoái chuyển. Bảy ngàn Bồ-tát được vô biên Công đức đà-la-ni, Duyệt ý đà-la-ni, Vô ngại đà-la-ni, Hoan hỷ đà-la-ni, Đại bi đà-la-ni, Nguyệt ái đà-la-ni, Nguyệt quang đà-la-ni, Nhật ái đà-la-ni, Nhật quang đà-la-ni, Núi Tu-di đà-la-ni, Biển lớn đà-la-ni, Đức vương đà-la-ni. Ba vạn sáu ngàn trời, người được Pháp nhãn thanh tịnh, xa lìa trần cấu.

Phật bảo Bồ-tát Tịch Tịnh Ý:

–Bồ-tát Bảo Công Đức đâu phải người nào khác chính là ông đó. Do nhân duyên này ông mới có thể nói pháp môn Đà-la-ni này.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói kệ:

Tổng trì như thuốc hay
Khéo chữa bệnh ngu si
Cũng như vị cam lồ
Uống vào sẽ sống mãi.

Bồ-tát Công Đức Hoa Vương nói kệ:

Tổng trì không văn tự
Văn tự rõ tổng trì
Sức đại Bi trí tuệ

Lìa ngôn ngữ văn tự.

Bấy giờ, San-đâu-suất-đà Thiên vương đứng dậy, sửa áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chư Phật Như Lai không thể nghĩ bàn; pháp chư Phật nói ra cũng không thể nghĩ bàn; chỗ thực hành và giảng nói của các Đại Bồ-tát cũng không thể nghĩ bàn. Đời trước, chúng con cùng chư Thiên, nhờ có thiện căn sâu dày nên gặp Như Lai, nghe nói pháp này. Nói xong liền đem tất cả hương hoa quý báu ở cõi trời, cúng dường Phật Như Lai.

Thế Tôn bảo San-đâu-suất-đà vương:

–Này đại vương! Ai muốn cúng dường Phật Như Lai thì phải tu ba pháp. Đó là:

1. Phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác.

2. Hộ trì chánh pháp.

3. Tu hành đúng pháp.

Này đại vương! Người nào tu hành ba pháp này chính là cúng dường Như Lai.

Này đại vương! Giả sử Như Lai sống ở đời một kiếp, mà nói phước báu cúng dường này cũng không hết được, vì thế Đại vương muốn cúng dường Như Lai thì phải đủ ba pháp này mới gọi là cúng dường.

Đại vương! Nếu có người nào hộ trì một bài kệ bốn câu của Như Lai thì người ấy ủng hộ Vô thượng Bồ-đề của chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai. Vì sao? Vì chư Phật Như Lai đều từ pháp sinh, người cúng dường pháp mới gọi là chân cúng dường, cúng dường pháp là cao tột đệ nhất, trong các pháp cúng dường, tất cả của báu không thể sánh kịp.

Thế Tôn bảo San-đâu-suất-đà vương:

–Ta nhớ lại thời quá khứ, cách đây vô lượng, vô biên, vô số a-tăng-kỳ kiếp, khi còn thực hành đạo Bồ-tát, ta nghe chư Thiên trong hư không nói kệ:

Trời, người xa lìa Đại bảo tạng
Sẽ bị vua giặc nước, lửa cướp
Trăm ngàn vạn kiếp pháp khó nghe
Nghe rồi không giữ, không giảng nói
Tâm đạo làm gốc dạy chúng sinh
Như thật tu hành, tâm vắng lặng
Lợi mình, lợi người, tâm bình đẳng

Tu hành như vậy; cúng dường Phật.

Đại vương! Khi xưa ta vừa nghe kệ này rồi, liền nói cho người khác, có tám ngàn người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác. Vì thế Đại vương nên xem pháp cúng dường là cao tột đệ nhất. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đều từ pháp sinh.

-oOo-

KINH THẮNG THIÊN VƯƠNG
BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 7

Phẩm 13: Khuyến Giới

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi từ nơi tòa đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật của Như Lai nói rất sâu xa, nhưng trong đời mạt thế ở tương lai, chúng sinh có thể tin nhận chăng? Nếu thiện nam hay thiện nữ nghe kinh này sinh lòng tin, không hủy báng thì họ được thành tựu công đức gì?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đời mạt thế ở tương lai, có thiện nam hay thiện nữ nào, ở nơi vô lượng Đức Phật, tu hành giữ giới thanh tịnh, thiền định, trí tuệ thì đó là đệ tử chân chánh của Phật, có thể tin vào kinh này, công đức đạt được không thể tính kể. Pháp thiện tối thắng điều từ trí tuệ sinh, nên để tâm thanh tịnh mà tin nhận; nay ta vì ông dùng ví dụ lược nói.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cõi Diêm-phù-đề, chu vi bảy ngàn do-tuần; phía Bắc rộng; phía Nam hẹp; trong cõi ấy, mặt người giống như hình thế đất, trong cõi Diêm-phù-đề khắp nơi đầy đủ các bậc như: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Bích-chi-phật; dày kín như rừng trúc, mía, lau; trong đó không để có một khoảng trống nhỏ nào; nếu có thiện nam hay thiện nữ đem bốn sự cúng dường trọn đời mình cho các vị Thánh nhân ấy, hoặc đem bảy báu chứa đầy cõi Diêm-phù-đề, cao đến trời Phạm thiên, để cúng dường đầy đủ cho tất cả Thánh nhân ấy; thiện nam hay thiện nữ đó trọn đời cúng dường như vậy suốt hơn ba mươi năm ngày đêm không gián đoạn.

Văn-thù-sư-lợi! Ý ông nghĩ sao? Người đó do sự việc ấy, công đức nhiều chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu thiện nam hay thiện nữ, không hủy báng kinh này thì công đức hơn công đức cúng dường bảy báu trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn phần cho đến tính đếm ví dụ cũng không sao sánh bằng.

Văn-thù-sư-lợi! Cõi Cù-da-ni chu vi tám ngàn do-tuần, hình bán nguyệt, mặt người cũng vậy; trong cõi ấy, khắp nơi đầy đủ các bậc như: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Bích-chi-phật dày kín như rừng trúc, mía, lau; trong đó không còn có một chỗ trống nhỏ nào.

Nếu thiện nam hay thiện nữ đem tứ sự cúng dường trọn đời mình cho các vị Thánh ấy; cho đến khi Niết-bàn rồi xây tháp thờ xá-lợi; hoặc đem bảy báu chứa đầy cõi này, cao đến tận Phạm thiên để cúng dường đầy đủ cho tất cả Thánh nhân ấy; thiện nam hay thiện nữ này cúng dường như vậy trọn đời, suốt hơn ba mươi năm ngày đêm không gián đoạn, không dừng nghỉ.

Văn-thù-sư-lợi! Ý ông nghĩ sao? Người đó, do sự việc ấy, được phước nhiều chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu thiện nam hay thiện nữ tin kinh này; thì công đức hơn phước cúng dường bảy báu trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn phần, cho đến tính đếm ví dụ cũng không sao sánh bằng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cõi Phất-vu-đãi, chu vi chín ngàn do-tuần, hình trăng tròn, mặt người cũng vậy; trong cõi này khắp nơi đầy đủ các bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Bích-chi-phật dày kín như rừng trúc, mía, lau; trong đó không còn có một chỗ trống nhỏ nào. Nếu thiện nam hay thiện nữ đem bốn sự cúng dường trọn đời mình cho các vị Thánh ấy; hoặc đem bảy báu chứa đầy cõi đó, cao đến tận Phạm thiên để cúng dường đầy đủ cho tất cả Thánh nhân ấy; thiện nam hay thiện nữ này, cúng dường như vậy trọn đời, suốt hơn ba mươi năm ngày đêm không gián đoạn.

Văn-thù-sư-lợi! Ý ông nghĩ sao? Người đó, do sự việc ấy, được phước nhiều chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Này Văn-thù-sư-lợi! Cõi Uất-đơn-việt chu vi mười ngàn do-tuần, hình vuông, mặt người cũng vậy; trong cõi ấy khắp nơi đầy đủ các bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Bích-chi-phật dày kín như rừng trúc, mía, lau; trong đó không còn có một chỗ trống nhỏ nào. Nếu thiện nam hay thiện nữ đem bốn sự cúng dường trọn đời mình cho các vị Thánh ấy; hoặc đem bảy báu chứa đầy cõi đó, cao đến tận Phạm thiên để được cúng dường đầy đủ cho tất cả Thánh nhân ấy; thiện nam hay thiện nữ này, cúng dường như vậy trọn đời, suốt hơn ba mươi năm ngày đêm không gián đoạn.

Văn-thù-sư-lợi! Ý ông nghĩ sao? Người đó, do sự việc ấy, được phước nhiều chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu thiện nam hay thiện nữ, thọ trì, gìn giữ, đọc tụng kinh này thì công đức hơn phước cúng dường bảy báu trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn phần, cho đến tính đếm ví dụ cũng không sao sánh bằng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế giới Ta-bà nhiều như vi trần, thì Thánh nhân cũng nhiều như vậy. Nếu có thiện nam hay thiện nữ, đem bốn sự cúng dường trọn đời mình cho các vị Thánh ấy; hoặc đem bảy báu chứa đầy cõi tam thiên đại thiên thế giới đó, cao đến tận cõi trời Sắc cứu cánh, để được cúng dường đầy đủ cho tất cả Thánh nhân ấy. Thiện nam hay thiện nữ này trọn đời cúng dường như vậy.

Văn-thù-sư-lợi! Ý ông nghĩ sao? Công đức có nhiều chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phước đức trước đã nói không thể nghĩ bàn, huống là công đức này.

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào, đem kinh này nói cho người khác, thì công đức này hơn công đức cúng dường bảy báu trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn phần cho đến tính đếm ví dụ cũng không sao sánh bằng.

Văn-thù-sư-lợi! Nếu không đem công đức này, hồi hướng quả vị Vô thượng Chánh đẳng giác, thì sẽ làm vua cõi trời Tha hóa tự tại vi trần số kiếp; kế đến làm vua cõi trời Hóa lạc vô số kiếp; làm vua cõi trời Đâu-suất vô số kiếp; làm vua cõi trời Dạ-ma vô số kiếp; làm vua cõi trời Đế Thích

vô số kiếp, hướng là Chuyển luân thánh vương. Nếu đem hồi hướng Nhất thiết trí thì có thể thành tựu được Bát-nhã ba-la-mật Vô thượng Chánh đẳng giác.

Văn-thù-sư-lợi! Trong cõi Diêm-phù-đề, khắp nơi đầy cả các bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Bích-chi-phật; dày kín như rừng trúc, mía, lau. Nếu có người ác nào giết hết số Hiền thánh ấy, Văn-thù-sư-lợi, ý ông nghĩ sao? Người gây ra sự việc này, bị tội nhiều không?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giết một Thánh nhân còn đọa trong A-tỳ địa ngục trọn kiếp huống gì đến như vậy. Tội có nhiều không thể tính kể!

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Có người nào hủy báng kinh này, thì tội ấy còn nhiều hơn tội giết hại Thánh nhân trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn phần cho đến tính đếm ví dụ cũng không sao sánh bằng.

Văn-thù-sư-lợi! Trong Cù-đa-ni khắp nơi đầy cả các bậc: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Bích-chi-phật, dày kín như rừng trúc, mía, lau. Nếu có người ác giết hại tất cả. Văn-thù-sư-lợi! Ý ông nghĩ sao? Người ác đó, do sự việc này bị tội nhiều không?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tội này không thể nghe, không thể nghe! Người này không có kỳ hạn ra khỏi A-tỳ địa ngục.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Có người nào không tin kinh này, tội đó còn nhiều hơn tội giết hại Thánh nhân trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn phần, cho đến tính đếm ví dụ cũng không sao sánh bằng.

Văn-thù-sư-lợi! Nếu thiên hạ khắp bốn châu đều như bụi trần và chư Phật Như Lai nhiều như số bụi ấy; có người ác nào giết hại và cướp đoạt hai loại tài sản là: Diệt pháp tài và Phá thế tài.

Văn-thù-sư-lợi! Ý ông nghĩ sao? Người này bị tội nhiều không?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tội này không thể nghe, không thể tính kể, không thể nghĩ lường.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu lại có người không tin kinh này; hủy báng và làm chướng ngại, thì tội đó còn nhiều hơn tội đoạt hai loại tài sản trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn phần, cho đến tính đếm ví dụ cũng không sao sánh bằng. Giả sử

tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới, đều thành Vô thượng Chánh đẳng giác rồi mà người ác này cũng chưa ra khỏi được địa ngục A-tỳ.

Văn-thù-sư-lợi! Người ác như vậy, thì không một cảnh giới địa ngục A-tỳ nào mà không đọa vào, huống là cảnh giới khác như: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Vì sao? Vì hủy hoại mẹ sinh ra ba đời chư Phật. Giả sử trải qua kiếp số như vị trần ở trước được ra khỏi ba đường ác; nếu sinh trong loài người thì mắc phải bệnh, thân tâm bị tật nguyền, cũng phải trải qua nhiều kiếp như bụi; kế đến mắc phải quả báo không lưỡi hoặc không tay cũng nhiều kiếp như vậy.

Văn-thù-sư-lợi! Nếu ta sống ở đời một kiếp hoặc ít hơn một kiếp, dùng thần lực của Phật để nói tội báo của người tạo ác này thì không sao hết được.

Văn-thù-sư-lợi! Nếu mong cầu sự an vui cho đời hiện tại và vị lai, thì không nên hủy báng; không tin và làm những điều chướng ngại lớn đối với kinh này.

-oOo-

Phẩm 14: Nói Về Hai Hạnh

Bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, cần phải thành tựu phần trước và sau của Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát có hai hạnh: Thành tựu Bát-nhã ba-la-mật và giáo hóa chúng sinh.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát giáo hóa chúng sinh như thế nào?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Từ khi mới được Bát-nhã cho đến sau cùng, phải lìa công dụng của tâm mà nói pháp không cùng tận, trong khoảng giữa ấy không bị gián đoạn; làm cho các chúng sinh thoát khỏi quả báo đường ác trong ba cõi, tạo an vui cho các chúng sinh, khiến họ trụ đường lành và được ba quả Thánh.

Văn-thù-sư-lợi! Đó gọi là Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh.

Văn-thù-sư-lợi! Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật thành tựu vô vi, vô biên. Đó gọi là tự hành của Đại Bồ-tát. Vì sao? Vì đã thành tựu được tất cả công đức.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những pháp nào cùng với Bát-nhã ba-la-mật và Đại

Bồ-tát tương ưng?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Chỉ có Nhất thiết chủng trí là pháp chân thật, xa lìa sự suy nghĩ so lường; nó vi diệu, không tướng, đạo lý sâu xa, không thể thấy được và khó thông đạt. Nó thường trụ, vắng lặng, trong mát và cùng khắp; không phân biệt, không chấp trước, không chướng ngại; chỉ thuận theo đạo lý mà không chấp thủ. Rất vắng, rất lặng, trong tất cả pháp, nó là vô thượng không gì sánh bằng.

Văn-thù-sư-lợi! Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật và tu những pháp này sẽ cùng Nhất thiết trí tương ưng.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật trong cảnh giới như thế nào?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật trong cảnh giới sâu xa, cảnh giới rộng lớn và cảnh giới công đức.

Văn-thù-sư-lợi! Cảnh giới sâu xa ấy thể của nó là vô vi, không thể cùng rời xa, không chấp hai bên, nó vượt qua các chướng ngại, tự tánh thanh tịnh, không thể đếm biết, không thể nghĩ lường, không cùng chung với hàng Thanh văn và Bích-chi-phật.

Văn-thù-sư-lợi! Cảnh giới rộng lớn của Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật là tất cả công đức của chư Phật Như Lai đều lấy hai pháp Bát-nhã ba-la-mật và Ma-ha ca-lâu-na làm thể. Nó lìa tướng phân biệt và dùng tâm vô công dụng để làm lợi ích chúng sinh đều tương xứng với ý kia không lúc nào rời nhau.

Văn-thù-sư-lợi! Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật tương ứng với tất cả công đức; ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, với sức oai thần của Phật và có thể hiện ra tất cả hình tướng, tùy theo sự ưa muốn của mỗi căn tánh chúng sinh; hoặc hiện lên cõi trời Đâu-suất; hoặc từ cõi trời Đâu-suất xuống; hoặc hiện vào thai; hoặc hiện lúc mới sinh; hoặc hiện đồng tử; hoặc hiện dạo chơi nơi vườn; hoặc hiện xuất gia; hoặc hiện khổ hạnh; hoặc đến cây Bồ-đề; hoặc hiện thành Phật; hoặc hiện Chuyển pháp luân; hoặc hiện Niết-bàn. Thị hiện tất cả như vậy là để đoạn trừ sinh tử cho chúng sinh.

Văn-thù-sư-lợi! Đó gọi là cảnh giới của Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thật hiếm có! Bát-nhã ba-la-mật sâu xa như vậy thì cảnh giới chư Phật là không thể nghĩ bàn.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đúng như vậy, đúng như vậy, như lời ông nói! Bát-nhã ba-la-mật là pháp bất cộng, không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì chẳng phải là cảnh giới của tất cả phàm phu, Thanh văn, Duyên giác nên không thể thông đạt được; trừ Phật Như Lai ra, không ai có thể đạt được. Vì sao? Vì nghĩa lý như như, sâu xa, tự tại, không động; thuộc về cảnh giới vô lậu mà giáo hóa chúng sinh lợi ích viên mãn. Do đó gọi là cảnh giới của chư Phật, nó vượt qua các ngôn ngữ thuộc về Đệ nhất nghĩa, không có giác quán phân biệt, suy lường và không còn các thí dụ, nó đứng đầu trong tất cả các pháp, không trụ sinh tử, cũng không trụ Niết-bàn.

Văn-thù-sư-lợi! Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật có năm việc không thể nghĩ bàn:

1. Tự tánh.

2. Phương xứ.

3. Trụ.

4. Nhất dị.

5. Lợi ích.

Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là tự tánh không thể nghĩ bàn?

Sắc tức là như, tìm cầu, không thể được; lìa sắc tìm cầu như cũng không thể được; thọ, tưởng, hành, thức, cũng lại như vậy. Địa đại tức là như, tìm cầu, không thể được; lìa địa đại tìm cầu như, cũng không thể được, tất cả thủy đại, hỏa đại, phong đại cũng đều như vậy.

Nhãn nhập tức như, cầu là không thể được; lìa nhãn tìm cầu như cũng không thể được. Tất cả nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng đều như vậy.

Pháp có là như mà cầu, không thể được. Pháp không là như cũng không thể được; hoặc ở cõi Dục không thể nghĩ bàn, hoặc lìa cõi Dục cũng không thể nghĩ bàn; cõi Sắc và Vô sắc cũng như vậy. Hoặc ở phương Đông không thể nghĩ bàn, hoặc rời phương Đông cũng không thể nghĩ bàn; các phương Tây, Nam, Bắc, bốn góc trên dưới cũng vậy. Trụ nơi an lạc không thể nghĩ bàn; trụ nơi vắng lặng không thể nghĩ bàn; tâm trụ ở có không thể nghĩ bàn; tâm trụ ở không không thể nghĩ bàn. Ba đời Như Lai đều đồng ở một chỗ tự tánh thanh tịnh, pháp giới vô lậu; hoặc một hoặc khác không thể nghĩ bàn. Thần lực trí tuệ đồng một pháp giới; phương tiện và trí tuệ cả hai đều bình đẳng, có thể vì lợi ích vô lượng chúng sinh, phải vượt qua cảnh

giới ngôn ngữ, không thể nói năng, mà tùy thuận cho căn tánh chúng sinh, nên nói tất cả và thị hiện tất cả; ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp cũng tùy ý chúng sinh mà hiện ra như vậy.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những gì là ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Tướng tốt của Như Lai rất nhiều, nói không thể hết; nhưng tùy thuận pháp thế gian mà lược nói là ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp:

1. Lòng bàn chân bằng phẳng.
2. Tướng đi ngay thẳng.
3. Chỉ dưới bàn chân có xoáy tròn như hình bánh xe có ngàn nan hoa.
4. Ngón tay khít thon dài, mềm mại, thẳng, không lộ xương.
5. Thân hình to lớn cân đối.
6. Kẻ ngón tay, ngón chân có màn da mỏng như ngỗng chúa.
7. Lòng bàn tay như màu hoa sen hồng.
8. Xương mắc cá không lộ.
9. Bắp chân như đùi nai chúa.
10. Thân mềm mại ngay thẳng.
11. Mã âm tàng.
12. Thân hình đầy đặn như cây Ni-câu-lô-đà.
13. Lông trên mình xoắn về bên phải.
14. Một sợi lông của mỗi chân lông trơn mướt bụi không thể dính.
15. Thân màu sắc vàng.
16. Quanh mình thường có hào quang chiếu ra một trượng.
17. Bảy chỗ đầy đặn.
18. Ngực như ngực sư tử.
19. Dưới nách của hai cánh tay đầy đặn.
20. Hai tay tròn thẳng như vòi con voi chúa và dài quá đầu gối.
21. Bốn mươi cái răng đều khít nhau và trắng như ngọc tuyết.
22. Bốn răng cửa giống như trăng non.
23. Trán như trán sư tử.
24. Đầu tròn trịa.
25. Cổ họng đầy đủ ngàn mạch.
26. Lòng ngực rắn chắc như Na-la-diên.

27. Có nhục kế nổi lên tự nhiên trên đỉnh đầu.

28. Lưỡi dài và rộng như cánh sen.

29. Giọng nói vang rền như tiếng trống trời Phạm thiên.

30. Mắt xanh biếc như hoa Ưu-bát-la.

31. Lông mi xanh xám như ngưu vương.

32. Có sợi lông trắng giữa hai chặng mày.

Văn-thù-sư-lợi! Đây là ba mươi hai tướng, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật đều có thể thành tựu công đức như vậy.

Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là tám mươi vẻ đẹp?

1. Đỉnh đầu không thấy được.

2. Xương đầu vững chắc.

3. Trán rộng bằng phẳng.

4. Lông mi dài cong như trăng non, xanh biếc như ngọc lưu ly.

5. Mắt rộng dài.

6. Mũi cao tròn thẳng và kín đáo.

7. Tai dài rộng, trái tay như bánh xe.

8. Thân rắn chắc như Na-la-diên.

9. Thân không thể hoại.

10. Các chi tiết trên thân khít nhau.

11. Khi xoay mình nhìn lại cũng như voi chúa.

12. Thân có hào quang.

13. Thân điều hòa, ngay thẳng.

14. Trẻ mãi không già.

15. Thân thường tươi nhuận.

16. Tự bảo vệ thân không nhờ người khác.

17. Thân thể đầy đủ.

18. Các giác quan đầy đủ.

19. Dung nghi đầy đủ.

20. Oai đức vang xa.

21. Mọi người đều thích hướng đến.

22. Trụ xứ yên ổn không động.

23. Khuôn mặt đầy đặn.

24. Mặt rộng và bằng phẳng.

25. Mặt đầy đặn và sáng như vầng trăng tròn.
26. Không tiểu tụy.
27. Đi đứng oai vệ như voi chúa.
28. Phong thái như sư tử chúa.
29. Tướng đi như ngỗng chúa.
30. Đầu như quả Ma-đà-na.
31. Sắc thân tươi sáng.
32. Mu bàn chân đầy đặn.
33. Móng tay, móng chân như màu hồng đỏ.
34. Lúc đi ấn văn hiện lên đất.
35. Đường chỉ trong lòng bàn tay xinh đẹp.
36. Đường chỉ văn rõ ràng không mất.
37. Chỉ tay rõ thẳng.
38. Chỉ tay dài.
39. Chỉ tay không bị đứt đoạn.
40. Tay chân vừa ý.
41. Tay chân màu trắng, hồng như màu hoa sen hồng.
42. Tướng khổng môn đầy đủ.
43. Dáng đi nhanh nhẹn.
44. Đi đứng không vội.
45. Đi đứng thong thả.
46. Rốn sâu và tròn đẹp xoay về phía bên phải như rắn cuộn tròn.
47. Lông màu xanh hồng như cổ khổng tước.
48. Lông mềm mại sạch sẽ.
49. Lông trên thân xoay về phía phải.
50. Miệng tỏa mùi thơm, lỗ chân lông cũng vậy.
51. Môi đỏ như quả Tần-bà.
52. Hai môi bóng láng đều nhau.
53. Lưỡi mỏng.
54. Tất cả chúng sinh thấy đều ưa chiêm ngưỡng.
55. Nói năng hòa nhã, vui vẻ tùy theo ý thích chúng sinh.
56. Bất cứ nơi nào cũng đều nói điều thiện.
57. Gặp họ chào trước.

58. Âm thanh hòa nhã, tùy sự ưa thích của chúng sinh.

59. Tùy theo ngôn ngữ của mỗi chúng sinh mà nói pháp.

60. Thuyết pháp chẳng chấp trước.

61. Coi chúng sinh bình đẳng,

62. Xem trước làm sau.

63. Pháp âm khế hợp với mỗi chúng sinh.

64. Trình tự thuyết pháp theo nhân duyên.

65. Không có chúng sinh nào nhìn thấy hết được tướng Phật.

66. Chiêm ngưỡng mãi không chán.

67. Đầy đủ tất cả âm thanh.

68. Hiện rõ sắc lành.

69. Người cương cường trông thấy đều cảm phục và người có tâm hoảng sợ trông thấy liền được an ổn.

70. Tiếng nói rõ ràng trong trẻo.

71. Thân chẳng nghiêng ngã.

72. Thân to lớn.

73. Thân cao ráo.

74. Thân không dơ bẩn.

75. Xung quanh có hào quang rộng một trượng.

76. Khi đi có hào quang chiếu trên thân.

77. Thân thanh tịnh.

78. Thân thể sáng và tươi nhuận như ngọc xanh.

79. Tay chân tròn trịa.

80. Tay chân có chữ đức.

-oOo-

Phẩm 15: Tán Thán

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Công đức của Như Lai ít có ai sánh bằng và không thể nghĩ bàn, ba đời chư Phật cũng như vậy không khác. Nếu có chúng sinh nào, thấy hoặc nghe công đức của Như Lai thì những chúng sinh đó cũng không thể nghĩ bàn. Ngày nay, chúng con thấy Thế Tôn chuyển pháp luân lớn, nên vui mừng hớn hở chưa từng có.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền bay lên hư không cao bằng bảy cây Đa-la, chắp tay khen rằng:

Trong các chúng sinh
Phật là tối thượng
Không ai bằng Ngài
Sao có người hơn.
Người pháp đều không
Lý không sánh bằng
Chỉ Phật Như Lai
Hơn là hơn hết.
Tập khí phiền não
Diệt hết không còn
Đối với các pháp
Đều biết rõ ràng.
Hoặc hiểu hay nói
Đều không bằng Phật
Đại thiên thế giới
Chỉ Phật độc tôn
Mười Lực, Vô úy
Quyết định không sai.
Đế Thích, Phạm thiên
Cũng theo không kịp
Ân đức, Thế Tôn
Đối với chúng sinh
Không thể tính được.
Không ai bì kịp
Vô thượng thiện xảo
Với các phương tiện
Làm cho chúng sinh
Đạt được lợi ích.

Bấy giờ, trong đại chúng có một Thiên tử, tên Tô-lầu-ba (dịch là Diệu Sắc) từ nơi tòa đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, nói kệ khen ngợi:

Trong đời ai nói được như Phật
Lời nói như vậy thật lỗi lầm,
Nếu nói Bậc Pháp Vương vô thượng
Là lời nói thật không hư vọng;
Nếu chúng trời, người vấn nạn Phật

Không ai bắt bẻ được Thầy ta
Phật chế phục ma và ngoại đạo
Dẫn dắt thế gian đến giải thoát,
Thanh tịnh biện tài nói không cùng
Thuốc cam lồ cứu giúp chúng sinh,
Quán khắp các pháp, trí không ngại
Trong tất cả niệm, không thoái mất.
Đại Bi bình đẳng quán chúng sinh
Tâm luôn thanh tịnh không nhiễm đời
Khéo hay biết rõ căn tánh dục
Theo chỗ thích nghe mà giảng nói,
Nhiều loại phiền não chẳng phải một
Chỉ bày, nhiều pháp môn đối trị
Khéo nói nhân duyên không ai bằng
Chuyên làm lợi ích cho chúng sinh.
Gặp Phật, nghe pháp, không đắc đạo
Những chúng sinh đó rất khó độ
Đại danh Như Lai, nên ngưỡng mong
Gặp được Như Lai lợi vô cùng.
Trí Phật hay khiến tâm thanh tịnh
Đã nghe chánh pháp, vượt sinh tử
Nghe danh hiệu Phật rất an lành
Nhớ nghĩ Thế Tôn thường vui vẻ.
Phát tâm gặp Phật sinh tuệ giải
Siêng tu đúng pháp thành Chủng trí
Giới phẩm thanh tịnh không cấu uế
Thiền định đệ nhất tâm sáng suốt,
Trí tuệ tối thắng không lay động
Biển pháp thanh tịnh như cam lồ.
Tất cả chúng sinh ưa phóng dật
Chư Phật Như Lai vượt thế gian
Thương các chúng sinh như con một
Ân đức sâu dày khó báo đền.
Trước nói pháp, phá giặc kết sử
Lại đẩy lùi huyễn hóa ma quân
Thế Tôn đã nói lỗi ba cõi
Chỉ rõ Niết-bàn, đức vô lượng.

Khi ấy, trong chúng có một Thiên tử tên Tô-na-ma (dịch là Thiện

Danh) từ nơi tòa đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, nói kệ khen ngợi:

Như Lai Thế Tôn hành đại Bi
Trình bày Trí độ cùng người khác
Điều-đạt mà còn được độ trước
Huống gì những loài chúng sinh khác.
Nay ta không sợ vì không lỗi
Hạnh chánh tu hành, báo Phật ân.
Có người chứng được diệt vô lậu
Nhưng đó chưa thể báo Phật ân
Nếu ai tu hành chánh pháp Phật
Mới gọi là Phật tử chân chánh
Nhiều kiếp cần khổ, vì chúng sinh
Ân lớn vô lượng khó báo đền.
Đại Từ mở bày pháp chân thật
Dạy tu tự hạnh và lợi tha
Nếu Phật Như Lai không ra đời
Tất cả chúng sinh chịu khổ lớn,
Không có đường lành, toàn nẻo ác
Chỉ nghe tiếng khổ trong ba đường
Chịu khổ sáu đường không thể thoát
Chúng sinh bị trói vì phiền não.
Thế Tôn mở kết độc cho họ
Che chở họ bằng pháp Từ bi
Phật là ruộng phước của thế gian
Tu theo chánh pháp lìa đường ác.
Nếu trái lời Phật, không tu hành
Người ấy không sinh vào cõi lành
Có người sinh ác tâm với Phật
Hoặc không ưa nghe pháp sâu xa.
Những chúng sinh này rất đáng thương
Chắc chắn sinh vào cõi tối tăm
Như Phật Thế Tôn trí tự biết
Việc ấy Như Lai đều rõ tường.
Trí Phật chúng ta chẳng lường được
Cúi đầu đảnh lễ mười phương tôn
Vô úy, Trí lực, pháp Bất cộng
Chỉ Phật Thế Tôn mới đầy đủ,

Âm thanh vi diệu, tướng trang nghiêm
Vượt hơn các sắc nhìn không chán
Ba loài nở rộ không dừng dứt
Hoa Phật thanh tịnh con kính lễ.
Chỉ Phật khéo biết đạo Vô thượng
Xa lìa tất cả các hiểm nạn
Phật là đệ nhất không ai bằng
Cúi đầu kính lễ Lưỡng Túc Tôn.
Phật dùng nước chánh pháp công đức
Rửa sạch không còn chút bợn nhơ
Thế Tôn xưa nay trong ngoài tịnh
Nay con đảnh lễ thân chân tịnh.

Bấy giờ, chủ thế giới Ta-bà là Đại Phạm thiên, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dùng kệ khen ngợi:

Phật đầy đủ công đức trí tuệ
Lợi ích chúng sinh không dừng nghỉ
Thường rưới cam lồ, khiến no đủ
Nay con đảnh lễ Đấng Lợi Tha.
Thế gian cao tột đáng kính nhất
Người này do vì cung kính Phật
Các ác không còn thiện đầy đủ
Nay con đảnh lễ Đấng Vô Đẳng.
Tu học không bỏ một hạnh nào
Vì muốn cứu khổ cho chúng sinh
Vượt qua sinh tử được an vui
Nay con đảnh lễ Đấng Cứu Thế.
Kính lễ sắc thân vàng vi diệu
Kính lễ pháp cam lồ Ngài nói
Kính lễ trí thanh tịnh không dơ
Kính lễ tất cả rừng công đức.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Đại Phạm thiên:

–Hay thay, hay thay! Như sự khen ngợi của Đại Phạm thiên.

–Bạch Thế Tôn! Việc này là chân thật. Vì sao? Vì trong vô lượng kiếp, chư Phật Như Lai tu tập tất cả công đức trí tuệ, nên đắc quả đầy đủ. Vì sao? Vì đầy đủ Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, Trí tuệ ba-la-mật; thân thanh

tịnh, miệng thanh tịnh, ý thanh tịnh; do thân, khẩu, ý, thanh tịnh nên có thể thông đạt chân thật như như. Chư Phật Thế Tôn trụ chân thật này nên nói không hư vọng.

Đại Phạm thiên đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ bạch Phật:

–Cúi xin Thế Tôn, dùng sức hộ trì làm cho Bát-nhã ba-la-mật này trường tồn ở thế gian.

Phật bảo Đại Phạm thiên:

–Tất cả mười phương, ba đời chư Phật đều ủng hộ và dùng sức hộ trì Bát-nhã ba-la-mật này; Trời, hoặc Ma, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian không thể phá hoại và gây chướng ngại được. Vì sao? Vì ta nhớ lại đời quá khứ, có Phật hiệu là Bảo Nguyệt Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, cõi nước tên Bất hủy và kiếp tên Tán thán; trong chúng của Phật Bảo Nguyệt có hai Tỳ-kheo làm Pháp sư vì giỏi về thuyết pháp:

1. Trí Thạnh.

2. Thật Dữ.

Trải qua một kiếp, hai Tỳ-kheo này theo Phật chuyển pháp luân trong tam thiên đại thiên thế giới có trăm ức các ma được sự giáo hóa và đã phát tâm Bồ-đề.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Phiến-đa-ý từ chỗ ngồi, đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bảo Nguyệt Như Lai còn ở đời hay vào Niết-bàn rồi?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Phương Đông cách đây hơn mười trăm ngàn ức thế giới, có một thế giới tên là Bất hủy, Phật sống lâu mười ngàn kiếp; ở cõi nước đó, Phật Bảo Nguyệt đang nói Bát nhã ba-la-mật, không có Thiên ma và các ngoại đạo nào gây chướng ngại; tất cả đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác. Tỳ-kheo Trí Thạnh chính là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, còn Tỳ-kheo Thật Dữ chính là Thắng Thiên vương. Hai vị này khéo dùng tất cả phương tiện thiện xảo ủng hộ, làm cho Bát-nhã ba-la-mật trụ lâu ở đời.

Mười phương cõi Phật nói Bát-nhã ba-la-mật, nên hai vị ấy đến đây nghe giảng, cũng do ta đang phóng ánh sáng lớn, nên mọi người theo ánh

sáng mà đến.

-oOo-

Phẩm 16: Phú Chúc

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

–Ông hãy thọ trì kinh Bát-nhã ba-la-mật này.

A-nan từ chỗ ngồi, đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con phải thọ trì như thế nào?

Phật dạy:

–Thọ trì kinh này có mười pháp, mười pháp đó là:

1. Ghi chép.
2. Cúng dường.
3. Lưu truyền.
4. Lắng nghe.
5. Tự đọc.
6. Ghi nhớ, giữ gìn.
7. Rộng truyền bá.
8. Đọc tụng.
9. Suy nghĩ.
10. Tu hành.

A-nan! Thọ trì mười pháp này là thọ trì được kinh này vậy. Cũng như tất cả cây rừng, hoa, thuốc đều nương vào mặt đất rộng lớn mà sinh; cũng như tất cả thiện pháp đều nương Bát-nhã ba-la-mật mà sinh.

A-nan! Ví như Chuyển luân thánh vương, nếu ở thế gian thì bảy báu thường hiện; Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy. Nếu kinh này còn ở thế gian thì Tam bảo không đoạn tuyệt.

Khi ấy, cùng lúc đại chúng đều chiêm ngưỡng Như Lai và đồng thanh nói rằng:

–Các thiện nam tử nào mà sau khi Như Lai diệt độ có thể gánh vác việc này?

–Bạch Thế Tôn! Như vậy gánh vác trách nhiệm lớn này phải là người đã trải qua vô lượng, vô biên, vô số kiếp tu tập, và sự tu tập ấy đã đạt đến Vô thượng Chánh đẳng giác.

Lúc ấy, trong chúng có một vạn hai ngàn Đại Bồ-tát vì hộ trì pháp, nên từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, nói kệ khen ngợi:

Chúng con bỏ thân mạng
Không cầu báo đời sau
Hộ trì pháp sâu xa
Mà Thế Tôn đã nói.

Bấy giờ, trong chúng có năm trăm Thiên tử, mà đứng đầu là Hiền Vương, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, nói kệ khen ngợi:

Vì độ các chúng sinh
Thành tựu nguyện đại Bi
Hộ trì pháp sâu xa
Mà Thế Tôn đã nói.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân, Thi-khí Đại phạm, Tỳ-sa-môn Thiên vương, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, nói kệ khen ngợi:

Trí tuệ – thuốc vi diệu
Trị được tất cả bệnh
Chúng con nguyện xin giữ
Pháp Thế Tôn đã nói.

Lúc đó, Chấp Kim Cang thần, cũng từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo, bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, nói kệ khen ngợi:

Pháp vốn không tên gọi
Phật dùng danh tự nói
Lời đại Bi của Phật
Chúng con nguyện giữ gìn.

Thế Tôn bảo Thi-khí Phạm thiên:

–Này Phạm thiên! Phật có ba việc tối thượng, ba việc đó là:

1. Hay phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác.

2. Hộ trì chánh pháp.

3. Tu hành đúng pháp đã nghe.

Phạm thiên! Nếu có người tu hành ba pháp vô thượng này, thì người đó mới được gọi là cúng dường Như Lai. Nếu Phật ở đời một kiếp hoặc ít hơn một kiếp để nói công đức kia thì cũng không thể nói hết được.

Phạm thiên! Nếu có người hộ trì một bài kệ bốn câu của Như Lai thì

công đức của người ấy cũng không thể lường được; huống chi đối với Bát-nhã ba-la-mật-lại là mẹ ba đời chư Phật.

Phạm thiên! Vì sao vậy? Vì chư Phật Như Lai đều từ Bát-nhã ba-la-mật mà sinh ra; cúng dường pháp này tức là cúng dường chư Phật Như Lai, chứ chẳng phải đem tiền của mới là cúng dường. Trong các sự cúng dường, cúng dường pháp là thứ nhất.

Phạm thiên! Nếu có người hộ trì chánh pháp của Như Lai, thì phải biết là người này hai đời sẽ được an lạc. Cho nên Phạm thiên, cần phải ủng hộ và thọ kinh sâu xa này.

Này Phạm thiên! Do ông ủng hộ chánh pháp, nên ông là người được thỉnh pháp với một ngàn Đức Phật, trong đời hiền kiếp.

Phạm thiên! Ở cõi ô uế này mà ông hộ trì chánh pháp dù trong khoảng giây lát, cũng còn hơn ở cõi tịnh độ một kiếp. Do đó cần phải siêng năng tinh tấn hơn để ủng hộ chánh pháp.

Bấy giờ Thế Tôn lại bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Kiều-thi-ca! Ở nơi nào có kinh Bát-nhã ba-la-mật này, thì phải biết là nơi đó Như Lai giác ngộ, là nơi Như Lai chuyển pháp luân, là nơi thị hiện Niết-bàn.

Kiều-thi-ca! Vì sao? Vì tất cả Bồ-tát, tất cả thiện pháp, tất cả chư Phật đều từ kinh này sinh ra.

Kiều-thi-ca! Nếu có Pháp sư diễn giảng kinh này, thì nơi ấy là chỗ giáo hóa của Như Lai. Vì thế cần phải sinh tâm thân cận hiểu biết và tôn trọng Pháp sư ấy giống như kính trọng Phật. Khi thấy Pháp sư này phải cung kính, vui mừng, tôn trọng, khen ngợi.

Kiều-thi-ca! Nếu ta ở đời một kiếp hoặc ít hơn một kiếp, để nói về công đức diễn giảng kinh này của Pháp sư, thì không sao nói hết.

Kiều-thi-ca! Hoặc tại nơi hoằng hóa của vị Pháp sư này, có thiện nam hay thiện nữ nào, chích lấy máu rưới lên đất để bụi khỏi bay lên; cúng dường như vậy chưa phải là nhiều. Vì sao? Vì pháp luân của Như Lai khó thọ trì.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu trong đời vị lai, nơi nào có nói kinh này, thì con cùng quyến thuộc sẽ ủng hộ nơi ấy và người nói pháp ấy, hoặc gặp nơi nào có để kinh này, thì trước hết phải sinh tâm nhớ nghĩ về bốn nơi.

Thế Tôn khen Đế Thích:

–Hay thay, hay thay! Kiều-thi-ca! Ta đem kinh này phú chúc cho ông,

ủng hộ và diễn giảng trong đời mạt thế ở tương lai.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Do kinh này mà chư Thiên chúng con được sinh trong đường thiện và cầu Vô thượng Chánh đẳng giác cũng do kinh này. Con nguyện sẽ ủng hộ chánh pháp quên cả thân mạng.

Phật nói:

–Kiều-thi-ca! Phải đúng như pháp đã nghe mà tu hành. Lành thay, lành thay. Khi Phật nói kinh này rồi, Thắng Thiên vương và mười phương chúng Đại Bồ-tát, tất cả chúng Thanh văn, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân… đều tin nhận và phụng hành những gì Phật đã nói.

-oOo-

SỐ 232

KINH VĂN-THÙ-SƯ-LỢI SỞ THUYẾT MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Hán dịch: Đời Lương, Tam tạng Mạn-đà-la-tiên, người nước Phù Nam.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, Đức Phật cùng một ngàn vị đại Tỳ-kheo và mười ngàn vị Đại Bồ-tát tập hợp đầy đủ. Các vị đều dùng Đại trang nghiêm để tự trang nghiêm thân và tất cả đã trụ vào địa vị không thoái chuyển. Tên của các vị Bồ-tát ấy là Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Vô Ngại Biện, Bồ-tát Bất Xả Đởm… đầy đủ các Bồ-tát như vậy.

Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Đồng chân vào sáng sớm một mình đi đến chỗ Đức Phật, nhưng đứng ở bên ngoài. Bấy giờ các Tôn giả Xá-lợi-phất, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, Đại Mục-kiều-liên, Ma-ha Ca-diếp, Ma-ha Ca-chiên-diên, Ma-ha Câu-hy-la… cùng tất cả các đại Thanh văn cũng đều đến chỗ Đức Phật và đứng bên ngoài.

Biết chúng hội đã tập hợp, Đức Như Lai đi ra khỏi phòng và trải tòa ngồi. Đức Thế Tôn dạy Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Vì sao mới sáng sớm mà ông đến đứng ở ngoài cửa rồi?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Đồng chân, đã đến đây và đứng ngoài cửa trước tiên. Thật ra con đến sau.

Bấy giờ Đức Phật hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Ông đến đây trước tiên là ý muốn gặp Như Lai chăng?

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, đúng vậy! Đúng là con đến đây để gặp Thế Tôn. Vì sao? Vì con ưa thích chánh quán để làm lợi ích cho chúng sinh. Con quán Như Lai tướng như như, chẳng phải tướng dị, chẳng phải tướng động,

chẳng phải tướng tạo tác, không phải tướng sinh, không phải tướng diệt, chẳng phải tướng có, chẳng phải tướng không, không phải ở một chỗ, không phải rời khỏi chỗ không phải ba đời, không phải không ba đời, không phải hai tướng, không phải không hai tướng, chẳng phải tướng cấu, chẳng phải tướng tịnh… Con chánh quán tất cả tướng Như Lai như vậy, để làm lợi ích cho chúng sinh.

Đức Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu thấy được tướng Như Lai như vậy, thì tâm không nắm lấy, cũng không phải không nắm lấy. Không phải tích tụ, cũng không phải không tích tụ.

Khi ấy, Xá-lợi-phất nói với Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu ông nói như vậy, thì việc thấy Như Lai là rất hiếm có; vì tất cả chúng sinh thấy Như Lai mà tâm không chấp lấy tướng chúng sinh. Giáo hóa tất cả chúng sinh hướng đến Niết-bàn mà cũng không nắm lấy tướng đến Niết-bàn. Vì tất cả chúng sinh, làm trang nghiêm vĩ đại nhưng tâm không thấy tướng trang nghiêm.

Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Đồng chân nói với Xá-lợi-phất:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như những điều Tôn giả nói! Tuy vì tất cả chúng sinh, phát tâm làm Đại trang nghiêm nhưng thường không thấy có tướng chúng sinh. Vì tất cả chúng sinh phát Đại trang nghiêm nhưng cảnh giới của chúng sinh thì không tăng, cũng không giảm. Giả sử có một Đức Phật trụ ở đời một kiếp hay hơn một kiếp; từ cảnh giới của một Đức Phật đó, lại có vô lượng, vô biên hằng hà sa chư Phật; như vậy, mỗi mỗi Đức Phật trụ một kiếp hay hơn một kiếp, ngày đêm thuyết pháp, tâm không dừng nghỉ. Tất cả chư Phật đó cứu độ vô lượng hằng hà sa chúng sinh, làm cho nhập vào Niết-bàn, nhưng cảnh giới của chúng sinh cũng không tăng, không giảm. Cho đến mười phương thế giới chư Phật, cũng lại như vậy. Mỗi mỗi chư Phật thuyết pháp giáo hóa, đều độ vô lượng hằng hà sa chúng sinh, làm cho nhập vào Niết-bàn nhưng cảnh giới của chúng sinh thì không tăng, cũng không giảm. Vì sao? Vì định tướng của chúng sinh là không thể nắm bắt, cho nên cảnh giới của chúng sinh là không tăng không giảm.

Xá-lợi-phất lại nói với Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu cảnh giới của chúng sinh không tăng không giảm thì làm sao Bồ-tát vì chúng sinh mà cầu Chánh đẳng Chánh giác, thường thực hành việc thuyết pháp?

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Nếu tất cả chúng sinh đều là tướng không thì không có Bồ-tát cầu

Chánh đẳng chánh giác. Cũng không có chúng sinh để thuyết pháp. Vì sao? Vì trong pháp tôi nói, không có một pháp nào có thể nắm bắt.

Đức Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu không có chúng sinh, vì sao nói có chúng sinh và cảnh giới của chúng sinh?

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Cảnh giới của chúng sinh tương tự cảnh giới của chư Phật.

Đức Phật lại hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Cảnh giới của chúng sinh có lường được chăng?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Số lượng cảnh giới của chúng sinh cũng như số lượng cảnh giới của Phật.

Đức Phật lại hỏi:

–Số lượng cảnh giới của chúng sinh có xứ sở không?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Số lượng cảnh giới của chúng sinh là không thể nghĩ bàn.

Đức Phật lại hỏi:

–Tướng cảnh giới của chúng sinh có trụ không?

Thưa:

–Chúng sinh không có trụ, giống như trụ hư không.

Đức Phật hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Như vậy, khi tu Bát-nhã ba-la-mật, nên trụ Bát-nhã ba-la-mật như thế nào?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Không trụ vào pháp nào cả, là trụ Bát-nhã ba-la-mật.

Đức Phật lại hỏi:

–Vì sao nói không trụ vào pháp nào gọi là trụ Bát-nhã ba-la-mật?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Vì không có tướng trụ tức là trụ Bát-nhã ba-la-mật.

Đức Phật hỏi Văn-thù:

–Như vậy, khi trụ Bát-nhã ba-la-mật, thì các căn lành ấy tăng trưởng ra sao? Tổn giảm thế nào?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Nên trụ Bát-nhã ba-la-mật, thì các căn lành không tăng, không giảm;

đối với tất cả pháp cũng không tăng, không giảm. Tánh, tướng của Bát-nhã ba-la-mật đó cũng không tăng, không giảm.

Bạch Thế Tôn! Như vậy tu Bát-nhã ba-la-mật thì không xả pháp phàm phu, cũng không giữ lấy pháp của Hiền thánh. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật không thấy có pháp để nắm bắt hay xả bỏ. Như vậy, tu Bát-nhã ba-la-mật cũng không thấy Niết-bàn, sinh tử đáng vui hay đáng nhàm chán. Vì sao? Vì không thấy sinh tử thì lam sao nhàm chán, xa lìa? Không thấy Niết-bàn thì làm sao ưa thích? Như vậy, tu Bát-nhã ba-la-mật không thấy phiền não, cấu bẩn để xả bỏ; cũng không thấy công đức để bắt lấy. Đối với tất cả các pháp, tâm không tăng không giảm. Vì sao? Vì không thấy pháp giới có tăng giảm. Bạch Thế Tôn! Nếu đúng như vậy thì gọi là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Bạch Thế Tôn! Không thấy các pháp có sinh có diệt, đó là tu Bát-nhã ba-la-mật. Bạch Thế Tôn! Không thấy các pháp có tăng có giảm, đó là tu Bát-nhã ba-la-mật. Bạch Thế Tôn! Tâm không muốn nắm bắt, không thấy tướng của pháp để có thể mong cầu; đó là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Bạch Đức Thế Tôn! Không thấy đẹp xấu, không có so đo cao thấp, không nắm bắt hay xả bỏ. Vì sao? Pháp không có đẹp xấu, vì pháp xa lìa các tướng; pháp không cao thấp, vì tánh của pháp bình đẳng; pháp không nắm bắt hay xả bỏ, vì pháp trụ vào thật tế. Đó là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Đức Phật hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Có pháp nào hơn Phật pháp không?

Văn-thù thưa:

–Con không thấy các pháp nào thù thắng hơn Phật pháp. Như Lai tự giác ngộ tất cả pháp không, đó là điều có thể chứng tri.

Đức Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

–Đúng như vậy, Như Lai chánh giác tự chứng pháp không.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Trong pháp không đó sẽ có pháp thắng mà có thể chứng đắc ư?

Đức Phật nói:

–Lành thay, Văn-thù-sư-lợi! Những lời ông nói, đúng là pháp chân chánh.

Đức Phật lại hỏi:

–Vô thượng Chánh đẳng có gọi là Phật pháp không?

Thưa:

–Như lời Phật nói, Vô thượng Chánh đẳng gọi là Phật pháp. Vì sao? Vì không có pháp nào được gọi là Vô thượng Chánh đẳng.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Như vậy, tu Bát-nhã ba-la-mật không gọi là pháp khí, không có pháp để giáo hóa phàm phu, cũng không có Phật pháp, không có pháp tăng trưởng. Đó là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Bạch Đức Thế Tôn! Khi tu Bát-nhã ba-la-mật, không thấy có pháp, có thể phân biệt tư duy.

Đức Phật hỏi:

–Ông không tư duy về Phật pháp ư?

Thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Theo con, tư duy không thấy Phật pháp, cũng không thể phẩn biệt đây là pháp phàm phu, là pháp Thanh văn, là pháp Bích-chi-phật, như vậy gọi Phật pháp vô thượng.

Lại nữa, khi tu Bát-nhã ba-la-mật, không thấy tướng phàm phu, không thấy tướng Phật pháp, không thấy các pháp có tướng cố định. Đó là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Bạch Đức Thế Tôn! Khi tu Bát-nhã ba-la-mật, không thấy Dục giới, không thấy Sắc giới, không thấy Vô sắc giới, không thấy Tịch diệt giới. Vì sao? Vì không thấy có pháp nào là tướng diệt tận. Đó là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Bạch Đức Thế Tôn! Khi tu Bát-nhã ba-la-mật, không thấy người ban ân, không thấy người trả ân. Tư duy hai tướng như vậy tâm không phân biệt. Đó là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, khi tu Bát-nhã ba-la-mật, không thấy Phật pháp có thể nắm bắt, không thấy pháp phàm phu có thể xả bỏ. Đó là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, khi tu Bát-nhã ba-la-mật, không thấy pháp phàm phu có thể diệt, cũng không thấy Phật pháp để chứng tri. Đó là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Lành thay! Ông đã khéo nói đúng về tướng thâm sâu của Bát-nhã ba-la-mật. Đó là pháp ấn mà các Đại Bồ-tát đã học. Cho đến Thanh văn, Duyên giác, bậc Hữu học và Vô học cũng sẽ không lìa ấn ấy, để tu đạo quả.

Đức Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu người nào được nghe pháp ấy mà không kinh nghi, sợ sệt. Phải biết rằng người ấy từ xa xưa đã trồng các căn lành với ngàn Đức Phật, cho đến trăm ngàn vạn ức Phật, cũng đã trồng sâu căn đức nên không kinh nghi,

sợ sệt đối với Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu ấy.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con xin nói lại nghĩa Bát-nhã ba-la-mật.

Đức Phật dạy:

–Hãy nói đi!

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Khi tu Bát-nhã ba-la-mật, không thấy các pháp nào là nên trụ là không nên trụ; cũng không thấy cảnh giới có tướng để nắm lấy hay bỏ đi. Vì sao? Vì chư Như Lai không thấy tướng cảnh giới của tất cả các pháp, cho đến không thấy cảnh giới của chư Phật, huống chi phải nắm bắt cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác và phàm phu, không nắm giữ tướng có thể nghĩ bàn, cũng không nắm giữ tướng chẳng nghĩ bàn; không thấy các pháp có bao nhiêu tướng; tự chứng pháp không, chẳng thể nghĩ bàn. Như vậy, Đại Bồ-tát đã cúng dường và trồng các căn lành với vô lượng trăm ngàn vạn ức Phật, cho nên không kinh nghi, sợ sệt Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu ấy.

Lại nữa, khi tu Bát-nhã ba-la-mật không thấy buộc, không thấy mở, không thấy tướng sai biệt của phàm phu cho đến Tam thừa. Đó là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Đức Phật hỏi Văn-thù:

–Ông đã cúng dường bao nhiêu chư Phật?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Tướng của con và chư Phật như huyễn hóa, nên không thấy được sự cúng dường và người thọ sự cúng dường.

Đức Phật hỏi:

–Nay ông không thể trụ vào Phật thừa ư?

Văn-thù thưa:

–Như con đã tư duy, không thấy một pháp nào thì làm sao được trụ vào Phật thừa.

Đức Phật hỏi:

–Ông không chứng Phật thừa ư?

Văn-thù thưa:

–Như Phật thừa thì chỉ có danh tự, không thể chứng đắc cũng không thể thấy, thì làm sao con chứng đắc được?

Đức Phật hỏi:

–Ông có chứng đắc trí vô ngại không?

Văn-thù thưa:

–Con tức là vô ngại, thì làm sao mà dùng vô ngại chứng vô ngại?

Đức Phật hỏi:

–Ông có ngồi đạo tràng không?

Văn-thù thưa:

–Tất cả Như Lai không ngồi đạo tràng thì làm sao riêng con ngồi đạo tràng. Vì sao? Vì hiện tại thấy các pháp đều trụ vào thật tế.

Đức Phật hỏi:

–Thế nào gọi là thật tế?

Văn-thù thưa:

–Thân kiến… là thật tế.

Đức Phật hỏi:

–Thế nào là thân kiến, là thật tế đó?

Văn-thù thưa:

–Thân kiến tướng của Như là chẳng thật, chẳng phải không thật; không đến, không đi; là thân, không phải thân. Đó gọi là thật tế.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu hiểu rõ nghĩa này thì nhất định gọi là Đại Bồ-tát. Vì sao? Vì được nghe tướng Bát-nhã ba-la-mật sâu xa ấy mà tâm không kinh nghi sợ sệt, không lùi, không hối hận.

Di-lặc Bồ-tát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Được nghe đầy đủ pháp tướng của Bát-nhã ba-la-mật tức là gần ngôi vị Phật. Vì sao? Vì hiện tại Như Lai đã giác ngộ pháp tướng này.

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Được nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu, thì không kinh nghi sợ sệt, không lùi, không hối hận. Nên biết người này đã thấy Phật.

Bấy giờ có Ưu-bà-di Vô Tướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các pháp phàm phu, pháp Thanh văn, pháp Bích-chi-phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật đều là vô tướng. Cho nên được nghe Bát-nhã ba-la-mật, tất cả đều không kinh nghi sợ sệt, không lùi, không hối hận. Vì sao? Vì tất cả các pháp vốn là vô tướng.

Đức Phật dạy Xá-lợi-phất:

–Thiện nam, thiện nữ nào, được nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu ấy

thì tâm nhất định, không kinh nghi sợ sệt, không lùi, không hối hận. Nên biết, người ấy đã trụ vào địa vị không thoái chuyển. Nếu người nào nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này mà không kinh nghi, sợ sệt, lại tin ưa, nghe, thọ, vui mừng không biết chán; tức là người ấy có đầy đủ Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật và Trí tuệ ba-la-mật; cũng có thể chỉ bày, phân biệt cho người khác để tu hành đúng pháp.

Đức Phật hỏi Văn-thù:

–Ông quán xét nghĩa gì, mà chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà trụ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Văn-thù thưa:

–Con không chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, con không trụ Phật thừa thì làm sao chứng được? Với những điều con nói tức là tướng Bồ-tát.

Đức Phật khen Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay! Ông đã khéo nói nghĩa trong pháp thâm sâu này. Trước đây ông đã trồng sâu các căn lành với Phật, lấy pháp vô tướng mà thanh tịnh tu hành phạm hạnh.

Văn-thù thưa:

–Nếu thấy có tướng thì nói vô tướng. Nay con không thấy có tướng, cũng không thấy vô tướng, thì làm sao nói là dùng pháp vô tướng để thanh tịnh tu hành phạm hạnh?

Đức Phật hỏi Văn-thù:

–Ông có thấy giới luật Thanh văn chăng?

Văn-thù thưa:

–Dạ thấy.

Đức Phật hỏi:

–Ông thấy như thế nào?

Văn-thù thưa:

–Con không tạo tri kiến phàm phu, con không tạo tri kiến bậc Thánh, không tạo hữu giác kiến, không tạo vô giác kiến, không tạo đại kiến, không tạo tiểu kiến, không tạo điều phục kiến, không tạo không điều phục kiến, chẳng phải kiến, chẳng phải không kiến.

Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù:

–Ông quán Thanh văn thừa như vậy, còn quán Phật thừa thì sao?

Văn-thù nói:

–Tôi không thấy pháp Bồ-đề, không thấy người tu hành Bồ-đề, cũng không thấy người chứng Bồ-đề.

Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù:

–Sao gọi là Phật? Thế nào là quán Phật?

Văn-thù hỏi lại:

–Thế nào là ngã?

Xá-lợi Phật nói:

–Ngã chỉ có trong danh tự, tướng danh tự là trống không.

Văn-thù nói:

–Đúng vậy, nếu ngã chỉ là danh tự thì Phật cũng chỉ là danh tự. Tướng của danh tự trống không tức là Bồ-đề. Không dùng danh tự để cầu Bồ-đề. Tướng của Bồ-đề là không lời, không nói. Vì sao? Vì lời nói và Bồ-đề, cả hai đều trống không.

Này Xá-lợi-phất! Sao gọi là Phật? Quán Phật thế nào? Nghĩa là không sinh, không diệt, không đến, không đi, không tên, không tướng; đó gọi là Phật. Quán thật tướng của thân mình thì quán Phật cũng như vậy. Chỉ người có trí tuệ mới có thể biết được thôi. Đó gọi là quán Phật.

Bấy giờ Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Văn-thù-sư-lợi nói với Bát-nhã ba-la-mật thì hàng Sơ học Bồ-tát không thể hiểu biết được.

Văn-thù thưa:

–Không những hàng Sơ học Bồ-tát không thể biết mà hàng Nhị thừa đã chứng đắc cũng chưa chắc đã biết rõ được. Nói pháp như vậy, không có ai biết cả. Vì sao? Vì tướng Bồ-đề, thật không có pháp nào mà có thể biết, nó không thấy, không nghe, không đắc, không nghĩ, không sinh, không diệt, không nói, không tiếng. Như vậy, tánh tướng của Bồ-đề là không tịch, không chứng, không biết, không hình, không tướng, thì làm sao có người chứng đắc Bồ-đề?

Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù:

–Đối với pháp giới, Phật không chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ư?

Văn-thù trả lời:

–Xá-lợi-phất! Không chứng. Vì sao? Vì Thế Tôn tức là pháp giới. Nếu dùng pháp giới chứng pháp giới tức là tranh luận. Này Xá-lợi-phất!

Tướng của pháp giới tức là Bồ-đề. Vì sao? Vì trong pháp giới ấy không có tướng của chúng sinh vì tất cả pháp là không; tất cả các pháp là không, tức là Bồ-đề; vì không hai, không phân biệt. Xá-lợi-phất! Trong cái không phân biệt tức có cái không biết. Nếu không biết tức là không nói năng. Không có tướng nói năng tức là chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng biết, chẳng phải không biết. Tất cả các pháp cũng đều như vậy. Vì sao? Vì tất cả các pháp không thấy có xứ sở, không có tánh nhất định, nên có thêm tướng nghịch tội cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì thật tướng của các pháp, không thể hư hoại. Như vậy nghịch tội cũng không phải bản tánh, nó không sinh lên trời, không đọa địa ngục, cũng không nhập Niết-bàn. Vì sao? Vì tất cả nghiệp duyên đều trụ vào thật tế, không đến, không đi, không nhân, không quả. Vì sao? Vì pháp giới là vô biên, không trước không sau.

Cho nên, này Xá-lợi-phất! Nếu thấy Tỳ-kheo phạm trọng tội mà không đọa địa ngục, dù có tu hành thanh tịnh nhưng không nhập Niết-bàn. Tỳ-kheo như vậy chẳng phải bậc Ứng cúng, chẳng phải không Ứng cúng, chẳng phải đã hết lậu, cũng chẳng phải không hết lậu. Vì sao? Vì các pháp trụ trong bình đẳng.

Xá-lợi-phất nói:

–Sao gọi là pháp nhẫn không thoái?

Văn-thù trả lời:

–Không thấy một pháp nhỏ nào, có tướng sinh diệt; gọi là pháp nhẫn không thoái.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Sao gọi là Tỳ-kheo chẳng điều phục?

Văn-thù trả lời:

–Là A-la-hán đã sạch các lậu, gọi là chẳng điều phục. Vì sao? Vì đã diệt sạch các kết sử, không có gì để điều phục nữa nên gọi là chẳng điều phục. Nếu tâm và hành động tội lỗi gọi là phàm phu. Vì sao? Vì phàm phu chúng sinh, không thuận với pháp giới, cho nên gọi là tội lỗi.

Xá-lợi-phất nói:

–Lành thay! Nay ông đã khéo giảng cho tôi về nghĩa lậu tận A-la-hán.

Văn-thù nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Tôi đã lậu tận, là A-la-hán chân thật. Vì sao? Vì tôi đoạn trừ sự mong cầu Thanh văn và Bích-chi-phật. Do nhân duyên này gọi là lậu tận chứng A-la-hán.

Đức Phật nói Văn-thù:

–Các Bồ-tát, khi ngồi đạo tràng có giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

Văn-thù thưa:

–Bồ-tát ngồi đạo tràng, không có giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì tướng như Bồ-đề, không có pháp nhỏ nào, có thể chứng đắc, nên gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-đề là vô tướng thì ai có thể ngồi, cũng không có ai đứng dậy. Vì thế mà không thấy Bồ-tát ngồi đạo tràng, cũng không có ai giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-đề tức là năm nghịch, năm nghịch tức là Bồ-đề. Vì sao? Vì Bồ-đề và năm nghịch không có hai tướng, không học điều không học, không thấy điều không thấy, không biết điều không biết, không phân biệt điều không phân biệt. Tướng như vậy gọi là Bồ-đề. Thấy tướng năm nghịch cũng như vậy. Nếu nói thấy có Bồ-đề và người chứng đắc thì nên biết, hạng người này là kẻ tăng thượng mạn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dạy Văn-thù:

–Ông nói ta là Như Lai, vậy ta là Như Lai phải không?

Văn-thù thưa:

–Không, bạch Thế Tôn! Con không nói Như Lai là Như Lai. Không có tướng Như, không thể gọi là Như, cũng không có trí Như Lai mà có thể biết Như. Vì sao? Vì Như Lai và trí không có hai tướng, là trống không; vì Như Lai chỉ có danh tự, thì làm sao con nói là Như Lai?

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Ông nghi Như Lai ư?

Văn-thù thưa:

–Không có, bạch Thế Tôn! Con quán Như Lai không có tánh nhất định, không sinh không diệt, cho nên con không có gì để nghi ngờ.

Phật dạy Văn-thù:

–Ông không nói Như Lai xuất hiện ở đời ư?

Văn-thù thưa:

–Nếu có Như Lai xuất hiện ở đời thì tất cả pháp giới cũng xuất hiện.

Phật dạy Văn-thù:

–Ông cho rằng hằng hà sa chư Phật nhập Niết-bàn ư?

Thưa:

–Chư Phật một tướng, nhưng chẳng thể nghĩ bàn!

Phật dạy Văn-thù:

–Đúng vậy, Phật một tướng nhưng chẳng nghĩ bàn.

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Phật đang trụ ở đời phải không?

Phật dạy:

–Đúng vậy.

Văn-thù thưa:

–Nếu Phật trụ ở đời thì hằng hà sa chư Phật cũng sẽ trụ ở đời. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đồng một tướng, là tướng chẳng nghĩ bàn. Tướng chẳng nghĩ bàn không sinh không diệt. Nếu chư Phật đời vị lai xuất hiện nơi đời thì tất cả chư Phật cũng xuất hiện. Vì sao? Vì trong chẳng nghĩ bàn, không có tướng quá khứ, tướng vị lai, tướng hiện tại; nhưng vì chúng sinh lại chấp trước, cho Phật xuất hiện nơi đời, cho là Phật diệt độ.

Đức Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

–Điều này chỉ có Như Lai, A-la-hán, Bồ-tát không thoái chuyển mới có thể hiểu được. Vì sao? Vì ba bậc này nghe pháp thâm sâu không chê bai, cũng không khen ngợi.

Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy với pháp chẳng nghĩ bàn, ai chê bai, ai khen ngợi?

Phật dạy Văn-thù:

–Như Lai chẳng nghĩ bàn, phàm phu cũng chẳng nghĩ bàn.

Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phàm phu cũng chẳng nghĩ bàn ư?

Phật dạy:

–Phàm phu cũng chẳng nghĩ bàn. Vì sao? Vì tất cả tâm tướng đều chẳng nghĩ bàn.

Văn-thù nói:

–Nếu nói như vậy thì Như Lai chẳng nghĩ bàn, phàm phu cũng chẳng nghĩ bàn. Nay vô số chư Phật cầu Niết-bàn mệt mỏi uổng công. Vì sao? Vì pháp chẳng nghĩ bàn tức là Niết-bàn, bình đẳng, không khác.

Văn-thù thưa:

–Như vậy phàm phu chẳng nghĩ bàn, chư Phật chẳng nghĩ bàn. Nếu

thiện nam, thiện nữ nào học tập căn lành vững chắc, gần gũi Thiện tri thức, mới có thể hiểu biết đầy đủ được.

Phật dạy Văn-thù:

–Ông có muốn Như Lai là tối thắng trong chúng sinh không?

Thưa:

–Con muốn Như Lai là tối thắng đệ nhất trong chúng sinh, nhưng tướng của chúng sinh cũng không thể nắm bắt được.

Phật nói:

–Ông có muốn Như Lai đắc pháp chẳng nghĩ bàn không?

Thưa:

–Con muốn Như Lai đắc pháp chẳng nghĩ bàn nhưng đối với các pháp không có ai thành tựu.

Phật dạy Văn-thù:

–Ông muốn Như Lai nói pháp để giáo hóa ư?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Con muốn Như Lai thuyết pháp giáo hóa, nhưng người nói và người nghe không thể đắc. Vì sao? Vì trụ pháp giới và pháp giới của chúng sinh, không có tướng sai khác.

Phật dạy Văn-thù:

–Ông muốn Như Lai là vô thượng phước điền ư?

Thưa:

–Như Lai là ruộng phước vô tận, là tướng vô tận. Tướng vô tận tức là ruộng phước vô thượng. Chẳng phải ruộng phước, chẳng phải không ruộng phước, mà gọi đó là ruộng phước. Không có các tướng sáng tối, sinh diệt, đó là ruộng phước. Nếu hiểu rõ tướng ruộng phước như vậy thì việc trồng sâu căn lành cũng không tăng không giảm.

Phật dạy Văn-thù:

–Thế nào là trồng sâu căn lành không tăng không giảm?

Thưa:

–Tướng của ruộng phước, chẳng thể nghĩ bàn. Nếu ai ở trong đó, mà như pháp tu thiện thì cũng chẳng thể nghĩ bàn. Gieo trồng như vậy gọi là không tăng không giảm, cũng là ruộng phước tối thắng vô thượng.

Bấy giờ, với thần lực của Phật, mặt đất chấn động sáu cách, hiện ra tướng vô thường. Một vạn sáu ngàn người đều đắc Vô sinh pháp nhẫn. Bảy trăm Tỳ-kheo, ba ngàn Ưu-bà-tắc, bốn vạn Ưu-bà-di, sáu mươi ức na-do-

tha cõi trời Lục dục được xa lìa trần cấu; trong các pháp, được đắc Pháp nhãn thanh tịnh.

-oOo-

KINH VĂN-THÙ-SƯ-LỢI SỞ THUYẾT MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN HẠ

Bấy giờ A-nan đứng dậy, trịch áo bày vai phải, quỳ sát đất, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà mặt đất chấn động sáu cách?

Đức Phật dạy:

–Vì ta nói tướng phước điền không sai khác, nên có điềm này. Xưa kia ở nơi đây, chư Phật cũng đã nói tướng phước điền để làm lợi ích chúng sinh, làm cho mười phương thế giới cũng đã chấn động sáu cách như vậy.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Văn-thù-sư-lợi là chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì pháp tướng mà ông thuyết ra là chẳng thể nghĩ bàn?

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Đúng vậy! Theo lời Xá-lợi-phất nói, đúng là tướng chẳng nghĩ bàn.

Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chẳng thể nghĩ bàn không thể nói, có thể nghĩ bàn cũng không thể nói. Như vậy tánh của nghĩ bàn và chẳng nghĩ bàn đều không thể nói. Tất cả tướng của âm thanh chẳng phải có thể nghĩ bàn, cũng chẳng phải chẳng thể nghĩ bàn.

Phật dạy:

–Ông nhập vào chẳng nghĩ bàn Tam-muội chăng?

Văn-thù thưa:

–Không, bạch Đức Thế Tôn! Con là chẳng nghĩ bàn, không thấy có tâm có thể nghĩ bàn; thì sao nói con nhập vào chẳng nghĩ bàn Tam-muội? Khi mới phát tâm, con muốn nhập vào định ấy, nhưng nay tư duy thì không có tướng nào trong tâm để nhập Tam-muội. Giống như người học bắn đã lâu thì giỏi. Sau đó tuy không chí tâm nhưng do tập lâu nên bắn rất trúng đích. Con cũng như vậy, mới học Tam-muội chẳng nghĩ bàn thì buộc tâm vào một duyên. Do tập lâu được thành tựu. Lại không còn tâm tưởng luôn trụ trong định.

Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù:

–Lại có định tịch diệt thắng diệu không?

Văn-thù trả lời:

–Nếu có định chẳng nghĩ bàn, thì tại sao thầy lại hỏi có định tịch diệt không? Theo ý của tôi, định chẳng thể nghĩ bàn vẫn không thể đắc, sao hỏi có định tịch diệt?

Xá-lợi-phất hỏi:

–Định chẳng thể nghĩ bàn không thể đắc ư?

Văn-thù trả lời:

–Định có thể nghĩ bàn thì tướng có thể đắc, còn định chẳng thể nghĩ bàn thì tướng không thể đắc. Tất cả chúng sinh đều thành tựu định chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì tất cả tướng của tâm thì tức chẳng phải tâm, nên gọi là định chẳng nghĩ bàn. Cho nên tướng của tất cả chúng sinh và tướng của Tam-muội chẳng nghĩ bàn đều như nhau, không phân biệt.

Đức Phật khen Văn-thù:

–Lành thay, với chư Phật, ông đã trồng căn lành, tịnh tu phạm hạnh, cho nên diễn nói được Tam-muội sâu xa. Nay ông đã an trụ trong Bát-nhã ba-la-mật rồi.

Văn-thù thưa:

–Nếu con trụ trong Bát-nhã ba-la-mật, có thể nói như vậy, tức là hữu tưởng liền trụ vào ngã tưởng. Nếu ai trụ trong hữu tưởng và ngã tưởng thì Bát-nhã ba-la-mật có xứ sở. Bát-nhã ba-la-mật nếu trụ vào không thì cũng là ngã tưởng, cũng gọi là xứ sở. Lìa ngã tưởng và xứ sở thì trụ vào chỗ không có chỗ nào để trụ, giống như chư Phật trụ vào cảnh giới an định tịch diệt chẳng phải cảnh giới có thể nghĩ bàn. Như vậy, chẳng nghĩ bàn gọi là trụ xứ của Bát-nhã ba-la-mật. Xứ của Bát-nhã ba-la-mật, tất cả pháp đều vô tướng, tất cả pháp đều vô tác. Bát-nhã ba-la-mật tức là chẳng nghĩ bàn. Chẳng nghĩ bàn tức là pháp giới. Pháp giới tức là vô tướng. Vô tướng tức chẳng nghĩ bàn. Chẳng nghĩ bàn là Bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật và pháp giới không hai, không khác. Không hai, không khác tức là pháp giới. Pháp giới tức vô tướng. Vô tướng tức cảnh giới Bát-nhã ba-la-mật. Cảnh giới Bát-nhã ba-la-mật tức cảnh giới chẳng nghĩ bàn. Cảnh giới chẳng nghĩ bàn tức là cảnh giới vô sinh, vô diệt cảnh giới vô sanh, vô diệt tức cảnh giới chẳng nghĩ bàn.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Cảnh giới Như Lai là cảnh giới của ngã không có hai tướng. Như

vậy, tu Bát-nhã ba-la-mật thì không cầu Bồ-đề. Vì sao? Vì tướng Bồ-đề là lìa, là Bát-nhã ba-la-mật.

–Bạch Thế Tôn! Nếu biết ngã tướng mà không chấp trước; không biết, không chấp trước là điều mà Phật chứng tri. Chẳng thể nghĩ bàn, không biết, không chấp trước tức là điều mà Phật chứng tri. Vì sao? Vì biết rõ bản tánh đều không có tướng, thì làm sao chuyển pháp giới? Nếu biết bản tánh không thể, không chấp trước, thì không có vật. Nếu không có vật thì không có xứ sở, không có chỗ nương tựa, không có chỗ trụ. Không chỗ nương tựa, không có chỗ trụ tức là vô sinh, vô diệt. Không sinh không diệt tức là công đức hữu vi, vô vi. Nếu biết như vậy thì không có tâm tưởng. Nếu không có tâm tưởng thì làm sao biết. Công đức hữu vi, vô vi, mà không biết tức là chẳng nghĩ bàn. Chẳng nghĩ bàn là điều Đức Phật chứng tri, cũng không nắm bắt, không phải không nắm bắt. Không thấy tướng của ba đời: quá khứ, hiện tại, vị lai. Không chấp thủ sinh, diệt và các hoạt động, không đoạn cũng không thường. Biết như vậy gọi là chánh trí. Trí chẳng nghĩ bàn như hư không. Không thế này, không thế kia, không có gì sánh bằng, không tốt xấu, không tướng, không mạo.

Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu biết như vậy thì gọi là trí không thoái.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Trí không tạo tác gọi là trí không thoái. Giống như thỏi vàng, trước tiên dùng búa đập mới biết nó tốt hay xấu. Nếu không đập thì không thể biết được. Tướng của trí không thoái cũng như vậy, không niệm, không đắm trước, không khởi, không tạo tác, đầy đủ bất động, không sinh, không diệt cứ như thế mà hiển hiện.

Bấy giờ Đức Phật dạy Văn-thù:

–Như chư Như Lai tự nói trí của mình, thì ai có thể tin được?

Văn-thù thưa:

–Trí như vậy, chẳng phải pháp của Niết-bàn; cũng chẳng phải pháp của sinh tử; là hạnh tịch tĩnh; là hạnh vô động; không đoạn trừ tham dục, sân giận, ngu si; cũng chẳng phải không đoạn trừ chúng. Vì sao? Vì không tận, không diệt, không lìa sinh tử, cũng chẳng phải không lìa, không tu đạo, chẳng phải không tu đạo. Người hiểu rõ như vậy gọi là chánh tín.

Đức Phật nói với Văn-thù:

–Lành thay, như lời ông nói, là ông đã hiểu sâu về nghĩa này.

Bấy giờ Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu nói chánh pháp sâu xa như vậy, thì đời vị lai ai có thể tin hiểu, nghe thọ và thực hành?

Đức Phật dạy Ca-diếp:

–Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di trong hội hôm nay được nghe kinh này; cũng như đời vị lai những người này được nghe pháp ấy, đều có thể tin hiểu Bát-nhã ba-la-mật sâu xa; và cũng có thể đọc tụng, tin hiểu, thọ trì; và cũng có thể diễn thuyết, phân biệt cho người khác.

Giống như ông trưởng giả mất ngọc báu ma-ni, nên ưu sầu khổ não, sau đó tìm lại được thì sẽ rất vui mừng. Như vậy, này Ca-diếp, chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di ấy, cũng như vậy. Dù có lòng tin ưa, nhưng không nghe pháp thì vẫn sinh khổ não. Nếu có ai khi được nghe, mà tin hiểu thọ trì, thường ưa thích đọc tụng, lòng rất vui mừng, thì nên biết rằng, những người ấy đã thấy Phật, đã gần gũi cúng dường chư Phật.

Phật dạy Ca-diếp:

–Giống như trên cõi trời Đao-lợi, khi cây Ba-lợi-chất-đa-la bắt đầu xuất hiện thì trong chư Thiên cõi đó ai thấy cây cũng rất vui mừng; vì không bao lâu, cây này sẽ trổ hoa. Nếu các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di... được nghe Bát-nhã ba-la-mật, mà tin hiểu thì cũng giống như vậy. Không bao lâu, những người này sẽ mở mang tất cả Phật pháp.

Vào thời tương lai, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào nghe Bát-nhã ba-la-mật mà tin thọ, đọc tụng, tâm không lùi, không hối; nên biết người đó đã ở trong hội này, đã nghe thọ kinh này; nếu có thể cũng nên lưu bố, rộng nói cho mọi người trong thành ấp, xóm làng…; những người ấy được chư Phật hộ niệm.

Như vậy, trong Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu, người nào tin ưa, không nghi ngờ thì nên biết rằng, những người ấy đối với chư Phật thời quá khứ, đã từng tu tập trồng các căn lành. Giống như có người xâu châu ngọc, bỗng nhiên gặp bảo châu ma-ni thật quý giá, tất vui mừng, thì nên biết người này chắc chắn đã từng thấy bảo châu ma-ni rồi.

Như vậy, này Ca-diếp! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào tu học pháp khác, bỗng nhiên được nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa sinh tâm rất vui mừng, thì cũng như người kia được bảo châu ma-ni vậy. Nên biết người này đã từng nghe Bát-nhã ba-la-mật. Nếu có chúng sinh được nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, sinh lòng tín thọ, sinh đại hoan hỷ, thì những người này cũng đã từng gần gũi vô số chư Phật, đã nghe và đã tu học Bát-nhã ba-la-mật. Giống như có người, trước kia đã đi qua, đã thấy xóm làng, thành ấp nọ; sau đó người nghe khen ngợi thành ấp đó có vườn uyển, nhiều ao, suối,

hoa quả, cây cối, nhân dân nam nữ... rất đáng ưa thích. Nghe vậy, người ấy rất vui mừng.

Lại nói, vườn uyển thành ấy được trang hoàng đẹp đẽ với hoa đủ loại, cây trái ngọt, ao suối, nhiều trân châu quý đẹp đẽ… tất cả đều rất ưa thích. Người ấy được nghe lần nữa, lại rất vui mừng; thì nên biết người ấy cũng đã từng thấy như vậy rồi. Thiện nam, thiện nữ nào, nghe Bát-nhã ba-la-mật mà tin nhận, lại luôn luôn vui mừng, thích nghe không chán, lại khuyến nói cho người khác; nên biết người này đã từng theo Văn-thù-sư-lợi ở trong hội để nghe Bát-nhã ba-la-mật.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, vào đời tương lai, được nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa ấy, mà có lòng tin ưa, nghe thọ, thì nên biết người này, vào thời quá khứ cũng đã từng nghe và tu học.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đức Phật nói các pháp là vô tướng, vô tác, tịch diệt đệ nhất. Thiện nam, thiện nữ nào, có thể hiểu rõ được nghĩa đó; rồi tuyên bày nghĩa này được chư Như Lai khen ngợi, không trái tướng của pháp, tức là Phật nói cũng là tướng hưng thịnh của Bát-nhã ba-la-mật, cũng gọi là hưng thịnh đầy đủ Phật pháp, thông đạt thật tướng, không thể nghĩ lường.

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Xưa, khi hành đạo Bồ-tát, ta tu các căn lành, muốn trụ vào địa vị không thoái chuyển, cần phải học Bát-nhã ba-la-mật; muốn chứng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phải học Bát-nhã ba-la-mật. Thiện nam, thiện nữ muốn hiểu tất cả tướng của Phật pháp, muốn biết tâm giới của tất cả chúng sinh đều đồng nhau, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Văn-thù thưa:

–Muốn học tất cả Phật pháp đầy đủ vô ngại thì nên học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn học tất cả khi Phật thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tướng tốt oai nghi, vô lượng pháp thức, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn biết tất cả chư Phật chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả pháp thức và các oai nghi thì nên học Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì trong pháp không ấy, không thấy chư Phật, Bồ-đề…

Thiện nam, thiện nữ nào, muốn biết những tướng như vậy mà không nghi ngờ thì nên học Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật không thấy các pháp có sinh, có diệt, có cấu, có tịnh. Cho nên thiện nam, thiện nữ nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn biết tất cả pháp không có những tướng quá khứ, hiện tại, vị lai; nên học Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì tánh tướng của pháp giới không có ba đời. Muốn biết tất cả pháp đồng nhập vào pháp giới, tâm vô quái ngại, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn chứng tam chuyển, mười hai hành pháp luân, tự mình chứng biết, nhưng không chấp trước, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn được lòng từ, bao trùm khắp tất cả chúng sinh cứu giúp không có giới hạn, cũng không nghĩ là có tướng chúng sinh, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn đạt sự không tranh luận với tất cả chúng sinh, mà cũng không nắm giữ lấy tướng không tranh luận; nên học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn biết mười Lực, Vô úy trụ trí tuệ Phật được vô ngại biện tài thì nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Bấy giờ Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con quán chánh pháp: vô vi, vô tướng, vô đắc, vô lợi, không sinh, không diệt, không đến, không đi, không có người biết, không có người thấy, không người tạo tác, không thấy Bát-nhã ba-la-mật, cũng không thấy cảnh giới Bát-nhã ba-la-mật, chẳng chứng, chẳng phải không chứng, không hý luận, không có phân biệt. Tất cả các pháp không tận, lìa tận; không có pháp phàm phu, không có pháp Thanh văn, không có pháp Bích-chi-phật và pháp Phật; chẳng được, chẳng phải không được, không xả bỏ sinh tử, không chứng đắc Niết-bàn, chẳng nghĩ bàn, chẳng phải chẳng nghĩ bàn, không làm, chẳng phải không làm. Tướng pháp như vậy, nếu không biết thì làm sao học Bát-nhã ba-la-mật?

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Nếu biết tướng của các pháp như vậy, thì gọi là học Bát-nhã ba-la-mật. Đại Bồ-tát nào muốn học Tam-muội tự tại Bồ-đề, khi được Tam-muội đó rồi, ánh sáng sẽ chiếu khắp tất cả Phật pháp sâu xa và biết danh xưng của tất cả chư Phật, cũng biết và thông suốt thế giới của chư Phật mà không có chướng ngại, nên học theo những gì mà Văn-thù nói trong Bát-nhã ba-la-mật.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bát-nhã ba-la-mật?

Đức Phật dạy:

–Bát-nhã ba-la-mật không bờ, không bến, không tên, không tướng, chẳng suy lường, không chỗ quay về nương tựa, không là hòn đảo, không

tội, không phước, không tối, không sáng. Giống như pháp giới, không có ranh giới, không hạn số… Đó gọi là Bát-nhã ba-la-mật. Cũng gọi là hành xứ của Đại Bồ-tát. Chẳng phải hành xứ, chẳng phải không hành xứ; tất cả đều nhập vào một thừa gọi là phi hành xứ. Vì sao? Vì vô niệm, vô tác.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nên tu hành như thế nào để mau thành Vô thượng chánh giác?

Đức Phật dạy:

–Làm theo những điều được nói trong Bát-nhã ba-la-mật thì có thể mau đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có Tam-muội Nhất hạnh; nếu thiện nam, thiện nữ nào tu Tam-muội ấy thì cũng mau đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tam-muội Nhất hạnh là gì?

Đức Phật dạy:

–Một tướng của pháp giới duyên chặt vào pháp giới, gọi là Tam-muội Nhất hạnh. Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn nhập vào Tam-muội Nhất hạnh, thì trước tiên nghe Bát-nhã ba-la-mật, theo đó mà tu học; sau có thể nhập vào Tam-muội Nhất hạnh; giống như duyên vào pháp giới, không lui sụt, không hư hoại, không nghĩ bàn, vô ngại, vô tướng.

Nếu thiện nam, thiện nữ nào, muốn nhập vào Tam-muội Nhất hạnh; nên ở nơi thanh vắng, xả tâm, bỏ các loạn động, không chấp chặt vào tướng mạo, cột tâm vào một vị Phật và chuyên niệm danh hiệu của Ngài. Tùy theo Đức Phật ở phương nào mà ngồi thẳng, hướng đến và niệm danh hiệu của vị Phật đó liên tục. Thế thì trong niệm ấy, có thể thấy quá khứ, hiện tại, vị lai chư Phật. Vì sao? Vì niệm một Đức Phật công đức vô lượng, vô biên, cũng bằng công đức niệm vô lượng chư Phật, công đức ấy như một, không thể nghĩ bàn. Phật pháp bình đẳng, không phân biệt, tất cả đều chở nhất như, đều chứng thành Tối chánh giác, đều đầy đủ vô lượng công đức, vô lượng biện tài. Như vậy, người hành Tam-muội Nhất hạnh là người biết rõ hằng hà sa pháp giới của chư Phật là không có tướng sai biệt. Tôn giả A-nan nhờ được nghe Phật pháp mà được niệm tổng trì biện tài trí tuệ. Đối với trong hàng Thanh văn, tuy là tối thắng, vẫn trụ vào lượng số, có giới hạn. Nếu đắc Tam-muội Nhất hạnh, thì với pháp môn của các kinh, đều phân biệt rõ ràng, đều giác ngộ nhất định không chướng ngại, luôn luôn nói trí tuệ biện tài ngày đêm không gián đoạn; so với A-nan đa văn biện tài, trăm ngàn phần không bằng một phần của người kia.

Đại Bồ-tát nên nghĩ như vầy: "Ta phải làm thế nào để mau chứng được Tam-muội Nhất hạnh, chẳng thể nghĩ bàn công đức, vô lượng danh xưng."

Phật dạy:

–Đại Bồ-tát nên nghĩ nhớ Tam-muội Nhất hạnh, thường chuyên cần tinh tấn, không biếng lười. Như vậy, cứ thứ lớp tu học dần dần, thì có thể nhập Tam-muội Nhất hạnh, được công đức chẳng thể nghĩ bàn; trừ những kẻ hủy báng chánh pháp, không có lòng tin, ác nghiệp tội chướng nặng nề, không thể nào nhập được Tam-muội Nhất hạnh.

Lại nữa, Văn-thù-sư-lợi, giống như có người được châu ma-ni đem cho người thọ ngọc xem, người thợ ngọc trả lời: "Đây là bảo châu ma-ni vô giá." Người được châu, yêu cầu người thợ: "Ông hãy mài dũa ngọc châu này cho tôi, chớ để mất đi màu sắc ánh sáng." Khi người thợ ngọc mài dũa xong, màu sắc của ngọc châu sáng rỡ chiếu khắp, trong ngoài đều trong suốt.

Văn-thù-sư-lợi! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, tu học Tam-muội Nhất hạnh, thì được công đức chẳng thể nghĩ bàn, vô lượng danh xưng. Trong lúc tu học, biết được tướng của các pháp, thông suốt vô ngại, công đức càng tăng trưởng.

Cũng như vậy, này Văn-thù-sư-lợi, giống như ánh sáng của mặt trời đầy khắp, không có tướng giảm. Nếu chứng đắc Tam-muội Nhất hạnh thì đều có đầy đủ tất cả các công đức, không có thiếu kém. Cũng vậy, đắc Tam-muội Nhất hạnh chiếu sáng Phật pháp, giống như ánh sáng của mặt trời.

Văn-thù-sư-lợi! Giáo pháp mà ta nói đến đều là một vị, là vị xa lìa, vị giải thoát, vị tịch diệt. Thiện nam, thiện nữ nào đắc Tam-muội Nhất hạnh rồi những điều diễn nói cũng là một vị, vị xa lìa, vị giải thoát, vị tịch diệt, tùy thuận với chánh pháp sẽ không có tướng sai lầm.

Văn-thù-sư-lợi! Nếu Đại Bồ-tát đắc Tam-muội Nhất hạnh ấy, thì có đầy đủ pháp trợ đạo sẽ mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, Văn-thù-sư-lợi! Nếu Đại Bồ-tát không thấy pháp giới có tướng phân biệt dù chỉ là một tướng thì sẽ mau chứng được tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng thể nghĩ bàn. Trong Bồ-đề ấy, cũng không thành Phật, người nào biết như vậy thì mau đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu tin tất cả pháp đều là Phật pháp, không sinh tâm sợ hãi, không nghi ngờ, người nhẫn như vậy thì mau chứng Vô thượng Bồ-đề.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nhờ nhân duyên như vậy mà mau chứng Vô thượng

Chánh đẳng Bồ-đề ư?

Phật dạy:

–Chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không phải do nhân mà được chẳng phải chẳng do nhân mà được. Vì sao? Vì cảnh giới chẳng nghĩ bàn không do nhân mà được, không phải không nhân mà được. Thiện nam, thiện nữ nào nghe nói như vậy mà không sinh lòng lười biếng nên biết người đó trước kia đã gieo trồng căn lành rồi. Cho nên Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe nói Bát-nhã ba-la-mật sâu xa không sinh kinh hãi, liền theo Phật xuất gia. Nếu Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào được nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa ấy, tâm không sợ hại liền thành tựu là nơi chân chánh để quay về nương tựa.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, không tu tập Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, tức là không tu tập Phật thừa; giống như đại địa, tất cả cây thuốc đều nhờ đất mà sinh trưởng. Văn-thù-sư-lợi, Đại Bồ-tát cũng như vậy; tất cả căn đều nương vào Bát-nhã ba-la-mật mà được tăng trưởng, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không sai trái.

Lúc bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cả xóm làng, thành ấp trong Diêm-phù-đề này, chỗ nào sẽ diễn nói Bát-nhã ba-la-mật sâu xa như vậy?

Đức Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

–Nay trong hội này, nếu có người nào nghe Bát-nhã ba-la-mật, đều phát thệ nguyện: "Trong đời vị lai luôn luôn được tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật." Từ lòng tín giải này, mà trong đời vị lai có thể được nghe kinh ấy; nên biết rằng, người này không phải do có chút ít căn lành mà có thể hoan hỷ thọ nhận được.

Văn-thù-sư-lợi! Có thiện nam, thiện nữ nào, theo ông nghe Bát-nhã ba-la-mật này, ông nên nói như vầy: "Trong Bát-nhã ba-la-mật này, không có pháp Thanh văn, pháp Bích-chi-phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật, cũng không có pháp phàm phu, sinh diệt..."

Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, đến hỏi con rằng: "Như Lai nói Bát-nhã ba-la-mật như thế nào?" Con sẽ trả lời: "Tất cả các pháp không có tướng tranh luận, thì làm sao Như Lai nói Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì không thấy có pháp nào để cùng tranh luận, cũng không có tâm thức của chúng sinh, có thể biết."

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Con sẽ nói cứu cánh thực tế. Vì sao? Vì tướng

của tất cả các pháp cùng nhập vào thực tế. A-la-hán không có pháp thù thắng riêng biệt. Vì sao? Vì pháp A-la-hán, pháp phàm phu không một, không khác.

Bạch Đức Thế Tôn! Nói pháp như vậy không có chúng sinh đã, đang và sẽ chứng Niết-bàn. Vì sao? Vì không có tướng chúng sinh nhất định.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Nếu người nào muốn nghe Bát-nhã ba-la-mật, con sẽ nói với họ như vầy: "Nếu có người nào nghe, mà không nhớ nghĩ, không nắm giữ, không nghe, không chứng đắc, như người huyễn không có phân biệt." Nói như vậy là chân thuyết pháp. Cho nên người nghe chớ khởi chấp ra hai tướng; không xả các kiến mà tu Phật pháp; không giữ lấy pháp của Phật, không xả bỏ pháp của phàm phu. Vì sao? Vì tướng của hai pháp là Phật và phàm phu đều không, không nắm giữ hay xả bỏ. Nếu ai hỏi con, con sẽ nói như vầy: "An ủi như vậy, kiến lập như vậy." Thiện nam, thiện nữ nên hỏi như vậy; trụ tâm không lui, không mất, nên như pháp tướng mà tùy thuận theo Bát-nhã ba-la-mật để nói.

Khi ấy Thế Tôn khen Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay, lành thay, như lời ông nói! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn chiêm ngưỡng chư Phật, nên học Bát-nhã ba-la-mật như vậy. Muốn gần gũi chư Phật, theo pháp mà cúng dường, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn nói Như Lai là Thế Tôn của ta, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn nói Như Lai không phải là Thế Tôn của ta, cũng nên học Bát-nhã ba-la-mật. Nếu không muốn thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Nếu không muốn thành Vô thượng Bồ-đề, cũng nên học Bát-nhã ba-la-mật. Nếu muốn thành tựu tất cả các Tam-muội, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Nếu không muốn thành tựu tất cả các Tam-muội, cũng nên học Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì Tam-muội không tạo tác, không có tướng khác biệt, tất cả pháp không sinh, không xuất. Nếu muốn biết tất cả pháp là giả danh nên học Bát-nhã ba-la-mật. Nếu muốn biết tất cả chúng sinh tu đạo Bồ-đề, không cầu tướng Bồ-đề và tâm không thoái thất, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì tất cả pháp đều là tướng Bồ-đề. Nếu muốn biết tất cả tướng hành, tướng chẳng hành của chúng sinh, mà tướng chẳng hành tức là Bồ-đề, Bồ-đề tức pháp giới, pháp giới tức là thật tế và tâm không thoái thất nên học Bát-nhã ba-la-mật. Nếu muốn biết tất cả Như Lai có thần thông biến hóa, vô tướng, vô ngại, cũng không có phương cách nào khác là nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, muốn không đọa vào đường ác, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Dù chỉ một bài kệ bốn câu, mà thọ trì, đọc tụng, tùy thuận giải nói thật tướng cho người khác, như vậy, nên biết rằng, người đó nhất định chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trụ vào cõi Phật. Nếu người nào nghe Bát-nhã ba-la-mật mà không sợ hãi, có lòng tin hiểu; nên biết rằng người đó sẽ được Phật ấn chứng. Được Phật ấn tức là sẽ thực hành được pháp ấn Đại thừa của Phật. Thiện nam, thiện nữ học pháp ấn này, sẽ vượt qua khỏi đường ác, không nhập vào đạo Thanh văn, Bích-chi-phật, vì vị ấy đã vượt qua rồi.

Lúc bấy giờ, Đế Thích ở cõi trời Tam thập tam dùng hoa thơm của trời như hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi, hoa trời Mạn-đà-la, cùng với hương Chiên-đàn của trời… và các loại hương bột khác, các loại vàng bạc châu báu và cả nhạc trời cùng trổi lên để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và chư Như Lai cùng Văn-thù-sư-lợi.

Rải hương hoa cúng dường xong rồi nguyện rằng: "Nguyện cho con luôn được nghe pháp ấn của Bát-nhã ba-la-mật."

Thích Đề-hoàn Nhân cũng nguyện: "Nguyện cho thiện nam, thiện nữ trong cõi Diêm-phù-đề, thường được ghe kinh ấy, tin chắc vào Phật pháp. Tất cả họ đều được tin hiểu, thọ trì, đọc tụng và diễn thuyết cho người, được tất cả chư Thiên ủng hộ."

Khi ấy, Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Kiều-thi-ca, đúng vậy! Thiện nam, thiện nữ ấy sẽ nhất định chứng được Bồ-đề của chư Phật.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát-nhã ba-la-mật như vậy sẽ được lợi ích và công đức thì vô lượng.

Lúc này, do thần lực của Phật, tất cả đại địa chấn động sáu cách. Ngay lúc đó Đức Phật mỉm cười, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp cả tam thiên đại thiên thế giới.

Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đó là tướng ấn Bát-nhã ba-la-mật của Như Lai?

Đức Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

–Đúng vậy! Khi nói Bát-nhã ba-la-mật xong, đều hiện điềm này, vì ấn Bát-nhã ba-la-mật sẽ khiến cho người thọ trì không khen chê. Vì sao? Vì Pháp ấn không có tướng thì không thể khen chê. Nay ta dùng Pháp ấn này để khiến cho chư Thiên ma không hại được.

Nghe Đức Phật nói Bát-nhã ba-la-mật xong, chư Thiên, Bồ-tát và bốn bộ chúng đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 233

KINH VĂN-THÙ-SƯ-LỢI SỞ THUYẾT BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Hán dịch: Đời Lương, Tam tạng Tăng-già-bà-la, người nước Phù Nam.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ; Đức Phật cùng một vạn đại Tỳ-kheo và mười vạn Đại Bồ-tát, đều đã ở địa vị không thoái chuyển. Từ lâu các vị này đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, trồng sâu các căn lành với chư Phật, thành tựu chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật. Các vị đã chứng Đà-la-ni, đã được nhạo thuyết biện tài, thành tựu trí tuệ và đầy đủ các công đức, dùng thần thông tự tại, du hóa các thế giới của chư Phật, phóng vô lượng ánh sáng, nói vô tận diệu pháp, giáo hóa các Bồ-tát nhập vào nhất tướng môn, đắc được Vô sở úy, khéo hàng phục quân ma; giáo hóa, độ thoát cho những kẻ ngoại đạo, tà kiến. Nếu có chúng sinh ưa thích Thanh văn, thì nói Thanh văn thừa; thích Duyên giác, thì nói Duyên giác thừa; thích thế gian, thì nói thế gian thừa; dùng Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ để thu phục chúng sinh. Người chưa được độ thì độ cho họ. Người chưa giải thoát thì làm cho giải thoát. Người chưa an, thì được an. Người chưa đạt Niết-bàn thì khiến được chứng Niết-bàn. Việc làm cuối cùng của Bồ-tát là khéo nhập vào pháp tạng của chư Phật. Các vị ấy đầy đủ tất cả công đức.

Tên của các vị Bồ-tát là: Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử, Di-lặc, Phổ Quang Minh, Bất Xả Dũng Mãnh Tinh Tấn, Dược Vương, Bảo Chưởng, Bảo Ấn, Nguyệt Quang, Nhật Tịnh, Đại Lực, Vô Lượng Lực, Đắc Cần Tinh Tấn, Lực Tràng Tướng, Pháp Tướng, Tự Tại Vương… cả mười vạn Bồ-tát như vậy. Ngoài ra còn có Trời, Rồng, Quỷ, Thần… tất cả đại chúng, đều đến hội họp.

Bấy giờ vào nửa đêm, Như Lai phóng đại quang minh xanh, vàng, đỏ, trắng pha lẫn với màu pha lê, chiếu khắp vô lượng thế giới trong mười phương. Tất cả chúng sinh gặp phải ánh sáng này, đều ngồi dậy chiêm

ngưỡng và chứng được Pháp hỷ. Có những chúng sinh còn nghi ngờ: "Ánh sáng này từ đâu mà chiếu khắp cả thế giới, khiến cho chúng sinh được vui an ổn?" Họ nghĩ vậy, rồi lại thấy cứ mỗi mỗi ánh sáng lại xuất ra ánh sáng lớn, chiếu sáng rỡ thù thắng, vượt hơn ánh sáng trước. Cứ như vậy, lần lượt cho đến mười lớp. Tất cả Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người và chẳng phải người… đều vui mừng hớn hở chưa từng có. Tất cả đều suy nghĩ: "Chắc chắn là Như Lai đã phóng ánh sáng này. Chúng ta hãy mau đến lễ lạy, cung kính, gần gũi Đức Như Lai."

Khi đó, Văn-thù-sư-lợi và các Đại Bồ-tát đã gặp ánh sáng này, đều vui mừng cả thân tâm và cùng nhau đến cửa Kỳ hoàn. Bấy giờ Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, Ma-ha Ca-diếp, Ma-ha Ca-chiên-diên. Ma-ha Câu-hy-la cũng đều đến cửa Kỳ hoàn. Trời Đế Thích, Tứ Thiên vương cho đến cõi trời A-ca-ni-sất (trời Cứu cánh) thấy ánh sáng đó cũng vui mừng chưa từng có. Chư tiên cùng quyến thuộc tung hoa trời, hương trời, nhạc trời, áo báu trời… tất cả đều được đưa đến cửa Kỳ hoàn. Còn các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng, tám bộ chúng gặp ánh sáng cũng đều hoan hỷ, kéo đến cửa Kỳ hoàn.

Khi ấy, Thế Tôn Nhất thiết chủng trí biết chư Thiên đại chúng đều đã ở ngoài cửa liền đứng dậy ra ngoài cửa trải tòa, ngồi kiết già và bảo Xá-lợi-phất:

–Mới sáng sớm ông đã đến đứng ngoài cửa ư?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đến đây trước tiên là Văn-thù-sư-lợi và các Đại Bồ-tát.

Đức Thế Tôn nói với Văn-thù-sư-lợi:

–Sáng nay ông đã đến đây trước tiên ư?

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Đúng như vậy, thưa Thế Tôn! Vào nửa đêm, con thấy ánh sáng lớn chiếu sáng rỡ mười lớp, con vui mừng hớn hở vô cùng vì chưa từng được gặp. Cho nên con đến lễ bái, gần gũi Như Lai và muốn nghe diệu pháp cam lồ.

Thế Tôn dạy Văn-thù-sư-lợi:

–Nay ông đã thật thấy Như Lai ư?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Pháp thân của Như Lai vốn không thể thấy. Con vì

chúng sinh nên đến đây gặp Phật. Pháp thân Phật là chẳng thể nghĩ bàn; không tướng, không hình, không đến, không đi, chẳng có, chẳng không, chẳng thấy, chẳng phải không thấy, như như thật tế, không đi không đến, chẳng phải không, chẳng phải có, chẳng phải xứ, chẳng phải phi xứ, chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng tịnh, chẳng cấu, không sinh, không diệt. Con thấy Như Lai cũng lại như vậy.

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Ông thấy Như Lai như vậy ư?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con thật không thấy, cũng không có tướng thấy.

Bấy giờ Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Tôi không hiểu những lời của ông vừa nói. Vậy thế nào là thấy Như Lai?

Văn-thù trả lời Xá-lợi-phất:

–Này Đại đức! Tôi không thấy Như Lai như vậy.

Xá-lợi-phất nói với Văn-thù-sư-lợi:

–Ông nói như vậy tôi càng không hiểu.

Văn-thù trả lời Xá-lợi-phất:

–Không thể hiểu tức là Bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật: không thể hiểu, không thể không hiểu.

Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù:

–Ông có lòng từ bi với chúng sinh không? Ông có vì chúng sinh mà hành sáu pháp Ba-la-mật không? Lại có vì chúng sinh mà nhập Niết-bàn không?

Văn-thù trả lời:

–Theo như Tôn giả nói, tôi vì chúng sinh mà khởi tâm Từ bi, vì họ mà hành sáu pháp Ba-la-mật, mà nhập Niết-bàn; nhưng chúng sinh thì thật không thể đắc, không tướng, không hình, không tăng, không giảm. Xá-lợi-phất! Tôn giả phải nghĩ rằng: "Mỗi mỗi thế giới có hằng hà sa chư Phật, ở đời hằng hà sa kiếp, nói nhiều pháp, giáo hóa độ thoát hằng hà sa chúng sinh, mỗi mỗi chúng sinh đều được diệt độ." Ông có nghĩ như vậy không?

Xá-lợi-phất nói:

–Tôi luôn nghĩ như vậy.

Văn-thù trả lời Xá-lợi-phất:

–Giống như hư không vô số, thì chúng sinh cũng vô số. Hư không

không thể độ, thì chúng sinh cũng không thể độ. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh bằng với hư không, thì làm sao chư Phật giáo hóa chúng sinh?

Xá-lợi-phất nói:

–Nếu tất cả chúng sinh bằng với hư không, thì làm sao ông vì chúng sinh thuyết pháp để khiến họ được giác ngộ?

Văn-thù trả lời:

–Bồ-đề thật không thể đắc. Tôi phải nói pháp gì để chúng sinh đắc ư? Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Bồ-đề với chúng sinh không một, không hai, không khác, vô vi, vô danh, vô tướng, thật vô sở hữu.

Bấy giờ Thế Tôn phóng ánh sáng lớn, ở trên nhục kế, rất đặc biệt, hiếm có, không thể diễn tả, nhập vào đảnh của Văn-thù-sư-lợi. Rồi từ đảnh Văn-thù phát ra, chiếu khắp đại chúng. Sau đó, chiếu đến khắp tất cả mười phương thế giới. Lúc ấy, đại chúng gặp ánh sáng này, thân tâm vui mừng như chưa từng có, đồng loạt đứng dậy chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn và Văn-thù-sư-lợi. Họ nghĩ như vầy: "Hôm nay, Như Lai phóng ánh sáng vi diệu, kỳ lạ này, vào đảnh Văn-thù, rồi từ đảnh Văn-thù phát ra, chiếu khắp đại chúng, rồi tới khắp cả mười phương. Đây không phải không có nhân duyên. Chắc chắn Thế Tôn sẽ nói diệu pháp. Chúng ta nên cần tu tinh tấn, vui vẻ thực hành đúng như giáo pháp."

Nghĩ vậy xong, họ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay Như Lai phóng ánh sáng này, không phải không có nhân duyên, chắc chắn Ngài sắp nói diệu pháp. Chúng con khao khát ưa thích được nghe, để tu hành.

Thưa như vậy xong, họ im lặng lui ra.

–Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Ngài phóng ánh sáng tăng thêm thần lực cho con, ánh sáng này hy hữu, chẳng phải sắc, chẳng phải tướng, không đi, không đến, không động, không tỉnh, chẳng phải thấy, chẳng phải nghe, chẳng hiểu, chẳng biết; tất cả chúng sinh không thể quán sát thấy được; không vui, không sợ; không có chỗ để phân biệt. Con sẽ nương theo Thánh chỉ của Phật mà nói ánh sáng này, để chúng sinh nhập vào Vô tướng tuệ.

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Lành thay, lành thay, ông nói rất hay! Ta sẽ giúp đỡ ông.

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ánh sáng này là Bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật là Như Lai. Như Lai là tất cả chúng sinh.

Bạch Thế Tôn! Như vậy con sẽ tu Bát-nhã ba-la-mật.

Đức Phật nói với Văn-thù:

–Này thiện nam! Ông nói Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu như vậy. Nay ta hỏi ông, nếu có người hỏi ông: "Có bao nhiêu cảnh giới chúng sinh?" Thì ông trả lời thế nào?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu ai hỏi con như vậy thì con sẽ trả lời rằng: "Số cảnh giới của chúng sinh bằng cảnh giới của Như Lai."

Đức Phật hỏi:

–Nếu có người hỏi ông: "Cảnh giới của chúng sinh rộng hẹp ra sao?" Thì ông trả lời như thế nào?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người hỏi như vậy, con sẽ trả lời: "Rộng hẹp như cảnh giới của Phật."

Đức Phật hỏi Văn-thù:

–Lại có người hỏi ông: "Cảnh giới của chúng sinh trói buộc ở chỗ nào?" Thì ông trả lời sao?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con sẽ trả lời rằng: "Giống như của Như Lai vậy."

Đức Phật hỏi:

–Này Văn-thù-sư-lợi, nếu có người hỏi ông: "Cảnh giới của chúng sinh trụ nơi nào? Ông sẽ trả lời ra sao?"

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con sẽ nói như vầy: "Trụ vào cảnh giới Niết-bàn".

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Ông tu Bát-nhã ba-la-mật như vậy; vậy Bát-nhã ba-la-mật có chỗ trụ không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật không có chỗ trụ.

Đức Phật dạy:

–Nếu Bát-nhã ba-la-mật không có chỗ trụ thì ông học thế nào? Tu thế nào?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bát-nhã ba-la-mật có chỗ trụ, thì con không có tu, không có học.

Đức Phật dạy:

–Khi ông tu Bát-nhã ba-la-mật, căn lành có tăng giảm không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có căn lành, làm gì có tăng, có giảm. Nếu có tăng, giảm thì chẳng phải tu Bát-nhã ba-la-mật.

Bạch Thế Tôn! Không vì pháp tăng, không vì pháp giảm, đó là tu Bát-nhã ba-la-mật. Không đoạn pháp phàm phu, không ôm giữ pháp Như Lai, đó là tu Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì Bát-nhã ba-la-mật không vì đắc pháp nên tu; không vì không đắc pháp nên tu; không vì tu pháp nên tu; không vì không tu pháp nên tu.

Bạch Thế Tôn! Không đắc, không xả, đó là tu Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Không vì hoạn nạn của sinh tử, không vì công đức Niết-bàn. Nếu tu Bát-nhã ba-la-mật như vậy; thì không thủ, không thọ, không xả, không buông, không tăng, không giảm, không khởi, không diệt.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, nghĩ như vầy: "Pháp này thượng, pháp này trung, pháp này hạ"; thì không phải tu Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì pháp không có thượng, trung, hạ. Bạch Thế Tôn! Con tu Bát-nhã ba-la-mật như vậy.

Đức Phật dạy:

–Tất cả pháp của Phật không có tăng thượng ư?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Pháp của Phật, pháp của Bồ-tát, pháp Thanh văn, pháp Duyên giác cho đến pháp phàm phu đều không thể đắc. Vì sao? Vì cứu cánh không. Trong cứu cánh không; không có pháp Phật, pháp phàm phu. Trong pháp phàm phu không có cứu cánh không. Vì sao? Vì không và chẳng phải không thì không thể nắm bắt được.

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Pháp Phật có vô thượng không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có một pháp nhỏ như vi trần nào, gọi là vô thượng. Vì sao? Bố thí ba-la-mật là không Bố thí ba-la-mật. Cho đến Bát-nhã ba-la-mật cũng là không Bát-nhã ba-la-mật. Mười Lực là không mười Lực; pháp bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, cho đến Nhất thiết trí là không Nhất thiết trí. Trong cái không đó, không có pháp nào là vô thượng cả. Trong vô thượng, không có không. Không và chẳng phải không rốt ráo là không thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn! Pháp chẳng thể nghĩ bàn là Bát-nhã ba-la-mật.

Đức Phật dạy:

–Ông không tư duy pháp Phật ư?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu con tư duy pháp Phật, thì con thấy pháp Phật vô thượng. Vì sao? Vì không có sinh tử.

Bạch Thế Tôn! Năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, rốt ráo là không thể nắm bắt được. Tất cả pháp Phật cũng không thể nắm bắt được, vì trong cái không thể nắm bắt được không có cái có thể nắm bắt được hay cái không thể nắm bắt.

Bạch Thế Tôn! Trong Bát-nhã ba-la-mật, từ phàm phu cho đến Phật không phải pháp và không nào chẳng phải pháp. Con sẽ tư duy gì đây?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu không tư duy thì ông không nên nói: Đây là pháp phàm phu, đây là pháp Duyên giác; cho đến không nên nói: Đây là pháp Phật. Vì sao? Vì không thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn! Con thật không nói pháp phàm phu cho đến pháp Phật. Vì sao? Vì không tu Bát-nhã ba-la-mật.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông cũng không nên nghĩ như vầy: "Đây là Dục giới, đây là Sắc giới, đây là Vô sắc giới." Vì sao? Vì không thể nắm bắt được.

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Dục giới, tánh Dục giới là không cho đến Vô sắc giới, tánh Vô sắc giới không. Trong cái không đó không nói được, con cũng không nói được.

Bạch Thế Tôn! Tu Bát-nhã ba-la-mật, không thấy trên, không thấy không có trên. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì tu Bát-nhã ba-la-mật, không ôm giữ pháp Phật, không bỏ pháp phàm phu. Vì sao? Vì trong cái không rốt ráo không có ôm giữ, cũng không bỏ.

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Lành thay, lành thay! Ông có thể nói Bát-nhã ba-la-mật như vậy, thì đây là dấu ấn của Đại Bồ-tát.

Này Văn-thù! Nếu thiện nam, thiện nữ nào, chẳng phải với ngàn vạn Phật đã trồng sâu căn lành, để được nghe pháp này, mà phải trồng sâu căn lành với vô lượng, vô biên Phật, mới được nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm

sâu này và không sinh sợ hãi.

Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nương oai thần của Phật, sẽ nói Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu.

Đức Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Ta cho phép ông nói!

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu không đắc pháp sinh, đó là tu Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì các pháp không có sinh. Nếu không đắc pháp trụ, là tu Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì các pháp như thật. Nếu không đắc pháp diệt, là tu Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì các pháp tịch diệt.

Bạch Thế Tôn! Nếu không đắc sắc là tu Bát-nhã ba-la-mật; cho đến không đắc thức là tu Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì tất cả các pháp như huyễn, như quáng nắng.

Bạch Thế Tôn! Nếu không đắc nhãn xứ, là tu Bát-nhã ba-la-mật, cho đến không đắc ý xứ là tu Bát-nhã ba-la-mật. Nếu không đắc sắc, cho đến không đắc pháp; không đắc nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới cho đến không đắc pháp giới, ý thức giới; là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Nếu không đắc Dục giới là tu Bát-nhã ba-la-mật, cho đến Vô sắc giới cũng lại như vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu không đắc Bố thí ba-la-mật, là tu Bát-nhã ba-la-mật; cho đến không đắc Bát-nhã ba-la-mật là tu Bát-nhã ba-la-mật. Nếu không đắc mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy cho đến mười tám pháp Bất cộng là tu Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì trong đó đến không cho đến vô pháp, hữu pháp đều không.

Bạch Thế Tôn! Nếu đắc sinh, trụ, diệt, thì chẳng phải tu Bát-nhã ba-la-mật. Nếu đắc năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, thì chẳng phải tu Bát-nhã ba-la-mật. Nếu đắc Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, thì chẳng phải tu Bát-nhã ba-la-mật. Nếu đắc bố thí cho đến trí tuệ, nếu đắc mười Lực của Phật cho đến mười tám pháp Bất cộng đều chẳng phải tu Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì có đắc.

Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này mà không kinh, không nghi, không sợ, không thoái lui, thì nên biết người đó từ lâu đã trồng sâu căn lành với Phật.

Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu không thấy pháp cấu, pháp tịnh; không thấy quả

sinh tử; không thấy quả Niết-bàn, không thấy Phật, không thấy Bồ-tát, không thấy Duyên giác, không thấy Thanh văn, không thấy phàm phu là tu Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì tất cả các pháp không cấu, không tịnh, cho đến không phàm phu.

Bạch Thế Tôn! Nếu thấy cấu tịnh, cho đến phàm phu thì chẳng phải tu Bát-nhã ba-la-mật.

–Bạch Thế Tôn! Nếu thấy sự sai biệt của pháp cấu, pháp tịnh; cho đến thấy sự sai biệt của pháp Phật, pháp phàm phu thì chẳng phải tu Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật là không sai biệt.

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Lành thay, lành thay! Đó là chân thật tu hành Bát-nhã ba-la-mật. Này Văn-thù, ông cúng dường Phật như thế nào?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tâm người huyễn, luôn diệt thì con luôn cúng dường Phật.

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Ông không trụ vào pháp Phật ư?

Văn-thù thưa:

–Phật không có pháp để trụ, thì con trụ vào đâu?

Phật dạy:

–Nếu pháp Phật không có pháp để đắc, thì ai có pháp Phật?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có ai, có pháp Phật cả.

Đức Phật dạy:

–Ông đã đến chỗ vô trước rồi ư?

Văn-thù thưa:

–Vô trước thì không đến, vì sao Thế Tôn nói đã đến chỗ vô trước?

Đức Phật dạy:

–Ông có trụ Bồ-đề không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Phật còn không trụ Bồ-đề, thì làm sao con trụ được?

Đức Phật dạy:

–Ông dựa vào đâu mà nói như vậy?

Văn-thù thưa:

–Con không có chỗ dựa, nên nói như vậy.

Đức Phật dạy:

–Nếu không có chỗ dựa thì lấy gì để nói?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, con không có gì để nói. Vì sao? Vì tất cả pháp, không có danh tự.

Lúc bấy giờ, Trưởng lão Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát nghe pháp thâm sâu, này mà không kinh nghi, sợ sệt; chắc chắn vị ấy có gần chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

Khi ấy, Di-lặc Bồ-tát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các Đại Bồ-tát nghe pháp thâm sâu này mà không kinh nghi, sợ sệt; thì có được gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

Lại có Thiên nữ tên Vô Duyên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nghe pháp thâm sâu này mà không kinh nghi, sợ sệt thì người ấy có đắc pháp Thanh văn, pháp Duyên giác, pháp Bồ-tát, pháp Phật không?

Bấy giờ Phật dạy Xá-lợi-phất:

–Đúng vậy, này Xá-lợi-phất! Nếu các Đại Bồ-tát, nghe pháp thâm sâu này, mà không kinh nghi, sợ sệt thì chắc chắn người đó sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vị ấy sẽ là đại thí chủ, đệ nhất thí chủ, thù thắng thí chủ. Vị ấy sẽ đầy đủ sự trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. vị ấy sẽ đầy đủ công đức, thành tựu những tướng tốt. Mình không sợ sệt, khiến người cũng không sợ sệt, thành tựu rốt ráo Bát-nhã ba-la-mật, dùng không thể đắc, vô tướng, vô vi để thành tựu pháp chẳng thể nghĩ bàn đệ nhất.

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Ông thấy gì, ưa thích gì để cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con không thấy, không ưa thích, nên cầu Bồ-đề.

Đức Phật dạy:

–Nếu không thấy, không ưa thích thì cũng không cầu.

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, con thật không cầu. Vì sao? Vì nếu cầu

Bồ-đề là tướng phàm phu.

Đức Phật dạy:

–Thật ông không cầu Bồ-đề ư?

Văn-thù thưa:

–Con thật sự không cầu Bồ-đề. Vì sao? Vì nếu cầu Bồ-đề là tướng phàm phu.

Đức Phật dạy:

–Ông vì định mà cầu hay vì định mà không cầu?

Văn-thù thưa:

–Nếu nói định mà cầu, định mà không cầu, thì định mà cầu, định không cầu đó chẳng phải cầu, chẳng phải không cầu đều là tướng phàm phu. Vì sao? Vì Bồ-đề không có chỗ trụ.

Đức Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay, lành thay! Ông nói được Bát-nhã ba-la-mật như vậy là vì trước kia ông đã từng trồng sâu căn lành với vô lượng chư Phật và đã từ lâu tu phạm hạnh. Các Đại Bồ-tát nên như lời ông nói mà làm.

Văn-thù thưa:

–Con không trồng căn lành, không tu phạm hạnh. Vì sao? Nếu con trồng căn lành thì tất cả chúng sinh cũng trồng căn lành. Nếu con tu phạm hạnh thì tất cả chúng sinh cũng tu phạm hạnh. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh là tướng phạm hạnh.

Phật dạy:

–Ông đã thấy gì, chứng gì mà nói như vậy?

Văn-thù thưa:

–Con không thấy, không chứng, cũng không nói gì cả. Bạch Thế Tôn! Con không thấy phàm phu, không thấy học, không thấy vô học, không thấy chẳng phải học, chẳng phải vô học… Vì không thấy nên không chứng.

Bấy giờ Xá-lợi-phất nói với Văn-thù-sư-lợi:

–Ông có thấy Phật không?

Văn-thù trả lời:

–Thanh văn tôi còn không thấy thì làm sao thấy Phật. Vì sao? Vì không thấy các pháp nên gọi là Bồ-tát.

Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù:

–Chắc chắn ông không thấy các pháp ư?

Văn-thù trả lời:

–Đại đức không cần nói nữa.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Nói là Phật thì lời nói đó của ai?

Văn-thù trả lời:

–Phật chẳng phải Phật vì không thể đắc, không có người nói, không có người thuyết. Này Xá-lợi-phất! Bồ-đề không thể dùng lời nói được, huống chi có Phật để nói, để thuyết. Còn nữa, Đại đức hỏi: "Phật là lời nói của ai ư?" Lời nói này không hợp, không tan, không sinh, không diệt, không đi, không đến, không có một pháp nào có thể tương ưng, không chữ, không câu. Này Đại đức, nếu muốn thấy Phật nên học như vậy.

Bấy giờ Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những điều mà Văn-thù-sư-lợi nói, đối với Bồ-tát mới phát tâm không thể hiểu được.

Văn-thù trả lời Xá-lợi-phất:

–Đúng vậy, Đại đức Xá-lợi-phất! Bồ-đề không thể hiểu thì với người mới phát tâm làm sao hiểu được?

–Chư Phật Như Lai không hiểu rõ pháp giới ư?

Văn-thù trả lời:

–Chư Phật còn không thể đắc, thì làm sao có Phật để hiểu biết pháp giới? Xá-lợi-phất! Pháp giới còn không thể đắc, thì làm sao có pháp giới để chư Phật giác ngộ. Xá-lợi-phất! Pháp giới tức là Bồ-đề. Bồ-đề tức là pháp giới. Vì sao? Vì các pháp không có giới. Này Đại đức! Pháp giới và cảnh Phật không có sai biệt. Không sai biệt tức là vô tác. Vô tác tức là vô vi. Vô vi tức là vô thuyết. Vô thuyết tức là vô sở hữu.

Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù:

–Tất cả pháp giới và cảnh giới Phật, đều vô sở hữu ư?

Văn-thù trả lời:

–Không có, chẳng phải không có. Vì sao? Vì có và không có là một tướng, nó không tướng, không một, không hai.

Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù:

–Học như vậy mà được đắc Bồ-đề ư?

Văn-thù trả lời:

–Học như vậy, như không có gì để học, không sinh đường lành, không đọa đường ác, không chứng Bồ-đề, không nhập Niết-bàn. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Vì Bát-nhã ba-la-mật rốt ráo là không. Trong rốt ráo

không đó, lại không một, không hai, không ba, không bốn, không có đến đi, không thể nghĩ bàn. Đại đức! Nếu nói ta đắc Bồ-đề là nói tăng thượng mạn. Vì sao? Vì không đắc gọi là đắc. Như vậy kẻ tăng thượng mạn không kham thọ sự cúng dường của người. Người nào tin như vậy thì không nên cúng dường.

Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù:

–Ông dựa vào đâu mà nói như vậy?

Văn-thù trả lời:

–Tôi nói như vậy không dựa vào đâu cả. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật đồng đẳng với các pháp. Các pháp không có chỗ dựa, vì bình đẳng.

Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù:

–Ông không dùng trí tuệ để đoạn trừ phiền não ư?

Văn-thù trả lời:

–Tôn giả là A-la-hán vô lậu phải không?

Xá-lợi-phất nói:

–Không phải.

Văn-thù:

–Tôi cũng không dùng trí tuệ để đoạn trừ phiền não.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Dựa vào đâu mà ông nói như vậy? Không sợ hãi ư?

Văn-thù trả lời:

–Tôi còn không thể đắc thì có gì mà tôi sợ hãi.

Xá-lợi-phất:

–Lành thay! Văn-thù-sư-lợi nói Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu tuyệt diệu!

Bấy giờ Phật dạy Văn-thù:

–Này thiện nam! Có Đại Bồ-tát tâm trụ nơi Bồ-đề để cầu Vô thượng Bồ-đề không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có Bồ-tát trụ tâm Bồ-đề để cầu Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Vì tâm Bồ-đề không thể nắm bắt được, Vô thượng Bồ-đề cũng không thể nắm bắt được. Năm tội vô gián là tánh Bồ-đề; không có Bồ-tát nào phát khởi tâm vô gián, lại cầu quả tội vô gián, thì làm sao có Bồ-tát trụ tâm Bồ-đề, cầu Vô thượng Bồ-đề? Bồ-đề là tất cả các pháp. Vì sao? Vì sắc, chẳng phải sắc không thể nắm bắt được; cho đến thức, chẳng

phải thức không thể nắm bắt được; nhãn, chẳng phải nhãn không thể nắm bắt được; cho đến ý, chẳng phải ý không thể nắm bắt được.

Sắc, chẳng phải sắc không thể nắm bắt được; cho đến pháp, chẳng phải pháp không thể nắm bắt được.

Nhãn giới, chẳng phải nhãn giới không thể nắm bắt được; cho đến pháp giới, chẳng phải pháp giới không thể nắm bắt được.

Sinh, chẳng phải sinh không thể nắm bắt được; cho đến lão tử, chẳng phải lão tử cũng không thể nắm bắt được.

Bố thí ba-la-mật, chẳng phải Bố thí ba-la-mật không thể nắm bắt được; cho đến Bát-nhã ba-la-mật, chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật không thể nắm bắt được.

Mười Lực của Phật, chẳng phải mười Lực của Phật không thể nắm bắt được; cho đến mười tám pháp Bất cộng, chẳng phải mười tám pháp Bất cộng không thể nắm bắt được.

Tâm Bồ-đề, Vô thượng Bồ-đề đều không thể nắm bắt được. Trong cái không thể nắm bắt được đó không thể đắc cái không thể nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn! Cho nên không có trụ Bồ-tát trụ tâm Bồ-đề để cầu Vô thượng Bồ-đề.

Đức Phật hỏi Văn-thù:

–Ý của ông thỉnh Như Lai là Thầy của ông phải không?

Văn-thù thưa:

–Con không có ý thỉnh Phật là Thầy của con. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì con còn không thể nắm bắt, thì làm sao có ý cho Phật là Thầy của con.

Đức Phật hỏi:

–Ông có nghi ngờ ta không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chính con còn không quyết định, thì làm sao con nghi ngờ Ngài. Vì sao? Vì trước quyết định, sau nghi.

Đức Phật hỏi:

–Ông không xác định nói Như Lai sinh ư?

Văn-thù thưa:

–Nếu Như Lai sinh thì pháp giới cũng sinh. Vì sao? Vì pháp giới và Như Lai là một tướng, không có hai tướng; nếu hai tướng thì không thể nắm bắt được.

Đức Phật hỏi:

–Ông có tin chư Phật Như Lai nhập Niết-bàn không?

Văn-thù thưa:

–Tất cả chư Phật tức tướng Niết-bàn. Tướng Niết-bàn không nhập, không phải không nhập.

Đức Phật dạy:

–Ông nói chư Phật có lưu chuyển không?

Văn-thù thưa:

–Thế Tôn không lưu chuyển còn không thể được, huống gì có thể được lưu chuyển.

Đức Phật hỏi:

–Như Lai vô tâm, chỉ có trước Như Lai mới có thể nói lời nói này; hoặc trước A-la-hán lậu tận và Bồ-tát không thoái chuyển mới có thể nói lời nói này. Nếu người khác nghe lời nói này, không có lòng tin thì sẽ nghi ngờ. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này khó tin khó hiểu.

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những người nào lại có thể tin pháp thâm sâu này?

Đức Phật dạy:

–Tất cả phàm phu đều tin pháp này. Vì sao? Vì Như Lai vô tâm, tất cả phàm phu cũng vô tâm.

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao nói như vậy? Bồ-tát mới phát tâm và A-la-hán đều nghi ngờ. Xin Thế Tôn giải nói cho.

Đức Phật dạy:

–Trong thật tế của ngôi vị pháp trụ, pháp tánh, pháp tướng; sự là có Phật, có phàm phu sai biệt không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Đức Phật dạy:

–Nếu không sai biệt thì vì sao nghi ngờ?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Trong không sai biệt có Phật, có phàm phu không?

Đức Phật nói:

–Có. Vì sao? Vì Phật và phàm phu không hai, không sai biệt; là một tướng, vô tướng.

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Ông có tin Như Lai là tối thắng trong tất cả chúng sinh không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con tin Như Lai tối thắng trong tất cả chúng sinh. Bạch Thế Tôn! Nếu con tin Như Lai là tối thắng trong tất cả chúng sinh, thì thành ra Như Lai không tối thắng.

Đức Phật dạy:

–Ông có tin Như Lai thành tựu tất cả pháp chẳng thể nghĩ bàn không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con tin Như Lai thành tựu tất cả pháp chẳng thể nghĩ bàn. Bạch Thế Tôn! Nếu con tin Như Lai thành tựu tất cả pháp chẳng thể nghĩ bàn, thành ra Như Lai có thể nghĩ bàn.

Đức Phật hỏi:

–Ông tin tất cả Thanh văn đều được Như Lai giáo hóa không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con tin tất cả Thanh văn là do Như Lai giáo hóa. Thưa Thế Tôn! Nếu con tin tất cả Thanh văn được Như Lai giáo hóa, thì pháp giới thành ra có thể giáo hóa.

Đức Phật hỏi:

–Ông tin Như Lai là ruộng phước vô thượng không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con tin Như Lai là ruộng phước vô thượng. Thưa Thế Tôn! Nếu con tin Như Lai là ruộng phước vô thượng, thì Như Lai chẳng phải là ruộng phước.

Đức Phật hỏi:

–Dựa vào đâu mà ông trả lời như vậy?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con không dựa vào đâu cả để trả lời như vậy. Bạch Thế Tôn! Trong cái không chỗ dựa ấy không thắng, không phải là không thắng; không thể nghĩ bàn, không phải là không thể nghĩ bàn; không giáo hóa, không phải là không giáo hóa; không có ruộng phước, không phải là không có ruộng phước.

Khi ấy, nhờ thần lực của Phật mà đại địa chấn động sáu cách. Một vạn sáu ngàn chúng Tỳ-kheo, do không chấp trước nên được giải thoát. Bảy trăm chúng Tỳ-kheo-ni, ba ngàn Ưu-bà-tắc, bốn vạn Ưu-bà-di đều xa lìa

trần cấu, đắc Pháp nhãn thanh tịnh. Sáu vạn ức na-do-tha chư Thiên cũng xa lìa trần cấu và đắc Pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ, Trưởng lão A-nan liền đứng dậy, trịch áo bên phải, quỳ gối sát đất, chắp tay, cung kính bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà đất chấn động mạnh như vậy?

Đức Phật dạy A-nan:

–Đây là do nói Bát-nhã ba-la-mật. Xưa kia chư Phật nói pháp ấy cũng ở chỗ này, do nhân duyên đó mà đất chấn động.

Trưởng lão Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy pháp mà Văn-thù-sư-lợi nói là không thể nghĩ bàn.

Đức Thế Tôn dạy Văn-thù:

–Theo lời Xá-lợi-phất nói, pháp mà Văn-thù-sư-lợi nói không thể nghĩ bàn?

Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu không thể nghĩ bàn thì không thể nói. Nếu có thể nói thì có thể nghĩ bàn. Không thể nghĩ bàn là vô sở hữu. Tất cả tiếng đó cũng không thể nghĩ bàn. Không thể nghĩ bàn không có tiếng.

Đức Phật dạy:

–Ông có nhập Tam-muội chẳng nghĩ bàn không?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Con là chẳng nghĩ bàn. Không thấy có tâm để có thể nghĩ bàn; làm sao nói nhập Tam-muội chẳng nghĩ bàn? Mới phát tâm. Con muốn nhập vào định ấy, nhưng nay suy nghĩ lại, thật không có tướng tâm để nhập Tam-muội. Giống như người học bắn, nếu tập lâu thì giỏi, về sau dù không chú tâm nhưng do tập lâu nên bắn cũng trúng đích. Con cũng như vậy. Khi mới học Tam-muội chẳng nghĩ bàn, cột tâm vào một duyên, nếu tập lâu sẽ thành tựu. Do tập lâu, dù không có tâm tưởng cũng luôn ở trong định.

Xá-lợi-phất hỏi Văn-thù:

–Có định nào tịch tĩnh thắng diệu không?

Văn-thù trả lời:

–Nếu có định chẳng nghĩ bàn thì thầy có thể hỏi có định tịch tĩnh không. Theo ý hiểu của tôi, định chẳng nghĩ bàn còn không thể đắc thì làm sao hỏi tôi định tịch tĩnh làm gì?

Xá-lợi-phất hỏi:

–Định chẳng nghĩ bàn không thể đắc ư?

Văn-thù trả lời:

–Tướng định có thể nghĩ bàn là có thể đắc. Tướng của định chẳng thể nghĩ bàn thì không thể đắc. Tất cả chúng sinh chân thật đều thành tựu được định chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì tất cả tướng của tâm tức chẳng phải là tâm. Đó gọi là định chẳng thể nghĩ bàn. Cho nên tướng của tất cả chúng sinh và tướng Tam-muội chẳng thể nghĩ bàn bằng nhau, không có phân biệt.

Đức Phật khen ngợi Văn-thù:

–Lành thay, lành thay! Từ lâu ông đã trồng căn lành, với chư Phật và tịnh tu phạm hạnh nên mới có thể diễn nói Tam-muội thâm sâu này và ông nay đã an trụ trong Bát-nhã ba-la-mật như vậy.

Văn-thù thưa:

–Nếu con trụ trong Bát-nhã ba-la-mật, mà có thể nói như vầy, tức là hữu tưởng trụ trong ngã tưởng. Nếu trụ trong hữu tưởng, ngã tưởng thì với Bát-nhã ba-la-mật là có chỗ trụ. Nếu Bát-nhã ba-la-mật trụ chỗ không, cũng là ngã tưởng, cũng gọi là chỗ trụ. Lìa hai chỗ trụ này, trụ vào vô trụ. Giống như chư Phật, trụ trong cảnh giới an ổn, tịch diệt, không thể nghĩ bàn. Chẳng nghĩ bàn như vậy, gọi là chỗ trụ của Bát-nhã ba-la-mật. Chỗ của Bát-nhã ba-la-mật là tất cả pháp không có tướng; tất cả pháp là không có tạo tác. Bát-nhã ba-la-mật tức chẳng nghĩ bàn. Chẳng nghĩ bàn tức pháp giới. Pháp giới tức vô tướng. Vô tướng tức chẳng nghĩ bàn. Chẳng nghĩ bàn tức Bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật với pháp giới không hai, không khác. Không hai, không khác tức pháp giới. Pháp giới tức vô tướng. Vô tướng tức cảnh giới Bát-nhã ba-la-mật. Cảnh giới Bát-nhã ba-la-mật tức cảnh giới chẳng nghĩ bàn. Cảnh giới chẳng nghĩ bàn tức là cảnh giới vô sinh, vô diệt. Cảnh giới vô sinh, vô diệt tức là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Giới của Như Lai và giới của ngã không hai tướng. Như vậy tu hành Bát-nhã ba-la-mật tức là không cầu Bồ-đề. Vì sao? Vì lìa tướng Bồ-đề tức là Bát-nhã ba-la-mật.

Bạch Thế Tôn! Nếu biết tướng của ngã mà không chấp trước; không biết không chấp trước là Phật sở tri. Chẳng thể nghĩ bàn không biết không chấp trước cũng tức là Phật sở tri. Vì sao? Vì biết tánh của bản thể là không có tướng sở hữu vậy thì làm sao có thể chuyển pháp giới. Nếu biết bản tánh không bản thể mà không chấp trước gọi là không có sự vật. Nếu không có

vật thì không có xứ sở, không chỗ dựa, chỗ trụ. Không chỗ dựa, không trụ tức là không sinh, không diệt. Không sinh không diệt tức là công đức hữu vi. Nếu biết như vậy thì không có tâm tưởng. Không có tâm tưởng thì làm sao biết công đức hữu vi, vô vi. Không biết tức là chẳng nghĩ bàn. Chẳng nghĩ bàn là Phật sở tri, cũng không thủ, không phải không thủ. Không thấy các tướng qua lại trong ba đời. Không thủ sẽ sinh diệt và các hành động; cũng không đoạn, không thường. Người nào biết như vậy gọi là chánh trí. Trí chẳng nghĩ bàn, như hư không, không đây, không kia, không thể so sánh, không tốt xấu, không gì có thể so sánh bằng, không có tướng mạo.

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Nếu biết như vậy gọi là trí không thoái.

Văn-thù thưa:

–Trí không tạo tác gọi là trí không thoái. Giống thỏi vàng, phải lấy búa đập mới biết tốt xấu. Nếu không đập thì không thể biết vàng ấy tốt hay xấu. Tướng của trí không thoái cũng như vậy. Khi tiếp xúc với cảnh giới thì không nhớ nghĩ, không chấp trước, không sinh khởi, không tạo tác, đầy đủ bất động, không sinh không diệt. Như thế mới hiển hiện đúng là trí không thoái.

Bấy giờ Đức Phật dạy Văn-thù:

–Chư Như Lai tự nói trí của chính mình thì ai tin?

Văn-thù thưa:

–Trí như vậy chẳng phải pháp Niết-bàn, chẳng phải pháp sinh tử; đó là hạnh tịch tĩnh. Không đoạn trừ tham, sân, si; cũng chẳng phải là không đoạn trừ. Vì sao? Vì vô tận, vô diệt; không lìa sinh tử, cũng chẳng phải là không lìa. Không lìa tu đạo, cũng chẳng phải là không lìa tu đạo, người nào hiểu như vậy gọi là chánh tín.

Phật dạy Văn-thù:

–Lành thay, lành thay! Theo lời nói thì ông đã hiểu sâu nghĩa này.

Khi ấy, Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đời vị lai, ai có thể tin pháp thâm sâu này? Ai ưa thích nghe pháp này?

Đức Phật dạy Ca-diếp:

–Bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di trong hội hôm nay, ở về đời vị lai sẽ tin hiểu pháp này. Nghe nói Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu thì sẽ biết pháp này, sẽ cầu pháp này.

Này Ca-diếp! Ví như trưởng giả hoặc con của trưởng giả, đã làm mất

một viên ngọc quý, trị giá vạn lượng vàng, nên rất buồn khổ. Nay tìm lại được nên rất vui mừng, không còn buồn khổ nữa.

Cũng vậy, này Ca-diếp! Vào đời vị lai, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nghe kinh Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này tương ứng với trí tuệ, nghe rồi rất vui mừng, tâm được an lạc, không còn ưu não nữa, liền nói: "Hôm nay chúng ta được thấy Như Lai, phải cúng dường Như Lai. Vì sao? Vì được nghe sáu pháp Ba-la-mật vi diệu sâu xa này."

Này Ca-diếp! Giống như khi cây Ba-lợi-chất-đa-la ở cõi trời Tam thập tam mới trổ nụ, thì chư Thiên sẽ nghĩ: Không bao lâu nụ này sẽ nở." Như vậy, này Ca-diếp, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di khi nghe kinh Bát-nhã ba-la-mật này thì cũng như vậy tâm rất hoan hỷ và cũng nghĩ: "Đời tương lai chắc chắn ta sẽ được pháp này."

Này Ca-diếp! Sau khi Như Lai diệt độ, kinh Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này sẽ trụ mãi trên thế gian, không diệt và được lưu hành khắp nơi.

Này Ca-diếp! Nhờ thần lực của Phật mà trong đời vị lai, thiện nam, thiện nữ sẽ được Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này. Này Ca-diếp! Giống như người thợ ngọc ma-ni thấy ma-ni quý báu nên rất vui mừng, không cần suy nghĩ, liền biết được đó là thật hay giả. Vì sao? Vì nhờ kinh nghiệm.

Như vậy, này Ca-diếp! Nếu người nào, đã nghe pháp tương ưng của Bát-nhã ba-la-mật này rồi hoan hỷ, có lòng tin, ưa thích thì nên biết, người ấy đời trước đã nghe Bát-nhã ba-la-mật này rồi, và từ nhiều kiếp lâu xa đến nay, đã từng cúng dường chư Phật.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay thiện nam, thiện nữ đã nghe pháp này thì đời vị lai càng tin hiểu.

Phật dạy Ca-diếp:

–Đúng vậy, đúng như lời ông đã nói!

Bấy giờ Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp này không hành không tướng. Người nói pháp này cũng không hành, không tướng. Bạch Thế Tôn! Như vậy thì sao nói có hành tướng?

Phật dạy Văn-thù:

–Trước đây, khi ta hành Bồ-tát đạo, tu các căn lành, muốn trụ vào địa vị không thoái chuyển nên học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên học Bát-nhã ba-la-mật. Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn hiểu rõ tất cả pháp tướng, muốn biết tất cả tâm giới của chúng

sinh thì đều đồng nhau phải nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Này Văn-thù-sư-lợi! Muốn học tất cả pháp của Phật đầy đủ, không chướng ngại, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn học tất cả tướng tốt oai nghi, vô lượng pháp thức của Phật khi đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn biết tất cả pháp thức và các oai nghi của Phật khi không thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng nên học Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì trong pháp không, không thấy chư Phật Bồ-đề. Nếu thiện nam, thiện nữ muốn biết các tướng như vậy mà không nghi hoặc, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật không thấy các pháp có sinh, có diệt, có cấu, có tịnh. Cho nên thiện nam, thiện nữ phải nên học Bát-nhã ba-la-mật như vậy. Muốn biết tất cả pháp không có các tướng quá khứ, hiện tại, vị lai; nên học Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Tánh tướng của pháp giới không có quá khứ, hiện tại, vị lai. Muốn biết tất cả pháp đồng nhập vào pháp giới mà tâm không trở ngại, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn được tam chuyển, mười hai hành pháp luân tự mình chứng biết mà không thủ trước, nên học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn có được lòng từ, bao trùm tất cả chúng sinh; cũng chẳng khởi nghĩ có tướng chúng sinh thì nên học Bát-nhã ba-la-mật. Không muốn khởi tranh luận với tất cả chúng sinh, cũng không chấp giữ tướng không tranh luận thì nên học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn biết xứ, phi xứ, mười Lực, Vô úy, trụ trí tuệ Phật, được biện tài vô ngại nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Bấy giờ Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con quán chánh pháp là vô vi, vô tướng, vô đắc, vô lợi, không sinh, không diệt, không đến, không đi, không có người biết, không có người thấy, không có người tạo tác, không thấy Bát-nhã ba-la-mật, cũng không thấy cảnh giới của Bát-nhã ba-la-mật, chẳng phải chứng, chẳng phải không chứng, không có hý luận, không có phân biệt; tất cả pháp vô tận, ly, tận; không có pháp phàm phu, không có pháp Thanh văn; không có pháp Bích-chi-phật, pháp Phật. Chẳng phải đắc, chẳng phải không đắc, không bỏ sinh tử, không chứng Niết-bàn, chẳng phải có thể nghĩ bàn, không phải chẳng nghĩ bàn, chẳng phải làm, chẳng phải không làm. Tướng pháp như vậy mà không biết thì làm sao học Bát-nhã ba-la-mật?

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Nếu có thể biết, tướng của các pháp là như vậy, thì gọi là học Bát-nhã ba-la-mật. Đại Bồ-tát nếu muốn học Bồ-đề tự tại Tam-muội, khi đã được Tam-muội ấy rồi thì sẽ soi sáng được tất cả Phật pháp thâm sâu và biết tất cả danh tự của các Đức Phật, đồng thời cũng hiểu rõ, thấu đạt cảnh

giới của chư Phật không một chướng ngại. Nên học theo những gì mà Văn-thù nói trong Bát-nhã ba-la-mật.

Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bát-nhã ba-la-mật?

Phật nói:

–Bát-nhã ba-la-mật là không bờ, không bến, không tên, không tướng, chẳng suy lường, không có chỗ quy y, không là hòn đảo, không phạm tội, không phước, không tối, không sáng; như pháp giới, không có sự phân biệt, cũng không có hạn số; đó gọi là Bát-nhã ba-la-mật; cũng gọi là hành xứ của Đại Bồ-tát, chẳng phải hành xứ, chẳng phải chẳng là hành xứ đều nhập vào nhất thừa, gọi là chẳng phải hành xứ. Vì sao? Vì không nghĩ, không làm.

Bát-nhã ba-la-mật là mẹ của tất cả chư Phật, vì sinh ra tất cả chư Phật. Vì sao? Vì không sinh.

Cho nên, này Văn-thù! Nếu thiện nam, thiện nữ nào, muốn hành Bồ-tát hạnh để được đầy đủ các pháp Ba-la-mật thì nên tu Bát-nhã ba-la-mật này.

Nếu muốn được ngồi đạo tràng, đắc Vô thượng Bồ-đề, nên tu Bát-nhã ba-la-mật này.

Nếu muốn dùng đại Từ, đại Bi che chở khắp tất cả chúng sinh, nên tu Bát-nhã ba-la-mật này.

Nếu muốn có tất cả định phương tiện, nên tu Bát-nhã ba-la-mật này.

Nếu muốn được tất cả Chánh định (Tam-ma-bạt-đề), nên tu Bát-nhã ba-la-mật này. Vì sao? Vì các Chánh định không có chỗ làm. Tất cả các pháp không xuất ly, không chỗ xuất ly.

Nếu người nào muốn theo lời nói này, nên tu Bát-nhã ba-la-mật. Tất cả các pháp như thật, không thể đắc; nếu muốn ưa thích biết như vậy, nên tu Bát-nhã ba-la-mật. Vì Bồ-đề mà tất cả chúng sinh tu đạo Bồ-đề mà thật ra là không có chúng sinh, cũng không có Bồ-đề. Người nào muốn tin ưa pháp này nên tu Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì tất cả pháp như thật, với Bồ-đề là bình đẳng như nhau. Phi chúng sinh hạnh là không xả bỏ tự tánh. Chúng sinh hạnh ấy là phi hạnh. Phi hạnh ấy là Bồ-đề. Bồ-đề ấy là pháp giới. Nếu muốn không chấp trước vào pháp này, thì học Bát-nhã ba-la-mật.

Này Văn-thù! Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào, nếu chỉ thọ trì Bát-nhã ba-la-mật với một bài kệ bốn câu và giải nói cho người; ta nói rằng người đó đắc được pháp bất đọa, huống chi như thật mà tu hành.

Nên biết rằng thiện nam, thiện nữ đó đã trụ vào cảnh giới của Phật.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, mà không sợ sệt, thì nên biết rằng, người này đã nhận được Pháp ấn của Phật. Pháp ấn này là được Phật tạo ra, là điều mà Phật tôn quý? Vì sao? Vì Pháp ấn này là ấn Pháp vô trước. Nếu thiện nam, thiện nữ nào, được Pháp ấn này ấn vào, thì nên biết người đó theo Bồ-tát thừa, nhất định không thoái chuyển, không rơi vào địa vị Thanh văn và Bích-chi-phật.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân và các Thiên tử từ cõi trời Tam thập tam làm mưa bột Chiên-đàn và bột Hoàng kim; lại rải hoa Uất-ba-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đà, hoa Phân-đà-lợi và hoa Mạn-đà-la để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật.

Cúng dường xong, chư Thiên nghĩ thế này: "Ta đã cúng dường Pháp vô thượng, vô trước, tối thắng đệ nhất; nguyện vào đời tương lai, ta lại được nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này. Nếu người nào đã được dấu ấn của Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này ấn vào, thì người đó đời tương lai lại được nghe thọ, hoàn toàn thành tựu được trí Nhất thiết trí."

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ nào được nghe qua một lần Bát-nhã ba-la-mật này, con sẽ vì họ mà làm tăng trưởng Phật pháp và ủng hộ người ấy, dù cả trăm do-tuần, con không để cho loài phi nhân làm hại người đó. Thiện nam, thiện nữ ấy cuối cùng sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hàng ngày con sẽ đến chỗ người ấy, thiết lễ cúng dường.

Đức Phật dạy Thích Đề-hoàn Nhân:

–Đúng vậy, này Kiều-thi-ca! Ông nên biết rằng thiện nam, thiện nữ đó được đầy đủ Phật pháp, chắc chắn đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi ấy, Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Cúi xin Thế Tôn, dùng sức oai thần, giữ Bát-nhã ba-la-mật này, mãi mãi trên thế gian này, để làm lợi ích cho chúng sinh.

Khi Văn-thù-sư-lợi nói như vậy, nhờ thần lực của Phật mà đại địa chấn động sáu cách. Bấy giờ, Đức Thế Tôn, liền mỉm cười, phóng đại quang minh, chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới, nhờ sức oai thần mà giữ Bát-nhã ba-la-mật này tồn tại mãi trên thế gian.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn phóng ánh sáng này là để giữ tướng Bát-

nhã ba-la-mật à?

Đức Phật dạy:

–Đúng như vậy, này Văn-thù! Ta phóng ánh sáng này là để giữ tướng Bát-nhã ba-la-mật. Ông nên biết rằng, ta đã giữ Bát-nhã ba-la-mật này tồn tại mãi trên thế gian. Nếu có người nào, không khinh chê pháp này, không nói lỗi của pháp này nên biết rằng người đó đã được Pháp ấn của Bát-nhã ba-la-mật này ấn rồi. Cho nên, này Văn-thù-sư-lợi, từ lâu ta đã an trụ trong Pháp ấn này. Nếu người nào đã được ấn này ấn vào, thì nên biết rằng người ấy không bị ma vương làm hại.

Đức Phật dạy Đế Thích:

–Ông nên thọ trì, đọc tụng kinh này và bố thí cho lưu hành rộng rãi, khiến cho thiện nam, thiện nữ đời vị lai có được Pháp ấn này.

Rồi Ngài lại dạy A-nan:

–Ông cũng vậy, nên thọ trì, đọc tụng kinh này và rộng nói cho mọi người.

Bấy giờ Thiên đế Thích và Trưởng lão A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này gọi tên là gì? Chúng con phụng trì như thế nào?

Đức Phật dạy:

–Kinh này tên là Văn-thù-sư-lợi Sở Thuyết, cũng tên là Bát-nhã ba-la-mật. Hãy như vậy mà thọ trì. Này thiện nam! Nếu có người nào với hằng hà sa kiếp, đem bảo châu vô giá bố thí cho hằng hà sa chúng sinh. Thọ rồi chúng sinh đều phát đạo tâm. Khi ấy, thí chủ tùy theo căn cơ chỉ dạy giáo pháp, làm cho lợi ích hoan hỷ, khiến cho họ chứng quả Tu-đà-hoàn đến quả A-la-hán thì người ấy được công đức có nhiều không?

A-nan bạch Phật:

–Đức Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu có người trong một niệm, phát khởi lòng tin Bát-nhã ba-la-mật này, không chút phỉ báng thì so với công đức của người trước kia, hơn trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn vạn lần, cho đến tính số ví dụ cũng không thể biết; huống chi là thọ trì đầy đủ, đọc tụng kinh này và giải nói cho người. Người này được công đức vô lượng, vô biên chư Phật Như Lai có nói không thể hết. Vì sao? Vì có thể sinh Nhất thiết trí tất cả chư Phật. Nếu hư không có giới hạn thì công đức kinh này có giới hạn. Nếu pháp tánh có giới hạn thì công đức kinh này cũng có giới hạn.

Cho nên, này Văn-thù-sư-lợi! Tất cả thiện nam, thiện nữ nên siêng năng, hành trì tinh tấn, giữ gìn kinh này. Kinh này có thể diệt sinh tử và trừ tất cả sự sợ hãi, đánh bại Thiên ma, dựng cờ chiến thắng, đưa Bồ-tát đến quả Niết-bàn, chỉ dạy giáo huấn lìa hàng Nhị thừa.

Bấy giờ, Đế Thích và trưởng lão A-nan đều bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, đúng như lời Phật nói. Chúng con sẽ kính trọng, thọ trì và tuyên bố rộng rãi kinh này. Xin Đức Thế Tôn đừng lo nghĩ.

A-nan và Đế Thích thưa như vầy ba lần:

–Xin Thế Tôn đừng lo, chúng con sẽ kính trọng, thọ trì!

Phật nói kinh này xong, Văn-thù-sư-lợi và các Đại Bồ-tát, Xá-lợi-phất cùng tất cả Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, loài Nhân phi nhân… tất cả đại chúng nghe lời chỉ dạy của Phật đều rất vui mừng, tín thọ phụng hành.

-oOo-

(Từ "Đức Phật…thiện thuyết." –Trong chánh văn 619 chữ)

Đức Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

–Ông có nhập định chẳng thể nghĩ bàn không?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Nếu con nhập định chẳng thể nghĩ bàn, thì con có thể nghĩ bàn. Tâm của Thế Tôn vô tâm, thì làm sao con nhập định chẳng thể nghĩ bàn?

Bạch Thế Tôn! Khi con mới phát tâm Bồ-tát, con nghĩ là sẽ nhập định chẳng thể nghĩ bàn. Nay con không có ý này để nhập định chẳng thể nghĩ bàn.

Bạch Thế Tôn! Như người mới học bắn, trước tiên phải nghĩ như vầy: "Ta sẽ bắn vào đích." Bắn thành công rồi lại nghĩ: "Ta sẽ bắn da." Bắn da, thành công rồi lại nghĩ: "Ta sẽ bắn cây." Bắn cây, thành công rồi lại nghĩ: "Ta sẽ bắn vào sắt." Bắn sắt, thành công rồi không nghĩ như trước nữa mà mũi tên vẫn trúng đích. Con cũng như vậy, xưa kia mới phát tâm, cầu nhập vào định chẳng thể nghĩ bàn, nhưng ngày nay con không có ý sẽ nhập định chẳng thể nghĩ bàn này nữa. Vì sao? Vì định này là chẳng thể nghĩ bàn.

Bấy giờ Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Văn-thù-sư-lợi chưa được an trụ thì vì sao lìa định chẳng thể nghĩ bàn này, mà có định tịch tĩnh để Tôn giả được chứng đắc?

Văn-thù-sư-lợi nói với Xá-lợi-phất:

–Vì sao ông biết là lìa định chẳng thể nghĩ bàn này, để có định tịch tĩnh. Này Đại đức Xá-lợi-phất! Nếu định chẳng thể nghĩ bàn này có thể đắc, thì có thể lìa định này để có định tịch tĩnh. Nếu định chẳng thể nghĩ bàn này không thể đắc, thì định tịch tĩnh kia cũng không thể đắc. Vì sao? Vì định chẳng thể nghĩ bàn này không thể đắc thì định tịch tĩnh kia cũng không thể đắc. Còn nữa, này Đại đức Xá-lợi-phất! Không có chúng sinh, không đắc được định này. Tất cả chúng sinh đều được định này. Vì sao? Vì tất cả các tâm là vô tâm. Tánh vô tâm đó tức là định này, cho nên tất cả chúng sinh đều đắc định này.

Bấy giờ Đức Phật khen ngợi Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay, lành thay, lời ông nói thật là thù thắng! Do từ nhiều kiếp lâu xa, ông đã trồng sâu căn lành với vô lượng chư Phật, nên có thể nói như vậy. Này Văn-thù! Ông có nghĩ, là ông trụ Bát-nhã ba-la-mật, mới có thể nói được như vậy?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Con không nghĩ như vậy. Thưa Thế Tôn, nếu con có ý nghĩ trụ Bát-nhã ba-la-mật đã có thể nói như vậy, thì con trụ vào pháp có thể đắc.

Bạch Thế Tôn! Nếu con trụ vào ngã tướng thì có ý nghĩ ấy; cho nên, thưa Thế Tôn, con không có ý nghĩ trụ Bát-nhã ba-la-mật này để có thể nói như vậy.

Bấy giờ Đức Phật hỏi Văn-thù:

–Ai có thể tin lời ông nói?

Văn-thù thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu người nào không chấp tướng sinh tử và tướng Niết-bàn, thì người đó tin những điều con nói. Còn nếu có người cố chấp hữu ngã, hoặc có người có đủ ba độc thì những người này không thể tin. Vì sao? Vì kiến và phiền não không thể diệt.

Bấy giờ Thế Tôn khen Văn-thù:

–Lành thay, lành thay, ông nói rất khéo!

-oOo-

(Từ "Thiện nam tử… cố" –Trong chánh văn có 527 chữ)

Hành tướng của thiện nam, thiện nữ là tin pháp này, thọ trì pháp này. Do tâm không thể đắc, nên hành cũng không thể đắc, tướng cũng không thể đắc.

Văn-thù-sư-lợi! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào ưa thích vô sở đắc này, thì nên nghe Bát-nhã ba-la-mật này. Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn đắc địa vị không thoái chuyển thì nên nghe Bát-nhã ba-la-mật. Nếu thiện nam, thiện nữ nào, muốn tin tất cả các pháp và pháp giới đều bình đẳng thì nên nghe Bát-nhã ba-la-mật. Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn biết tất cả pháp thì nên nghe Bát-nhã ba-la-mật này. Nếu người nào có được lòng tin đối với nghĩa này thì nên nghe Bát-nhã ba-la-mật này. Người nào không ưa thích, nhớ nghĩ đến tất cả pháp thì nên nghe Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật này không thấy tất cả các pháp.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn biết tất cả các pháp bất tịnh, bất uế thì nên nghe Bát-nhã ba-la-mật. Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn được không nghi ngờ thì nên nghe Bát-nhã ba-la-mật. Nếu thiện nam, thiện nữ nào, muốn có lòng Từ bi để che trùm tất cả chúng sinh, nhưng không trụ vào tướng chúng sinh, không tranh luận với thế gian thì nên nghe Bát-nhã ba-la-mật.

Bấy giờ Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật không có ngã, không có ngã sở, không khởi, không diệt, không nhân, không quả, không thể chấp giữ; vậy tại sao nghe thọ mà được công đức?

Đức Phật dạy Văn-thù:

–Nếu Bát-nhã ba-la-mật không có tạo tác, không diệt, chẳng phải pháp phàm phu, chẳng phải pháp Thánh nhân, chẳng phải pháp sinh tử, chẳng phải pháp lìa sinh tử, chẳng phải pháp Niết-bàn, chẳng phải pháp lìa Niết-bàn, không được, không mất, không thể nghĩ bàn, chẳng phải không thể nghĩ bàn. Thiện nam, thiện nữ nghe thọ như vậy thì tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật, đó là công đức nhưng cũng chẳng phải công đức.

Lại nữa, này Văn-thù! Nếu Đại Bồ-tát muốn đắc định Bồ-tát, muốn biết danh hiệu của tất cả chư Phật, muốn thấy cảnh giới của tất cả chư Phật, muốn nghe pháp của tất cả chư Phật nói, muốn thực hành các pháp của chư Phật thì nên học Bát-nhã ba-la-mật này.

Bấy giờ Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao gọi là Bát-nhã ba-la-mật?

Đức Phật dạy:

–Bát-nhã ba-la-mật là không hạn lượng, không ngằn mé, không phương hướng, không xứ sở, không đến, không đi, không tạo tác, vô vi, tức là tất cả pháp giới chư Phật, cho nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bát-nhã ba-la-mật này là hành xứ của Đại Bồ-tát. Bồ-tát hành nơi xứ này, nên gọi là hành xứ. Vì sao? Vì không có xứ sở.

-oOo-

SỐ 234

KINH PHẬT THUYẾT NHU THỦ BỒ-TÁT VÔ THƯỢNG THANH TỊNH PHÂN VỆ

Hán dịch: Đời Tống, Sa-môn Tường Công ở quận Nam Hải.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Bấy giờ Đức Thế Tôn du hóa tại khu vườn của ông Cấp Cô Độc trong thành Vương xá ở nước Xá-vệ, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo: Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Tu-bồ-đề, Tôn giả A-nan…

Tất cả đều noi theo phẩm hạnh cao khiết của các bậc Trưởng lão mà tu hành hạnh thanh tịnh, trừ bỏ những điều cấu uế. Học tập được các đức tính ấy rồi, liền chán ghét thân xấu ác, hiểu rõ lý nhân duyên, nên thấy chúng sinh chịu các khổ đau trong năm đường; tật bệnh, phiền não, hoạn nạn và vô số đồ dơ bẩn, ở trong ba cõi lúc nào cũng bất an, nên thường mong muốn lìa bỏ, nhận thấy các sự lưu chuyển, sinh tâm khiếp sợ, diệt trừ tất cả, hướng đến Niết-bàn rốt ráo, sinh ra bất cứ ở chỗ nào cũng được an lạc, đoạn hết lưới phiền não sinh tử, không còn các lậu hoặc, xa lìa gánh nặng, đạt được bốn Thần túc, chứng đắc sáu Thần thông, có khả năng giữ gìn thân mạng, được mất đều từ nơi tâm, vượt đến bờ bên kia, thản nhiên an lạc.

Lại cùng một ngàn vị Bồ-tát đều là bậc Đại Bồ-tát đáng tôn trọng, đều đạt được quả vị "Nhất sinh bổ xứ", mặc áo đại đức, hiện đáng được quả Phật, thị hiện Bồ-tát để tuyên dương hóa đạo, giảng Pháp tạng của chư Phật, đạt được trí tuệ thần thông, Thánh tuệ thấu suốt, đều trụ vào bậc Đại thừa, ý chí giống như hư không. Các vị Bồ-tát ấy kiến lập giáo pháp rộng lớn, đến bờ bên kia, đầy đủ trí tuệ, thông suốt quyền yếu đã thấu rõ pháp Tổng trì, gồm hết không giới hạn, tích chứa các biện tài, không thể suy lường, tùy thuận thế tục để hướng dẫn, làm cầu rộng lớn, đạo đức vô thượng

không có chướng ngại, tuyên dương diệu lý sâu xa cùng tận, thu phục oán ma và hàng phục ngoại đạo, qua lại tự tại khắp mười phương, du hóa trong năm đường mà lại không có đến đi, như ánh sáng mặt trời, mặt trăng, như giấc mộng, như huyễn hóa, như ảnh trong gương, như tiếng vang trong núi, như sóng nắng… đều không tới lui, làm cảm ứng tất cả, cứu độ sinh tử, làm cho sự giáo hóa của Tam bảo không bao giờ dừng nghỉ, đạo được rộng khắp tất cả, đầy đủ công đức.

Các Bồ-tát ấy tên là Bồ-tát Nhu Thủ Đồng chân, Bồ-tát Long Thủ, Bồ-tát Diệu Thủ, Bồ-tát Đại Thủ, Bồ-tát Phổ Thủ, Bồ-tát Tuệ Thủ, Bồ-tát Minh Thủ, Bồ-tát Cam Thủ, Bồ-tát Anh Thủ, Bồ-tát Bảo Thủ…, tất cả gồm một ngàn vị Bồ-tát đông đủ.

Khi ấy, Bồ-tát Anh Thủ ngồi trên pháp tòa, thừa lãnh tôn chỉ của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, cung kính làm lễ, bày áo bên phải, quỳ gối sát đất, bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát Nhu Thủ Đồng chân, từ xưa đến nay, được vô số chư Phật Như Lai và các bậc Tiên thánh đều chứng thần thông, đã cung kính khen ngợi những thành tựu đại sự của Bồ-tát trong ba đời, tinh tấn hành đạo không còn tạo nhân, làm thầy tất cả chúng sinh, hiểu rộng thấy xa, hóa đạo sâu xa sáng suốt giống như mặt trời, mặt trăng; trí tuệ như biển, vượt đến hư không, trí tuệ biện tài vô cùng, hiển bày công đức vô thượng, trưởng dưỡng bốn Tâm vô lượng, bằng lòng Từ bi làm lợi ích an lạc, nhân từ rộng lớn, bao la mênh mông, phước đức không có giới hạn, như biển không đáy, sâu rộng thênh thang, không có hình thể, an cư tịch tĩnh, khoan dung vô lượng, hiện thân Đức Phật giáo hóa rộng khắp trong mười phương, làm cho các Bồ-tát đều tôn trọng. Tất cả Phạm thiên, Đế Thích và bốn Thiên vương, hoặc cõi trời Đâu-suất đều cung kính, ngưỡng mộ, tôn trọng. Các vị Trời, Rồng Thần, A-tu-la, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc…, không điều gì mà không cung kính, được cung kính tôn trọng như một vị vua ở đời, tướng Thánh đầy đủ, thông minh, đẹp đẽ vô cùng. Con thấy Bồ-tát Nhu Thủ có các công đức đầy đủ, tất cả tốt đẹp, khó nghĩ khó bàn, con muốn ca ngợi, tỏ bày vô vàn sự mến mộ và khâm phục truyền khắp mười phương, trăm ngàn kiếp, không bao giờ mệt mỏi.

Khi ấy, Bồ-tát Nhu Thủ hỏi Bồ-tát Anh Thủ:

–Thế nào? Này thiện nam! Pháp thân có phiền não, mệt nhọc chăng?

Đáp rằng:

–Pháp thân không có hình tướng, nơi chốn, nên pháp thân ấy đều không có phiền não, mệt nhọc.

Hỏi:

–Thế nào? Này Bồ-tát Anh Thủ! Ông hiểu được pháp thân chăng?

Đáp:

–Pháp thân không có nơi chốn, ngôn ngữ, âm thanh, dấu vết, nên Pháp thân ấy không điều gì mà không thấu hiểu. Như tiếng vang trong núi, như ảnh trong gương, đâu có nơi chốn hiểu biết ư?

Hỏi:

–Nhận biết pháp thân ấy như huyễn hóa, như ảnh trong gương, không có điều gì mà không hiểu rõ, cũng không có điều gì mà không giảng nói được. Làm thế nào hành giả lại cho là như âm thanh, như tiếng vang trong núi? Chẳng qua là hành giả chấp vào ngôn ngữ văn tự mà thôi?

Đáp:

–Như Nhân giả nói thì pháp thân ấy có trong ngoài, có đây đó, có khoảng giữa, có đếm được, đã ở vào hai điều ấy thì luôn luôn có xứ sở.

Bồ-tát Như Thủ nói:

–Lại nữa, này Bồ-tát Anh Thủ! Đối với pháp thân ấy đều không có tiếng vang, cũng không có hình tướng, không tâm không ý, không nhớ nghĩ, không nhận biết, không ngôn ngữ, không nói năng, không khác nhau, không giống nhau, không hướng đến, cũng không trở về một, ở trong một mà không phải là một, không có nơi chốn. Như vậy, này Bồ-tát Anh Thủ! Pháp thân vốn không này là vi diệu, là chỗ quay về tận cùng của thế gian, vô thượng không gì bằng, là tạng pháp tôn yếu của đạo.

Khi ấy, Đức Phật ca ngợi Bồ-tát Nhu Thủ:

–Lành thay, lành thay! Như Nhu Thủ đã nói mới là điều ứng hợp với pháp thân thanh tịnh!

Lúc ấy, tại chỗ ngồi năm trăm vị Tỳ-kheo và năm trăm vị Tỳ-kheo-ni đều nghe Bồ-tát Nhu Thủ nói, tất cả đều được chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh. Lại nữa, nước Xá-vệ có hai ngàn thiện nam, tín nữ vốn chưa phát tâm thực hành Đại thừa, mà nay nghe pháp yếu này liền tự mình thực hành đạo Vô thượng Bồ-đề kiên cố. Một vạn hai ngàn Thiên tử hết sức vui mừng, phát tâm Bồ-tát, ở trong hư không tán thán sự thành tựu vô lượng phước đức ở quá khứ của Bồ-tát Nhu Thủ.

Khi ấy vào sáng sớm, Bồ-tát Nhu Thủ Đồng chân muốn đi vào thành khất thực nên sửa lại pháp y Thánh vô lượng thanh tịnh, tay bưng bình bát, nắm giữ tích trượng, noi theo Đức Phật, giữ gìn phép tắc, độ lượng nghiêm trang, bước đi thanh thản, cử chỉ đoan nghiêm, xoay người nhìn ngó, có

ánh sáng vô lượng, các căn thanh tịnh thường định trong Thánh đạo, oai nghi mẫu mực, lễ phép đàng hoàng, công đức đầy đủ, cử chỉ đàng hoàng, dũng mãnh như sư tử, như rồng chúa, phước đức rộng lớn lan tỏa khắp cả khu vườn, oai tướng vô lượng, đức hoàn hảo tuyệt diệu, tôn dung rực rỡ, phát ra ánh sáng tuyệt diệu.

Bồ-tát Nhu Thủ Đồng chân vừa ra khỏi cửa liền suy nghĩ: "Hôm nay vào thành Xá-vệ ắt có các Bồ-tát trong mười phương đều đến, họ sẽ lãnh hội Thánh chỉ làm cảm hóa được mọi người." Bồ-tát liền đứng yên thân mình, không lay động giống như Phật, mỗi một tướng lỗ chân lông trên thân đều hóa hiện một vị Bồ-tát. Các vị Bồ-tát ấy, thấy hóa thân của mình hóa hiện khắp mười phương. Các hóa thân trong mỗi cõi nước, đồng thanh thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát Nhu Thủ này thường cung kính đảnh lễ thăm hỏi Đức Phật có khỏe mạnh không?

Lại nữa, các đệ tử thị giả của các Đức Như Lai đều hết sức vui mừng. Mỗi vị đều hỏi Đức Phật ấy:

–Bồ-tát kia từ đâu mà xuất hiện ở cõi này?

Các Đức Phật trả lời các thị giả:

–Có cõi nước tên là Kham nhẫn, có Đức Phật hiệu là Năng Nhân Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác; có Bồ-tát tên là Nhu Thủ, đạo tuệ khó lường, biện tài vô lượng, hóa hiện truyền bá Phật sự khắp nơi, ở trong cõi này làm hưng thịnh đạo lớn, dùng tướng của các lỗ chân lông trong thân mà hóa hiện thân này; nói lên những sự cảm ứng, để cho mọi người diệt hết các nghi hoặc.

Bồ-tát và chúng sinh ở khắp các cõi thấy điều biến hóa đó và được nghe Đức Phật giảng, ức kiếp Bồ-tát đều đắc pháp Nhẫn vô sinh. Ngàn ức chúng sinh bị luân hồi trong sinh tử, nghe được danh hiệu của Bồ-tát Nhu Thủ, lại thấy sự ứng hóa ấy, đều phát tâm hướng về đạo Vô thượng Chánh chân. Bồ-tát khắp mười phương hết sức vui mừng, nguyện được gặp Bồ-tát Nhu Thủ để lãnh hội những điều trong sáng mà trước đây đã từng nghe nói là pháp vi diệu.

Hôm nay được trông thấy Đức Phật này và Bồ-tát kia, vô số Bồ-tát ở các cõi đều thưa Đức Thế Tôn:

–Chúng con muốn đến cõi Kham nhẫn, gặp Đức Phật Năng Nhân để lễ bái cung kính cúng dường, được thấy Bồ-tát Nhu Thủ, và được nghe nói pháp.

Các Đức Phật đều im lặng, ngay lúc ấy các Bồ-tát liền lãnh hội lời

dạy và thực hiện năng lực của các bậc Thánh, bay khỏi cõi ấy, bỗng chốc đến cõi Kham nhẫn, đến chỗ Bồ-tát Nhu Thủ. Các Bồ-tát ấy hết lòng kính ngưỡng, hoặc cầm hoa trời, hoặc đưa viên ngọc báu lên hoặc dâng chuỗi ngọc, hoặc chắp tay ngay thẳng, hoặc tấu lên âm nhạc của trời, hoặc đứng thẳng hàng trong hư không rải hoa, hương bột, thổi tù và bằng ngọc kha, hoặc ca tụng Bồ-tát Nhu Thủ đã hiển bày công đức vô thượng khắp tất cả, hoặc muốn tiếp đón hộ vệ Bồ-tát Nhu Thủ, cung kính mà đi, chiêm ngưỡng không nhàm chán.

Lúc ấy, Đế Thích, Phạm vương và bốn vị Thiên vương Nhật Nguyệt Thiên tử, các Rồng, Quỷ thần đều cùng thuộc hạ của họ đến nơi ấy. Đế Thích và bốn Thiên vương đều suy nghĩ: "Hôm nay, Bồ-tát Nhu Thủ Đồng chân cùng với vô số Bồ-tát và các bậc ở cõi trời, người đi vào nước Xá-vệ làm chấn động lớn, ta hãy làm cho tất cả đường sá trong thành Xá-vệ, làm cho nơi ấy bằng phẳng, không có cao thấp, hai bên đường có bảy loại cây báu thẳng hàng, ở giữa mỗi cây có bảy ngọc nữ, đều hiện ra nửa thân, để tấu lên âm nhạc. Những ngọc nữ ấy dung nhan xinh đẹp, dáng dấp, mặt mày tươi sáng như sắc hoa, đôi mắt như ngọc châu sáng, đoan nghiêm xinh đẹp lạ thường, giọng nói trong trẻo, lời lẽ dịu dàng để ca ngợi Bồ-tát Nhu Thủ phước đức vô lượng, thanh tịnh thuần nhất, các hạnh đạo đức, phẩm chất của Bồ-tát; đặt lư hương để đốt hương mật ở cõi trời, đặt nhiều hoa xen nhau để cúng dường." Bấy giờ, phía bên trái của đạo tràng có các loại độc như: ong, trùng, trăn, rắn độc, muỗi vằn, ong chích, bò cạp…, ngay lúc ấy bỗng nhiên chúng bị tiêu diệt hết các tánh của loài thú dữ, trở lại hiền lành, chim chóc tụ tập, bay quanh đua hót.

Khi ấy, Bồ-tát Nhu Thủ vì vô số trăm ngàn Bồ-tát và chư Thiên, loài người vây quanh nơi ấy, mà hiển hiện uy nghi vô lượng ánh sáng như mặt trời vừa mới mọc trên núi cao, như ánh trăng tròn ở giữa các vì sao, như núi Tu-di khác với các ngọn núi khác, như sư tử xuất hiện trong rừng sâu, dung nhan rực rỡ tiến tới. Bồ-tát vừa mới đặt chân vào cửa thành thì khắp nơi chấn động.

Bấy giờ, nơi ấy tất cả đều kinh ngạc, những thứ âm nhạc ở nơi ấy lần lượt tự vang lên, đều nói lên đây là điềm lành lớn gì vậy, điều này chưa từng có, hay là Phật sắp vào thành nên có cảm ứng chăng? Cả nước, người lớn, nhỏ đều vừa kinh sợ vừa hoan hỷ, tâm hớn hở vui mừng, cung kính vô cùng, hoặc lên trên lầu gác, hoặc trèo trên tường vách, hoặc nhìn qua cửa sổ, hoặc ra khỏi cửa và cùng nhau vui mừng, hướng về Phật mong thấy sự thần dị. Khi ấy, vua Ba-tư-nặc cùng với hoàng hậu và tám ngàn người thể

nữ trong cung điện, các thái tử, quần thần, quyến thuộc, một vạn người tùy tùng đi theo đều hết sức vui mừng hớn hở.

Trong một khoảnh khắc, Bồ-tát Nhu Thủ bỗng nhiên đi đến, được các Bồ-tát và trời, người tôn quý hộ vệ, đầy đủ các tướng xinh đẹp, tôn nhan đẹp đẽ, ai thấy cũng đều vui thích, cùng nhau đảnh lễ. Những người đến đó, trong ấy có người rải hoa, hoặc đốt hương thơm, hoặc trải y báu, tâm rất cung kính, chiêm ngưỡng vô cùng. Lúc ấy, Bồ-tát Nhu Thủ liền đi vào trong thành trước, các Bồ-tát tôn quý, trời, thần có thế lực, đều im lặng cung kính, đi theo để nhìn thấy sự thần biến, lại muốn thọ nhận lời dạy của Bồ-tát.

Bấy giờ, Bồ-tát Long Thủ thấy Bồ-tát Nhu Thủ có vô số chúng sinh vây quanh, uy nghi, đẹp đẽ oai nghiêm và cùng nhau đi vào trong thành nên thưa Bồ-tát Nhu Thủ:

–Vì việc gì mà đến?

Bồ-tát Nhu Thủ trả lời Bồ-tát Long Thủ:

–Tôi đến thành này là muốn đi khất thực. Vì thương mến và nghĩ đến lợi ích của họ, vì muốn cứu giúp thế gian và tất cả trời, người nên thị hiện đi khất thực, để dẫn dắt mọi người được thành tựu lớn.

Bồ-tát Long Thủ hỏi:

–Vì sao? Thưa Bồ-tát Nhu Thủ, đến nay, đối với việc khất thực, ngài chưa dứt được tưởng chăng?

Đáp:

–Thưa thiện nam! Tôi đoạn dứt rồi. Đối với hữu kiến nên tưởng về đi khất thực, đạt đến vô kiến thì không đoạn cũng không bị đoạn. Đó là khất thực thanh tịnh của Bồ-tát. Vì sao? Này Bồ-tát Long Thủ! Nếu vậy thì tất cả các pháp không đoạn không bị đoạn. Ví như hư không, không đoạn không bị đoạn. Do đó nên nói không thể đoạn, đều là cảnh giới cuối cùng của Ma, Phạm. Tất cả mọi nhà và các vua Phạm chí, cùng thứ dân cũng không thể đoạn. Vì sao vậy Bồ-tát Long Thủ? Vì các pháp ấy giống như hư không, vốn là không, vốn không thật có, không phát khởi, không lay động, không giữ gìn, không đạt được. "Không" vốn không đạt được, cũng không có chỗ nắm giữ, cũng không thể nắm bắt được. Nói tóm lại, tất cả các loại và các pháp khác ở đời, ngoại đạo, tà thuật đều là không thật có, không nắm giữ, không nắm bắt được, cũng không thể đạt được. Các pháp như vậy đều không thể nắm bắt được, cũng không thể giữ gìn. Do nó vốn là không, cho nên không thể đoạn.

Hỏi:

–Vì sao? Thưa Bồ-tát Nhu Thủ! Đại Bồ-tát sẽ làm oán địch với các ma chăng?

Đáp:

–Thưa Bồ-tát Long Thủ! Pháp vốn không có tranh chấp, nên không thấy Bồ-tát và các ma đấu tranh. Nếu Bồ-tát và các ma ấy là oán địch là do khởi lên cái tưởng chấp có pháp, nên có chiến tranh, Bồ-tát liền khiếp sợ. Vì sao như vậy? Vì Bồ-tát tự mình lo sợ. Này Bồ-tát Long Thủ, ví như ảo thuật gia biến hóa ra các vật. Các vật do hóa hiện, như vậy nên không có khiếp sợ. Này Bồ-tát Long Thủ, Bồ-tát hiểu rõ pháp vốn không, không chấp trước vào các pháp hữu vi thì không sợ hãi. Nếu Bồ-tát có sợ hãi thì Bồ-tát ấy không làm ruộng phước cho đời. Vì Bồ-tát này không hiểu rõ về pháp Không, nên tự mình khởi tâm khiếp sợ.

Lúc ấy, Bồ-tát Long Thủ hỏi:

–Bồ-tát Nhu Thủ, Bồ-tát có thể chứng đạo chăng?

Đáp:

–Bồ-tát có thể chứng đắc đạo.

Bồ-tát Long Thủ hỏi:

–Vì sao? Thưa Bồ-tát Nhu Thủ! Ai là người có thể chứng đắc đạo?

Đáp:

–Không tên, không họ, cũng không danh hiệu và cũng không có xứ sở, vĩnh viễn cũng không có nơi chốn, cũng không có thủ đắc. Đó có thể đạt được đạo.

Hỏi:

–Làm thế nào Bồ-tát sẽ đạt được đạo?

Đáp:

–Này Bồ-tát Long Thủ! Nếu có Bồ-tát muốn đạt đến đạo thì không còn phát tâm, không nghĩ về đạo, cũng không tưởng về đạo tràng, không nhớ nghĩ về cõi người, tâm cũng không có xứ sở, không có nhớ nghĩ, không có thủ đắc, cũng không chấp trước và cũng không có kiến chấp. Bồ-tát thực hành như vậy mới có thể chứng đắc được đạo.

Hỏi:

–Xuất phát từ động cơ nào mà có phát đạo tâm?

Đáp:

–Thưa Bồ-tát Long Thủ! Tôi không phát tâm, cũng không nên phát. Lại nữa, không nên phát "Vô phát hay bất phát". Hơn nữa tôi cũng không

đạt đến đạo, cũng không nhớ nghĩ đến đạo tràng, không ngồi bên gốc cây Bồ-đề, không chứng đắc đạo, không chuyển bánh xe chánh pháp, cũng không hóa sinh trở lại nẻo của loài sinh tử. Vì sao? Này Bồ-tát Long Thủ! Vì các pháp đều là không thật có, không động không lay, không xuất không nhập, cũng không có chỗ nắm bắt vì nó vốn là không, cho nên tôi dùng pháp này mà có thể chứng đắc đạo.

Hỏi:

–Thưa Bồ-tát Nhu Thủ! Đây là sự giảng nói đạt đến chánh pháp Vô thượng không thể sánh bằng ư?

–Đối với các pháp ấy mà biết rõ các pháp như vậy, thì đó là thoát khỏi tất cả phiền não. Họ đã giải thoát những phiền não ấy rồi, nếu muốn thoát khỏi ma Ba-tuần vĩnh viễn thì cũng không thể thoát khỏi ma Ba-tuần.

Hỏi:

–Chẳng phải có thể thoát khỏi ma Ba-tuần. Vì sao vậy? Vì các ma ấy cũng là đạo. Vì sao? Vì ma và ma trời đều vốn là không, không thủ không đắc, không tưởng không niệm, do lời nói này nên ma cũng là đạo. Vậy, vì sao gọi là đạo?

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Đạo ư? Này Bồ-tát Long Thủ! Ở trong tất cả, tất cả cũng là đạo. Đạo giống như hư không, thể của đạo thì rộng lớn, vắng lặng sâu xa, dung chứa hết tất cả, đầy đủ khắp mọi nơi, cũng không có giới hạn. Bồ-tát Long Thủ này, đạo là tất cả, tất cả là đạo. Đó là đạo Vô thượng chân chánh vốn là không.

Hỏi:

–Bồ-tát Long Thủ muốn đắc đạo chăng?

Đáp:

–Tôi muốn chứng đắc nhưng không thể đạt được đạo.

Hỏi:

–Muốn đắc đạo đâu phải là việc đùa giỡn? Vì sao? Như Bồ-tát Long Thủ đã nói; muốn chứng đắc không thể đạt được đạo, đạo gì có thể chứng đắc ư? Nếu đạo có thể chứng đắc là đạo có nơi chốn. Ví như có người khởi lên suy nghĩ: "Ta làm cho người huyễn hóa ngồi nơi cây Bồ-đề cho đến khi thành Chánh giác." Lời nói như vậy có phải chỉ là tiếng vang chăng? Người huyễn hóa ấy cũng không thể nắm bắt được, cũng không cùng các pháp có hợp có tan, cũng không có chỗ chấp trước, do vốn là không. Này Bồ-tát Long Thủ! Tất cả các pháp như huyễn như hóa, dấy lên tưởng niệm muốn

đắc đạo chăng?

Lại nữa, Như Lai giảng nói các pháp vốn là không, không suy nghĩ, không mong muốn, không chỗ chấp trước. Biết rõ điều ấy mới chứng đắc được đạo, các pháp không có chỗ hội nhập, cũng không có chỗ hủy hoại. Pháp không cùng với pháp có hợp có tan, huống chi là pháp cùng với pháp nên có hủy hoại ư? Pháp không có phù hợp cũng không ly tán. Vì sao? Này Bồ-tát Long Thủ! Các pháp không hòa hợp vì nó vốn là không, đều là vô ngã. Lại nữa, như hư không cũng không thật có, không có hình tượng, không nhớ nghĩ, không động, không lay cũng không hý luận nơi hành. Các pháp vốn là không, vắng lặng như hư không, như huyễn, như mộng, không ví dụ, không so sánh. Các pháp như vậy không điều gì mà sánh bằng, cũng không có hình tượng.

Mọi người đã đến lắng nghe Bồ-tát Nhu Thủ nói pháp vi diệu, hết sức vui mừng, tâm không nhàm chán, khát ngưỡng cung kính, chuyên tâm thọ nhận. Khi giảng nói pháp sâu xa vi diệu như vậy rồi, thì có tám vạn Bồ-tát chứng đắc pháp không thoái chuyển và vô lượng trời, người đều phát tâm vô thượng.

Bấy giờ, Bồ-tát Long Thủ nói với Bồ-tát Nhu Thủ rằng:

–Lành thay, lành thay! Bồ-tát Nhu Thủ ưa thích giảng nói pháp vi diệu sâu xa này, thật là điều chưa từng có, vì chính tôi đã nhờ nơi đó mà lãnh hội được pháp yếu này. Hôm nay, mới biết rõ là mình mới hiểu được đạo.

Bồ-tát Như Thủ nói:

–Này thiện nam! Pháp không có lời lẽ, cũng không có thấy nghe, không nói sâu xa, lại không nói cạn cợt. Do đó, cũng không có đắc đạo Vô đắc, bất đắc. Vì sao? Này Bồ-tát Long Thủ! Suy nghĩ muốn đắc đạo tức là có tưởng hý luận về việc hành hóa ư? Nếu thọ nhận thì rơi vào nẻo kiến chấp về vọng, khiến cho Bồ-tát nói pháp có sâu, có cạn ư? Tôi không có chỗ hý luận, còn pháp thì không có lời lẽ, không có tuyên truyền, không có chỗ hiện bày, cũng không thể nói năng, các pháp vốn là giả.

Lại nữa, này Bồ-tát Long Thủ! Ví như có người nói rằng: “Tôi huyễn hóa giảng nói biết pháp rộng lớn.” Huyễn hóa ấy không biết nói nên nói là biết chăng? Huyễn hóa ấy duyên vào điều này nên khởi lên cái tưởng tranh chấp. Vì sao? Vì huyễn hóa nên không biết, không có thể là chỗ giảng nói.

Như vậy, này Bồ-tát Long Thủ! Các pháp vốn là không, đều là không thật có, cũng không có xứ sở.

Này thiện nam! Nên biết rõ điều như vậy, gọi là đầy đủ pháp hành.

Khi ấy, Bồ-tát Diệu Tâm với thần thông thông suốt, nghe thấy Bồ-tát Nhu Thủ ở nơi khác đang bàn pháp tối thượng cho Bồ-tát, nên đi đến nơi ấy, thấy hội đạo tràng lớn, liền vui mừng tán thán:

–Lành thay, lành thay! Các bậc đầy khắp trong chánh hội như Chánh sĩ, Đại sĩ ở nơi ấy bàn nói điều gì?

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Này thiện nam! Đối với pháp thâm yếu của Đức Như Lai mà đạt được là không có tên Chánh sĩ, Đại sĩ. Lại nữa, Bồ-tát không tự nói ta là Bồ-tát Chánh sĩ, Đại sĩ. Lại nữa, người có vọng tưởng ở theo chúng hý luận mới tự xưng là Bồ-tát, là Đại sĩ, là bậc giảng nói về pháp.

Này Diệu Tâm! Âm vang có phát ra theo tiếng nói chăng? Âm vang ấy có chấp vào sự nghe của lỗ tai chăng? Đối với âm vang, pháp có đối tượng thọ trì chăng?

Bồ-tát Long Thủ nói:

–Đều không.

–Như vậy, này Bồ-tát Long Thủ! Các pháp như âm vang, không có tên gọi, không có hình tướng. Người chấp vào pháp ấy thì hành động theo hý luận, vì duyên vào sự hành động theo hý luận ấy nên có lưu chuyển, mãi mãi không hiểu rõ các pháp. Cũng như âm vang vốn là không, nhưng đối với sinh tử mà có tưởng tranh chấp, tức là khởi lên hành động tranh chấp, liền rơi vào các nghiệp. Đã ở trong nghiệp tức là có sinh tử, nên còn lưu chuyển trong năm đường, vì do không biết tất cả vốn là không.

Khi ấy, Bồ-tát Nhu Thủ nói với Bồ-tát Long Thủ:

–Này thiện nam! Như Đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo: "Này các Tỳ-kheo, các ông không nên chấp vào các hý luận mà thích thú nơi tưởng hành. Vì các ông, mà ta dạy về hạnh vắng lặng, hãy nhớ nghĩ đến Thích Sư Tử giảng nói pháp như vậy, chuyên tâm nhất niệm lãnh hội tùy thuận nơi pháp, nhập vào hạnh nhẫn, tất sẽ không còn chấp trước."

Này thiện nam! Bồ-tát ấy đã hiểu rõ và thuận theo lời nói này, biết rõ sự thanh tịnh của bản vô, biết rõ sự vắng lặng như vậy, thì mới thoát khỏi năm nẻo sinh tử lâu dài.

Bấy giờ, Bồ-tát Long Thủ hỏi:

–Ai ở trong sinh tử mà được giải thoát?

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Này thiện nam! Vì sao gọi là Như Lai đối với sinh tử như biến hóa mà giải thoát? Mà lại có quá khứ, vị lai và hiện tại? Như vậy này Bồ-tát

Long Thủ, bậc Thánh Sư tử lựa dùng lời nói cốt yếu này mà hóa độ sinh tử.

Hỏi:

–Như Thế Tôn đã giảng dạy là các pháp như huyễn hóa. Lại nữa, Ngài cũng nói các pháp đều là không thật có. Do lời nói này mà tất cả chúng sinh sẽ được thành tựu đạo Vô thượng Chánh giác chăng?

Đáp:

–Này Bồ-tát Long Thủ! Nếu tất cả chúng sinh biết như vậy, đây mới là đạt được lời dạy cốt yếu của đạo. Cho nên, ta không nói pháp, pháp không nói năng, không nhớ nghĩ, không thọ không trì, không được không mất, không lời không lẽ. Vì sao? Vì các pháp là không chỗ nắm giữ, cũng không có chỗ "Có", không niệm, không thức, không có xứ sở. Lại nữa, biết tất cả các pháp như huyễn như hóa, đều là không thật có, nên nhờ đó mà chúng sinh đạt đạo Bồ-đề.

Này Bồ-tát Long Thủ! Ví như một vị thầy huyễn hóa đã biến hóa ra người huyễn, người huyễn hóa đó có biết rõ nguồn gốc của mình, là do biến hóa ra? Đối với các pháp không có sự hóa, cũng không có chỗ trụ. Khắp cả thế gian, Trời, Rồng, Quỷ thần, Ma, Phạm thiên, Sa-môn, Phạm chí…, đến đời sau cũng không thể khiến cho người huyễn hóa đối với sự biến hóa ấy mà có tưởng bền chắc. Vì sao? Vì người huyễn sĩ ấy tự thông đạt chỗ biến hóa, hóa ấy vốn là không, không huyễn, không hóa, đều là không thật có. Người huyễn biết rõ tất cả là do biến hóa làm mê hoặc. Đối với không thật có, mà lại khởi lên có tưởng có, vô thường tưởng là thường, vô ngã tưởng là ngã, nên chấp có tưởng niệm, mong cầu pháp vô tưởng, vọng niệm không có sắc an trụ, đều là không thật có. Vì không biết nguồn gốc, chẳng rõ là "không", nên cứ nối nhau trong vòng sinh tử. Nếu có biết rõ nguồn gốc các pháp, thì tất cả chúng sinh ấy đối với giáo pháp của Đức Phật không còn thoái chuyển trở lại, mà đó thành Chánh giác. Vì sao?

Này Bồ-tát Long Thủ! Do chúng sinh ấy đều ở trong giáo pháp của đạo Chánh giác, cho nên tất cả chúng sinh đối với giáo pháp của Phật mà không còn ngăn ngại. Vì thế, chúng sinh đều an trụ trong giáo pháp của Phật, nhưng tâm của chúng sinh không có giác ngộ các pháp vốn là không, không danh, không thức, không có chỗ trụ, không hành hý luận, không vin dựa, không chấp trước, tịch tĩnh như hư không, cũng không có sinh tử, thanh tịnh vô thượng, cũng không có chỗ sinh, lại không có Pháp thân, đã chấp nhận đối với pháp thâm sâu thì không xa lìa pháp Phật. Vì sao?

Này Bồ-tát Long Thủ! Pháp của chư Phật hoàn toàn không thể dùng tưởng, hành mà đạt được. Nếu có tưởng ấy thì có lời lẽ, có giảng nói, có

tuyên thuyết, có truyền bá, thì không thể đạt được giáo pháp của Phật.

Khi ấy, Bồ-tát Long Thủ nói với Bồ-tát Nhu Thủ:

–Lành thay, lành thay! Nhân giả nói rất hay về pháp không nghĩ bàn, ai sẽ tin là tất cả chúng sinh này không lìa pháp của Phật?

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Này thiện nam! Hàng đệ tử của Đức Thế Tôn giữ vững niềm tin về giáo pháp. Địa thứ tám và Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát, vị không thoái chuyển và các bậc không lay chuyển…, các Bồ-tát ấy đã an trụ vào pháp "Không hành", thanh tịnh, như vậy chư vị sẽ tin nhận. Vì sao?

Này Bồ-tát Long Thủ! Các Bồ-tát thực hành như vậy, phải tự thệ nguyện: "Quyết định nối tiếp sự nghiệp lớn, tôi sẽ ngồi kiết già nhập định không bao giờ lay động, cho đến chứng đắc đạo Vô thượng Chánh giác. Nhất định, vào tương lai sẽ đến trước tất cả chư Thiên, Rồng, Quỷ thần, thành tựu đạo lớn, rống lên tiếng rống Sư tử." Vì sao? Này Bồ-tát Long Thủ! Bồ-tát biết rõ pháp Không không có tưởng, hành; trụ vững như ngưỡng cửa, bền chắc như núi Tu-di không hề lay động.

Như vậy, này Bồ-tát Long Thủ! Bồ-tát ấy an trụ vào pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, tất cả chúng sinh không thể lay động. Lại nữa, Bồ-tát này ở nơi cây Bồ-đề, cho đến đạo tràng không thể lay động.

Hỏi:

–Thưa Bồ-tát Nhu Thủ! Vì sao gọi là nơi đạo tràng Bồ-đề?

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Này Long Thủ! Vì sao gọi là chỗ biến hóa của Đức Như Lai ngồi nương vào chỗ biến hóa đó, thế nào là các pháp giác ngộ của Như Lai hóa hiện và hiện thần thông hóa độ thuyết pháp? Vậy ai là Đức Như Lai? Người biến hóa là ai?

Bồ-tát Long Thủ đáp:

–Tôi không còn thấy chỗ hóa hiện của Như Lai và hình tượng của Pháp thân, huống chi là sự hóa hiện lại hiện ra oai thần, hay là chỗ giảng nói pháp và chỗ biến hóa. Tất cả như biến hóa, bản không cũng biến hóa, biến hóa ấy cũng là biến hóa, cũng như biến hóa.

Bồ-tát Nhu Thủ khen:

–Lành thay, lành thay! Này Bồ-tát Long Thủ! Vì tôi mà nói ra pháp ứng thuận, vì mọi người mà giảng nói pháp nhẫn vô chấp vi diệu sâu xa ấy, chính là giảng nói pháp Vô thượng không gì sánh bằng.

Lúc ấy, Bồ-tát Long Thủ nói với Bồ-tát Nhu Thủ:

–Khi giảng nói pháp cốt yếu vi diệu này cũng không khởi lên sự hành động, cũng không hội nhập vào nhẫn. Vì sao? Này Bồ-tát Nhu Thủ! Vì các pháp vốn là thanh tịnh, tướng của nó vốn là không, không có xứ sở, cũng không có luân hồi, không hình sắc, không ảnh tượng, các pháp đều bình đẳng như hư không.

Như thế, này Bồ-tát Nhu Thủ! Có được pháp ấy thì phải khởi lên pháp nhẫn. Như Lai biến hóa đạt được pháp nhẫn như ảnh trong gương, như tiếng vang trong núi, như giấc mộng, như sóng nắng, như bọt nước, như thân cây chuối, cũng đều sẽ thành tựu được pháp nhẫn ấy. Vì sao? Vì nhẫn ấy đều là không như hư không, người ấy đều không khởi lên pháp nhẫn. Lại nữa, nhẫn cũng không khởi, cũng không nên khởi.

Lại nữa, nhẫn ấy cũng không phải là chỗ này, chẳng phải là chỗ kia, cũng không ở chính giữa. Đấy mới là an trụ vào nhẫn vô thượng không gì sánh bằng. Như vậy, Bồ-tát đối với trí tuệ này, tâm không lo sợ, không nghi ngờ, cũng không kinh ngạc, Đại Bồ-tát này lại ứng hợp với hạnh pháp nhẫn vô thượng.

Các bậc Bồ-tát thần thông trong mười phương nghe Bồ-tát Nhu Thủ giảng nói pháp vi diệu sâu xa, thảy đều vui mừng, mau đạt được định này.

Lúc ấy, Bồ-tát Nhu Thủ vì Bồ-tát Long Thủ mà nói:

–Vì sao? Này thiện nam! Bồ-tát ấy do hạnh không chấp mà được nhập vào pháp nhẫn chăng?

Đáp:

–Này Bồ-tát Nhu Thủ! Nếu có Bồ-tát đã tưởng niệm về chỗ hướng đến thì chấp vào hành và nói: "Tôi hiểu biết sâu rộng, cho rằng mình thông đạt hiểu rõ pháp nhẫn, tôi đã đạt được đạo…" Người nói những lời ấy đều chấp vào hành.

Bồ-tát Nhu Thủ lại hỏi:

–Bồ-tát tu hành như thế nào để đạt được đạo?

Đáp:

–Đối với các pháp đều không có chỗ hội nhập, không nhớ nghĩ các pháp, biết rõ các pháp là không, các pháp ấy dựa vào nhân duyên, vốn là không, đều là không thật có. Hạnh Bồ-tát này ứng hợp với đạo nhẫn. Hạnh này là không có chỗ thực hành, như người ngủ say, hành động trong mộng.

Bồ-tát Long Thủ lại nói:

–Nhưng người mộng, không đi đến đâu cũng không có sự đi, cũng

không có đi đến, không đứng ngồi. Người này khi tỉnh mộng rồi thì hiểu tin rằng mộng không thật nên không còn nắm giữ, không xả bỏ, hoàn toàn không chấp trước, không ảnh tượng, không hình tướng, không xứ sở cũng không thật có, nó như hư không. Này Bồ-tát Nhu Thủ, hạnh của Bồ-tát nên không có chỗ nắm giữ, cũng không có nẻo nhập, giống như hư không, vốn là không, không hành động hý luận. Đây là ruộng phước vô thượng của đời, đáng thọ nhận tất cả sự cúng dường mới làm bậc Đạo sư vô lượng, là ruộng phước tối thắng, là ứng hợp với hạnh pháp nhẫn tối thượng.

Đại chúng trong hội vui mừng cung kính, đều cầm hoa báu để rải trên Bồ-tát Nhu Thủ, chiêm ngưỡng vui mừng vô cùng.

Bấy giờ Bồ-tát Long Thủ nói với Bồ-tát Nhu Thủ:

–Nhân giả, chúng ta nên đi vào thành để khất thực.

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Vâng, nhân giả hãy đi. Khi đã khất thực, các vị ấy đều vô niệm, giơ chân lên bỏ chân xuống, bước đi đều vô niệm. Dù có lay động cũng không chỗ, không trụ và cũng không đi, không co không duỗi, vô tâm vô niệm, không có chỗ bước đi, đi không có chỗ tưởng, cũng không có tưởng về thành, không có tưởng trên đường đi, lại cũng không có tưởng về thành vách, xóm làng, xã huyện, cũng không có dặm đường ngõ ngách, không có tưởng về nhà ở, cũng không có niệm về cửa ngõ, không nghĩ về nam nữ, cũng không có tưởng về huyễn hóa, đều không có tâm tưởng về hành nên là vô niệm. Vì sao? Vì pháp hành ấy là như vậy, cũng không có chỗ chấp trước, không màu sắc, không ảnh tượng, không sinh không diệt, đều không có các tưởng. Như vậy, này Hành giả đó chính là khất thực vô thượng của Bồ-tát, là đạo hạnh cốt yếu thanh tịnh vắng lặng.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Long Thủ bỗng nhiên ở chỗ ấy nhập định Tam-muội chánh thọ như biển đức của định ấy thì ví như biển lớn vắng lặng không lăn tăn, trong vắt chỉ có thuần một vị, đáy biển sâu rộng không thể đo lường, ngọc báu anh lạc có đầy khắp nơi, mà biển thì sâu rộng mênh mông bao la, hàm chứa vạn vật to lớn rộng rãi, không bờ không bến, nước lớn tràn đầy. Các đức ấy làm cho thần, rồng đều cư ngụ ở đó, là chỗ nuôi lớn thể chất của chúng sinh.

Như vậy, này Bồ-tát Long Thủ! Các Bồ-tát nhờ nơi Tam-muội chánh định như biển ấy, đã trụ vào yếu chỉ đó không thể lay động. Này Bồ-tát Long Thủ! Khi Bồ-tát dùng biển Pháp thân thâu tóm tất cả đạo mầu, trí tuệ và ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, khắp mười phương đều nương vào đó mà trưởng thành, ứng hợp với pháp vi diệu vô thượng. Vì không lay động,

không còn lời nói về sự hành hóa, nên biết người như vậy thì đạt được địa định hành không còn thoái chuyển.

Bấy giờ, Bồ-tát Diệu Tâm muốn làm lay động chỗ ngồi Tam-muội chánh định như biển của Đại sĩ Long Thủ nhưng dùng hết thần lực vẫn không thể lay động được. Khi ấy, tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động sáu cách mà thân của Bồ-tát Long Thủ và chỗ ngồi cũng không có lay động. Vì sao? Vì Bồ-tát Long Thủ ấy đã an trụ không lay động, an trụ vào không nơi chốn, trụ đều là không thật có, trụ không có tưởng niệm, trụ không có hý luận nơi hành, trụ không tranh cãi, trụ không có ngôn từ, trụ không có chỗ trụ. Đó gọi là trụ của đạo.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Long Thủ từ định xuất ra, cung kính hướng về Đức Như Lai, không sự chấp trước, bình đẳng Chánh giác, mưa xuống hoa Câu-văn rải khắp Đức Thế Tôn và tán thán:

–Xin quy y với Đức Phật Thiên Trung Thiên, khiến cho tất cả các hội Bồ-tát, các chúng Đại sĩ, các Đại thiên tôn quý và rồng, quỷ thần trong mười phương đều đến nghe pháp như vậy, giảng nói trí tuệ vi diệu sâu xa, yếu chỉ vô thượng, vì không lệ thuộc, chấp trước, không giảng nói về luân hồi, vì vốn là không, vắng lặng rộng lớn.

Khi ấy, Bồ-tát Diệu Tâm nói với Bồ-tát Long Thủ:

–Nhân giả có biết mặt đất chấn động sáu cách không?

Bồ-tát Long Thủ đáp:

–Này thiện nam! Người có động thì mới biết là mặt đất chấn động. Lại vì chấn động bốn phía trên dưới, tuy biết nó động nhưng lại bất động. Lại nữa, như chư Phật Thế Tôn, Đại Bồ-tát, vị không thoái chuyển, cả thế gian trong khắp mười phương cũng đều chuyển động, nhưng đâu có thể làm lay động chỗ tôn quý ấy. Xem xét các chúng Thanh văn, Duyên giác,… họ tuy đã lìa động nhưng chưa hiểu rõ vốn là không, đang ở nơi đất của sự chuyển động mà tự cho rằng là không động. Nếu biết rõ vốn là không, đang ở nơi đất thì đối với các pháp vĩnh viễn không còn lay động, không niệm không chấp. Như vậy này Diệu Tâm, Bồ-tát đó dùng hạnh Không, Vô tướng, Vô nguyện đối với pháp cốt yếu thanh tịnh không có lay động. Đó mới chính là hoàn toàn vắng lặng an ổn không lay động.

Nhu Thủ lại hỏi Bồ-tát Long Thủ:

–Có thể đi vào thành khất thực ư?

Đáp:

–Này Bồ-tát Nhu Thủ! Hôm nay, tôi đã biết rõ trí tuệ khất thực tối

thắng vô thượng. Vì sao? Vì duyên vào nơi ấy mà đạt được Tam-muội chánh định như biển, nên mới biết rõ. Vì chứng đắc đạo Vô thượng bình đẳng Chánh chân giác, vì ở trong sinh tử mà khởi bày Phật sự, chuyển bánh xe chánh pháp để cứu độ chúng sinh, luôn làm nhân duyên cứu giúp, để xa lìa nguồn gốc cấu uế. Đúng vậy, này Bồ-tát Nhu Thủ, như tôi gặp Hiền giả là sớm gặp được Thiện hữu vô thượng, từ lâu đã mong gặp, tâm rất vui mừng, thành tựu đức lớn, tự mình vui mừng.

Này Bồ-tát Nhu Thủ! Đối với tôi, sự che chở của ngài là đệ nhất, vô lượng độ thoát của ngài là đệ nhất, không cấu uế, rộng lớn vi diệu, tốt đẹp của ngài là đệ nhất, cũng là đệ nhất tối thượng không thể nghĩ bàn. Nguyện cúi đầu cung kính năm vóc sát đất, lễ bái bậc nhất vô thượng Tiên thánh cam lồ.

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Lành thay, lành thay! Này Nhân giả Long Thủ! Vì đã chứng đắc nên thông hiểu được các pháp như sóng nắng, mộng huyễn, ảnh tượng, tiếng vang, pháp ấy không tiếng gọi, không hình tướng, đều là không thật có. Từ nay về sau Nhân giả mới có thể thừa tự giáo pháp Vô thượng Đại đạo chẳng thể nghĩ bàn, nhờ chứng đắc Tam-muội chánh định như biển, nên mới ứng hợp như vậy. Nên biết, vị này ngang với bậc Nhất sinh bổ xứ. Đó gọi là trí tuệ biện tài của Bồ-tát, đạt được điều đó giống như pháp vi diệu sâu xa, định như biển thì xa lìa được các tưởng. Nhân giả có thể đi vào thành khất thực.

Bồ-tát Long Thủ đáp:

–Suy nghĩ ngang với đức ấy nên cùng đi với Nhân giả, hai bậc Thánh cùng đi chẳng nên hay sao?

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Tôi không có chỗ đi, cũng không có chỗ đến, lại không có tiến tới hay dừng nghỉ, không có đi cùng bạn bè, không đứng không ngồi, lại cũng chẳng đi, đi không có chỗ đến, đến cũng không có nguyên do, trụ không có xứ sở, ngồi cũng không có chỗ chiếm cứ, đi không có nẻo hướng đến. Ví như Bồ-tát Long Thủ, Như Lai hiện hóa, do có đi đến, ngồi, đứng, nằm, ngủ, thức chăng? Hóa là giả nên không có nơi đi đến, ngồi ngủ. Tôi đối với các pháp cũng như vậy, không trụ chẳng trụ, không khởi chẳng khởi, cũng không đã khởi, không khởi bên trong, cũng không sẽ khởi, cũng không vừa khởi.

Bồ-tát Long Thủ đáp:

–Như Nhân giả đã nói đây là lời giảng nói mà cả thế gian rất khó tin.

Ai sẽ tin Nhân giả tuệ cốt yếu này?

Đáp:

–Này Bồ-tát Long Thủ! Nhân giả nên lắng nghe! Lẽ nào vì người không có mắt mà giơ cao cây đèn? Đốt ngọn đuốc chỉ vì người sáng mắt. Như pháp vi diệu sâu xa này, chính vì hướng đến Đại Bồ-tát thông đạt thấu triệt sâu xa, họ mới có thể tin nhận đạo cốt yếu và hiểu rõ đạt đến tuệ cốt yếu này. Khi ấy, hành giả hiểu rõ tất cả vốn là "không", các Bồ-tát này đã ứng hợp với những vị tu phạm hạnh thanh tịnh vô thượng sâu xa, nên gặp được bậc Chánh sĩ, trụ vào pháp thâm sâu. Đối với những người tin pháp, thọ pháp, trì pháp, thuyết pháp ở nơi vườn Nai, đã chuyển bánh xe chánh pháp, ứng hợp với Hiền thánh cũng là bậc Đạo sư, ban cho con mắt sáng, làm thích hợp với vô lượng người cường tráng mạnh mẽ. Đây là pháp vô thượng tối thắng.

Khi Bồ-tát Nhu Thủ nói ra lời ấy, trong đại chúng có tám vạn Bồ-tát đều đạt được pháp Nhẫn vô sinh.

Khi ấy, Bồ-tát Diệu Tâm ở trước đại chúng hết sức vui mừng, chắp đôi tay báu, tâm cung kính hướng về Thế Tôn tán thán và tán thán Bồ-tát Nhu Thủ. Tán thán xong hoan hỷ nói:

–Con xin tự quy y với chư Phật là bậc Thánh tuệ thông đạt, phá tan đám mây của sự ngủ mê, đập nát nguồn gốc của ngu si, thoát khỏi các thứ điên đảo, trừ sạch lưới nghi ngờ, thuận duyên vào con đường giác ngộ, đạt đến bậc Thánh vô thượng. Con tự quy y với pháp; pháp ấy là pháp thù thắng, là pháp đối trị, nhằm cứu giúp các thứ bệnh hoạn, mù, điếc…, cắt triệt vòng sinh tử, diệt trừ các thứ ô uế, tẩy sạch tâm cấu nhiễm, thông suốt con đường mê hoặc; pháp là vô thượng, tu tập theo thì hoàn toàn giải thoát. Các vị Bồ-tát từ lâu đã thực hiện phạm hạnh, thuộc hàng Tiên thánh sáng suốt thanh tịnh vô thượng, các bậc đại thần thông nguyện hiển bày công đức ấy, đệ tử của bậc Vô thượng ở đây là bậc Thánh chúng đạt chánh tín, chứng pháp vi diệu sâu xa. Hôm nay, con xin quy y theo các vị ấy.

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Này Diệu Tâm! Nếu không giải thoát, thì sẽ đạt đến đạo quả Vô thượng đẳng giác.

Hỏi:

–Vì sao? Thưa Bồ-tát Nhu Thủ, ai không được giải thoát?

Đáp:

–Ai còn chấp giữ, thì sẽ cầu giải thoát. Như vậy, này Diệu Tâm, Pháp

là không có chấp giữ cũng không lệ thuộc. Lại nữa, này thiện nam, pháp không giải thoát cũng không chấp giữ, vậy ai có giải thoát? Không trói không mở, các pháp không nắm giữ, không lấy, không bỏ.

Như có người nói với người huyễn rằng:

–Này thiện nam! Người đã thoát khỏi sự nắm giữ, đi vào giải thoát.

Người huyễn đáp:

–Tôi chẳng phải nam, cũng chẳng phải phàm phu, tôi không có sự nắm giữ, nên làm gì có chỗ giải thoát?

–Như vậy, này Diệu Tâm! Đạo không có chấp giữ, cởi bỏ, nên quán sát đó là không, không vốn là không, thanh tịnh vậy.

-oOo-

KINH PHẬT THUYẾT NHU THỦ BỒ-TÁT VÔ THƯỢNG THANH TỊNH PHÂN VỆ

QUYỂN HẠ

Khi ấy, Bồ-tát Long Thủ nói với Bồ-tát Nhu Thủ:

–Đi thôi, thiện nam tử! Chúng ta đi đến phương Đông để khất thực.

Đáp:

–Này Bồ-tát Long Thủ! Huyễn hóa, sóng nắng mà có phương Đông, Tây, Nam, Bắc ư? Tôi đối với Nhân giả còn không thể nói, huống gì có lời nói. Vì sao? Vì các lời nói ấy tùy theo chỗ ngài đã hỏi. Nhân giả tùy thuận nơi đó mà nói ra như pháp, mỗi mỗi đều biết rõ, không bị chướng ngại, cho nên tôi chẳng còn ngôn ngữ, chưa biết đáp lại. Phàm là người thông đạt đều không chấp lời nói, huống chi là đối với chỗ ấy mà có lời nói ư? Thế nên các pháp không có nguyên do.

Hỏi:

–Thế nào là không có các pháp?

Đáp:

–Này Bồ-tát Long Thủ! Là không có chỗ, không có người, các pháp ấy là không, chính là các pháp cốt yếu. Bằng trí tuệ ấy, mới có thể biết rõ các âm thanh kia, không có chỗ lưu truyền mới là nghĩa lý cốt yếu. Đây đâu phải đạt đến nghĩa lý cốt yếu để nói? Đây là sự nối tiếp với tưởng hành.

Hỏi:

–Chỗ hành nào có thể xa lìa các tưởng?

Đáp:

–Này Bồ-tát Long Thủ! Bồ-tát không có tưởng về sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Lại nữa, đối với pháp vốn không có sự hành, chỗ vốn không ấy, cũng không có sự hành, nhờ sự hành này xa mà lìa được các tưởng.

Khi Bồ-tát Nhu Thủ giảng nói pháp vi diệu sâu xa này, có năm ngàn Bồ-tát đạt được tuệ này, hai ngàn trời, người phát tâm Bồ-tát.

Bấy giờ, Bồ-tát Long Thủ nói:

–Tôi sẽ thoái lui, vì Bồ-tát chẳng phải là bạn của tôi.

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Tôi không đi đến cũng chẳng có bạn bè, lại không cùng với ai cả. Vì sao? Vì đạo không có bạn bè, cũng không có tưởng niệm cùng các bạn bè, lại cũng không cùng với dục hành làm bạn. Đối với pháp vốn là không, cũng không thấy bị trói buộc nơi bạn bè. Vì vốn không chấp trước, nên không nói có, có tánh của tôi, của ông, của người, có thọ mạng và pháp nuôi dưỡng thân, có nhân vật, ngôn ngữ, chỗ chấp trước và sự tạo tác việc tạo tác, hướng đến. Nguồn gốc của các pháp vốn là không có như vậy, nên cùng ai để làm bạn? Người có bạn là bị dục trói buộc.

Này Bồ-tát Long Thủ! Ví như có người thông hiểu sáng suốt, suy nghĩ rằng: "huyễn hóa của Như Lai, vật huyễn hóa của huyễn sĩ". Như vậy, hóa này và hóa kia là một hay là khác?

Nhân giả nói tôi và ông là bạn bè, ông và tôi gặp nhau, ý của Bồ-tát Long Thủ như thế nào? Người hóa kia có bạn không?

Đáp:

–Này Bồ-tát Nhu Thủ! Người do biến hóa không có bạn. Vì sao? Vì biến hóa vốn là không, đều là không thật có, không có hình tượng, không thể nắm bắt được.

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Này Bồ-tát Long Thủ! Đối với sinh tử đều không có bạn bè cũng không có chỗ trói buộc. Nếu không có bạn bè, không có trói buộc thì có phân biệt, hoặc khởi lên tưởng về bạn bè là cùng với dục khởi. Bồ-tát thấu hiểu nên biết rõ về tưởng của bạn bè. Vì sao? Vì các pháp ấy như huyễn, như hóa, không bạn, chẳng phải có bạn. Lành thay! Các pháp lo sợ không tin, như giấc mộng, hình ảnh, tiếng vang. Tuy đã có đấy nhưng cũng lại như không. Do tưởng, thức không an, không có nơi chốn, không nắm giữ, không ý, không niệm đều là không thật có, đã xa lìa các niệm ở trong niệm và vô niệm nên vốn là vô niệm.

Hỏi:

–Này Bồ-tát Nhu Thủ! Nhân giả đã từng cùng với người do biến hóa nói chuyện, đi đến, đứng ngồi, bàn luận, tư duy chưa?

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Không có.

Bồ-tát Long Thủ hỏi:

–Người huyễn có tướng mạo như thế nào?

Đáp:

–Người huyễn ấy hình tướng giống loài người, hình tướng biến hóa của người huyễn cũng như thế.

Vì sao? Vì huyễn hóa như thế cũng không thoát khỏi nơi này, lại chẳng thoát khỏi nơi kia. Sự huyễn hóa và người không khác nhau, người cũng không khác người huyễn hóa, vì người tức là huyễn hóa. Như người huyễn hóa dùng pháp huyễn hóa để hỏi việc huyễn hóa, các pháp cũng vậy.

Lại hỏi Bồ-tát Nhu Thủ:

–Nhân giả lại tự mình từng cùng người huyễn hóa cùng ngồi đứng, đàm luận, giao du, giảng nói, hiểu biết…, đứng đối diện nhau không?

Đáp:

–Thế nào? Này Bồ-tát Long Thủ! Huyễn sĩ và biến hóa cùng dục có khác chăng? Cho đến đối với tôi, Bồ-tát, người, thọ mạng, pháp tăng trưởng có khác chăng? Tôi đem lời nói huyễn hóa này, để hỏi thử nhân giả, nhận biết Đại sĩ đối với điều này có tài biện luận khác, vậy nên nêu ra pháp gì?

Bồ-tát Long Thủ nói:

–Nhân giả đã thử như thế, là nhằm thử pháp huyễn hóa của hư không. Nhân giả lại nghĩ: Huyễn hóa là có tưởng, người huyễn hóa vốn là không, không tưởng, không niệm, cũng không hình tượng, đều không thực có, đã xa lìa các niệm.

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Này Bồ-tát Long Thủ! Pháp cũng như huyễn, huyễn hóa vốn là không, "không" ấy không có hình tượng, cũng không thể thấy.

Bồ-tát Long Thủ hỏi:

–Này Bồ-tát Nhu Thủ! Các pháp không có hình tượng thì không thể thấy chăng? Như Nhân giả đã nói, tất cả Đại Bồ-tát phải làm thế nào để thọ nhận sự lễ lạy ấy để thành tựu được đạo Vô thượng chánh chân. Vậy ai biết được để thọ nhận sự lễ bái ấy?

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Thế nào? Này Bồ-tát Long Thủ! Bồ-tát đã từng đi vào trong núi sâu nghe tiếng vang, vậy ở trong núi có tiếng vang phát ra không? Tiếng vang ấy có chỗ trú chăng? Dùng nhĩ thức nào để nghe được tiếng ấy ư? Tiếng ấy có đối tượng để nói chăng? Há có duy trì được tiếng vang ấy ư? Lại nữa, cùng với ai nghe tiếng vang kia?

Bồ-tát Long Thủ đáp:

–Không thể vậy.

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Như thế thì Bồ-tát biết rõ các pháp, nếu như tiếng vang kia là không, thì tất cả các âm thanh, tiếng vang đều xa lìa các âm thanh. Nhưng Bồ-tát ấy dùng sự lễ bái này đối với đạo Vô thượng chánh chân, đối với việc ấy cũng không có nhận thọ ký.

Chư Phật, Đại Bồ-tát ở trong mười phương đều nghe Bồ-tát Nhu Thủ giảng nói, hết sức vui mừng, khen ngợi vô cùng.

Bấy giờ, Bồ-tát Long Thủ nói với Bồ-tát Nhu Thủ:

–Đúng lúc cùng đi vào thành khất thực? Hãy nghĩ đến thời gian không để bị trễ.

Đáp:

–Này Bồ-tát Long Thủ! Các pháp không trễ qua, cũng không có thời gian. Hành giả ở trong tưởng hành ấy, thì tưởng đó có thời gian hay không có thời gian? Bồ-tát thông đạt rõ ràng đối với sự hiểu biết rõ pháp "không" vốn là không, đâu có nói về thời gian hay không gian! Vậy bàn về các pháp khác thì có thời gian hay không có thời gian? Không thời gian chẳng phải thời gian mới ứng hợp với pháp luật vô thượng của Phật. Nếu dùng toán số về thời gian thì có vượt hơn tưởng về thời gian ư? Giống như đệ tử của các Đức Thế Tôn, Hiền thánh luôn tự no đủ bằng trí tuệ của đạo, tuệ không có thức tưởng, đối với tưởng và vô tưởng thực hành không có sự tạo tác, cũng chẳng có tưởng niệm, vô niệm bất niệm, nhờ trí tuệ này mà luôn no đủ. Hàng Thánh chúng của Đức Thế Tôn đều không có niệm về ăn uống, cũng không có tưởng về việc ăn uống, ăn như thế mới gọi là người ăn đích thực, đó là bậc Hiền thánh không xen vào sự ăn uống. Nếu ăn uống hoàn toàn như người ăn ấy, thì gọi là người ăn pháp cam lồ rộng lớn, bằng năng lực dùng thức ăn ấy thì có thể kéo dài mạng sống đến một kiếp hoặc hơn một kiếp. Vì sao? Vì người này hiểu rõ về hành của các pháp, nên không còn tưởng niệm, biết rõ là "không" thanh tịnh. Biết rõ như thế rồi, thì không còn phân biệt về sự mong cầu thức ăn, như hàng phàm phu chưa chứng đắc.

Lại nữa, các Đức Như Lai Vô Thượng Chánh Giác và những bậc Hiền thánh khắp nơi, có tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả lớn, ban bố lòng nhân từ thương xót nhớ nghĩ chúng sinh, nên xuất hiện ở đời. Vì muốn cứu độ sự đau khổ trong năm đường, nên hiện bày đi vào nơi quận, huyện, xóm làng khất thực để thọ nhận thức ăn. Nhưng các bậc Thánh ấy đã xa lìa những thức ăn uống, đối với ăn như không ăn, chỉ dùng trí tuệ biết rõ các chánh định, thường được no đủ, đối với sự xa lìa thức ăn uống mà cùng với người ăn uống thì sẽ bị luân hồi trong sinh tử. Công dụng của chư Phật Thế Tôn là dùng các

thức ăn thì nhận biết rõ ràng, hoàn toàn không có tưởng về thức ăn, phấn khởi, hòa nhã an nhiên giữ thân có thể như số cát sông Hằng hoặc vượt hơn số ấy. Từ lúc mới phát tâm, vĩnh viễn không còn các tưởng niệm về sự đói khát, cho đến khi sao mai xuất hiện nơi cây Bồ-đề, từ lúc ấy mới thọ nhận thức ăn. Do thức ăn này cho nên bậc Chánh sĩ và Đại trượng phu anh hùng long mãnh, cho đến bậc Sư tử, các bậc Điều nhu phu và Chúng hoa phù Chánh sĩ Tú Dị, vô vàn Liên Hoa nam tử Vô thượng Trượng phu Pháp Ngự Thiên Nhân Sư đối với chỗ nên thủ đắc, chỗ nên hiểu rõ, chỗ nên thông đạt, đều biết rõ ràng mà được no đủ. Lúc ấy tất cả đều hợp với trí tuệ, thì thành tựu được đạo tâm Vô thượng chánh chân.

Như vậy, này Bồ-tát Nhu Thủ! Tất cả Bồ-tát, các Đức Như Lai và những bậc Hiền thánh khắp nơi, đều nhờ thức ăn ấy mà được chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác, tuổi thọ có thể trụ như hằng sa kiếp, hoặc nói còn hơn đấy rất nhiều, mà các Đức Như Lai hoàn toàn không lệ thuộc. Vì sao? Vì nói bằng ứng hóa không có tưởng về ăn uống, vô niệm bất niệm, vô hợp bất hợp bậc Hiền thánh cũng chẳng có tưởng niệm về hành, luôn tùy thuận xuất ra các mùi thơm, tự nhiên thanh tịnh, không tưởng không niệm, không còn các nẻo luân hồi, cũng không hý luận nơi hành, vốn là "không", tự nó thanh tịnh.

Thế nên, này Bồ-tát Long Thủ! Đại Bồ-tát nên tạo món ăn như thế nào mới thích hợp với món ăn của pháp?

Bồ-tát Long Thủ đáp:

–Lành thay, lành thay! Bồ-tát Nhu Thủ đã giảng nói về sự vi diệu của các pháp, thì tôi đã no đủ với các món ăn thượng vị ấy. Chỉ cần nghe giảng về các món ăn của pháp yếu, thì đã no đủ rồi, huống chi từ lâu đã ăn, không còn món ăn khác mà lại ăn món ăn nghĩ muốn hay sao?

Bồ-tát Long Thủ nói:

–Thế nào? Này Bồ-tát Long Thủ! Thể của hư không sao lại có món ăn xen tạp?

Lại hỏi:

–Ngài no rồi sao?

Đáp:

–Này Bồ-tát Nhu Thủ, không, không thật có!

Lại hỏi:

–Này Bồ-tát Long Thủ! Vì sao có thể làm no đủ vật mà người huyễn đã biến hóa chăng?

Đáp:

–Không phải.

Lại hỏi:

–Thế nào? Này Bồ-tát Long Thủ! Phàm là ở biển có thể được no đủ để hiển bày hình tượng chăng?

Đáp:

–Không phải!

Lại hỏi:

Này Bồ-tát Long Thủ! Phàm là ở biển có thể được no đủ từ các dòng sông chăng?

Đáp:

–Không phải!

Bồ-tát Nhu Thủ lại nói:

–Như vậy, này Bồ-tát Long Thủ! Không nhàm chán các pháp, thì nếu như hư không mà Nhân giả vừa nói "có tưởng nên no đủ" chăng? Các pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, là không khởi, không hành cũng không có chỗ làm, không có chỗ tạo, hoàn toàn như vậy; không muốn dùng định để giải thoát, không sắc, không tướng, không bền không chắc, hiểu rõ như hư không đều không có chỗ nắm bắt, các pháp như thế, làm sao khởi lên tưởng có no đủ?

Bồ-tát Long Thủ nói:

–Như vậy, này Bồ-tát Nhu Thủ! Còn tất cả hành giả ấy không ăn món ăn ư? Thế nên nhân giả nói ăn vốn là không chăng?

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Này Bồ-tát Long Thủ! Vậy thì tất cả chúng sinh không ăn. Này Bồ-tát Long Thủ! Ví như Đức Thế Tôn biến hóa ra vô số người để ăn và cung cấp cho những người được biến hóa ăn. Vì sao? Này thiện nam! Những người biến hóa ấy lấy gì để ăn? Lại còn có người ăn hay không?

Đáp:

–Người biến hóa không có tưởng, không có ngôn ngữ, đều không thực có, cũng lại không món ăn, huống chi nói có người ăn ư?

Bồ-tát Long Thủ nói:

–Như thế, này Bồ-tát Long Thủ! Có kiến chấp hay không kiến chấp về tất cả các pháp như huyễn hóa nên khắp các chúng sinh không hiểu rõ điều này. Vì chúng không biết rõ, nên còn chịu luân hồi trong sinh tử, đối

với sinh tử quán xét cũng đều không thực có, cũng không có chỗ thủ đắc, cũng chẳng có luân hồi. Biết rõ sinh tử là không, vốn là không có, thì tất cả chúng sinh không còn chịu luân hồi cũng chẳng còn sinh tử, vì không thấu rõ vốn là không nên có sinh tử. Sinh tử ấy cũng không có sinh tử, đối với sinh tử ấy cũng không còn chịu luân hồi, cũng chẳng có chỗ thủ đắc, thì làm sao gọi là pháp sinh tử?

Đáp:

–Này Bồ-tát Nhu Thủ! Lời nói ấy rất hay. Nên biết đúng lúc có thể cùng đi, trở về nơi khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc. Những sự đói khát của tôi hoàn toàn đã chấm dứt.

Bồ-tát Long Thủ nói:

–Này Bồ-tát Long Thủ! Ví như huyễn sĩ đã biến hóa người. Người được biến hóa ấy nói tôi có đói khát? Sự đói khát như sóng nắng phải không?

Thế nên, này Bồ-tát Long Thủ! Tất cả cũng đều như vậy, các pháp ấy đều như sóng nắng, sự hiểu biết này mới chính là hiểu biết đích thực. Như thiện nam đã nói, tôi không còn đói khát chăng? Phải ăn thức ăn này, việc ăn uống như các pháp không đoạn dứt, không huỷ hoại, cũng chẳng có đói khát. Tất cả các pháp vốn đã no đủ. Vì các phàm phu kẻ sĩ kia vốn không biết rõ việc này, nên mới nói như vầy: Tôi đói, ông khát lại nói no đủ. Các bậc Hiền thánh biết rõ ngồn gốc của các pháp, nó không có đói khát cũng chẳng nghĩ về sự no đủ, hiểu rõ những việc đói khát thì không còn sinh tử, cũng không hý luận nơi hành, cũng không có tưởng niệm, việc ấy đã không lay động cũng không chấp trước, các pháp đã giải thoát vốn không còn chấp trước.

Bồ-tát Long Thủ lại nói:

–Này Bồ-tát Nhu Thủ! Những nơi đã thuyết giảng nói pháp yếu ấy, nhưng chỉ nói pháp giới.

Bồ-tát Nhu Thủ nói với Bồ-tát Long Thủ:

–Pháp giới ấy cũng không nói, chẳng nói, cũng không nói nẻo hướng đến, không co, không duỗi. Vì sao? Này Bồ-tát Long Thủ! Pháp giới đều không thực có, cho rằng không nói cũng chẳng có chỗ nói và không hý luận nơi hành, cũng không có đối tượng chấp trước, không có hợp nhau, pháp không có tưởng niệm, cũng chẳng còn niệm, cũng không có chỗ khởi, cũng không có chỗ diệt hành.

Này Bồ-tát Long Thủ! Ví như cảnh giới của hư không, không tưởng, không niệm, không sinh, không diệt. Các pháp như vậy, đồng như hư

không, tướng ấy vốn là không, vốn không thể nắm bắt được cũng chẳng thể nhận biết, tướng ấy như vậy nên không thể nắm bắt được mà có thể nắm bắt được được tướng ấy, các Đức Như Lai đã nhập diệt cũng không phải có thể nắm bắt được.

Như vậy, này Bồ-tát Long Thủ! Tất cả các pháp đều không có xứ sở, không sắc, không hình cũng không thể thấy. Vì vậy, cho nên hằng hà sa chư Phật đã nhập diệt, đối với pháp ấy cũng không có nhập Niết-bàn cũng không có cảnh giới của đất, nước, lửa, gió để nhập Niết-bàn, cũng chẳng có cảnh giới của không, không có cảnh giới của thức. Như Lai nhập diệt là nhập diệt, ở trong Niết-bàn cũng không có Niết-bàn. Nếu các pháp có tưởng về Niết-bàn, thì cảnh giới của hư không có tưởng về Niết-bàn chăng? Vì sao? Vì các pháp ấy vốn là không, các pháp là vắng lặng, mà pháp vắng lặng này đối với hàng phàm phu hạ sĩ sẽ khởi có tưởng niệm về Niết-bàn. Nhân đó có tôi, tôi có thọ nhận, tôi và ông đều có thọ nhận, mạng sống có thọ nhận, người và vật có thọ nhận, tưởng và thức có cùng một lúc biết rõ không có pháp chân thật, liền khởi tưởng ấy là tưởng niệm về Niết-bàn. Vì vậy nên không được giải thoát, vẫn bị chịu sinh, già, bệnh, chết; rơi vào mười hai nhân duyên… cho đến các hoạn khổ lớn đã tích tập, do đó nói có Niết-bàn. Hành giả vì không biết rõ các pháp vốn là không, không hiểu rõ nên chẳng giác ngộ, còn các Đức Như Lai Thế Tôn vì biết Bồ-tát đã vào sâu nơi hạnh phương tiện, nhờ các điều thiện ở đời trước nên đứng vững không hề thoái lui, tích chứa công đức, có oai thần lớn vì muốn dẫn dắt mọi người nên làm Bậc Đại Sư Vô Thượng và cùng những hạnh của Đại Bồ-tát như thế, nhằm ngăn cản sự khởi tưởng tranh chấp. Lại đối với các hàng Thanh văn, Duyên giác tưởng ấy trái nghịch khởi lên tranh chấp. Vì tranh chấp cho nên phải chịu nhận tội lớn, do tranh chấp ấy nên còn ở trong sinh tử luân hồi, nên trở về, đường tranh chấp vào nẻo sinh tử. Tất cả các bậc Thánh hoàn toàn không khen ngợi, các bậc giác ngộ đã xa lìa.

Này thiện nam! Ví như có thành, quách xóm làng cách đây không xa chứa nhiều thứ ô uế; đối với những người đi đến chỗ ấy, ngày đêm không dừng nghỉ, đồ vật ở nơi ấy làm tăng thêm ô uế, bất tịnh không sạch. Các hàng phàm phu ngu si ở trong năm đường, các tưởng về không, sinh diệt không dứt, không đoạn dứt sinh tử, làm tăng thêm sự khổ đau ấy. Vì họ không hiểu rõ lại không sáng suốt, không biết rõ nó là không, không thấu hiểu nó vốn là không. Cái lồng tối mờ chứa đựng sự ngu si nên chịu luân hồi trong nẻo sinh tử, ở mãi nơi năm đường, hoặc sinh vào địa ngục, hoặc sinh nơi ngạ quỷ, hoặc sinh nẻo súc sinh, hoặc sinh lên cõi trời, hoặc sinh vào cõi người, thần biến vô thường, đau khổ nơi năm đường, tai hoạn điên

đảo thống khổ bức bách. Nguyên nhân của đau khổ do đã tạo các khổ, làm tăng thêm đồ bất tịnh ô uế chảy tràn, khiến cho đệ tử của bậc Hiền thánh sáng suốt kia mới trừ diệt và xa lìa tật bệnh.

Lại nữa, các bậc Tuệ sĩ lẽ ra được xa lìa, nhưng vì các tạp cấu kia nên không giải thoát, làm cho các loài ấy hướng đến nẻo sinh, rồi lại bị nơi đau khổ của sinh, già, bệnh, chết, vạn thứ sầu não, bị vô số tai nạn của bệnh, chết ấy hành hạ. Người thiện thì được an lạc vui vẻ, tạo tội thì mang tai họa. Nói tóm lại, tai họa đó biến đổi nhanh, cho đến tập hợp các thứ rất thống khổ, nên họ không thể thoát khỏi sinh tử. Vì do chưa hiểu nó vốn là không, cho nên phải chịu sinh tử, tăng thêm thứ ô uế như trên.

Bồ-tát Long Thủ nói với Bồ-tát Nhu Thủ:

–Thế nào? Này Bồ-tát Nhu Thủ! Biết rõ được nguồn gốc kia, nói vì không có tâm tưởng nên hành vắng lặng, nhờ hướng đến nẻo tịch tĩnh nên chắc chắn nhập vào chỗ thanh tịnh, người ấy an trụ thì biết rõ được nguồn gốc kia. Nói vì sao? Này Bồ-tát Nhu Thủ! Vì sao gọi là tịch tĩnh của huyễn?

Đáp:

–Vì hiểu rõ nó như huyễn. Đây là tịch tĩnh của huyễn, nên nhập vào thanh tịnh.

Bấy giờ, Trưởng lão Tu-bồ-đề đến chỗ Bồ-tát Nhu Thủ thấy đại chúng kia, liền hỏi:

–Các bậc Chánh sĩ đến khắp hội này, nhằm giảng nói điều gì chăng?

Đáp:

–Thưa Hiền giả Tu-bồ-đề! Tôi đối với các ngôn ngữ đều không có đối tượng giảng nói.

Lại nữa, thưa Hiền giả Tu-bồ-đề! Đâu có nghe các bậc huyễn nhân có đối tượng giảng nói ư? Giống như tiếng vang trong núi, như giấc mộng, như ảnh trong gương, như sóng nắng là có bàn nói chăng? Lại nghe có người nói chăng? Lại nữa, thưa Hiền giả Tu-bồ-đề! Như Lai đã hóa thì đâu có tai nghe tiếng, tiếng ấy đâu có người nghe, không phải có thức, có chấp giữ ngôn ngữ, danh tự, câu cú để nêu bày không?

Đáp:

–Không phải!

Khi ấy, Trưởng lão Tu-bồ-đề yên lặng vui mừng, ngồi ngay nơi ấy tịch tĩnh mà vào diệt định.

Bấy giờ, Trưởng lão Xá-lợi-phất đến chỗ của Bồ-tát Nhu Thủ, thấy đại chúng ngồi khắp trong đạo tràng, các Bồ-tát đều nghe Bồ-tát Nhu Thủ

đã nêu giảng, thấy Trưởng lão Tu-bồ-đề ngồi tịch tĩnh mà nhập diệt định.

Liền hỏi:

–Này Bồ-tát Nhu Thủ! Hiền giả này vì sao hướng đến chỗ diệt định ấy?

Đáp:

–Này Trưởng lão Xá-lợi-phất! Trưởng lão Tu-bồ-đề này tuy diệt đinh nhưng không tranh chấp nơi pháp, như Hiền giả đây không tranh chấp về hành, không an trụ, không chấp trước, không luân hồi, không xứ sở, vượt khỏi các pháp Tam-ma-việt (Thiền định).

Khi ấy, Trưởng lão Tu-bồ-đề nhập và xuất diệt định ấy, từ chỗ ngồi đứng dậy hướng về Thế Tôn, liền bày vai bên phải quỳ gối chắp tay thưa:

–Con quy y chư Phật là Bậc Chánh Giác Vô Thượng, là bậc đã hiện bày, diễn nói pháp vi diệu sâu xa, văn tự khó biết như thế, không thể nghĩ bàn, đã đoạn dứt sự chấp trước, xa lìa các tưởng, đã chứng đắc sự tịch tĩnh. Bậc Đại Sĩ không thoái chuyển và các Bồ-tát mới phát tâm, đã nghe giảng nói về pháp này, không thật vui sao!

Bồ-tát Nhu Thủ nói với Trưởng lão Tu-bồ-đề:

–Không phải đối với pháp này mà có nói, có khuyên gắng, có hướng đến nẻo ấy. Vì sao? Vì các pháp không khuyên gắng, không nói năng, không bàn luận, không có thức. Lại nữa, nghĩa lý cốt yếu này không có ngôn ngữ, không trụ, không động, không đi, không đến, không ngồi, không nằm, không nương tựa, không nơi chốn, đều là không thực có. Vì sao? Vì các pháp vốn là "không", đều là không thật có, pháp ấy vốn không thể thủ đắc. Vì sao nói vốn là pháp hành ấy?

Trưởng lão Tu-bồ-đề nói:

–Thưa Bồ-tát Nhu Thủ! Nguyện xin Hiền giả nói rõ các pháp vô hành chính là yếu chỉ của hành, nên làm theo hành ấy, hiểu rõ hành chính là hành mới gọi là hành. Nếu có thể như vậy đều cùng với hành cầu thức ăn.

Này Bồ-tát Nhu Thủ! Tôi không đi vào xóm làng khất thực. Vì sao? Vì nghe pháp yếu này đã xa lìa xóm làng, cũng xa lìa tưởng về thành, xa lìa tưởng về sắc. Nói tóm lại, cũng xa lìa tưởng của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đều xa lìa các tưởng, cũng không có tưởng niệm.

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Chỉ có Trưởng lão Tu-bồ-đề và hành giả mới xa lìa tưởng ấy, đã nói như thế thì có tiến đến dừng lại ư?

Trưởng lão Tu-bồ-đề đáp:

–Này Bồ-tát Nhu Thủ! Vì sao nói Như Lai đã biến hóa sắc, thọ, tưởng, hành, thức? Lấy gì để biết pháp Như Lai đã hiện hóa, lấy tưởng gì mà có tiến đến, dừng lại, có đối tượng quán sát lại còn co duỗi ư?

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Lành thay, lành thay! Này Trưởng lão Tu-bồ-đề! Như Đức Thế Tôn đã khen ngợi Nhân giả là hành giả hiểu biết đệ nhất về chỗ không.

Bồ-tát Nhu Thủ lại nói:

–Thưa Trưởng lão Tu-bồ-đề! Có thể cùng tôi đi đến chỗ Phật để đảnh lễ cúng dường?

Bồ-tát Nhu Thủ nói:

–Thưa Hiền giả! Tôi dùng thức ăn thanh tịnh mời Nhân giả.

Khi ấy, Trưởng lão Xá-lợi-phất nói với Bồ-tát Nhu Thủ:

–Tôi ăn những chỗ nào? Nên bày ra những món ăn gì?

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Thưa Hiền giả! Đối với người ăn ấy cũng không có ăn, cũng không phải là không ăn, lại không ăn uống, không có sắc, thanh, không có hương vị, cũng không có xúc. Đối với chỗ ăn ấy, không ở nơi Dục giới, lại không ở Sắc giới và Vô sắc giới, không ở nơi ba cõi cũng không lìa nơi ấy. Đó là chỗ ăn của chư Phật Thế Tôn.

Trưởng lão Xá-lợi-phất nói với Bồ-tát Nhu Thủ:

–Lành thay, lành thay! Như Nhân giả nói ra tôi đã đầy đủ. Khi ấy, khen ngợi tên của món ăn vô thượng, huống chi đã ăn và đang ăn.

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Thưa Hiền giả! Món ăn kia không phải thấy bằng mắt bên trong hay bên ngoài, không có sự thấy của Thiên nhãn hay Tuệ nhãn, ăn như vậy mới thích ứng với món ăn này.

Bấy giờ, Trưởng lão Tu-bồ-đề, Trưởng lão Xá-lợi-phất và các chúng sinh nghe giảng về việc khen ngợi món ăn này, tức ở nơi ấy đạt được diệt định.

Khi ấy, Bồ-tát Diệu Tâm nói với Bồ-tát Nhu Thủ:

–Ăn nên ăn bằng gì? Trưởng lão Tu-bồ-đề và Trưởng lão Xá-lợi-phất… đã ăn món ăn gì mà vào được Tam-ma-việt?

Bồ-tát Nhu Thủ đáp:

–Dùng món ăn vô lậu. Hành giả không chấp trước món ăn, hành giả không có các thức ăn, hành giả thực hành điều này thì người tạo món ăn

kia cũng không còn ăn món ăn của ba cõi.

Bấy giờ, Trưởng lão Tu-bồ-đề, Trưởng lão Xá-lợi-phất từ nơi diệt định xuất ra đi khất thực. Khi ấy, Trưởng lão Tu-bồ-đề vào nhà của đại trưởng giả ở nơi thành để khất thực. Vợ của trưởng giả ấy tên là Ưu-bà-di, thấy Trưởng lão Tu-bồ-đề đứng yên lặng, liền hỏi:

–Thưa Hiền giả! Ngài đang làm gì?

Đáp:

–Này chị! Tôi đến đây khất thực.

Hỏi:

–Thưa Hiền giả! Hiền giả còn có tưởng về khất thực, hiểu rõ sự đến và dừng không?

Đáp:

–Này chị! Tôi từ nơi bản tế đã biết rõ tưởng về khất thực.

Hỏi:

–Thưa Hiền giả Tu-bồ-đề! Bản tế ấy đâu có hiểu và chưa hiểu, sao nói là tôi từ bản tế đã biết rõ tưởng về khất thực ư?

Đáp:

–Này chị! Nếu bản tế không thì mạt tế cũng không, tất cả đều không.

Ưu-bà-di nói:

–Như vậy, thưa Hiền giả! Đã là không vì sao lại nói là rõ với không rõ? Nhân giả hãy đưa tay ra con sẽ dâng thực phẩm.

Trưởng lão Tu-bồ-đề đưa tay ra và nói:

–Này Hiền giả! Là bậc A-la-hán, mà không hiểu rõ nguồn gốc lại giữ lấy sự diệt chứng hay sao?

Trưởng lão Tu-bồ-đề nói tiếp:

–Này chị! Tay của bậc A-la-hán không hình, không thể thấy, cũng không co duỗi. Ví như Huyễn sĩ làm huyễn hóa tạo ra lời nói này, thì chỗ nào gọi là tay của huyễn sĩ?

Hỏi:

–Lại nói có thể là tay của huyễn sĩ co duỗi chăng?

Nói:

–Này chị! Tay của huyễn giả có thấy không? Lại có thể duỗi ư?

Đáp:

–Không thể!

Trưởng lão Tu-bồ-đề nói:

–Này chị! Thế Tôn nói tất cả các pháp như huyễn vốn là không.

Hỏi:

–Thế nên, này Hiền giả! Thế Tôn nói tất cả là không. Vì sao Hiền giả tiếp tục cầu thức ăn?

Khi ấy, Ưu-bà-di chưa dâng thức ăn cho Trưởng lão Tu-bồ-đề.

Lại nói:

–Này Hiền giả! Hãy đưa bát ra trước.

Khi Trưởng lão Tu-bồ-đề đưa bát ra bát ấy bỗng biến mất. Lúc ấy Ưu-bà-di dùng tay lấy bát mà bát không có nơi chốn, tay cũng không gần nơi Trưởng lão Tu-bồ-đề.

Ưu-bà-di nói:

–Lành thay, lành thay! Thân ấy thanh tịnh không chấp trước, thật ứng hợp với cái không của hành giả mà Đức Phật đã khen ngợi.

Khi Ưu-bà-di vừa nói thì cái bát liền tự xuất hiện. Khi ấy, Trưởng lão Tu-bồ-đề liền trao bát, Ưu-bà-di lấy bát đựng đầy cơm đưa cho Trưởng lão Tu-bồ-đề, và nói:

–Hiền giả là bậc được Đức Phật Thích-ca Văn khen ngợi ở chỗ không nhàn, chẳng phải do bát.

Tu-bồ-đề đáp:

–Này chị! Như Đức Phật đã giảng nói, hạnh không nhàn của hành giả chẳng phải có bát.

Hỏi:

–Như chỗ không nhàn của nhàn của hành giả chẳng phải có bát ư?

Đáp:

–Không phải!

Hỏi:

–Thưa Hiền giả! Ở chỗ không nhàn còn không có bát thì lấy đâu thọ nhận được thức ăn ư?

–Này Hiền giả! Đã không có chỗ không nhàn thì không có A-la-hán chứng nhận diệt sao? Này Hiền giả ăn cơm ấy rồi, nên biết người ăn như huyễn, đối tượng ăn như hóa. Lại nữa, người ăn như hóa thì đối với huyễn giả cũng giống như người khát nước uống bằng sóng nắng. Đã ăn thức ăn ấy nên mới biết như vậy, hiểu rõ người ấy mới ứng hợp với Như Lai là thông đạt ba cõi vốn không có đi khất thực.

Này Hiền giả! Khởi lên niệm bố thí và có nghĩ về người thọ nhận, liền tạo ra sự phân biệt về chúng đồng phần. Người đã nhận về đồng phần thì có nhị kiến, do nhị kiến nên cùng với hàng phàm phu luân hồi trong năm đường, đồng trôi lăn trong sinh tử.

Khi ấy, Ưu-bà-di nói với Trưởng lão Tu-bồ-đề:

–Thưa Hiền giả! Giáo pháp của chư Phật không có người bố thí và người nhận sự bố thí, nên biết rõ như huyễn, như hóa. Vì vốn là không, nên không có đạt đến pháp sinh tử và Niết-bàn; cũng nên biết rõ như mộng, như huyễn, như sóng nắng, như hình bóng, như tiếng vang đều vốn là không, đối với các pháp cũng đều là như vậy. Các pháp thanh tịnh đều không thật có, không bố thí không thọ nhận, không giới không phạm, không nhẫn nhục không tranh cãi, không siêng năng không biếng nhác, không thiền định không tán loạn, không trí tuệ không ngu si. Đối với các pháp đều là không thực có, hạnh ấy mới thích hợp với sự thọ nhận thức ăn đúng pháp của Đức Thế Tôn. Các đệ tử hành pháp như thế sẽ biết được sự khất thực của hành giả, đối với ba cõi không nghĩ về thức ăn, cũng không vui mừng nơi Niết-bàn.

Trưởng lão Tu-bồ-đề nghe Ưu-bà-di nói xong thì im lặng vì không biết nói gì hơn nữa.

Ưu-bà-di nói:

–Này Hiền giả! Niết-bàn rỗng lặng chăng? Lẽ nào không có lời để nói hay sao?

Trưởng lão Tu-bồ-đề đáp:

–Này Ưu-bà-di! Vì sao nói như vậy?

Trưởng lão Tu-bồ-đề lại nói:

–Này chị! Biết rõ các pháp huyễn chăng?

Đáp:

–Này Hiền giả! Tôi biết rõ các pháp đều như huyễn hóa, người huyễn và biến hóa cũng vốn là không, đều không là thật có.

Khi ấy, Trưởng lão Tu-bồ-đề ngay ở chỗ đó bỗng nhiên nhập diệt định, nhằm biết rõ tâm Ưu-bà-di mong cầu thừa gì mà được chứng như vậy, biện tài dũng mãnh như thế, mới dám rống lên tiếng rống sư tử, biết rõ pháp huyễn, tùy ý giảng nói không bị chướng ngại. Tôn giả dùng hết năng lực quán sát thì biết, Ưu-bà-di đạt được A-na-hàm.

Trưởng lão Tu-bồ-đề hỏi:

–Này chị! Chị đã chứng đắc A-na-hàm chăng?

Ưu-bà-di nói:

–Thế này? Thưa Hiền giả! Pháp của Như Lai đâu có hành pháp của A-na-hàm. Lại nữa, này Hiền giả! Pháp không có hình sắc, cũng không mong cầu dấu vết của hình tướng, thức không đây kia, không ở giữa hành, cũng không có đối tượng về tướng, không thủ không chứng, cũng không có nơi chốn, biết rõ nẻo hành của Đạo.

Vừa rồi Hiền giả hỏi:

–Nơi nào có chứng quả A-na-hàm rồi thì có thích chứng pháp A-la-hán không? Này Hiền giả! Pháp không đi đến, nếu có đi đến thì có chỗ hướng đến, có chỗ hướng đến thì có sinh có diệt, có niệm có tưởng, đều bị đọa vào sinh tử luân hồi không thể đếm được.

Bấy giờ, Ưu-bà-di bỗng nhiên ở nơi ấy, hóa ra tòa cao lớn có người ở trên, ngay trước mặt Trưởng lão Tu-bồ-đề, với hình tướng, ánh sáng làm chấn động khắp nơi, vận chuyển bánh xe chánh pháp vô thượng không thoái chuyển, làm cho khắp trong thành Xá-vệ và các cõi trong mười phương đều nghe thấy sự biến hóa ấy.

Bấy giờ có một vạn hai ngàn chư Thiên ở giữa hư không, nghe điều đã giảng nói đều đạt được Nhất sinh bổ xứ. Trong thành Xá-vệ, Bồ-tát, hành giả có hai vạn tám ngàn vị, nương theo công đức đời trước đều không thoái chuyển. Các Đại sĩ trong mười phương nghe giảng nói pháp ấy, có trăm ức Bồ-tát đạt được pháp Nhẫn vô sinh; lại nghe giảng nói pháp tối thượng, liền chứng được Nhất sinh bổ xứ. Đối với Bồ-tát Nhu Thủ, Bồ-tát Long Thủ và các bậc Đại sĩ, Trưởng lão Xá-lợi-phất, Trưởng lão Tu-bồ-đề… đều từ nơi thành Xá-vệ bước ra cửa thành, uy lực nhẹ nhàng vượt lên hư không.

Bồ-tát Nhu Thủ phóng ánh sáng đưa thân lên, ánh sáng oai thần chiếu rực rỡ, ánh sáng rực rỡ đó sáng rực hơn cả mặt trời mặt trăng và sáng hơn những ánh sáng khác. Nhờ ánh sáng như vậy mới soi thấu đến chốn tối tăm như Kim sí điểu vương bay đi. Tất cả chúng sinh đều nhìn thấy. Những chỗ vị ấy đi qua, chư Thiên, loài người, đều nghe các pháp như: Giấc mộng, huyễn hóa, sóng nắng, hình ảnh, tiếng vang, bọt nước, cây chuối ba tiêu. Lời giảng ấy sâu xa, thảy đều hoan hỷ hướng theo tâm Từ, tất cả trời, người chỉ nghe tiếng mộng huyễn, mà pháp huyễn đối với thấy và không thấy cũng không thủ đắc. Khi nghe giảng nói các pháp vị diệu này, một trăm ngàn chúng sinh chứng được quả vị không thoái chuyển.

Lúc đó trên đường du hóa ở giữa hư không, có con của trưởng giả tên là Thiện Ý, đời trước đã trồng công đức, cũng nghe Bồ-tát Nhu Thủ giảng

nói pháp huyễn hóa vô thượng và nhìn thấy hình ảnh, thần lực biến hóa, liền phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Vị ấy tự phát nguyện:

–Tôi ở đời vị lai sẽ chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bây giờ, sự cảm ứng hiện ra cũng như thế này.

Bồ-tát Nhu Thủ thấy thiện nam ấy có căn cơ đặc biệt vi diệu thanh tịnh, muốn nối tiếp giống Phật mới phát tâm dũng mãnh ở chỗ Bồ-tát, thệ nguyện rống lên tiếng rống sư tử, liền nói với Thiện Ý:

–Này thiện nam! Ông biết các pháp như huyễn hóa, chắc chắn xa lìa thừa thấp kém của hàng Thanh văn, Duyên giác, thành tựu chứng đắc đạo quả vô thượng chánh chân. Lại thấu rõ các pháp như mộng huyễn giảng nói diệu pháp, thảy đều không thật có.

Lúc ấy, con của trưởng giả quỳ gối thưa:

–Xin nguyện giải rõ các pháp như huyễn như hóa.

Bồ-tát Nhu Thủ dùng các pháp yếu nói, khuyến khích, khai mở cho con của Trưởng giả. Con của Trưởng giả tâm rất vui mừng hớn hở.

Bấy giờ, những người thuộc dòng họ ấy, tâm hiểu biết sâu xa, đạt được pháp Nhẫn, có tám ngàn trời, người phát tâm Vô thượng chánh chân.

Khi ấy, có năm ngàn Thiên tử ở giữa hư không nghe Bồ-tát Nhu Thủ giảng nói giáo pháp nhằm sách tấn, tâm hết sức vui mừng, đạt được pháp nhẫn Vô sinh. Tất cả đều vui mừng đến cung kính, đảnh lễ. Bồ-tát Nhu Thủ bỗng nhiên bay lên hư không trở về chỗ cũ.

Bấy giờ, Bồ-tát Nhu Thủ, Bồ-tát Long Thủ, Trưởng lão Xá-lợi-phất và Trưởng lão Tu-bồ-đề…, trở lại nơi khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, đều đi đến chỗ của Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ nơi chân Phật rồi đứng qua một bên.

Bồ-tát Long Thủ liền từ chỗ ngồi đứng dậy hướng về Đức Phật chắp tay thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát Nhu Thủ đã giảng nói các pháp cốt yếu, đã bày giải đầy đủ.

Bấy giờ, Đức Phật khen ngợi:

–Lành thay, lành thay! Này Bồ-tát Nhu Thủ! Giỏi giảng nói giáo pháp vi diệu vô thượng, biết như giấc mộng, như huyễn, như hóa, như sóng nắng, như tiếng vang thì đạt được trí tuệ sâu xa, là pháp yếu của chư Phật. Do đó, mới thích hợp với sự giảng nói về không hình, không tượng, nói vốn huyễn là không.

Bấy giờ, Đức Phật nhìn A-nan dạy:

–Ông hãy thọ nhận các pháp yếu này của Bồ-tát Nhu Thủ.

A-nan cung kính quỳ gối trước Đức Phật thưa:

–Nguyện xin Thế Tôn, chỉ dạy cho con gọi kinh này tên gì? Thọ trì như thế nào?

Khi ấy, Đức Phật lại diễn giảng lại về lời pháp trí tuệ của Nhu Thủ và Bồ-tát Diệu Tâm đã giảng. Trưởng giả Ưu-bà-di ở thành Xá-vệ, vì sự cảm ứng của Hiền giả Tu-bồ-đề mà chuyển bánh xe của bậc Nhất sinh bổ xứ.

Đức Phật dạy A-nan:

–Này A-nan! Nên thọ nhận trí tuệ tối thượng ấy. Lại nữa, này A-nan! Đây gọi là kinh Nhu Thủ Vô Thượng Thanh Tịnh Phân Vệ, cũng gọi là Tam-muội biết rõ các pháp như huyễn hóa, phải ân cần nhớ nghĩ thọ trì và giảng giải lưu truyền rộng lớn.

Lại nữa, này A-nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ… nào nghe pháp yếu này mà hướng về chuyên tâm tin hiểu, này A-nan, người ấy sẽ gặp được chư Phật Thế Tôn, gặp Bồ-tát Nhu Thủ, và chắc chắn đạt được đạo quả Vô thượng chánh chân, rồi sẽ thành Phật. Huống chi người thọ trì, tu tập, đọc tụng, phụng hành các công đức ấy nhiều vô thượng. Thiện nam, thiện nữ đó đạt được kho tàng trí tuệ của chư Phật, chứng được pháp yếu tối thượng của chư Phật, lại được chư Phật ủng hộ, được chư Phật ở khắp mười phương truyền trao đầy đủ, được chư Phật dùng tay thọ ký. Người ấy chắc chắn sẽ thành đạo quả Chánh chân Vô thượng.

Đức Phật giảng nói kinh này rồi, Bồ-tát Nhu Thủ Đồng chân, Bồ-tát Long Thủ, Bồ-tát Diệu Tâm và các Bồ-tát, Trưởng lão Xá-lợi-phất, Hiền giả Tu-bồ-đề và các Tỳ-kheo, tất cả chư Thiên, Rồng, Thần, A-tu-la, Nhân phi nhân nghe Đức Phật giảng nói đều hết sức vui mừng, ở trước Đức Phật làm lễ lui ra.

-oOo-

SỐ 235

KINH KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Hán dịch: Đời Dao Tần, Tam tạng Cưu-ma-la-thập, người nước Thiên Trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật trú tại khu lâm viên Kỳ thọ Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ, với đại chúng Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Lúc bấy giờ, vào giờ khất thực, Đức Phật mặc áo và ôm bát đi vào thành Xá-vệ, theo thứ lớp khất thực. Khất thực xong về lại trú xứ thọ trai rồi xếp y bát, rửa chân, trải tọa cụ mà ngồi.

Lúc ấy, từ chỗ ngồi trong đại chúng, Tôn giả Tu-bồ-đề đứng dậy, trịch vai áo bên phải ra, quỳ chân phải xuống, chắp tay cung kính bạch Đức Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thật là Bậc hiếm có! Đức Thế Tôn thường đặc biệt hộ niệm và đặc biệt giao phó sự nghiệp cho các vị Bồ-tát. Bạch Đức Thế Tôn! Những thiện nam, thiện nữ nào muốn phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nên nương tựa vào đâu và làm sao mà điều phục tâm của họ?

Đức Phật bảo:

–Hay lắm, hay lắm! Này Tu-bồ-đề! Ông nói thật đúng! Như Lai thường đặc biệt hộ niệm và giao phó sự nghiệp cho các vị Bồ-tát. Nay ông hãy lắng nghe cho kỹ, Như Lai sẽ vì ông mà trả lời. Những thiện nam, thiện nữ nào muốn phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải nương tựa và phải điều phục tâm của họ như thế này.

Tu-bồ-đề nói:

–Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con rất mong được nghe người chỉ dạy.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Các bậc Bồ-tát đại nhân nên hàng phục tâm họ như sau. Có tất cả bao nhiêu loại chúng sinh, hoặc sinh bằng trứng, hoặc sinh bằng thai, hoặc sinh từ sự ẩm ướt, hoặc bằng sự biến hóa, hoặc có hình sắc, hoặc không có hình sắc, hoặc có tri giác, hoặc không có tri giác, hoặc không phải có tri

giác cũng không phải không có tri giác, ta phải đưa tất cả các loài đó vào Niết-bàn tuyệt đối để được giải thoát. Giải thoát cho vô số, vô lượng, vô biên chúng sinh như thế, mà kỳ thực ta không thấy có chúng sinh nào được giải thoát. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Nếu một vị Bồ-tát mà còn có khái niệm về ngã, về nhân, về chúng sinh và về thọ giả thì vị ấy không phải là một vị Bồ-tát đích thực.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hiện pháp bố thí nhưng không dựa vào bất cứ một thứ gì cả, nghĩa là không dựa vào sắc để bố thí, cũng không dựa vào thanh, hương, vị, xúc và pháp để bố thí. Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên bố thí theo tinh thần ấy, không dựa vào tướng. Tại sao? Nếu Bồ-tát bố thí mà không dựa tướng thì phước đức sẽ không thể nghĩ bàn. Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Không gian về phía Đông có thể so lường được không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Không gian về phương Tây, phương Nam, phương Bắc, phương Trên và phương Dưới có thể nghĩ và lường được hay không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát không nương vào đâu cả để thực hiện pháp bố thí thì phước đức cũng nhiều như hư không vậy, không thể nghĩ bàn, không thể so lường được. Này Tu-bồ-đề! Các Bồ-tát nên trú tâm theo những lời chỉ dặn vừa đưa ra.

–Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Có thể nhận diện Như Lai qua thân tướng hay không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Cái mà Như Lai nói là thân tướng vốn không phải là thân tướng.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng, nếu thấy được tính cách chẳng phải tướng của các tướng tức là thấy được Như Lai.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Trong tương lai, nếu được nghe những câu nói như thế người ta có thể phát sinh lòng tin chân thật hay không?

Đức Phật bảo:

–Ông đừng nói thế! Năm trăm năm sau khi Như Lai diệt độ, sẽ có những người biết giữ giới và tu phước; những người đó khi nghe được những lời này sẽ có thể phát sinh lòng tin và nhận ra đó là sự thật. Ta nên biết rằng những người ấy đã gieo trồng những hạt giống tốt không phải ở nơi một vị Phật, hai vị Phật, ba, bốn, năm vị Phật mà thật đã gieo trồng

những hạt giống lành ở nơi vô lượng ngàn muôn vị Phật. Người nào phát sinh niềm tin thanh tịnh được nghe những lời câu nói ấy, dù chỉ trong một niệm, thì này Tu-bồ-đề! Như Lai tất nhiên biết, tất nhiên thấy được người ấy và người đó sẽ đạt được vô lượng phước đức như thế. Vì sao? Vì những người như thế không còn kẹt vào những khái niệm về ngã, về nhân, về chúng sinh, về thọ giả, về pháp, về không phải pháp, về tướng và về không phải tướng. Vì sao? Nếu còn chấp vào ý niệm pháp thì còn kẹt vào tướng ngã, nhân, chúng sinh và thọ giả; nếu còn chấp vào ý niệm không phải pháp, thì cũng vẫn còn kẹt vào tướng ngã, nhân, chúng sinh và thọ giả như thường. Thế cho nên, đã không nên chấp vào pháp mà cũng không nên chấp vào không phải pháp. Do vậy Như Lai đã mật ý nói: "Này các Tỳ-kheo! Nên biết rằng pháp ta nói được ví dụ như chiếc bè, pháp còn nên bỏ, huống là không phải pháp."

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có đắc pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không? Như Lai có pháp gì để tuyên thuyết hay không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Theo con hiểu điều Đức Phật dạy thì chẳng có một pháp gì riêng biệt được gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có một pháp nào riêng biệt được Như Lai tuyên thuyết. Vì sao? Vì những pháp mà Như Lai đã chứng và đã nói thì không thể nắm bắt được, cũng không thể diễn tả được. Đó không phải là pháp cũng không phải là không pháp. Vì sao? Vì tất cả các bậc Hiền thánh đều do pháp vô vi ấy mà trở nên có sự sai khác.

Đức Phật hỏi:

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu có người đem bảy thứ châu báu nhiều cho đến nỗi chứa đầy cả tam thiên đại thiên thế giới này để bố thí, thì người ấy có phước đức nhiều hay không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Vì sao? Bạch Đức Thế Tôn! Vì phước đức trong tự thân chẳng phải là phước đức, nên Như Lai mới nói là phước đức nhiều.

Đức Phật hỏi:

–Nếu có người tiếp nhận và hành trì kinh này dù chỉ một bài kệ bốn câu trong kinh thôi rồi đem giảng nói cho người khác nghe thì phước đức của người này còn lớn hơn phước đức của người kia. Tại sao? Này Tu-bồ-đề! Tất cả các Đức Phật và pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của

các Đức Phật, đều xuất phát từ kinh này. Này Tu-bồ-đề! Cái gọi là pháp Phật, cái đó chính là cái không phải pháp Phật.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Một Tu-đà-hoàn có nghĩ rằng: "Ta đã đắc quả Tu-đà-hoàn" không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Vì sao? Vì Tu-đà-hoàn có nghĩa là đi vào dòng (Dự lưu) mà thật ra không có dòng nào để đi vào cả. Không đi vào dòng sắc, cũng không đi vào dòng thanh, hương, vị, xúc và pháp. Vì vậy cho nên gọi là "đi vào dòng".

Đức Phật hỏi:

–Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Một Tu-đà-hàm có nghĩ rằng: "Ta đã đắc quả Tu-đà-hàm" không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Vì sao? Vì Tu-đà-hàm có nghĩa là một lần vãng lai (Nhất lai) mà thật ra không có sự vãng lai. Vì vậy cho nên gọi là Tu-đà-hàm.

Đức Phật hỏi:

–Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Một A-na-hàm có nghĩ rằng: "Ta đã đắc quả A-na-hàm" không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Vì sao? Vì A-na-hàm có nghĩa là không trở lại (Bất hoàn), mà thật ra làm gì có sự không trở lại? Vì vậy cho nên gọi là A-na-hàm.

Đức Phật hỏi:

–Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Một A-la-hán có nghĩ rằng: "Ta đã đắc quả A-la-hán" không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Vì sao? Vì thật ra không có pháp nào riêng biệt được gọi là A-la-hán.

Bạch Thế Tôn! Nếu một A-la-hán nào khởi niệm rằng: "Ta đã đắc quả A-la-hán" thì vị đó còn chấp vào ngã, nhân, chúng sinh và thọ giả.

Bạch Đức Thế Tôn! Thế Tôn thường nói con đã đạt tới Vô tránh Tam-muội và trong số người đệ nhất, con là vị A-la-hán ly dục đệ nhất.

Bạch Thế Tôn! Nếu con nghĩ rằng con đã đắc quả A-la-hán thì chắc Thế Tôn đã không nói rằng Tu-bồ-đề là người ưa hạnh A-lan-na.

Đức Phật hỏi Tu-bồ-đề:

–Thuở xưa lúc còn theo học với Đức Phật Nhiên Đăng, Như Lai có đắc pháp gì chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Ngày xưa khi còn ở với Đức Phật Nhiên Đăng, Như Lai không có đắc pháp cả.

Đức Phật hỏi:

–Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Bồ-tát có trang nghiêm cõi Phật chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì trang nghiêm cõi Phật tức là không trang nghiêm cõi Phật, vì vậy nên mới gọi là trang nghiêm cõi Phật.

Đức Phật hỏi:

–Cho nên, này Tu-bồ-đề! Các Đại Bồ-tát nên phát tâm thanh tịnh như thế. Không nên dựa vào sắc mà phát tâm, cũng không nên dựa vào thanh, hương, vị, xúc và pháp mà phát tâm, chỉ nên phát tâm nơi không chỗ trụ.

Này Tu-bồ-đề! Ví dụ có người có thân lớn như núi chúa Tu-di, ý ông nghĩ sao? Thân ấy có lớn không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, lớn lắm! Vì sao? Cái mà Thế Tôn gọi là không phải thân lớn mới đích thật là thân lớn.

Phật hỏi:

–Này Tu-bồ-đề! Ví như trong sông Hằng có bao nhiêu hạt cát là có bấy nhiêu dòng sông Hằng. Vậy thì cát của tất cả các sông hằng có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều! Số lượng các sông Hằng đã là vĩ đại, huống là số lượng những hạt cát của các sông Hằng ấy.

Đức Phật hỏi:

–Này Tu-bồ-đề! Bây giờ ta hỏi thật ông rằng, nếu có thiện nam, thiện nữ nào đem châu báu chất đầy cả tam thiên đại thiên thế giới nhiều như cát của tất cả các sông Hằng kia mà bố thí thì phước đức có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu thiện nam, thiện nữ nào mà thọ trì kinh này dù chỉ một bài kệ

bốn câu thôi và đem ra chia sẻ với người khác thì phước đức của người này còn nhiều hơn phước đức của người trước.

Còn nữa, Tu-bồ-đề! Mảnh đất nào mà nơi đó có người thuyết kinh này, dù chỉ là thuyết một bài kệ bốn câu thôi, thì nên biết rằng mảnh đất ấy là nơi mà tất cả các hàng Trời, Người và A-tu-la đều phải hướng về cúng dường như là cúng dường tháp miếu của Phật. Một mảnh đất mà còn như thế, huống gì là bản thân người đứng ra hành trì và đọc tụng. Ông nên biết, một con người như thế đã thành tựu được chuyện hiếm có tối thượng. Nơi nào mà có kinh này là nơi đó mặt của Bậc Đạo Sư, hoặc một vị đệ tử lớn của Ngài.

Lúc ấy, Tu-bồ-đề thưa với Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nên đặt tên kinh này là gì và chúng con nên phụng trì kinh này như thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nên gọi kinh này là kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật. Hãy dùng danh từ ấy mà phụng trì kinh này. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì cái mà Như Lai gọi là Bát-nhã ba-la-mật vốn không phải là Bát-nhã ba-la-mật. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có pháp để nói không?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như Lai chẳng có gì để nói cả.

–Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Cát bụi do tam thiên đại thiên thế giới nghiền ra có nhiều không?

–Nhiều lắm, bạch Thế Tôn!

–Này Tu-bồ-đề! Những cát bụi ấy Như Lai gọi không phải là cát bụi cho nên mới thực sự là cát bụi. Cái mà Như Lai gọi là thế giới tức không phải là thế giới cho nên được gọi là thế giới.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Có thể nhận diện Như Lai qua ba mươi hai tướng không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Vì sao? Vì cái mà Như Lai gọi là ba mươi hai tướng đều không phải là tướng, vì vậy cho nên Như Lai mới gọi là ba mươi hai tướng.

–Tu-bồ-đề! Nếu có hàng thiện nam, thiện nữ nào đem thân mạng nhiều như số cát sông Hằng mà thực hiện việc bố thí, và nếu có thiện nam, thiện nữ khác biết thọ trì và đem kinh này ra giảng cho kẻ khác, dù chỉ thọ trì và giảng dạy bốn câu thôi, thì phước đức của người này cũng nhiều hơn phước đức của người trước.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề nghe Đức Phật thuyết kinh này, hiểu được nghĩa lý thâm sâu, nên cảm động khóc rơi nước mắt mà bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đức Thế Tôn thật là hiếm có! Từ ngày theo Thế Tôn đạt được Tuệ nhãn cho đến giờ, con chưa bao giờ được nghe kinh điển thâm diệu như hôm nay.

Bạch Thế Tôn! Nếu có người nghe được kinh này mà có lòng tin thanh tịnh và đạt được tướng chân thật thì nên biết người ấy đã thực hiện được công đức hiếm có bậc nhất.

Bạch Thế Tôn! Cái tướng chân thật đó vốn không phải là tướng cho nên Như Lai mới gọi là tướng chân thật.

Bạch Thế Tôn! Ngày nay con nghe được kinh điển mầu nhiệm như thế này, được tin, hiểu, tiếp nhận và hành trì kinh này cũng chưa phải là chuyện khó có lắm, nhưng trong tương lai, khoảng năm trăm năm về sau mà có người được nghe kinh này lại có thể tin, hiểu, tiếp nhận và hành trì thì chắc chắn những người ấy là hy hữu bậc nhất. Vì sao vậy? Vì những người ấy không có tướng ngã, tướng nhân, tướng ngã, chúng sinh và tướng thọ giả. Tại vì sao? Vì tướng ngã tức không phải là tướng, tướng nhân, chúng sinh và thọ giả cũng không phải là tướng. Vì sao? Vì xa lìa tất cả tướng cho nên có các vị Phật.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng thế, đúng thế! Nếu có người được nghe kinh này mà không hoảng không sợ thì nên biết rằng những người như vậy rất là hiếm có. Tại sao? Này Tu-bồ-đề! Cái mà Như Lai gọi là Đệ nhất ba-la-mật vốn không phải là Đệ nhất ba-la-mật cho nên mới được gọi là Đệ nhất ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Cái gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật, Như Lai nói không phải là Nhẫn nhục ba-la-mật nên mới được gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật. Tại sao? Này Tu-bồ-đề! Trong một tiền kiếp xa xưa, khi bị vua Ca-lợi cắt đứt thân thể, ta đã không vướng vào tướng ngã, không vướng vào tướng nhân, tướng chúng sinh và tướng thọ giả. Vì nếu khi đó, ta khởi tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả thì đã sinh tâm oán hận.

Này Tu-bồ-đề! Lại nhớ đến thuở khi ta còn tu Tiên theo hạnh nhẫn nhục, trong suốt năm trăm kiếp, ta đã tu tập để không vướng vào tướng ngã, nhân, chúng sinh và thọ giả. Vậy nên, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát khi phát tâm Bồ-đề vô thượng thì nên buông bỏ tất cả tướng; không nên dựa vào sắc mà phát tâm, không nên dựa vào thanh, hương, vị, xúc và pháp mà phát tâm, chỉ nên phát tâm nơi không chỗ trụ, vì nếu tâm có chỗ trụ tức chẳng phải trụ. Thế nên, Phật nói: "Bồ-tát tâm không nên trụ nơi sắc mà bố thí." Này

Tu-bồ-đề! Bồ-tát vì lợi ích cho tất cả chúng sinh mà bố thí như thế.

Như Lai đã nói: "Tất cả các tướng đều không phải là tướng", lại nói: "Tất cả các loài chúng sinh đều không phải là chúng sinh". Tu-bồ-đề! Như Lai là người nói lời chính xác, là người nói lời đúng với sự thật, là người nói lời phù hợp với thực tại, là người nói lời không dối trá, là người chỉ nói một lời. Tu-bồ-đề! Nếu có pháp mà Như Lai đã đắc thì pháp ấy không phải thật cũng không phải hư dối.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát còn dựa vào pháp mà thực hiện bố thí, cũng như người đi vào trong bóng tối, chẳng thấy được gì. Trái lại, nếu Bồ-tát không dựa vào pháp mà hành bố thí, cũng như người có mắt đi trong ánh mặt trời, có thể thấy được tất cả hình sắc.

Tu-bồ-đề! Trong đời vị lai nếu có thiện nam, thiện nữ nào mà có khả năng tiếp nhận, đọc tụng và hành trì kinh này thì tất được Như Lai dùng trí tuệ Phật sẽ biết người ấy, sẽ thấy người ấy và người ấy sẽ thành tựu công đức vô lượng, vô biên.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào buổi sáng đem thân mình ra nhiều như số cát sông Hằng để bố thí; buổi trưa cũng đem thân mình nhiều như số cát sông Hằng để bố thí buổi chiều cũng đem thân mình nhiều như số cát sông Hằng để bố thí, bố thí như thế trong thời gian trăm ngàn vạn ức vô lượng kiếp. Nếu có một người khác nghe điển này kinh này, đem lòng tin tưởng, không phản kháng lại thì phước đức còn nhiều hơn phước đức của người kia; huống hồ là biên chép, hành trì, đọc tụng và giải thích cho kẻ khác được nghe.

Này Tu-bồ-đề! Tóm lại, kinh này có công đức vô biên không thể suy nghĩ, bàn luận, không thể tính lường. Như Lai vì người phát tâm Đại thừa mà thuyết giảng; vì người phát tâm Tối thượng thừa mà thuyết giảng. Nếu có người nào có khả năng thọ trì, đọc tụng và phổ biến cho người khác biết thì người ấy sẽ được Như Lai thấy rõ ràng, biết chắc chắn và người ấy sẽ thực hiện được công đức không thể nghĩ bàn, không thể nói cho hết, không có biên giới, không có so lường. Người như thế có thể gánh vác sự nghiệp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Như Lai. Tại sao? Này Tu-bồ-đề! Nếu chỉ ưa thích pháp nhỏ, nếu còn vướng mắc vào ngã, nhân, chúng sinh và thọ giả thì không có khả năng nghe, nhận, đọc tụng và giải thuyết cho kẻ khác.

Tu-bồ-đề! Bất cứ nơi nào mà có kinh này thì tất cả các chúng Trời, Người, A-tu-la đều phải đến cúng dường, những nơi ấy đều được coi là bảo tháp cần được cung kính, hành lễ, đi quanh và cúng dường bằng hoa và

bằng hương.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam, thiện nữ nào đọc tụng và hành trì kinh này mà bị người khác chê bai hủy báng thì nên biết người ấy tội nghiệp đời trước đáng lẽ phải bị đọa vào các nẻo ác nhưng nay chỉ bị người đời khinh, chê. Tội nghiệp đời trước ắt sẽ tiêu mất và sẽ chứng đắc quả vị giác ngộ cao tột.

Tu-bồ-đề! ta nhớ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp về trước, trước khi gặp được Phật Nhiên Đăng, ta đã từng gặp tám trăm bốn vạn ức na-do-tha các vị Phật. Và với vị nào ta cũng đều có cúng dường và hầu cận không hề bỏ xót. Nếu vào thời mạt thế mà có người có khả năng đọc tụng và thọ trì kinh này thì phước đức đạt được còn lớn hơn hàng trăm ngàn vạn ức lần phước đức cúng dường chư Phật của ta ngày trước; cho đến dùng thí dụ về toán số cũng không thể hình dung được phước đức ấy.

Tu-bồ-đề! Vào thời mạt thế, nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng kinh này, công đức đạt được nếu ta nói hết ra thì sẽ có người nghe sinh tâm cuồng loạn, nghi ngờ không tin. Tu-bồ-đề nên biết! Nghĩa lý của kinh này không thể nghĩ bàn nên phước báo cũng không thể nghĩ bàn.

Lúc ấy, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nên an trụ vào đâu và nên hàng phục tâm mình như thế nào?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì nên sinh tâm như thế này: Ta phải hóa độ hết tất cả chúng sinh nhưng khi độ hết tất cả chúng sinh rồi thì ta chẳng thấy có chúng sinh nào thật được hóa độ cả. Vì sao thế? Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát mà còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh và tướng thọ giả thì chưa phải là Bồ-tát. Tại sao như thế? Này Tu-bồ-đề! Thật ra chẳng có pháp gì gọi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Nơi Phật Nhiên Đăng, Như Lai có pháp gọi là đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Theo cách con hiểu lời Phật dạy thì Phật ở nơi Phật Nhiên Đăng không có pháp gọi là đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật dạy:

–Đúng thế, đúng thế! Này Tu-bồ-đề! Thật ra không có pháp Như Lai

chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Nếu có pháp Như Lai chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì Phật Nhiên Đăng đã không thọ ký cho ta như thế này: "Sau này ông sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni."

Chính vì không có pháp đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho nên Phật Nhiên Đăng mới nói thọ ký cho ta thế này: "Ông đời sau sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni." Vì sao? Vì Như Lai tức là nghĩa như như của các pháp. Nếu có người nói: Như Lai đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì này Tu-bồ-đề! Thật chẳng có pháp mà Phật chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-bồ-đề! Quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà Như Lai đắc ấy, trong đó không thật không hư. Cho nên, Như Lai nói tất cả các pháp đều là pháp Phật. Này Tu-bồ-đề! Cái mà ta gọi là tất cả các pháp thật ra chẳng phải là tất cả các pháp thế nên gọi là tất cả các pháp. Tu-bồ-đề! Ví như thân người cao lớn.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai nói thân người cao lớn tức chẳng phải là thân cao lớn, đó gọi là thân cao lớn, đó gọi là thân cao lớn.

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng giống như thế. Nếu nói thế này: "Ta phải hóa độ vô lượng chúng sinh", thì không phải là Bồ-tát. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Thật ra không có pháp gì để gọi là Bồ-tát, cho nên Đức Phật đã nói tất cả các pháp đều không có ngã, không có nhân, không có chúng sinh, không có thọ giả. Tu-bồ-đề! Nếu có Bồ-tát nói rằng: "Ta phải làm nghiêm tịnh cõi Phật" thì đó không gọi là Bồ-tát. Vì sao? Vì cõi Phật, Như Lai nói việc làm nghiêm tịnh cõi Phật, tức phải làm nghiêm tịnh, đó mới gọi là nghiêm tịnh. Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nào thông đạt được lý vô ngã, vô pháp thì Như Lai gọi đó là Bồ-tát chân thật.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có Nhục nhãn không?

–Bạch Thế Tôn, có! Như Lai có Nhục nhãn.

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có Thiên nhãn không?

–Bạch Thế Tôn, có! Như Lai có Thiên nhãn.

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có Tuệ nhãn không?

–Bạch Thế Tôn, có! Như Lai có Tuệ nhãn.

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có Pháp nhãn không?

–Bạch Thế Tôn, có! Như Lai có Pháp nhãn.

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có Phật nhãn không?

–Bạch Thế Tôn, có! Như Lai có Phật nhãn.

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Cát trong sông Hằng, Phật có gọi là cát không?

–Bạch Thế Tôn, có! Như Lai gọi là cát.

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu mỗi hạt cát trong sông Hằng là mỗi sông Hằng thì số lượng thế giới Phật nhiều như số cát trong tất cả những sông Hằng ấy, như thế có nhiều không?

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Trong các thế giới ấy, tất cả chúng sinh có bao nhiêu tâm ý, Như Lai đều biết hết. Vì sao? Tu-bồ-đề! Vì cái mà Như Lai nói là các loại tâm đều chẳng phải là tâm, cho nên mới gọi là tâm. Vì sao vậy? Này Tu-bồ-đề! Vì tâm quá khứ không nắm bắt được, tâm hiện tại không nắm bắt được, tâm vị lai cũng không nắm bắt được.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu có người đem bảy loại châu báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới để mà bố thí thì do nhân duyên này người đó có được phước nhiều không?

–Bạch Đức Thế Tôn! Người ấy nhờ nhân duyên như vậy được phước đức rất nhiều.

–Này Tu-bồ-đề! Nếu phước đức có thật thì Như Lai đã không nói được phước đức nhiều; nhưng do phước đức vốn không, cho nên Như Lai mới nói là được nhiều phước đức.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Có phải thấy sắc thân đầy đủ là thấy Phật không?

–Bạch Thế Tôn, không! Không nên cho rằng thấy sắc thân đầy đủ là thấy Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai nói sắc thân đầy đủ tức chẳng phải là sắc thân đầy đủ, mới gọi là sắc thân đầy đủ.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Có phải thấy tướng tốt đầy đủ là thấy Như Lai không?

Bạch Đức Thế Tôn, không! Không nên cho rằng thấy các tướng tốt, đầy đủ là thấy Như Lai. Vì sao vậy? Vì Như Lai nói các tướng đầy đủ tức chẳng phải đầy đủ, mới gọi là tướng tốt đầy đủ.

Này Tu-bồ-đề! Ông chớ nên cho rằng Như Lai có ý niệm: "Ta sẽ thuyết pháp." Đừng nghĩ như thế! Vì sao? Nếu có người nói: "Như Lai có pháp để thuyết", tức là phỉ báng Phật không thể hiểu được điều ta nói. Tu-bồ-đề! Thuyết pháp có nghĩa là không có pháp nào được thuyết, như vậy gọi là thuyết pháp.

Lúc bấy giờ, Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Đời sau có chúng sinh nào khi được nghe pháp này có thể sinh lòng tin hay không?

Phật dạy:

–Tu-bồ-đề! Những chúng sinh đó không phải là chúng sinh mà cũng không phải là không chúng sinh. Vì sao thế? Tu-bồ-đề! Cái mà gọi là chúng sinh, Như Lai nói không phải là chúng sinh, đó gọi là chúng sinh.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà Phật đắc có phải là cái vô sở đắc?

Phật nói:

–Đúng thế, đúng thế! Tu-bồ-đề! Ta đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta chẳng có một chút pháp để chứng đắc, nên mới gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp nên gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; do tu tập tất cả thiện pháp theo tinh thần không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ giả nên chứng đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-bồ-đề! Cái gọi là thiện pháp thì Như Lai bảo không phải là thiện pháp, nên đó mới thật là thiện pháp.

Tu-bồ-đề! Giả dụ có người tom góp bảy thứ châu báu chứa đầy từng đống cao như tất cả núi Tu-di trong tam thiên đại thiên thế giới này để mà bố thí nhưng nếu có người đọc tụng, thọ trì kinh Bát-nhã ba-la-mật này, dù chỉ một bài kệ bốn câu rồi đem giảng nói cho người khác nghe thì phước đức trước trăm phần không được một, trăm ngàn vạn ức phần cho đến tính toán thí dụ cũng không thể sánh kịp.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Các ông chớ cho rằng Như Lai có ý niệm: "Ta sẽ độ chúng sinh". Tu-bồ-đề, đừng nghĩ như thế! Tại sao vậy? Vì sự thật thì không có chúng sinh nào để Như Lai độ, nếu có chúng sinh được độ thì Như Lai đã vướng vào tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Tu-bồ-đề! Cái mà Như Lai nói là có ngã vốn không phải là có ngã nhưng phàm phu cho là có ngã. Này Tu-bồ-đề! Kẻ phàm phu đó, Như Lai nói chẳng phải là phàm phu nên gọi là phàm phu.

Tu-bồ-đề! Y ông nghĩ sao? Có nên quán tưởng Như Lai qua ba mươi hai tướng không?

Tu-bồ-đề nói:

–Bạch Thế Tôn, đúng như thế! Phải dùng ba mươi hai tướng mà quán Như Lai.

Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Nếu lấy ba mươi hai tướng mà quán Như Lai thì một vị Chuyển luân thánh vương cũng là Như Lai sao?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con đã hiểu lời Phật dạy, không nên dùng ba mươi hai tướng mà quán Như Lai.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Tìm ta qua hình sắc
Cầu ta qua âm thanh
Là kẻ hành đạo tà
Không thể thấy Như Lai.

Tu-bồ-đề! Ông đừng nghĩ rằng: "Như Lai đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà không cần tới các tướng đầy đủ." Tu-bồ-đề, đừng nghĩ như thế! Tu-bồ-đề! Ông đừng nghĩ là khi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải coi các pháp là đoạn diệt. Đừng có nghĩ như thế, vì sao vậy? Vì người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không cho rằng các pháp là đoạn diệt.

Tu-bồ-đề! Nếu có Bồ-tát đem bảy thứ châu báu đầy khắp các thế giới nhiều như cát sông Hằng mà bố thí; và nếu có người biết được tất cả các pháp đều là vô ngã, thành tựu được pháp Nhẫn, thì công đức vị Bồ-tát này đạt được thù thắng hơn công đức của vị Bồ-tát trước. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì các Bồ-tát không cần phải thọ nhận phước đức.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát không thọ nhận phước đức?

–Tu-bồ-đề! Phước đức do Bồ-tát tạo ra, không nên tham đắm, cho nên nói là không thọ phước đức.

Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: "Thế Tôn có tới, có đi, có ngồi, có nằm, thì người ấy không hiểu được điều ta nói. Tại sao? Như Lai có nghĩa là không từ đâu tới cả và cũng không đi về đâu cả, cho nên gọi là Như Lai.

Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đem tam thiên đại thiên thế giới nghiền thành bụi nhỏ, thì ý ông nghĩ sao, bụi nhỏ như thế có nhiều không?

Tu-bồ-đề nói:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Vì sao? Vì nếu bụi nhỏ mà có thật thì Phật

đã không gọi chúng là bụi nhỏ. Vì sao? Cái mà Phật gọi là bụi nhỏ vốn không phải là bụi nhỏ, cho nên mới là bụi nhỏ. Bạch Thế Tôn! Cái mà Như Lai gọi là thế giới tam thiên đại thiên, tức chẳng phải là thế giới, cho nên mới gọi nó là thế giới. Vì sao? Nếu thế giới mà có thật thì đó là một hợp tướng; cái mà Như Lai gọi là một hợp tướng vốn không phải là một hợp tướng cho nên gọi là một hợp tướng.

–Tu-bồ-đề! Cái gọi là một hợp tướng chỉ là một ước lệ ngôn ngữ không có thực chất, nhưng kẻ phàm phu lại bị vướng mắc vào đó.

Tu-bồ-đề! Nếu có người bảo rằng: "Phật có nói về ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến và thọ giả kiến". Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Người ấy có hiểu được ý ta không?

–Thưa không, bạch Thế Tôn! Người ấy không hiểu được nghĩa Như Lai đã giảng. Vì sao? Cái mà Như Lai gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến và thọ giả kiến vốn không phải là ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến và thọ giả kiến, cho nên mới là ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến và thọ giả kiến.

Này Tu-bồ-đề! Người phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với tất cả các pháp phải biết như thế, phải thấy như thế, phải tin hiểu như thế, mà không nên có khái niệm về pháp. Tu-bồ-đề! Cái gọi là khái niệm về pháp, Như Lai nói không phải là khái niệm về pháp, cho nên mới gọi là khái niệm về pháp.

Tu-bồ-đề! Nếu có người đem bảy thứ châu báu đầy khắp vô lượng a-tăng-kỳ thế giới để bố thí; và nếu có thiện nam, thiện nữ nào phát tâm Bồ-đề, trì kinh này dù chỉ một bài kệ bốn câu…, đọc tụng, thọ trì rồi đem giảng thuyết cho người khác nghe, thì phước đức người này thù thắng hơn người trước. Thế nào là vì người giảng nói? Đó là giảng thuyết mà không kẹt vào tướng, như như, không động chuyển. Vì sao thế? Vì:

Tất cả pháp hữu vi
Như mộng, huyễn, bào ảnh,
Như sương, như chớp lòe,
Hãy quán chiếu như thế.

Phật nói kinh này, Trưởng lão Tu-bồ-đề, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và tất cả các hàng Trời, Người, A-tu-la đều rất hoan hỷ, tin nhận phụng hành.

-oOo-

SỐ 236

KINH KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi, người xứ Thiên Trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thành Xá-bà-đề, cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, đến giờ ngọ trai, Đức Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thành Xá-bà-đề khất thực. Ở trong thành đó, theo thứ lớp khất thực xong, trở về chỗ cũ thọ trai. Thọ trai xong, xếp y cất bát, rửa chân; như thường lệ trải tọa cụ, ngồi kiết già thẳng thân mà trụ trong chánh niệm bất động.

Khi ấy các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật. Đến xong, đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu bên phải ba vòng, rồi lui ngồi một bên.

Bấy giờ, Tuệ mạng Tu-bồ-đề ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch y để bày vai phải, gối phải sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cung kính bạch Phật:

–Hiếm có thay! Đức Thế Tôn Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Ngài khéo hộ niệm cho các vị Bồ-tát, khéo phó chúc cho các vị Bồ-tát. Bạch Thế Tôn! Làm thế nào để các vị Bồ-tát ở Đại thừa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Nên an trụ như thế nào? Nên tu hành như thế nào? Nên hàng phục vọng tâm như thế nào?

Bấy giờ Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay! Này Tu-bồ-đề! Như ông đã nói, Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ-tát, khéo phú chúc các vị Bồ-tát. Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông mà nói. Như trong hàng Đại thừa Bồ-tát, nếu có vị nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nên như vầy mà an trụ tâm, như vầy mà tu hành, như vầy mà hàng phục vọng tâm.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con vui sướng muốn nghe!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Các vị Bồ-tát nên sinh tâm như vầy: "Những điều mà tất cả chúng sinh có và những gì thuộc về chúng sinh như loài sinh bằng trứng, loài thai sinh, loài sinh chỗ ẩm thấp, loài hóa sinh, loài có sắc, loài không sắc, loài có tưởng, loài không tưởng, loài chẳng phải có tưởng chẳng phải không tưởng; những gì mà sinh giới có và những gì thuộc về chúng sinh; ta đều khiến vào Vô dư Niết-bàn mà diệt độ." Diệt độ vô lượng, vô biên chúng sinh như vậy, nhưng kỳ thật không thấy chúng sinh được diệt độ. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát có tướng chúng sinh tức chẳng phải Bồ-tát. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát khởi tướng chúng sinh, tướng nhân, tướng thọ giả thì không gọi là Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không trụ vào sự việc mà thực hành bố thí; không trụ vào mọi nơi mà thực hành bố thí, không trụ sắc mà bố thí, không trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp mà bố thí.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Hư không ở phương Đông có thể suy lường được không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Đức Phật hỏi:

–Như vậy, này Tu-bồ-đề! Hư không ở phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn hướng trên, dưới có thể suy lường được không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát không trụ nơi tướng mà bố thí, thì phước đức cũng lại như vậy, không thể suy lường.

Đức Phật lại bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát chỉ nên như vậy mà thực hành bố thí. Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Có thể dùng tướng đã thành tựu để được thấy Như Lai không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Không thể dùng tướng đã thành tựu mà thấy được Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai nói tướng tức là chẳng phải tướng.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Phàm nói có tướng đều là nói dối. Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, thì chẳng phải nói dối. Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng như vậy, tức là thấy Như Lai.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Về sau, nếu có chúng sinh ở đời mạt pháp, được nghe những câu kinh như vậy, có thể sinh tướng chân thật không?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ông chớ nói điều đó, rằng về sau, nếu có chúng sinh ở đời mạt pháp, nghe những câu kinh như vậy, có thể sinh tướng chân thật không?

Đức Phật lại bảo Tu-bồ-đề:

–Các vị Đại Bồ-tát, ở đời mạt pháp về sau, khi Phật pháp muốn tiêu diệt, vị nào có giữ giới, tu phước đức trí tuệ, đối với kinh này có thể phát khởi lòng tin và cho đó là sự thật.

Đức Phật lại bảo Tu-bồ-đề:

–Nên biết, các vị Đại Bồ-tát kia chẳng phải ở nơi một Đức Phật, hai Đức Phật, ba, bốn, năm Đức Phật đã tu hành cúng dường; chẳng phải ở trong một Đức Phật, hai Đức Phật, ba, bốn Đức Phật đã gieo trồng căn lành.

Đức Phật lại bảo Tu-bồ-đề:

–Các vị đó đã ở trong vô lượng trăm ngàn vạn Đức Phật để tu hành, cúng dường và ở trong vô lượng trăm ngàn vạn Đức Phật để gieo trồng căn lành. Các vị ấy nghe kinh này dù chỉ trong một niệm cũng có thể sinh lòng tin trong sạch.

Này Tu-bồ-đề! Đức Như Lai đều biết những chúng sinh đó. Đức Như Lai đều thấy những chúng sinh đó.

Này Tu-bồ-đề! Các vị Bồ-tát ấy sinh phước đức nhiều vô lượng như vậy, nhận vô lượng phước đức như vậy là vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì các vị Bồ-tát ấy không trở lại tướng ngã, tướng chúng sinh, tướng nhân, tướng thọ giả.

Này Tu-bồ-đề! Các vị Bồ-tát ấy, không tướng pháp, cũng chẳng phải là không tướng pháp; vô tướng cũng chẳng phải là vô tướng. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Các vị Bồ-tát ấy nếu ôm giữ tướng pháp tức là dính mắc vào ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát ấy có tướng pháp tức là dính mắc tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Không nên giữ lấy tướng pháp, cũng chẳng nên không giữ lấy tướng pháp. Bởi nghĩa ấy nên Như Lai thường nói: "Pháp môn là thí dụ đổi dời, pháp ấy nên bỏ, cũng chẳng phải bỏ pháp ấy."

Đức Phật bảo Tuệ mạng Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Như Lai có được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không? Như Lai có thuyết pháp không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Như con hiểu nghĩa của Phật đã nói, không có pháp nhất định để Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có pháp nhất định mà Như Lai nói. Vì sao? Vì Như Lai thuyết pháp đều không thể chấp giữ, không thể nói được, chẳng phải là pháp, cũng chẳng phải là phi pháp. Vì sao? Vì tất cả bậc Thánh đều tu pháp vô vi mà được gọi vậy.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ nào đem bảy báu bố thí khắp tam thiên đại thiên thế giới, này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Người thiện nam, tín nữ đó có được phước đức nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Rất nhiều, bạch Thế Tôn! Rất nhiều, bạch Thế Tôn! Thiện nam, tín nữ kia được phước rất nhiều. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Phước đức nhiều ấy tức chẳng phải nhiều phước đức. Cho nên, Như Lai nói phước đức nhiều, phước đức nhiều.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu có thiện nam, tín nữ nào đem bảy báu bố thí khắp tam thiên đại thiên thế giới, lại có người đối với kinh này, thọ trì chỉ có bốn câu kệ thôi, rồi vì người khác mà giảng nói, thì phước đó hơn người kia vô lượng, không thể đếm. Vì sao?

Này Tu-bồ-đề! Vì tất cả chư Phật và pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều từ kinh này mà sinh ra, tất cả chư Phật Như Lai đều từ kinh này mà sinh.

Này Tu-bồ-đề! Gọi là Phật pháp, tức chẳng phải Phật pháp.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Tu-đà-hoàn có thể nghĩ: "Ta được quả Tu-đà-hoàn" không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì thật không có pháp nào gọi Tu-đà-hoàn. Không nhập vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, ấy mới gọi là Tu-đà-hoàn.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào? Tư-đà-hàm có thể nghĩ: "Ta được quả Tư-đà-hàm" không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì thật không có pháp nào gọi Tư-đà-hàm, nên gọi là Tư-đà-hàm.

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? A-na-hàm có thể nghĩ: "Ta được quả

A-na-hàm” không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì thật không có pháp nào gọi là A-na-hàm, nên mới gọi là A-na-hàm.

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào, A-la-hán có thể nghĩ: “Ta được quả A-la-hán” không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì thật không có pháp nào gọi là A-la-hán.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu A-la-hán nghĩ: “Ta được quả A-la-hán”, tức là còn chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

Bạch Thế Tôn! Phật khen con được phép định Vô tránh là bậc tối đệ nhất, Thế Tôn khen con là A-la-hán ly dục. Bạch Thế Tôn! Con không nghĩ con là A-la-hán ly dục.

Bạch Thế Tôn! Nếu con nghĩ rằng con được A-la-hán, thì Thế Tôn không khen con ưa hạnh Vô tránh đệ nhất. Vì Tu-bồ-đề thật ra không có làm gì hết nên mới gọi là Tu-bồ-đề ưa hạnh Vô tránh.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào? Đức Như Lai trước kia ở chỗ Phật Nhiên Đăng, có được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Đức Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng, thật không được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu Bồ-tát nói rằng: “Ta trang nghiêm cõi nước Phật” thì Bồ-tát đó nói không thật. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Như Lai đã nói: “Trang nghiêm cõi Phật tức chẳng phải trang nghiêm, nên mới gọi là trang nghiêm cõi Phật.” Cho nên, này Tu-bồ-đề! Các Đại Bồ-tát nên sinh tâm thanh tịnh như vậy, mà không cần có chỗ trụ; không sinh tâm trụ nơi sắc, không sinh tâm trụ nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên sinh tâm mà không cần có chỗ trụ.

Này Tu-bồ-đề! Ví như có người, thân to như chúa núi Tu-di. Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào, thân ấy có lớn không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Rất lớn, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì Phật nói chẳng phải thân gọi là thân lớn, thân kia chẳng phải thân mới gọi là thân lớn.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như số cát có được trong sông Hằng, như vậy nếu có số cát trong nhiều sông Hằng thì ý ông thế nào, số cát trong những sông Hằng ấy có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Rất nhiều, bạch Thế Tôn! Chỉ những sông Hằng ấy cũng đã nhiều vô số rồi, huống chi là cát.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nay ta nói rõ cho ông, nếu có thiện nam, tín nữ nào dùng bảy báu đầy khắp thế giới như số cát sông Hằng mà cúng dường chư Phật Như Lai thì, này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Thiện nam, tín nữ đó được phước nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Rất nhiều, bạch Thế Tôn! Thiện nam, tín nữ kia được phước rất nhiều.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Có người dùng bảy báu khắp thế giới như số cát sông Hằng mà bố thí; lại có thiện nam, tín nữ khác đối với pháp môn này mà thọ trì cho đến chỉ bốn câu kệ thôi, rồi vì người khác giảng nói, thì phước đức này hơn phước đức trước vô lượng a-tăng-kỳ.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Tùy nơi nào mà pháp môn này được nói đến, thậm chí một câu kệ thôi, thì nên biết nơi đó, tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la, đều nên cúng dường như tháp miếu của Phật, huống chi là có người thọ trì, đọc tụng được hết kinh này.

Này Tu-bồ-đề! Nên biết người ấy đã thành tựu được pháp hiếm có, cao tột đệ nhất. Nếu nơi nào có kinh điển này tức là có Phật, phải tôn trọng như Phật.

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp môn này gọi là pháp môn gì? Chúng con phải phụng trì như thế nào?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Pháp môn này gọi là Kim cang Bát-nhã ba-la-mật, cứ theo tên gọi này mà ông nên phụng trì. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì Phật nói Bát-nhã ba-la-mật tức chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật. Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Pháp của Như Lai có thể nói không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Pháp của Như Lai không có chỗ để nói.

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Số vi trần trong tam thiên thế giới có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Vi trần kia rất nhiều, bạch Thế Tôn!

–Này Tu-bồ-đề! Những vi trần ấy, Như Lai nói chẳng phải vi trần mới gọi là vi trần, Như Lai nói thế giới chẳng phải thế giới mới gọi là thế giới.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào, có thể dùng ba mươi hai tướng Đại nhân để thấy Như Lai không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì Như Lai nói ba mươi hai tướng Đại nhân tức là chẳng phải tướng nên gọi là ba mươi hai tướng Đại nhân.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu có thiện nam, tín nữ nào đem thân mạng nhiều như cát sông Hằng mà bố thí; lại có người đối với pháp môn này thọ trì thậm chí chỉ bốn câu kệ thôi, rồi vì người khác giảng nói, thì phước đức đó rất nhiều, nhiều đến vô lượng a-tăng-kỳ.

Khi ấy Tu-bồ-đề nghe Đức Phật nói kinh này, hiểu được nghĩa thú sâu xa, tủi khóc sụt sùi, lau nước mắt mà bạch Phật:

–Thật hiếm có, bạch Đức Bà-già-bà! Thật hiếm có, bạch Đức Tu-già-đà! Phật nói pháp môn sâu xa như thế, mà con từ khi được Tuệ nhãn đến giờ, chưa từng được nghe pháp môn như vậy. Vì sao? Vì Phật nói Bát-nhã ba-la-mật tức chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu lại có người được nghe kinh này, mà lòng tin thanh tịnh, liền sinh thật tướng. Nên biết người này đã thành tựu công đức hiếm có đệ nhất. Bạch Đức Thế Tôn! Thật tướng ấy tức chẳng phải là thật tướng, cho nên Như Lai gọi là thật tướng.

Bạch Đức Thế Tôn! Con nay được nghe pháp môn như vậy, tin hiểu thọ trì không sợ khó, không sợ không được. Nếu đời tương lai, có chúng sinh nào được nghe pháp môn này, mà tin hiểu trọ trì thì người ấy chính là hiếm có đệ nhất. Vì sao? Vì người ấy không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Vì sao? Vì tướng ngã tức chẳng phải tướng; tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả tức chẳng phải tướng. Vì sao? Vì lìa được tất cả các tướng tức là chư Phật.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy, đúng vậy! Nếu lại có người được nghe kinh này không kinh, không khiếp, không sợ. Nên biết người đó rất là hiếm có. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói Ba-la-mật đệ nhất, tức chẳng phải Ba-la-mật đệ nhất. Như Lai nói Ba-la-mật đệ nhất nghĩa là vô lượng chư Phật kia cũng nói Ba-la-mật mà gọi là Ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói Nhẫn nhục ba-la-mật tức chẳng phải Nhẫn nhục ba-la-mật. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Như ta xưa kia bị vua Ca-lợi cắt đứt thân thể, lúc đó ta không có tướng ngã, không có tướng chúng sinh, không có tướng nhân, không có tướng thọ giả, không tướng cũng chẳng phải là không tướng. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì xưa kia, khi ta bị phanh xẻ thân thể, nếu ta còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả tất phải sinh sân hận.

Này Tu-bồ-đề! Ta nhớ lại thời quá khứ, năm trăm đời về trước, làm vị tiên nhẫn nhục. Trong những đời đó, ta không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Cho nên, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phải lìa tất cả các tướng. Vì sao? Vì nếu tâm có chỗ trụ tức là chẳng phải trụ. Không nên sinh tâm trụ nơi sắc, không nên sinh tâm trụ nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp nên sinh tâm không trụ. Cho nên, Phật nói Bồ-tát tâm không trụ nơi sắc mà bố thí.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát vì lợi ích cho tất cả chúng sinh nên phải bố thí như vậy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả tướng chúng sinh tức chẳng phải tướng. Vì sao? Vì Như Lai nói tất cả chúng sinh tức chẳng phải là chúng sinh.

–Này Tu-bồ-đề! Như Lai là Đấng nói lời chân chánh, là Đấng nói lời chắc thật, là Đấng nói lời đúng đắn, là Đấng nói lời không sai khác.

Này Tu-bồ-đề! Pháp mà Như Lai đã chứng, đã nói đó không thật cũng không nói dối.

Này Tu-bồ-đề! Ví như có người vào chỗ tối thì không thể thấy gì. Nếu Bồ-tát làm việc bố thí mà tâm còn trụ nơi việc mình làm thì cũng lại như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Ví như người có mắt, lại được ánh sáng mặt trời soi chiếu hết các phần tối, nên thấy đủ loại màu sắc. Nếu Bồ-tát thực hành bố thí mà không trụ nơi việc mình làm thì cũng lại như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ nào đối với pháp

môn này mà có thể thọ trì, đọc tụng, tu hành thì Như Lai dùng trí tuệ Phật đều biết người ấy, đều thấy người ấy, đều hiểu người ấy là đã thành tựu được công đức vô lượng, vô biên.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ nào buổi sáng bố thí thân mạng nhiều bằng số cát sông Hằng, buổi trưa lại bố thí thân mạng nhiều bằng số cát sông Hằng, buổi chiều cũng bố thí thân mạng nhiều như số cát sông Hằng. Như thế cứ xả vô lượng thân mạng nhiều như số cát sông Hằng, cứ bố thí thân mạng như thế cho đến trăm, ngàn, vạn ức na-do-tha kiếp. Nếu lại có người nghe pháp môn này sinh lòng tin, không chút chê bai thì phước đức đó hơn người kia vô lượng a-tăng-kỳ, huống chi lại còn biên chép, thọ trì, đọc tụng, tu hành, vì người mà rộng nói.

Này Tu-bồ-đề! Nói tóm lại, pháp môn này công đức vô biên, không thể nghĩ bàn, không thể xưng lường được. Với pháp môn này, Như Lai vì người phát tâm Đại thừa, vì người phát tâm Tối thượng thừa mà nói. Nếu có người siêng thọ trì, đọc tụng, tu hành kinh này, rộng nói cho người, Như Lai đều biết người ấy, đều thấy người ấy đã thành tựu công đức nhiều vô lượng, vô biên, không thể nghĩ bàn, không thể xưng lường. Những người như thế, mới gánh vác được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Như Lai. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì nếu người ưa tiểu pháp, thì đối với kinh này không thể thọ trì, đọc tụng, tu hành, hay vì người khác giảng nói. Nếu còn thấy có ngã, thấy có chúng sinh, thấy có người, thấy có thọ giả, mà người đó đối với pháp môn này, có thể thọ trì, đọc tụng, tu hành, vì người khác giảng nói thì không có chuyện đó xảy ra.

Này Tu-bồ-đề! Mọi chỗ mọi nơi, nếu có kinh này thì tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la đều nên cúng dường. Nên biết chỗ ấy như là tháp miếu, phải nên cung kính làm lễ, nhiễu quanh, dùng các thứ hương hoa mà rải nơi ấy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ thọ trì, đọc tụng kinh này mà bị người khinh rẻ (Vì sao? Vì do nghiệp tội đời trước người đó phải bị đọa vào ác đạo, nên đời này mới bị người khinh rẻ), thì nhờ trì tụng nên tội nghiệp đời trước liền bị tiêu diệt, và sẽ được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Ta nhớ thuở quá khứ, cách nay vô lượng a-tăng-kỳ, a-tăng-kỳ kiếp, ở trước Phật Nhiên Đăng, ta được gặp tám mươi bốn trăm, ngàn vạn, ức na-do-tha Đức Phật, ta đều cúng dường, thờ phụng không có bỏ qua.

Này Tu-bồ-đề! Vô lượng chư Phật như vậy, ta đều cúng dường, thờ

phụng không có bỏ qua. Nếu lại có người, ở đời mạt thế sau này mà có thể thọ trì, đọc tụng, tu hành kinh này, thì công đức ấy dầu đem công đức cúng dường chư Phật của ta mà so sánh cũng chẳng bằng một phần trăm, ngàn, vạn, ức, phần, cho đến toán số thí dụ cũng chẳng sánh bằng.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ ở đời mạt thế sau này, có thọ trì, đọc tụng, tu hành kinh này, thì công đức ấy nếu ta nói ra cho hết, hoặc có người nghe thì tâm liền cuồng loạn, nghi hoặc không tin.

Này Tu-bồ-đề! Nên biết pháp môn này không thể nghĩ bàn, và quả báo cũng không thể nghĩ bàn.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Nên an trụ thế nào? Tu hành thế nào? Hàng phục tâm ấy thế nào?

Đức Phật bảo:

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên sinh tâm như vầy: "Ta phải diệt độ cho tất cả chúng sinh, khiến họ đều vào cõi Vô dư Niết-bàn." Diệt độ tất cả chúng sinh như vậy rồi, mà không có một chúng sinh nào thật sự được diệt độ. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì nếu Bồ-tát có tướng chúng sinh, tướng nhân, tướng thọ giả tức chẳng phải là Bồ-tát. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì thật không có pháp nào gọi là Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Ở chỗ Phật Nhiên Đăng, Như Lai có pháp gì để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Theo con hiểu nghĩa Phật đã nói, ở chỗ Phật Nhiên Đăng, Như Lai không có pháp gì để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Thật không có pháp gì, ở chỗ Phật Nhiên Đăng, Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Như Lai có pháp gì để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì chắc Phật Nhiên Đăng không thọ ký cho ta là: "Về đời sau, ông sẽ thành Phật, hiệu là Thích-ca Mâu-ni." Bởi thật không có pháp gì để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên Phật Nhiên Đăng mới thọ ký cho ta và nói như vầy: "Này Ma-na-bà! Về đời sau, ông sẽ thành Phật, hiệu là Thích-ca Mâu-ni." Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì nói

Như Lai tức là chân như thật tánh.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì người đó nói không thật.

Này Tu-bồ-đề! Thật không có pháp gì để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cả.

Này Tu-bồ-đề! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà Như Lai đã được; ở trong đó, không thật, không nói dối; cho nên Như Lai nói tất cả pháp đều là Phật pháp.

Này Tu-bồ-đề! Tất cả pháp được nói, tất cả pháp đó tức chẳng phải là tất cả pháp, cho nên gọi là tất cả pháp. Này Tu-bồ-đề! Ví như người có thân hình to đẹp.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai nói thân hình to đẹp tức chẳng phải thân lớn, cho nên Như Lai gọi là thân lớn.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát cũng như vậy; nếu nói rằng: "Ta sẽ diệt độ cho vô lượng chúng sinh", tức chẳng phải Bồ-tát.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào, thật có pháp nào gọi là Bồ-tát không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Thật không có pháp nào gọi là Bồ-tát. Cho nên Phật nói tất cả pháp đều không có nhân, không có chúng sinh, không có thọ giả.

–Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nói rằng: "Ta trang nghiêm cõi Phật", ấy không gọi là Bồ-tát. Vì sao? Vì Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật là gì? Trang nghiêm cõi Phật tức là chẳng phải trang nghiêm, mới gọi là trang nghiêm cõi Phật.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thông đạt được vô ngã, vô ngã pháp thì Như Lai gọi là chân thật Bồ-tát, là Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào, Như Lai có Nhục nhãn không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Nhục nhãn!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào, Như Lai có Thiên nhãn không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Thiên nhãn!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào, Như Lai có Tuệ nhãn không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Tuệ nhãn!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào, Như Lai có Pháp nhãn không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Pháp nhãn!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào, Như Lai có Phật nhãn không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Phật nhãn!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào, như cát trong sông Hằng, Phật có nói là cát không?

Tu-bồ-đề thưa ràng

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn. Như Lai nói là cát!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào? Nhiều những sông Hằng thì số cát sẽ nhiều hơn số cát trong một sông Hằng; thế giới chư Phật bằng với số cát trong những sông Hằng ấy; thế giới như vậy, có gọi là nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế giới kia rất nhiều, bạch Thế Tôn!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Có ngàn loại tâm của những chúng sinh trụ trong ngần ấy thế giới, Như Lai đều biết. Vì sao? Vì Như Lai nói ở các tâm trụ ấy đều chẳng phải là tâm trụ, mới gọi là tâm trụ. Vì sao?

Này Tu-bồ-đề! Vì tâm quá khứ không thể nắm bắt, tâm hiện tại không thể nắm bắt, tâm vị lai không thể nắm bắt.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Nếu có người dùng bảy báu đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, thì thiện nam, tín nữ nhờ nhân duyên ấy có được phước nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Người đó nhờ nhân duyên ấy được phước

rất nhiều.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Thiện nam, tín nữ kia nhờ nhân duyên ấy được phước rất nhiều.

Này Tu-bồ-đề! Nếu phước đức có thật, thì Như Lai tất không nói phước đức nhiều, phước đức nhiều.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Có thể dùng sắc thân đầy đủ để thấy Phật không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Không thể do nơi sắc thân mà thấy được Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai nói, sắc thân đầy đủ tức chẳng phải sắc thân đầy đủ, cho nên Như Lai mới gọi là sắc thân đầy đủ.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào? Có thể do nơi các tướng đầy đủ mà thấy được Như Lai không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Không thể do các tướng đầy đủ mà thấy được Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai nói, các tướng đầy đủ tức chẳng phải đầy đủ, cho nên Như Lai mới gọi là các tướng đầy đủ.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào? Ông chớ nên cho rằng Như Lai có suy nghĩ: "Ta có nói pháp ư?" Này Tu-bồ-đề! Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Vì nếu có người nói: Như lai có nói pháp, tức là phỉ báng Phật, không hiểu lời ta dạy. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì Như Lai nói pháp, mà nói pháp là không có pháp gì nói được, mới gọi là nói pháp.

Bấy giờ, Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Có thể có chúng sinh ở đời vị lai, nghe nói pháp này mà sinh lòng tin không?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Chúng sinh nghĩa là chẳng phải chúng sinh, cũng chẳng phải không chúng sinh. Vì sao? Vì chúng sinh ấy, Như Lai nói chẳng phải chúng sinh, mới gọi là chúng sinh.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ý ông thế nào, Như Lai có được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Thế Tôn không có một pháp nhỏ nào để Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến một chút pháp ta cũng không có được, mới gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp; đó gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhờ không chúng sinh, không nhân, không thọ giả nên được bình đẳng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; tất cả các pháp thiện cũng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Nói pháp thiện ấy là pháp thiện, Như Lai nói chẳng phải pháp thiện, mới gọi là pháp thiện.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người dùng bảy báu nhiều như những núi chúa Tu-di, ở trong tam thiên đại thiên thế giới mà bố thí; nếu lại có người, dùng kinh Bát-nhã ba-la-mật này để thọ trì, đọc tụng, thậm chí chỉ bốn câu kệ thôi, rồi vì người khác mà giảng nói, thì phước đức của sự bố thí bảy báu kia chẳng bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần trăm ngàn vạn, chẳng bằng một phần trăm chiếc lông người, chẳng bằng một phần vô lượng, vô biên, cho đến toán số thí dụ cũng chẳng bằng.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Ông chớ bảo Như Lai có suy nghĩ: "Ta phải độ chúng sinh ư?" Tu-bồ-đề chớ nghĩ như vậy! Vì sao? Vì thật không có chúng sinh nào Như Lai độ cả.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu thấy có chúng sinh nào Như Lai độ, thì Như Lai có tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Này Tu-bồ-đề! Như lai nói có ngã tức là chẳng phải có ngã, mà kẻ phàm phu ngu si cho là có ngã. Này Tu-bồ-đề! Kẻ phàm phu ngu si ấy, Như lai nói chẳng phải là phàm phu ngu si, cho nên mới gọi là phàm phu ngu si.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Có thể dùng tướng thành tựu để được thấy Như Lai không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Như con hiểu nghĩa Như lai đã nói, không thể dùng tướng thành tựu mà thấy được Như Lai.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Không thể dùng tướng thành

tựu mà thấy được Như Lai.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu dùng tướng thành tựu mà quán Như Lai thì Chuyển luân thánh vương cũng là Như Lai. Cho nên, không thể dùng tướng thành tựu mà thấy được Như Lai.

Khi ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

Nếu dùng sắc thấy ta
Lấy âm thanh cầu ta
Người ấy tu tà đạo
Không thể thấy Như Lai.
Như Lai kia diệu thể
Tức Pháp thân chư Phật
Pháp thể không thể thấy
Thức kia không thể biết.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Như Lai có thể dùng tướng thành tựu mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không? Này Tu-bồ-đề! Ông chớ nghĩ như vầy: "Như Lai dùng tướng thành tựu mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Này Tu-bồ-đề! Nếu ông nghĩ rằng Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nói tướng đoạn diệt của các pháp. Này Tu-bồ-đề! Ông chớ nghĩ như vậy! Vì sao? Vì Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì không nói tướng đoạn diệt của các pháp.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ dùng bảy báu có khắp trong những thế giới như số cát sông Hằng mà bố thí; lại nếu có vị Bồ-tát biết tất cả các pháp là vô ngã, đạt được Vô sinh pháp nhẫn; thì công đức này hơn phước đức bố thí bảy báu đã nói ở trước. Này Tu-bồ-đề! Do các Bồ-tát không nhận lấy phước đức.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao Bồ-tát không nhận lấy phước đức?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát thọ phước đức nhưng không giữ phước đức, cho nên mới gọi là Bồ-tát giữ phước đức.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói Như Lai hoặc đến, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc nằm, thì người ấy không hiểu nghĩa Như Lai đã nói. Vì sao? Vì Như Lai là không từ đâu đến, không đi về đâu, cho nên mới gọi là Như Lai.

Này Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam, tín nữ nào đem vi trần của tam thiên

đại thiên thế giới, lại đem nhiều thế giới vi trần như trên nghiền nát thành a-tăng-kỳ vi trần. Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Những vi trần ấy có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Những vi trần kia rất nhiều, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì nếu những vi trần ấy mà thật có, tức Phật không nói những vi trần ấy. Vì sao? Vì Phật mà nói những vi trần ấy tức chẳng phải những vi trần, cho nên Phật mới nói đó là những vi trần. Bạch Thế Tôn! Như Lai nói tam thiên đại thiên thế giới tức chẳng phải thế giới, cho nên Phật mới nói đó là tam thiên đại thiên thế giới. Vì sao? Vì nếu thế giới thật có tức là tướng nhất hợp. Như Lai nói tướng nhất hợp tức chẳng phải là tướng nhất hợp, cho nên Như Lai mới gọi đó là tướng nhất hợp.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Tướng nhất hợp tức là không thể nói, chỉ có những người phàm phu mới tham đắm việc đó. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì nếu có người nói như vầy: "Phật nói thấy ngã, thấy nhân, thấy chúng sinh, thấy thọ giả." Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? người ấy nói có đúng không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì Như Lai nói: "Thấy ngã, thấy nhân, thấy chúng sinh, thấy thọ giả tức chẳng phải thấy ngã, thấy nhân, thấy chúng sinh, thấy thọ giả; mới gọi đó là thấy ngã, thấy nhân, thấy chúng sinh, thấy thọ giả."

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với tất cả pháp nên biết như vậy, thấy như vậy, tin như vậy, nhưng không trụ nơi pháp tướng như vậy. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Gọi pháp tướng là pháp tướng, Như Lai nói tức chẳng phải pháp tướng, mới gọi đó là pháp tướng.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có Đại Bồ-tát dùng bảy báu có khắp trong vô lượng a-tăng-kỳ thế giới mà bố thí; lại nếu có thiện nam, tín nữ phát tâm Bồ-tát đối với kinh Bát-nhã ba-la-mật này mà đọc tụng, thọ trì, cho đến chỉ bốn câu kệ thôi, lại vì người khác mà giảng nói thì phước đức người này hơn vị Bồ-tát kia vô lượng a-tăng-kỳ. Thế nào là vì người mà diễn nói, mà không gọi là nói, đó là diễn nói?

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì điều hỏi ấy mà nói kệ:

Tất cả pháp hữu vi
Như đèn, sao, màng, huyễn
Như bọt, sương, mộng, chớp

Nên làm như đã quán.

Đức Phật nói kinh này xong, Trưởng lão Tu-bồ-đề cùng các Đại Bồ-tát, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà... nghe Phật nói vậy, đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành.

-oOo-

SỐ 237

KINH KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Hán dịch: Đời Trần, Tam tạng Pháp sư Chân Đế, người xứ Thiên Trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo trụ ở khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào buổi sáng, Thế Tôn đắp y cầm bát vào đại thành Xá-vệ khất thực. Trong thành, Ngài theo thứ lớp khất thực xong trở về trú xứ thọ thực rồi xếp y, rửa bát, rửa chân, như thường lệ trải tọa cụ, ngồi kiết già ngay ngắn, chánh niệm tại chỗ. Khi ấy các Tỳ-kheo đều đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, nhiễu bên phải ba vòng rồi ngồi qua một bên.

Lúc đó Tịnh mạng Tu-bồ-đề đang ngồi trong đại chúng, liền đứng dậy, trịch vai áo bên phải, quỳ gối phải sát đất, đảnh lễ Phật rồi chắp tay bạch Phật:

–Thật hiếm có, bạch Thế Tôn! Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Giác Tri khéo hộ niệm cho các Đại Bồ-tát được lợi ích vô thượng; khéo phó chúc cho các Đại Bồ-tát được giáo nghĩa vô thượng.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào phát tâm Vô thượng Đẳng chánh giác hành Bồ-tát đạo thì nên an trụ thế nào? Tu hành thế nào? Và phát khởi tâm Bồ-tát thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay! Này Tu-bồ-đề! Như lời ông nói, Như Lai khéo hộ niệm các Đại Bồ-tát đạt lợi ích vô thượng, khéo phú chúc cho các Đại Bồ-tát đạt giáo nghĩa vô thượng. Này Tu-bồ-đề! Ông hãy nhất tâm lắng nghe, cung kính và khéo léo suy nghĩ, ta sẽ vì ông mà giảng.

Nếu như Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, hành Bồ-tát đạo thì nên an trú như vầy, tu hành như vầy, phát tâm như vầy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Đức Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Người thiện nam, thiện nữ nào khi phát tâm Bồ-đề, hành Bồ-tát đạo, thì nên phát tâm như vầy: "Đối với tất cả các loài chúng sinh như trứng sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh; loài có hình sắc, loài không hình sắc; loài có tưởng, loài không tưởng, chẳng phải có tưởng, chẳng phải không có tưởng, cho đến chúng sinh với những tên gọi khác nhau, ta đều làm cho họ được an ổn nơi Niết-bàn vô phiền não." Tuy vô lượng chúng sinh đã nhập Niết-bàn, nhưng không một chúng sinh nào nhập Niết-bàn. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát có tưởng chúng sinh, thì không được gọi là Bồ-tát, vì tất cả Bồ-tát không có tưởng ngã, tưởng nhân, tưởng chúng sinh, tưởng thọ giả.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không chấp trước vào các loài chúng sinh trên mà thực hành bố thí, không chấp trước vào những gì của mình và của người trong lúc bố thí, không chấp trước vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà thực hành bố thí. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát phải nên hành bố thí như vầy: "Không chấp trước vào các tưởng tướng trong lúc bố thí." Vì sao? Vì nếu Bồ-tát trong lúc bố thí, không có tâm chấp trước thì phước đức tụ hội không tính kể.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì hư không ở phương Đông có thể tính được không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể tính được!

Đức Phật nói:

–Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Hư không ở các phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn góc, trên dưới, mười phương có thể tính được không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể tính được!

Đức Phật nói:

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát không để tâm chấp trước trong lúc hành bố thí thì phước đức tụ hội không thể tính kể. Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì có thể dựa vào oai đức thù thắng của thân tướng mà thấy Như Lai không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể được! Vì sao? Vì Như Lai dạy oai đức thù thắng của thân tướng chẳng phải là oai đức thù thắng của thân tướng.

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Phàm cái gì có tướng đều là hư vọng, cái gì không có tướng là chân thật. Do các tướng là không tướng, cho nên thấy Như Lai.

Tịnh mạng Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ở đời hiện tại và vị lai, có nhiều Bồ-tát nghe thuyết đúng về các tướng và văn nghĩa trong kinh này như vậy, có sinh lòng tin chân thật không?

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Ông chớ nói như vậy. Ở đời hiện tại và vị lai, có nhiều Bồ-tát được nghe kinh này liền sinh lòng tin chân thật.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ở đời vị lai, sau khi chánh pháp diệt, năm trăm năm sau, có các Đại Bồ-tát trì giới, tu hành phước đức và có trí tuệ. Này Tu-bồ-đề! Các Đại Bồ-tát này gieo trồng thiện căn và làm Phật sự chẳng phải ở nơi một vị Phật, mà ở vô lượng trăm ngàn vị Phật.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ nào nghe thuyết về các tướng và văn nghĩa trong kinh này, dù chỉ một niệm mà sinh lòng tin chân thật, thì Như Lai đều biết người này và thấy người này. Này Tu-bồ-đề! Thiện nam, tín nữ này phát sinh phước đức vô lượng. Vì sao? Vì các Bồ-tát không tưởng có ngã, có nhân, có chúng sinh, có thọ giả; không tưởng có pháp, không tưởng phi pháp, tưởng không, chẳng tưởng không. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Nếu các Đại Bồ-tát này tưởng có pháp, tức là còn chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Vì vậy, Bồ-tát không nên ôm giữ lấy pháp và phi pháp. Do nghĩa như vậy, nên Như Lai thường dạy người tu hành phải quán sát và hiểu rằng kinh ví như chiếc bè, chánh pháp còn phải bỏ, huống gì phi pháp.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không? Như Lai có thuyết pháp không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu nghĩa của Đức Phật dạy, thì không có pháp gì để Như Lai chứng đắc Vô thượng Đẳng chánh giác; cũng không có pháp để chấp lấy, không thể nói, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp. Vì tất cả Thánh nhân đều dựa vào pháp chân như vô vi mà hiển hiện.

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? nếu có người đem bảy báu đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới mà bố thí, nhờ đó người ấy có được nhiều phước đức không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều! Người thiện nam, thiện nữ đó nhờ sự bố thí mà được phước đức rất nhiều. Vì sao? Vì phước đức tức chẳng phải phước đức, cho nên Như Lai mới gọi là phước đức.

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nào thọ trì kinh này, dù chỉ bốn câu kệ, giảng giải đúng ý nghĩa kinh này cho người khác nghe, thì người này phước đức phát sinh nhiều hơn người kia vô lượng vô số. Vì sao? Vì Như Lai thành Vô thượng Bồ-đề là do phước đức này, chư Phật Thế Tôn cũng sinh ra từ phước này. Vì sao? Vì nói Phật pháp tức chẳng phải Phật pháp, nên mới gọi là Phật pháp.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Tu-đà-hoàn có nghĩ: "Ta đắc quả Tu-đà-hoàn" không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì thật ra không có chỗ nào để đạt đến Dự lưu, mới gọi là Tu-đà-hoàn; cho đến sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng lại như vậy. Tư-đà-hàm tên gọi là Nhất lai, thật ra không có chỗ để qua lại, nên mới gọi là Tư-đà-hàm. A-na-hàm tên gọi là Bất lai, thật ra đâu có chỗ nào để mà không đến, nên mới gọi là A-na-hàm.

Đức Thế Tôn hỏi:

–Như vậy, theo ông, A-la-hán có nghĩ: "Ta đắc quả A-la-hán" không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, không có! Vì sao? Vì sự chân thật không có sở hữu nên mới gọi là A-la-hán. Nếu A-la-hán nghĩ như vậy tức là còn chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai Ứng Cúng là Bậc Chánh Biến Tri thường khen ngợi con thành tựu định Vô tránh là bậc nhất trong mọi người. Con nay tuy đã đắc A-la-hán, ra khỏi dục của ba cõi, nhưng con không nghĩ rằng mình chứng đắc A-la-hán. Nếu con nghĩ như vậy, thì Đức Như Lai sẽ không thọ ký cho con đắc pháp định Vô tránh, là bậc nhất trong mọi người. Thật ra không trụ ở định Vô tránh tức là trụ ở định Vô tránh.

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Vào thời Phật Nhiên Đăng, Đức Như Lai, Ứng Cúng, bậc Chánh Biến Tri có nhận lấy một pháp nào không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có nhận lấy một pháp gì. Vì đâu có pháp nào

để Như Lai nhận lấy vào thời Phật Nhiên Đăng.

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Nếu có Bồ-tát nói như vầy: "Ta sẽ làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, thì Bồ-tát đó nói lời giả dối." Vì trang nghiêm cõi Phật, Như Lai bảo chẳng phải trang nghiêm, nên mới gọi là trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. Do đó Bồ-tát không nên sinh tâm trú trước như vậy. Cũng không trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sinh tâm; nên không chỗ trụ mà sinh tâm.

Này Tu-bồ-đề! Ví như có người thân thể to lớn như núi Tu-di. Ý ông thì sao, thân tướng như vậy có to lớn không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất to lớn! Vì sao? Vì Như Lai dạy:

–Chẳng có thân gọi là có thân, thân này chẳng phải có nên mới gọi là thân.

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Trong sông Hằng có rất nhiều cát, cứ mỗi hạt cát là một sông Hằng. Vậy số cát trong những sông Hằng ấy có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Cát trong một sông Hằng đã nhiều rồi, huống chi cát trong nhiều sông Hằng ấy.

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Như Lai sẽ nói cho ông rõ! Như Lai sẽ giảng cho ông hiểu! Có những thế giới cũng nhiều như số cát ở nhiều sông Hằng vậy; nếu có thiện nam, tín nữ đem bảy thứ báu cúng dường Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, theo ý ông thì sao, người này phước đức có nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều! Người này nhờ đó mà phước đức phát sinh rất nhiều.

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam, tín nữ nào đem bảy báu đầy khắp thế giới như cát sông Hằng ấy mà bố thí. Hoặc lại có thiện nam, tín nữ khác thọ trì kinh điển này, dù chỉ bốn câu kệ mà cung kính thọ trì lại giảng giải đúng đắn cho người khác, thì người này phước đức phát sinh nhiều hơn người kia vô lượng vô số.

Này Tu-bồ-đề! Bất kỳ chỗ nào nếu có người thọ trì kinh này, dù chỉ

bốn câu kệ nhưng rất cung kính, lại còn đọc tụng giảng thuyết cho người nghe kinh này. Nên biết chỗ ấy, tuy là thế gian nhưng có linh miếu, tất cả Trời, Người, A-tu-la... đều phải cung kính, huống chi người hết lòng đọc tụng kinh điển này. Nên biết người này tương ứng với pháp vô thượng hiếm có. Tại chỗ đó, như có Đức Phật và các bậc đáng tôn trọng.

Đức Phật thuyết như vậy xong, Tịnh mạng Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh điển này tên là gì? Chúng con phải phụng trì thế nào?

Đức Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Kinh này gọi là Kim Cang Bát-nhã ba-la-mật. Các ông cứ theo tên gọi đó mà phụng trì. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật này, Như Lai nói chẳng phải là Bát-nhã ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Có pháp gì để Như Lai nói không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có pháp nào để Như Lai nói.

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Số vi trần trong thế giới rất nhiều. Vì số vi trần này, Như Lai nói chẳng phải vi trần, nên mới gọi là vi trần. Các thế giới này, Như Lai nói chẳng phải thế giới, nên mới gọi là thế giới.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông nghĩ sao? Có thể dựa vào ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân để thấy Như Lai không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể được! Vì sao? Vì ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân này, Như Lai bảo chẳng phải tướng, nên mới gọi là ba mươi hai tướng.

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ nào xả bỏ thân mạng để bố thí nhiều như số cát trong những sông Hằng, đồng thời có người thọ trì kinh này dù chỉ bốn câu kệ nhưng rất cung kính, thọ trì, còn giảng giải đúng đắn cho người khác, thì người này phát sinh phước đức nhiều hơn người kia vô số lượng.

Bấy giờ Tịnh mạng Tu-bồ-đề do nghe kinh này, thấy lợi ích của kinh, bèn xúc động, rơi lệ mà thưa Phật:

–Hiếm có thay, bạch Thế Tôn! Hiếm có thay, bạch Thiện Thệ! Đối với kinh điển Như Lai thuyết như vậy, từ khi con đắc Thánh tuệ đến nay, chưa từng được nghe. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Giảng Bát-nhã ba-la-mật tức

chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật, nên mới gọi là giảng Bát-nhã ba-la-mật.

Bạch Thế Tôn! Người nghe thuyết kinh này liền sinh thật tưởng, người này cùng tương ưng với pháp vô thượng hiếm có. Thật tưởng ấy thật ra chẳng phải có tưởng, cho nên Như Lai nói là thật tưởng, nên mới gọi là thật tưởng. Bạch Thế Tôn! Việc này đối với con chẳng phải hiếm có, vì khi Thế Tôn giảng kinh này con liền sinh lòng tin hiểu thọ trì.

Bạch Thế Tôn! Ở đời vị lai, nếu có chúng sinh nào cung kính, thọ trì kinh này và giảng giải cho người thì người này cũng tương ưng với pháp vô thượng hiếm có. Vì người này không có tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Vì sao? Vì tưởng ngã, tưởng chúng sinh, tưởng nhân, tưởng thọ giả chẳng phải tưởng. Chư Phật Thế Tôn giải thoát hoàn toàn các tưởng, không còn sót lại điều gì, cho nên dạy như vậy.

Đức Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Nên biết người này cũng tương ưng với pháp vô thượng hiếm có. Người này nghe giảng kinh này không kinh ngạc, không hoảng hốt, không sợ hãi. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì Như Lai giảng nói kinh này là Ba-la-mật đệ nhất. Như Lai giảng nói Ba-la-mật này, vô lượng chư Phật cũng đã giảng nói như vậy, cho nên gọi là Ba-la-mật đệ nhất.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như Lai nói Nhẫn nhục ba-la-mật, tức chẳng phải Nhẫn nhục ba-la-mật. Vì sao? Vì xưa kia ta bị vua Ca-lăng-già chặt đứt thân thể, xương tan, thịt nát; nhưng lúc đó ta không có tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả; chỉ tưởng không, tưởng chẳng phải không. Khi đó nếu ta tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả thì tưởng sân hận sẽ phát sinh.

Này Tu-bồ-đề! Ta nhớ thời quá khứ, năm trăm đời làm vị Tiên lớn tên là Thuyết Nhẫn. Trong những đời đó, tâm ta không khởi có tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Cho nên, khi Đại Bồ-tát phát khởi tâm Vô thượng Bồ-đề, phải xa lìa tất cả tưởng; không nên sinh tâm trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc; không nên sinh tâm trụ nơi pháp, không nên sinh tâm trụ nơi chẳng phải pháp, không nên sinh tâm có chỗ trụ. Vì sao? Vì nếu tâm có chỗ trụ tức chẳng phải là trụ. Như Lai nói Bồ-tát khi thực hành bố thí, tâm nên không có chỗ trụ.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát hành bố thí như vậy vì lợi ích tất cả chúng sinh. Nếu tưởng chúng sinh ấy tức chẳng phải tưởng; như vậy Như Lai nói tất cả chúng sinh tức chẳng phải là chúng sinh. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn đã lìa tất cả tưởng.

Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói lời chân thật, đúng đắn, không hư dối.

Pháp này Như Lai đã giác ngộ, pháp này Như Lai đã nói, pháp này chẳng phải thật, chẳng phải hư.

Này Tu-bồ-đề! Ví như có người ở trong bóng tối, không thấy gì. Bồ-tát rơi vào tướng hành, tướng bố thí cũng phải như vậy. Nếu người có mắt mà bị bóng tối che cũng chẳng thấy gì. Nếu ánh sáng mặt trời chiếu vào thì thấy tất cả mọi sắc. Bồ-tát rơi vào tướng hành, tướng bố thí cũng phải biết như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ở đời vị lai, nếu có thiện nam, tín nữ nào thọ trì, đọc tụng, tu hành, giảng giải cho người khác kinh này thì Như Lai biết rõ người này, thấy rõ người này và phước đức sinh trưởng vô lượng.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ nào buổi sáng bố thí thân mạng nhiều bằng số cát trong những sông Hằng như trên đã nói. Buổi trưa, buổi chiều cũng bố thí như vậy, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp đều đem thân mạng để bố thí. Lại có người nghe kinh điển này mà không phỉ báng, thì phước đức người này nhiều hơn người kia vô số lượng. Huống chi có người học tập, biên chép, thọ trì, đọc tụng, dạy người khác tu hành và giảng giải ý kinh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Kinh điển này chẳng thể nghĩ bàn, không thể suy lường, không gì sánh bằng. Như Lai vì thương xót, lợi ích cho người mà siêng năng hành Vô thượng thừa, hành Tối thượng thừa nên nói ra. Nếu có người nào ở đời vị lai thọ trì, đọc tụng, giảng dạy cho người khác tu hành theo đúng kinh này, thì Như Lai thấy rõ người này, biết rõ người này sẽ thành tựu phước đức vô số lượng tương ứng, bất khả tư nghị, không gì sánh bằng. Những người như vậy có thể gánh vác Vô thượng Bồ-đề của ta. Vì sao? Vì kinh điển như vậy, nếu không có người ưa thích, không có tâm nguyện mà chỉ thấy có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, những người như vậy đối với kinh này không thể lắng nghe, không thể tu tập, đọc tụng và dạy người khác tu hành được.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Tùy theo chỗ nào, nơi nào mà có giảng giải, làm sáng tỏ kinh này thì tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la... đều nên làm lễ cúng dường, nhiễu quanh bên phải. Nên biết những nơi đó như có linh miếu. Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ nào thọ trì, đọc tụng, giảng dạy người khác tu hành kinh này... mà hiện tại bị người khác khinh chê, là do người này đã tạo nhiều ác nghiệp trong đời quá khứ, đáng lẽ phải chịu quả báo nơi đường ác; đời nay, tuy bị người khinh chê, nhưng nghiệp tội và quả báo đời trước sẽ được tiêu diệt, sẽ đắc Vô thượng Bồ-đề.

Này Tu-bồ-đề! Ta nhớ thuở quá khứ, ở chỗ Phật Nhiên Đăng với vô

lượng, vô số đại kiếp không thể tính. Ta gặp tám vạn bốn trăm ngàn chư Phật Như Lai, đều cúng dường, thờ phụng, cung kính, không bỏ sót. Nếu có người nào ở đời mạt pháp, sau năm trăm năm, mà thọ trì đọc tụng, dạy người khác tu hành theo đúng kinh này thì người ấy sẽ gặt hái nhiều phước đức. Đem công đức cúng dường, phần trăm, phần ngàn, phần vạn ức, phần tính đếm cùng cực cũng chẳng sánh bằng một phần; cho đến so sánh về oai lực, phẩm loại, thí dụ cũng không bằng.

Này Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam, tín nữ nào về sau, ở đời mạt pháp, mà thọ trì, đọc tụng kinh này thì công đức ấy nếu ta nói ra hết hoặc có người nghe, nhớ nghĩ công đức ấy thì tâm liền mê loạn, bị điên cuồng.

Này Tu-bồ-đề! Kinh điển này là chẳng thể nghĩ bàn, nếu có người tu hành và đạt được thì kết quả cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Lúc bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, tín nữ nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hành Bồ-tát đạo thì nên trụ thế nào? tu hành thế nào? Phát khởi tâm Bồ-tát thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Thiện nam, tín nữ nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên sinh tâm như vầy: "Ta nên làm cho tất cả chúng sinh được an lạc để vào Vô dư Niết-bàn". Tuy vô lượng chúng sinh đã nhập Niết-bàn, nhưng không có một chúng sinh nào đã nhập Niết-bàn! Vì sao? Vì nếu Bồ-tát còn tưởng có chúng sinh, thì không gọi là Bồ-tát. Này Tu-bồ-đề! Thật ra không có pháp gì là hành thượng thừa Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông thì sao? Vào thời Phật Nhiên Đăng, Như Lai có đắc pháp gì gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có pháp gì để Như Lai chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vào thời Phật Nhiên Đăng.

Đức Phật nói:

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Vào thời Phật Nhiên Đăng, không có pháp gì để Như Lai chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu Như Lai có pháp để chứng đắc thì Phật Nhiên Đăng sẽ không thọ ký cho ta là: "Này Bà-la-môn! Ông sau này sẽ thành Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni, bậc Ứng Cúng, Như Lai Chánh Biến Tri."

Này Tu-bồ-đề! Vì không có pháp gì để Như Lai chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên Phật Nhiên Đăng mới thọ ký cho ta như vậy.

Vì sao? Vì Như Lai là tên khác của chân như.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói Như Lai đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì người này nói lời không thật. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Như Lai thật sự không có chứng đắc pháp gì gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Pháp mà Như Lai chứng đắc không thật, không hư, nên Như Lai nói tất cả đều là Phật pháp. Này Tu-bồ-đề! Tất cả pháp là chẳng phải tất cả pháp, Như Lai gọi là tất cả pháp, cũng giống như có người biến thân rất to lớn.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Theo lời Như Lai dạy, có người biến hóa thân rất to lớn, tức chẳng phải thân, nên gọi là biến hóa thân to lớn.

Đức Phật nói:

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Nếu có Bồ-tát nói rằng: "Ta sẽ đưa tất cả chúng sinh vào Niết-bàn", thì không nên gọi đó là Bồ-tát. Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì có pháp gì gọi là Bồ-tát không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có pháp để gọi là Bồ-tát.

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Thế nên, Như Lai nói tất cả pháp không ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Này Tu-bồ-đề! Nếu có Bồ-tát nào nói rằng: "Ta sẽ trang nghiêm thanh tịnh Phật độ." Bồ-tát nào nói lời như vậy là hư vọng. Vì sao? Vì Như Lai dạy trang nghiêm Phật độ tức chẳng phải là trang nghiêm, nên mới gọi là trang nghiêm Phật độ. Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thấy tin các pháp vô ngã, và các pháp vô ngã, thì Như Lai gọi đó là Bồ-tát, đúng là Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Như Lai có Nhục nhãn không?

Ngài Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Như Lai có Nhục nhãn!

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Như Lai có Thiên nhãn không?

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Thiên nhãn.

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Như Lai có Tuệ nhãn không?

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Tuệ nhãn!

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Như Lai có Pháp nhãn không?

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Pháp nhãn!

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Như Lai có Phật nhãn không?

Ngài Tu-bồ-đề nói:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Phật nhãn!

Đức Phật hỏi:

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Trong sông Hằng có rất nhiều cát. Cứ mỗi hạt cát là một sông Hằng. Vậy số thế giới như số cát trong những sông Hằng ấy có nhiều không?

Ngài Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Thế Tôn! Số thế giới này rất nhiều.

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Đối với những chúng sinh trong các thế giới ấy, ta đều thấy biết nhiều loại tâm hành của chúng sinh liên tục trụ vào các chủng loại khác nhau. Vì sao? Vì tâm trụ liên tục nối tiếp nhau nên Như Lai nói chẳng phải tâm trụ nối tiếp nhau, nên mới gọi là tâm trụ nối tiếp.

Này Tu-bồ-đề! Vì quá khứ, tâm không thể nắm bắt được; vị lai, tâm không thể nắm bắt được; hiện tại, tâm không thể nắm bắt được.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, nếu có người đem bảy báu đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới mà bố thí thì người đó, nhờ việc làm ấy có được nhiều phước đức không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Người đó được phước đức rất nhiều. Này Tu-bồ-đề! Nếu phước đức nhiều chỉ gọi là nhiều, thì Như Lai tất sẽ không nói phước đức nhiều, nên mới gọi là phước đức nhiều.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Có thể dựa vào sắc thân hoàn hảo mà thấy Như Lai không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể dựa vào sắc thân hoàn hảo mà thấy được Như Lai. Vì Như Lai dạy, sắc thân hoàn hảo này chẳng phải là sắc thân hoàn hảo, nên Như Lai mới gọi là sắc thân hoàn hảo.

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Có thể dựa vào các tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể được. Vì Như Lai dạy, các tướng hoàn hảo chẳng phải tướng hoàn hảo, nên Như Lai mới gọi là tướng hoàn hảo.

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Như Lai có nghĩ: "Ta thật sự có thuyết pháp" không? Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nào nói Như Lai thật sự có thuyết pháp, thì ông nên biết, người đó do hiểu biết sai lầm và dùng tà chấp nổi lên để phỉ báng ta. Vì sao? Vì ta nói thuyết pháp, thật sự không có pháp gì để thuyết, nên mới gọi là thuyết pháp.

Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ở đời vị lai, có chúng sinh nào nghe giảng về các tướng và văn nghĩa như vậy trong kinh này, mà thật sự sinh lòng tin không?

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Chẳng có chúng sinh nào, chẳng phải chẳng có chúng sinh nào. Vì sao? Vì Như Lai dạy, chúng sinh đó chẳng phải là chúng sinh, chẳng phải là phi chúng sinh, nên mới gọi là chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Như Lai có chứng đắc pháp gì gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Không, bạch Thế Tôn! Như Lai không có chứng đắc một pháp nào được gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

–Đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Dù chỉ pháp nhỏ như vi trần, Như Lai cũng xả bỏ, cho nên Như Lai chứng đắc, đó gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác một cách bình đẳng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Chư Phật, giác ngộ không có khác nhau, nên gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp, nên gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Do pháp không có ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ giả nên pháp đó bình đẳng gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do thiện pháp thật sự viên mãn hoàn hảo, nên đắc Vô thượng Chánh

đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Chỗ gọi là thiện pháp, thiện pháp ấy Như Lai dạy chẳng phải là thiện pháp, nên mới gọi là thiện pháp.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người đem bảy báu chất bằng núi Tu-di trong tam thiên đại thiên thế giới mà bố thí. Hoặc lại có người trì tụng và vì người giảng thuyết Bát-nhã ba-la-mật, dù chỉ bốn câu kệ thì phước đức rất nhiều. Đem công đức trên so với công đức này thì phần trăm, phần ngàn, phần vạn ức cũng chẳng bằng một, cho đến dùng oai lực, phẩm loại, với các thí dụ chẳng thể sánh bằng.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Như Lai có nghĩ rằng: "Ta hóa độ chúng sinh" không? Này Tu-bồ-đề! Ông không nên nghĩ như vậy. Vì sao? Vì thật ra không có chúng sinh nào để Như Lai hóa độ cả. Nếu có chúng sinh để Như Lai hóa độ, tức là còn chấp vào ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói tất cả những chấp này, tức chẳng phải chấp trước. đó là chỗ chấp trước của phàm phu chúng sinh. Này Tu-bồ-đề! Phàm phu chúng sinh ấy, Như Lai nói chẳng phải là chúng sinh, nên mới gọi là phàm phu chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Có thể dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Theo nghĩa lý của Phật giảng, thì con hiểu không thể dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai được.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy! Này Tu-bồ-đề! Không thể dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy được Như Lai. Nếu dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai thì chẳng lẽ Chuyển luân thánh vương cũng là Như Lai sao? Cho nên không dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai.

Ngay lúc ấy Thế Tôn liền nói kệ:

Nếu dùng mắt thấy ta
Dùng âm thanh cầu ta
Người đó hành đạo tà
Chẳng thể thấy được ta.
Do pháp nên thấy Phật
Pháp điều ngự là thân
Pháp này ngoài thức cảnh
Sâu xa khó thấy được.

Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Như Lai có dựa vào tướng hoàn hảo mà đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không? Này Tu-bồ-đề! Ông

chớ thấy như vầy: Như Lai dùng tướng hoàn hảo mà đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Như Lai không dùng tướng hoàn hảo để đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Nếu ông nghĩ Như Lai nói có người hành Bồ-tát đạo, có pháp có thể diệt. Này Tu-bồ-đề! Ông đừng thấy như vậy. Vì sao? Vì Như Lai không nói có người hành Bồ-tát đạo và pháp có thể bị hoại diệt và vĩnh viễn đoạn trừ.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ nào đem bảy báu đầy khắp thế giới, nhiều như cát sông Hằng mà bố thí. Hoặc lại có Bồ-tát đối với tất cả pháp vô ngã, vô sinh mà đắc Vô sinh pháp nhẫn; do nhân duyên này mà phước đức của vị này nhiều hơn vị kia; vì vị này thực hành Đại thừa, không chấp thủ phước đức.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Phước đức này có thể nhận lãnh không?

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Phước đức này có thể nhận lãnh, không nên chấp thủ, nên mới nói là phước đức có thể nhận lãnh.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói Như Lai đi, đứng, nằm, ngồi thì người ấy không hiểu lời ta nói. Vì sao? Vì Như Lai không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, nên mới gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Giác Tri.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, tín nữ nào đem vi trần của đại địa trong tam thiên đại thiên thế giới mà thiêu thành tro bụi, rồi viên thành mực xếp thành một làng vi trần. Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao, làng hư trần đó có nhiều không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Vì sao? Vì nếu làng hư trần đó là thật có thì Thế Tôn không gọi là làng hư trần. Vì sao? Vì Thế Tôn nói đó chẳng phải là làng hư trần cho nên gọi là làng hư trần. Như Lai thuyết tam thiên đại thiên thế giới tức chẳng phải là thế giới, nên mới gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Nếu thế giới này là thật có, thì sự tập hợp này Như Lai nói chẳng phải là tập hợp, nên mới gọi là tập hợp.

Đức Phật bảo ngài Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Sự tập hợp này, chỉ do thế gian gọi. Này Tu-bồ-đề! Pháp này chẳng có thể nói là pháp, vì phàm phu hay chấp lấy lời nói một cách thiên lệch.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói Như Lai thuyết ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến. Này Tu-bồ-đề! Theo ý ông thì sao? Người

đó nói có chính xác không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn, không chính xác! Bạch Thiện Thệ, không chính xác! Vì sao? Vì Như Lai nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến tức chẳng phải là kiến, nên mới nói là ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến.

Này Tu-bồ-đề! Người nào hành Bồ-tát đạo nên biết, nên thấy, tin tất cả pháp đúng như vậy mà tu hành, để pháp tưởng không có chỗ sinh khởi. Vì sao? Vì pháp tưởng ấy, Như Lai nói chẳng phải tưởng, nên mới gọi là pháp tưởng.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát nào đem bảy báu đầy khắp vô lượng, vô số thế giới mà bố thí. Hoặc lại có thiện nam, tín nữ thọ trì, đọc tụng dạy người khác tu hành, giảng rộng Bát-nhã ba-la-mật dù chỉ bốn câu kệ, thì thiện nam, tín nữ đó được phước đức nhiều hơn người kia vô lượng, vô biên.

Này Tu-bồ-đề! Sao gọi là giảng rõ kinh này? Do không có sự giảng rõ, nên mới gọi là giảng rõ.

Chân như bất động
Luân thuyết lời chân
Nên quán pháp hữu vi
Như màng mắt, ánh đèn
Như bọt nước, sương, huyễn
Như điện chớp, mây, mộng.

Khi Đức Thế Tôn thuyết kinh này xong, Đại đức Tu-bồ-đề tâm rất hoan hỷ. Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Người, A-tu-la… tất cả thế gian đều vui mừng hớn hở, tín thọ phụng hành.

-oOo-

Tam tạng Pháp sư Chân Đế hiệu là Câu-na-la-tha, người nước Ưu-thiền-ni ở miền Tây Thiên trúc.

Vào thời vua Lương Võ đế, ngài đi xứ xa để tiếp rước kinh này, từng qua đến nước Mân, nước Việt, tạm nghỉ tại Lương An. Thái thú Vương Phương Dư siêng năng với chánh pháp, tính thích Đại thừa, bèn xây dựng già-lam, thỉnh ngài giảng rộng kinh điển. Pháp sư không trái bản nguyện, ba lần thỉnh mới im lặng nhận lời. Ngài tìm hiểu kinh cũ, thấy có nhiều chỗ sai lầm. Vào ngày 01 tháng 05 năm Nhâm ngọ, ngài theo văn Thiên trúc, phiên dịch lại và dựa vào luận Bà-tẩu để giải thích. Pháp sư vì thông hiểu ngôn ngữ ở đây, cho nên không mất công lao nhiều. Ngài chú tâm vào lời văn sâu xa ở đó, đã tuyên thuyết sơ bộ nghĩa thậm thâm ở đây. Các Pháp sư ở tông phái khác, như Pháp sư Pháp Kiền đều cùng nhau ghi chép thọ trì. Đến ngày 25 tháng 09 thì văn nghĩa hoàn chỉnh. Kinh gốc thì một quyển, chú nghĩa thì mười quyển. Mỗi ngày mỗi ngày, Pháp sư Pháp Kiền nguyện viết một trăm bộ để cúng dường, truyền bá và giảng giải khắp mười phương, nguyện cầu cho tất cả chúng sinh, nghe thuyết đúng kinh này mà mau chóng đến Niết-bàn. Rất mong được lưu truyền, giáo hóa thường xuyên.

-oOo-

SỐ 238

KINH KIM CANG NĂNG ĐOẠN BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng
Pháp sư Cấp-đa

Quy mạng tất cả chư Phật và hải chúng Bồ-tát!

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn cùng với chúng Thanh văn, một ngàn năm trăm vị Tỳ-kheo, du hóa đến vườn Cấp cô độc trong khu Thắng lâm.

Khi ấy, vào buổi sáng, Đức Thế Tôn cùng chúng Thanh văn đắp y, cầm bát vào trong đại thành tuần tự khất thực. Khất thực xong, trở về thọ trai rồi rửa bát, xếp y, rửa chân, ngồi kiết già trên tọa cụ, lưng thẳng, chánh niệm an trụ trước mặt.

Lúc đó các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn đảnh lễ dưới chân, nhiễu quanh bên phải ba vòng, rồi ngồi một bên. Khi ấy Thiện Thật ngồi giữa đại chúng, bèn đứng dậy, trịch vai áo bên phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thật là hiếm có! Bạch Đấng Chánh Biến Tri, Như Lai khéo nhiếp phục các Đại Bồ-tát, nhiếp phục điều tối thắng. Như Lai khéo phú chúc điều tối thắng cho các Đại Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn! Nếu người nào phát tâm tu hành Bồ-tát đạo thì nên an trụ thế nào? Nên tu hành thế nào? Nên hàng phục tâm thế nào? Cúi xin Thế Tôn chỉ dạy, con mong muốn được nghe.

Đức Thế Tôn dạy:

–Này Thiện Thật! Đúng như vậy, đúng như lời ông nói! Như Lai khéo nhiếp phục các Đại Bồ-tát, nhiếp phục điều tối thắng nhất. Như Lai khéo phú chúc các Đại Bồ-tát, phú chúc điều tối thắng nhất. Này Thiện Thật! Ông hãy lắng nghe, để ý suy nghĩ lời Như Lai dạy. Khi phát tâm tu hành Bồ-tát đạo nên an trụ như vầy, nên tu hành như vầy, nên hàng phục tâm như vầy.

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nguyện muốn được nghe.

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Thật! Khi Bồ-tát tu hành phải phát sinh tâm như vầy: "Đối với các loài chúng sinh như noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh, loài có hình sắc, loài không hình sắc, loài có tưởng, loài không tưởng, loài chẳng phải có tưởng, chẳng phải không tưởng. Tất cả thế giới các loài chúng sinh đó ta đều làm cho họ được diệt độ, vào Vô dư Niết-bàn". Tuy vô lượng chúng sinh được diệt độ, nhưng không có một chúng sinh nào diệt độ. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát còn tưởng đến nhân, chúng sinh, thọ giả thì không gọi là Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Thiện Thật! Bồ-tát không nên để tâm trong việc bố thí, nên bố thí một cách "vô sở trụ", nghĩa là không trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp để bố thí. Này Thiện Thật! Bồ-tát bố thí như vậy là không trụ vào tướng tưởng, cho nên phước đức thành tựu không thể lường.

Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao? Hư không phương Đông có thể nghĩ lường chăng?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể lường!

Đức Phật dạy:

–Hư không phương Nam, phương Tây, phương Bắc, Trên, Dưới ở mười phương có thể nghĩ lường được không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể lường!

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Thật! Đúng như vậy, đúng như vậy! Nếu Đại Bồ-tát không chú tâm vào hình tướng bố thí, thì phước đức kia thành tựu không thể lường. Lại nữa, này Thiện Thật! Bồ-tát thực hành bố thí không chú tâm cũng không trụ vào tướng tưởng như vậy, theo ý ông thì sao, họ có dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai đã dạy, tướng hoàn hảo chẳng phải là tướng hoàn hảo. Không thể căn cứ hay căn cứ vào tướng này mà thấy được Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Sau khi chánh pháp diệt độ, khoảng năm trăm năm sau, trong thời kỳ chuyển kiếp, có chúng sinh nào ở đời vị lai đó, dựa vào hình sắc, thể loại trong kinh này mà thuyết giảng, thì có phát sinh thật tưởng

không?

Đức Phật bảo Thiện Thật:

–Này Thiện Thật! Ông chớ nói lời như vậy! Có chúng sinh như vậy phát sinh thật tưởng. Vào thời kỳ đó, cũng có Đại Bồ-tát thực hành giới rốt ráo, công đức rốt ráo, trí tuệ rốt ráo. Nên biết là Đại Bồ-tát không chỉ gần gũi, cúng dường, gieo trồng căn lành ở một vị Phật, mà cả trăm ngàn vị Phật. Đại Bồ-tát đó dựa vào hình sắc, thể loại, câu cú trong kinh này nhất tâm tin tưởng thanh tịnh cũng đạt được điều nên biết. Này Thiện Thật nên biết! Bồ-tát đó sẽ đạt được tri kiến Phật của Như Lai, nhãn quan Phật của Như Lai. Tất cả những vị đó phước đức phát sinh vô lượng. Vì sao? Vì các Đại Bồ-tát đó không bị biến chuyển bởi tưởng ngã, tưởng nhân, tưởng chúng sinh, tưởng thọ giả.

Này Thiện Thật! Đại Bồ-tát có bị biến chuyển bởi tưởng có pháp, tưởng không pháp, các loại tưởng và vô tưởng không? Nếu Bồ-tát bị biến chuyển bởi tưởng có pháp và tưởng không pháp thì Bồ-tát đó còn chấp giữ vào ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

Này Thiện Thật! Đại Bồ-tát không nên chấp có pháp hay không pháp. Bởi nghĩa ấy cho nên Như Lai thường dạy:

–Pháp ví như chiếc bè, chánh pháp còn bỏ, huống gì phi pháp.

Lại nữa, này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao? Như Lai có chứng ngộ pháp Vô thượng Chánh biến tri và có thuyết pháp không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu nghĩa lời dạy của Như Lai, thì không có một pháp gì gọi là Vô thượng Chánh biến tri để Như Lai chứng ngộ và cũng không có một pháp nào của Như Lai nói. Vì Như Lai thuyết pháp không có chấp thủ, không thể nói, không có pháp cũng không có phi pháp. Vì vậy tất cả Thánh nhân đều dựa vào pháp vô vi mà tỏ ngộ.

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao? Nếu có thiện nam, tín nữ nào đem bảy báu đầy khắp cả tam thiên đại thiên thế giới mà cúng dường Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri thì người ấy, phước đức thành tựu có nhiều không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Vì sao? Vì Như Lai dạy phước đức thành tựu đó chẳng phải là phước đức thành tựu nên mới gọi là phước đức thành tựu.

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Thật! Nếu có người nương theo pháp này mà thọ trì, dù chỉ bốn câu kệ, còn vì người khác mà phân tích, giảng giải rộng thì phước đức đó còn nhiều hơn người kia vô số lượng, không thể tính kể. Vì sao? Vì chư Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri sinh ra từ đó, chư Phật Thế Tôn cũng sinh ra từ đó. Vì Phật pháp, Phật pháp ấy tức chẳng phải Phật pháp, nên mới gọi là Phật pháp.

Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao? Bậc Nhập lưu có nghĩ rằng: "Ta đắc quả Nhập lưu" không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì một người, gọi là Nhập lưu thì không nhập vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nhập lưu mà còn nghĩ đắc quả Nhập lưu, thì người đó còn chấp lấy ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

Đức Phật hỏi:

–Này Thiện Thật! Bậc Nhất lai có nghĩ rằng: "Ta đắc quả Nhất lai" không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì đâu có Nhất lai như vậy để nhớ nghĩ là ta đắc quả Nhất lai! Ở đó cũng không có pháp gì gọi là Nhất lai, nên mới gọi là bậc Nhất lai.

Đức Phật hỏi:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao? Bậc Bất lai có nghĩ rằng: "Ta đắc quả Bất lai" không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì ở đó không có pháp gì gọi là Bất lai, nên mới gọi là Bất lai.

Đức Phật hỏi:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông, bậc Ứng Cúng có nghĩ rằng: "Ta đắc quả A-la-hán" không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì ở đó không có pháp gì gọi là Ứng cúng, nên mới gọi là A-la-hán. Bạch Thế Tôn! Nếu bậc Ứng cúng còn nghĩ: "Ta đắc quả A-la-hán" thì vị đó còn chấp lấy ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

Bạch Thế Tôn! Thế Tôn bảo con là người thành tựu pháp vô tránh tối thắng nhất, bậc ly dục nhất; nhưng con thì không nghĩ con là bậc Ứng cúng. Nếu con nghĩ con đắc quả A-la-hán, thì Như Lai đã không thọ ký cho con

là người thực hành pháp Vô tránh tối thắng. Vì vốn không có thực hành, cho nên mới gọi là thực hành Vô tránh.

Đức Phật hỏi:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông, Phật Đăng Tác có thọ ký cho ta chứng đắc pháp gì gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có một pháp nào để Phật Đăng Tác thọ ký cho Thế Tôn thành Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri.

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Thật! Nếu có Đại Bồ-tát nói rằng: "Ta làm trang nghiêm, thành tựu cõi Phật". Vị ấy nói lời như vậy là không đúng. Vì sao? Vì trang nghiêm cõi Phật, Như Lai nói ấy chẳng phải trang nghiêm cõi Phật, nên mới gọi là trang nghiêm cõi Phật.

Này Thiện Thật! Đại Bồ-tát không nên trụ như vầy mà sinh tâm: không nên trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà phát sinh tâm; phải nên không có chỗ để trụ mà phát sinh tâm.

Này Thiện Thật! Ví như người nam có thân hình to lớn như núi Thiện cao, ý ông thế nào? Thân người đó có to lớn không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất to lớn! Vì sao? Vì thân to lớn, Như Lai dạy chẳng phải là thân to lớn, nên mới gọi là thân to lớn.

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Thật! Trong sông Hằng có rất nhiều cát. Cứ một hạt cát là một sông Hằng. Vậy trong vô số sông Hằng đó số cát có nhiều không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Vì một sông Hằng số cát đã nhiều rồi, huống chi số cát trong vô số sông Hằng.

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Thật! Ta muốn ông biết rõ, ông là sở hữu trong ta, cũng như cát là sở hữu trong sông Hằng, vậy cứ một hạt cát là một thế giới. Nếu có thiện nam, tín nữ nào đem bảy báu trong khắp các thế giới ấy mà cúng dường Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, theo ý ông thì sao, những người đó phát sinh phước đức nhiều không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều! Người đó nhờ

cúng dường nên phước đức phát sinh nhiều vô lượng không thể tính.

Đức Phật bảo:

Lại nữa, này Thiện Thật! Nếu có người thọ trì kinh này dù chỉ bốn câu kệ và vì người khác mà phân biệt, phân tích giảng thuyết rộng. Phước của người này phát sinh nhiều hơn người kia vô lượng, không thể tính.

Này Thiện Thật! Nơi nào có thọ trì kinh này, dù chỉ bốn câu kệ, mà có sự giảng giải, phân tích sâu kỹ kinh này cho người thì nơi đó như có linh miếu, còn được Trời, Người, A-tu-la khuyến khích: "Kinh pháp này rất căn bản. Hãy nên thọ trì, đọc tụng, vì người mà phân tích, giảng giải sâu rộng sự tối thắng hy hữu của nó một cách đầy đủ." Này Thiện Thật! Nơi đó thường có bậc giáo thọ, bậc đạo cao đức trọng, hoặc có vị đồng phạm hạnh thường lui tới.

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này gọi là gì? Và chúng con nên phụng trì thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Thật! Kinh này gọi là Trí Tuệ Đáo Bỉ Ngạn, ông cứ nương theo pháp căn bản này mà phụng trì. Vì sao? Vì Trí Tuệ Đáo Bỉ Ngạn, Như Lai nói chẳng phải Đáo bỉ ngạn, nên mới gọi là Đáo bỉ ngạn.

Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, Như Lai có thuyết pháp không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai không có thuyết pháp.

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, bụi trần trong tam thiên đại thiên thế giới có nhiều không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều! Vì sao? Vì bụi trần đó, Như Lai thuyết giảng chẳng phải bụi trần, nên mới gọi là bụi trần. Hoặc thế giới ấy, Như Lai thuyết giảng chẳng phải thế giới, nên mới gọi là thế giới.

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao? Có thể dựa vào ba mươi hai tướng Đại trượng phu mà thấy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể được! Vì ba mươi hai tướng Đại trượng phu mà Như Lai thuyết chẳng phải là ba mươi hai tướng Đại trượng phu, nên mới gọi là ba mươi hai tướng Đại trượng phu.

Đức Phật nói:

–Lại nữa, này Thiện Thật! Có thiện nam, tín nữ nào hằng ngày xả bỏ thân mạng bố thí nhiều như cát sông Hằng, hoặc dùng thân bố thí nhiều kiếp như cát sông Hằng. Lại có người nương theo pháp căn bản này, thọ trì dù chỉ bốn câu kệ, và vì người khác mà phân tích, giảng giải, thì người này gặt được nhiều phước đức hơn người kia vô lượng, không thể tính.

Bấy giờ, ngài Mạng giả Thiện Thật nghe kinh này xong, xúc động, rơi lệ, bạch Phật:

–Hiếm có thay, bạch Thế Tôn! Tối thắng thay, bạch Thiện thệ! NHƯ Lai thuyết kinh pháp này, từ khi phát sinh trí tuệ đến nay, con chưa được nghe hình sắc, thể loại kinh như vậy. Trước là sự tối thắng hy hữu của Thế Tôn, sau là có đầy đủ chúng sinh trong khi nghe thuyết kinh này sẽ phát sinh thật tưởng. Vì sao? Vì thật tưởng ấy, Như Lai dạy chẳng phải là thật tưởng, nên mới gọi là thật tưởng.

Bạch Thế Tôn! Điều này đối với con chẳng phải là hiếm có. Vì trong lúc nghe thuyết kinh này, con liền tin hiểu. Ở đời vị lai, nếu có chúng sinh nào thọ trì, đọc tụng kinh này, còn vì người khác mà phân tích giảng giải, thì người đó sẽ thành tựu đầy đủ tối thắng hy hữu. Các Đại Bồ-tát đó, sẽ không bị biến chuyển bởi tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Vì sao? Vì tưởng ngã chẳng phải tưởng, tưởng nhân, chúng sinh, thọ giả cũng chẳng phải tưởng; tất cả các tưởng đều xa lìa vậy.

Đức Phật bảo ngài Thiện Thật:

–Này Thiện Thật! Đúng vậy, đúng như lời ông nói! Sẽ có chúng sinh thành tựu đầy đủ sự tối thắng hy hữu này. Người đó trong khi nghe thuyết kinh này không kinh ngạc, không hoảng hốt, không sợ hãi. Vì Như Lai thuyết Đáo bỉ ngạn tối thắng. Đáo bỉ ngạn tối thắng này không chỉ Như Lai thuyết, mà vô lượng chư Phật Thế Tôn cũng thuyết như vậy, cho nên mới gọi là Đáo bỉ ngạn tối thắng.

Lại nữa, này Thiện Thật! Như Lai tu Nhẫn nhục đáo bỉ ngạn, tức chẳng phải Nhẫn nhục đáo bỉ ngạn. Vì sao? Vì ta nhớ xưa kia, ta bị vua ác cắt đứt thân thể từng đoạn, nhưng lúc ấy ta không có tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả; vì có tưởng tức chẳng phải tưởng. Nếu lúc đó, ta tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ gia; thì tưởng sân hận sẽ phát sinh.

Này Thiện Thật! Ta nhớ đời quá khứ, năm trăm năm trước, ta thường

làm Tiên nhân, tu hành nhẫn nhục. Trong thời gian đó, ta không tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả; cũng chẳng tưởng chẳng phải chẳng tưởng. Vì vậy, Đại Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh Biến Tri, phải xa lìa tất cả tưởng; không nên trụ sắc mà sinh tâm; không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, mà sinh tâm; không nên trụ vào pháp, chẳng nên trụ vào không pháp mà sinh tâm; nên trụ chỗ không có chỗ trụ mà sinh tâm. Vì sao? Vì nếu tâm không trụ chỗ trụ mới gọi là trụ. Như Lai thuyết như vậy, nghĩa là Bồ-tát bố thí không nên trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Này Thiện Thật! Đại Bồ-tát phải vì tất cả chúng sinh mà bố thí như vậy. Vì sao? Vì tưởng chúng sinh tức chẳng phải tưởng, Như Lai nói tất cả chúng sinh, tức chẳng phải chúng sinh.

Này Thiện Thật! Như Lai luôn có lời nói chân thật, nói lời đúng đắn, nói lời hợp với chân như, chẳng nói lời không đúng chân như.

Này Thiện Thật! Pháp của Như Lai chứng ngộ, nếu tư duy thì chẳng phải thật, chẳng phải hư. Cũng ví như người có mắt vào trong phòng tối, không thấy một vật gì. Bồ-tát trụ vào việc bố thí, cũng rơi vào trường hợp như vậy. Ví như người có mắt lại có ánh sáng của mặt trăng xuất hiện, nên thấy tất cả sắc của mọi vật, Đại Bồ-tát không trụ vào việc bố thí thì cũng như vậy.

Lại nữa, này Thiện Thật! Nếu có thiện nam, tín nữ nào thọ trì, đọc tụng kinh này và vì người khác mà phân tích, giảng giải, Như Lai dùng tri kiến Phật biết rõ người này, dùng nhãn quan Phật thấy rõ người này sẽ được phát sinh phước đức vô lượng.

Này Thiện Thật! Nếu có thiện nam, tín nữ buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều bố thí thân mạng nhiều như số cát sông Hằng. Cứ xả thân mạng mà bố thí như thế đầy đủ vô số kiếp, cho đến trăm ngàn na-do-tha kiếp. Lại có người nghe pháp này mà không phỉ báng chê bai thì phước đức nhiều hơn người kia vô số lượng không thể tính. Huống chi nói đến việc biên chép, thọ trì, đọc tụng, vì người khác mà phân tích, giảng giải sâu rộng.

Này Thiện Thật! Kinh này chẳng thể nghĩ bàn, không thể lường. Ai quán sát nó thì kết quả cũng như vậy.

Này Thiện Thật! Như Lai vì chúng sinh phát tâm Vô thượng thừa, vì chúng sinh phát tâm Tối thắng thừa để thuyết kinh này. Vì vậy, nên phải thọ trì, đọc tụng, vì người khác mà phân tích, giảng giải kinh này. Như Lai sẽ dùng tri kiến Phật, nhãn quan Phật để biết rõ chúng sinh này. Tất cả chúng sinh đó đầy đủ phước đức không thể lường, không thể nghĩ bàn, không thể tính. Tất cả chúng sinh này có thể giữ gìn, gánh vác đạo Bồ-đề

của ta. Vì sao? Vì chúng sinh này đối với pháp Tiểu thừa không tin hiểu. Hỏi chúng sinh thì không thấy có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, không có Bồ-tát thệ nguyện. Đó là chúng sinh nghe và thọ nhận pháp của ta.

Này Thiện Thật! Nếu nơi nào mà có sự thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, cúng dường kinh này thì nơi đó giống như có linh miếu; Trời, Người, A-tu-la thường đến nhiễu tháp và làm lễ.

Này Thiện Thật! Nếu có thiện nam, tín nữ nào nương theo hình sắc, thể loại của kinh này mà thọ trì, đọc tụng, và vì người khác mà phân tích, giảng giải nhưng lại bị người khinh chê, là do đời trước chúng sinh đó tạo nhiều ác nghiệp, đáng lẽ đời này bị đọa vào đường ác, nhưng nhờ thọ trì kinh này nên chỉ bị khinh chê. Khi hết bị khinh chê, sẽ đắc quả Phật.

Này Thiện Thật! Ta nhớ thuở quá khứ, trước Đức Phật Đăng Tác khoảng vô số kiếp không thể tính, được gặp tám trăm bốn ngàn muôn ức na-do-tha Đức Phật, ta đều thân cận, thờ phụng, cúng dường, không bao giờ xa lìa. Nếu đời sau, nhiều đời sau nữa, khi chánh pháp hoại diệt khoảng năm trăm năm, trong thời kỳ đó mà có người thọ trì, đọc tụng, phân tích, giảng thuyết chỉ bày cho người thì phước đức của người này hơn rất nhiều so với phước đức trên của ta. Một phần trăm, phần ngàn, phần câu-chi, phần ngàn câu-chi, tăng-kỳ, ca-la, toán số, thí dụ, ta cũng chẳng bằng một phần.

Này Thiện Thật! Có thiện nam, tín nữ khi nghe ta nói phước đức đó, sẽ chấp lấy rồi sinh lòng cuồng loạn, hồ nghi.

Này Thiện Thật! Như Lai thuyết kinh này, nghĩa lý không thể nghĩ bàn, không thể lường. Phước báo của nó tương ứng cũng không thể nghĩ bàn.

Ngài Thiện Thật bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người phát tâm Bồ-tát đạo, thì nên an trụ thế nào? Tu hành thế nào? Hàng phục tâm thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Thật! Khi phát tâm hành Bồ-tát đạo, nên sinh tâm như thế này: "Ta phải diệt độ tất cả chúng sinh vào Vô dư Niết-bàn." Như vậy, tất cả chúng sinh đã được diệt độ nhưng mà không có một chúng sinh nào diệt độ. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát có tưởng chúng sinh thì không phải là Đại Bồ-tát; cho đến có tưởng nhân, cũng không gọi là Đại Bồ-tát. Vì thật ra không có pháp gì để phát tâm hành Bồ-tát đạo.

Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, vào thời Phật Đăng Tác, Như Lai có chứng đắc pháp gì gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có pháp gì để Như Lai chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vào thời Phật Đăng Tác.

Đức Phật nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Thiện Thật! Đức Đăng Tác Như Lai không thọ ký cho ta chứng đắc pháp gì gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì nếu còn có pháp để Như Lai chứng đắc, thì Phật Đăng Tác sẽ không thọ ký cho ta đời sau sẽ thành Phật hiệu Thích-ca Mâu-ni. Vì Như Lai không có chứng đắc pháp gì gọi là vô thượng Chánh biến tri, cho nên Phật Đăng Tác mới thọ ký cho ta. Vì sao? Vì Như Lai tức là Chân như, Như Lai không phát sinh pháp nên gọi là Thế Tôn, đã đoạn trừ đạo tức là Như Lai, hoàn toàn chấm dứt sinh là Như Lai. Đó là nghĩa bất sinh tối thắng nhất.

Này Thiện Thật! Nếu có người nói lời như vầy: "Như Lai đã chứng đắc Vô thượng Chánh biến tri." Nói lời như vậy là không đúng, là phỉ báng ta. Vì sao? Vì không có pháp gì để Như Lai chứng đắc Vô thượng Chánh biến tri.

Này Thiện Thật! Pháp Như Lai chứng đắc, trong đó không có hư vọng, cho nên Như Lai thuyết tất cả pháp là Phật pháp. Vì sao? Vì tất cả pháp chẳng phải là tất cả pháp, nên Như Lai mới gọi là tất cả pháp. Ví như có người thân hình to lớn, đầy đủ.

Ngài Thiện Thật bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai dạy thân người to lớn, đầy đủ, tức chẳng phải thân; nên Như Lai mới gọi là thân người to lớn, đầy đủ.

Đức Phật nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Thiện Thật! Nếu Bồ-tát nói rằng: "Phải diệt độ chúng sinh để vào Niết-bàn", thì ta không gọi là Bồ-tát. Này Thiện Thật! Có pháp gì gọi là Bồ-tát không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có pháp gì gọi là Bồ-tát.

Đức Phật nói:

–Này Thiện Thật! Chúng sinh ấy, Như Lai dạy chẳng phải là chúng sinh, nên gọi là chúng sinh. Vì vậy, Như Lai thuyết tất cả pháp là không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ giả, không nuôi dưỡng.

Này Thiện Thật! Nếu Bồ-tát nói rằng: "Ta phải thành tựu trang nghiêm cõi Phật"; thì không thể gọi là Bồ-tát. Vì sao? Vì Như Lai nói thành tựu trang nghiêm cõi Phật, tức chẳng phải trang nghiêm cõi Phật, nên mới

gọi là trang nghiêm cõi Phật.

Này Thiện Thật! Nếu Đại Bồ-tát tin hiểu được pháp vô ngã, thì Như Lai gọi là Đại Bồ-tát.

Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao? Như Lai có Nhục nhãn không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ngài có Nhục nhãn.

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao? Như Lai có Thiên nhãn không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Đúng vậy, đúng vậy! Bạch Thế Tôn! Như Lai có Thiên nhãn.

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao? Như Lai có Tuệ nhãn không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Đúng vậy, đúng vậy! Bạch Thế Tôn! Như Lai có Tuệ nhãn.

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao? Như Lai có Pháp nhãn không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Đúng vậy, đúng vậy! Bạch Thế Tôn! Như Lai có Pháp nhãn.

Đức Phật bảo:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao? Như Lai có Phật nhãn không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Đúng vậy, đúng vậy! Bạch Thế Tôn! Như Lai có Phật nhãn.

Đức Phật bảo ngài Thiện Thật:

–Này Thiện Thật! Như Lai có thuyết trong sông Hằng có cát không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai có thuyết trong sông Hằng có cát.

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Thiện Thật! Cát trong sông Hằng rất nhiều, cứ mỗi hạt cát là một sông Hằng. Vậy số thế giới như số cát trong vô số sông Hằng ấy có nhiều chăng?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều! Số thế giới ấy rất nhiều.

Đức Phật nói:

–Này Thiện Thật! Chúng sinh trong thế giới đó, ta đều biết các loại

tâm động tịnh của chúng. Vì sao? Vì tâm động tịnh Như Lai dạy chẳng phải tâm động tịnh, nên mới gọi là tâm động tịnh. Vì quá khứ, tâm không thể nắm bắt được; hiện tại, tâm không thể nắm bắt được; vị lai, tâm không thể nắm bắt được.

Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, nếu có thiện nam, tín nữ nào đem bảy báu đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới mà bố thí, thì người ấy có được nhiều phước đức không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thệ, rất nhiều!

Đức Phật nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Thiện Thật! Thiện nam, tín nữ đó nhờ nhân duyên ấy mà được phước đức vô lượng không thể tính. Này Thiện Thật! Phước đức ấy, Như Lai nói chẳng phải là phước đức, nên mới gọi là phước đức. Lại nữa, này Thiện Thật! Có phước đức, Như Lai nói không phải phước đức, ấy là phước đức vậy.

Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, có thể dựa vào sắc thân thành tựu mà thấy Như Lai không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể dựa vào sắc thân thành tựu mà thấy Như Lai. Vì sao? Vì sắc thân thành tựu, Như Lai dạy chẳng phải là sắc thân thành tựu, cho nên mới gọi là sắc thân thành tựu.

Đức Phật nói:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, có thể dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai. Vì Như Lai dạy, tướng hoàn hảo là chẳng phải tướng hoàn hảo, cho nên mới gọi là tướng hoàn hảo.

Đức Phật nói:

–Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, Như Lai có nghĩ rằng: "Ta thuyết pháp" không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Con không nghĩ rằng Như Lai có thuyết pháp.

Đức Phật nói:

–Này Thiện Thật! Nếu có người nói rằng Như Lai có thuyết pháp, thì người đó phỉ báng ta, chấp lấy điều hư dối kia. Vì sao? Vì thuyết pháp ấy là không có pháp gì để mà thuyết, mới được gọi là thuyết pháp.

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ở đời vị lai, sau khi chánh pháp hoại diệt năm trăm năm, hoặc lâu hơn nữa, trong khoảng thời gian đó, có nhiều chúng sinh nghe giảng nói về hình sắc, thể loại kinh này thì có sinh lòng tin không?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Thật! Chúng sinh ấy, thật chẳng phải chúng sinh, cũng chẳng phải phi chúng sinh. Vì Như Lai dạy, tất cả chúng sinh, chẳng phải chúng sinh, cho nên mới gọi là chúng sinh.

Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, Như Lai có chứng đắc pháp gì gọi là Vô thượng Chánh biến tri không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có pháp gì để Như Lai chứng đắc Vô thượng Chánh biến tri.

Ngài Thiện Thật thưa:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Thiện Thật! Dù một chút pháp nhỏ như bụi trần, ta cũng không chứng đắc được, cho nên mới gọi là Vô thượng Chánh biến tri.

Lại nữa, này Thiện Thật! Chánh pháp bình đẳng. Trong đó lại không có bất bình đẳng, cho nên gọi Vô thượng Chánh biến tri. Do không có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, chứng đắc tất cả pháp lành; nên gọi là pháp bình đẳng Vô thượng Chánh biến tri.

Này Thiện Thật! Thiện pháp ấy, Như Lai nói chẳng phải thiện pháp, cho nên mới gọi là thiện pháp.

Này Thiện Thật! Nếu có người đem bảy báu đầy khắp cả tam thiên đại thiên thế giới mà cúng dường Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Đồng thời lại có người thọ Trí tuệ đáo bỉ ngạn này, dù chỉ bốn câu kệ mà còn vì người khác phân tích, giảng giải; thì phước đức của người này hơn người kia trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn câu-chi, trăm ngàn na-do-tha, tăng-kỳ, toán số, thí dụ cũng chẳng bằng.

Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, Như Lai có nghĩ rằng: "Ta độ thoát chúng sinh" không? Này Thiện Thật! Ông đừng nghĩ như vậy, vì không một chúng sinh nào để Như Lai độ thoát cả. Nếu có chúng sinh để Như Lai độ thoát như vậy thì Như Lai còn chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ

giả. Này Thiện Thật! Chấp ngã ấy, Như Lai nói chẳng phải chấp ngã; kẻ phàm phu thì cho là chấp sinh tử. Này Thiện Thật! Kẻ phàm phu chấp sinh tử ấy, Như Lai nói chẳng phải là sinh tử, nên mới gọi là phàm phu sinh tử.

Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, có thể dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai không?

Ngài Thiện Thật đáp:

–Bạch Thế Tôn, không thể như vậy! Theo con hiểu sự thuyết giảng của Như Lai, con không dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai.

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Này Thiện Thật! Đúng như lời ông nói, không thể dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai. Vì sao? Vì nếu thấy tướng hoàn hảo gọi là Như Lai, thì Chuyển luân vương cũng là Như Lai, cho nên không thể dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai. Tướng ấy chẳng phải tướng, cho nên mới thấy Như Lai.

Bấy giờ Mạng giả Thiện Thật bạch Phật:

–Theo con hiểu ý nghĩa lời Phật dạy, con không nên dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai.

Khi đó Thế Tôn liền nói kệ:

Nếu dùng sắc thấy ta
Dùng âm thanh cầu ta
Người đó hành đạo tà
Không thể thấy được ta.
Nên thấy pháp thể Phật
Cùng pháp thân Như Lai
Pháp thể không hiểu được
Đâu thấy được Như Lai.

Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, Như Lai có dựa vào tướng hoàn hảo mà chứng đắc Vô thượng Chánh biến tri không? Ông chớ nên nghĩ như vậy, vì Như Lai không dựa vào tướng hoàn hảo mà chứng đắc Vô thượng Chánh biến tri.

Lại nữa, này Thiện Thật! Nếu có người nói rằng: "Người phát tâm hành Bồ-tát đạo, trình bày các pháp phá trừ đoạn diệt". Này Thiện Thật! Ông không nên nghĩ như vậy. Vì sao? Vì không có người nào gọi là phát tâm hành Bồ-tát đạo, cũng không có sự trình bày các pháp phá trừ đoạn diệt.

Này Thiện Thật! Nếu có thiện nam, tín nữ đem bảy báu đầy khắp thế

giới như cát trong nhiều sông Hằng mà bố thí lại. Nếu có Đại Bồ-tát trong pháp vô ngã, vô sinh mà thành tựu được pháp nhẫn nhục, thì Bồ-tát này phát sinh công đức nhiều hơn người kia.

Này Thiện Thật! Đại Bồ-tát có chấp lấy phước đức đó không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát không chấp lấy phước đức.

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Thật! Chấp lấy tức là không chấp lấy, cho nên mới gọi là chấp lấy.

Này Thiện Thật! Nếu có người nói: "Như Lai đi hoặc chẳng đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, nằm."

Này Thiện Thật! Người ấy đã không hiểu nghĩa của ta thuyết đúng như pháp đã nói. Vì sao? Vì Như Lai, là không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, nên mới gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri.

Này Thiện Thật! Nếu có thiện nam, tín nữ đem bụi trần trong tam thiên đại thiên thế giới, mài tất cả thành ra mực, số đó rất nhiều, không thể tính. Này Thiện Thật! Theo ý ông thì sao, có bụi trần nhỏ nhất tụ hội không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Có nhiều bụi trần nhỏ nhất tụ hội. Vì sao? Vì Thế Tôn đã dạy, bụi trần nhỏ nhất tụ hội tức chẳng phải tụ hội, nên mới gọi là bụi trần nhỏ nhất tụ hội. Và tam thiên đại thiên thế giới, tức chẳng phải thế giới, nên mới gọi là tam thiên đại thiên thế giới.

Nếu cho rằng có thế giới như vậy là có chấp lấy, nhưng Như Lai dạy chấp lấy, tức chẳng phải chấp lấy, nên mới gọi là chấp lấy.

Đức Phật dạy:

–Này Thiện Thật! Chấp lấy như vậy, đối với người thế tục, không nên nói chẳng phải pháp hoặc chẳng phải phi pháp.

Này Thiện Thật! Nếu có người nói rằng: "Như Lai thấy có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả." Này Thiện Thật! Nói như vậy có đúng không?

Ngài Thiện Thật thưa:

–Bạch Thế Tôn, không đúng như vậy! Bạch Thiện Thệ, không đúng như vậy! Vì sao? Vì nếu Thế Tôn thấy có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, tức chẳng phải thấy. Cho nên Như Lai mới gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến.

Đức Phật bảo Ngài Thiện Thật:

–Này Thiện Thật! Người phát tâm hành Bồ-tát đạo, đối với tất cả pháp nên biết, nên thấy, nên tin, nên hiểu như vậy. Nếu tin hiểu như vậy, thì không trụ ở pháp tưởng. Vì sao? Vì pháp tưởng đó, Như Lai nói chẳng phải pháp tưởng, nên mới gọi là pháp tưởng.

Lại nữa, này Thiện Thật! Nếu có Đại Bồ-tát, đem bảy báu đầy khắp vô lượng, vô số thế giới mà cúng dường Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Nếu có thiện nam, tín nữ nào thọ trì, đọc tụng Trí tuệ đáo bỉ ngạn dù chỉ bốn câu kệ, lại còn phân tích, giảng thuyết cho người khác phân biệt, thọ trì thì phước đức của người này phát sinh nhiều hơn người kia vô lượng không thể tính. Giảng thuyết như thế nào? Giảng thuyết như không giảng thuyết, cho nên mới gọi đó là giảng thuyết.

Thế Tôn nói kệ:

Như quáng mắt, đèn, sao
Bọt sương, mây, mộng, điện
Phải thường nên quán chiếu
Các pháp hữu vi này.

Khi nghe Thế Tôn thuyết kinh này, Tôn giả Thiện Thật, các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… đều vô cùng hoan hỷ.

-oOo-

SỐ 239

PHẬT NÓI KINH NĂNG ĐOẠN KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Bí-sô và các Đại Bồ-tát ở tại vườn Cấp cô độc thuộc khu Thắng lâm.

Lúc bấy giờ, vào buổi sáng, Thế Tôn đắp y, cầm bát vào thành khất thực. Sau khi theo thứ tự khất thực rồi về trú xứ thọ trai xong, xếp y, rửa bát, rửa chân, trải tọa cụ và ngồi kiết già, an trụ trong chánh niệm.

Khi ấy các Bí-sô cùng đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân, nhiễu quanh bên phải ba vòng, rồi ngồi xuống một bên. Lúc đó, Cụ thọ Diệu Sinh ngồi trong đại chúng, nương theo oai lực của Phật, liền đứng dậy, trịch vai áo bên phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính bạch Phật:

–Hiếm có thay, Đức Thế Tôn! Hiếm có thay, Đấng Thiện Thệ! Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác đã đem sự lợi ích tối thắng làm lợi ích cho các Bồ-tát, đã đem sự phú chúc tối thắng, phú chúc cho các Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn! Nếu có ai hướng đến Bồ-tát đạo thì nên an trụ thế nào? Tu hành thế nào? Nhiếp phục tâm thế nào?

Đức Phật bảo Diệu Sinh:

–Lành thay, lành thay! Này Diệu Sinh, đúng vậy, đúng như lời ông nói! Như Lai đem sự lợi ích tối thắng cho hàng Bồ-tát, đem sự phó chúc tối thắng cho hàng Bồ-tát. Này Diệu Sinh, ông nên chú ý lắng nghe và khéo suy nghĩ cho kỹ, ta sẽ vì ông mà phân tích, giảng giải cho. Khi có người hướng đến Bồ-tát đạo thì nên an trụ tâm như vầy, tu hành như vầy và nhiếp phục tâm như vầy.

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con rất vui mừng được nghe.

Đức Phật bảo Diệu Sinh:

–Này Diệu Sinh! Nếu có người hướng đến Bồ-tát đạo, thì nên sinh tâm như vầy: "Đối với tất cả các loài chúng sinh như noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh hoặc loài có sắc, không sắc, có tưởng, không tưởng, chẳng phải có tưởng, chẳng phải không tưởng, ta đều đưa họ được diệt độ và nhập vào Vô dư Niết-bàn." Tuy có vô lượng chúng sinh chứng viên tịch, nhưng không có một chúng sinh nào gọi là nhập viên tịch. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát tưởng có chúng sinh, thì không gọi là Bồ-tát. Vì còn tưởng ngã, tưởng nhân, tưởng chúng sinh, tưởng thọ giả.

Lại nữa, này Diệu Sinh! Bồ-tát khi thực hành bố thí không nên trụ ở nơi việc mình làm; không trụ ở chỗ thực hành bố thí; không trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà thực hành bố thí. Này Diệu Sinh! Bồ-tát bố thí như vậy, cho đến tướng tưởng cũng không nên trụ. Vì sao? Vì do không trụ vào bố thí mà phước đức tụ hội khó lường.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, hư không ở phương Đông có thể lường biết được không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể lường được!

Đức Phật bảo:

–Này Diệu Sinh! Vậy hư không ở phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn góc, trên, dưới, mười phương, có thể lường biết được không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, không thể lường được!

Đức Phật bảo:

–Này Diệu Sinh! Bồ-tát khi thực hành bố thí mà không trụ vào điều gì, thì phước đức thành tựu không thể lường biết, cũng lại như vậy.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, có thể dựa vào tướng hoàn hảo thù thắng mà quán sát Như Lai không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể dựa vào tướng hoàn hảo mà quán được Như Lai. Vì Như Lai dạy rằng tướng thù thắng chẳng phải tướng thù thắng.

Đức Phật bảo:

–Này Diệu Sinh! Tướng thù thắng đều là hư vọng, nếu không có tướng thù thắng tức là không hư vọng. Cho nên không thể dựa vào tướng thù thắng mà quán được Như Lai.

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sau khi chánh pháp diệt năm trăm năm, ở đời vị lai đó, có chúng sinh nào nghe thuyết kinh này mà sinh lòng tin chân thật không?

Đức Phật bảo:

–Này Diệu Sinh, chớ nói như vậy! Ở đời vị lai, có các Bồ-tát trì giới đầy đủ, đạo đức đầy đủ, trí tuệ đầy đủ. Các Bồ-tát đó chẳng phải ở một vị Phật để phụng sự, cúng dường, gieo trồng các thiện căn, mà ở trong vô lượng trăm ngàn Đức Phật đều đã phụng sự, vun trồng các thiện căn. Người đó mới có thể đối với kinh này mà phát sinh lòng tin.

Này Diệu Sinh! Như Lai đều biết người này, thấy người này. Các Bồ-tát đó sẽ phát sinh và thâu nhiếp vô lượng phước đức. Vì sao? Vì Bồ-tát đó không có tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, mong cầu; chẳng có pháp tưởng, chẳng có phi pháp tưởng; chẳng có tưởng, chẳng có vô tưởng. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát đó tưởng có pháp tức là có chấp ngã, chấp tình, chấp thọ giả, chấp điều mong cầu. Nếu Bồ-tát đó tưởng có phi pháp thì cũng còn chấp ngã, chấp hữu tình, chấp thọ giả, chấp điều mong cầu. Vì vậy Bồ-tát không nên ôm giữ pháp, không nên ôm giữ phi pháp. Do nghĩa đó, nên Như Lai khi thuyết pháp, thường thí dụ pháp môn như chiếc bè. Người có trí cần hiểu chánh pháp còn bỏ, huống gì phi pháp.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, Như Lai có chứng đắc Vô thượng Bồ-đề không? Như Lai có thuyết pháp không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu nghĩa Phật thuyết, thì Như Lai đối với pháp Vô thượng Bồ-đề, thực sự không chứng, cũng không thuyết. Vì sao? Vì pháp của Phật thuyết thì không thể ôm giữ, không thể nói; đó chẳng phải pháp cũng chẳng phải là phi pháp. Vì sao? Vì chư Hiền thánh đều dựa vào pháp vô vi mà hiển hiện.

Đức Phật nói:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, nếu có thiện nam, tín nữ nào đem bảy báu đầy khắp cả tam thiên đại thiên thế giới mà bố thí, thì phước đức đạt được có nhiều không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Vì sao? Vì sự tích tụ phước đức đó chẳng phải là tụ phước đức, cho nên Như Lai mới gọi là phước đức nhiều rõ ràng

Đức Phật nói:

–Này Diệu Sinh! Nếu như có người đối với kinh này, mà thọ trì thậm

chí chỉ bốn câu kệ, rồi còn vì người khác mà diễn giảng, thì phước đức của người này phát sinh nhiều hơn người kia vô lượng vô số. Vì sao? Vì chư Như Lai Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều từ kinh này mà ra. Chư Phật Thế Tôn cũng từ kinh này mà phát sinh. Vì vậy, này Diệu Sinh, Phật pháp mà Như Lai thuyết chẳng phải là Phật pháp, cho nên mới gọi là Phật pháp.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, các vị Dự lưu có nghĩ rằng: "Ta đắc quả Dự lưu" không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì sao? Vì các vị Dự lưu không có pháp nào để đắc Dự lưu, cho nên mới gọi là Dự lưu; không dự vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nên mới gọi là Dự lưu. Bạch Thế Tôn! Nếu các vị Dự lưu còn nghĩ ta đắc quả Dự lưu thì các vị ấy còn chấp ngã, hữu tình, thọ giả đều mong cầu.

Đức Phật bảo:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, các vị Nhất lai có nghĩ rằng: "Ta đắc quả Nhất lai" không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì không có một pháp nhỏ nào để chứng đắc tự tánh Nhất lai, cho nên mới gọi là Nhất lai.

Đức Phật bảo:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, các vị Bất hoàn có nghĩ rằng: "Ta đắc quả Bất hoàn không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì không có một pháp nào nhỏ để chứng đắc tự tánh Bất hoàn, cho nên mới gọi là Bất hoàn.

Đức Phật nói:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, các vị A-la-hán có nghĩ rằng: "Ta đắc quả A-la-hán" không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Vì không có một pháp nhỏ nào để chứng đắc A-la-hán, cho nên mới gọi là A-la-hán. Bạch Thế Tôn! Nếu A-la-hán còn nghĩ ta đắc quả A-la-hán, thì vị ấy còn chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, điều mong cầu.

Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai dạy rằng con đã an trụ định Vô tránh; trong các vị tối thắng, con là bậc nhất. Bạch Thế Tôn! Con là vị đắc A-la-

hán, đã xa lìa các dục nhiễm, mà thực sự chưa bao giờ con nghĩ rằng mình đắc quả A-la-hán. Bạch Thế Tôn! Nếu con nghĩ rằng mình đã đắc quả A-la-hán thì Như Lai sẽ không dạy rằng: "Này Diệu Sinh! Ông đã chứng đắc định Vô tránh, là vị tối thắng bậc nhất." Do con hoàn toàn không trụ nơi đó, cho nên Ngài dạy con đã đắc định Vô tránh và trụ vô tránh.

Đức Phật nói:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, vào thời Phật Nhiên Đăng, Như Lai có nhận lấy chút pháp gì không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có một chút pháp gì để Như Lai nhận lấy vào thời Phật Nhiên Đăng.

Đức Phật nói:

–Này Diệu Sinh! Nếu có Bồ-tát nói như vầy: "Ta sẽ trang nghiêm thành tựu cõi Phật". Đó là lời nói hư vọng. Vì sao? Vì trang nghiêm cõi Phật, Như Lai nói chẳng phải trang nghiêm, nên mới gọi là trang nghiêm cõi Phật. Do đó Bồ-tát không trụ nơi sự việc, không trụ nơi chốn; không trụ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nên sinh tâm không trụ vào sự việc, nơi chốn, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Này Diệu Sinh! Ví như có người thân cao như núi Diệu cao, theo ý ông thì sao, thân đó có to lớn không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất lớn! Vì thân to lớn ấy, Như Lai gọi chẳng phải thân, cho nên mới gọi là thân.

Đức Phật bảo:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, trong sông Hằng có vô số cát, cứ một hạt cát là một sông Hằng. Như vậy số cát trong vô số sông Hằng ấy có nhiều không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Một con sông đã nhiều vô số cát rồi, huống chi nhiều con sông.

Đức Phật bảo:

–Này Diệu Sinh! Như Lai hỏi ông, nếu có người dùng của cải quý báu, đầy cả thế giới như số cát ấy mà cúng dường Như Lai, thì phước đức đó có nhiều không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật bảo:

–Này Diệu Sinh! Nếu lại có người đối với kinh này mà thọ trì, duy nhất dù chỉ một bài kệ, còn vì người khác mà giảng thuyết, thì phước đức của người này thù thắng hơn phước đức của người nói ở trên vô lượng, vô biên. Này Diệu Sinh! Nếu trong nước nào có pháp môn này, mà có người thọ trì dù chỉ bốn câu kệ và vì người khác mà giải thích kinh này thì nên biết chỗ đó chính là tháp Phật. Tất cả Trời, Người, A-tu-la… đều đến nhiễu tháp bên hữu và cung kính lễ bái, huống gì hết lòng thọ trì đọc tụng. Nên biết người đó là vô cùng hy hữu đệ nhất, còn chốn đó như là có Phật và hàng đệ tử tôn quý nhất của Phật vậy.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, Như Lai có thuyết một chút pháp gì không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có một chút pháp gì để Như Lai thuyết.

Đức Phật bảo:

–Này Diệu Sinh! Bụi trần trong tam thiên đại thiên thế giới có nhiều không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Vì Phật thuyết bụi trần chẳng phải bụi trần, nên mới gọi là bụi trần. Các thế giới, Phật thuyết chẳng phải thế giới, nên mới gọi là thế giới.

Đức Phật bảo:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, có thể dựa vào ba mươi hai tướng của Đại trượng phu mà thấy Như Lai không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể dựa vào ba mươi hai tướng Đại trượng phu mà thấy Như Lai. Vì ba mươi hai tướng, Phật thuyết chẳng phải tướng, nên mới gọi là tướng Đại trượng phu.

Đức Phật dạy:

–Này Diệu Sinh! Nếu có thiện nam, tín nữ nào đem thân mạng mà bố thí nhiều như cát sông Hằng. Lại có người dựa vào kinh này mà thọ trì duy nhất một câu kệ, còn vì người khác giải thích; thì phước đức của người này thù thắng hơn người kia vô lượng vô số.

Khi Tôn giả Diệu Sinh nghe Phật thuyết kinh này, tin hiểu ý nghĩa sâu xa, chợt xúc động rơi lệ, bạch Phật:

–Thật hiếm có, bạch Thế Tôn! Con từ khi phát sinh trí tuệ đến nay, chưa từng được nghe kinh điển sâu xa như vậy. Bạch Thế Tôn! Kinh này

nên gọi là gì? Chúng con phải phụng trì thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này Diệu Sinh! Kinh này gọi là Bát-nhã ba-la-mật, nên phụng trì như vậy. Vì sao? Vì Phật thuyết Bát-nhã ba-la-mật là chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật.

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người nghe kinh này, sinh lòng tin tưởng chân thật, nên biết người này rất hiếm có. Bạch Thế Tôn! Người tin tưởng chân thật, tức chẳng phải tin tưởng chân thật, cho nên Như Lai mới gọi là tin tưởng chân thật.

Bạch Thế Tôn! Con nghe kinh này liền sinh lòng tin hiểu, nhưng chưa hy hữu bằng người ở đời vị lai nghe kinh này mà thọ trì, thì người đó mới là hiếm có nhất. Vì sao? Vì người đó không tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả đều mong cầu. Sở dĩ nói tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả đều mong cầu tức chẳng phải là tưởng. Chư Phật, Thế Tôn đều xa lìa các tưởng.

Đức Phật nói:

–Này Diệu Sinh, đúng vậy, đúng vậy! Nếu có người được nghe kinh này mà không kinh hãi, nghi ngờ không hoảng hốt, không sợ hãi; nên biết người này rất hiếm có nhất. Vì sao? Vì Ba-la-mật-đa thù thắng này là do Như Lai thuyết. Như Lai thuyết thì vô số chư Phật cũng tuyên thuyết Ba-la-mật-đa, cho nên gọi là Ba-la-mật-đa tối thắng.

Này Diệu Sinh! Khi Như Lai thuyết Nhẫn nhục ba-la-mật, tức chẳng phải là Nhẫn nhục ba-la-mật. Ta nhớ thuở xưa, khi bị vua Kiết-lăng-già cắt đứt thân thể thành từng phần, nhưng ta không có tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả mong cầu. Ta không có tưởng như vậy cũng chẳng phải là vô tưởng. Vì nếu ta có tưởng như vậy thì sẽ sinh tâm sân hận.

Này Diệu Sinh! Ta lại nhớ thời quá khứ, năm trăm năm trước làm Tiên nhẫn nhục. Trong thời gian đó, không bao giờ ta khởi các tưởng như vậy, cho nên xa lìa được các vọng tưởng và phát khởi tâm Vô thượng Bồ-đề, không trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; hoàn toàn không có chỗ để trụ mà sinh tâm kia; chẳng nên trụ pháp, cũng chẳng nên trụ phi pháp mà sinh tâm kia. Vì nếu có chỗ trụ, tức là chẳng phải trụ. Vì vậy Đức Phật dạy, các Bồ-tát phải không có chỗ để trụ, mà thực hành bố thí.

Này Diệu Sinh! Nếu Bồ-tát vì lợi ích cho tất cả chúng sinh mà bố thí, như vậy là tưởng có chúng sinh tức chẳng phải tưởng, chúng sinh đó tức chẳng phải chúng sinh. Vì sao? Vì chư Phật Như Lai xa lìa các tưởng. Này Diệu Sinh! Như Lai là vị nói lời chân thật, là vị nói lời chân như, là vị

không nói lời cuồng vọng, là vị không nói lời sai trái.

Này Diệu Sinh! Chỗ chứng pháp và chỗ thuyết pháp của Như Lai chẳng phải thật, chẳng phải dối.

Này Diệu Sinh! Nếu tâm Bồ-tát còn an trụ nơi sự việc, mà thực hành bố thí, thì giống như người vào trong bóng tối không thấy được gì. Bồ-tát không trụ vào sự việc mà thực hành bố thí, thì giống như người có mắt được ánh sáng của mặt trời chiếu vào nên thấy đủ màu sắc. Vì vậy, Bồ-tát không nên trụ vào sự việc mà thực hành bố thí.

Này Diệu Sinh! Nếu có thiện nam, tín nữ nào đối với kinh này mà thọ trì, đọc tụng, vì người diễn thuyết; người như vậy, Phật sẽ dùng trí tuệ, nhãn quan để biết và thấy là người đó sẽ phát sinh, sẽ thâu nhiếp vô lượng phước đức.

Này Diệu Sinh! Nếu có thiện nam, tín nữ nào buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, đem thân mạng bố thí nhiều như số cát trong sông Hằng và cứ đem thân mạng bố thí như vậy đến vô lượng trăm ngàn ức kiếp. Nếu lại có người nghe kinh này mà không sinh tâm hủy báng thì phước đức này thù thắng hơn người kia. Huống gì viết chép, thọ trì, đọc tụng, vì người khác mà giải thích kinh này.

Này Diệu Sinh! Công đức của kinh này không thể nghĩ bàn, không thể tính kể, vô lượng, vô biên. Như Lai vì người phát tâm Đại thừa mà thuyết; vì người phát tâm Tối thượng thừa mà thuyết. Nếu có người có thể thọ trì, đọc tụng, vì người khác giảng thuyết, Như Lai đều biết, đều thấy và người này thành tựu phước đức không thể tính, không thể lường, không thể nghĩ bàn. Nên biết người này có thể gánh vác Vô thượng Bồ-đề của Như Lai. Vì sao? Vì nếu người ưa pháp Tiểu thừa tức là còn đắm trước vào ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến. Những người này thì không thể thọ trì đọc tụng kinh này.

Này Diệu Sinh! Chỗ nào có kinh này, thì nên biết chỗ ấy như có tháp Phật, tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la đều đến đó lễ nhiễu quanh tháp, cung kính và dâng hoa cúng dường.

Này Diệu Sinh! Nếu có thiện nam, tín nữ nào khi thọ trì kinh điển này, hoặc đọc tụng diễn thuyết, mà bị người đến khinh bỉ mạ nhục. Nên biết người đó trong đời trước đã tạo nhiều ác nghiệp, đáng lẽ đọa vào đường ác nhưng do thọ trì kinh này, mà đời nay chỉ bị người mạ nhục khinh bỉ. Nhờ làm việc lành nên có thể đoạn trừ ác nghiệp và còn đạt đến quả Bồ-đề.

Này Diệu Sinh! Ta nhớ đời quá khứ, trải qua vô số kiếp, ở chỗ Phật Nhiên Đăng, ta được gặp tám mươi bốn ức na-do-tha Đức Phật, ta đều cúng

dường phụng sự không bao giờ để thiếu hay trễ nải. Này Diệu Sinh! Sau khi chánh pháp hoại diệt năm trăm năm, nếu có người thọ trì, đọc tụng, tin hiểu và giải thích rộng ý nghĩa kinh này, thì được vô lượng công đức. Đem công đức trên so sánh với công đức này trăm phần, ngàn phần, vạn ức phần, toán số, số phần, thế phần, đại phần cho đến thí dụ cũng không bằng một phần.

Này Diệu Sinh! Nếu ta nói công đức của người thọ trì, đọc tụng kinh này một cách đầy đủ, thì người nghe sẽ sinh lòng cuồng loạn, mê hoặc không tin. Này Diệu Sinh! Ông nên biết, kinh này không thể nghĩ bàn, người thọ trì kinh này rất là hiếm có, công đức cũng không thể nghĩ bàn.

Tôn giả Diệu Sinh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người phát tâm Bồ-tát thì nên an trụ thế nào? Tu hành thế nào? Nhiếp phục tâm thế nào?

Đức Phật bảo Diệu Sinh:

–Này Diệu Sinh! Nếu có người phát tâm Bồ-tát, nên khởi tâm như vầy: "Ta nên độ thoát cho tất cả chúng sinh đều vào Vô dư Niết-bàn. Tuy có vô lượng chúng sinh đạt đến viên tịch nhưng thật sự không có chúng sinh nào được chứng viên tịch. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát còn tưởng có chúng sinh, thì không gọi là Bồ-tát." Này Diệu Sinh! Thật ra không có pháp gì gọi là phát khởi tâm Bồ-tát.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, vào thời Phật Nhiên Đăng, Như Lai có chứng đắc một ít pháp gì không?

Tôn giả Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vào thời Phật Nhiên Đăng, Như Lai không có pháp nào để chứng đắc Bồ-đề.

Đức Phật bảo:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Diệu Sinh! Vào thời Phật Nhiên Đăng, Như Lai không có chứng ngộ đại Bồ-đề. Nếu ta có pháp để chứng đắc thì Phật Nhiên Đăng sẽ không thọ ký cho ta, đời sau sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca-Mâu Ni. Do không có sở đắc, cho nên ta được thọ ký thành Phật. Này Diệu Sinh! Nói Như Lai cũng tức là chân như thật tánh, nó chỉ khác tên gọi. Này Diệu Sinh! Nếu nói Như Lai chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó là lời nói dối. Vì sao? Vì Như Lai không chứng đắc pháp gì gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Diệu Sinh! Pháp mà Như Lai chứng đắc chẳng phải thật, chẳng phải hư, cho nên Phật thuyết tất cả pháp đều là Phật pháp. Này Diệu Sinh! Tất cả pháp ấy, Như Lai thuyết tất cả pháp ấy chẳng phải là pháp, cho nên mới gọi là Phật pháp. Này Diệu

Sinh! Cũng ví như thân to lớn của trượng phu vậy!

Diệu Sinh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thân to lớn, Như Lai thuyết chẳng phải thân cho nên mới gọi là thân to lớn.

Đúng vậy, đúng vậy! Này Diệu Sinh! Nếu có Bồ-tát nói rằng: "Ta phải hóa độ chúng sinh vào tịch diệt", thì không gọi đó là Bồ-tát. Này Diệu Sinh! Có pháp gì gọi là Bồ-tát không?

Ngài Diệu Sinh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Không có pháp gì gọi là Bồ-tát.

Đức Phật nói:

–Này Diệu Sinh! Thế nên Như Lai thuyết tất cả pháp không có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, mong cầu. Này Diệu Sinh! Nếu có Bồ-tát nói: "Ta sẽ thành tựu trang nghiêm cõi Phật. Trang nghiêm cõi Phật ấy, Như Lai nói chẳng phải trang nghiêm, cho nên mới gọi là trang nghiêm."

Này Diệu Sinh! Nếu có người tin hiểu tánh không của tất cả pháp, gọi tất cả pháp là vô tánh thì Như Lai mới gọi đúng là Bồ-tát.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, Như Lai có Nhục nhãn không?

Diệu Sinh thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Nhục nhãn!

Đức Phật hỏi:

Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, Như Lai có Thiên nhãn không?

Diệu Sinh thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Thiên nhãn!

Đức Phật hỏi:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, Như Lai có Tuệ nhãn không?

Diệu Sinh thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Tuệ nhãn!

Đức Phật hỏi:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, Như Lai có Pháp nhãn không?

Diệu Sinh thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Pháp nhãn!

Đức Phật hỏi:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, Như Lai có Phật nhãn không?

Diệu Sinh thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai có Phật nhãn!

Đức Phật bảo Diệu Sinh:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, trong sông Hằng có rất nhiều cát. Cứ mỗi hạt cát là một sông Hằng. Vậy số thế giới như số cát trong vô số sông Hằng ấy có nhiều không?

Diệu Sinh thưa:

–Đúng vậy! Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật nói:

–Này Diệu Sinh! Chúng sinh trong thế giới này có rất nhiều tánh tình, hành động của tâm luôn biến đổi ta đều biết rõ. Vì sao? Này Diệu Sinh! Đó là tâm Đà-la-ni, Như Lai gọi là vô trì, do vô trì cho nên tâm luôn biến động. Vì quá khứ, tâm không thể nắm bắt được, vị lai, tâm không thể nắm bắt được, hiện tại, tâm cũng không thể nắm bắt được.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông, nếu có người dùng bảy báu đầy khắp cả tam thiên đại thiên thế giới mà bố thí, người này có được nhiều phước đức không?

Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Này Diệu Sinh! Nếu sự tích tụ phước đức này là phước đức tích tụ được, thì Như Lai không thuyết đó là sự tích tụ phước đức.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, có thể dựa vào sắc thân viên mãn mà thấy Như Lai không?

Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể dựa vào sắc thân viên mãn mà thấy Như Lai. Vì sao? Vì sắc thân viên mãn Như Lai thuyết chẳng phải là sắc thân viên mãn, cho nên mới gọi là sắc thân viên mãn.

Đức Phật dạy:

–Này Diệu Sinh! Có thể dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai không?

Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể dựa vào tướng hoàn hảo mà thấy Như Lai. Vì sao? Vì các tướng hoàn hảo, Như Lai thuyết chẳng phải là tướng hoàn hảo, cho nên mới gọi là tướng hoàn hảo.

Đức Phật dạy:

–Này Diệu Sinh! Theo ý ông thì sao, Như Lai có nghĩ rằng: "Ta thuyết pháp" không? Ông chớ cho rằng Như Lai nghĩ như vậy. Nếu nói Như Lai có thuyết pháp, tức là hủy báng ta. Vì nói thuyết pháp tức là không có pháp để thuyết, cho nên mới gọi là thuyết pháp.

Diệu Sinh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ở đời vị lai, có chúng sinh nào nghe thuyết kinh này, liền sinh lòng tin tưởng không?

Đức Phật dạy:

–Này Diệu Sinh! Có người sinh lòng tin, nhưng đó chẳng phải chúng sinh, cũng chẳng phải phi chúng sinh. Vì chúng sinh ấy, Như Lai nói chẳng phải là chúng sinh, nên mới gọi là chúng sinh.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông, khi Phật chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có pháp gì để chứng đắc không?

Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thật ra không có pháp gì để Phật chứng đắc.

Đức Phật dạy:

–Này Diệu Sinh, đúng vậy! Trong đấy không có pháp nào có thể chứng đắc gọi là Vô thượng Bồ-đề. Vì không ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Tánh của nó bình đẳng không cao không thấp, không mong cầu nên gọi là Vô thượng Bồ-đề. Tất cả thiện pháp đều được hiểu rõ một cách chân chánh gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Diệu Sinh! Thiện pháp ấy, Như Lai thuyết chẳng phải là thiện pháp, nên mới gọi là thiện pháp.

Này Diệu Sinh! Nếu có người đem bảy báu nhiều như các núi Diệu Cao, đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới mà bố thí. Cũng lại có người thọ trì kinh này, dù chỉ một bài kệ bốn câu, hoặc tự mình thọ trì hay giảng dạy cho người khác. Đem phước đức trên so sánh với phước đức này, thì trăm phần, ngàn phần, ức phần, toán phần, thế phần, số phần, nhân phần cho đến thí dụ phần cũng không bằng một phần.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông, Như Lai có hóa độ chúng sinh không? Ông đừng bao giờ thấy Như Lai có hóa độ chúng sinh. Vì chưa từng có một chúng sinh nào để Như Lai hóa độ. Nếu có chúng sinh để Như Lai hóa độ thì Như Lai còn ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến. Này Diệu Sinh! Nếu còn chấp ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, Như Lai gọi chẳng phải là chấp, chỉ các phàm phu ngu muội mới chấp điều này. Này Diệu Sinh! Chúng sinh phàm phu ngu muội, Như Lai thuyết chẳng

phải là chúng sinh, nên mới gọi là chúng sinh phàm phu ngu muội.

Này Diệu Sinh! Theo ý ông, có thể dựa vào tướng hoàn hảo mà quán sát Như Lai không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể dựa vào tướng hoàn hảo mà quán sát Như Lai.

Đức Phật bảo Diệu Sinh:

–Này Diệu Sinh! Nếu dựa vào tướng hoàn hảo mà quán được Như Lai, thì chẳng lẽ Chuyển luân thánh vương cũng là Như Lai sao. Vì vậy không nên dựa vào tướng hoàn hảo mà quán được Như Lai. Nên dựa vào các tướng chẳng phải tướng mà quán sát Như Lai.

Khi đó Thế Tôn nói bài kệ:

Nếu dùng sắc thấy ta
Dùng âm thanh cầu ta
Người đó khởi tà niệm
Không thể thấy được ta.
Nên quán tánh Phật pháp
Là Pháp thân, Đạo sư
Pháp tánh chẳng có thức
Điều đó không thể ngộ.

Này Diệu Sinh! Các vị Bồ-tát phát tâm, pháp của các vị ấy phải chăng là đoạn diệt? Ông chớ thấy như vậy. Vì sao? Vì pháp của Bồ-tát là không mất.

Này Diệu Sinh! Nếu có thiện nam, tín nữ nào đem bảy báu nhiều bằng hằng hà sa thế giới ấy mà bố thí. Nếu lại có người ở trong pháp vô ngã, vô sinh mà chứng đắc pháp nhẫn nhục, thì phước đức người này phát sinh nhiều hơn người kia vô lượng vô số. Này Diệu Sinh! Bồ-tát không nên chấp lấy phước đức.

Diệu Sinh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao Bồ-tát không chấp lấy phước đức.

Đức Phật dạy:

–Này Diệu Sinh! Điều chân chánh còn không nên chấp lấy, chấp lấy điều sai trái làm gì! Này Diệu Sinh! Như có người nói: Như Lai hoặc đến, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc nằm, thì người đó không hiểu được ý nghĩa lời dạy của ta. Vì Như Lai là hoàn toàn không đến cũng không đi.

Này Diệu Sinh! Nếu có thiện nam, tín nữ nào đem đất trong tam thiên

đại thiên thế giới, nghiền nát làm bụi mực. Này Diệu Sinh! Theo ý ông, bụi mực rất nhỏ này có nhiều không?

Ngài Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Vì nếu tánh phước đức tụ hội là thật, thì Như Lai không thuyết tụ hội nhiều như vi trần, sự tụ hội nhiều như vi trần. Vì sao? Vì tụ hội nhiều như vi trần ấy thuyết chẳng phải tụ hội nhiều như vi trần, cho nên mới gọi là tụ hội nhiều như vi trần.

Bạch Thế Tôn! Như Lai nói tam thiên đại thiên thế giới chẳng phải là thế giới, cho nên mới gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Vì sao? Vì nếu thế giới là thật có, Như Lai cho là còn chấp trước sự tụ hội. Phật nói chấp trước sự tụ hội là chẳng phải chấp trước sự tụ hội, cho nên mới gọi là chấp trước sự tụ hội.

Đức Phật dạy:

–Này Diệu Sinh! Sự chấp lấy đắm chìm vào tụ hội này, người đời gọi là luận bàn. Thể tánh của nó thật không thể nói, chỉ có hạng phàm phu ngu muội vọng chấp lấy sự tụ hội một cách sai trái thôi!

Này Diệu Sinh! Như có người nói rằng Đức Phật nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, điều mong cầu kiến thì lời nói đó đúng hay sai?

Diệu Sinh thưa:

–Bạch Thế Tôn, không đúng! Vì sao? Vì nếu cho rằng Như Lai nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, tức chẳng phải là kiến, cho nên mới gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, điều mong cầu kiến.

Đức Phật dạy:

–Này Diệu Sinh! Ai hướng đến Bồ-tát thì đối với tất cả pháp nên thấy như vậy, biết như vậy và hiểu như vậy. Người hiểu như vậy, thì pháp tưởng cũng không có chỗ trụ. Vì pháp tưởng, Như Lai thuyết chẳng phải tưởng, cho nên gọi là pháp tưởng.

Này Diệu Sinh! Nếu có người đem bảy báu đầy khắp vô lượng, vô số thế giới mà bố thí. Hoặc có người dựa vào kinh này mà thọ trì, đọc tụng bốn câu kệ rất thông thuộc, rồi còn vì người khác mà giảng thuyết đúng đắn nghĩa lý sâu xa của kinh này thì phước đức phát sinh nhiều hơn người kia vô lượng, vô số. Thuyết giảng đúng đắn là thế nào? Đó là không có pháp để có thể thuyết giảng, cho nên gọi là thuyết giảng đúng đắn.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ:

Tất cả pháp hữu vi
Như quáng mắt, đèn, sao
Bọt, sương, mây, mộng điện
Nên khởi quán như vậy.

Khi Thế Tôn nói kinh này xong, Cụ thọ Diệu Sinh và các vị Đại Bồ-tát, Bí-sô, Bí-sô-ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca, tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la… đều hoan hỷ tín thọ, phụng hành.

-oOo-

SỐ 240

KINH THẬT TƯỚNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Hán dịch: Tam tạng Bồ-đề-lưu-chí.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn do thành tựu viên mãn ngôi vị chánh trí Kim cang của tất cả các Như Lai, đội mão báu quán đảnh thù thắng vượt lên ba cõi, đại Du-già tự tại vô ngại, nên được trí thâm sâu vi diệu, chứng pháp bình đẳng, làm các việc đều được rốt ráo, tùy theo tâm chúng sinh ưa muốn đều làm cho mỹ mãn, ba đời mỹ mãn không bị lay động, ba nghiệp kiên cố cũng như ánh sáng Kim cang chiếu khắp châu thân.

Đức Phật trú tại cung điện cõi trời Tha hóa ở cõi Dục. Cung điện ấy được trang trí bằng các châu báu tốt đẹp, làm bằng ngọc báu ma-ni lớn, cờ lọng lụa là, màu sắc rực rỡ. Những chuỗi châu báu khi gió thổi đến làm lay động, phát ra âm thanh. Tất cả Như Lai thường đến nơi đó đều khen ngợi là nơi tuyệt vời nhất. Lại có tám vạn ngàn Đại Bồ-tát, trước sau vây quanh cúng dường, cung kính Thế Tôn. Vì các vị Bồ-tát, Phật thuyết pháp đầu, giữa, sau đều thiện, nghĩa lý sâu xa, ngôn từ khéo léo, thuần nhất không xen tạp, thanh tịnh, viên mãn. Các Bồ-tát ấy tên là Bồ-tát Kim Cang Thủ, Bồ-tát Quán Tự Tại, Bồ-tát Hư Không Tạng, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Chuyển Pháp Luân, Bồ-tát Hàng Phục Nhất Thiên Ma. Các Đại Bồ-tát ấy là đứng đầu.

Bấy giờ ở giữa đại chúng, Thế Tôn thuyết cho các Bồ-tát nghe pháp môn tất cả pháp tự tánh thanh tịnh thật tướng Bát-nhã ba-la-mật. Nghĩa là, ái thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; kiến thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; nhiễm trước thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; vui thích thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; tạng thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; trang nghiêm thanh tịnh địa vị Bồ-tát; ngữ thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; ý thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; sắc thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; thanh thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; hương thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; vị thanh tịnh là địa vị của Bồ-tát; vì thanh tịnh là địa vị Bồ-tát. Vì sao? Vì tất cả các

pháp tự tánh thanh tịnh. Tất cả các pháp tự tánh thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh.

Bấy giờ, khi thuyết pháp môn này rồi, Thế Tôn lại bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe pháp môn tất cả pháp tự tánh thanh tịnh thật tướng Bát-nhã ba-la-mật này, một lần lọt vào tai thì tất cả phiền não chướng, nghiệp chướng, pháp chướng, các tội rất nặng của người ấy đều tự tiêu trừ. Người nào đọc tụng, tư duy, tu tập thì ngay trong đời này được Tam-muội Kim cang, tất cả pháp tánh bình đẳng; trải qua mười sáu đời khác sẽ được tự tại thâm nhập, vui thích tất cả pháp môn, cho đến sẽ được thân Kim cang của chư Phật Như Lai.

Khi ấy, Như Lai liền nói thần chú "Hàm".

Bấy giờ, Thế Tôn lại dùng tướng ánh sáng chiếu khắp của tất cả Như Lai, nói cho các Bồ-tát pháp môn tánh tịch tĩnh thành Chánh giác thật tướng Bát-nhã ba-la-mật của tất cả chư Phật. Đó là, thành Chánh giác Kim cang bình đẳng, vì tánh của đại Bồ-đề kiên cố như Kim cang; thành Chánh giác Nghĩa bình đẳng, vì tánh của đại Bồ-đề là Đệ nhất nghĩa; thành Chánh giác Pháp bình đẳng, vì tự tánh của đại Bồ-đề vốn thanh tịnh; thành Chánh giác Nhất thiết bình đẳng, vì tánh của đại Bồ-đề vốn xa lìa tất cả sự phân biệt.

Khi ấy, Thế Tôn nói pháp môn này rồi lại bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Người nào được nghe pháp môn bản tánh tịch tĩnh thành Chánh giác thật tướng Bát-nhã ba-la-mật này, lại thọ trì, đọc tụng, tư duy, tu tập, nên biết người ấy vượt qua được tất cả đường ác, mau chứng quả Vô thượng Bồ-đề.

Bấy giờ, Như Lai lại nói thần chú "Án".

Khi ấy, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại dùng tướng Thích-ca Mâu-ni hay điều phục chúng sinh khó điều phục của tất cả Như Lai để nói pháp môn tất cả pháp bình đẳng thật tướng Bát-nhã ba-la-mật. Đó là tánh không hý luận của tham, tánh không hý luận của sân, tánh không hý luận của si. Vì sao? Vì tánh của tất cả các pháp vốn không hý luận. Tất cả các pháp tánh không hý luận, nên tánh của Bát-nhã ba-la-mật cũng không hý luận.

Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp môn này xong lại bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe pháp môn tất cả pháp bình đẳng thật tướng Bát-nhã ba-la-mật này, thọ trì, đọc tụng, tư duy, tu tập; giả sử người ấy có giết hại tất cả chúng sinh trong ba cõi thì cũng

hoàn toàn không do việc này mà đọa vào đường ác. Vì sao? Vì người ấy đã lãnh thọ luật nghi đều phục tâm. Nên biết vị ấy mau được Vô thượng Bồ-đề.

Khi ấy, Như Lai lại nói thần chú "Hám".

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại dùng tướng tự tánh thanh tịnh của tất cả Như Lai để nói pháp môn tất cả pháp tánh bình đẳng quán tự tại trí ấn thật tướng Bát-nhã ba-la-mật. Nghĩa là, sự thanh tịnh của tánh tham, tánh sân của tất cả thế gian. Do tánh tham, tánh sân của tất cả thế gian là thanh tịnh nên tánh cấu, tánh tội, của tất cả thế gian là thanh tịnh. Do tánh cấu, tánh tội của tất cả thế gian là thanh tịnh nên tánh pháp, tánh chúng sinh của tất cả thế gian cũng thanh tịnh. Vì tánh pháp, tánh chúng sinh của tất cả thế gian là thanh tịnh, nên tánh trí của tất cả thế gian là thanh tịnh. Tánh trí của tất cả thế gian thanh tịnh nên Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh.

Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp môn này xong, lại bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe pháp môn tất cả pháp bình đẳng quán tự tại trí ấn thật tướng Bát-nhã ba-la-mật này, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tu tập thì người ấy tuy ở trong trần cấu năm dục nhưng không bị tham dục, không bị các tội lỗi làm ô nhiễm; cũng như hoa sen tuy ở trong bùn lầy nhưng chẳng bị dính bùn. Cho đến mau chứng quả Vô thượng Bồ-đề.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú "Kiết rị".

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại dùng tướng làm chủ ba cõi của tất cả Như Lai để nói pháp môn quán đảnh xuất hiện trí tạng thật tướng Bát-nhã ba-la-mật của tất cả chư Phật. Nghĩa là, thí quán đảnh làm cho tất cả được ngôi vua trong ba cõi, thí tài bảo làm cho tất cả đều mong muốn đều được đầy đủ; thí pháp thanh tịnh làm cho được tất cả thật tánh của các pháp; thí thức ăn uống làm cho tất cả thân tâm đều an lạc.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú "Đác lãm".

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại dùng tướng bí tạng trí ấn thường trụ của tất cả Như Lai để nói pháp môn Kim cang trí ấn thậm thâm xứ thật tướng Bát-nhã ba-la-mật. Nghĩa là, Kim cang Thân ấn được tất cả chư Phật giữ gìn, vì chứng được thể tánh chân thật của các Như Lai; Kim cang Ngữ ấn được tất cả chư Phật giữ gìn, vì chứng được đầy đủ tất cả Tam-muội; Kim cang Trí ấn được tất cả chư Phật giữ gìn, vì chứng đắc được thân ngữ ý tối thượng như Kim cang.

Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp môn này xong lại bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Người nào nghe được pháp môn Kim cang trí ấn thậm thâm xứ thật tướng Bát-nhã ba-la-mật này của tất cả chư Phật, rồi thọ trì, đọc tụng, tư duy, chánh niệm, nên biết người ấy sẽ được thành Kim cang ấn tối thượng đối với tất cả trí, và các sự nghiệp đều được viên mãn; thân, khẩu, ý tánh như Kim cang, cho đến sẽ thành quả Vô thượng Bồ-đề.

Khi ấy, Như Lai lại nói thần chú "A".

Bấy giờ vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại dùng tướng xa lìa hẳn hý luận của tất cả Như Lai để nói pháp môn văn tự chuyển luân phẩm thật tướng Bát-nhã ba-la-mật. Nghĩa là, tất cả các pháp là không, vì không có tự tánh; tất cả các pháp là vô tướng, vì xa lìa các tướng; tất cả các pháp là vô nguyện, vì xa lìa các nguyện; tất cả các pháp tự tánh thanh tịnh, nên Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú "A".

Bấy giờ vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại dùng tướng thâm nhập chuyển luân rộng lớn của tất cả Như Lai để nói pháp môn thâm nhập chuyển luân rộng lớn thật tướng Bát-nhã ba-la-mật. Nghĩa là, tánh thâm nhập bình đẳng của Kim Cang, vì được thâm nhập chuyển luân của tất cả Như Lai; tánh thâm nhập nghĩa bình đẳng, vì được thâm nhập chuyển luân của tất cả Bồ-tát; tánh thâm nhập pháp bình đẳng, vì được thâm nhập diệu pháp chuyển luân; tánh thâm nhập bình đẳng, vì được thâm nhập vào tất cả chuyển luân.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú "Lam".

Bấy giờ vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại dùng các phương tiện thiện xảo lớn của tất cả Như Lai để nói pháp môn quảng cúng dường chư Phật tối đệ nhất thật tướng Bát-nhã ba-la-mật. Nghĩa là, phát tâm Bồ-đề, tức là phương tiện thiện xảo lớn cúng dường khắp tất cả chư Phật; cứu độ chúng sinh, tức là phương tiện thiện xảo lớn để cúng dường khắp tất cả chư Phật; giữ gìn chánh pháp, tức là phương tiện thiện xảo lớn cúng dường khắp tất cả chư Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp môn này xong lại bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe pháp môn tối đệ nhất quảng cúng dường chư Phật thật tướng Bát-nhã ba-la-mật này, hoặc tự mình ghi chép, hoặc bảo người khác ghi chép, hoặc tự mình thọ trì, hoặc bảo người thọ trì, hoặc tự mình đọc tụng, hoặc bảo người đọc tụng, hoặc tự

mình tư duy, hoặc bảo người tư duy, hoặc tự mình cúng dường, hoặc bảo người cúng dường, tùy theo việc làm ấy tức là phương tiện thiện xảo lớn cúng dường khắp tất cả chư Phật.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú "Án".

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại dùng tướng hay điều phục của tất cả các Như Lai để nói pháp môn bí mật trí tạng thật tướng Bát-nhã ba-la-mật hay điều phục nhiếp thọ tất cả chúng sinh. Nghĩa là, tánh bình đẳng của tất cả chúng sinh là tánh sân bình đẳng; tánh điều phục của tất cả chúng sinh là tánh điều phục sân; tánh chân pháp của tất cả chúng sinh là tánh chân pháp của sân; tánh Kim cang của tất cả chúng sinh là tánh Kim cang của sân. Tại vì sao? Vì tánh điều phục của tất cả chúng sinh chính là Bồ-đề.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú "Hà".

Bấy giờ vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại dùng tướng trụ bình đẳng của tất cả Như Lai để nói pháp môn trí tánh bình đẳng tối thắng của tất cả pháp thật tướng Bát-nhã ba-la-mật. Nghĩa là, tánh bình đẳng của tất cả các pháp là tánh bình đẳng của Bát-nhã ba-la-mật; tánh đệ nhất nghĩa của tất cả các pháp là tánh đệ nhất nghĩa của Bát-nhã ba-la-mật; tánh pháp của tất cả các pháp là tánh pháp của Bát-nhã ba-la-mật; tánh nghiệp dụng của tất cả các pháp là tánh nghiệp dụng của Bát-nhã ba-la-mật.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú "Hiệt rị".

Bấy giờ vì các Bồ-tát, Thế Tôn dùng tướng làm chỗ nương tựa cho chúng sinh của tất cả Như Lai để nói pháp môn chỗ dựa cho tất chúng sinh thật tướng Bát-nhã ba-la-mật. Nghĩa là, tất cả chúng sinh là Như Lai tạng, vì đều ở khắp trong thể tánh Bồ-tát Phổ Hiền; tất cả các chúng sinh là Kim cang, vì đều được nước Kim cang tạng rưới ướt; tất cả chúng sinh là chánh pháp tạng vì bản tánh lời nói là ngôn từ đúng đắn; tất cả chúng sinh là diệu nghiệp tạng, vì sự hoạt động của các nghiệp thiện xảo vi diệu.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú "Để rị".

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại dùng tướng vô lượng, vô biên tận cùng rốt ráo của tất cả Như Lai để nói pháp môn tất cả các pháp vô lượng, vô biên tận cùng rốt ráo bình đẳng thật tướng Bát-nhã ba-la-mật. Nghĩa là, vì Bát-nhã ba-la-mật là vô lượng, nên tất cả chư Phật cũng vô lượng; vì Bát-nhã ba-la-mật là vô biên, nên tất cả chư Phật cũng vô biên; vì Bát-nhã ba-la-mật tánh nhất như, nên nên các pháp cũng tánh nhất như; vì Bát-nhã ba-la-mật tận cùng rốt ráo, nên tất cả các pháp cũng tận cùng rốt ráo.

Bấy giờ, Thế Tôn nói pháp môn này xong, lại bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe pháp môn vô lượng, vô biên tận cùng rốt ráo thật tướng Bát-nhã ba-la-mật này, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy, thì tất cả nghiệp chướng của người ấy đều được tiêu trừ hết không còn sót lại, mau đến Bồ-đề; đối với thân Kim cang Như Lai được tự tại.

Khi ấy Như Lai lại nói thần chú "Phiếu".

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại dùng tướng pháp tánh bí mật phổ quang minh ly hý luận của các Như Lai để nói pháp môn Kim cang bất không vô ngại đại an lạc quyết định nhập pháp tánh vô sơ trung hậu tối đệ nhất thật tướng Bát-nhã ba-la-mật. Nghĩa là, các Bồ-tát có thể phụng sự cúng dường rộng lớn nên được sự an lạc tối thượng. Do được sự an lạc tối thượng nên được đạo Bồ-đề tối thượng của chư Phật. Do được Bồ-đề vô thượng của chư Phật nên có thể thu phục được tất cả ma quân. Do thu phục được tất cả ma quân nên được tự tại trong ba cõi. Do được tự tại trong ba cõi nên có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh đều được an lạc cứu cánh tối thượng. Vì sao? Bài tụng nói:

Có bậc Trí tối thắng
Thường ở trong sinh tử
Cứu độ khắp quần sinh
Mà không nhập Niết-bàn,
Bát-nhã ba-la-mật
Trí phương tiện cứu cánh
Thành tựu nghiệp thanh tịnh
Thanh tịnh khắp hữu tình.
Với các phiền não tham…
Điều phục các thế gian
Cho đến trời Hữu đảnh
Thanh tịnh không trái nghịch,
Ở trong đời sinh tử
Không nhiễm pháp thế gian
Như hoa sen thơm đẹp
Không ô nhiễm trần cấu,
Ưa muốn làm thanh tịnh
An lạc cho tất cả
Tự tại trong ba cõi

Làm ích lợi bền chắc.

Bấy giờ, nói pháp môn này xong, Thế Tôn lại bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Người nào nghe được pháp môn Kim cang pháp tánh đại an lạc thật tướng Bát-nhã ba-la-mật này, hàng ngày mỗi sáng sớm hoặc lắng nghe hoặc đọc tụng liên tục không dứt, nên biết tội chướng của người ấy đều tự tiêu trừ, tâm thường an lạc vui vẻ đệ nhất; ngay trong hiện đời liền được thành tựu Kim cang bất không vô ngại quyết định nhập pháp, lại sẽ thành tựu thân Kim cang kiên cố bí mật của tất cả Như Lai.

Khi ấy Như Lai nói thần chú "Sa ha".

Bấy giờ sau khi nói cho các Bồ-tát nghe các pháp môn trên xong, Thế Tôn lại bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Kinh điển này của ta rất khó được nghe.

Người nào được nghe cho đến dù chỉ một từ, nên biết người ấy đời quá khứ đã từng cúng dường chư Phật, ở chỗ chư Phật đã từng gieo trồng căn lành. Huống là người lắng nghe đọc tụng đầy đủ, nên biết người ấy quyết định đã từng cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi tám mươi ức na-do-tha vô số chư Phật. Nếu kinh điển này ở nơi nào thì ở nơi ấy có tháp chư Phật. Nếu người nào kính trọng kinh này, thường giữ gìn không xa lìa, thì người ấy xứng đáng lãnh thọ sự cung kính cúng dường của tất cả các thế gian. Vị này sẽ được Túc mạng thông, có thể biết được mọi việc trong vô lượng kiếp quá khứ, không bị tất cả Thiên ma Ba-tuần quấy nhiễu, được Tứ đại thiên vương và chư Thiên khác ủng hộ, được tất cả các chư Phật và các vị Bồ-tát thường cùng hộ vệ, tùy ý vãng sinh vào các Tịnh độ trong mười phương.

Này Kim Cang Thủ! Ta nói sơ lược công đức của pháp môn thật tướng Bát-nhã ba-la-mật như vậy. Nếu nói rộng thì tận cùng kiếp cũng không hết được.

Phật nói kinh này xong, Bồ-tát Kim Cang Thủ và các Đại Bồ-tát, Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Câu-lâu-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân…, tất cả chúng hội đều rất hoan hỷ, tin theo vâng làm.

-oOo-

SỐ 241

KINH KIM CANG ĐẢNH DU-GIÀ LÝ THÚ BÁT NHÃ

Hán dịch: Tam tạng Kim Cang Trí.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn thành tựu viên mãn tánh trí Kim cang tạng bình đẳng trụ trì, các công đức thù thắng hy hữu của Như Lai, có thể hộ trì hoàn toàn mão báu quán đảnh Pháp vương vô thượng của tất cả Như Lai; vượt ra ba cõi, có thể chứng đắc hoàn toàn trí Kim Cang khắp cả Ma-ha du-già tự tại vô ngại của tất cả Như Lai; quyết định thanh tịnh trí diệu pháp của tất cả Như Lai; đã chứng đắc viên mãn tánh ấn bình đẳng, không tịch rốt ráo của tất cả Như Lai; các việc làm đều được thành tựu tốt đẹp, các điều mong cầu chính đáng của tất cả hữu tình đều được đầy đủ; đã khéo an trụ thân, khẩu, ý tánh như Kim cang không động, không hoại của các Như Lai ba đời bình đẳng, thường không đoạn tận, rộng lớn khắp cả.

Đức Thế Tôn ở trong cung trời Tha hóa tự tại của cõi Dục. Tất cả Như Lai thường đến đó cùng nhau khen ngợi cung điện báu ấy. Cung điện ấy làm bằng ngọc ma-ni vô giá; được trang trí bằng các ngọc châu quý xen kẽ nhau chiếu ánh sáng lớn, chuông báu, linh vàng treo thành hàng khắp nơi, gió thổi nhẹ làm lay động phát ra âm thanh hòa nhã; cờ lụa, lọng báu, vòng hoa treo bay phất phới; ngọc châu anh lạc sáng như trăng rằm. Chư Thiên và Hiền thánh đều rất ưa thích. Có tám mươi ức Đại Bồ-tát tất cả đều đầy đủ môn Đà-la-ni, môn Tam-ma-địa, biện tài vô ngại. Vô lượng công đức như vậy, giả sử trải qua nhiều kiếp khen ngợi cũng không thể hết. Các Bồ-tát ấy là Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại, Đại Bồ-tát Hư Không Khố, Đại Bồ-tát Kim Cang Quyền, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Đại Bồ-tát Phát Tâm Tức Chuyển Pháp Luân, Đại Bồ-tát Hư Không Tạng, Đại Bồ-tát Hàng Phục Nhất Thiết Ma Oán. Tám mươi ức Đại Bồ-tát thượng thủ như vậy trước sau vây quanh nghe Phật thuyết giảng chánh pháp đầu, giữa, sau điều thiện; nghĩa lý sâu xa, văn từ khéo léo, thuần nhất, viên mãn, thanh tịnh, phạm hạnh.

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn nói pháp môn tất cả pháp tự tánh thanh tịnh lý thú Bát-nhã ba-la-mật-đa. Pháp môn này tức là ý nghĩa của Bồ-tát.

Thế nào là ý nghĩa Bồ-tát?

Ý nghĩa rất vi diệu thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa các kiến tịch tĩnh hẳn thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa vi diệu vui thích thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa khát ái dứt hẳn thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa thai tạng siêu việt thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa các đức trang nghiêm thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa rất vui thích thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa ý thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa sắc thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa thanh thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa hương thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa vị thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát; ý nghĩa xúc thanh tịnh là ý nghĩa Bồ-tát.

Vì sao? Vì tất cả pháp tự tánh đều thanh tịnh. Tất cả pháp tự tánh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật-đa tối thắng thanh tịnh.

Phật nói ý nghĩa pháp Bồ-tát thanh tịnh lý thú Bát-nhã như vậy xong, bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Bồ-tát Kim Cang Thủ! Nếu người nào nghe được pháp môn lý thú Bát-nhã ba-la-mật-đa tất cả pháp tự tánh thanh tịnh này, chỉ một lần được nghe vào tai thì các phiền não nghiệp chướng, các tội rất nặng của người ấy đều tự tiêu trừ, cho đến đắc Bồ-đề, không sinh vào đường ác. Nếu có thể hằng ngày thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì ngay tại đời này chắc chắn được Tam-ma-địa Kim cang tất cả pháp tánh bình đẳng, trải qua mười sáu đời làm Đại Bồ-tát quyết định được tánh chấp Kim cang của Như Lai, mau chứng đắc Vô thượng Bồ-đề.

Phật liền nói mật ngữ: “Hồng”.

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng Tỳ-lô-giá-na Như Lai để nói pháp môn pháp tánh tịch tĩnh Bát-nhã ba-la-mật-đa thậm thâm lý thú hiện đẳng giác của tất cả Như Lai. Nghĩa là Kim cang bình đẳng thành Chánh giác, vì đại Bồ-đề tánh kiên cố như Kim cang; Nghĩa bình đẳng thành Chánh giác, vì đại Bồ-đề tánh đệ nhất nghĩa; Pháp bình đẳng thành Chánh giác, vì đại Bồ-đề tự tánh thanh tịnh; tất cả Nghiệp bình đẳng thành Chánh giác, vì đại Bồ-đề xa lìa tất cả phân biệt.

Nói môn pháp tánh xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào nghe được pháp môn bốn tánh tịch tĩnh thành Chánh giác Bát-nhã ba-la-mật-đa lý thú Hiện đẳng giác này, rồi tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì có thể vượt qua đường

ác, mau chứng quả Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: "Ám".

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng Thích-ca Mâu-ni có thể điều phục hữu tình khó đều phục của tất cả Như Lai để nói pháp môn tất cả pháp phổ thắng bình đẳng lý thú Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nghĩa là, tánh không hý luận của tham, tánh không hý luận của sân, tánh không hý luận của ái. Vì sao? Vì cho đến tất cả đều là tánh không hý luận. Do tất cả đều là tánh không hý luận nên Bát-nhã ba-la-mật-đa tánh không hý luận.

Nói pháp phổ thắng lý thú Bát-nhã điều phục các điều ác này xong, Thế Tôn bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ.

–Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe pháp môn tất cả pháp Phổ thắng bình đẳng lý thú Bát-nhã ba-la-mật-đa này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy; giả sử người ấy có giết hại tất cả hữu tình trong ba cõi thì rốt cuộc cũng không do việc này mà đọa vào đường ác. Vì sao? Vì họ đã thọ luật nghi điều phục tâm, thường sinh vào đường lành, tu hạnh Bồ-đề, mau chứng Vô thượng Bồ-đề.

Phật lại nói mật ngữ: "Hồng".

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng tánh thanh tịnh của tất cả Như Lai để nói pháp môn tất cả pháp Tánh bình đẳng quán tự tại trí ấn lý thú Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nghĩa là, tất cả tham tánh thanh tịnh, sân tánh thanh tịnh. Vì tất cả tham tánh thanh tịnh nên tất cả cấu tánh thanh tịnh, tội tánh thanh tịnh. Vì tất cả cấu tánh thanh tịnh, tội tánh thanh tịnh nên tất cả pháp tánh thanh tịnh, hữu tình tánh thanh tịnh. Vì tất cả pháp tánh thanh tịnh, hữu tánh thanh tịnh nên tất cả trí tánh thanh tịnh. Vì tất cả trí tánh thanh tịnh nên Bát-nhã ba-la-mật-đa tối thắng thanh tịnh.

Nói pháp trí ấn thanh tịnh bình đẳng Bát-nhã lý thú này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe pháp môn tất cả pháp Bình đẳng quán tự tại trí ấn lý thú Bát-nhã ba-la-mật-đa này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì tuy ở trong năm dục nhưng không bị các tội lỗi khách trần phiền não làm ô nhiễm. Ví như hoa sen tuy ở trong bùn lầy nhưng hoàn toàn không nhiễm bùn, vị ấy mau chứng Vô thượng Bồ-đề.

Phật lại nói mật ngữ: "Hiệt rị".

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng vì ba cõi của tất cả Như Lai để nói pháp môn trí tạng quán đảnh xuất hiện lý thú Bát-nhã ba-la-mật-đa của tất cả Như Lai. Nghĩa là, thí quán đảnh để làm cho được

ngôi Pháp vương tất cả ba cõi; thí tài bảo làm cho tất cả điều mong muốn đều được đầy đủ; thí pháp thanh tịnh làm cho được tánh của tất cả pháp bảo; thí thức ăn uống làm cho tất cả thân khẩu ý đều được an lạc.

Nói pháp Trí tạng quán đảnh lý thú Bát-nhã xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Nếu người nào được nghe môn Trí tạng quán đảnh lý thú thậm thâm này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì người ấy mau được viên mãn hạnh Bồ-tát, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: "Đát lãm".

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương theo tướng bí tạng trí ấn thường trụ của tất cả Như Lai để nói pháp môn Kim cang trí ấn thậm thâm lý thú Bát-nhã ba-la-mật-đa của tất cả Như Lai. Đó là, giữ gìn Kim cang thân ấn của tất cả Như Lai nên được thể tánh chân thật của tất cả Như Lai; giữ gìn Kim cang ngữ ấn của tất cả Như Lai nên được tất cả môn tự tại; giữ gìn Kim cang tâm ấn của tất cả Như Lai nên được đầy đủ Tam-ma-địa; giữ gìn Kim cang trí ấn của tất cả Như Lai một cách chắc chắn như Kim cang nên được thân, ngữ, ý tối thượng như Kim cang.

Nói pháp trí ấn này xong, Phật bảo Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào nghe được pháp môn Kim cang trí ấn thậm thâm lý thú Bát-nhã ba-la-mật-đa của tất cả Như Lai, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì được thành tựu Kim cang trí ấn tối thượng, được viên mãn Nhất thiết trí và các việc làm, thân ngữ tâm tánh như Kim cang không thể phá hoại, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: "Á".

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương theo tướng tất cả pháp không hý luận của Như Lai để nói pháp môn văn tự chuyển luân phẩm lý thú Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nghĩa là, tất cả pháp tánh là không vì không có tự tánh; tất cả pháp vô tướng, vì xa lìa các tướng; tất cả pháp vô nguyện, vì xa lìa các nguyện; cho đến tất cả pháp tự tánh thanh tịnh nên Bát-nhã ba-la-mật-đa tự tánh thanh tịnh.

Nói pháp văn tự lìa các hý luận này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Nếu người nào nghe được pháp môn luân tự vô hý luận lý thú Bát-nhã này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì đối với tất cả pháp này được trí vô ngại, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: "Ám".

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng nhập chuyển luân rộng lớn của tất cả Như Lai để nói pháp môn nhập chuyển rộng lớn Bát-nhã ba-la-mật-đa thậm thâm lý thú tánh bình đẳng. Nghĩa là, nhập Kim cang tánh bình đẳng nên được nhập chuyển luân của tất cả Như Lai; nhập nghĩa tánh bình đẳng nên được nhập pháp chuyển luân của tất cả Bồ-tát; nhập pháp tánh bình đẳng nên được nhập chuyển luân diệu pháp; cho đến nhập tất cả pháp tánh bình đẳng nên được nhập tất cả pháp tánh bình đẳng, được nhập chuyển luân của tất cả pháp.

Nói pháp tánh bình đẳng lý thú Bát-nhã nhập chuyển luân rộng lớn này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Nếu người nào được nghe pháp môn tánh bình đẳng chuyển luân, tánh lý luận thậm thâm này, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì có thể ngộ nhập các tánh bình đẳng, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: "Hồng".

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng cúng dường rộng khắp các vật dụng của tất cả Như Lai để nói pháp môn cúng dường rộng khắp các vật dụng tối thắng đệ nhất, vô thượng thậm thâm lý thú Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nghĩa là, phát tâm Bồ-đề tức là thành tựu cúng dường rộng khắp tất cả Như Lai; cứu giúp tất cả hữu tình tức là thành tựu cúng dường rộng lớn tất cả Như Lai; giữ gìn diệu pháp tức là thành tựu cúng dường rộng lớn tất cả Như Lai. Cho đến ghi chép, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy, cúng dường Bát-nhã ba-la-mật-đa tức là thành tựu cúng dường rộng khắp tất cả Như Lai.

Nói pháp cúng dường thanh tịnh thậm thâm vô lượng lý thú này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ và tất cả hội chúng:

–Nếu người nào được nghe pháp môn cúng dường vô lượng lý thú Bát-nhã này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì mau được viên mãn các hạnh Bồ-tát, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: "Ám".

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương theo tướng hay điều phục tất cả hữu tình của tất cả Như Lai để nói pháp môn bí mật trí tạng lý thú Bát-nhã ba-la-mật hay điều phục tất cả hữu tình. Nghĩa là, tánh bình đẳng của tất cả hữu tình là tánh bình đẳng của giận dữ; tánh điều phục tất cả hữu tình tức là tánh điều phục giận dữ; tánh chân pháp của tất cả hữu tình tức là tánh chân pháp của giận dữ; tánh như Kim cang của tất cả hữu tình tức là tánh như Kim cang của giận dữ. Vì sao? Vì điều phục tất cả hữu tình làm cho chứng đắc Bồ-đề.

Nói pháp môn trí tạng lý thú thậm thâm hay điều phục này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ và tất cả hội chúng rằng:

–Nếu người nào được nghe pháp môn điều phục trí tạng lý thú Bát-nhã này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niêm, tư duy thì có thể tự điều phục các tội lỗi giận dữ, và cũng có thể điều phục tất cả hữu tình, thường sinh vào đường thiện hưởng các sự an vui tốt đẹp, phát tâm từ đối với kẻ oán đời này, có thể tu hành tốt các hạnh Bồ-tát, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: "Hác".

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương theo tướng trụ bình đẳng của tất cả Như Lai để nói pháp môn lý thú Bát-nhã ba-la-mật-đa thậm thâm tất cả pháp tánh bình đẳng tối thắng. Nghĩa là, tất cả pháp tánh bình đẳng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa thậm thâm cũng là tánh bình đẳng; tất cả pháp tức là tánh đệ nhất nghĩa nên Bát-nhã ba- la-mật-đa thậm thâm cũng là tánh đệ nhất nghĩa; tất cả pháp là tánh pháp nên Bát-nhã ba-la-mật-đa thậm thâm cũng là tánh pháp. Cho đến tất cả pháp có tánh nghiệp dụng nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm sâu cũng có tánh nghiệp dụng.

Nói pháp lý thú tối thắng thậm thâm tánh bình đẳng này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ và hội chúng rằng:

–Nếu người nào nghe được pháp môn lý thú Bát-nhã tối thắng thậm thâm bình đẳng này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì có thể thông đạt pháp tánh bình đẳng Bát-nhã ba-la-mật-đa thậm thâm, đối với các hữu tình tâm không chướng ngại, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: "Hiệt rị".

Bấy giờ, vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng gia trì cho các hữu tình của tất cả Như Lai để nói pháp môn lý thú Bát-nhã ba-la-mật-đa gia trì cho tất cả các hữu tình. Nghĩa là, tất cả các hữu tình tức là Như Lai tạng, vì ở khắp trong thể tánh của Bồ-tát Phổ Hiền; tất cả hữu tình tức là Kim cang, vì tánh quán đảnh viên mãn; tất cả hữu tình tức là chánh pháp tạng tánh, vì có thể chuyển tất cả bánh xe chánh pháp; tất cả hữu tình tức là sự nghiệp tàng tánh, vì có thể làm tất cả sự nghiệp tương ứng.

Nói pháp thắng tạng lý thú thậm thâm gia trì hữu tình này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ và hội chúng rằng:

–Nếu người nào được nghe pháp môn thắng tạng biến mãn lý thú Bát-nhã này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì có thể thông đạt tánh pháp tạng thù thắng, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: "Để lợi".

Bấy giờ vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào các tướng vô lượng, vô biên rốt ráo cùng tận của tất cả Như Lai để nói pháp môn tất cả pháp vô lượng, vô biên tận cùng rốt ráo bình đẳng lý thú Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nghĩa là, Bát-nhã ba-la-mật-đa thậm thâm vô lượng nên tất cả Như Lai cũng vô lượng; Bát-nhã ba-la-mật-đa thậm thâm vô biên nên tất cả Như Lai cũng vô biên; Bát-nhã ba-la-mật-đa thậm thâm tánh nhất nên tất cả các pháp cũng tánh nhất như; Bát-nhã ba-la-mật-đa thậm thâm rốt ráo hoàn toàn nên tất cả các pháp cũng rốt ráo hoàn toàn.

Nói pháp Kim cang lý thú vô lượng, vô biên tận cùng rốt ráo này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ và tất cả hội chúng rằng:

–Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào được nghe pháp môn Kim cang lý thú Bát-nhã ba-la-mật cứu cánh này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì tất cả chướng ngại của người ấy đều được tiêu diệt hoàn toàn không còn sót, quyết định được tánh chấp Kim cang của Như Lai, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Phật lại nói mật ngữ: "Tỳ dược".

Bấy giờ vì các Bồ-tát, Thế Tôn lại nương vào tướng bí mật pháp tánh Tỳ-lô-giá-na xa lìa hý luận của tất cả Như Lai để nói pháp môn Phổ Hiền đại lạc Kim cang bất không thần chú vô lượng quyết định nhập các pháp tánh không có đầu giữa sau tối thắng đệ nhất lý thú Bát-nhã ba-la-mật-đa thậm thâm. Nghĩa là, các Bồ-tát hay phụng sự cúng dường rộng khắp nên được đại lạc tối thượng; do được đại lạc tối thượng nên chứng được quả Vô thượng đại Bồ-đề của chư Phật; do được quả Vô thượng Bồ-đề thì có thể điều phục tất cả ma quân; do điều phục được tất cả ma quân nên thành tựu tối thắng tự tại trong ba cõi; do thành tựu tối thắng tự tại trong ba cõi nên có thể làm lợi ích cho tất cả hữu tình đều được an lạc tối thượng cứu cánh.

Phật lại nói mật ngữ: "Tát phạm".

Có bậc Trí tối thắng
Thường ở trong sinh tử
Độ khắp các quần sinh
Mà không nhập Niết-bàn,
Bát-nhã ba-la mật
Trí phương tiện cứu cánh
Thành tựu nghiệp thanh tịnh
Làm thanh tịnh các cõi,
Với các phiền não tham

Điều phục các thế gian
Cho đến trời Hữu đảnh
Quả vô vi thanh tịnh.
Tuy ở trong sinh tử
Không nhiễm pháp thế gian
Như hoa sen thơm đẹp
Không bị dính bùn nhơ,
Muốn làm thanh tịnh người
Đem an vui cho người
Tự tại trong ba cõi
Làm lợi ích bền chắc.

Phật lại nói mật ngữ: "Ha"

Án, na ma tát bà một đà mẫu địa tát đỏa nam.

Án, bộ địa chất đa bạt chiết lệ.

Án, tam mạn đa bạt đà la giả lợi da.

Án, chân đa ma-ni.

Án, quá di lô đề.

Án, nhược để vĩ đế.

Án, ma ha la già đạt.

Án, mị chiến lý da ca phạ chế.

Án, tát bà già nhị di.

Án, bạt chiết la di lý trà ca phạ chiết đế hồng.

Án, tát bà đát tha nẵng đế.

Án, bà pha bà phạ thuật đề.

Án, đạt ma đa nương na vĩ thuật đề.

Án, yết ma vĩ túc đạt án.

Án, di tô bà bạt chiết lý ni hồng phán.

Án, yết ma la nghê.

Án, nhạ hô bạt chiết phạ.

Án, tát bà na dĩ di.

Án, đốt rị yết.

Án, a ca la mục khiết hộ.

Án, bát lợi nhược ba la đế hác hồng.

Án, ám.

Án, tát bà đát tha ngã đa ma để mậu đạt di.

Án, tát bà đát tha ngã đạ ca nẵng lệ

Án, tát bà đát tha ngã đa chất đa bạt chiết lệ

Án, bạt chiết ra tát đỏa vi tắc phổ tra da tát bà bá da mãn đà na di bát ra mộ khất xoa da tát bà bá da lệ để tệ tát phạ tát đát vãn tát pha đát tha lệ đa tam-muội da bạt ra hồng đát ra tra.

Nói mật ngữ này xong, Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ, Chủ mật ngữ:

–Nếu các hữu tình nào được nghe hai mươi lăm pháp môn bí mật lý thú Bát-nhã ba-la-mật-đa thậm thâm này, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì đời này được thành tựu Kim cang bí mật tối thắng của tất cả Như Lai, không bao lâu sẽ được thân pháp tánh đại Chấp kim cang của tất cả Như Lai.

Sau khi giảng thuyết các pháp môn này cho các Bồ-tát xong, Thế Tôn lại bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Này Kim Cang Thủ! Kinh điển này của ta khó có thể được nghe. Cho đến, người nào nghe được dù là rất ít chỉ một từ, nên biết người này đời quá khứ đã từng cúng dường chư Phật, ở chỗ chư Phật gieo trồng căn lành. Huống là người được nghe đầy đủ, thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy! Nên biết, người này quyết định đã từng cúng dường, cung kính tôn trọng khen ngợi tám mươi ức na-dữu-đa hằng hà sa số chư Phật. Nếu ở đâu có kinh này xuất hiện thì ở đó có điện tháp của chư Phật. Nếu các hữu tình kính trọng kinh này, thường giữ gìn không xa lìa, thì người ấy sẽ được tất cả thế gian cung kính cúng dường. Vị ấy sẽ được Túc mạng thông, có thể biết mọi việc trong vô lượng kiếp quá khứ, không bị tất cả chư Thiên ma Ba-tuần quấy nhiễu, được Tứ đại thiên vương và chư Thiên khác thường ủng hộ theo, được tất cả chư Phật và các vị Bồ-tát thường cung cấp hộ vệ, tùy theo ý nguyện được vãng sinh các cõi Phật trong mười phương.

Này Kim Cang Thủ! Nay ta chỉ nói sơ lược công đức pháp môn Lý thú Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy. Nói rộng thì tận cùng kiếp cũng không thể hết.

Phật nói kinh này xong, các vị Bồ-tát Kim Cang Thủ…, các hàng Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân… tất cả chúng hội đều rất vui vẻ tin theo và làm theo.

-oOo-

SỐ 242

KINH PHẬT THUYẾT BIẾN CHIẾU BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Hán dịch: Thí Hộ.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn được trí Kim cang Tam-muội của tất cả Như Lai, được các mão báu tối thượng đầy đủ của tất cả Như Lai, được trí Kim cang tương ứng với đại tự tại của tất cả Như Lai, nhận được trí ấn của tất cả Như Lai quán đảnh trong ba cõi, cho đến viên mãn tất cả những điều mong muốn của chúng sinh bằng tất cả trí tuệ bình đẳng sáng suốt biến hóa. Đại Tỳ-lô-giá-na này thường trụ trong ba đời, bình đẳng với ba nghiệp thân, ngữ, ý Kim cang của tất cả Như Lai, được tất cả Như Lai khen ngợi.

Bấy giờ, Thế Tôn an trụ nơi cung trời Tha hóa tự tại ở cõi Dục. Cung trời này được trang trí bằng các ngọc báu ma-ni màu sắc vi diệu, các châu báu anh lạc, các cờ lọng báu, treo các linh báu, đầy đủ các thứ như vậy. Có các Đại Bồ-tát tên là Bồ-tát Kim Cang Thủ, Bồ-tát Quán Tự Tại, Bồ-tát Hư Không Tạng, Bồ-tát Kim Cang Quyền, Bồ-tát Đồng Tâm Chuyển Pháp Luân, Bồ-tát Nga Nga Nẵng Hiến Nhạ, Bồ-tát Phá Nhất Thiết Ma Vương, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Sáu mươi tám ức các Đại Bồ-tát như vậy đều cung kính vây quanh nghe Phật thuyết pháp, đầu, giữa, cuối đều thiện, nghĩa lý sâu xa ngôn từ khéo léo, thuần nhất không xen tạp, đầy đủ rõ ràng. Phật giải thuyết tất cả các pháp môn thanh tịnh của Bồ-tát rằng:

"Các hữu tình nào đối với dục mà thanh tịnh là Bồ-tát, lưới ái thanh tịnh là Bồ-tát, tất cả hành thanh tịnh là Bồ-tát, thấy tánh thanh tịnh là Bồ-tát, ái lạc thanh tịnh là Bồ -tát, tham thanh tịnh là Bồ-tát, sân thanh tịnh là Bồ-tát, si thanh tịnh là Bồ-tát, tạng thanh tịnh là Bồ-tát, văn tự thanh tịnh là Bồ-tát, ý lạc thanh tịnh là Bồ-tát, quán thanh tịnh là Bồ-tát, thân thanh tịnh là Bồ-tát, ngữ thanh tịnh là Bồ-tát, ý tịnh là Bồ-tát, sắc thanh tịnh là Bồ-tát, thanh thanh tịnh là Bồ-tát, hương thanh tịnh là Bồ-tát, vị thanh tịnh là Bồ-tát, xúc thanh tịnh là Bồ-tát. Ý ông nghĩ sao? Tất cả pháp tự tánh rỗng không, tự tánh thanh tịnh nên Bát-nhã ba-la-mật tự tánh cũng là không, tự

tánh thanh tịnh.”

Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Đối với tất cả pháp môn thanh tịnh Bát-nhã ba-la-mật này có chữ “hồng” bí mật gom hết tất cả các phá.

Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Người nào đối với tất cả pháp môn thanh tịnh Bát-nhã ba-la-mật này mà lắng nghe, thọ trì, đọc tụng thì người ấy liền được đi đến Bồ-đề đạo tràng, các nghiệp chướng, báo chướng, phiền não chướng, đường ác, địa ngục và tất cả sự che lấp trói buộc đều không phát sinh, tất cả bức bách đau khổ đều được diệt trừ hết.

Nếu có người nào thường ngày thọ trì, đọc tụng, nhất tâm tư duy thì hiện đời người đó được tất cả các pháp Tam-muội Kim cang bình đẳng, được tất cả sự ưa thích tự tại an lạc, đi vào ngôi vị Bồ-tát, mau chứng quả Phật. Thế nên được gọi là Phật trí Kim cang.

Phật nói tất cả pháp hành như vậy, gom vào bí mật nghĩa chữ “Hồng”.

Lúc bấy giờ, Biến Chiếu Như Lai bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Kinh Bát-nhã ba-la-mật này nói pháp Bồ-đề tịch tĩnh của tất cả Như Lai, gọi là Kim cang bình đẳng Bồ-đề: Kim cang là kiên cố, nghĩa Bồ-đề là bình đẳng. Tất cả pháp nghĩa kiên cố Bồ-đề bình đẳng, tất cả pháp tự tánh thanh tịnh Bồ-đề đều là đại Bồ-đề, có thể diệt trừ tất cả vọng tưởng.

Nếu có người nào lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, cung kính, cúng dường thì tất cả tội chướng đều được diệt trừ, cho đến được ngồi Bồ-đề đạo tràng, mau chứng quả Vô thượng Bồ-đề.

Phật nói tất cả pháp hành như vậy để gom vào bí mật nghĩa chữ “Án”.

Bấy giờ, Thích-ca Như Lai vì điều phục tất cả các điều ác nên nói kinh Bát-nhã ba-la-mật Tối Thắng. Vì tham là hý luận nên biết là tham, vì si là hý luận nên biết là si, vì tất cả pháp đều hý luận nên thấy hý luận nên thấy tất cả pháp. Bát-nhã ba-la-mật cũng nên biết như vậy.

Phật nói tất cả pháp hành như vậy để gom vào bí mật nghĩa chữ “Hàm”.

Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Nếu có người nào đối với Bát-nhã ba-la-mật này lắng nghe, đọc tụng, thọ trì, nhớ nghĩ thì giả sử người kia giết hại hết tất cả chúng sinh trong ba cõi, tạo vô lượng, vô biên tội, nhưng do năng lực công đức của sự trì tụng này mà mau diệt trừ được, sẽ chứng quả Vô thượng Bồ-đề.

Phật nói tất cả pháp hành như vậy để gom vào bí mật nghĩa chữ

"Hồng".

Bấy giờ, Như Lai trú vào tự tánh thanh tịnh, lại nói kinh Nhất Thiết Pháp Tu Tập Quán Tự Tại Trí Ấn Bát-nhã ba-la-mật. Tất cả tham ở thế gian thanh tịnh nên tất cả sân thanh tịnh, tất cả cấu thanh tịnh, tất cả tội thanh tịnh, tất cả chúng sinh thanh tịnh, tất cả pháp thanh tịnh, tất cả trí thanh tịnh, vì Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh.

Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Người nào đối với Bát-nhã ba-la-mật này mà lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ thì người ấy tuy ở trong tất cả bùn tham dục, phiền não tham dục nhưng không bị ô nhiễm. Ví như hoa sen hồng ở trong bùn nhưng không nhiễm bùn, như vậy không bao lâu sẽ thành tựu quả Vô thượng Bồ-đề.

Bấy giờ Như Lai Nhất Thiết Tam Giới Chủ nói kinh Quán Đảnh Sinh Trí Tạng Bát-nhã ba-la-mật của tất cả các Như Lai: "Nếu bố thí quán đảnh thì sẽ được tất cả thân vua trong ba cõi. Nếu bố thí lợi hành thì sẽ được viên mãn tất cả điều mong muốn. Nếu thí pháp thì mau chứng tất cả pháp bình đẳng. Nếu thí tài vật thì thân, khẩu, ý tất cả đều an vui."

Phật nói tất cả pháp hành như vậy bao gồm trong bí mật nghĩa chữ "Đát lãm".

Lúc bấy giờ, Như Lai Đắc Nhất thiết trí Ấn Thường Trì Nhất Thiết Mật Pháp nói kinh Trụ Kim Cang Trí Ấn Bát-nhã ba- la-mật của tất cả Như Lai: "Nếu thọ thân ấn của tất cả Như Lai thì thành tựu được tất cả Như Lai. Nếu thọ ngữ ấn của tất cả Như Lai thì thành tựu tất cả pháp môn. Nếu thọ nhận tâm ấn liền thành tựu tất cả Tam-ma-địa. Nếu thọ nhận Kim cang ấn thì thành tựu ba nghiệp thân, khẩu, ý Kim cang tối thượng của tất cả Như Lai."

Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Nếu có người nào đối với kinh này lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, tư duy thì người ấy mau được giàu sang no đủ, mau thành tựu được bí mật thân, khẩu, ý Kim cang, không bao lâu chứng quả Vô thượng Bồ-đề.

Phật nói tất cả pháp hành như vậy bao gồm trong bí mật nghĩa chữ "Á".

Lúc bấy giờ Như Lai Nhất Thiết Pháp Hý Luận nói kinh Chuyển Luân Tự Bát-nhã ba-la-mật: "Tất cả pháp vô tánh đều vô tướng, tất cả các pháp vô tướng nên vô tác, tất cả các pháp vô tác nên vô nguyện. Vì tất cả các pháp vô nguyện nên tất cả pháp xưa nay thanh tịnh, Bát-nhã ba-la-mật cũng thanh tịnh."

Phật nói tất cả pháp hành như vậy bao gồm trong bí mật nghĩa chữ "Ám".

Lúc bấy giờ Như Lai Nhất Thiết Nội Luân nói kinh Nhập Đại Luân Bát-nhã ba-la-mật: "Nếu đi vào Kim cang bình đẳng thì cũng được nhập vào luân của tất cả Như Lai. Nếu đi vào Kim cang bình đẳng lợi thì cũng được vào luân của tất cả Đại Bồ-tát. Nếu đi vào pháp bình đẳng thì cũng được vào luân của tất cả các pháp. Nếu đi vào tất cả bình đẳng thì cũng được đi vào tất cả luân."

Phật nói tất cả pháp hành như vậy bao gồm trong bí mật nghĩa chữ "Lãm".

Lúc bấy giờ, Như Lai Nhất Thiết Cúng Dường Quảng Đại Sinh nói kinh Cúng Dường Tối Thượng Bát-nhã ba-la-mật của tất cả Như Lai: "Phát âm Bồ-đề rộng lớn là cúng dường tất cả Như Lai. Cứu giúp tất cả chúng sinh, làm cho họ nhận được giáo pháp tất cả Như Lai; ghi chép, cúng dường, thọ trì, đọc tụng là cúng dường rộng lớn tất cả Như Lai."

Phật nói tất cả pháp hành như vậy bao gồm trong bí mật nghĩa chữ "Úm".

Khi ấy, Như Lai Bình Đẳng Diều Phục Nhất Thiết nói kinh Kim Cang Thủ Điều Phục Nhất Thiết Chúng Sinh Chánh Trí Tạng Bát-nhã ba-la-mật. Ngài nói: Tất cả chúng sinh điều phục nên sân cũng điều phục. Tất cả pháp bình đẳng nên sân cũng bình đẳng. Tất cả chúng sinh bình đẳng nên Kim cang cũng bình đẳng. Ý ông nghĩ sao? Vì đó là Bồ-đề, nên điều phục chúng sinh như vậy."

Phật nói tất cả pháp hành như vậy bao gồm trong bí mật nghĩa chữ "Hám".

Lúc ấy, Như Lai Trụ Nhất Thiết Pháp Bình Đẳng nói kinh Tối Thượng Nhất Thiết Pháp Bình Đẳng Bát-nhã ba-la-mật. Ngài nói: "Tất cả bình đẳng nên Bát-nhã ba-la-mật cũng bình đẳng; tất cả đều lợi ích nên Bát-nhã ba-la-mật cũng lợi ích; tất cả là tánh pháp nên Bát-nhã ba-la-mật cũng là tánh pháp; tất cả là tánh nghiệp nên Bát-nhã ba-la-mật cũng là tánh nghiệp."

Phật nói tất cả pháp hành như vậy bao gồm trong bí mật nghĩa chữ "Hột lăng".

Bấy giờ, Như Lai Thế Chủ nói kinh Nhất Thiết Chúng Sinh Trụ Bát-nhã ba-la-mật: "Tất cả chúng sinh đều là Như Lai tạng, tức là tất cả đều là tự tánh tạng của Bồ-tát Phổ Hiền; tức là Kim cang tạng, Kim cang quán đảnh; tức là Pháp tạng chuyển mọi ngôn ngữ; tức là Nghiệp tạng tạo mọi

sự phương tiện.”

Phật nói tất cả pháp hành như vậy, bao gồm trong nghĩa bí mật của chữ “Hột lăng”.

Khi ấy Như Lai Vô Lượng, Vô Biên Cứu Cánh an trú trong vô biên pháp cứu cánh, nói kinh Nhất Thiết Pháp Trụ Bình Đẳng Cứu Cánh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật: “Vì Bát-nhã ba-la-mật vô biên nên tất cả Như Lai cũng vô biên; vì tất cả Như Lai vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên. Cho đến, vì Bát-nhã ba-la-mật nhất như nên tất cả các pháp đều nhất như; vì Bát-nhã ba-la-mật cứu cánh nên tất cả pháp cũng cứu cánh.”

Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Người nào đối với Bát-nhã ba-la-mật này mà lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ thì người ấy được vào địa vị Bồ-tát cứu cánh thanh tịnh, tất cả chướng ngại hoàn toàn không phát sinh, liền được gọi là Trì Kim Cang Như Lai.

Phật nói tất cả pháp hành như vậy, bao gồm trong nghĩa bí mật của chữ “Tỳ diễm”.

Lúc bấy giờ, Như Lai Đại Biến Chiếu được pháp bí mật của tất cả Như Lai ngộ được tất cả pháp hý luận nói kinh Đại Lạc Bất Không Kim Cang Tam-muội Bình Đẳng Bát-nhã Ba-la-mật. Ngài nói: “Pháp môn tối thượng này xưa nay không có sự vật, không có đầu, giữa, cuối. Nếu ai có thể thành tựu pháp lạc Bồ-đề của tất cả Như Lai, điều phục ma oán tự tại trong ba cõi, cho đến cứu độ tất cả chúng sinh, làm được lợi ích tối thượng đó gọi là Đại địa Bồ-tát.”

Phật nói tất cả pháp hành như vậy, bao gồm trong nghĩa bí mật của chữ “Sa ha”.

Lại nữa, này Bồ-tát Kim Cang Thủ! Đại Bồ-tát kia ở trong vòng luân hồi cũng làm các việc lợi ích cứu độ các chúng sinh, an trụ phương tiện trí tuệ, mọi nghiệp đều được làm thanh tịnh, phiền não tham dục đều không thể thâm nhập. Cũng như hoa sen sống trong nước bùn sình mà không ô nhiễm, tự tại, an vui, bền chắc, không thoái lui.

Phật nói tất cả pháp hành như vậy, bao gồm trong nghĩa bí mật của chữ “Hạ”.

Lại nữa, này Bồ-tát Kim Cang Thủ! Nếu người nào đối với kinh Bát-nhã ba-la-mật này mà chánh tâm tư duy, ngày ngày đọc tụng, cho đến khi nghe mà tâm sinh vui vẻ, thì người đó sẽ được mọi sự an lạc, và lại có thể thành tựu được Đại lạc Bất không Kim cang Tam-muội.

Phật nói tất cả pháp hành như vậy rồi, thâu vào nghĩa bí mật của chữ "Hồng".

Lúc bấy giờ Thế Tôn Biến Chiếu Như Lai bảo Kim Cang Thủ, Chủ của đại bí mật rằng:

–Nay ta nói hai mươi lăm pháp môn bí mật Bát-nhã ba-la-mật, ông nên lắng nghe chân môn này:

Án, nẵng mồ tát lý phạ một đà vị địa tác đỏa nam.

Án, vị minh túc đa phạ nhật lý.

Án, tô la đa sa đát.

Án, tam mãn đa bạt nại la tả lý dã vi bộ ma di.

Án, a di lỗ đề.

Án, nhị để vĩ phạ lý đế.

Án, ma ha la nga đạt lý di.

Án, vĩ lý dã ca phạ túc.

Án, tát lý phạ nga di.

Án, phạ nhựt la nại lý trà ca phạ tả túc đế hồng.

Án, tát lị phạ đát tha nga đế.

Án, sa bà phạ tuất đề.

Án, đạt lý ma đa nghê dã nẵng vĩ tuất đà.

Án, ca lý ma vĩ thâu đạt di hồng.

Án, di tốn bà phạ nhựt lý ni hồng phấn tra.

Án, ca ma phạt nhĩ.

Án, nhạ hạ phạ nhựt lý.

Án, tát lý phạ na duệ di.

Án, hột lăng.

Án, a ca phạ mục khiết.

Án, bát phạ nghê dã ba phạ di đế nhạ cảm ngang hồng.

Án, áng tát lý phạ đát tha nga đa ca dã nga lý.

Án, tát lý phạ đát tha nga đa phạ vĩ thâu đà di.

Án, tát phạ đát tha nga đa túc đa phược nhựt lý a.

Án, tam vĩ nga dã tát lý phạ tát đỏa nẵng mồ xoa dã tát lý phạ bá, da nga đế tỳ dã tát lý phạ tam ma dã phạ nhựt ra hồng đát la tra.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói chân ngôn này rồi, bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ rằng:

–Ấn chú này có thể phá trừ tất cả tội chướng, hay làm tất cả việc lành, thành tựu được Kim cang bí mật tối thượng của tất cả Như Lai.

Người nào đọc tụng, lắng nghe thọ trì ấn chú này thì người đó tức là thọ trì Kim cang Như Lai thanh tịnh. Nếu có chúng sinh đối với kinh Bát-nhã ba-la-mật này thọ trì, đọc tụng, tùy hỷ, lắng nghe thì người đó đã từng ở chỗ vô lượng cõi Phật gieo trồng các căn lành, trồng các phước đức.

Lại nữa, này Bồ-tát Kim Cang Thủ! Người nào nghe kinh Bát-nhã ba-la-mật này chỉ một bài kệ bốn câu, sẽ được tám vạn câu-chi na-do-tha hằng hà sa Như Lai cung kính, cúng dường, huống hồ là giảng thuyết, giảng nghĩa cho người nghe. Chỗ ở của người thọ trì kinh này là tháp miếu của Phật; tất cả Trời, Người, A-tu-la…, thường đến làm lễ. Người nào lưu truyền kinh này, lần lượt dạy cho người khác đọc tụng, sẽ được Túc mạng trí, có thể biết được sự việc trong vô số kiếp quá khứ, tất cả các tai nạn hiểm ác, các ma quỷ, tất cả đều không thể xâm hại được; bốn đại Thiên vương và các Hiền thánh thường theo hộ vệ; sau khi qua đời tâm người đó không bị điên đảo; tất cả chư Phật và Đại Bồ-tát đều đến tiếp dẫn, tùy ý vãng sinh vào cõi Phật trong mười phương.

Lại nữa, này Bồ-tát Kim Cang Thủ! Kinh Bát-nhã ba-la-mật là pháp môn chủ yếu của bậc Thánh, thành tựu công đức pháp hành thù thắng tối thượng như vậy.

Phật nói kinh này rồi, Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ và Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà…, đều rất vui mừng, lãnh thọ vâng làm.

-oOo-

SỐ 243

KINH ĐẠI LẠC KIM CANG BẤT KHÔNG CHÂN THẬT TAM-MA-DA

Hán dịch: Tam tạng Sa-môn Bất Không.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn thành tựu trí Kim cang gia trì Tam-ma-da thù thắng của tất cả Như Lai, được mão báu quán đảnh của tất cả Như Lai, làm chủ ba cõi, đã chứng trí Nhất thiết trí Du-già tự tại của tất cả Như Lai, có thể làm tất cả các sự nghiệp ấn trí bình đẳng của tất cả Như Lai. Đối với vô tận vô biên, tất cả những ước nguyện của chúng sinh, Ngài đều thực hiện viên mãn. Trong suốt ba đời, thân, khẩu, ý nghiệp của Ngài lúc nào cũng trong suốt như Kim cương.

Đại Tỳ-lô-giá Như Lai an trụ trong cung vua cõi trời Tha hóa tự tại ở cõi Dục. Tất cả Như Lai đều đến đó, khen ngợi cung điện tốt đẹp. Cung điện làm bằng đại ma-ni, gió thổi nhẹ làm lay động các thứ chuông linh, cờ lọng lụa là, được trang trí vòng châu anh lạc chiếu sáng như ánh trăng rằm. Lại có đủ tám mươi câu-chi Bồ-tát như: Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ, Đại Bồ-tát Quán Tự tại, Đại Bồ-tát Hư Không Tạng, Đại Bồ-tát Kim Cang Quyền, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Đại Bồ-tát Tài Phát Tâm Chuyển Pháp Luân, Đại Bồ-tát Hư Không Khố, Đại Bồ-tát Tối Nhất Thiết Ma. Các Đại Bồ-tát như vậy cung kính vây quanh nghe Phật thuyết pháp đầu, giữa, cuối đều thiện, nghĩa lý sâu xa, văn từ khéo léo, viên mãn, trong suốt, thanh tịnh, thuần nhất. Phật đã nói lên ý nghĩa về tất cả pháp thanh tịnh. Nghĩa là: Vi diệu vui thích thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; mũi tên dục thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; xúc thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; ái phược thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; tất cả chủ tự tại thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; kiến thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; vui thích thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; ái thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; kiêu mạn thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; trang nghiêm thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; ý được thấm nhuần là địa vị Bồ-tát; ánh sáng thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; thân an lạc thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; sắc thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; thanh thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; hương thanh tịnh là địa vị Bồ-tát; vị thanh tịnh là địa

vị Bồ-tát. Tại vì sao? Vì tất cả pháp tự tánh thanh tịnh nên Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh.

Này Kim Cang Thủ! Nếu có người nào nghe về lý thú Bát-nhã xuất sinh thanh tịnh, cho đến khi ngồi Bồ-đề đạo tràng thì tất cả các chướng ngại ngăn che và phiền não chướng, pháp chướng, nghiệp chướng giả sử có tích chứa nhiều đi nữa vẫn không bị đọa vào các đường địa ngục; giả sử có tạo tội nặng đi nữa thì cũng diệt trừ không khó. Nếu ai có thể ngày ngày thọ trì, đọc tụng, để tâm tư duy thì ngay trong đời này chứng Tam-ma-địa Kim cang tất cả pháp bình đẳng, đối với các pháp sẽ được tự tại, thượng hưởng an lạc, vui vẻ, trải qua mười sáu đời làm Đại Bồ-tát rồi chứng đắc Như Lai và địa vị chấp Kim cang.

Khi ấy, Như Lai Thế Tôn nhất thiết thể hiện chứng tất cả Mạn-trà-la tam-ma-da của Đại thừa Trì Kim cang thắng tát-đỏa ở trong ba cõi điều phục hết không còn gì, thành tựu tất cả các nghĩa. Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ vì muốn làm rõ lại nghĩa này nên vui vẻ mỉm cười, tay trái kiết ấn Kim cang mạn, tay phải đưa lên đại Kim cang bản sơ, tạo tư thế hùng mạnh nói Đại lạc Kim cang bất không Tam-ma-da tâm:

"Hồng".

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na Như Lai, lại nói về pháp tánh Tịch tĩnh của tất cả Như Lai hiện đẳng giác xuất sinh lý thú Bát-nhã. Đó là, Kim cang bình đẳng hiện đẳng giác, vì đại Bồ-đề Kim cang kiên cố; nghĩa bình đẳng hiện đẳng giác, vì đại Bồ-đề nghĩa lợi ích nhất như; pháp bình đẳng hiện đẳng giác, vì tự tánh đại Bồ-đề thanh tịnh; tất cả nghiệp bình đẳng hiện đẳng giác, vì tánh của đại Bồ-đề gồm hết mọi sự phân biệt và không phân biệt.

Này Kim Cang Thủ! Nếu có người nào nghe bốn pháp xuất sinh này rồi lại đọc tụng, thọ trì, thì giả sử hiện tại người đó có tạo vô lượng tội vẫn có thể thoát khỏi các đường ác, cho đến được ngồi Bồ-đề đạo tràng, mau chứng quả Vô thượng Chánh đẳng giác.

Khi ấy Đức Thế Tôn nói lời này rồi, nhưng vì muốn làm rõ lại nghĩa này, nên Ngài vui vẻ mỉm cười kiết ấn Trí quyền nói: Tất cả pháp tánh tự bình đẳng tâm.

"Ác".

Khi ấy Như Lai Điều Phục Nan Điều Thích-ca Mâu-ni lại nói pháp môn lý thú Bát-nhã xuất sinh tối thắng của tất cả pháp bình đẳng. Nghĩa là, vì dục không có tánh hý luận nên sinh không có tánh hý luận; vì sân không có tánh hý luận nên si không có tánh hý luận; vì si không có tánh hý luận

nên tất cả pháp không có tánh hý luận; vì tất cả pháp không có tánh hý luận nên biết Bát-nhã ba-la-mật không có tánh hý luận.

Này Kim Cang Thủ! Nếu có người nào nghe pháp môn lý thú này rồi mà thọ trì, đọc tụng, thì giả sử người đó có giết hại tất cả chúng hữu tình trong ba cõi cũng không bị đọa vào đường ác. Bởi vì người ấy đã được điều phục mau chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ muốn làm rõ lại nghĩa này nên kiết ấn Giáng tam thế như hoa sen chớm nở, hiện tướng thu phục, nhíu mày, trợn mắt, nhe răng nói: Kim cang hồng ca ra tâm.

"Hồng".

Bấy giờ, Như Lai Thế Tôn Đắc Tự Tánh Thanh Tịnh Pháp Tánh lại nói về tất cả pháp bình đẳng quán tự tại trí ấn xuất sinh lý thú Bát-nhã. Nghĩa là, vì tất cả dục lạc của thế gian thanh tịnh thì tất cả sân thanh tịnh; tất cả cấu nhiễm thế gian thanh tịnh tức là tất cả tội thanh tịnh; tất cả pháp thế gian thanh tịnh tức là tất cả hữu tình thanh tịnh; tất cả trí nhất thiết của thế gian thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh.

Này Kim Cang Thủ! Nếu có người nào nghe chánh pháp môn lý thú này mà thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy, thì giả sử người đó có ở trong các dục lạc cũng như hoa sen không bị các trần cấu làm ô nhiễm, mau chứng quả Vô thượng Bồ-đề.

Khi nghe Đức Thế Tôn nói, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại muốn làm rõ lại nghĩa này nên vui vẻ mỉm cười, hiện ra thế hoa sen nở, quán dục không nhiễm nói: Tất cả các sắc của chúng sinh tâm.

"Hột ngật-rị".

Bấy giờ, Như Lai Thế Tôn Nhất Thiết Tam Giới Chủ lại nói lý thú Bát-nhã trí tạng quán đảnh của tất cả Như Lai. Nghĩa là, do bố thí quán đảnh nên có thể được ngôi Pháp vương trong ba cõi; do bố thí lợi nên được viên mãn tất cả điều mong muốn; do bố thí pháp nên được viên mãn tất cả pháp; do bố thí vật dụng sinh sống nên được tất cả thân, khẩu, ý nghiệp an lạc.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Hư Không Tạng vì muốn làm rõ lại nghĩa này, nên vui vẻ mỉm cười, dùng thần lực Kim cang tụ ở đỉnh đầu và nói mật chú: Nhất thiết quán đảnh Tam-ma-da bảo tâm.

"Đát lãm".

Bấy giờ, Đức Thế Tôn Đắc Nhất Thiết Như Lai Trí Ấn nói pháp lý thú Bát-nhã được trí ấn của tất cả Như Lai gia trì. Nghĩa là, giữ gìn thân ấn

của tất cả Như Lai tức làm thân của tất cả Như Lai; giữ gìn ngữ ấn của tất cả Như Lai tức là được pháp của tất cả Như Lai; giữ gìn tâm ấn của tất cả Như Lai tức chứng được Tam-ma-địa của tất cả Như Lai; giữ gìn Kim cang ấn của tất cả Như Lai tức thành tựu được nghiệp thân, khẩu, ý tối thắng rốt ráo của tất cả Như Lai.

–Này Kim Cang Thủ! Nếu có người nào nghe pháp môn lý thú này mà thọ trì, đọc tụng, chánh niệm, tư duy thì người đó được tất cả tự tại, được Nhất thiết trí tất cả sự nghiệp đều được thành tựu, được tất cả tánh Kim cang của thân, khẩu, ý, tất cả tất địa, mau chứng quả Vô thượng Bồ-đề.

Khi ấy, Đức Thế Tôn vì muốn làm rõ lại nghĩa này, nên vui vẻ mỉm cười, trí ấn Kim cang quyền đại Tam-ma-da nói: Tất cả Kim cang ấn kiến cố, tất cả địa Tam-ma-da lực chân tâm.

"Ố".

Khi ấy, Như Lai Thế Tôn Nhất Thiết Vô Hý Luận lại nói pháp lý thú Bát-nhã chuyển tự luân. Nghĩa là, tất cả các pháp là không, vì nó tương ưng với tự tánh không; tất cả các pháp là vô tướng, vì nó tương ưng với các tánh vô tướng; tất cả các pháp là vô nguyện, vì nó tương ưng với tướng của tánh vô nguyện; tất cả các pháp đều sáng suốt, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa vốn thanh tịnh.

Bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi đồng chân muốn làm rõ lại nghĩa này nên vui vẻ cười, dùng kiếm chặt đứt phiền não của tất cả Như Lai nói: Bát-nhã ba-la-mật-đa tối thắng tâm.

"Án".

Bấy giờ, Thế Tôn Như Lai nhập đại luân của tất cả Như Lai lại nói pháp lý thú Bát-nhã nhập đại luân. Nghĩa là, nhập Kim cang bình đẳng tức là nhập pháp luân của tất cả Như Lai; nhập nghĩa bình đẳng tức là nhập pháp luân của Đại Bồ-tát; nhập tất cả pháp bình đẳng tức là nhập bánh xe diệu pháp; nhập tất cả nghiệp bình đẳng tức là nhập bánh xe của tất cả sự nghiệp.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Tài Phát Tâm Chuyển Pháp Luân vì muốn làm rõ lại nghĩa trên, nên vui vẻ mỉm cười chuyển Kim cang luân nói: Tất cả Kim cang tam-ma-da tâm.

"Hồng".

Khi ấy, Như Lai Thế Tôn chỉ bày các nghi thức cúng dường rộng lớn của tất cả các Như Lai, lại nói lý thú Bát-nhã xuất sinh tối thắng của tất cả sự cúng dường. Nghĩa là, phát tâm Bồ-đề tức là cúng dường rộng lớn các

Đức Như Lai; cứu tất cả chúng sinh tức là cúng dường rộng lớn các Đức Như Lai; thọ trì kinh điển tức là cúng dường rộng lớn các Đức Như Lai; đối với Bát-nhã ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng, tự mình ghi chép, dạy người ghi chép, tư duy tu tập, cúng dường các thứ, tức là cúng dường rộng lớn cho các Như Lai.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Hư Không Khố muốn làm rõ lại nghĩa này, nên vui vẻ mỉm cười nói: Tất cả sự nghiệp bất không Tam-ma-da nhất thiết Kim cang tâm.

"Án".

Khi ấy, Như Lai Thế Tôn Năng Điều Trì Trí Quyền lại nói pháp tất cả trí tạng điều phục lý thú Bát-nhã. Nghĩa là, tất cả hữu tình bình đẳng nên sự giận dữ bình đẳng; điều phục tất cả hữu tình nên điều phục giận dữ; tất cả hữu tình có pháp tánh nên giận dữ cũng có pháp tánh; tất cả hữu tình có tánh Kim cang nên sự giận dữ cũng có tánh Kim cang.

Vì sao? Vì điều phục tất cả hữu tình tức Bồ-đề.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Tồi Nhất Thiết Ma muốn làm rõ lại nghĩa này, nên vui vẻ mỉm cười với hình tướng Kim cang Dược-xoa, lộ răng Kim cang để khủng bố của tất cả Như Lai nói: Kim cang phẫn nộ đại tiếu tâm.

"Hác".

Khi ấy, Như Lai Thế Tôn Nhất Thiết Bình Đẳng Kiến Lập lại nói pháp lý thú Bát-nhã xuất sinh tất cả pháp Tam-ma-da tối thắng. Nghĩa là, tất cả pháp tánh bình đẳng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa tánh bình đẳng; tất cả các pháp tánh có ý nghĩa lợi ích nên Bát-nhã ba-la-mật-đa tánh có ý nghĩa lợi ích; tất cả có tánh pháp nên Bát-nhã ba-la-mật-đa có tánh pháp; tất cả có tánh sự nghiệp nên Bát-nhã ba-la-mật có tánh sự nghiệp. Nên biết như vậy.

Khi ấy, Bồ-tát Kim Cang Thủ nhập vào Tam-ma-địa gia trì Tam-ma-da Bồ-tát của tất cả Như Lai nói: Tất cả tam-ma-da bất không tâm.

"Hồng".

Khi ấy, Như Lai Thế Tôn nói pháp lý thú Bát-nhã gia trì tất cả hữu tình. Nghĩa là, tất cả hữu tình là Như Lai tạng, vì tất cả là ngã của Bồ-tát Phổ Hiền; tất cả hữu tình là Kim cang tạng, vì là quán đảnh của Kim cang tạng; tất cả hữu tình là Diệu pháp tạng, vì có thể chuyển tất cả ngôn ngữ; tất cả hữu tình là Yết-ma tạng, vì tương đương với tánh năng tác sở tác.

Khi ấy, Ngoại Kim Cang Bộ muốn làm rõ lại nghĩa này, nên vui vẻ nói: "Kim cang tự tại tự tâm chân thật.

"Đác lại".

Khi ấy, có bảy Thiên nữ đảnh lễ dưới chân Phật, dâng Câu triệu bao gồm nhân tâm năng sát năng thành Tam-ma-da chân thật: "Tỳ dục".

Khi ấy, có ba anh em Mạc-độ-la-ca thiên đích thân lễ dưới chân Phật, dâng chân ngôn tự tâm:

"Sa phạ".

Lúc ấy, có bốn chị em Thiên nữ dâng chân ngôn tự tâm:

"Ngàm".

Khi ấy, Đức Thế Tôn Như Lai Vô Lượng Vô Biên Cứu Cánh vì muốn gia trì lời dạy cứu cánh viên mãn này, nên thuyết lý thú Bát-nhã xuất sinh Kim cang bình đẳng. Nghĩa là, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa là vô lượng nên tất cả Như Lai là vô lượng, vì Bát-nhã ba-la-mật-đa là vô biên nên tất cả Như Lai là vô biên; vì tất cả pháp là tánh nhất như nên Bát-nhã ba-la-mật-đa là tánh nhất như; vì tất cả pháp là cứu cánh nên Bát-nhã ba-la-mật-đa là cứu cánh.

Này Kim Cang Thủ! Nếu có người nào nghe pháp môn lý thú này mà thọ trì, đọc tụng, tư duy nghĩa lý, thì người đó đối với hạnh của chư Phật, Bồ-tát đều được viên mãn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na Như Lai đắc tất cả pháp tánh bí mật không hý luận, nói lý thú Bát-nhã pháp tánh Kim cang đại lạc, Kim cang bất không Tam-ma-da không có đầu, giữa, cuối tối thắng.

Nghĩa là, vì Đại Bồ-tát thành tựu đại dục chân thật tối thắng, nên thành tựu được đại lạc chân thật tối thắng; vì Đại Bồ-tát thành tựu đại lạc chân thật tối thắng, nên được thành tựu đại Bồ-đề tối thắng của tất cả các Như Lai; vì Đại Bồ-tát thành tựu đại Bồ-đề tối thắng của tất cả Như Lai, nên được thành tựu diệt trừ ma quân tối thắng của tất cả Như Lai; vì Đại Bồ-tát thành tựu diệt trừ ma quân tối thắng của tất cả Như Lai, nên được thành tựu tự tại, làm chủ khắp ba cõi; vì Đại Bồ-tát được thành tựu tự tại làm chủ khắp ba cõi, nên được trừ sạch các chấp trước lưu chuyển của tất cả hữu hình trong các cõi, dùng sự tinh tấn, nên thường ở trong sinh tử, cứu giúp làm lợi ích an lạc cho tất cả đều được thành tựu viên mãn tối thắng. Vì sao?

Bồ-tát tuệ thù thắng
Cho đến hết sinh tử
Thường làm lợi chúng sinh
Mà không hướng Niết-bàn.
Bát-nhã và phương tiện

Trí tuệ đều gia trì
Các pháp và chúng sinh
Tất cả đều thanh tịnh.
Dục khống chế thế gian
Đều bị diệt trừ hết
Hữu đảnh đến đường ác
Điều phục hết các cõi.
Như bản thể hoa sen
Không bị cấu làm nhiễm
Tánh các dục cũng vậy
Không nhiễm, làm lợi sinh.
Đại dục được thanh tịnh
Tăng thêm đại an lạc
Tự tại trong ba cõi
Hay làm lợi kiên cố.

Này Kim Cang Thủ! Nếu người nào nghe được lý thú ban đầu của Bát-nhã này, hằng ngày vào lúc sáng sớm hay đọc tụng, hoặc lắng nghe, thì người đó được thành tựu tất cả địa đại lạc Kim cang bất không Tam-ma-da an vui cứu cánh, đời hiện tại được tất cả các pháp tự an vui, trải qua mười sáu đời làm Đại Bồ-tát, và sẽ được ngôi vị chấp Kim cang của Như Lai.

"Hồng".

Bấy giờ, tất cả Như Lai, Đại Bồ-tát Trì Kim Cang Thủ và tất cả hội chúng có mặt, vì muốn khiến cho pháp Bất không vô ngại này mau được thành tựu nên đã cùng nhau xưng tán. Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Thủ nói kệ rằng:

Lành thay! Lành thay đại Bồ-đề!
Lành thay! Lành thay đại an lạc!
Lành thay! Lành thay phát Đại thừa!
Lành thay! Lành thay trí tuệ lớn!
Hay khéo giảng thuyết giáo pháp này
Lực gia trì của kinh Kim Cang
Thọ trì pháp môn tối thắng này
Không bị tất cả ma phá hoại,
Được bậc Bồ-tát, Phật tối thắng
Không bao lâu thành tựu tất địa
Tất cả Như Lai và Bồ-tát
Đều nói pháp môn tối thắng này

Làm cho người trí mau thành tựu
Đều rất vui vẻ, tín, thọ, hành.

-oOo-

SỐ 244

KINH PHẬT THUYẾT TỐI THƯỢNG CĂN BẢN ĐẠI LẠC KIM CANG BẤT KHÔNG TAM-MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG

Hán dịch: Đời Bắc Tống, Tam tạng Pháp Hiền.

QUYỂN 1

Phần 1: Nghi Quỹ Về Lý Chân Thật Của Đại Tam-muội Kim Cang

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn Đại Tỳ-lô-giá-na Phật đang ngự trên tầng trời Tha hóa tự tại. Cung ấy được trang hoàng bằng các thứ báu, treo linh, anh lạc, cờ phướn, châu báu và các thứ lọng báu, trang nghiêm như thế đầy khắp hư không.

Khi ấy, Đức Phật Thế Tôn an trụ vào trí Kim cang Tam-muội của chư Phật, Tam-muội này được các Thánh tôn kính. Ngài đội mũ của chư Phật, được các Đấng Pháp Vương trong ba cõi quán đảnh thành tựu trí Nhất thiết trí của chư Phật. Đây là tương ưng tự tại vô ngại tối thượng, đầy đủ các ấn bình đẳng của chư Phật, khéo thành tựu các sự nghiệp, cùng tận các nguyện của tất cả chúng sinh đều được viên mãn, Pháp thân bình đẳng rốt ráo trong ba cõi, nhiếp ba nghiệp Kim cang của các Như Lai, được chư Phật khen ngợi. Đó là từ bi, Đại Tỳ-lô-giá-na Như Lai, cùng tám câu-chi Đại Bồ-tát. Tên của các ngài là: Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại, Đại Bồ-tát Hư Không Tạng, Đại Bồ-tát Kim Cang Quyền, Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường, Đại Bồ-tát Đồng Tâm Sinh Chuyển Pháp Luân, Đại Bồ-tát Nga-nga-na-nghiễn-nhạ, Đại Bồ-tát Hàng Chư Ma...

Các Đại Bồ-tát này cùng nhau vây quanh giảng nói tất cả pháp môn thanh tịnh, đầu, giữa, cuối đều thiện, văn nghĩa sâu xa, thuần nhất không xen tạp, hoàn toàn đầy đủ viên mãn. Đó là diệu lạc thanh tịnh tức là Bồ-đề; tham dục thanh tịnh tức là Bồ-đề; thân pháp thanh tịnh tức là Bồ-đề; tất cả giàu có vui sướng thanh tịnh tức là Bồ-đề; thấy thanh tịnh tức là Bồ-đề, yêu thích thanh tịnh tức là Bồ-đề; nhiễm pháp thanh tịnh tức là Bồ-đề, trang

nghiêm thanh tịnh tức là Bồ-đề; ý vui thanh tịnh tức là Bồ-đề, chiếu sáng thanh tịnh tức là Bồ-đề; thân thanh tịnh tức là Bồ-đề; sắc thanh tịnh tức là Bồ-đề; tiếng thanh tịnh tức là Bồ-đề; hương thanh tịnh tức là Bồ-đề; vị thanh tịnh tức là Bồ-đề; xúc thanh tịnh tức là Bồ-đề. Vì sao? Vì tự tánh các pháp là thanh tịnh cũng giống như vậy. Vì tự tánh các pháp thanh tịnh nên Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng thanh tịnh.

Đức Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Nếu người được nghe tất cả pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh này, thì các nghiệp chướng, phiền não chướng và pháp chướng của người ấy được tiêu trừ, các pháp chướng đạo đều tiêu diệt. Nếu tạo nghiệp địa ngục cũng không bị đọa địa ngục, tất cả các khổ não chỉ trong khoảng sát-na đều diệt hết không còn, nhanh chóng đến đạo tràng Bồ-đề. Nếu người thọ trì, đọc tụng, suy nghĩ, ghi nhớ thì hiện đời người ấy được tất cả pháp bình đẳng Tam-ma-địa, được tất cả pháp tự tại và được tất cả sự yêu thích khoái lạc, trải qua mười sáu đời Đại Bồ-tát thành Bậc Chánh Giác.

Khi ấy, Đức Thế Tôn Đại Tỳ-lô-giá-na Phật muốn giảng nói pháp Đại thừa Tam-muội tối thượng của chư Phật, Kim cang giới... tất cả pháp Mạn-noa-la tối thượng của Kim cang giới,… tất cả pháp tối thắng của hữu tình, pháp điều phục tận vô tận, pháp thành tựu tất cả nghĩa, pháp tất cả nghĩa thành tựu pháp Kim cang thủ đại Tam-muội, các pháp mầu bí mật vô lượng. Các pháp như vậy là pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh.

Lúc ấy, Đức Phật Đại Tỳ-lô-giá-na mỉm cười, tay trái đưa lên cao ném chày Kim cang, rồi lại dùng chày Kim cang làm thế Câu triệu, đặt vào ngay tim, rồi nói chú Đại lạc bất không Kim cang bản tâm chân lý Tam-muội:

"Hồng" *(âm kéo dài).*

Lúc nói chú này, tất cả ba cõi, tất cả Phật, Như Lai và các Bồ-tát đều vui mừng, Câu triệu vào trong đại Mạn-noa-la của Đại Tỳ-lô-giá-na Phật, trụ trong Tam-muội của Phật thảy đều kính ái tất cả pháp thành tựu đều khiến được thành tựu.

Khi ấy, Đức Thế Tôn Đại Tỳ-lô-giá-na Phật kết ấn Đại lạc Kim cang rồi, liền nhập vào Kim cang Tam-ma-địa bí mật của tất cả Như Lai. Sau khi xuất định bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Bây giờ, ông hãy nói pháp Mạn-noa-la.

Vâng lời Phật dạy, Bồ-tát Kim Cang Thủ liền nhập vào Kim cang Tam-muội đại bí mật, xuất sinh Mạn-noa-la, an tưởng trí ấn Tam-ma-địa.

Sau khi xuất định Bồ-tát Kim Cang Thủ liền nói lý chân thật đại Tam-muội Kim cang, an tưởng vào pháp Mạn-noa-la, liền nói bài tụng rằng:

Nay con vâng lời Phật
Lược nói Mạn-noa-la
Lý Tam-muội chân thật
Pháp an tưởng Kim cang
Bốn phương và bốn góc
Trang nghiêm bốn cửa lầu
Ngài Vi-đà rực sáng
Xung quanh Mạn-noa-la
Bốn góc cửa phải, trái
Có đặt hình bán nguyệt
Trang nghiêm các thứ báu
Treo linh châu, anh lạc
Lọng báu và cờ phướn
Gương sáng, các vòng hoa
Đặt ngoài Mạn-noa-la
Trong đặt tám vòng tròn
Chia thành tám tôn vị
Chính giữa Kim Cang Thủ
Gọi là vòng Kim cang
Nơi Mạn-noa-la này
Y pháp đặt tôn tượng
Sắc tướng như trăng sáng
Ánh rực rỡ chiếu khắp
Tay cầm chày Kim cang
Hiện thế đưa lên cao
Ngồi trên tòa hoa sen
Xung quanh Kim cang ấy
Ánh sáng chiếu rực rỡ
Trì thần chú Bản tôn
Khởi tưởng Mạn-noa-la
Cho đến các Hiền thánh
Cũng trì chú Bản tâm
Y Kim cang sinh ra
Tượng báu và tượng vẽ
Đặt xung quanh Bản tôn
Giữa trước tương Trung tôn

Đặt Kim cang Tát-đỏa
Thân tướng màu hồng nhạt
Đầu đội mũ chư Phật
Tay cầm chày Kim cang
Hiện bày thế nhiếp triệu
Ở bên phải có đặt
Chỉ-rị-chỉ-la tôn
Thân sắc như Đại Nhật
Tướng các báu nghiêm thân
Ở phía sau lại đặt
Đại Tôn Niệm Kim Cang
Toàn thân màu xanh nhạt
Tay cầm cờ Ma-kiệt
Ở bên phải có đặt
Đại Tôn Kim Cang Quyền
Thân sắc màu vàng ròng
Hai tay Kim cang quyền
Bốn góc đặt bốn vị
Cầm nắm hoa cờ xí
Liên bát và Phật đảnh
Ngoài góc Mạn-noa-la
Đặt Nỉ-phược-kiến-noa
Khoảng giữa của bốn cửa
Hoặc tượng hoặc cờ xí
Mạn-noa-la phía trong
Đặt Kim Cang Thủ thảy,
Khắp vòng Kim cang ấy
Đều có Phật, Thế Tôn
Bên ngoài Mạn-noa-la
Đặt các trời cõi Dục
Trước đặt chủ ba cõi
Là Thích, Phạm tự tại
Y theo nghi như vậy
Lập pháp Mạn-noa-la.

Lại vào nghi quỹ Mạn-noa-la, nên theo pháp mà lựa chọn vị A-xà-lê đại Kim cang vào trong đạo tràng. Vị A-xà-lê phải rành về nghi thức của tất cả Mạn-noa-la, biết tất cả pháp Tam-muội, khéo biết rõ các pháp tướng

và thành tựu các nghi quỹ, thường quán tưởng vào tôn vị Kim Cang Thủ, lãnh thọ đầy đủ tất cả pháp quán đảnh, thông đạt Nhất thiết trí, rành rẽ về các việc cúng dường, có khả năng biết các pháp Mạn-noa-la thế gian và xuất thế gian. Nếu đã thành tựu các ấn bí mật rồi thì kết ấn đều thành tựu. Nếu có lỗi lầm mà thường ở trong Tam-muội thì những việc đã làm đều hiện tiền, không cần thầy trao mà tự biết rõ các pháp cúng dường. Các tướng như trên, đây chỉ nói tóm lược mà thôi.

Nếu Kim cang A-xà-lê có tâm nguyện cầu thì thành tựu được pháp tối thượng ngay trong đời này, cho đến có khả năng thành tựu Bồ-tát và trí Nhất thiết. Vì sao? Vì vị đại A-xà-lê quán tưởng vị Kim Cang Thủ tôn quý thường ở trong bản tâm, lại từ tâm Câu triệu mà nhập vào Mạn-noa-la, hoan hỷ vui thích an trụ Tam-muội. Chính mình được viên mãn rồi, mới nhập vào pháp Mạn-noa-la, thân hiện tại được sự ái kính và việc làm đều được thành tựu. Khi A-xà-lê kết ấn Kim cang rồi, thì thực hành pháp quán nhìn bằng Kim cang mà trì tụng tâm chú. Như vậy mới thành tựu pháp đại Mạn-noa-la. Sau đó kết ấn Kim cang hy hý, trì tụng thần chú và khởi thân đảnh lễ. Vị A-xà-lê trước phải tắm gội sạch sẽ, mặc y đỏ, trang nghiêm các thứ, xong rồi chắp tay Kim cang với tư thế Kim cang vũ, tay cầm hương hoa và an tâm vào Mạn-noa-la, lại khởi tướng hy hý, trì tụng thần chú. Sau đó, chiêm ngưỡng Kim Cang Thủ bằng cái nhìn Kim cang, rồi trải tòa ngồi, y theo pháp mà cầu Kim Cang Thủ tướng tốt thì liền thành tựu.

Khi ấy, Kim Cang Thủ tỏ hiện vẻ rất vui mừng và hiện lành, giữa hai đầu chân mày hơi lay động, toàn thân màu hồng, từ mặt phát ra ánh sáng rực rỡ, lại hiện các thần thông, hiện thần thông rồi mới hiện bản thân ban cho pháp thành tựu tối thượng. Từ đó về sau mỗi ngày hành giả thành tựu tất cả pháp, mọi cử chỉ ngồi hay đi chư Thiên không thể thấy, không bị mọi sự ngăn cấm, đầy đủ các sự thành tựu, được giàu có sung sướng, thông đạt trí vô thượng. Các việc như vậy là từ nơi Kim Cang Thủ đều được thành tựu. Sau đó tự thực hành pháp cúng dường, cúng dường rồi, dùng pháp quán đảnh Kim cang mà tự thọ quán đảnh. Kế là nên quán tưởng cầu thỉnh chày Kim cang của Bồ-tát Kim Cang Thủ. Cầu thỉnh rồi Bồ-tát Kim Cang Thủ liền hiện bản thân đích thân trao chày cho vị A-xà-lê. Vị A-xà-lê này cầm chày Kim cang, để cầu các thành tựu tối thượng, chỉ trong khoảng sát-na đều được tất cả. Nếu tự cầm chày Kim cang mà trì tụng, thực hành các pháp tối thượng thì phải trải qua sáu tháng mới được thành tựu. Sau đó cũng thọ Kim cang quán đảnh như trước mà tác pháp cúng dường, tùy theo ý cầu mong, phải y theo nghi này. Nên như thế mà thường trì pháp đại Mạn-

noa-la thành tựu này.

Lại nữa, vị A-xà-lê Kim cang trí chỉ dạy cho đệ tử nghi thức nhập vào Mạn-noa-la trước phải kết ấn Diệu lạc Kim cang Tam-muội, rồi dẫn đệ tử vào Mạn-noa-la để kính lễ. Nếu có sở nguyện gì thì cần phải khẩn niệm cầu pháp thành tựu của Kim Cang Thủ và phải như pháp kết đại ấn, thực hành thành tựu như vậy sẽ thấy được điềm lành, các pháp thành tựu đều khiến được thành tựu. Đệ tử vào trong Mạn-noa-la như vậy rồi thì sở đắc được thành tựu ngang bằng với vị A-xà-lê không khác, sau đó thọ trì chày Kim cang như trước. Đó gọi là đệ tử Kim cang, sẽ được thọ ấn pháp, pháp Tam-muội của chư Phật, nhận được pháp ấn của chư Hiền thánh. Lúc đó, dùng các Tam-muội cúng dường xuất sinh ra các thứ thức ăn của chư Thiên… vào trong Mạn-noa-la, như thế tùy sức mà hiến cúng và hiến cúng ca múa, ngày đêm y theo pháp không có ngủ nghỉ, dốc lòng chuyên chú cầu pháp thành tựu, khởi tâm bình đẳng, phát đại thệ nguyện, rộng vì tất cả chúng sinh khiến chứng Bồ-đề.

Nếu giảng nói pháp thành tựu của Kim Cang Thủ, hành giả phải bắt đầu vào ngày rằm, kết ấn Diệu lạc kim cang trước Bồ-tát Kim Cang Thủ, tùy ý mà kết giới, trong một tháng phải trì tụng lời Kim cang mới được thành tựu. Từ đó về sau tác pháp thành tựu đều được thành thục. Từ đây về sau pháp thành tựu nào được thực hành đều được thành tựu. Như lời nói chân thật của Kim Cang Thủ, bấy giờ hành giả nên y theo pháp mà tạo tượng lụa, theo nghi Mạn-noa-la vẽ Bồ-tát Kim Cang Thủ và tám vị Đại Bồ-tát, hành giả ở trước tượng lụa từ ngày rằm trở đi trước phải kết đại ấn, trì tụng cho thành thục, suốt mười lăm ngày đêm không nên giải ấn ấy, trì tụng liên tục tâm tâm không gián đoạn. Đến lúc trời sáng sớm Bồ-tát Kim Cang Thủ liền hiện bản thân, mỉm cười thật tươi, màu thân như màu mặt trăng, đứng trước hành giả mà ban sở nguyện.

Lại nói về pháp thành tựu, nên vẽ Phật Thế Tôn và Bồ-tát Kim Cang Thủ cùng tám vị Đại Bồ-tát vào tấm lụa, xung quanh lại vẽ chư Phật Như Lai, lại y như pháp trước mà trì tụng thì được tất cả thành tựu.

Trong bức lụa nên dùng hương thơm mà vẽ Bồ-tát Kim Cang Thủ. Hành giả ở trước tượng lụa kết ấn trì tụng một lạc-xoa lần, khi tụng đủ số rồi thì hành giả liền thành Kim cang tát-đỏa.

Lại y như nghi thức trước, chỉ vẽ Phật Thế Tôn rồi trì tụng thì được thành tựu như Phật.

Lại nữa, hành giả vào trong Mạn-noa-la, trì tụng trong đó, thì sẽ thành tựu tất cả ý nguyện.

Lại nữa, hành giả y pháp trì tụng thần chú của bản tâm thì được trời người kính mến. Trì tụng đủ một lạc-xoa lần thì thân được che chở, gia trì vào trong hạt cải trắng cho người khác để làm pháp che chở, gia trì vào chày Kim cang và cho nó xoay tròn thì mọi người đều được che chở.

Lại thực hành pháp quán tưởng giống như pháp tưởng Mạn-noa-la ở trước, kết ấn, nhìn bằng ánh mắt Kim cang, cũng dùng hạt cải khiến cho tất cả các ma đều bị trói buộc.

Nếu trì tụng một hơi thì các ma bị mê loạn và đều bị chế phục.

Nếu người nào y theo pháp Kim cang kiên cố mà trì tụng thì đều được Câu triệu.

Nếu nhắm mắt trì tụng thì tất cả ma chúng tự nhiên bị tiêu diệt.

Nếu kết ấn Kim cang tỏa mà trì tụng thì tất cả bọn ma đều bị đè bẹp.

Nếu kết ấn Kim cang Noa-cát-nễ mà trì tụng thì nhiếp triệu được tâm của các ma.

Nếu trì tụng nhanh thì ma chúng đều kinh sợ.

Nếu kết ấn Kim cang Bồi-la-phược mà trì tụng, thì sẽ thành tựu tất cả nghĩa.

Nếu muốn cầu được nhiều tài bảo, thì nên kết ấn Kim cang Du-nghi-nễ.

Nếu muốn cho tất cả hữu tình đều ưa thích thì nên trì tụng bằng âm thanh vi diệu, thì tất cả hữu tình đều ưa thích.

Nếu muốn được mười phương chư Phật, Như Lai ưa thích quý mến thì nên kết ấn Kim cang tiễn mà trì tụng tâm chú.

Nếu muốn tình thân ái được bền chắc, thì nên nắm bàn tay lại thành kiên cố quyền rồi đặt vào ngay tin mà trì tụng.

Nếu muốn hết tâm tức giận thì nên kết ấn trong thế giơ cao lên mà trì tụng.

Nếu muốn hữu tình được vui vẻ thì nên nắm bàn tay lại thành Kim cang quyền rồi đặt vào tim mà trì tụng.

Nếu muốn xua tan tối tăm thì nên quay mặt về hướng Đông xoay tròn vòng Kim cang.

Nếu muốn thân an vui, thì nên gia trì vào thân mình.

Nếu muốn hiện các sắc tượng, thì nên kết ấn Kim cang sắc tướng.

Nếu muốn nghe các thứ tiếng, thì nên gia trì vào đàn Kim cang.

Nếu muốn nghe các hương thơm thì nên tưởng vào hương mà gia trì.

Nếu muốn rõ được vị tối thượng thì nên gia trì vào chày Kim cang.

Nếu muốn được tỉnh thức thì nên dùng tay gia trì, hoặc vỗ tay hoặc búng ngón tay.

Nếu muốn giải trừ các sao xấu thì nên kết ấn Kim cang Một-nột-nga-la.

Nếu muốn khiến các ngôi sao xấu thành sao tốt, thì nên đến trước tượng trời Tần-na-dạ-da làm ra vẻ giận dữ lớn tiếng trì tụng.

Nếu muốn hết các thứ bệnh khắc nghiệt thì nên nhìn bằng ánh mắt Kim cang.

Nếu muốn giải trừ các độc thì nên dùng lông chim công mà phất qua.

Nếu muốn giải trừ thuốc độc thì nên kết ấn Cam lộ.

Nếu muốn diệt trừ các ác ma thì nên hiện thế giận dữ trì tụng liên tục không gián đoạn.

Nếu muốn giải trừ các quỷ mị thì nên bắt ấn Kim cang hý mà búng.

Nếu muốn phá các tà ấn thì nên làm thế giận dữ.

Nếu muốn triệu tập tất cả Noa-cát-nễ thì nên dùng ấn Kim cang Khiết-thung-nga.

Nếu muốn phá Mẫu quỷ và Mạn-noa-la các chú pháp tà định thì nên dùng bụi trần ở dưới chân của Kim cang Phẫn nộ minh vương.

Nếu muốn sai các quỷ thần làm tôi tớ thì nên đến miếu thờ thần hiện tướng rất giận dữ mà trì tụng.

Nếu muốn hàng phục các quân ma thì nên làm ra tướng Kim cang rất giận dữ và cười lớn tiếng.

Nếu muốn phá quân giặc, thì nên gia trì vào chày Kim cang rồi ném.

Nếu muốn cầu vào quân trận được chiến thắng thì nên bắt ấn Kim cang Kế-đổ.

Nếu muốn ngăn cấm trói buộc, thì nên gia trì vào y phục rồi buộc, nếu muốn mở ra thì nên xưng tên ấy.

Nếu muốn phá thành của quỷ Phệ-đa-noa thì nên kết ấn Kim cang Bạn-nhạ-ninh.

Nếu muốn tháo gỡ các gông cùm thì nên dùng ấn Kim cang Bốc-yết-sa.

Nếu muốn tuôn ra lửa thì nên gia trì vào Kim cang Nhật tinh bảo.

Nếu muốn những nơi khô cằn có nước thì nên gia trì vào Kim cang Nguyệt tinh bảo.

Nếu muốn được các đồ ăn thức uống và các y phục… thì nên nhìn lên hư không mà trì tụng một lạc-xoa lần.

Nếu muốn thấy chư Phật Như Lai đầy khắp hư không thì phải nhớ nghĩ chư Phật rồi nhất tâm trì tụng.

Nếu muốn trong hư không hiện tướng văn tự và thấy các việc trong ba đời thì nên viết chữ "A" trì tụng một lạc-xoa lần thì liền thấy các việc trong ba đời, mắt thấy vậy rồi, thì việc mà ý biết cũng giống như vậy.

Nếu gia trì một lạc-xoa lần vào mắt thì sẽ thấy sắc tướng trong ba đời.

Nếu gia trì vào tai, thì tai nghe tiếng trong ba đời.

Nếu gia trì vào mũi thì mũi có phân biệt được các mùi hương trong ba đời.

Nếu gia trì vào lưỡi thì sẽ nói được việc trong ba đời.

Nếu gia trì vào ý thì ý phân biệt rõ lý vi diệu chân thật.

Nếu muốn thành tựu tượng chư Phật và thấy những việc hy hữu thì nên gia trì một lạc-xoa lần.

Nếu muốn thấy việc huyễn hóa thì nên dùng phất bằng lông chim công.

Nếu muốn cầu những đồ cần dùng thì nên đến miếu thờ trời Đại Tự tại trì tụng một lạc-xoa lần.

Nếu muốn thấy các Thánh tích thì nên dùng ấn Hàng tam giới.

Nếu muốn thành tựu tất cả pháp, thì nên dùng ấn Kim cang trí.

Nếu muốn thấy vị Tiên có năm thần thông, thì nên dùng ấn Kim cang định.

Nếu tự thân muốn thành tựu quả vị Phật, Bồ-tát và trong bốn oai nghi hiện ra các việc thì nên dùng ấn Kim cang hý thông.

Nếu muốn giác ngộ chư Thiên, thì nên dùng ấn Kim cang lực.

Nếu muốn hàng phục các loài Rồng, thì nên đến bên đầm chỗ Rồng ở mà trì tụng.

Nếu muốn khiến các Dạ-xoa không làm nô tỳ, thì nên dùng ấn Kim cang chỉ.

Nếu muốn điều phục các Bộ-đa, thì nên dùng chân đạp tượng trời Đại Tự tại, hiện ra vẻ rất giận dữ trì tụng thần chú.

Nếu muốn chận đứng sấm chớp mưa đá thì nên dùng ấn Kim cang Tha-phược-noa.

Nếu muốn dứt trừ hỏa hoạn, thì nên dùng ấn Tần-mi Bồ-tát.

Nếu muốn mưa xuống thì nên đến chỗ đầm của Rồng mà trì tụng. Nếu muốn tạnh mưa thì nên dùng hoa héo làm phép Hộ ma vào trong nước.

Nếu muốn nổi lên gió mây thì vẽ hình Rồng rồi xông hương lên.

Nếu muốn trời quang đãng, thì nên dùng ấn Kim cang hư không Phật nhãn.

Nếu muốn những nơi khô cằn vọt lên suối nước, thì nên dùng ấn Cứu cánh Kim cang long.

Nếu muốn những kho báu trong đất hiện ra thì nên dùng ấn Kim cang Khiết-ních-đa.

Nếu muốn tìm các kho báu trong đất thì nên dùng ấn Kim cang nghĩa.

Nếu muốn thành tựu tất cả Mạn-noa-la, thì nên dùng ấn Kim cang luân.

Nếu muốn thành tựu các ấn pháp, thì nên dùng ấn Đại lạc Kim cang Tam-muội.

Nếu muốn thành tựu các pháp Tam-muội thì nên dùng ấn Diệu lạc Kim cang.

Nếu muốn thành tựu các vị trời trì chú thì nên dùng ấn Kim cang.

Nếu muốn thành tựu Bồ-tát Kim cang bộ thì nên dùng ấn Kim cang căn bản tối thượng.

Nếu muốn thành tựu các Bồ-tát thì nên dùng ấn Kim cang tâm.

Nếu muốn thành tựu Bồ-tát Kim cang thì nên dùng đại ấn Kim cang.

Nếu muốn cầu thành tựu chư Phật, thì nên dùng ấn Kim cang trí quyền.

Các pháp như trên đều phải dùng thần chú mà gia trì.

-oOo-

Phần 2: Nghi Quỹ Kim Cang Tam-muội Trong Lý Chân Thật Của Tất Cả Như Lai

Khi ấy, Đức Phật Đại Tỳ-lô-giá-na lại tự nói giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa này, là pháp môn Bồ-đề của chư Phật. Nghĩa là Kim cang bình đẳng Bồ-đề tức là Bồ-đề. Kim cang kiên cố nghĩa bình đẳng Bồ-đề tức là Bồ-đề. Đệ nhất nghĩa bình đẳng Bồ-đề tức là Bồ-đề. Các pháp tự tánh thanh tịnh bình đẳng Bồ-đề tức là Bồ-đề; không phân biệt các pháp cũng giống như vậy. Nếu người nào nghe được bốn pháp môn này mà thọ trì đọc tụng thì sẽ tiêu trừ các nghiệp chướng, cho đến ngồi dưới đạo tràng chứng đắc

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc đó, Đức Phật Thế Tôn Đại Tỳ-lô-giá-na nói pháp môn chân lý này rồi lại nắm tay thành trí quyền và mỉm cười rạng rỡ, nói các pháp bình đẳng tâm chú:

"A" *(âm kéo dài).*

Lúc nói thần chú này có tất cả chư Phật, Như Lai đều nhóm họp, vây quanh Đức Phật Đại Tỳ-lô-giá-na, rồi y theo vị trí thứ lớp Kim cang Tát-đỏa Mạn-noa-la mà an tọa. Tám phương bên ngoài Mạn-noa-la có tám Đại Bồ-tát ngồi cười mỉm rạng rỡ.

Khi đó, Đức Phật Đại Tỳ-lô-giá-na nhập vào Tam-ma-địa an tưởng trong Mạn-noa-la của tất cả Như Lai. Sau khi xả định liền nói pháp đại Mạn-noa-la lý Kim cang chân thật của chư Phật Như Lai. Y vào nghi Kim cang Tát-đỏa Mạn-noa-la ở trước, nên lập ngoại Mạn-noa-la, bên trong Mạn-noa-la này vẽ vòng Kim cang, bên trong vòng đó vẽ hoa sen nhiều màu. Trên hoa sen an trí Phật Thế Tôn, xung quanh Thế Tôn lại đặt tám Đức Phật, các Đức Phật đều ngồi trên Nhật luân và cầm chày Kim cang. Lại ở bốn phương bốn góc bên ngoài Mạn-noa-la, y theo pháp mà đặt tám vị Đại Bồ-tát, còn ở bốn cửa mỗi cửa đều đặt bình Át-già. Bình ấy cần phải y theo pháp lựa chọn, đựng đầy nước thơm, rồi dùng hoa đẹp cắm vào bình và lấy năm loại châu báu, năm loại hoa màu, năm loại thuốc thang... để vào bình, rồi dùng lụa màu phủ lên trên, sau đó mới kết ấn Kim cang của chư Phật, dâng cúng chư Phật, rồi mới đặt bình ấy ở bốn cửa.

Lúc đó, vị A-xà-lê y theo pháp quán tưởng thân mình đồng với thân chư Phật, tự cho rằng mình thành A-xà-lê Kim cang. Từ đó về sau đối với giáo pháp của chư Phật được thành tựu tất cả, diệt trừ các nghiệp chướng. Sau đó, mới bảo đệ tử vào Mạn-noa-la, y pháp dùng chày Kim cang quán đảnh năm chỗ. Đây gọi là Quán đảnh kim cang. Rồi nói bài tụng về Tam-muội này rằng:

Ngươi thọ quán đảnh rồi
Phải biết vì chúng sinh
Làm pháp Phật tăng trưởng
Trụ trong tâm bình đẳng.

Sau đó, tùy theo căn tánh của đệ tử và với bốn thứ cờ nêu nên y pháp mà thực hành như vậy.

Nói Tam-muội Mạn-noa-la này rồi, lại nói pháp thành tựu tượng vẽ trên lụa. Trong tấm lụa ấy vẽ Đức Phật Đại Tỳ-lô-giá-na ánh sáng rực rỡ,

hai tay kết ấn Trí quyền của chư Phật, còn các Đức Phật và Bồ-tát khác y vào nghi thức Mạn-noa-la mà vẽ. Sau đó ở trước tượng lụa này, tùy ý thực hành pháp thành tựu, đều được thành tựu tối thượng.

Lại nói về phương pháp tượng lụa: ở trong tấm lụa đó, chỉ vẽ Đức Phật Đại Tỳ-lô-giá-na, ở trước tượng lụa đó tùy ý mà trì tụng. Sau dùng hai tay kết ấn Trí quyền, nếu trì tụng suốt đêm thì sẽ được thành tựu Bát-nhã ba-la-mật-đa, cho đến chứng được địa vị Bồ-tát, khi chuyển sinh liền thành Chánh đẳng Chánh giác.

Như trên đều là vì mình thành tựu Mạn-noa-la mà nói như vậy. Nếu vì người chưa thành tựu Mạn-noa-la thì bây giờ lại nói:

Nếu muốn cầu được cúng dường Phật, thì nên ban tất cả niềm vui.

Nếu muốn được cúng dường các vị Bồ-tát thì nên đem hương hoa vi diệu cúng dường Tam bảo và phải siêng trì tụng thần chú.

Nếu muốn cầu cho tất cả chúng sinh thực hành cúng dường, thì nên trì tụng bằng tâm Từ.

Nếu muốn nhiếp tất cả pháp thì nên tụng bốn câu kệ Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu muốn hàng ma, thì nên trì tụng bằng định tâm vững chắc.

Nếu muốn cầu quán đảnh chư Phật thì nên xả hết tất cả các vật trang nghiêm trên thân mình.

Nếu muốn đầy đủ các pháp thì nên dùng ấn Kim cang liên quán thị.

Nếu muốn cầu thành tựu pháp Yết-ma của chư Phật thì nên dùng chư Kim cang Yết-ma.

Nếu muốn cầu thành tựu chư Phật thì nên dùng đại ấn Kim cang Trí quyền.

Các pháp như trên đều phải trì tụng tâm chú.

-oOo-

KINH PHẬT THUYẾT TỐI THƯỢNG CĂN BẢN ĐẠI LẠC KIM CANG BẤT KHÔNG TAM-MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG

QUYỂN 2

Phần 3: Nghi Quỹ Kim Cang Tam-muội Hàng Phục Ba Cõi

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói pháp môn Nhất thiết pháp bình đẳng tối thắng nhiếp Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nghĩa là vì tham không có tánh nên sân cũng không có tánh; vì sân không có tánh nên si cũng không có tánh; vì si không có tánh, nên các pháp cũng không có tánh; vì các pháp không có tánh nên Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không tánh. Nếu người nào lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa này, dù có tạo nghiệp giết hại tất cả chúng sinh trong ba cõi, cũng không phải chịu quả báo, không đọa các đường ác, mau chóng chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi ấy, Bồ-tát Kim Cang Thủ nghe Phật nói pháp môn lý chân thật này rồi, liền hiện tướng mừng giận nhe răng trợn mày, đứng trên hoa sen, như thế giương cung kết ấn hàng tam giới, mà nói tâm chú:

"Hồng" (Hūṃ) *(âm kéo dài).*

Lúc nói tâm chú này, các vị Thiên chủ trong ba cõi và chủ của ba cõi, cho đến trời Đại Tự tại tất cả đều Câu triệu vào Mạn-noa-la, dùng pháp điều phục để điều phục, lại dùng lời an ủi khiến trụ vào Tam-muội rồi hiện tướng rất giận dữ. Khi ấy, trời Đại Tự tại và Thiên chủ ba cõi cùng các quyến thuộc, thấy Bồ-tát Kim Cang Thủ hiện tướng rất giận dữ hàng phục ba cõi, đều kinh sợ phát lời rằng:

–Bồ-tát Kim Cang Thủ cứu hộ chúng con, chúng con xin quy y Phật và nghe lời Phật dạy an trụ vào Tam-muội.

Tất cả Ma-đát-lý,... thấy Bồ-tát hiện tướng giận dữ, đều kinh sợ khổ não mê mẩn, các ấn chú tà thuật của bọn chúng thảy đều bị phá hoại cho đến Nhị thập bát tú, Cửu diệu, chấp trì và các bệnh khổ, tất cả thuốc độc đều tiêu trừ. Lúc đó các Ma-đát-lý... cũng thưa rằng:

–Bồ-tát Kim Cang Thủ cứu hộ chúng con, từ nay trở đi chúng con quy y Phật, cúi xin che chở chúng con.

Bồ-tát Kim Cang Thủ liền mỉm cười, dẫn chư Thiên... vào Mạn-noa-la khiến trụ Tam-muội, rồi dùng pháp Bảo bộ trao cho quán đảnh, lại dùng pháp Kim cang bộ mà trao quán đảnh và khiến chúng sinh giới đều làm nhiều việc lợi ích lớn lao rồi đặt chính giữa Kim cang bộ bên ngoài.

Khi ấy, Bồ-tát Kim Cang Thủ hóa thành một vị Minh vương hiện tướng giận dữ hàng phục ba cõi, trang nghiêm đầy đủ các thứ, hiện đại oai dũng, nhe răng trề môi, lông tóc đỏ hoe, cầm chày Kim cang, móc câu, đao kiếm, gậy gộc, sô-rị-ca,... vị Đại minh vương này y vào nghi pháp Mạn-noa-la Kim Cang Thủ mà đứng, chư Thiên kia... đặt bên ngoài Mạn-noa-la, bên ngoài Mạn-noa-la này lại đặt các ngôi sao.

Khi ấy, Bồ-tát Kim Cang Thủ liền nhập vào Tam-muội Kim cang đại Bi phương tiện của tất cả Như Lai. Sau khi xả định nói nghi pháp hàng phục ba cõi tối thắng, an tưởng vào nghi pháp Kim cang đại Mạn-noa-la, tụng rằng:

Nay ta sẽ nói lược
Mạn-noa-la tối thắng
Gọi hàng phục ba cõi
Điều phục người khó điều
Y trước nói nghi pháp
Vẽ Mạn-noa-la ngoài,
Ở trong vòng tròn này
Phân chia tám tôn vị
Chính giữa tượng phẫn nộ
Thân như hoa sen xanh
Có các thứ trang nghiêm
Trợn mày nhe răng bén
Giận dữ nhưng mỉm cười
Đứng như thế giương cung
Là tướng hàng ba cõi
Ở dưới hai bàn chân
Trái trợn Tự tại thiên
Phải đạp trên Thiên hậu
Rực rỡ chiếu soi khắp
Trong vẽ tám vòng tròn
Ánh sáng chiếu rực rỡ

Theo nghi ngoại đàn trước
Vẽ Mạn-noa-la ngoài
Bốn cửa đều có đặt
Hình tướng đại phẫn nộ
Cung tên và vòng kiếm
Đây là bốn loại cờ
Ở ngoài Mạn-noa-la
Đặt các sao, cờ nêu
Các thức ăn thượng vị
Đầy bát đem xuất sinh
Treo các linh màu xanh
Và cờ phướn nhiều màu
Lúc đó, A-xà-lê
Nên mặc áo màu xanh
Rồi hiện tướng giận dữ
Liền kết ấn Tam-muội
Đi vào Mạn-noa-la
A-xà-lê phải nên
Y pháp làm Phật sự
Từ ngày ấy về sau
Chư Thiên không thấy được,
Làm thành, hoại tất cả
Được sự tối thượng này
Tất cả pháp thành tựu
Đều khiến được thành tựu
Khi ấy, dắt đệ tử
Vào không Mạn-noa-la
Nên kết ấn Kim cang
Trao Kim cang quán đảnh
Và trao chày Kim cang
Cùng ban cho thệ nguyện
Chày Kim Cang Thủ này
Điều phục người khó điều,
Ngươi phải nên thọ trì
Thành tựu pháp tối thượng
Ban cho thệ nguyện rồi
Mới ra Mạn-noa-la.

Nói bài tụng này rồi, lại nói về cách thức noa tượng. Phải y vào nghi

thức Kim cang Mạn-noa-la mà vẽ Kim cang phẫn nộ tôn và vẽ Đại Bồ-tát chư Thiên và chúng Ma-đát-lý... Đó là pháp tượng lụa thành tựu tối thượng. Sau đó, ở trước tượng lụa y theo pháp cúng dường, rồi trải tòa ngồi kiết già, kết ấn căn bản trì tụng trăm ngàn biến. Trì tụng như vậy, nếu có tất cả pháp thế gian và xuất thế gian thảy đều thành tựu. Nếu có người đối với pháp này chưa được thành thục, thì phải thường xuyên trì tụng, như vậy mới có khả năng thực hành các pháp Kính ái, Câu triệu, Nhập ngộ, Cấm phược, Giải trừ...

Lại nói các pháp thành tựu. Nếu muốn phá hoại các điều ác thì nên y vào pháp Kim cang phẫn nộ minh vương.

Nếu muốn phá các tà ấn, thì nên nhìn bằng tướng giận dữ mà trì tụng.

Nếu muốn diệt trừ các ma, thì nên cầm chày Kim cang nổi cơn giận dữ mà trì tụng.

Nếu muốn lập cấm chế, thì nên hiện tướng giận dữ mà trì tụng, rồi dùng chày Kim cang đập vào phương vị ấy.

Nếu muốn làm ly tán, thì nên y vào pháp Kim cang vi diệu vĩ-đề-nãnh-tôn.

Nếu muốn Câu triệu các sao xấu thì nên hiện tướng giận dữ mà điều phục, quay tròn chày Kim cang.

Nếu muốn dứt trừ sân nhuế cho người khác thì nên dùng sắt vụn làm pháp Hộ ma.

Nếu muốn điều khiển các Dược sát, thì nên y vào pháp Đại tiếu tôn mà trì tụng.

Nếu muốn hàng phục các Rồng, thì nên dùng chày Kim cang đập lên mặt đất mà trì tụng.

Nếu muốn điều phục chư Thiên thì nên y vào pháp Kim cang nễ-ba-đa tôn mà trì tụng.

Nếu muốn nhiếp triệu chư Thiên và hàng phục kẻ phá hoại, thì nên y vào pháp Hàng tam giới tôn mà trì tụng.

Nếu muốn thành tựu pháp Tỳ-sa-môn Thiên vương, thì nên dùng tay đè lên tượng trừ Tỳ-sa-môn mà hiện tướng giận dữ trì tụng.

Nếu muốn thành tựu pháp cầu Tăng trưởng Thiên vương, thì nên y vào pháp Kim cang bổ-ngư-sa mà trì tụng.

Nếu muốn thành tựu Dục thiên, thì nên ở trước tượng Dục thiên, hiện tướng giận dữ mà trì tụng.

Nếu muốn thành tựu Đại Phạm thiên thì nên dùng ấn Diệu lạc kim

cang.

Nếu muốn thành tựu Na-la-diên thiên thì nên dùng ấn Kim cang luân tỏa.

Nếu muốn thành tựu Đại Tự tại thiên thì nên dùng ấn Kim cang thú-la-tỏa.

Nếu muốn thành tựu các Ma-đát-lý thì nên y vào pháp Kim cang chúng La-sát.

Nếu muốn phá hoại các chú pháp, tà đàn... của các ngoại đạo, thì nên y vào pháp Kim cang đại phẫn nộ bạn-nhạ-na-tôn.

Nếu muốn đạp gãy tất cả núi rừng, cho đến Thiên miếu, thờ trời thì nên hiện phẫn nộ Minh vương mà ngoái nhìn. Nếu muốn trở lại như cũ, thì nên y vào pháp Kim cang phẫn nộ minh vương.

Nếu muốn hoại diệt các ma thì nên y vào pháp Kim cang phẫn nộ minh vương quyền.

Nếu muốn khiến cho sinh các sợ hãi thì nên y vào pháp Kim cang phẫn nộ minh vương mà hiện tướng đại ác.

Nếu muốn phá hoại quân của kẻ khác thì nên y vào pháp Kim cang phẫn nộ dược sát.

Nếu muốn phá tan quân giặc thì nên y vào pháp Kim cang phẫn nộ La-sát.

Nếu muốn phá hoại chư Thiên thì nên dùng đinh đóng vào tượng chư Thiên.

Nếu muốn thành tựu Thiên chủ thì cũng nên thực hành y như pháp này.

Nếu muốn làm cho ba cõi kinh sợ thì nên dùng ấn Kim cang bát-la-la.

Nếu muốn là bậc tài giỏi trong ba cõi thì nên y vào pháp Kim cang phẫn nộ minh vương.

Nếu muốn khiến cho ba cõi nhập ngộ, cấm phược, kính ái, thì nên dùng ấn Kim cang phẫn nộ minh vương.

Nếu muốn khiến ba cõi thành tựu Câu triệu, kính ái thì nên y vào pháp Đại lạc kim cang phẫn nộ minh vương.

-oOo-

Phần 4: Nghi Quỹ Về Tam Muội Thanh Tịnh Các Phiền Não

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại nói tất cả pháp Bình đẳng Quán Tự Tại trí ấn, là pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nghĩa là vì phiền não thanh tịnh nên các cấu cũng thanh tịnh; vì tất cả cấu thanh tịnh nên tất cả tội cũng thanh tịnh. Vì các pháp thanh tịnh nên tất cả chúng sinh cũng thanh tịnh. Vì Nhất thiết trí thanh tịnh, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng thanh tịnh. Nếu người đối với pháp môn này mà thanh tịnh thọ trì, đọc tụng suy nghĩ, ghi nhớ, tuy thường sống trong tham dục, nhưng lại lìa xa các phiền não, ví như hoa sen thanh tịnh không bị dính bùn dơ. Vậy nên người này mau thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nghe Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói lý chân thật pháp môn thanh tịnh này rồi, Bồ-tát Quán Tự Tại liền mỉm cười nói tâm chú Quán chiếu các pháp vô nhiễm, tất cả thanh tịnh pháp môn hoa sen nhiều màu rằng:

"Hột-rị" (Hrī) *(hai chữ hợp thành một âm).*

Lúc nói tâm chú này thì xuất hiện tất cả Như Lai đều như tướng Quán Tự Tại, tay cầm hoa sen, đều nương vào nghi thức Mạn-noa-la của Quán Tự Tại mà an trụ. Lúc ấy, Bồ-tát Quán Tự Tại nhập vào Tam-muội, quán chiếu các pháp Trí tự tại ấn. Sau khi xả định, nói pháp Mạn-noa-la điều phục tất cả thế gian. Nếu người kiến lập pháp Đại mạn-noa-la này mà thành tựu thì nên ở Mạn-noa-la bên ngoài vẽ Mạn-noa-la bên trong, bốn phương bốn góc đặt tám tôn vị, y pháp đầy đủ, ở giữa vẽ hoa sen màu hồng tám cánh, trên hoa lại vẽ Bồ-tát Quán Tự Tại. Ở trước Bồ-tát vẽ trời Đại Liên sắc, tướng như thiên ma, màu hồng đỏ, tay cầm hoa sen, hoa Câu-tô-ma và cung tên. Bên phải vẽ trời Đại Liên phẫn nộ tự tại, sắc tướng như trời Đại Tự tại. Phía sau vẽ trời Đại Liên sắc, sắc tướng như trời Na-la-diên. Bên trái vẽ Đại Liên Ta-bà chủ, sắc tướng như Phạm Thiên vương. Góc Đông nam vẽ trời Đại Liên trì thế, sắc tướng như trời Trì thế. Góc Tây nam vẽ trời Đại Liên thủy, sắc tướng như Long vương ở biển lớn. Góc Tây bắc vẽ trời Đại Liên nhật, sắc tướng như trời Đại nhật. Góc Đông bắc vẽ trời Đại Liên phong, sắc tướng như Phong thiên. Lại bốn góc Mạn-noa-la bên ngoài vẽ bốn Thiên tượng là: Hộc rị, Thất rị, Nghi, Đề. Các vị trời ấy tay trái đều cầm hoa sen, tay phải cầm cờ, bốn cửa đều có đặt được cờ nêu. Một là Tất-đế-rị-rĩ-ngật-la-hạ; hai là Tát-lý-phược-vĩ-ngật-la-hạ; ba là Tô-cát-la-vĩ-ngật-la-hạ; bốn là Bát-nột-ma-vĩ-ngật-la-hạ.

Vẽ Mạn-noa-la như vậy rồi, vị A-xà-lê nên bảo đệ tử mặc áo trắng,

dùng lụa sạch phủ mặt, rồi thầy cầm hoa đẹp kết ấn Liên hoa, dẫn đệ tử vào Mạn-noa-la, nhắc nhở đệ tử phải dốc lòng trịnh trọng, đem hoa tung rải, hoa rơi đến chỗ nào thì chỗ đó chính là Bản tôn, được Bản tôn rồi y theo pháp Liên hoa bộ quán đảnh mà thực hành quán đảnh. Sau đó dạy đệ tử:

–Ngươi quán các pháp nên như hoa sen, các nhiễm phiền não thanh tịnh cũng như thế, rồi nói kệ rằng:

Như hoa sen có mầu đẹp
Trong bùn nhưng thơm sạch
Bản tánh tham, sân, si
Vô nhiễm cũng như vậy
Đối với tất cả pháp
Nên quán sát như thế
Các pháp vốn thanh tịnh
Diệt trừ các phiền não
Thường đối các Tam-muội
Thành Nhất thiết trí Phật
Chứng pháp như vậy rồi
Mới gọi Quán tự tại.

Nói kệ rồi lại bảo đệ tử:

–Từ đây trở đi, thân người được thanh tịnh, các việc mong cầu được thành tựu, đều tùy theo ý nguyện cho đến thành Phật.

Như vậy, đệ tử muốn thành tựu trí Mạn-noa-la cũng nên y theo pháp tượng lụa mà được thành tựu.

Lại nói người chưa thành thục mong cầu pháp thành tựu. Nếu muốn cho mọi người vui thích thì nên gia trì vào hoa sen tám ngàn biến. Nếu muốn diệt tan các điều ác thì dùng ấn Liên hoa đại phẫn nộ vương. Nếu muốn cho ma bị mê loạn thì nên dùng ấn Đại liên phược-la-hạ. Nếu muốn các phiền não được thanh tịnh thì nên dùng ấn Đại liên hoa quán tưởng.

Nếu muốn cho mưa xuống thì nên vẽ hình Rồng, hành giả ngồi lên rồng ấy trì tụng một lạc-xoa lần.

Nếu muốn xua tan tối tăm thì nên dùng ấn Đại liên hoa nhật quang.

Nếu muốn nổi gió và ngừng gió thì nên dùng ấn Liên hoa ma-lỗ-đa.

-oOo-

Phần 5: Nghi Quỹ Nói Về Tất Cả Bảo Quán Đảnh Đại Tam-muội

Bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại nói tất cả quán đảnh của Như

Lai phát sinh kho tàng trí Bát-nhã ba-la-mật-đa giáo. Nếu người nào thí quán đảnh thì sẽ được ngôi vị vua trong ba cõi. Nếu bố thí của báu, tài vật, thì sẽ được viên mãn tất cả nguyện. Nếu bố thí pháp nhiệm mầu, thì được pháp bình đẳng. Nếu bố thí thức ăn ngon thì tất cả thân, miệng ý được vui sướng.

Nghe Phật nói pháp môn chân lý này rồi, Bồ-tát Hư Không Tạng liền nở nụ cười tươi, kết ấn Bảo kim cang quán đảnh man đưa lên đảnh. Kết ấn xong liền nói tâm chú Nhất thiết quán đảnh Tam-muội bảo:

"Đát-lãm" (Trāṃ) *(hai chữ hợp thành một âm).*

Lúc nói tâm chú này, xuất hiện các tướng như câu Nhất thiết quán đảnh nghĩa,... xuất hiện như thế rồi y vào nghi thức Bảo bộ mạn-noa-la mà hiện ra tượng Bồ-tát ở các chỗ bản vị.

Khi ấy, Bồ-tát Kim Cang Tạng nhập vào tất cả Tam-ma-địa quán đảnh bảo Kim cang. Sau khi xả định, bèn nói tất cả nguyện viên mãn đại ma-ni bảo Tam-muội, Đại mạn-noa-la. Nếu người nào thành tựu Mạn-noa-la này thì nên y theo pháp Mạn-noa-la bên ngoài vẽ Mạn-noa-la bên trong giữa vẽ cây cột báu tám cạnh như tám tướng Mạn-noa-la, vòng báu để trang sức xung quanh Bảo kim cang, đặt các thứ trang nghiêm như cờ phướn, lọng tán... Sau đó, ở trong Mạn-noa-la vẽ Bồ-tát Hư Không Tạng đi xe, cỡi ngựa nở nụ cười tươi, thân màu hồng rực, hai tay kết ấn quán đảnh. Ở trước Bồ-tát đặt các Như Lai và Bồ-tát quán đảnh, đầu đội mũ báu. Bên phải đặt các Bồ-tát giữ gìn bảo tạng. Phía sau lại đặt Bồ-tát gìn giữ pháp bảo tạng. Bên trái đặt các Bồ-tát giữ gìn các thức ăn ngon. Ở bốn góc đặt Bồ-tát cúng dường, cùng các thứ cờ phướn, lọng báu và âm nhạc vi diệu... Bốn cửa, bốn góc của Mạn-noa-la bên ngoài y theo pháp mà đặt bình Át-già và quán đảnh, cờ nêu cúng dường... Vẽ Mạn-noa-la như vậy rồi, vị A-xà-lê nên kết Bảo ấn, y theo pháp dắt đệ tử vào Mạn-noa-la, dùng pháp bảo quán đảnh trao cho quán đảnh và ấn tướng, cờ nêu,... từ đó về sau tất cả điều mong cầu đều được thành tựu viên mãn.

Như trên đã nói về nghi pháp dắt đệ tử vào Mạn-noa-la, trong Bảo kim cang bộ kia đã tác pháp thành tựu cũng nên như vậy. Nếu pháp chưa thành thục mà muốn thọ các quán đảnh thì nên trao ấn Bảo kim cang quán đảnh.

Nếu muốn được viên mãn ý nguyện thì nên đợi khi mặt trời mọc mà trì tụng.

Nếu muốn hiểu rõ nghĩa trí của các pháp thì nên quán các pháp thanh

tịnh cũng như hư không mà trì tụng.

Nếu muốn cầu các thứ thượng vị thì nên tưởng bản thân như hư không, ngày tụng một ngàn biến.

Nếu muốn được viên mãn đại nguyện thì nên cầm lọng báu trì tụng trăm ngàn biến.

Nếu muốn mong cầu tối thắng thì nên dùng ấn cờ báu Kim cang.

Nếu muốn cầu danh tiếng thì hàng ngày phải thường trì tụng.

-oOo-

Phần 6: Đại Nghi Quỹ Về Tất Cả Quyền Ấn Tam-muội

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni được trí ấn của chư Phật, trì trí quyền của chư Phật. Đó là rốt ráo của chư Phật. Lại nói trí ấn của tất cả Như Lai, an tưởng Kim cang Bát-nhã ba-la-mật-đa giáo. Nghĩa là nhiếp thân ấn của tất cả Như Lai, tức là tất cả thân Như Lai nhiếp ngữ ấn của tất cả Như Lai, tức là được tất cả pháp tự tại, vì Nhiếp tâm ấn của tất cả Như Lai tức là được tất cả Tam-muội. Nhiếp Kim cang ấn của tất cả Như Lai là được thành tựu ba nghiệp Kim cang tối thượng.

Nếu người nào lắng nghe, thọ trì, suy nghĩ, ghi nhớ pháp môn này và giảng nói cho người khác nghe, thì người này được thành tựu tất cả pháp, thông đạt Nhất thiết trí, mọi việc đều được viên mãn, cho đến thành tựu ba nghiệp Kim cang tối thượng và mau thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nghe Phật nói Nhiếp pháp chân thật đại Tam-muội Kim cang ấn rồi, Bồ-tát Kim Cang Quyền liền hiện tướng vui mừng và liền nói tất cả ấn Kim cang kiên cố thành tựu Tam-muội thần chú:

"Ác".

Lúc nói tâm chú này, tất cả Như Lai và các chúng hội đều hóa như Kim cang tát-đỏa, đều kết ấn Kim cang tát-đỏa, dùng ấn Thành tựu tối thượng của Như Lai để ấn nương vào ba nghiệp Kim cang và Đại ấn Tam-muội... của Bồ-tát Kim Cang Quyền và an trụ vào Mạn-noa-la này.

Khi ấy, Bồ-tát Kim Cang Quyền nhập vào trí ấn Tam-muội của tất cả Như Lai. Sau khi xả định, liền nói tất cả pháp ấn Tam-muội Kim cang đại mạn-noa-la. Nếu người nào kiến lập Mạn-noa-la này, thì nên y theo nghi Mạn-noa-la ở trước mà vẽ Mạn-noa-la ngoài, ở trong giữa vẽ tám vòng tròn, trong vòng tròn đó chia thành tám vị. Vị chính giữa đặt Bồ-tát Kim Cang Quyền, hiện tướng vui mừng, kết quyền ấn Tam-muội. Ở trước, Bồ-

tát này có đặt Bồ-tát Tối Thượng Kim Cang thân, tay cầm chày Kim cang. Bên phải Bồ-tát Kim Cang Quyền, đặt Bồ-tát Kim Cang Thiệt. Phía sau Bồ-tát Kim Cang Quyền, đặt Bồ-tát Kim Cang Định, tay cầm chày Kim cang. Bên trái Bồ-tát Kim Cang Quyền, đặt Bồ-tát Tối Thượng Kim Cang, cầm chày Kim cang. Lại ở góc Đông nam Mạn-noa-la đặt Bồ-tát Ấn quyền, góc Tây nam đặt Bồ-tát Nghĩa Quyền, góc Tây bắc đặt Bồ-tát Trí Quyền, góc Đông bắc đặt Bồ-tát Yết-ma Quyền. Các Bồ-tát này đều kết ấn của mình và cầm cờ nêu. Lại ở bốn cửa đặt bốn vị Bồ-tát Kim cang Hương... Vẽ Mạn-noa-la như vậy rồi. Nếu như có người chưa thành tựu pháp này, mà vào trong đó rồi thì sẽ được đầy đủ tất cả ấn, thành tựu A-xà-lê. Từ đó về sau chắc chắn được thành tựu tất cả pháp, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu vị A-xà-lê truyền cho đệ tử thì nên kết ấn Kim cang quyền, dẫn đệ tử vào trong Mạn-noa-la dùng pháp Kim cang đảnh mà trao cho quán đảnh rồi nói kệ rằng:

Tâm, miệng, ý Kim cang
Nên quán như hình bóng
Các ấn cũng như vậy
Đây gọi Thệ Tam-muội.

Nghi thức đệ tử vào trong Mạn-noa-la như ở trên đã nói, tất cả ấn tướng của bộ này và thành tựu pháp Mạn-noa-la đều cũng như vậy. Lại vì người chưa thành thục thì nên nói pháp thành tựu. Nếu muốn thành tựu các ấn tướng, thì nên kết Kim cang quyền an tâm vào trì tụng.

Lại nữa nếu muốn thành tựu tất cả ấn thì nên kết ấn Đại kim cang quyền.

Nếu muốn được tất cả chúng sinh kính mến thì nên kết ấn Kim cang đại lạc quyền.

Nếu muốn hàng phục các chúng sinh thì nên kết ấn Kim cang đại quyền.

Nếu muốn thành tựu tất cả Tam-muội thì nên kết ấn Kim cang Tra chỉ.

Nếu muốn chặn đứng các điều ác thì nên kết ấn Kim cang phược.

Nếu muốn ngăn cấm tất cả thì nên kết ấn Kim cang sách.

Nếu muốn sai khiến Tảm-bà-na thì nên kết ấn Kim cang lệ ba quyền.

Nếu muốn sai khiến Ty-noa-na thì nên kết ấn Kim cang phược quyền.

Nếu muốn diệt trừ các điều ác thì nên kết ấn Kim cang phẫn nộ quyền.

Nếu muốn Bạc-xoa-na thì nên kết ấn Kim cang dược sát quyền.

Nếu muốn phá hoại các ma thì nên kết ấn Kim cang nảnh-ty-noa-na quyền.

Nếu muốn khai thông tất cả thì nên dùng ấn Kim cang tỏa quyền.

Nếu muốn khiến cho tất cả tỉnh ngộ thì nên kết ấn Kim cang a-phệ-xá quyền.

Nếu muốn khiến làm Nảnh-lý-đa thì nên kết ấn Kim cang nảnh-lý-đa quyền.

Nếu muốn cho tất cả nói năng thì nên kết ấn Kim cang ngữ quyền.

Nếu muốn cấm phục tất cả thì nên kết ấn Kim cang định quyền.

Nếu muốn sai khiến quân địch của người là Mẫu-chỉ-yết-la-na thì nên kết đại ấn Đại kim cang ngữ quyền.

Nếu muốn giải trừ các tà ấn thì nên kết ấn Kim cang giải thoát quyền.

Nếu muốn giải trừ các ấn Noa-cát-nễ thì nên kết ấn Hàng tam giới kim cang quyền.

Nếu muốn phá các ác ấn thì cũng kết ấn Hàng tam giới kim cang quyền.

Nếu muốn ngăn cấm các ấn thì nên kết ấn Kim cang tán đề quyền.

Nếu muốn làm cho tất cả ấn vững chắc như kim cang thì nên kết ấn Kim cang quyền.

Nếu muốn đè bẹp tất cả thì nên kết ấn Kim cang ma-đát-rị quyền.

Nếu muốn bẻ gãy các ma thì nên kết ấn Diệu kim cang quyền.

Nếu muốn phá các ác thì nên kết ấn Đại ác phẫn nộ kim cang quyền.

Nếu muốn đi đứng trên nước thì nên kết ấn Kim cang cấm quyền.

Nếu muốn hiện các hình sắc thì nên kết ấn Chúng Yết-ma kim cang quyền.

Nếu muốn cầu pháp ẩn thân thì nên kết ấn Bất khả kiến kim cang quyền.

Nếu muốn mọi cử chỉ hành động và việc làm được thành tựu thì nên kết ấn Hư không kim cang quyền.

Nếu muốn bay đi tự tại trên hư không thì nên kết ấn Kim cang phược quyền.

Nếu muốn thành tựu Trì minh thiên thì nên kết ấn Kim cang kiếm quyền.

Nếu muốn thành tựu việc cúng dường các Đức Như Lai, thì nên kết ấn Kim cang yết-ma quyền.

Nếu muốn thông đạt Nhất thiết trí thì nên kết ấn Kim cang trí quyền.

Nếu muốn thành tựu tất cả nghĩa thì nên kết ấn Kim cang nghĩa quyền.

Nếu muốn cầu thành tựu tất cả ấn chủ thì nên kết ấn Kim cang quyền.

Nếu muốn mọi việc được thành tựu thì nên kết các ấn Kim cang quyền.

Nếu muốn thành tựu tất cả Mạn-noa-la thì nên kết ấn Kim Cang Thủ quyền.

Nếu muốn nói những việc trong ba đời thì nên kết ấn Kim cang thật quyền.

Nếu muốn thành tựu Kim Cang Thủ thì nên kết ấn Kim cang cao cử.

Nếu muốn cầu thành tựu quả Phật, thì nên kết ấn chư Phật Kim cang quyền.

-oOo-

Phần 7: Đại Nghi Quỹ Về Tam-muội Kim Cang Tự Luân

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại nói các pháp vô tánh chuyển tự luân Bát-nhã ba-la-mật-đa giáo. Nghĩa là các pháp là Không, không có tự tánh, các pháp là Vô tướng, vì vô tướng cho nên sinh ra tất cả pháp. Vì các pháp là Vô nguyện, nên từ vô nguyện mà sinh ra tất cả pháp. Vì tự tánh các pháp là thanh tịnh, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa thanh tịnh.

Lúc đó, Bồ-tát Diệu Cát Tường nghe Phật nói pháp môn chân lý này rồi liền mỉm cười, dùng kiếm trí tuệ biểu thị cho chư Phật, rồi nói tâm chú Bát-nhã ba-la-mật-đa tối thượng:

"A".

Khi nói tâm chú này, tất cả Như Lai đều nhóm họp, nương vào nghi Mạn-noa-la ở trước mà an trụ. Bấy giờ, Bồ-tát Diệu Cát Tường nhập vào Tam-ma-địa tất cả pháp tự tánh vô tánh kiếm. Sau khi xả định liền nói pháp Tam-muội Mạn-noa-la chuyển tự luân. Nếu người nào kiến lập Mạn-noa-la này thì trong Mạn-noa-la bên ngoài, nên y theo pháp mà vẽ tám vòng tròn, giữa vòng tròn đó thứ lớp vẽ tâm chú, bốn góc bốn phương ở phía sau chia ra tám vị, chính giữa nên đặt Bồ-tát Diệu Cát Tường như tướng đồng tử, thân sắc thanh tịnh như hư không, có bốn tay, dùng kiếm trí tuệ để biểu thị pháp, ánh sáng chiếu khắp. Bên ngoài Bồ-tát đặt chư Phật Như Lai. Bốn góc y theo pháp đặt bốn bộ kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa. Bốn cửa cắm bốn

thứ cờ như kiếm thược, kết đế, bát báu, kinh. Sau đó, vị A-xà-lê kết kiếm ấn hoặc kinh ấn, rồi y theo pháp dắt đệ tử vào Mạn-noa-la trao cho trí kiếm và làm pháp quán đảnh, làm quán đảnh rồi lại nói pháp, thệ tụng:

Ngươi nên nhận kiếm trí
Và chân lý Bát-nhã
Quán Phật như hư không
Là biểu thị mau thành.
Giữ gìn pháp của Phật
Rộng độ các chúng sinh
Dùng kiếm chém nghiệp chướng
Khiến hết hẳn không còn.

Nói kệ rồi lại bảo rằng:

–Nhờ pháp mầu này mà khiến ngươi được thành tựu Bát-nhã ba-la-mật-đa và mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu muốn thành tựu pháp Mạn-noa-la thì cũng y như nghi thức trước. Lại nói pháp thành tựu, nếu muốn chứng Tam-ma-địa Không thì nên quán các pháp như hư không.

Nếu muốn chứng Tam-ma-địa Vô tướng thì nên quán các pháp đều vô tướng.

Nếu muốn chứng Tam-ma-địa Vô nguyện thì nên quán các pháp đều vô nguyện.

Nếu muốn chứng pháp tự tánh thanh tịnh trí thì nên quán tưởng lý thú của Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu muốn dứt bỏ tất cả phiền não thì nên quán tưởng chánh pháp.

Nếu muốn được trí chân thật của tất cả văn tự thì nên quán tưởng pháp vô tánh.

Nếu muốn đối với các chỗ mà không đắm trước vào văn tự quán pháp thân thì nên y theo tự tánh của chữ Ma... mà quán tưởng là không.

Nếu muốn chứng Bồ-đề của chư Phật thì nên kết ấn Kim cang kiếm.

-oOo-

Phần 8: Đại Nghi Quỹ Nói Về Tam-Muội Nhất Thiết Mạn-noa-la Kim Cang Luân

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại nói nhiếp tất cả Như Lai luân vào trong Đại luân Bát-nhã ba-la-mật-đa giáo. Nghĩa là nhập vào Kim cang bình đẳng tức nhập vào tất cả Như Lai luân. Nhập vào nghĩa bình đẳng

là nhập vào Đại Bồ-tát luân. Nhập vào pháp bình đẳng là nhập vào Diệu pháp luân. Nhập vào tất cả bình đẳng là nhập vào tất cả luân.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Đồng Tâm Sinh Chuyển Pháp Luân nghe Phật nói pháp môn chân lý này rồi, liền mỉm cười mà chuyển Kim cang luân nhập tất cả Kim cang Tam-muội tâm chú rằng:

"Hồng" *(âm kéo dài).*

Lúc nói tâm chú này, có tất cả Như Lai và tất cả hữu tình trong ba cõi đều nhóm họp vào trong Mạn-noa-la. Lại từ tâm Bồ-tát phát ra tất cả Mạn-noa-la Tam-muội. Bấy giờ chư Phật, Bồ-tát y pháp mà an trụ.

Bồ-tát Đồng Tâm Sinh Chuyển Pháp Luân liền nhập vào tất cả luân ấn Tam-ma-địa. Sau khi xả định, liền nói nhập Nhất thiết Tam-muội luân đại Mạn-noa-la pháp này. Nếu người nào muốn kiến lập Mạn-noa-la này, thì nên ở giữa Mạn-noa-la bên ngoài này vẽ vòng kim cang, trong vòng vẽ Bồ-tát Đồng Tâm Sinh Chuyển Pháp Luân, tất cả các Đức Phật Như Lai và chúng Bồ-tát như Kim Cang Thủ... cũng y theo nghi thức Mạn-noa-la ở trước mà vẽ. Bốn góc của Mạn-noa-la vẽ bốn vị Đại Bồ-tát của Kim cang bộ. Đó là Bồ-tát Kim cang Tát-đỏa, Bồ-tát Kim Cang Phẫn Nộ Minh vương, Bồ-tát Quán Tự Tại và Bồ-tát Hư Không Tạng. Ở bốn cửa vẽ bốn thứ cờ nêu, vẽ Mạn-noa-la như vậy rồi, sau đó vị A-xà-lê y theo pháp kết ấn Kim cang luân, dẫn đệ tử vào Mạn-noa-la, trao cho Kim cang luân, khiến đệ tử nhận quán đảnh, truyền cho bốn thứ Mạn-noa-la và bản bộ, tất cả pháp Tam-muội... Nghi pháp hướng dẫn đệ tử đã như vậy thì pháp thành tựu Kim cang luân Mạn-noa-la cũng như vậy.

Lại nói về pháp thành tựu, nếu muốn nhập vào tất cả Mạn-noa-la thì nên kết ấn Kim cang luân đặt lên mặt.

Nếu muốn vào đại Mạn-noa-la thì nên kết ấn Đại luân.

Nếu muốn nhập vào các ấn Mạn-noa-la thì nên kết ấn Kim cang của tất cả Như Lai.

Nếu muốn vào Tam-muội Mạn-noa-la thì nên kết ấn Đại Tam-muội luân.

Nếu muốn nhập vào Yết-ma Mạn-noa-la thì nên kết các ấn Kim cang luân.

Nếu muốn thực hành pháp kính ái, pháp hàng phục, pháp ấn, pháp phá hoại, pháp nhập Nhất thiết xứ, pháp cúng dường, pháp điều phục các ác... đều kết ấn tám Đại Bồ-tát hoặc kết luân ấn.

-oOo-

Phần 9: Đại Nghi Quỹ Nói Về Các Tam-muội Kim Cang

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại nói pháp cúng dường tối thượng Bát-nhã ba-la-mật-đa giáo. Nghĩa là phát sinh tâm Bồ-đề tức là cúng dường rộng lớn cho tất cả Như Lai. Cứu độ tất cả chúng sinh giới tức là cúng dường rộng lớn cho tất cả Như Lai. Nhiếp tất cả pháp là cúng dường rộng lớn cho tất cả Như Lai. Nếu người nào biên chép, đọc tụng, thọ trì, suy nghĩ, ghi nhớ về Bát-nhã ba-la-mật-đa giáo này thì đó là cúng dường rộng lớn cho tất cả Như Lai.

Nghe Phật nói pháp môn chân thật này rồi, Bồ-tát Nga-nga-na-nghiễn-nhạ liền mỉm cười và nói tâm chú tất cả Yết-ma bất không Tam-muội này:

"Án" *(âm kéo dài).*

Lúc nói tâm chú này, có tất cả các thứ cúng dường đầy khắp hư không, lại từ hư không hóa ra tướng Bồ-tát, rồi trở lại trước Bồ-tát Nga-nga-na-nghiễn-nhạ và y vào Mạn-noa-la mà trụ.

Khi ấy, Bồ-tát Nga-nga-na-nghiễn-nhạ nhập vào Tam-ma-địa tất cả cúng dường an tưởng. Sau khi xả định liền nói Tam-muội Mạn-noa-la Yết-ma Kim cang bất không tối thượng. Thực hành pháp này rồi, nên ở giữa Mạn-noa-la bên ngoài vẽ cột báu có tám cạnh, ở giữa vẽ Bồ-tát Nga-nga-na-nghiễn-nhạ, màu thân như màu mặt trăng, tay cầm khí trượng, mỉm cười.

Lại y theo pháp mà vẽ các Bồ-tát như Bồ-tát Kim Cang Thủ, Bồ-tát Quán Tự Tại,... và tám vị Đại Bồ-tát, mỗi vị có bản tướng đều đầy đủ và ấn pháp. Lại ở bốn góc vẽ bốn vị Bồ-tát cúng dường. Bốn cửa vẽ bốn cờ nêu và các thứ vật báu. Vẽ như vậy rồi, vị A-xà-lê nên kết ấn Yết-ma Kim cang, y theo pháp dắt đệ tử vào Mạn-noa-la dùng các pháp Yết-ma kim cang quán đảnh mà trao quán đảnh. Trao quán đảnh rồi lại thực hành bốn thứ cúng dường. Một, thân nghiệp lễ bái; hai, ngữ nghiệp khen ngợi lý mầu chân thật; ba, ý nghiệp quán tưởng trong pháp giới tất cả đều thành cúng dường; bốn, tay kết ấn Kim cang. Đó gọi là đệ tử nhập vào nghi Yết-ma mạn-noa-la.

Lại nói về pháp thành tựu. Nếu muốn đem tâm giác ngộ để cúng dường, thì nên quán tưởng tâm Kim cang.

Nếu muốn đem Tam-ma-địa cúng dường thì nên quán tưởng các pháp thanh tịnh.

Nếu muốn dùng pháp quán đảnh cúng dường thì nên quán tưởng các Yết-ma kim cang.

Nếu muốn dùng ấn để cúng dường thì nên quán tưởng các Kim cang.

Nếu muốn dùng hư không cúng dường thì nên quán tưởng chữ A.

Nếu muốn cúng dường tất cả Mạn-noa-la thì nên quán tưởng các vòng Kim cang.

Nếu muốn dùng tất cả các vật dụng cúng dường thì nên quán tưởng các Kim cang.

Nếu muốn điều phục các điều ác thành cúng dường thì nên hiện tướng giận dữ gia trì, rồi ném hoa.

-oOo-

Phần 10: Đại Nghi Quỹ Nói Về Tam-muội Kim Cang Phẫn Nộ

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni có khả năng điều phục những người khó điều phục, nên kết ấn Đại trí quyền. Lại nói điều phục tất cả hữu tình tạng Bát-nhã ba-la-mật-đa giáo. Tất cả hữu tình bình đẳng tức là phẫn nộ bình đẳng, tất cả hữu tình được điều phục tức là điều phục phẫn nộ. Tất cả hữu tình đều nương vào pháp, tức là phẫn nộ nương pháp. Tự tánh của tất cả hữu tình bền chắc tức là tự tánh của phẫn nộ cũng bền chắc. Vì sao? Vì tất cả điều phục tức là Bồ-đề.

Nghe Phật nói pháp môn điều phục này rồi, Bồ-tát Hàng Chư Ma Kim Cang Dược Sát liền mỉm cười, lại hiện tướng Kim cang Dược sát kết ấn Kim cang lợi nha, liền nói tâm chú Kim cang phẫn nộ đại hoan hỷ:

"Hách".

Lúc nói tâm chú này, tất cả các điều ác đều bị điều phục, tất cả hữu tình đều từ tâm Bồ-tát mà ra, nương vào nghi Mạn-noa-la mà trụ.

Khi ấy, Bồ-tát Kim Cang Dược Sát nhập vào tất cả phương tiện điều phục phẫn nộ kim cang Tam-ma-địa. Sau khi xả định liền nói pháp điều phục các điều ác, an tưởng Kim cang dược sát mạn-noa-la. Nếu ai thành tựu pháp này thì nên y theo Mạn-noa-la bên ngoài ở trước mà vẽ Mạn-noa-la. Ở giữa Mạn-noa-la ấy dùng năm màu vẽ Mạn-noa-la bốn phương. Bốn cửa bốn góc vẽ tám cột báu, ánh sáng rực rỡ. Ở giữa Mạn-noa-la y theo pháp vẽ Bồ-tát Kim Cang Dược Sát, thân màu xanh biếc rất dữ tợn, nhưng lại tươi cười, răng bén ló ra ngoài, ánh sáng chiếu sáng, xung quanh Bồ-tát vẽ chúng Kim cang dược-sát, cũng hiện tướng cực ác và vẽ cờ nêu của chúng Kim cang bộ. Lại ở góc Mạn-noa-la bên ngoài vẽ ấn Kim cang lợi

nha, ở bốn cửa đều vẽ cờ Kim cang. Vẽ như vậy rồi vị A-xà-lê kết ấn Kim cang lợi nha hoặc ấn Đại tiếu, y theo pháp dẫn đệ tử vào Mạn-noa-la, nên dùng pháp Kim cang lợi nha quán đảnh, mà trao quán đảnh, trao quán đảnh rồi vị A-xà-lê liền lập thế Kim cang dược sát, dùng chày Kim cang mà đánh, tức thì tượng vẽ Kim cang dược sát đó cười lớn. Nếu khi thấy được tướng tốt này thì chắc chắn biết vị A-xà-lê được thành Kim Cang Thủ Bồ-tát Đại Dược sát chủ. A-xà-lê liền thực hành pháp thành tựu, y theo pháp kết ấn trì tụng, dâng cúng các món và đọc tụng Bát-nhã ba-la-mật-đa giáo. Y pháp cúng dường như vậy rồi mới ra khỏi Mạn-noa-la.

Lại nói về pháp thành tựu, như nghi thức Mạn-noa-la của Bồ-tát Kim Cang Thủ, thực hành pháp thành tựu cũng giống như vậy.

Nếu muốn điều phục các điều ác thì nên kết ấn Kim cang lợi nha.

Nếu muốn điều phục các loài hữu tình thì nên làm thế giận dữ, cười lớn mà trì tụng tâm chú.

Nếu muốn đè bẹp tất cả thì nên kết ấn Kim cang quyền.

Nếu muốn phá hoại các điều ác thì nên thực hành các hình tướng đó để gia trì rồi thì có khả năng phá hoại.

Nếu muốn phá loại các đàn tràng tà, vậy thì nên cầm chày Kim cang xông vào đàn ấy.

Nếu muốn phá hoại sự cúng dường ấy thì nên hiện thế giận dữ mà trì tụng.

Nếu muốn làm cho kinh sợ bằng các điều ác thì nên nhìn bằng con mắt Bội-la-phược.

-oOo-

KINH PHẬT THUYẾT TỐI THƯỢNG CĂN BẢN ĐẠI LẠC KIM CANG BẤT KHÔNG TAM-MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG

QUYỂN 3

Phần 11: Đại Nghi Qũy Nói Về Tam-muội Nhất Thiết Lạc

Bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại nói tất cả pháp tối thượng Bát-nhã ba-la-mật-đa giáo. Đó là tất cả hành bình đẳng nên Bát-nhã ba-la-mật-đa hành cũng bình đẳng, vì tất cả nghĩa bình đẳng cho nên Bát-nhã ba-la-mật-đa nghĩa bình đẳng. Vì tất cả pháp bình đẳng cho nên Bát-nhã ba-la-mật-đa pháp bình đẳng. Vì thành tựu tất cả sự nghiệp cho nên sự nghiệp Bát-nhã ba-la-mật-đa thành tựu.

Bấy giờ, nghe Phật nói pháp môn chân thật này rồi, Bồ-tát Kim Cang Thủ liền nhập Tam-ma-địa bất không Mạn-noa-la an tưởng của tất cả chư Phật, Bồ-tát. Sau khi xả định liền nói tâm chú tất cả Bất không Tam-muội rằng:

"Hồng" *(âm kéo dài).*

Lúc nói thần chú này, có các pháp Mạn-noa-la của tất cả Như Lai, từ tâm mà ra, y theo lý chân thật Tam-muội, Đại mạn-noa-la mà an trụ. Bây giờ Bồ-tát Kim Cang Thủ đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, lại nói nghi pháp đại Tam-muội mạn-noa-la.

Nếu muốn thành tựu pháp này thì nên vẽ Đại mạn-noa-la, bên trong chia thành tám chỗ, đặt tượng hàng tam giới và các Bồ-tát. Vẽ như vậy rồi, sau đó y theo pháp dâng các thứ cúng dường. Đây gọi là pháp Tam-muội mạn-noa-la.

Bồ-tát Kim Cang Thủ lại nói nghi pháp tất cả Tam-muội kim cang an tưởng Đại mạn-noa-la. Nên vẽ Mạn-noa-la bên ngoài, ở giữa Mạn-noa-la vẽ vòng kim cang phân chia thành tám vị, y theo pháp mà xếp đặt các tôn tượng. Lại ở bốn góc của Mạn-noa-la bên ngoài y theo pháp đặt các Bồ-tát Kim cang bộ, bốn cửa đều cắm cờ nêu của bốn bộ. Vẽ như vậy rồi, sau đó y vào pháp Đại Tam-muội dâng các thứ cúng dường.

-oOo-

Phần 12: Nghi quỹ Ngoại Kim Cang Bộ

Bấy giờ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại nói Bát-nhã ba-la-mật-đa giáo, làm an vui tất cả hữu tình. Nghĩa là tất cả hữu tình Như Lai tạng tức là Bồ-tát Phổ Hiền. Tất cả hữu tình Kim cang tạng là Kim cang tạng quán đảnh. Tất cả hữu tình Pháp tạng tức là chuyển tất cả ngữ luân. Sự nghiệp tạng của tất cả hữu tình tức là thành tựu tất cả việc.

Nghe Phật nói pháp môn chân lý này rồi, đại chúng của ngoại Kim cang bộ đồng phát ra tiếng lớn, liền nói tâm chú Kim cang đại tự tại rằng:

"Nột-rị" (Trī) *(hai chữ hợp thành một âm).*

Nói tâm chú này rồi, lại nói nghi pháp Mạn-noa-la. Nên y theo bản pháp mà vẽ đại Mạn-noa-la, bốn phương bốn cửa, bốn góc phân chia đầy đủ. Ở trong Mạn-noa-la y theo pháp vẽ trời Đại tự tại. Bốn phương, bốn góc bên ngoài vẽ tám vị hội chủ như: phương Đông Ma-ha-ca-la, phương Nam Nan-nễ-kế-thuyết-la, phương Tây Ma-ha-kiện-tra, phương Bắc Nãi-lý-đa-thuyết-la. Góc Đông nam Lỗ-nãi-la-cát-ba-la; góc Tây nam Tán-ni-thuyết-la, góc Tây bắc Khiết-xuân-nga-la-ni, góc Đông bắc Ngỗ-cát-la-noa. Lại ở cửa Đông vẽ Nan-đề-thuyết-la, cửa Nam vẽ Môn-ni-thuyết-la, cửa Tây vẽ Kiện-tra-la-noa, cửa Bắc vẽ Ma-hạ-lao-nại-la. Bên ngoài Mạn-noa-la vẽ bộ các chúng bộ đông. Vẽ Mạn-noa-la như vậy rồi, vị A-xà-lê nên tắm gội sạch sẽ, mặc áo mới vào Mạn-noa-la, dâng các thứ cúng dường, tay cầm chĩa ba trì tụng tâm chú. Sau đó y pháp dẫn đệ tử vào Mạn-noa-la trao cho chĩa ba, rồi nói pháp Tam-muội tụng rằng:

Ngươi cầm cờ nêu này
Nên lợi ích chúng sinh
Tự tại đối các dục
Việc làm đều thành tựu.

Nói kệ tụng rồi, vị A-xà-lê liền dùng trí ấn và sinh ra các pháp cúng dường... trao cho đệ tử. Từ đây về sau, đệ tử lìa các sự sợ hãi và được thành tựu tất cả trong bản bộ, được giàu sang vui thích, an ổn khoái lạc.

Khi ấy, chúng ngoại Kim cang bộ nói Ma-tứ-thuyết-la Thiên-tam-xoa mạn-noa-la này rồi, lại có các chúng Ma-đát-lý, đều cùng nhau đảnh lễ dưới chân Phật Thích-ca Mâu-ni, khác miệng cùng lời nói tâm chú câu triệu tất cả thành tựu Tam-muội rằng:

"Tỳ-du" *(hai chữ hợp thành một âm).*

Nói tâm chú này rồi, lại nói pháp Mạn-noa-la. Nên vẽ bốn phương Mạn-noa-la, bốn cửa, bốn góc y theo pháp mà phân chia các phần vị. Trong đó vẽ Ma-hạ-ca-la chủ làm thế đang múa. Bốn phương, bốn góc ở phía ngoài tượng vẽ tám Ma-đát-lý, phương Đông Lao-nại-lý tay cầm chĩa ba. Phương Nam Một-la-hồng-di tay cầm xâu chuỗi. Phương Tây Phệ-sắt-nỗ-vĩ tay cầm vòng. Phương Bắc Kiều-ma-lý tay cầm linh. Góc Đông nam Ca-lý tay cầm dao. Góc Tây nam Ma-giá-ca-rị tay cầm sô-rị. Góc Tây nam Ma-hạ-ca-lý tay cầm xô-lý, góc Tây bắc Bạc-xoa-ni tay cầm năng-sắc-tra-la. Góc Đông bắc La-sát-tế tay cầm khiết-xuân-nga. Lại ở bốn góc ngoại Mạn-noa-la vẽ bốn vị Lỗ-nại-la-ma-cát-nễ. Góc Đông nam Thất phược. Góc Tây nam Tỳ-lô-ni. Góc Tây bắc Tán-ni. Góc Đông bắc Bạt-dương-cát-lý. Lại ở bốn cửa vẽ bốn cờ nêu. Cửa Đông Bát-nột-ma-bà-nhạ-na. Cửa Nam át-tất-đế thương-yết-la. Cửa Tây Ngật-lý-đặc-la. Cửa Bắc vĩ-la-la. Vẽ Mạn-noa-la như vậy rồi, vị A-xà-lê nên tắm gội bằng nước thơm thanh khiết, mặc áo mới sạch, vào Mạn-noa-la, y pháp mà hiến các thứ cúng dường, rồi kết ấn Thất-phược-nột-lý, trì tụng tâm chú. Lúc đó, nếu nghe lớn tiếng chữ "Tỳ-du" tức là các Hiền thánh đều đã nhóm họp, vị A-xà-lê liền xả ấn trước, rồi lại kết ấn Ma-hạ-ca-la Tam-muội, liền sai đệ tử cầm hoa đẹp dùng lụa sạch phủ lên mặt, dẫn vào Mạn-noa-la, vị A-xà-lê ở gần trước đệ tử, lớn tiếng hô chữ "Tỳ-du", lúc đó đệ tử liền sinh giác ngộ, liền rải hoa, hoa rơi vào tôn vị nào thì tôn vị đó là Bản tôn. Được Bản tôn rồi mới giở tấm lụa trên mặt ra nhìn khắp Mạn-noa-la, rồi dâng hương hoa lên cúng dường. Sau đó, vị A-xà-lê mới trao truyền cho tâm chú, ấn tướng, cờ nêu... của Bản tôn, lại nói cho nghe Tam-muội thệ rằng:

Nên xét các chúng sinh
Chớ vọng truyền tâm chú
Người tinh tấn thành tựu
Người hoại pháp trừ diệt
Người trái Tam-muội này
Giây lâu bị phá hoại.

Nói kệ tụng này rồi, sau đó y theo pháp hiến cúng các món đồ ăn, thức uống, kỹ nhạc... pháp sự đã hoàn tất, nên ra khỏi Mạn-noa-la. Lúc đó, các chúng Ma-đát-lý nói tất cả các ấn. Mạn-noa-la thành tựu này rồi, lại có chúng Ma-độ-già-la liền đảnh lễ dưới chân Phật, khác miệng cũng lời nói tâm chú rằng:

"Sa".

Nói tâm chú này rồi, lại nói pháp Mạn-noa-la. Nên vẽ ngoại Mạn-

noa-la, bốn phương bốn cửa, trong Mạn-noa-la vẽ Mạn-noa-la hình mặt trăng. Trong Mạn-noa-la này vẽ tượng Ma-độ-ca-la tam tôn, đều hiện tướng mừng giận, thân mặc áo giáp trụ, tay cầm gậy. Lại dùng các báu trang nghiêm tòa Sư tử, ánh sáng rực rỡ. Ở bốn cửa vẽ bốn vị hội chủ. Một là Tất-đà-một-lý-đề, hai là Ma-hạ-sát-đát-la, ba là Tán-noa-lỗ-sa-ngật-la, bốn là Ma-la-noa. Ở ngoài bốn cửa y theo pháp treo linh, cờ phướn và đặt bình Át-già,... lại cúng dường các món ăn uống hương hoa, kỹ nhạc. Xếp đặt như vậy rồi, vị A-xà-lê vào Mạn-noa-la y theo pháp cúng dường lễ bái. Lại dùng Phạm âm khen ngợi rằng:

Để-rị, lộ ca tất-để-rị, bà phược tất-để-rị-dã, ngật-rị-dã, tất-để-rị-dã, bá dã tất-đế-rị-dã, ma hý tất-để-rị, đà ngỗ tất đỗ bà nga sưu, tất đinh tát rị-phược, tất đề số nảnh đa xá.

Vị A-xà-lê khen ngợi như vậy rồi, liền y theo pháp dẫn đệ tử vào Mạn-noa-la trao cho ấn pháp Tam-muội,... rồi nói kệ rằng:

Vượt khỏi Tam-muội này
Như tội giết cha mẹ
Sẽ đọa vào đường ác
Không sao được giải thoát.
Thường gần Thiện tri thức
Tránh xa những kẻ ác
Siêng năng cầu thành tựu
Chớ vọng truyền tâm chú.

Nói kệ rồi, đệ tử đem các thức ăn uống, hương hoa, kỹ nhạc... dâng lên cúng dường. Cúng dường xong, từ đó về sau mọi việc làm đều được thành tựu. Lúc đó, chúng Ma-độ-ca-la nói pháp Mạn-noa-la này rồi. Lại có bốn vị Hiền thánh khác miệng cùng lời nói tâm chú rằng:

"Tát-sưu" *(hai chữ hợp thành một âm).*

Nói tâm chú này rồi, lại nói pháp thành tựu Mạn-noa-la. Nên vẽ Mạn-noa-la tròn đầy như vầng mặt trăng, chia thành bốn cửa đặt bốn vị. Vẽ bốn vị Hiền thánh kia ở phương Đông là La-đế, thân màu hồng, tay cầm cung tên. Vị ở phương Nam là Ma-la-ni, thân màu đen, tay cầm kiếm bén và Khế-tra-ca. Vị ở phương Tây là Phược-la-hý, thân màu vàng ròng, tay cầm kho báu. Vị ở phương Bắc là Tất-đề-ca-thi, thân màu trắng, tay cầm Tạt-sa-ca và dao. Ở bốn cửa mỗi cửa đều vẽ cờ nêu. Vẽ như vậy rồi, vị A-xà-lê tay phải cầm linh, tay trái cầm Khiết-xuân-nga, đi vào Mạn-noa-la, trì tụng tâm chú và dâng cúng các món ăn uống, hương hoa, kỹ nhạc,... làm như vậy thì sẽ cầu được pháp thành tựu, mọi việc đều như ý, thọ nhận cúng

dường và được giàu sang, cho đến thành tựu pháp Kính ái và có thể lấy được tất cả các kho báu trong lòng đất. Đệ tử vào Mạn-noa-la cũng nên như vậy.

-oOo-

Phần 13: Khen Ngợi Bát-nhã Ba-la-mật-đa Giáo

Các pháp bình đẳng Kim cang Bát-nhã ba-la-mật-đa giáo, lúc bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại nói là nghĩa chân thật của vô lượng, vô biên không thể cùng tận Như Lai nghĩa là Bát-nhã ba-la-mật-đa vô lượng, vô biên nên tất cả Như Lai cũng vô lượng, vô biên Bát-nhã ba-la-mật-đa vô lượng, vô biên nên tự tánh vững chắc của tất cả các pháp cũng vô lượng, vô biên. Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa không hai, nên các pháp cũng không hai. Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa rốt ráo nên tất cả sự nghiệp cũng rốt ráo. Nếu người nào lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, suy nghĩ, ghi nhớ pháp môn này, hạnh nguyện của chư Phật, Bồ-tát mà người này tu nếu chưa được viên mãn thì được viên mãn, diệt sạch các nghiệp chướng trong nhiều đời nhiều kiếp, liền chứng Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói pháp này tất cả Như Lai đều nhóm họp, vì muốn nói lên chánh pháp này là bất không, nguyện lực thực hành thành tựu, đều khen ngợi Bồ-tát Kim Cang Thủ bằng kệ rằng:

Lành thay! Kim Cang Thủ
Lành thay! Đại Dược tôn
Hay thay! Lý Đại thừa
Hay thay! Bậc Đại trí,
Thường trụ Kim cang giới
Giảng nói Đại giáo này
Pháp chân thật chư Phật
Khéo điều phục hữu tình.
Đại Giáo vương tối thắng
Nếu ai thọ trì được
Thì chư Thiên không thấy
Được các ma khen ngợi,
Thành tựu sự tối thượng
Cho đến Phật, Bồ-tát
Lời chân thật như Phật
Không lâu sẽ thành tựu.

Chư Phật khen ngợi rồi, Bồ-tát Kim Cang Thủ rất vui mừng.

-oOo-

Phần 14: Nghi Quỹ Nói Về Đại Mạn-noa-la tối Thượng Bí Mật Của Bồ-tát Kim Cang Thủ

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn Đại Tỳ-lô-giá-na lại nói tất cả pháp Vô tánh đại lạc Kim cang bất không Tam-muội quyết định Bát-nhã ba-la-mật-đa giáo và pháp môn Vô tánh căn bản tối thượng. Thành tựu Đại lạc tối thượng tức là các Bồ-tát thành tựu Đại lạc tối thượng. Vì các Bồ-tát thành tựu Đại lạc tối thượng nên tất cả Như Lai thành tựu Bồ-đề tối thượng. Vì tất cả Như Lai thành tựu Bồ-đề tối thượng nên các Đại Bồ-tát hàng phục các ma thành tựu tối thượng. Các vị Đại Bồ-tát hàng phục các ma được thành tựu thì tức thành tựu tối thượng của vị Tam giới chủ. Thành tựu tối thượng của vị đứng đầu ba cõi tức là tận vô tận chúng sinh giới thanh tịnh. Vì chúng sinh giới thanh tịnh như vậy nên Bồ-tát thường ở trong luân hồi phát đại tinh tấn, tâm luôn hăng hái cứu hộ vô tận chúng sinh giới, giúp cho chúng sinh thành tựu an vui tối thượng.

Khi ấy, Đức Phật Thế Tôn Đại Tỳ-lô-giá-na nói kệ:

Bồ-tát vô số kiếp
Thường ở trong luân hồi
Vì lợi ích chúng sinh
Khiến chứng quả tịch tĩnh.
Sức trí tuệ phương tiện
Phát khởi trí chân thật
Rõ các pháp thanh tịnh
Các cõi cũng thanh tịnh,
Tham dục khiến điều phục
Nghiệp đã tạo vô tánh
Kia đã là thanh tịnh
Ba cõi tự điều phục.
Ví như hoa sen đẹp
Tánh thanh tịnh vô nhiễm
Người trí cũng như vậy
Vọng tưởng không nhiễm được.
Vì tham dục thanh tịnh
Nên các pháp thanh tịnh
Trí chân thật chư Phật
Được giàu có Thánh tài
Đứng đầu trong ba cõi

Làm lợi ích chúng sinh.

Đức Thế Tôn nói kệ rồi, lại bảo Bồ-tát Kim Cang Thủ rằng:

–Nếu người nào nghe được chánh pháp căn bản tối thượng Bát-nhã ba-la-mật-đa này rồi mà suy nghĩ, đọc tụng, thọ trì vào mỗi sáng sớm thì người ấy sẽ được mọi sự vui thích khoái lạc, hiện đời thấy được sự thành tựu tối thượng về Tam-muội Đại lạc kim cang. Lại được thành tựu Kim cang bí mật tối thượng của tất cả Như Lai, cho đến thành tựu pháp của các Đại Bồ-tát, cũng trọn vẹn chứng đắc Đại lạc kim cang bất không Tam-muội pháp môn căn bản Bát-nhã ba-la-mật-đa của chư Phật.

Nghe Phật nói pháp môn chân lý này rồi, Bồ-tát Kim Cang Thủ liền mỉm cười hiện tướng Đại tự tại, ném chày Kim cang như thế câu triệu, đặt ngay nơi tim, liền nói tất cả nghi quỹ thành tựu đại bí mật tối thượng Đại lạc kim cang bất không Tam-muội... và diệt trừ các pháp chướng ngại, hàng phục các ma pháp, thành tựu pháp kính ái, thành tựu pháp đại bí mật tối thượng. Vô tánh tối thượng căn bản đại giáo vương như vậy là pháp Đại tự tại vô tỷ tối thắng trong tất cả các pháp.

Khi ấy, Bồ-tát Kim Cang Thủ lại nói kệ:

Trời Đại an lạc này
Là Thánh Mạn-noa-la
An trụ như hư không
Báu kim cang thường chiếu,
Trang nghiêm và thanh tịnh
Bốn phương và bốn cửa
Đủ bốn Nễ-đu-hạ
Tướng Vĩ-đà đẹp đẽ
Chư Thiên đều cung kính
Báu trang nghiêm nhiệm mầu
Tướng bán nguyệt đầy đủ
Kim cang soi chiếu khắp,
Treo các thứ linh báu
Châu ngọc cùng gương sáng
Chiếu sáng vô cùng tận
Đủ các vòng hoa đẹp,
Cờ phướn và lọng báu
Và Đại lạc kim cang
Các Bồ-tát khen ngợi
Là cảnh giới chư Phật.

Chỗ các Kim cang ở
Gọi ma-ni thắng bảo
Ở trong cung báu ấy
Lúc nào cũng vui thích,
Tánh Tát-đỏa thanh tịnh
Là Đại lạc kim cang
Chính là thân Phổ Hiền
Đại chúa Kim Cang Thủ.
Lúc thường trụ Tam-muội
Tánh kim cang quyết định
Các phương tiện như vậy
Siêng tu đạo Bồ-tát,
Vì lợi ích chúng sinh
Hiện Kim cang tát-đỏa
Cũng gọi hàng ma chủ
Cũng gọi Nhất thiết trí.
Là Kim cang tán-noa
Cũng xưng Kim Cang Thủ
Cũng gọi Như Lai bộ
Cũng gọi Kim cang bộ,
Hoa sen và Bảo bộ
Đại lạc Yết-ma bộ
Cũng gọi các giải thoát
Rõ ba thời vô ngại.
Bậc Tôn quý ba cõi
Vượt hơn cả ba đời
Hơn hết trong ba cõi
Bậc Nhất khắp thiên hạ
Có Thánh tài bền chắc
Sở hành, sở nguyện tâm
Việc làm đều như vậy.
Ban đầu Đại Bồ-tát
Thí căn bản Đại lạc
Ngồi kiết già Tam-muội
Ở trên đài sen báu
Liền hiện thế mạnh mẽ
Quăng ném chày Kim cang
Chúng Hiền thánh vây quanh

Vì thành tựu Đại lạc
Thanh tịnh các phiền não
Điều phục loài hữu tình
Viên mãn tất cả pháp
Tam-muội tối thượng tôn
Được chư Phật che chở
Vì ấn pháp thanh tịnh
Thành Kim cang tát-đỏa
Hành các đại phương tiện
Phước lớn càng tăng trưởng
Nhiếp bình đẳng trí ấn
Tâm chú đại tối thượng
Đó là nhóm phước lớn.
Hạnh của A-xà-lê
Cũng lại đều như vậy.
Các việc làm thành tựu
Quyết định đều đạt được.
Pháp Đại lạc tối thắng
Đại bí mật Kim cang
Pháp Tam-muội vững chắc
Thành tựu hết mọi việc
Tất cả nghĩa cũng vậy
Vì không trước không sau
Nên gọi là căn bản.
Như Sở dục của tâm
Tùy các cảnh giới sinh
Đều thọ nhưng không đắm
Quy về trí thù thắng
Là cảnh giới chư Phật
Vì pháp tánh viên dung.

Bồ-tát Kim Cang Thủ nói bài tụng này rồi liền nói tâm chú:

"Hồng" *(âm kéo dài).*

Lúc nói tâm chú này có tất cả chư Phật và các vị Đại Bồ-tát, các Minh vương,... trong khoảng sát-na đều đến nhóm họp khắp cả ba cõi, đều nói rằng:

–Thưa Bồ-tát Kim Cang Thủ! Làm thế nào để thành tựu pháp thế gian?

Bồ-tát Kim Cang Thủ liền nói chú:

–Phược nhật-la đạt-lý câu.

Đây tức là thế gian được tự thành tựu, nó có khả năng thành hoại tất cả sự nghiệp. Nói chú này rồi lại nói kệ:

Lìa dục điều thế gian
Chưa phải pháp thanh tịnh
Sao gọi pháp thanh tịnh?
Là đại dục, đại lạc.
Lúc đó, các Như Lai
Cùng các Minh vương thảy
Nghe Bồ-tát nói rồi
Đều cùng nhau nói rằng:
Ông khéo bày phương tiện
Tâm Bồ-tát là chủ
Là thanh tịnh rốt ráo
Pháp điều phục chân thật.
Bồ-tát vô số kiếp
Thường ở trong luân hồi
Vì lợi ích chúng sinh
Khiến chứng quả tịch tĩnh.
Nếu khởi các phân biệt
Bồ-đề là ba cõi
Bồ-tát vì nhiêu ích
Nói Kim cang đại lạc,
Tận bờ mé pháp giới
Là Đại mạn-noa-la
Trước sau đều tương ưng
Dùng Tam-muội kim cang,
Y pháp làm thành tựu
Do vậy các Như Lai
Cầu thành tựu Đại lạc
Vì các dục thanh tịnh,
Khuyến thỉnh Kim Cang Thủ
Nói đại dục, đại lạc
Minh vương đại tâm này
Thành tựu diệu lạc lớn.
Do vậy Kim Cang Thủ
Lại bạch các Như Lai:

Nay con nói đại lạc
Kim cang mạn-noa-la
A-xà-lê trước phải
Thọ ba thứ Tam-muội,
Rồi kết ấn Kim cang
Cầm chày linh Kim cang
Nhập vào Tam-ma-địa
An tưởng Mạn-noa-la,
Ba thứ ấn Tam-muội
Nên dùng làm thành tựu
Pháp thành tựu trên hết
Trong tất cả thành tựu,
Nên rung linh Kim cang
Giật tỉnh các Hiền thánh
Giá như trong nghi quỹ
Lỡ có gì sai trái
Không sinh các lỗi lầm
Thảy đều được viên mãn.
Lập Mạn-noa-la này
Y pháp được thành tựu
Đem hương hoa, kỹ nhạc
Tùy ý mà cúng dường,
Căn bản tối thượng này
Khắp vô lượng, vô biên
Vô thượng, không ai bằng
Khắp cả cõi, hư không
Đều hóa chữ vi diệu
Mé trước sau rốt ráo
Chỗ chư Phật sinh ra
Không thêm cũng không bớt
Tất cả đều bình đẳng
Không trong cũng không ngoài
Lìa tướng như hư không
Đã lìa tướng trong, ngoài
Thì mới là thành tựu.
Lìa tưởng Mạn-noa-la
Tận pháp giới làm mức
Chỉ pháp làm ranh giới

Trong mọc sen nhiều màu
Bốn phương và bốn cửa
Trang nghiêm bốn lầu các
Đủ bốn Nễ-du-hạ
Tướng Vi-đà đẹp đẽ
Bốn góc và bốn cửa
Cạnh bốn Nễ-du-hạ
Nên đặt hình bán nguyệt
Và đặt các thứ báu
Bốn phương là bốn Trí
Bốn cửa, bốn Niệm xứ
Lầu gác bốn Thiền định
Vi-đà là cửa định
Trụ Kim cang tổng trì
Trang sức bằng các báu
Biểu thị nguyện viên mãn.
Biểu thị chày Yết-ma
Luật nghi của chư Phật
Linh, cờ phướn, lọng báu
Là kho các pháp mầu,
Gương sáng trí Đại viên
Hoa màu bảy Giác chi
Ngọc châu và vòng hoa
Là thành tựu tâm chú.
Biểu thị pháp như thế
Đại lạc Mạn-noa-la
Y pháp mà kiến lập
Môn giải thoát trên hết,
Pháp Vô tánh căn bản
Tất cả xứ bình đẳng
Lại ngoài Mạn-noa-la
Trong chia tám tôn vị
Biểu thị tám giải thoát.
Phát khởi tâm Bồ-đề
Xoay bánh xe tối thắng
Khéo thí các thành tựu
Chỉ pháp làm ranh giới,
Tưởng vẽ vòng kim cang

Trong hoa sen nhiều màu
An tưởng Kim Cang Thủ
Hoặc đặt tâm chú gốc
Hoặc đặt cờ nêu gốc
Hoặc đặt các tượng báu
Tượng điêu khắc hay vẽ
Năm sắc sáng rạng ngời
Xếp đặt như vậy rồi
Vị A-xà-lê cần phải
Tắm gội trang nghiêm thân
Rồi vào Mạn-noa-la
Ngồi tư thế kiết già
Tay cầm chày Kim cang
Hiện thế rất mạnh mẽ
Rồi dùng tâm chú gốc
Mà đặt Kim Cang Thủ.
Tâm chú ấy thế này:
Án, tô la đa tát-đát-sưu.
Lại đặt bốn Bồ-tát
Vây quanh Kim Cang Thủ
Trước Bồ-tát Đại Lạc
Toàn thân màu rực hồng
Cầm khí trượng Kim cang
Bên phải Kim Cang Thủ
Chỉ-rị-chỉ-la tôn
Hai tay kết Trí ấn,
Phía sau Kim Cang Thủ
Đặt Niệm Kim Cang Tôn
Tay cầm cờ Ma-kiệt,
Bên trái Kim Cang Thủ
Đặt Dục Tự Tại Tôn
Tay nắm Kim cang quyền
Bốn Bồ-tát như vậy
Dùng thần chú đặt để.
Tâm chú ấy như vầy:

Nhược phược nhật-la, phược nhật-la niết-rị sắc-trí sa dã kế mạt tra. Hồng, phược nhật-la, chỉ rị, chỉ rị, hồng.

Sưu phược nhật-rị, ni tam-ma, la la tra, hô, phược nhật-la, ca di thuyết rị, đát lãm.

Ở bốn góc nên đặt
Bốn Bồ-tát cúng dường
Diệu lạc và Đại lạc
Phật nhãn và cát tường
Tay cầm bốn cúng dường
Như hương, hoa, đèn, bột
Bốn Bồ-tát như trên
Dùng tâm chú mà đạt

Tâm chú ấy như vầy:

Hý, phược nhật-la, la để.

Ma hạ, la đa phược nhật-rị, hô.

Án, phược nhật-la, lộ tả nỉ.

Ma hạ, thất-rị phược nhật-rị, hệ.

Ngoài bốn góc lại đặt
Hý, Man và Ca, Vũ
Bốn Bồ-tát như vậy
Dùng tâm chú mà đặt.

Thần chú ấy như vầy:

Hệ, la để. Phược nhật-la, vĩ la, tẩy nỉ đát-la tra.

Hệ, la để. Phược nhật-la, hạ tế hác hác.

Hệ, la để. Phược nhật-la, nghi đế đế đế.

Hệ, la để. Phược nhật-la, nỉ-rị đế phệ ba phệ ba.

Bốn cửa đặt bốn tôn
Là Câu, Sách, Tỏa, Linh
Bốn Bồ-tát như vậy
Dùng tâm chú mà đặt.

Thần chú ấy như vầy:

Phược nhật-lãng, cô thất nhược.

Phược nhật-la, bá thi hồng.

Phược nhật-la, thương cát lê, sưu.

Phược nhật-la, kiện trí hô.

Tối thượng tôn như vậy
Y pháp mà hiện tiền
Do vậy chúng Kim cang

Được thành tựu pháp lớn.

Xếp đặt các vị Hiền thánh như vậy, sau đó vị A-xà-lê vào Mạn-noa-la, y theo pháp dùng tâm chú mà triệu thỉnh Kim cang bộ và các vị Hiền thánh. Chú triệu thỉnh như sau:

Nhược hồng, sưu hô bát-la, phược rị-đa dương.

Triệu thỉnh Hiền thánh rồi, lại dùng đại chú triệu thỉnh Bản tôn, chú rằng:

Hồng, ma hạ tô kha phược nhật-la, tát đỏa dã, hý thi kiệt-la. Ma hạ, tô kha phược nhật-la, a mục già tam ma-dã. Ma nậu bá, la-dã. Bát-la, một đinh bát-la, một đinh. Tô la đa tát-đát-sưu. A nậu la ngật-đô, di, bà phược. Tô đô thâu, di, bà phược. Tô bổ thâu, di, bà phược. Na na, nỉ nỉ đạt na tát đỏa. Tát rị-phược, tất đề di, bát-la, dã tha sa. Tát đỏa ma, ngật-rị, thiết bát-la, phệ xá. Tam ma duệ rị-phược, đặc-phược, phược thi, cát lỗ di. Nhất vị rị-mẫu, nại-la bát nãi. Nhược hồng, sưu hô.

Chú này triệu thỉnh Bản tôn quang giáng Mạn-noa-la rồi. Lúc đó, Bản tôn ban cho hoan hỷ, rồi hiện điềm lành và những việc ít có. Vị Kim cang A-xà-lê trước dâng nước sạch Át-già, rồi chắp tay Kim cang, hiến cúng các hoa đẹp, lại dùng linh báu và cờ phướn màu hồng, hiến dâng như thế rồi thì đặt ở bốn góc, lại y theo pháp dâng năm bình Át-già, đựng năm thứ báu, năm thứ thuốc, năm thứ ngũ cốc, cắm hoa đẹp vào bình, dùng chú gia trì vào nước thơm được đựng trong bình đó để dâng lên cúng. Cúng rồi lại đem bình ấy đặt ở bốn góc, còn một bình đặt trước Bản tôn, đọc bài chú gia trì Tam-muội Đại lạc kim cang bất không vào nước thơm, chú rằng:

Án, ma hạ, tô kha phược nhật-la. A mục già tam ma du, nại ca. Tất đinh tỳ săn tha. Tát rị-phược, tô kha tao ma na tả minh đốt-bá, nại dã. Cô lỗ cô lỗ. Nhược hồng, sưu hô a.

Gia trì chú này hai mươi mốt lần vào nước thơm đựng trong bình Át-già. Nếu vị A-xà-lê rưới nước thơm Át-già này lên đảnh mình thì liền được thanh tịnh tất cả khổ. Nếu dùng sái tịnh hoặc để uống thì được tăng trưởng tất cả khoái lạc. Nếu có người nào chưa thành tựu pháp A-xà-lê, mà được vào trong Mạn-noa-la này rồi thì tự nhiên được đầy đủ pháp Kim cang A-xà-lê. Lại nói bài tụng A-xà-lê vào Mạn-noa-la rằng:

Lại nữa A-xà-lê
Ra khỏi Mạn-noa-la
Tắm gội cho sạch sẽ
Mặc áo mới thanh tịnh,
Dùng các báu nghiêm thân

Y pháp cầm hoa đẹp
Lại vào Mạn-noa-la
Dâng các thứ cúng dường.
Nếu vị A-xà-lê
Vào trong Mạn-noa-la
Mê lầm không xét biết
Biếng nhác và quên mất,
Vượt qua Kim cang giới
Đó gọi phá Tam-muội.
Thế nên phải dốc lòng
Chuyên chú vào chỉ dẫn
Đại Mạn-noa-la này
Lại càng thêm tinh tấn.
Sao gọi phá Tam-muội?
Vì Kim cang giới này
Đều là ấn chư Phật
Vượt ra khỏi cảnh giới
Rơi vào pháp chư Phật.
Biết rõ như vậy rồi
Mới vào Mạn-noa-la
Y pháp mà cúng dường
Nhiễu quanh lễ kính xong
Rồi trở lại chỗ cũ,
Liền dùng kệ vi diệu
Hết lòng mà khen ngợi,
Kệ khen ngợi như vầy:
Pháp đại dục, đại lạc
Kim cang diệu Thánh tài
Đại trí sự nghiệp chủ
Nguyện thành Kim Cang Thủ.

Vị A-xà-lê dùng kệ này khen ngợi rồi, rải hoa lễ kính, lại dùng một trăm lẻ tám danh từ tán thán căn bản của Bồ-tát Kim Cang Thủ mà khen ngợi rằng:

Ba la ma, nãnh ma hạ, tát đỏa.

Ma hạ, la đa ma hạ, la đế.

Tam mãn đa bạt nại-la, tát rị-phược, đát-ma.

Phược nhật-la, nga rị-phược, bát đế bát đế.

Tức đa tát đỏa tát ma đinh ngật la dã.
Phược nhật-la phược nhật-la.
Ma hạ đà la.
Tam mãn đa bạt nại-la, tả rị-dã, ngật-la-dã.
Ma, la ma, la bát-la, ma rị-nại, ca.
Tát rị-phược, mạo địa ma hạ, một đà.
Một đà, ngật-la, nhạ nạp-ma, nhạ.
Phược nhật-la, hồng ca, la hồng ca, la.
Lộ kết thuyết la ma ni bát-la, nại.
Ma hạ, la, nga ma hạ, tao khế.
Ca, ma mục xoa ma hạ, đà na.
Đế-rị, ca, la đế-rị, bạt phược tư-đa-la, ngật-la-dã.
Tư-đát-rị, lộ ca, ngật-la-dã tư đát rị đà, đổ ca.
Tắc-tha, phược la bát-la, bạt sưu dương cát-đát.
Tô tốc xoa-ma, tư-thổ, la tát tán tạt dã.
Nhưỡng nga ma bát-la, phược la bát-la, bổ cấu.
Bạt phược tán sa, la thú đà ca.
A na, nỉ nỉ đà na, nảnh đa.
Kiền đa bát-la, tát rị-phược, tăng tất thể đa.
Ngật-rị, mẫu nại-la, du nga tam ma dã.
Đa đỏa tát đa ma hạ, ma hác.
Đát tha, nga đa ma hạ, tất địa.
Đạt rị-ma, cát rị-ma, ma hạ, một đà.
Tát đạt rị-ma, tát cát rị-ma, duệ tha.
Mạo địa tức đa tô mạo đạt cát.
Phược nhật-la cốt-lỗ, đà ma hạ, cốt-lỗ đà.
Nhập-phược, la, bát-la, la dã nại, ma cát.
Ma hạ, vĩ na dã nậu sắt-tra, ngật la.
Lỗ nại-la, lao nại-la, xoa dương cát la.
Tát rị-phược, thú địa ma hạ, bát nột-ma.
Bát-la, nghê-du, bá dã ma hạ, na dã.
La, nga thú địa tát ma, đinh ngật-la-dã.
Vĩ thuyết la, nga ma hý thuyết la.

A, ca, xá nan đa nỉ đát-du, phệ.
Tát rị-phược, phổ đa ma hạ, la dã.
Vĩ phổ đế thất-rị, rị-vĩ, đỗ la, nhạ.
Tát rị-phược, xá bát rị bố la cát.
Na mạt tất-đế tốt-đổ na mạt tất-đế tốt đổ.
Na mô na mạt.
Bạt cốt-cấu hãng đát-võng bát-la bát nảnh di.
Phược nhật-la tát đỏa, nảnh tất đinh mang.
Dã y mang tốt-đỗ, đát-la la, nhạ nan.
Bát-la, đa hãng bát-la, bát-la phược-rị-đa dã.
Đạt rị-ma phược, tại tát ngật-rị nại-nga, nan.
Tất địa la cụ đa la, bạt vĩ.
A thể thế tất đà du nỉ na.
Bát-la, đát-rị tán đạt-dương nỉ nỉ nỉ nỉ.
Tốt-đổ thùy, tát rị-la già nỉ mục ngật-đa.
Thú đà sất đát-rị số tất đinh để.
Tát rị-phược, nậu kha hát lãm nỉ đát-dương.
Tát ngật-rị nhoa, la bát-la phược rị-đa na.
Tát rị-phược tất địa số tao bà nga-dương.
Thất-rị tam bát nại tỷ phược rị-đà na.

Khi ấy, A-xà-lê
Dùng bí mật tối thượng
Trăm lẻ tám danh xưng
Khen ngợi như vậy xong
Rồi dùng bí mật cụ
Hy, Hý, Ca, Vũ thảy
Dâng cúng dường Bồ-tát.
Cúng dường như vậy rồi
Dùng pháp bảo quán đảnh
Tự thọ quán đảnh ấy
Quán đảnh rồi đảnh lễ
Liền trì tụng chú gốc
Hoặc tụng đại tâm chú
Mới cầm chày Kim cang.

Tụng chú quán đảnh rằng:

Nhược hồng, sưu hô. Ma hạ, tô kha phược nhật-la tát-đỏa, a tỷ thi, kế noa đỏa, ma tỷ tẩy tả. Tát rị-phược, phược nhật-la, địa bát để đát vĩ. Nại rị, trừ di bà phược tất đinh. Na mạt tất-đế bà nga sưu ma hạ, phược nhật-la đạt-la. Tô la đa tát-đát-võng. Ma hạ, phược nhật-la tát-đỏa. Án phổ-rị-phổ phược-sa.

Tụng chú như vậy rồi
Lại nên nghĩ như vầy
Ta từ Kim Cang Thủ
Được thọ pháp quán đảnh
Nay thành A-xà-lê
Việc làm đều thành tựu
Tùy ý nguyện mong cầu
Thực hành pháp tối thượng
Kim cang Ca, Vũ thảy
Cúng dường đều được thành
Từ ngày ấy trở đi
Ở trong Kim cang bộ
Đức như Kim Cang Thủ.
Nhờ vậy A-xà-lê
Chóng thành tất cả pháp
Chứng đắc Kim Cang Thủ
Tất cả ấn tự tại
Nhất thiết trí Kim cang
Dứt sạch các nghiệp chướng,
Tướng ấy không thể thấy
Giỏi về tất cả pháp
Việc làm đều thành tựu.
Hữu tình trong ba cõi
Đều khiến được thành hoại
Tất cả đều kính mến
Chánh trí dứt các nghi
Thọ tất cả Diệu lạc
Có Thánh tài tự tại
Cõi trời cùng cõi người
Khiến chứng Nhất thiết trí
Thường thấy Kim Cang Thủ
Thấy được pháp thành tựu
Thường khởi tâm thanh tịnh

Tin vào lý chân thật
Bản tôn ban niềm vui
Thành tựu A-xà-lê.

Bồ-tát Kim Cang Thủ nói nghi thức vào Mạn-noa-la này rồi, lại nói phép tắc đệ tử vào Mạn-noa-la. Vị A-xà-lê khiến đệ tử phát tâm Đại Bồ-đề, phát tâm Bồ-đề rồi, liền trao cho tâm chú phát tâm Bồ-đề của chư Phật, Bồ-tát rằng:

Án, tát rị-phược đát tha nga đa. Ba la ma ma hạ, du nga. Mạo địa tức đa mẫu đát-ba nại dạ miệu. A thi sa na phược thi sa. Tát rị-phược tát đỏa đà đổ. Bát rị đát-la noa ê đa. Tô khố đa ma tất địa nỉ di đa., ma đa đa bà, phược tam tất địa. Ma thai thất-tả rị-dã, địa bát đới-dã. Dã phược tát rị-vũ đa ma ma hạ, tất địa. Ma thai thất-tả rị-dã, địa bát đa, dã tế đa dã để.

Nên dùng tâm chú này
Phát tâm đại Bồ-đề
Đệ tử cung kính Thầy
Như cung kính Như Lai.
Muốn vào Mạn-noa-la
Dạy đệ tử y pháp
Lụa sạch phủ lên mặt
Rồi cất bước Kim cang,
Vào trong Mạn-noa-la
Thầy bước đi Kim cang
Cũng như Kim Cang Thủ
Lên đàn thù thắng này
Tất cả đều thành tựu.
Đệ tử vào đàn giới
Nếu mê hoặc không biết
Biếng nhác hoặc quên mất
Vượt ra Kim cang giới
Đó gọi phá Tam-muội.
Tâm cần phải chuyên chú
An tưởng bước Kim cang
Người trí nên tinh tấn
Y vào nghi quỹ này,
Huống gì Mạn-noa-la
Hoa héo và đàn giới
Là ấn tạng chư Phật
Nếu như vượt bước qua

Thì Tam-muội không thành.
A-xà-lê cần phải
Kết ấn Át-già kia
Vào trong Mạn-noa-la
Tín tâm lễ Bản tôn
Nhiễu đàn giới ba vòng
Dùng kệ hay khen ngợi.

Tụng rằng:

Đại dục, đại diệu lạc
Thành tựu các thế gian
Nguyện cho con hôm nay
Thành tựu cũng như vậy.
Sau đó dùng các món
Cúng dường Đại lạc tôn
Nên hướng dẫn đệ tử
Vào trong Mạn-noa-la,
Như nghi A-xà-lê
Tùy ý dâng cúng dường.
Y theo Kim cang bộ
Cầu thọ pháp Quán đảnh
Khi ấy đệ tử này
Cầu thỉnh Bản tôn rằng:

Ma hạ, la đa tô niết-rị trà. Tô đổ xá-dã tát tô khô. Phược nhật-la tát đỏa, nảnh tất đinh hàm.

Cầu thỉnh như vậy rồi
Tung rải các hoa đẹp
Hoa rơi vào vị nào
Là đệ tử Bản tôn.
Lúc đó, A-xà-lê
Mới giở khăn trùm mặt
Y vào năm bộ pháp
Trao Quán đảnh đệ tử
Truyền các chú quán đảnh
Chú Quán đảnh như vầy:

Án, tát rị-phược, phược nhật-la, địa bát để. Đỏa, ma tỷ săn tả di. Ma hạ, phược nhật-la đạt la. Hý phược nhật-la, na mạt. Tất đinh tam ma dã tát-đát-sưu. Phổ rị-phổ, phược sa.

Truyền cho chú này rồi

Lại truyền các mật ấn
Đầy đủ pháp như vậy
Việc làm đều thành tựu.
Cầu cho pháp thành tựu
Đều y Kim Cang Thủ
Và đệ tử Bản tôn
Thành tựu pháp Tam-muội,
Đến nghi thức vào đàn
Và các pháp thế gian
Cùng pháp xuất thế gian.
Tất cả đều viên mãn
Y vào nghi quỹ này
Người lên đàn tràng này
Liền chứng không thoái chuyển
Đủ hạnh lớn Bồ-tát
Phải thành tựu đại lạc,
Như vậy A-xà-lê
Và đệ tử quán đảnh
Tùy ý dâng cúng dường
Cùng với pháp thành tựu
Việc làm chóng viên mãn.

Bồ-tát Kim Cang Thủ nói Mạn-noa-la này rồi, lại nói tụng rằng:

Pháp thành tựu rộng lớn
Nói ra như hư không
Lý đại lạc vô dụ
Luân tối thượng căn bản.

-oOo-

KINH PHẬT THUYẾT TỐI THƯỢNG CĂN BẢN ĐẠI LẠC KIM CANG BẤT KHÔNG TAM-MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG

QUYỂN 4

Phần 15: Nghi Quỹ Nói Về Sự Thành Tựu Đại Lạc Kim Cang Bất Không Tam-muội Đại Minh Ấn Tướng

Khi ấy, Bồ-tát Kim Cang Thủ lại nói pháp thành tựu, tụng rằng:

Nay nói pháp thành tựu
Là rốt ráo tối thắng
Nhờ vào tối thắng này
Thấy được pháp rốt ráo.
Cho nên các Bồ-tát
Đều xa lìa luân hồi
Được thành tựu tự tại
Thông đạt tất cả nghĩa,
Tu các hạnh Bồ-tát
Thành tựu Chánh đẳng giác
Rộng tu các pháp khác
Chớ vượt lời dạy này.
Các hữu tình thế gian
Vô phước rất khó độ
Tuy gặp Phật, Bồ-tát
Nhưng không thể độ thoát.
Lời dạy tối thắng này
Hơn chư Phật, Bồ-tát
Thấy nghe được lợi ích
Rộng lớn như hư không,
Thanh tịnh vượt ba cõi
Được đại dục, đại lạc
Lợi ích rộng vô biên
Việc làm đều thành tựu.

Nếu có các hữu tình
Vô phước lại biếng nhác
Thấy đời được viên mãn
Thành tựu tối thượng này.

Bồ-tát Kim Cang Thủ nói pháp này rồi, lại nói pháp Thành tựu bất không tối thắng, tụng rằng:

Nếu muốn được thành tựu
Nên hành Kim Cang Thủ
Tượng đắp và tượng vẽ
Các báu vàng, bạc thảy,
Điêu khắc và họa vẽ
Làm tượng như vậy rồi
Hành giả ở trước tượng
Y pháp tác thành tựu.
Nên vào lúc sáng sớm
Dùng các vật bí mật
Y pháp dâng cúng dường
Rồi sau tưởng thân mình
Như là Kim Cang Thủ
Tức thời kết đại ấn
Trì tụng chú chữ Hồng
Liền thành Kim Cang Thủ.
Khi pháp ấy sắp thành
Tôn tượng hiện điềm lành
Hoặc nghe tiếng cười lớn
Phát sáng hoặc lay động
Tùy nguyện đều thành tựu.
Nhờ pháp thành tựu này
Việc làm đều viên mãn
Các trì minh tự tại
Tối thượng, rất vô ngại
Đủ tất cả Thánh tài
Là đại dục, đại lạc
Điều phục người khó điều
Khéo hóa độ hữu tình
Trên hết trong thành tựu
Tất cả ấn tự tại
Là thành tựu Kim cang.

Tất cả biển đại trí
Tướng ấy không thể thấy
Khéo nhiếp tất cả pháp
Vượt ra khỏi ba cõi,
Làm được các thành hoại
Ái kính là trên hết
Thông đạt trí Nhất thiết
Ban bố các thành tựu
Trong tất cả thế giới
Dùng thần thông biến hóa
Việc làm đều thắng lợi.
Thánh tài được tự tại
Sắc lực đều vững chắc
Không bằng Kim Cang Thủ
Thế gian đều cung kính
Các Bồ-tát khen ngợi
Nếu có các hữu tình
Được gặp Kim Cang Thủ,
Thoát khổ, già, bệnh, chết
Chứng thành Phật, Bồ-tát
Tùy muốn mà thành tựu
Thấy đời được an ổn,
Thế gian, xuất thế gian
Thực hành các nghi quỹ
Tự làm, dạy người làm
Mau thành tất cả pháp.

Bồ-tát Kim Cang Thủ nói pháp này rồi, lại nói pháp Nhất thiết nghi quỹ bất không đại minh ấn tướng thành tựu.

Nếu y theo pháp kết ấn Đại căn bản đặt ngay tim mà tụng chú rằng:

Niết-rị trà tố, đô, xá. Tát la ngật-đa tô bố, du, di, bà phược.

Đây gọi là ấn Căn bản thành tựu. Người trì tụng chú này mau chóng thành tựu ấn Căn bản.

Nếu y pháp dùng các hương hoa, kỹ nhạc,... tùy sức cúng dường, lại phát thệ nguyện dốc lòng trì tụng đại minh chú "Hồng" thì mau thành tựu tất cả.

Nếu lại y pháp, thì nên kết ấn Kim Cang Thủ, phát tâm tinh tấn mạnh mẽ để việc làm được thành tựu, mau chóng được như ý. Đó gọi là pháp

thành tựu tất cả ấn của Kim Cang Thủ.

Nếu lại y pháp kết ấn Tam-muội mà tụng chú rằng:

Tam ma dã tát-đát-phược di để.

Bài chú này có công năng thành tựu ấn Tam-muội. Đây gọi là pháp thành tựu tất cả Tam-muội.

Nếu lại dùng Kim cang Ca, Vũ... khởi đại tinh tấn mà thực hành thành tựu thì đó gọi là thành tựu tối thượng, tất cả các việc cúng dường, thấy thế gian được viên mãn, đức như Kim Cang Thủ cho đến thành tựu chư Phật, Bồ-tát và các pháp khác đều mau chóng viên mãn.

Bồ-tát Kim Cang Thủ nói pháp như trên rồi, lại nói tất cả nghi quỹ và pháp thành tựu trí Nhất thiết.

Nếu muốn thực hành pháp Kính ái thì nên mỗi ngày y theo pháp kết Đại ấn, thì chắc chắn được như ý.

Nếu muốn Câu triệu được thành tựu thì nên y pháp Đại lạc Kim cang thị.

Nếu muốn được tất cả vui thích, tăng trưởng pháp thành tựu, thì nên y theo pháp Đại lạc Kim cang.

Nếu muốn tăng trưởng sắc lực, tuổi thọ thì nên y theo pháp căn bản Kim cang la-sa-dã-na.

Nếu muốn cầu sự tốt lành, giàu sang thì nên y theo pháp Thành tựu Kim cang căn bản.

Nếu muốn có đại thế lực thì nên y vào pháp Kim cang ma-hạ-đốt-ma.

Nếu muốn thành tựu tất cả pháp thì nên y vào pháp căn bản Kim cang vĩ câu-lý-vĩ-đa.

Nếu muốn tất cả văn tự và hình tượng xuất hiện, nghe được các ngôn ngữ... thì nên y theo pháp Bất không Kim cang chân thật.

Nếu muốn các căn được đầy đủ để nghe Chánh pháp thì nên y theo pháp căn bản Kim cang bất không chân thật Tam-muội.

Nếu muốn hiểu nghĩa thù thắng viên mãn thì nên y theo pháp Xuất sinh Kim cang.

Nếu muốn các kho báu trong lòng đất lộ ra thì nên y theo pháp căn bản Kim cang nễ-ba.

Nếu muốn các căn được đầy đủ, phát khởi năm thứ thần thông, thì nên y theo pháp Kim cang hóa dược-sát.

Nếu muốn lúa mạ tươi tốt được mùa, mưa gió không trái thời tiết,

khiến cho các hữu tình được lợi ích lớn thì nên y theo pháp Kim cang tự tại.

Nếu muốn đi đến mọi nơi để làm các pháp thì nên y theo pháp Yết-ma căn bản Kim cang bất không.

Nếu muốn thấy chư Phật, Bồ-tát thì nên y theo pháp căn bản Kim cang cao cử thế.

Nếu muốn thân như Bồ-tát Kim Cang Thủ hiện các thứ tướng, cho đến bay đi trên hư không một cách tự tại thì nên y theo pháp Yết-ma Kim cang.

Nếu muốn làm chủ ba cõi để làm các thứ sự nghiệp, thì nên y theo pháp căn bản Hàng phục ba cõi.

Nếu muốn chư Thiên hiện ra điều phục kính ái, khiến họ làm tất cả mọi việc, thì nên y theo pháp căn bản Kim cang tát-đỏa.

Nếu muốn cứu hộ tất cả hữu tình điều phục kính ái, khiến làm mọi việc lợi ích thì nên y theo pháp căn bản Kim cang nễ-bát-đa.

Nếu muốn câu triệu các Dược sát điều phục kính ái thì nên y theo pháp điều phục căn bản Kim cang bát-la-bà.

Nếu muốn làm các việc lành vào Mạn-noa-la cúng dường thành tựu thì nên y theo pháp căn bản Kim cang tát-đỏa.

Nếu muốn câu triệu các ấn pháp, cấm phược pháp và các pháp như thành tựu vững chắc... thì nên y theo pháp Thành tựu Kim cang.

Nếu muốn câu triệu tất cả Tam-muội vào Mạn-noa-la thực hành thành tựu thì nên y theo pháp Kim cang Tam-muội tối thượng.

Nếu muốn thành tựu tất cả sự nghiệp để phá trừ ma oán, tự thân được vững chắc, có tiếng vang xa, thì nên y theo pháp Yết-ma căn bản Kim cang tối thượng.

Nếu muốn tất cả Kim cang bộ, Hiền thánh câu triệu vào Mạn-noa-la, an trí vững chắc, thực hành kính ái được thành tựu thì nên y theo pháp căn bản Kim cang.

Nếu muốn Đại Kim cang tát-đỏa câu triệu vào Mạn-noa-la, an trụ được vững chắc, kính ái được thành tựu thì nên y theo pháp Kim cang tát-đỏa.

Nếu muốn thỉnh triệu chư Phật Như Lai vào Mạn-noa-la, an trụ kính ái được thành tựu thì nên y theo pháp căn bản Kim cang Như Lai.

Nếu muốn triệu thỉnh Bồ-tát vào Mạn-noa-la, an trụ kính ái thực hành thành tựu thì nên y theo pháp Bồ-tát Kim Cang Thủ.

Nói pháp thành tựu này rồi, lại nói tụng rằng:

Nếu lại có hành giả
Chưa vào Mạn-noa-la
Nếu gây các tội nghiệp
Dốc lòng cầu thực hành
Pháp bất không tối thượng
Tất cả đều thành tựu.

Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Thủ lại nói pháp tâm chú Bất không, quyết định làm tất cả việc Bồ-tát Kim Cang Thủ này là Đại Tỳ-thủ-yết-ma, khéo hành các pháp ngang bằng với chư Phật, việc làm được thành tựu viên mãn trong sát-na.

Nếu muốn rộng cứu hộ tất cả chúng sinh, chấm dứt tai ương để được an lạc vui, tuổi thọ mạng tăng trưởng thì nên y theo pháp Kim cang tát-đỏa đảnh của Kim cang Vũ.

Nếu muốn kết giới Mạn-noa-la, an trụ trong Tam-muội, ủng hộ được vững chắc thì nên y theo pháp Tùy cầu của Kim cang Vũ.

Nếu muốn hết các thứ bệnh như sốt rét, phong, huỳnh, đàm, ấm... thì nên y theo pháp Nhập-phược-la của Kim cang Vũ.

Nếu muốn dứt bỏ các khổ phiền não, lo buồn... thì nên y theo pháp Nậu-khô-bát-phiến-đa của Kim cang Vũ.

Nếu muốn giải trừ chất độc khiến ngon ngọt như cam lồ thì nên y theo pháp giải độc của Kim cang Vũ.

Nếu muốn làm cho các tinh tú được tỉnh ngộ, khỏi các ràng buộc để hộ trì người thọ pháp Tam-muội thì nên y theo pháp Tú diệu giải thoát của Kim cang Vũ.

Nếu muốn thoát khỏi sự trói buộc, phá hoại tất cả để được nhiếp phục thì nên y theo pháp Kim cang phẫn nộ của Kim cang Vũ.

Nếu muốn phá tất cả ấn Noa-cát-nễ và thoát khỏi sự gìn giữ của các sao, khiến người chết sống lại, cứu hộ đất nước, thì nên y theo pháp Tùy ấn của Kim cang Vũ.

Nếu muốn tiêu trừ tất cả tội nghiệp và các ác mộng không tốt... thì nên y theo pháp Chân thật của Kim cang Vũ.

Nếu muốn khiến tất cả hữu tình tỉnh thức và nói lời kính ái, phát tâm thành tựu, thì nên dùng ấn Tất cả Tỉnh thức của Kim cang Vũ.

Nếu muốn khiến tất cả ma oán phục tùng và các việc thành hoại,... thì nên y theo pháp Đại noa-cát-nễ của Kim cang Vũ.

Nếu muốn khiến tất cả ma oán bị trói buộc, mê hoặc và phục tùng thì nên y theo pháp Đại ác la-sát của Kim cang Vũ.

Nếu muốn khiến quân giặc hàng phục và kính mến thì nên y theo pháp Ngật-lý-gia của Kim cang Vũ.

Nếu muốn chấm dứt các sân nhuế, giận hờn, khởi lên niềm vui thích, tránh khỏi mọi sợ hãi và bàn luận chiến trận đều thắng thì nên y theo pháp Tràng trang nghiêm của Kim cang Vũ.

Nếu muốn nổi mây xối mưa và dừng sấm chớp gió bão, khử trừ lạnh nóng,... thì nên vào pháp Chủ của Kim cang Vũ.

Nếu muốn cầu các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc,... thì nên y theo pháp Dục tự tại của Kim cang Vũ.

Nếu muốn đi khắp mọi nơi để làm các việc như kính ái, câu triệu và hàng phục... thì nên y theo pháp Kim cang Vũ.

Nếu muốn thực hành tất cả pháp thành tựu, như thấy tất cả Hiền thánh hàng phục các loài rồng, cho đến trừ sạch tất cả Dược-sát-bộ-đa, Ma-đát-lý,... thì nên y theo pháp Kim cang thân tối thượng của Kim cang Vũ.

Nếu muốn thành tựu vững chắc tất cả cúng dường và điều phục các ma, ngăn cấm mọi tà ấn, cho đến pháp thành tựu tối thượng, cùng tận và vô cùng tận thì nên y theo pháp Bất không Tỳ-thủ-yết-ma tối thắng của Kim cang Vũ.

Bồ-tát Kim Cang Thủ nói pháp này rồi, lại nói về nghi thức thành tựu tất cả ấn. Sáng sớm hành giả nên ngồi xoay mặt về hướng Đông, y pháp kết đại ấn, trì tụng tâm chú căn bản thì được thành tựu tất cả ấn. Sau đó y theo pháp thực hành được thành tựu, việc làm được quyết định. Ấn Đại Kim Cang Thủ này có khả năng thành tựu tất cả ấn.

Nếu có người chưa vào Mạn-noa-la cũng nên kết ấn này thì đều được thành tựu.

Nếu vị A-xà-lê lại muốn truyền đại ấn này thì phải quán căn tánh của đệ tử rồi mới truyền. Vì sao? Vì khi đã truyền ấn này rồi tức là thành Bồ-tát. Nếu không y theo pháp này cũng không có lỗi. Có người gây ra các nghiệp mà kết ấn này thì nghiệp chướng đều tiêu tan, có nguyện cầu gì đều được viên mãn.

-oOo-

Phần 16: Đại Nghi Quỹ Nói Về Kim Cang Bồ-đề Của Tất Cả Như Lai

Khi ấy, Kim Cang Thủ

Tôn chủ đại bí mật
Dùng đại lạc vững chắc
Khiến hữu tình thanh tịnh,
Nhiếp các cõi hữu tình
Để đều được thanh tịnh
Dùng tâm bình đẳng độ
Khiến vào Như Lai bộ.
Vô lượng, vô biên cõi
Tất cả các Như Lai
Nhiều như số hạt vừng
Rộng lợi ích chúng sinh,
Khiến thế gian thanh tịnh
Vì nghiệp của chúng sinh
Có nhiều thứ khác nhau
Trọn không thể thanh tịnh.
Phật vì chúng sinh ấy
Tự nghiệp phải thanh tịnh
Thương xót không lìa bỏ,
Bồ-tát Kim Cang Thủ
Dùng Đại bí mật giáo
Quay bánh xe đại Xả
Đại Kim Cang Thủ này
Bậc Đại lạc tối thượng
Lợi ích các hữu tình
Khiến giác ngộ nhanh chóng,
Tâm Bồ-đề vững chắc
Muốn quay bánh xe pháp
Tận các cõi hữu tình
Khiến Bồ-đề vững chắc.
Lúc đó, các Như Lai
Dùng những lời Kim cang
Bảo Kim Cang Thủ rằng:
Dùng phương tiện đại Bi
Để nói tâm Bồ-đề.
Kim Cang Thủ tức thời
Nhận lời dạy chư Phật
Nói ra lời như vầy
Nay con nói Đại lạc

Mạn-noa-la tối thượng
Lượng đó bằng ba cõi.
Là Đại luân căn bản
Làm thanh tịnh ba cõi
Khi nói lời như vậy
Hữu tình trong ba cõi
Các nghiệp đều thanh tịnh,
Liền được pháp thành tựu,
Lúc đó đều nhóm họp
Cũng như các Như Lai
Khuyến thỉnh Kim Cang Thủ
Tuyên nói Như Lai bộ.
Bánh xe Xả trên hết
Do đó các chúng sinh
Ba nghiệp trụ Kim cang,
Bồ-tát Kim Cang Thủ
Dùng tự tánh ba nghiệp
Bình đẳng vì chúng sinh
Nói bài chú như sau:

Án, bộ kháng.

Lúc nói bài chú này
Lại có các Như Lai
Tức thời đều nhóm họp
Trụ đạo tràng Bồ-đề.
Bấy giờ, Kim Cang Thủ
Liền nói Mạn-noa-la
Vì lợi ích hữu tình
Đại lạc trong các pháp.
Bánh xe Xả ấy là
Y ngoại Mạn-noa-la
Vẽ tám vòng tròn lớn
Trong vòng tròn lớn này
Nên đặt tôn tượng Phật
Dùng bài chú như vầy:

Tam ma dã tát-đát-sưu hô. Tất đinh hàm.

Ở trước tôn tượng Phật
Lại đặt một tượng Phật
Tướng hàng phục các ma,

Bên phải Phật nên đặt
Đại Bồ-tát Quán đảnh,
Phía sau Phật lại đặt
Bồ-tát Chuyển pháp Luân,
Bên trái Phật lại đặt
Bồ-tát Thành tối thắng,
Đều nói bài chú rằng:

Phược nhật-la, tát-đỏa.

Phược nhật-la, la-đát-na.

Phược nhật-la, đạt-rị-ma.

Phược nhật-la, yết-rị-ma.

Các chỗ ở bốn góc
Đặt bốn Kim cang bảo
Dùng bốn Đại tâm chú
Thần chú ấy như vầy:

Tát đỏa phược nhật-rị

Phược nhật-la, la đát-nỉ.

Phược nhật-la, bát nạp-di nỉ.

Vĩ thuyết phược nhật-rị.

Lại ở ngoài bốn góc
Đặt Nễ-phược-kiến-noa
Và Câu, Sách, Tỏa, Linh
Thứ lớp đặt bốn cửa.
Vẽ vòng lớn này rồi
Trước nên khởi ý nghiệp
Xuất sinh và hương hoa
Dốc lòng dâng cúng dường
Tay cầm các hoa đẹp
Kết ấn Tam-muội Phật
Mà đặt ngay nơi tim,
Đảnh lễ Bản tôn rồi
Sau đó tung rải hoa
Đi nhiễu quanh ba vòng
Mới triệu thỉnh Hiền thánh.
Chú triệu thỉnh như vầy:

Án, a ca lỗ mục kháng tát rị-phược, đạt rị-ma, noa. A, nảnh a nậu đát-bán na đỏa.

Tụng bài chú này rồi
Lại dâng hoa cúng dường
Y pháp dùng lời hay
Dốc lòng mà tụng rằng:

Nhạ nga na, tha một đà mạo đề tô tất đà duệ.

Chú này nhóm họp hết
Tất cả các Như Lai
Dùng các pháp vô sinh
Thí tất cả thành tựu.
Vào Mạn-noa-la này
Khéo được các thành tựu
Pháp viên mãn như vậy
Hiện ra các điềm lành,
Nếu truyền cho đệ tử
Khiến vào trong đàn này
Nghi thức cũng như vậy,
Dâng cúng các thứ rồi
Mới ra khỏi đạo tràng
Cầu pháp được thành tựu.
Lại nói pháp thành tựu
Y pháp tạo tượng lụa
Nên vẽ Phật, Thế Tôn
Hàng phục các chúng ma,
Hành giả ở trước tượng
Y pháp kết Trí ấn
Dùng Kim cang ngữ nghiệp
Tụng chú trăm ngàn biến,
Số biến đã đủ rồi
Tùy ý đều thành tựu
Thấy Bồ-đề chư Phật
Không còn các nghi hoặc.

Lại nữa, Bồ-tát Kim Cang Thủ nói nghi pháp Tam-muội thành tựu tối thượng rồi, liền nói tụng rằng:

Nên tưởng Kim Cang Thủ
Chuyên chú vào bản tâm
Rồi tụng chú Tam-muội
Chú Tam-muội như vầy:

Tam ma dã tát-đát-phược.

Tụng đủ số lạc-xoa
Sẽ được các thành tựu.

Lại nói tất cả pháp Yết-ma thành tựu rằng:

Phật hàng phục quân ma
Xoay bánh xe pháp mầu
Rộng lợi ích chúng sinh
Thành tựu ấn Yết-ma.

Lại nói pháp thành tựu Kim cang tam nghiệp chư Phật tối thượng của tất cả Như Lai. Pháp này có công năng trừ diệt các chướng lo buồn, sầu não và các chứng bệnh nặng như bệnh mụt nhọt sốt rét... Lại có công năng phá các chú tà vạy, xua tan những điềm không tốt như ác mộng, ma quỷ quấy nhiễu... trong đó không có nạn chết yểu. Giải trừ sự chấp trì của các vì sao và Noa-cát-nễ, các tai hại ấy đều trừ diệt. Nó còn có công năng hoàn thiện ba nghiệp, được đại oai lực, sắc tướng đầy đủ, tiếng tăm tốt đẹp, mọi người kính mến, trí tuệ tăng trưởng, tinh tấn mạnh mẽ.

Các pháp đã thấy nghe sẽ nhớ mãi không quên. Tu hành các hạnh lành một cách đầy đủ và thường trụ an trong Tam-muội, nuôi lớn ba nghiệp được thù thắng. Mười Ba-la-mật như Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, Phương tiện, Nguyện, Lực, Trí được viên mãn. Đầy đủ mười Địa, nhập vào kiên cố, phát sinh Đà-la-ni-môn. Đầy đủ ấn Đại lạc của chư Phật, thông đạt bốn Trí, mười tám pháp Bất cộng, được Tỳ-thủ-yết-ma hiểu rõ các nghĩa tánh, thành tựu ba nghiệp Kim cang của chư Phật, được sự thành tựu tối thượng của chư Phật, dùng tâm đại Bồ-đề rộng tu các hạnh Phổ Hiền, khiến cho các hữu tình được lợi ích lớn.

Lại hiện tướng Đồng chân, trụ trong xuất sinh vui đùa. Dùng hạnh Nan thắng để ngồi Bồ-đề tràng, chứng mười Lực của Phật, hàng phục quân ma, xoay bánh xe Đại pháp, nhiếp phục ngoại đạo, vượt khỏi ba cõi, hiện các thần thông, tổ chức các đại tập hội, điều phục các điều ác, trụ địa nhu thuận và làm cho các đường ác được thanh tịnh, giảng nói pháp nghĩa vi diệu, nói ba Mật tạng, chỉ bày nghi quỹ, thực hành tất cả các pháp thành tựu. Các việc như vậy đều y vào ấn pháp Tỳ-thủ-yết-ma của tất cả Như Lai mà thành, liền nói tụng rằng:

Ấn Yết-ma như vậy
Mau chứng quả giác ngộ
Tu các hạnh Bồ-đề
Không vượt pháp ấn này.

Đầy đủ đại Thánh tài
Làm được các sự nghiệp
Thành được nghĩa khó thành
Việc làm đều vô ngại.
Giáo pháp Phật tối thượng
Trao cho các hữu tình
Nếu có người tin hiểu
Nên truyền pháp ấn này,
Nếu chưa vào đạo tràng
Sát-na cũng thành tựu.

-oOo-

PHẦN 17: Nghi Quỹ Nói Về Đại Kim Cang Hỏa Diệm Nhật Luân

Bồ-tát Kim Cang Thủ
Khéo làm các sự nghiệp
Hàng phục các hữu tình
Khiến chúng được điều phục.
Như Lai bộ sinh ra
Thường trụ định Như Lai
Dùng thành tựu tối thượng
Làm vắng lặng các cõi.
Như Lai nhiều như bụi
Đều khởi nguyện đại Bi
Rộng lợi ích chúng sinh
Khiến trụ Địa an lạc.
Bởi các hạnh chúng sinh
Có muôn vàn sai biệt
Nên quả báo bất thiện
Tùy nghiệp không nhất định,
Trải qua vô số kiếp
Độ thoát khó hết được.
Cho nên các Như Lai
Khuyến thỉnh Kim Cang Thủ,
Vì muốn điều phục chúng
Giảng nói pháp tối thắng.

Lúc đó, Bồ-tát Kim Cang Thủ liền nói bài chú rằng:

Ô để sắt-tra tam ma dã cốt-lỗ, đà. Nỉ tôn bà nhập-phược, la phược

nhật-la, hồng.

Bồ-tát Kim Cang Thủ
Lúc nói bài chú này
Dùng ba nghiệp Kim cang
Phát sinh Đại Minh vương,
Ngồi kiết già ở trước
Bồ-tát Kim Cang Thủ
Ánh sang soi chiếu khắp
Như lửa cháy hừng hực
Hiện thế rất mạnh mẽ
Tay cầm chày Kim cang
Cũng hiện ánh sáng rực
Hừng hực như đống lửa
Quăng ném chày Kim cang
Biến hóa trong ba cõi
Cũng như trong lửa hừng
Xuất hiện tướng giận dữ
Dùng ngữ nghiệp Kim cang
Nói chú Kim cang bộ.

Án, phược nhật-la đặc-rị câu. Đát đế-rị nẵng ma hạ, phược nhật-la nhập-phược, la na la, rị-ca, ngật-rị, na dương hồng.

Lúc nói bài chú này
Dứt trừ các nghiệp chướng
Như lửa dữ cháy củi
Đại thiên đều rung chuyển,
Lúc đó cả Thiên chúng
Và trời Đại Tự tại
Ánh sáng đều chiếu suốt
Mà không thể an ổn.
Thanh văn và Duyên giác
Đều cầu nhập Niết-bàn
Chư Thiên trong ba cõi
Cũng mong cầu cứu giúp,
Sức Bồ-đề chư Phật
Bất động thêm vững chắc
Chỉ có từ bi Phật
Vì hữu tình phương tiện
Lúc đó, Đại Minh vương

Nhe răng bén Kim cang
Đứng như thế giương cung
Tướng giận dữ đại ác
Búi tóc như xoắn ốc
Đảnh đội tướng bán nguyệt
Gió lửa quyện nhau cháy
Trong đó hiện sự nghiệp
Kết ấn làm thế múa
Sinh ra đại bí mật
Mạn-noa-la tối thượng
Tương ưng Noa-cát-nễ
An trụ ở xung quanh
Chư Phật đều y vị
Đều là Kim cang bộ
Nghi quỹ của các Thánh
Là thành hạnh Tỳ-thủ.
Lại có các Thánh chúng
Bấy giờ đều xuất hiện
Ánh sáng chiếu rực rỡ
An trụ như chư Phật
Vô lượng, vô biên cõi
Tất cả các hữu tình
Thảy đều khiến giác ngộ
Lợi ích mà triệu tập
Khiến thành pháp Tối thượng
Trời chủ của ba cõi
Mê muội bị đọa lạc
Không trở lại bản tâm
Bồ-tát Kim Cang Thủ
Đại Tự tại trên hết
Vì thương xót chư Thiên
Mà nói pháp Tối thượng
Rồi tuyên bài chú rằng:

Án, mẫu để sắt-tra ma hạ, nỉ bát-đa phược nhật-rị ni. Thi, kiệt-la mẫu tha, bát dã hồng.

Nói bài chú này rồi
Chư Thiên liền sinh khởi
Trở lại được bản tâm

Người chết sống trở lại,
Người Phật chưa điều phục
Bồ-tát Kim Cang Thủ
Điều phục hết tất cả.
Lại hiện tướng giận dữ
Quăng ném chày Kim cang
Ra lệnh các chư Thiên
Trụ Tam-muội của ta
Chư Thiên nhận lệnh rồi
Mà lại chưa biết rõ
Nên bạch Kim Cang Thủ
Thánh giả chẳng nghĩ bàn
Chúng con đều kinh sợ
Nhìn phẫn nộ tôn này
Dạy trụ vào Tam-muội
Không biết pháp Tam-muội
Làm sao mà an trụ?
Lúc đó, Kim Cang Thủ
Bảo với chư Thiên rằng:
Sự giáo hóa của Phật
Các vị không thể biết
Nên hiện Kim Cang Thủ
Làm chỗ dựa các ngươi,
Ngươi quy mạng chư Phật
Tôn pháp và Thánh hiền
Rồi sau quy y ta
Nương Tam-muội của ta.
Lúc đó, chư Thiên chủ
Và các Thiên chúng ấy
Nghe lời như vậy rồi
Liền thưa Kim Cang Thủ:
Y theo lời Bồ-tát
Xin thương xót chúng con!
Bấy giờ, Kim Cang Thủ
Lại hiện tướng nhíu mày
Hiện thế rất giận dữ
Để gương cao oai thế.

Và dùng âm thanh lớn, hàng phục cả ba cõi, nói chú tối thượng:

"Hý" (âm kéo dài).

Tất cả Tam giới chủ,
Nói tâm chú này rồi
Và các chúng chư Thiên
Đều dùng tâm hàng phục
Mà trụ vào Tam-muội
Trao bản bộ quán đảnh.
Nhận pháp quán đảnh rồi
Khuyến thỉnh Kim Cang Thủ
Nói nghi quỹ tâm chú
Pháp đại đàn tràng này.
Bồ-tát Kim Cang Thủ
Xin nói chúng con nghe
Ở ngoài Mạn-noa-la
Trong vẽ vòng Kim cang
Có ánh sáng rực rỡ
Giữa đặt hàng Tam giới
Thân có màu xanh biếc
Mà hiện tướng mừng, giận
Nhe răng bén Kim cang
Ngồi tư thế kiết già
Quăng ném chày Kim cang
Ánh sáng chiếu cùng khắp.
Lại ở nơi bốn phương
Đặt Hiền thánh Kim cang
Tay đều cầm cờ nêu
Hay chày Kim cang lớn,
Chĩa ba và kho báu
Hoa sen nhiều màu thảy
Ở bốn góc nên đặt
Tên và Khiết-xuân-nga
Vòng và phướn nhiều màu
Hiền thánh Kim cang bộ
Theo nghi Đại luân này
Y vị trí mà đặt
Trước đặt bảy vị Thánh
Một là Kim cang ấn
Hai là Kim cang minh

Ba là Kim cang vương
Cùng với các quyến thuộc
Bốn Trì minh ca vũ
Năm Hộ môn minh vương
Sáu Kim cang nột-đa
Bảy là Dược sát vương.
Ở ngoài Mạn-noa-la
Y pháp đặt chư Thiên
Ma độ Tam tôn thảy
Cũng đặt theo bản vị
Bốn góc và bốn cửa
Đặt các chúng Thiên nữ
Minh vương Câu, Sách thảy
Đều đặt theo bản vị.
Vẽ Mạn-noa-la này
Xếp đặt như thế rồi,
Lúc đó, A-xà-lê
Làm tư thế giận dữ
Quăng ném chày Kim cang
Vào trong Mạn-noa-la
Liền tụng chú chữ "Hồng"
Với tư thế đưa cao
Điều phục người tức giận
Được Bản tôn vui mừng
Phẫn nộ được thành tựu.
Sau đó, A-xà-lê
Tay cầm các hoa đẹp
Kết ấn Kim cang câu
Mà triệu thỉnh Bản tôn
Và Hiền thánh Kim cang.

Thần chú triệu thỉnh rằng:

Án, ma hạ phược nhật-la, la na la rị-ca, dạ hý nịch. Tát rị-phược phược nhật-la, cô la nỉ bát-la phệ, xá dã hồng. Tát rị-phược, mẫu nại-la nga xã sưu đà na đát-la tra. Tát rị-phược, tam ma dương, sa đạt dã ma tra. Tát rị-phược, nột sắt-đạm, hạ na nại hác hát bát tả bạc tất-minh, cốt lỗ. Ma hạ, cốt-lỗ đà ngật-nỉ, phược nhật-rị, noa hồng phát tra. A a a a.

Triệu thỉnh như vậy rồi
Minh vương liền giáng lâm

Và Hiền thánh Kim cang
Thí tất cả thành tựu.
Lúc đó, Mạn-noa-la
Liền hiện các tướng tốt
Hoặc nghe tiếng chữ "Hồng"
Hoặc có cảm giác sợ.
Lúc đó, A-xà-lê
Kết ấn hàng Tam giới
Dẫn đệ tử vào đàn
Trao cho các bài chú.

Chú Kim cang Câu rằng:

Hồng, hồng, phược nhật-la bát-la hạ la vĩ, ma tra.

Bài chú Tam-xoa rằng:

Hồng, phược nhật-la, thú la ngật-nỉ, tần nại ma tra.

Chú Kim cang Tạng rằng:

Hồng, phược nhật-la, cô thi thân nại ma tra.

Chú Liên hoa rằng:

Hồng, phược nhật-la, a ma la bát nột-di, ma tra.

Lại nói chú mật ấn
Có oai lực rộng lớn
Khéo ấn các chúng sinh
Pháp thành tựu làm ra
Chắc chắn đều thành tựu
Mà nói bài chú rằng:

Hồng, phược nhật-la, ngọc hý-dã, tất đà bát-la ma du, nghệ thuyết rị nột-di.

Hồng, phược nhật-la, tán ni, thuyết rị khiết xuân nga a tất ma hạ, phược nhật-la, cát bá la ma la, mạt cô trí, lỗ lư lỗ lê, hận-nê.

Hồng, phược nhật-la na, la dã noa nỉ.

Hồng, phược nhật-la bát đa, kế nỉ.

Bốn Noa-cát-nễ này
Chú tâm ấn trên hết
Đều dùng chú gốc này
Xếp đặt Mạn-noa-la,
Nói các bài chú rồi
Mới dùng thệ Tam-muội

Răn dạy các đệ tử
Khiến chúng phải lắng nghe.
Rộng lợi ích chúng sinh
Làm pháp Phật tăng trưởng,
Điều phục khiến được độ
Thành tựu được Kim cang.
Nói thệ Tam-muội rồi
Bảo đệ tử thế này
Tụng bài chú chữ "Hồng"
Gia trì đầu ngón tay
Khiến các hữu tình ấy
Và các ác ma kia
Nhờ sức đại chú này
Thảy đều được điều phục.
Sau đó nên y pháp
Trao quán đảnh đệ tử
Bốn pháp của Minh vương
Truyền trao theo thứ lớp.
Ấn và cách dùng ấn
Hoại diệt và sống lại
Nên dùng ấn chú này
Để thực hành che chở.
Điều phục như vậy rồi
Các ác không sinh nữa
Từ đó trở về sau
Các thiện lành thêm lớn.
Thấy thành tựu các pháp
Lại nói pháp thành tựu
Hành giả ở trước tượng
Quăng ném chày Kim cang,
Tụng chú lạc-xoa lần
Trì tụng đủ số rồi
Đức như Kim Cang Thủ
Phẫn nộ Đại Minh vương,
Lìa khổ, già, bệnh, chết
Điều phục tất cả ác
Đối tất cả thế gian
Không còn các sợ hãi.

Muốn thành tựu đại chú
Ở trong bốn oai nghi
Tụng một lạc-xoa lần
Pháp thực hành thành tựu,
Đời này được viên mãn
Các thành tựu tự tại
Xa lìa các khổ não
Xứng đáng nhận cúng dường,
Điều phục người khó điều
Đi đứng không sợ hãi
Nếu muốn ấn thành tựu
Nên kết ấn Tối thượng,
Tùy ý tụng đại chú
Hành giả thấy đời này
Thành Đại phẫn nộ vương
Việc làm đều thành tựu.
Nếu muốn thành Tam-muội
Hành giả xoay phía Đông
Kết ấn Tam-muội ấy
Trì tụng chú Tam-muội,
Tùy ý làm các pháp
Đều chóng được viên mãn.
Nếu muốn cầu thành tựu
Pháp Yết-ma tối thượng
Nhờ lợi lạc của chú
Các sự nghiệp mau thành.

Lại nói pháp Thành tựu tối thượng, pháp này có công năng khiển trừ các ma, ngăn cấm chiết phục tà pháp, hướng dẫn các hữu tình, điều phục các điều ác, cởi mở gông cùm, dứt các bệnh tật, giải trừ các thuốc độc, xua tan các tinh tú. Muốn làm được các việc như vậy thì phải y theo nghi pháp Hàng tam giới tôn.

Lại nữa, nếu muốn làm cho tất cả được tỉnh ngộ và lay động, cười giỡn, ca múa, biên chép, xoay tròn, cho đến câu triệu ba cõi... đều y theo ấn Kim cang phẫn nộ minh vương.

Nếu muốn câu triệu tất cả vào Mạn-noa-la và phá quân giặc, thấy những việc huyễn hóa, thay đổi thời tiết làm cho cây cối đơm hoa kết trái, hoặc làm cho lúa mạ tươi tốt giải trừ các bệnh khó trì, thuốc độc, các sao,

Noa-cát-nễ, chiến đấu được toàn thắng, kết giới ủng hộ, giải thoát trói buộc, cho đến các pháp Kính ái đều y theo ấn Tỳ-thủ-yết-ma của Kim cang phẫn nộ minh vương.

Nếu muốn thành tựu chư Thiên, hàng phục các loài rồng, sai khiến các Dược sát làm kẻ nô tỳ, khiến tất cả La-sát sinh tâm kinh sợ, điều phục chúng Noa-cát-nễ và Ma-đát-lý-ca, các tinh tú, quân chúng ma mị, chú thuật tà đàn thảy đều tiêu diệt, các loài dữ tợn thảy đều sợ hãi và có khả năng thành tựu bốn vị Đại thiên vương, Đế Thích, Đại phạm, trời Na-la-diên, trời Đại tự tại,... và thành tựu các việc kính ái của Bồ-tát chư Phật, câu triệu hữu tình vào Tam-muội. Tất cả các pháp như vậy đều y theo pháp Thành tựu tối thượng của Kim cang phẫn nộ minh vương. Liền nói tụng rằng:

Pháp tối thượng như vậy
Nếu ai muốn thành tựu,
Nên trì tụng tâm chú
Sẽ thấy tướng phẫn nộ.

-oOo-

KINH PHẬT THUYẾT TỐI THƯỢNG CĂN BẢN ĐẠI LẠC KIM CANG BẤT KHÔNG TAM-MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG

QUYỂN 5

Phần 18: Nghi Quỹ Nói Về Nhất Thiết Trí Kim Cang Dứt Trừ Các Nghiệp Chướng

Khi ấy, Quán Tự Tại
Lại nói Tam-ma-địa
Pháp thanh tịnh tối thượng
Đó là Kim Cang Thủ.
Điều phục các điều ác
Liền hiện Liên hoa bộ
Sức phương tiện chư Phật
Làm lợi ích chúng sinh,
Phẫn nộ Đại Minh vương
Làm thanh tịnh ba cõi
Vì chúng sinh tánh dục
Chưa xa lìa các nhiễm
Sức vô ngại chư Phật
Khởi lòng từ thương xót
Còn chưa thể cứu độ.
Do vậy, Quán Tự Tại
Nói Tam-ma-địa này
Là Tam-ma-địa vương
Của chư Phật ba đời
Tự tánh của các pháp
Là chủ Kim cang trí
Từ Tam-ma-địa này
Chư Phật đã quán chiếu
Khiến tất cả hữu tình
Đều được đại tự tại

Bồ-tát Ma-ha-tát
Dùng đại trí thương xót
Tự tại độ chúng sinh
Hiện ra tướng tự tại
Tay trái cầm hoa sen
Tay phải mở cánh sen
Quán chiếu nơi tự tánh
Trụ Tam-ma-địa này
Như hoa sen nhiều màu
Tự tánh không các nhiễm
Nên vô nhiễm, thanh tịnh
Không đắm các phiền não
Tham dục ba cõi sinh
Tham dục cũng thanh tịnh
Tất cả loài chúng sinh
Nên tùy theo sở ứng
Môn Tam-ma-địa này
Được tự tại chư Phật
Bồ-tát Kim Cang Thủ
Cùng với các Bồ-tát
Đều nương định thù thắng
Khởi giáo Đại tổng trì
Mà nói chú quán tưởng
"Ngật-rị" *(hai chữ thành một âm)*
Nên tưởng thần chú này
Tức tự tánh thanh tịnh
Tất cả Kim Cang Thủ
Cho đến Quán Tự Tại
Quán tưởng tâm chú này
Thanh tịnh như núi báu.
Kế quán các hoa sen
Phát sinh các Hiền thánh
Thanh tịnh khắp pháp giới
Thành đại luân điều phục.
Điều phục các nghiệp rồi
Ba cõi đều thanh tịnh
Vì lợi ích hữu tình
Nói pháp Mạn-noa-la

Là nghi quỹ đại pháp
Đặt để Phật Thánh hiền
Được thanh tịnh như trên
Thành tựu vô lượng pháp.
Lúc đó, Phật Bồ-tát
Khuyến thỉnh Quán Tự Tại
Nói bản Liên hoa bộ,
Kim cang Đại Pháp vương
Bậc Tự Tại Tối Thắng
Nói Mạn-noa-la này
Ở ngoại Mạn-noa-la
Trong vẽ sen tám cánh
Ở giữa hoa sen ấy
Đặt ngài Quán Tự Tại
Tay trái cầm sen vàng
Hiện tướng Đại tự tại
Thân trang nghiêm các báu
Đầu đội mũ năm Phật;
Ở xung quanh Bồ-tát
Vẽ tám Phật, Thế Tôn
Diệu định và sen lớn
Định cùng với Quán chiếu
Bên ngoài tám Đức Phật
Nên vẽ tám Hiền thánh
Đại lực, trời Tự tại
Đại phạm và Dục thiên
Đại liên cùng Mã đầu
Câu kiêm, Diệu pháp ngữ
Liền nói Liên hoa bộ
Tâm chú các Hiền thánh.

Tát rị-phược đát tha, nga đa bát nột-ma nhược hồng.

Phược nhật-la bát nột ma hệ.

Phược nhật-la bát nột-ma sưu.

Hô, bát nột-ma ma ni la, nhạ.

Hồng, bát nột-ma tán ni, thuyết la hồng, phát tra.

Hệ, ma hạ, bát nột-ma vĩ thuyết bố lan-noa tất đinh hồng, phát tra.

Ngật-rị, bát nột-ma bát nột-ma hồng, a.

Hô, bát nột-ma thất-tác ngật-la ma, ngật-la ma, hồng, nhược.

Lại ở nơi bốn cửa
Dùng Câu, Sách, Tỏa, Linh
Thứ lớp bốn tâm chú
Y Đại mạn-noa-la
Xếp đặt theo nghi pháp
Vào Mạn-noa-la rồi
Quán hoa sen nở kia
Tưởng tâm mà đảnh lễ
Nên dùng Đại chú này
Để xếp đặt Bản tôn.

Liền nói đại chú rằng:

Án, vĩ du, đạt dã thú đề. Tát đỏa đà, đô, tát rị-phược la, nga nỉ tán tả duệ. Tức đán di, tát rị-phược đạt rị-di, sổ phược nhật-rị ni.

Nghe Đại chú này rồi
Quán Tự Tại vui mừng
Mong cầu các thành tựu
Thảy đều được như ý
Rồi sau kết Câu ấn
Tụng chú tối thượng này:

Án, tát rị-phược đát tha, nga đa, la lộ kiết đế, thuyết la. Bát nại- ma hạ sa-đa da. Ê thi già-la di muội phược nhật-la mẫu nại-la, bát nãi. La, ngật-rị sa-dã bát-la vĩ, thiết dã. Tam ma duệ rị-phược đà, phược thi cát lỗ di. Nhược hồng sưu hô. Du đà dã tát rị-phược tát đạt dã. Bát nại-hàm ma hạ, phược nhật-la đạt la tát-đát-sưu.

Triệu thỉnh như vậy rồi
Quán Tự Tại tức thời
Giáng đến Mạn-noa-la
Việc làm đều thành tựu
Sau đó y nghi pháp
Dẫn đệ tử vào đàn
Truyền trao bí mật giáo
Khéo ban các thành tựu
Chú Tam-muội ấn này
Căn bản đã viên mãn
Mau thành Quán Tự Tại
Hành giả cầu pháp này

Dù ở tại nơi đâu
Cho đến bốn oai nghi
Tưởng Đại Liên hoa tôn
Lúc nào dùng tự lực
Tác pháp cũng thành tựu,
Tùy ý mình mong muốn
Thấy thế gian viên mãn
Và dục lạc thù thắng
Xa lìa khổ già, bệnh
Sẽ chứng Phật, Bồ-tát
Và Kim Cang Thủ thảy
Đều nương Quán Tự Tại
Thì đều được viên mãn.
Nếu cầu ấn thành tựu
Nên kết ấn nhập định
Muốn thành tựu Tam-muội
Nên kết ấn Tam-muội,
Cầu các pháp Yết-ma
Nên kết ấn Yết-ma.
Nếu các pháp thành tựu
Tất cả việc khó thành
Đều nương Tam-ma-địa
Y pháp được thành tựu.

Nếu có tất cả nghiệp chướng ác mộng không tốt và các tai họa lo buồn khổ não, mất mát của cải, nghèo cùng bức bách, tranh đấu nhiễu loạn, bệnh tật triền miên, lại thêm nạn chết yểu. Nếu muốn tránh xa những nạn như vậy thì nên y theo pháp Đại Liên hoa chân thật Tam-ma-địa.

Nếu muốn dứt trừ các bệnh như bệnh phong, bệnh vàng da, hen suyễn, bệnh sốt rét, các chứng bệnh hủi, ghẻ lở, ung thư, phù thũng, khô gầy cho đến các tinh tú, Noa-cát-nễ... thảy đều diệt trừ tất cả, thì nên y theo pháp ấn chú Đại Liên hoa.

Nếu muốn tất cả được vững chắc thì nên y theo ấn Bị giáp Phật đảnh.

Nếu muốn ủng hộ thân mình, kết giới Mạn-noa-la, vẽ vòng Kim cang,... và các thứ như ăn uống, y phục trang nghiêm... đều y vào ấn pháp Đại Liên hoa.

Nếu muốn che chở tất cả, làm tăng trưởng sắc lực thọ mạng, tinh tấn mạnh mẽ tốt đẹp, không có bệnh tật, của cải dồi dào, tiếng tăm lớn lao và

được tất cả kính mến, thông đạt Tam-ma-địa, có trí tuệ rộng lớn thì nên y theo pháp thành tựu tối thượng Đại Liên hoa.

-oOo-

Phần 19: Nghi Quỹ Nói Về Tất Cả Nguyện Viên Mãn Kim Cang Bảo

Khi ấy, Kim Cang Thủ
Hiện tướng Đại văn tự
Đầy khắp cả hư không
Ban thắng nghĩa quán đảnh,
Biến hóa nơi Bảo bộ
An trụ Tam-ma-địa
Quán chiếu được thanh tịnh
Nên giác ngộ các pháp.
Các thắng nghĩa căn bản
Hữu tình tận không giới
Như mặt nước thấy sao
Nhập Tam-ma-địa báu,
Quán hư không giới kia
Như màu lưu ly sạch.
Bồ-tát Kim cang bảo
Sinh từ Hư không tạng
Bấy giờ, do vững chắc
Nương bản tướng mà trụ
Quán tưởng Tam-ma-địa
Nên thành tựu hữu tình,
Y nghi quỹ chư Phật
Cùng với Kim Cang Thủ
Muốn dùng báu Kim cang
Mà tác pháp Quán đảnh
Trao Quán đảnh Hiền thánh
Để mãn tất cả nguyện
Các Quán đảnh Hiền thánh
Tụng chú Quán đảnh này,
Liền nói Đại chú rằng:

Án, tát rị-phược, phược nhật-la, địa bát để đỏa. Tỳ săn tả, di bộ, rị-bộ phược sa.

Lúc nói Đại chú này

Pháp bản bộ tối thượng
Từ báu Kim cang tôn
Sinh ra các Hiền thánh,
Y pháp báu Kim cang
Quán đảnh các thế gian
Trao các quán đảnh rồi
An trụ Mạn-noa-la
Phật, Bồ-tát vui theo
Bảo Kim cang bộ chủ
Nói nghi quỹ tối thượng
Ở ngoại Mạn-noa-la
Trong vẽ vầng nguyệt lớn
Màu sắc như hư không
Y pháp vẽ tinh tú.
Ở trong vầng nguyệt ấy
Vẽ Hư Không Tạng tôn
Tịnh như sắc lưu ly
Ánh sáng chiếu khắp nơi,
Tay trái cầm hạt châu
An tâm như câu triệu
Tay phải làm thí nguyện
Bốn phía tôn vị này
Vẽ bốn vị thân cận.
Lại ở nơi bốn góc
Nên vẽ bốn Bồ-tát
Quán đảnh và Bảo Tạng
Cúng dường và Cát tường
Đều cầm cờ nêu gốc.

Chú bốn Thân cận là:

Phược nhật-la tát đỏa nhược.
Phược nhật-la la đát-na hồng.
Phược nhật-la đạt rị-ma sưu.
Phược nhật-la yết rị-ma hô.

Chú bốn Bồ-tát là:

Phược nhật-la a tỳ thí, kế nhược.
Ma hạ, phược nhật-la nỉ đà, nê hồng.
Phược nhật-la ma ni la đát-na.

Đặc-phược nhạ a ngật-la kế, dụ rị sưu.

Ma hạ, phược nhật-la ma hệ, hô.

Các pháp sở tác như vậy đều y theo nghi quỹ Đại mạn-noa-la, sau đó, vị A-xà-lê cầm các hoa báu vào Mạn-noa-la, y theo pháp dâng cúng kính lễ Bản tôn, tụng chú Tam-muội rằng:

Án, tất đinh bộ. Tất đinh bộ phược. Tất đinh sa. Tất đinh ma hạ, phược nhật-la la đát-na. Phược tả tra tra đát-lãm.

Khi tụng Đại chú này, Bồ-tát Hư Không Tạng thí tất cả thành tựu. Sau đó, vị A-xà-lê y theo pháp kết ma-ni quyền câu ấn, rồi triệu thỉnh Bồ-tát Hư Không Tạng, chú thỉnh triệu rằng:

Án, bộ a dạ hý nhược. Bộ phược bát-la vĩ xá hồng. Sa ngật-rị hận-noa sưu. Phược phược nga nga tất đinh hô, đát-lãm.

Lúc tụng Đại chú này, Bồ-tát Hư Không Tạng mau giáng vào Mạn-noa-la; sự mong cầu của A-xà-lê đều được thành tựu. Sau đó sai đệ tử cầm các hoa đẹp kết ấn như trước, dẫn vào Mạn-noa-la truyền các pháp chân thật. Từ đó về sau, đệ tử được giàu sang, mọi việc đều thành tựu, cho đến pháp xuất thế gian như chư Phật, Bồ-tát đều chóng thành tựu.

Lại nói pháp thành tựu
Là ấn Kim cang bảo
Hành giả làm thành tựu
Muốn lợi ích thế gian.
Do nhờ Đại ấn này
Tất cả đều như ý
Sức ấn Bảo tự tại
Xa lìa khổ già, bệnh,
Như một đống báu lớn
Thành tựu theo ý muốn
Ấn Tam-muội cũng vậy
Làm thành tựu các việc.
Nên kết Tam-muội quyền
Cúng dường các hoa đẹp
Y pháp làm thành tựu
Việc làm đều viên mãn,
Lại nói pháp thành tựu
Tối thượng trong các nghi
Thành tựu việc khó thành
Điều đó nay sẽ nói.

Nếu muốn câu triệu các Bộ-đa khiến vào Tam-muội, an trụ pháp Kính ái vững chắc tùy theo điều nguyện cầu thanh tịnh các đường ác, thành tựu pháp Tối thượng,... đều y vào chú ấn Kim cang quán đảnh.

Nếu muốn câu triệu các điều tốt lành an trụ vào các pháp Kính ái vững chắc, đều y theo chú ấn Kim cang bảo cát tường.

Nếu muốn câu triệu để mong cầu sự giàu sang sung sướng, an trụ các pháp thành tựu vững chắc,... thì đều y vào chú ấn Kim cang bảo phú lạc.

Nếu muốn câu triệu thực hành các cúng dường, an trụ vững chắc, cho đến các pháp Kính ái,... thì đều y theo chú ấn Kim cang bảo cúng dường. Liền nói tụng rằng:

Kim Cang Thủ thương xót
Lợi ích các hữu tình
Nói pháp thành tựu này
Hành giả nên thọ trì.

-oOo-

Phần 20: Nghi Quỹ Thành Tựu Tối Thượng Trong Tất Cả Nghi Quỹ

Khi ấy, Kim Cang Thủ
Bậc trên hết ba cõi
Muốn tịnh tham sân thảy
Nên nói thành tựu này.
Diệt ba độc này rồi
Thế gian thành cam lộ
Lại vì nhiếp các Rồng
Nên nói Mạn-noa-la.
Nói tâm chú này rằng:

Phổ.

Nên làm Mạn-noa-la
Bốn phương và bốn cửa
Vẽ hình tám Rồng lớn
Mỗi cửa vẽ hai rồng,
Đầu rồng đều hướng cửa
Đuôi dài đến góc đàn
Trong Mạn-noa-la vẽ
A-nan-đà Long vương,
Long vương có tám đầu
Ở ngoài Mạn-noa-la

Vẽ tám họ Long vương
Xếp đặt như vậy rồi,
Tức thời A-xà-lê
Làm tướng rất giận dữ
Nên tưởng nơi thân mình
Rồi vì Đại long vương
Mau vào Mạn noa la
Tụng Đại chú câu triệu
Câu triệu các Long vương
Bằng Đại chú này rằng:

Án, ngật-rị a nỉ la nhạ phược phệ, nga. Tất-rị thể vĩ đỏa la thí, sa dạ hý phổ.

Tát rị-phược na, nga cô la, nãnh na dã phổ.

Tam ma duệ, bát-la phệ, xá dạ phệ, nga dã phổ.

Tát rị-sưu sa, đạt dã phổ.

Tát rị-phược na, nga bổ đát-la ca phổ.

Tụng chú triệu thỉnh rồi
Các Rồng đều nhóm họp
Vào trong Mạn-noa-la
Nếu A-xà-lê có
Các phiền não ba độc
Tức thời đều tiêu diệt.
Đã vì các Rồng kia
Nói Tam-muội thệ rằng
Thế gian tham, sân, si
Là ba độc các ngươi
An trụ vào Tam-muội
Ba độc liền tiêu diệt.
Sau đó, A-xà-lê
Các ác không thể hại
Nếu uống các thuốc độc
Cũng biến thành cam lộ,
Có sức lực dũng mãnh
Như rồng Hòa-tu-cát
Tất cả các pháp độc
Cũng đều bị tiêu diệt.
Lại nữa, Kim Cang Thủ

Vì lợi ích hữu tình
Nói hàng phục các sao
Các sao xấu ác thảy,
Bị ba độc não hại
Không thể lợi chúng sinh
Bị chấp trì thảy hại
Các tội nghiệp đều sinh
Hàng phục sao xấu rồi
Liền nói tâm chú rằng:

Hồng.

Nên vẽ Mạn-noa-la
Bốn phương đặt bốn cửa
Ở trong Mạn-noa-la
Y pháp vẽ các sao,
An đặt như thế rồi
Sau đó, A-xà-lê
Vào trong Mạn-noa-la
Tác pháp rồi câu triệu.
Triệu rồi dâng cúng dường
Làm tướng rất giận dữ
Lập thế Kim Cang Thủ
Trì tụng tâm chú này.
Tất cả các sao xấu
Tức thời đều điều phục.
Sau đó, A-xà-lê
Dứt sạch tất cả khổ
Các ác không xâm hại
Điều lành đều tăng trưởng,
Bồ-tát Kim Cang Thủ
Tự tại đối các pháp
Vì lợi ích hữu tình
Lại nói Mạn-noa-la.

Trước nói chú này rằng:

Hồng, a hý ngật-rị, đát-lãm.

Lúc nói đại chú này
Đại Tự tại tối thượng
Tối thắng trong tất cả

Dùng năm pháp bí mật,
Để làm pháp điều phục
Điều phục nhất trong đời
Nay tôi sẽ giảng nói
Pháp Đại tỳ-thủ này.
Mạn-noa-la tối thượng
Tự tại đối các pháp
Y pháp vẽ đạo tràng
Trong vẽ Kim Cang Thủ
Và chúng Kim cang bộ
Bốn bên bốn Bồ-tát
Đều cầm cờ nêu gốc
Trước là Na-la-diên
Tay cầm vòng Kim cang
Phải Tán-ni-thuyết-la
Tay cầm nắm chĩa ba
Trái Kim cang liên hoa
Tay cầm hoa sen vàng
Sau đặt Hư Không Tạng
Tay cầm chày Kim cang.
Lại ở nơi bốn góc
Vẽ bốn vị Hiền thánh
Là Kim cang kiết tường
Cùng Kim cang ngẫu-lê
Và Kim cang đa-la
Với Kim cang hư không
Đều có tâm chú gốc
Chú các Hiền thánh rằng:

Án, phược nhật-la na, la dã noa thân nại thân nại. A bát-la để hạ đa phược nhật-la phược ngật-rị noa-hô, bà nga sưu phược nhật-la đát tha, nga đa nhược hồng, sưu hô.

Phược nhật-la đát tha, nga đa hồng. Phược nhật-la cốt-lỗ đà ma hạ, du nghệ nỉ nga ni, thuyết la. Ma hạ, phược nhật-la thú la a ngật-la bá, ni hô. Bà nga sưu phược nhật-la tán ni thuyết la a. Hạ hạ hạ hạ hệ.

Phược nhật-la đạt la ngật-rị. Phược nhật-la bát nột-ma, nột-bà phược hô. Bà nga phược sưu nhật-la a phược lộ, kết đế, thuyết la ma hạ, một-la hồng-ma. Tất đinh án, bộ rị-bộ phược sa. Sa tất-đế na mạc sa hạ.

Phược nhật-la cô tô ma, dục đà. Tát rị-phược ca, ma di sa, đạt dã hô, bà nga sưu phược nhật-la a ca, xá nga rị-bà. Phược phược tra tra đát lãm.

Na mô duệ na tát đế-dã na bà nga phược đế, bát-la nghệ-dã, bá la di đa. Tát-bố tra, thân nại phược nhật-rị ni tát ngật-rị noa. Đế na tát đế-dã na bá bát cang. Án, địa thất-rị du-lỗ để tát mật-rị để vĩ nhạ duệ, sa hạ.

Án, phược nhật-la ngẫu rị ma hạ, vĩ nỉ-dụ. Đát-rị lộ ca vĩ nhã duệ thuyết rị. Phược nhật-la cốt-lỗ đà, nghi-nỉ tam ma duệ. Phược nhật-la đà, rị na mô tốt-đổ đế. Đát nãnh tha. Ê lệ di lệ. Lệ, lệ la lệ la, lệ. Phược nhật-la ca, rị-mẫu ca duệ sa, hạ.

Na mô duệ na tát đế-dã, na bà nga phược đế. Một đà mạo địa la nậu đa-la. Phược nhật-la đạt rị-ma bát-la du nghi noa, đế na tát đế-dã na tất đinh hàn. Án, đa rị đổ đa rị, đổ rị sa hạ.

Án, ca ma phược nhật-rị ni tất đà, tất. Vĩ thú đà, tất. Nga nga nộ nột-bà phược du nghi na tất đinh hàm. Bát-la ma, xoa-rị. Đát nãnh tha. Nga nga nộ nột-bà vĩ. Nga nga na vĩ du đề. Tát rị-phược tỷ bát-la dã bát rị bố la ni, sa hạ.

Ở ngoài Mạn-noa-la
Cắm cờ theo vị trí
Trời và Ma-đát-rị
Cùng các trời Hộ thế
Đều theo vị an trụ
Bốn góc và bốn cửa
Đặt mười vị hội chủ
Đều cầm các nhạc cụ
Đều dùng tâm chú gốc
Xếp đặt theo bản vị
Mạn-noa-la như vậy
Đặt các Hiền thánh rồi
Sau đó, A-xà-lê
Y pháp vào đàn tràng
Thỉnh triệu các Hiền thánh
Và kết ấn câu triệu
Tụng chú triệu thỉnh rằng:

Án, ma hạ tô kha phược nhật-la tát đỏa tất đinh hồng. Tát rị-phược đát tha, nga đán tát ma, ca rị-sa dã nhược. Tát rị-phược phược nhật-la câu la địa bán. Nại ma duệ đỏa, bát-la vĩ thiết dã hồng. Tát rị-phược lộ kế thuyết lãm bát-la vĩ thiết-dã. Tam ma duệ rị-phược đà, na dã sưu. Tát rị-phược la

đát-na, địa bán ma ni la, nhạ nan. Phược thi, câu lỗ hô. Hồng ác ê ngật-rị đốt-lũng.

Lúc tụng chú triệu thỉnh
Năm Đại bí mật chủ
Kim Cang Thủ trên hết
Cùng các Hiền thánh khác
Giáng lâm Mạn-noa-la
Khiến an trụ vững chắc,
Khi ấy, các Hiền thánh
Thí thành tựu tối thượng.
Sau đó, A-xà-lê
Nên theo nghi pháp trước
Làm thành Mạn-noa-la
Và làm các thành tựu
Mọi việc đều viên mãn
Tận vô lượng, vô biên
Điều phục không ai bằng
Dùng chương cú như trên.
Tất cả nghĩa thanh tịnh
Chư Phật khéo giảng nói
Như Lai bộ sâu xa
Khéo được các diệu lạc
Là vắng lặng trên hết,
Được chư Phật tùy hỷ.

-oOo-

Phần 21: Nghi Quỹ Về Tất Cả Tương Ưng Với Tam-muội Mạn-noa-la Của Chư Phật

Bồ-tát Kim Cang Thủ
Lại nói pháp sâu xa
Nhiệm mầu không nghĩ bàn
Chú rộng lớn trên hết,
Thanh tịnh vốn vô tướng
Vô tác và vô tận
Là chân thật rốt ráo
Tốt đẹp không gì hơn,
Diệu lạc thật vui thích

Đem pháp giới chân tịnh
Để lợi ích chúng sinh
Nghĩa vi diệu tối thượng.
Thí tất cả thành tựu
Khéo ban pháp an vui
Dùng Kim cang tỉnh ngộ
Để giác ngộ chúng sinh.
Nghĩa bí mật tối thắng
Đủ quyết định Kim cang
Là nghi quỹ bậc nhất
Trên hết không gì hơn.
Đại Tam-muội chư Phật
Là Đại lạc giới này
Chẳng nghĩ bàn thành tựu
Các bảo vương trang nghiêm,
Nương vào chỗ vắng lặng
Chỗ ở Đại Mâu-ni
Diệu lạc thật vui thích
Tiếng nhạc trời tự nhiên,
Là yêu thích trên hết
Đủ các món cúng dường
Là vui thích trên hết
Cung điện báu không sánh,
Là an trụ trên hết
Độ vô lượng chúng sinh
Là thành tựu trên hết
Giảng nói chữ nhiệm mầu.
Là Kim cang tát-đỏa
Tu tập hạnh Phổ Hiền
Rồi dẫn dắt chúng sinh
Chứng chư Phật, Bồ-tát,
Các thành tựu trên hết
Đại chủ Kim Cang Thủ
Tất cả Diệu dục lạc
Đều viên mãn tự tại.

Bồ-tát Kim Cang Thủ liền nói tâm chú tối thượng rằng:

Hồng.

Lúc nói Đại chú này

Bồ-tát Kim Cang Thủ
Phát sinh năm bí mật
Ấn chân thật Hiền thánh,
Thường ban các mong muốn
Đại Tự tại tối thượng
Bốn chúng Đại Hiền thánh
Đều giáo hóa chúng sinh.
Pháp này đối thế gian
Các thành tựu trên hết
Nghĩa thù thắng tăng trưởng
Giàu có Đại thánh tài
Làm được Đại thành tựu
Thí lợi lạc rộng lớn,
Vô số các Hiền thánh
Tức Kim cang tát-đỏa
Nay nói chú bí mật
Tối thượng của Hiền thánh.

Đát nãnh tha, ma hạ, la đa thất-rị phược nhật-la, mô già la để. Tam ma dã, na mạc phược nhật-rị ni. Ma hạ, la đa thất-rị, phược nhật-la, mô già la để. Tam ma dã phược nhật-la kế lệ, kết la ma hạ, la đa. Thất-rị, phược nhật-la mô già, la để tam ma dã. Vĩ nhạ dã phược nhật-la, ma hạ, đa la. Thất rị, phược nhật-la mô già, la để tam ma dã. Phược nhật-la ca, di thuyết la, di để.

Chú bí mật như vậy
Nếu có người thọ trì
Thì sẽ được các ấn
Và thành tựu các pháp.
Lại nói rốt ráo này
Pháp thành tựu trên hết
Vì nhờ pháp như thế
Việc làm được rốt ráo.
Nếu có các hành giả
Lỡ phạm các tội nghiệp
Cũng chưa từng thành tựu
Đối với pháp bí mật,
Nêu nương pháp hành này
Thì đều được viên mãn.
Nếu muốn làm thành tựu

Một ngày hoặc một tháng
Mãi cho đến một năm
Tùy khả năng của mình
Trước nên theo pháp nghi
Vẽ tượng Kim Cang Thủ
Màu thân như mặt trăng
Ở trên hoa sen lớn
Ngồi theo pháp kiết già
Với tư thế đưa cao
Thân trang nghiêm các thứ
Các ánh sáng rực rỡ
Như nghi Quán đảnh Phật
Tay trái cầm linh báu
Phải cầm chày Kim cang
Ở trên hoa sen trước
Lại vẽ bốn Hiền thánh
Mỗi bên đặt hai tượng
Đều tư thế đưa cao
Gọi bốn vị thân cận
Một như hoa sen trắng
Còn ba như sen xanh
Phía sau Kim Cang Thủ
Chỉ-rị-chỉ-la tôn,
Lại ở phía bên phải
Vẽ Đại Kim Cang tôn
Tay phải thế cầm tên
Tay trái cầm cờ báu
Còn ở phía bên trái
Vẽ Ba-rị-sạ-sa
Các vị Hiền thánh ấy
Như tướng Bảo quán đảnh,
Vẽ tượng lụa này rồi
Hoặc khởi lên quán tưởng
Hoặc lại làm cúng dường
Hoặc là người vui theo

Được giải thoát rốt ráo
Việc làm đều như ý.
Kim Cang Thủ như vậy
Pháp tượng lụa bí mật
Là Đại lạc tối thắng
Nếu có ai yêu thích
Sẽ được vui tối thượng
Thành tựu pháp Thanh tịnh.
Vì pháp thanh tịnh này
Là nghĩa chân bí mật
Lại nói Mạn-noa-la
Nên chọn nơi thanh tịnh,
Hoặc nơi vườn rừng tốt
Hoặc già-lam, tinh xá
Chọn nơi như vậy rồi
Dùng các báu trang nghiêm,
Treo linh và anh lạc
Cờ phướn và báu lọng
Hương hoa các kỹ nhạc
Y pháp mà trang nghiêm,
Sau đó làm thành tựu
Mạn-noa-la bí mật
Tác pháp thành tựu rồi
Các Hiền thánh đều thành
Vào Mạn-noa-la này
Người trong đại bí mật
Thành Kim cang Xà-lê
Với những gì mong muốn
Đều chóng được viên mãn.
Trước A-xà-lê phải
Tắm gội cho sạch sẽ
Dùng hương thơm xoa thân
Mặc áo đẹp thượng hạng
Vòng báu trang nghiêm thân
Tay cầm các hoa đẹp
Tụng chú Kim cang ca
Vào trong Mạn-noa-la
Liền xướng ca chú rằng:

Bát-la vĩ xá bà nga sưu. Ma hạ, tô kha mô, xoa bổ lãm. Tát rị-phược tất đề tô kháng la dương. Bát-la ma tô khô, đát ma tất đinh. Nhược hồng, sưu sưu hô, bát-la tất đinh sa.

Vào Mạn-noa-la rồi
Tay cầm các hoa đẹp
Mà kết ấn Phật nhãn
Liền tụng tâm chú này.
Rải hoa xong lễ bái
Chú lễ bái như sau:

Án, ba la ma tô kha, xá dã. Tát la rị đa vĩ la, sa na di đới. Na ma, di bà nga lỗ đương. Nhược hồng, sưu hô. Hý hý hý hý. Bát-la đế, tha cô tô hàm, nhạ rị na tha.

Rải hoa đảnh lễ xong
Y Kim cang Tát-đỏa
Làm như thế quán đảnh
Cầm linh chày Kim cang
Tụng Tam-muội quán đảnh
Chú Quán đảnh như sau:

Án, tát rị-phược một đà phược la la đát-na tán tả dã. Bát-la đát-du bát-đa nỉ dương ma cô tra, dã na ma. A tỳ săn tả hàm. Bát-la phược la la nhật-la đạt lãm. Thất-rị phược nhật-la tát đỏa tam ma dã tát-đát-sưu ma hang.

Chày biểu thị lý thật
Rung linh là Pháp âm
Tam-muội là đại ấn
An trụ tụng tâm chú
Người cầm chày linh này
Liền thành Kim Cang Thủ
Là Đại A-xà-lê
Không khác Kim Cang Thủ
Ba thứ pháp Tam-muội
Bí mật tối thượng này
Thành tựu Mạn-noa-la
Hơn hết không gì bằng.
Lại nói pháp thành tựu
Thật rốt ráo sâu xa
Vì là pháp rốt ráo

Được quyết định thành tựu.
Nếu lại có hành giả
Ba nghiệp không thanh tịnh
Hoặc người chưa thành tựu
Thảy đều được viên mãn.
Hành giả nên y pháp
Trước tạo tượng Bồ-tát
Đắp vẽ hoặc điêu khắc
Ở trước tượng Bồ-tát,
Dâng cúng đủ các món
Cầm linh, chày Kim cang
Dùng ba thứ Tam-muội
Các Đại chú nhiếp triệu,
Y nghi quỹ tác pháp
Tất cả ba Tam-muội
Các Đại chú câu triệu
Đều dùng ấn câu triệu
Cũng dùng chú tối thượng
Đại chú ấy như sau:

Tát rị-phược đát tha, nga đa ô đa ma tất đinh, ca rị-sa noa. Bát-la ma la hát tả tam ma dã. Phược nhật-la nghi đổ bát hạ, la nhược. Bát-la ma nãnh phược nhật-la đạt la. Phược nhật-la tát đỏa tát tô kháng bát-la một đinh. Tô la đa tát-đát-đinh ma hang. Bát-la để một đinh một đà hý hồng. Phược la phược nhật-la ca rị-ma bát-la ma xoa la. Ác xoa dương bà phược. Bát-la tất địa tô kha tao ma na tả. Tam ma dã, nãnh tất đinh hàm, sưu. Bát-la ma, tát mẫu rị-để đạt la. Tát rị-phược du nga vĩ nhạ du tha la dã. Bát-la phược la thú địa tô khế bà phược. Bát nại-ma la, nhạ hý hô. Bát-la phược la bát lãm bát la ma. Tát rị-phược tất địa bát la di thuyết la. Bát-la bà phược hý kha nga rị bà. Tát đa đán tát mật-rị đinh di. Nhược hồng sưu hô. Hổ lô hổ lô. Tất đinh tát ma, ca rị-thi đổ. Ma hạ, tam ma duệ. Tát rị-phược đát tha, nga đa tam ma dã. Tô la đa tát-đát-sưu ma hang.

Đại bí mật căn bản
Ba thứ pháp Tam-muội
Phải nên y Bản tôn
Thành tựu các cúng dường
Dùng Đại chú cúng dường
Rồi mới ca vũ thảy
Nói thành tựu tối thượng

Của các Đức Như Lai
Nghi quỹ Đại cúng dường
Tam-muội đại bí mật
Kim cang Ca, Vũ thảy
Đại chú tối thượng rằng:

Tát rị-phược nậu la, nga tô kha tam ma na tam. Đát-sưu phược nhật-la tát đỏa tô la đa. Tam ma dương bà phược di. Ma hạ tô kha đát-rị trừ tha-la dã nại. Bát-la để bát đinh tất đinh tả. La ngu bát-la noa đa.

Đại bí mật trên hết
Ba thứ pháp Tam-muội
An trụ các thành tựu
Đại pháp nghi quỹ này.
Như pháp Bản tôn kia
Dùng ấn cũng như vậy
Trì tụng các tâm chú
Nói về các Như Lai.
An trụ pháp thành tựu
Nghĩa chân thật tối thượng
Tam-muội đại bí mật
Kim cang Ca, Vũ thảy
Các thần chú thù thắng
Liền nói chú ấy rằng:

Án, a ca du đát-ba nại tức hạ-na đỏa. Nại na, nỉ nỉ đà na bát lãm. Ma hạ, phược nhật-la tam ma dã tát đát-vũ. Phược nhật-la tát đỏa bát-la tất đinh di. Tát rị-vũ đát ma ma hạ, tất địa. Ma thai thuyết rị-dã, địa nãi phược đa. Tát rị-phược, phược nhật-la đà lỗ la, nhạ. Tất đinh di bát la ma, xoa la. Nỉ rị-nỉ thiết thiết, thuyết đa thất-tả tất. Tát rị-phược la, nga nậu la, nga noa. Đát đát-vĩ, na tất đinh bà nga sưu. Ma hạ, la nga ma hạ, la đa. A đa-dương đát thú thú đà rị-phược. Nga la a nỉ mục ngật-đa tát-đát tha nga đa. Tam mãn đa bà nại-la tát rị-phược, đát-ma. Mạo địa tát đỏa bát-la tất đinh nỉ. Tát rị-vũ đát ma ma ha, tất địa. Rị-ma thai thuyết rị-dã nga-la mẫu nại-la dã. Tất đinh phược nhật-la ma hô, đát-ca rị-sa. Phược nhật-la nga rị-phược a bát để ma ma.

Đại chú căn bản này
Là pháp lý chân thật
Nếu người tụng đúng pháp
Thì chắc chắn thành Thánh,

Được Thánh tài tự tại
Thành tựu việc khó thành
Kim cang Tát-đỏa này
Thành bí mật tối thượng.
Nhiếp các đại thành tựu
Y nghi quỹ thắng pháp
Gấp triệu Kim Cang Thủ,
Được thành tựu các pháp
Nhóm họp đại phú lạc
Thành tựu thắng pháp này
Liền thấy các ánh sáng,
Hoặc hiện điềm lành khác
A-xà-lê thấy rồi
Liền được đại phú lạc
Thành tựu các nghi quỹ,
Đều tùy tâm mà làm
Đây gọi là căn bản
Ba thứ pháp Tam-muội
Làm việc thành tựu này
Các Hiền thánh giáng lâm
Y pháp Bản tôn này
Các Hiền thánh cũng vậy
Các nghi thức ca vũ
Cũng đồng Bản tôn trước
Bản tôn sinh tỉnh thức
Nên dùng chú căn bản
Rung linh và ca múa
Rồi dùng ấn Yết-ma
Hoặc dùng ấn Tam-muội
Các nghi quỹ như vậy
Dùng Kim cang giác ngộ
Đều khiến cho cảnh giác
Thành tất cả Tam-muội
Vượt qua pháp Bản tôn
Pháp bí mật trên hết
Ba thí pháp chân thật
Kim cang Ca vũ thảy
Là thành tựu trên hết.

Hành giả thực hành pháp
Nên tùy theo tâm lực
Lựa chọn chỗ đất tốt
Cung điện và vườn rừng
Hoặc báu hoặc các hoa
Đem trang hoàng nơi ấy
Hành giả nên tắm gội
Mặc áo giặt mới sạch
Sau đó đặt tôn tượng
Hình vẽ hoặc tượng đắp
Trải bày trong đàn tràng
Y pháp nghiêm Phật sự
Hành giả ở trước tượng
Dùng nghi pháp Bản tôn
Cầm linh, chày Kim cang
Rung lên để thức tỉnh
Câu triệu đều xếp đặt
Cúng dường được thành tựu.
Đã được thành tựu rồi
Đối với bốn oai nghi
Nói năng và cười đùa
Khắp nơi đều tùy ý
Bí mật luân trên hết
Tùy ý muốn đều thành
Các thành tựu tự tại
Thoát khổ già, bệnh, chết.
Liền như Kim Cang Thủ
Là vua Kim cang bộ
Tất cả ấn tự tại
Tướng ấy không thấy được
Giải thoát các trói buộc
Nhiếp tất cả hữu tình
Được làm Đại chủ tể
Khéo làm các thành hoại
Cùng tất cả ái kính
Các thành tựu tối thắng
Tự tại trong thế gian
Vui bậc nhất trên hết

Như biển sen thanh tịnh.
Nếu người tu tập được
Tức là dựng cờ pháp
Vượt ra khỏi ba cõi
Được lợi ích cao quý,
Kim Cang Thủ như vậy
Nói căn bản tối thượng
Ba thứ pháp Tam-muội
Nghi cúng dường thành tựu
Và các câu triệu thảy
Bí mật đại an lạc
Chư Phật đều vui theo
Tâm ấn Kim Cang Thủ
Nhiếp tâm các chúng sinh
Là Kim cang tát-đỏa
Rộng tu hạnh Phổ Hiền
Tự tại như hư không,
Từ chân lý tự tánh
Một pháp sinh vô biên
Như biển sen thanh tịnh
Diệu lạc trên hết này
Đại bí mật sâu xa
Làm được các thành tựu
Dựng lên cờ diệu pháp
Được thành tựu như vậy
Diệu pháp lạc trên hết.

-oOo-

KINH PHẬT THUYẾT TỐI THƯỢNG CĂN BẢN ĐẠI LẠC KIM CANG BẤT KHÔNG TAM-MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG

QUYỂN 6

Phần 22: Nghi Quỹ Về Đại Tam-muội Mạn-noa-la Của Tất Cả Như Lai

Lúc bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ lại nói nghi quỹ quán đảnh đệ tử là pháp Đại Tam-muội của chư Phật. Nếu ai muốn thọ pháp quán đảnh Đại Tam-muội bí mật của chư Phật thì trước hết phải phát khởi tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác bí mật tối thượng của chư Phật, tự tánh thanh tịnh đồng với chư Phật.

Vị A-xà-lê trước trao tâm chú bí mật tối thượng này cho đệ tử:

Án, tát rị-phược du, nghệ kha dã phược, ngật-tức đa mẫu đát-ba nại dạ di.

Trao tâm chú giác ngộ này rồi, liền được địa vị không lui sụt của chư Phật, có khả năng hàng phục tất cả tà ma ngoại đạo, liền thành chư Phật, Bồ-tát. Kế đó là trao chú này rằng:

Điểu đát-ba nại duệ đỏa ba la hàm mạo địa tức đa ma nậu đa la. Phược nhật-la ma đinh tả bát-la để sắt-tra, tất-dương. Ngật-rị nại duệ, ngật-rị nại duệ, na đổ. Tô la đế, tam ma dã tát-đát-nhược hô. Phược nhật-la tất đinh dã tha, tô kháng.

Trao đại tâm chú này rồi, ai muốn cầu pháp thành tựu trên hết thì Bồ-tát Kim Cang Thủ thảy đều trao cho. Vị A-xà-lê nên y theo pháp mà trao truyền cho đệ tử, bảo đệ tử phủ lụa sạch lên mặt tay cầm các thứ hoa đẹp, sau đó dẫn vào Mạn-noa-la. Đệ tử phải nhất tâm tha thiết, phát thệ nguyện rộng lớn, rồi tùy ý rải hoa đang cầm, hoa rơi vào tôn vị nào thì vị ấy là Bản tôn, được Bản tôn rồi mới kéo khăn che trên mặt ra. Bấy giờ, vị A-xà-lê liền y theo pháp quán đảnh của Phật bộ, rảy nước sạch Kim cang lên đảnh đệ tử, rồi trao ba pháp Tam-muội. Sau đó trao thệ Tam-muội rằng:

Ngươi nhận Quán đảnh rồi

Thường trụ trong Tam-muội
Thành tựu tất cả pháp
Linh, chày Kim cang này
Nên giữ gìn tin thọ
Trụ Tam-muội vững chắc
Phát khởi hạnh chân thật
Nay truyền trao cho ông,
Pháp Quán đảnh bí mật
Mật ấn của chư Phật
Nếu sinh tâm khinh mạn
Thì bị đọa địa ngục.

Nói thệ này rồi, vị A-xà-lê liền trao chày Kim cang cho đệ tử và nói chú chày Kim cang rằng:

Án, tát rị-phược đát tha, nga đa. Ma hạ tam ma dã. Đát đỏa, địa bát để đỏa, ma tỷ săn tả di. Ma hạ, phược nhật-la đạt ma. Y nại đán tát rị-phược một đà đát-sưu. Phược nhật-lãng phược nhật-la đạt la tả đốt. Đỏa dã, tất ê tát nại, đà rị-dương. Ma hạ, phược nhật-la đạt lãm một-la đa di để. Đa nỉ nan đa tát rị-phược đát tha, nga đa. Bát la ma ma hạ, mạo địa tức đa. Ma tả, bát rị đa, nga. Nại tả tát nại, đà la noa di để la hát tát-dương. Ê, phược nhật-la nga rị-phược, địa bát để. Thất-rị, hý phược nhật-la na, mạc tất đinh tam ma dã tát-đát-sưu. Phổ rị-phổ phược sa.

Truyền chú này rồi, vị A-xà-lê nên tùy theo vị Bản tôn quán đảnh của đệ tử mà đặt tên. Từ khi đặt tên rồi cho đến giác ngộ không bị lui sụt trên đường tiến đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì đã thọ ba pháp Tam-muội này. Pháp Tam-muội này không thật có không thể biết được. Đại lạc Kim cang tát-đỏa là hạnh của Phổ Hiền, từ căn bản tối thượng phát sinh. Đã vì đệ tử mà nói năm pháp bí mật chân thật tối thượng này rồi, lại dạy đệ tử:

Pháp tối thượng này là chủ trong ba cõi, đứng đầu trong tất cả tự tại, là đạo chân thật vô thượng. Tự tánh thanh tịnh của chư Phật Như Lai, hiểu rõ được tự tánh thanh tịnh của tất cả chúng sinh; tự tánh của ba cõi cũng thanh tịnh hiển lý chân thật. Pháp bí mật tối thượng này tức là linh Kim cang, nó có công năng giác ngộ chư Phật, Như Lai và các Hiền thánh. Pháp cúng dường này còn có khả năng giác ngộ tất cả pháp. Lại dùng pháp này để giác ngộ các hữu tình, tiêu trừ tất cả các nghiệp chướng. Đây gọi là pháp Kim cang giác ngộ, có khả năng thực hành thành tựu việc Kính ái... là phương tiện hay nhất để thanh tịnh ba cõi. Ngươi phải sinh tâm tín thọ đối

với các nghi quỹ Tam-muội bí mật tối thượng này. Trong ba cõi, pháp này có khả năng dứt trừ các khổ để được diệu lạc, đem đại phương tiện này để dạy dỗ làm lợi ích cho thế gian. Nếu ai tin nhận phụng hành thì quyết định được chân thật. Hành giả tu tập pháp thù thắng này, nếu như có hưởng thụ các lạc thú trong về năm dục đi nữa, nhưng chỉ nương pháp này tu hành thì không còn bị chướng ngại. Vì sao? Pháp Tam-muội vi diệu tối thượng Đại thừa vô tỷ của tất cả Như Lai. Thế nên phải siêng năng tu hành pháp môn ấy. Nếu ai không trái với mật ấn Tam-muội của chư Phật Như Lai thì người ấy chắc chắn trụ vào quả vị vững chắc sinh tâm không lui sụt. Đó gọi là Kim cang Tát-đỏa chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Liền nói tụng rằng:

Bồ-tát trụ thế gian
Vô lượng, vô số kiếp
Vì các loại hữu tình
Làm lợi ích rộng khắp.
Trụ Tam-muội phương tiện
Thành tựu phước nghiệp lớn
Trì chú Đại Tự tại
Muốn lợi ích chúng sinh
Dùng pháp Tam-muội này
Tùy ý đều được thành.
Nếu người có tội nghiệp
Cũng không bị chướng ngại
Mong muốn sẽ được thành,
Là vua Kim cang bộ
Bậc Tự tại tối thượng
Thành tựu pháp bí mật
Hành trì theo pháp này,
Làm lợi ích tự tha
Khéo ấn đối các pháp
Và làm các thành tựu
Chắc chắn đều viên mãn.
Làm các pháp tương ưng
Dứt sạch bờ mé khổ
Để được vui vô lượng
Kim Cang Thủ như vậy
Chày Kim cang bí mật
Nếu ai giữ gìn được

Thì thành tựu các việc.

Lại nữa, vị A-xà-lê nên thọ ký cho đệ tử, y theo nghi Kim cang quán đảnh thọ ký của chư Phật, và dùng đại ấn pháp của chư Phật. Đệ tử được thọ ký rồi, liền lìa xa các cõi nhập vào cảnh giới chư Phật. Liền nói chú thọ ký rằng:

Án, y số, hang dương, ca lỗ di đát-sưu. Phược nhật-la tát đỏa tát-đát tha, nga đa. Bà nga sưu, nột rị-nga đa du, đặc-rị đa. ÁT điển đa bà phược tất đà duệ. Hệ, phược nhật-la na, ma đát tha, nga đa. Tất đinh tam ma dã tát-đát-sưu. Phổ rị-phổ phược sa.

Nếu người được chư Phật thọ ký đại ấn chú này, mà tôn trọng tin nhận, thì được chư Phật Như Lai, Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ... đồng giáng lâm đến Mạn-noa-la và thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho người này. Người này được thọ ký rồi, chư Phật Như Lai, chúng Đại Bồ-tát đều kính ái, ban cho các pháp thành tựu. Chư Phật, Như Lai an trụ pháp giới, giống như hư không rộng lớn vô biên.

Khi ấy chư Phật đồng thời an ủi đều khen ngợi rằng:

–A-xà-lê này được Tam-muội của chư Phật đồng với các Như Lai.

Nếu người nào được bí mật tối thượng an ủi khen ngợi thì tức thời tiêu tan tất cả nghiệp chướng dứt hết không còn, lìa hẳn khổ não, chư Thiên không thể thấy, làm việc gì cũng không sợ, dứt khổ trong ba cõi, thành tựu pháp tối thượng. Pháp điều phục tối thắng này, nếu ai thường giữ gìn, an trụ vào Tam-muội thì được chư Phật bình đẳng giảng nói, không nên lìa bỏ tâm Bồ-đề, Kim cang mật ấn quyết định thành Bồ-đề.

Pháp của chư Phật này chớ tạm bỏ, dẫu có bị mê hoặc thà mất mạng chứ không được tạm bỏ pháp tối thượng của chư Phật. Linh, chày Kim cang và các ấn bí mật chớ lìa bỏ mà sinh tâm khinh mạn. Kính trọng A-xà-lê cũng như kính Phật, nếu khinh A-xà-lê tức là khinh Phật. Ai có tư tưởng như vậy thì sẽ phải chịu hậu quả khổ, không có oai đức, bị các bệnh nặng và các nạn Noa-cát-nễ, ma mị, tinh tú và các chúng ma quấy nhiễu, sau khi chết đi đọa vào địa ngục. Cho nên biết, A-xà-lê là bậc Đại sư, phải tôn trọng kính mến cúng dường.

Như trước đã nói, các khổ não... đều không thể xâm hại, phải nên cung kính cúng dường A-xà-lê. Vì sao? Vì A-xà-này lê đã trải qua vô lượng, vô biên kiếp thật khó được gặp, nhờ A-xà-lê khai phát đạo Bồ-đề, nên mới chứng thành Phật quả. Vì vậy đệ tử phải y theo nghi pháp này mà cúng dường, tức là cúng dường chư Phật Như Lai. Có vậy mới thành tựu pháp tối thượng, đạt được quả lành, ngang bằng với chư Hiền thánh không khác,

được thọ Quán đảnh, chứng địa vị Pháp vương, đứng đầu ba cõi, hàng phục quân ma, trụ địa tịch tĩnh, thành tựu quả Phật, chắc chắn không còn nghi hoặc.

Bồ-tát Kim Cang Thủ nói về quán đảnh Mạn-noa-la của tất cả chư Phật và Bồ-tát rồi, lại nói như vầy:

Như trước đã nói pháp tối thượng bí mật của tất cả Như Lai, an ủi trụ vào Tam-muội của tất cả Như Lai. A-xà-lê và đệ tử khiến phát tâm Đại Bồ-đề, liền trụ vào giai vị không lui sụt. Như vậy cần phải quán tưởng rốt ráo tối thượng như Phật. Tại sao? Vì A-xà-lê đệ tử có khả năng phát tâm Đại Bồ-đề tối thượng của chư Phật. Do phát đại tâm này nên được trụ vào địa vị không lui sụt. Nhờ không lui sụt cho nên chắc chắn chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do vậy mà hiện tại chứng được Bồ-đề, vị lai chắc chắn bình đẳng chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy.

Lại nữa, A-xà-lê và đệ tử, nếu có pháp tương ưng với Kim cang tát-đỏa đều được đầy đủ, là vì chư Phật Như Lai dùng bí mật tối thượng để an ủi.

Lại nữa, như trước đã nói, người trụ vào Tam-muội của chư Phật Như Lai thì liền chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là Tam-muội căn bản của chư Phật, Như Lai, là pháp thành tựu trên hết. Nếu người nào trụ Tam-muội này thì chứng chư Phật Như Lai. Cho nên nếu muốn dứt sạch các khổ não thì nên sinh tâm quý trọng A-xà-lê, phải thường giữ gìn kính tin, khen ngợi, phụng thờ, cúng dường, trọn đời không được biếng nhác lui sụt. Không những thế, mà còn khuyến khích người khác sinh lòng tin, tôn trọng phụng thờ cúng dường. Nên biết A-xà-lê này đã đủ ba nghiệp Kim cang, thường trụ trong Tam-muội rốt ráo tối thượng của chư Phật. Pháp đại bí mật này chớ trao truyền cho các hàng tà ma ngoại đạo và hàng Thanh văn, Duyên giác,... Bồ-tát Kim Cang Thủ nói pháp chân thật của chư Phật và các vị Bồ-tát rồi, lại nói tụng rằng:

Phải sinh tâm kính trọng
Đối với A-xà-lê
Vị A-xà-lê ấy
Là Tam-muội vô tận
Gốc Đại lạc tối thượng
Không khác gì chư Phật
Nhờ vị A-xà-lê
Được rốt ráo tối thượng.

Lại nữa, vị A-xà-lê chỉ nên thọ các pháp phú lạc và các thứ thức ăn

thượng vị, cho đến những việc ca múa vui chơi... phải y theo pháp trì tụng, dùng ấn căn bản mà thực hành bí mật cúng dường thì mọi sở cầu đều được thành tựu, liền nói các chú cúng dường của Kim cang tát-đỏa như bí mật ca vũ,... rằng:

Hồng. *(âm kéo dài)*

Chú bí mật cúng dường chư Phật Như Lai rằng:

A.

Chú Hàng phục tam giới tôn bí mật cúng dường rằng:

Hý. *(âm kéo dài)*

Chú Liên hoa tạng tôn bí mật cúng dường rằng:

Đát-lãm. *(hai chữ đọc thành một âm)*

Chú Hư Không Tạng tôn bí mật cúng dường rằng:

Khiết.

Các cúng dường như vậy mà dùng năm tâm chú này thì được thành tựu pháp cúng dường bí mật.

Lại nói Tỳ-thủ ấn cúng dường bí mật tối thượng và Kim cang tát-đỏa,... các nghi quỹ Hiền thánh, cờ nêu, ấn pháp. Tất cả cờ nêu đều dùng vàng bạc và gỗ cát tường... đều dựa theo pháp căn bản đặt vào Mạn-noa-la. Lúc đó, đệ tử y theo ấn pháp của Tỳ-thủ mà thực hành cúng dường. Nhờ nghi pháp Tỳ-thủ này mà tất cả khổ não trói buộc, các tật bệnh ác độc, các Noa-cát-nễ, ma mị, tinh tú, ma quỷ tai hại và các đường ác của đệ tử đều bị diệt sạch, thêm lớn các nghiệp lành được rốt ráo tương ưng với giác ngộ vô thượng của chư Phật. Y theo nghi Kim cang tát-đỏa tối thượng bí mật Tỳ-thủ ấn mà cúng dường. Tất cả các Hiền thánh đều dùng nhập Tam-muội ca mà thực hành cúng dường. Đây gọi là tất cả Tỳ-thủ Tam-muội thành tựu cúng dường tối thượng. Liền nói Kim cang tát-đỏa căn bản Yết-ma bộ nhập Tam-muội Kim cang ca rằng:

Tát rị-phược, nậu la, nga tô kha tố, ma na tán đát-sưu. Phược nhật-la tát đỏa tô la đa tam ma dã bà phược di. Ma hạ, tô kha niết-rị trừ, tốt dã nại, Bát-la để bát đinh tất đinh tả la cụ bát-la noa đa.

Lại nói tất cả Như Lai bộ tối thượng bí mật nhập Tam-muội Kim cang ca rằng:

Phược nhật-la tát đỏa tăng ngật la hạ.

Phược nhật-la la đát-na ma nổ đa la.

Phược nhật-la đạt rị-ma nga dã nãi.

Phược nhật-la yết rị-ma yết lỗ bà phược.

Lại nói tất cả Kim cang bộ tối thượng bí mật nhập Tam-muội Kim cang ca rằng:

Hồng, phược nhật-la ca rị-mẫu ca thiết la, dã na ma.

Thất-rị, phược nhật-la la, nga tam ma dạ dã na ma.

Khiết xuân nga, phược nhật-la bổ la dạ dã na ma.

Thất-rị, phược nhật-la kiện tra cát la bà, dã na ma.

Lại nói tất cả Liên hoa bộ tối thượng bí mật nhập Tam-muội Kim cang ca rằng:

Quát tức nại tỷ lỗ nại-la lao nại-la đa nậu. Mẫu nga-la nhạ na, tô hát-rị, bát-la bát nãnh tây quát tức tỷ đế xoa-noa tát ngật-la đạt la mẫu rị-đễ. Nhạ nga địa nỉ dã tán đa đa. Quát tức nại tỷ tao ma-dã phiến, đa phược bố la xoa la nan. Ca ma la ma na tả phế. Quát tức nại tỷ nỉ, bát-đa ca, ma tam ma dã, bát-la tất đinh. Ma ma bát nại-ma la, nhạ hý.

Lại nói tất cả Bảo bộ tối thượng bí mật nhập Tam-muội Kim cang ca rằng:

Tát rị-phược, tỷ thi ca bát la di thuyết la đa. Tăng tất đinh tả, xoa dã nỉ địa. Bát la ma tát rị-phược, nga-la kế đổ. Vĩ nhạ du tha-la dã đa. Thất-rị, phược nhật-la la đát-na bà phược di tô kha nại.

Lại nói Ma-độ-ca-la tam tôn ca rằng:

Phổ rị-phổ phược sa.

Lại nói Tứ Hiền thánh ca rằng:

Ngật-rị hồng thất-rị tỳ-du.

Lại nói chư Long vương ca rằng:

Phổ phổ.

Lại nói Kim Cang Thủ đại dược sát chủ chư Át-già cúng dường Kim cang ca rằng:

Tát rị-phược, rị-già mạn noa la nỉ nan. Phược nhật-la đạt la, ngật-la ma. Vĩ ma rị-nại vĩ kiết la vĩ kiết la. Bạn nho tha, nại dã na, thiết dã. Hát na nại hát bát tả. Bà tất-di, câu lỗ cốt-lỗ đà. Hồng ca, la ma, đát-rị noa áng.

Lại nói Tối thượng tự tại đại Mạn-noa-la tối thượng bí mật nhập Tam-muội Kim cang ca rằng:

Quát tức nại ma lãng nậu mạn noa la tát hát tát-la lỗ tả, phược bố sa, vĩ la, nhạ tây. Bát-la la dã na la, rị-ca cô trí ca la bôn nhạ ma hạ bà dã nỉ, tất-để na, quát tức. Quát tức nại vĩ ca, để nỉ tất-để tô kha phiến, đa ma na,

nỉ nhạ na lỗ bát đà, rị noa. Tát rị-phược nhạ nga tha ma, rị-bế đa tô lỗ bát bột-rị đa, đạt la bá, ni na quát tức. Nga nga na di phược tát rị-phược tăng tất thể đổ nhạ nga đán vĩ na du nãnh đổ vĩ thú đạt na, dã. Đát-sưu phược nhật-la tát đỏa tất đinh ma duệ thi sa vĩ na dã vĩ nại nga-đà tát tô khế tỳ-dược.

Lại nói ba thứ Tam-muội Kim cang ca tối thượng bí mật trong nghi bí mật tối thượng rằng:

Án, bát la vĩ thiết bà nga sưu. Ma hạ, tô kha mô, xoa bố lãm. Tát rị-phược tất đề tô kha ba la ma lãm ma-dương. Ba la ma tô khô, đát ma tất dạ. Nhược hồng, sưu hô, bát-la tất đinh sa.

Dùng Kim cang ca lý chân thật của ba thứ Tam-muội bí mật sâu xa tối thượng như thế mà thực hành cúng dường thì việc mong cầu thành tựu đều được viên mãn. Đây là Đại Tỳ-thủ Tam-muội cúng dường trong các nghi quỹ bí mật tối thượng của tất cả Như Lai. Người nào cúng dường như thế thì Kim Cang Tát-đỏa liền giáng lâm, nhờ đó mà được thành tựu tự tại tương ưng với Tỳ-thủ. Liền nói tụng rằng:

Nghi quỹ căn bản này
Khéo làm được các việc
Thần thông đại bí mật
Dựng cao cờ đại pháp,
Được nghĩa vị vô tận
Chắc chắn việc thành tựu
Được đầy đủ Thánh tài
Pháp rốt ráo viên mãn.
Tỳ-thủ đại bí mật
Thành được việc khó thành
Tất cả Tam-ma-địa
An trụ tự tại lạc,
Được điều tâm mong muốn
Tất cả không chướng ngại
Ví như người thế gian
Không tu các phước nghiệp
Không sức lành tốt đẹp
Bởi do nghiệp chướng tội
Vào Mạn-noa-la này
Cầu việc làm thành tựu
Theo nghi quỹ căn bản

Tùy việc ý ưa thích
Thảy đều được viên mãn
Thắng lực của pháp này
Các pháp không thể hơn
Nếu vượt ngoài Tam-muội
Và gây các tội nghiệp
Hoặc các sao giáng đến
Hoặc các ma nhiễu loạn
Vào Mạn-noa-la này
Việc làm đều thành tựu
Y pháp được lợi lớn
Nếu như chưa từng vào
Thành tựu Mạn-noa-la
Nếu lập pháp đàn này
Thì tốt đẹp gấp bội.

-oOo-

Phần 23: Nghi Quỹ Về Tất Cả Tương Ưng

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Thủ lại nói ba pháp Tam-muội tối thượng bí mật là pháp thành tựu của tất cả Như Lai.

Ba pháp Đại Tam-muội là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo, là đại diệu lạc, là đại rốt ráo, là đại tối thượng tịch tĩnh bình đẳng an trụ các pháp mà sinh ra. Nếu có hành giả nào y theo pháp mà tạo tượng lụa, bên trong vẽ Tam bảo, tướng như Bồ-tát mặc giáp Kim cang, tay cầm khí trượng Kim cang và đeo các thứ báu nhiệm mầu. Nếu y như vậy mà vẽ thì được thành tựu Mạn-noa-la tối thượng. Sau đó chọn chỗ đất tốt, hoặc là cung điện hay tịnh xá, trang nghiêm những nơi ấy bằng các loại hương hoa. Hành giả y pháp mà thực hành thành tựu, thì liền được viên mãn. Liền nói tâm chú ba thứ Đại Tam-muội tối thượng của tất cả Như Lai rằng:

Án, bộ kháng.

Nói chú này rồi lại nói đại chú rằng:

Đát đôi na bà nga phược đổ ê. Mạo địa tát đỏa tát-đát tha nga đa. Nậu nại-rị sắc-trí nan ê đa, rị-tha dã. Nỉ rị-mật-rị đinh nại rị-thiết dương đa di. A thi sa vĩ na du nữ nga. Nỉ-rị trà nỉ thất-tả dã phược rị-di đa. A điên đa bà phược phược, tát nga-la. Nỉ phược đà ca phược tả, nại dã. Đát-rị la đát-na đa, mục bát nga đa. Một đà đạt rị-ma nga noa, y để. A điên đa bà phược tăng tất đà. Vĩ thú đà thất-rị ca la, bát la. Y để tát rị-phược đát tha, nga đa

bát la ma ngu hý-dã phược nhật-lãng. A tha bát la ma ngu hý-dã đạt rị-ma đa. Kiện tra, a ca xá lạc xoa noản. Tát rị-phược ma, ca thương tả, tất-dã lạc xoa noản. A, ca xá tam ma đa, du nga. Tát rị-phược, nga-la tam ma đa, tắc-phổ trí để. Bát-la nghê-dã bá, la mật-đa. A tha ma hạ, tam ma dã phược la di để. Tát rị-phược bộ ngỗ, bát bộ ngại tát-đổ tế, dương ma, nãi sa ma đốt-ma na. Để-rị la đát-na bố, nhạ ba lãm ma, cát lỗ di, để phược nại, ma hạ di để.

Tâm chú của chư Phật như vậy có công năng thực hành pháp thành tựu, dùng phương tiện này để lập ra các nghi quỹ. Nếu y theo pháp mà làm thì tùy ý đều được thành tựu. Nếu người thọ năm thứ dục lạc, mà lập ra Mạn-noa-la này, thì tùy theo sở nguyện đều được thành tựu.

Lại nữa, ba thứ Tam-muội tâm chú và các pháp ấn tướng bí mật tối thượng của chư Phật này mà trao truyền cho đệ tử cũng khiến tùy ý cầu mà thành tựu. Nếu lúc đó đệ tử y theo nghi thức bí mật này mà lập bày các thứ cúng dường vi diệu lên Phật, Pháp, Tăng và A-xà-lê, với tâm ân cần tôn trọng mong cầu các thành tựu, hoặc tự mình làm, hoặc làm cho người khác cũng đều được thành tựu.

Lại nói về nghi pháp Phẫn nộ minh vương bí mật tối thượng của Kim Cang Thủ. Hành giả nên y theo pháp căn bản mà vẽ Phẫn Nộ Minh vương, màu như vầng mặt trời của lửa Kim cang, ngồi trên hoa sen nhiều màu, hai bên Minh vương trên hoa sen vẽ bốn vị Bồ-tát thân cận. Hai vị bên trái là màu xanh và màu vàng. Hai vị bên phải là màu hồng nhạt và màu xanh nhạt. Lại ở hai bên vẽ bốn vị Bồ-tát đều cầm cờ nêu gốc. Đó là Kim cang trượng, luân, linh, phan... đều hiện tướng mừng giận an trụ vào pháp căn bản. Liền nói chú ấy rằng:

Hồng, ô ba ngật-rị nại dã hý.

Hành giả nên cầm linh chày Kim cang mà tụng tâm chú này, khi đặt các Hiền thánh thì liền được thành tựu viên mãn pháp tượng lụa. Đặt để tôn tượng như vậy liền thành tựu Mạn-noa-la bí mật tối thượng. Sau đó y theo nghi pháp trì tụng chú Tam-muội rằng:

Nãnh đa la, cù nại-bà phược cốt-lỗ đà. Phược nhật-la nghi-nỉ tắc-kiện đà mẫu rị-đa dã. Bát-la nỉ, bát-đa phược nhật-la ma hạ, du nga. Noa kiết nỉ-dã, tát rị-phược đổ nhập-phược, la y để phược nhật-lãng. A tha đạt rị-ma a ca, xá lạc xoa noãn. Tát rị-phược ma, ca thương tả, miết lạc xoa noa. Ma, ca xá tam mãn đa du nghi. Tát rị-phược di phược, đát-la sa, đạt duệ. Tát rị-phược, ca xá nga-la du nghi na. Tát rị-phược, ca xá di để một-lỗ sưu. Mẫu nại-rị đán phược nhật-la mẫu nại-la tỷ. Đát-rị lộ ca ma tất bà xoa duệ nễ để.

Tụng chú Tam-muội bí mật tối thượng của Kim cang Hiền thánh này rồi, sau đó y theo nghi quỹ Như Lai bộ mà dùng ấn căn bản, cúng dường Kim cang ca vũ,... nếu hành giả y theo pháp mà thực hành thành tựu này thì đều được như ý.

Lại nói về nghi pháp Điều phục bí mật tối thượng của Bồ-tát Quán Tự Tại. Hành giả nên tạo tượng lụa, bên trong vẽ Bồ-tát Quán Tự Tại như vòng điện chớp, làm thế Kim cang Vũ. Bồ-tát có đủ trăm tay, xòe ra như vòng tròn, tay cầm cờ nêu như hoa sen... Xung quanh Bồ-tát vẽ các Hiền thánh như Tần-mi... đều giận dữ, cũng cầm hoa sen và các cờ nêu. Y theo pháp mà vẽ rồi thì thành Mạn-noa-la. Sau đó ở trước tượng tụng chú Nhất thiết pháp Kim cang Tam-muội rằng:

Đát đôi na bà nga sưu, một đà. A phược lộ kiết đế thuyết la. Ca lỗ để vĩ na du bá dã. Thú địa ngật-rị noa, bát-la na rị-để đa. Di để bát la mang phược nhật-lãng. Duệ tha, la cát-đán ê ca ma lãng. La, nga nô sái rị-na lệ miết đế. Rị-phược, tát nô sái rị-phược hổ vĩ đài. Tát đát tha, thú đường tát-rị đà đổ ca. Di để bát la ma ngu hý-dã đạt rị-ma đa. Kiện tra, duệ na duệ nãi phược vĩ địa na. Nhạ nga địa na dã ma, phược hý bát nại-ma thú đinh nga-la du nga, đát-ma. Đế na đế nải phược thâu đạt duệ nễ để.

Tụng chú Nhất thiết pháp Kim cang Tam-muội rồi, y theo pháp Liên hoa bộ thực hành các thứ cúng dường, thì việc làm đều được thành tựu.

Lại nói về pháp tượng lụa trong nghi quỹ thành tựu nhất thiết của Bồ-tát Hư Không Tạng. Trong bức lụa này, nên y theo pháp mà vẽ Đại nhật luân, ở trong luân ấy vẽ Bồ-tát Hư Không Tạng, thân như màu lưu ly, ngồi trên hoa sen, hai bên Bồ-tát vẽ bốn vị thân cận Bồ-tát là Bồ-tát Quán đảnh, Bồ-tát Bảo tạng, Bồ-tát Bảo tràng và Bồ-tát Đại cúng dường. Vẽ như vậy là thành Mạn-noa-la tối thượng. Kim cang đại nhật luân vi diệu này chiếu sáng khắp Như Lai và Bồ-tát Hư Không Tạng. Khéo thỏa mãn tất cả nguyện, pháp bảo linh bí mật, khéo bố thí tất cả dục, tất cả nghĩa thù thắng thành tựu ý nguyện tối thượng,... đều là từ pháp này mà được các giải thoát Diệu lạc và các ý toại nguyện. Nếu tự mình làm hoặc làm cho người khác thì đều được viên mãn Tam-muội tối thượng này. Nhờ vào pháp trong nghi quỹ này nên chóng thành tựu Kim cang tát-đỏa, pháp này thành tựu tối thắng trong các nghi quỹ.

Lại nói về nghi quỹ thành tựu tất cả Kim cang tát-đỏa đại ấn Tam-muội tối thượng. Nếu có chúng sinh căn tánh thấp kém gây ra các tội nghiệp, làm những việc không lợi ích nhưng khi gặp được pháp này rồi thì nghiệp chướng của chúng sinh ấy đều tiêu diệt, chứng thành Đại Bồ-tát,

làm nhiều việc lợi ích chúng sinh, khởi lên phương tiện rộng lớn. Như Kim cang tát-đỏa ba nghiệp trụ vào chân thật vững chắc, không vượt khỏi Tam-muội, an trụ trong Kim cang giới. Sau đó nên truyền đại ấn, nhận đại ấn rồi sẽ được thành tựu tất cả. Đại ấn pháp này, cho đến chư Phật cũng không dám vượt khỏi Tam-muội. Những ai cầu Kim cang tát-đỏa, cho đến cầu thành Phật, đã trải qua vô số kiếp mà vẫn không thành, nhưng nếu dùng năng lực Đại ấn tối thượng này thì sẽ mau thành Phật, Bồ-tát, lại còn có khả năng biến hóa tùy theo ý nguyện của chúng sinh, mà nói rộng các pháp thành tựu cho họ nghe. Đại ấn này là một phương tiện lớn, khéo làm viên mãn các pháp. Vì sao? Vì khi kết đại ấn này, chư Phật Bồ-tát đều nhóm họp, trong khoảng sát-na ban cho những gì mình mong muốn. Ban như vậy rồi lại khen ngợi rằng:

Kim cang tát-đỏa là khéo léo tối thượng, sâu xa, nhiệm mầu, thanh tịnh rộng lớn không tất cả tánh, vô cùng vô tận, tối thượng chí cực, làm phát sinh ra niềm vui thích khoái lạc khắp cả hư không giới. Quyết định bất không tận các chúng sinh, thành tựu tối thắng là đại tự tại. Từ chữ Vi diệu phát sinh ra tất cả nghĩa, đem pháp Kim cang giác ngộ để làm cho chúng sinh giác ngộ Đại lạc tối thượng, dùng Kim cang bí mật cụ để khiến chúng sinh an trụ vào pháp bậc nhất.

Liền nói nghi pháp Tam-muội thành tựu tối thượng bí mật của tất cả Như Lai. Vào lúc sáng sớm hành giả nên y theo pháp kết đại ấn trì tụng tâm chú thì sẽ thành tựu được tất cả ấn.

Lại nữa, pháp thành tựu bí mật tối thượng này, hành giả y theo pháp cầm linh, chày Kim cang tụng chú ba thứ Tam-muội thì mọi sở cầu đều được thành tựu viên mãn.

Lại nữa, y theo pháp cầm linh, chày Kim cang kết ấn Tỳ-thủ rồi trì tụng chú thì được thành tựu các ấn tướng, thân như Kim cang tát-đỏa. Tất cả pháp thành tựu đại tự tại, đều ban cho tất cả, các ấn tướng ấy chóng được viên mãn, cho đến các pháp thành tựu đều cũng được thành, tùy theo ý nguyện đó mà được thành.

Lại nói về pháp môn Nghi quỹ tối thượng bí mật tất cả tương ưng. Tương ưng nghĩa là dụng của các pháp, từ pháp tương ưng đó sinh ra các cõi.

Thế nào là sinh ra? Nghĩa là từ chánh niệm Bản tôn sinh ra.

Lại nữa thế nào là tương ưng? Tức là lời nói. Thể của lời nói là tiếng, mà tiếng tức là lý đại tương ưng. Lý tương ưng tức là chánh niệm Bản tôn, từ tương ưng này tức Bản tôn sinh ra. Do Bản tôn sinh ra cho nên nói là

thành tựu tương ưng.

Lại tương ưng này là nhóm họp tương ưng, tất cả ấn pháp tương ưng,...

Nhóm họp tương ưng nghĩa là các pháp hòa hợp đó là nhóm họp tương ưng. Ví như ở thế gian nhiều của cải được gom lại. Các pháp hòa hợp cũng giống như vậy, nhóm họp tất cả ấn pháp Tam-muội... thì gọi là nhóm họp tương ưng.

Lại nữa tất cả ấn pháp tương ưng nghĩa là chư Phật mười phương như thể như tướng, gọi là tất cả ấn pháp. Người hành trì pháp này liền thành tựu tối thượng.

Nói về ấn căn bản của các Hiền thánh. Nếu dùng ấn căn bản này thì sinh ra pháp đại tương ưng, thành tựu bí mật tối thượng. Hành giả nên quán ấn pháp tương ưng như Bản tôn, tiến thêm bước nữa là tưởng thân mình cũng giống như Bản tôn vậy, thì viên chứng được quả vị Phật, Bồ-tát viên mãn. Các nghi thành tựu bí mật tối thượng là pháp thành tựu tối thượng sâu xa. Nên như Bản tôn tương ưng nhiếp Đại Tỳ-thủ ấn. Hành giả nên quán thân mình cũng giống như vậy, được thành chữ nhiệm mầu. Pháp này tối thắng trong tất cả các pháp, là Đại Tỳ-thủ Tam-muội tối thượng tương ưng nhiếp các pháp Diệu lạc. Lại pháp thành tựu tối thượng trong nghi pháp thành tựu bí mật tối thượng này, nên như căn bản tương ưng của Kim cang tát-đỏa mà như thể như tướng. Hành giả nên tưởng thân mình cũng giống như vậy, được thành tựu nghĩa chữ nhiệm mầu. Do vậy mà được Tam-muội thanh tịnh của chư Phật, liền thành chủ của tất cả tương ưng, pháp tương ưng này trên hết trong các thành tựu, nếu làm bất cứ việc gì cũng đều thành tựu. Ví như có người thọ hưởng năm thứ dục lạc, mà tưởng như Bản tôn tương ưng thì đó tức là Đại Tam-muội Đại thừa thanh tịnh tối thượng bí mật vô thượng của tất cả Như Lai. Tất cả Đại lạc căn bản tương ưng của các Như Lai, tức là Kim cang quyết định Tam-muội. Pháp tương ưng này là món thuốc hay, có công năng cao quý tự tại trong tất cả thành tựu. Hành giả nên biết, nếu người nào tu pháp tương ưng này thì được như Kim cang tát-đỏa, tinh tấn, vui sướng, sắc lực tuổi thọ càng thêm tăng trưởng, tất cả nghi pháp thành tựu chỉ trong khoảng sát-na đều được viên mãn. Vì sao? Vì tu đại ấn tương ưng như vậy, trụ tương ưng như vậy tức là y theo nghi thành tựu tương ưng của Bản tôn, mà thực hành việc thành tựu Tam-muội tương ưng.

Lại nữa, hành giả nên biết, tâm như huyễn hóa không cố định, thân như khí cụ do tạo tác mà thành. Vì thân không phân là giác tri, cho nên xa

lìa tâm, cũng không phải xa lìa nhau. Pháp ấn này tương ưng cũng giống như vậy. Ví như pháp sắc tâm vốn chẳng phải là một, thân tâm hòa hợp làm các sự nghiệp. Ấn pháp tương ưng hòa hợp cũng vậy. Tam-muội như vậy và tương ưng này cũng làm thành tựu lẫn nhau. Nếu các hành giả dùng việc vô ngã mà tu các pháp thành tựu tương ưng thì những người ấy chính là Như Lai.

Lại nữa, tất cả ấn tương ưng là ấn thể đầy đủ Đại lạc vững chắc. Từ Đại lạc vững chắc này mà thành tựu các pháp lạc tương ưng. Nếu các hành giả siêng cầu pháp thành tựu bí mật tối thượng này thì chỉ cần tinh tấn phát tâm Bồ-đề cho đến khi nào ý chuyên cần, chớ hành trì một cách cực khổ, đưa đến sự mệt mỏi, để rồi phải sinh lui sụt. Nhưng tâm ưa thích tương ưng với Đại lạc thì sẽ làm thành tựu. Đây gọi là pháp tương ưng tất cả ấn.

Lại nữa, lạc tương ưng có khả năng làm việc thành tựu, tùy nghi lãnh thọ các lạc pháp. Như pháp Đại lạc tương ưng của Bản tôn. Đại thừa vô thượng Đại giáo vương bí mật tối thượng của tất cả Như Lai là pháp Đại lạc tương ưng tối thượng của Kim cang tát-đỏa.

Lại nữa tất cả ưa thích tương ưng nghĩa là thành tựu tương ưng tất cả Tam-muội. Hành giả tu tập pháp này tương ưng với tâm ưa thích. Vì sao? Vì nếu tu hành mà cố ép khắc khổ thì tự thể sinh khổ cực. Do vậy mà đối với pháp sinh ra tán loạn, từ đó không thể chuyên chú vào các thành tựu. Cho nên hành giả tu pháp tương ưng phải tùy theo khả năng mà thọ dụng ăn uống. Cho đến trong bốn oai nghi cười đùa nói năng, dù bất cứ nơi nào cũng không bị trở ngại. Nếu có người chưa vào Mạn-noa-la và còn có các phiền não chướng ngại, mà nương vào hạnh tương ưng của Bản tôn tu hành pháp thành tựu thì chỉ trong khoảng sát-na, đều được viên mãn. Đại dục lạc này đứng đầu trong các Tam-muội tự tại, đứng đầu trong các Kim cang bộ. Nếu cầu chứng chư Phật, Bồ-tát, từ pháp tương ưng này còn thành tựu được thay, huống gì là cầu các việc thành tựu. Pháp thành tựu quyết định này, tất cả đều được thành, pháp này có khả năng thành tựu các ấn bí mật và dứt sạch nguồn gốc đau khổ. Pháp tương ưng nhiệm mầu này gọi là pháp ưa thích trên hết của Kim cang tát-đỏa.

Lại nữa, tất cả tương ưng vững chắc là tự tánh của tất cả pháp cứng chắc, từ xưa đến nay chỉ là một chân trí, tự tánh bền chắc, tự thể không khác nhau.

Lại nữa, tất cả thọ ký vững chắc tương ưng. Nghĩa là y theo đại trí phương tiện tương ưng của Bản tôn, mà được tất cả pháp, mong cầu các việc thành tựu, chắc chắn được viên mãn. Đây là thọ ký vững chắc tương

ưng.

Lại nữa, thọ ký vững chắc tương ưng bí mật trên hết tức là pháp đại tương ưng của Kim Cang Tát-đỏa. Pháp này làm được các việc cúng dường, các việc mong cầu đều được viên mãn. Đây gọi là Thọ ký tương ưng. Liền nói tụng rằng:

Chân lý tối thượng này
Pháp tương ưng nhiệm mầu
Trong bí mật sâu xa
Tôn quý không gì bằng.
Nếu đại A-xà-lê
Và đệ tử thượng trí
Phát tâm Đại Bồ-đề
Trao pháp tương ưng này.
Nếu gặp người vô trí
Tuy thành tựu ái lạc
Nhưng không tin hiểu pháp
Chớ truyền trao cho họ,
Pháp này rất dễ thành
Không cần phải khắc khổ
Chỉ nương khắp nghi quỹ
Mà khéo làm thành tựu.
Khởi tu hành tinh tấn
Người này được lợi lớn
Giải thoát các việc ma
Chư Thiên không thấy được,
Kim Cang Tát-đỏa này
Thành quả Phật, Bồ-tát
Tương ưng tối thượng này
Thảy đều được viên mãn

-oOo-

KINH PHẬT THUYẾT TỐI THƯỢNG CĂN BẢN ĐẠI LẠC KIM CANG BẤT KHÔNG TAM-MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG

QUYỂN 7

Phần 24: Thành Tựu Ấn Tướng Tối Thượng

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Thủ nói pháp Quyết định bất không tối thượng thiện xảo vi diệu quảng đại chẳng thể nghĩ bàn sâu xa này, tất cả pháp thành tựu tận, thành tựu vô tận, thảy đều thành tựu. Hành giả nên tùy ý tùy nơi mà ngồi kiết già, tâm ý được điều phục nhu nhuyến, sau đó tay trái kết ấn Nhất thiết trí kiên cố, đặt vào háng bên trái, tay phải ném chày Kim cang, nhờ đó mà thành tựu ba nghiệp Kim cang, đó tức là Kim cang tát-đỏa. Nếu y theo nghi pháp này, thì mau chóng thành vững chắc không lụi sụt, cho đến các Đại Bồ-tát và địa vị Như Lai, đối với các thành tựu liền được đại tự tại. Như vậy tất cả mọi nơi vững chắc của Kim cang tát-đỏa. Hành giả nếu chưa vào Mạn-noa-la, mà tu Đại ấn này cũng được chư Phật cung kính cúng dường và được tất cả Thánh tài đại lạc tự tại. Đại ấn bí mật này trên hết trong ba cõi. Nếu ai thành tựu đại ấn này thì không khác gì Kim Cang Tát-đỏa... Nếu có các thành tựu và các sự nghiệp đại diệu lạc... mà dùng ấn này thì đều được viên mãn, mọi pháp mong cầu đều được thành tựu.

Lại nói về Đại ấn căn bản của Kim Cang Tát-đỏa. Vì dùng ấn này nên đối với tất cả Mạn-noa-la như Tam-muội, Câu triệu, Tỉnh thức, Kính ái,... các pháp thành tựu đều được viên mãn. Đây cũng gọi là Kim cang bí mật Tam-muội ấn. Cách bắt ấn này là chấp mười ngón tay lại với nhau, gọi là Kim cang hợp chưởng.

Lại nữa mười ngón giao lại với nhau như nắm tay thì gọi là Kim cang phược. Dùng Kim cang phược này, mở hai đầu ngón tay trỏ và hai ngón tay cái, rồi lại co hai ngón tay giữa vào lòng bàn tay đụng với hai ngón tay cái, hai đầu ngón trỏ phải bằng phẳng ngay ngắn như chày Kim cang. Đại ấn căn bản này gọi là Đại ấn căn bản của Kim Cang Tát-đỏa, hai ngón tay

giữa cũng như móc câu đặt vào ngay tim như thế câu triệu. Đây gọi là Kim cang câu ấn. Kim cang câu ấn này và Kim Cang Tát-đỏa thực hành đại ái lạc. Nếu khi dùng câu ấn này và tâm chú để câu triệu thì Kim Cang Tát-đỏa sinh kính ái vội giáng lâm đến Mạn-noa-la. Nhờ thế mà được Đại dục đại lạc của Kim Cang Tát-đỏa. Câu triệu như vậy rồi, tất cả Như Lai và các Bồ-tát, cho đến tất cả hữu tình thảy đều bình đẳng mau chóng được câu triệu. Nếu câu triệu mà không giáng lâm thì chóng bị phá hoại.

Lại nói về tâm Đại lạc Kim cang Tam-muội át-già ấn. Trước hết hai tay phải làm tướng như bát Kim cang nhưng kết ấn Kim cang trước, sau dùng hai ngón giữa giống như cành hoa, rồi dùng tâm chú gia trì. Nếu đem Tam-muội át-già ấn này mà trao quán đảnh thì người này được tất cả tự tại. Công dụng của ấn này cũng như ấn trước, đối với tất cả pháp đều được dùng ấn.

Lại nói về ấn nhập Mạn-noa-la phướn, cách kết ấn là dựng đứng ba ngón tay giữa cách thức ấn này là ba ngón tay phải như tấm phướn, đầu ngón cái và ngón út đụng nhau, cười đùa ca múa vào trong Mạn-noa-la, trước nên đảnh lễ Bản tôn. Nếu người nào kết ấn này mà vào Mạn-noa-la thì liền thành A-xà-lê Kim cang, chắc chắn thành tựu việc cúng dường. Sau đó tùy ý tùy sức cúng dường các thứ hương hoa, cờ nêu... Lại kết phan ấn đảnh lễ Bản tôn, phát lời rằng:

Nay con đảnh lễ Bản tôn.

Nói rồi liền thực hành Kim cang hợp chưởng đặt lên trên đảnh, rồi đảnh lễ Kim Cang Tát-đỏa và các Đức Như Lai. Sau đó hai tay kết ấn Kim cang phược, hai ngón cái tréo chéo nhau, còn các ngón khác co vào đặt lên trên đảnh như đội mũ báu, rồi đổi thành Kim cang quyền. ở hai bên đảnh buột thành tua tóc, lại như thế thùy đới, thực hành ấm pháp ấy rồi, nên tưởng như Kim Cang Tát-đỏa trao quán đảnh cho mình. Sau đó xối nước cam lồ đại lạc Kim cang lên đảnh. Quán đảnh rồi, tất cả pháp Kim cang A-xà-lê đều được thành tựu.

Lại nữa, nếu trao quán đảnh cho đệ tử thì nên thực hành Kim cang hợp chưởng kết ấn đảnh lễ, dùng các hoa đẹp mà trao quán đảnh. Như vậy ấn pháp và các nghi Mạn-noa-la liền thành tất cả thành tựu tự tại. Đó gọi là nghi pháp thành tựu ấn của Kim Cang Tát-đỏa.

Lại nói về ấn pháp, nếu muốn triệu thỉnh Kim Cang Tát-đỏa thì hành giả phải ngồi kiết già, kết Đại lạc bí mật Kim cang câu ấn và trì tụng tâm chú mà câu triệu. Sau đó, y theo pháp cúng dường các điệu ca múa... và

khen ngợi. Lại kết Hý trịch ấn đảnh lễ trì tụng, dùng Kim cang ca múa... mà cúng dường. Nhờ vậy mà pháp thực hành được thành tựu, liền nói Tối thượng bí mật Kim cang ca rằng:

Tát rị-phược, nỗ la, nga tô kha tố, đát-ma na bà. Đát-sưu phược nhật-la tát đỏa ba la ma tô la đa. Bà phược di, ma hạ, tô kha niết-rị trừ, tát-la dã nại. Bát-la để bát đa tất đinh tả la cụ bát-la noa đa.

Nếu ai thường khen ngợi, ca vịnh Kim cang ca này thì sẽ được đại lạc tôn kiên cố ái kính và giúp các việc thành tựu. Đại bí mật ca này thường ghi nhớ vào bản tâm. Khi khen ngợi môi răng phải hợp lại với nhau, y theo các nghi quỹ không lìa Kim cang ngữ. Khéo thành tựu các bộ pháp, ca vịnh chữ "Hồng"... tùy theo khả năng mà làm những gì mình mong muốn, nói năng bằng ngữ nghiệp điều thuận ca vịnh pháp Kim Cang Tát-đỏa bằng Phạm âm hòa nhã. Đây là thành tựu ca tối thượng, nên ở tất cả mọi nơi tùy ý trì tụng, nên dùng đại ấn của Kim Cang Tát-đỏa, cách kết ấn này là tay trái kết Trí quyền, tay phải cầm chày Kim cang, dùng ấn chú này mà tác pháp thành tựu. Các ấn như vậy đều y theo pháp của Bản tôn và dùng tâm chú mà kết thì đều thành tựu.

Lại nói về ấn tướng của tất cả Như Lai cách kết ấn này là dùng hai tay trước hết kết Kim cang trí quyền của tất cả Như Lai, như pháp quán đảnh Kim cang bảo mà quán đảnh, rưới vào năm chỗ rồi lại chắp tay như thế cúng dường. Xong rồi giở hai tay ra và hai tay nắm lại thành quyền, quyền của tay trái đưa ra ngoài, đầu ngón tay dựng lên, quyền của tay phải thụt vô đặt vào ngay tim, như vậy là thành ấn. Ấn này là trí quyền đại ấn của tất cả Như Lai, là quyết định bất không. Ai kết ấn này sẽ được giác vị không lụi sụt và chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, người này không thể thấy xa lìa các trói buộc, cho đến các quân ma cũng không thể nhiễu loạn. Lại nữa, người kết ấn này thì nên xem như Phật, cúng dường người này cũng như cúng dường chư Phật, Bồ-tát. Nghi pháp đại ấn này, tất cả ấn Tam-muội, ấn Liên hoa, ấn Kim cang, đều cũng như vậy.

Cách thức của ấn Yết-ma là hai tay ngửa ra bằng phẳng, hai ngón tay cái duỗi ra về đầu ngón tay, đặt vào ngay tim, lại thực hành như Bảo quán đảnh là thành ấn.

Lại nữa, như trước hai tay ngửa ra bằng phẳng, các ngón tay hơi co lại hai đốt đầu, ngón giữa kết lại với nhau như hoa sen Kim cang. Như vậy là thành pháp ấn, rồi nói ấn chú này rằng:

A, hô đát-lãm, ngật-rị hồng.

Lại đổi ấn Yết-ma, tay trái nắm lại thành Kim cang quyền, co ngón

cái vào trong nắm tay. Như vậy là thành tựu Quyền đại ấn của tất cả Như Lai.

Lại nữa, dùng tay phải như rút chéo áo, đặt vào ngay tim, rồi lại giở tay ra như tướng tiếp với đất. Như vậy là thành ấn Hàng phục các quân ma.

Lại nữa, không đổi ấn này mà lại ngửa tay ra là thành ấn. Ấn này gọi là ấn xuất sinh, cũng gọi là ấn Thí nguyện, cũng gọi là ấn Thọ ký. Lại dùng ấn này nắm chéo áo, như thế hoa sen nở, là thành ấn. Ấn này gọi là ấn xuất sinh pháp, cũng gọi là ấn Thanh tịnh các pháp. Lại vì ấn này ba ngón giữa dựng lên như lá phướn thì thành phan ấn, kết ấn này, thì tất cả nguyện cầu chắc chắn được thành tựu.

Lại nói về sự thành tựu ấn Trí quyền đại Yết-ma của tất cả Như Lai. Nếu đặt ấn này lên mình người bệnh thì liền hết bệnh. Nếu đặt lên tim thì tiêu trừ các độc. Cho đến tà ấn pháp,... thảy đều tiêu diệt, liền nói chú rằng:

Án, hồng.

Dùng chú này có công năng thành tựu đồng với ấn pháp Yết-ma ở trước. Nếu kết ấn trì tụng chú này xong chuyển khắp toàn thân thì được đại Biện tài. Còn đại mật ấn tối thượng của tất cả Như Lai đều được vững chắc. Nếu đặt ấn này vào các căn thì các căn được viên mãn. Nếu xưng niệm chư Phật rồi lại xoay khắp các phương, xong đặt vào ngay tim. Hoặc tự cầu thành tựu, hay khuyến khích người khác cầu, thảy đều được vui mừng ưa thích cho đến chứng quả Phật, Bồ-đề. Nếu kết ấn này quán tưởng chư Phật, hiểu năm uẩn như cái khuôn của người thợ gốm, sau đó thân đảnh lễ, miệng tụng đại chú, nhất tâm chánh niệm quán tưởng, trụ vào Xả, Niệm, Giới, Tinh Tấn, Từ, Định, Trí, Tuệ, Phương tiện, Lực vững chắc, sinh ra Đà-la-ni-môn, đầy đủ mười Địa, hành bốn Vô ngại, hiểu rõ mười tám pháp Bất cộng, dùng pháp Tỳ-thủ yết-ma rộng làm lợi ích cho chúng sinh, dùng ba nghiệp Kim cang làm Phật sự lớn lao. Liền nói các Đại thần chú rằng:

Án, mạo địa tức đa phược nhật-rị.

Án, tam mãn đa bạt nại-la tả rị-duệ.

Án, tấn đa, ma ni.

Án, a nãnh lỗ đề

Án, nhạ để vĩ phược rị-đế.

Án, tát rị-phược vĩ nghê-dã nỉ.

Án, vĩ la, nga đạt rị-ma đế.

Án, vĩ rị-dã cát phược tế.

Án, tát rị-phược nga di nỉ.

Án, phược nhật-la nại-rị đồ tức đế hồng.

Án, tát rị-phược đát tha, nga đế.

Án, sa bà, phược thú đà đạt rị-ma, đa nghê-dã na vĩ thú địa.

Án, đạt rị-ma vĩ thâu đà nãnh.

Án, vĩ tôn bà phược nhật-rị ni phát tra.

Án, ca ma la nghi.

Án, nhược phược nhật-rị.

Án, hồng tát rị-phược nại ma nãnh.

Án, ngật-rị.

Án, a ca, la mục khế.

Án, bát-la nghê-dã, bá la di đế. A sưu hồng án, a.

Án, tát rị-phược đát tha, nga đa ca, dã nghi-rị.

Án, tát rị-phược đát tha, nga đa phược, nghi-vĩ thú địa.

Án, tát rị-phược đát tha, nga đa tức đa phược nhật-rị, a.

Như vậy, ngữ ấn, pháp cổ của tất cả Như Lai phát ra âm thanh vi diệu, nghĩa nhiệm mầu. Đại pháp ngữ này là tâm của chư Phật, có công năng quyết định thành tựu sự nghiệp. Y theo pháp thọ trì, tụng niệm chư Phật rồi, sau đó dùng chánh niệm của tất cả Như Lai và ấn của tất cả Như Lai mà thực hành thành tựu.

Lại nói ấn tướng Kim cang hỏa diệm nhật luân. Trước kết Kim cang đại ấn, rồi lại đổi thành Tam-muội ấn, sau lại kết Kim cang phược, các ngón tay đều như vòng lửa cháy rực, hai ngón tay giữa như chày Kim cang, như vậy là thành ấn. Ấn này có công năng điều phục ba cõi, cũng có thể thực hành kính ái Kim Cang Tát-đỏa.

Lại không đổi ấn trước, tay trái nắm lại thành quyền, đầu ngón tay dựng lên như tướng kỳ khắc, tay phải như móc câu là thành ấn. Ấn này gọi là ấn Hàng phục ba cõi, có công năng nhiếp triệu tất cả.

Lại nữa, hai tay bắt phẫn nộ quyền rồi, lại bắt Kim cang câu như tướng kỳ khắc, là thành ấn. Đó gọi là Kim cang câu ấn, ấn này khéo làm tất cả mọi việc, có công năng làm các việc thành tựu.

Lại nữa, chắp hợp chưởng Kim cang, mười ngón tay như lửa cháy rực là thành ấn. Ấn này gọi là ấn Tần-mi Bồ-tát, có công năng làm mọi việc và khéo điều phục các điều ác.

Lại nữa chắp Kim cang hợp chưởng, tay trái như thế móc câu là thành ấn. Ấn này có công năng nhiếp triệu tất cả, cũng có công năng làm cho tỉnh

ngộ, tất cả đều thành tựu.

Lại nữa, tay trái nắm lại thành Kim cang quyền, tay phải như chĩa ba là thành ấn. Ấn này có công năng thoát khỏi mọi gông cùm trói buộc.

Lại nữa, hai tay làm như hoa sen nở, như vậy là thành ấn. Ấn này có công năng cắt đứt tất cả phiền não.

Lại nữa, hai tay kết Kim cang phược, hai ngón cái song song nhau là thành ấn, cũng gọi là ấn Hàng phục ba cõi. Ấn này khéo nhiếp triệu, điều phục thành tựu trên hết.

Lại nữa, đầu ngón trỏ tay phải móc qua đầu ngón trỏ tay trái như thế kéo cung là thành ấn. Ấn này khéo thực hành nhiếp triệu, cũng có thể thực hành các kính ái.

Lại nữa, ấn Hàng tam giới, tay phải nắm lại thành Kim cang quyền rồi giở cánh tay ra, đặt ngón tay út vào sau lưng phía bên tay trái là thành ấn. Ấn này có công năng phá các tà ấn và khéo thực hành các thành tựu.

Lại nữa, hai tay nắm lại thành Kim cang phược mềm mại sít sao là thành ấn. Ấn này gọi là ấn Kim cang thành tựu.

Lại nữa, hai tay nắm lại thành Kim cang phược, hai ngón tay cái cùng đầu ngón tay trỏ, như chày Kim cang là thành ấn. Ấn này có công năng phá hoại các điều ác. Tất cả phan ấn và linh ấn, đều thực hành pháp tối thắng, cũng có công năng phá hoại các điều ác, hơn hết trong ba cõi. Là ấn quán đảnh của Kim Cang Tát-đỏa.

Lại nữa, ấn Hiền thánh của Kim cang bộ: Hai tay nắm lại thành Kim cang quyền, y theo Bản bộ Hiền thánh của pháp nghi này, dùng Kim cang bảo mà thực hành quán đảnh, rồi chắp tay hợp chưởng Kim cang, dùng lụa sạch phủ lên mặt, hai ngón tay cái như Kim cang nên thực hành Kim cang quán đảnh, sau đó y theo pháp đảnh lễ, thọ trì chày Kim cang rồi tùy sức mà cúng dường A-xà-lê thì liền được thành tựu tất cả pháp.

Các bộ ấn tướng như vậy đều y theo pháp mà kết, đồng công dụng của đại chú, việc làm đều thành tựu.

-oOo-

Phần 25: Nghi Quỹ Bí Mật Tối Thường

Bấy giờ, các Như Lai
Và chúng Đại Bồ-tát
Kim cang chúng Hiền thánh
Đều khác miệng cùng âm

Phát lời hỏi Bồ-tát
Kim Cang Thủ như vầy:
Như Nhân giả đã nói
Pháp Yết-ma tối thượng
Khéo làm các thành tựu
Nghi quỹ đã nói đó
Lý nhiệm mầu chân thật
Từ các pháp vô tướng
Mà hiện các nghi quỹ
Nghi quỹ này thế nào
Sao gọi Tối thượng giáo
Căn bản ấy ra sao
Sao gọi vốn không có
Lại gọi Kim Cang Thủ
Vì sao là Đại dục
Sao gọi là Đại lạc
Thế nào là Thiện hiền
Sao gọi Thế cao cử
Sao gọi Kim Cang Thủ
Tự tại đối các pháp
Đại tâm chú trong ngoài
Làm sao mà sinh ra
Ca vi diệu căn bản
Nói gì và nghĩa gì
Đại Kim cang Tam-muội
Pháp này gọi là gì
Tâm Bồ-đề là gì
Tam-ma-địa là gì
Hạnh Bồ-đề là gì
Lấy gì hàng ma quân
Làm sao chứng Bồ-đề
Bản bộ sinh ra sao
Làm thế nào giải thoát
Tam chủng danh là gì
Sao gọi tất cả xứ
Đại Kim cang đại lạc
Sao Bất không Tam-muội?
Sao nhập Mạn-noa-la?

Sẽ được quả lợi gì
Và thành tựu nghi quỹ
Chân lý đại bí mật
Lấy gì để giảng nói
Pháp Bản tôn thế nào
Các bộ lại ra sao
Lý Quán đảnh thế nào
Sao gọi chúng Hiền thánh
Thế nào năm bí mật?
Sao gọi Hư Không Tạng?
Pháp cờ nêu thế nào
Tất cả pháp câu triệu
Các cúng dường thế nào
Sao gọi thấy pháp trước
Nghi thành tựu thế nào
Sao gọi chẳng cần khổ?
Các bí mật như thế
Lý chân thật tối thượng
Vì thành chữ vi diệu
Rộng lợi ích chúng sinh
Xin giải điều trên đây!
Khi ấy, Kim Cang Thủ
Nhận chư Phật khuyến thỉnh
Vì lợi ích chúng sinh
Giải thích pháp hỏi trên.
Điều gọi là nghi quỹ
Là phép tắc các pháp
Pháp không nghi quỹ này
Lợi ích các chúng sinh
Mà hiện các nghi quỹ
Từ nghi quỹ như vậy
Làm thanh tịnh các pháp.
Nói rằng Giáo tối thượng
Là nhiếp tất cả pháp
Sinh ra Phật, Bồ-tát
Lý bí mật chân thật
Đây gọi Giáo tối thượng.
Cái gọi là căn bản

Tức là trí chân thật
Trùm khắp hư không giới
Vững chắc như Kim cang
Là Đại dục đại lạc
Chữ nhiệm mầu trên hết
Tức Kim Cang Tát-đỏa
Thật lý các nghi quỹ.
Cái gọi là vốn không
Như bản tánh hư không
Nói Kim Cang Tát-đỏa
Là thân rất vững chắc
Đó gọi vốn không có.
Còn nói Kim Cang Thủ
Chính là Đại tự tại
Khéo thí các thành tựu
Là Kim cang bộ chủ
Chữ Ái lạc nhiệm mầu.
Cái gọi là Đại dục
Là lìa các lỗi lầm
Thông đạt pháp rốt ráo
Đó gọi là Đại dục.
Cái gọi là Đại lạc
Là lý màu chân thật
Tức Kim Cang Tát-đỏa
Sinh ra chỗ nương tựa
Cái gọi là Thiện hiền
Là pháp giới thanh tịnh
Các Như Lai giải thoát
Thân Phổ Hiền cùng khắp.
Còn nói Thế cao cử
Là tất cả thành tựu
Ấn tối thượng tự tại
Câu triệu các thành tựu
Đó gọi Thế cao cử.
Cái gọi Kim Cang Thủ
Tự tại đối các pháp
Là lời dạy căn bản
Lý chân thật nhiệm mầu

Nếu dốc lòng trì tụng
Được tất cả công đức
Đó gọi Kim Cang Thủ
Tự tại đối các pháp.
Cái gọi tâm Bồ-đề
Là không thể nghĩ bàn
Pháp rộng lớn sâu xa
Thành tựu các Diệu lạc
Biến hóa được tất cả
Tâm Bồ-đề thanh tịnh
Nhờ đó mà vững chắc
Làm các việc tốt đẹp
An trụ Tam-ma-địa
Tức Tam-ma-địa này
Sinh ra trí Kim cang
Từ Kim cang sinh ra
Gọi Kim Cang Tát-đỏa,
Đó là thân chư Phật
Chính là tâm Bồ-đề
Cái gọi Đại Kim cang
Là nhiếp các hữu tình
Khiến tu giáo pháp ta
Lý chân thật bí mật,
Nếu ai thường tu tập
Liền thành Đại Kim cang.
Cái gọi hạnh Bồ-đề
Là quán các hữu tình
Đắm nhiễm các phiền não
Vì lợi ích cho họ
Nên hành hạnh Phổ Hiền
Đó gọi hạnh Bồ-đề.
Cái gọi là hàng ma
Nghĩa là tâm các ma
Tâm này tức Như Lai
Nếu điều phục được tâm
Không còn bị ma nhiễu
Đó là hàng ma quân.
Nói rằng chứng Bồ-đề

Là hiểu rõ bản tâm
Trí Bồ-đề vững chắc
Rõ lý màu chân thật
Liền thành Đẳng chánh giác
Đó gọi chứng Bồ-đề.
Lại nói Kim Cang Thủ
Là điều phục các ác
Khiến người mê tỉnh ngộ
Chày Kim cang chư Phật
Tâm Bồ-đề vững chắc
Chư Phật đã trao truyền
Là chân lý pháp giới
Thọ trì là khí trượng
Vì thành tựu các pháp
Nên gọi Kim Cang Thủ.
Cái gọi Bản bộ sinh.
Tức Trí độ là mẹ
Phương tiện giải là cha
Từ pháp Kim Cang Thủ
Sinh ra các bộ pháp
Đó gọi Bản bộ sinh
Cái gọi Dục giải thoát.
Là Đại dục đại lạc
Khéo được các thành tựu
Các thành tựu lạc cú
Tức là pháp Đại lạc
Đó gọi dục giải thoát
Cái gọi ba thứ tên
Là ba đời vô biên
Nhưng có thể điều phục
Làm chủ trong ba cõi
Lại gọi là Tam bảo
Lại gọi là ba cõi
Làm được các thành hoại
Đó là ba thứ tên.
Cái gọi tất cả nơi
Đại Kim cang Đại lạc
Là tất cả hữu tình

Muốn lợi ích rộng lớn
Tâm ấy không cố định
Đối với tất cả nơi
Tâm an trụ vững chắc
Thông đạt nghĩa chân thật
Đó gọi tất cả nơi.
Cái gọi Ca căn bản
Và tâm chú trong ngoài
Là ba cõi tối thắng
Thành tựu đại tự tại
Bồ-tát lợi hữu tình
Là Đại dục đại lạc
Câu bí mật nhiệm mầu
Tâm chú ca chữ Hồng
Cho đến ngoài tâm chú
Đều lý trí chân thật
Vì tâm bí mật ngoài
Sinh ra các vui thích
Việc làm đều thành tựu
Gọi Ca căn bản thảy.
Nói Tam-muội Bất không
Là tác pháp thành tựu
Vì Đại lạc nhiệm mầu
Việc làm được thành tựu
Không phải khổ mà được
Pháp đại Tam-muội này
Chư Phật không thể vượt
Là Tam-muội Bất không
Nói nhập Mạn-noa-la
Là tùy theo nơi chốn
Chỉ tùy theo khả năng
Mà xưng căn tánh ấy
Hễ lúc hành các pháp
Chúng Thánh hiền liền hiện
Quả báo đã đạt được
Là phước báo rốt ráo.
Lập Mạn-noa-la này
Trước quán sát mười phương

Khởi đầu từ phía Bắc
Là bốn đường ranh giới
Phân chia thành tám đàn
Đều theo nghi pháp gốc
Y tương ưng Bản tôn
Tưởng thành Mạn-noa-la
Làm các pháp thành tựu
Tức Mạn-noa-la này
Là lý rất chân thật.
Cái gọi Đại bí mật
Là các pháp bí mật
Nhưng vốn không thật có
Là Đại lạc Kim cang
Tức đồng thân Phổ Hiền
Đại chủ chúng Kim cang
Đó gọi Đại bí mật.
Cái gọi pháp Bản tôn
Là căn bản trên hết
Đứng đầu Mạn-noa-la
Là Đại dục trên hết
Là tâm rất vui thích
Lúc nào cũng mỉm cười
Thân như màu trăng sáng
Các thứ báu nghiêm thân,
Ánh sáng chiếu soi khắp
Tối thắng trong ba cõi
Thí các cảnh diệu lạc
Khéo thành câu nhiệm mầu
Nên gọi là Bản tôn.
Cái gọi Lý quán đảnh
Là công đức Phật bảo
Pháp ba cõi chẳng sánh
Chỉ báu này trên hết
Người được Phật quán đảnh
Liền chứng vị Pháp vương
Đây gọi Lý quán đảnh.
Cái gọi Tam-ma-địa
Ngồi tư thế kiết già

Rồi kết ấn thiền định
Tay trái đặt lên phải
Quán tướng Kim Cang Thủ
Đó gọi Tam-ma-địa.
Cái gọi chúng Hiền thánh
Là Kim cang Hiền thánh
Là nghĩa trí chân thật
Khéo hiểu rõ tất cả
Các thành tựu trên hết
Tất cả đại cát tường
Đủ các pháp Thánh tài
Hơn hết trong các pháp
Tất cả pháp thành tựu
Đều ấn tướng Hiền thánh
Tức Kim Cang Tát-đỏa
Đại chủ tể bí mật.
Cái gọi năm bí mật
Là Tỳ-lô-giá-na
Và Bất Động Như Lai
Bảo Sinh, Vô Lượng Thọ
Với Bất Không Thành Tựu
Gọi là năm bí mật.
Cái gọi là các bộ
Là tất cả Như Lai
Là lý màu chân thật
Thành Kim Cang Tát-đỏa
Phật Tỳ-lô-giá-na
Bất Động Như Lai bộ
Bảo Sinh, Vô Lượng Thọ
Cùng Bất Không Thành Tựu
Chân lý cũng như vậy.
Lại Kim cang bộ chủ
Điều phục các kẻ ác
Dùng toàn phương tiện khéo
Như mặt trời chiếu khắp
Kim cang bộ tôn này
Lợi ích các hữu tình
Khéo thành các giáo pháp

Tỳ-thủ Kim cang bộ
Là nhiếp đại phương tiện.
Bồ-tát Quán Tự Tại
Nương các Liên hoa bộ
Được thành tựu trên hết
Bồ-tát Quán Tự Tại
Là Kim Cang Tát-đỏa
Chân lý Liên hoa bộ
Trí nhiếp Tam-ma-địa
Liên hoa bộ thanh tịnh
Làm thanh tịnh hữu tình.
Cái gọi Hư Không Tạng
Tức là Đại Thánh tài
Đầy khắp cả hư không
Bồ-tát Hư Không Tạng
Là pháp đại quán đảnh
Tất cả Bảo sinh bộ
Là kho báu vô tận
Cờ pháp Đại quán đảnh
Khéo nhiếp tất cả nguyện
Tức Kim Cang Tát-đỏa
Đối các Mạn-noa-la
Thường ban lý chân thật
Quán đảnh Kim cang bộ
Bảo Sinh, Vô Lượng Thọ
Chân lý cũng như vậy.
Các cờ nêu căn bản
Là thành tựu trên hết
Dùng diệu lý chân thật
Là khí trượng tự tại
Năm thứ Đại bí mật
Tức là chày Kim cang
Các bộ cờ nêu ấy
Là lý trí chân thật.
Hành Tỳ-thủ chư Phật
Liền chứng Đại Bồ-đề
Các Kim cang bộ ấy
Bảo bộ, Liên hoa bộ,

Khéo nhiếp tất cả nghĩa
Thành tựu pháp bí mật.
Cái gọi pháp Câu triệu
Là các nghi bí mật
Dùng linh Kim cang câu
Rung lên để câu triệu.
Cái gọi các cúng dường
Là các nghi bí mật
Vui thích mà cúng dường
Với các điệu ca múa.
Cái gọi thấy pháp trước
Là các nghi bí mật
Đều dùng ấn căn bản
Sau đó phải nhất tâm
Trì tụng lý chân thật
Lại nữa các Như Lai
Trước thấy các thành tựu
Dùng pháp đại Tam-muội
Lý nhiệm mầu chân thật
Là chân không căn bản
Tánh Kim Cang Tát-đỏa
Chính là thân Phổ Hiền
Cũng là Kim Cang Thủ.
Cái gọi Pháp thành tựu
Là trong các nghi quỹ
Việc làm đều thành tựu
Nên y pháp Bản tôn
Mà làm các thành tựu
Chỉ tùy theo nơi chốn
Các nghi quỹ đều thành
Y pháp cầm linh, chày
Giác ngộ cho thế gian
Muốn thành tựu các pháp
Mau thành giáo căn bản.
Cái gọi chẳng cần khổ
Là việc làm thành tựu
Không cần phải khắc khổ
Tùy ý, tùy nơi chốn

Tùy muốn, tùy ăn uống
Cho đến bốn oai nghi
Nói năng và cười đùa
Chỉ phát tâm chí thành
Sao cho hợp tương ưng
Y nghi pháp Bản tôn
Lý tương ưng như vậy
Mau thành tất cả pháp.
Đại giáo căn bản này
Là bí mật sâu xa
Nếu y pháp tu tập
Sở nguyện đều viên mãn
Tất cả các Như Lai
Và các Đại Bồ-tát
Thường thọ trì pháp này
Là Đại lạc trên hết
Câu nhiệm mầu chân thật
Đại dục đại diệu lạc

-oOo-

SỐ 245

KINH PHẬT THUYẾT NHÂN VƯƠNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Hán dịch: Đời Diêu Tần, Tam tạng Cưu-ma-la-thập

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm 1: Mở Đầu

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương xá, cùng với tám trăm vạn ức chúng đại Tỳ-kheo bậc Hữu học và Vô học đều là bậc A-la-hán, với công đức hữu vi, công đức vô vi. Bậc mười trí vô học, bậc tám trí hữu học, sáu trí hữu học, ba thiện căn, mười sáu tâm hạnh, quán pháp giả hư thật, quán thọ giả hư, thật quán danh giả hư thật, quán môn ba Không, bốn Đế, mười hai Nhân duyên, vô lượng công đức đều thành tựu. Lại có tám trăm muôn ức Đại tiên Duyên giác, chẳng đoạn, chẳng thường, quán Tứ đế, mười hai nhân duyên đều thành tựu.

Lại có chín trăm muôn ức vị Đại Bồ-tát đều là bậc A-la-hán, đầy đủ công đức thật trí, phương tiện trí tu theo Đại thừa, bốn Nhãn, năm Thần thông, ba Đạt, mười Lực, bốn Tâm vô lượng, bốn Biện tài, bốn Nhiếp pháp, Kim cang diệt định, tất cả công đức đều thành tựu.

Lại có ngàn muôn ức vị Hiền giả giữ năm giới, đều thực hành A-la-hán, đầy đủ mười Địa, mười Hồi hướng, năm phần Pháp thân, vô lượng công đức đều thành tựu.

Lại có mười ngàn vị Ưu-bà-di giữ năm giới đều thực hành A-la-hán, mười Địa đều thành tựu, vừa sinh công đức, đang sinh công đức, đã sinh công đức, ba mươi loại phát sinh công đức đều thành tựu.

Lại cĩ mười ức vị cư sĩ ở bậc hiền thứ bảy, ầy ủ ức hạnh, bốn Niệm xứ, bốn Cĩnh cần, bốn Như ỉ ẻc, năm Căn, năm Lực, mười Nhất thiết nhập, ấm Trừ nhập, ấm Giải thốt, ba Tuệ, mười ấu ỉnh tướng, bốn

Đế, phẩm thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư, qún chiếu ược chín mươi nhẫn, tất cả cơng ức ều tĩnh tựu.

Lại có vạn vạn ức chư Thiên ở chín cõi trời Phạm: ba tầng trời Tịnh thiên, ba tầng trời Quang thiên và ba tầng trời Phạm thiên, Ngũ hỷ lạc thiên, Định công đức thiên, Định vị thường lạc thần thông, mười tám sinh xứ công đức đều thành tựu.

Lại có ức ức các Thiên tử ở sáu tầng trời cõi Dục, nhờ quả báo mười điều lành nên thần thông công đức đều thành tựu.

Lại có mười sáu vị đại quốc vương, mỗi vị đều có một vạn, hai vạn, cho đến mười vạn quyến thuộc đã thọ Tam quy, Ngũ giới, Thập thiện công đức thanh tịnh, tín, hạnh đầy đủ.

Lại có trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, vô số chúng ở mười phương, không có hạn lượng, lại có khắp mười phương tịnh độ, hóa hiện trăm ức tòa cao, hóa ra trăm ức hoa báu Tu-di. Mỗi vị đều ngồi trên một tòa hoa.

Lại có vô lượng vị Hóa Phật, vô lượng Bồ-tát, Tỳ-kheo, tám bộ chúng, mỗi vị đều ngồi trên hoa sen báu. Trên mỗi hoa có vô lượng cõi nước, mỗi cõi nước đều có Phật và đại chúng như nay không khác. Trong mỗi cõi nước đều có Phật và đại chúng giảng nói Bát-nhã ba-la-mật. Đại chúng và hóa chúng ở phương khác cùng mười hai đại chúng ở trong ba cõi này đều đến ngồi trên tòa hoa sen. Chỗ ấy rộng chín trăm năm mươi dặm, đại chúng ngồi an nhiên.

Lúc bấy giờ, vào ngày mồng tám tháng giêng, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, nhập đại định, tư duy rồi phát ra ánh sáng rực rỡ soi sáng ba cõi. Trên đỉnh đầu Phật phát ra hoa sen ngàn cánh. Hoa đó cao lên đến cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng ánh sáng cũng giống như thế cho đến hằng hà sa cõi nước chư Phật ở phương khác. Khi ấy, cõi Vô sắc rải xuống vô lượng hương hoa như mưa, tạo thành vô lượng lọng hoa như bánh xe, cao như núi Tu-di chúa như đám mây hạ xuống. Mười tám vị Phạm thiên mưa trăm thứ hoa, màu sắc biến đổi, ở cõi Dục chư Thiên rải hoa như mưa, vô lượng màu sắc. Đức Phật an nhiên ngồi trên tòa phát ra chín trăm muôn ức hoa, lên đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng. Khi ấy, cả thế giới rung chuyển sáu cách.

Bấy giờ các đại chúng đều sinh nghi, bảo nhau: "Đức Đại Giác Thế Tôn có bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, Ngũ nhãn pháp thân, đều do trước đây trong hai mươi chín năm đã vì chúng ta giảng nói Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật, Kim cang Bát-nhã ba-la-mật, Thiên Vương Vấn Bát-nhã ba-la-mật, Quang Tán Bát-nhã ba-la-mật. Ngày nay Đức Như Lai phát ra ánh

sáng rực rỡ khắp nơi chắc có sự kiện gì?"

Trong mười sáu vị đại quốc vương có vua Ba-tư-nặc còn gọi là Nguyệt Quang ở nước Xá-vệ, đầy đủ đức hạnh ở mười Địa, sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, đạt bốn Bất hoại tịnh, trị nước bằng giáo pháp Đại thừa. Vua hỏi lần lượt tám trăm người từ cư sĩ Bảo Cái Pháp Tịnh… vua lại hỏi về năm ngàn vị như Tu-bồ-đề, Xá-lợi-phất… vua lại hỏi mười ngàn vị như Di-lặc, Sư Tử Hống… không ai trả lời được.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc dùng thần lực trổi lên tám vạn loại âm nhạc. Mười tám vị Phạm thiên và chư Thiên ở cõi Dục cũng trổi lên tám vạn loại âm nhạc vang dội khắp tam thiên cho đến hằng hà sa cõi Phật ở mười phương những ai có nhân duyên đều đến hội họp.

Cõi Phật ở phương Nam có Bồ-tát Pháp Tài cùng năm trăm vạn ức đại chúng đều đến hội họp. Ở phương Đông Bồ-tát Pháp Trụ và chín trăm vạn ức đại chúng đều đến hội họp. Ở phương Bắc, Bồ-tát Hư Không Tánh cùng trăm ngàn vạn ức đại chúng đều đến hội họp. Ở phương Tây, Bồ-tát Thiện Trụ cùng mười hằng hà sa đại chúng đều đến hội họp, tất cả sáu phương đều như vậy. Những người đã đến trong hội này đều cùng nhau trổi lên vô lượng âm nhạc đánh thức Như Lai.

Biết đã đến lúc chúng sinh phát sinh gốc lành, Đức Phật liền xuất định, ngồi trên tòa sen cao như núi Kim cang chúa. Đại chúng đều vui mừng, hiện vô lượng thần thông, rồi an trụ giữa hư không hoặc trên mặt đất.

-oOo-

Phẩm 2: Quán Không

Lúc bấy giờ, Đức Phật bảo đại chúng:

Ta biết mười sáu vị đại quốc vương muốn hỏi về nhân duyên che chở giữ gìn cõi nước, nay trước tiên ta vì các Bồ-tát nói nhân duyên hộ trì Phật quả, nhân duyên hộ trì mười Địa hành. Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe khéo léo suy nghĩ, đúng như pháp thực hành!

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc nghĩ rằng: "Đây là một nhân duyên lớn tốt lành", vua liền rải trăm ức thứ hoa nhiều màu, hoa ấy biến thành trăm ức lọng báu che khắp các đại chúng.

Vua đảnh lễ Phật rồi thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao tất cả Bồ-tát hộ trì Phật quả, vì sao hộ trì mười Địa hành?

Phật bảo:

–Bồ-tát giáo hóa bốn loài chúng sinh, quán sắc như thọ, tưởng, hành, thức như; chúng sinh, ngã, nhân, thường lạc ngã tịnh như; tri kiến, thọ giả như, Bồ-tát như sáu pháp Ba-la-mật như, bốn Nhiếp pháp như, tất cả hạnh như, hai Đế như, cho nên tất cả pháp Thánh chân thật không: "Không đến, không đi, không sinh, không diệt", đồng với mé chân, bình đẳng với pháp tánh, như hư không, không hai, không khác. Vì vậy ấm, nhập, giới vô ngã, không có tướng thật gọi là Bồ-tát hành hóa Bát-nhã ba-la-mật trong mười Địa.

–Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp như vậy thì Bồ-tát hộ trì, giáo hóa chúng sinh là giáo hóa chúng sinh chăng?

–Này đại vương! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, thường, lạc, ngã, tịnh của pháp tánh không trụ sắc, không trụ phi sắc, không trụ phi phi sắc cho đến thọ, tưởng, hành, thức cũng không trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì phi sắc như, phi phi sắc như, vì tục đế, vì ba pháp giả nên thấy chúng sinh, tất cả chúng sinh tánh thật cho đến chư Phật, ba thừa, bảy Hiền, tám Thánh cũng gọi là thấy. Sáu mươi hai kiến cũng gọi là thấy. Đại vương! Nếu dùng danh gọi là thấy tất cả pháp, cho đến chư Phật, ba thừa, bốn loại chúng sinh chẳng phải chẳng thấy tất cả pháp.

–Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật có pháp, chẳng phải chẳng có pháp thì pháp Đại thừa làm sao quán chiếu được?

–Đại vương! Đại thừa thấy chẳng phải chẳng có pháp. Nếu pháp chẳng phải chẳng có pháp, đó gọi là phi phi pháp không, pháp tánh không; sắc, thọ, tưởng, hành, thức không, mười hai nhập không, mười tám giới không, sáu đại pháp không, bốn đế không, mười hai nhân duyên không. Pháp này tức sinh, tức trụ, tức diệt, tức hữu, tức không, mỗi một sát-na cũng đều là pháp sinh, pháp trụ, pháp diệt. Vì sao? Vì chín mươi sát-na là một niệm. Trong một niệm, một sát-na trải qua chín trăm lần sinh diệt, cho đến sắc tất cả pháp cũng như vậy.

Vì Bát-nhã ba-la-mật là không cho nên không thấy duyên, không thấy đế, cho đến tất cả pháp không, nội không, ngoại không, nội ngoại không, hữu vi không, vô vi không, vô thỉ không, tánh không, Đệ nhất nghĩa không, Bát-nhã ba-la-mật không, nhân không, Phật quả không, không không, cho nên đều không, chỉ do các pháp tập hợp mà có. Thọ tập nên có, danh tập nên có, nhân tập nên có, quả tập nên có, mười hành tập nên có, Phật quả tập nên có, cho đến sáu đường chúng sinh trong tất cả cõi.

Này thiện nam! Nếu Bồ-tát nào thấy pháp chúng sinh, ngã, nhân, tri

kiến, người ấy hành thế gian mà không thế gian. Đối với các pháp không động, không đến, không diệt, vô tướng, chẳng phải vô tướng, mỗi tướng đều như vậy. Chư Phật, Pháp, Tăng cũng như vậy. Đây là một niệm tâm của Sơ địa đầy đủ tám mươi bốn ngàn Bát-nhã ba-la-mật tức gọi là Ma-ha-diễn, tức diệt là Kim cang, cũng gọi là Định, là Nhất thiết hành, như có nói trong Quang Tán Bát-nhã ba-la-mật.

Đại vương! Đây là danh vị cú của kinh, trăm, ngàn, vạn Phật nói danh vị cú. Trong hằng hà sa tam thiên đại thiên cõi nước thành tựu bảy loại báu vô lượng, bố thí cho chúng sinh trong tam thiên cõi nước đều được bảy bậc hiền, bốn quả, không bằng có một niệm tin kinh này. Huống gì giải thích một câu, câu chẳng phải câu, chẳng phải chẳng phải câu, nên Bát-nhã chẳng phải câu, câu chẳng phải Bát-nhã. Bát-nhã cũng chẳng phải Bồ-tát. Vì vậy, cho nên mười Địa, ba mươi sinh là không, vừa sinh, đang sinh, đã sinh, không thật có. Ba sinh trong các địa là không, cũng không phải Nhất thiết trí, không phải Đại-thừa vì là không.

Đại vương! Nếu Bồ-tát thấy cảnh, thấy trí, thấy thuyết, thấy thọ đó chẳng phải là sự thấy biết của bậc Thánh. Đó là pháp thấy biết điên đảo, là hạng phàm phu. Thấy ba cõi chỉ là tên gọi quả báo của chúng sinh. Sáu thức khởi lên thì vô lượng sự ham muốn cùng cực gọi là Dục giới tạng không. Nghiệp quả khởi lên ở cõi Sắc gọi là Sắc giới tạng không. Nghiệp quả khởi lên ở tâm sở gọi là Vô sắc giới tạng không. Vô minh là căn bản của ba cõi cũng là không, ba địa chín sinh diệt, vô minh dẫn đầu trong ba cõi trước nhóm họp, ngoài ra Tập, quả báo là không. Bồ-tát Kim cang thấu rõ Tam-muội lý tận hoặc quả sinh diệt không, hữu quả không, nhân không cho nên không, Nhất thiết trí cũng không, diệt quả không. Vì trước đã không nên Phật đắc ba quả vô vi, trí duyên diệt, chẳng phải trí duyên diệt hư không, quả Nhất thiết trí là không.

Này thiện nam! Nếu có người nào biết tu tập, lắng nghe, vô thính, vô thuyết như hư không. Pháp đồng pháp tánh, nghe đồng nói đồng, tất cả pháp đều như.

Đại vương! Bồ-tát tu pháp hộ trì Phật quả, vì như thế nên hộ trì Bát-nhã ba-la-mật là hộ trì Nhất thiết trí, mười Lực, mười tám pháp Bất cộng, năm loại mắt, năm phần Pháp thân, bốn Tâm vô lượng, tất cả công đức quả vị đều như thế.

Khi Phật nói pháp như vậy có vô lượng trời, người được Pháp nhãn tịnh, Tánh địa, Tín địa, có trăm ngàn người đều đắc Đại không, đại hạnh của Bồ-tát.

-oOo-

Phẩm 3: Bồ-Tát Giáo Hóa

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát hộ trì hạnh mười Địa thì hạnh nào có thể thực hành? Hạnh nào có thể giáo hóa chúng sinh, tướng chúng sinh nào có thể giáo hóa?

Phật dạy:

–Đại vương! Năm Nhẫn là pháp Bồ-tát:

1. Phục nhẫn thượng, trung, hạ.
2. Tín nhẫn thượng, trung, hạ.
3. Thuận nhẫn thượng, trung, hạ.
4. Vô sinh nhẫn thượng, trung, hạ.
5. Tịch diệt nhẫn thượng, trung, hạ.

Chư Phật, Bồ-tát đều tu Bát-nhã ba-la-mật.

Người thiện nam mới phát tâm kính tin có hằng hà sa chúng sinh tu hành pháp Nhẫn nhục. Đối với Tam bảo sinh mười tâm tập chủng tánh, Tín tâm, Tinh tấn tâm, Niệm tâm, Tuệ tâm, Định tâm, Thí tâm, Giới tâm, Hộ tâm, Nguyện tâm, Hồi hướng tâm, đó là Bồ-tát đã dùng một phần nhỏ khả năng của mình để giáo hóa chúng sinh vượt qua Nhị thừa, tất cả thiện địa.

Tất cả chư Phật, Bồ-tát nuôi dưỡng mười tâm làm mầm Thánh, lần lượt phát sinh Càn tuệ tánh, Tập chủng tánh, đầy đủ mười tâm, bốn Niệm xứ: thân bất tịnh, thọ thì khổ, tâm vô thường, pháp vô ngã; ba gốc lành: Từ, Thí, Tuệ; ba đời: nhân nhẫn quá khứ, nhân quả nhẫn hiện tại, quả nhẫn vị lai. Vị Bồ-tát này cũng giáo hóa tất cả chúng sinh, đầy đủ năng lực vượt qua vọng tưởng ngã, nhân, tri kiến, chúng sinh… không bị phá hoại bởi vọng tưởng điên đảo của ngoại đạo.

Lại có Thập đạo chủng tánh địa, đó là quán sắc, thọ, tưởng, hành, thức, chứng đắc Giới nhẫn, Tri kiến nhẫn, Định nhẫn, Tuệ nhẫn, Giải thoát nhẫn, quán nhân quả trong ba cõi, Không nhẫn, Vô nguyện nhẫn, Vô tướng nhẫn; quán sự hư thật của hai đế, biết tất cả pháp vô thường chứng đắc Vô thường nhẫn. Biết tất cả pháp không, đắc Vô sinh nhẫn. Đó gọi là Bồ-tát đầy đủ mười tâm vững chắc để làm vua Chuyển luân, cũng có khả năng giáo hóa bốn châu thiên hạ, làm cho tất cả chúng sinh sinh các gốc lành.

Bồ-tát Tín nhẫn, thông suốt hoàn toàn, lúc hành đạo cắt đứt phiền não trói buộc trong ba cõi, ngài có khả năng giáo hóa chúng sinh trong trăm, ngàn, vạn cõi Phật, hiện ra trăm, ngàn vạn thân đầy đủ vô lượng công đức và thần thông. Ngài thường dùng mười tám tâm làm đầu: bốn Nhiếp pháp,

bốn Tâm vô lượng, bốn Thệ nguyện rộng lớn, ba môn giải thoát. Bồ-tát từ thiện địa hướng đến về Nhất thiết trí dùng mười lăm tâm này làm chủng tử căn bản của tất cả các hạnh.

Bồ-tát Thuận nhẫn, thấy hiện pháp trong thù thắng, dứt bỏ phiền não trói buộc tâm ở ba cõi. Hiện một thân trong các cõi Phật ở mười phương, dùng vô lượng không thể tính được, các thứ thần thông để giáo hóa chúng sinh.

Bồ-tát Vô sinh nhẫn còn gọi là Viễn bất động quán tuệ, cũng dứt bỏ tập khí phiền não của sắc tâm trong ba cõi hiện bất khả thuyết, bất khả thuyết vô lượng công đức thần thông.

Lại nữa Tịch diệt nhẫn, chư Phật và Bồ-tát đều dùng nhẫn này để vào Tam-muội Kim cang.

Thực hành hạ nhẫn gọi là Bồ-tát.

Thực hành thượng nhẫn là Nhất thiết trí.

Cùng quán Đệ nhất nghĩa đế, dứt bỏ tâm tập khí vô minh trong ba cõi. Thấu rõ tướng là Kim cang. Thấu rõ tướng, vô tướng là Nhất thiết trí. Vượt ra ngoài Thế đế, Đệ nhất nghĩa đế là thực hành Địa thứ mười một Nhất thiết trí. Biết rõ chẳng phải có, chẳng phải không, vắng lặng, thanh tịnh, thường trụ bất biến, đồng với chân như, bình đẳng với pháp tánh, vô duyên đại Bi, giáo hóa tất cả chúng sinh, nương Nhất thiết trí đến giáo hóa tất cả chúng sinh trong ba cõi.

Nầy thiện nam! Tất cả chẳng sinh bị phiền não trói buộc không thoát ra khỏi ba cõi. Tất cả chẳng sinh chịu quả báo hai mươi hai căn không ra khỏi ba cõi. Chư Phật – Ứng, Hóa, Pháp thân cũng không ra khỏi ba cõi. Ngồi ba cõi không có chẳng sinh, chư Phật làm sao giáo hóa? Cho nên ta nói: Ngồi ba cõi riêng có một chẳng sinh giới tạng. Ngồi đạo trong kinh Đại thừa nói chẳng phải lời do bảy Đức Phật nói.

Đại vương! Ta thường nói tất cả chúng sinh dứt bỏ quả báo phiền não trong ba cõi gọi là Phật. Tự tánh thanh tịnh gọi là Giác Nhất thiết trí tánh. Bản nghiệp của chúng sinh là sự tu hành theo bản nghiệp của chư Phật, Bồ-tát. Trong năm nhẫn đầy đủ mười bốn nhẫn.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát bản nghiệp thanh tịnh giáo hóa chúng sinh?

Phật dạy:

–Từ địa này cho đến địa sau, từ hành xứ của mình và hành xứ của Phật, tất cả tri kiến tùy theo bản nghiệp.

Nếu Bồ-tát trụ trong trăm cõi Phật, làm Tứ Thiên vương ở cõi Diêm-Phù-đề tu hành trăm pháp môn, dùng tâm bình đẳng của hai đế giáo hóa tất cả chúng sinh ở Sơ địa.

Nếu Bồ-tát trụ trong ngàn cõi Phật, làm vua cõi trời Đao-lợi, tu ngàn pháp môn, mười đường lành, giáo hóa tất cả chúng sinh ở Nhị địa.

Nếu Bồ-tát trụ trong mười vạn cõi Phật làm Diệm Thiên vương, tu mười vạn pháp môn đạt Tứ thiền định, giáo hóa chúng sinh ở Tam địa.

Nếu Bồ-tát ở trăm ức cõi Phật làm vua cõi trời Đâu-suất, tu trăm ức pháp môn hành đạo phẩm giáo hóa chúng sinh ở Tứ địa.

Nếu Bồ-tát trụ trong ngàn ức cõi Phật làm vua cõi trời Hóa lạc, tu ngàn ức pháp môn, hai Đế, bốn Đế, tám Đế, giáo hóa tất cả chúng sinh ở Ngũ địa.

Nếu Bồ-tát trụ trong mười vạn ức cõi Phật làm vua cõi trời Tha hóa (tự tại), tu mười vạn ức pháp môn, mười hai nhân duyên, dùng trí giáo hóa chúng sinh ở Lục địa.

Nếu Bồ-tát trụ trong trăm muôn ức cõi Phật, làm vua cõi Sơ thiền, tu trăm muôn ức pháp môn, phương tiện trí, nguyện trí giáo hóa tất cả chúng sinh ở Thất địa.

Nếu Bồ-tát trụ trong trăm vạn vi trần sát cõi Phật, làm Phạm vương ở Nhị thiền, tu trăm muôn vi trần sát pháp môn, thấu suốt phương tiện thần thông trí, giáo hóa tất cả chúng sinh ở Bát địa.

Nếu Bồ-tát ở trăm muôn ức a-tăng-kỳ vi trần sát cõi Phật, làm Đại Phạm vương ở Tam thiền, tu trăm muôn ức a-tăng-kỳ vi trần sát pháp môn, dùng bốn trí vô ngại giáo hóa tất cả chúng sinh ở Cửu địa.

Nếu Bồ-tát trụ trong vô số cõi Phật chẳng thể nêu bày làm Đại tĩnh Thiên vương ở Tứ thiền, làm chủ ba cõi, tu vô số pháp môn chẳng thể nêu bày, đạt Tam-muội lý tận, đồng hành xứ của Phật, thấu rõ nguồn gốc ba cõi, giáo hóa tất cả chúng sinh như cảnh giới Phật. Cho nên bản nghiệp của tất cả Bồ-tát giáo hóa thanh tịnh. Nếu các Như Lai ở mười phương cũng tu nghiệp ấy thì sẽ tiến lên quả Nhất thiết trí, làm vua ba cõi, giáo hóa tất cả vô lượng chúng sinh ở Phật địa.

Khi ấy, trăm muôn ức hằng hà sa chúng đều đứng dậy khỏi chỗ ngồi tung rải vô lượng chẳng thể nghĩ bàn hoa, đốt vô lượng chẳng thể nghĩ bàn hương, cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và vô lượng vị Đại Bồ-tát, sau đó chắp tay lắng nghe vua Ba-tư-nặc nói kệ khen ngợi Phật.

Thế Tôn Đạo Sư thân Kim cang

Tâm hành vắng lặng chuyển pháp luân
Đủ tám âm thanh để nói pháp
Trăm ngàn muôn ức người đắc đạo
Trời, người sáu đường theo xuất gia,
Thành tựu Tỳ-kheo, hạnh Bồ-tát
Công đức năm nhẫn diệu pháp môn
Mười bốn Bồ-tát đều thấu hiểu,
Ba Hiền, mười Thánh đều hành nhẫn
Chỉ có Phật mới rõ nguyên do
Phật, Pháp, Tỳ-kheo kho Tam bảo
Vô lượng công đức ở nơi đây
Bồ-tát Thập thiện phát đại tâm,
Thoát hẳn biển luân hồi ba cõi
Trung hạ phẩm Thiện Túc Tán vương
Thượng phẩm Thập thiện Thiết Luân vương
Thập trụ Bồ-tát tập chủng tánh
Đồng luân giáo hóa ở hai châu
Bồ-tát Thập hạnh tánh chủng tánh
Ngân luân giáo hóa ba thiên hạ
Luân vương bền đức đạo chủng tánh
Bảy báu chiếu sáng khắp bốn châu
Thánh thai phục nhẫn gồm ba mươi
Thập tín, Thập chỉ, Thập kiên tâm
Chư Phật ba đời hành trong đây
Đều do phục nhẫn mà sinh ra
Tất cả Bồ-tát hành bản nguyện
Nên khó phát tâm và tín tâm
Nếu được tín tâm không lui sụt
Tiến đến đạo Sơ địa vô sinh
Giáo hóa chúng sinh hành Bồ-đề
Gọi là Bồ-tát sơ phát tâm.
Bồ-tát khéo giác cả bốn châu
Chiếu sáng hai Đế đạo bình đẳng
Quyền hóa chúng sinh khắp trăm cõi
Mới lên đạo Nhất thừa vô tướng
Nhập lý Bát-nhã gọi là Trú
Trụ sinh đức hạnh gọi là Địa
Sơ trụ nhất tâm đủ đức hạnh

Đối đệ nhất nghĩa tâm bất động
Bồ-tát Ly Đạt vua Đạo-lợi
Hiện thân sáu đường ngàn cõi nước.
Vô duyên, vô tướng đệ tam đế
Vô tử, vô sinh không có hai
Minh tuệ không chiếu Diệm Thiên vương
Hiện thân dẫn dắt muôn cõi nước
Nhẫn tâm không hai trong ba đế
Ra có vào không biến hóa sinh
Giác ngộ chúng sinh lìa ba cõi
Diệt sạch phiền não trong ba cõi
Lại quán thân miệng của chúng sinh
Pháp tánh bậc nhất chiếu khắp nơi
Trí tuệ sáng rực, đại tinh tấn
Vua trời Đâu-suất dạo ức cõi
Thật trí duyên tịch phương tiện đạo
Đạt đến vô sinh chiếu không hữu
Thắng tuệ tự thấu rõ ba đế
Vua trời Hóa lạc trăm ức cõi
Quán rõ đều không chẳng hai tướng
Ở trong vô gián hóa lục đạo
Bồ-tát pháp hiện trời Hóa lạc,
Không hai, không chiếu đạt lý không
Ba đế hiện tiền, đại trí sáng
Chiếu ngàn ức cõi độ tất cả.
Thắng pháp hiện bày vô định tướng
Tâm mê chìm đắm trong ba cõi
Không tuệ vắng lặng quán vô duyên
Lại quán tâm không vô lượng báo
Chứng đạt quả Sơ thiền vô sinh
Giáo hóa chúng sinh muôn ức cõi
Chưa độ báo thân trong một đời
Tiến vào đất đẳng quán pháp lưu
Mới vào vô duyên Kim cang nhẫn
Không còn báo thân trong ba cõi
Quán nghĩa thứ ba rõ không hai
Hai mươi mốt sinh, hạnh vắng lặng
Dùng định hàng phục ái ba cõi

Bồ-tát chứng đạt thấu hiểu rõ
Bồ-tát quán chiếu Nhị thiền vương
Biến sinh Pháp thân vô lượng quang
Vào trăm ức cõi độ tất cả.
Chiếu hết việc muôn kiếp ba đời
Quán đến tận gốc đều hư vô
Vào đế thứ ba thường vắng lặng
Bồ-tát Tuệ Quang nhập Tam thiền
Ngàn hằng sa kiếp cùng lúc hiện
Thường trụ hạnh vắng lặng vô vi
Một niệm thấu hằng sa Phật tạng
Bồ-tát quán đảnh vua Tứ thiền
Trong ức hằng cõi độ chúng sinh
Mới vào Kim cang rõ tất cả
Hai chín lần sinh đã độ hết,
Trong Tịch diệt nhẫn quán hạ nhẫn
Vừa chuyển Diệu giác thường vắng lặng
Bậc ba phẩm quán đảnh đẳng tuệ
Dứt duyên vô minh tập khí trước
Vô minh huân tập sinh phiền não
Thấu rõ hai đế diệt tất cả
Viên trí vô tướng vua ba cõi
Ba mươi đời đều đồng đại giác
Kim cang tạng vắng lặng vô vi
Sạch tất cả báo, bi vô cực
Đệ nhất nghĩa đế thường an ổn
Dứt hết tâm tánh còn diệu trí
Ba hiền, mười Thánh trụ quả báo
Chỉ có Đức Phật ở Tịnh độ
Tất cả chúng sinh tạm trú báo
Lên nguồn Kim cang ở Tịnh độ
Ba nghiệp Như Lai đức vô cực
Nay con Nguyệt Quang lễ Tam bảo
Pháp Vương vô thượng, cây trong đời
Che mát chúng sinh vô lượng quang
Miệng thường nói pháp có nghĩa lý
Tâm trí vắng lặng chiếu sáng khắp
Sư tử trong người giảng chúng nghe

Đại chúng hoan hỷ rải hoa báu
Trăm ức muôn cõi đều rung chuyển
Chúng sinh được phước đức vô lượng
Phật nói pháp cho mười bốn vua
Cho nên nay con lược khen Phật.

Bấy giờ, đại chúng nghe vua Nguyệt Quang khen ngợi Phật, Tứ Thiên vương vô lượng tạng công đức được pháp lợi lớn. Ngay tại chỗ ngồi có mười hằng hà sa Phạm vương, mười hằng hà sa quỷ thần vương, cho đến chúng sinh trong ba đường đều được Vô sinh pháp nhẫn. Tám bộ A-tu-la vương chuyển thân quỷ sinh lên cõi trời Thọ đạo hoặc ba đời nhập chánh vị, bốn đời, năm đời, cho đến mười đời được vào chánh vị, chứng pháp tánh của bậc Thánh được vô lượng phước đức.

Phật bảo các đại chúng đã đắc đạo:

–Này thiện nam! Ở thời quá khứ trong mười ngàn kiếp, Nguyệt Quang này ở trong pháp của Phật Long Quang Vương là Bồ-tát Tứ Trụ, ta là Bồ-tát Bát Trụ. Nay ở trước ta Nguyệt Quang rống tiếng rống sư tử. Đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói! Người được nghĩa chân thật thì giảng nói không thể suy nghĩ, luận bàn, không thể so lường. Chỉ có Phật và Phật mới biết được việc ấy.

Này thiện nam! Ta đã nói mười bốn Bát-nhã ba-la-mật, ba nhẫn với từng địa thượng, trung, hạ thành ra ba mươi nhẫn, tất cả Hạnh tạng, tất cả Phật tạng không thể suy nghĩ bàn luận. Vì vậy, cho nên các việc sinh, diệt, giáo hóa, vô sinh, vô diệt, vô giáo hóa, vô tự, vô tha của chư Phật đều ở trong đây, bậc nhất không hai chẳng phải giáo hóa, chẳng phải không giáo hóa, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, không đến, không đi. Vì như hư không nên tất cả chúng sinh vô sinh, vô diệt, không trói, không mở, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, chẳng phải không nhân quả. Vì phiền não ngã nhân, tri kiến, thọ giả ngã sở, tất cả khổ, thọ hành đều không, tất cả pháp nhóm họp, năm ấm huyễn hóa, không hợp, không tan. Pháp đồng pháp tánh. Vắng lặng như hư không, pháp giới cảnh đều không, không vô tướng, không lay chuyển, không điên đảo, không tùy thuận huyễn hóa, không Tam bảo, không bậc Thánh, không sáu đường. Vì như hư không nên Bát-nhã không biết, không thấy. Vì không hành, không duyên, không nhân, không thọ, không có tất cả tướng chiếu soi nên tướng hành đạo cũng như hư không.

Pháp tướng đã như vậy thì làm sao có tâm chứng đắc hay tâm không chứng đắc? Cho nên công đức Bát-nhã không thể ở trong chúng sinh hành

mà hành, không thể ở trong pháp năm ấm hành mà hành, không thể ở trong cảnh hành mà hành, không thể ở trong giải hành mà hành, cho nên Bát-nhã không thể suy nghĩ, bàn luận. Ở trong tất cả chư Phật, Bồ-tát mà hành cho nên cũng không thể suy nghĩ bàn luận. Tất cả các Như Lai đối với pháp huyễn hóa vô trụ mà giáo hóa cũng không thể suy nghĩ, bàn luận.

Này thiện nam! Dù cho vô lượng hằng hà sa vị Khai sĩ quán đảnh thứ mười ba nói công đức này thì như lời vua đã nói không bằng một phần trong trăm ngàn ức phần, như một giọt nước trong biển cả. Nay ta lược nói một phần công đức đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh cũng được vô lượng Như Lai trong ba đời nói ra, được ba Hiền, mười Thánh khen ngợi vô lượng, là một phần công đức mà vua Nguyệt Quang đã nói.

Này thiện nam! Mười bốn pháp môn này, tất cả chúng sinh trong ba đời, Tam thừa chư Phật đều tụ tập. Chư Phật vị lai cũng giống như vậy, nếu tất cả chư Phật, Bồ-tát không nhờ pháp môn này mà chứng được Nhất thiết trí thì không bao giờ có việc ấy. Vì sao? Vì tất cả chư Phật, Bồ-tát đều không có con đường nào khác. Cho nên các thiện nam, nếu có người nào nghe các pháp môn nhẫn: Tín nhẫn, Chỉ nhẫn, Kiên nhẫn, Thiện giác nhẫn, Ly đạt nhẫn, Minh tuệ nhẫn, Diệm tuệ nhẫn, Thắng tuệ nhẫn, Pháp hiện nhẫn, Viễn đạt nhẫn, Đẳng giác nhẫn, Tuệ quang nhẫn, Quán đảnh nhẫn, Viên giác nhẫn thì người ấy thoát khỏi các khổ nạn trong trăm kiếp, ngàn kiếp, vô lượng hằng hà sa kiếp. Khi vào pháp môn này rồi thì hiện đời được phước báu.

Bấy giờ, trong các chúng có mười ức vị đồng danh hiệu là Bồ-tát Hư Không Tạng Hải, được pháp lạc hoan hỷ, cùng nhau tung hoa lên giữa hư không biến thành vô lượng đài hoa. Trên đó, có vô lượng đại chúng giảng nói mười bốn chánh hạnh, mười tám Phạm thiên, Lục dục Thiên tử cũng tung hoa báu, mỗi vị đều ngồi trên một tòa hoa giữa hư không, giảng nói mười bốn chánh hạnh, thọ trì, đọc tụng, giảng giải nghĩa lý, vô lượng các quỷ thần hiện thân tu hành Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

–Đại vương! Trước ông có hỏi: Tướng chúng sinh nào có thể giáo hóa được? Nếu dùng thân huyễn hóa mà thấy huyễn hóa đó là Bồ-tát chân thật thực hành giáo hóa chúng sinh.

Một niệm thức đầu tiên của thức chúng sinh khác với gỗ đá. Thức hoặc sinh thiện, hoặc sinh ác. Ác thì vô lượng thức ác làm gốc, thiện thì vô lượng thức thiện làm gốc. Từ một niệm Kim cang ban đầu cho đến một niệm cuối cùng sinh ra bất khả thuyết thức mới thành sắc tâm của chúng

sinh, là căn bản của chúng sinh. Sắc tức là sắc cái, cái có công dụng ngăn che. Thân là tích tụ. Đại vương, một sắc pháp này sinh ra vô lượng sắc. Mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, đất nâng đỡ, nước tươi nhuần, lửa nóng ấm, gió lay động. Chỗ sinh ra năm thức gọi là căn. Như vậy một sắc, một tâm có vô lượng sắc tâm.

Đại vương! Sáu thức của phàm phu thô động nên thấy có xanh, vàng, đỏ trắng, dài, ngắn, vuông, tròn… vô lượng sắc pháp giả. Sáu thức của bậc Thánh thanh tịnh nên đắc thật pháp, sắc, thanh, hương, vị, xúc, tất cả pháp thật. Chúng sinh là tên gọi của thế đế, hoặc có, hoặc không, chỉ sinh ra ức niệm chúng sinh, nên gọi là thế đế. Thế đế do giả cuồng huyễn hóa cho nên có, cho đến sáu đường đều là huyễn hóa, chúng sinh thấy huyễn hóa, tức là huyễn hóa thấy huyễn hóa. Các sắc tâm như: Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà, Thần ngã… đều là huyễn đế. Pháp huyễn đế là không. Khi Phật chưa ra đời thì không có tên gọi, không có danh nghĩa. Huyễn pháp, huyễn hóa không danh tự, không thể tướng, không có tên gọi ba cõi, không có quả báo thiện ác, tên gọi sáu đường.

Đại vương! Vì chúng sinh nên các Đức Phật nối nhau xuất hiện ở đời, nói tên gọi ba cõi, sáu đường ấy gọi là vô lượng danh tự, như pháp không, pháp tứ đại, tâm pháp, sắc pháp, pháp tướng tục giả, chẳng phải một, chẳng phải khác. Một cũng chẳng tương tục, khác cũng chẳng tương tục. Chẳng phải một, chẳng phải khác gọi là Tục đế.

Pháp tương đãi giả, tất cả tên gọi đối đãi nhau, cũng gọi là bất định tương đãi, như sắc, thọ, tưởng, hành, thức, pháp có, pháp không… tất cả pháp đều duyên nhau mà thành, giả thành ra chúng sinh. Do nhân quả đồng thời, nhân quả khác thời, thiện ác ba đời, tất cả huyễn hóa là chúng sinh huyễn đế.

Đại vương! Nếu Bồ-tát nào thấy chúng sinh huyễn hóa như trên đây đều là giả dối như hoa đốm trong hư không.

Bồ-tát Thập trụ, chư Phật, Ngũ nhãn thấy như huyễn đế. Bồ-tát giáo hóa chúng sinh là như thế.

Khi Phật nói pháp như vậy có vô lượng vị Thiên tử và các đại chúng được phục nhẫn, đắc không, vô sinh nhẫn… cho đến nhập vào địa vị thứ nhất cho đến địa vị thứ mười, đạt được đức hạnh không thể nêu bày hết.

-oOo-

Phẩm 4: Nhị Đế

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Trong Đệ nhất nghĩa đế có Thế đế không? Nếu không thì Trí tuệ ba-la-mật không nên có hai, nếu có thì Trí không nên có một. Nghĩa một hai việc ấy như thế nào?

Phật bảo:

–Đại vương! Thời quá khứ ông đã hỏi bảy Đức Phật về nghĩa hoặc một hoặc hai. Nay ông chẳng nghe, nay ta chẳng nói. Không nghe, không nói tức là nghĩa hoặc một hoặc hai. Hãy lắng nghe khéo suy nghĩ như pháp tu hành. Đây là bài kệ của bảy Đức Phật:

Vô tướng nghĩa bậc nhất
Không tự cũng không tha
Nhân duyên vốn tự có
Không tự cũng không tha
Pháp tánh vốn vô tánh
Là Đệ nhất nghĩa không
Các pháp hữu vốn hữu
Ba giả tập giả có
Không không đế thật không
Vắng lặng, không bậc nhất
Các pháp do duyên có
Có, không nghĩa như vậy
Có, không vốn tự hai
Như trâu có hai sừng
Giải thoát thấy không hai
Hai đế thường thấy hai.
Tâm giải thấy không hai
Tìm hai không thật có
Hai đế chẳng phải một
Chẳng hai làm sao được
Giải thoát là thứ nhất
Trong đế thường có hai
Thông đạt không hai này
Thật vào nghĩa bậc nhất
Thế đế huyễn hóa sinh
Như hoa đốm giữa không
Đều do tay dụi mắt
Nhân duyên nên giả có
Huyễn hóa thấy huyễn hóa
Chúng sinh gọi huyễn đế

Huyễn sư thấy huyễn pháp
Để thật thì đều không
Đây là chư Phật quán
Bồ-tát quán cũng vậy.

Đại vương! Vị Đại Bồ-tát đối với Đệ nhất nghĩa đế thường thấu rõ hai đế để giáo hóa chúng sinh. Phật và chúng sinh chỉ là một không hai. Vì sao? Vì chúng sinh không, nên biết Bồ-đề không. Vì Bồ-đề không, nên biết rõ chúng sinh không. Vì tất cả pháp không cho nên không cũng không. Vì sao? Vì Bát-nhã vô tướng nên hai đế hư không, Bát-nhã không từ vô minh cho đến Nhất thiết trí không có tự tướng, không có tha tướng.

Khi thành tựu Ngũ nhãn thấy được chỗ không thể thấy, hành cũng không thọ, không hành cũng không thọ, chẳng phải hành, chẳng phải không hành cũng không thọ, cho đến tất cả pháp cũng không thọ.

Khi Bồ-tát chưa thành Phật thì Bồ-đề tức phiền não, khi Bồ-tát thành Phật thì phiền não tức Bồ-đề, cho nên đối với đệ nhất nghĩa không hai. Chư Phật Như Lai cho đến tất cả pháp đều như.

–Bạch Thế Tôn! Vì sao các Đức Như Lai, tất cả Bồ-tát trong mười phương khi thực hành các pháp tướng không xa lìa văn tự.

–Đại vương! Pháp luân là pháp Bản như, Trùng tụng như, Thọ ký như, Bất tụng kệ như, Vô vấn nhi tự thuyết như, Giới kinh như, Thí dụ như, Pháp giới như, Bản sự như, Phương quảng như, Vị tằng hữu như, Luận nghĩ như, gọi là vị cú. Âm thanh, quả báo, văn tự, ký cú đều như. Nếu người chấp lấy văn tự thì không có hành không.

Đại vương! Văn tự như như là tu tập theo trí tuệ của chư Phật, là căn bản trí mẫu của tất cả chúng sinh, là thể của Nhất thiết trí. Khi chư Phật chưa thành Phật thì lấy đang thành Phật làm trí mẫu, chưa được là tánh khi đã được thành Phật thì là Nhất thiết trí. Bát-nhã trong ba thừa tự tánh thường trụ bất sinh, bất diệt. Tất cả chúng sinh lấy Bát-nhã làm giác tánh. Nếu Bồ-tát vô thọ, không văn tự, lìa văn tự, phi phi văn tự. Tu vô tu gọi là tu, được Bát-nhã chân tánh, Bát-nhã ba-la-mật. Đại vương! Bồ-tát hộ trì Phật, che chở, giáo hóa chúng sinh, hộ trì hạnh mười Địa là như vậy.

–Bạch Thế Tôn! Chúng sinh có vô lượng phẩm căn tánh cũng vô lượng, hạnh cũng vô lượng, vậy pháp môn là một hay là hai, hay là vô lượng?

–Đại vương! Tất cả pháp quán chẳng phải một, chẳng phải hai; mà có vô lượng tất cả pháp, cũng chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng. Nếu Bồ-tát thấy chúng sinh thấy một, thấy hai tức không thấy một, không

thấy hai. Một, hai là Đệ nhất nghĩa đế.

Đại vương! Hoặc có hoặc không tức là Thế đế. Vì ba đế: Không đế, Sắc đế, Tâm đế thâu nhiếp tất cả các pháp, nên ta nói tất cả pháp không ra ngoài ba đế. Các pháp ngã, nhân, tri kiến, năm thọ ấm… cho đến tất cả pháp đều là không. Căn hạnh của mỗi loại chúng sinh khác nhau nên pháp môn chẳng phải một, chẳng phải hai.

Đại vương! Bảy Đức Phật nói Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật. Nay ta nói Bát-nhã ba-la-mật không hai, không khác đại chúng các ông nên thọ trì, đọc tụng, giảng nói kinh này thì được công đức vô lượng, không thể nói hết được. Mỗi Đức Phật giáo hóa vô lượng chúng sinh. Mỗi chúng sinh đều được thành Phật. Khi đã thành Phật lại giáo hóa vô lượng chúng sinh đều thành Phật.

Trên đây Đức Phật đã ba lần nói Bát-nhã ba-la-mật gồm tám vạn ức bài kệ. Trong mỗi bài kệ lại chia thành ngàn phần. Trong một phần lại được phân biệt rõ ràng từng câu, nghĩa lý không cùng tận. Nếu đối với kinh này có một niệm kính tin thì công đức của chúng sinh đó hơn hẳn công đức trong trăm ngàn kiếp ở Thập địa, huống gì thọ trì, đọc tụng, giảng nói thì công đức đồng như chư Phật mười phương không khác; nên biết người này không bao lâu sẽ thành Phật. Khi nghe nói kinh này, trong đại chúng có mười vạn người đắc Tam không nhẫn. Trăm vạn ức người đắc đại không nhẫn Thập địa tánh.

Đại vương! Kinh này tên là kinh Nhân Vương Vấn Bát-nhã Ba-la-mật, các ông nên thọ trì. Kinh này có vô lượng công đức gọi là công đức hộ quốc, cũng là pháp lạc của các quốc vương, cũng là công đức hộ trì nhà cửa, cũng là hộ trì thân của tất cả chúng sinh. Bát-nhã ba-la-mật này che chở cõi nước giống như hào, thành, vách, tường, đao, mâu, kiếm… các ông thọ trì Bát-nhã ba-la-mật cũng giống như vậy.

-oOo-

KINH PHẬT THUYẾT NHÂN VƯƠNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN HẠ

Phẩm 5: Hộ Quốc

Bấy giờ, Phật bảo:

–Đại vương! Ông hãy lắng nghe, giờ đây ta chính thức nói về công dụng của pháp Hộ quốc. Ông nên thọ trì Bát nhã ba-la-mật, khi giặc cướp đến tàn phá đất nước, ông nên thỉnh trăm tượng Phật, trăm tượng Bồ-tát, trăm tượng La-hán, trăm vị Tỳ-kheo, bốn chúng, bảy chúng, trăm vị Pháp sư giảng Bát-nhã ba-la-mật, thỉnh trăm vị Sư tử hống ở trước tòa cao, đốt trăm đèn thiêu trăm thứ hoa hương, hoa trăm màu sắc để cúng dường Tam bảo. Cúng dường ba y và các thứ cần dùng dâng lên Pháp sư. Trong bữa tiểu thực và bữa ngọ cũng nên đúng thời.

Đại vương! Ông nên thỉnh Pháp sư một ngày hai thời giảng đọc kinh này. Trong cõi nước của ông có tám bộ quỷ thần, mỗi bộ lại có trăm bộ ưa nghe kinh này, họ sẽ che chở giữ gìn cõi nước của ông.

Đại vương! Khi cõi nước có loạn, trước tiên là quỷ thần nổi loạn, đạo tặc đến cướp nước. Nhân dân ly loạn, quan thần, thái tử, vương tử bá quan đều sinh điều thị phi. Trời đất có nhiều sự quái lạ, hai mươi tám vị sao và đường đi của các ngôi sao, mặt trời, mặt trăng vận hành không đúng lúc, có nhiều giặc cướp nổi loạn.

Đại vương! Nếu bị các tai nạn: nạn lửa, nạn nước, nạn gió… thì ông nên thỉnh Pháp sư giảng đọc kinh này chắc chắn sẽ được công dụng như trên đã nói.

Đại vương! Kinh này không chỉ che chở giữ gìn đất nước mà còn bảo hộ phước báu, cầu giàu sang, quan vị bảy báu sẽ được như ý. Muốn cầu con trai, con gái, cầu trí tuệ sáng suốt, học rộng, cầu quả báo ở sáu tầng trời, quả báo loài người, quả báo trong chín phẩm thì cũng nên giảng kinh này sẽ được công đức như trên.

Đại vương! Kinh này chẳng những để cầu phước mà còn để che chở các tai nạn, bệnh tật, khổ não, gông cùm, xiềng xích trói buộc thân thể.

Muốn diệt bốn trọng tội, năm tội nghịch, tám nạn tội và vô lượng khổ não trong sáu đường cũng nên giảng kinh này thì sẽ được công dụng như trên.

Đại vương! Ngày xưa có vị vua Đảnh Sinh muốn đến phá hoại tầng trời của vua Thích Đề-hoàn Nhân. Khi ấy, trời Đế Thích liền y theo lời dạy của bảy Đức Phật, sửa soạn trăm tòa cao, thỉnh trăm vị Pháp sư, giảng Bát-nhã ba-la-mật, Đảnh Sinh liền rút lui, giống như đã nói trong kinh Diệt Tội.

Đại vương! Ngày xưa quốc vương Thiên La có một vị thái tử tên là Ban Túc sắp lên ngôi. Thái tử đến thọ giáo với sư La-đà thuộc phái ngoại đạo. Ban Túc y theo lời dạy của ngoại đạo, lấy một ngàn đầu vua cúng lễ quỷ thần, để lên ngôi vua. Khi đã được chín trăm chín mươi chín đầu vua, còn thiếu một đầu nữa, Ban Túc bèn đi về phía Bắc khoảng vạn dặm, liền gặp vua Phổ Minh. Phổ Minh xin Ban Túc: "Cho tôi được một ngày cúng dường cơm cho Sa-môn, đảnh lễ Tam bảo". Vua Ban Túc bằng lòng.

Lúc bấy giờ, vua Phổ Minh, y theo pháp của bảy Đức Phật thời quá khứ, thỉnh trăm vị Pháp sư, sửa soạn trăm tòa cao, một ngày hai lần giảng Bát-nhã ba-la-mật đến tám ngàn ức bài kệ.

Pháp sư thứ nhất vì ngài Phổ Minh mà nói kệ rằng:

Thời cuối của kiếp thiêu
Cháy khắp cả trời đất
Tu-di và biển lớn
Đều cháy thành tro tàn
Trời, rồng phước đã hết
Tan xác ở trong đó
Thế giới chịu điêu tàn
Đất nước có thường đâu
Sinh, già và bệnh chết
Xoay lăn không bờ mé
Việc làm trái với nguyện
Bị lo buồn làm hại
Dục sâu, tai họa lớn
Đau đớn không gì hơn
Ba cõi đều khổ não
Đất nước biết nương đâu
Căn bản vốn là không
Chỉ do duyên tạo thành
Thịnh rồi thì đến suy
Có thật thì có hư

Chúng sinh do vô minh
Đều sống trong huyễn mộng
Âm thanh tiếng dội không
Đất nước cũng như vậy
Thần thức vô hình tướng
Như xe ngựa bốn con
Voi vô minh bảo vệ
Giữ gìn chiếc xe ấy
Người lái xe vô thường
Thức vô thường là nhà
Thân tâm đều chưa lìa
Đâu có đất nước ư?

Pháp sư nói kệ xong, quyến thuộc vua Phổ Minh và đắc Pháp nhãn không, vua chứng đắc định Hư không đẳng. Nghe pháp được ngộ giải, vua trở về nước Thiên la… ở trong hội chúng của vua Ban Túc, vua Phổ Minh bảo chín trăm chín mươi chín vị vua rằng: Khi mạng sống sắp hết, mỗi vị nên tụng các câu kệ trong kinh Nhân Vương Vấn Bát-nhã Ba-la-mật của bảy Đức Phật thời quá khứ.

Khi ấy, vua Ban Túc hỏi các vua:

–Pháp gì mà tất cả đều phải tụng?

Phổ Minh dùng bài kệ trên đáp lại. Vua nghe pháp đắc Tam-muội không, chín trăm chín mươi chín vị vua nghe pháp cũng chứng định Tam-muội không.

Bấy giờ vua Ban Túc rất vui mừng bảo các vua rằng:

–Tôi bị tà sư ngoại đạo làm cho mê lầm, gây nhiều tội lỗi chẳng xứng đáng một vị vua. Các ông hãy trở về đất nước mình, mỗi vị nên thỉnh Pháp sư giảng Bát-nhã ba-la-mật vị cú.

Khi ấy vua Ban Túc giao nước lại cho người em, xuất gia hành đạo, chứng Vô sinh pháp nhẫn. Như kinh Thập Vương đã nói, năm ngàn vị quốc vương thường tụng kinh này được pháp báu ngay hiện tại.

Đại vương! Mười sáu vị đại quốc vương tu pháp Hộ quốc cũng nên tụng kinh này, các ông đều phải thọ trì. Chúng sinh ở cõi trời, cõi người và chúng sinh trong sáu đường đều nên thọ trì danh vị cú của bảy Đức Phật. Ở đời vị lai, có vô lượng tiểu quốc vương muốn giữ gìn đất nước cũng nên làm như vậy, nên thỉnh pháp giảng nói Bát-nhã ba-la-mật.

Bấy giờ, khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni giảng nói Bát-nhã ba-la-mật, trong chúng có năm trăm ức người được vào Sơ địa. Tám mươi vạn vị

Thiên tử ở sáu tầng trời cõi Dục đắc tánh không địa.

Lại có mười tám vị Phạm thiên đắc Vô sinh pháp nhẫn. Lại có các vị trước đã hành đạo Bồ-tát, chứng một Địa, hai Địa, ba Địa, cho đến mười Địa.

Lại có tám bộ chúng A-tu-la vương được một Tam-muội, hai Tam-muội được chuyển thân quỷ sinh lên cõi trời. Trong hội chúng ấy đều đạt được tự tánh tín cho đến vô lượng không tín. Nay ta nói lược các công đức ở cõi trời không thể nói hết.

-oOo-

Phẩm 6: Tán Hoa

Bấy giờ, mười sáu vị đại quốc vương nghe Phật nói mười vạn ức bài kệ Bát-nhã ba-la-mật tâm sinh vui mừng vô lượng liền tung rải trăm vạn ức thứ hoa biến thành một tòa hoa ở giữa hư không. Chư Phật mười phương đều ngồi trên tòa này giảng nói Bát-nhã ba-la-mật, vô lượng đại chúng cùng ngồi trên một tòa, tung hoa Kim la, tung lên cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni tạo thành vạn lọng hoa, che trên đại chúng, lại tung tám mươi bốn ngàn hoa Bát-nhã ba-la-mật lên hư không, biến thành đài hoa trắng. Trong đài hoa đó, Đức Phật Quang Minh Vương giảng nói Bát-nhã ba-la-mật cho vô lượng đại chúng nghe. Trong đài hoa đó, đại chúng tung hoa Lôi hống lên cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và các đại chúng. Lại tung hoa Diệu giác lên hư không, biến thành tòa thành Kim cang. Trong thành đó, Phật Sư Tử Hống Vương cùng chư Phật mười phương, Bồ-tát bàn luận về Đệ nhất nghĩa đế. Trong thành đó, Bồ-tát Quang Minh tung gấm hoa lên cúng dường Phật Thích-ca, hoa đó tạo thành đài hoa. Trong đài hoa, chư Phật mười phương, chư Thiên, loài người tung hoa trời cúng dường Phật Thích-ca Mâu-ni. Hoa được tung lên giữa hư không biến thành lọng mây tím, che khắp tam thiên đại thiên thế giới. Trong lọng chư Thiên, loài người tung rải hằng hà sa các loài hoa rơi xuống như mưa.

Bấy giờ, các quốc vương tung hoa cúng dường xong, lại mong chư Phật ba đời thường giảng nói Bát-nhã ba-la-mật. Nguyện tất cả Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Tín nam, Tín nữ có những điều mong cầu đều được như ý, thường thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo đại vương:

–Đúng thế, đúng thế, đúng như lời vua nói! Bát-nhã ba-la-mật nên giảng nói, nên thọ trì. Là mẹ của chư Phật, mẹ của Bồ-tát, là chỗ sinh ra thần thông.

Bấy giờ, Đức Phật vì nhà vua hiện ra năm pháp thần thông không thể nghĩ bàn. Một hoa vào trong vô lượng hoa, vô lượng hoa vào trong một hoa. Một cõi Phật vào trong vô lượng cõi Phật; vô lượng cõi Phật nhập vào trong một cõi nước bằng lỗ chân lông, một cõi nước bằng lỗ chân lông nhập vào vô lượng cõi nước bằng lỗ chân lông. Vô lượng núi Tu-di, vô lượng biển lớn nhập vào một hạt cải. Một thân Phật nhập vào vô lượng thân chúng sinh, vô lượng thân chúng sinh nhập vào một thân Phật, nhập vào thân sáu đường, nhập vào thân bốn đại. Thân Phật, thân chúng sinh và thế giới không thể suy nghĩ, luận bàn. Khi Phật hiện thần thông chư Thiên, loài người trong mười phương đều đắc Tam-muội Phật hoa, mười phương hằng hà sa Bồ-tát hiện thân thành Phật. Ba hằng hà sa, tám bộ quốc vương thành đạo Bồ-tát. Mười ngàn tín nữ hiện thân được thần thông Tam-muội.

Này thiện nam! Bát-nhã ba-la-mật lợi ích trong ba đời. Quá khứ Đức Phật đã nói, hiện tại đang nói, vị lai sẽ nói. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, đúng như pháp tu hành.

-oOo-

Phẩm 7: Thọ Trì

Lúc bấy giờ, vua Nguyệt Quang tâm nghĩ, miệng nói:

–Con đã thấy Đức Phật Thích-ca Mâu-ni hiện vô lượng thần lực, cũng thấy trên ngàn đài hoa có vô số Đức Phật, đó là Chủ hóa thân của tất cả Phật. Lại thấy các cõi Phật ở trong ngàn cánh hoa, chư Phật ở trong các cõi nước ấy đều giảng nói Bát-nhã ba-la-mật.

Bạch Thế Tôn! Vô lượng Bát-nhã ba-la-mật không thể giảng nói, không thể giải thích, không thể dùng thức để hiểu biết thì làm sao các thiện nam đối với kinh này hiểu biết rõ ràng để đúng như pháp khai thông pháp đạo cho tất cả chúng sinh?

Đức Phật dạy:

–Có người tu hành mười ba pháp quán, các thiện nam này là đại quốc vương tử tu tập nhẫn cho đến Kim cang đảnh, đều là Pháp vương, nương giữ kiến lập của đại chúng. Các vị nên cúng dường các vị ấy như cúng dường Phật, nên dùng trăm vạn ức hoa trời, hương trời để cúng dường.

Này thiện nam! Pháp sư ấy là Bồ-tát Tập chủng tánh. Nếu có Tín nam, Tín nữ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tu hành mười điều lành, tự quán, từng phần, địa, thủy, hỏa, phong, không, thức của thân mình đều là bất tịnh. Lại quán mười bốn Căn, đó là: năm Tình, năm Thọ, Ý, Mạng của nam nữ… đã tạo vô lượng tội lỗi cho nên phải phát tâm vô thượng Bồ-đề thường tu ba

cõi, trong mỗi niệm niệm đều quán ba cõi là bất tịnh, nên đạt được pháp quán Bất tịnh nhẫn, ở trong nhà Phật tu sáu phép hòa kỉnh, đó là ba nghiệp đồng giới, đồng kiến, đồng học, tu tám mươi bốn ngàn Ba-la-mật đạo.

Này thiện nam! Bồ-tát tu pháp Tập nhẫn trở xuống, thực hành mười điều lành, có tiến, có lùi. Ví như sợi lông nhẹ theo gió bay khắp nơi, các vị Bồ-tát này cũng giống như vậy. Tuy đã mười ngàn kiếp thực hành mười Chánh đạo, phát tâm Bồ-đề mới vào địa vị Tập nhẫn nhưng các vị vẫn thường học ba pháp phục nhẫn, không thể gọi tên là hạng người bất định. Hạng người bất định này nhập vào sinh không vị, là tánh của bậc Thánh. Chắc chắn họ không gây năm tội nghịch, sáu tội trọng, hai mươi tám tội khinh. Kinh sách Phật pháp nói gây tội phản nghịch mà nói chẳng phải Phật thuyết thì không bao giờ có sự ấy. Trong một a-tăng-kỳ kiếp, tu phục đạo nhẫn hành mới được nhập vào địa vị Tăng-già-đà.

Lại nữa, Tánh chủng tánh thực hành mười Tuệ quán, diệt mười điên đảo và ngã, nhân, tri kiến, mỗi phần đều là giả ngụy. Chỉ có danh và thọ, chỉ có pháp không thật có. Vì vô định tướng, vô tự tha tướng nên tu không quán, vừa quán vừa hành trăm vạn Ba-la-mật. Mỗi niệm không rời tâm, với hai a-tăng-kỳ kiếp thực hành mười pháp Chánh đạo, trụ ở địa vị Ba-la-đà.

Lại nữa, Đạo chủng tánh, trụ ở kiên nhẫn, quán tất cả pháp vô sinh, vô trụ, vô diệt. Cái gọi là năm thọ, ba cõi, hai đế không có tướng tự tha. Như thật tánh không thật có nên thường vào Đệ nhất nghĩa đế, tâm, tâm vắng lặng, nên thọ sinh trong ba cõi. Vì sao? Vì nghiệp tập, quả báo chưa hoại diệt hết nên thuận đạo sinh. Lại với ba a-tăng-kỳ kiếp tu tám muôn ức Ba-la-mật sẽ được bình đẳng Thánh nhân địa, an trụ giác vị không lui sụt.

Lại nữa, Đại thiện giác trụ ở bình đẳng nhẫn, tu hành bốn nhiếp pháp, niệm niệm không rời, tâm nhập vào vô tướng xả diệt phiền não tham trong ba cõi. Đối với Đệ nhất nghĩa đế không hai là pháp tánh vô vi, nương vào chân lý mà diệt tất cả tướng nên gọi là Trí duyên diệt vô tướng vô vi, khi trụ ở Sơ nhẫn, vô lượng sinh tử ở vị lai không do Trí duyên diệt mà diệt nên gọi là phi Trí duyên diệt, vô tướng vô vi, vô tự tha tướng. Vì vô tướng nên vô lượng phương tiện đều hiện tiền. Quán thật tướng phương tiện đối với Đệ nhất nghĩa đế chẳng đắm, chẳng xuất, chẳng chuyển, chẳng điên đảo. Học khắp phương tiện mà không chứng, chẳng phải không chứng, nhưng học tất cả. Hồi hướng phương tiện là chẳng trụ quả, chẳng phải không trụ quả, nên hướng đến Nhất thiết trí. Ma tự tại phương tiện là đối với phi đạo mà hành Phật đạo, bốn thứ ma không làm xao động. Nhất thừa phương tiện là đối với tướng không hai thông đạt tất cả hành của chúng

sinh. Biến hóa phương tiện là dùng nguyện lực tự tại sinh về tất cả cõi nước Phật thanh tịnh.

Như thế, này thiện nam! Giác trí ban đầu này đối với tướng hữu, vô là không hai, thật trí này soi chiếu công dụng mà không chứng không đắm, không xuất, không điên đảo là phương tiện quán. Ví như nước và sóng chẳng phải một, chẳng phải khác, cho đến tất cả hành Ba-la-mật, Thiền định, Đà-la-ni chẳng phải một, chẳng phải hai nên mỗi một hành thành tựu. Có thể với bốn a-tăng-kỳ kiếp tu hành, nhập vào công đức tạng môn này không còn nghiệp tập sinh trong ba cõi, cho nên đã xong không còn gây tạo nghiệp mới. Nhờ nguyện lực nên tự tại sinh về các cõi Tịnh độ. Vì thường tu xả quán nên chứng giác vị Cưu-ma-la-già, thường đem bốn Đại bảo tạng dạy cho người khác.

Lại nữa, Bồ-tát Đức Tuệ dùng bốn Tâm vô lượng diệt các phiền não sân… trong ba cõi trụ trong Trung nhẫn thực hành tất cả công đức. Có thể với năm a-tăng-kỳ kiếp thực hành đại Bi quán, tâm tâm thường hiện tiền, nhập giai vị vô tướng Xà-đà-ba-la, giáo hóa tất cả chúng sinh.

Lại nữa, người hành đạo có trí tuệ sáng suốt, thường dùng vô tướng nhẫn thực hành ba minh quán. Biết các pháp trong ba đời, không đến, không đi, không có trú xứ. Tâm tâm vắng lặng, dứt bỏ phiền não si trong ba cõi, được ba minh tất cả công đức quán. Với sáu a-tăng-kỳ kiếp tu tập vô nguyện, thường sinh về tất cả Tịnh độ. Vạn a-tăng-kỳ kiếp tu tập vô lượng Phật quang Tam-muội có khả năng hiện trăm vạn hằng hà sa thần lực chư Phật, trụ vào địa vị Bạc-già-phạm, cũng thường nhập vào Tam-muội Phật hoa.

Lại nữa, quán Phật Bồ-tát, trụ trong Tịch diệt nhẫn, kể từ khi mới phát tâm cho đến nay trải qua trăm muôn a-tăng-kỳ kiếp, tu trăm muôn a-tăng-kỳ công đức, chứng đạt tất cả pháp giải thoát, an trụ trên đài Kim cang.

Này thiện nam! Từ Tập nhẫn cho đến Đảnh Tam-muội đều gọi là hàng phục tất cả phiền não, tin vô tướng, diệt tất cả phiền não, sinh trí giải thoát, thấu rõ Đệ nhất nghĩa đế không gọi là kiến. Kiến là Nhất thiết trí, cho nên ta từ xưa đến nay đều nói chỉ có sự thấy biết của Phật là giác ngộ. Từ Đảnh Tam-muội trở xuống cho đến Tập nhẫn đều là chẳng thấy, chẳng biết, chẳng giác ngộ. Chỉ có Phật mới hiểu hoàn toàn, nên không gọi là Tín. Ở Tiệm tiệm phục thì tuệ tuy sinh diệt nhưng vì năng lực vô sinh diệt nên nếu tâm này diệt thì càng vô bất diệt. Vô sinh, vô diệt nhập vào lý tận Kim cang Tam-muội, đồng với mé chân, bình đẳng với pháp tánh, nhưng chưa thể bình đẳng với vô đẳng đẳng. Ví như có người ở trên tòa cao nhìn xuống thì

thấy tất cả. An trụ lý tận Tam-muội cũng giống như vậy. Thường tu tất cả hạnh, đầy đủ công đức tạng, nhập vào địa vị Bà-già-độ, thường trụ Phật tuệ Tam-muội.

Nầy thiện nam! Các Bồ-tát nầy đều có khả năng giáo hóa chúng sinh, giảng nói chánh nghĩa, thọ trì, đọc tụng, giải thích thật tướng trong cõi nước của tất cả Như Lai trong mười phương, nói cũng như ta ngày nay không khác.

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

–Sau khi ta diệt độ, lúc giáo pháp sắp diệt, thọ trì Bát-nhã ba-la-mật này là làm Phật sự lớn. Tất cả cõi nước an lập, an lạc nhân dân, cho nên ta phó chúc cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Tín nam, Tín nữ, người không có thế lực của vua thì không nên phó chúc. Các ông phải thọ trì, đọc tụng giải thích nghĩa lý.

Đại vương! Nay ta đã giáo hóa trăm ức núi Tu-di, trăm ức mặt trời, mặt trăng. Mỗi núi Tu-di có bốn châu thiên hạ. Cõi Diêm-phù-đề ở phía Nam có mười sáu nước lớn, năm trăm nước vừa, mười ngàn nước nhỏ. Trong mỗi cõi nước xảy ra bảy tai nạn, tất cả quốc vương bị tai nạn nên thỉnh Pháp sư giảng đọc Bát-nhã ba-la-mật, bảy tai nạn liền tiêu diệt, bảy phước liền sinh, dân chúng an vui. Đế vương hoan hỷ.

Bảy tai nạn đó là gì?

Tai nạn thứ nhất là mặt trời, mặt trăng vận hành không đúng quy luật. Thời tiết trái ngược, hoặc xuất hiện mặt trời màu đỏ, mặt trời mầu đen, hoặc hai, ba, bốn, năm mặt trời xuất hiện, hoặc mặt trời bị nhật thực không chiếu sáng, hoặc vòng mặt trời xuất hiện một, hai, ba, bốn, năm lớp. Khi những việc quái lạ xuất hiện thì nên đọc tụng, giảng nói kinh này.

Nạn thứ hai là hai mươi tám vì sao vận hành không đúng độ. Kim tinh, Tuệ tinh, Luân tinh, Quỷ tinh, Hỏa tinh, Thủy tinh, Phong tinh, Đao tinh, Nam đẩu, Bắc đẩu, Ngũ trấn đại tinh, Nhất thiết quốc chủ tinh, Tam công tinh, Bách quan tinh, các ngôi sao như vậy thay nhau biến hiện. Khi những việc như vậy xảy ra cũng nên đọc tụng, giảng nói kinh này.

Nạn thứ ba là lửa lớn đốt cháy cõi nước, nhân dân bị thiêu chết, hoặc lửa quỷ, lửa rồng, lửa trời, lửa thần núi, lửa người, lửa cây cối, lửa đạo tặc biến hiện quái dị như thế thì nên đọc tụng, giảng nói kinh này.

Nạn thứ tư là nước lớn cuốn trôi nhân dân, thời tiết trái ngược. Mùa đông thì mưa, mùa hạ tuyết rơi, mùa đông sấm sét nổi lên. Tháng sáu mưa đá, mưa đỏ, mưa đen, mưa xanh, mưa đất đá, mưa cát sỏi. Nước sông chảy ngược, đá trôi, núi lở. Khi những sự biến quái như vậy xảy ra thì nên đọc tụng, giảng nói kinh này.

Nạn thứ năm là gió lớn thổi mạnh, giết hại nhân dân, đất nước, sông núi, cây cối, cùng lúc đều bị tiêu diệt, phi thời có gió lớn, gió đen, gió đỏ, gió xanh, gió trời, gió đất, gió lửa. Khi những tai biến như thế xảy ra thì cũng nên đọc tụng kinh này.

Nạn thứ sáu là khắp các cõi nước nhiệt độ rất cao, thiêu đốt cỏ cây, hạn hán làm ngũ cốc không thu hoạch được. Mặt đất bị thiêu đốt, nhân dân bị tiêu diệt. Khi những tai biến như thế xảy ra thì cũng nên đọc tụng kinh này.

Nạn thứ bảy là giặc bốn phương đến xâm chiếm. Trong nước giặc loạn nổi lên; giặc lửa, giặc nước, giặc gió, giặc quỷ làm cho nhân dân ly loạn, chiến tranh nổi lên. Khi các tai biến như thế xảy ra thì nên đọc tụng kinh này.

Đại vương! Bát-nhã ba-la-mật này là căn bản tinh thần của chư Phật, Bồ-tát và tất cả chúng sinh, là cha mẹ của tất cả quốc vương, là phù lệnh của nhà vua, là hạt châu diệt quỷ, là hạt châu như ý, là châu hộ quốc, là tấm gương chiếu soi trời đất, là vật báu của Long vương.

Phật lại bảo:

–Đại vương nên làm lá phướn chín màu, dài chín trượng, với hoa chín màu, cao hai trượng, ngàn cây đèn đều cao năm trượng, chín cái rương ngọc, chín cái khăn ngọc, làm cái án bằng bảy báu để đặt kinh này.

Nếu khi vua đi thì ngay ở trước vua cách một trăm bước, kinh này thường phát ra ánh sáng. Trong phạm vi một ngàn dặm, bảy tai nạn không sinh khởi, tội lỗi không sinh ra. Nếu khi vua đứng thì có trướng bảy báu che mát, trong đó có tòa cao bằng bảy báu dùng để kinh, ngày ngày cúng dường, rải hoa, đốt hương, như cúng dường cha mẹ, như thờ Đế Thích.

Đại vương! Ta dùng năm loại mắt thấy rõ ba đời, tất cả quốc vương đều do thời quá khứ đã theo hầu năm trăm Đức Phật, nên được làm đế vương, quốc chủ, vì thế các bậc Thánh, La-hán đều sinh ở cõi nước kia làm nhiều lợi ích. Khi vua hết thuốc thì bậc Thánh, La-hán không còn nữa, bảy tai nạn lại khởi lên.

Đại vương! Nếu đời vị lai có các quốc vương hộ trì Tam bảo thì ta sẽ sai năm vị Bồ-tát có sức mạnh đến ủng hộ vị quốc vương ấy. Bồ-tát Kim cang Hống tay cầm bánh xe ngàn báu đến che chở nước ấy, Bồ-tát Long Vương Hống tay cầm đèn Kim luân đến che chở nước ấy, Bồ-tát Vô Uy Thập Lực Hống tay cầm chày Kim cang đến che chở nước ấy, Bồ-tát Lôi Điện Hống tay cầm mành lưới ngàn báu đến che chở nước ấy, Bồ-tát Vô

Lượng Lực Hống tay cầm năm mươi luân kiếm đến che chở nước ấy, năm vị Bồ-tát này có năm ngàn vị đại thần vương, làm việc lợi ích lớn ở quốc độ đó, các ông nên lập tượng cúng dường.

Đại vương! Nay ta đem Tam bảo giao phó cho tất cả quốc vương các ông. Nước Kiều-tát-la, nước Xá-vệ, nước Ma-kiệt-đà, nước Ba-la-nại, nước Ca-tỳ-la-vệ, nước Cưu-thi-na, nước Cưu-diệm-di, nước Cưu-lưu, nước Kế tân, nước Di-đề, nước Già-la-càn, nước Càn-đà-vệ, nước Sa-đà, nước Tăng-già-đà, nước Kiến-nô-quật-xà, nước Ba-đề, tất cả các vị quốc vương này đều nên thọ trì Bát-nhã ba-la-mật.

Bấy giờ, các đại chúng và A-tu-la vương nghe Phật nói bảy điều đáng sợ ở đời vị lai thì khắp mình nổi ốc, lớn tiếng kêu than, nguyện không sinh về cõi nước ấy.

Bấy giờ, mười sáu vị quốc vương liền giao phó việc nước lại cho người em, rồi xuất gia tu đạo, quán bốn đại, bốn sắc là tướng thắng xuất; bốn đại, bốn sắc không dùng thức, không nhập vào hành tướng. Ba mươi nhẫn là tướng Sơ địa, vị quốc vương bỏ thân phàm phu nhập vào thân Lục trụ, bỏ thân bảy lần sinh tử nhập vào tám Pháp thân, chứng tất cả hành Bát-nhã ba-la-mật.

Mười tám Phạm thiên, A-tu-la vương, đắc ba thừa quán đồng với cảnh vô sinh. Các vị ấy lại rải hoa cúng dường: Không pháp tánh hoa, Thánh nhân hoa, Thuận hoa, Vô sinh hoa, Pháp lạc hoa, Kim cang hoa, Duyên quán trung đạo hoa, Tam thập thất phẩm hoa, để rải lên Phật và chín trăm ức Đại Bồ-tát. Các chúng sinh đã chứng đạo quả dùng tâm Không hoa, tâm Thọ hoa, lục Ba-la-mật hoa, Diệu giác hoa rải lên Phật và đại chúng. Mười ngàn vị Bồ-tát nhớ nghĩ chúng sinh ở vị lai liền chứng Tam-muội diệu giác, Tam-muội viên minh, Tam-muội Kim cang, Tam-muội thế đế, Tam-muội chân đế, Tam-muội đệ nhất nghĩa đế. Tam đế Tam-muội này là Nhất thiết Tam-muội vương Tam-muội, cũng được Vô lượng Tam-muội, Thất tài Tam-muội, hai mươi lăm hữu Tam-muội, Nhất thiết hành Tam-muội. Lại có mười ức vị Bồ-tát chứng Kim cang đảnh, thành Chánh giác.

-oOo-

Phẩm 8: Chúc Lụy

Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

–Ta đã dạy các ông sau khi ta diệt độ khoảng tám mươi năm, tám trăm năm, tám ngàn năm khi không có Phật, Pháp, Tăng, không có tín nam,

tín nữ, kinh Tam bảo này giao phó cho các quốc vương và bốn đệ tử thọ trì, đọc tụng, giải nghĩa, khai mở tuệ đạo cho chúng sinh trong ba cõi. Các vị tu bảy bậc hiền, hành mười điều lành, giáo hóa tất cả chúng sinh. Vào đời ngũ trược, sau này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Tín nam, Tín nữ, tám bộ Thiên long, tất cả Thần vương, quốc vương, đại thần, thái tử, vương tử, tự ỷ dòng họ cao quý, phá hoại giáo pháp của ta, lập ra điều luật hạn chế không cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni xuất gia học đạo, cũng không cho tạo tượng Phật, xây tháp. Lập ra các chức quan quản lý, kiềm chế bốn chúng đệ tử Phật, ghi chép Tăng chúng vào sổ bộ. Tỳ-kheo đứng dưới đất, còn cư sĩ ngồi trên tòa cao. Binh nô làm Tỳ-kheo, thọ pháp thỉnh riêng. Các Tỳ-kheo tri thức cùng với các Tỳ-kheo thân thiện tổ chức trai hội, cầu phước như pháp ngoại đạo, chẳng đúng với giáo pháp của Phật; nên biết khi ấy Chánh pháp không bao lâu sẽ bị hoại diệt.

Đại vương! Các vị đó tự ỷ vào oai lực, phá hoại đạo pháp của ta, cấm chế bốn chúng đệ tử, làm cho nhân dân gặp nhiều khổ hoạn, bệnh tật, đó là nhân duyên phá nước. Nói về tội lỗi đời ngũ trược cho đến suốt kiếp cũng không hết được.

Đại vương! Đời mạt pháp ở vị lai có các Tỳ-kheo bốn bộ đệ tử cùng quốc vương, đại thần ngang ngược làm nhiều hành vi phi pháp, trói buộc Tỳ-kheo như pháp ngục tù, khi ấy nên biết giáo pháp diệt tận.

Đại vương! Sau khi ta diệt độ, bốn bộ đệ tử ở đời vị lai, các tiểu quốc vương, thái tử, vương tử vào chùa ủng hộ Tam bảo, lần lần cùng nhau phá hoại Tam bảo, giống như côn trùng ở trong thân sư tử tự ăn thịt sư tử, chẳng phải ngoại đạo đến phá. Người phá hoại Phật pháp mắc tội rất lớn, làm cho chánh pháp suy đồi, nhân dân không có chánh hạnh, do đó dần dần làm ác, mạng sống ngày một giảm dần cho đến một trăm năm. Người phá hoại Phật pháp sinh con bất hiếu, quyến thuộc bất hòa, Thiên thần không giúp đỡ. Bệnh truyền nhiễm và ác quỷ thường đến làm hại, tai họa thường xảy ra, chết đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh làm người mắc quả báo làm binh nô, như bóng theo hình, như người ngày đêm sống với lửa cháy. Quả báo trong ba cõi cũng giống như vậy.

Đại vương! Trong đời vị lai, quốc vương, thái tử, bốn bộ đệ tử, ngang ngược với đệ tử Phật, chế ra cấm giới như pháp cư sĩ, như pháp binh nô, hoặc Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ghi tên làm sứ giả cho quan lại, đều chẳng phải đệ tử của ta. Đó là pháp binh nô, hoặc lập sổ ghi tên quản lý Tăng chúng như pháp ngục tù, như pháp binh nô, nên biết khi ấy Phật pháp không còn bao lâu sẽ bị hoại diệt.

Đại vương! Ở đời vị lai, các tiểu quốc vương, bốn bộ đệ tử gây ra tội lỗi làm nhân duyên phá hoại đất nước, thân tự làm các việc chẳng phải Phật, Pháp, Tăng.

Đại vương! Trong đời vị lai việc truyền bá kinh này là pháp khí của bảy Đức Phật, là đạo thực hành của chư Phật mười phương. Các ác Tỳ-kheo thường cầu danh lợi, nói với quốc vương, thái tử, vương tử về nhân duyên phá hoại Phật pháp, phá hoại đất nước. Các vị quốc vương mê muội tin theo lời nói này, ngang ngược lập pháp chế không y theo giới Phật, đó là nhân duyên phá hoại Phật pháp, phá hoại đất nước. Khi ấy nên biết chánh pháp không còn bao lâu nữa sẽ bị hóa diệt.

Bấy giờ, khi nghe Đức Phật bảy lần răn dạy những việc ở đời vị lai, mười sáu vị đại quốc vương buồn rầu, than khóc động đến cả Tam thiên. Mặt trời, mặt trăng, năm ngôi sao, hai mươi tám tinh tú mất hẳn ánh sáng.

Bấy giờ, các quốc vương đều dốc lòng thọ trì lời Phật, không cấm chế bốn bộ đệ tử Phật xuất gia hành đạo. Bấy giờ, đại chúng mười tám vị Đại Phạm vương, các Thiên tử ở sáu tầng trời Lục dục đều khen ngợi. Khi ấy nên biết thế gian như hư không, không có Phật xuất hiện.

Khi Phật nói nhân duyên hộ trì Phật, hộ trì đất nước thì vô lượng đại chúng, trăm ức Bồ-tát Di-lặc, Sư Tử Nguyệt… trăm ức Xá-lợi-phất, Tu-bồ-đề… năm trăm ức, mười tám Phạm thiên, các thiên tử sáu tầng trời cõi Dục, ba cõi, sáu đường, A-tu-la… nghe như vậy hết sức vui mừng, lễ Phật, thọ trì Bát-nhã ba-la-mật.

-oOo-

SỐ 246

KINH NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

Hán dịch: Tam tạng Sa-môn Bất Không

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm 1: Tựa

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở trong núi Thứu phong, thuộc thành Vương xá cùng với một ngàn tám trăm vị Tỳ-kheo đều là A-la-hán, đã diệt tận các lậu, không còn phiền não, tâm hoàn toàn giải thoát, tuệ hoàn toàn giải thoát, đạt chín trí, mười trí, việc làm đã làm xong, quán đúng như thật về ba điều giả, quán ba môn không, đã thành tựu công đức hữu vi và công đức vô vi.

Lại có tám trăm vị Tỳ-kheo-ni đều là A-la-hán. Lại có vô lượng vô số Đại Bồ-tát với thật trí bình đẳng, đoạn sạch phiền não chướng, có phương tiện thiện xảo phát hạnh nguyện lớn, lấy bốn Nhiếp pháp làm lợi ích chúng sinh, đem bốn Tâm vô lượng che trùm tất cả, thấu suốt ba Minh, chứng đắc năm Thần thông, tu tập vô biên pháp Bồ-đề phần, có kỹ thuật thiện xảo vượt hơn thế gian, thâm nhập duyên sinh, Không, Vô tướng, Vô nguyện, ra vào diệt định, thị hiện khó lường, thu phục ma oán, hiểu rõ cả hai đế với Pháp nhãn thấy biết tất cả nguồn căn của chúng sinh, với bốn Vô ngại giảng nói không sợ sệt, với mười Lực diệu trí, tiếng giảng pháp như sấm động, gần gũi Tam-muội Kim cang vô đẳng đẳng. Các vị ấy đều có đầy đủ các công đức như vậy.

Lại có vô lượng chúng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả đều thấy Thánh đế.

Lại có vô lượng vị tu hạnh Thất hiền, Niệm xứ, Chánh cần, Thần túc, Căn, Lực, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, mười sáu Tâm hành, hướng đến bốn Đế hiện quán.

Lại có mười sáu đại quốc vương: vua Ba-tư-nặc... mỗi vị có biết bao

ngàn vạn quyến thuộc tùy tùng.

Lại có sáu vị Thiên vương cõi Dục: Thích Đề-hoàn Nhân... cùng vô lượng Thiên tử quyến thuộc tùy tùng.

Có bốn Tĩnh tự thiên ở cõi Sắc: các Đại Phạm vương… với vô lượng Thiên tử quyến thuộc tùy tùng.

Có vô lượng hữu tình biến hóa của các cõi như A-tu-la... và rất nhiều quyến thuộc tùy tùng.

Lại có trăm ức tòa Sư tử biến hiện ở cõi tịnh khắp mười phương. Đức Phật ngồi trên tòa ấy giảng nói điều cốt lõi của pháp. Trước mỗi tòa hiện một đóa hoa, trăm ức đóa hoa ấy được trang hoàng bằng những vật quý báu. Trên mỗi đóa hoa có vô lượng hóa Phật, vô lượng Bồ-tát, vô lượng bốn chúng và tám bộ. Chư Phật ở trong đó đều giảng nói Bát-nhã ba-la-mật-đa, lần lượt lưu bố khắp hằng sa cõi chư Phật ở mười phương.

Tất cả các đại chúng đến như vậy đều lạy sát hai chân Đức Phật rồi lui ngồi qua một bên.

Bấy giờ vào ngày mồng tám tháng giêng, Đức Thế Tôn nhập Tam-ma-địa đại tịch tĩnh diệu. Các lỗ chân lông trên thân Ngài phóng ánh sáng lớn chiếu khắp hằng sa cõi Phật ở mười phương. Khi ấy, vô lượng chư Thiên ở cõi Dục mưa các loại hoa đẹp. Chư Thiên cõi Sắc cũng mưa hoa trời đủ các màu sắc xen lẫn với nhau rất là đẹp mắt. Cõi Vô sắc mưa các hoa thơm, mùi thơm như Tu-di, hoa như bánh xe, như mây bủa xuống che khắp đại chúng và Phật, làm thế giới chấn động sáu cách.

Bấy giờ đại chúng nói với nhau:

–Trước đây Đại Giác Thế Tôn vì chúng ta đã nói Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật-đa, Kim cang Bát-nhã ba-la-mật-đa, Thiên vương vấn Bát-nhã ba-la-mật-đa, Đại phẩm đẳng vô lượng vô số Bát-nhã ba-la-mật-đa. Hôm nay Như Lai phóng ánh sáng lớn như vậy là do nguyên nhân gì?

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc nước Thất-la-phiệt suy nghĩ: "Hôm nay Đức Phật hiện tướng hy hữu như vậy, chắc chắn là có mưa pháp làm cho tất cả đều được lợi ích an lạc."

Thế rồi vua hỏi các Ưu-bà-tắc Bảo Cái, Vô Cấu Xứng..., các Đại Thanh văn Xá-lợi-phất, Tu-bồ-đề..., các Đại Bồ-tát Di-lặc, Sư Tử Hống...:

–Điều Như Lai biểu hiện là tướng của điềm lành gì?

Khi ấy các đại chúng không ai trả lời được. Nương sức oai thần của Phật, vua Ba-tư-nặc... trỗi vang âm nhạc, chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc đều tấu lên vô lượng các kỹ nhạc trời, tiếng nhạc vang khắp cả tam thiên đại

thiên thế giới.

Bấy giờ, Thế Tôn lại phóng vô lượng vô số ánh sáng. Ánh sáng ấy đủ cả màu sắc lẫn lộn. Trong mỗi vầng ánh sáng hiện lên hoa sen báu, mỗi hoa có ngàn cánh làm bằng vàng ròng và có hóa Phật ngồi ở trên giảng nói điều cốt yếu của pháp. Ánh sáng của Phật chiếu khắp hằng hà sa cõi Phật trong mười phương, vì có nhân duyên nên hiện lên như vậy.

Trong cõi Phật ở các phương khác: phương Đông có Đại Bồ-tát Phổ Quang, phương Đông nam có Đại Bồ-tát Liên Hoa Thủ, phương Nam có Đại Bồ-tát Ly Ưu, phương Tây nam có Đại Bồ-tát Quang Minh, phương Tây có Đại Bồ-tát Hành Tuệ, phương Tây bắc có Đại Bồ-tát Bảo Thắng, phương Bắc có Đại Bồ-tát Thắng Thọ, phương Đông bắc có Đại Bồ-tát Ly Trần, phương trên có Đại Bồ-tát Hỷ Thọ, phương dưới có Đại Bồ-tát Liên Hoa Thắng, đều cùng vô lượng trăm ngàn ức Đại Bồ-tát đồng đến đây, đem đủ loại hương thơm, rải đủ loại hoa, trỗi vô lượng âm nhạc để cúng dường Như Lai và đảnh lễ sát hai chân Ngài rồi im lặng lui qua một bên, ngồi chắp tay cung kính, nhất tâm chiêm ngưỡng Đức Phật.

-oOo-

Phẩm 2: Quán Như Lai

Bấy giờ, Thế Tôn ra khỏi Tam-muội, ngồi nơi tòa Sư tử, dạy đại chúng:

–Ta biết mười sáu vị đại quốc vương đều nghĩ như vầy: "Thế Tôn đại Bi làm cho tất cả đều được lợi ích an lạc. Các vua chúng ta phải giữ gìn đất nước như thế nào?". Này thiện nam, trước tiên vì các Đại Bồ-tát, ta sẽ nói về việc giữ gìn quả Phật, giữ gìn hạnh Thập địa. Các ông phải lắng nghe cho rõ, lắng nghe cho thật kỹ, ghi nhớ đúng về việc ấy.

Nghe Đức Phật nói như vậy, cả đại chúng, vua Ba-tư-nặc... đều cùng nhau khen ngợi:

–Lành thay, lành thay!

Rồi rải vô lượng hoa báu thơm đẹp, hoa ấy biến thành lọng báu ở giữa hư không, che khắp cả đại chúng và che khắp mọi nơi.

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc đứng dậy đảnh lễ sát chân Đức Phật, chắp tay quỳ thẳng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát giữ gìn quả Phật như thế nào? Giữ gìn hạnh Thập địa như thế nào?

Đức Phật dạy vua Ba-tư-nặc:

–Giữ gìn quả Phật là Đại Bồ-tát nên trụ như vầy: giáo hóa tất cả loài noãn sinh, thai sinh, thấp sinh và hóa sinh, không quán sắc tướng, không quán sắc, như thọ, tưởng, hành thức. Ngã, nhân, thường, lạc, ngã, tịnh, bốn Nhiếp, sáu Độ, hai Đế, bốn Đế, Lực, Vô úy... tất cả các hạnh cho đến Bồ-tát, Như Lai cũng đều như vậy, không quán tưởng, không quán Như. Vì sao? Vì tánh của các pháp là chân thật, nó không đến không đi, không sinh không diệt, đồng đẳng với chân tế, pháp tánh không có hai, không riêng biệt, như hư không, tướng uẩn xứ giới không có ngã, không có ngã sở. Đó là Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Vua Ba-tư-nặc thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tánh của Bồ-tát và chúng sinh không có hai thì Bồ-tát lấy tướng gì để giáo hóa chúng sinh?

Phật dạy:

–Này đại vương! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là thường, lạc, ngã, tịnh. Pháp tánh không trụ vào sắc, không trụ vào phi sắc. Thọ, tưởng, hành, thức là thường, lạc, ngã, tịnh; không trụ vào tịnh, cũng không trụ vào phi tịnh. Vì sao? Vì tánh của các pháp đều là không, do thế đế, do ba giả mà có. Tất cả hữu tình và pháp uẩn, xứ, giới, tạo phước, chẳng phải phước, hạnh bất động..., do nhân quả mà có thì các hạnh của Thánh hiền Tam thừa đã tu cho đến quả Phật đều nói là có. Sáu mươi hai kiến cũng gọi là có.

Này đại vương! Nếu chấp trước vào danh tướng để phân biệt các pháp, hành quả của sáu cõi, bốn sinh, ba thừa tức là không thấy được thật tánh của các pháp.

Vua Ba-tư-nặc thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật tánh của các pháp là thanh tịnh, bình đẳng, phi hữu, phi vô. Vậy trí quán chiếu như thế nào?

Phật dạy:

–Này đại vương! Trí quán chiếu thật tánh phi hữu phi vô. Vì sao? Vì pháp tánh là không; tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, mười hai xứ, mười tám giới, sáu cảnh giới của phàm phu, mười hai nhân duyên, hai Đế, bốn Đế, tất cả đều không. Các pháp ấy thoạt sinh thoạt diệt, thoạt có thoạt không, trong từng sát-na từng sát-na cũng như vậy. Vì sao? Vì trong một niệm có chín mươi sát-na. Mỗi sát-na trải qua chín trăm lần sinh diệt. Vì các pháp hữu vi đều là không. Nhờ Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm sâu nên chiếu thấy tất cả các pháp đều không, nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, vô thủy không, cứu cánh không, tán không, bản tánh không, tự

tướng không, tất cả pháp không, Bát-nhã ba-la-mật-đa không, nhân không, quả Phật không, không không cho nên không. Các pháp hữu vi do pháp tập hợp nên có, thọ tập hợp nên có, danh tập hợp nên có, nhân tập hợp nên có, quả tập hợp nên có, sáu cõi có, mười Địa nên có, quả Phật có, tất cả đều có.

Này thiện nam! Nếu Bồ-tát trụ tướng của pháp mà có tướng ngã, tướng nhân, hữu tình, tri kiến là trụ vào thế gian, tức chẳng phải Bồ-tát. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều không. Nếu đối với các pháp mà đắc bất động, không sinh không diệt, vô tướng, không vô tướng thì không nên khởi kiến chấp. Vì sao? Vì tất cả pháp đều là Như. Phật, Pháp, Tăng cũng Như. Trong một niệm đầu tiên khi Thánh trí hiện tiền thì có đầy đủ tám vạn bốn ngàn Ba-la-mật-đa, gọi là địa Hoan hỷ, sạch các chướng, chuyên chở sự giải thoát, gọi là thừa. Khi tướng động diệt thì gọi là định Kim cang, tướng lễ bình đẳng thì gọi là trí Nhất thiết trí.

Này đại vương! Văn tự, chương cú của Bát-nhã ba-la-mật-đa này trăm Đức Phật, ngàn Đức Phật, trăm ngàn vạn ức Đức Phật đều cùng nói. Nếu có người đem hằng hà sa bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, làm cho tất cả hữu tình trong đại thiên thế giới đều chứng quả A-la-hán, không bằng người đối với kinh này, dù chỉ một niệm khởi lòng tin thanh tịnh, huống chi người thọ trì, đọc tụng, hiểu một câu. Vì sao? Vì lìa tánh văn tự, không có tướng văn tự, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp. Vì Bát-nhã là không, nên Bồ-tát cũng không. Vì sao? Vì trong mười Địa, Địa nào cũng đều có mới bắt đầu sinh, hiện đang sinh, cho đến chấm dứt sự sinh. Như vậy, ba mươi sinh đều là không. Trí Nhất thiết trí cũng đều không.

Này đại vương! Nếu Bồ-tát thấy có cảnh giới, thấy trí tuệ, thấy nói, thấy thọ trì thì tức chẳng phải sự thấy của bậc Thánh mà đó là sự thấy của phàm phu. Quả báo của hữu tình ba cõi là hư vọng. Các nghiệp ở cõi Dục do phân biệt đã tạo ra, các nghiệp của bốn Tĩnh lự định ở cõi Sắc đã tạo ra, các nghiệp của bốn không định ở cõi Vô sắc đã tạo ra, tất cả nghiệp quả của ba cõi đều là không. Căn bản vô minh của ba cõi cũng không. Các địa của bậc Thánh, vô lậu sinh diệt. Sự huân tập các vô minh khác, quả báo có thay đổi ở trong ba cõi cũng đều là không. Nhân quả trong hai trường hợp chết của Bồ-tát ở ngôi Đẳng giác đã đắc định Kim cang là không, Nhất thiết trí cũng không. Phật Vô Thượng Giác, các trí đã viên mãn; trạch, phi trạch diệt, pháp giới chân tịnh, tánh tướng bình đẳng, việc ứng hóa cũng không.

Này thiện nam! Nếu có người tu tập Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì người nói, người nghe như nhà ảo thuật không nói, không nghe. Pháp đồng với

pháp tánh giống như hư không. Tất cả đều là Như.

Này đại vương! Đại Bồ-tát giữ gìn quả Phật là như vậy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo vua Ba-tư-nặc:

–Ông dùng tướng gì để quán Như Lai?

Vua Ba-tư-nặc thưa:

–Quán thật tướng của thân thì quán Phật cũng như vậy, không có khoảng trước, không có khoảng sau, không có khoảng giữa, không trụ ba khoảng, không lìa ba khoảng, không trụ vào năm uẩn, không trụ bốn đại, không lìa bốn đại, không trụ sáu xứ, không lìa sáu xứ, không trụ ba cõi, không lìa ba cõi, không trụ phương hướng, không lìa phương hướng. Minh và vô minh đồng đẳng, chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải đây, chẳng phải kia, chẳng phải tịnh, chẳng phải uế, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, không có tự tướng, không có tha tướng, không danh, không tướng, không mạnh, không yếu, không bày, không nói, chẳng phải bố thí, chẳng phải xan tham, chẳng phải giữ giới, chẳng phải phạm, chẳng phải nhẫn nhục, chẳng phải sân giận, chẳng phải tinh tấn, chẳng phải biếng nhác, chẳng phải định, chẳng phải loạn, chẳng phải trí tuệ, chẳng phải ngu si, chẳng phải đến, chẳng phải đi, chẳng phải vào, chẳng phải ra, chẳng phải ruộng phước, chẳng phải không ruộng phước, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải nắm bắt, chẳng phải xả bỏ, chẳng phải lớn, chẳng phải nhỏ, chẳng phải thấy, chẳng phải nghe, chẳng phải hay, chẳng phải biết, diệt hết nơi hoạt động của tâm, dứt hẳn đường ngôn ngữ, pháp tánh đồng với chân tế. Con dùng tướng như vậy để quán Như Lai.

Phật dạy:

–Này thiện nam! Đúng như lời ông đã nói, các Lực, Vô úy... hằng hà sa công đức, các pháp bất cộng của chư Phật Như Lai đều như vậy. Người nào tu tập Bát-nhã ba-la-mật-đa nên quán như vậy. Nếu quán khác đi thì gọi là tà quán.

Khi Đức Phật nói pháp này có vô lượng đại chúng đắc Pháp nhãn tịnh.

-oOo-

Phẩm 3: Hạnh Bồ-Tát

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát giữ gìn hạnh Thập địa nên tu hành thế

nào? Giáo hóa chúng sinh thế nào? Và lại dùng tướng gì để quán sát?

Đức Phật dạy:

–Này đại vương! Các Đại Bồ-tát nương vào năm pháp nhẫn để tu hành, đó là: Phục nhẫn, Tín nhẫn, Thuận nhẫn, Vô sinh nhẫn đều có thượng, trung, hạ. Còn đối với Tịch tịnh nhẫn thì có thượng, hạ. Đó gọi là Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Này thiện nam! Mới vào địa Phục nhẫn bắt đầu huân tập chủng tánh tu hạnh Thập trụ. Tướng mới phát tâm có hằng hà sa chúng sinh, thấy Phật, Pháp, Tăng phát mười Tín, đó là: Tín tâm, Niệm tâm, Tinh tấn tâm, Tuệ tâm, Định tâm, Bất thoái tâm, Giới tâm, Nguyện tâm, Hộ pháp tâm và Hồi hướng tâm. Nếu đầy đủ mười tâm này thì có thể giáo hóa chúng sinh được phần nhỏ, vượt qua tất cả địa thiện của hàng Nhị thừa. Đó là Bồ-tát mới nuôi lớn tâm, là Thánh thai.

Lại nữa, Bồ-tát ở ngôi tánh chủng tánh tu hành mười loại Ba-la-mật-đa, phát sinh mười thứ đối trị, nghĩa là quán sát thân, thọ, tâm, pháp là bất tịnh, các khổ, vô thường, vô ngã, trị ba căn bất thiện: tham, sân, si; phát sinh ba thiện căn: bố thí, từ bi, trí tuệ; quán sát ba đời nhân nhẫn ở quá khứ, nhân quả nhẫn ở hiện tại, quả nhẫn ở vị lai. Bồ-tát ở địa vị này làm lợi lạc cho chúng sinh, vượt qua các tư tưởng ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh..., tư tưởng điên đảo của ngoại đạo không thể nào làm hại được.

Lại nữa, Bồ-tát ở ngôi đạo chủng tính tu Thập hồi hướng, phát mười tâm nhẫn, nghĩa là quán năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức thì đắc được Giới nhẫn, Định nhẫn, Tuệ nhẫn, Giải thoát nhẫn và Giải thoát tri kiến nhẫn. Quán nhân quả ba cõi thì đắc được Không nhẫn, Vô tưởng nhẫn và Vô nguyện nhẫn. Quán các pháp giả thực của nhị đế là vô thường thì đắc Vô thường nhẫn. Quán tất cả pháp là không thì đắc Vô sinh nhẫn. Bồ-tát ở ngôi này làm Chuyển luân vương, có năng lực giáo hóa rộng khắp làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát ở ngôi Tín nhẫn, nghĩa là ở địa Hoan hỷ. Địa Ly cấu và địa Phát quang có thể đoạn trừ ba chướng và đoạn trừ phiền não của sắc, hành bốn Nhiếp pháp: Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự; tu bốn Tâm vô lượng: tâm Từ vô lượng, tâm Bi vô lượng, tâm Hỷ vô lượng và tâm Xả vô lượng; đầy đủ bốn hoằng nguyện, đoạn trừ các triền cái, luôn giáo hóa chúng sinh, tu tri kiến Phật, chứng thành Vô thượng giác, trụ vào ba môn giải thoát: Không giải thoát môn, Vô tướng giải thoát môn, Vô nguyện giải thoát môn. Đây là các hạnh căn bản của Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đến khi đạt trí Nhất thiết, làm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát ở ngôi Thuận nhẫn, nghĩa là ở địa Diệm tuệ, địa Nan thắng và địa Hiện tiền có thể đoạn trừ ba chướng và dây phiền não thuộc tâm. Một thân có thể đi khắp cả ức cõi Phật ở mười phương, hiện thần thông biến hóa không thể diễn tả, để làm lợi ích an lạc chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát ở ngôi Vô sinh nhẫn, nghĩa là ở địa Viễn hành, địa Bất động và địa Thiện tuệ có thể đoạn trừ ba chướng, tập khí của sắc tâm, thị hiện thân nhiều không thể tính, tùy theo từng loại mà làm lợi ích tất cả chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát ở ngôi Tịch diệt nhẫn, Phật và Bồ-tát đều nương nhờ vào nhẫn này. Với định Kim cang, nếu trụ vị Hạ nhẫn thì gọi là Bồ-tát, còn trụ Thượng nhẫn thì gọi là trí Nhất thiết. Quán đế Thắng nghĩa đoạn trừ tướng vô minh, đó là Đẳng giác. Một tướng và vô tướng đều bình đẳng không có hai, là trí địa Nhất thiết thứ mười một phi hữu phi vô, lắng trong thanh tịnh, không đến không đi, thường trụ bất biến, đồng với chân tế bình đẳng với pháp tánh, dùng vô duyên đại Bi luôn giáo hóa chúng sinh, ngồi xe trí Nhất thiết để đến hóa độ ba cõi.

Này thiện nam! Tất cả phiền não của các loài chúng sinh, nghiệp quả dị thục, hai mươi hai căn không ra ngoài ba cõi. Chư Phật chỉ dạy dẫn dắt bằng Ứng hóa, Pháp thân cũng không ngoài cõi này. Nếu nói rằng ngoài ba cõi còn có một cảnh giới của chúng sinh thì đó là kinh Đại hữu của ngoại đạo nói.

Này đại vương! Ta thường dạy chúng sinh chỉ đoạn trừ hết sinh tử vô minh trong ba cõi, đó tức là Phật. Tự tánh thanh tịnh gọi là tánh bản giác, tức là trí Nhất thiết trí của chư Phật, nhờ đó mà đắc, là căn bản được của chúng sinh, cũng là bản hạnh của chư Phật và Bồ-tát. Đó là sự tu hành của Bồ-tát, là mười bốn nhẫn trong năm pháp nhẫn.

Đức Phật dạy:

–Này đại vương! Trước đây ông hỏi về vấn đề Bồ-tát làm thế nào để giáo hóa chúng sinh? Đại Bồ-tát nên giáo hóa như vầy: Từ địa đầu tiên cho đến địa cuối cùng phải hiểu biết tất cả việc làm của chính mình và việc làm của Phật. Hoặc Đại Bồ-tát trụ trong trăm cõi Phật làm Chuyển luân thánh vương ở Thiệm bộ châu, tu tập minh đạt cả trăm pháp môn, dùng Bố thí ba-la-mật trụ nơi tâm bình đẳng để giáo hóa chúng sinh cả bốn thiên hạ. Hoặc Đại Bồ-tát trụ một ngàn cõi Phật, làm vua trong cõi trời Đao-lợi, tu tập minh đạt cả ngàn pháp minh môn, giảng nói mười thiện đạo, hóa độ tất cả chúng sinh.

Hoặc Đại Bồ-tát trụ vạn cõi Phật, làm Thiên vương cõi trời Dạ-ma,

tu tập minh đạt vạn pháp môn, nương vào bốn Thiền định mà giáo hóa tất cả chúng sinh.

Hoặc Đại Bồ-tát trụ ức cõi Phật, làm Thiên vương cõi trời Đổ-sử-đa, tu tập minh đạt ức pháp môn, tu hành pháp phần Bồ-đề để giáo hóa tất cả chúng sinh.

Hoặc Đại Bồ-tát trụ trong trăm ức cõi Phật, làm Thiên vương cõi trời Hóa lạc, tu tập minh đạt trăm ức pháp môn, dùng hai Đế, bốn Đế để giáo hóa chúng sinh.

Hoặc Đại Bồ-tát trụ trong ngàn ức cõi Phật, làm Thiên vương cõi trời Tha hóa tự tại, tu tập minh đạt ngàn ức pháp môn, dùng trí chứng mười hai nhân duyên để giáo hóa tất cả chúng sinh.

Hoặc Đại Bồ-tát trụ trong vạn ức cõi Phật, làm Phạm vương ở cõi Sơ thiền, tu tập minh đạt vạn ức pháp môn, dùng trí phương tiện thiện xảo để giáo hóa tất cả chúng sinh.

Hoặc Đại Bồ-tát trụ trong trăm vạn ức cõi Phật như số vi trần làm Phạm vương ở cõi Nhị thiền, tu tập minh đạt trăm vạn số vi trần pháp môn song chiếu bình đẳng, dùng trí nguyện thần thông để giáo hóa tất cả chúng sinh.

Hoặc Đại Bồ-tát trụ trong trăm vạn ức vô số kiếp số cõi Phật như vi trần, làm Phạm vương ở cõi Tam thiền, tu tập minh đạt trăm vạn ức vô số pháp môn, dùng trí bốn vô ngại để giáo hóa tất cả chúng sinh.

Hoặc Đại Bồ-tát trụ trong các cõi Phật nhiều không thể nói, không thể tả, làm Đại Phạm thiên vương ở cõi Tứ thiền, tu tập minh đạt các pháp môn nhiều không thể nói, không thể tả hết được, đạt được Tam-muội Tận lý đồng với hành xứ của Phật, rõ tận căn nguyên của ba cõi, làm lợi ích cho khắp chúng sinh giống như cảnh giới của Đức Phật. Đó là việc Đại Bồ-tát thị hiện thân vua để giáo hóa, dẫn dắt chúng sinh.

Chư Như Lai ở mười phương cũng giống như vậy, chứng đắc Vô thượng giác, thường ở khắp pháp giới để làm lợi lạc cho chúng sinh.

Bấy giờ, tất cả đại chúng đều đứng dậy, rải hoa nhiều không thể kể xiết, đốt hương nhiều không thể tính kể, cúng dường cung kính khen ngợi Như Lai.

Khi ấy, ở trước Phật, vua Ba-tư-nặc nói kệ khen:

Đạo Sư Thế Tôn thể Kim cang
Chuyển pháp luân tâm hành tịch diệt
Giảng nói bằng tám loại viên âm
Người đắc đạo cả trăm vạn ức

Trời, người đều tu hạnh xuất ly
Tu tập tất cả đạo Bồ-tát
Công đức năm nhẫn môn diệu pháp
Vì mười bốn, Bồ-tát hiểu rõ
Hành trong nhẫn tam Hiền thập Thánh
Chỉ có Phật hiểu tận nguồn căn
Biển Phật, Pháp, Tăng kho Tam bảo
Vô lượng công đức gồm trong đó
Bồ-tát thập thiện phát tâm lớn
Luôn ở ba cõi biển luân hồi
Thiện bậc trung, hạ làm vua nhỏ
Thiện bậc thượng làm Thiết luân vương
Tập chủng Đồng luân, hai thiên hạ
Tánh chủng tánh Ngân luân, gồm ba
Đạo chủng đức vững Chuyển luân vương
Bảy báu, Kim luân, bốn thiên hạ
Phục nhẫn Thánh thai ba mươi vị
Thập trụ, thập hành, thập hồi hướng,
Là pháp chư Phật ba đời học
Đều nhờ Phục nhẫn này sinh ra
Làm căn bản các hạnh Bồ-tát
Nên khó phát tâm và tín tâm.
Nếu được tín tâm ắt không lùi
Tiến vào đạo Sơ địa vô sinh
Làm lợi người mình đều bình đẳng
Nên gọi Bồ-tát mới phát tâm.
Bồ-tát Hoan hỷ: Chuyển luân vương
Làm sáng lý bình đẳng hai Đế
Đến trăm cõi giáo hóa hữu tình
Bố thí thanh tịnh lợi quần sinh
Thể nhập lý Bát-nhã là trụ
Trụ sinh đức hạnh gọi là địa
Sơ trụ nhất tâm đủ các đức
Ở trong thắng nghĩa không lay động.
Bồ-tát Ly cấu: Đao-lợi vương
Hiện thân ngàn cõi trong sáu đường
Giữ giới thanh tịnh tròn đầy đủ
Dứt hẳn các lỗi lầm đã phạm

Không tướng, không duyên, tánh chân thật
Không thể, không sinh, không chiếu hai.
Bồ-tát Phát quang: Dạ-ma thiên
Hiện thân đi đến vạn cõi Phật
Hoàn toàn thông đạt Tam-ma-địa
Ẩn hiện tự tại, đủ ba minh
Hoan hỷ, Ly cấu và Phát quang
Diệt trừ dây sắc và phiền não
Quán đủ tất cả nghiệp thân, khẩu
Pháp tánh thanh tịnh sáng tròn đầy.
Bồ-tát Diễm tuệ rất tinh tấn
Đâu-suất Thiên vương du ức cõi
Thật trí tịch diệt, trí phương tiện
Đạt lý vô sinh chiếu không, hữu.
Bồ-tát Nan thắng: Hóa lạc vương
Đắc bình đẳng đi trăm ức cõi
Không, không đế, quán không hai tướng
Hiện thân đi khắp cùng sáu cõi.
Bồ-tát Hiện tiền: Tự Tại Vương
Thấy rõ tướng duyên sinh là một
Trí thắng nghĩa sáng khắp mọi nơi
Đến độ chúng sinh ngàn ức cõi
Địa Diệm tuệ, Nan thắng, Hiện tiền
Đoạn trừ ba chướng tâm mê hoặc
Không tuệ tịch nhiên vô duyên quán
Chiếu lại tâm không, vô lượng cảnh.
Bồ-tát Viễn hành: Sơ thiền vương
Trụ vào nhẫn vô sinh, vô tướng
Phương tiện thiện xảo đều bình đẳng
Đến vạn ức cõi độ chúng sinh
Nhập vào địa pháp lưu bất động
Không còn phần đoạn, vượt các hữu
Thường quán thắng nghĩa rõ không hai
Vị hai mươi mốt hành không tịch
Đại sĩ Viễn hành thuận đạo pháp
Chỉ đoạn trừ tập ái vô minh.
Bồ-tát Bất động: Nhị thiền vương
Được thân biến hóa luôn tự tại

Đi đến trăm vạn vi trần cõi
Tùy loại biến hóa độ chúng sinh
Biết rõ ba đời vô lượng kiếp
Với Đệ nhất nghĩa không lay động.
Bồ-tát Thiện tuệ: Tam thiền vương
Một lúc hiện quả ngàn ức cõi
Luôn hành không tịch tại vô vi
Một niệm hiểu hằng sa Phật tạng.
Bồ-tát Pháp vân: Tứ thiền vương
Ức hằng sa cõi độ chúng sinh
Mới nhập Kim cang biết tất cả
Đã vượt khỏi hai mươi chín cõi
Trong Tịch diệt nhẫn không quán nhẫn
Liền chuyển Diệu giác Vô đẳng đẳng
Bất động, Thiện tuệ, Pháp vân địa
Trừ tập khí vô minh ở trước
Tập khí vô minh, thức cùng chuyển
Lý nhị đế đều hiểu tận cùng
Chánh giác tỏ tường khắp pháp giới
Ba mươi sinh tận trí viên minh
Tịch chiếu vô vi chân giải thoát
Đại Bi ứng hiện không ai bằng
Lắng trong, bất động, luôn an ổn
Ánh sáng chiếu khắp, không chướng ngại
Ba Hiền, mười Thánh còn quả báo
Chỉ duy nhất Phật nơi cõi tịnh
Tất cả hữu tình đều tạm ở
Chứng Kim cang vốn không lay động
Ba nghiệp Như Lai đức vô lượng
Bình đẳng thương yêu các chúng sinh
Pháp Vương vô thượng trong cõi người
Ánh sáng không cùng che đại chúng
Luôn nói pháp đúng với thật nghĩa
Tâm trí tịch diệt rõ vô duyên
Sư tử trong loài người giảng nói
Cú nghĩa thâm sâu chưa từng có
Làm chấn động cả trần sa cõi
Đại chúng vui mừng được lợi ích

Thế Tôn nói cho mười bốn vua
Nay con cúi đầu xin đảnh lễ.

Bấy giờ nghe Đức Phật Thế Tôn và vua Ba-tư-nặc nói vô lượng công đức của mười bốn nhẫn, trăm vạn ức hằng sa đại chúng đạt được pháp lợi lớn và nhờ nghe pháp được giác ngộ, chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn.

Thế rồi Đức Thế Tôn dạy đại chúng:

–Vua Ba-tư-nặc này đã trải qua mười ngàn kiếp trong quá khứ ở trong pháp của Phật Long Quang Vương làm Bồ-tát ở Tứ địa. Còn ta làm Bồ-tát ở Bát địa. Hôm nay ở trước ta, ông ta rống tiếng Đại sư tử. Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời các ông đã nói, đạt được nghĩa chân thật, nghĩa chẳng thể nghĩ bàn. Chỉ có Phật và Phật mới biết được điều này.

Này thiện nam! Mười bốn nhẫn này, các Pháp thân của chư Phật, các hành của Bồ-tát không thể nghĩ bàn, không thể tính kể. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đều từ trong Bát-nhã ba-la-mật-đa mà sinh ra, từ trong Bát-nhã ba-la-mật-đa mà hóa, từ trong Bát-nhã ba-la-mật-đa mà diệt, nhưng thật ra chư Phật sinh mà không có chỗ sinh, hóa mà không chỗ hóa, diệt mà không chỗ diệt, là Đệ nhất không có hai, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, không có tự, không có tha, không đến không đi, vì như hư không.

Này thiện nam! Tánh của tất cả chúng sinh tánh không sinh diệt, do các pháp nhóm họp huyễn hóa mà có tướng uẩn, xứ, giới, không hợp không tan, pháp đồng với pháp tánh vì tịch không. Tự tánh của tất cả chúng sinh là thanh tịnh, các hành động tạo ra không trói, không mở, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, chẳng phải không nhân quả, các hành thọ khổ là do biết của các phiền não. Tướng ngã, tướng nhân, tri kiến, thọ giả. Tất cả đều là không, cho nên cảnh giới của pháp không; không, vô tướng, vô tác, không thuận với điên đảo, không thuận với huyễn hóa, không có tướng của sáu cõi, không có tướng của bốn sinh, không có tướng của bậc Thánh, không có tướng Tam bảo, vì như hư không.

Này thiện nam! Bát-nhã thâm sâu không biết, không thấy, không hành, không duyên, không xả, không thọ, chánh trụ quán sát nhưng không có tướng chiếu sáng. Ai hành đạo như vậy là như hư không. Như vậy, đối với tướng của pháp đối với tâm có sở đắc hay tâm không có sở đắc đều không thể nắm bắt được. Vì thế Bát-nhã chẳng phải là năm uẩn, chẳng phải lìa năm uẩn, chẳng phải chúng sinh, chẳng phải lìa chúng sinh, chẳng phải cảnh giới, chẳng phải lìa cảnh giới, chẳng phải hành giải, chẳng phải lìa hành giải. Các tướng như vậy không thể nghĩ lường. Cho nên tất cả các hạnh của Bồ-tát tu tập chưa đạt đến cứu cánh nhưng vẫn có hành trong đó.

Tất cả chư Phật biết như huyễn hóa, dù đắc tướng vô trụ nhưng lại ở trong đó hóa hiện. Cho nên mười bốn nhẫn không thể nghĩ lường.

Này thiện nam! Hôm nay các ông đã nói về tạng công đức này có lợi ích rất lớn cho tất cả chúng sinh. Giả sử vô lượng hằng hà sa số Bồ-tát hàng Thập địa nói công đức này cả trăm ngàn ức phần thì như một giọt nước trong biển. Chư Phật ba đời biết một cách như thật, tất cả Hiền thánh đều khen ngợi, cho nên nay ta nói sơ về chút phần công đức.

Này thiện nam! Mười bốn nhẫn này được tất cả Bồ-tát ở quá khứ, hiện tại trong mười phương thế giới tu hành. Tất cả chư Phật hiển bày và các Đại Bồ-tát đời vị lai cũng vậy. Nếu Phật và Bồ-tát không nhờ môn này mà đắc trí Nhất thiết thì việc này không thể xảy ra. Vì sao? Vì chư Phật và Bồ-tát không có con đường nào khác.

Này thiện nam! Nếu người nào nghe Trụ nhẫn, Hành nhẫn, Hồi hướng nhẫn, Hoan hỷ nhẫn, Ly cấu nhẫn, Phát quang nhẫn, Diễm tuệ nhẫn, Nan thắng nhẫn, Hiện tiền nhẫn, Viễn hành nhẫn, Bất động nhẫn, Thiện tuệ nhẫn, Pháp vân nhẫn, Chánh giác nhẫn này mà nhất niệm có lòng tin thanh tịnh thì người ấy vượt qua tất cả khổ nạn trong trăm kiếp, ngàn kiếp, vô lượng, vô biên hằng hà sa kiếp không sinh vào cõi ác, không bao lâu sẽ đắc Vô thượng Bồ-đề.

Lúc ấy, mười ức Đại Bồ-tát đều cùng một tên là Hư Không Tạng cùng vô lượng, vô số đại chúng từ nơi khác đến, hoan hỷ và nhờ oai thần của Phật được thấy hằng sa chư Phật ở mười phương, các Ngài đều ở trong đạo tràng nói mười bốn nhẫn giống y như những lời Thế Tôn đã nói. Tất cả rất vui mừng, như lời dạy mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với vua Ba-tư-nặc:

–Trước Đại vương đã hỏi lấy tướng gì để trụ quán sát. Đại Bồ-tát nên quán như vầy: Dùng thân huyễn hóa mà thấy huyễn hóa, trụ chân chánh bình đẳng không còn có người và ta. Quán sát như vậy để giáo hóa làm lợi ích cho chúng sinh. Nhưng với kiếp lâu xa các hữu tình ở sát-na đầu tiên thì thức khác với gỗ đá. Sinh ra có nhiễm tịnh đều tự chính mình làm ra. Vô lượng, vô số thức sẵn có nhiễm tịnh từ sát-na đầu tiên ở nhiều kiếp không thể nói, đến Kim cang là sát-na cuối cùng, có thức nhiều không thể nói, không thể tả, sinh ra thì các hữu tình có hai pháp là: sắc và tâm. Sắc là sắc uẩn, tâm là bốn uẩn, đều là tánh chứa nhóm, làm che lấp chân thật.

Này đại vương! Một sắc pháp này phát sinh vô lượng sắc. Nhãn hợp với sắc, nhĩ hợp với thanh, tỷ hợp với hương, thiệt hợp với vị, thân hợp với xúc. Cứng chắc gọi là địa, ẩm ướt gọi là thủy, tánh nóng ấm gọi là hỏa, nhẹ

động gọi là phong, chỗ sinh năm thức gọi là năm sắc căn. Như vậy, lần lượt một tâm một sắc, vô lượng sinh sắc tâm không thể kể xiết, nhưng đều như huyễn.

Này thiện nam! Sự thọ nhận của hữu tình là đứng trên mặt thế tục mà lập, dù có hay không cũng do vọng tưởng của hữu tình sinh ra, nhớ nghĩ rồi tạo nghiệp, thọ quả, đều gọi là thế đế. Tất cả hữu tình trong sáu đường ba cõi, Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà, ngã, nhân, tri kiến, sắc pháp, tâm pháp như cảnh thấy trong mộng.

Này thiện nam! Tất cả các tên đều giả đặt ra. Khi Đức Phật chưa xuất hiện nơi đời thì pháp huyễn thế đế không có tên, không có nghĩa, cũng không có thể tướng, không có tên của ba cõi, không có tên sáu đường, quả báo thiện ác. Khi chư Phật ra đời, vì các hữu tình mà Ngài nói vô lượng danh từ ba cõi, sáu đường, nhiễm tịnh. Như vậy, tất cả giống như tiếng vang, các pháp tương tục mỗi niệm mỗi niệm không dừng, từng sát-na... từng sát-na chẳng phải một, chẳng phải khác, vừa khởi lên là diệt ngay, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường, vì các pháp hữu vi như sóng nắng. Các pháp đối đãi nhau gọi là sắc giới, nhãn giới, nhãn thức giới, cho đến pháp giới, ý giới, ý thức giới, giống như điện chớp, không nhất định, đối đãi nhau, có, không, một, khác giống như vầng trăng thứ hai, các pháp do nhân duyên mà thành. Pháp uẩn, xứ, giới như bọt trên nước, các pháp do nhân duyên mà thành. Tất cả nhân quả cùng thời, nhân quả khác thời của các hữu tình và thiện ác ba đời giống như mây giữa hư không.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ vào vô phân biệt, không còn tướng bỉ, thử, không có tướng tự tha, luôn hành tướng lợi ích. Cho nên biết kẻ phàm phu ngu si với thức dơ xấu nhiễm trước vào hư vọng, bị tướng trói buộc. Bồ-tát nhìn thấy biết nó như nhà ảo thuật, không có thể tướng, chỉ như hoa đốm giữa hư không. Đó là Đại Bồ-tát sống tự lợi, lợi tha, quán sát một cách như thật.

Khi Đức Phật nói pháp này, trong chúng hội có vô lượng trời, người đắc được Phục nhẫn không, Vô sinh nhẫn, địa thứ nhất, địa thứ hai, cho đến địa thứ mười. Vô lượng Bồ-tát đắc Nhất sinh bổ xứ.

-oOo-

Phẩm 4: Nhị Đế

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trong Thắng nghĩa đế có Thế tục đế không? Nếu nói không thì trí ấy không phải hai. Còn nếu nói có thì trí ấy không phải

một. Nghĩa một và hai, việc ấy như thế nào?

Phật dạy:

–Này đại vương! Trong pháp của Phật Long Quang Vương ở quá khứ, ông đã hỏi nghĩa này. Nay ta không nói thì Đại vương không nghe. Vậy không nói không nghe tức là một nghĩa, hai nghĩa. Ông hãy lắng nghe cho kỹ, vì ông ta sẽ nói.

Thế rồi Thế Tôn nói kệ:

Thắng nghĩa đế vô tướng
Thể chẳng tự tha làm
Nhân duyên có như huyễn
Cũng chẳng tự tha làm
Pháp tánh vốn vô tánh
Thắng nghĩa đế không như
Có pháp là có huyễn
Hợp ba giả mà có
Không, không đế thật không
Tịch tĩnh thắng nghĩa không
Các pháp do duyên có
Nghĩa hữu, vô như vậy
Hữu, vô vốn là hai
Như trâu có hai sừng
Hiểu rõ thấy không hai
Nhị đế thường không vậy
Tâm hiểu thấy không hai
Cầu hai không thể được
Không nói hai là một
Một cũng không thể đắc
Hiểu rõ luôn là một
Với đế luôn là hai
Thấu đạt một, hai này
Thể nhập Thắng nghĩa đế
Thế đế huyễn hóa sinh
Ví như hoa hư không
Như ảnh, vòng tròn ảo
Do duyên nên huyễn có
Huyễn hóa thấy huyễn hóa
Ngu gọi huyễn là thật

Huyễn gia thấy pháp huyễn
Thật huyễn đều không có
Nếu hiểu pháp như vậy
Là hiểu nghĩa một, hai
Với tất cả các pháp
Nên quán sát như vậy.

Này đại vương! Đại Bồ-tát trụ vào Thắng nghĩa đế để giáo hóa các hữu tình. Hữu tình và Phật là một không hai. Vì sao? Vì hữu tình và Bồ-đề, cả hai đều là không. Vì hữu tình không, nên chứng đắc Bồ-đề cũng không. Vì Bồ-đề không, nên hữu tình không. Vì tất cả pháp không, nên không là không. Vì sao? Vì Bát-nhã là vô tướng, hai đế đều không. Nghĩa là từ vô minh đến trí Nhất thiết không có tướng tự, không có tướng tha. Đối với Đệ nhất nghĩa, thấy không chỗ thấy. Nếu có tu hành cũng không chấp trước, mà không tu hành cũng không chấp trước, chẳng tu hành, chẳng phải không tu hành cũng không chấp trước. Đối với tất cả pháp đều không chấp trước. Khi Bồ-tát chưa thành Phật thì cho Bồ-đề là phiền não. Khi Bồ-tát thành Phật thì phiền não là Bồ-đề. Vì sao? Vì Đệ nhất nghĩa không có hai. Chư Phật Như Lai và tất cả pháp đều như vậy.

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

–Chư Phật và tất cả Bồ-tất cả mười phương vì sao không lìa văn tự để hành thật tướng?

Phật dạy:

–Này đại vương! Văn tự nghĩa là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Duyên khởi, Thí dụ, Bản sự, Bản sinh, Phương quảng, Hy hữu và Luận nghị. Tất cả chương cú, văn tự, ngôn ngữ, âm thanh từ các kinh trên nói ra đều Như, không phải phi thật. Nếu chấp lấy tướng văn tự tức là tướng phi thật.

Này đại vương! Người tu thật tướng như tu văn tự. Thật tướng tức là mẹ trí của chư Phật, là mẹ trí căn bản của tất cả hữu tình. Như vậy gọi là thể của trí Nhất thiết. Chư Phật chưa thành Phật và Phật hiện tại là mẹ trí. Chư Phật đã thành Phật tức là trí Nhất thiết. Khi chưa đắc là tánh, mà đắc rồi là trí. Bát-nhã của ba thừa không sinh, cũng không diệt, tự tánh thường trụ. Đây là giác tánh của tất cả hữu tình. Nếu Bồ-tát không chấp trước văn tự, không lìa văn tự, không có tướng văn tự, chẳng phải không văn tự, có thể tu như vậy mà không thấy tướng tu. Thì đó gọi là người tu văn tự mà có thể đắc chân tánh Bát-nhã. Đó là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Này đại vương! Đại Bồ-tát hộ trì quả Phật, hộ trì hạnh Thập địa, hộ

trì giáo hóa hữu tình là như vậy.

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

–Chân tánh là một nhưng căn hạnh, phẩm loại hữu tình lại có vô lượng. Vậy pháp môn là một hay vô lượng?

Đức Phật dạy:

–Này đại vương! Pháp môn chẳng phải một, cũng chẳng phải vô lượng. Vì sao? Vì sắc pháp và tâm pháp, tướng ngũ thủ uẩn, ngã nhân tri kiến của các hữu tình có nhiều căn hạnh và vô biên phẩm loại. Pháp môn tùy theo căn hạnh cũng có vô lượng. Tánh của các pháp này chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng và chẳng phải vô lượng. Nếu Bồ-tát theo các hữu tình mà thấy một thấy hai tức là không thấy nghĩa một và hai. Nếu hiểu rõ một, hai chẳng phải một, chẳng phải hai tức là Thắng nghĩa đế. Nếu chấp lấy một và hai là có hoặc không tức là Tục đế, cho nên pháp môn chẳng phải một, chẳng phải hai.

Này đại vương! Tất cả chư Phật giảng nói Bát-nhã ba-la-mật-đa và hôm nay ta giảng nói Bát-nhã ba-la-mật-đa không có hai, không khác. Đại chúng các ông nên thọ trì đọc tụng, như thuyết tu hành, tức là thọ trì pháp của chư Phật.

Này đại vương! Bát-nhã ba-la-mật-đa này có vô lượng công đức. Nếu có hằng hà sa bất khả thuyết chư Phật mà mỗi mỗi Đức Phật ấy giáo hóa vô lượng bất khả thuyết hữu tình và tất cả hữu tình ấy đều chứng thành Phật. Chư Phật này lại giáo hóa vô lượng bất khả thuyết hữu tình cũng đều thành Phật. Thì Bát-nhã ba-la-mật-đa mà chư Phật ấy giảng nói có vô lượng bất khả thuyết triệu ức kệ, nói không cùng tận. Trong các bài kệ lại lấy một bài kệ chia ra ngàn phần, lại trong ngàn phần ấy chỉ nói một phần, thì công đức ý nghĩa trong một câu ấy còn vô cùng tận, huống chi công đức ý nghĩa vô lượng câu như vậy. Nếu có người nào đối với kinh này mà sinh một tâm niệm thanh tịnh tin tưởng thì người này liền vượt ra khỏi khổ nạn sinh tử trong trăm kiếp ngàn kiếp, trăm ngàn vạn kiếp, huống chi ghi chép, thọ trì, đọc tụng, giảng nói cho người thì công đức đạt được sánh bằng tất cả chư Phật trong mười phương không khác. Nên biết, người này được chư Phật hộ niệm, không bao lâu sẽ chứng Vô thượng Bồ-đề.

Khi Đức Phật nói pháp này, có mười ức người đắc Tam không nhẫn, một trăm vạn ức người đắc Đại không nhẫn, vô lượng Bồ-tát được trụ vào mười Địa.

-oOo-

KINH NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC
BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN HẠ

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các đại quốc vương, vua Ba-tư-nặc:

–Hãy lắng nghe cho rõ, cho thật kỹ. Vì các ông, ta sẽ nói pháp hộ quốc. Nếu những đất nước nào sắp nổi loạn, bị các tai nạn, hoặc giặc cướp đến phá hoại, các ông phải thọ trì, đọc tụng Bát-nhã ba-la-mật-đa này, trang hoàng đạo tràng, tôn trí trăm tượng Phật, trăm tượng Bồ-tát, trăm tòa Sư tử, mời trăm Pháp sư để diễn giảng kinh này. Ở trước các tòa đốt đủ loại đèn, đốt đủ loại hương thơm, rải đủ các loại hoa, cúng dường rất nhiều y phục, ngọa cụ, thức ăn uống, thuốc thang, nhà cửa, giường tòa,... tất cả vật cúng dường. Mỗi ngày hai thời giảng đọc kinh này. Nếu vua, đại thần, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nghe, thọ, đọc tụng, như pháp mà tu hành thì tai nạn liền diệt trừ.

Trong đất nước của các Đại vương có vô lượng quỷ thần, mỗi quỷ thần lại có vô lượng quyến thuộc, nếu chúng nghe kinh này thì sẽ hộ vệ đất nước của các vua. Nếu nước sắp loạn thì quỷ thần loạn đầu tiên. Vì quỷ thần loạn nên vạn người loạn, sẽ có giặc nổi lên làm cho trăm họ bỏ mạng; quốc vương, thái tử, vương tử, bá quan chống đối lẫn nhau, trời đất biến đổi kỳ lạ; mặt trời, mặt trăng, tinh tú vận hành không đúng lúc, không chừng mực, có lửa lớn, nước lớn, gió lớn... Khi các tai nạn ấy xảy ra thì phải thọ trì, giảng nói Bát-nhã ba-la-mật-đa này. Nếu thọ trì, đọc tụng kinh này thì tất cả sở cầu như quan chức, giàu sang, con cái, trí tuệ, qua lại tùy ý, quả báo trời, người đều được đầy đủ, tật bệnh, ách nạn đều tiêu trừ, gông cùm, xiềng xích trói buộc vào thân đều được tháo bỏ; vô lượng lỗi lầm: phá bốn giới trọng, tạo năm tội nghịch và hủy báng giới... đều được tiêu diệt.

Này đại vương! Về quá khứ xa xưa, Thích Đề-hoàn Nhân làm Đảnh sinh vương, thống lãnh bốn binh chủng lên cung trời muốn diệt Đế Thích. Khi ấy, Thiên vương cõi trời liền y vào giáo pháp của chư Phật ở quá khứ thiết trí trăm cao tòa, thỉnh trăm Pháp sư để giảng nói kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa. Đảnh vương liền rút lui, chúng trời được an ổn vui vẻ.

Này đại vương! Thuở xưa vua nước Thiên la có một thái tử tên là Ban Túc. Khi thái tử lên làm vua có thầy ngoại đạo tên là Thiện Thí làm lễ quán đảnh cho vua. Ông ta bảo Ban Túc lấy một ngàn đầu vua để nơi bãi tha ma cúng tế cho Thiên thần Ma-ha Ca-la Đại Hắc. Từ khi lên ngôi vua, Ban Túc đã lấy được chín trăm chín mươi chín đầu vua, chỉ thiếu một đầu vua nữa thôi. Ban Túc đi về phía Bắc một vạn dặm thì gặp một vị vua tên Phổ Minh. Vua Phổ Minh nói với Ban Túc:

–Xin cho tôi một ngày để lễ kính Tam bảo, cúng dường thức ăn uống cho Sa-môn.

Nghe vậy, Ban Túc liền chấp nhận. Vua ấy nương vào giáo pháp mà chư Phật quá khứ đã nói, bèn trải một trăm cao tòa, thỉnh một trăm Pháp sư, mỗi ngày hai thời giảng nói tám ngàn ức kệ của kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa. Lúc đó, trong số Pháp sư kia, một vị Pháp sư đứng đầu vì Phổ Minh mà nói kệ:

Kiếp hỏa nổi lên
Cả ngàn đều hoại
Tu-di, biển cả
Tan nát không còn
Phạm, Thích, Trời, Rồng
Các loài hữu tình
Còn phải tiêu diệt
Huống chi thân này
Sinh, già, bệnh, chết
Lo buồn khổ não
Oán, thân bức bách
Trái với ước nguyện
Ái dục kết sử
Tự làm ung bướu
Ba cõi không an
Nước có vui gì
Hữu vi không thật
Do nhân duyên sinh
Thạnh suy chớp nhoáng
Tạm có liền không
Các cõi thọ sinh
Theo nghiệp duyên hiện
Như bóng, như vang
Tất cả đều không

Thức trôi theo nghiệp
Nương bốn đại thành
Dây ái vô minh
Ngã, ngã sở sinh
Thức chuyển theo nghiệp
Thân liền vô chủ
Nên biết quốc độ
Cũng huyễn hóa thôi.

Sau khi Pháp sư nói kệ này xong, vua Phổ Minh nghe pháp được giác ngộ, chứng Tam-muội Không, quyến thuộc của các vua đắc Pháp nhẫn không. Vua Phổ Minh liền đến nước Thiên la; giữa các vua, vua Phổ Minh nói:

–Bây giờ, quý vị khi sắp qua đời, nên đọc trì kệ Bát-nhã ba-la-mật-đa mà chư Phật thuở quá khứ đã nói.

Nghe vậy, các vua đều giác ngộ, đắc Tam-muội Không. Tất cả đều đọc tụng thọ trì.

Khi ấy, vua Ban Túc hỏi các vua:

–Hôm nay các ông đọc pháp gì vậy?

Vua Phổ Minh liền dùng kệ vừa rồi trả lời vua Ban Túc. Nghe pháp này, vua Ban Túc cũng chứng định Không và hoan hỷ vui mừng, rồi nói với các vua:

–Ta đã bị thầy tà ngoại đạo làm mê hoặc, đó chẳng phải lỗi lầm của các ông. Các ông hãy trở về nước, phải thỉnh Pháp sư giải nói Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Khi ấy, vua Ban Túc giao nước lại cho em rồi xuất gia học đạo, chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn.

Này đại vương! Quá khứ có năm ngàn quốc vương luôn đọc tụng kinh này, hiện sinh đạt được phước báo. Mười sáu đại quốc vương các ông tu pháp hộ quốc nên như thế mà thọ trì, đọc tụng, giải nói kinh này. Các vua ở đời vị lai vì muốn bảo vệ đất nước, giữ tự thân cũng nên thọ trì, đọc tụng, giảng nói kinh này như thế.

Khi Đức Phật nói pháp này, có vô lượng người đắc quả vị không thoái chuyển, hàng A-tu-la được sinh lên cõi trời, vô lượng vô số chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc đắc Vô sinh nhẫn.

-oOo-

Phẩm 6: Chẳng Nghĩ Bàn

Bấy giờ, mười sáu vị quốc vương và các đại chúng nghe Phật nói cú nghĩa sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật-đa, vui mừng hớn hở, rải trăm vạn ức các hoa sen báu. Ở giữa hư không, các hoa ấy hợp lại thành một tòa hoa báu, chư Phật và vô lượng đại chúng ở mười phương đều ngồi trên tòa ấy nói Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Các đại chúng ấy đem mười ngàn hoa sen vàng ròng rải lên trên Đức Phật Thích-ca Mâu-ni rồi chúng nhập lại thành vòng hoa che các đại chúng.

Lại rải tám vạn bốn ngàn hoa Phân-đà-lợi, ở giữa hư không, chúng nhập lại thành đài mây trắng. Trong đài, Phật Quang Minh Vương cùng vô lượng đại chúng của mười phương chư Phật giảng nói Bát-nhã ba-la-mật-đa. Các đại chúng ấy đem hoa Mạn-đà-la rải cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và các chúng hội. Lại rải hoa Mạn-thù-sa ở giữa hư không làm thành báu Kim cang. Trong thành có Đức Phật Sư Tử Phấn Tấn Vương cùng chư Phật và Đại Bồ-tát ở mười phương giảng diễn thắng nghĩa Bát-nhã ba-la-mật-đa. Lại rải vô lượng các loại hoa đạp cõi trời, ở giữa hư không biến thành lọng mây báu che khắp tam thiên đại thiên thế giới. Trong lọng hoa ấy từ hư không có hằng hà sa hoa được rải xuống.

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc và các đại chúng thấy sự việc này khen ngợi chưa từng có và rồi chắp tay hướng Phật thưa:

–Nguyện xin chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai thường nói Bát-nhã ba-la-mật-đa, nguyện các chúng sinh luôn được thấy nghe giống như tôi hôm nay không khác.

Phật dạy:

–Đúng như lời đại vương đã nói, Bát-nhã ba-la-mật-đa này là mẹ của chư Phật, là mẹ của các Bồ-tát, là nơi sinh ra công đức thần thông duy nhất. Chư Phật cùng nói luôn có nhiều lợi ích. Cho nên các ông nên luôn thọ trì.

Bấy giờ, vì các đại chúng, Đức Thế Tôn hiện thần thông, biến hóa chẳng thể nghĩ bàn; một bông hoa nhập vào vô lượng hoa, vô lượng hoa nhập vào một hoa, một cõi Phật nhập vào vô lượng cõi Phật, vô lượng cõi Phật nhập vào một cõi Phật. Một trần sát cõi nhập vào vô lượng trần sát cõi, vô lượng trần sát cõi nhập vào một trần sát cõi, vô lượng biển cả nhập vào một lỗ chân lông, vô lượng núi Tu-di nhập vào trong hạt cải, một thân Phật nhập vào vô lượng thân chúng sinh, vô lượng thân chúng sinh nhập vào một thân Phật, lớn lại hiện nhỏ, nhỏ lại hiện lớn, thanh tịnh lại hiện ô uế, ô uế lại hiện thanh tịnh, thân Phật chẳng thể nghĩ bàn, thân chúng sinh chẳng thể nghĩ bàn, cho đến thế giới chẳng thể nghĩ bàn.

Khi Đức Phật đang hiện thần biến này thì mười ngàn người nữ chuyển thân nam, đắc Tam-muội thần thông; vô lượng trời, người đắc Vô sinh pháp nhẫn, vô lượng A-tu-la... chứng đạo Bồ-tát, hằng hà sa Bồ-tát hiện thân thành Phật.

-oOo-

Phẩm 7: Phụng Trí

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc chứng kiến thần thông biến hóa của Phật, ngàn đài hoa che phía trên Như Lai. Trên có ngàn cánh hoa, trên có ngàn hóa thân Phật. Trong ngàn cánh hoa có vô lượng chư Phật đều nói Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Vua Ba-tư-nặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vô lượng Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy không thể dùng thức để nhận thức, không thể dùng trí để biết. Các thiện nam tử làm thế nào để hiểu rõ kinh này mà đem giảng nói cho người?

Phật dạy:

–Này đại vương! Ông hãy lắng nghe cho kỹ! Từ lúc mới tu tập nhẫn cho đến định Kim cang, như pháp tu hành mười ba môn quán đều là Pháp sư, nương vào pháp ấy, giữ gìn kiến lập. Đại chúng các ông nên xem như Phật mà cúng dường, đem trăm ngàn vạn ức hoa thơm đẹp để dâng cúng dường.

Này thiện nam! Pháp sư ấy tu tập chủng tánh Bồ-tát. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tu hành Thập trụ, gặp Phật, Pháp, Tăng phát tâm Bồ-đề, làm lợi lạc thương yêu chúng sinh, tự quán thân mình, các căn, sáu giới tất cả đều là vô thường, khổ, không, vô ngã; biết rõ hành nghiệp sinh tử Niết-bàn, làm cho mình và người được lợi ích, an lạc. Nghe ai khen Phật hay hủy báng Phật, tâm định tĩnh, không động. Nghe có Phật hay không có Phật, tâm tịnh tĩnh không thoái lui, không phạm ba nghiệp, khởi sáu hòa kính, dùng phương tiện thiện xảo để điều phục chúng sinh; siêng năng học mười trí, dùng thần thông hóa làm lợi ích.

Phẩm hạ tu tập tám vạn bốn ngàn Ba-la-mật-đa.

Này thiện nam! Tu tập nhẫn về trước, trải qua mười ngàn kiếp hành hạnh thập thiện, khi lui khi tiến, ví như chiếc lông nhẹ theo gió bay tứ tung. Nếu đạt đến vị nhẫn thì nhập vào pháp chánh định, không tạo tội năm nghịch, không hủy báng Chánh pháp, biết tướng của ngã và pháp đều là không. Trong một a-tăng-kỳ kiếp trụ vào ngôi vị giải thoát. Nếu tu tập nhẫn

này thì có thể phát sinh hạnh thù thắng.

Lại nữa, Tánh chủng tánh, Bồ-tát trụ không phân biệt. Vì tu mười tuệ quán nên xả bỏ tài sản và sinh mạng. Vì giữ giới thanh tịnh nên tâm khiêm hạ. Vì làm lợi lạc mình và người nên sinh tử không loạn. Vì sự sâu xa của vô tướng nên thấu đạt có như huyễn. Vì không mong cầu quả báo nên đắc vô ngại giải. Vì mỗi niệm mỗi niệm thị hiện thần lực của Phật, nên đối trị bốn điên đảo, ba căn bất thiện. Vì nghiệp cảm, mười điên đảo của ba đời nên ngã nhân tri kiến, mỗi niệm mỗi niệm là hư dối, thấu đạt về danh là giả, thọ là giả và pháp là giả, tất cả đều không thể nắm bắt được, không có tướng của mình và người, luôn luôn quán một cách chân thật.

Phẩm trung: tu tập tám vạn bốn ngàn Ba-la-mật-đa. Ở trong hai a-tăng-kỳ kiếp tu hành các hạnh thù thắng, đắc được ngôi vị nhẫn kiên cố.

Lại nữa, Bồ-tát Đạo chủng tánh, trụ trong nhẫn kiên cố, quán tánh các pháp đắc không sinh diệt; dùng bốn Vô lượng tâm phá sạch các ám chướng, luôn gặp chư Phật phát khởi sự cúng dường rộng rãi, luôn học theo chư Phật, trụ tâm hồi hướng, những căn lành đã tu tập đều như thật tế. Với Tam-muội, làm nhiều Phật sự, hiện đủ loại thân, hành bốn Nhiếp pháp, trụ tâm không phân biệt, giáo hóa làm lợi ích cho chúng sinh. Trí tuệ sáng suốt, quán sát một cách thâm sâu, tất cả hạnh nguyện đều tu tập cả, có thể làm Pháp sư điều phục các hữu tình, quán hoàn hảo về năm uẩn, ba cõi, nhị đế, không còn tướng mình và người, đạt được tánh như thật. Mặc dù luôn tu tập thắng nghĩa nhưng còn thọ sinh vào ba cõi. Vì sao? Vì quả báo do nghiệp huân tập chưa hoại tận gốc, nên ở trong trời, người theo đạo mà thọ sinh.

Phẩm thượng: tu tập tám vạn bốn ngàn Ba-la-mật-đa. Ở trong ba a-tăng-kỳ kiếp tu hai lợi, thực hành rất nhiều sự lợi ích, điều phục được hoàn toàn các Tam-ma-địa, trụ vào sự quán sát một cách thù thắng, tu tập hạnh xuất ly, chứng bình đẳng ngôi vị của Thánh nhân.

Lại nữa, Đại Bồ-tát ở Hoan hỷ vượt qua địa phàm phu, sinh vào nhà Như Lai, trụ trong Bình đẳng nhẫn, trí vô tướng đầu tiên chiếu sáng Thắng nghĩa đế, một tướng bình đẳng chẳng phải tướng, không tướng; đoạn trừ các vô minh, diệt sạch các tham trong ba cõi, vô lượng đời vị lai vĩnh viễn không còn trở lại dòng sinh tử, lấy đại Bi làm đầu, khởi các đại nguyện, đối với trí phương tiện niệm niệm tu tập vô lượng hạnh thù thắng, chẳng phải chứng, chẳng phải không chứng nên học hết tất cả; chẳng phải trụ, chẳng phải không trụ nên hướng đến Nhất thiết trí, đi trong sinh tử không bị quân ma làm kinh động, lìa xa ngã và ngã sở, không còn lo sợ, không có tướng

mình và người, luôn giáo hóa chúng sinh, nguyện lực tự tại, sinh vào các cõi tịnh.

Này thiện nam! Trí giác đầu tiên này chẳng phải Như, chẳng phải trí, chẳng phải hữu, chẳng phải vô, không có hai tướng, phương tiện diệu dụng chẳng phải điên đảo, chẳng phải an trụ, chẳng phải động, chẳng phải tịnh, hai lợi tự tại, giống như nước với sóng, chẳng phải một chẳng phải khác. Trí sinh các Ba-la-mật-đa cũng chẳng phải một chẳng phải khác. Ở trong bốn a-tăng-kỳ kiếp tu tập đầy đủ trăm vạn hạnh nguyện. Bồ-tát ở địa này không còn nghiệp tập trong ba cõi và không tạo nghiệp mới, theo trí lực mà nguyện thệ sinh, từng niệm từng niệm luôn thực hành Thí ba-la-mật-đa, bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, thanh tịnh bao la, hoàn toàn an trụ làm lợi ích cho chúng sinh.

Lại nữa, Đại Bồ-tát ở địa Ly cấu đạt bốn vô lượng tâm, tối thắng, tịch tĩnh, đoạn trừ các tập khí sân..., tu hành tất cả các hạnh; đó là: xa lìa việc sát sinh, không cho không lấy, tâm không nhiễm dục, lời nói chân thật, lời nói hòa thuận, lời nói dịu dàng, lời nói điều phục, thường thực hành tâm xả, luôn khởi tâm Từ, trụ tâm ngay thẳng, tịch tĩnh thuần thiện, lìa xa cấu bẩn phá giới, thực hành quán đại Từ, niệm niệm đều hiện tiền. Qua năm a-tăng-kỳ kiếp giữ thanh tịnh đầy đủ Giới ba-la-mật-đa, ý chí dũng mãnh, lìa hẳn các cấu nhiễm.

Lại nữa, Đại Bồ-tát ở Phát quang, trụ vô phân biệt, diệt si ám vô minh, ở trong Vô tướng nhẫn mà chứng đắc ba minh, biết rõ ba đời, không đến không đi, nương vào bốn Tĩnh lự, bốn Định vô sắc trí vô phân biệt, tùy thuận theo thứ lớp, đầy đủ định thù thắng, chứng năm thần thông, hiện thân lớn nhỏ, ẩn hiện tự tại. Với Thiên nhãn thanh tịnh thấy hết các cõi, với Thiên nhĩ thanh tịnh nghe tất cả các loại âm thanh, với Tha tâm trí biết tâm của chúng sinh, với Túc trí biết vô lượng sự sai khác. Ở trong sáu a-tăng-kỳ kiếp tu hành tất cả Nhẫn ba-la-mật-đa, đắc đại tổng trì, làm lợi ích an lạc cho chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát ở địa Diệm tuệ, tu hành Thuận nhẫn, buông bỏ tất cả vì đoạn hẳn sự vi tế của thân kiến và biên kiến, tu tập vô biên pháp phần Bồ-đề, Niệm xứ, Chánh cần, Thần túc, Căn, Lực, Giác chi, Thánh đạo đầy đủ... vì muốn thành tựu Lực, Vô sở úy, pháp Phật bất cộng. Ở trong bảy a-tăng-kỳ kiếp tu tập vô lượng Tinh tấn ba-la-mật-đa, xa lìa biếng nhác, làm lợi ích khắp chúng sinh.

Lại nữa, Đại Bồ-tát ở địa Nan thắng lấy bốn Vô úy tùy thuận với chân như thanh tịnh bình đẳng, tướng vô sai biệt, dứt bỏ Tiểu thừa, thích cầu

Niết-bàn, tích chứa các công đức, quán đủ các đế: đây là Khổ thánh đế, Tập, Diệt, Đạo đế. Quán Vô lượng đế Thế tục thắng nghĩa mà làm lợi lạc cho các chúng sinh, tập theo các kỹ nghệ, văn chương, y thuật, ca vịnh, vui chơi, công xảo, chú thuật, ngoại đạo dị luận, xem tướng kiết hung chính xác không sai lầm. Nhưng đối với chúng sinh không làm cho họ bị khổ não. Vì lợi ích mà khai thị cho tất cả dần dần được an trụ Vô thượng Bồ-đề, biết đạo xuất ly, đạo chướng ngại trong các địa, ở trong tám a-tăng-kỳ kiếp luôn tu tập Tam-muội, khai sáng các hành.

Lại nữa, Đại Bồ-tát ở địa Hiện tiền đắc Thuận nhẫn trên, trụ vào ba môn giải thoát, đoạn trừ các tướng thô hiện hành của tập nhân, tập nghiệp ở ba cõi, đại Bi tăng thượng, quán thấy các sinh tử do vô minh che lấp, nghiệp tập, thức chủng, danh sắc, sáu xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu sinh, già chết... đều do chấp trước nghiệp quả vô minh của ta. Nó chẳng phải có, chẳng phải không, một tướng, vô tướng vì không có hai. Ở trong chín a-tăng-kỳ kiếp tu tập trăm vạn Tam-muội Không, Vô tướng, Vô nguyện, đạt được tất cả Bát-nhã ba-la-mật-đa chiếu sáng vô biên.

Lại nữa, Đại Bồ-tát ở địa Viễn hành, tu Vô sinh nhẫn, chứng pháp vô biệt, đoạn trừ các tướng vi tế hiện hành của nghiệp quả, trụ diệt định, tu tập hạnh thù thắng. Mặc dù luôn tịch diệt nhưng giáo hóa khắp cả chúng sinh, thị hiện nhập vào hàng Thanh văn, thuận theo trí Phật, thị hiện giống như ngoại đạo, thị hiện làm ma vương, dù tùy thuận với thế gian nhưng luôn ra khỏi thế gian. Ở trong mười a-tăng-kỳ kiếp, tu hành trăm vạn Tam-muội, dùng phương tiện thiện xảo giảng rộng Pháp tạng. Tất cả trang nghiêm đều được viên mãn.

Lại nữa, Đại Bồ-tát ở địa Bất động, trụ Vô sinh nhẫn, thể không tăng giảm, đoạn các công dụng, tâm luôn tịch diệt, không còn tướng về thân, tâm, giống như hư không. Các Bồ-tát này, tâm Phật, tâm Bồ-đề, tâm Niết-bàn, tất cả đều không khởi vì do bản nguyện, được chư Phật gia hộ, có thể trong khoảng một niệm khởi lên trí nghiệp, song chiếu bình đẳng. Dùng mười trí của mười Lực, đi khắp đại thiên thế giới không thể nói, theo từng loại chúng sinh mà làm lợi ích an lạc cho tất cả. Ở trong mười ngàn a-tăng-kỳ kiếp tu đầy đủ trăm vạn đại nguyện, tâm niệm luôn hướng về trí Nhất thiết chủng, trí Nhất thiết.

Lại nữa, Đại Bồ-tát ở địa Thiện tuệ trụ vào Vô sinh nhẫn ở trên, diệt trừ tướng tâm của tâm, Trí chứng tự tại, đoạn tan hết chướng ngại, đầy đủ đại thần thông, tu tập các Lực, Vô úy, giữ gìn hoàn hảo tạng pháp của chư Phật, đắc vô ngại giải: pháp, nghĩa, từ, biện, giảng nói chánh pháp không

gián đoạn, cùng diệt tận. Ở trong các thế giới nhiều không thể nói, chỉ trong một khoảng sát-na có thể dùng một âm thanh để giải thích cho tất cả những câu hỏi khó của các chúng sinh, khiến họ rất vui mừng. Ở trong vạn a-tăng-kỳ kiếp có thể biến hiện trăm vạn hằng hà sa các thần lực của Phật, với pháp tạng vô tận làm lợi ích viên mãn.

Lại nữa, Đại Bồ-tát ở địa Pháp vân có vô lượng trí tuệ tư duy quán sát, từ lúc mới phát lòng tin, trải qua trăm vạn a-tăng-kỳ kiếp chứa nhóm vô lượng pháp trợ đạo, làm tăng trưởng vô biên đại phước trí, chứng nghiệp tự tại, đoạn trừ các chướng ngại của thần thông. Ở trong một niệm mà có thể đi khắp trăm vạn ức a-tăng-kỳ cõi nước như vi trần trong mười phương thế giới, biết tất cả tâm hành của chúng sinh là căn thượng, trung hay hạ, giảng nói cho họ về ba thừa để họ tu tập Ba-la-mật-đa, thể nhập vào hành xứ, lực, vô úy của Phật, tùy thuận với tịch diệt chuyển y của Như Lai.

Này thiện nam! Từ lúc bắt đầu tu tập nhẫn cho đến khi đắc định Kim cang đều gọi là chế phục tất cả phiền não bằng Vô tướng tín nhẫn, soi sáng Thắng nghĩa đế, diệt trừ các phiền não, sinh trí giải thoát, dần dần chế phục diệt trừ, dùng tâm vô sinh diệt mà đắc vô sinh diệt. Nếu tâm này diệt thì vô minh diệt, định Kim cang hiện tiền. Tất cả sự thấy biết đều không gọi là thấy biết. Chỉ có Phật hiểu rõ vì Ngài đầy đủ trí Nhất thiết, nên tất cả sự thấy biết mới được gọi là thấy biết.

Này thiện nam! Khi Tam-muội Kim cang hiện tiền mà cũng chưa có thể đồng đẳng với bậc Vô đẳng đẳng. Ví như có người lên đài rất cao nhìn xuống thấy rõ ràng tất cả; cũng vậy, ở ngôi vị giải thoát thì một tướng, vô tướng, không sinh không diệt đều đồng chân tế bình đẳng với pháp tánh tạng công đức, trụ vị Như Lai.

Này thiện nam! Như vậy các Đại Bồ-tát thọ trì giảng nói kinh này đều đi đến các cõi Phật khắp mười phương, làm lợi ích an lạc hữu tình, thấu đạt tướng chân thật như ta ngày nay không khác.

Này thiện nam! Tất cả Như Lai trong mười phương pháp giới đều nương vào môn này mà được thành Phật. Nếu ai nói là: "Vượt khỏi môn này mà thành Phật, thì đó là lời của ma chứ chẳng phải Phật nói. Cho nên các ông nên biết như vậy, thấy như vậy, tin hiểu như vậy.

Bấy giờ, muốn tóm lại nghĩa trên, Thế Tôn nói kệ:

Bồ-tát địa Phục nhẫn
Lớn lên trong Phật pháp
Ba mươi tâm kiên cố
Gọi là không thoái chuyển.

Mới chứng tánh bình đẳng
Sinh vào nhà chư Phật
Do mới được giác ngộ
Gọi là địa Hoan hỷ.
Xa lìa các nhiễm ô
Các cấu sân vân vân
Đủ giới đức thanh tịnh
Gọi là địa Ly cấu.
Diệt sạch ám vô minh
Chứng đắc các thiền định
Do tuệ quang chiếu sáng
Gọi là địa Phát quang.
Bồ-đề phần thanh tịnh
Xa lìa thân biên kiến
Lửa trí tuệ sáng rực
Gọi là địa Diệm tuệ.
Biết các đế như thật
Các kỹ nghệ thế gian
Làm lợi ích quần sinh
Gọi là địa Nan thắng.
Quán pháp do duyên sinh
Vô minh đến già chết
Chứng pháp thâm sâu ấy
Gọi là địa Hiện tiền.
Phương tiện Tam-ma-địa
Thị hiện vô lượng thân
Thiện xảo hợp quần sinh
Gọi là địa Viễn hành.
Trụ vào biển vô tướng
Được chư Phật gia hộ
Tự tại phá quân ma
Gọi là địa Bất động.
Đắc bốn vô ngại giải
Một âm nói tất cả
Người nghe đều vui mừng
Gọi là địa Thiện tuệ.
Trí tuệ như mây kín
Che khắp cả pháp giới

Rưới khắp pháp cam lồ
Gọi là địa Pháp vân.
Đầy đủ giới vô lậu
Thân thường tịnh, giải thoát
Tịch diệt không nghĩ bàn
Gọi là trí Nhất thiết.

Đức Phật dạy vua Ba-tư-nặc:

–Sau khi ta diệt độ, lúc pháp sắp diệt vì tất cả hữu tình tạo các nghiệp ác nên làm cho các quốc độ xảy ra các tai họa. Vì để bảo vệ thân mình, thái tử, vương tử, hậu phi, quyến thuộc, bá quan, bá tánh, tất cả quốc độ, các quốc vương nên thọ trì Bát-nhã ba-la-mật-đa này, đều được an lạc. Nay ta đem kinh này giao phó cho quốc vương, không giao cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Vì sao? Vì nếu không có oai lực của vua thì không đứng vững được. Cho nên các ông thường phải thọ trì, đọc tụng, giải nói kinh này.

Này đại vương! Hôm nay ta đã hóa hiện trong đại thiên thế giới trăm ức Tu-di, trăm ức mặt trời, mặt trăng, mỗi Tu-di có bốn thiên hạ. Thiệm-bộ châu này có mười sáu nước lớn, năm trăm nước trung và mười vạn nước nhỏ. Trong các nước ấy nếu có xảy ra bảy nạn, để diệt trừ các nạn ấy, tất cả quốc vương thọ trì, giải nói Bát-nhã ba-la-mật-đa này thì bảy nạn liền tiêu diệt, đất nước trở lại an lạc.

Vua Ba-tư-nặc hỏi Phật:

–Bảy nạn ấy là gì?

Đức Phật dạy:

1. Mặt trời mặt trăng vận hành không đúng lúc, màu sắc mặt trời thay đổi: trắng, đỏ, vàng, đen hoặc hai, ba, bốn, năm mặt trời chiếu cùng một lúc. Màu mặt trăng biến đổi: đỏ, vàng. Mặt trời, mặt trăng nuốt nhau, hoặc hiện chồng lên nhau: một, hai, ba, bốn, năm vầng chồng lên.

2. Tinh tú vận hành không đúng lúc. Các sao: sao Chổi, sao Mộc, sao Hỏa, sao Kim, sao Thủy, sao Thổ... bị biến đổi hoặc có khi mọc ban ngày.

3. Lửa rồng, lửa quỷ, lửa người, lửa cây, lửa dữ nổi bùng lên khắp nơi thiêu rụi vạn vật.

4. Thời tiết thay đổi, lạnh nóng bất thường. Mùa đông thì mưa sấm sét, mùa hè sương băng tuyết. Mưa dừng thì đất, đá, sỏi, cát bất ngờ đổ xuống. Rồi mưa nước màu đỏ sậm, nước sông biển lênh láng làm trôi đá, nổi núi.

5. Gió dữ luôn nổi lên, che tối mặt trời mặt trăng, làm cho tróc nhà, cây bật gốc, cát bay, đá chạy.

6. Trời đất nắng hạn, làm cho nước hồ ao khô cạn, cây cối chết khô, trăm thứ lúa mạch không sinh trưởng.

7. Giặc cướp bốn phương xâm lấn trong và ngoài nước, binh đao đua nhau nổi lên làm cho trăm họ bỏ mạng.

Này đại vương! Hôm nay ta nói sơ về các nạn như vậy. Nếu lúc vào ban ngày mặt trời không xuất hiện, ban đêm mặt trăng không xuất hiện, trên trời đủ các tai họa như không có mây, mưa, tuyết. Còn dưới đất cũng có các tai họa nứt lở, sụp, chấn động. Hoặc máu chảy, quỷ thần xuất hiện, những loài chim thú quái dị... Những tai họa như vậy nhiều vô lượng, vô biên. Khi mỗi tai họa xảy ra đều phải thọ trì, đọc tụng, giải nói Bát-nhã ba-la-mật-đa này.

Khi nghe Đức Phật nói như vậy, mười sáu quốc vương đều kinh sợ. Vua Ba-tư-nặc thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao trời đất có những tai nạn như vậy?

Đức Phật dạy:

–Này đại vương! Do tất cả nhân dân các nước lớn nhỏ trong Thiệm-bộ châu bất hiếu với cha mẹ, không kính Sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn. Quốc vương, đại thần không hành theo Chánh pháp. Do các xấu ác này mà xảy ra các tai nạn như vậy.

Này đại vương! Bát-nhã ba-la-mật-đa có thể sinh ra tất cả các pháp của chư Phật, tất cả pháp giải thoát của Bồ-tát, tất cả pháp vô thượng của quốc vương, tất cả pháp xuất ly của hữu tình. Ví như viên châu ma-ni, báu thể của nó có đầy đủ các đức có thể làm đè bẹp rồng độc, các quỷ thần ác; có thể làm thỏa mãn sự mong cầu của con người, có thể ứng với luân vương, gọi là viên châu như ý, có thể làm cho các Đại long vương như: Nan-đà, Bạt-nan-đà,... mưa xuống nước cam lồ ngọt làm thấm nhuần cây cỏ. Nếu vào ban đêm tối tăm, gắn viên châu như ý trên trụ cờ cao thì ánh sáng của nó chiếu khắp trời đất giống như mặt trời mọc. Bát-nhã ba-la-mật-đa này cũng vậy, các ông nên làm tràng phan, cờ, lọng báu, đốt hương rải hoa cúng dường rộng rãi, làm hộp báu để đựng kinh này rồi đặt trên bàn báu. Nếu khi muốn đi thì kinh này luôn dẫn đường đi trước. Đến ở chỗ nào phải làm cờ bảy báu, dùng các châu báu làm tòa và đặt kinh này lên trên, cúng dường đủ các phẩm vật giống như phụng thờ cha mẹ, như chư Thiên phụng thờ Đế Thích.

Này đại vương! Ta thấy tất cả các quốc vương trong các nước đều

nhờ quá khứ hầu năm trăm Đức Phật, cung kính cúng dường các Ngài mà được làm đế vương, tất cả Thánh nhân đắc đạo quả rồi đến sinh vào các nước ấy để làm đại lợi ích. Nếu khi vua hết phước vô đạo thì Thánh nhân bỏ đi, tai nạn tranh nhau xảy ra.

Này đại vương! Nếu đời sau có quốc vương nào kiến lập chánh pháp, ủng hộ Tam bảo thì ta bảo chúng Đại Bồ-tát ở năm phương đến ủng hộ đất nước của vị vua ấy:

Phương Đông có Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ, tay cầm chày Kim cang phóng ánh sáng xanh và cùng bốn ức Bồ-tát đến ủng hộ nước của vị vua ấy.

Phương Nam có Đại Bồ-tát Kim cang Bảo, tay cầm viên châu ma-ni Kim cang phóng ánh sáng màu mặt trời, cùng bốn ức Bồ-tát đến ủng hộ đất nước của vị vua ấy.

Phương Tây có Đại Bồ-tát Kim cang Lợi, tay cầm kiếm Kim cang phóng ánh sáng màu vàng ròng cùng bốn ức Bồ-tát đến ủng hộ nước của vị vua ấy.

Phương Bắc có Đại Bồ-tát Kim cang Dược-xoa, tay cầm linh Kim cang phóng ánh sáng màu lưu ly cùng bốn ức Bồ-tát đến ủng hộ nước của vị vua ấy.

Phương giữa có Đại Bồ-tát Ba-la-mật-đa Kim cang, tay cầm vòng Kim cang phóng ánh sáng năm màu cùng bốn ức Bồ-tát đến ủng hộ nước của vị vua ấy.

Năm Đại Bồ-tát ấy đều cùng vô lượng đại chúng như vậy ở trong nước của các ông làm việc đại lợi ích. Các ông nên dựng hình tượng mà cúng dường các ngài.

Bấy giờ, các Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ... liền đứng dậy đảnh lễ sát hai chân Đức Phật rồi lui ra một bên, thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bản nguyện của chúng con là nương nhờ thần lực của Phật. Nếu tất cả quốc độ trong mười phương thế giới nơi nào có kinh này mà thọ trì, đọc tụng, giải nói thì chúng con sẽ cùng tất cả quyến thuộc như thế, ở trong một niệm liền đến nơi ấy để bảo vệ chánh pháp, gây dựng chánh pháp, khiến cho các tai nạn đao binh, tật dịch... của nước ấy đều được tiêu trừ.

Bạch Thế Tôn! Chúng con có Đà-la-ni có thể gia trì ủng hộ, đó là môn tu hành mau chóng của tất cả các Đức Phật. Nếu ai được nghe qua một lần thì tất cả tội chướng đều được tiêu trừ, huống chi tụng tập, học thuộc lòng. Nhờ oai lực của pháp nên khiến cho đất nước dứt hẳn các tai nạn.

Các Đại Bồ-tát ở trước Phật đồng thanh nói Đà-la-ni:

–Na mô ra đát na, đát ra, dạ dã. Na mạc a rị dạ phệ lô giả na dã đát tha bà đa, dạ ra ha đế miệu một đà dã ma mạc a rị dã tam mãn đa bạt nại ra dã mạo địa tát đát phược dã ma ha tát đát phược dã ma hạ ca lỗ ni ca dã đát nhĩ dã tha chỉ nẵng na bát ra nhĩ bế ác khất xoa dã cú thế bát ra để bà na phược để tát phược một đà phược lộ chỉ đế du ngạ phả rị nhĩ sáp phả ninh nghiêm tị ra nổ ra phược ngạ hệ để rị dã đặc phược bả ri nhĩ sáp bả ninh mạo địa chất đa tán nha na nhĩ tát phược tỳ thô ca tỳ sắc ngật đế đạt ma sa ngạ ra tam bộ đế a mộ già thất ra phược ninh ma hạ tam mãn đa bạt nại ra bộ di niết rị dã đế vĩ dã yết ra noa bả rị bát ra phả nhĩ tát phược tất đà na ma tắt ngật-rị đế tát phược mạo địa tát đát phược tán nhạ na nhĩ bà ngạ phược để một đà ma đế a la nhĩ ca sa nhĩ a ra noa ca ra nhĩ ma hạ bát la chỉ nẵng phan ra nhĩ đế ta phược.

Nghe nói vậy, Đức Thế Tôn khen ngợi các Bồ-tát Kim Cang Thủ:

–Lành thay, lành thay! Nếu có người đọc tụng, giữ gìn Đà-la-ni này, ta và chư Phật mười phương đều luôn ủng hộ, các quỷ thần ác kính trọng vị ấy như Đức Phật, không bao lâu vị ấy sẽ chứng đắc Vô thượng Bồ-đề.

Này đại vương! Ta đem kinh này giao phó cho các ông. Tất cả các quốc vương của nước Tỳ-xá-ly, nước Kiều-tát-la, nước Thất-la-phiệt, nước Ma-già-đà, nước Ba-la-nê-tư, nước Ca-tỳ-la, nước Câu-thi-na, nước Kiều-diệm-di, nước Bát-già-la, nước Ba-sất-la, nước Mạt-thổ-la, nước Ô-thi-ni, nước Bôn-sất-bạt-đa, nước Đề-bà-bạt-da, nước Ca-thi, nước Chiêm-bà... đều phải thọ trì Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nghe Đức Phật nói những tai nạn như vậy, các đại chúng A-tu-la... đều sởn tóc gáy và cất cao tiếng thưa:

–Chúng con nguyện đời vị lai không sinh vào các nước ấy.

Bấy giờ, mười sáu vị vua đều bỏ ngôi vua mà xuất gia tu đạo, chứng đầy đủ tám Thắng xứ, mười Nhất thiết xứ, đắc Phục nhẫn, Ngôn nhẫn, Vô sinh pháp nhẫn.

Khi ấy, tất cả đại chúng Trời, Người, A-tu-la... rải hoa Mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Bà-sư-ca, hoa Tô-mạn-na để cúng dường Phật, tùy theo căn tánh mà họ đắc ba môn giải thoát, chứng ngộ sinh không, pháp không, pháp phần Bồ-đề.

Vô lượng, vô số Đại Bồ-tát rải hoa Câu-vật-đầu, hoa Ba-đầu-ma để cúng dường Phật. Vô lượng Tam-muội đều hiện tiền, đắc trụ Thuận nhẫn, Vô sinh pháp nhẫn. Vô lượng vô số Đại Bồ-tát đắc hằng hà sa các môn Tam-muội, chân tục bình đẳng, đầy đủ biện tài không ngăn ngại, luôn phát

sinh đại Bi, trăm vạn ức a-tăng-kỳ cõi Phật trong thế giới như số vi trần làm lợi ích rộng rãi cho chúng sinh và hiện thân thành Phật.

-oOo-

Phẩm 8: Chúc Lụy

Đức Phật nói với vua Ba-tư-nặc:

–Hôm nay ta dạy các ông: Sau khi ta diệt độ, lúc Chánh pháp sắp diệt, sau năm mươi năm, sau năm trăm năm, sau năm ngàn năm không còn Phật, Pháp, Tăng, thì kinh này là Tam bảo, ta giao phó cho các quốc vương để gây dựng, giữ gìn; để bốn bộ chúng đệ tử của ta thọ trì, đọc tụng, hiểu nghĩa lý của kinh, đem giảng nói pháp giải thoát rộng rãi cho chúng sinh, khiến cho họ tu tập để ra khỏi sinh tử.

Này đại vương! Đời năm trược sau này, tất cả quốc vương, vương tử, đại thần... tự ỷ mình cao quý mà phá diệt lời chỉ dạy của ta. Sáng tác pháp chế ngăn chận hàng đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni của ta không cho xuất gia tu hành chánh đạo, cũng không cho xây tháp tạo tượng Phật, bạch y thì ngồi trên cao, còn hàng Tỳ-kheo thì đứng dưới đất, giống như pháp binh nô, chẳng khác. Ông nên biết, lúc đó không còn bao lâu Chánh pháp sẽ bị diệt.

Này đại vương! Nhân duyên phá nước là do các ông tự tạo ra, ỷ mình có oai lực ngăn cản bốn bộ chúng không cho tu tập phước đức. Còn hàng Tỳ-kheo xấu ác thì nhận pháp mời thỉnh riêng, hàng Tỳ-kheo hiểu biết thì đồng nhất tâm gần gũi thân thiện với nhau, lập trai hội để cầu phước. Đó là pháp của ngoại đạo, hoàn toàn chẳng phải giáo pháp của ta, làm cho trăm họ tật bệnh khổ nạn vô lượng. Ông nên biết, lúc ấy đất nước bị phá diệt.

Này đại vương! Vào đời mạt pháp, hàng quốc vương, đại thần, bốn bộ chúng đều làm những việc phi pháp, trái ngược với lời Phật dạy, tạo các tội lỗi, chẳng phải Pháp, chẳng phải Luật, trói buộc Tỳ-kheo giống như kẻ tù tội. Ông nên biết, khi ấy không còn bao lâu Chánh pháp bị diệt.

Này đại vương! Sau khi ta diệt độ, bốn bộ đệ tử của ta, tất cả quốc vương, vương tử, bách quan chính là những người có trách nhiệm giữ gìn, ủng hộ Tam bảo, nhưng lại tự phá diệt, giống như trùng trong thân sư tử tự ăn thịt sư tử, chứ chẳng phải ngoại đạo. Ai phá hoại Chánh pháp của ta, kẻ ấy mắc tội rất lớn, vì làm cho Chánh pháp suy dần, nhân dân không chánh hạnh, các điều ác dần dần tăng trưởng, tuổi thọ ngày càng giảm dần, con không hiếu thuận, lục thân không hòa, trời rồng không giúp đỡ, quỷ ác, rồng ác hằng ngày đến phá hại, tai ương yêu quái liên tục, gieo họa khắp nơi. Người phá hoại Chánh pháp ấy sẽ đọa vào địa ngục, bàng sinh, ngạ

quỷ. Nếu được làm người thì bần cùng, nghèo khổ, thấp hèn, các căn không đầy đủ. Như hình với bóng, như tiếng vang vọng lại theo âm thanh, như người viết trong đêm, tuy đèn tắt, nhưng vẫn còn, quả báo hủy phá Chánh pháp cũng như vậy.

Này đại vương! Trong đời vị lai, tất cả quốc vương, vương tử, đại thần cùng đệ tử của ta lập ra sách vỡ ghi chép bừa bãi, lập ra người chủ trông coi, cai quản Tăng lớn nhỏ, sai sử phi lý. Ông nên biết, khi đó Phật pháp không còn bao lâu.

Này đại vương! Trong đời vị lai, tất cả quốc vương, bốn bộ đệ tử phải nương tựa vào tất cả chư Phật ở mười phương, luôn tu hành đạo, và thiết lập sự truyền bá. Nhưng ác Tỳ-kheo thì vì cầu danh lợi mà không nương vào pháp của ta, ở trước mặt quốc vương tự nói điều tội lỗi làm duyên phá Chánh pháp. Vị vua ấy không phân biệt được, tin theo lời nói của ác Tỳ-kheo, lập pháp chế sai lầm, không nương vào giới pháp của Phật. Ông nên biết, lúc đó không bao lâu pháp sẽ diệt tận.

Này đại vương! Trong đời vị lai, quốc vương, đại thần, bốn bộ đệ tử tự phá Chánh pháp, phá nhân duyên của quốc gia, thân tự chịu lấy, chẳng phải lỗi của Phật pháp. Trời, rồng bỏ đi, năm trược tăng dần. Nếu có nói cùng kiếp cũng không hết.

Lúc ấy, mười sáu đại quốc vương nghe những lời răn dạy vào đời vị lai như vậy, đau buồn khóc lóc, làm chấn động ba ngàn cõi. Trời đất tối sầm không có ánh sáng. Khi ấy các vị vua đều chí tâm thọ trì lời Phật dạy, nguyện sẽ không ngăn cản bốn bộ chúng xuất gia học đạo, sẽ thực hành đúng như lời Phật dạy.

Bấy giờ hằng hà sa vô lượng đại chúng đều than:

–Lúc đó thế gian trống không, là không có Phật.

Vua Ba-tư-nặc thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nên đặt kinh này tên là gì? Chúng con phụng hành như thế nào?

Phật dạy:

–Này đại vương! Kinh này đặt tên là Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng gọi là Cam Lồ Pháp Dược. Nếu có ai uống vào thì khỏi các bệnh tật.

Này đại vương! Công đức của Bát-nhã ba-la-mật-đa giống như hư không, không thể nào đo lường được. Nếu người nào thọ trì, đọc tụng kinh này thì công đức đạt được có thể ủng hộ nhân vương và các chúng sinh,

giống như tường vách, cũng như thành lũy, cho nên các ông cần phải thọ trì.

Đức Phật nói kinh này đã xong, vô lượng Đại Bồ-tát: Di-lặc, Sư Tử Hống...; vô lượng Thanh văn: Xá-lợi-phất, Tu-bồ-đề...; vô lượng trời, người ở cõi Dục, cõi Sắc, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, A-tu-luân... tất cả đại chúng nghe Phật nói như vậy đều rất vui mừng, tín thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 247

KINH LIỄU NGHĨA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

Hán dịch: Đại sư Thi Hộ

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Ông nên biết, nếu các Đại Bồ-tát ưa thích tu tập hạnh tương ưng với Ba-la-mật-đa thì nên đối với các pháp, như thật biết rõ những gì có tạo tác đều lìa tất cả tướng.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất chắp tay cung kính thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói: các Đại Bồ-tát ưa thích muốn tu tập hạnh tương ưng với Ba-la-mật-đa, vậy làm thế nào để biết rõ tự tánh của các pháp? Với những gì có tạo tác, làm thế nào để lìa tướng?

Đức Phật dạy Xá-lợi Tử:

–Nếu các Đại Bồ-tát ưa thích viên mãn thắng hạnh tương ưng và đối với các pháp lìa tướng tạo tác thì phải hiểu các pháp trụ mà không chỗ trụ, mới có thể viên mãn thắng hạnh tương ưng.

Lại nữa, này Xá-lợi Tử! Nếu các Đại Bồ-tát ở trong các pháp hành hạnh bố thí mà không thấy có người bố thí, không có vật được bố thí, không có người bố thí; thì như vậy mới có thể viên mãn Thí ba-la-mật.

Lại nữa, vị nào tu tập các giới pháp mà không thấy có người giữ, không có giới để giữ, không tạo tác; nếu giữ giới như vậy thì có thể viên mãn Giới ba-la-mật.

Lại nữa, vị nào tu tập pháp nhẫn nhục, ở trong các pháp không bị động chuyển, lìa các tạo tác thì như vậy mới có thể viên mãn Nhẫn ba-la-mật.

Lại nữa, trong hạnh tương ưng phải tinh tấn tu tập, dù thân hay tâm đều không biếng nhác, không có tướng tạo tác; nếu tinh tấn như vậy thì có thể viên mãn Tinh tấn ba-la-mật.

Lại nữa, trong các pháp không bị tán loạn, lìa xa các tướng sở đắc; nếu không tán loạn như vậy thì có thể viên mãn Định ba-la-mật.

Này Xá-lợi Tử! Nếu các Đại Bồ-tát ưa thích an trụ tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa thì cần phải viên mãn bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo.

Lại nữa, quán tưởng Tam-ma-địa Không, Tam-ma-địa Vô tướng, Tam-ma-địa Vô nguyện, bốn pháp Thiền định, bốn pháp Vô lượng, bốn pháp Vô sắc định, tám pháp Giải thoát, Cửu tiên hành pháp tiên hành, chín pháp tưởng.

Những gì là chín tưởng?

–Đó là tưởng pháp bên trong, tưởng Vĩ-bố-dã-ca, tưởng lìa đỏ xanh, tưởng vĩ-khư-nhĩ-đa, tưởng vô trụ, tưởng Khiếp-nhĩ-đa, tưởng ly tán, tưởng không nhiệt não, tưởng lìa ăn uống.

Như vậy gọi là chín pháp tưởng.

Lại nữa, tưởng niệm Phật; tưởng niệm Pháp; tưởng niệm Tăng; tưởng niệm giới, thí, thiên...; tưởng lìa phiền não; tưởng niệm sinh diệt; tưởng niệm vô thường, khổ, vô ngã...; tưởng niệm các thế gian không cứu cánh; tưởng niệm Khổ trí; tưởng Tập trí; tưởng Diệt trí; tưởng Đạo trí; tưởng tận trí; tưởng vô sinh trí; tưởng pháp trí; tưởng vô ngã trí; tưởng hòa hợp trí; tưởng như thật trí; tưởng ngôn ngữ phân biệt; tưởng lìa ngôn ngữ phân biệt; tưởng vị tri đương tri căn; tưởng dĩ tri căn; tưởng cụ tri căn; tưởng bất tịnh; tưởng thanh tịnh; tưởng chỉ và quán; tưởng ba Minh; tưởng bốn Liễu tri; tưởng bốn Vô úy; tưởng năm Thần thông; tưởng sáu Ba-la-mật; tưởng bảy chỗ Trụ tâm; tưởng tám pháp Đại nhân; tưởng chín chỗ ở của chúng sinh; tưởng mười Lực của Như Lai; tưởng mười tám pháp Bất cộng; tưởng đại Từ; tưởng đại Bi cho đến tưởng trí Nhất thiết trí. Với các pháp như vậy phải tưởng như vậy.

Lại nữa, các Đại Bồ-tát ưa thích viên mãn trí Nhất thiết và trí Nhất thiết chủng thì nên quán tưởng như thật về Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại nữa, nếu muốn viên mãn trí Đạo tướng và trí Nhất thiết tướng thấu rõ các hành tướng của tâm tất cả chúng sinh, đoạn trừ các tạp nhiễm của tất cả chúng sinh, thì cần phải tu tập thắng hạnh tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

–Này Xá-lợi Tử! Theo các môn tưởng, các pháp mà ta đã nói trên đây, Đại Bồ-tát phải học như vậy.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi Tử lại thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát tu tập Bát-nhã ba-la-mật-đa nên đoạn trừ pháp gì?

Đức Phật dạy Xá-lợi Tử:

–Ai tu tập Bát-nhã ba-la-mật-đa cần phải đoạn trừ mười thứ nghi ngờ.

Những gì là mười? Đó là nghi hữu tánh, nghi vô tánh, nghi các pháp sai biệt, nghi hủy báng, nghi một pháp, nghi nhiều pháp, nghi đồng, khác, nghi phẩm thượng, nghi như danh, nghi như danh nghĩa. Mười loại nghi ngờ này cần phải đoạn trừ. Nếu làm được như vậy thì Đại Bồ-tát đối với tất cả tướng đều không chỗ quán. Vì tướng không chỗ quán nên cũng gọi là không chỗ quán Bát-nhã ba-la-mật-đa, không chỗ quán các hành, không chỗ quán sắc, không chỗ quán thọ, tưởng, hành, thức. Tất cả đều không chỗ quán. Vì sao? Vì tự tánh của sắc là không, nên không ấy lìa tánh. Thể của sắc là không, lìa sắc thì chẳng có không riêng biệt. Thể của không là sắc, lìa không thì chẳng có sắc riêng biệt. Nghĩa ấy như thế nào gọi là phân biệt sắc?

–Xá-lợi Tử nên biết! Tự tánh của sắc pháp không sinh không diệt, chẳng phải nhiễm chẳng phải tịnh, nên gọi là tự tánh. Cũng chẳng phải duyên pháp, lìa các nghi ngờ, không từ đâu đến và cũng không có trụ chỗ nào. Vì sự phát sinh như thật nên lìa ba giai đoạn. Sắc pháp như vậy, thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Cho nên Đại Bồ-tát đối với các danh tướng đều không có chỗ quán. Vì không có chỗ quán nên không có chỗ nhập. Không chỗ nhập thì có thể viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa.

-oOo-

SỐ 248

KINH NGŨ THẬP TỤNG THÁNH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Hán dịch: Đại sư Thi Hộ

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Phật ở trong núi Thứu phong, thuộc thành Vương xá cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo đều đắc A-la-hán, các lậu đã tận, không còn phiền não, tâm hoàn toàn giải thoát, trí tuệ thông đạt, giống như Đại long vương, đoạn trừ các kết sử, vứt bỏ các gánh nặng, việc làm đã xong, đạt được tự lợi, tâm được tự tại.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ và các Thanh văn, Duyên giác nào ưa thích tu học Vô thượng Bồ-đề thì các ông đối với kinh Bát-nhã ba-la-mật này, thọ trì, đọc tụng, phân biệt giảng nói cho họ nghe thì họ sẽ mau đạt Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Kinh Bát-nhã ba-la-mật này đầy đủ phương tiện, thông đạt tất cả, là Pháp tạng thâm sâu của chư Phật và Bồ-tát, phải học như vậy, tu hành như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có Đại Bồ-tát tùy hỷ nghe, thọ trì, đọc tụng kinh Bát-nhã Ba-la-mật này thì nên học như vậy, tu hành như vậy. Vì sao? Vì kinh này nói rộng tạng pháp sâu xa Vô thượng Bồ-đề của chư Phật Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Kinh Bát-nhã ba-la-mật này có pháp Thanh văn, pháp Duyên giác, pháp Bồ-tát và pháp phần Bồ-đề; tất cả pháp Bát-nhã ba-la-mật của tất cả chư Phật nhóm chứa nhiếp thọ bình đẳng như một.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao có pháp Thanh văn, pháp Duyên giác, pháp Bồ-tát và pháp phần Bồ-đề và tất cả pháp Bát-nhã ba-la-mật của tất cả chư Phật chứa nhóm nhiếp giữ bình đẳng như một?

Đức Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Vì có Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật,

Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, Trí tuệ ba-la-mật, nội không, ngoại không, nội ngoại không, đại không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, vô biến dị không, vô tướng không, tự tướng không, hữu tế không, vô tế không, tánh không, bản tánh không, vô tánh không, tự tánh không, vô tánh tự tánh không, tất cả pháp không, bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo, bốn Thánh đế, bốn Vô sắc, tám Giải thoát, chín Phần pháp, môn Giải thoát không, môn Giải thoát vô tướng, môn Giải thoát vô nguyện, tất cả môn Tam-ma-địa, Tổng trì môn, bốn Trí, năm Thần thông, tất cả mười Lực của Như Lai, bốn Vô sở úy, đại Từ, đại Bi, mười tám pháp Bất cộng, quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Duyên giác, quả Bồ-tát, trí Nhất thiết đạo. Tất cả các pháp thiện như thế, tất cả Bát-nhã ba-la-mật đều chứa nhóm, nhiếp thọ bình đẳng như một không khác.

Nghe Đức Phật nói như vậy, Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Kinh điển này tích chứa, nhiếp thọ tất cả pháp lành, tất cả Bát-nhã ba-la-mật bình đẳng như một, sâu xa vi diệu, ý nghĩa thâm sâu, khó hiểu khó biết.

Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông đã nói. Này Tu-bồ-đề! Nếu có người không gieo trồng căn lành, bạn bè xấu ác, độn căn, biếng nhác, không trí, ngu si, ít hiểu ít nghe, mới học, hiểu biết cạn cợt, lại thích Tiểu thừa, trí tuệ hẹp hòi... thì đối với kinh Bát-nhã ba-la-mật này khó hiểu, khó thể nhập và lại không tin thọ. Ông nên biết như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ đối với kinh Bát-nhã ba-la-mật này mà tùy hỷ lắng nghe tiếp thu, đọc tụng, giải nói như giữ chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, không bao lâu sẽ mau chứng Vô thượng Bồ-đề.

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Tu-bồ-đề và các Bồ-tát, Trời, Người, A-tu-la... nghe Phật nói như vậy đều rất vui mừng, tín thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 249

PHẬT THUYẾT ĐẾ THÍCH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH

Hán dịch: Đại sư Thi Hộ

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Phật ở trong núi Thứu phong, thuộc thành Vương xá cùng vô số chúng đại Tỳ-kheo, lại có mười ức Đại Bồ-tát tướng đồng tử.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Thiên chủ Đế Thích:

–Này Kiều-thi-ca! Bát-nhã ba-la-mật này nghĩa lý nó rất sâu xa, chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải nắm bắt, chẳng phải buông bỏ, chẳng phải tăng, chẳng phải giảm, chẳng phải có phiền não, chẳng phải không phiền não, chẳng phải xả bỏ, chẳng phải không xả bỏ, chẳng phải trụ, chẳng phải không trụ, chẳng phải tương ưng, chẳng phải không tương ưng, chẳng phải phiền não, chẳng phải không phiền não, chẳng phải duyên, chẳng phải không duyên, chẳng thật, chẳng phải không thật, chẳng phải pháp, chẳng phải không pháp, chẳng có chỗ quay về, chẳng phải không có chỗ quay về, chẳng phải thật tế, chẳng phải không thật tế.

Này Kiều-thi-ca! Như vậy thì tất cả pháp bình đẳng, Bát-nhã ba-la-mật cũng bình đẳng. Tất cả pháp tịch tĩnh, Bát-nhã ba-la-mật cũng tịch tĩnh. Tất cả pháp bất động, Bát-nhã ba-la-mật cũng bất động. Tất cả pháp phân biệt, Bát-nhã ba-la-mật cũng phân biệt. Tất cả pháp sợ sệt, Bát-nhã ba-la-mật cũng sợ sệt. Tất cả pháp biết rõ, Bát-nhã ba-la-mật cũng biết rõ. Tất cả pháp một vị, Bát-nhã ba-la-mật cũng một vị. Tất cả pháp bất sinh, Bát-nhã ba-la-mật cũng bất sinh. Tất cả pháp bất diệt, Bát-nhã ba-la-mật cũng bất diệt. Tất cả pháp là hư không vọng tưởng, Bát-nhã ba-la-mật cũng hư không vọng tưởng.

Sắc vô biên, Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên. Như vậy thọ, tưởng, hành, thức vô biên; Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên.

Địa giới vô biên, Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên. Như vậy thủy giới,

hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới vô biên; Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên.

Kim cang bình đẳng, Bát-nhã ba-la-mật cũng bình đẳng. Tất cả pháp không hư hoại, Bát-nhã ba-la-mật cũng không hư hoại. Tất cả pháp tánh không thể đắc, Bát-nhã ba-la-mật cũng không thể đắc. Tất cả pháp tánh bình đẳng, Bát-nhã ba-la-mật cũng bình đẳng. Tất cả pháp vô tánh, Bát-nhã ba-la-mật cũng vô tánh. Tất cả pháp không nghĩ bàn, Bát-nhã ba-la-mật cũng không nghĩ bàn.

Như vậy Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, Phương tiện ba-la-mật, Nguyện ba-la-mật, Lực ba-la-mật, Trí ba-la-mật cũng không thể nghĩ bàn.

Ba nghiệp thanh tịnh, Bát-nhã ba-la-mật cũng thanh tịnh.

Như vậy, Bát-nhã ba-la-mật nghĩa lý vô biên.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Có mười tám không. Mười tám không ấy là gì? Là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, vô tế không, vô biến dị không, vô thỉ không, bản tánh không, tự tướng không, vô tướng không, vô tánh không, tự tánh không, vô tánh tự tánh không, tất cả pháp không.

Tụng:

Như sao, như lồng đèn
Mộng huyễn và bọt sương
Như điện và như mây
Cần phải quán như vậy.
Ta lược nói thế này:
Bát-nhã ba-la-mật
Không sinh cũng không diệt
Không đoạn cũng không thường
Nghĩa chẳng một, chẳng nhiều
Chẳng đến cũng chẳng đi
Như vậy mười hai duyên
Diệt trừ để tịch tĩnh.
Bậc Chánh Đẳng Giác nói
Kính tin Bậc Vô Thượng
Quy y Phật mười phương
Quá, hiện tại, vị lai
Tam bảo: Ba-la-mật
Biển công đức vô lượng

Cúng dường chư Như Lai
Đại minh chân bí mật.

Chân ngôn:

Đát nhĩ dã tha bát ra nghê bát ra nghê ma hạ bát ra, nghê bát ra, nghê phược bà, tế bát ra, nghê lỗ ca ca lí, a nghê dã nẵng vĩ đà ma nhĩ, tất đề tô tất đề tất, bột đổ hàm bà ngạ phược đế tất lý bột ngạ tốn na lý bạt ngật đế vẫn bà lê bát ra đa lý đa hạ tất đế tam ma bà phược sa ca lý tất bột tất bột một bột một bột kiếm ba kiếm ba tả ra tả ra ra, phược ra phược a nga sa a nga sa ba nga phược đế ma vĩ ra sa sa phược hạ.

Nẵng mồ đạt lý mồ nại nga đa tả mạo địa tát đỏa tả ma hạ tát đỏa tả ma ha ca lỗ ni ca tả nẵng mồ sa na bát ra, lỗ nhĩ đát tả mạo địa tát đỏa tả ma hạ tát đỏa tả ma hạ, ca lỗ ni ca tả. Nẵng mồ bát na, nghê dã ba ra nhĩ đa, duệ đát nhĩ dã, tha mâu nhĩ đạt lí di, tăng nga ra hạ đạt lí di a nỗ nga ra, hạ đạt lí di vĩ mục ngật đa đạt lí di tát đỏa nỗ nga ra hạ đạt lí di phệ thất ra phược noa đạt lý di, tam mãn đa nộ ba lí phược lý đa, nẵng đạt lí di ngu noa nga ra hạ tăng nga ra, hạ đạt lí di, tát lí phược đát ra, nỗ nga đa đạt lí di, tát lý phược, ca la ba lí bát ra ba, noa đạt lý di sa phược hạ bát la nghê dã, ba ra di đa, duệ đát nhĩ dã tha a khư nhĩ nẵng khư, nhĩ a khư nẵng nhĩ khư nhĩ a phược la vẫn đà nhĩ bán na nhĩ bán na nhĩ bát nại lí sa phược hạ.

Nẵng mồ bát ra nghê dã ba ra di đa duệ đát nhĩ dã tha ngang nga ngang nga nẵng đế ra ngang nga nẵng đế nẵng phược bà sa ngang nga sa phược hạ.

Nẵng mồ bát ra nghê dã, ba ra di đa, duệ đát nhĩ dã tha thất lị duệ thất lí duệ mâu nhĩ thất lí duệ mâu nhĩ thất lí dã tế sa phược hạ, bát ra nghê dã ba ra di đa, duệ đát nhĩ dã tha án phược ra vị lệ sa phược hạ.

Nẵng mồ bát ra nghê dã, ba ra di đa duệ đát nhĩ dã tha án hột lăng thất lăng đặt lăng thất lỗ đế đặt lí đế sa mật lý nga đế vĩ duệ nhạ sa phược hạ.

Nẵng mồ bát ra nghê dã ba ra di đa duệ tát nhĩ dã tha xoa phược lí xoa phược lí ma hạ xoa phược lí độ lỗ độ lỗ ma hạ độ lỗ sa phược hạ.

Nẵng mồ bát ra nghê dã ba ra di đa duệ đát nhĩ dã tha, hổ đế hổ đế đa thiết nhĩ tát lí phược ra lí ma phược ra nô nhĩ sa phược hạ.

Nẵng mồ bát ra nghê dã ba ra di đa duệ đát nhĩ dã tha án a lỗ lê ca sa phược hạ.

Nẵng mồ bát ra nghê dã ba ra di đa duệ đát nhĩ dã tha, án tát lí phược vĩ đỗ bà phược hạ.

Nẵng mồ bát ra nghê dã ba ra di đa duệ đát nhĩ dã tha nga đế nga đế ba lãm nga đế ba đế ra tăng nga đế mạo địa sa phược hạ.

Sau khi Đức Phật nói kinh này xong, Thiên chủ Đế Thích và các Đại Bồ-tát, Trời, Người, Càn-thát-bà, A-tu-la... tất cả đại chúng nghe Phật nói vậy đều rất vui mừng và tín thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 250

KINH ĐẠI MINH CHÚ
MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Hán dịch: Đời Dao Tần, Tam tạng
Cưu-ma-la-thập.

Bồ-tát Quán Thế Âm khi thực hành sâu xa pháp Bát-nhã ba-la-mật, chiếu thấy năm uẩn đều không, vượt qua tất cả khổ ách.

–Này Xá-lợi-phất! Vì sắc không, nên không có tướng não hoại. Vì thọ không, nên không có tướng thọ. Vì tưởng không, nên không có tướng biết. Vì hành không, nên không có tướng tạo tác. Vì thức không, nên không có tướng nhận biết. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Chẳng phải sắc khác không, chẳng phải không khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.

Này Xá-lợi Tử! Tướng không của các pháp không sinh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm. Pháp không ấy chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai. Cho nên trong không ấy không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; không có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới, cho đến không có ý thức giới; không có vô minh, cũng không có sự diệt tận vô minh, cho đến không có già chết, không có sự diệt tận của già chết. Không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo, không có trí, cũng không có đắc. Vì không có đắc nên Bồ-tát nương vào Bát-nhã ba-la-mật, tâm không sợ sệt, không chướng ngại. Vì không chướng ngại nên không sợ hãi, lìa tất cả mộng tưởng điên đảo, khổ ách, rốt ráo Niết-bàn. Chư Phật ba đời đều nương vào Bát-nhã ba-la-mật mà chứng đắc Vô thượng Bồ-đề.

Nên biết rằng, Bát-nhã ba-la-mật là chú rất sáng, chú vô thượng, chú không gì bằng, có năng lực diệt trừ tất cả khổ, chân thật không hư. Cho nên nói chú Bát-nhã ba-la-mật.

Bồ-tát liền nói chú:

"Yết-đế, yết-đế, ba la yết-đế, ba la tăng yết-đế, Bồ-đề tăng sa ha."

-oOo-

SỐ 251

BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng
Pháp sư Huyền Trang.

Bồ-tát Quán Tự Tại khi thực hành sâu xa pháp Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu, soi thấy năm uẩn đều không, vượt qua tất cả khổ ách.

Này Xá-lợi Tử! Tướng không của các pháp ấy chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng nhơ, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt.

Vì vậy trong không không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; không có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; không có thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới; không có vô minh, cũng không có sự dứt hết vô minh, cho đến không có lão tử, cũng không có sự dứt hết lão tử; không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo; không có trí năng cũng không có đắc.

Vì không có đắc, nên Bồ-tát nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa, tâm không chướng ngại.

Vì không chướng ngại nên không sợ hãi, xa lìa phiền não mộng tưởng, đạt Niết-bàn tuyệt đối.

Ba đời chư Phật đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa mà chứng đắc Bồ-đề Vô thượng.

Cho nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa là chú Đại thần, là chú Đại minh, là chú Vô thượng, là chú không gì sánh bằng, có năng lực trừ tất cả khổ, chân thật bất hư cho nên nói chú Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bồ-tát liền nói chú:

"Yết-đế, yết-đế, ba la yết-đế, ba la tăng yết-đế, Bồ-đề tát bà ha."

-oOo-

SỐ 252

PHỔ BIẾN TRÍ TẠNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH

Hán dịch: Tam tạng Sa-môn
Pháp Nguyệt, nước Ma-kiệt-đề.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Phật ở nơi núi Linh thứu, trong đại thành Vương xá, cùng với trăm ngàn vị đại Tỳ-kheo, bảy vạn bảy ngàn vị Đại Bồ-tát. Tên của các vị Bồ-tát thượng thủ là: Bồ-tát Quan Thế Âm, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Di-lặc.... Các vị đều đắc Tam-muội Tổng trì, trụ giải thoát chẳng thể nghĩ bàn.

Khi ấy ở giữa chúng, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại từ chỗ ngồi đứng dậy, đến chỗ Đức Thế Tôn, hướng về Ngài, chắp tay, cúi mình cung kính, chiêm ngưỡng dung nhan của Ngài và thưa:

–Bạch Thế Tôn! ở trong hội này, con muốn nói cho các Bồ-tát về Phổ biến trí tạng Bát-nhã ba-la-mật tâm. Cúi xin Thế Tôn cho phép con được tuyên nói pháp bí yếu cho các Bồ-tát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng Phạm âm vi diệu khen Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Lành thay, lành thay! Ông có đầy đủ đại Bi, ta cho phép ông được nói để làm ánh sáng lớn cho các chúng sinh.

Khi ấy, được Phật cho phép, được Phật hộ niệm, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại nhập vào Tam-muội Chánh thọ tuệ quang. Nhập vào định này rồi, khi Đại Bồ-tát dùng sức Tam-muội hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm sâu, chiếu thấy tự tánh của năm uẩn đều không. Biết rõ tự tánh năm uẩn đều không, Đại Bồ-tát ra khỏi Tam-muội một cách an tường và nói với Tuệ mạng Xá-lợi-phất:

–Này thiện nam! Bồ-tát có Bát-nhã ba-la-mật-đa tên là Phổ Biến Trí Tạng. Ông hãy lắng nghe cho rõ, ghi nhớ thật kỹ. Vì ông, tôi sẽ phân biệt giải nói.

Sau khi Đại Bồ-tát Quán Tự Tại nói vậy, Tuệ mạng Xá-lợi-phất thưa:

–Thưa bậc Đại tịnh, nay đã đúng lúc, xin ông hãy nói cho.

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại nói với Xá-lợi-phất:

–Các Đại Bồ-tát nên học như vầy: Tánh của sắc là không, tánh của không là sắc. Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Tánh của thức là không, tánh của không là thức. Thức chẳng khác không, không chẳng khác thức. Thức tức là không, không tức là thức.

Này Xá-lợi Tử! Tướng không của các pháp ấy không sinh không diệt, không cấu không tịnh, không tăng không giảm. Cho nên trong không, không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; không có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới; không có vô minh, cũng không có sự tận diệt của vô minh, cho đến không có già chết, cũng không có sự tận diệt của già chết; không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo, không có trí, cũng không có đắc.

Vì không có chỗ chứng đắc nên Bồ-tát nhờ nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa mà tâm không chướng ngại. Vì tâm không chướng ngại nên không có sợ hãi, xa lìa mộng tưởng điên đảo đạt đến Niết-bàn cứu cánh. Chư Phật ba đời đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa mà đắc Bồ-đề Vô thượng.

Cho nên biết, Bát-nhã ba-la-mật-đa là chú rất linh, là chú rất sáng, là chú vô thượng, là chú không gì bằng, có năng lực diệt trừ tất cả các khổ, chân thật không hư, cho nên nói chú Bát-nhã ba-la-mật-đa Bồ-tát liền nói chú:

"Yết-đế, yết-đế, ba la yết-đế, ba la tăng yết-đế Bồ-đề ta bà ha."

Khi nghe Đức Phật nói kinh này xong, các chúng Tỳ-kheo, Bồ-tát và tất cả Trời, Người, A-tu-luân, Càn-thát-bà... trong thế gian rất đỗi vui mừng và đều tín thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 253

BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH

Hán dịch: Tam tạng Bát-nhã cùng
Lợi Ngôn, người nước Kế Tân.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo và chúng Bồ-tát.

Khi ấy, Thế Tôn nhập Tam-muội tên Quảng đại thậm thâm. Bấy giờ, trong chúng có Đại Bồ-tát tên Quán Tự Tại, khi hành Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu, chiếu thấy năm uẩn đều không, xa lìa các khổ ách.

Ngay khi ấy, nương nhờ oai lực của Phật, Xá-lợi Tử chắp tay cung kính thưa Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thưa Đại sĩ! Nếu có ai muốn học Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này thì tu hành như thế nào?

Nghe hỏi như vậy, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại nói với Cụ thọ Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi Tử! Nếu thiện nam, thiện nữ nào khi hành hạnh Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu thì nên quán tánh năm uẩn là không.

Này Xá-lợi Tử, sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Xá-lợi Tử! Tướng không của các pháp không sinh không diệt, không cấu không tịnh, không tăng không giảm.

Cho nên trong không không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; không có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới; không có vô minh, cũng không có sự diệt tận của vô minh, cho đến không có già chết, cũng không có sự diệt tận của già chết; không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo, không có trí, cũng không có đắc. Vì không có chỗ đắc. Nên Bồ-tát nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa, tâm không chướng ngại. Vì không chướng ngại nên không sợ sệt, xa lìa mộng tưởng điên đảo, chứng Niết-bàn cứu cánh.

Chư Phật ba đời đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa mà chứng đắc Bồ-

đề Vô thượng. Cho nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa là chú rất linh, là chú rất sáng, là thần chú Vô thượng, là thần chú không gì bằng, có năng lực diệt trừ tất cả khổ, chân thật không hư, cho nên nói chú Bát-nhã ba-la-mật-đa, Bồ-tát liền nói chú:

"Yết-đế, yết-đế, ba la yết-đế, ba la tăng yết-đế, Bồ-đề ta bà ha."

–Như vậy, này Xá-lợi-phất! Đối với việc hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát nên hành như vậy.

Khi nói như thế xong, Đức Thế Tôn liền ra khỏi Tam-ma-địa Quảng đại thậm thâm và khen ngợi Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam, đúng vậy, đúng vậy! Đúng như điều ông đã nói. Hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nên hành như vậy. Khi hành như vậy, tất cả Đức Như Lai đều tùy hỷ.

Sau khi Đức Thế Tôn nói như vậy, Cụ thọ Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại cũng rất vui mừng. Khi ấy, Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà…, trong chúng hội nghe Phật dạy đều rất hoan hỷ, tin thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 254

BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH

Hán dịch: Tam tạng Sa-môn Trí Tuệ Luân.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Thế Tôn ở trong núi Thứu phong, thuộc thành Vương xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo, chúng Đại Bồ-tát.

Bấy giờ, Thế Tôn nhập vào Tam-ma-địa tên là Quảng đại thậm thâm chiếu kiến. Khi đó, trong chúng có Đại Bồ-tát tên là Quán Tự Tại, khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm sâu, chiếu thấy tự tánh năm uẩn đều không.

Khi ấy nương oai thần của Phật, Cụ thọ Xá-lợi Tử chắp tay cung kính thưa với Đại Bồ-tát Quán Thế Âm:

–Thưa Thánh giả! Nếu có người nào muốn học hạnh Bát-nhã ba-la-mật sâu xa thì phải tu hành như thế nào?

Nghe hỏi như vậy, Đại Bồ-tát Quán Thế Âm Tự Tại nói với Cụ thọ Xá-lợi Tử:

–Này Xá-lợi Tử! Nếu có thiện nam, thiện nữ khi hành hạnh Bát-nhã ba-la-mật sâu xa thì nên chiếu thấy tự tánh của năm uẩn là không, lìa các khổ ách.

Này Xá-lợi Tử! Tánh của sắc là không, tánh của không là sắc. Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc là không, không là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

Này Xá-lợi Tử! Tánh tướng các pháp ấy là không, không sinh không diệt, không dơ không sạch, không giảm, không tăng.

Cho nên trong không không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; không có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới, cho đến không có ý thức giới; không có vô minh, cũng không có sự tận diệt của vô minh, cho đến không có sự tận diệt của già chết; không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo, không có trí chứng, không có đắc. Vì không đắc nên Bồ-tát nương trụ Bát-nhã ba-la-mật-đa tâm không chướng ngại. Vì tâm không chướng ngại nên không có sợ hãi, xa lìa mộng tưởng điên đảo, cứu cánh tịch nhiên.

Chư Phật ba đời đều nương Bát-nhã ba-la-mật-đa mà đắc Bồ-đề Vô thượng, hiện chứng Chánh giác. Nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa là chân ngôn lớn, là chân ngôn rất sáng, là chân ngôn Vô thượng, là Vô chân ngôn, không gì bằng, có khả năng tiêu trừ tất cả khổ, chân thật không hư.

Cho nên nói chân ngôn Bát-nhã ba-la-mật-đa, Bồ-tát liền nói chân ngôn:

"Án, nga-đế, nga-đế, phan ra nga-đế, phan ra nga-đế, phan ra tán nga-đế, mạo địa sa pha ha."

Này Xá-lợi Tử! Đối với hạnh Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm sâu, các Đại Bồ-tát nên học như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn an tường ra khỏi Tam-ma-địa và khen ngợi Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam, đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông nói, hạnh Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm sâu nên hành như vậy. Khi hành như vậy, tất cả Đức Như Lai đều tùy hỷ.

Sau khi Thế Tôn nói như vậy, Cụ thọ Xá-lợi Tử, Bồ-tát Quán Thế Âm Tự Tại, tất cả Trời, Người, A-tu-la, Càn-đà-phược... ở trong chúng hội nghe Phật nói như vậy rất là vui mừng và tin thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 255

BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH

Hán dịch: Đại đức Tam tạng Pháp sư Sa-môn Pháp Thành.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Thế Tôn ở trong núi Thứu phong, thuộc thành Vương xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo và các Đại Bồ-tát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhập pháp môn Tam-ma-địa Thậm thâm minh liễu. Ngay lúc đó, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại khi hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, quán sát chiếu thấy thể tánh của năm uẩn đều là không.

Khi ấy, Cụ thọ Xá-lợi Tử nương oai lực của Phật, thưa với Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Thưa Thánh giả! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm sâu thì phải tu học như thế nào?

Xá-lợi-phất hỏi xong, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại trả lời:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm sâu thì vị ấy nên quán sát như vầy: Thể tánh của năm uẩn đều không. Sắc tức là không, không tức là sắc. Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều là không. Cho nên, này Xá-lợi Tử! Tánh không của pháp là không tướng, không sinh không diệt, không cấu, không lìa cấu, không giảm không tăng.

Này Xá-lợi Tử! Trong không tánh không có sắc, không có thọ, không có tưởng, không có hành, cũng không có thức; không có nhãn, không có nhĩ, không có tỷ, không có thiệt, không có thân, không có ý; không có sắc, không có thanh, không có hương, không có vị, không có xúc, không có pháp; không có nhãn giới, cho đến không có ý thức giới; không có vô minh, không có sự tận diệt của vô minh; không có già chết, cũng không có sự tận diệt của già chết; không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo; không có trí, không có đắc, cũng không không đắc. Cho nên, này Xá-lợi Tử! Vì không sở đắc nên các Bồ-tát nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa tâm không chướng ngại, không sợ sệt, vượt qua các điên đảo, đạt Niết-bàn cứu cánh.

Tất cả chư Phật trong ba đời đều nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa, mà được chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Này Xá-lợi Tử! Cho nên biết, Bát-nhã ba-la-mật-đa là chú rất bí mật, là chú rất sáng, là chú Vô thượng, là chú không gì bằng, là chú có thể diệt trừ tất cả khổ nạn, chân thật không điên đảo. Nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa là chú bí mật. Bồ-tát liền nói chú Bát-nhã ba-la-mật-đa:

"Nga-đế, nga-đế, ba la nga-đế, ba la tăng nga-đế, bồ-đề sa ha."

Này Xá-lợi Tử! Đại Bồ-tát nên tu học Bát-nhã ba-la-mật thâm sâu như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ra khỏi định, nói với Thánh giả Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam, đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông đã nói, nếu ai tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy thì tất cả Đức Như Lai đều tùy hỷ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói như vậy xong, Cụ thọ Xá-lợi Tử, Thánh giả Đại Bồ-tát Quán Tự Tại, tất cả Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà... trong thế gian nghe Phật nói đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 256

BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH BẢN TIẾNG PHẠM ĐỜI ĐƯỜNG

Hán dịch: Hòa thượng Từ Ân.

Bồ-tát Quán Tự Tại trực tiếp dạy cho Tam tạng Pháp sư Huyền Trang, bản tiếng Phạm không nhuận sắc.

Bát ra nga nhưỡng bá ra nhị đa, hột lí na dã tố đát lãm a lị dã phược lỗ chỉ đế thấp phược lộ mao địa, sa đát vũ nghiễm tỷ lãm bát ra nga nhưỡng bá ra nhị đa tả lị diễm tả ra ma nữ vĩ dã phược lỗ ca để bà ma bán tả tắc kiến đà ta đát thất tả, ta phược bà phược, tuất nhĩ diễm bả thất dã để ta ma y hạ xá lị bổ đát ra lỗ bạn tuất nhĩ diễm tuất nhĩ dã, đới phược lỗ bạn lỗ bá nẵng tỷ lật tha tuất nhĩ dã, tuất nhĩ dã đa dã, nẵng tỷ lật tha tát lỗ bạn dạ, nộ lỗ bạn ta tuất nhĩ dã dạ tuất nhĩ dã đa, ta lỗ bạn nhất phược nhị phược phệ na nẵng tán nga nhưỡng tán ta ca ra vĩ nga nhưỡng nẵm y hạ, xả lị bổ đát ra tát ra phược đạt ma tuất nhĩ dã đa lạc khất xoa noa a nộ đa bá nẵng a ninh lỗ đà a vĩ ma ra a nộ nẵng a bá lị bổ ra noa đa ta mỗi xả lí bổ đát ra tuất nhĩ dã, da diễm nẵng lỗ bạn nẵng phệ na nẵng nẵng tán nga nhưỡng, nẵng tán ta ca ra, nẵng vĩ nga nhưỡng nẵm nẵng chiết khất sô tuất lỗ đát ra ca ra noa tỷ nhĩ hạ phược ca dã ma nẵng lực nẵng lỗ bạn nhiếp na sản đà ra ta ta bá ra sắt tra vĩ dã, đạt ma nẵng chiết sô đà đô lị dã phược nẵng ma nộ vĩ nga nhưỡng nga nẵm đà đô nẵng vĩ nhĩ dã nẵng vĩ nhĩ dã nẵng vĩ nhĩ dã khất xoa dụ nẵng, vĩ nhĩ dã khất xoa dụ.

Dã phược nha ra mạ ra nẵm nẵng nha ra ma ra noa khất xoa dụ nẵng nhục như ta mẫn na dã ninh lỗ đà ma nga nhưỡng, nẵng nga nhưỡng nẵm nẵng bát ra tỳ để, nẵng tỷ ta ma đa ta mỗi vô na bát ra tỳ phủ đát phược mao địa ta đát phược nẵm bát ra nga nhưỡng bá ra nhị ma thất lị để dã vĩ hạ ra để dã chỉ đa phược ra noa vĩ nhĩ dã khất xoa dụ nẵng vĩ nhĩ dã, khất xoa dụ dã phược nhạ ra ma ra nẵm, nẵng nha ra ma, ma ra noa khất xoa dụ, nẵng nhục như ta mỗi na dã, ninh lỗ đà ma lị nga nhưỡng, nẵng nga nhưỡng nẵm, nẵng bát ra tỳ để nẵng tỷ ta ma đa ta mỗi na, bát ra tỳ để, đát phược mao địa ta đát phược nẵm bát ra nga nhưỡng bá ra nhị đa ma thất lị để dã

vĩ hạ, ra để dã, chỉ đa phược ra noa chỉ đa ra noa.

Nẵng tất để đát phược na hoàng lí tố đô vĩ bá lí dã ta để già lan đa ninh sắt tra ninh lí dã phược nẫm để lị dã đà phược vĩ dã phược tất thể đa ta phược một đà bát ra nga nhưỡng, bá ra nhị đa ma thất lị để thế nậu đa lan sam mạo thế sam một địa ma tỷ sam một đà đa ta mỗi nga ngưỡng đa vĩ diễn bát ra nga nhưỡng, bá ra nhị đa ma hạ mãn đát lỗ ma hạ vĩ nhĩ dã, mãn đát ra a nậu đa ra mãn đát ra ta ma ta để mãn.

Đát ra tát phược nhục khư bát ra xả nẵng ta để dã ma nhị thế lị dã đát phược bát ra nga nhưỡng bá ra nhị đa, mục ngật hậu mãn đát ra đát nhĩ tha nga đế đế đế bá ra nga đế bát ra tăng nga đế mao địa ta phược hạ.

-oOo-

SỐ 257

KINH THÁNH PHẬT MẪU BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

Hán dịch: Đại sư Thi Hộ.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Thế Tôn ở trong núi Thứu phong, thuộc thành Vương xá, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo và chúng Đại Bồ-tát vây quanh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhập Tam-ma-địa Thậm thâm quang minh tuyên thuyết Chánh pháp. Khi ấy trong hội của Đức Phật, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại đã tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm sâu, quán thấy tự tánh của năm uẩn là không.

Khi ấy nương oai thần của Phật, Tôn giả Xá-lợi-phất đến trước Đại Bồ-tát Quán Tự Tại thưa:

–Nếu thiện nam, thiện nữ ưa thích tu học pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm sâu này thì nên học như thế nào?

Đại Bồ-tát Quán Tự Tại nói với Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Ông hãy lắng nghe cho thật kỹ. Vì ông, tôi sẽ giảng nói:

Nếu có thiện nam, thiện nữ ưa thích học pháp môn Bát-nhã ba-la-mật-đa này thì nên quán tự tánh của năm uẩn là không. Sao gọi là tự tánh của năm uẩn đều không? Nghĩa là sắc chính là không, không chính là sắc. Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.

Này Xá-lợi Tử! Tướng không như thế của tất cả pháp, không sinh không diệt, không cấu nhiễm, không thanh tịnh, không tăng trưởng, không tổn giảm.

Này Xá-lợi Tử! Cho nên trong không không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; không có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, không có nhãn giới, không có nhãn thức giới, cho đến không có ý giới, không có ý thức giới; không có vô minh, không

có sự tận diệt của vô minh, cho đến không có già chết, cũng không có sự tận diệt của già chết; không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo, không có trí, không có đắc, cũng không không đắc.

Này Xá-lợi Tử! Do không đắc ấy, Đại Bồ-tát nương vào hạnh tương ưng Bát-nhã ba-la-mật-đa nên tâm không vướng mắc, cũng không chướng ngại. Do không vướng mắc và không chướng ngại nên không sợ sệt, xa lìa tất cả điên đảo vọng tưởng chứng viên tịch cứu cánh.

Tất cả chư Phật trong ba đời đều nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa này mà chứng đắc Bồ-đề Vô thượng.

Cho nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa này là chú rất sáng, là chú sáng vô thượng, là chú không gì bằng, có năng lực diệt trừ tất cả khổ não, đó là pháp chân thật không hư vọng. Những ai tu học thì nên học như vậy. Tôi tuyên nói chú Đại minh của Bát-nhã ba-la-mật-đa:

"Đát ninh tha, án nga đế nga đế, phan ra nga đế, phan ra tăng nga đế mạo đề sa hạ."

Này Xá-lợi Tử! Các Đại Bồ-tát nào nếu tụng câu chú minh của Bát-nhã ba-la-mật-đa này tức là tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm sâu.

Khi ấy, Đức Thế Tôn an tường ra khỏi định, khen ngợi Đại Bồ-tát Quán Tự Tại:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam, đúng như lời ông đã nói. Đúng vậy, đúng vậy! Học Bát-nhã ba-la-mật-đa nên học như vậy. Đó là cứu cánh vô thượng chân thật, tất cả Đức Như Lai đều tùy hỷ.

Đức Phật nói kinh này xong, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại và các Tỳ-kheo cho đến tất cả Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà... trong thế gian, nghe Phật nói đều rất hoan hỷ và tín thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 258

KINH PHẬT THUYẾT THÁNH PHẬT MẪU TIỂU TỰ BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

Hán dịch: Sa-môn Thiên Tức Tai.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Thế Tôn ở trong núi Thứu phong, thuộc thành Vương xá, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo và các trăm ngàn ức na-do-đa Bồ-tát. Lại có trăm ngàn ức triệu đại chúng Phạm vương, Đế Thích, Hộ thế cung kính vây quanh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ngồi kiết già trên tòa Sư tử Kiết tường bảo tạng. Khi ấy, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại đứng dậy, trịch áo bày vai phải, gối phải sát đất, chiêm ngưỡng Thế Tôn mắt không rời, chắp tay cung kính, vui mừng phấn khởi lễ lạy sát hai chân Thế Tôn, thưa:

Bạch Thế Tôn! Cúi xin Đức Thế Tôn nói cho con về kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa tóm lược để các chúng sinh nghe pháp này mà đạt được phước đức lớn, tất cả nghiệp chướng chắc chắn tiêu trừ, đời đương lai sẽ đắc Bồ-đề Vô thượng. Nếu có chúng sinh phát tâm chí thành thọ trì đọc tụng chân ngôn này thì chắn chắn thành tựu sự mong cầu theo ý muốn, không có các tai nạn về ma.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại:

–Lành thay, ông nói rất hay! Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Ông chí tâm như vậy là làm cho các chúng sinh được an lạc sống lâu.

Này thiện nam! Ông nên lắng nghe cho thật kỹ, chí tâm mà nghe ta nói kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa tóm lược. Nếu chúng sinh nghe nói pháp này sẽ đạt được phước đức lớn, tất cả nghiệp chướng đều tiêu trừ, chắc chắn mau chứng đắc Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. Nếu có chúng sinh phát tâm thọ trì chân ngôn này thì không còn các ma sự, tất cả đều được thành tựu.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bạch Thiện Thệ! Nay nói kinh này cho các chúng sinh khiến họ an lạc.

Bấy giờ, trong nhất thời, Đức Thế Tôn nhập vào Tam-ma-địa tên Giải thoát nhất thiết chúng sinh. Khi ra khỏi định, tướng lông trắng giữa chặng mày của Đức Phật phóng trăm ngàn ức triệu ánh sáng. Ánh sáng lớn này chiếu khắp tất cả cõi chư Phật. Tất cả chúng sinh nhờ ánh sáng rực rỡ ấy, chắc chắn mau chứng Bồ-đề Vô thượng. Tất cả chúng sinh ở địa ngục đều đạt được an lạc và các cõi Phật chấn động sáu cách. Phía trên chư Phật lại rải bột hương chiên-đàn, trầm thủy để cúng dường.

Đức Thế Tôn nói kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa này thì khi ấy tất cả Đại Bồ-tát đều phát tâm bình đẳng, phát tâm thương yêu, phát tâm nhớ nghĩ làm lợi ích cho người, phát tâm mau xa lìa tất cả tội chướng, phát tâm làm đủ các loại lợi ích, phát tâm Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lúc đó, Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại:

–Các ông hãy lắng nghe thật kỹ. Vì các ông, ta sẽ nói chân ngôn Thánh Phật Mẫu Tiểu Tự Bát-nhã ba-la-mật-đa:

"Nẵng mồ xá kết dã, mẫu nẵng duệ đát tha, nga đa dã lật yết, đế tam ma dược ngật tam một đà dã, đát nhĩ dã tha mẫu ninh mẫu ninh ma hạ mẫu nẵng duệ sa phược hạ."

Đức Phật nói với Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại:

–Chân ngôn của Thánh Phật Mẫu Tiểu Tự Bát-nhã ba-la-mật-đa này tất cả chư Phật nhờ vào đây mà chứng đắc Bồ-đề Vô thượng. Ta cũng nhờ chân ngôn của Tiểu Tự Bát-nhã ba-la-mật-đa này mà chứng thành Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Thuở xưa có Đức Phật cũng hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, được nghe Đức Phật ấy nói pháp này. Đức Phật ấy nói, tất cả chư Phật ở ba đời như vậy, nhờ pháp này mới được thành Phật.

Đức Phật lại bảo Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại:

–Nay ta thọ ký cho ông, ở trong nhân gian đời vị lai ông được thành Phật đạo, hiệu là Phổ Phóng Quang Minh Cát Tường Bảo Phong Vương Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Ông được nghe pháp vi diệu như vậy nên thọ trì đọc tụng, tự mình ghi chép, hoặc bảo người khác ghi chép, tư duy hiểu rõ. Lại vì tất cả chúng sinh mà giảng nói ý nghĩa khiến họ ghi chép kinh ấy. Với ai, ngay nhà ở của chính mình mà thọ trì, đọc tụng thì đời vị lai mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Lúc đó, tất cả Đức Như Lai đều làm chứng cho các ông. Hôm nay, vì ông ta lại nói Đà-la-ni của Bát-nhã ba-la-mật-đa:

"Đát nhĩ dã tha án nhạ dã nhạ dã bát nạp ma tích át phược minh tát ra tát lí nê vĩ lý vĩ lý vĩ ra vĩ lý, xã lý xã lý nhĩ phược đa, nỗ bá ra kiết một độ đa ra ni bố ra ni, bố ra dã, bà nga phược, đế tát lật phược, thương ma ma bố

ra dã, tát lật phược tát đát phược, tát lật phược, phược lật ma, phược ra nỗ kết vĩ tuất đà dã, vĩ tuất đà dã một đà địa sắt sá, ninh nẵng sa phược hạ."

Đức Phật dạy Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại:

–Đà-la-ni của Bát-nhã ba-la-mật-đa này là diệu pháp thù thắng, là mẹ sinh ra tất cả chư Phật, Bồ-tát. Nếu có chúng sinh vừa nghe pháp này thì tất cả tội chướng đã phạm đều tiêu trừ. Tất cả chư Phật, chúng Bồ-tát trải qua trăm kiếp nói công đức của nó không thể nào hết. Nếu ai thọ trì, đọc tụng Đà-la-ni này thì đồng thể nhập trong tất cả Mạn-trà-la, được nhận quán đảnh. Nếu ai thọ trì tất cả chân ngôn đều được thành tựu.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao lại nói Đà-la-ni của Bát-nhã ba-la-mật-đa này?

Thế Tôn nói:

–Vì thương yêu tất cả chúng sinh biếng nhác, ít phương tiện tốt nên nói Đà-la-ni của Bát-nhã ba-la-mật-đa này để họ thọ trì đọc tụng. Nếu ai tự mình ghi chép, hoặc bảo người khác ghi chép thì tất cả những người này sẽ mau chóng chứng đắc Bồ-đề Vô thượng. Thế Tôn đã nói đầy đủ về Đà-la-ni của Bát-nhã ba-la-mật ấy.

Lúc đó, Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp này thật chưa từng có! Bạch Thế Tôn! Pháp này thật chưa từng có! Bạch Thiện Thệ! Thế Tôn Đại Từ, vì muốn cứu độ cho tất cả chúng sinh biếng nhác, ít phương tiện tốt để họ được lợi ích an lạc mà giảng nói pháp vi diệu như vậy!

Sau khi Đức Phật nói kinh này, các đại Thanh văn, các Đại Bồ-tát... tất cả Trời, Người, A-tu-la, Ngàn-đạt-phược... trong thế gian nghe Phật nói như vậy rất vui mừng, tin thọ phụng hành rồi làm lễ lui ra.

-oOo-

SỐ 259

KINH BỒ-TÁT QUÁN TƯỞNG PHẬT MẪU BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

Hán dịch: Đại sư Thiên Tức Tai.

Chân ngôn Quán đảnh:

"Án, nẵng mồ xá kết dã, mẫu nẵng duệ, đát tha nga đa dã ra hạ, đế tam miệu tam một đà dã."

Tụng chân ngôn này bảy biến, để tay quán đảnh trên đầu và chạm khắp thân mình, sau đó chí tâm nhớ nghĩ, làm theo quán hành của Bồ-tát Phật Mẫu Bát-nhã ba-la-mật-đa. Quán tưởng Bồ-tát ấy có ba mặt, ba mắt, thân màu vàng ròng, ngồi tên tòa Sư tử Kiết tường tạng. Tòa sen vàng ròng ngàn cánh.

Thân Bồ-tát có sáu cánh tay gồm:

Ba cánh tay bên phải: Cánh tay thứ nhất cầm xâu chuỗi hạt, cánh tay thứ hai cầm mũi tên, cánh tay thứ ba biểu hiện tướng thí nguyện.

Ba cánh tay bên trái: Cánh tay thứ nhất cầm kinh, cánh tay thứ hai cầm cung, cánh tay thứ ba cầm bảo châu như ý.

Sáu cánh tay như vậy trang nghiêm đủ loại. Ở trên thân Bồ-tát phóng vô số trăm ngàn ức triệu ánh sáng, chiếu khắp tất cả thế giới.

Lại quán tưởng tất cả Đức Như Lai và tất cả Bồ-tát; Bồ-tát Đa-la.... Thân trang nghiêm đầy đủ tướng hảo, đem các hoa hương đích thân cúng dường.

Quán tưởng như vậy, lại niệm chân ngôn:

"Án, nẵng mồ xá kết dã, mẫu nẵng duệ đát tha nga đa dã, ra hạ đế tam miệu tam một đà dã, đát nhĩ dã tha, án mẫu nhĩ, mẫu nhĩ ma hạ duệ bà phược hạ."

Lại tụng chân ngôn căn bản:

"Đát nhĩ dã tha, án nhạ duệ bát nạp ma, tỷ a phược nhĩ a phược nhĩ, sa ra sa la ni địa lý địa lý, ra địa lý địa ra, địa lý nhĩ phược đa, nỗ ba la nhĩ một độ da ra ni bố ra dã bà nga phược để tát lý phược, xá ma ma ba lý bố

ra dã sa bà lý phược ra tả tát lý phược, tát đát xoa tả tát lý phược ca lý ma phược ra noa nhĩ vĩ du đà dã vĩ du đà dã một đà, địa sắt tra, nhĩ nẵng sa phược hạ."

Tụng chân ngôn này xong, lại hành quán tưởng: Tưởng bên phải của Bồ-tát Phật Mẫu Bát-nhã ba-la-mật-đa kia có Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni, Thế Tôn Nhiên Đăng, Thế Tôn Vô Lượng Thọ, Thế Tôn Trí Quyết Định, Thế Tôn Quang Minh Vương, Thế Tôn Điện Thanh Khổng Âm, Thế Tôn Kim Hoa, Thế Tôn Tán Hoa. Ở bên trái Bồ-tát có Thế Tôn Tỳ-bà-thi, Thế Tôn Yết-câu-phú-na, Thế Tôn Ca-nhã-ca Mâu-ni, Thế Tôn Ca-diếp, Thế Tôn Bảo Thủ. Ở phía trước mặt Bồ-tát có Thế Tôn Đại Biến Chiếu, Thế Tôn Bảo Sinh, Thế Tôn A-di-đà, Thế Tôn Bất Không Thành Tựu, Thế Tôn A-súc. Ở phía sau Bồ-tát có Thế Tôn Tối Thượng Liên Hoa, Thế Tôn Tối Thượng Bảo, Thế Tôn Hỷ Cát Tường, Thế Tôn Lưu Ly Quang, Thế Tôn Bất Tư Nghì Cát Tường. Ở trước Bồ-tát có Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại, Bồ-tát Từ Thị, Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Diệu Cát Tường, Bồ-tát Quy Mạng, Bồ-tát Bất Tư Nghì Cát Tường Thanh, Bồ-tát Kim Cang Thủ, Bồ-tát Vô Tận Ý, Bồ-tát Biện Tích, Bồ-tát Vô Biên Biện, Bồ-tát Hư Không Tạng, Bồ-tát Vô Cấu Xứng, Bồ-tát Tự Tại Hành, Bồ-tát Pháp Sinh, Bồ-tát Thường Đế, Bồ-tát Nguyệt Quang, Bồ-tát Pháp Vân, Bồ-tát Địa Tạng, Bồ-tát Bảo Tạng, Bồ-tát Bảo Tràng, Bồ-tát Thi-khí, Bồ-tát Hương Tượng, Bồ-tát Kim-tỳ-la.

Tất cả Đại Bồ-tát như vậy có mặt khắp cả cõi Phật.

Lại có Bích Mỵ Minh vương... cũng ở trước Bồ-tát.

Quán tưởng mỗi Thánh chúng như vậy xong, lại tưởng những vật dụng, trân bảo, hương hoa của trời, người trong nhân gian đem cúng dường Bồ-tát Phật Mẫu Bát-nhã ba-la-mật-đa và tất cả quyến thuộc của Bồ-tát.

Ai quán như vậy thì người ấy không bao lâu sẽ chứng thành Phật.

-oOo-

SỐ 260

KINH KHAI GIÁC TỰ TÁNH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

Hán dịch: Đời Tống, Sa-môn Duy Tịnh.

QUYỂN 1

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Thế Tôn ở trong núi Thứu phong, thuộc thành Vương xá cùng với chúng đại Bí-sô và chúng Đại Bồ-tát.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Sắc là vô tánh, giả tánh, thật tánh. Thọ, tưởng, hành, thức là vô tánh, giả tánh, thật tánh.

Này Tu-bồ-đề! Như vậy cho đến nhãn sắc, nhãn thức; nhĩ thanh, nhĩ thức; tỷ hương, tỷ thức; thiệt vị, thiệt thức; thân xúc, thân thức; ý pháp, ý thức là vô tánh, giả tánh, thật tánh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ở trong ba tánh ấy, đối với sắc không còn ngu si. Nên biết sở hành ấy là hành chân chánh của Bồ-tát. Hành như vậy thì Bồ-tát ấy mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy. Ở trong các thức, nếu Đại Bồ-tát hiểu rõ pháp vô tướng thì các khổ tự tiêu trừ, các tướng tịch tĩnh. Nên biết, sở hành như vậy là hành chân chánh của Bồ-tát. Nếu hành như vậy thì Bồ-tát ấy mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lặp lại bằng kệ:

Nếu hiểu pháp vô tướng
Thì khổ tự tiêu diệt
Các tướng đều tịch tĩnh
Là sở hành Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ở trong các sắc, tối và sáng đều bình đẳng nương tựa nhau. Bồ-tát có thể hiểu rõ một cách như thật, thể nhập điều này đối với các pháp cũng như vậy, Bồ-tát ấy mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy, ở trong các thức tối và sáng bình đẳng nương tựa nhau. Nếu Bồ-tát có thể hiểu rõ một cách như thật. Nếu hiểu rõ và thể nhập điều này thì đối với các pháp cũng vậy, Bồ-tát ấy mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ, Thế Tôn lặp lại bằng kệ:

Nếu pháp sáng và tối
Tánh bình đẳng như vậy
Nương tựa và thể nhập
Biết rồi đắc Bồ-đề.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đối với các sắc, thọ, tưởng, hành, thức chuyển đổi ba tánh, nếu người có trí hiểu rõ một cách như thật thì ở trong thức không chấp thủ, cũng không hiện chuyển, tâm vị ấy khai sáng. Đối với thức, vị ấy không chấp thủ, tâm đã khai sáng rồi thì ở trong pháp Đại thừa có thể xuất ly, huống chi ở trong pháp Thanh văn, Duyên giác. Lại do không chấp thủ, tâm khai sáng như vậy nên mãi mãi không bao giờ sinh trong các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời, chịu khổ sinh tử.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Sắc sinh hay sắc diệt? Nếu nói sắc có sinh tức là sắc ấy không sinh. Nếu nói sắc không sinh tức là sắc ấy tự tánh không sinh. Nếu Bồ-tát hiểu rõ một cách như thật thì sắc ấy tự tánh không sinh, cho nên đối với sắc không sinh mà có thể có.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Thức sinh hay thức diệt? Nếu nói thức có sinh thì thức ấy là không sinh. Nếu nói thức không sinh là thức ấy tự tánh không sinh. Nếu Bồ-tát hiểu rõ một cách như thật thì thức ấy tức là tự tánh không sinh, cho nên đối với thức không sinh mà có thể có.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: "Sắc là ngã, là ngã sở", nói như vậy thì ta nói người ấy là kẻ ngoại đạo trong ngoại đạo, là thành phần phàm phu ngu si tà kiến.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: "Thọ, tưởng, hành thức là ngã, là ngã sở", nói như vậy thì ta nói người ấy là kẻ ngoại đạo trong ngoại đạo, là thành phần phàm phu ngu si tà kiến.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: "Sắc là do đời trước tạo thành, hoặc do Đại Tự tại thiên hóa thành, hoặc không có nhân duyên", nói như vậy thì ta nói rằng người ấy là kẻ ngoại đạo trong ngoại đạo, là thành phần phàm phu ngu si, tà kiến.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: "Thọ, tưởng, hành, thức là do đời trước tạo thành, hoặc do Đại Tự tại thiên hóa thành, hoặc không có nhân

duyên", nói như vậy thì ta nói rằng người ấy là kẻ ngoại đạo trong ngoại đạo, là thành phần phàm phu ngu si, tà kiến.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: "Sắc lấy sắc tượng làm tướng; thọ lấy sự lãnh nạp làm tướng, tưởng lấy biến tri làm tướng, hành lấy tạo tác làm tướng, thức lấy sự phân biệt làm tướng", nói như vậy, ta nói rằng người ấy là kẻ ngoại đạo trong ngoại đạo, là thành phần phàm phu ngu si, tà kiến.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói rằng: "Khổ không có tịch tĩnh. Nếu sắc ấy diệt thì lạc này tịch tĩnh", nói như vậy, ta nói rằng người ấy là kẻ ngoại đạo trong ngoại đạo, là thành phần phàm phu ngu si, tà kiến.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói rằng: "Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy, khổ không có tịch tĩnh, nếu thứ ấy diệt thì lạc này tịch tĩnh", nói như vậy, thì ta nói rằng người ấy là kẻ ngoại đạo trong ngoại đạo, là thành phần phàm phu ngu si, tà kiến.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: "Sắc ấy không có; thọ, tưởng, hành, thức cũng không có", nói như vậy, thì ta nói rằng người ấy là kẻ ngoại đạo trong ngoại đạo, là thành phần phàm phu ngu si, tà kiến.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: "Như lời Phật đã nói: Sắc không có tự tánh, không sinh không diệt, xưa nay tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn", nói như vậy nên đối với tất cả pháp vị ấy không hòa hợp, cũng không ưa thích, theo lời nói ấy mà hiểu biết, thì ta nói rằng người ấy là kẻ ngoại đạo trong ngoại đạo, là thành phần phàm phu ngu si, tà kiến.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: "Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy, theo lời Phật đã nói thì chúng đều không có tự tánh, không sinh không diệt, xưa nay tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn", nói như vậy nên đối với tất cả pháp vị ấy không hòa hợp, cũng không ưa thích, theo lời nói ấy mà hiểu biết, thì ta nói rằng người ấy là kẻ ngoại đạo trong ngoại đạo, là thành phần phàm phu ngu si, tà kiến.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lại có người nói: "Nếu có người cho rằng sắc là có, rồi chấp trước vào sắc có sự sinh khởi, rồi theo ngôn thuyết mà chuyển. Lại có người chấp sắc là có, liền đối với sắc ấy, nương tựa tạp nhiễm mà có tướng tùy chuyển." Lại có người chấp sắc là có liền đối với sắc ấy tu tập tịnh pháp, thành lập tùy chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Lại có người cho rằng: Thức là có, rồi chấp trước vào thức nên có sự sinh khởi, theo ngôn thuyết mà chuyển. Lại có người chấp: "Thức là có, tức là với thức ấy nương tựa tạp nhiễm mà có tướng tùy chuyển." Lại cho rằng: Thức là có

liền đối với thức ấy tu tập tịnh pháp, thành lập tùy chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Hoặc có các Bồ-tát chấp: sắc là có, đối với sắc ấy có đoán có biết, đối với việc làm quá ưa thích thì nói năng trở nên thông suốt, rồi theo đối tượng mà chuyển. Lại có các Bồ-tát chấp sắc là có, rồi đối với sắc ấy có đoán có biết, biểu hiện đầy đủ theo đối tượng mà chuyển. Lại có các Bồ-tát chấp sắc là có, đối với sắc ấy hiểu rõ đầy đủ bạch pháp, nói rằng đối với các pháp đã đạt được tự tại, đối với việc làm quá ưa thích thì có khả năng tùy chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Hoặc có các Bồ-tát chấp thọ, tưởng, hành, thức là có, đối với thức ấy có đoán có biết, đối với việc làm quá ưa thích thì sự nói năng trở nên thông suốt. Lại có các Bồ-tát chấp thức là có, đối với thức ấy có đoạn có biết, biểu hiện đầy đủ theo đối tượng mà chuyển. Lại có các Bồ-tát chấp thức là có, đối với thức ấy hiểu rõ đầy đủ bạch pháp, nói rằng: "Đối với các pháp đã đạt được tự tại, đối với việc làm quá ưa thích có khả năng tùy chuyển."

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người đối với sắc trong sắc có phần lượng, đến với khổ trong khổ, có phần lượng thì không thể như thật quán sát bình đẳng, tức là ngã trong sắc có sở đắc, nếu ngã trong sắc có sở đắc thì ngã kiến trong sắc có sở đắc. Nếu "ngã kiến" trong sắc có sở đắc thì "chúng sinh kiến" trong sắc có sở đắc. Nếu "chúng sinh kiến" trong sắc có sở đắc thì chúng sinh trong sắc không có sở đắc. Khi "chúng sinh kiến" ấy trong sắc không có sở đắc thì chúng sinh ấy cũng không có sở đắc. Nếu đối với sắc pháp, ai có tướng sở đắc có thể thành lập thì tướng có sở đắc, có chỗ nương tựa. Cho nên trong Thanh văn, Duyên giác thừa vị ấy không thể xuất ly, huống chi là Đại thừa.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nếu có người đối với thức trong thức có phần lượng, đối với khổ trong khổ có phần lượng không thể như thật quán sát bình đẳng thì ngã trong thức có sở đắc. Nếu ngã trong thức có sở đắc tức là ngã kiến trong thức có sở đắc. Nếu ngã kiến trong thức có sở đắc thì "chúng sinh kiến" trong thức có sở đắc. Nếu "chúng sinh kiến" trong thức có sở đắc thì "chúng sinh kiến" ấy ở trong thức không có sở đắc. Khi "chúng sinh kiến" ấy trong thức không có sở đắc tức là chúng sinh ấy cũng không có sở đắc. Nếu đối với pháp mà có tướng sở đắc có thể thành lập tức là có tướng sở đắc có chỗ nương tựa. Cho nên trong Thanh văn, Duyên giác thừa còn không thể xuất ly, huống chi là Đại thừa.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người đối với sắc trong sắc có phần

lượng, đối với khổ trong khổ có phần lượng, nhưng có như thật quán sát bình đẳng, tức là ngã ở trong sắc không có sở đắc. Nếu ngã trong sắc không có sở đắc thì "ngã kiến" trong sắc không có sở đắc. Nếu "ngã kiến" trong sắc không có sở đắc thì "chúng sinh kiến" trong sắc không có sở đắc. Nếu "chúng sinh kiến" trong sắc không có sở đắc tức là "chúng sinh kiến" ấy trong sắc có sở đắc. Khi "chúng sinh kiến" ấy trong sắc có sở đắc thì chúng sinh ấy cũng có sở đắc. Nếu với pháp mà có tướng sở đắc có thể thành lập thì có tướng sở đắc, có chỗ nương tựa. Cho nên ở trong Thanh văn, Duyên giác thừa còn không thể xuất ly, huống chi là Đại thừa.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu có người đối với thức trong thức có phần lượng, đối với khổ trong khổ có phần lượng, quán sát bình đẳng, tức là ngã trong thức không có sở đắc. Nếu ngã trong thức không có sở đắc thì "ngã kiến" trong thức không có sở đắc. Nếu "ngã kiến" trong thức không có sở đắc thì "chúng sinh kiến" trong thức không có sở đắc. Nếu "chúng sinh kiến" trong thức không có sở đắc tức là "chúng sinh kiến" ấy ở trong thức có sở đắc. Nếu "chúng sinh kiến" ấy trong thức có sở đắc thì chúng sinh ấy cũng có sở đắc. Nếu với pháp có tướng sở đắc có thể thành lập thì tướng sở đắc có nơi nương tựa. Cho nên ở trong Thanh văn, Duyên giác thừa không thể xuất ly, huống chi Đại thừa.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu người nào đối với sắc mà không thể như thật quán sát bình đẳng, không như thật phân biệt phần lượng và phân vân về phần lượng thì sắc trong sắc có sở đắc. Khi sắc trong sắc có sở đắc thì "sắc kiến" trong sắc có sở đắc. Nếu "sắc kiến" trong sắc có sở đắc thì "chúng sinh kiến" trong sắc có sở đắc. Nếu "chúng sinh kiến" trong sắc có sở đắc thì tất cả trong sắc có sở đắc. Khi tất cả có sở đắc tức là tất cả không có sở đắc. Nếu với pháp mà có tướng sở đắc có thể thành lập thì có tướng sở đắc có chỗ nương tựa. Cho nên ở trong Thanh văn, Duyên giác thừa, vị ấy còn không thể xuất ly, huống gì Đại thừa.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người ở trong thọ, tưởng, hành, thức mà không thể như thật quán sát bình đẳng, không như thật phân biệt về phần lượng và phân vân về phần lượng tức là thức trong thức có sở đắc. Nếu thức trong thức có sở đắc thì "thức kiến" trong thức có sở đắc. Nếu "thức kiến" trong thức có sở đắc thì chúng sinh trong thức có sở đắc. Nếu chúng sinh trong thức có sở đắc tức là tất cả trong thức có sở đắc. Khi tất cả trong thức có sở đắc tức là tất cả không có sở đắc. Nếu với pháp, mà có tướng sở đắc có thể thành lập thì có tướng sở đắc và có chỗ nương tựa. Cho nên ở trong Thanh văn, Duyên giác thừa vị ấy không xuất ly, huống chi Đại thừa.

-oOo-

KINH KHAI GIÁC TỰ TÁNH
BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 2

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người đối với tất cả sắc mà không thật phân biệt về phần lượng và phân vân về phần lượng, có thể như thật quán sát bình đẳng thì sắc trong sắc không có sở đắc. Nếu khi sắc trong sắc mà không có sở đắc, tức là sắc kiến trong sắc không có sở đắc. Nếu sắc kiến trong sắc không có sở đắc thì chúng sinh trong sắc không có sở đắc. Nếu chúng sinh trong sắc không có sở đắc thì tất cả trong sắc không có sở đắc. Khi tất cả trong sắc không có sở đắc tức là tất cả có sở đắc. Nếu đối với pháp có tướng sở đắc có thể thành lập thì có tướng sở đắc và có chỗ nương tựa. Cho nên ở trong pháp Đại thừa vị ấy không thể xuất ly, huống gì trong pháp Thanh văn, Duyên giác thừa.

Này Tu-bồ-đề! Nếu người nào đối với thọ, tưởng, hành, thức mà không thật phân biệt về phần lượng và phân vân về phần lượng, có thể như thật quán sát bình đẳng thì thức trong thức không có sở đắc. Khi thức trong thức không có sở đắc thì cái thấy của thức trong thức không có sở đắc. Nếu cái thấy của thức trong thức không có sở đắc thì chúng sinh trong thức không có sở đắc. Nếu chúng sinh trong thức không có sở đắc thì tất cả trong thức đều không sở đắc. Nếu khi tất cả trong thức không có sở đắc thì tất cả có sở đắc. Nếu với pháp, thành lập tướng có sở đắc thì có tướng sở đắc và có nơi nương tựa. Cho nên ở trong pháp Đại thừa vị ấy không thể xuất ly, huống gì trong pháp Thanh văn, Duyên giác thừa.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát ở trong các sắc mà theo ngôn thuyết tức là sinh chấp trước, có tác dụng mà thành. Ai hành như vậy là hành hữu thân kiến, cũng hành hữu ái. Nếu lìa hữu tìm cầu mà có sở hành thì ở trong sắc không biết rõ tướng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu ở trong các thức mà Bồ-tát theo ngôn thuyết tức là sinh chấp trước, có tác dụng mà hành. Ai hành như vậy là hành hữu thân kiến, cũng hành hữu ái. Nếu lìa tầm tìm cầu mà có sở hành thì trong thức không biết rõ tướng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu ở trong các sắc, Bồ-tát theo ngôn thuyết mà không sinh chấp trước, không tác dụng mà hành là không hành hữu thân kiến, cũng không hành hữu ái. Nếu lìa hữu tầm cầu, cũng không có sở hành, thì ở trong sắc biết rõ hoàn toàn về tướng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu ở trong các thức, Bồ-tát theo ngôn thuyết mà không có chấp trước, không tác dụng mà hành là không hành hữu thân kiến, cũng không hành hữu ái. Nếu lìa hữu tầm cầu cũng không có sở hành thì ở trong thức hoàn toàn biết rõ về tướng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ở trong các sắc, nếu Đại Bồ-tát có đầy đủ ba duyên chủng tử của tâm để giữ gìn thì đó là pháp thanh tịnh. Những gì là ba? Một là chủng tử tâm tín giải; hai là chủng tử tâm nhàm chán; ba là chủng tử tâm không hoại.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Ở trong các thức, nếu Đại Bồ-tát có đầy đủ ba duyên chủng tử của tâm để nhiếp thọ thì là pháp thanh tịnh. Những gì là ba? Một là chủng tử tâm tín giải; hai là chủng tử tâm nhàm chán; ba là chủng tử tâm không hoại.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ở trong các sắc, Đại Bồ-tát nên phát sinh ba loại tâm. Ba loại tâm đó là gì? Một là tâm không chấp thủ; hai là tâm không hòa hợp; ba là tâm thanh tịnh.

Cho nên, này Tu-bồ-đề! Ở trong sắc ấy, Đại Bồ-tát nếu tâm có sinh hay tâm không sinh, đại sinh, bình đẳng sinh đều nên như thật quán sát bình đẳng. Do quán sát bình đẳng như vậy nên Đại Bồ-tát ấy mau chứng quả Vô thượng Bồ-đề.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy; ở trong các thức, Đại Bồ-tát cần phải phát ba loại tâm. Ba loại tâm ấy là gì? Một là tâm không chấp thủ; hai là tâm không hòa hợp; ba là tâm thanh tịnh.

Cho nên, này Tu-bồ-đề! Ở trong thức ấy, Đại Bồ-tát nếu tâm có sinh hay tâm không sinh, đại sinh, bình đẳng sinh đều nên như thật quán sát bình đẳng. Do quán sát bình đẳng như vậy nên Đại Bồ-tát ấy mau chứng quả Vô thượng Bồ-đề.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ở trong các sắc, nếu Đại Bồ-tát thấy có, thấy không, thì nên biết Bồ-tát ấy không thật sự hiểu biết.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Ở trong các thức nếu Đại Bồ-tát thấy có, thấy không thì nên biết Bồ-tát ấy không thật sự hiểu biết.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát khởi tâm muốn trụ trong cảnh giới bình đẳng mà khi đối với sắc, tâm vị ấy cầu giải thoát thì ở trong sắc,

tâm vị ấy đã lay động, mà có động là động khắp. Do vậy nên biết, Bồ-tát ấy khó được giải thoát.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu Đại Bồ-tát khởi tâm muốn trụ trong cảnh giới bình đẳng mà khi với thức, tâm vị ấy cầu giải thoát thì trong các thức, tâm vị ấy lay động, mà có động là động khắp. Do vậy nên biết, Bồ-tát này khó được giải thoát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát khởi tâm muốn trụ trong cảnh giới bình đẳng mà đối với sắc, tâm vị ấy cầu giải thoát, không trói buộc trong sắc, không phải không trói buộc, thì nên biết nhờ vậy mà Bồ-tát này hoàn toàn được giải thoát.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu Đại Bồ-tát có tâm muốn trụ trong cảnh giới bình đẳng thì với thức, tâm vị ấy cầu giải thoát. Nếu ở trong thức, tâm không chấp trước, không phải không chấp trước thì nên biết rằng Bồ-tát này hoàn toàn được giải thoát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát ở trong các sắc hiểu rõ pháp vô tướng thì khổ tự tiêu trừ, các tướng tịch tĩnh. Như hàng phàm phu vì không như thật hiểu biết về sắc, nên đối với sắc sinh chấp trước, bị lay chuyển che lấp. Do vị ấy đối với sắc có tâm chấp trước, bị lay chuyển che lấp nên trong Thanh văn, Duyên giác thừa còn không thể xuất ly, huống chi Đại thừa. Vì do chấp trước che lấp như vậy nên luôn luôn ở trong các nẻo địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người dài lâu, chịu khổ sinh tử, luân hồi vô cùng tận.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy, cho đến nhãn sắc, nhãn thức; nhĩ thanh, nhĩ thức; tỷ hương, tỷ thức; thiệt vị, thiệt thức; thân xúc, thân thức; ý pháp, ý thức cũng đều là vô tánh, giả tánh, thật tánh.

Này Tu-bồ-đề! Ý thức chuyển ba tánh như vậy, hàng phàm phu dị sinh không thể như thật hiểu rõ về thức, nên ở trong thức mà sinh chấp trước, bị lay chuyển che lấp. Với thức, vì vị ấy sinh tâm chấp trước, bị lay chuyển, bị che lấp nên ngay trong Thanh văn, Duyên giác thừa còn không thể xuất ly, huống chi Đại thừa. Do chấp trước, bị che lấp như vậy nên ở trong các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người dài lâu, chịu khổ sinh tử, luân hồi không cùng tận.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Sắc chuyển trong ba tánh như vậy; nếu người có trí biểu biết như thật thì đối với sắc không có chấp trước, cũng không lay chuyển, tâm vị ấy sáng tỏ. Do vị ấy không chấp trước sắc, tâm được sáng tỏ nên trong pháp Đại thừa còn có thể xuất ly, huống chi trong Thanh văn, Duyên giác thừa. Do không có chấp trước, tâm sáng tỏ như vậy, nên

không bao giờ ở trong các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người để chịu khổ sinh tử. Trong khi tìm cầu sắc không có sở đắc thì tất cả sắc hoàn toàn không hiện hữu. Sắc đã không hiện hữu thì như thật biết rõ tánh bình đẳng của sắc pháp, Bồ-tát ấy mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu Đại Bồ-tát khi ở trong các thức mà tìm cầu không thể đắc thì tất cả thức hoàn toàn không hiện hữu. Thức đã không hiện hữu thì như thật biết rõ tánh bình đẳng của thức pháp. Bồ-tát ấy mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng kệ lặp lại:

Tìm cầu không pháp lạ
Vật cảnh không chiếu tâm
Biết rõ về pháp tánh
Tức là đắc Bồ-đề.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát ở trong sắc hoàn toàn hiểu rõ pháp vô tánh thì sắc trong sắc tu tập đầy đủ, nhưng đối với cảnh giới của sắc không bị lay động. Bồ-tát ấy mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu Đại Bồ-tát ở trong thức mà hoàn toàn hiểu rõ pháp vô tánh thì thức trong thức tu tập đầy đủ, nhưng đối với cảnh giới của pháp không bị lay động. Bồ-tát ấy mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng kệ lặp lại:

Hoàn toàn hiểu vô tánh
Tu tập đều đầy đủ
Đối pháp giới không động
Đắc được Nhất thiết trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Trong sắc không có nghĩa, không có nghĩa đại nghĩa. Đại Bồ-tát nào như thật biết rõ thì Bồ-tát ấy mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Trong thức không có nghĩa, không có nghĩa đại nghĩa. Nếu Đại Bồ-tát nào như thật biết rõ, Bồ-tát ấy mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng kệ lặp lại:

Vô nghĩa, vô cú nghĩa
Đại nghĩa cũng như vậy
Bồ-tát hiểu rốt ráo
Mau chứng quả Bồ-đề.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với các sắc, Đại Bồ-tát nên hiểu rõ năm

loại pháp tham, biết rồi thì xả bỏ. Năm pháp tham ấy là gì? Một là tham tìm cầu; hai là tham tìm cầu cùng khắp; ba là tham phân biệt; bốn là tham; năm là đại tham.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với các thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ năm loại pháp tham. Nếu biết rồi thì xả bỏ. Năm pháp tham ấy là gì? Một là tham tìm cầu; hai là tham tìm cầu cùng khắp; ba là tham phân biệt; bốn là tham; năm là đại tham.

Này Tu-bồ-đề! Đối với các sắc, nếu Đại Bồ-tát đã lìa bỏ năm pháp tham ấy rồi tức là đối với tự tánh của các sắc không có sở đắc. Khi đối với tự tánh của sắc không có sở đắc tức là sắc trong sắc cũng không có sở đắc. Khi sắc trong sắc không có sở đắc tức là sắc trong sắc có sở đắc. Nếu sắc trong sắc có sở đắc tức là sắc trong sắc ấy lại không có sở đắc. Vì vậy ở trong các sắc dù có sở đắc hay không có sở đắc thì đối với các loại sắc đều được siêu việt, tức liền giải thoát, thành tựu quả Bồ-đề vô thượng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu Đại Bồ-tát ở trong các thức lìa bỏ năm pháp tham ấy tức là đối với tự tánh của các thức không có sở đắc. Nếu khi tự tánh của thức không có sở đắc tức là thức trong thức cũng không có sở đắc. Khi thức trong thức không có sở đắc tức là thức trong thức có sở đắc. Nếu thức trong thức có sở đắc thì thức trong thức ấy không có sở đắc. Vì vậy, ở trong các thức có sở đắc hay không có sở đắc thì đối với các loại thức đều được siêu việt, liền được giải thoát, thành tựu quả Bồ-đề vô thượng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với các sắc, Đại Bồ-tát cần phải biết rõ năm loại pháp sân, biết rồi thì xả bỏ. Năm pháp sân ấy là gì? Một là sân tầm tứ; hai là sân tầm tứ cùng khắp; ba là sân tứ phân biệt; bốn là sân; năm là đại sân.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với các thức, Đại Bồ-tát cần phải biết rõ năm pháp sân. Nếu biết rồi phải xả bỏ. Năm pháp sân ấy là gì? Một là sân tầm tứ; hai là sân tầm tứ cùng khắp; ba là sân tứ phân biệt; bốn là sân; năm là đại sân.

Này Tu-bồ-đề! Đối với các sắc, nếu Đại Bồ-tát đã xa lìa năm pháp sân này tức là đối với tự tánh của các sắc không có sở đắc. Nếu khi tự tánh của sắc không có sở đắc tức là sắc trong sắc cũng không có sở đắc. Nếu khi sắc trong sắc không có sở đắc tức là sắc trong sắc có sở đắc. Nếu sắc trong sắc có sở đắc thì sắc trong sắc ấy không có sở đắc. Vì vậy ở trong các sắc có sở đắc hay không có sở đắc thì đối với các loại sắc đều được siêu việt, liền được giải thoát, thành tựu quả Bồ-đề vô thượng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy, ở trong các thức, nếu Đại Bồ-tát đã lìa bỏ năm pháp sân rồi tức là đối với tự tánh của các thức không có sở đắc. Nếu khi tự tánh của thức không có sở đắc thì thức trong thức cũng không có sở đắc. Nếu thức trong thức không có sở đắc tức là thức trong thức có sở đắc. Nếu thức trong thức có sở đắc thì thức trong thức ấy không có sở đắc. Vì vậy, nếu trong các thức có sở đắc hay không có sở đắc, đối với các loại thức đều được siêu việt, liền được giải thoát, thành tựu quả Bồ-đề vô thượng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với các sắc, Đại Bồ-tát cần phải biết rõ năm pháp si, biết rồi nên xả bỏ. Năm pháp si ấy là gì? Một là si động loạn; hai là si tướng động loạn; ba là si tướng không động loạn; bốn là si; năm là đại si.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Đối với các thức, Đại Bồ-tát cần phải biết năm pháp si, biết rồi nên lìa bỏ. Năm pháp si ấy là gì? Một là si động loạn; hai là si tướng động loạn; ba là si tướng không động loạn; bốn là si; năm là đại si.

Này Tu-bồ-đề! Đối với các sắc, nếu Đại Bồ-tát xa lìa năm pháp si này tức là đối với tự tánh của các sắc không có sở đắc. Nếu khi đối với tự tánh của sắc không có sở đắc tức là sắc trong sắc cũng không có sở đắc. Nếu khi sắc trong sắc không có sở đắc thức là sắc trong sắc có sở đắc. Nếu sắc trong sắc có sở đắc thì sắc trong sắc ấy không có sở đắc. Vì vậy ở trong các sắc nếu có sở đắc hay không có sở đắc thì đối với các loại sắc đều siêu việt, liền được giải thoát, thành tựu quả Bồ-đề vô thượng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy. Đối với các thức nếu Đại Bồ-tát lìa bỏ năm pháp si tức là đối với tự tánh của các thức không có sở đắc. Nếu khi tự tánh của thức không có sở đắc thì thức trong thức cũng không có sở đắc. Nếu khi thức trong thức không có sở đắc tức là thức trong thức có sở đắc. Nếu thức trong thức có sở đắc tức là thức trong thức ấy không có sở đắc. Vì vậy, các thức có sở đắc hay không có sở đắc đối với các loại thức đều được siêu việt, liền được giải thoát, thành tựu quả Bồ-đề vô thượng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với các sắc, Đại Bồ-tát nên biết năm pháp ngã mạn, biết rồi nên lìa bỏ. Năm pháp mạn ấy là gì? Một là mạn đa văn; hai là mạn cao thắng; ba là mạn tăng thượng; bốn là mạn; năm là đại mạn.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy, Đối với các thức, Đại Bồ-tát cần phải biết rõ năm pháp mạn, biết rồi nên lìa bỏ. Năm pháp mạn ấy là gì? Một là mạn đa văn; hai là mạn cao thắng; ba là mạn tăng

thượng; bốn là mạn; năm là đại mạn.

Này Tu-bồ-đề! Đối với các sắc, nếu Đại Bồ-tát lìa bỏ năm pháp mạn này tức là với tự tánh của các sắc không có sở đắc. Nếu khi đối với tự tánh của sắc không có sở đắc tức là sắc trong sắc không có sở đắc. Nếu khi sắc trong sắc không có sở đắc tức là sắc trong sắc có sở đắc. Nếu sắc trong sắc có sở đắc tức là sắc trong sắc ấy không có sở đắc. Vì vậy, ở trong các sắc có sở đắc hay không có sở đắc đối với các loại sắc đều được siêu việt, liền được giải thoát, thành tựu quả Bồ-đề vô thượng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với các thức, nếu Đại Bồ-tát xa lìa năm pháp mạn này rồi tức là đối với tự tánh của các thức không có sở đắc. Nếu khi đối với tự tánh của thức không có sở đắc thì thức trong thức cũng không có sở đắc. Nếu khi thức trong thức không có sở đắc tức là thức trong thức có sở đắc. Nếu thức trong thức có sở đắc tức là thức trong thức ấy không có sở đắc. Vì vậy, trong các thức có sở đắc hay không có có sở đắc đối với các loại thức đều được siêu việt, liền được giải thoát, thành tựu quả Bồ-đề vô thượng.

-oOo-

KINH KHAI GIÁC TỰ TÁNH
BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 3

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát cần phải biết rõ năm pháp kiến, biết rồi thì nên lìa bỏ. Năm pháp kiến ấy là gì? Một là kiến về tự tánh điên đảo; hai là kiến về hữu; ba là kiến về vu báng; bốn là kiến; năm là đại kiến.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy; đối với pháp thức, Đại Bồ-tát cần phải biết rõ năm pháp kiến. Nếu biết rồi thì nên lìa bỏ. Năm pháp kiến ấy là gì? Một là kiến về tự tánh điên đảo; hai là kiến về hữu; ba là kiến về vu báng; bốn là kiến; năm là đại kiến.

Này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, nếu Đại Bồ-tát có thể lìa bỏ năm pháp kiến này tức là tự tánh của các sắc không có sở đắc. Nếu khi tự tánh của sắc không có sở đắc tức là sắc trong sắc cũng không có sở đắc. Nếu khi sắc trong sắc không có sở đắc tức là sắc trong sắc có sở đắc. Nếu sắc trong sắc có sở đắc tức là sắc trong sắc ấy không có sở đắc. Vì vậy, trong các sắc nếu có sở đắc hay không có sở đắc, đối với các loại sắc đều được siêu việt, liền được giải thoát, thành tựu quả Bồ-đề vô thượng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, nếu Đại Bồ-tát có thể lìa bỏ năm loại pháp kiến ấy tức là tự tánh của các thức không có sở đắc. Nếu khi tự tánh của thức không có sở đắc tức là thức trong thức cũng không có sở đắc. Nếu khi thức trong thức không có sở đắc tức là thức trong thức có sở đắc. Nếu thức trong thức có sở đắc tức là thức trong thức ấy không có sở đắc. Vì vậy, ở trong các thức nếu có sở đắc hay không có sở đắc thì đối với các loại thức đều được siêu việt, liền được giải thoát, thành tựu quả Vô thượng Bồ-đề.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát cần phải biết rõ năm loại pháp nghi, biết rồi thì nên lìa bỏ. Năm pháp nghi là gì? Một là nghi về pháp; hai là nghi các cõi khổ; ba là nghi về sự tịch tĩnh của pháp Phật và Bồ-tát; bốn là nghi; năm là đại nghi.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy; ở trong

pháp thức, Đại Bồ-tát cần phải biết rõ năm pháp nghi. Nếu biết rồi nên lìa bỏ. Năm pháp nghi ấy là gì? Một là nghi về pháp; hai là nghi các cõi khổ; ba là nghi về sự tịch tĩnh của pháp Phật và Bồ-tát; bốn là nghi; năm là đại nghi.

Này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, nếu Đại Bồ-tát lìa bỏ năm pháp nghi này tức là tự tánh của các sắc không có sở đắc. Nếu khi tự tánh của sắc không có sở đắc tức là sắc trong sắc không có sở đắc. Nếu khi sắc trong sắc không có sở đắc tức là sắc trong sắc có sở đắc. Nếu sắc trong sắc có sở đắc tức là sắc trong sắc ấy không có sở đắc. Vì vậy, ở trong các sắc có sở đắc hay không có sở đắc thì đối với các loại sắc đều được siêu việt, liền được giải thoát, thành tựu quả Bồ-đề vô thượng.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy, đối với pháp thức, nếu Đại Bồ-tát có thể lìa bỏ năm pháp nghi tức là tự tánh của các thức không có sở đắc. Nếu khi tự tánh của thức không có sở đắc tức là thức trong thức không có sở đắc. Nếu khi thức trong thức không có sở đắc tức là thức trong thức có sở đắc. Nếu thức trong thức có sở đắc tức là thức trong thức ấy không có sở đắc. Vì vậy, ở trong các thức có sở đắc hay không có sở đắc thì đối với các loại thức đều được siêu việt, liền được giải thoát, thành tựu quả Vô thượng Bồ-đề.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc hoặc Đại Bồ-tát có sự mong cầu, hoặc đối với sắc có nói pháp, hoặc đối với sắc làm thanh tịnh nghiệp thân, ngữ, ý, đối với sắc ấy nói là đúng, khen ngợi là đúng. Do mong cầu như vậy, nói pháp như vậy, nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh như vậy nên Đại Bồ-tát ấy đối với sắc đã cầu ngược lại với cái khổ thì nên biết, Đại Bồ-tát ấy không nói pháp chân chánh, không thể làm thanh tịnh nghiệp thân, khẩu, ý.

Này Tu-bồ-đề! Mặc dù Đại Bồ-tát mong cầu sắc, trong sắc nói pháp, trong sắc làm thanh tịnh thân, khẩu, ý nghiệp nhưng đối với sắc không nói là đúng, không khen ngợi là đúng; vì không mong cầu như vậy, không nói pháp như vậy, không thanh tịnh nghiệp thân, khẩu, ý như vậy nên Đại Bồ-tát đối với sắc có thể mong cầu như vậy thì nên biết rằng Đại Bồ-tát ấy nói pháp chân chánh, ở trong sắc có thể làm thanh tịnh nghiệp thân, khẩu, ý.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát có sự mong cầu, hoặc đối với thức có nói pháp, hoặc đối với thức làm thanh tịnh nghiệp thân, khẩu, ý; liền đối với thức đã nói là đúng, khen ngợi là đúng; do mong cầu như vậy, nói pháp như vậy, thanh tịnh nghiệp thân, khẩu, ý như vậy nên Đại Bồ-tát ấy đối với thức ấy đã cầu

ngược lại với khổ, thì nên biết, Đại Bồ-tát ấy không nói pháp chân chánh, không thể làm thanh tịnh nghiệp thân, khẩu, ý.

Này Tu-bồ-đề! Mặc dù Đại Bồ-tát cầu thức, ở trong thức mà nói pháp, ở trong thức mà thanh tịnh thân, khẩu, ý nghiệp, nhưng ở trong thức không nói là đúng, không khen ngợi là đúng; do không cầu như vậy, không nói pháp như vậy, không thanh tịnh nghiệp thân, khẩu, ý như vậy nên Đại Bồ-tát ở trong thức mà cầu như vậy thì nên biết, Đại Bồ-tát ấy nói pháp chân chánh, ở trong thức làm thanh tịnh thân, khẩu, ý nghiệp.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát khởi tâm muốn trụ trong cảnh giới bình đẳng, đối với pháp sắc ấy, khi khởi lòng tin hiểu thì cả hai trong hai trường hợp có sở đắc, nghĩa là đối tượng sắc để tin hiểu và chủ thể tin hiểu về sắc. Đối với sắc, Đại Bồ-tát ấy theo đối tượng tin hiểu mà nói chủ thể tin hiểu, theo khả năng tin hiểu mà nói sự tin hiểu, thì nên biết đối với các sắc, Đại Bồ-tát ấy không nói pháp một cách chân chánh. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì đối tượng tin hiểu sắc và chủ thể tin hiểu sắc không có tướng khác.

Này Tu-bồ-đề! Nếu ở trong sắc, chủ thể và đối tượng tin hiểu có tướng khác thì các sự tin hiểu của tất cả chúng sinh ở trong pháp bình đẳng có tướng sai khác, có thể thấy, có thể đắc, tức là chẳng phải mộng, không có sở duyên mà lại tin hiểu có thể đắc do hàng chúng sinh phàm phu đối với các sắc thấy là thật, không tương ưng, với sự tin hiểu như lý vô phân biệt.

Này Tu-bồ-đề! Nếu đối với sắc, sự tin hiểu không lay chuyển thì tất cả sự tin hiểu của tất cả chúng sinh đều bình đẳng. Ở trong sự tin hiểu không có tướng sai biệt để thấy, để đắc, tức là như mộng... không có sở duyên cho sự tin hiểu để có sở đắc. Do phàm phu chúng sinh ấy đối với các sắc không thấy có thật, tức là tương ưng với sự tin hiểu như lý vô phân biệt, cho nên biết, đối tượng hiểu sắc và chủ thể tin hiểu sắc không có tướng khác. Đại Bồ-tát nên thấy như vậy. Ai thấy như vậy thì không có tướng khác để thấy, liền đối với sắc tùy theo chủ thể tin hiểu mà sinh khởi, tức là đối tượng tin hiểu. Những gì nói trong đây là làm cho nghĩa được sáng tỏ.

Đại Bồ-tát nào quán sát như vậy, nói ra điều gì đều là nói chân chánh. Do như vậy nên biết: trong sắc, hai pháp chủ thể và đối tượng tin hiểu đều hòa hợp; nếu lìa chủ thể thì không đối tượng, vì cả hai đều phải có. Trước đây, các Đại Bồ-tát có tưởng về chủ thể tin hiểu sắc như thật mà đã quán. Lại nữa, đối với tưởng cả hai về sắc cũng như thật quán. Quán như vậy rồi tức là đối với tất cả sắc đều không có sở đắc. Khi tất cả sắc không có sở

đắc tức là trong sắc loạn động mà có sở đắc. Khi trong sắc loạn động có sở đắc tức là tướng loạn động của sắc có sở đắc. Khi tướng loạn động của sắc có sở đắc tức là pháp loạn động của sắc có sự tập hợp. Khi pháp loạn động của sắc có sự tập hợp tức là trong sắc ấy không loạn động, pháp bình đẳng nhưng có sự tập hợp.

Các Đại Bồ-tát nếu đối với sắc như đã nói trên như vậy có loạn động và pháp không loạn động mà không tập hợp thì ở trong sắc không có pháp loạn động và không động loạn, lấy pháp bình đẳng để làm nơi nương tựa thì nên tu tập tất cả Phật pháp, làm thành thục các hữu tình, trang nghiêm cõi Phật, mau chứng quả Vô thượng Bồ-đề. Ở trong các sắc, các Đại Bồ-tát nếu có thể hoàn toàn giác ngộ như vậy thì nói ra điều gì là nói đúng đắn.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu Đại Bồ-tát tâm muốn trụ trong cảnh giới bình đẳng, khi thức pháp ấy có lòng tin hiểu thì cả hai trong hai trường hợp có sở đắc, nghĩa là sự tin hiểu về thức và khả năng tin hiểu về thức, Đại Bồ-tát ấy liền ở trong thức theo sự tin hiểu mà nói khả năng tin hiểu, theo khả năng tin hiểu mà nói sự tin hiểu, nên biết Đại Bồ-tát ở trong các thức không nói pháp một cách đúng đắn. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì sự tin hiểu về thức và khả năng tin hiểu về thức không có tướng khác.

Này Tu-bồ-đề! Nếu ở trong thức, về khả năng và sự tin hiểu có tướng khác thì tin hiểu của tất cả chúng sinh trong pháp bình đẳng có tướng sai khác có thể thấy, có thể đắc, chẳng phải mộng... không có sở duyên mà tin hiểu có sở đắc. Do hàng phàm phu chúng sinh ấy ở trong các thức sinh có thật kiến, không tương ưng đúng lý với sự tin hiểu vô phân biệt.

Này Tu-bồ-đề! Ở trong thức, nếu không có sự tin hiểu để chuyển thì các tin hiểu của tất cả chúng sinh đều bình đẳng. Ở trong sự tin hiểu không có tướng sai biệt để thấy, để đắc thì như trong mộng, không có sở duyên mà tin hiểu có sở đắc. Do hàng phàm phu chúng sinh ở trong các thức không có thật kiến tương ưng đúng lý với sự tin hiểu vô phân biệt, cho nên biết rằng: khả năng tin hiểu về thức và sự tin hiểu về thức tướng giống nhau. Các Đại Bồ-tát nên thấy như vậy. Ai thấy như vậy tức là không có tướng khác để thấy, liền đối với thức theo chủ thể tin hiểu mà sinh khởi, tức là đối tượng tin hiểu.

Những gì đã nói trên đây là làm nghĩa sáng tỏ. Nếu Đại Bồ-tát quán sát như vậy, các lời đã nói ra đó là nói đúng đắn. Vì vậy nên biết, chủ thể và đối tượng hiểu hai pháp hòa hợp, nếu lìa chủ thể thì không có đối tượng, vì cả hai đều phải có. Các Đại Bồ-tát trước đây có tưởng về chủ thể tin hiểu

thức mà quán sát như thật, lại đối với tưởng cả hai về thức cũng quán như thật. Quán như vậy rồi tức là tất cả thức đều không có sở đắc. Nếu khi tất cả thức không có sở đắc tức là trong thức động loạn lại có sở đắc. Nếu khi trong thức loạn động có sở đắc tức là tướng loạn động của thức có sở đắc. Nếu khi tướng loạn động của thức có sở đắc tức là pháp loạn động của thức có sự tập hợp. Vì pháp loạn động của thức có sự tập hợp nên trong thức ấy không có động loạn, pháp bình đẳng nhưng có sự tập hợp. Các Đại Bồ-tát nếu đối với thức như đã nói trước đây như vậy, có pháp loạn động và pháp không loạn động không có sự tập hợp, thì trong thức ấy không có pháp loạn động và không động loạn, lấy pháp bình đẳng để làm chỗ nương tựa, nên tu tập tất cả Phật pháp, làm thành tựu các hữu tình, làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, mau thành tựu quả Bồ-đề vô thượng.

Đối với các thức, nếu các Đại Bồ-tát hoàn toàn giác ngộ như vậy thì những điều đã nói ra là đúng đắn.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ năm loại tướng để tu tập pháp Từ. Năm pháp ấy là gì? Một là Từ giữ gìn Chánh pháp; hai là Từ giữ gìn các sự an vui của thế gian; ba là Từ giữ gìn sự an vui thù thắng vi diệu của xuất thế gian; bốn là Từ; năm là đại Từ.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng để tu hành pháp Từ.

Năm pháp ấy là gì? Một là Từ giữ gìn Chánh pháp; hai là Từ giữ gìn những sự an vui của thế gian; ba là Từ giữ gìn những sự an vui thù thắng vi diệu của xuất thế gian; bốn là Từ; năm là Đại Từ.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng để tu hành pháp Bi. Năm pháp ấy là gì? Một là Bi không chấp trước; hai là Bi hòa hợp; ba là Bi không ly tán; bốn là Bi; năm là đại Bi.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy, đối với pháp thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng để tu hành pháp Bi.

Năm pháp ấy là gì? Một là Bi không chấp trước; hai là Bi hòa hợp; ba là Bi không ly tán; bốn là Bi; năm là đại Bi.

Này Tu-bồ-đề! Đối với sắc pháp, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng để tu hành pháp Hỷ.

Năm pháp ấy là gì? Một là Hỷ Chánh pháp thanh tịnh, không hoại, tùy hỷ mà giữ gìn; hai là Hỷ các sự an vui của thế gian không hoại, tùy hỷ giữ gìn; ba là Hỷ các sự an vui vi diệu của xuất thế gian không hoại, tùy hỷ giữ gìn; bốn là Hỷ; năm là đại Hỷ.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy, đối với pháp thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng tu hành pháp Hỷ. Năm pháp ấy là gì? Một là Hỷ chánh pháp thanh tịnh không hoại, tùy hỷ giữ gìn; hai là Hỷ các sự an vui của thế gian không hoại, tùy hỷ giữ gìn; ba là Hỷ các sự vui vi diệu của xuất thế gian không hoại, tùy hỷ giữ gìn; bốn là Hỷ; năm là đại Hỷ.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với sắc pháp, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng tu hành pháp Xả. Năm pháp ấy là gì? Một là Xả diệt trừ các hiểu biết không chân chánh và các tạp nhiễm; hai là Xả xa lìa tất cả lỗi lầm, vứt bỏ các tạp nhiễm; ba là Xả cất giữ tất cả các công đức, diệt trừ các tạp nhiễm; bốn là Xả; năm là đại Xả.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy, Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng để tu hành pháp Xả. Năm pháp ấy là gì? Một là Xả diệt trừ các hiểu biết không chân chánh; hai là Xả lìa tất cả lỗi lầm, vứt bỏ các tạp nhiễm; ba là Xả cất chứa tất cả các công đức, diệt trừ các tạp nhiễm; bốn là Xả; năm là đại Xả.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng tu hành Bố thí ba-la-mật-đa. Năm pháp ấy là gì? Một là Bố thí về thề nguyện; hai là Bố thí về tài của và sự không sợ sệt; ba là Bố thí pháp; bốn là Bố thí; năm là Đại bố thí.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng tu hành Bố thí ba-la-mật-đa. Năm pháp ấy là gì? Một là Bố thí về lời nguyện; hai là Bố thí về tài của và sự không sợ sệt, ba là Bố thí pháp; bốn là Bố thí; năm là Đại bố thí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng tu hành giữ Trì giới ba-la-mật-đa. Năm pháp ấy là gì? Một là Giới làm lợi ích cho hữu tình; hai là Giới làm cho pháp định; ba là Giới pháp vô lậu; bốn là Giới; năm là Đại giới.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng tu hành Trì giới ba-la-mật-đa. Năm pháp ấy là gì? Một là Giới làm lợi ích cho hữu tình; hai là Giới làm cho pháp an định; ba là Giới pháp vô lậu; bốn là Giới; năm là Đại giới.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng để tu hành Nhẫn nhục ba-la-mật-đa. Năm pháp ấy là gì? Một là Nhẫn nhục chịu kẻ oán làm hại; hai là Nhẫn nhục chấp nhận chịu khổ; ba là Nhẫn quán sát pháp thật kỹ; bốn là Nhẫn, năm là Đại nhẫn.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp

thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng để tu hành Nhẫn nhục ba-la-mật-đa. Năm pháp ấy là gì? Một là Nhẫn nhục chịu kẻ oán làm hại; hai là Nhẫn nhục chấp nhận chịu khổ; ba là Nhẫn quán sát pháp thật kỹ; bốn là Nhẫn; năm là Đại nhẫn.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng để tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa. Năm pháp ấy là gì? Một là Tinh tấn suy nghĩ đọc tụng giảng nói; hai là Tinh tấn xa lìa tất cả lỗi lầm; ba là Tinh tấn tích chứa các công đức; bốn là Tinh tấn; năm là Đại tinh tấn.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ năm loại tướng để tu hành Tinh tấn ba-la-mật-đa. Năm tướng ấy là gì? Một là Tinh tấn suy nghĩ đọc tụng giảng nói; hai là Tinh tấn xa lìa tất cả lỗi lầm; ba là Tinh tấn tích chứa các công đức; bốn là Tinh tấn; năm là Đại tinh tấn.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm tướng tu hành Thiền định ba-la-mật-đa. Năm tướng ấy là gì? Một là Thiền định hiểu hoàn hảo không lìa văn tự; hai là Thiền định hoàn toàn lìa văn tự, đầu tiên làm thanh tịnh thế gian; ba là Thiền định xuất thế gian; bốn là Thiền định; năm là Đại thiền định.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm tướng tu hành Thiền định ba-la-mật-đa. Năm tướng ấy là gì? Một là Thiền định hiểu hoàn hảo không lìa văn tự; hai là Thiền định hoàn toàn lìa văn tự, đầu tiên làm thanh tịnh thế gian; ba là Thiền định xuất thế gian; bốn là Thiền định; năm là Đại thiền định.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng để tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Năm tướng ấy là gì? Một là Trí tuệ làm nơi nương tựa để hiểu hoàn hảo định không lìa văn tự; hai là Trí tuệ làm nơi nương tựa để hoàn toàn lìa định văn tự, đầu tiên làm thanh tịnh thế gian; ba là Trí tuệ làm nơi nương tựa để ra khỏi định thế gian; bốn là Trí tuệ; năm là Đại trí tuệ.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng tu hành Bát-nhã ba-la-mật. Năm tướng ấy là gì? Một là Trí tuệ làm nơi nương tựa để hiểu hoàn hảo định không lìa văn tự; hai là Trí tuệ làm nơi nương tựa để hoàn toàn lìa định văn tự, đầu tiên làm thanh tịnh thế gian; ba là Trí tuệ làm nơi nương tựa để ra khỏi định thế gian; bốn là Trí tuệ; năm là Đại trí tuệ.

-oOo-

KINH KHAI GIÁC TỰ TÁNH
BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 4

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ năm loại tướng gần gũi Thiện tri thức. Năm tướng ấy là gì? Một là gần gũi nghe, tiếp thu; hai là gần gũi phục vụ, làm việc, học pháp; ba là gần gũi tu hành tiến bộ; bốn là gần gũi; năm là rất gần gũi.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ năm loại tướng gần gũi Thiện tri thức. Năm tướng ấy là gì? Một là gần gũi nghe, tiếp thu; hai là gần gũi phục vụ, làm việc, học pháp; ba là gần gũi tu hành tiến bộ; bốn là gần gũi; năm là rất gần gũi.

Khi gần gũi Thiện tri thức như vậy, Đại Bồ-tát dùng phương tiện giải thoát để giáo hóa họ thì có thể sinh nhiều phước đức, mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm tướng cúng dường Như Lai. Năm tướng ấy là gì? Một là cung kính tín tưởng cúng dường bằng nhiều lời khen ngợi; hai là cung kính tín tưởng cúng dường bằng lợi dưỡng thanh tịnh; ba là cúng dường bằng tu hành tiến bộ; bốn là cúng dường; năm là đại cúng dường.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát nên biết rõ có năm loại tướng cúng dường Như Lai. Năm tướng ấy là gì? Một là cung kính tín tưởng cúng dường bằng nhiều lời khen ngợi; hai là tín tưởng cúng dường bằng lợi dưỡng thanh tịnh; ba là cúng dường bằng tu hành tiến bộ; bốn là cúng dường; năm là đại cúng dường.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát cúng dường Như Lai tương ưng đúng lý như vậy thì chư Phật và Bồ-tát ở vô biên thế giới khen ngợi, cũng được Trời, Người, A-tu-la... trong thế gian cung cấp, lợi dưỡng, làm thành thục vô biên chúng sinh, trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát có thể tương ưng như lý với Bố thí ba-la-mật-đa. Nếu tu bố thí hữu tướng cũng mau viên

mãn Bố thí ba-la-mật-đa; mà tu bố thí vô tướng cũng mau viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Tu-bồ-đề! Làm thế nào Đại Bồ-tát ấy đối với pháp sắc, tu Bố thí hữu tướng hay Bố thí vô tướng?

Này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành bố thí để cầu giải thoát mà có đối tượng bố thí giải thoát có thể đắc, có chủ thể bố thí giải thoát có thể đắc. Nếu tu như vậy thì nên biết: Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát tu Bố thí hữu tướng.

Đối với pháp sắc, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành cầu giải thoát mà không có đối tượng bố thí giải thoát có thể đắc, không có chủ thể bố thí giải thoát có thể đắc thì nên biết Đại Bồ-tát ấy tu Bố thí vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của sắc không có sở đắc, nên bản tánh không có sở đắc; quán chư Như Lai cũng không có sở đắc, vì bản tánh không có sở đắc.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát có thể tương ưng đúng lý với Bố thí ba-la-mật-đa. Nếu tu Bố thí hữu tướng cũng mau viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa. Nếu tu bố thí vô tướng cũng mau viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là đối với pháp thức, Đại Bồ-tát tu Bố thí hữu tướng hay tu Bố thí vô tướng?

Này Tu-bồ-đề! Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát khi tu hành bố thí cầu giải thoát mà có đối tượng bố thí giải thoát có thể đắc, có chủ thể giải thoát bố thí có thể đắc, thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Bố thí hữu tướng.

Nếu Đại Bồ-tát đối với pháp thức, khi tu hành bố thí để cầu giải thoát mà không có đối tượng bố thí giải thoát có thể đắc, không có chủ thể bố thí giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Bố thí vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của thức không có sở đắc, nên bản tánh không có sở đắc, quán chư Như Lai cũng không có sở đắc vì bản tánh không có sở đắc.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nào có thể tương ưng như lý với Trì giới ba-la-mật-đa, thì dù Trì giới hữu tướng cũng mau viên mãn Trì giới ba-la-mật-đa, dù tu Trì giới vô tướng cũng mau viên mãn Trì giới ba-la-mật-đa.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Đại Bồ-tát đối với pháp sắc tu Trì giới hữu tướng hay Trì giới vô tướng?

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát đối với pháp sắc, khi tu hành trì giới để cầu giải thoát mà có đối tượng trì giới giải thoát có thể đắc, có chủ thể

trì giới giải thoát có thể đắc, thì nên biết tu hành như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp sắc tu Trì giới hữu tướng.

Nếu Đại Bồ-tát đối với pháp sắc, khi tu hành trì giới cầu giải thoát mà không có đối tượng rì giới giải thoát có thể đắc, không có chủ thể trì giới giải thoát có thể đắc, thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp sắc tu Trì giới vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của sắc không có sở đắc, nên bản tánh không có sở đắc. Quán chư Như Lai cũng không sở đắc, bản tánh không có sở đắc.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát tương ưng như lý với Trì giới ba-la-mật-đa thì dù tu Trì giới hữu tướng cũng mau viên mãn Trì giới ba-la-mật-đa, dù tu Trì giới vô tướng cũng mau viên mãn Trì giới ba-la-mật-đa.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Đại Bồ-tát đối với pháp thức tu Trì giới hữu tướng hoặc Trì giới vô tướng?

Này Tu-bồ-đề! Đối với pháp thức, khi Đại Bồ-tát tu hành trì giới cầu giải thoát mà có đối tượng trì giới giải thoát có thể đắc, có chủ thể trì giới giải thoát có thể đắc, thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Trì giới hữu tướng.

Nếu Đại Bồ-tát đối với pháp thức tu hành trì giới cầu giải thoát mà không có đối tượng trì giới giải thoát có thể đắc, không có chủ thể trì giới giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Trì giới vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của thức không có sở đắc nên bản tánh không có sở đắc. Quán chư Như Lai cũng không có sở đắc vì bản tánh không có sở đắc.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát tương ưng như lý với Nhẫn nhục ba-la-mật-đa thì dù tu Nhẫn nhục hữu tướng cũng mau viên mãn Nhẫn nhục ba-la-mật-đa, dù tu Nhẫn nhục vô tướng cũng mau viên mãn Nhẫn nhục ba-la-mật-đa.

Này Tu-bồ-đề! Sao gọi là Đại Bồ-tát đối với pháp sắc, tu Nhẫn nhục hữu tướng hay Nhẫn nhục vô tướng?

Này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, nếu Đại Bồ-tát khi tu hành nhẫn nhục cầu giải thoát có đối tượng nhẫn nhục giải thoát có thể đắc, có chủ thể nhẫn nhục giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Nhẫn nhục hữu tướng.

Nếu Đại Bồ-tát đối với pháp sắc, khi tu hành nhẫn nhục cầu giải thoát mà không có đối tượng nhẫn nhục giải thoát có thể đắc, không có chủ thể nhẫn nhục giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối

với pháp thức tu Nhẫn nhục vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của sắc không có sở đắc, nên bản tánh không có sở đắc. Quán chư Như Lai không có sở đắc, bản tánh không có sở đắc.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát tương ưng như lý với Nhẫn nhục ba-la-mật-đa thì dù tu Nhẫn nhục hữu tướng cũng mau viên mãn Nhẫn nhục ba-la-mật-đa, dù tu Nhẫn nhục vô tướng cũng mau viên mãn Nhẫn nhục ba-la-mật-đa.

Này Tu-bồ-đề! Sao gọi là Đại Bồ-tát đối với pháp thức, tu Nhẫn nhục hữu tướng hay Nhẫn nhục vô tướng?

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát đối với pháp thức, khi tu hành nhẫn nhục cầu giải thoát có đối tượng nhẫn nhục giải thoát có thể đắc, có chủ thể nhẫn nhục giải thoát có thể đắc thì nên biết, tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Nhẫn nhục hữu tướng.

Nếu Đại Bồ-tát đối với pháp thức, khi tu hành nhẫn nhục cầu giải thoát không có đối tượng nhẫn nhục giải thoát có thể đắc, không có chủ thể nhẫn nhục giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Nhẫn nhục vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của thức không có sở đắc, nên bản tánh không có sở đắc. Quán chư Như Lai không có sở đắc nên bản tánh không có sở đắc.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát có thể tương ưng như lý với Tinh tấn ba-la-mật-đa thì dù Tu tinh tấn hữu tướng cũng mau viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa, dù tu Tinh tấn vô tướng cũng mau viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Tu-bồ-đề! Sao gọi là Đại Bồ-tát đối với pháp sắc, tu Tinh tấn hữu tướng hay Tinh tấn vô tướng?

Này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, khi Đại Bồ-tát tu hành tinh tấn cầu giải thoát có đối tượng tinh tấn giải thoát có thể đắc, có chủ thể tinh tấn giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy Đại Bồ-tát đối với pháp sắc tu Tinh tấn hữu tướng.

Nếu đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát tu tinh tấn cầu giải thoát không có đối tượng tinh tấn giải thoát có thể đắc, không có chủ thể tinh tấn giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Tinh tấn vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của sắc không có sở đắc nên bản tánh không có sở đắc. Quán chư Như Lai không có sở đắc nên bản tánh không có sở đắc.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp

thức, Đại Bồ-tát có thể tương ưng như lý với Tinh tấn ba-la-mật-đa thì dù tu Tinh tấn hữu tướng cũng mau viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa, dù tu Tinh tấn vô tướng cũng mau viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Tu-bồ-đề! Sao gọi là Đại Bồ-tát đối với thức pháp tu Tinh tấn hữu tướng hoặc Tinh tấn vô tướng?

Này Tu-bồ-đề! Ở trong pháp thức, khi Đại Bồ-tát tu hành tinh tấn cầu giải thoát, có đối tượng ở tinh tấn giải thoát có thể đắc, có chủ thể tinh tấn giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Tinh tấn hữu tướng.

Nếu đối với thức pháp, khi Đại Bồ-tát tinh tấn cầu giải thoát không có đối tượng tinh tấn giải thoát có thể đắc, không có chủ thể tinh tấn giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức Tu tinh tấn vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của sắc không có sở đắc, nên bản tánh không có sở đắc. Quán chư Như Lai không có sở đắc, nên bản tánh không có sở đắc.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát tương ưng đúng lý với Thiền định ba-la-mật-đa, thì dù tu thiền định hữu tướng cũng mau viên mãn Thiền định ba-la-mật-đa, dù tu Thiền định vô tướng cũng mau viên mãn Thiền định ba-la-mật-đa.

Này Tu-bồ-đề! Nếu đối với pháp sắc, khi Đại Bồ-tát tu hành thiền định cầu giải thoát, có đối tượng thiền định giải thoát có thể đắc, có chủ thể thiền định giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp sắc tu Thiền định hữu tướng.

Nếu đối với pháp sắc, khi Đại Bồ-tát tu hành thiền định cầu giải thoát không có đối tượng thiền định giải thoát có thể đắc, không có chủ thể thiền định giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Thiền định vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của sắc không sở đắc nên bản tánh không có sở đắc. Quán chư Như Lai không có sở đắc nên tự tánh không có sở đắc.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát tương ưng như lý với Thiền định ba-la-mật-đa. Thì dù tu thiền định hữu tướng cũng mau viên mãn Thiền định ba-la-mật-đa, dù tu Thiền định vô tướng cũng mau viên mãn Thiền định ba-la-mật-đa.

Này Tu-bồ-đề! Sao gọi là đối với pháp thức, Đại Bồ-tát tu thiền định hữu tướng, hoặc thiền định vô tướng?

Này Tu-bồ-đề! Đối với pháp thức, khi Đại Bồ-tát tu hành thiền định

cầu giải thoát có đối tượng thiền định giải thoát có thể đắc, có chủ thể thiền định giải thoát có thể đắc, thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Thiền định hữu tướng.

Nếu Đại Bồ-tát khi đối với pháp thức tu hành thiền định cầu giải thoát không có đối tượng thiền định giải thoát có thể đắc, không có chủ thể thiền định giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Thiền định vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của thức không có sở đắc nên bản tánh không có sở đắc. Quán chư Như Lai không có sở đắc nên bản tánh không có sở đắc.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát có thể tương ưng như lý với Bát-nhã ba-la-mật-đa thì dù tu Bát-nhã hữu tướng cũng mau viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, dù tu Bát-nhã vô tướng cũng mau viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Này Tu-bồ-đề! Sao gọi là Đại Bồ-tát đối với pháp sắc, tu Bát-nhã hữu tướng hoặc Bát-nhã vô tướng?

Này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, khi Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã cầu giải thoát, có đối tượng Bát-nhã giải thoát có thể đắc, có chủ thể Bát-nhã giải thoát có thể đắc. Tu như vậy, nên biết là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Bát-nhã hữu tướng.

Nếu đối với pháp sắc, khi Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã cầu giải thoát không có đối tượng Bát-nhã giải thoát có thể đắc, không có chủ thể Bát-nhã giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Bát-nhã vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của thức không có sở đắc, nên bản tánh không có sở đắc. Quán chư Như lai không có sở đắc nên bản tánh không có sở đắc.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Đối với pháp thức, Đại Bồ-tát tương ưng như lý với Bát-nhã ba-la-mật-đa, thì dù tu Bát-nhã hữu tướng cũng mau viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, dù tu Bát-nhã vô tướng cũng mau viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Này Tu-bồ-đề! Sao gọi là đối với pháp thức, Đại Bồ-tát tu Bát-nhã hữu tướng hoặc Bát-nhã vô tướng?

Này Tu-bồ-đề! Nếu đối với pháp thức, khi Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã cầu giải thoát, có đối tượng Bát-nhã giải thoát có thể đắc, có năng Bát-nhã giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Bát-nhã hữu tướng.

Nếu đối với pháp thức, khi Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã cầu giải thoát không có đối tượng Bát-nhã giải thoát có thể đắc, không có chủ thể Bát-

nhã giải thoát có thể đắc thì nên biết tu như vậy là Đại Bồ-tát ấy đối với pháp thức tu Bát-nhã vô tướng. Vì sao? Vì tự tánh của thức không có sở đắc, nên bản tánh không có sở đắc. Quán chư Phật không có sở đắc nên bản tánh không có sở đắc.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ Tam-ma-địa Không.

Này Tu-bồ-đề! Sao gọi là Tam-ma-địa Không ở trong sắc? Nghĩa là ở trong sắc, Đại Bồ-tát quán vô tánh Không, tánh Không cũng vậy, bản tánh Không cũng vậy. Các sở duyên đều phải an trụ tâm vào một tánh cảnh. Đây tức là Tam-ma-địa Không trong sắc.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát ở trong sắc đã như thật biết rõ Không Tam-ma-địa thì thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ Tam-ma-địa Vô tướng.

Này Tu-bồ-đề! Sao gọi là Tam-ma-địa Vô tướng trong sắc? Ở trong pháp sắc, Đại Bồ-tát quán vô tánh Không, tánh Không cũng như vậy, bản tánh Không cũng như vậy.

Nếu các tác ý diệt thì ở trong sắc quán tướng vô tánh, tướng hữu tánh cũng như vậy; tướng hữu tánh vô tánh cũng như vậy. Như vậy mới đạt được tướng vô tánh, lìa được thức đi theo. Tướng hữu tánh cũng như vậy, lìa được thức đi theo. Tướng hữu tánh vô tánh cũng vậy, lìa thức đi theo. Cho nên có thể an trụ tâm vào một tánh cảnh. Đây tức là Tam-ma-địa Vô tướng trong sắc.

Này Tu-bồ-đề! Ở trong sắc, như thật hiểu biết rõ Tam-ma-địa Vô tướng như vậy, thì thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ Vô nguyện Tam-ma-địa.

Sao gọi là Vô nguyện Tam-ma-địa ở trong sắc?

–Ở trong sắc, Đại Bồ-tát đạt được Tam-ma-địa Không, Vô tướng, tức là ở trong sắc quán tướng vô tánh, nhưng không duyên theo hành tướng sở duyên. Tướng hữu tánh cũng vậy, không duyên theo hành tướng sở duyên. Tướng hữu tánh vô tánh cũng vậy, không duyên theo hành tướng sở duyên. Cho nên có thể an trụ tâm vào một tánh cảnh. Đây tức là Tam-ma-địa Vô nguyện trong sắc.

Này Tu-bồ-đề! Ở trong sắc, Đại Bồ-tát đã biết rõ Vô nguyện Tam-ma-địa như vậy rồi thì thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ở trong sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có ba loại nghĩa các hành là vô thường. Ba loại nghĩa đó là gì? Một là nghĩa không thật; hai là nghĩa phá hoại; ba là nghĩa hữu cấu vô cấu.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đại Bồ-tát nên biết rõ có ba nghĩa các hành vô thường.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có ba nghĩa các hành là khổ. Ba nghĩa đó là gì? Một là nghĩa không chấp trước; hai là nghĩa ba loại tướng; ba là nghĩa tương tục.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Đại Bồ-tát nên biết rõ có ba loại nghĩa các hành là khổ.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có ba loại nghĩa các pháp là vô ngã. Ba nghĩa ấy là gì? Một là nghĩa vô tánh là vô ngã; hai là nghĩa hữu tánh, vô tánh là vô ngã; ba là nghĩa bản tánh thanh tịnh là vô ngã.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đại Bồ-tát nên biết rõ có ba loại nghĩa các pháp là vô ngã.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp sắc, Đại Bồ-tát nên biết rõ có ba nghĩa Niết-bàn là tịch tĩnh. Ba nghĩa đó là gì? Một là nghĩa trong sắc vô tánh hoàn toàn thanh tịnh; hai là nghĩa hữu tánh, vô tánh tịch tĩnh; ba là nghĩa bản tánh thanh tịnh tịch tĩnh.

Này Tu-bồ-đề! Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đại Bồ-tát nên biết rõ có ba nghĩa của Niết-bàn là tịch tĩnh.

Phật dạy kinh này xong, các Đại Bồ-tát, Tôn giả Tu-bồ-đề và các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà... trong thế gian nghe lời Phật dạy đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 261

KINH ĐẠI THỪA
LÝ THÚ LỤC BA-LA-MẬT-ĐA

Hán dịch: Tam tạng Bát-nhã, người nước Kế Tân.

QUYỂN 1

Phẩm 1: Quy Y Tam Bảo

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Thế Tôn ở tại tinh xá Trúc lâm Ca-lan-đa-ca, thuộc thành Vương xá. Khi ấy, có chúng Đại Bồ-tát trụ trong địa vị Thập địa không thoái chuyển và đã đầy đủ trọn vẹn mười Ba-la-mật. Lại có chúng đại Bí-sô đều chứng A-la-hán, diệt trừ các lậu, không còn phiền não và tự mình đã chứng với tâm hoàn toàn giải thoát, tuệ hoàn toàn giải thoát. Lại có vô số loài hữu tình đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Từ Thị ở trong chúng hội nghĩ như vầy: "Các loài hữu tình trong hội này cùng khổ, cô quạnh, không có chỗ nương tựa, luân hồi trong sinh tử, đắm chìm trong sông ái. Họ muốn vượt qua bờ bên kia giải thoát, nên đến nghe pháp và mong gặp Thế Tôn cầu Nhất thiết trí nhưng không có đủ năng lực."

Nghĩ thế rồi, Bồ-tát Từ Thị muốn hỏi ý nghĩa sâu xa, phát tâm: "Vì sao tất cả hữu tình phát tâm Bồ-đề cầu Phật, thì nhất định phải trải qua ba vô số kiếp không mệt mỏi. Nay ý thú sâu xa, rộng lớn, khó nghĩ bàn, văn cú tinh xảo viên mãn đủ đầy của Đức Phật Thế Tôn thọ ký cho từng hữu tình có nhân quả khác biệt với hư vọng là mau chóng chứng Vô thượng Bồ-đề."

Lúc ấy Đại Bồ-tát Di-lặc phát tâm như vậy rồi, liền rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy sửa soạn pháp phục, thâu nhiếp sáu căn và giữ thân, khẩu, ý nghiệp thanh tịnh. Sáu căn ấy là chỗ sinh ra trăm phước và tám mươi vẻ đẹp diệu tướng trang nghiêm. Trải qua ba vô số kiếp mà được tròn đầy như vậy. Thân ấy được trang nghiêm bằng trăm ngàn vạn tướng mặt trời của Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật-đa... làm cho tất cả hữu tình chiêm ngưỡng không

biết chán. Lúc sắp thành Vô đẳng đẳng Phật quả Bồ-đề.

Bồ-tát dùng thân như vậy, gieo năm vóc sát đất lạy dưới chân Phật. Lại dùng tay được trang nghiêm bởi vô lượng công đức, chắp tay giống như hoa sen mới nở rồi cung kính bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Chỉ trong một niệm mà Như Lai Thế Tôn có thể biết tâm quá khứ, vị lai, hiện tại của tất cả chúng sinh. Có hữu tình nhân lúc thưa hỏi mà được tâm thanh tịnh hoặc có hữu tình lúc được thọ ký, chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, Bích-chi-phật, hoặc được thọ ký Vô thượng Bồ-đề. Do nghĩa này nên con thưa hỏi Như Lai. Cúi xin Thế Tôn hãy phân biệt giải bày. Thế Tôn là người dẫn dắt để hữu tình ba đời làm chỗ nương tựa. Hoặc có hữu tình hành hạnh Đại thừa thì Thế Tôn làm tâm họ mềm dịu. Cúi xin Thế Tôn Từ bi thương xót, nếu được pháp cam lồ thì con không thọ dụng một mình mà tất cả hữu tình cùng nhau hưởng một vị ấy. Làm thế nào để hữu tình hướng đến con đường chân chánh an ổn của Niết-bàn? Các hữu tình này phải làm gì để đối với Nhất thiết trí không thoái chuyển? Làm sao viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa? Bát-nhã ba-la-mật-đa là mẹ của năm pháp Ba-la-mật-đa trước và tu tập thế nào để được viên mãn? Nguyện lớn này làm sao phát khởi? Các hữu tình này tu tập thế nào để đến bờ Niết-bàn bên kia? Cúi xin Thế Tôn phân biệt giải nói. Con vì muốn làm lợi ích an lạc cho hữu tình, làm cho họ được vui vẻ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen ngợi Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Nay ông có thể làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình nên hỏi nghĩa sâu xa như vậy. Ông hãy khuyên các hữu tình tu hành nghiệp thiện, thường vì các hữu tình mà siêng năng tu tập. Nay ông vì các hữu tình mà một lòng rộng lớn dứt sạch mọi xiềng xích để khẩn cầu pháp đạo, ông đem tâm đại Từ bi đó mà trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp để viên mãn biển lớn pháp đạo sáu pháp Ba-la-mật-đa. Ông đã gần đạo tràng Bồ-đề là bờ kia Niết-bàn, giống như là sao mai vừa mọc thì ánh sáng mặt trời liền chiếu. Cũng như vậy, nay ông phải làm ánh sáng mặt trời Phật pháp. Ông phải nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ ta sẽ vì ông mà phân biệt đầy đủ nghĩa thâm sâu ấy. Người có trí như vậy, khéo suy nghĩ, quán sát trong con đường hiểm nạn của sinh tử không ai có thể vượt qua nếu không có chỗ nương tựa. Giống như chiếc thuyền trong biển lớn, nếu không có thuyền trưởng thì mọi người trong thuyền chắc hẳn là phải bị chìm đắm vì sóng vỗ mạnh làm cho thuyền xoáy tròn, bị phá vỡ và chìm đắm... Khi bị những tai nạn đó, thường lo sợ nên phải tìm người chèo thuyền giỏi nhất và an lành

nhất để làm chỗ nương tựa.

Lại có hữu tình luôn sợ hãi trong sinh tử cho nên tìm người có năng lực để nương tựa, không bị oán tặc xâm tổn. Dầu oán tặc kia có sức mạnh đến đâu nhưng người kia nương nhờ vào phép vua, nên bọn oán tặc ấy chắc chắn không thể làm hại được. Oán tặc kia đã thấy thế lực như vậy rồi, vĩnh viễn bỏ tâm thù hận mà đi theo sự giáo hóa chân chánh. Tất cả hữu tình cũng như vậy, mỗi mỗi đều nghĩ rằng: "Ai có thể làm chỗ nương tựa cho ta để trừ những nguy hại ấy, làm cho ta được an lạc? Năm đường trong ba cõi này là: Trời, Rồng, Dạ-xoa, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và Phi nhân... tìm cầu trong số đó nhưng không có ai có thể làm chỗ nương tựa. Vì sao vậy? Vì chư Thiên đó tự mình chưa thoát khỏi xiềng xích sinh tử, còn bị phiền não trói buộc luân hồi trong ba cõi, chịu vô lượng, vô biên khổ não, ăn nuốt sợ hãi, bị lưới tham dục quấn chặt thì làm sao có thể làm chỗ nương tựa cho ta! Lại nữa, chư Thiên... thường mặc những y phục chiến đấu bằng giáp sắt mà tâm luôn ôm mối lo sợ A-tu-la, huống gì loài người và các loài khác! Lấy đó mà quán sát ba cõi sáu đường thì không ai có khả năng cứu bạt ta. Cho nên ta phải quay về nương tựa Phật, Pháp, Tăng. Ngoài Phật, Pháp, Tăng ra, không ai có thể cứu hộ ta cả."

Tất cả hữu tình muốn cầu Vô thượng Bồ-đề, Niết-bàn an lạc thì cần phải quay về nương tựa ba ngôi báu: Phật, Pháp, Tăng. Nhờ đó mà khiến cho hữu tình quay về Phật, Pháp, Tăng.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Từ Thị thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Phật, Pháp, Tăng tam bảo? Thế nào là quy y?

Phật dạy Từ thị rằng:

–Ngôi Phật bảo có hai: đó là thân của Phật và đức của Phật. Thân Phật nghĩa là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Về quá khứ đã trải qua vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ kiếp không tiếc thân mạng, siêng năng tu tập lục độ vạn hạnh viên mãn, ngồi tòa Kim cang dưới gốc Bồ-đề, chiến thắng quân ma, đoạn trừ các kết sử, chứng được Nhất thiết trí, thành Đẳng chánh giác, đầy đủ các công đức vi diệu như vậy nên gọi là Phật.

Còn về đức của Phật, tức là trong thân của Phật đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, ba pháp môn giải thoát, ba thị đạo, sáu thần thông, tùy tâm Tam-ma-địa, bốn

trí, hai trí, lìa bỏ tri kiến, đoạn phiền não chướng và sở tri chướng, lìa các tập khí, vô công dụng đạo mà lại biến hóa như như. Hoặc xa hoặc gần, đi đứng tự tại không bị chướng ngại. Một hạt cải có thể dung chứa vô lượng núi Diệu cao. Chư Phật Như Lai đều đầy đủ vô lượng, vô biên công đức như vậy. Thọ mạng tự tại từ một kiếp đến vô lượng kiếp không có tổn giảm, ở trong cảnh thần thông biến hiện, qua lại tùy ý tự tại không hề có chướng ngại. Chư Phật Thế Tôn đi qua thành ấp, xóm làng, trước tiên chiếu ánh sáng màu vàng ròng vi diệu rực rỡ khắp nơi đó. Chúng sinh nơi ấy bắt gặp được ánh sáng này, nếu ai có thân bệnh, tâm bệnh thì đều lành khỏi. Khi lửa tâm dập tắt thì thân được mát mẻ, người lưng gù thì thẳng ra, người què đi được, người mù được thấy, người điếc được nghe, người câm được nói, người tâm loạn được bình tâm, bị quỷ mị, vọng lượng điên cuồng bắt giữ đều được dẹp trừ, trần truồng được áo quần mặc, người tâm kiêu mạn được khiêm nhường, người sầu não được an ổn, người lạc đường được đường chính, người đói khát được ăn uống, bị tù đày được tự do, người sợ hãi được không sợ; gò đống, hầm hố, núi đồi đều bằng phẳng giống như bàn tay. Nhà cửa nhỏ thấp tự nhiên cao lớn, đường sá nhỏ hẹp đều rộng rãi. Chợ búa làng quê tự nhiên khai thông, ô uế bất tịnh tức thời thơm tho. Gai góc, muỗi độc, gạch ngói, cát đá đều biến mất. Ánh sáng mặt trời chiếu tỏa không có nóng độc. Gió thoảng nhè nhẹ không có bụi đất, âm thanh của các loài chim: Bạch hạc, Khổng tước, Anh võ, Xá-lợi, Ca-lăng-tần-già, Ca-chỉ-la, Ca-na-la, Mạng mạng... phát ra hòa nhã. Voi, ngựa, trâu, dê, bò, trâu đuôi dài, trâu rừng, trâu nước, mỗi loài đều kêu tiếng rất hay, đàn không hầu, ống tiêu, ống sáo, đàn sắc, trống... những nhạc khí này không đánh mà tự kêu, và những thứ khác tinh xảo khó tìm, đều do thần thông biến hiện. Những việc hiếm có như vậy càng ngày càng đổi thay thù thắng hơn, đó là đều nhờ sức oai thần của Như Lai. Có chúng sinh nào nghi ngờ Phật Thế Tôn và công đức của Phật có một có khác thì nên nói với họ rằng: Phật và công đức của Phật không một không khác. Giống như lửa, đèn, dầu, tim đèn và sánh sáng không một không khác. Nếu lìa dầu, tim đèn thì không có ánh sáng của đèn. Nếu nói ánh sáng đèn lìa dầu và tim đèn thì chỗ mà ánh sáng chiếu đều phải bị đốt cháy. Công đức và thân Phật lại cũng như vậy. Thân vi diệu này là công đức Phật, là Pháp thân vô lậu, là nơi nương tựa bình đẳng của mình và người. Nhưng thân Phật này chẳng phải là thể tánh. Nếu lìa thể tánh này, ngoài ra không có Pháp thân nào khác. Nếu thể tánh này đồng với vật bên ngoài thì có tướng bốn đại, cho nên phải biết thân Phật chẳng phải có tướng, chẳng phải không có tướng. Nếu chẳng phải có tướng thì đồng với đại hư không, đồng đại hư không là tánh, là thường,

không có phương tiện nào có thể đi qua được. Vì tự tánh vốn thanh tịnh, không nhiễm, không vướng mắc, sâu xa vô lượng không hề biến đổi, vi diệu tịch tĩnh, khó hiểu, khó so sánh. Đầy đủ công đức chân thường không hề hạn hữu, dứt hẳn các hý luận, chỉ có Phật mới chứng biết, chứ không ai có thể biết được, cũng không ví dụ nào so sánh được.

Từ Thị nên biết! Thân này là tướng Pháp thân của hằng hà sa chư Phật ở quá khứ, hiện tại, vị lai. Báo thân của Phật nghĩa là chư Như Lai đã trải qua ba vô số kiếp tu tập vô lượng tư lương phước tuệ nên được vô biên công đức chân thật, tướng tốt các căn thường trụ bất biến, trí tuệ sáng suốt biến khắp pháp giới, đều do căn lành vô lậu xuất thế mà có. Nó chẳng thể nghĩ bàn, vượt qua trí tuệ thế gian vì làm thuần thục các hữu tình mà được hiện ra tướng này để diễn pháp vô tận làm lợi ích vô biên.

Từ Thị nên biết! Đây là báo thân viên mãn của Như Lai.

Hóa thân là tùy theo các hữu tình mà biến hóa, hiện ra vô lượng vô số hóa thân Phật. Thân biến hóa đó hoặc có ở địa ngục thì hiện thân của địa ngục để độ các hữu tình nơi đó thoát khỏi khổ, đem Chánh pháp để hướng dẫn họ phát tâm Bồ-đề, sau đó sinh vào cõi trời, người, hưởng sự vui sướng thù thắng, có lòng tin ưa sâu sắc với Phật pháp, chứng được Phật pháp từng phần và đạt được quả Thánh đạo.

Hoặc sinh vào ngạ quỷ để giáo hóa hữu tình ở đó làm cho họ thoát khỏi sự bức bách của đói khát, đem Chánh pháp giáo hóa để họ phát tâm Bồ-đề, liền sinh lên cõi trời, người hưởng sự sung sướng, thâm nhập Phật pháp, chứng được đạo quả của bậc Thánh.

Hoặc hóa làm bàng sinh thì sinh vào cõi đó, hoặc làm thân Ca-lầu-la, hoặc làm thân rồng, sư tử, voi, ngựa, gấu, hổ, sói, sài lang, dã can, chồn, thỏ, trăn, rắn, cá, rùa, ba ba, bạch hạc, khổng tước, phượng hoàng, uyên ương, oanh vũ, xá-lợi... và nhiều thân khác làm cho các hữu tình đó lìa bỏ sự tàn hại lẫn nhau mà đem lòng Từ bi đối với nhau để lìa xa tất cả các sợ hãi. Đem Chánh pháp để chỉ dạy cho họ tin ưa và quay về nương tựa Phật, Pháp, Tăng, được sinh lên cõi trời, người được hưởng những sự sung sướng, đắc Phật pháp từng phần, chứng đạo quả bậc Thánh.

Hoặc hóa làm hữu tình ở quốc độ khác, hoặc những nơi không có ánh sáng mặt trời, mặt trăng chiếu đến được. Tất cả mọi nơi mọi chỗ không có ánh sáng Phật pháp như vậy thì hóa thân chư Phật thị hiện để kiến lập Chánh pháp để các hữu tình quay về Phật, Pháp, Tăng, cạo bỏ râu tóc, thọ giới cấm của Phật, làm Bí-sô và Bí-sô-ni, hoặc làm Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di xây

dựng Tăng phường, hộ trì Chánh pháp, làm yên ổn cho vô lượng vô số chúng sinh, đưa trời, người đến bờ kia Niết-bàn, chứng đắc quả Phật.

Hoặc sinh lên cõi trời thì hóa thành hữu tình ở cõi đó, khiến họ xa lìa năm dục, tâm không đắm trước, dùng Chánh pháp dắt dẫn họ phát tâm Bồ-đề, quay về Phật, Pháp, Tăng, nhập sâu vào Chánh pháp, an trí vào Niết-bàn, chứng quả giải thoát.

Hoặc sinh cõi người thì hiện ra trong dòng họ Thích ở chốn vương cung, dùng phương tiện khéo léo để giáo hóa các hữu tình, đoạn trừ phiền não, sầu ưu, sinh, già, bệnh, chết trong ba cõi, cho nên hiện ra cảnh vượt thành xuất gia, lấy cỏ Cát tường lót ngồi dưới cây Bồ-đề, ngồi ở đạo tràng tòa bằng Kim cang, chiến thắng quân ma, thành Đẳng chánh giác. Vì giáo hóa hữu tình nên chuyển bánh xe pháp, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp tất cả thế gian, tự lợi và lợi tha đều viên mãn. Hoặc hiện tịch tĩnh nhập đại Niết-bàn.

Đó gọi là Hóa thân Phật.

Tất cả vô lượng, vô biên phương tiện khéo léo như vậy đều là do thần lực tự tại của Như Lai. Như vậy, tức là thể ba thân không có tướng sai khác.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dạy Đại Bồ-tát Từ Thị rằng:

–Này thiện nam! Ý ông thế nào? Nếu thiện nam, thiện nữ nào quy y Phật, thì phải quy y Pháp thân thanh tịnh của Như lai. Nếu muốn cầu Pháp thân Phật nên phát đại thệ rằng: "Nguyện con và tất cả hữu tình kia phải đắc công đức Pháp thân như vậy."

Vì sao phải phát thệ nguyện ấy? Vì Ứng thân Phật biến thiên chỉ trong sát-na. Hóa thân Phật thì mau chứng nhập Niết-bàn. Còn công đức Pháp thân thì y nhiên thường trụ, do đó mà quy y Pháp thân thanh tịnh. Quy y Pháp thân tức là quy y chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu ta lìa bỏ chúng sinh mà thủ Niết-bàn tức là cùng chịu các khổ trong địa ngục. Nếu cùng hữu tình giải thoát thì tuy ở địa ngục không khác gì ở Niết-bàn. Do duyên cớ ấy mà khiến cho chúng sinh quy y Phật, Pháp, Tăng, chứng Niết-bàn an lạc, thể tánh rốt ráo như như, không tăng giảm. Pháp thân như vậy là chân an lạc, cho nên dắt dẫn cho họ quy y Pháp thân Phật.

Lại nữa, này Từ Thị! Sao gọi là Pháp bảo thanh tịnh?

Pháp bảo cũng có ba hạng:

Pháp bảo nghĩa là Niết-bàn cam lồ giải thoát, lấy thường, lạc, ngã, tịnh làm thể tánh, tận trừ tất cả sinh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khổ não.

Sao gọi sinh là khổ? Nghĩa là khi cha mẹ giao hợp, hạt giống bất tịnh

ở trong thai mẹ, do gió nghiệp lực duy trì trải qua chín tháng ở trong chỗ tối tăm không có ánh sáng, sống trong bào thai ô uế bất tịnh, chỗ tám vạn vi trùng xen lẫn, thở ra hít vào theo mẹ, miệng không thể ăn, mắt không thấy được, đói khát, lạnh nóng, khổ não hành hạ thân tâm... Vô lượng các khổ như vậy làm cho chúng sinh không được tự do, nên gọi là sinh khổ. Mặc dầu bị khổ này nhưng có một đức là tất cả oan gia không thể thấy, cũng không thể nói điều đúng sai xấu ác, không thể nào sánh với Niết-bàn an lạc, vì trong pháp này không có pháp khổ như vậy.

Sao gọi là già khổ? Nghĩa là chúng sinh từ nhỏ đến già thay đổi theo thời gian, hễ có sự sung mãn ắt có sự suy giảm, gân sức suy tàn, đi đứng run rẩy, tóc bạc, mặt nhăn, tai mắt hôn ám, răng rụng, dung mạo xấu xí, thân tướng ủ rũ, bị người khinh ghét. Có nói ra điều gì thì liền quên mất, mang thân ấy như đang gánh một gánh nặng. Như ngọn đèn sắp hết dầu, không bao lâu nó sẽ tắt, người già cũng vậy, lúc sức lực gần cạn thì không bao lâu sẽ chết. Giống như mặt nạ che phủ cả mặt mày, làm cho các hữu tình, thấy vậy liền sinh tâm trêu đùa mặt nạ; già cũng như vậy, từ xóm này qua xóm nọ, tất cả chúng sinh đội mũ suy già, ai nấy thấy cũng đều trêu chọc. Do nhân duyên này mà bị khổ não. Khi gần chết đến, không có thuốc để chữa trị. Mặc dầu bị khổ đau nhưng không thấy chán, lại cầu đảo thần kỳ mong được sống lâu. Không có gì sánh bằng sự an lạc Niết-bàn, trong pháp Niết-bàn không có pháp lão khổ này.

Thế nào gọi là bệnh khổ? Nghĩa là địa, thủy, hỏa, phong chống trái nhau, bao nhiêu khổ não dồn kéo vào thân. Tất cả chúng sinh bất cứ già trẻ đều có chung bệnh này. Nào quyến thuộc, họ hàng, vàng bạc, trân châu, năm dục thắng diệu làm an vui thỏa thích thân xác, đều phải xa lìa. Nếu có dạy bảo con cháu thân thích chúng đều không nghe theo, tất cả oán thù, giả trá đều đến bên cạnh. Bệnh khổ như vậy chẳng ai mong muốn, cho nên biết rằng bệnh là khổ lớn. Trong pháp Niết-bàn an vui không có gì sánh bằng, thanh tịnh, vắng lặng, không có pháp bệnh khổ này.

Lại nữa, Từ Thị, sao gọi chết là khổ? Nghĩa là khi chúng sinh hết thở, thần thức biến mất thì không còn biết gì nữa. Tất cả khổ không gì hơn khổ của cái chết. Cái khổ của sinh, già, bệnh trong năm đường thì có hay không đều chẳng nhất định gì cả, nhưng cái khổ của sự chết thì đều cùng chung. Ví như khổ về nghèo khó có thể tìm vinh hoa, khổ oán thù có thể thương yêu, còn khi khổ của chết đến thì bất cứ già, trẻ, ngu si, trí tuệ, sang hèn... tất cả đều phải bỏ lại đằng sau. Xả bỏ thân này rồi vào chỗ tối tăm thì áo quần, ngọa cụ... tất cả tài sản không có gì dùng được, trần trụi mà đi, lại

không có bạn bè, của cải, không tránh khỏi sự chia lìa, có kêu la cũng vô ích. Than ôi! Vô thường có thể làm nguy hại như thế này ư! Giàu sang, quê mùa, không lựa thân; thù. Chúng sinh trong ba cõi không ai có thể tránh khỏi được, tất cả đều bị cái chết trừng phạt, làm sao mà có thể cứu vãn được! Giả sử có vua Chuyển luân, sức Na-la-diên cũng đều bị bắt sống. Nên biết sự khổ của cái chết là vô lượng, vô biên. Lấy đó mà quán sát thì chết là nỗi khổ lớn.

Không gì so sánh được trong pháp Niết-bàn giải thoát, tịch tĩnh an vui, không hề có cái khổ ấy. Giống như có người bị chìm trong sóng biển, được cứu vớt lên núi cao thì không còn sợ hãi gì nữa. Chúng sinh cũng vậy, thường bị chìm đắm trong dòng nước dữ sinh tử, được lên núi Niết-bàn, lìa khỏi sợ hãi sinh tử. Cũng như trời mưa tẩy sạch đi những chướng ngại nóng bức, bụi dơ, mọi người an vui, thân tâm mát mẻ, trăm cây cỏ tốt tươi, hái được nhiều hoa quả. Mưa pháp của Như Lai cũng vậy, diệt trừ tất cả phiền não bức bách, làm cho chúng sinh mát mẻ, an vui, giải thoát, làm phát triển tất cả căn lành bạch tịnh, thành tựu đạo quả, chứng Niết-bàn. Do nhân duyên này, chư Phật Thế Tôn xả bỏ thân vô thường mà chứng Niết-bàn.

Bấy giờ Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này mà nói kệ:

Bản thể Như Lai là Pháp thân
Thanh tịnh giải thoát đồng chân đế
Như mặt trời không lìa ánh sáng
Công đức Như Lai là Niết-bàn.
Chân ngã và Phật không sai khác
Là chỗ hữu tình đều nương tựa
Sinh tử, Niết-bàn chỉ là một
Tánh ấy không hoại, không tạo tác
Dơ sạch, tánh như như, không khác
Chỉ Phật Thế Tôn mới hiểu rõ.
Chúng sinh đều có Như Lai tạng,
Mà hiện Tam bảo nơi thế gian,
Tất cả hữu tình nhập trí Phật,
Vì tánh thanh tịnh không sai khác.
Phật và chúng sinh tánh như nhau,
Phàm phu thấy khác, Thánh thì không
Tất cả chúng sinh vốn thanh tịnh,
Như Lai ba đời đều diễn nói.
Tánh ấy cấu tịnh vốn là một
Chúng sinh với Phật nào sai khác

Hư không trùm khắp không phân biệt
Tâm tánh bình đẳng cũng như vậy.
Ví như cảnh giới của chúng sinh
Khắp cả hư không, bị sinh diệt
Các căn sinh diệt cũng như vậy
Ở cảnh giới vô vi cũng thế.
Ví như lửa, không cháy hư không
Sinh tử chẳng mất tánh vô vi
Đất, lửa, gió nương nhau luân chuyển
Hư không không có chỗ nương tựa
Ba khoa: uẩn, xứ, giới cũng vậy,
Luôn ở nghiệp chủng tánh phiền não,
Nghiệp, phiền não ấy trụ ở đâu?
Thường ở nguồn vọng tưởng vô minh.
Tâm vọng tưởng thường ở chỗ nào?
Luôn ở vô vi tâm thanh tịnh
Uẩn, xứ, giới chỉ là giải bày
Tánh của các pháp là vô trụ
Nghiệp, hoặc nương nhau như đất, nước
Vọng tưởng động chuyển như gió thổi
Tâm tánh vốn tịnh như hư không,
Vọng tưởng là không, không thật có,
Khổ nghiệp phiền não theo vọng sinh
Nghiệp, khổ trở lại nhân phiền não
Hoặc, nghiệp tuần hoàn không cố định
Không nhân, không duyên, không hội họp
Không sinh, không diệt, tánh không tịch
Bản thể sáng suốt, trí thanh tịnh
Tự tánh không sinh, không biến đổi
Nhưng mây phiền não vô minh che
Như mắt mờ thấy hai mặt trăng
Chúng sinh nhị chấp cũng như vậy.
Phiền não giống như ong hút mật
Mật ấy dụ cho Như Lai tàng
Mật ấy bị bu quanh đậu
Người trí giữ thân để lấy mật,
Sáu độ Vô tướng làm phương tiện
Để chứng được thân pháp giới ấy.

Giống như ngũ cốc xay chưa sạch
Không đưa người khác làm thức ăn
Cám phiền não Bồ-tát chưa sạch
Không thể cho người cơm cam lồ.
Người đi rớt của báu chỗ dơ
Trải qua vạn năm không hư hoại
Thiên nhãn thấy của báu vẫn còn
Nhặt lấy lau chùi dùng tùy ý.
Phật thấy chúng sinh tánh chỉ một
Vì muốn tẩy trừ dơ phiền não
Lấy cam lồ Đại thừa làm nước
Rửa sạch bụi trần, hiện tánh Phật.
Giống như ngũ cốc mới nẩy mầm
Gạo có hay không chưa chắc chắn
Phật tánh không lìa cái hữu, vô
Chỉ Phật tự chứng rõ phương tiện.
Tự tánh Pháp bảo hằng thanh tịnh
Chư Phật Thế Tôn nói như vậy.
Bị khách trần phiền não che lấp,
Như mây che khuất ánh mặt trời
Pháp bảo vô cấu, đức đầy đủ
Thường, lạc, ngã, tịnh đều viên mãn.
Làm sao cầu pháp tánh thanh tịnh
Trí vô phân biệt mới chứng biết
Giống như ao trong không dơ bẩn
Hoa sen trong đó thơm, không nhiễm,
Như nhật thực rồi lại chiếu sáng,
Như mặt trời thoát khỏi mây che,
Công đức thanh tịnh trang nghiêm khắp
Tẩy trừ phiền não quang minh hiện.

Đức Phật dạy:

–Từ Thị nên biết! Pháp bảo thứ nhất là pháp bảo giải thoát của Đại Bát-nhã.

Này Từ Thị! Pháp bảo thứ hai tức là các công đức thắng diệu của giới, định, tuệ. Đó là ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần: bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Nhiếp pháp, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi và tám Thánh đạo. Ba mươi bảy pháp này là phương tiện của Pháp bảo

thanh tịnh trước. Phương tiện là gì? Nghĩa là nhờ tu pháp này mà chứng Pháp thân thanh tịnh kia…

Này Từ Thị! Pháp bảo thứ ba là gì?

Nghĩa là Chánh pháp mà quá khứ vô lượng chư Phật Thế Tôn đã nói, nay ta cũng nói như vậy. Chánh pháp đó là tám vạn bốn ngàn pháp uẩn vi diệu điều phục và thuần thục cho chúng sinh có duyên, làm cho các đại đệ tử như A-nan-đà... một khi nghe vào tai đều ghi nhớ ngay, thâu giữ làm năm phần:

1. Tố-thư-lãm (Kinh).
2. Tỳ-nại-da (Luật).
3. A-tỳ-đạt-ma (Luận).
4. Bát-nhã ba-la-mật.
5. Môn đà-la-ni.

Năm kho tàng này để giáo hóa hữu tình, tùy theo người đáng độ mà nói cho họ.

Nếu hữu tình nào ưa thích ở núi rừng, chỗ thanh vắng tu thiền định thì nói tạng Tố-thư-lãm cho họ.

Hữu tình nào ưa thích học oai nghi, hộ trì Chánh pháp hòa hợp lại thành một vị để Chánh pháp trụ lâu dài thì vì họ mà nói tạng Tỳ-nại-da.

Hữu tình nào thích nói về Chánh pháp, phân biệt tánh tướng của các pháp, lần lượt nghiên cứu giáo nghĩa thâm áo, rốt cùng thì nói tạng A-tỳ-đạt-ma cho họ.

Hữu tình nào thích học trí tuệ chân thật của Đại thừa, lìa các phân biệt, chấp trước ngã và pháp thì nói tạng Bát-nhã ba-la-mật cho họ.

Hữu tình nào không thể thọ trì khế Kinh, Luật, Luận, Bát-nhã, hoặc có hữu tình tạo các nghiệp ác bốn trọng, tám trọng, năm tội vô gián, phỉ báng kinh Phương đẳng, bọn Nhất-xiển-đề... tạo các trọng tội, muốn họ được tiêu trừ những tội đó và mau giải thoát, giác ngộ Niết-bàn thì nên nói tạng Đà-la-ni cho họ.

Năm tạng pháp này giống như sữa, bơ, bơ sống, bơ chín và đề hồ. Khế kinh như sữa; Luật như bơ, Luận như bơ sống; Bát-nhã Đại thừa như bơ chín; môn Tổng trì như đề hồ. Trong sữa, bơ, dầu thì mùi vị đề hồ là vi diệu số một; vì có thể tiêu trừ các bệnh, khiến cho thân tâm chúng sinh được an lạc. Trong các Khế kinh, môn Tổng trì là đệ nhất, có thể trừ các tội nặng để chúng sinh giải thoát sinh tử, mau chứng Pháp thân Niết-bàn an lạc.

–Này Từ Thị! Sau khi ta diệt độ, hãy bảo A-nan-đà thọ trì, tuyên nói tạng Tố-thư-lãm. Ưu-ba-ly thọ trì, tuyên nói tạng Tỳ-nại-da. Ca-đa-diễn-na thọ trì, tuyên thuyết tạng A-tỳ-đạt-ma. Bồ-tát Mạn-thù-thất-lị thọ trì tuyên thuyết Đại thừa Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát Kim Cang Thủ thọ trì tuyên thuyết các môn Tổng trì sâu xa vi diệu.

Các giáo môn này có thể diệt trừ phiền não đêm ngày tăm tối của chúng hữu tình để mau thoát khỏi, mau chứng quả giải thoát. Giống như đèn sáng có thể phá trừ tối tăm để được kiến đạo. Phật cũng như vậy, đuốc trí tuệ có thể chiếu sáng mười điều bất thiện của hữu tình, khiến cho thấy được thiện đạo. Khi nghe pháp này rồi, hữu tình nào xan tham của báu, liền bố thí cho những người nghèo khổ. Những chúng sinh nghiệp ác, nghe pháp này rồi, liền bỏ ác tu thiện. Người sân giận thì nhẫn nhục, người giải đãi thì tinh tấn, người tâm tán loạn thì yên tịnh. Người ngu si thì phát trí tuệ, rồi thì hồi tâm tu các nghiệp thiện. Lại có hữu tình nghe pháp này rồi đóng bít cửa nẻo ác, khai mở đường Niết-bàn, giống như cam lồ, chứng quả giải thoát. Đây là Pháp bảo thứ ba.

Với ba Pháp bảo này, tất cả chúng sinh cần phải quy y Pháp bảo vô vi. Sự tối tôn tối thượng trong tất cả các pháp, không gì hơn là vô vi. Vì sao vậy? Vì nó có thể làm chiếc thuyền cứu vớt chúng sinh trong biển khổ sinh tử, nó có thể làm thuốc mầu cam lồ cho chúng sinh, lại là quả sở chứng mà chư Phật Bồ-tát trải qua ba vô số kiếp đã hành lục độ vạn hạnh. Công đức viên mãn của diệu pháp như vậy nên phải quy y Pháp bảo vô vi. Nếu có chúng sinh nào thọ trì kinh nên phát nguyện như vầy: “Con nguyện quy y pháp bảo như vậy. Quy y Pháp rồi, con nguyện cho tất cả chúng sinh trong năm đường cùng phát nguyện như con ngày nay, để chúng sinh an trụ trong pháp công đức này, đưa đến chỗ quý báu chân thật của Niết-bàn. Từ Thị nên biết! Đó gọi là Pháp bảo thứ ba.

Này Từ Thị! Tăng bảo chân thật là gì? Tăng bảo cũng có ba:

Đệ nhất nghĩa Tăng: nghĩa là chư Phật, Thánh tăng sống đúng như pháp, không thể thấy, không thể nắm bắt, không thể phá hoại, không thể thiêu đốt, không thể nghĩ bàn, là ruộng phước tốt lành của tất cả chúng sinh. Tuy là ruộng phước nhưng không có gì nhận, không có gì lấy, vì các pháp công đức thường hằng không biến đổi. Đó là nghĩa Tăng thứ nhất.

Thánh Tăng: nghĩa là Tu-đà-hoàn hướng Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm hướng Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm hướng A-na-hàm quả, A-la-hán hướng A-la-hán quả, Bích-chi-phật hướng Bích-chi-phật quả, Bát Đại nhân

giác, ba Hiền, mười Thánh. Đó là Tăng bảo thứ hai.

Phước điền Tăng: nghĩa là Bí-sô, Bí-sô-ni thọ trì giới cấm, đa văn trí tuệ, giống như cây Thiên ý che mát cho chúng sinh. Như đi trong bãi sa mạc hoang vắng, đang lúc khát tìm nước bỗng gặp trời mưa cam lồ rót xuống kịp thời, làm cho đầy đủ, giống như tất cả châu báu đều phát sinh từ trong biển lớn. Ruộng phước Tăng bảo cũng vậy, có thể đem sự an ổn, vui sướng đến cho hữu tình. Tăng bảo này thanh tịnh không nhiễm, có thể diệt trừ những tham, sân, si cho chúng sinh. Như đêm rằm trăng sáng vằng vặc, tất cả hữu tình đều được chiêm ngưỡng. Giống như ngọc ma-ni làm mãn nguyện những điều lành cho tất cả hữu tình. Đó gọi là Tăng bảo thứ ba.

Đó là ba Tăng bảo.

Tất cả hữu tình làm sao quy y ba nghĩa Tăng bảo như thế, nên nói cho họ như vậy để họ quy y Tăng bảo vô vi đệ nhất nghĩa đế. Vì sao vậy? Vì vô vi là thường trụ Tăng, mà Tăng bảo này là vô lậu vô vi, là pháp tự chứng, không biến đổi không sai khác. Quy y Tăng bảo vô lậu như vậy có thể diệt trừ tất cả khổ nạn cho hữu tình. Lại nguyện cho hữu tình sẽ đạt được công đức vô lậu như vậy. Khi được pháp này rồi, hãy diễn nói pháp ba thừa để độ thoát hữu tình.

Ta được quy y Phật, Pháp, Tăng bảo, không còn sợ hãi khổ trong ba đường ác, cũng không muốn sinh lên cõi trời, người chỉ thề nguyện cứu hữu tình ra khỏi khổ sinh tử. Đó gọi là quy y Tăng bảo.

Lại nữa, này Từ Thị! Nếu có chúng sinh nào quy y Tam bảo hãy phát tâm như vầy: "Ta nay đã làm thân này, sinh vào cõi người là được xa lìa tám nạn, điều khó được có thể được, đem phương tiện tốt lành này học tập tất cả pháp nhiệm mầu thù thắng. Nếu ta trái với lời nguyện trên mà không cầu pháp lành là tự dối gạt mình.

Cũng như có người chèo thuyền vào biển, đến chỗ châu báu mà lại về tay không. Như vậy, quy y Phật, Pháp, Tăng bảo là phương tiện để thoát khổ. Nếu không quy y, sau này có hối hận cũng không kịp. Đã biết như vậy rồi, nên siêng năng tinh tấn tu tập để lời nguyện mau thành tựu. Khi pháp lành đã thành tựu thì cần phải sám hối tội lỗi trong quá khứ được tiêu trừ. Lại nói như vầy: "Ta từ vô thỉ sinh tử đến nay, thân, khẩu, ý nghiệp đã tạo ra vô lượng, vô biên tội lỗi đều do tâm hư vọng điên đảo mà ra. Đối với các bậc tôn túc như: cha mẹ, Hòa thượng, Sư trưởng, Phật, Pháp, Tăng bảo, mà đã tạo ra các tội, nay đều xin sám hối."

Lại có hai việc tạo ra các tội rất nặng như núi Diệu cao: Một là thương yêu; hai là oán thù.

Ở trong sinh tử nguy cấp mà hai loại hữu tình oán, thân kia không thể làm lợi ích được cho chính mình thì nên quán sát khắp cả như vầy: Người kia và ta phải bị tiêu diệt, thì vì sao ta tạo tội này để làm gì? Tất cả hữu tình trong mười phương thế giới tạo ra các nghiệp thiện cùng với bậc Hữu học, Vô học, Độc giác, Thanh văn, đệ tử Phật, tất cả Hiền thánh ta đều tùy hỷ. Lại nữa, từ vô thỉ đã bị luân hồi sinh tử, làm thân trong năm đường, vô lượng oán, thân, ta chưa từng làm được một việc lợi ích nhỏ dầu như sợi lông thì hiện tại, vị lai cũng không thể có được. Từ vô thỉ, ta là oán, thân của người kia mà tạo ra các tội, ta nguyện tự mình nhận lấy, thề không quấy nhiễu tất cả chúng sinh khác. Nếu khi ta gặp hoạn nạn, tìm người thương yêu để đem lòng từ chăm sóc, giúp đỡ ta, xoa bóp, tắm rửa, cung cấp thức ăn uống; đau ốm thì có thuốc thang và nhiều thứ vật dụng khác. Mặc dầu như vậy nhưng cái khổ trong thân ta không ai có thể thay thế được, huống gì trong đời vị lai mà cứu ta ra khỏi được khổ lớn của sinh tử. Trong hiện tại, thân này của ta không nơi nương tựa, huống gì đời vị lai. Thân ta đã như vậy thì hữu tình cũng thế, ta và họ đều không có chỗ cậy nhờ, cho nên quy y chân thật Tam bảo. Vì sao vậy? Vì Tam bảo là thường trụ, giống như trong đường hiểm nạn thì người trí phải tìm người có sức lực để cứu hộ. Chúng sinh cũng vậy, sinh tử hiểm nạn nên quy y Tam bảo để làm người hướng dẫn mới có thể vượt qua biển lớn sinh tử. Nếu ta được như vậy cũng là chủ của mình rồi, vì cứu giúp tất cả chúng sinh khổ nạn, nên phát tâm đại thệ nguyện như vậy.

Khi được lòng tin mạnh mẽ rồi, thì ở trước Phật trịch áo bày vai phải, quỳ gối chắp tay xin quy y Phật, Pháp, Tăng bảo. Giống như người nghèo khổ trong thế gian bị mọi người khinh khi, đánh đập, sai khiến, quở mắng, mạ nhục. Bị khinh khi rồi, người kia tìm đến người tôn quý, có thế lực để làm chủ của mình thì sẽ tránh khỏi những khinh khi, mạ nhục ấy.

Hữu tình cũng vậy, ai sinh trong đường ác hoặc cõi người, luôn bị các khổ hành hạ thân, vì muốn tránh khỏi sự đau khổ mà quy y Tam bảo thì các khổ ấy đều được tiêu trừ. Đã quy y Tam bảo rồi, lại phát nguyện rằng: "Con nguyện cứu hộ tất cả chúng sinh vượt qua biển sinh tử, để đến bờ bên kia Niết-bàn."

Giống như chủ buôn hướng dẫn các con buôn vượt qua sa mạc hoang vắng hay đường hiểm nạn để đến chỗ bình an. Đạo sư Tam bảo cũng vậy, hướng dẫn hữu tình vượt qua đồng hoang sinh tử để đến Niết-bàn, không còn lo sợ.

Từ Thị nên biết! Người phát tâm tu hạnh Đại thừa nên quy y Tam

bảo như vậy.

-oOo-

KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 2

Phẩm 2: Đà-La-Ni Hộ Trì Quốc Giới

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói nghĩa lý thâm sâu để rõ nghĩa chắc thật sáu pháp Ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Ngay khi ấy, ở phương Đông có ánh sáng lớn màu vàng ròng rực rỡ chiếu khắp tinh xá Trúc lâm Ca-lan-đa-ca thuộc thành Vương xá, cho đến cả tam thiên đại thiên thế giới đều có màu vàng ròng. ở thế giới này, tất cả ánh sáng của chư Thiên Hộ thế tứ vương Thích Đề-hoàn Nhân cho đến Tha hóa tự tại Thiên vương, Đại phạm Thiên vương và mặt trời, mặt trăng, sao, đèn... không thể nào sánh bằng, trừ hai loại ánh sáng là của chư Phật Thế Tôn và khi Bồ-tát được thọ quán đảnh, còn những thứ ánh sáng khác đều bị che lấp không thể hiển hiện.

Lại nữa, sức ánh sáng mặt trời, mặt trăng đều chiếu khắp trong tam thiên đại thiên thế giới. Dù mặt trời, mặt trăng có oai đức lớn, có ánh sáng lớn như vậy, nhưng không thể nào chiếu đến chỗ chúng sinh ở nơi tối tăm. Còn ánh sáng của Phật làm cho hữu tình đều thấy nhau. Tất cả cung điện, nhà cửa, tường vách, núi rừng, cây cỏ, tất cả mọi vật trong thế giới này không thể nào ngăn cản, che lấp ánh sáng của Phật được.

Tất cả các núi: Hương sơn, Bảo sơn, Hắc sơn, Vân sơn, Diệu cao sơn, Thiết vi, Đại thiết vi, Mục-chân-lân-đà, Ma-ha Mục-chân-lân-đà, cùng nhiều núi khác, lúc gặp ánh sáng này rồi, ánh chiếu thấu cả trong lẫn ngoài, không có gì làm chướng ngại được. Dưới đến địa ngục A-tỳ, trên đến trời Phi tưởng, Phi phi tưởng đều nhờ ánh sáng này mà chiếu sáng rực rỡ. Tất cả các ánh sáng trong tam thiên đại thiên thế giới như vậy hòa hợp thành một, không có hai tướng. Chúng sinh trong đó, ai gặp ánh sáng này, phiền não tội cấu đều được tiêu trừ, thân tâm an lạc và họ nghĩ rằng: "Chúng ta nhờ ánh sáng này mà được an lạc."

Khi ấy, trong hội bỗng nhiên có sáu mươi câu-chi hoa sen bằng bảy báu giống như bánh xe, từ dưới đất vọt lên, mùi thơm ngào ngạt, màu sắc tươi đẹp và đủ thứ màu, ai nấy đều thích nhìn. Mỗi mỗi hoa lại có vô số

trăm ngàn cánh. Phía trên hư không của chúng hội tự nhiên có lộng quý bằng lưới châu báu vi diệu, kết lại với nhau che khắp cả đại chúng, ai nấy đều vui thích giống như chạm vào áo Ca-gia-lân-để-ca mềm mại, đẹp đẽ. Từ trong những hoa sen ấy tỏa ra mùi thơm khắp cả tam thiên đại thiên thế giới. Tất cả hương thơm của Trời, Rồng, Thần... và tất cả các hương thơm của cây cỏ trong thế gian cũng không sánh bằng hương thơm này. Tất cả hữu tình trong tam thiên đại thiên thế giới đều được xông ướp mùi hương và vui mừng không kềm chế được. Ai nấy đều phát đạo tâm, làm cho tất cả phiền não tội cấu đều tiêu trừ.

Lúc ấy, A-nan-đà thấy tướng ánh sáng hiếm có, kỳ lạ đặc biệt chưa từng thấy này, liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa sang lại pháp phục, bày vai phải, quỳ gối chắp tay, thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà hiện tướng ánh sáng kỳ lạ này? Ánh sáng và mùi thơm của hoa báu này từ xưa con chưa được nghe thấy. Từ đâu hiện đến điềm lành này? Cúi xin Thế Tôn phân biệt giải nói để cho tất cả chúng hội đây đều nghe biết.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn dạy A-nan-đà rằng:

–Ông nên biết, cách đây về phương Đông có thế giới tên Bất thuấn, ở đó có Đại Bồ-tát tên Vô Tận Tạng cùng sáu mươi câu-chi chúng Đại Bồ-tát cung kính vây quanh, vì phát tâm muốn cầu Bồ-đề nên hiện điềm này.

Khi Thế Tôn nói như vậy, mặt đất chấn động sáu cách. Bồ-tát Vô Tận Tạng phóng ánh sáng lớn, hiện đại thần thông, oai đức tự tại, mưa hoa thơm đẹp. Vô lượng chư Thiên dùng nhiều loại âm nhạc nghinh tiếp, cúng dường Bồ-tát ấy.

Bồ-tát Vô Tận Tạng cùng sáu mươi câu-chi chúng Đại Bồ-tát đến tinh xá Trúc lâm Ca-lan-đa-ca này, đứng trong hư không cao bảy cây Đa-la, chắp tay cung kính hướng về Phật, đồng thanh nói vang khắp cả tam thiên đại thiên thế giới ca ngợi công đức vô lượng của Như Lai, dùng âm thanh vi diệu nói kệ:

Ôi! Bậc Đại Ngộ không nhiễm trước
Vô ngại diệu trí, mắt thanh tịnh
Trừ ba độc tập khí vô minh
Con lễ Vô Đẳng Đại Từ Tôn
Xa lìa sợ hãi các lưới nghi
Mười Lực, Biện tài, Vô sở úy
Tự tại giống như Sư tử chúa
Dị đạo tà kiến đều run sợ.

Tuệ nhật Như Lai ánh sáng lớn,
Chiếu khắp mười phương không chướng ngại
Vô minh ám chướng hoặc đã tận
Như mặt trời chiếu sáng thế gian.
Người đau khổ không nơi nương tựa
Sinh, già, bệnh, chết mãi nổi trôi
Cúi xin Đại Từ Tôn thương xót
Cứu nạn luân hồi trong biển khổ
Vô minh điên đảo gốc sinh tử
Tất cả vọng tưởng là sóng dữ.
Hai chướng trừ xong, trí tự tại,
Dạo chơi không nhiễm giống hoa sen
Các pháp vô ngã, vốn không tịch
Giống như tiếng vang tánh không thật
Không làm không thọ, như huyễn hóa
Cứu đời thương xót luôn diễn nói.
Phật hiểu các pháp như mây nổi
Cũng như thác nước chảy rất nhanh,
Pháp đời không thật, người ngu học
Trí Phật quán rõ đều đoạn trừ,
Mắt Phật giống như hoa sen xanh
Vượt hơn nhật nguyệt trăm ngàn lần
Trời, người ba đời đều khen ngợi.
Con lễ Điều Ngự khó nghĩ bàn
Phật đủ vô lượng đức như vậy
Độ hết chúng sinh như hằng sa
Công đức vô lậu diệu trang nghiêm
Cho nên con nay xin kính lạy.

Khi ấy, Bồ-tát Vô Tận Tạng cùng sáu mươi câu-chi Đại Bồ-tát dùng kệ vi diệu ca ngợi Như Lai rồi từ trên hư không xuống lạy dưới chân Như Lai và đi nhiễu bảy vòng. Nương theo Thánh chỉ của Phật, tất cả đều đến ngồi kiết già trên hoa sen.

A-nan-đà nhờ thần lực của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai phải, quỳ gối chắp tay, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Vô Tận Tạng này từ đâu đến đây? Đức Phật trong thế giới ấy hiệu là gì? Cách đây bao xa? Cúi xin Đức Thế Tôn phân biệt giải nói.

Lúc ấy, Phật dạy A-nan-đà:

–Ông hãy hỏi Đại Bồ-tát Vô Tận Tạng thì Bồ-tát sẽ vì ông mà nói rõ.

Lúc ấy, A-nan-đà hỏi Đại Bồ-tát Vô Tận Tạng:

–Ngài từ đâu đến? Phật trong thế giới đó hiệu là gì? Cách đây gần hay xa? Xin ngài hãy nói rõ.

Lúc ấy, Bồ-tát Vô Tận Tạng hỏi lại:

–Ông vẫn còn có tướng đến, đi, chưa bỏ được ư?

A-nan-đà nói:

–Tôi đã biết nghĩa này lâu rồi.

Bồ-tát Vô Tận Tạng hỏi:

–Ông đã biết rồi sao còn phải hỏi. Như vậy là có hai tâm phân biệt. Nếu nói đến là có nghĩa duyên khởi. Nếu nói đi là có nghĩa duyên diệt. Chỗ nào không có tướng sinh diệt này?

Chỉ quốc độ của tôi là không có tướng đến, đi, sinh, diệt. Nếu không đến, đi là chỗ sở hành của Thánh trí. Nếu có đến, đi tức là tướng sinh diệt của thế gian. Nếu có âm thanh, văn tự cũng là tướng sinh diệt khởi tận của thế gian. Nhưng quốc độ tôi vốn không có văn tự, cũng không có nói tướng sinh diệt. Nếu không sinh diệt tức là cảnh giới sở hành của thị giác Thánh trí, lìa tướng văn tự thì được giải thoát.

A-nan-đà thưa Bồ-tát Vô Tận Tạng:

–Thưa Thánh giả, tôi không dám hỏi Đại sĩ biện tài về nghĩa sâu xa như vậy. Chỉ hỏi chỗ thế giới Thánh giả ở cách đây gần hay xa, và danh hiệu của Phật mà tôi chưa từng nghe. Giống như người thâu thuế ở cửa ải đối với người qua lại, bất luận của cải nhiều ít, có hay không cũng đều hỏi. Thanh văn tôi nay cũng vậy, nghe người khác nói Chánh pháp, hiểu sâu mà tu hành, tự mình cầu Niết-bàn, đó gọi là Thanh văn. Nay tôi thấy pháp Thánh giả nên hỏi Ngài. Sau khi tôi được nghe sẽ ưa thích tu tập để được an lạc, vì tôi muốn làm tăng trưởng pháp Đại thừa, vì tất cả Thanh văn, Độc giác đều từ Đại thừa mà ra. Cho nên tôi hỏi Thánh giả từ đâu đến, cách đây gần hay xa, hiệu Phật là gì?

Bồ-tát Vô Tận Tạng trả lời A-nan-đà:

–Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở gần đây sao ông không hỏi. Ngài sẽ vì ông mà thọ ký điều này để cho chúng hội này không còn nghi ngờ.

Khi ấy, A-nan-đà từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại pháp phục, trịch áo bày vai phải, quỳ gối chắp tay bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Cúi xin Đại Thánh Thế Tôn hãy nói cho con rõ. Nhờ

nghe được pháp này mà vô số hữu tình trong hội đây sẽ mặc áo giáp tinh tấn để tu hạnh Bồ-tát.

Đức Thế Tôn dạy A-nan-đà:

–Nay ông hãy nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ, ta sẽ vì ông mà phân biệt diễn nói về gần xa của thế giới Phật kia và danh hiệu công đức trang nghiêm của Phật đó. Phật đó là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác Vô Ngại Vô Trước, đắc trí Nhất thiết trí. Đại chúng các ông nên tín thọ, đừng có nghi ngờ.

A-nan-đà bạch Phật:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Chúng con xin muốn được nghe.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn bảo A-nan-đà:

–Cách đây về phương Đông, qua mười hằng hà sa vi trần thế giới, có một thế giới tên Bất thuấn. Trong thế giới đó có Thế Tôn hiệu Phổ Hiền Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, hiện đang nói pháp Đại thừa. Bồ-tát Vô Tận Tạng từ thế giới đó mà đến đây. Chúng hội của Đức Phật ấy chỉ là Đại Bồ-tát chứ không có danh từ Thanh văn, Bích-chi-phật, huống gì là có thật. Bồ-tát ấy đã tích chứa tịnh nghiệp đã từ lâu; bố thí, điều phục, khéo chế ngự sáu căn, luôn hành hạnh nhẫn nhục không bị chướng ngại, tâm Bồ-đề kiên cố, siêng năng tinh tấn, thành tựu hoàn toàn tịch tĩnh giải thoát và thành tựu chánh định Tam-ma-bát-đề, thần thông tự tại, đại trí quang minh, tự tại vô ngại, văn tự tinh hoa, Từ, Bi, Hỷ, Xả giống như hư không, có thể đánh bại tà luận dị đạo, chiến thắng quân ma oán thù, dũng mãnh không thoái lui, thành tựu được Phật trí thậm thâm vi diệu. Mười Lực của Như Lai, bốn Vô sở úy, biện tài không đoạn mất, trí tuệ vô ngại, đi sâu vào duyên khởi, có thể lìa bỏ hữu vô, tu hành Trung đạo, không còn ngã và ngã sở, tướng ngã, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng, người làm, người nhận, người biết, người thấy, đoạn kiến, thường kiến, xa lìa tất cả các kiến vọng chấp, chứng được Đà-la-ni vua của Tố-thư-lãm. Dùng ấn của Như Lai mà ấn quán khắp chúng sinh, kiên cố không xả bỏ, tất cả xem như con một, không có hai tâm, diễn pháp cam lồ như Sư tử hống. Tất cả hữu tình thượng, trung, hạ nghe được pháp này đều được lợi ích, mau chóng an trụ trên con đường chân chánh Niết-bàn. Ba Minh, sáu Thông, đủ tám Giải thoát, nối dòng Tam bảo, hữu, vô đều đoạn tuyệt. Người nhận chức Quán đảnh làm Pháp chủ, có thể hiểu rõ hữu tình, độ người chưa độ, đến đạo tràng ngồi ở gốc Bồ-đề, ngự tòa Sư tử, tự tại không lo sợ, chiến thắng ma oán, có thể hiện thân Phật, đầy đủ tướng tốt, có thể chuyển bánh xe pháp thanh tịnh vô thượng, chỉ toàn Đại

Bồ-tát Tăng làm quyến thuộc vây quanh nói pháp làm lợi ích cho hữu tình.

Khi nghe Phật nói công đức của chư Đại Bồ-tát, tất cả chúng sinh trong hội rất vui mừng, không thể kềm chế được, liền dùng vô lượng hoa trời Ôn-bát-la, hoa Bát-đặc-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca, hoa Mạn-trà-la, Ma-ha mạn-trà-la và nhiều loại hoa khác mà rải cúng dường Phật cùng Bồ-tát Vô Tận Tạng, sáu mươi câu-chi Đại Bồ-tát và đại chúng. Mọi người hoan hỷ và nói như vầy:

–Chúng ta ngày nay được lợi ích lớn, được thấy chúng Đại Bồ-tát này. Nếu chúng sinh ở quốc độ khác nghe ta cúng dường mà gần gũi ta thì cũng được lợi ích. Người nào nghe pháp công đức của Bồ-tát ấy đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác. Khi ấy, ba mươi sáu ức chúng sinh trong hội này đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Đức Thế Tôn dạy A-nan-đà:

–Thế giới của Phật Bất Thuấn ấy không có các khổ và ba đường ác, cũng không có tên ấy nữa, không có tên gọi năm chúng phạm giới, không có tiếng phiền não suy nghĩ, không có người nữ ganh tỵ, keo kiệt, giải đãi, sân nhuế, loạn ý, ngu si, cũng không có chướng ngại và các tập khí, cũng không có tên loại phức tạp của các loại bậc thượng, trung, hạ..., không có chỗ sai khác của ba thừa Phật, Pháp, Tăng bảo bình đẳng một tướng, không có ma, ma dân, dị đạo tà kiến, không có những việc đói, khát, lạnh, nóng, không có tướng ngã, ngã sở, tướng nam nữ và vô vàn tên gọi khác cùng nhau tồn tại. Thế giới đó rộng lớn, trang nghiêm, lấy sáu mươi vạn ức câu-chi cõi Phật làm một cõi Phật. Không có mặt trời, mặt trăng, chỉ dùng ánh sáng của nguyện lực Bồ-tát mà chiếu sáng, mặt đất bằng phẳng như bàn tay, thuần bằng ngọc biếc và nhiều loại châu bảo như Phệ-lưu-ly, mạt-ni châu và vô vàn thứ châu báu khác trang hoàng lẫn lộn. Lại dùng hoa sen xanh để rải lên, hoa sen ấy tươi sáng mềm mại không gì bằng, giống như áo Ca-già-lân-đề-ca của trời. Có tám hàng cây bóng rợp với nhau sum suê bao quanh để làm tường vách và được trang hoàng bằng nhiều loại hoa, ở đó không có sắt đá, hầm hố, gò nổng, đất đá, núi hiểm, gai góc độc hại, mà chỉ toàn là vô số núi cao quý báu. Tuy có trời, người nhưng hình tướng giống nhau, không dựa vào những đồ ăn tạp nhạp để nuôi thân, không có những thứ tiểu tiện dơ nhớp bất tịnh, thường dùng Pháp hỷ, Thiền duyệt để làm vị thực. Cõi đó trang nghiêm thanh tịnh, chỉ có bậc Pháp vương, Phật ấy giáo hóa Đại Bồ-tát, không có văn tự và cũng không ngôn thuyết. Khi các Bồ-tát ấy nhận sự giáo hóa, thì liền đến chỗ Phật cung kính chắp tay, mắt nhìn chăm chú chiêm ngưỡng Như Lai mà tự nhiên thành tựu niệm

Phật Tam-muội, cho nên thế giới ấy tên là Bất thuấn (tức là nhìn chăm chú).

Niệm Phật Tam-muội là gì? Nghĩa là chẳng phải do sắc tướng sinh; chẳng phải do thọ, tưởng, hành, thức sinh; chẳng phải do trí tuệ hai đời trước, sau sinh; chẳng phải hiện tại do thấy nghe sinh.

Phật dạy A-nan:

–Niệm Phật Tam-muội không thể nghĩ bàn. Đối với Phật pháp không có gì để hành, mà chỉ quán các pháp như thật tướng, không nói, không dạy, không tướng, không tên. Đây gọi là niệm Phật Tam-muội.

Bấy giờ Đại Bồ-tát Mạn-thù-thất-lị đứng dậy, bày áo vai phải, quỳ gối chắp tay, cung kính thưa Phật:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì nghĩa lý sâu xa của kinh sáu Ba-la-mật-đa thì được bao nhiêu phước đức?

Phật dạy:

–Nếu thiện nam, thiện nữ nào ở nơi chín mươi ức hằng hà sa na-do-tha trăm ngàn chỗ Phật cúng dường cung kính, tôn trọng, khen ngợi, ý ông thế nào? Công đức thiện nam, thiện nữ đó có nhiều không?

Mạn-thù-thất-lị thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Nay ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói về nghĩa đó. Nếu thiện nam, thiện nữ đối với pháp bảo Đại thừa nghĩa lý sâu xa của kinh sáu Ba-la-mật-đa này, cho đến một câu, một bài tụng, thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói và thực hành theo đó thì công đức này vượt trội hơn công đức trước kia. Vì pháp môn vi diệu sáu Ba-la-mật-đa Đại thừa lý thú chính là mẹ của chư Phật, sinh ra chư Như Lai.

Mạn-thù-thất-lị thưa:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Con muốn ủng hộ đất nước và người thọ trì kinh này, thường ủng hộ và tẩy trừ tất cả chướng ngại nguy nạn mà nói bài bí mật Đà-la-ni.

- Thứ nhất chân ngôn là Căn bản thân: *Nam-mô Tát phạt vĩ nê, án phạ di thấp phạt la.*

- Thứ hai chân ngôn là Tâm: *Án mục.*

- Thứ ba chân ngôn là Đầu: *Án mẫu mục.*

- Thứ tư chân ngôn là Đỉnh đầu: *Án yêm ám mục.*

- Thứ năm chân ngôn là Áo giáp: *Án ái mục sa ha.*

- Thứ sáu chân ngôn là Binh khí: *Án lọc mục.*

Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Văn cú Đà-la-ni này là những chi tiết Pháp thân của chư Phật ba đời mà chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai đã tuyên nói. Nếu thiện nam, thiện nữ ở nơi chỗ thanh vắng, mặc áo mới, phát tâm rộng lớn không phân biệt mà đọc tụng trăm ngàn lần, chắc chắn được nghe nhận, không bao giờ quên mất. Nếu thiện nam, thiện nữ thọ trì kinh ấy thì nên biết đó là Pháp sư. Nếu ai khinh chê, xúc phạm Pháp sư này, tức là khinh chê, xúc phạm chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai.

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen Đại Bồ-tát Mạn-thù-thất-lị:

–Lành thay, lành thay! Nay ông nói chân ngôn của chư Phật để làm lợi ích, ủng hộ, thương xót tất cả chúng sinh và tẩy trừ đi các chướng nạn cho họ.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Phổ Hiền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày áo vai phải, quỳ gối chắp tay, cung kính thưa:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Con cũng muốn ủng hộ đất nước và người thọ trì kinh này, thường bảo vệ và tẩy trừ chướng nạn cho những chúng sinh nên con nói văn cú bí mật Đà-la-ni:

Nam-mô ra hộc đán,

Nam-mô tất đà nam,

Nam-mô a lị dã nam,

Nam-mô ta nộ nam đát địa tha.

Án, chỉ rị chỉ rị ni, tất rị tất rị ni, tứ rị tứ rị ni, tứ sất tứ sất ni, ế ê hề đà la ni tam ma sa ha.

Bạch Thế Tôn! Văn cú Đà-la-ni này chính là văn chú mà chư Phật ba đời đã tuyên nói. Nếu thiện nam, thiện nữ thọ trì kinh này, nên biết đó là Pháp sư. Nếu ai khinh chê Pháp sư này tức là đã xúc phạm đến chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai.

Bấy giờ Đại Bồ-tát Đại Thánh Quán Tự Tại đứng dậy, trịch áo bày vai phải, quỳ gối chắp tay cung kính thưa:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Con cũng muốn ủng hộ thiện nam, thiện nữ thọ trì kinh này, con luôn bảo hộ họ và quốc độ họ ở để diệt trừ tất cả chướng nạn cho họ mà nói văn cú Đà-la-ni:

Nam-mô ta mãn đa một đà nam, đát địa tha. Án rị nhĩ lê, rị nhĩ lê, nga la rị nhĩ lê, giản sá rị nhĩ lê, vĩ chỉ lê sa ha.

Bạch Thế Tôn! Đà-la-ni này được chư Phật ba đời đã tuyên nói. Nếu

thiện nam, thiện nữ nào thọ trì kinh này thì nên biết đó là Pháp sư. Nếu ai khinh chê Pháp sư này tức là khinh chê chư Phật ba đời.

Khi ấy, Mạn-trà-la, chư Thiên và Bồ-tát đều tập hợp đầy đủ. Tên các vị ấy là: Kim Cang Tát-đỏa, Kim cang Vương, Kim cang Nhiễm, Kim cang Thiện Tai, Kim cang Bảo, Kim cang Oai, Kim cang Tràng, Kim cang Ái, Kim cang Pháp, Kim cang Lợi, Kim cang Nhân, Kim cang Ngữ, Kim cang Yết-ma, Kim cang Hộ, Kim cang Dược-xoa, Kim cang Quyền, Kim cang Tát-đỏa, Kim cang Bảo, Kim cang Pháp, Kim cang Yết-ma, Kim cang Hỷ Hý, Kim cang Man, Kim cang Ca, Kim cang Vũ, Kim cang Hương, Kim cang Hoa, Kim cang Đăng, Kim cang Đồ Hương, Kim cang Câu, Kim cang Tố, Kim cang Tỏa, Kim cang Linh, Kim cang A-vĩ-xa... đồng thanh nói Chủng tử Pháp thân Đà-la-ni rằng:

Án, mộ khiếm a hồng đát lan, hột rị ố.

Chư Đại Bồ-tát này cung kính chắp tay thưa:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Chúng con nếu thấy người nào thọ trì kinh này, dù một bài tụng một câu, sẽ cúng dường tôn trọng người đó giống như cung kính tôn trọng Như Lai Tỳ-lô-giá-na không khác.

Khi ấy sáu Bồ-tát ba-la-mật-đa đầy đủ oai nghi đứng trước Phật tự nói văn cú bí mật Đà-la-ni:

1. Bồ-tát Bố thí ba-la-mật-đa nói chân ngôn:

Nam-mô bạt già phạt đế duệ đát rị cầm noa rị, ma ha bát thố mê hồng tố.

2. Bồ-tát Trì giới ba-la-mật-đa nói chân ngôn:

Nam-mô bạt già phạt đế duệ hạ ra hạ ra ưu thí lược, nãi dĩ đê cát lê bát ra một đà hồng phát sất.

3. Bồ-tát Nhẫn nhục ba-la-mật-đa nói chân ngôn:

Nam-mô bạt già phạt đế duệ tô la bát để nãi dĩ để mặc hồng nhĩ, nhĩ phệ sái tố.

4. Bồ-tát Tinh tấn ba-la-mật-đa nói chân ngôn:

Nam-mô bạt già phạt đế duệ cáo tư nhĩ da, mạt lãm vi mao hạ da hồng phát sất.

5. Bồ-tát Thiền định ba-la-mật-đa nói chân ngôn:

Nam-mô bạt già phạt đế duệ tứ lý tứ lý, chỉ lý chỉ lý, nhĩ lý nhĩ lý, cũ sát sất, củ sát sất. Án, mộ rị mộ rị phạ sa ha.

6. Bồ-tát Trí tuệ ba-la-mật-đa nói chân ngôn:

Nam-mô bạt già phạt đế duệ yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết

đế, mạo địa sa ha.

Khi ấy, sáu Bồ-tát Ba-la-mật, chư Thiên.... đều bạch Phật:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Chúng con muốn ủng hộ người thọ trì kinh này mà nói văn cú Đà-la-ni này. Nếu thiện nam, thiện nữ nào thọ trì kinh này, cho đến một bài tụng một câu, chúng con sẽ cúng dường cung kính, tôn trọng, khen ngợi giống như Phật không khác.

Lúc ấy, Thiên vương Tỳ-sa-môn cũng muốn ủng hộ quốc độ và người trì kinh này, nên nói tự tâm chân ngôn:

Đát địa tha câu na lý, a để miệt đế nại đế, a na để, câu na lý sa ha.

Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-xoa cũng muốn ủng hộ quốc giới và người thọ trì kinh này mà nói chân ngôn:

Đát địa tha, a nga ninh nga ninh, ngao rị ngạn na rị chiên noa lý ma đăng thị bốc yết tư tăng củ lê một lô, sái lê sa ha.

Thiên vương Đề-đầu-lại-sất cũng vì ủng hộ thế giới và người thọ trì kinh này mà nói chân ngôn:

Đát diệt tha, y lê, nộ mễ lê, nộ bế nhĩ, nội y lê, bế lê, bế nhĩ, sa ha.

Lúc ấy, Thiên vương Tỳ-lâu-bác-xoa cũng vì muốn ủng hộ người thọ trì kinh này và quốc giới nên nói chân ngôn rằng:

Đát địa tha, a ni phạ ni, quẩn nhi nộ noa mê, nộ củ lê, tất rị nộ rị nhĩ rị nộ sa ha.

Khi ấy Tứ Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Chúng con cũng vì muốn ủng hộ thiện nam, thiện nữ thọ trì kinh này và quốc giới nên nói văn cú bí mật Đà-la-ni. Nếu ai khinh chê người thọ trì kinh này tức là khinh chê chư Phật ba đời.

Bồ-tát Chấp Kim cang cũng vì ủng hộ người thọ trì kinh này mà nói chân ngôn:

Nam-mô ra đát nẵng đát ra dã da. Nam-mô thất noa miệt nhật ra bá noa duệ, ma ha dược tụng xoa tê na ky đới duệ, ninh để da, bát ra nhập phược lý đa, câu lỗ đà da, ngật thúc đa tỷ, câu chi mục khiếp da, lỗ ma cát rị sa noa muội dựng yết rạ da, đích khất thân na, nan cầm xoa lỗ yết sất da, bát ra niệm bột đa miệt nhật ra hạ tát đa da, tát phược vĩ thổ na, vi na dạ ca vĩ đặc vấn. Sa na yết ra da, đát địa tha hồng miệt nhật la củ lỗ na đát thích sất.

Khi ấy Linh-hoàn Nhĩ-vi-na-dạ-ca cũng vì ủng hộ người thọ trì kinh nên nói chân ngôn:

Đát địa tha, án, tất trí tất trí, ma tất trí, ma tất trí, ma vĩ xa ma vĩ xa, ma nhập phược, ra ma nhập ra ra, sa ha.

Vua Diêm-ma-la cũng muốn ủng hộ người thọ trì kinh nên nói chân ngôn:

Đát địa tha, tất rị, vĩ tất rị ni, chất rị, vĩ chất rị ni, nhĩ xích nhĩ xích y ê hề mộ đa bát để, sa ha.

Ha-lý Để-ái Tử Mẫu cũng vì ủng hộ người thọ trì kinh, nên nói chân ngôn:

Đát địa tha, na nhĩ na nhĩ, đốn nhĩ đốn nhĩ, tát vĩ sơn vi na dạ ca nam, mục khiếp nhiêm ma nam, thước ngật để tất đởm ma nam, ma phạ đô, sa ha.

Ma-lợi-chi Thiên cũng vì ủng hộ người thọ trì kinh mà nói chân ngôn:

Đát để lê ma ninh, mãn đát ra, bát na ninh, ma vãn để đát địa tha át ca mạt tư, mạt ca mạt tư, án đát na, nam mạt tư, bát thổ mê lạc xoa, ốt bát thổ mê lạc xoa, tát phạ muội dĩ biểu, tát vũ bát tát nghê, biểu hạt lạc xoa, sa ha.

Khi ấy, Ca-lỗ-noa vương vì muốn ủng hộ quốc vương, đại thần và người thọ trì kinh, nói chân ngôn Ca-lỗ-noa vương lý thú:

Khất sử bá án, sa ha.

Chân Thật Ca-lỗ-noa vương vì muốn ủng hộ đất nước và người thọ trì kinh mà nói chân ngôn:

Nam-mô tát đa đỏa, nga lô noa da, một nghiệt ra ma ha một nghiệt ra, man thứ man thứ tát phạ na ngạn, ma ra da vĩ sa nhập sách, ốt niết tô rị da, nhĩ bào, mộ phan nga ma rị bổ, thước ngật đa tát na, tốt đổ man ninh, tát bản lật đa, vĩ diêm, hạ rị đa la, giản để, lỗ chất ra, tăng ngật ra minh, nại lý dữ nại ra, nhĩ ca ra, xà da tát ma nẵng, nê dũ để thương khiếp, ngật sử ra, một rị na la, quẩn đa, na phạ la, tam miệu khiếp, vĩ sái, khất sử bạt ninh.

Ca-lỗ-ca vương vừa nói chân ngôn xong, tất cả độc khí của ác long đều tiêu diệt, đất nước được an ổn.

Vì muốn ủng hộ người thọ trì kinh, thiên vương Đại tự tại nói chân ngôn:

Đát địa tha, án đát sất da, sa ha, tất đát sất da, sa ha, phạ sất da, sa ha, vật sất da, sa ha, xả đốt lỗ nhĩ ngật. Liễn đát nẵng da, sa ha. Nam-mô ca sất, vĩ ca sất, yết nê ca la, bá sất la da. Nhục da ra, nhĩ cầm sất giản nhĩ cầm

sất, giản nhĩ du thứ nan để, nga la, nhĩ vĩ nga la, vĩ xả bát ra vĩ xả, a vĩ xả, lỗ nại ra, lao nại lê na hãn nang hãn nang, nặc hạ nặc hạ, bả giả bả giả, bôn tha bôn tha, vĩ đặc vấn bà dã, vĩ đặc vấn bà dã, du nghê thỉ phạ ra, ma ê thỉ phược ra. Nam-mô tất đế tốt đổ, bá ma ê nha từ. Nam-mô thỉ chiến noa da sa ha, bát ra chiến noa da, sa ha, phản ngật ra da, sa ha, bạt ngật ra đế nhạ da, sa ha, tuất la da, sa ha, tuất la nặc ha phạ da, sa ha, thủy nga da, sa ha, thủy nga cát sái da, sa ha. Tát la da, sa ha, tát la lô bá da, sa ha, khiếp ra da, sa ha, khiếp ra lỗ bá da, sa ha, nhĩ đát đa ra da, sa ha, ốt đặc phược da, sa ha, ốt đặc phạ hệ xá da, sa ha, nặc hạ na da, sa ha, bát giả na da, sa ha, a mục khiếp da, sa ha, a ninh miệt đa ca da, sa ha, ô bồ sám ma da, sa ha, ô bồ sám ma lỗ niết ra da, sa ha, du mãn nhĩ vĩ cầm để, dã thất giả ca thất chất, a mị nại ra miệt để, nghiệt để mạt để, bá na, hoại nga, ô lô, minh noa ra, cốc khất sử, hột lật nại lam, ma hồ, tắt kiến na, ngật-rị phạ, hạ nổ, cưu cầm đà, nặc hạ phạ, na bà, thất lỗ đát ra, la la sất, thất rị sơn, nặc hạ nhĩ, sa ha, phát sất.

Thiên vương Tỳ-sa-môn và chư Thiên nói Đà-la-ni như vậy xong, rồi cùng nhau thưa Phật:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Con thấy nếu Pháp sư thọ trì đọc tụng kinh, cho đến một bài tụng một câu như vậy, chúng con sẽ ủng hộ tẩy trừ tất cả tai nạn khổ ách và các khí độc, mắng chửi, đánh đập cho họ, những tật bệnh yêu mị vọng lượng, những việc không tốt lành đều được tiêu trừ.

Phật dạy các Đại sĩ và Thiên vương Tỳ-sa-môn:

–Các ngươi khéo ủng hộ Pháp sư thọ trì kinh như vậy nhưng tên kinh này còn chưa thể nghe thì sao có thể thọ trì, đọc tụng, cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi. Hãy dùng tất cả hương thoa, hương bột, hương đốt, hoa man, y phục và tàng lọng, vải lụa, tràng phan, đèn dầu... trăm ngàn loại như vậy dâng cúng dường Pháp sư. Trước tiên nên phát nguyện rằng: "Sau khi nghe kinh này rồi thì phải như pháp tu hành." Nay ta phó chúc Pháp sư trì kinh này cho các ông, các ông phải nên ủng hộ vị Pháp sư đó và quyến thuộc của vị ấy nữa để không còn nguy hoạn và được an lạc.

-oOo-

Phẩm 3: Phát Tâm Bồ Đề

Bấy giờ Thế Tôn rống tiếng sư tử làm sáng rõ môn Đà-la-ni bí mật rồi thì có Đại Bồ-tát Từ Thị đứng dậy trịch áo bày vai phải, quỳ gối chắp tay, nhất tâm thưa Phật:

–Lành thay, lành thay! Đại Thánh Thế Tôn đã đem lòng đại Bi khen

ngợi vị Pháp sư giữ gìn bí mật Cam lồ Đà-la-ni thắng pháp như vậy. Cúi xin Thế Tôn thương xót chúng sinh mà nói pháp Vô thượng Bồ-đề. Các hữu tình nào chưa phát tâm, phải phát tâm thế nào? Người phát tâm rồi, phải tu hành thế nào? Và làm thế nào để tâm Đại thừa không thoái lui?

Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Từ Thị rằng:

–Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn vì hữu tình mà tu hạnh Đại thừa, muốn độ hữu tình đạt đại Niết-bàn thì trước tiên phải phát năm loại thắng tâm:

1. Phát tâm đại Từ bi bình đẳng rộng khắp đối với các loài hữu tình.

2. Với Nhất thiết trí, tâm không thoái chuyển.

3. Đối với các hữu tình phải coi là thân thuộc, nguyện cứu độ họ ra khỏi đường hiểm nạn.

4. Thường phải nghĩ rằng mình mắc nợ hữu tình.

5. Luôn luôn ôm lòng xấu hổ vì không biết lúc nào trả hết.

Ai phát năm loại tâm như vậy thì mau chứng Vô thượng Bồ-đề.

Này Bồ-tát Từ Thị! Trong Đại thừa, làm thế nào để nhất tâm tu hành chứng quả vị không thoái chuyển? Ví như thuở xưa có một thương nhân trí tuệ thông minh, hiếu hạnh. Thấy cha mẹ, dòng họ nghèo khổ, ông ta đau buồn, thân tâm ray rứt và nghĩ làm cách nào để cứu giúp họ. Ông nghĩ: "Hay là ta vào biển tìm châu như ý để giúp đỡ cha mẹ không còn phải nghèo khổ nữa." Vì nhân duyên đó, ông ta nuôi chí dũng mãnh, không tiếc thân mạng mà ra đi. Ông tìm đủ mọi cách để kiếm lương thực, bạn bè tốt, thuyền và người chèo. Đi giữa đường ông ta gặp một người từ biển trở về và hỏi ông rằng: "Ông muốn đi đâu mà vội vàng như vậy?"

Thương nhân trả lời đầy đủ như trên là vì muốn cứu thoát sự nghèo khổ mà vào biển tìm châu như ý để giúp đỡ nhau.

Người kia nói: "Trước đây tôi vì muốn cứu dòng họ hết khổ nghèo đói cũng bỏ nhà ra đi như ông vậy, băng qua đồng hoang, vượt qua sa mạc không có cây cỏ nước non, có nhiều voi, hổ, sói, sài lang, rắn độc, sư tử, hoặc gặp giặc cướp, núi cao, sông rộng, đói khát, lạnh nóng, sợ hãi kinh hoàng. Tôi cùng người lái thuyền vừa đến biển lớn thì gặp gió dữ, cá lớn, rồng ác, sấm chớp, mưa đá, sóng lớn cuốn tròn... gặp nhiều nguy hiểm không thể nói hết. Đã bị các khổ như vậy mà còn không lấy được bảo châu như ý để tự nuôi thân, nói gì đến cứu người thân thoát sự nghèo khổ. Nay tôi khuyên ông đừng cố gian khổ mà uổng công lao nhọc. Tôi muốn cùng ông làm nghề khác. Vì sao? Vì trong biển có nhiều gian khổ, nào gió dữ,

núi ác, Dạ-xoa, La-sát, rồng... những gian nguy ấy rất nhiều, chẳng phải một. Chỉ từng nghe tên châu như ý mà trước đây ngàn vạn người đi, được nó không đến một hai người. Do vậy, tôi khuyên ông hãy mau quay về."

Nghe nói vậy, người buôn càng phát tâm mạnh mẽ, quyết chí vào biển không thoái lui, vì có ba nguyên nhân:

1. Vì cha mẹ anh em dòng họ nghèo khổ, nếu về tay không thì không cứu giúp nhau được.

2. Vì khi xưa cha mẹ dòng họ của ta rất giàu có, họ đã cho ta cơm ăn áo mặc và thương mến ta. Nay nghèo khổ không ai giúp đỡ, làm sao có thể buông thả mà quay trở về.

3. Khi ta còn ở nhà cai quản gia đình, sai sử đánh đập, quở trách tôi tớ lớn nhỏ. Họ nghèo khổ như thế nào ta cũng không biết cứu giúp. Nay vì giúp họ được vui vẻ sao ta lại muốn quay về.

Do nghĩ đến ân đức ấy mà người buôn rất dũng mãnh, quyết định tiến tới, chỉ cốt yếu là được vào biển để tìm châu như ý, được rồi đem về nhà cứu giúp thân thuộc, sử dụng tùy ý, vĩnh viễn không còn gian khổ nữa.

Đại Bồ-tát cũng như vậy, phát tâm Bồ-đề quán tất cả bốn loài, sáu thú trong mười phương đều là cha mẹ kiếp trước của ta. Vì thương xót ta mà họ đã tạo ra bao nghiệp ác, phải đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh chịu các khổ não. Do đó mà tự suy nghĩ: "Làm cách nào để cứu khổ nạn ấy." Nghĩ như vậy rồi, thì chỉ có cách vào trong biển đại pháp sáu Ba-la-mật tìm châu như ý Phật chủng trí để cứu vớt khổ sinh tử của hữu tình. Nghĩ như vậy rồi, phát tâm dũng mãnh không thoái lui, tinh tấn siêng năng tìm cầu không giải đãi, tìm mọi cách để kiếm tư lương, bạn lành Bồ-đề, pháp và Pháp sư. Đi giữa đường gặp ma vương thống lãnh quyến thuộc hoặc hiện thân trời, hoặc hiện thân người, Bà-la-môn hoặc chủ buôn, hoặc Bí-sô, Bí-sô-ni và nhiều loại thân khác. Ma quân hỏi Bồ-tát:

–Ông đi đâu mà vội vàng vậy?

Bồ-tát trả lời:

–Vì tất cả chúng sinh khổ não nên tôi muốn vào biển lớn sáu Độ tìm châu như ý Phật chủng trí để cứu tất cả chúng sinh nghèo khổ.

Ma vương lại nói:

–Khi tôi mới phát tâm cũng vậy, vì muốn độ tất cả chúng sinh khổ não ra khỏi nhà sinh tử, vượt qua bao biến đổi, đồng hoang, sa mạc, chịu đủ đói khát, giặc cướp, hoảng sợ, nguy nan và rất nhiều khổ nạn như vậy, chẳng phải một. Vừa mới đến biển Đại pháp sáu Độ thì gặp người xin đầu,

xin mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tay chân từng khúc, tim, phổi, ruột, bao tử, tỳ, mật; quốc thành, vợ con, nô tỳ, đầy tớ... Họ xin thứ gì, ta cho thứ đó, không thương tiếc, chỉ cần cầu châu bảo trí tuệ. Trải qua vô lượng kiếp, cứ ở mãi trong biển khổ luân hồi sinh tử. Tuy chịu bao nhiêu khổ nạn ấy mà còn không được Vô thượng Bồ-đề, đành phải quay về cầu quả A-la-hán, vượt ra ba cõi, đạt Niết-bàn tịch tĩnh. Nay tôi khuyên ông đừng cố công khổ nhọc, nên tự mình tu trì, tôi muốn ông ngang hàng cùng quả với tôi. Vì tôi nghĩ: ba cõi luôn bị đói khổ, tâm nghĩ đến việc ăn nuốt, ngửa mặt hướng lên hư không, cái gì vào miệng cho ta no nê? Đủ những loại khổ nạn hành hạ thân tâm như vậy. Mạng người vô thường, nhanh hơn thác chảy, Thiện tri thức rất khó gặp. Nếu ông không tin, sau này hối hận sao kịp, để rồi về sau bị luân hồi trong biển sinh tử. Tâm vô thường giống như trăng trong nước, đâu có thật. Bạn ác dễ thấy, dễ gặp, họ luôn thích khuyên người hành Bồ-tát đạo, xả bỏ tài sản, thân mạng, mong hướng đến Bồ-đề, huống gì chư Phật ra đời chỉ có một. Người cầu thì ngàn vạn, nhưng được thì không có một hoặc hai người. Do đó tôi khuyên ông không cần phải gian khổ nữa, nên cầu giải thoát cho chính mình để chứng Niết-bàn. Lại phải trải qua ba vô số kiếp chịu các khổ sở mới có thể chứng được Phật quả Bồ-đề. Đời này là đời chót, chứng A-la-hán, đạt đến hàng vô học rồi thì phải khổ làm gì! Người ngu vô trí mong cầu quả Phật mà phải trải qua vô lượng kiếp chịu đủ gian khổ còn chưa nghe chứng quả A-la-hán, huống gì có thể chứng Vô thượng Bồ-đề. Ví như có người bắt một con chim nhỏ, lại thấy có một chim chúa Ca-lỗ-ca, ông ta liền thả con chim đang nắm trong tay rồi đến bắt chim chúa Ca-lỗ-ca. Con lớn thì bay đi, con nhỏ thì lại mất. Người ngu cầu quả Phật cũng như vậy, bỏ cái này cầu cái khác thì cả hai đều mất. Biết vậy rồi, ông hãy nên sớm hồi tâm lại, ngay trong đời này chắc chắn chứng A-la-hán.

Nghe như vậy rồi, Bồ-tát càng dũng mãnh phát ba loại tâm:

1. Tất cả chúng sinh từ vô thỉ bị sinh tử đến nay đều là cha mẹ của ta, hoặc là bạn bè hiện đang chịu khổ não chưa được thoát khỏi; như vậy sao ta lại thoái lui.

2. Tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay đã cho ta cơm ăn áo mặc, rất thương mến ta. Nay bị luân hồi khổ nạn chẳng phải một, vì sao chưa báo đáp ân họ mà ta lại có tâm thoái lui.

3. Tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay đều là quyến thuộc của ta, bị ta sai sử làm việc, quở trách. Ta chưa báo ân họ một phần nhỏ nào cả, cho nên ta không thể thoái lui.

Thế rồi, Bồ-tát càng dũng mãnh cầu chứng Bồ-đề. Nếu chứng báu Bồ-đề Nhất thiết trí thì sẽ cứu giúp chúng sinh ra khỏi sinh tử khổ nạn. Đó gọi là Đại Bồ-tát ở trong Đại thừa nhất tâm tu hành chứng quả vị không thoái chuyển.

Từ Thị nên biết! Đại Bồ-tát ấy tu hành Đại thừa, phát năm loại tâm:

1. Khởi tâm đại Bi với các hữu tình.

2. Vì các hữu tình mà cầu Nhất thiết trí, tâm không thoái chuyển.

Hai tâm này là pháp Đại thừa, phải tinh tấn tu hành.

3. Tất cả hữu tình là cha mẹ, bạn bè của ta.

4. Ta phải mang ân với tất cả hữu tình đó, nhưng ta chưa có mảy may nào để đền đáp.

5. Tất cả hữu tình đều là quyến thuộc của ta, ta đã từng tạo nghiệp bất thiện với họ, nào quở trách, quở phạt vô lý, nên lòng rất xấu hổ không biết khi nào trả hết.

Ba tâm này làm cho các Bồ-tát dũng mãnh không thoái lui, cho đến lúc chứng Vô thượng Bồ-đề.

-oOo-

KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 3

Phẩm 4: Không Thoái Chuyển

Bấy giờ Đại Bồ-tát Từ Thị lạy sát chân Phật, thưa:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Thế Tôn đã nói về năm loại tâm của Bồ-tát tu hành Đại thừa chứng quả vị không thoái chuyển. Nhưng phát tâm đại Bi như thế nào và tu hành như thế nào, cúi xin Như Lai thương xót các hữu tình mà tuyên nói để làm lợi ích an lạc cho chúng sinh.

Thế Tôn dạy:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Điều ông hỏi rất hay. Ông hãy nghe cho kỹ, suy nghĩ thật kỹ. Ta sẽ phân biệt giải nói để trừ lưới nghi cho ông.

Năm loại phát tâm:

–Thứ nhất là đại Bi tâm: Phải giữ tâm này kiên cố không xả bỏ, nghĩ đến những chúng sinh trong đường ác địa ngục, lại nhớ nghĩ đến những nỗi khổ đó như trong kinh nói. Ông nên biết, nay ta nói lại kinh này cho ông. Đó là quán các hữu tình đều là những bậc cha mẹ, dòng họ, thân thuộc tôn trọng đời trước của ta, nay hiện đang ở trong địa ngục chịu các khổ, bị mười ba đống lửa vây quanh. Có hai ngọn lửa từ chân xuyên lên đảnh đầu rồi ra, lại có hai ngọn lửa từ đảnh đầu xuyên thẳng xuống chân rồi ra, có hai ngọn lửa từ sau lưng xuyên qua ngực, có hai ngọn lửa từ ngực xuyên qua lưng; bị hai ngọn lửa từ hông trái xuyên qua hông phải rồi ra, có hai ngọn lửa từ hông phải xuyên qua hông trái rồi ra, có ngọn lửa quấn đốt từ đầu đến chân. Thân chúng sinh trong địa ngục này mềm yếu giống như bơ chín. Những ngọn lửa đó kết hợp với nhau đốt cháy, lửa địa ngục thiêu đốt lửa nhân gian, giống như đốt pháo hoa không còn chút dư tàn. Có chúng sinh bị lửa đốt, chạy khắp nơi tìm người cứu vớt nhưng đâu có ai biết.

Lại có chúng sinh chạy trốn nhưng không có cách gì, phải chạy vào lửa. Có chúng sinh bỗng nhiên bị ném vào hầm phân sâu ô uế, trong hầm có trùng mỏ nhọn hoắc bằng sắt dài mười sáu ngón tay, rúc rỉa da xương, tủy não chúng sinh. Có chúng sinh ở trong tro nóng bị thiêu nấu. Có chúng

sinh bị chìm nổi trong nước. Khi ấy, người giữ ngục dùng lưới sắt lớn lọc ra giống như vớt cá, rồi bỏ chúng sinh đó nằm ngồi trên đất sắt nóng để thiêu nướng. Kế đến, dùng kềm sắt kẹp rồi rút lưỡi ra, lấy nước đồng sôi rót vào trong miệng, chúng bất tỉnh chết hồi lâu liền sống lại, muốn chạy trốn để mong được thoát khỏi nhưng không được. Sau đó có móc sắt tìm kéo lại. Có chim thiết điểu mỏ bằng sắt bay theo mổ làm cho xương thịt rách nát rồi mới ăn. Thấy vườn cây, chúng sinh này muốn leo lên để được thoát nhưng trên cây đó mọc gai sắt, mỗi gai sắt dài mười sáu ngón tay và cháy đỏ. Chúng sinh vừa leo lên bị mũi gai nhọn chĩa xuống đâm vào ngực, xuyên qua lưng, bị khổ vô lượng, muốn thoát cũng không được. Chim quạ bay đến mổ vào hai mắt rồi phá não để lấy tủy ăn. Dù muốn xuống nhưng mũi gai chĩa lên, làm cho mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, thịt tay chân và mười đốt tay đều bị rơi rớt. Định leo lên cây để trốn nhưng không được, bị cai ngục thâu bắt bỏ trong đãy bằng sắt, dùng chày sắt nóng đập qua đập lại.

Lại có chúng sinh bị cai ngục dùng cưa xẻ tay chân đầu tóc, năm chỗ, làm cho rách nát. Lại có chúng sinh ở trong cối xay bằng sắt bị chày sắt giã từ đầu xuống. Lại có chúng sinh ở trong vạc nước sôi, bị chĩa ba bằng sắt trộn tới trộn lui, nấu cho nát nhừ, chỉ còn xương nhưng mạng vẫn còn sống. Lại có chúng sinh ở trong địa ngục dùng quặng mỏ để làm nhà cửa, lửa đốt cháy ngôi nhà đó dữ dội, nung chảy ra, nhỏ từng giọt, giống như đầu mũi tên.

Lại có địa ngục bốn bên bằng núi sắt, chúng sinh ở giữa bị hai núi ép nhau, có lúc ở giữa Nam, Bắc, có khi ở giữa Đông, Tây. Khi hai núi ép lại thì máu mủ chúng sinh trong đó chảy ra. Có địa ngục chúng sinh bị rắn sắt quấn khắp thân từ chân lên đến đầu rồi mổ đầu họ, nó quấn thật chặt, làm cho tủy não dồn lên đảnh đầu rồi hút ăn, chỉ còn da xương. Lại có chúng sinh ở trong địa ngục bị cai ngục dùng chĩa ba bằng sắt xúc thân người kia từ hai chân đến đỉnh đầu và vai. Lửa theo cái chĩa ba mà phát cháy đỏ rực, mắt tai mũi miệng cũng phát ra lửa. Lại có địa ngục bắt chúng sinh nằm trên đất sắt nóng hoặc nằm lăn lên, tiếp đến lấy dây sắt đen quấn trên thân rồi đánh.

Lại dùng búa rìu bửa ra giống như thợ mộc sửa các cây tươi. Lại có chúng sinh bị các cai ngục lột hết da từ đầu đến chân, lột rồi làm dây cương. Chúng sinh ngậm cái dàm bò lên đỉnh núi cao. Núi ấy nóng cháy, cai ngục xô đuổi họ leo lên rồi lấy roi quất, vạn cách khổ không thể nói. Những chúng sinh này từ vô thỉ đến nay đều là dòng họ nội ngoại cha mẹ của ta. Nay luân hồi trong địa ngục, trải qua vô số kiếp luôn chịu khổ não như đã

nói. Khi nghiệp ác hết, tạm sinh lên trời. Nếu ở cõi trời mà tạo ra tội ác thì đọa trở lại trong địa ngục.

Đại Bồ-tát quán thấy chúng sinh bị các khổ này rồi khởi lòng đại Bi. Tiếp đến quán cõi ngạ quỷ cũng thấy thương tâm. Bồ-tát thấy chúng sinh ở trong ngạ quỷ một ngày đêm là một tháng ở cõi người, lấy ngày mà tính tháng thì mười hai ngày là một năm. Trong loài ngạ quỷ sống năm trăm năm bằng một vạn năm ngàn năm ở nhân gian, luôn bị đói khát, tai còn không nghe tên nước uống huống gì mắt thấy! Thân ngạ quỷ ấy giống như núi Thái, đầu như nhà lớn, cổ nhỏ như lỗ kim, đầu tóc rũ xuống che cả hai vai giống như dao sắt cắt thân thể, rồi biến thành lửa dữ thiêu rụi thân người đó như lửa đốt củi, đau đớn không thể nào chịu nổi. Lông hai nách dài phủ cả eo bụng. Lông chỗ kín phủ tới đầu gối. Việc bị dao cắt lửa đốt trải qua vô số năm tháng cũng chịu khổ như vậy. Hoặc từ xa thấy nước liền chạy đến, và khi đến gần thì bị té lộn nhào, vì lực của nghiệp ác mà nước biến thành máu mủ, phân dơ, hoặc làm cát nóng. Hai bên bờ có cai ngục cầm cung tên, dao, chày, búa, giáo, mâu đánh đập rất khổ sở. Bị lửa đói thiêu đốt nóng khát nên mất trí, liền chạy trở lại chỗ lửa dữ, bị thiêu đốt mà đâu có biết. Cai ngục đuổi theo đánh đập, chặt đâm, tay chân từng phần đều bị rơi gãy.

Lại có ngạ quỷ buổi sáng vừa sinh năm đứa con, trở lại ăn thịt chúng. Tối sinh năm đứa cũng ăn luôn vì đói khát chưa bao giờ được no. Hoặc gặp lúc trời mưa thì ngửa miệng lên hứng, do nghiệp nên khi được một giọt nước vào miệng, chảy xuống bụng thì biến thành lửa dữ, xuyên thẳng rồi ra ngoài. Hoặc gặp mùa hè trời nóng, lúc gió thổi các ngạ quỷ rơi vào sa mạc. Phía dưới bị cát nóng đốt, phía trên là mặt trời nướng, đói khát nóng bức, từ xa thấy bóng cây, muốn chạy đến để núp dưới bóng cây thì bóng cây tránh ngạ quỷ nên di chuyển chỗ khác. Vì sao vậy? Vì xưa lúc còn ở nhân gian, chúng sinh này thiết lập hội cúng tế, thấy người đi xin thì keo kiệt không cho, lại đánh đập chửi mắng một cách không căn cứ rồi đuổi đi. Do tạo nghiệp ấy mà nay bị quả báo như vậy.

Lại có ngạ quỷ vào đêm trăng, trời trong vắt không có mây che, ánh sáng tỏa khắp, nếu nó gặp ánh sáng này thì nóng bức giống như tháng mùa hè. Lại có ngạ quỷ vào mùa đông gặp gió lớn, do nghiệp lực nên thổi các ngạ quỷ vào trong núi băng giống như bụi bay, chịu lạnh buốt, bị khổ như vậy trải qua vô lượng kiếp, ở đó lúc qua đời, đọa trở lại địa ngục. Cứ qua qua lại lại như vậy, trải qua vô lượng năm tháng. Khi nghiệp ác hết, được làm người, sinh trong nhà nghèo khổ keo kiệt, không bố thí, phải đi xin để

sống mà vẫn tham lam keo kiệt. Vì nghèo khổ nên tạo ra các tội của mười nghiệp bất thiện. Ở đó lúc qua đời, lại đọa vào trong địa ngục, chịu đủ các khổ. Khổ ở đó hết, lại sinh trong ngạ quỷ, qua lại như vậy trải qua vô số kiếp chịu khổ như thế. Những chúng sinh này ở trong quá khứ vô lượng, vô biên kiếp sinh tử đều là cha mẹ, lục thân quyến thuộc của ta, vì ta mà tạo ra những nghiệp ác. Nay ở trong ngạ quỷ mà chịu quả báo khổ đau này. Quán thấy khổ như thế, Đại Bồ-tát khởi tâm đại Bi.

Lại nữa, này Từ Thị! Loài ngạ quỷ đã như vậy, tiếp đến quán loài bàng sinh cũng vậy. Có những loài cầm thú, hươu, nai, chồn, cáo, thỏ, hổ, báo, chó sói cùng nhiều loài cầm thú khác; các loài chim bay, gà, vịt, ngỗng, dứu, nhạn, uyên ương... Có loài đi hoặc đậu trên cây, hoặc bay, hoặc bơi... Chúng luôn luôn sợ sức mạnh của người, ăn uống không bao giờ được an ổn, ngày đêm luôn sợ hãi. Lại có những loài bàng sinh ở dưới nước như: ba ba, rùa, cá, ốc, hến, ếch... luôn bị giăng lưới bắt trong nước sinh tử. Lại có loài bàng sinh như: rắn, rồng, thằn lằn, sâu bọ, chuột... sinh trong chỗ tối tăm và chết cũng trong chỗ tối tăm. Lại có loài bàng sinh như: rận, rệp, bọ chét... bám vào thân người để sống và lại chết trong thân người. Lại có loài bàng sinh sống nương vào thây chết, hoặc chỗ ẩm ướt dơ bẩn, hoặc nương vào cây cỏ, sinh ra chỗ nào thì chết nơi đó. Hoặc loài do biến hóa sinh thì trở lại biến hóa chết, đó là những loài giòi, sâu, trùng, bướm. Lại có loài bàng sinh luôn ăn máu mủ và những thứ dơ nhớp cho là vị ngọt, đó là các loài heo, chó, bọ hung, ruồi lằn... nghe mùi hôi thối thì cho đó là thơm ngon, bay chạy đến, sợ không được hưởng. Lại có loài bàng sinh không ăn cỏ tươi, chỉ ăn gai góc, không uống nước sạch chỉ uống nước dơ.

Lại có loài bàng sinh không chỉ sống ở trên cỏ mà luôn luôn ăn cỏ, đó là các loài voi, ngựa, trâu, bò, lạc đà... hoặc dùng câu sắt móc trong đầu để điều khiển nó, hoặc xỏ mũi, hoặc lấy dây cương buộc hàm nó lại, hoặc bao hoặc cột trên cổ của nó để chuyên chở. Chúng luôn bị roi quất, mắng la, phải đi nhanh chậm tùy chủ. Có khi bị gầy yếu, đứng lên rồi ngã xuống, đau đớn khổ sở vô hạn, không đủ sức như trước nữa. Tất cả đều do kiếp trước nay phải chịu những khổ báo như vậy. Hoặc ăn của tín thí mà không tinh tấn tu học, phải thường trả cho họ cái nợ tiền kiếp nên bị khổ não này. Chúng bị sai khiến, chịu các roi vọt mà trả vẫn chưa đủ. Hoặc bị giết đau đớn muôn phần, có muốn bày tỏ cũng không được. Sống thì thiếu nước cỏ, bệnh lại không thuốc thang, chết rồi bị lột da để làm thức ăn cho người. Sau khi chết đọa vào địa ngục. Vì sao vậy? Vì tâm ngu si không biết thiện ác, không nghĩ đến công sinh dưỡng khổ cực của cha mẹ, không biết nhân quả, không nghe Chánh pháp, không bố thí, trì giới, trồng các căn lành, chỉ

nghĩ nhớ đến nước cỏ, ngoài ra không biết gì cả. Những loài bàng sinh này đều được con người nuôi dưỡng, ngoài những loài bàng sinh được nuôi dưỡng này còn có những loài bàng sinh khác như: sư tử, hổ, báo, chó sói và những loài bàng sinh sống dưới nước, trên đất đã nói ở trên, chúng tàn hại ăn nuốt lẫn nhau. Do nghiệp ấy mà phải đọa trong địa ngục chịu nhiều khổ sở trải qua vô lượng kiếp. Tội địa ngục hết, lại vào loài bàng sinh, cứ qua lại như vậy vô lượng kiếp. Những loài bàng sinh này về đời quá khứ đã trải qua vô lượng, vô biên kiếp sinh tử là cha mẹ, lục thân quyến thuộc của ta, vì ta mà tạo ra bao nhiêu nghiệp ác, bây giờ phải làm loài bàng sinh chịu quả báo khổ não này. Đại Bồ-tát quán khổ này rồi, mở lòng đại Bi rộng lớn.

Bàng sinh như vậy, tiếp đến quán cõi người. Có các chúng sinh tuy làm người nhưng bị nhiều nghèo khổ, đói khát, không có áo quần mặc, đi trong bùn, ngủ dưới mưa, gặt lúa trong sương, làm cỏ dưới trời nóng đốt, ngày đêm tần tảo, tay chân rả rời, đầu tóc rối bời, ốm gầy, lần đi từng bước, đi xin từng nhà nhưng không bao giờ được một bữa no, tối về ngủ bụng đói, muốn giúp đỡ người khác nhưng không có gì để giúp. Tuy có nói và làm nhưng người khác không tin theo. Tuy có vẻ đẹp đẽ mà trở lại bị khinh khi. Luôn hành nhẫn nhục để làm lợi ích cho mọi người nhưng bị chê trách là người nhu nhược, hoặc có văn tài mà người không ghi chép, đến thăm viếng họ hàng bị nghi ngờ là đến kiếm ăn. Hoặc quy y, tin Tam bảo thì bị chê bai nói là cầu danh; hoặc khen ngợi người liền bị nói là dua nịnh; hoặc sinh dòng thấp hèn không an vui, bị lệ thuộc người khác, sống chỉ có giữ mạng; hoặc chịu lạnh nóng, không biết ấm mát; gánh nước, hái củi, không từ một việc khổ nhọc nào nhưng lòng của chủ thì không thương xót, hơi bị sai trái hoặc chậm trễ gì liền bị đánh đập. Đó là quả báo tự làm tự chịu, chẳng phải trời hay người nào đem đến. Do phước mỏng mà chiêu lấy khổ não, khổ này hơn khổ của sự chết. Giống như cây khô, cành lá đều rụng trơ trọi, tất cả loài chim không về đậu, người phước mỏng cũng như vậy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói lại nghĩa trên bằng kệ:

Không nói cho là ngu
Nói ra cho là khùng
Gần gũi nghi dua nịnh,
Tránh xa nói sợ hãi,
Nhẫn nhục cho yếu hèn,
Tín ngưỡng cho cầu danh,
Nghèo khổ trong nhân gian
Hơn cái khổ sự chết.

Này Từ Thị! Đói nghèo rất là khổ. Tuy thường thân gần, khen ngợi người khác nhưng vì không có phước nên tai họa liền theo ngay. Vì nghèo khổ nên luôn bị nhục mạ, do đó càng tạo thêm nghiệp ác, đọa vào địa ngục. Lại có người dòng họ giàu sang, có nhiều đầy tớ, voi ngựa, trâu dê, có dòng họ quyến thuộc luôn ở bên cạnh, hưởng thụ khoái lạc còn hơn cõi trời. Khi bị năm dục làm mê loạn thì tham sân nổi lên, rồi ngã mạn, khinh miệt mọi người.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

Không nhiếp năm Căn, luôn phóng dật
Tai hại tham lam tợ oan gia
Tham đắm năm dục như người say
Giàu, nghèo đều bị khổ sinh tử.

Phật dạy Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Tất cả chúng sinh không biết hiện tại và vị lai. Nghiệp mình đã tạo ra giống bóng theo hình. Các khổ đó do tham dục làm gốc, lại không tu tập cầu pháp lành, thiêu đốt hết những bạch pháp của kiếp trước, sau khi chết, đọa vào ba đường ác. Vì sao như vậy? Vì tham dục nên làm đoạn mất tánh mạng, ỷ mình có thế lực cướp đoạt của cải người khác, dùng mọi cách chiếm đoạt vợ người, buông lung theo tà hạnh, không kể thân sơ. Vì lòng ham muốn mà phải nói dối, lừa gạt, trau chuốt văn từ, la mắng khinh chê hữu tình bằng những lời hung ác, đòn xóc hai đầu, chuyên nói bỉ, thử làm ly gián đôi bên. Dòng họ thân thuộc không làm cho hòa kính, luôn tham lam, ganh ghét, ngã mạn, tự cao, bị lửa sân thiêu sạch các nghiệp lành. Ca ngợi ngoại đạo, chê bai Phật, Pháp, Tăng; cúng tế trời thần để cầu phước, không biết ân sâu nặng của Tam bảo đời trước đã vì mình mà trải qua vô số kiếp đến nay phải chịu nhiều khổ công. Nếu ai tu tập hạnh thù thắng để làm tư lương cho Bồ-đề, đầy đủ Nhất thiết trí thì gọi là Phật. Bồ-tát làm đèn sáng trong chỗ tối tăm sinh tử của chúng sinh, làm chỗ nương tựa, làm người cứu vớt, làm chiếc thuyền, phao nổi để cứu vớt các sinh linh, an trí cõi trời, người qua bờ kia Niết-bàn. Còn chúng sinh thì theo tà kiến ngã mạn, cống cao, giống như người say rượu, bị năm dục quấn trói, không tu các pháp lành. Sau khi qua đời đọa vào địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ, hoặc làm người nghèo khổ chịu các khổ não giống như thân tâm bị trúng mũi tên độc. Tất cả khổ não này đều do không tu tập pháp lành mà ra. Bồ-tát quán như vậy rồi mở lòng thương xót rộng lớn.

Bây giờ lại quán cõi trời. Ở cõi trời sống lâu, không có các khổ não, nhưng lúc gần chết hiện ra năm tướng suy:

1. Hoa trên đầu héo tàn

2. Áo trời dính bụi đất

3. Mồ hôi dưới nách chảy ra

4. Hai mắt luôn luôn chớp nháy

5. Không thích ở chỗ đang ở.

Khi năm tướng này hiện ra thì Thiên nữ mới sinh đều tránh xa, coi họ như cỏ. Những Thiên nữ cũ rất thương yêu vị trời này nên luôn ở bên cạnh. Đến lúc sắp chết, rên rỉ, buồn khóc, mọi người chạy đến thăm hỏi. Khi ấy, trời nói rằng:

–Thiên nữ mới ấy, ta thương yêu không có tâm thiên lệch, sao họ xem thường ta như cỏ vậy, còn các nàng lại đau buồn thương ta. Vì nhân duyên đó mà ta yêu các Thiên nữ cũ, tức giận các Thiên nữ mới. Năm tướng đã hiện ra trước mắt thì chắc chắn biết rằng ta sắp chết, lìa bỏ cung trời với âm thanh du dương, sắc hương mỹ diệu, dục lạc vừa ý vui thích nên bị mê loạn, không còn nhớ nghĩ nữa, chẳng lẽ bỏ cung điện này thật ư? Nay mạng ta sắp hết, không được ở lâu trong cõi trời, thật là khổ não, giống như mũi tên bắn trúng vào tim. Ta không có chỗ nương dựa, cậy nhờ, không thân thuộc, không có người dẫn đường, không có chỗ quay về. Dù kêu la thảm thiết nhưng không có ai cứu vớt. Chư Thiên lo hưởng khoái lạc mà bỏ ta ư? Lại nghĩ: "Cung thành Thiện kiến sắp bị tiêu diệt, không bao giờ được yết kiến trời Đế Thích, vĩnh viễn không nhìn thấy được cung điện rực rỡ đó nữa. Ngày nào cũng cỡi voi báu Đế Thích vào vườn hoa, nay không bao giờ thấy nữa. Vĩnh viễn từ giã vườn thô ác, áo, giày, mũ trụ... không còn những ngày ngồi ăn uống hội hè trong vườn Tạp lâm. Không còn dịp nào dạo chơi trong vườn Hỷ lâm, dưới cây Ba-lợi-chất-đa và cây Kiếp-ba, không bao giờ còn được đeo bạch ngọc cẩm thạch; xa cách các sự bàn bạc trong nhà Thiện pháp. Không làm sao được tắm rửa trong ao thù thắng Mạn-đà-chỉ-ni. Khó được ăn bốn thứ cam lồ, không còn được nghe năm thứ âm nhạc hòa dịu. Than ôi! Đau khổ quá! Vô thường đến nhanh quá, khiến riêng thân ta chịu khổ như vầy. Cái chết trong từng sát-na sinh diệt ư? Mạng sống của chư Thiên thật như huyễn như mộng. Cởi áo quăng ra nơi đất đau xé thân tâm, giống như bị nọc rắn, rất là khổ não. Trông mong trời khác rủ lòng thương cứu mạng sống ta, để kéo dài thêm ít ngày không vui sao? Hãy trừ năm tướng suy cho ta, đừng để đọa vào các loài đầu trâu trong núi, hoặc loài nhỏ nhít trong biển."

Mặc dù nói như vậy, nhưng chư Thiên không ai cứu được.

Vị trời này nói vậy rồi suy nghĩ: "Các vị trời kia không thể cứu để

kéo dài mạng sống của ta. Chắc chắn là không bao lâu ta sẽ chết!"

Khi sắp qua đời, vị trời này tự thấy chỗ mình sẽ sinh là địa ngục, bàng sinh hay ngạ quỷ. Thấy tướng ấy liền rên rỉ, kêu gào, bất tỉnh, té xuống đất, trợn tròng mắt, liền chết, theo nghiệp mà đọa vào ba đường ác. Do đó biết rằng, trong cõi trời rất khổ, luân hồi mãi mãi, không biết bao giờ hết. Đại Bồ-tát quán khổ của cõi trời rồi mở lòng Từ bi rộng lớn.

Từ Thị nên biết! Giống như có người dùng góc của bao cung chấm vào biển lớn. Nước dính nơi cái bao cung và nước trong biển lớn, nơi nào nhiều hơn?

Đại Bồ-tát Từ Thị bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nước của góc cái bao cung ấy rất ít, làm sao so với nước trong biển được! Biển lớn rất sâu, rất rộng, nước của bao cung sao sánh bằng.

Thế Tôn dạy Từ Thị:

–Này thiện nam! Từ cõi người, trời, chết đọa vào ba đường ác, giống như nước biển cả, được sinh trở lại cõi người, trời giống như nước ở góc bao cung. Người nào đọa trong ba đường ác phải chịu khổ vô cùng, không thể nói hết, không thể nghĩ bàn, như các khổ trong ba đường ác đã lược nói ở trước. Điều nói ra như một hạt cát của sông Hằng, còn điều chưa nói đến như cát của sông Hằng. Mạng sống cũng như vậy, ở cõi người sống một trăm năm bằng một ngày đêm ở cõi trời Đế Thích, lấy ba mươi ngày đêm này là làm một tháng, mười hai tháng làm một năm ví như tuổi thọ của cõi này tròn một ngàn năm thì tuổi thọ ở cõi nhân gian tổng cộng hơn ba câu-chi sáu mươi ức; với tuổi thọ này trong đại địa ngục Hắc thằng thì chỉ là một ngày một đêm; lấy ba mươi ngày đêm ở đây làm một tháng, mười hai tháng làm một năm, sống đủ một ngàn. Một ngàn năm ở đây là một ngày đêm ở đại địa ngục Chúng hợp. Ba mươi ngày đêm ở đây là một tháng, mười hai tháng là một năm tuổi, sống đủ hai ngàn năm cho đến một trung kiếp là tuổi thọ trong đại địa ngục A-tỳ. Do đó nên biết chúng sinh trong địa ngục sống rất lâu. Khi chư Thiên lâm chung, dùng Thiên nhãn quán đều hiểu biết tất cả nên rất buồn khổ, tất cả dục lạc chỉ nhất thời đều tan biến. Những khổ vui ấy có mười sáu phần, một phần khổ về sinh ở đây có thể diệt mười sáu phần vui ở cõi trời.

Đại Bồ-tát quán sát thấy lúc chư Thiên sắp qua đời, bị các khổ não như vậy mà mở lòng Từ bi rộng lớn.

Từ Thị nên biết! Đây là Đại Bồ-tát có lòng Từ bi rộng lớn đệ nhất. Lại nữa, nên phát tâm Đại tinh tấn cứu vớt các hữu tình để đưa đến bờ kia

Niết-bàn an lạc. Giống như chủ buôn suy nghĩ như vầy: "Cha mẹ họ hàng đều nghèo khổ, làm cách nào để cứu họ thoát khỏi cảnh cực khổ này. Nghĩ như vậy, nhưng không có cách nào khác, chỉ vào biển lớn tìm viên ngọc châu như ý để đem về cứu giúp cho nhau." Nghĩ như vậy xong rồi liền vào biển lấy châu như ý để đem về. Sau đó, ông ta vào biển tìm được châu như ý, gắn trên cờ cao. Châu như ý có thể mưa ra nhiều châu báu, quần áo, đồ ăn uống, hương hoa, kỹ nhạc. Cha mẹ dòng họ tùy ý dùng đều được đầy đủ.

Đại Bồ-tát phát Bồ-đề tâm cầu Nhất thiết trí cũng như vậy. Các ngài luôn tư duy rằng: "Tất cả chúng sinh đều là cha mẹ, lục thân quyến thuộc của ta, vì ta mà phải luân hồi sinh tử, hiện đang chịu các khổ não, dùng cách nào để cứu thoát họ đây? Nghĩ như vậy rồi lại không có cách nào khác, chỉ vào biển pháp sáu Ba-la-mật-đa tìm châu như ý Nhất thiết trí để cứu vớt khổ chúng sinh." Nghĩ vậy xong, Bồ-tát vào biển pháp tìm châu báu như ý Chủng trí để rồi treo trên cờ pháp, mây đại Từ che khắp, nên mưa xuống tất cả thần thông công đức của môn Đà-la-ni lấy tàm quý làm y phục, bố thí làm nhà cửa, hương thơm là tịnh giới, vòng hoa là nhẫn nhục, thức ăn là tinh tấn, giường là thiền định, lấy cam lồ trí tuệ làm thức ăn uống, các pháp không tịch làm chỗ ngủ, lấy đại Niết-bàn làm thành báu, chư Phật Bồ-tát làm Thiện tri thức. Được châu báu Nhất thiết chủng trí nên mưa xuống vô số diệu bảo, y phục, hương hoa, kỹ nhạc... như thế; ngoài Vô thương Điều Ngự Đại Sư ra, không ai có thể cứu vớt các khổ nạn để được Niết-bàn rốt ráo an vui".

Tư duy như vậy rồi, Đại Bồ-tát tự biết chắc mình chứng quả vị không thoái chuyển. Lại phát nguyện:

Nguyện ta sinh ra chỗ khổ nạn nào, ta đều thay thế chịu các khổ não cho chúng sinh, không muốn chứng Niết-bàn giải thoát, không bỏ rơi chúng sinh để riêng mình hưởng an lạc. Vì sao vậy? Vì tất cả Thanh văn và Bích-chi-phật sau khi giải thoát nhập Niết-bàn rồi, sống mãi mãi nơi đó, không làm lợi ích cho chúng sinh, không xiển dương công đức của thân Phật. Còn Đại Bồ-tát ở trong ba đường khuyến hóa hữu tình lìa nghiệp ác, tu tập pháp lành, lìa khỏi các khổ mà được giải thoát ngay trong cõi người. Do đó mà Đại Bồ-tát làm lợi ích cho tất cả hữu tình trong mười phương, nhân đây mà chư Thiên cõi Đao-lợi, Đại Phạm thiên vương, Đại Tự tại thiên, chư Tiên ngoại đạo cúng dường, Bồ-tát đều được thọ nhận. Bồ-tát chứng quả vị không thoái chuyển này được chư Phật ba đời khen ngợi và thọ ký. Đại Bồ-tát tu tập Đại thừa được tự tại, không sợ sệt, giống như Sư tử chúa. Tất cả

chúng sinh đi theo sẽ chấm dứt mọi sợ hãi mà thẳng đến Bồ-đề. Thanh văn, Duyên giác và A-la-hán nghe Bồ-tát chỉ dạy, vào sâu trong hang núi đều dùng y che đầu, hướng đến Niết-bàn, vậy sao cùng Đại thừa tu hạnh Bồ-tát, mình và người đều được lợi ích. Do vậy mà càng thêm tinh tấn, thà ở trong ba đường chịu vô lượng khổ chứ không bao giờ hưởng lợi riêng mình mà trụ trong Niết-bàn. Tất cả hữu tình đã tạo ra nghiệp ác trong quá khứ, hiện tại, vị lai sẽ đọa vào đường ác, chịu các khổ; ta nguyện đem thân này chịu thay cho họ. Trong quá khứ và hiện tại, ta tu hành đạt được tất cả việc lành, các pháp công đức, ta nguyện hồi hướng cho tất cả hữu tình mau chứng Niết-bàn. Của cải trân bảo, ta nguyện xả bỏ tất cả. Bị đánh đập, mắng chửi, nguyện chịu nhẫn nhục, không trả thù, nguyện cho chúng sinh đó hết tội. Trải qua vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ kiếp làm những việc khó làm, ta nguyện làm hết và vì chúng sinh mà cầu Vô thượng Chánh giác Bồ-đề, tinh tấn tu hành thiền định, giải thoát, chứng quả vị không thoái chuyển.

Lại như quá khứ, vô lượng, vô biên Đại Bồ-tát tinh tấn tu tập Nhất thiết trí, ta cũng tu hành như vậy. Vì sao vậy? Vì muốn độ tất cả hữu tình trong luân hồi để đưa họ lên bờ giải thoát Niết-bàn vô thượng.

Lại nguyện tất cả loài chúng sinh: Noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh, có sắc không sắc, có tưởng không tưởng, chẳng phải có tưởng, chẳng phải không tưởng ta đều đưa chúng nhập Niết-bàn và làm cho chúng đầy đủ sáu Ba-la-mật-đa, thành tựu hoàn toàn thân Phật vô thượng với trăm phước trang nghiêm, ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng quanh mình sáng hơn trăm ngàn ánh sáng mặt trời, chúng sinh chiêm ngưỡng vui thích không biết chán.

Lại nguyện tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới có công đức trang nghiêm như Phật.

Lại phát nguyện:

Nguyện xả bỏ thân này vì tất cả pháp giới chúng sinh bị đánh đập quở mắng, hoặc luôn bị trói buộc đau đớn, nhục mạ, muốn giết hại, những việc nô dịch không được chống trái... Ta nguyện những chúng sinh đó đều không còn tội.

Phát nguyện này rồi, lại tư duy: "Ta mau được mãn nguyện này."

Lại nguyện đem thân này ở trong năm đường làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình. Ai không có chỗ nương tựa, ta làm nơi nương tựa cho họ; ai du hành nước khác ta làm người dẫn đường; ta làm chiếc bè cho người vào biển, làm cầu cống cho người vượt qua sông suối; làm suối, giếng cho người ở nơi hoang dã; làm củi đuốc cho người lạnh cóng; làm mát mẻ cho

người nóng bức; làm đèn sáng ở chỗ tối tăm, làm dụng cụ nằm mềm mại cho người bệnh; làm thức ăn ngon cho người đói, làm nước ngọt cho người khát, làm áo quần cho người trần truồng; làm mưa tưới năm loại ngũ cốc lúc hạn hán mất mùa; làm thuốc hay cho người bệnh khổ để mau hết bệnh, kéo dài mạng sống; làm người hầu hạ cho người mồ côi cô quả; làm kho báu cho người nghèo khổ, đi theo và chung sống với họ không lìa bỏ nhau; làm bạn lữ và xe ngựa cho người đi xa để đến nơi; nếu người tà kiến thì nói Chánh pháp làm cho họ trụ trong chánh kiến. Ta thề vào địa ngục để cứu vớt chúng sinh ra khỏi các khổ; sinh vào ngạ quỷ để làm thức ăn ngon ngọt mát mẻ, trừ đi nóng đói khát; hóa làm núi thịt để loài bàng sinh như: hổ, báo, sói lang, gấu, sư tử... ăn no nê.

Ta lại nguyện: Chúng sinh nào ăn thịt ta thì được no nê, không còn cảnh ăn nuốt lẫn nhau. Ta sẽ làm cỏ mềm mại tươi tốt cho các loài: voi, ngựa, trâu, dê, hươu, nai... ăn. Ta làm cho các loài chúng sinh ăn thịt, ăn cỏ, ăn loại ngũ cốc đều được ăn uống no đủ tùy ý. Ở loài người thì được tùy ý hưởng sự vui thích. Ta nguyện cung cấp khiến họ không còn thiếu thốn.

Lại phát nguyện: Nguyện ta thành tựu tất cả thân Đà-la-ni, chúng sinh ở chỗ nào thì ta làm cây như ý để cứu hộ họ và làm bình châu báu phát ra vô số của cải để cung cấp cho tất cả chúng sinh được đầy đủ, thỏa mãn. Hoặc làm thầy thuốc để chữa hết bệnh cho họ. Dùng tay đại Bi cầm chìa khóa cửa pháp mở thành Niết-bàn chỉ dạy tri kiến của Phật, trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp làm những việc khổ khó làm để đem chúng sinh trụ trong Niết-bàn chân thật giải thoát. Sinh ra nơi nào luôn tinh tấn không biếng nhác, làm lợi ích và đem an lạc đến cho tất cả hữu tình. Vì cứu chúng sinh trong địa ngục phải chịu vô lượng khổ mà coi như niềm vui Niết-bàn.

Lại phát nguyện: Nếu một chúng sinh nào chưa được giải thoát, ta nguyện ở địa ngục mãi mãi, không chứng Bồ-đề.

Này Từ Thị! Nên biết rằng: Đó là Đại Bồ-tát tinh tấn thứ nhì cầu trí Nhất thiết trí.

Lại nữa, này Từ Thị! Sau khi hành hạnh này rồi, nên phát ba loại tâm thù thắng để cầu quả vị không thoái chuyển, cho đến ba vô số kiếp tinh tấn tu hành không một sát-na nào gián đoạn. Hoặc có các ma làm Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc làm người tu khổ hạnh và nhiều thân hình khác lẫn lộn ở trong Đại thừa để tìm các lỗi lầm, làm cho người nào tu hành tinh tấn phải bị thoái lui. Lại nói rằng: Phật Đạo xa vời, trải qua trăm kiếp ngàn kiếp làm việc khó làm, khó bỏ được như: xả bỏ quốc thành, vợ con, voi ngựa, bảy

báu, nô tỳ, đầy tớ, thân thể tay chân mà không tham tiếc. Bố thí như vậy trải qua mười vạn kiếp mới chứng Bồ-đề. Vô lượng chúng sinh tu hành như vậy đều chưa thành Phật, đã thoái chuyển để tự chứng Niết-bàn. Giả sử có thành Phật quả cũng nhập vào Niết-bàn. Chỉ có một loại Niết-bàn thì cần gì cố công tu hành khổ hạnh. Ông muốn cầu lợi ích thì phải tu hai việc:

1. Cầu đời hiện tại được hưởng khoái lạc, tùy ý hưởng tất cả năm dục thắng diệu của trời, người. Nếu có chút khổ nào cũng đừng sợ sệt. Vì sao? Ví như người nông dân, há sợ sâu mà không trồng lúa ư? Trời, người hưởng khoái lạc cũng vậy, tuy khổ ít nhưng khoái lạc lại vô cùng, chỉ tự mình tu trì thì đâu có gì lo, đâu có gì sợ!

2. Tự cầu Niết-bàn, đời này là đời chót, chứng A-la-hán, được giải thoát thì cần gì phải khổ nhọc để cầu quả Phật? Nếu ai không thể hướng đến Nhị thừa thì hãy hưởng tất cả khoái lạc của trời, người. Nếu sau có chán bỏ cũng mau nhập Niết-bàn. Ví như có người dụng công tuy ít mà được lợi ích lại nhiều, có người bỏ công rất nhiều mà việc không thành. Nếu ông có bỏ ra tất cả sự khổ nhọc đều không thành gì cả, trở lại dối gạt mình. Nay ông hãy đi và ở cùng ta, Niết-bàn xuất thế, tiến hay dừng, hãy cùng với ta một chỗ.

Từ Thị nên biết! Đại Bồ-tát nào tu Đại thừa, nghe những lời nói này không tin theo mà lại nghĩ rằng: "Đây là ác ma đến quấy nhiễu ta, làm chướng ngại, và muốn dụ ta làm cho ta thoái chuyển Bồ-đề". Biết vậy rồi, Bồ-tát phát tâm: "Ta thề không trái với lời nguyện xưa mà nghe lời nói này. Ta quyết định cầu quả Phật vô thượng, với Đại thừa thề không thoái chuyển."

Rồi Bồ-tát phát ba loại tâm:

1. Tất cả hữu tình đều là cha mẹ thân thuộc đời trước của ta từ vô thỉ kiếp ở trong luân hồi sinh tử chịu nhiều gian khổ, chịu các khổ não như: mười sáu tầng địa ngục, tám lạnh tám nóng và nhiều sự khổ não khác. Lại ở trong loài ngạ quỷ, bàng sinh và trời người cũng đều chịu các khổ như vậy, huống là cha mẹ, dòng họ, nội ngoại của ta đời trước mà không thương tiếc. Cho nên ta thề chứng Bồ-đề, không nên thoái chuyển.

Này Từ Thị! Đây là Đại Bồ-tát phát tâm không thoái chuyển thứ nhất.

2. Tất cả hữu tình từ vô thỉ đến nay đều là cha mẹ của ta. Mỗi lần sinh ở trong bụng mẹ, người mẹ khi ăn nằm, ngủ nghỉ không được an ổn, sự sinh dưỡng lại rất khổ nhọc, lấy tâm huyết đại Bi biến thành sữa, không bao giờ mệt mỏi, nhổ đắng nuốt cay, tu tập công đức, mong cho ta trưởng thành, chẳng may ta bạc phước chết yểu thì cha mẹ kêu gào bi thảm, bứt

tóc bù tai, đấm ngực, nước mắt tuôn trào, ăn không biết ngon. Trong mỗi lần sinh đều phải khổ như vậy. Được ra đời, nước mắt nhiều hơn bốn biển, uống sữa mẹ nhiều hơn bốn sông lớn. Lại nữa, tất cả hữu tình từ vô thỉ đến nay vì ân ái nên làm cha mẹ ta, vì ta mà bỏ mạng, cho nên đến nay vẫn chưa dứt luân hồi. Nếu hữu tình này siêng năng tu tập Vô thượng Bồ-đề thì chắc chắn thành Phật, nhưng vì ta mà phải bị sinh tử luân hồi. Lại nữa, tất cả hữu tình từ vô thỉ đến nay vì thương xót ta mà tạo ra các nghiệp ác, tâm không hối hận sửa đổi. Nếu nghiệp ác này có hình tướng thì nhiều hơn núi Diệu cao. Do tạo ra nhiều như vậy nên đọa trong ba đường ác đến nay vẫn chưa hết. Như vậy, sao ta lại vong ân bội nghĩa để tự thủ Niết-bàn mà cầu giải thoát? Giống như mọi người đồng phạm vương pháp, bị trói nhốt trong tù, muốn chạy trốn nhưng không có đường ra, trong đó có một người thấy tường có lỗ hở nhỏ, nếu dùng nhiều cách thì có thể thoát ra đi được. Nhờ đó mà người ấy thoát khỏi khổ nạn. Hàng Nhị thừa cũng vậy, xưa kia đồng là si ái với chúng sinh, bị trói buộc trong tù sinh tử của ba cõi, muốn thoát khỏi nhưng vô phương. Trong đó có một người thấy môn Tứ đế, biết được đạo tu Khổ, Tập, Diệt, Đạo, đạt quả A-la-hán, chứng Niết-bàn. Người tu Đại thừa thì không như vậy, họ nguyện cùng chúng sinh được giải thoát, lấy Giới, Định làm hai tay, trí tuệ làm dao, lấy đại Bi làm móc, chìa khoá để phá giặc phiền não, bẻ gãy quân sinh tử, mở thành Niết-bàn, bước lên cung điện trí tuệ.

Từ Thị nên biết! Đây là Đại Bồ-tát tu Đại thừa tâm không thoái chuyển thứ hai.

3. Đại Bồ-tát nghĩ như vầy: Từ vô thỉ kiếp bị luân hồi đến nay, những hữu tình đều lệ thuộc vào nhau tạo ra thân, khẩu, ý nghiệp làm khổ não người khác, quấy nhiễu tâm ý làm cho người khác phát khởi sân hận, cướp đoạt tài sản với mọi tham cầu, giết và ăn máu thịt của chúng sinh, giết hại như vậy vô lượng, vô biên. Giả sử người kia chưa chết thì ngày đêm suy nghĩ bằng cách nào làm cho người ấy chết để cho ta lấy máu thịt mà ăn uống no đủ. Lại kiêu mạn tự thị mà mắng nhục người khác: "Đó chẳng là lời của chính ta". Tâm sinh tật đố lúc nghe người khác có việc hơn mình, không chịu nổi, phải làm cho họ trúng độc mà chết. Thấy người khổ nạn không có tâm Từ bi, lại vui thích không tự kìm chế được mà phải chết sớm sao? Thấy người sang giàu thì lại muốn họ bị phạm tội hình để vào lao, nghèo khổ. Muốn người ta khổ não để mình hưởng vinh hoa phú quý. Muốn tài sản của người đêm ngày bị tiêu mất, còn muốn tài sản của mình ngày

càng phát triển. Muốn người kia buồn khổ còn mình luôn an lạc. Muốn người bị oán ghét còn mình được yêu mến. Muốn người khác gặp nhiều oan gia, còn mình gặp nhiều thân hữu. Người kia bị đọa lạc còn mình được lên cao. Muốn người bần cùng còn riêng mình giàu có. Muốn mình được trí tuệ còn người khác thì ngu si. Trong sinh tử từ vô thỉ, ngày đêm suy nghĩ đem lòng như vậy mà muốn cầu an lạc cho riêng mình, lợi ích luôn về mình, còn khổ não thuộc về người, không một chúng sinh nào mà không bị xâm phạm phá hoại. Không muốn người có việc tốt nổi tiếng, miệng đồng ý mà lòng thì ngược lại, dùng mọi cách bức hiếp khiến người khác luôn bất an... Những việc làm như vậy nhiều vô số kể, không thể nào nói hết.

Lại dùng lời xấu ác để chỉ dạy hướng dẫn người hiện tại, vị lai đọa trong đường hiểm nạn. Giả nói thấy biết để làm chứng cho người khác, làm cho họ bị mất tài sản, mất chức quan, dùng lời ly gián làm rối loạn thân sơ, xảo trá đa đoan để cho lòng người hận nhau, đọa trong địa ngục không biết khi nào ra khỏi. Dùng lời hung ác mắng chửi người như lấy mũi tên, viên đạn bắn trúng vào thân tâm người, cho đến khi nào họ chết mới quên. Giả lập văn tự chửi mắng đa đoan, dùng những lời sai trái để làm tổn hại chúng sinh và nhiều thứ lời lẽ khác như vậy. Hoặc làm Tiên nhân ngoại đạo tà kiến, bị lửa sân đốt tâm, nói pháp tà ác, sân giận hừng hực, đàn áp hữu tình, lập mưu chú thuật yêu mị bùa chú khiến cho các chúng sinh bỏ sự tu tập để tổn hại nhau, làm tật bệnh lan tràn; khỏe mạnh thành gầy ốm, trẻ biến thành già, mắt sáng thì làm cho mù, tai nghe thông khiến cho điếc, đẹp đẽ làm cho xấu xí, người cao sang lại mắc bệnh hủi, người làm thiện khiến tạo ác, người trí tuệ khiến cuồng si, người sống lâu làm cho chết yểu, người giàu sang khiến nghèo khổ, cho đến ngày nay luân hồi mãi chưa dứt.

Lại nhớ ngày xưa, ta là thầy ngoại đạo tà kiến, dạy người phi pháp nói là Chánh pháp, Chánh pháp nói là phi pháp, khiến cho vô số chúng sinh thoái tâm Bồ-đề, rơi vào phi pháp tà kiến. Từ đấy qua đời, đọa vào địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ.

Lại có chúng sinh đời trước nhận sự dạy bảo của ta, từ núi cao vòi vọi quăng mình xuống sông Diêm-mâu-na rồi chết, cho là được sinh lên trời, đến nay vẫn còn đọa.

Lại có vô lượng chúng sinh đến giữa hai sông: phía Nam sông Hằng, phía Bắc sông Diêm-mâu-na (chi lưu của sông Hằng, hợp với sông Hằng ở chỗ Bát-la-da-na), nơi có thần cây tên Ni-câu-đà sum suê tươi tốt, xanh biếc tỏa bóng mát, đất đai bằng phẳng rộng rãi, lấy nơi này làm trường thi, dưới cây dựng ba cái kích sắt. Chúng sinh kia muốn sinh lên trời thì trước tiên

hành bố thí trong trường đó rồi cạo bỏ râu tóc, vào sông tắm rửa mong trừ tội cấu, sau đó leo lên cây rồi đâm đầu xuống mũi kích tự chết; chết rồi nói là được sinh lên trời. Từ vô thỉ đến nay như vậy luân hồi không dứt.

Lại có chúng sinh học tà giáo của ta thường xan lận không bố thí, thấy ai bố thí thì lại nổi sân, thấy người nhận sự bố thí thì tức giận. Vì sao vậy? Vì thấy có người bố thí và có người nhận sự bố thí, do nghiệp duyên này mà đều đọa địa ngục. Do thấy như vậy cho nên trong vô lượng kiếp bị khổ ngạ quỷ đến nay chưa thoát khỏi.

Lại có chúng sinh nhận tà giáo của ta, giết nhiều trâu dê để lấy máu tế trời. Vì sao vậy? Vì trâu dê ấy là trời ban cho ta, ta ăn máu thịt ấy là để tế trời. Từ vô thỉ đến nay thọ nhận và thực hành theo lời dạy đó, sau khi qua đời đọa vào đường ác, tàn hại ăn nuốt lẫn nhau, do ngu si nên không chứng được Niết-bàn.

Lại có chúng sinh nhận tà giáo của ta, luôn phỉ báng Phật, Pháp, Tăng. Lại có chúng sinh nhận tà giáo của ta mà không tin nhân quả thiện ác trong ba đời, nói không bố thí cũng không cúng dường, không có kết quả, không có pháp hộ trừ ma, không làm việc thiện, không làm việc ác, cũng không có quả của nghiệp, không có đời này đời khác, không có địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh, không có trời, người, cha mẹ. Tất cả chúng sinh giống như say rượu, người làm rượu lấy nếp pha chế cho ấm lạnh để thành rượu ngon, người uống vào thì say ngay. Rượu này là do cha mẹ làm ra sao? Chúng sinh cũng vậy, cha mẹ hòa hợp do ái nhiễm xưa mà có thân ta. Sau khi ta qua đời không còn sống nữa, giống như sau khi chặt cây, đốt rồi thì thành than tro. Tro này đâu phải do cây mà có. Thân ta cũng vậy, chết rồi không sống nữa, cho nên biết rằng chắc chắn không có nhân quả. Do đây mà đối với cha mẹ, sư trưởng không cung kính, lại mắng chửi. Trong vô lượng kiếp cứ dạy tà giáo này khiến cho các hữu tình đọa vào địa ngục.

Hoặc có ngoại đạo lấy lửa đốt thân, hoặc trầm mình trong nước chết chìm, hoặc lăn lộn trên kích nhọn để chết, hoặc tu hạnh con chó ăn phân để cầu sinh lên cõi trời. Hoặc tu giới của bò, như bò đi đường, uống nước ăn cỏ, không có gì che thân, không phân biệt lục thân nên dâm loạn bậy bạ. Hoặc có ngoại đạo nhịn đói không ăn, đứng suốt cả ngày, qua đêm sau mới ăn. Hoặc có ngoại đạo dùng năm loại nóng đốt thân và xoay chuyển theo mặt trời. Có ngoại đạo giơ một chân lên cao. Có ngoại đạo phụng thờ mặt trăng, tháng có trăng thì một ngày ăn một miếng, hai ngày ăn hai miếng, cho đến đủ tháng thì ăn được mười lăm miếng. Tháng tối thì ngày đầu tiên giảm ăn một miếng, hai ngày giảm hai miếng, cho đến hết tháng tối chỉ ăn

một miếng, hoặc có khi không ăn. Có ngoại đạo trì giới gà, rải thức ăn trên đất rồi dùng chân bới ra lượm ăn, lúc tới giờ thì kêu; có ngoại đạo lõa thân đi, không biết xấu hổ. Có ngoại đạo đốt tóc, vào giữa trưa đứng ngoài trời và di chuyển theo mặt trời, trời lạnh buốt ở dưới bóng mát mà đứng quạt. Có ngoại đạo sau khi giết người, lấy đầu lâu đựng thức ăn uống; có ngoại đạo lõa hình không xấu hổ, lấy tro bôi thân. Hoặc có ngoại đạo dùng than đen bôi lên thân, hoặc dùng các đốt xương của đầu lâu để làm xâu chuỗi, vòng hoa, nhẫn xuyến để trang sức thân thể. Hoặc có ngoại đạo lấy đuôi ngựa, lông bờm ngựa dệt làm áo quần, có ngoại đạo lấy vỏ cây làm áo quần, có ngoại đạo lấy lông chim thứu làm áo quần, lấy lông gà làm áo quần.

Những ngoại đạo như vậy lấy tà pháp dạy chúng sinh.

Vì khẩu nghiệp mà vô số chúng sinh đến nay vẫn ngu mờ không được giải thoát. Lại từ vô thỉ đến nay do thân tạo ra nghiệp ác làm khổ não chúng sinh, làm cai ngục cầm kềm sắt kẹp lưỡi chúng sinh rồi lấy nước đồng sôi rót vào. Lại lấy chày sắt đập nát xương chúng sinh, lại dùng cưa sắt cưa xẻ các chúng sinh, hoặc xua đuổi chúng sinh lên rừng kiếm, kéo ruột, ngũ tạng ra ăn; hoặc lấy dây sắt quấn chặt chúng sinh quăng vào sông tro, rồi lại kéo ra để trên cây nóng như cá bị trộn qua trộn lại trong chảo, hoặc bắt đứng ngồi rồi lấy thìa sắt nóng xúc, hoặc lấy nước đồng sôi rót vào miệng bắt uống. Hoặc dùng kềm sắt rút lưỡi chúng sinh ra, kéo cho dài rộng rồi lấy lưỡi cày bằng sắt cày lên, giống như các khổ đã nói trong địa ngục ở trên.

Từ vô thỉ kiếp đến nay, ta bị những việc như vậy... Mỗi nghiệp thân là làm khổ não chúng sinh, lại làm sư tử, hổ báo, sài lang, gấu bi... ăn thịt uống máu, tàn hại chúng sinh. Hoặc trong địa vị tôn quý làm vua quan, thứ dân, trưởng giả, cư sĩ... bẻ cong pháp luật mà thu thuế, đánh đập vô cớ, không làm theo pháp luật của vua, làm tổn hại hữu tình. Do đó mà suy nghĩ: từ vô thỉ đến nay ta đã luôn não hại chúng sinh trong năm đường, nào chặt đầu, móc mắt, xẻo tai, cắt mũi, cắt lưỡi, ăn thịt, chẻ xương lấy tủy, chặt tay chân cho đến chết. Hoặc khi làm người thì làm đồ tể, săn thú, bắt cá, giăng lưới để đoạt mạng chúng sinh như trâu, dê, hươu, nai, chồn, thỏ, gà, heo, cá, ba ba, rùa... cắt thân chúng ra từng khúc rồi dồn lại để bán. Sát hại, buôn bán vô số chúng sinh như thế trải qua vô lượng câu-chi kiếp.

–Này Từ Thị! Đại Bồ-tát tu Đại thừa nên phát tâm như vầy, tư duy như vầy: "Vì tham, sân, si mà thân, khẩu, ý tạo ra bao nghiệp ác, lừa gạt làm tổn hại tất cả chúng sinh hiện đang đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh mà chịu các khổ não. Ta nay lấy làm xấu hổ, hối hận, tự trách mình làm thế nào để đền đáp công ân ấy. Suy nghĩ như vậy, không có cách nào

khác để đền trả tội ấy, chỉ có chí tâm cầu Vô thượng Bồ-đề, chứ không thể nào trả hết nợ cũ. Sau khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, ta cứu độ chúng sinh đang ở trong sa mạc đồng hoang luân hồi này đến thành Niết-bàn an lạc. Dùng châu như ý, trí Nhất thiết trí để đền trả tội lỗi thâm sâu từ vô thỉ."

Từ Thị nên biết! Đây là Đại Bồ-tát phát tâm không thoái chuyển thứ ba.

Hai tâm trên nỗ lực tu hành tinh tấn không giải đãi. Tâm thứ ba nhất tâm tu hành chứng quả vị không thoái chuyển.

Này Từ Thị! Dùng năm loại phát tâm này tu hành Đại thừa mau thành tựu Nhất thiết trí.

-oOo-

KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 4

Phẩm 5: Bố Thí Ba-La-Mật-Đa

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở trong đại chúng rống tiếng Sư tử nói xong năm loại phát tâm Bồ-đề. Đại Bồ-tát Từ Thị cùng vô lượng, vô số trăm ngàn câu-chi Đại Bồ-tát, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi làm thượng thủ và tất cả đã thành tựu sáu pháp Ba-la-mật-đa. Lại có vô lượng đại A-la-hán các lậu đã hết, việc làm đã xong, xả bỏ gánh nặng, phạm hạnh thanh tịnh và vô số câu-chi trăm ngàn vạn ức na-do-tha Trời, Rồng, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Dạ-xoa, La-sát, Càn-thát-bà, Tỳ-xá-già, Nhân phi nhân...

Khi ấy, Đại Bồ-tát Từ Thị ở giữa đại chúng liền đứng dậy, chỉnh đốn pháp phục, trịch áo bày vai phải, quỳ gối chắp tay, nhất tâm cung kính thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói tâm không thoái chuyển Đại thừa Bồ-tát. Bồ-tát tu tập bao nhiêu pháp mới được gọi là Đại Bồ-tát? Cúi xin Đức Thế Tôn phân biệt giải nói.

Khi ấy Đức Thế Tôn dạy Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ nào với tâm thanh tịnh quy y Phật, Pháp, Tăng bảo, phát tâm Vô thượng Bồ-đề thì chứng được quả vị không thoái chuyển, vị đó gọi là Bồ-tát, sống trong pháp của ta gọi là Ma-ha-tát (Đại), làm Pháp vương tử cho hằng hà sa chư Phật Bồ-tát, vì các hữu tình ấy mà làm cha mẹ, làm ánh sáng đại phước đức soi chiếu hơn cả trăm ngàn mặt trời để trang nghiêm thân Phật.

Đại Bồ-tát Từ Thị thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát này làm sao viễn ly, làm sao thân cận? Lấy ai làm bạn lữ? Trước tiên phải làm gì và nên trụ như thế nào? Tu hành ra sao? Điều phục tâm như thế nào? Giữ gìn những gì? Nhờ thế lực của ai để mau chứng đắc Vô thượng Bồ-đề?

Đức Thế Tôn dạy:

–Thiện nam, thiện nữ nào dắt dẫn chúng sinh trong năm đường đạt đến Vô thượng Chánh giác Bồ-đề, tránh xa ngoại đạo, pháp tà, bạn ác; gần

gũi người tu hành, đầy đủ Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, lấy người hành Đại thừa làm bạn lữ, chính mình nên lắng nghe Chánh pháp, siêng năng tụng trì, an trụ sáu pháp Ba-la-mật-đa như vậy, tinh tấn tu hành, điều phục tâm ý, thu thúc sáu căn. Nhờ năng lực này mà mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, nên gọi là Đại Bồ-tát.

Thế nào là sáu pháp Ba-la-mật-đa? Đó là: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ ba-la-mật-đa.

Bồ-tát Từ Thị thưa:

–Vì sao nói Bố thí ba-la-mật-đa là pháp đầu tiên?

Đức Phật dạy Từ Thị:

–Ta sẽ vì ông mà phân giải rộng nói. Trong sáu pháp Ba-la-mật-đa, Bố thí ba-la-mật-đa rất dễ tu tập cho nên nói trước, giống như những việc làm ở thế gian, việc nào dễ thì nên làm trước, cho nên nói Bố thí ba-la-mật-đa đầu tiên.

Tất cả hữu tình ai cũng có thể hành Bố thí ba-la-mật-đa. Dạ-xoa, La-sát, sư tử, hổ, sói, cai ngục, đồ tể, đầu bếp... là những chúng sinh bạo ác nhất trong loài hữu tình mà còn có thể bỏ xan tham thi hành bố thí. Bố thí thế nào? Nghĩa là chúng nuôi con, vì thương xót mà cho con bú sữa. Chúng sinh này tuy không thể biết phước lợi nhưng nhờ có lòng thương xót mà được khỏe mạnh, sống lâu, an lạc, lìa khổ đói khát. Đó cũng gọi là bố thí. Do đó mà bố thí đối với sáu pháp Ba-la-mật-đa thì nói Bố thí ba-la-mật-đa trước tiên.

Lại như, tất cả chúng sinh nghèo khổ đói lạnh, lõa thân, thân tâm không an, làm sao có thể làm mọi việc? Nếu cho họ cơm ăn, áo mặc để được an lạc thì sau đó mới có thể tu các thiện nghiệp. Đại Bồ-tát cũng vậy, thấy các hữu tình bị nghèo khổ bức bách, không thể phát lòng tin vô thượng để tu hành tất cả sự nghiệp Đại thừa, làm các việc lớn nên trước tiên bố thí tất cả áo quần, đồ ăn uống, phòng xá, giường chiếu, thuốc thang... để tâm họ được an lạc rồi sau đó làm cho họ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu hành pháp Đại thừa. Do đó mà Bố thí ba-la-mật-đa là cửa đưa đến thành tựu sáu pháp Ba-la-mật-đa, là hạnh đầu tiên của bốn Nhiếp pháp. Giống như tất cả vạn vật đều nhờ đất mà sinh trưởng; do đó mà nói Bố thí ba-la-mật-đa đầu tiên.

Như các loài Dạ-xoa... đã nói ở trên, không biết những gì là ruộng phước và chẳng phải ruộng phước, nhưng do lòng yêu thương mà cho con bú, thì sẽ được làm người giàu có của cải, không đói thiếu. Do nhân này mà sinh ra chỗ nào cũng không có tánh xan tham, bố thí cho tất cả hữu tình

để dứt trừ sự bần cùng khốn khổ. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát muốn làm lợi ích cho các hữu tình, trước tiên phải thực hành hạnh Bố thí ba-la-mật-đa. Người nào đến xin thì đem cho, không được nhăn nhó, khinh thị cũng không sân giận, tiếc nuối. Mình có gì đem cho nấy, không được chần chừ và sinh lòng keo kiệt. Đối với những gì mình yêu thích như: áo quần, giường chiếu, đồ ăn uống, thuốc thang, đất nước, vợ con, nô tỳ, đầy tớ, voi ngựa, bảy báu... đều lấy đem bố thí, cho đến một niệm cũng không hối tiếc. Nếu ai nghi ngờ thì đó là ma. Vì sao vậy? Vì ma vương Ba-tuần hóa làm của cải để khiến người xan tham. Nó làm cách ấy là để mê hoặc tâm ta, làm cho chướng ngại đại Bồ-đề. Do nghĩa này nên không được xan tham mà suy nghĩ như vầy: "Phải xả bỏ tất cả của cải mà ta yêu mến."

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Từ Thị thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu ta bố thí của cải yêu thích mà không tiếc nuối thì Đại Bồ-tát là Chuyển luân vương có bảy báu ngàn người con vây quanh không biết làm gì, giống như cây cỏ rất nhỏ sống ở khe rạch lại gặp mưa dữ dội, nước lớn tràn về trôi sạch không còn lại một thứ gì. Vua Chuyển luân có năm dục thỏa thích, hùng mãnh, quyền lực, ngàn người con đi theo mình, làm tâm Bồ-đề đều phải trôi hết, như vậy làm sao tu tập hạnh bố thí, do vậy mà khó xả ly.

Đức Thế Tôn dạy Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát sinh ra chỗ nào luôn giàu có, của cải sung túc và pháp đạo cũng như vậy. Chuyển luân thánh vương nên suy nghĩ hai điều:

1. Tư duy chư Phật quá khứ hành những hạnh khó làm và tất cả giáo pháp của Phật Bồ-tát. Năm dục khoái lạc của Chuyển luân vương do vọng chấp phân biệt mà có, giống như huyễn mộng. Với cảnh năm dục ấy, Chuyển luân thánh vương không phân biệt, không chấp trước, làm sao có thể làm chướng ngại tâm Bồ-đề.

2. Tư duy: Ta đã đưa tất cả hữu tình vào chỗ an lạc vô thượng Bồ-đề cũng như quá khứ hằng hà sa chư Phật Như Lai xả bỏ những việc khó xả, ta cũng thề phải xả bỏ như vậy. Vì muốn tẩy trừ đi những cấu uế xan tham mà phát tâm nguyện: Từ đây cho đến khi thành Phật, thề đem thân này bố thí cho cả pháp giới, để cho tất cả chúng sinh được tu phước nghiệp. Dù nhiều hay ít, nguyện cùng hưởng với tất cả chúng sinh, hồi hướng lên Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Lấy đó mà quán sát: Xưa kia ta đã xả vô số thân mạng như núi Diệu cao, quán thân ta giống như hạt cải, thân này còn xả, huống gì của cải. Nếu Bồ-tát có nhiều tài sản quý báu mà không bố thí thì

giống như voi trắng đã tắm rửa sạch sẽ trong sông Hằng rồi dùng vòi hút lấy phân dơ, đất bụi bôi khắp thân. Ta lấy nước sạch phước đức tắm rửa thân thể cho sạch sẽ, đoan trang, thơm khiết, chứ không nên xan tham mà yêu thích của cải để bôi dơ nhớp lên thân.

Từ Thị nên biết! Đại Bồ-tát tư duy như vầy: Có người đến xin da của ta, ta liền lột đưa vui vẻ với lòng hoan hỷ, không một chút sân hận. Nếu xin thân, đầu, máu, thịt, xương, tủy cũng đều đem cho. Do đó mà Đại Bồ-tát làm lợi ích an vui cho các hữu tình, không xả bỏ sinh tử mà không chấp lấy Niết-bàn.

Lại nghĩ như vầy: Nay thân này của ta trước đây không đến, sau này không đi, do cha mẹ hòa hợp hạt giống bất tịnh mà có thân ta, ở trong chỗ bào thai dơ nhớp. Giống như trồng cây, cành lá tốt tươi thì hoa quả thành trái; thân ta cũng vậy, lấy khổ làm cành, lo buồn làm lá, dối gạt làm hoa, si làm gốc. Quỷ La-sát sân giận ở cây này, lại bị những nghiệp ác như hổ báo, chó sói, sư tử... bao quanh cây. Nay tạm thời ta nghỉ dưới gốc cây này, tại sao tham tiếc cây độc dữ này làm gì? Thân cây này không có ngã và ngã sở, giả sử nếu có thì ta cũng xả nó, nguyện đem cho chúng sinh theo yêu cầu của họ, không bao giờ tham tiếc. Vì sao vậy? Vì ngã đã xả rồi nên không cầu quả báo, không mong cầu ân đức, không chấp trước. Vì sao vậy? Vì thân ác độc này bị trói buộc bởi ba pháp ác:

1. Bất tịnh.

2. Rất khổ.

3. Vô ân.

Nếu có người bị La-sát độc ác và loài thú dữ bao quanh, trong chúng có ai cứu vớt thì nên biết người đó là ân nhân của ta, đã làm lợi ích cho ta. Ta luôn nhớ ân đức của người này, sao lại tiếc thân này với họ ư? Tất cả cây cỏ thuốc thang, gốc rễ, cành lá, hoa quả, nông sản trên mặt đất này đều có thể mặc, ăn, mang, đội. Nếu dùng búa chém, chặt hết cho người thì có thể làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh. Nhưng mặt đất này không nghĩ rằng chúng sinh đã ăn thân, cành, lá, hoa, quả của mình mà được khỏi bệnh. Loài vô tình kia không phân biệt mà còn có thể làm lợi ích cho tất cả hữu tình, huống gì thân ta mà không thể hành bố thí để làm lợi ích cho người khác sao! Ngược lại có người đến xin thì ta có tâm ngã mạn khinh khi, nhục mạ.

Lại nên quán sát trong ngoài thân của chính mình. Trước tiên quán sát bên trong thân: Mắt là của ta ư? Nếu không phải của ta thì vì sao tham tiếc?

Tai, mũi, lưỡi, thân... cũng như vậy. Quán khắp hết thì không có gì là ta và của ta.

Lại quán ngoài thân: Sắc là ngã ư, là ngã sở ư? Thanh, hương, vị, xúc lại cũng như vậy.

Quán sát khắp cả trong ngoài thân đều không có ngã, đã không có ngã thì vì sao xan tham không bố thí? Nên phải tư duy chắc chắn như vầy: "Nguyện đem thân này cống hiến cho tất cả." Vì sao? Vì thân này vô thường biến đổi, không nhất định, sinh diệt trong từng sát-na, không có gì cả.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ai bắt ta bỏ thân, của cải
Không được tự do, không lợi ích,
Biết vậy rồi, tư duy thật kỹ
Mở lòng bố thí là tối thắng.
Người mê nếu ngộ pháp mộng huyễn
Trong ngoài đều xả, không chấp hữu,
Bố thí như vậy sánh hư không
Không ta, không nhận là tối thắng.

Lại nữa, này Từ Thị! Nếu Đại Bồ-tát tu hành Đại thừa, cầu Vô thượng Bồ-đề thì nên tu pháp Không, vì quán Không nên tâm mới được tự tại. Ở chỗ hằng hà sa chư Phật được thọ ký, tâm quả vị không thoái chuyển mà hành bố thí, không có mỏi mệt. Bố thí là con dao chặt đứt giặc xan tham; giặc xan tham là cội gốc của các khổ. Bồ-tát bố thí không tham tiếc. Vì sao vậy? Vì Đại Bồ-tát tuy có phiền não nhưng đó đều là phương tiện để làm lợi muôn vật. Những phiền não đó không có tội lỗi, vì đó là nguyện lực của Đại Bồ-tát. Thân, khẩu, ý trụ vào "Vô công dụng" mà được thanh tịnh, khéo điều phục năm Căn không buông lung, làm nhiều lợi ích cho tất cả chúng sinh, biết Thắng nghĩa đế và Thế tục đế, lấy nước Chánh định để rửa sạch bụi xan tham. Đã trừ sạch cấu bẩn này rồi thì bố thí một cách tự tại, nói pháp Đại thừa, ánh sáng oai nghiêm chiếu rực rỡ giống như mặt trời tỏa sáng, phá trừ các tối tăm. Ánh sáng của tiếng nói pháp trừ đi tâm hôn mê.

Đại Bồ-tát Từ Thị thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao thuyết minh pháp thí trước tiên?

Phật dạy:

Pháp thí có ba vượt hơn tài thí:

1. Bố thí tài của thì có thể hết, còn bố thí pháp thì càng bố thí càng tăng trưởng không hết. Do đó mà nó vượt hơn tài thí.

2. Người nhận tài thí chỉ được ích lợi đời hiện tại. Còn người nhận pháp thí thì được lợi ích đời này và đời sau, nó luôn luôn đi theo ta vô số kiếp, không ai có thể cướp đoạt, cho đến chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề cũng không lìa bỏ.

3. Bố thí tài, thì người bố thí được lợi ích, người nhận thì không được lợi ích. Còn bố thí pháp thì cả hai đều được lợi ích. Vì do nghe pháp mà phát tâm mau hướng đến Vô thượng Bồ-đề.

Do ba nghĩa trên mà pháp thí vượt hơn Tài thí. Nhờ thực hành Pháp thí nên tiếng đồn vang, tất cả người trời đều tôn trọng, cung kính. Do đây mà trước tiên nói về Pháp thí.

Nếu Đại Bồ-tát tu tập Bố thí Ba-la-mật thì lấy ba việc và các công đức để làm gốc:

1. Làm lợi ích cho mình và người. Nếu không làm lợi ích cho người mà riêng mình hưởng cái vui ở đời thì chẳng phải hạnh Bồ-tát.

2. Ở trong Đại thừa không thoái lui.

3. Tu tập một chút phần bố thí là gốc của vô lượng công đức. Vì sao? Vì tâm thanh tịnh không phân biệt.

Giống như mặt trời chiếu sáng khắp thế gian, các loài hữu tình và vô tình đều nhờ ân được lợi ích. Mặt trời đó không nói: Ta đã chiếu sáng, cũng không phân biệt hữu tình hay vô tình. Bồ-tát đã làm những công đức như vậy cho đến bố thí một cái hoa, một cái quả đều vì lợi ích cho tất cả chúng sinh. Nhờ công đức này mà thành quả Vô thượng, lòng Từ bi biến khắp mười phương, chỉ dạy dẫn dắt cho tất cả muôn loài.

Lại nữa, này Từ Thị! Đại Bồ-tát dùng của báu bố thí để làm dụng cụ trang nghiêm cho đến lúc thành Phật, tướng tốt trang nghiêm. Vì sao bố thí ít mà được công đức nhiều? Dùng chút ít sức phương tiện bố thí, hồi hướng phát nguyện cùng tất cả chúng sinh đồng chứng Bồ-đề Vô thượng Chánh đẳng. Do đó mà được công đức vô lượng, vô biên, giống như chút mây mà dần dần bủa khắp thế giới.

Này Từ Thị! Bố thí có ba loại:

1. Bố thí nhỏ.

2. Bố thí lớn.

3. Bố thí đệ nhất nghĩa.

Bố thí nhỏ nghĩa là dùng những thứ ăn uống, áo quần, các dụng cụ trang sức, tài bảo, voi ngựa, xe cộ, kho lẫm, thành ấp, xóm làng, vườn cây, nhà cửa và tất cả nhạc cụ của Chuyển luân vương mà đem bố thí thì gọi là

bố thí nhỏ.

Bố thí lớn là bố thí những gì mà Chuyển luân vương yêu mến như: hoàng hậu, thứ phi, quyến thuộc và chính bản thân mình đem bố thí cho người gọi là bố thí lớn.

Bố thí đệ nhất nghĩa, nghĩa là có thể lấy thân mạng của mình mà hành bố thí, vì tâm tương ưng với Vô sở đắc nên gọi là Bố thí đệ nhất nghĩa.

Đại Bồ-tát dùng ba loại này mà hành bố thí thì gọi là Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Từ Thị! Ai bố thí thức ăn là bố thí năm việc:

1. Bố thí mạng sống: nếu người không ăn thì khó có thể cứu mạng sống.

2. Bố thí sắc: nhờ được ăn mà nhan sắc đẹp đẽ.

3. Bố thí sức: do được ăn mà sức lực phát triển.

4. Bố thí vui: do thức ăn này thân tâm được an vui.

5. Bố thí hiểu biết: nếu bị đói khát thì thân tâm nhu nhược, nói phều phào không rõ ràng. Khi ăn uống được sung túc thì thân tâm khỏe mạnh, được trí tuệ và đại biện tài vô ngại.

Khi Đại Bồ-tát bố thí cơm ăn, nên phát nguyện hồi hướng như vầy:

Khi con bố thí thức ăn thì bố thí năm việc này:

1. Nếu bố thí thân mạng, con nguyện cho tất cả chúng sinh được sống lâu như Phật, một kiếp, hai kiếp, vô lượng kiếp cùng ở với nhau.

2. Nếu bố thí sắc, con nguyện cho tất cả chúng sinh được sắc thân vàng ròng như Phật, chiếu rực rỡ thế gian, hơn cả trăm ngàn mặt trời.

3. Bố thí sức lực, con nguyện cho tất cả chúng sinh được mười Lực của Phật, trong mỗi lực đều có tám vạn bốn ngàn sáu trăm sáu mươi ba loại sức Na-la-diên.

4. Bố thí vui, con nguyện cho tất cả chúng sinh thành Phật, không có gì sánh bằng Niết-bàn an lạc.

5. Bố thí sự biện tài, con nguyện cho tất cả chúng sinh thành tựu được bốn vô ngại biện của Thế Tôn.

Nếu bố thí mùi vị, nguyện cho tất cả chúng sinh được đầy đủ pháp vị cam lồ vô thượng của Phật, an ổn không gì sánh bằng thanh tịnh Niết-bàn.

Khi bố thí nước, nguyện cho tất cả chúng sinh trừ hết khát ái.

Nếu bố thí những thức ăn ngon, đường cát, đường phèn, mía, bồ đào thì được bốn cái răng giữa trong miệng của Như Lai nên tất cả những thức

ăn uống và độc dược khi vào tới răng đều biến thành cam lồ.

Nếu bố thí thuốc thang, nguyện cho tất cả chúng sinh được thuốc sáu Độ chữa lành bệnh sinh tử, được an vui Niết-bàn.

Khi bố thí áo quần, nguyện cho tất cả chúng sinh được áo xấu hổ để che thân, xa lìa thân hình xấu xí, được thân đẹp đẽ màu vàng ròng, tươi đẹp không ai sánh bằng.

Nếu bố thí những loại hương bột, hương xoa, con nguyện cho tất cả chúng sinh được giới hương để xoa thân, tẩy trừ tập khí ô uế phiền não.

Nếu bố thí voi ngựa, xe cộ, thuyền bè, con nguyện cho chúng sinh đều được Tam-muội tùy tâm của Như Lai, đi đứng tự do không có chướng ngại.

Khi bố thí cầu cống, nguyện cho chúng sinh cầu được sáu Độ, qua sông sinh tử, đến bờ Niết-bàn.

Nếu bố thí anh lạc, nguyện cho chúng sinh được trang sức bằng chuỗi châu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp.

Nếu ở chỗ đồng hoang sa mạc, qua lại đói khát, bị mặt trời thiêu đốt thì bố thí ao giếng để uống, tắm rửa. Nguyện cho tất cả chúng sinh xa lìa đồng hoang luân hồi sinh tử, cái nóng nực của ba độc, cái khổ của khát ái. Lại nguyện thân ta là ao, suối pháp, nước Nhất thiết trí đầy đủ trong đó để chúng sinh tha hồ uống, tắm rửa, chấm dứt nguồn sinh tử, được chân giải thoát.

Bố thí nhà cửa, nguyện cho chúng sinh tránh xa mưa gió, giặc cướp, thú ác, sợ hãi mà được an lạc. Nguyện cho chúng sinh đều vào nhà Niết-bàn, xa lìa giặc phiền não và địa ngục lạnh nóng, vĩnh viễn không còn lo sợ mưa gió sinh tử.

Nếu bố thí mền mùng mềm mại, giường chiếu... nguyện cho chúng sinh ngồi tòa Bồ-đề, tự nhiên giác ngộ, được chân bình đẳng.

Nếu bố thí những loại áo quần thượng hạng, nguyện cho tất cả chúng sinh có áo pháp tam thừa, che khắp tất cả phiền não chúng sinh.

Nếu bố thí đèn dầu cho Tam bảo, Sư tăng, Cha mẹ, nguyện cho tất cả chúng sinh được mắt Nhất thiết trí.

Nếu bố thí âm nhạc, nguyện cho tất cả chúng sinh được thiên nhĩ, nghe biết được tất cả âm thanh trong mười phương thế giới.

Nếu đối với chỗ quá xa không có Phật pháp thì xây dựng Tăng phường và Chiêu-đề Tăng để bố thí những dụng cụ ăn uống, thuốc thang, nguyện cho tất cả chúng sinh được thành Niết-bàn an lạc, chấm dứt khổ

luân hồi sinh tử.

Nếu bố thí thuốc thang, nguyện cho tất cả chúng sinh dùng thuốc pháp để trừ bệnh phiền não.

Nếu bố thí đầy tớ, nguyện cho tất cả đều như A-nan hầu Như lai.

Nếu cứu người tù đày được tự do, nguyện cho tất cả chúng sinh viễn ly ngục tù phiền não, được giải thoát, hoàn toàn trụ trong ngôi vị Pháp vương.

Nếu bố thí vàng bạc và của báu vô giá, nguyện cho tất cả chúng sinh được trăm tướng phước đức trang nghiêm thân.

Nếu bố thí mũ báu và những dụng cụ trang trí như anh lạc, xuyến, nhẫn, bông tai, vòng hoa... nguyện cho tất cả chúng sinh được tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân.

Nếu bố thí nơi thanh tịnh tu học, nguyện cho tất cả chúng sinh được bốn Thánh chủng làm chỗ nương tựa.

Nếu bố thí kho tàng, nguyện cho tất cả chúng sinh được tài pháp công đức vô thượng của Phật.

Nếu bố thí bảy báu và ngôi vị Chuyển luân vương tự tại an lạc, nguyện cho tất cả chúng sinh được sức mạnh lớn, dùng tay diệu pháp cứu vớt chúng sinh ra khỏi mười nghiệp ác, lấy nước Thập thiện rửa cho sạch sẽ, dùng giới hương thanh tịnh để thoa thân, đoạn trừ tất cả mùi hôi xú uế, lấy áo tàm quý mà làm tàng lọng, lấy công đức Phật làm anh lạc, lấy nhẫn nhục làm vòng hoa để trang sức thân, lấy tĩnh lự làm giường ngồi, an trú bất động, lấy mũ Bồ-đề đội lên đầu, ở trong ngôi vị Pháp vương mà nhận quán đảnh.

Từ Thị nên biết! Bố thí như vậy gọi là Bồ-tát hành tiểu thí.

Lại nữa, đại thí nghĩa là đối với vợ trinh thuận, con xinh đẹp, trai gái bạn bè yêu kính nhất, Bồ-tát đều đem bố thí. Nếu không xả bỏ vợ con này thì làm sao được làm cha mẹ tất cả chúng sinh và có thể yêu thương họ? Hãy thương xót cứu độ chúng sinh như con yêu quý của mình, làm cho lìa sinh, già, bệnh, chết. Do đây mà Đại Bồ-tát đều bố thí tất cả những gì sủng ái, thương yêu, cho đến thành Phật Vô thượng Bồ-đề.

Từ Thị nên biết! Bố thí như vậy gọi là Bồ-tát hành đại thí.

Bố thí đệ nhất nghĩa: Đại Bồ-tát với tâm thanh tịnh, đem tay chân, da thịt, xương tủy, đầu, mắt, tai, mũi, cho đến thân mạng của mình mà tâm không tiếc nuối. Đem công đức này nguyện cho tất cả chúng sinh đời tương lai được thân Kim cang không hư hoại.

Nếu bố thí tay chân mà không thương tiếc, nguyện cho tất cả chúng sinh đang luân chuyển, nổi trôi trong dòng thác sinh tử, mà không người cứu vớt thì đưa tay Chánh pháp cứu vớt họ, đưa họ lên bờ cõi an lạc.

Nếu bố thí tai, mũi, lưỡi, nguyện cho tất cả chúng sinh đời tương lai đều được năm Căn thanh tịnh của chư Phật, lấy pháp vi diệu ấy trang nghiêm chúng sinh.

Nếu lấy máu thịt bố thí cho chúng sinh thì lúc bố thí nguyện cùng tất cả chúng sinh được thân giống như đại địa, làm chỗ nương tựa cho các hữu tình. Giống như dòng nước lớn có thể tẩy trừ được cấu uế, khe rạch khô ráo được tràn đầy. Lại như ánh lửa lớn phá trừ chỗ tối tăm, được thành tựu tất cả. Như gió lớn thổi làm kinh động tất cả, khai mở sinh trưởng được mọi sự tươi đẹp.

Khi bố thí mắt, nguyện cho tất cả chúng sinh được Phật nhãn.

Nếu bố thí đầu và mũ báu, nguyện cho tất cả chúng sinh được mũ báu bảy Giác chi vô thượng của Phật.

–Này Từ Thị! Đại Bồ-tát đem tất cả những vật tốt đẹp trong thế gian bố thí cho tất cả hữu tình mà không tham tiếc. Vì sao vậy? Vì đem lòng đại Bi xem chúng sinh bình đẳng giống như con một. Nguyện cùng tất cả chúng sinh không còn nghèo khổ, cầu gì cũng được toại nguyện, ở trong đồng hoang sinh tử đầy đủ bảy Thánh tài, được của báu trí Phật.

Này Từ Thị! Vì sao Đại Bồ-tát tu hành bố thí mà không có nguy hoạn? Nghĩa là tự tay mình hành bố thí, chẳng phải ganh tỵ, chẳng phải sợ tiếng xấu, chẳng phải cầu ân đức, chỉ vì cứu vớt người bần cùng cô đơn, khốn khổ. Đó gọi là bố thí. Nếu vì tiếng tốt mà làm thầy, luôn hành bố thí thì giống như người đi buôn, chẳng phải là bố thí chân thật. Có lòng đại Bi, bố thí không phân biệt oán, thân, của cải nhiều hay ít, đó là chân thật bố thí.

Này Từ Thị! Có hai loại ruộng:

1. Ruộng Bi: nghĩa là những người cô quả nghèo cùng, khốn khổ.

2. Ruộng Cung kính: đó là Phật, Pháp, Tăng, Cha mẹ, Sư trưởng.

Không nên xem thường ruộng Bi mà nói không phải ruộng Phước. Với ruộng cung kính không mong cầu quả báo, dùng tâm đại Bi không phân biệt, bố thí bình đẳng cho tất cả, gọi là Chân bố thí. Lại nữa, bố thí chớ vì sự vọng cầu mà không xả bỏ tài sản của cải, hoặc bị quan cưỡng đoạt mà bố thí, hoặc sợ tổn hao mất mát mà bố thí. Không được khinh khi Tam bảo, nên cung kính tôn trọng, không tự khen mình mà hành bố thí. Đem của báu bố thí mà không tiếc nuối, không ngã mạn, không cống cao, đó gọi là Chân

bố thí. Đối với ruộng tôn kính mà không cung kính, đem vật không ưa thích bố thí thì không gọi là bố thí. Hoặc vì nhà nghèo không có phẩm vật tốt đẹp mà còn có tâm sỉ diện vì sự thô xấu nên không bố thí, do nhân duyên đó mà không hành bố thí.

Này thiện nam! Người hành bố thí không nên phân biệt, tùy theo chỗ mình có mà người nào đến cần gì đều đem cho, đó là Bố thí ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát khi bố thí không nên ỷ mình có trì giới, đa văn, thiền định, trí tuệ mà hành bố thí, cũng không khinh khi người khác là tham, sân, si, trí kém, phá giới... mà hành bố thí thì đó chẳng phải tịnh thí.

Đại Bồ-tát hành bố thí không sợ nghèo đói, không sợ vào đường ác, tùy chỗ mình có ít hay nhiều gì cũng đều đem bố thí cả. Do tâm rộng lớn này mà được công đức vô tận vô biên. Đó là Bố thí ba-la-mật.

Nếu vì bố thí mà ganh tỵ nhau, làm cho gia đình quyến thuộc cãi vã, đánh lộn, không hòa thuận thì không gọi là bố thí.

Nếu bố thí mà khinh chê người đi xin: "Ông nay khỏe mạnh, các căn đầy đủ, sao không tự mình kiếm nghề sinh sống mà lại đi xin?" Bố thí như vậy không gọi là bố thí.

Hoặc cho rồi hối hận, nói rằng: "Vì ta ngu si mà đem cho của cải"; cho như vậy không gọi là bố thí.

Hoặc bố thí để mong người khen hoặc sợ tiếng xấu, như vậy không gọi là bố thí.

Hoặc vì nguyện xấu mà bố thí, đó không phải là bố thí.

Hoặc chọn ngày bố thí, nghĩa là vào tháng có trăng sáng là ngày mồng một, mồng tám, mười bốn, mười lăm. Tháng không trăng là ngày mồng ba, mồng tám, mười ba, mười bốn, mười lăm còn những ngày khác thì không bố thí. Như vậy không gọi là bố thí.

Hoặc bố thí mà chọn giờ, nghĩa là sáng bố thí, còn giữa trưa thì không, buổi chiều cũng vậy. Bố thí như vậy không gọi là bố thí.

Hoặc lựa người cho, cho người nghèo khổ, không cho người giàu có, hoặc cho người nghèo lẫn người giàu mà không cho người bệnh. Cho người bệnh chứ không cho người khác; hoặc cho người này mà không cho người kia. Bố thí như vậy không gọi là bố thí.

Hoặc chọn người tri thức, có tướng mạo đẹp đẽ mới cho đồ tốt, còn người khác thì cho đồ xấu, đó không gọi là bố thí.

Hoặc thấy người xin làm những hài kịch, tấu nhạc, trò chơi, đùa giỡn thì cho, ngoài ra không cho ai cả, đó không gọi là bố thí.

Người bố thí không cầu quả báo vua Chuyển luân, Đế Thích, Hộ thế, Phạm thiên, Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ. Đã sinh vào những nhà ấy rồi, riêng mình cầu giải thoát mà hành bố thí, cũng không có tâm nhàm chán mỏi mệt, nói ta đã bố thí rồi, không cần bố thí nữa. Bố thí như vậy chỉ gọi là bố thí, chứ không được gọi là Bố thí ba-la-mật-đa.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát không vì sự bố thí phi pháp như trên mà chỉ lấy sự giải thoát chân chính hồi hướng phát nguyện Vô thượng Bồ-đề, đó là chân Bố thí ba-la-mật-đa thanh tịnh rốt ráo, ở trong Vô thượng Bồ-đề chứng quả vị không thoái chuyển. Nếu có thể xa lìa các lỗi lầm như vậy mà hành bố thí vô tướng thì được công đức vô lượng, vô biên, rộng lớn như pháp giới, cứu cánh như hư không.

Đại Bồ-tát đem tâm như vậy bố thí cho một cái hoa, một trái cây, cho đến một giọt nước và đem thọ trì, đọc tụng kinh này, cho đến một kệ một câu, khiến cho người nghe qua trong một sát-na thì được công đức vô lượng, vô biên. Lại có người đã hành bố thí từ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, đem vàng bạc, bảy báu và các đồ quý báu thượng hạng khác... bố thí để cầu ngôi Chuyển luân vương, Phạm thiên, Đế Thích, Hộ thế hoặc cầu quả A-la-hán, Độc giác Bồ-đề và làm các việc khác. Ở trong vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ kiếp, tất cả công đức thọ trì tịnh giới mà đem so với công đức bố thí không trụ tướng của Bồ-tát trước thì trăm ngàn vạn câu-chi na-do-tha phần không bằng một phần mà nguyện lực của Bồ-tát này đã bố thí. Như nhỏ một giọt nước vào biển lớn, giọt nước có giới hạn nhưng còn nước biển thì không có giới hạn. Vì chúng sinh vô tận cho nên nguyện lực của Bồ-tát cũng không tận, pháp giới hư không cũng vậy.

Lại nữa, Đại Bồ-tát lần lượt tu hành siêng năng như vậy được đại thần thông, bay lên núi Diệu cao, hoặc vào biển lớn lấy châu bảo vô giá trở về Thiệm-bộ châu mưa xuống vô số vật báu để cứu giúp cho hữu tình, hoặc mưa xuống thức ăn uống, quần áo, ngọa cụ, thuốc thang để đoạn trừ đói khát tật bệnh, nghèo cùng khốn khổ của hữu tình. Đem công đức này nguyện ban bố cho hữu tình đến tận đời vị lai không gián đoạn, rộng lớn như pháp giới, bao la như hư không. Nếu chỉ biết tự lợi mà bố thí thì giống như áng mây trên không bị gió thổi liền tản mác, đâu có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Đại Bồ-tát bố thí như vậy thì sánh bằng với pháp giới, lửa không thể đốt, nước không thể trôi, gió không thể thổi, như vật báu Kim cang rắn chắc không thể hư nát được. Cho nên nguyện lực bố thí của Bồ-tát khiến cho chúng sinh được lợi ích lớn, hoàn toàn an lạc, cũng làm cho tất cả hữu tình

đồng một hạnh nguyện này, cho đến lúc chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, luôn thực hành hạnh ấy thề không thoái chuyển, để đến Niết-bàn làm lợi ích hữu tình khiến được giải thoát.

Này Từ Thị! Như Lai ở đời, tất cả hữu tình đem những đồ thượng hạng như y phục, phòng xá, ngọa cụ, đồ ăn uống, thuốc thang, dầu ăn, dầu đèn, dầu chiêm-bặc, các thứ hoa hương để dâng lên cúng dường tôn trọng cung kính, mừng ca, khen ngợi Ngài.

Sau khi Phật diệt độ, lấy xá-lợi của Phật xây tháp, cũng dâng lên những thứ ấy để cúng dường, tôn trọng ca ngợi. Quả báo công đức hai việc ấy đều bằng nhau không sai khác. Do lợi ích này mà làm cho các hữu tình phát tâm ân cần, một lòng ưa thích. Do cung kính yêu thích mà phát tâm Bồ-đề, nghe Chánh pháp rồi theo đó mà tu hành, liền chứng quả A-la-hán, quả Bích-chi-phật và các Bồ-tát thành tựu Thập địa, viên mãn sáu Độ, cho đến chứng quả Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nghĩa là hữu tình này lại khuyến khích cho các hữu tình khác đồng tu thắng hạnh, cho đến chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Do đây mà Đại Bồ-tát tu hành Bố thí ba-la-mật-đa, cho đến bố thí một giọt nước, lợi ích ấy sánh bằng với pháp giới, không có cùng tận. Khi bố thí mà không vì tất cả hữu tình để hồi hướng Vô thượng chánh đẳng Bồ-đề, dù của báu chất như núi Diệu cao mà đem bố thí thì lợi ích chỉ được rất ít. Giống như hạt cải rất dễ có thể tiêu mất, cũng như áng mây bị gió thổi liền diệt mất.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát tu tập Đại thừa, khi bố thí giống như kho tàng luôn đi theo bên cạnh mình, như cây như ý tùy theo ý hữu tình mà làm cho họ mãn nguyện.

Đại Bồ-tát nên phát hai loại thắng tâm:

1. Tất cả tài sản, vật trong kho lẫm, biết tự tánh nó là không, giống như ráng nắng, mộng tưởng huyễn hóa.

2. Đem tâm Từ bi rộng lớn với tất cả hữu tình, thương xót kẻ bần cùng.

Phát tâm như vậy rồi phải hiểu rõ một cách chân chánh, đối với tài bảo không nên tham tiếc, tự tay bố thí, nguyện cho tất cả chúng sinh đồng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, tất cả của cải ấy mới thật là của ta. Nếu có chất chứa tài vật không phải vì mình mà vì lợi ích cho tất cả chúng sinh đều thành tựu Bố thí ba-la-mật-đa. Nếu ta cất chứa tài sản mà không đem bố thí thì của cải ấy chẳng phải là của ta. Của cải như vậy sử dụng không được tự tại thì cũng như người trần trụi không có tài sản. Do không

biết sử dụng tự tại thì đồng với người lõa hình.

Giống như người giữ kho mà chính mình không có phần trong đó, giặc vô thường đến phóng đao xẻ thân, tất cả tài sản, vợ con yêu mến phải cách biệt, hoặc phải đem dâng người khác. Đã vậy, người ấy lại càng thêm lòng tham tiếc cho đến lúc mạng chung lại cũng như vậy, sự tham luyến ấy ngày càng tăng trưởng, không thể nào xả bỏ được. Những người như vậy chỉ cất giữ tạm thời, do đó nên biết, tài sản ấy chắc chắn không phải là tài vật của ta, vả lại thường phải lo sợ vương pháp, giặc cướp, nước lửa, ác tử phân tán, cướp đoạt tài sản nên phải nghĩ cách gởi gắm cho người quen biết, ăn ngủ không an, cứ lo sợ mất mác. Do tham luyến không bố thí mà phải chịu lo buồn như thế.

Này Từ Thị! Đã hành bố thí rồi thì lửa, nước, oán giặc không thể cướp đoạt, ăn ngủ yên ổn, không lo sợ. Nếu đích thân bố thí, hồi hướng phát nguyện thì các hữu tình kia mới được hưởng, cho đến lúc thành quả Phật luôn theo bên mình, tâm luôn an ổn, không còn buồn lo. Người nào xan tham thì luôn lo sợ khổ não, nó là nguồn gốc đau khổ trong đời hiện tại thì đời vị lai nên biết cũng như thế.

Này Từ Thị! Người nào xan tham không bố thí mà cất chứa tài sản, giống như cầm bó đuốc cỏ đi ngược gió, cỏ hết sẽ bị cháy tay đau đớn. Nếu mau quăng bỏ thì không có khổ. Biết vậy rồi nên quán sát của cải này giống như bó đuốc, cũng như huyễn, như quáng nắng, nên mau xả ly để cầu quả chân thật.

Nếu hữu tình xan tham cùng nhau ca ngợi: "Ông có trí tuệ, nên cất giữ của cải chớ đừng như người khác bố thí một cách sai lầm." Người nói phỉ báng như vậy là nhân quả nên đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, nếu được làm người thì bị nghèo khổ.

Người hành bố thí được vua, Đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ khen ngợi, nói ra lời nào mọi người đều tin theo. Ngược lại, kẻ xan tham không bố thí thì luôn buồn lo khổ não, cho rằng bố thí không có phước thì sẽ đọa ba đường ác, người bố thí được mọi người cung kính thương yêu, còn kẻ xan tham bị mọi người oán ghét. Người hay bố thí giống như chùa, làm chỗ quay về nương tựa cho tất cả trời, người, còn kẻ xan tham giống như gò mả, tất cả Thánh hiền đều lánh xa cũng như ao khô cạn thì chim không tụ tập về? Hai người như vậy ở trong đại chúng, nếu khen ngợi bố thí thì nghe vui sướng, còn nếu quở trách xan tham thì xấu hổ.

Lại nữa, người hành bố thí thì chư Thiên, Hiền thánh thích ở chung, còn kẻ xan tham không bố thí thì ngạ quỷ, súc sinh tự nhiên đến tập hợp.

Hành bố thí vô tướng thì trụ vào Đệ nhất nghĩa và chứng được nhân và pháp không, có thể làm lợi ích viên mãn cho mình và cho người.

Này Từ Thị! Nếu có thiện nam, thiện nữ tự xưng mình là Bồ-tát tu hành Đại thừa thì nhất định phải chánh niệm tư duy: "Công đức bố thí vô lượng, vô biên thì tội lỗi xan tham cũng vô biên vô lượng."

Biết vậy rồi quyết định đoạn trừ không còn chướng ngại. Thấy người đến xin thì phải vui vẻ, không nên chê bai. Nếu nghe tiếng xin thì vui vẻ thương xót, giống như con có hiếu, xa cách cha mẹ hơn năm mươi năm, bỗng nghe con trở về vui mừng không thể tả. Nghe tiếng người đến xin cũng vậy, đón vào trong nhà coi như Phật.

Phát tâm như vầy: "Thiện tri thức ngày nay nhận sự bố thí của ta là trừ xan tham tội lỗi, đường ác của ta, là vô lượng lợi ích để trang sức trong thân ta, là ngọc Vô thượng Bồ-đề trang sức thân thể ta. Người xin ăn như vậy mặc áo rách dơ, lời nói hòa nhã vui vẻ, thương ta mà đến, đó là bạn lành của ta. Vì sao vậy? Vì người ấy trừ tội ác xan tham trong thân ta. Người ăn xin này là chủ ta, ta là đầy tớ, nên phải nghe theo mệnh lệnh."

Phát tâm như vậy rồi, đứng dậy cầm vật đem cho, chân phải quỳ sát đất, đem cho một cách vui vẻ, nguyện cho tất cả chúng sinh được lợi ích an lạc và hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đối với người xin, lại phải có tâm lợi ích, người như vậy tức là có thể hành bố thí. Nếu không phải là cây như ý của trời thì làm sao vượt qua được đồng hoang sinh tử? Không thiếu lương thực mà được làm trời, người, đến được bờ Niết-bàn bên kia. Do đó trời, người an lạc vô thượng giải thoát đều nhờ người xin mà được thành tựu.

Này Từ Thị! Nếu người xin đến chỗ Bồ-tát để nhờ ân đức cứu giúp, lúc đó nhà Bồ-tát nghèo, không có gì cả, nên dùng lời nhẹ nhàng an ủi họ, đừng để họ sân hận và nghi ngờ, cho rằng mình có mà không cho, do đó mà họ vui vẻ ra đi.

Lại nữa, Đại Bồ-tát khi hành bố thí, phải nên mở rộng lòng Từ bi, tâm ý khoan dung. Tất cả người xin cứ cho họ lui tới, họ cần gì cứ đem cho, không tiếc rẻ.

Này Từ Thị! Tất cả tài vật đều vô thường hư hoại, là gốc của các khổ, giống như mụt nhọt trên thân, như con chim giữ cục thịt thối, người keo kiệt ấy không dùng cho mình ăn. Của người công đức không tu, lại không cho người, mà ôm giữ tài sản lại cũng vậy. Nên biết người này chẳng phải là người hành bố thí, không gọi là Bồ-tát.

Trong pháp Đại thừa không phát thắng tâm thì cũng không thành ngôi

vị không thoái chuyển. Giống như biển lớn không chứa thây chết, trong biển Đại thừa không chứa người xan tham. Sở dĩ Bồ-tát tu hạnh Đại thừa vì muốn xa lìa tất cả tội cấu, tu đủ công đức, trong Phật pháp không sinh lòng nghi ngờ.

Trong tất cả mọi thời đối với các hữu tình và các tài bảo không có tâm phân biệt, thường hành bố thí để làm lợi ích cho quần sinh. Do hành Bố thí ba-la-mật một cách viên mãn như vậy nên mau chứng Vô thượng Bồ-đề.

Đó là thắng nghĩa thứ ba của Bố thí ba-la-mật-đa.

-oOo-

KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 5

Phẩm 5: Tịnh Giới Ba-La-Mật

Khi giữa đại chúng, Đức Thế Tôn rống tiếng Sư tử nói đầy đủ Bố thí ba-la-mật-đa rồi, Đại Bồ-tát Từ Thị chắp tay cung kính thưa:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Ngài đã nói người tu hành Đại thừa phải mở lòng Từ bi rộng lớn để hành Bố thí ba-la-mật-đa. Còn Tịnh giới ba-la-mật-đa phải làm cách nào để được viên mãn? Tịnh giới là gì? Phòng ngừa những lỗi lầm nào? Giữ gìn như thế nào để được thanh tịnh? Nếu giữ giới thanh tịnh thì đời hiện tại, vị lai được quả báo gì? Và giữ gìn thế nào để chứng Vô thượng Bồ-đề? Cúi xin Đức Thế Tôn phân biệt giảng nói để làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình.

Lúc ấy, Đức Như Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn khen Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Lành thay, lành thay! Ông đã giữ gìn giới thanh tịnh trong vô lượng trăm ngàn ức kiếp, vì lợi ích an lạc cho hữu tình nên ông đã hỏi nghĩa như vậy. Ông hãy nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ, ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói. Thiện nam, thiện nữ nào tu tập Đại thừa, muốn Tịnh giới ba-la-mật-đa được viên mãn nên phát tâm rộng lớn như vầy: "Vì thương xót tất cả chúng sinh nên không sợ địa ngục, không mong cầu sinh lên trời, giữ giới cấm không để cầu riêng mình giải thoát."

Lại chánh niệm tư duy: "Xưa kia ta đã phát thệ nguyện rằng, nếu thấy hữu tình nào phá giới cấm thì sẽ khuyên họ giữ giới thanh tịnh một cách kiên cố, lấy giới thanh tịnh của Phật làm chuỗi anh lạc để trang sức thân. Nếu ta không giữ gìn giới thì lấy giới đâu để làm lợi ích cho hữu tình?" Do nhân duyên đó mà khuyên họ giữ giới. Nếu không như vậy thì làm sao đưa tất cả hữu tình đến Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Vì kẻ phàm phu bản thân họ không thanh tịnh, là người phá giới, miệng tuy nói Chánh pháp, khuyên mọi người giữ giới, nhưng cuối cùng chính mình lại phạm nên không tin, ngược lại bị khinh chê rằng: "Nếu muốn dạy người khác giữ giới thanh

tịnh, sao mình không giữ mà lại hủy phạm giới ư? Lấy đó mà suy nghĩ thì ông nên giữ giới, nếu ông không giữ giới thì dù miệng ông nói ra nhưng không lọt vào tai của ông. Như vậy, ông luôn bị mọi người khinh chê, làm sao có thể khuyên người giữ giới thanh tịnh?"

Cho nên phải biết, trước tiên hãy tự kiểm thúc chính thân mình, xa lìa phóng dật, giữ Tịnh giới ba-la-mật-đa một cách kiên cố, sau đó mới nói Chánh pháp then chốt cho người. Nghe xong, hữu tình tin theo, lúc tin rồi, họ sẽ giữ gìn giới Phật đủ đầy, trong sạch, cho đến lúc chứng quả Vô thượng Bồ-đề.

Này Từ Thị! Chúng sinh nào phát tâm Bồ-đề rộng lớn, vì tất cả chúng sinh trong năm cõi bốn loài, cho đến giữ gìn một giới cấm cũng được gọi là nhập vào Tịnh giới ba-la-mật-đa của Phật, có thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát tu tập Đại thừa thấy các hữu tình đọa trong đường ác, cần phải tu tập Tịnh giới ba-la-mật-đa để cứu vớt chúng ra khỏi cảnh khổ ấy, an trí vào bờ kia Niết-bàn. Nhưng khi tu hành, Bồ-tát gặp ba chướng lớn là: sân hận, xan tham và nhiễm dục.

Sân giận có thể làm thoái tâm Từ bi, tâm đại Bi là cội gốc của tất cả hạnh Bồ-đề. Nhờ năng lực của đại Bi mà nằm mộng không có tưởng sát sinh, huống gì khi thức lại giết sinh mạng để ăn thịt ư!

Tâm xan tham không thể nào bố thí. Tài sản của mình thì keo kiết, lại tham muốn của cải người khác. Cho nên Đại Bồ-tát thấy của cải như thấy rắn độc, không bao giờ tham đắm.

Nhiễm dục chẳng phải hạnh thanh tịnh, nên tránh xa bùn dơ năm dục. Tham dục này là nguồn gốc của các khổ. Nó làm chướng ngại sáu pháp Ba-la-mật-đa và có thể thiêu đốt tâm Bồ-đề.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Tánh nữ yêu mị mê hoặc người
Như thù giả thân, chớ cho gần,
Tham dục mê loạn phá thanh tịnh
Như dòng thác chảy xô tường đá.
Tánh người nữ rất là dua nịnh
Như nước theo dòng, tánh không định,
Luôn nghĩ người khác cướp chồng mình
Người trí nghĩ kỹ nên tránh xa.
Như voi chúa trắng ở Tuyết sơn
Sức vòi mạnh nhổ cây cao lớn

Thấy voi cái, tâm liền say mê
Dồn vào hầm bẫy bị điều phục.
Như nai ăn cỏ uống nước trong
Có thể băng xa các hang núi
Thợ săn giả làm tiếng của nai
Nai tìm tiếng đến bị chết ngay.
Như cá lặn sâu vào chỗ kín
Trong nước dạo chơi khó thấy được
Vì tìm thức ăn, nuốt mồi câu
Tham dục mất thân cũng như vậy.
Giống như ong mật tham hương hoa
Mùi hôi từ voi say lan tỏa
Ong tham bu ngửi khắp thân voi
Bị tai voi đập, ngã ra chết.
Như đèn không gió mà phực cháy
Phù du tưởng ánh sáng lao vào
Vào lửa để rồi tự thiêu thân
Tham ái mất thân cũng như vậy.
Năm trần quấn chặt thân chúng sinh
Mỗi trần hại người như thuốc độc
Người nhận pháp ấy suy nghĩ kỹ
Các khổ tích tụ không an lạc.
Lửa cháy hừng hực còn được chạm
Gió dữ xoáy tròn có thể ngăn
Nọc rắn sân giận điều phục được
Lòng người nữ rất khó ngăn cấm.
Nước công đức trong ao Vô nhiệt
Chảy vào biển không uống được nữa
Mất đi tám mùi thành mặn chát
Gần gũi người nữ mất pháp lành.

Phật dạy Từ Thị:

–Do đó nên biết, dù trong mộng cũng không nên tưởng nghĩ gần gũi người nữ, huống gì khi thức mà hành dục với họ!

Lại nữa, đã lìa ba chướng ngại rồi, Đại Bồ-tát nên tu tập mười giới thanh tịnh. Đó là: ba giới thanh tịnh thuộc về thân, bốn giới thanh tịnh thuộc về khẩu và ba giới thanh tịnh thuộc về ý.

Ba giới của thân là không được sát sinh, trộm cắp và tà dâm.

Thế nào là không sát sinh? Nghĩa là nếu thấy hữu tình bị tổn hại nên đem lòng Từ bi đến cứu chúng, hoặc đem của cải chuộc lại cho nó được thoát. Nếu chuộc không được thì đem thân mạng mình thay thế nó, huống gì tự mình giết hại.

Không trộm cắp nghĩa là dù trong giấc mộng, Đại Bồ-tát cũng không có tư tưởng trộm cắp của cải người khác, huống gì khi thức mà có tâm lấy. Tài sản của mình thì đem bố thí với tâm thanh tịnh không tham tiếc và khuyên người khác đừng lấy những vật chủ không cho, luôn thực hành Bố thí ba-la-mật-đa.

Xa lìa nhiễm dục nghĩa là Đại Bồ-tát tránh xa cảnh giới năm dục và nói tội lỗi năm dục cho hữu tình nghe để họ xa lìa năm dục, tà hạnh. Khen ngợi công đức vô lượng của người xuất gia để cho chúng sinh từ bỏ gia đình đi xuất gia, cứu vớt hữu tình ra khỏi ngục tham ái.

Đó là ba giới thiện thuộc về thân.

Bốn giới thuộc về miệng: nghĩa là xa lìa lời nói lừa dối, lời ly gián, lời độc ác và lời không có ý nghĩa.

Lời nói lừa dối là không thấy nói thấy, việc nghe, nhận biết, hiểu biết... cũng như vậy; đối với những sự hư dối này đều phải xả bỏ tất cả. Nói lời chân thật gọi là xa lìa vọng ngữ.

Lời nói ly gián là tới người này nói chuyện người kia, tới người kia nói chuyện người này để chống trái nhau rồi gây tranh cãi. Lìa bỏ lời ly gián, luôn nói lời hòa thuận, đó gọi là xa lìa việc nói lời ly gián.

Nói lời hung ác là phát ra những lời hung ác để cho người kia khổ não. Họ không muốn nghe mà bắt buộc phải nghe. Nếu lìa bỏ lời nói hung ác để cho người kia vui vẻ thì gọi là xa lìa lời nói hung ác.

Lời nói không có ý nghĩa, nghĩa là nói chuyện bàn luận với tâm nhiễm dục, dẫn đến tà luận không có lợi ích. Vì làm lợi ích cho hữu tình phải bỏ lời nói giả dối vô nghĩa mà nói lời chân thật hợp thời. Đó gọi là xa lìa lời nói vô nghĩa.

Như vậy, Bồ-tát lìa bỏ bốn lỗi thuộc về miệng, tu tập bốn loại lời nói thiện của Như Lai. Thường vì hữu tình nói lời dịu dàng để người nghe pháp hoan hỷ tín thọ. Giống như ngọc thủy thanh làm lắng trong nước đục, người nghe pháp tín thọ cũng như vậy.

Này Từ Thị! Ý nghiệp bất thiện cũng có ba: tham lam, sân giận và ngu si.

Không tham lam tật đố nghĩa là thấy người khác giàu có, sang trọng

thì mình không có tâm ganh tỵ, phải chánh tư duy suy nghĩ như vầy: "Nguyện cho tất cả hữu tình được giàu có sang trọng, không bị thiếu kém. Các hữu tình ấy phải chịu khổ cực gian nan mới được như vậy. Vì sao ta trở lại ganh tỵ với họ? Tài sản của ta còn đem cho họ, huống gì chính họ làm ra, ta nên tùy hỷ chứ sao lại ganh tỵ?" Nhờ suy nghĩ như vậy mà đối với hữu tình kia ta không ganh tỵ, mà lại tùy hỷ. Nếu diệt trừ được lòng tham lam ganh tỵ như vậy gọi là Bồ-tát giữ giới với tâm thanh tịnh.

Không sân giận nghĩa là bị các hữu tình vu oan, phỉ báng, vô cớ bị đánh đập, chặt xẻo từng phần thân thể nhưng Bồ-tát không sân giận, lại nghĩ như vầy: "Ta đã phát nguyện không nổi sân giận với các hữu tình, sao nay ta lại nổi sân với họ? Xưa kia ta nguyện thường dùng thuốc Chánh pháp để trừ bệnh sân cho hữu tình. Nếu đối với chúng sinh mà nổi sân thì làm sao có thể cứu chữa được bệnh tất cả chúng sinh trong lúc bệnh mình không tự cứu chữa được?"

Lại nữa, khi hữu tình sân giận thì Bồ-tát nhận lỗi về mình và nghĩ rằng: "Vì phước đức của ta quá mỏng làm cho người khác nổi sân. Nếu ta không có lỗi thì họ chắc chắn không giận". Lại nữa, Đại Bồ-tát thấy hai hữu tình giận nhau kết thành thù oán, không chịu buông bỏ. Thấy vậy, Bồ-tát thương xót nghĩ rằng: "Nếu hữu tình không buông bỏ hận thù mà sân giận thì sẽ đọa vào địa ngục, bị lửa thiêu đốt thân, chịu đại khổ não, đó là lỗi của ta. Ta sẽ dùng thuốc Chánh pháp để trị bệnh sân giận cho họ. Xưa kia ta đã nguyện rằng: nguyện cho tất cả chúng sinh trừ bỏ bệnh sân giận, vì sao ngày nay ta không đoạn trừ bệnh ấy cho họ mà mình lại bị ma sân trói giữ, không tự biết để bị lửa dữ thiêu đốt thân? Đã bị ma bắt giữ, cầm dao đến giết hại, dù ta biết là ma quỷ nhưng không bao giờ nổi sân giận mà còn thương xót họ".

Không tà kiến nghĩa là tất cả chúng sinh đều có tà kiến rất là sâu dày. Bồ-tát đại Bi lấy đuốc chánh kiến làm ánh sáng lớn chiếu sáng để họ thấy được Tam bảo, tin tưởng và ưa thích công đức của Phật, Pháp, Tăng. Ngoại đạo và chúng sinh dù có làm chướng ngại cũng không thể nào phá hoại tâm chánh kiến của họ được và khiến họ tu Đại thừa hạnh không thể nào thoái chuyển.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát hành Đại thừa, nếu muốn chúng sinh lìa bỏ nghiệp ác thì trước tiên bản thân của Đại Bồ-tát phải bỏ mười điều ác, tu mười điều lành. Vì sao? Vì nếu khi các Bồ-tát tự hành mười điều thiện thì có dạy bảo điều gì mọi người mới đều tín thọ. Nếu mình không làm mà đi giảng dạy cho người, không khác gì có người bị nước cuốn trôi nói với

người trên bờ rằng: "Ta có thể cứu ngươi", thì không thể có chuyện như vậy được.

Người tạo mười điều ác cũng vậy, chính mình bị dòng thác mười điều ác cuốn trôi, mà lại nói với chúng sinh rằng: "ta sẽ cứu các người", thì điều này cũng không thể xảy ra. Bồ-tát tu tập đầy đủ mười điều lành và lần lượt dạy người làm như vậy, thì gọi đó là tu tập Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Đại Bồ-tát Từ Thị thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hữu tình đoạn trừ mười điều ác, tu mười điều lành như vậy thì được quả báo gì?

Đức Thế Tôn khen Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Ông hãy lắng nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ, ta sẽ vì ông mà lần lượt giải nói. Mười nghiệp thiện này, mỗi nghiệp đều có bốn quả báo. Những gì là bốn?

1. Hiện tại được an lạc.

2. Thế lực của oán thù, phiền não bị suy yếu.

3. Đời vị lai luôn được tôn quý, không thiếu thốn.

4. Tinh tấn tu tập, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Không sát sinh được bốn quả báo:

1. Đại Bồ-tát không có tâm hại chúng sinh, còn ban bố pháp Vô úy để họ không sợ hãi. Vì không sợ sệt nên được tất cả chúng sinh gần gũi cúng dường, tôn trọng ca ngợi. Bồ-tát có lòng thương xót hữu tình, do có lòng Từ bi nên tất cả oán hận quá khứ tự nhiên dứt bỏ.

2. Tâm sân giận sát hại đều bị suy yếu. Bồ-tát lấy cam lồ từ bi thoa tâm mình thì có thể diệt trừ sân nhuế... và lửa phiền não, ngủ nghỉ an ổn không có ác mộng. Do có lòng từ bi nên các loài ăn máu thịt như các quỷ, Dạ-xoa... xả bỏ tâm sát hại và cùng thú dữ bảo vệ nhau.

3. Đời vị lai được ba quả báo:

- Sống lâu, không chết yểu.

- Sinh ra chỗ nào đều không bị các bệnh khổ.

- Giàu có của cải, thường được thoải mái.

4. Vì không sát sinh nên được phần pháp Phật. Sinh trong năm đường, ở chỗ nào cũng được tự do, cho đến ngồi dưới gốc cây Bồ-đề, các ma, quỷ thần cũng không thể nào làm chướng ngại được. Bồ-tát tinh tấn tu tập thành Chánh đẳng Chánh giác được vô lượng Thánh hiền vây quanh.

Này Từ Thị! Trên đây là bốn quả báo của việc lìa bỏ sát sinh.

Lại nữa, nếu tránh xa việc không cho mà lấy cũng có bốn quả báo:

1. Đời hiện tại không có tâm ganh tỵ, thân tâm được an vui.

2. Do không tham lam ganh tỵ nên tất cả chúng sinh tin tưởng hướng về. Được gửi gắm hoặc lãnh trách nhiệm gì không ai nghi ngờ, làm kho tàng cho hữu tình.

3. Đời vị lai được giàu sang phú quý, được tự tại. Tất cả tài sản không bị vua, giặc, nước, lửa cướp đoạt.

4. Làm chủ kho công đức của hằng hà sa chư Phật. Đó là mười tám pháp Bất cộng... là pháp tài thanh tịnh.

Những quả báo này, hàng Nhị thừa còn không nghe đến, huống gì được thấy.

Này Từ Thị! Đó là bốn quả báo của nghiệp không trộm cắp.

Lại nữa, bỏ dục tà hạnh cũng có bốn quả báo:

1. Đời hiện tại được tất cả trời, người khen ngợi, không bị người nghi ngờ, được tôn trọng, tránh xa tiếng xấu.

2. Sáu căn được điều phục, làm cho thế lực lửa nhiễm dục yếu kém.

3. Đời vị lai, sinh ra nơi nào cha mẹ, dòng họ, vợ con, quyến thuộc, bạn bè đều trinh thuận, thuần nhất, không tạp nhạp, xa lìa tất cả lỗi về đàn bà, khiến cho các chúng sinh không bị ái nhiễm.

4. Nhờ lìa bỏ tà hạnh nên được tướng âm tàng như ngựa chúa, cho đến thành tựu Vô thượng Bồ-đề.

Này Từ Thị! Đó là bốn quả báo của không tà hạnh.

Lìa bỏ lời hư dối cũng có bốn quả báo:

1. Đời hiện tại luôn nói lời chân thật, không nói lời hư dối, được trời, người thương mến ủng hộ.

2. Vì không hư dối nên được tất cả chúng sinh tin tưởng. Khi nói pháp, mọi người đều lắng lòng nghe nhận, không nhọc công sức tự nhiên họ tin và làm theo. Vả lại, có người mặc dù nói lời hư dối, lừa gạt nhưng lại ghét người nói lời hư dối, thấy người nói thật cũng hoan hỷ. Chỉ vì mình nói dối nên không tin sự chân thật của người khác, nếu biết nói lời chân thật thì phải sinh lòng kính trọng. Nên biết, nói lời chân thật có ích lợi lớn. Người nào đoạn trừ nói lời hư dối tức là không tạo các nghiệp ác. Vì sao? Vì khi có ai hỏi thì trả lời một cách như thật. Nếu ở chỗ thanh vắng cũng không có khởi vọng niệm. Vì sao? Vì nếu có ai hỏi: "Khi ở nơi thanh vắng, ông có sinh vọng niệm không?" Nếu nói không là nói dối, còn nói có thì xấu hổ với người. Do đó làm cho vọng tâm dần dần giảm bớt.

3. Sinh ra nơi nào, trong miệng thường tỏa ra mùi thơm hoa sen xanh, hương Tô-mạn-na, được tất cả hữu tình yêu thích. Mình nói thật thì không nghi ngờ người khác nói dối và làm cho người khác tin lời nói thật của mình, vĩnh viễn đoạn trừ lưới nghi của chúng.

4. Nói ra lời gì ai cũng tin nhận, có thể làm cho chúng sinh nghe pháp vui mừng, cho đến sẽ đạt Vô thượng Bồ-đề.

Từ Thị nên biết! Đó là bốn quả báo của sự xa lìa lời hư dối.

Lại nữa, không nói lời ly gián cũng có bốn quả báo:

1. Đời hiện tại, mình và người hòa thuận, không tranh cãi nhau, được an lạc.

2. Nhờ hòa thuận nên mọi người yêu kính, tất cả những tội nói lời ly gián ở quá khứ được tiêu trừ, không lo sợ vào ba đường ác.

3. Đời vị lai được năm quả báo:

- Được thân Kim cang không hư hoại, dù bị dao gậy thế gian phá hoại cũng không làm tổn hại được.

- Sống nơi nào cũng có quyến thuộc tốt, không tranh cãi, không lìa bỏ nhau.

- Sinh ra nơi nào dù không gặp Thiện tri thức để thuyết pháp nhưng tự nhiên giác ngộ pháp môn "bất nhị", tin sâu Phật, Pháp, Tăng không hề thoái chuyển.

- Khiến cho các hữu tình nhất tâm vào một việc, cùng nhau hướng đến, cùng nhau hoan hỷ, mau đạt được từ Tam-ma-địa.

- Có thể khuyên tất cả chúng sinh tu tập Đại thừa để chứng quả vị không thoái chuyển.

4. Không nói lời ly gián, luôn nói lời hòa thuận nên được quyến thuộc tốt lành, tùy thuận nhắc nhở nhau. Cho đến khi chứng Niết-bàn cũng không lìa bỏ nhau.

Từ Thị nên biết! Đó là bốn quả báo của việc không nói lời ly gián.

Không nói lời hung ác cũng có bốn quả báo:

1. Đời hiện tại, tâm luôn thanh tịnh, xa lìa tâm cấu nhiễm thô ác. Nếu ở trong trần cảnh mà nổi gió trần tham dục, sân giận huân tập vào tàng thức thì Bồ-tát nổi mây Từ bi, giáng mưa tâm Từ để dập tắt vọng tưởng tham dục, ngăn chận gió trần sân nhuế để được thanh tịnh.

2. Người nói lời hòa nhã dịu dàng được mọi người ưa thích khen ngợi, tùy thuận, làm cho người nói lời hung ác dần dần được điều phục sáu căn thanh tịnh, ba nghiệp không nhiễm.

3. Nhờ thanh tịnh mà đời tương lai sinh ra nơi nào không bao giờ ở trong ba đường ác, luôn sinh vào cõi lành.

4. Dần dần có thể chứng Vô thượng Bồ-đề, đầy đủ Phạm âm. Khi nói pháp, tùy theo âm thanh từng loài mà giải nói nghĩa ấy và mọi chúng sinh nghĩ rằng: "Nay Đức Thế Tôn nói pháp cho ta chứ chẳng phải vì người khác. Ngài nói pháp vi diệu đều hợp với tâm ta, đoạn trừ phiền não tập khí trong thân tâm của ta."

Từ Thị nên biết! Đó là bốn quả báo của việc không nói lời hung ác.

Không nói lời không có ý nghĩa cũng có bốn quả báo:

1. Đời hiện tại được người trí khen ngợi, tâm không hung bạo, được an lạc.

2. Răn dạy điều gì mọi người đều tín thọ, làm giảm dần sự thô ác.

3. Đời vị lai sinh ra nơi nào luôn được nghe tất cả âm thanh như ý.

4. Dần dần chứng Vô thượng Bồ-đề, được Vô ngại biện tài.

Bấy giờ tất cả Trời, Rồng, Nhân phi nhân ở trong tam thiên đại thiên thế giới đồng thời đến chỗ Đức Phật. Mỗi loài đều theo sự nghi vấn của mình mà thỉnh hỏi. Trong một sát-na, Đức Thế Tôn dùng mỗi loại tiếng để trả lời cho mỗi loài chúng sinh, thích hợp với tâm họ và đoạn trừ lưới nghi cho họ.

Từ Thị nên biết! Đó là bốn quả báo của việc không nói lời không có ý nghĩa.

Không tham lam ganh tỵ cũng có bốn quả báo:

1. Đời hiện tại được thấy người khác giàu có của cải mà không sinh tham lam ganh tỵ, rồi lại suy nghĩ như vầy: "Họ được giàu có là do phước đức đời trước của họ, sao ta lại tham lam ganh tỵ muốn cướp đoạt!" Nhờ suy nghĩ như vậy mà vĩnh viễn không còn tâm xan tham ganh tỵ. Nếu không đoạn trừ thì luôn chịu sự nghèo cùng và không có uy lực, vì vậy nên Bồ-tát quán trừ sự tham lam tật đố ấy. Ai giàu có thì ta tùy hỷ, không bỏ một mảy trần nào nên được công đức lớn.

2. Được mọi người yêu kính, thân tâm an lạc, không còn buồn lo, có oai đức tự tại, trong sự tịnh tâm, mây tham dục bị che khuất, giống như đêm trăng có muôn vì sao vây quanh nên tâm xan tham ganh tỵ từ đây mỏng dần.

3. Sinh ra nơi nào cũng đều được đoan chánh, sáu căn đầy đủ, của cải sung túc, được mọi người yêu kính, luôn thực hành bố thí, được biện tài vô ngại, ở đâu cũng không sợ.

4. Cho đến chứng Vô thượng Bồ-đề, có Thánh chúng bao quanh với công đức vô lượng. Tất cả chúng sinh đều nghe theo lời dạy bảo.

Từ Thị nên biết! Đó là bốn quả báo của việc không xan tham ganh ty.

Lại nữa, không sân giận cũng có bốn quả báo:

1. Trong đời hiện tại sáu căn lanh lợi, dung mạo đẹp đẽ, được mọi người gần gũi. Người sân giận giống như cây khô bị lửa đốt ở bên trong, tất cả cành lá đều khô héo. Chúng sinh cũng vậy, bị lửa sân hận huân tập vào năm Căn, làm cho tướng mạo khô khan, mọi người không muốn nhìn.

2. Tâm không sân giận thì không có những khổ não đánh đập, quở trách. Giống như có người trì chú Ca-lỗ-la, khiến cho tất cả độc ác không thể nào làm hại được. Do không sân giận nên làm tăng trưởng lòng Từ bi. Nhờ chân ngôn Bi mà bẻ gãy ba mươi sáu câu-chi thiên ma quỷ thần. Nhờ chân ngôn Từ nên không bị tổn hại.

3. Đời vị lai nhờ có bậc thang tâm Từ leo lên trời Phạm thiên, sống một kiếp an lạc, khiến cho chúng sinh bỏ ác tu thiện.

4. Dần dần chứng Vô thượng Bồ-đề, được trang nghiêm đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp rực rỡ, được trang sức thân với vô lượng công đức.

Từ Thị nên biết! Đó là bốn quả báo của việc không sân giận.

Không tà kiến cũng có bốn quả báo:

1. Nếu xa lìa tà kiến, tu hành chánh kiến, thì đời hiện tại xa lìa ác tri thức, gần gũi bạn lành, nghe pháp tín thọ. Điều bất thiện chưa sinh làm cho không bao giờ sinh; đã sinh rồi thì nên đoạn trừ ngay. Pháp lành chưa sinh thì tu tập cho sinh, sinh rồi nên tu tập làm cho tăng trưởng. Chánh kiến này là căn bản của tất cả pháp lành.

2. Đóng bít cửa bất thiện, ở trong đại chúng danh tiếng được đồn xa, tâm không nghi ngờ hối hận. Đời vị lai sinh ra nơi nào cũng gặp bạn Thiện tri thức, được bạn lành thuận với chánh kiến.

3. Chỉ quy y Phật, Pháp, Tăng, không hướng về chỗ khác. Đối với hạnh Bồ-tát, tâm không thoái chuyển, đoạn trừ tội lỗi, làm tăng trưởng phước đức. Phân biệt rõ ràng pháp hữu lậu và vô lậu, sinh tử và Niết-bàn, nguy hoạn và lợi ích. Thông đạt các pháp, không có ngã và ngã sở, không chấp trước, trụ vào pháp tánh không. Nhờ lực chánh kiến mà có thể hoàn toàn thanh tịnh.

4. Tất cả công đức thù thắng vi diệu của ba thừa không thể suy lường

được, sức chánh kiến đều được viên mãn, có thể làm chỗ nương tựa cho chúng sinh, độ thoát hữu tình ra khỏi khổ sinh tử, làm cho tất cả đều được an trí vào Đại thừa Vô thượng, cho đến ở địa vị Pháp vương.

Từ Thị nên biết! Đó là bốn quả báo của việc không tà kiến.

Đại Bồ-tát không những chỉ giữ gìn mười giới thanh tịnh này, được công đức vô tận, mà công đức thọ trì giới cấm rất nhỏ cũng được vô tận như vậy. Vì sao? Vì chúng sinh phàm phu thọ trì giới cấm nhưng chấp lấy tưởng quả báo thì công đức ấy có tận. Giới cấm của chư Tiên ngoại đạo một khi đã bị mất thì thần thông cũng mất theo. Cõi người nếu bỏ mười điều thiện thì giới cũng theo đó mà mất. Chư Thiên ở cõi Dục giới qua đời thì giới cũng mất. Chư Thiên trong Tứ thiền cõi Sắc giới và chánh định của trời Vô sắc giới, khi họ qua đời thì định mất và giới cũng mất luôn. Khi hàng Nhị thừa vô học nhập Niết-bàn thì giới cũng mất theo. Còn Đại Bồ-tát đã thọ sáu mươi lăm giới cấm, mỗi giới đều hoàn toàn thanh tịnh, công đức vô lượng.

Sáu mươi lăm loại giới ấy là:

1. Không sát hại chúng sinh.
2. Không trộm cắp.
3. Không xâm đoạt vợ người.
4. Không lừa gạt người.
5. Không nói lời hai lưỡi.
6. Không nói lời hung ác.
7. Không nói lời thêu dệt.
8. Không tham lam, ganh tỵ; thấy người khác an vui sinh tâm tùy hỷ.
9. Không khởi sân hận mà phải nhẫn chịu mọi lời ác ngôn, nhục mạ.
10. Không tà kiến, phải tôn trọng Như Lai.
11. Không làm thầy ngoại đạo.
12. Quy tín Phật, tâm không nghi trược.
13. Quy tín Pháp vì chân thật lìa dục.
14. Quy tín Tăng vì hòa hợp tối thắng.
15. Tôn trọng cha vì đã sinh ra ta.
16. Tôn trọng mẹ vì đã nuôi nấng ta.
17. Tôn trọng Hòa thượng vì sinh Pháp thân cho ta.
18. Tôn trọng A-xà-lê vì dạy ta phép tắc.

19. Tôn trọng đại đệ tử vì tác thành Pháp thân ta.

20. Nhất tâm, không phân biệt giới khinh hay trọng.

21. Không phá giới vì không phạm giới trọng.

22. Không hủy giới vì không coi thường giới khinh.

23. Không tu tập Tam thừa vì không cầu quả Thanh văn.

24. Không tu tập Nhị thừa vì không cầu quả Độc giác.

25. Xa lìa chỗ ác vì không sinh vào nhà tà kiến ngoại đạo.

26. Tăng trưởng bạch pháp vì nhờ sức tịnh giới mà sinh ra theo sở nguyện.

27. Giàu sang vì không chê bai người.

28. Đoan chánh vì tâm không loạn.

29. Không mắng chửi vì ở chỗ nào cũng không bị dèm chê.

30. Khéo giữ gìn năm Căn vì siêng năng, không buông lung.

31. Được khen ngợi vì khéo giải nghĩa các pháp.

32. Thiểu dục vì không mong cầu.

33. Đoan trực vì tâm luôn làm điều thiện.

34. Lời nói đi đôi với việc làm vì không trái lời dạy.

35. Đại Từ vì cứu độ tất cả chúng sinh.

36. Đại Bi vì cứu khổ tất cả chúng sinh.

37. Đại Hỷ vì vui mừng lúc người kia được an vui.

38. Đại Xả vì xa lìa sự thương ghét.

39. Biết lỗi mình vì quán xét tự tâm.

40. Không thấy lỗi người vì bảo hộ tâm ý cho người.

41. Bố thí vì cứu người nghèo khổ.

42. Trì giới vì thâu nhiếp tất cả pháp lành.

43. Nhẫn nhục vì không hại chúng sinh.

44. Tinh tấn vì dũng mãnh không thoái lui.

45. Thiền định vì định tăng trưởng.

46. Trí tuệ vì nghe pháp không biết chán.

47. Đa văn vì cầu pháp không mệt mỏi.

48. Gần Thiện tri thức vì tu tập Giác phần.

49. Xa lìa ác tri thức vì tránh xa đường hiểm ác.

50. Không tiếc thân mạng vì sát-na vô thường.

51. Chết không tiếc vì như cứu lửa trên đầu.

52. Không hối hận vì tánh vốn thanh tịnh.

53. Không hư dối vì không biến động.

54. Không bức não vì trong ngoài mát mẻ.

55. Không nhân ngã vì tâm khiêm nhường.

56. Không trạo cử vì tánh an tịnh.

57. Không dua nịnh vì luôn chất phác thật thà.

58. Biết tâm chúng sinh vì khéo biết quyền cơ của vạn vật.

59. Điều phục tâm không loạn động nên được tịch tĩnh lìa huyên náo ồn ào.

60. Đi nhiễu bên phải vì đi thuận lý.

61. Cứu vớt chúng sinh vì hành bốn Nhiếp pháp.

62. Giữ Chánh pháp vì giữ gìn pháp tài.

63. Các nguyện viên mãn vì lời thề nguyện thanh tịnh.

64. Như Lai vì tùy thuận tướng Như.

65. Tam-muội của Phật vì viên mãn tất cả pháp Phật.

Từ Thị nên biết! Đó là sáu mươi lăm loại giới thân thanh tịnh.

Đức Phật dạy Từ Thị:

–Các vị Bồ-tát giữ mỗi giới đều được vô lượng công đức như vậy. Dù xả bỏ thân yêu mến cũng không được hủy phạm giới cấm của Phật. Nên biết, giữ giới này giống như giữ tròng con mắt. Giữ giới cấm cẩn thận giống như giữ bình bát. Không vì đao bén năm dục mà chặt phá bị giữ giới nhỏ giống như giữ tội ngũ nghịch. Giới trọng hay giới khinh đều giữ tâm kiên cố như Kim cang, không được cống cao ngã mạn. Tuy giữ giới thanh tịnh như vậy nhưng so với nghiệp ác đã tạo từ vô thỉ giống như hạt vi trần trong đại thiên thế giới. Như vậy giữ giới thiện so với nghiệp ác kia giống như bụi trần. Đã biết như vậy rồi, tại sao giữ giới mà còn sinh ngã mạn!

Này Từ Thị! Bồ-tát thấy chúng sinh phá hủy giới cấm không nên khinh mạn họ, mà đối với mình còn phải giữ gìn hơn nữa. Lại suy nghĩ như vầy: “Xưa kia ta đã thề nguyện khiến chúng sinh trụ vững vào tịnh giới. Mặc dù chúng sinh khó hóa độ, nhưng ta phải cố gắng càng tinh tấn để lấy thuyền tịnh giới chở người phá giới ra khỏi biển sinh tử, đến bờ Niết-bàn.”

Này Từ Thị! Nếu chúng sinh có thân này, cần có bốn điều kiện:

1. Ăn uống.

2. Áo quần.

3. Nhà cửa.

4. Thuốc thang.

Với bốn điều kiện này, Đại Bồ-tát phải mưu cầu như pháp, không được dùng phi pháp, không tự cao, cầu nhiều không chán, phải nên ít muốn biết đủ để nuôi thân. Giống như có người thân bị khổ vì mụt nhọt nên tìm thầy thuốc hay để lấy thuốc xoa, dùng vải bó lại, nằm trên nệm trong nhà kín. Đó là chỉ vì trị bệnh chứ không phải yêu lấy thân.

Bồ-tát vì bị tám khổ về thân, chỉ tìm thuốc pháp để làm thức ăn uống, mượn áo quần, nhà ở mà không thích thú sắc lực, tuổi thọ của thân này. Tu pháp thù thắng chỉ để làm an lạc chúng sinh, đoạn trừ ung nhọt sinh tử phiền não.

Bồ-tát ở trong đại chúng luôn quán xét lỗi lầm của mình, không chê bai xúc phạm người khác, tránh xa tiếng khen. Nếu có ai khen ngợi, ta suy nghĩ như vầy: "Tiếng khen này, ta đều không có phần, nay ta tự xét đã phạm nhiều tội lỗi. Trong pháp công đức, ta không có chút phần nào cả. Chúng sinh do vọng thấy nên nói ta có phần". Bồ-tát dùng tâm đại Bi làm chỗ nương tựa, lấy Tịnh giới ba-la-mật-đa làm bạn lữ.

Này Từ Thị! Có một loại tịnh giới chẳng phải là Ba-la-mật-đa vì trì giới mà chấp tướng nên không phải là giữ giới tối thắng. Đó chỉ là tịnh giới chứ chẳng phải Ba-la-mật-đa. Vì sao vậy? Vì chỉ gặt được quả báo hữu lậu của ba cõi, lúc tuổi thọ đã hết thì quả báo ấy cũng hết luôn. Nếu vì khắp tất cả hữu tình mà giữ gìn giới cấm, quán Đệ nhất nghĩa không, không có tướng ngã, tướng nhân, vì hữu tình mà giữ gìn giới cấm. Đó là Tịnh giới ba-la-mật-đa.

Tịnh giới Ba-la-mật có thể khiến cho chúng sinh mau chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Tịnh giới ba-la-mật-đa là người dẫn đường cho các hữu tình. Hữu tình nào không có lòng tin thì làm cho họ có lòng tin thanh tịnh, có thể làm kho tàng cho tất cả hữu tình, làm anh lạc châu bảo vô giá để hữu tình trang sức thân. Làm hương xoa thượng hạng cho tất cả hữu tình, làm người mô phạm cho hữu tình. Tịnh giới ba-la-mật-đa này không những cho người xuất gia mà cả tại gia nữa, già trẻ đều bình đẳng như nhau, không sinh ngã mạn, tăng thượng mạn, lìa bỏ tội lỗi, được oai nghi thanh tịnh, không còn các lo sợ và có thể chứng Vô thượng Bồ-đề, Pháp vương tối thắng.

Làm sao biết giới là đệ nhất?

Nếu chúng sinh giữ tịnh giới, tuy ở dòng họ thấp hèn, chẳng phải dòng họ giàu sang, cũng chẳng phải tự lực mà có thể làm lợi ích cho người khác, vì là Tịnh giới ba-la-mật-đa còn làm cho tất cả Trời, Rồng, Dạ-xoa, Nhân phi nhân, quốc vương, đại thần, Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ đều quy kính, lễ lạy, cúng dường tôn trọng và khen ngợi. Người thấp hèn thọ trì giới cấm của Phật còn được cung kính tôn trọng như vậy, huống gì người tôn quý biết giữ gìn tịnh giới, thành tựu viên mãn Tịnh giới ba-la-mật-đa. Nên biết nơi mà người giữ tịnh giới đi đứng nằm ngồi và kinh hành đều đem lại sự cát tường an ổn cho chúng sinh và trời, người đảnh lễ, đội lên đầu và đem cúng dường.

Do đó nên biết rằng, người giữ giới thanh tịnh là đệ nhất tối cao, tối thắng trong các chúng. Đó gọi là Tịnh giới ba-la-mật-đa hoàn toàn viên mãn.

-oOo-

KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 6

Phẩm 7: Nhẫn Nhục Ba-La-Mật-Đa

Sau khi Đức Thế Tôn nói rõ Tịnh giới ba-la-mật-đa, Bồ-tát Từ Thị rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai phải, quỳ gối đảnh lễ sát chân Đức Phật mà bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành Nhẫn nhục ba-la-mật-đa, cầu tiến thế nào để được viên mãn? Nhưng nhẫn nhục này có bao nhiêu loại? Người tu hành phải dụng công thế nào? Cúi xin Ngài chỉ dạy cho chúng con.

Đức Thế Tôn khen Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Lành thay, lành thay! Vì muốn làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình nên ông hỏi về nghĩa lý sâu xa như vậy. Ông hãy lắng nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ, ta sẽ vì ông mà phân biệt giải nói.

Này thiện nam! Nên biết, sinh tử và Niết-bàn đều bình đẳng, không phân biệt, đó gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật-đa. Nếu có chúng sinh ngu si cuồng loạn đến mắng chửi làm nhục, ta đều nhẫn nhục mà nhận lấy. Giống như con voi say khó điều phục, ta phải lấy móc sắt để điều khiển nó. Con voi say tâm sân cũng như vậy, lấy móc sắt nhẫn nhục mà chế ngự để điều phục nó. Đó gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật-đa.

Nếu có hữu tình bị ba mươi sáu câu-chi Thiên ma, Quỷ thần, Dạ-xoa, La-sát đến làm hại, Bồ-tát chỉ cần đem Nhẫn nhục ba-la-mật-đa để đánh phá quân ấy, cho đến tám vạn bốn ngàn oán giặc phiền não muốn phá hoại thì Bồ-tát cũng dùng nhẫn nhục để diệt trừ chúng. Bồ-tát chẳng những chỉ chịu nhẫn nhục với Thiên ma, đại quân oán giặc phiền não, cho đến oán giặc rất nhỏ thấp cũng dùng nhẫn nhục để điều phục. Đó gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật-đa.

Giống như con của vua, học thông suốt pháp của vua, khi vua băng hà, thì thái tử ấy kế thừa ngôi vua, thống lãnh nhân dân trong nước thực hành năm loại Chánh pháp:

1. Không sát sinh.
2. Không trộm cắp.

3. Không tà hạnh.

4. Không nói lời hư dối.

5. Không thu thuế ngoài chức phận.

Nếu trong nước có người phạm giới sát sinh thì vua mắc tội vào điều thứ sáu. Trộm cắp, tà hạnh và vọng ngữ cũng như vậy. Vì sao? Vì đúng pháp hay không đúng pháp thì vua là căn bản. Dù phước hay tội thì vua thuộc một phần của điều thứ sáu. Đại Bồ-tát cũng như vậy, tâm là đất nước, còn đại Bi là vua. Lấy năm pháp nhẫn để tuyên bố trong nước, đó là đánh đập, mắng chửi, sân, giận, giễu cợt. Năm pháp này đều phải nhẫn nhục, nếu ai vi phạm thì mắc tội nặng.

Này Từ Thị! Giống như nông phu khi muốn gieo trồng thì phải dẫn nước vào ruộng. Trước tiên phải sửa sang kênh rạch rồi mới khởi công, trong lúc làm, gặp đá núi, đo đào xới không được nên ông ta dừng lại. Đại Bồ-tát không như vậy, ở trong đồng hoang rộng lớn sinh tử luân hồi, muốn đào kênh trí dẫn nước cam lồ, trong lúc tu tập, lại gặp đá sân giận, không có cách gì trừ được, chỉ dùng nhẫn nhục quán sát thật kỹ để đào phá nó.

Lại nữa, tất cả quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ đều dùng anh lạc để trang sức. Chư Phật, Pháp vương, Bồ-tát... luôn dùng chuỗi anh lạc nhẫn nhục để trang nghiêm thân. Nếu gặp chúng sinh vô cớ khinh khi phản bội thì dùng đại Bi nhẫn nhục để cứu hộ họ. Nhẫn nhục này là thầy mô phạm của Bí-sô, Bí-sô-ni. Lấy Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ để làm rừng cây, lấy Tịnh giới làm cành lá. Lửa sân trong rừng cây này bùng lên, đốt cháy cành lá giới, không cách gì làm dập tắt được. Chỉ dùng mưa nhẫn nhục mới có thể diệt trừ, làm cho tất cả khổ nạn đời hiện tại, vị lai vĩnh viễn không còn lo sợ. Người không nhẫn nhục, trong đời hiện tại đi, đứng, nằm, ngồi không có an lạc, thì với đời vị lai làm sao có sự an vui? Đại Bồ-tát lấy sức nhẫn nhục làm áo giáp, kẻ tạo tội kia là Chiên-đà-la dùng tay sân giận, cầm cung vọng tưởng, phóng mũi tên lời thô ác bắn vào áo giáp nhẫn nhục, nhưng cung tên kia tự nhiên bị gãy, trong khi đó áo giáp nhẫn nhục không bị tổn hoại một tí nào cả. Cung tên ấy nát vụn, biến thành hoa sen.

Từ Thị nên biết! Bồ-tát tu hành như vậy gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật.

Lại nữa, giống như thuốc a-già-đà ở thế gian có thể trừ tất cả bệnh khổ cho mình và người, Bồ-tát cũng vậy, cầm thuốc già-đà nhẫn nhục có thể trị tất cả bệnh sân giận, phiền não cho mình và người. Đó gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật-đa. Giống như bảo châu minh nguyệt ở thế gian, người chủ luôn cầm đi qua đồng hoang rộng lớn, hoặc ở giữa sa mạc, không một chỗ nào có nước. Trong đêm trăng, ông ta cầm bảo châu hướng lên mặt trăng

và lấy đồ hứng thì tự nhiên nước chảy xuống, chủ buôn uống vào vượt qua được đồng hoang sa mạc ấy. Bồ-tát cũng vậy, cầm bảo châu minh nguyệt nhẫn nhục vượt qua sa mạc đồng hoang sinh tử, tuyệt đối không có chút nước trí tuệ, toàn là phiền não. Bồ-tát cầm châu báu nhẫn nhục hướng lên mặt trăng Phật trí để hứng nước Phật pháp, sau khi uống nước Phật pháp rồi, Bồ-tát thoát khỏi sinh tử, đến bờ Niết-bàn.

Này Từ Thị! Giống như mặt đất, tất cả cây cỏ đều nhờ đó mà được sinh trưởng, tất cả hữu tình nhờ đó mà sống. Nhẫn nhục cũng vậy, tất cả Đại Bồ-tát trong mười Địa tu tập sáu pháp Ba-la-mật-đa đều dựa vào nhẫn nhục mà sinh trưởng, nhờ vào nhẫn nhục mà được an trụ.

Lại nữa, giống như cái thang rất cao lớn, chúng sinh leo lên, đi thẳng đến Phạm thiên. Thang nhẫn nhục cao lớn cũng vậy, Bồ-tát leo lên đến địa vị Thiên trung thiên (Phật).

Lại như họa sĩ giỏi tay nghề, vẽ những bức tranh với đường nét màu sắc đẹp sắc sảo. Họa sĩ nhẫn nhục cũng vậy, công đức trang nghiêm thành tựu viên mãn.

Lại giống như hư không nổi đám mây lớn rồi mưa dữ dội, nước chảy lênh láng làm trôi đi tất cả cây cỏ, hoa quả vào sông Hằng, rồi trôi dạt ra biển lớn. Bồ-tát cũng vậy, tâm như hư không có thể nổi lên tất cả mây từ bi, mưa xuống pháp lớn, dòng nước nhẫn nhục chảy mạnh làm trôi tất cả cây cỏ sân giận và hoa phiền não, chảy vào sông trí, rồi chuyển đến biển lớn thanh tịnh Niết-bàn. Thấy các khổ não trong luân hồi sinh tử, Bồ-tát lấy sức nhẫn nhục để thay thế nhẫn chịu cho họ, trải qua trăm ngàn kiếp không từ mệt mỏi, cũng không từ bỏ họ để thủ lấy Niết-bàn. Đại Bồ-tát dùng sức nhẫn nhục có thể xả bỏ tất cả đầu, mắt, tủy, não, thân, thịt, tay chân và cả thân mạng của mình mà không tiếc nuối. Kẻ phàm phu không có trí, nghe nói vậy rất kinh hãi, rợn cả tóc gáy, nói rằng: "Làm sao có thể xả bỏ được như vậy?" Bồ-tát dùng sức nhẫn nhục như vậy nên sinh ra nơi nào, dung mạo cũng rất đoan chánh, tất cả chúng sinh rất thích nhìn, trong đại hội thường được chư Phật khen ngợi. Lại nữa, Đại Bồ-tát an trụ vào sức nhẫn nhục một cách kiên cố, bất động, giống như núi Diệu cao, dù bị gió dữ xoáy nhưng vẫn không lay động. Núi Diệu cao nhẫn nhục cũng vậy, dù bị gió dữ sân giận nổi lên vẫn không thể nào làm lay động được.

Những ngoại đạo sống với bạn ác nên sinh tâm tà kiến, tu các khổ hạnh như: lõa hình, nhịn đói, dùng năm ngọn lửa đốt thân, nhào xuống núi sâu, lao vào lửa... cho rằng như vậy thì được sinh lên trời, không tin chánh pháp. Thấy vậy, Bồ-tát mở lòng từ bi thị hiện cũng tu khổ hạnh như họ

nhưng khổ hạnh gấp trăm lần, làm cho những ngoại đạo ấy cung kính, tôn Bồ-tát làm Thầy mô phạm. Sau đó, Bồ-tát đem chánh pháp hướng dẫn họ để bọn tà kiến kia trụ trong chánh kiến.

Lại có ngoại đạo nói như vầy: "Nơi thân ta có ngã ở trong tâm, lớn giống như ngón tay cái, nó không bị chướng ngại và cũng không có hình tướng, chỉ có Thiên nhãn mới nhìn thấy được, mà nhãn căn này là thị giả của ngã. Mắt đã thấy được rồi, liền báo cho ngã biết; tai, mắt, mũi, lưỡi cũng như vậy. Do nhân duyên này, nếu có chúng sinh mắng chửi ta thì người mắng nhiếc được sinh lên trời, còn người bị nhục chịu mắng thì chết đọa ba đường ác. Giống như nhiều người cùng phục vụ một ông tướng, nếu ai chê bai cái ngã của ông tướng thì mọi người kia cùng giết, nếu không giết người chê bai thì mọi người kia bị mắc tội. Bồ-tát do sức nhẫn chịu, thương xót bọn tà kiến kia nên nhẫn chịu, dùng mọi cách để trừ sự thấy hiểu sai của họ. Giống như mưa đúng mùa, cây cỏ nhờ đó mà được thấm nhuần, phát triển kết trái. Bồ-tát nhẫn nhục cũng vậy.

Khi ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

Như trời sắp mưa, kiến ra hang
Dồn đất thành đống làm hang ở,
Cha mẹ bất tịnh có thân ta
Trong đó vọng thức chấp làm ngã.
Sắc lực tương tục ỷ mạnh mẽ
Người trí quán kỹ như ảo mộng
Chỉ trong một niệm thành cát bụi
Như voi đạp đất kia tan nát.
Sát-na hơi thở sinh diệt mau
Đi đứng nằm ngồi đều là khổ
Phải rõ sắc thân: khổ, vô thường
Ở đó, người trí đâu tham trước.
Chư Thiên, Phạm sống đời khổ hạnh
Rắn độc nhìn thấy không thể hại
Nếu trúng thương có chú, thuốc giải
Nọc độc vô thường ai cứu được?
Pháp lành dễ tu lại quăng bỏ
Dục lạc bại hoại cố tham cầu
Người trí quán sát không thể thành
Giống như áo dơ đem nhuộm nghệ.

Bồ-tát nên đem pháp vô ngã nói cho những kẻ ngoại đạo rằng: "Ngã

mà ông chấp, ở trong hay ở ngoài? Quá khứ hay vị lai? Nếu ông nói có thì khi qua đời, ngã có thể cứu ông được. Nếu không thể cứu ông được thì phải biết rõ là không có ngã. Giống như trung thần một lòng thờ vua, nếu vua ở trong tình trạng nguy nan thì chắc chắn phải cứu vua. Nay ông không có khả năng cứu được thì biết chắc là không có ngã. Nếu có ngã thì phải được tự tại, sao lại bị vô thường phá hoại?

Chúng sinh bị các khổ của quỷ vô thường bức bách làm cho từng bộ phận trên thân thể bỗng nhiên phân lìa mà chết. Nếu có ngã thì tránh được nạn này, đã không tránh khỏi sự phân ly thì nên biết không có ngã. Do đó bọn ngoại đạo các ông từ vô thỉ đến nay phụng thờ cái ngã mà tạo ra bao nghiệp ác, chịu khổ cùng cực. Nên biết cái ngã này không có chút ân đức nào cả. Nếu ông phụng thờ nó, lâu ngày nó sẽ bỏ ông mà đi, rồi dẫn thân ông giao cho thú ác, hổ báo, chó sói để xé ăn, nhưng cái ngã thì đã từ bỏ ông để đi tìm thân khác. Nếu tính ra thì nó đã bỏ ông từ vô thỉ đến nay có vô lượng, vô số kiếp lần như vậy và hiện tại, vị lai cũng thế. Nếu ông nói tâm là thần thức thì thân ta là đầy tớ. Nên biết thân này là ngã sở, từ vô thỉ đến nay đã thọ thân vô số kiếp, chẳng biết bao nhiêu lần mà nói! Như vậy các thân là một ngã hay nhiều ngã? Nếu nhiều ngã tức là vô thường, vì vô thường nên nói có ngã là không đúng. Nếu ngã là một thì phải thường trụ, luôn giữ một thân, không thể dời chuyển. Nhưng vì không trụ cho nên cái một này cũng không thành. Ông nên suy nghĩ quán sát, dù nhiều ngã hay một ngã đều không đúng. Do đó biết rằng tâm chẳng phải là ngã.

Lại quán thân chẳng phải là ngã sở, cũng chẳng phải đầy tớ. Nếu thân thuộc về ngã thì đi, đứng, nằm, ngồi, sinh, già, bệnh, chết phải thuộc về ngã, nhưng ngã chưa sai bảo mà tự nhiên đến thì rõ ràng thân không thuộc về ngã. Nếu thuộc về ngã thì bảo phải sống mãi, không thể già chết. Đi, đứng, nằm, ngồi cũng vậy, thay đổi vô thường thì nhất định chẳng phải ngã sở, vì vậy biết chắc rằng không có ngã và ngã sở. Ông nên biết rằng: nếu ông chấp ngã thì đó là giặc lớn của ông. Vì sao vậy? Vì đời trước ông đã tích lũy căn lành mà được quả báo năm dục, đến đời nay ông đã hưởng hết. Hiện tại ông tạo bao nghiệp ác, do nghiệp lực mà ông bị giao cho cai ngục. Nếu có ngã sao không cứu nhau?"

Đại Bồ-tát dùng sức nhẫn nhục cứu vớt hữu tình thoát khỏi ác quỷ ngã và ngã sở để họ được chánh kiến giải thoát, làm cho xa lìa ngã và ngã sở, thấy tất cả pháp tánh vốn không tịch. Đó gọi là Bồ-tát tu tập Nhẫn nhục ba-la-mật-đa.

Này Từ Thị! Giống như có người vì bảo vệ con nên làm chú thuật để

các ác quỷ không đến phá hoại. Bồ-tát cũng vậy, dùng chú nhẫn nhục để bảo vệ chúng sinh, làm cho oán thù, sân... không thể nào phá hoại được.

Này Từ Thị! Ví như có người bị gai đâm vào chân, ông ta muốn tìm da che khắp mặt đất để khi đi khỏi phải lo sợ. Người trí hỏi: "Ông tìm da để làm gì?" Người kia trả lời mọi việc như trên, người trí quở trách rằng: "Ôi, này người ngu! Ngươi không nên làm như vậy, chỉ cần lấy ít da để làm giày đi là không bị thương tổn. Cần gì phải dùng nhiều da để trải khắp mặt đất như thế!" Kẻ phàm phu cũng vậy, tạo oán thù khắp nơi, bị oan gia mọi nơi cầm dao muốn đến giết để trả thù. Thấy vậy, Bồ-tát rất thương xót, dùng nhẫn nhục để làm giày da che chở thân tâm họ. Được che chở thì họ làm gì có oán thù cầm dao đến hại. Đó là Nhẫn nhục ba-la-mật-đa.

Ví như có người đem lời độc ác hủy nhục, Bồ-tát nghe vậy không nên nổi sân mà phải quán sát: Người mắng ấy là ai? Người bị mắng lại là ai? Hai thân mình và người có mười hai xứ: nhãn xứ thấy sắc, nhĩ xứ nghe tiếng, tỷ xứ ngửi hương, thiệt xứ nếm mùi, thân xứ cảm giác xúc, ý xứ biết pháp. Nhưng nhãn xứ ấy thật chẳng phải là ngã. Nếu không phải ngã thì tội lỗi nhãn xứ của mình và người sẽ thuộc về ai? Nếu có tội lỗi thì cần phải trị phạt. Quán sát thật kỹ như vậy thì cả hai đều không có tội lỗi. Đã không có tội lỗi thì ai nhận, ai mắng để mà sân giận? Quán sát như vậy, cho đến pháp xứ cũng thế. Ngoài mười hai xứ ra không có một vật nào nữa. Người mắng, người chịu mắng, cả hai đều không. Lúc ấy mà suy nghĩ thì tâm sân không còn nữa. Nếu nghe lời thô ác nên quán sát thật kỹ, lời nói ấy có cái gì là thô ác? Hai chữ thô và lời đều không sinh cùng một lúc, lúc thô thì chẳng phải là lời nói, lúc lời nói thì chẳng phải là thô, sinh diệt trong từng sát-na không bao giờ đợi nhau. Hai chữ còn không có huống gì có nhiều sự mắng nhiếc. Lấy đây mà quán sát thì trong trăm ngàn kiếp nói lời thô ác ấy không còn là lời nhục mạ nữa.

Lại quán sát về người mắng chửi và pháp mắng chửi, cả hai đều vô thường, không dừng lại dẫu một sát-na thì sân cái gì? Cho nên biết rằng quá khứ đã qua rồi, tương lai thì chưa đến, còn hiện tại không đứng yên. Pháp mắng chửi đã là không thì thân ta cũng vậy, đồng với sự vô thường, sinh diệt không đứng yên ấy. Vì không đứng yên cho nên tất cả đều trống không. Khi quán sát như vậy, vô lượng oán thù đồng thời tiêu diệt. Nếu lìa sự quán này mà chấp tướng phân biệt thì chỉ gọi là nhẫn nhục chứ không được gọi Nhẫn nhục ba-la-mật-đa. Năm uẩn vô ngã cho đến mười tám giới... cũng đều vô ngã, như huyễn như hóa, khen chê đều bình đẳng, bản tánh đều bình đẳng.

Này Từ Thị! Thấy người mắng chửi, Đại Bồ-tát nên sinh lòng thương xót và nghĩ rằng: "Người ấy bị ma sân bắt giữ, bị phiền não che lấp nên mắng chửi như vậy. Ta muốn diệt trừ con ma này nên khéo tu học Nhẫn đà-la-ni để không sinh sân giận, không để sân giận và các phiền não khác làm tổn hại chúng sinh. Nếu ta sân thì ma quỷ làm mê hoặc thân ta; do đó mà thương xót đối với người mắng chửi kia và luôn nhẫn chịu." Mặc dù tu tập như vậy nhưng chỉ gọi là nhẫn nhục. Nếu không phân biệt thì gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật-đa.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát khi hành an nhẫn bị người cầm dao bén đến chặt tay chân mình, Bồ-tát vẫn vui vẻ với người ấy và tưởng nghĩ đó là Thiện tri thức của mình. Giống như có người sau khi bố thí rồi lòng rất vui vẻ và nghĩ rằng: "Nay ta được phước báo lớn. Đối với người nhận bố thí kia ta phải thường nhớ ân đức của họ. Người bên cạnh thấy vậy đều phải sinh lòng tùy hỷ. Cũng vậy, Bồ-tát thấy người cắt xẻ thân mình, nên vui mừng nghĩ rằng: "Người kia vì diệt trừ tội nghiệp cho ta và cho ta pháp tài nên đã làm như vậy. Vì ta mà bị tiếng xấu ác, mất đi sự an vui giải thoát của trời và người, còn phải chịu khổ trong ba đường ác. Do đây, người đó là bạn lành chí thân của ta, đã hoàn thành Nhẫn nhục ba-la-mật-đa cho ta. Với người đó, ta nên kính trọng, cho đến khi chứng Bồ-đề cũng không quên ân đức ấy, huống gì trở lại sân hận. Nếu sân giận tức là đã phản bội lại ân đức của họ. Do đây mà càng cung kính, nghĩ tưởng đây là thầy mình. Mặc dầu nhẫn điều khó nhẫn, nhưng còn sự phân biệt giữa mình và người thì chỉ gọi là nhẫn nhục, chứ không được gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật-đa."

Lại nữa, nếu ở nơi thanh vắng có người đến chê bai Bồ-tát rằng: "Ông đã ăn trộm, hành dâm dục, đánh mắng, hành thích". Bồ-tát nhẫn nhục, tự tư duy như vầy: "Đó chẳng phải lỗi của họ mà là do đời trước ta đã từng đánh mắng, hành thích họ. Do dư nghiệp của ta còn sót lại nên phải nhận lấy sự trách mắng của người ấy. Vì ta mà người kia phải đọa vào đường ác, nên ở trong loài người phải có lòng đại Bi nhẫn." Lại tư duy: "Tâm này của ta rất gian trá, sợ đọa địa ngục mà nhẫn nhục, lại muốn thành tựu Nhẫn nhục ba-la-mật-đa để người cắt xẻ kia phải đọa ba đường ác." Tư duy như vậy càng thấy xấu hổ. Biết lỗi của mình, Bồ-tất cảm thấy xấu hổ liền tưởng người kia là Thiện tri thức, sinh lòng tôn trọng. Nhưng đó chỉ là nhẫn nhục chứ không phải Nhẫn nhục ba-la-mật-đa, vì có phân biệt giữa mình và người.

Lại nữa, Bồ-tát biết sân giận là pháp gây ra các khổ, biết hạnh nhẫn nhục là nguồn gốc của vạn hạnh. Do đó mà hành nhẫn nhục, nhưng chỉ gọi

là nhẫn nhục, không được gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật-đa. Vì sao vậy? Vì còn có phân biệt thiện ác.

Bồ-tát quán thân năm uẩn có năm loại tội lỗi, là chỗ tập hợp gây ra các khổ và nó thay đổi trong sát-na, gồm năm thứ bất tịnh, gồm ba mươi sáu vật uế trược, không có ngã và ngã sở, tất cả đều là không. Riêng bọn ngoại đạo tà kiến chấp thân này là an lạc, thường trụ bất biến, là pháp thanh tịnh, có ngã và ngã sở. Bồ-tát quán kỹ năm pháp này cùng tất cả hữu tình cũng vậy. Đã biết vậy rồi, khi nghe mắng chửi, không nên sân giận, được khen ngợi không vui mừng. Đó chỉ gọi là nhẫn nhục, không phải là Nhẫn nhục ba-la-mật-đa.

Này Từ Thị! Nay ta sẽ lược nói về ba mươi hai loại nhẫn nhục của Bồ-tát. Đó là: không tham lam, không sát hại, không gây phiền não, không sân nhuế, không oán hận, không bực tức, không tranh luận, không nhiễm cảnh dục, hay giữ tâm mình và người, thuận tâm Bồ-đề, không có tâm phân biệt, không vướng vào sinh tử, tùy thuận nghiệp quả, thân thanh tịnh, khẩu ý thanh tịnh, kiên cố không thoái lui, nói năng tự tại, không tính toán, tự giác Thánh trí, giữ gìn ý người, tu bốn phạm hạnh không sinh theo do thiền lực, ở trong trời, người an lạc tự tại, tướng tốt viên mãn, Phạm âm vi diệu, diệt trừ các điều ác, lìa bỏ xan tham, đoạn trừ ganh tỵ, xả bỏ các oán giặc, gần Bồ-đề phần, lìa điều bất thiện, thích ở nơi thanh vắng, đạt được các phần Phật pháp. Đó là ba mươi hai loại Nhẫn nhục ba-la-mật-đa. Bồ-tát tu hành đầy đủ ba mươi hai loại nhẫn nhục ấy thì chứng được Vô sinh pháp nhẫn và mau đến Vô thượng Bồ-đề.

Này Từ Thị! Sao gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật-đa? Nghĩa là nếu có người đến mắng chửi thì ta nên quán tiếng mắng chửi ấy như tiếng vọng trong hang. Khi bị đánh đập nên quán thân này như bóng (hình tướng) trong gương. Nếu bị sân nên quán tâm này như huyễn như hóa. Nếu bị phẫn nộ nên quán tâm này tánh vốn không náo động. Nếu được lợi dưỡng nên quán tâm này tự tánh điều phục, không vui mừng. Nếu mất lợi dưỡng nên quán tâm này thiện diệu, tịch tĩnh, không nên sân giận. Nếu bị chê bai nên quán thân này như hư không, không nên trả thù. Nếu được khen ngợi nên quán tự thân này tánh không ngã mạn, không cống cao. Nếu được ca tụng nên quán tâm này tánh xưa nay không tịch, không vui mừng. Nếu bị cơ hiềm nên quán tâm tánh vốn xa lìa sợ hãi, không sinh lo buồn. Khi gặp khổ nên quán pháp tánh vốn không bức bách, không thấy tướng khổ. Khi được vui vẻ, nên quán thật tánh thường trụ bất biến, không có tướng khổ vui. Khi

Đại Bồ-tát trụ trong nhẫn nhục thì tám loại gió không thể nào làm động chuyển được. Vì sao? Vì lấy tâm Bồ-đề trụ vào tướng chân thật, xa lìa bỉ thử, thấy được Pháp thân. Nếu có việc gì bất an cũng đều nhẫn nhục. Muốn chiến thắng các ma oán nên làm tất cả những việc khó làm để điều phục ngoại đạo tà kiến.

Từ Thị nên biết! Nay ta sẽ lược nói về Nhẫn nhục ba-la-mật-đa.

Này Từ Thị! Nếu quán vô thường thì lìa tướng ngã kia mà tâm được an nhẫn, chẳng phải nhẫn chân thật. Nếu quán tướng thiện, bất thiện của các pháp mà tâm được nhẫn nhục, đó chẳng phải là nhẫn chân thật. Nếu quán kỹ nhẫn mười hai xứ đối với căn trần lìa tướng sân giận mà được nhẫn nhục, đó chẳng phải chân thật nhẫn. Nếu quán sân giận cho là điên đảo, nhẫn là chân chánh, biện biệt tà chánh thì chẳng phải là nhẫn chân thật. Lại thấy nhẫn có lý, mắng chửi là phi lý, nhẫn như vậy mà còn chấp tướng thì chẳng phải nhẫn chân thật. Lại nữa, nếu trụ vào nhẫn tám chánh, lìa nhẫn tám tà; nhẫn đạo hay phi đạo thì chẳng phải chân thật nhẫn. Lại nữa, không quán nhẫn các pháp vô thường, vô ngã, bất tịnh, khổ, mà chỉ quán các pháp thường, lạc, ngã, tịnh, Vô sinh pháp nhẫn. Nhẫn mà trái ngược nhau như vậy chẳng phải nhẫn chân thật. Nhẫn pháp không mà không nhẫn các kiến chấp; nhẫn pháp vô tướng mà không nhẫn pháp hữu tướng; nhẫn pháp vô nguyện, không nhẫn pháp hữu nguyện; nhẫn pháp vô hành, không nhẫn pháp hữu hành; nhẫn pháp không phiền não, không nhẫn pháp phiền não; nhẫn các pháp thiện, không nhẫn các pháp ác; nhẫn pháp xuất thế gian, không nhẫn pháp thế gian; nhẫn pháp không lỗi, không nhẫn pháp có lỗi; nhẫn pháp vô lậu, không nhẫn pháp hữu lậu; nhẫn pháp Niết-bàn, không nhẫn pháp sinh tử... Nhẫn như vậy là nhẫn đối trị, chẳng phải là nhẫn cứu cánh.

Đại Bồ-tát Từ Thị thưa:

–Bạch Thế Tôn! Người nhẫn nhục như vậy là nhẫn không cứu cánh. Vậy thì thế nào là nhẫn cứu cánh? Cúi xin Ngài phân biệt giải nói.

Đức Thế Tôn dạy:

–Này thiện nam! Nhẫn chân thật là dùng chánh trí tuệ thông hiểu bản tánh của tất cả các pháp đều không. Tánh không này cùng với bản tánh của các pháp không hai. Tánh của các pháp là không tánh, bản tánh chánh trí là thanh tịnh, không hai, không khác, không đoạn. Do đó nên biết rằng pháp của thế gian là không. Không là pháp thế gian, bản tánh của hai pháp không lìa nhau. Nhẫn như vậy gọi là nhẫn cứu cánh.

Lại nữa, dùng chánh trí tuệ thông hiểu tánh của các pháp là tánh vô

tướng. Tánh vô tướng là bản tánh của các pháp, bản tánh không hai. Tánh của các pháp và tánh vô tướng là bản tánh chánh trí thanh tịnh, không hai, không hai phần, không khác, không đoạn. Cho nên biết rằng tất cả pháp là vô tướng, vô tướng là tất cả pháp. Bản tánh của hai pháp không lìa nhau. Nhẫn như vậy gọi là nhẫn cứu cánh.

Dùng chánh trí tuệ thông hiểu tánh của các pháp là tánh vô nguyện, tánh vô nguyện là tánh của các pháp vì bản tánh không hai. Tánh vô nguyện và tánh của các pháp là bản tánh chánh trí thanh tịnh, không hai, không hai phần, không khác, không đoạn. Cho nên biết rằng tất cả pháp là vô nguyện, vô nguyện là tất cả pháp, vì bản tánh hai pháp không lìa nhau. Nhẫn như vậy là nhẫn cứu cánh.

Dùng chánh trí tuệ hiểu rõ tánh của tất cả hành là tánh không hành. Tánh không hành và tánh tất cả hành, bản tánh không hai. Tánh tất cả hành và tánh không hành là bản tánh chánh trí thanh tịnh, không hai, không hai phần, không khác, không đoạn. Nhẫn như vậy gọi là nhẫn cứu cánh.

Dùng chánh trí tuệ thông hiểu tánh phiền não là tánh không phiền não. Tánh không phiền não và tánh phiền não là bản tánh không hai. Tánh phiền não và tánh không phiền não là bản tánh chánh trí thanh tịnh, không hai, không khác, không hai phần, không đoạn. Nhẫn như vậy gọi là nhẫn cứu cánh.

Dùng chánh trí tuệ thông suốt tất cả tánh thiện là tánh bất thiện. Tánh thiện tức là tánh bất thiện, là bản tánh không hai. Tánh thiện và tánh bất thiện là bản tánh chánh trí thanh tịnh, không hai, không hai phần, không khác, không đoạn. Nhẫn như vậy gọi là nhẫn cứu cánh.

Dùng chánh trí tuệ thông suốt tánh pháp xuất thế gian tức là tánh pháp thế gian. Tánh pháp thế gian và tánh pháp xuất thế gian là bản tánh không hai. Tánh pháp xuất thế gian và tánh pháp thế gian là bản tánh chánh trí thanh tịnh, không hai, không hai phần, không khác, không đoạn. Nhẫn như vậy gọi là nhẫn cứu cánh.

Dùng chánh trí tuệ thông suốt tánh không tội lỗi là tánh tội lỗi. Tánh tội lỗi và tánh không tội lỗi bản tánh không hai. Tánh không tội lỗi và tánh tội lỗi là bản tánh chánh trí thanh tịnh, không hai, không hai phần, không khác, không đoạn. Nhẫn như vậy gọi là nhẫn cứu cánh.

Dùng chánh trí tuệ thông hiểu tánh pháp vô lậu là tánh pháp hữu lậu. Tánh pháp hữu lậu và tánh pháp vô lậu bản tánh không hai. Tánh pháp vô lậu và tánh pháp hữu lậu là bản tánh chánh trí thanh tịnh, không hai, không hai phần, không khác, không đoạn. Nhẫn như vậy gọi là nhẫn cứu cánh.

Dùng chánh trí tuệ thông suốt tánh Niết-bàn là tánh sinh tử. Tánh sinh tử và tánh Niết-bàn bản tánh không hai. Tánh Niết-bàn và tánh sinh tử là bản tánh chánh trí thanh tịnh, không hai, không hai phần, không khác, không đoạn. Nhẫn như vậy là nhẫn cứu cánh.

Đức Phật dạy:

–Này Từ Thị! Nhẫn cứu cánh chân thật như vậy, đối với tất cả các pháp thấy không có mình và người, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải sinh, chẳng phải không sinh, chẳng phải diệt, chẳng phải không diệt. Ai đạt được nhẫn như vậy gọi là nhẫn chân thật cứu cánh Vô sinh pháp nhẫn, là Nhẫn nhục ba-la-mật-đa.

Khi Đức Phật nói Nhẫn nhục ba-la-mật-đa này, Bồ-tát Từ Thị làm thượng thủ, cùng vô lượng chúng Đại Bồ-tát và cả đại hội đồng khen ngợi Đức Thế Tôn:

–Lành thay, lành thay! Thật hy hữu thay Bậc Thiện Thệ! Thật kỳ diệu thay, Bậc Thế Tôn!

Khen ngợi xong, tất cả mọi người đem vô lượng trân bảo quý giá dâng lên cúng dường Thế Tôn, đó là những loại: hương chiêm-bặc, hương hoa, hương đốt, hương xoa, hương bột, những loại vòng hoa, y phục, tơ lụa, tràng phan, bảo cái tung lên hư không cúng dường và trỗi tất cả các thứ âm nhạc để làm vui cùng những bài ca tụng khen ngợi Như Lai. Các chúng sinh nghe Đức Phật nói Nhẫn nhục ba-la-mật-đa này không kinh nghi, không hoảng sợ, tất cả đều được pháp nhẫn chân thật của Như Lai. Họ rải hoa hương trên hư không khắp cả tam thiên đại thiên thế giới để cúng dường Như Lai.

Đức Thế Tôn dạy Từ Thị:

–Này thiện nam! Ông nên an trí tất cả hoa hương, y phục cho đến tràng phan, bảo cái ấy.

Bồ-tát Từ Thị thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con đã an trí tất cả hương hoa, y phục ấy rồi, mỗi mỗi đều được an trí trong chúng hội các vị Bồ-tát, Trời, Rồng..., mà ngay nơi thân con là chỗ nương tựa.

Nói xong, Bồ-tát Từ Thị liền nhập vào Nhất thiết sắc thân Tam-muội. Nhập Tam-muội rồi, tất cả hương hoa, y phục, tơ lụa, cho đến tràng phan, bảo cái đầy khắp hư không trong tam thiên đại thiên thế giới nhờ thần lực của định mà vào rốn của Bồ-tát Từ Thị không bị chướng ngại, và cả thảy đều đầy đủ không giảm bớt mà thân của Bồ-tát Từ Thị cũng không lớn ra.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Vô Tận Tạng hỏi Bồ-tát Từ Thị:

–Này thiện nam! Tam-muội này tên là gì mà trụ vào định này làm cho tất cả vật cúng dường đều vào trong rốn ông mà thân ông không tăng, vật kia không giảm?

Bồ-tát Từ Thị nói:

–Này thiện nam! Tam-muội này gọi là Phổ nhập nhất thiết sắc thân Tam-muội.

Bồ-tát Vô Tận Tạng lại hỏi:

–Này Đại sĩ! Cảnh giới biến hóa thần thông của Tam-muội này như thế nào?

Bồ-tát Từ Thị nói:

–Tất cả vật trong tam thiên đại thiên thế giới đều vào rốn của tôi mà thân tôi không tăng, vật kia không giảm. Vì sao vậy? Vì pháp tánh vốn như vậy.

Khi ấy, ở trong hội, Bồ-tát, Trời, Rồng, Quỷ thần, Nhân phi nhân thầm nghĩ: "Chúng ta muốn thấy cảnh giới thần biến của Tam-muội này mà không biết làm thế nào?".

Biết tâm niệm của các vị Bồ-tát, Trời, Rồng... Đức Thế Tôn dạy Bồ-tát Từ Thị:

–Này thiện nam! Ông nên hiện thần thông biến hóa của Tam-muội này để cho tất cả đại chúng đều biết.

Lúc ấy, Bồ-tát Từ Thị tu tập Tam-muội này đã từ lâu và đã hoàn toàn thuần thục, không bị chướng ngại, làm cho các vị Bồ-tát, đại chúng ở phương khác và Bí-sô, Bí-sô-ni cùng Phật Thế Tôn đều nhập vào thân Từ Thị mà các hữu tình cũng không kinh sợ, thân tâm được an lạc chưa từng có.

Giống như đi qua vô lượng a-tăng-kỳ thế giới về phương Đông, có thế giới tên Bảo anh lạc trang nghiêm. Tất cả đồ vật mà chúng sinh thế giới đó dùng toàn bằng những loại trân bảo quý báu, thọ hưởng sự sung sướng. Và thân trời, người trong đại chúng này được hưởng an lạc giống như thế giới ấy không khác. Đại chúng nơi hội này ở trong thân Từ Thị biết rõ không bị chướng ngại.

Bấy giờ, Bồ-tát Từ Thị thâu thần lực trở lại. Khi ấy đại chúng và Phật Thế Tôn đều trở về chỗ ngồi. Tất cả đại chúng hữu tình ấy đều không biết rõ có tướng qua lại. Bồ-tát Vô Tận Tạng nói với Bồ-tát Từ Thị:

–Thật hy hữu thay, Đại sĩ! Việc biến hóa thần thông của Tam-muội

này tôi chưa từng có và xưa nay chưa từng nghe thấy.

Bồ-tát Từ Thị nói:

–Thưa Tôn giả! Không những chỉ có tất cả đại chúng trong hội này đều nhập vào trong rốn tôi, mà giả sử đem các núi Diệu cao và mười núi báu, núi Đại thiết vi, biển lớn, sông sâu, mặt trời, mặt trăng, sao, Thiên cung, Long cung trong tam thiên đại thiên thế giới, năm cõi, bốn loài, Nhân phi nhân nhập vào thân tôi không bị chướng ngại. Thân tôi không tăng, vật kia không giảm. Chúng sinh ấy cũng không biết rõ có tướng qua lại. Tánh của pháp còn như vậy, huống gì trong hội này.

Khi Đức Thế Tôn nói Nhẫn nhục ba-la-mật-đa này và hiện đại thần thông, trong hội có bảy mươi sáu na-do-tha người, trời đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề, ba vạn hai ngàn Bồ-tát đều được Vô sinh pháp nhẫn.

Đức Phật dạy Từ Thị:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ nào mới nghe tên Nhẫn nhục ba-la-mật-đa này mà sinh lòng tin thì người ấy chắc chắn không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh mà được ở trong Vô thượng Bồ-đề không bao giờ thoái chuyển. Nay ta nói Nhẫn nhục ba-la-mật-đa này là hoàn toàn viên mãn, làm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh.

-oOo-

KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 7

Phẩm 8: Tinh Tấn Ba-La-Mật-Đa

Đức Thế Tôn nói Nhẫn nhục ba-la-mật-đa xong, Đại Bồ-tát Từ Thị liền đứng dậy, trịch áo bày vai phải, quỳ gối chắp tay cung kính thưa:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Thế Tôn đã nói Nhẫn nhục ba-la-mật-đa rồi, bây giờ xin Ngài hãy nói rộng về Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát trụ vào đó như thế nào, hàng phục thế nào và tu hành như thế nào? Làm sao viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa? Cúi xin Ngài phân biệt giải nói.

Đức Thế Tôn dạy Bồ-tát Từ Thị:

–Này thiện nam! Ông hãy lắng nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ. Ta sẽ vì ông mà phân biệt giải nói, nghĩa là tu tập năm pháp Ba-la-mật-đa kia đều nhờ sức tinh tấn mà được thành tựu. Tinh tấn ba-la-mật nghĩa là ba nghiệp thiện thân, khẩu, ý đều nhờ lực tinh tấn mới phát sinh được. Trong ba nghiệp thì ý nghiệp là hơn hết. Đại Bồ-tát tu ý nghiệp có hai loại tâm là tinh tấn và thoái lui. Nghĩa là phát tâm Bồ-đề là tinh tấn, dừng tâm Bồ-đề là thoái lui.

Phát khởi là thế nào? Là có lòng Từ bi với tất cả hữu tình.

Dừng lại là thế nào? Là trụ vào ngã không.

Phát khởi là thế nào? Là nắm giữ tất cả chúng sinh.

Dừng lại là thế nào? Là xả bỏ tất cả chúng sinh.

Phát khởi là thế nào? Là trong sinh tử không mệt mỏi.

Dừng lại là thế nào? Là muốn ra khỏi ba cõi.

Phát khởi là thế nào? Là xả bỏ tất cả.

Dừng lại là thế nào? Là tâm khinh thị không bố thí.

Phát khởi là thế nào? Là kiên trì giữ giới thanh tịnh.

Dừng lại là thế nào? Là hủy phạm giới cấm.

Phát khởi là thế nào? Là khéo trụ vào nhẫn nhục.

Dừng lại là thế nào? Là không tu nhẫn nhục.

Phát khởi là thế nào? Là tu tập các căn lành.
Dừng lại là thế nào? Là giải đãi, biếng nhác.
Phát khởi là thế nào? Là trụ trong thiền định.
Dừng lại là thế nào? Là tâm tán loạn.
Phát khởi là thế nào? Là tương ưng với trí tuệ.
Dừng lại là thế nào? Là tương ưng với vô minh.
Phát khởi là thế nào? Là nghe nhiều, nói đúng.
Dừng lại là thế nào? Là không nghe chánh pháp.
Phát khởi là thế nào? Là tích tụ trí tuệ.
Dừng lại là thế nào? Là phân biệt chấp tướng.
Phát khởi là thế nào? Là quán uẩn như huyễn.
Dừng lại là thế nào? Là với uẩn sinh nhàm chán.
Phát khởi là thế nào? Là biết xứ như mộng.
Dừng lại là thế nào? Là diệt trừ căn cảnh.
Phát khởi là thế nào? Là quán giới vô sinh.
Dừng lại là thế nào? Là thân diệt, trí diệt.
Phát khởi là thế nào? Là phạm hạnh tăng trưởng.
Dừng lại là thế nào? Là xả trí tuệ chân thật.
Phát khởi là thế nào? Là năm thần thông tự tại.
Dừng lại là thế nào? Là nhàm chán hữu lậu.
Phát khởi là thế nào? Là chánh quán Niệm xứ.
Dừng lại là thế nào? Là không tu niệm trụ.
Phát khởi là thế nào? Là tương ưng với chánh đoạn.
Dừng lại là thế nào? Là không hành chánh đoạn.
Phát khởi là thế nào? Là thần túc tự tại.
Dừng lại là thế nào? Là không đủ thần túc.
Phát khởi là thế nào? Là siêng năng tu tập năm Căn.
Dừng lại là thế nào? Là năm Căn không tăng trưởng.
Phát khởi là thế nào? Là thích tu năm Lực.
Dừng lại là thế nào? Là không tu năm Lực.
Phát khởi là thế nào? Là viên mãn Giác chi.
Dừng lại là thế nào? Là không đủ bảy Giác chi.
Phát khởi là thế nào? Là siêng năng tu Chánh đạo.

Dừng lại là thế nào? Là không tu tám Chánh đạo.

Phát khởi là thế nào? Là tu Quán.

Dừng lại là thế nào? Là không tu Chỉ.

Phát khởi là thế nào? Là quán duyên sinh.

Dừng lại là thế nào? Là chán sự nguy hiểm của duyên sinh.

Phát khởi là thế nào? Là nghe điều chưa nghe.

Dừng lại là thế nào? Là chấp nhận điều đã nghe.

Phát khởi là thế nào? Là lấy giới để trang sức thân.

Dừng lại là thế nào? Là chán ghét thân uẩn.

Phát khởi là thế nào? Là Biện tài vô ngại.

Dừng lại là thế nào? Là không học im lặng.

Phát khởi là thế nào? Là tu tập ba pháp môn giải thoát.

Dừng lại là thế nào? Là không tu tập ba pháp môn giải thoát.

Phát khởi là thế nào? Là chiến thắng quân ma.

Dừng lại là thế nào? Là thích trụ Niết-bàn.

Phát khởi là thế nào? Là khéo tu phương tiện.

Dừng lại là thế nào? Là ưa thích tịch tĩnh.

Phát khởi là thế nào? Là cầu tiến không ngừng.

Dừng lại là thế nào? Là được rồi không chịu tiến nữa.

Phát khởi là thế nào? Là hiểu rõ tục đế.

Dừng lại là thế nào? Là tự chứng diệt đế.

Phật dạy Từ Thị:

–Tất cả pháp hành tinh tấn như vậy đều nhờ sức tinh tấn mà có thể viên mãn, không tăng không giảm, có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Vì sao? Vì có thể viễn ly tất cả tướng. Tất cả đều nhờ trí lực mà viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Sự nghiệp tu tập của Đại Bồ-tát như thế nào? Nghĩa là tu tập đại Từ, đại Bi, không xả hữu vi mà chứng chân vô vi, không thoái lui cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Từ Thị nên biết! Đó là Đại Bồ-tát ý nghiệp thanh tịnh nhờ Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Lại nữa, này Đại Bồ-tát Từ Thị, có bốn loại tinh tấn:

1. Điều bất thiện chưa sinh, đừng cho sinh.

2. Đã sinh điều bất thiện rồi, hãy mau diệt trừ.

3. Điều thiện chưa sinh thì làm cho mau phát sinh.

4. Điều thiện đã sinh rồi thì làm cho tăng trưởng.

Từ Thị nên biết! Đó là bốn loại tinh tấn của Đại Bồ-tát, nếu không có bốn loại tinh tấn này thì làm sao viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa. Đại Bồ-tát phát khởi tinh tấn cho đến bố thí, trì giới, nhẫn nhục, phải tinh tấn xả bỏ điều khó bỏ, làm những việc khó làm. Những việc khó như vậy phải siêng năng tinh tấn dũng mãnh, không biếng nhác, tu hành vượt hơn tất cả chư Thiên. Đó là điều mà Phạm thiên, Hộ thế không làm được. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát rộng độ chúng sinh ra khỏi biển sinh tử, nhưng không thấy có tướng độ. Tất cả đều nhờ lực tinh tấn mà được thành tựu. Đó gọi là Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Này Từ Thị! Vì chúng sinh biếng nhác nên công đức của sự tu hành rất ít. Giống như giọt nước không thể thành biển cả, người giải đãi cũng vậy, không thể đến được Vô thượng Bồ-đề. Giống như có người không có tay chân thì không thể đi, đứng, nằm, ngồi theo ý được, cho đến một việc làm rất nhỏ cũng không làm xong. Người như vậy làm sao có thể vượt qua sông lớn biển cả được, chúng sinh biếng nhác không tinh tấn cũng vậy. Đối với sự nghiệp gia đình, người lười biếng này còn không thành đạt được thì làm sao có đủ từ bi để tu giới tuệ, cứu chúng sinh ra khỏi nhà lửa!

Bồ-tát tu hành Ba-la-mật-đa làm tư lương cho Bồ-đề, Đại Bồ-tát lấy Tinh tấn ba-la-mật-đa làm thuyền bè mà được thành tựu vô số kiếp phước trí, cùng ngồi một thuyền với các hữu tình vượt qua biển lớn sinh tử, đến bờ kia Niết-bàn.

Tất cả chúng sinh trên thế gian gồm có ba loại:

1. Lười biếng.

2. Không siêng năng, không biếng nhác.

3. Tinh tấn dũng mãnh.

Hạng lười biếng nghĩa là bỏ bê công việc trong gia đình thì làm sao có thể kinh doanh, làm việc cho người khác.

Hạng không siêng năng, không biếng nhác là đối với sự nghiệp lớn thì không làm được. Giả sử muốn cầu tiến mà gặp trở ngại thì thoái lui.

Hạng tinh tấn dũng mãnh là luôn chịu lao khổ cực nhọc cho hữu tình, chỉ làm lợi ích cho mọi người mà không nghĩ đến bản thân mình.

Người biếng nhác bị con quỷ giải đãi luôn móc kéo, làm mê hoặc thân tâm, giống như có người vào biển lớn, đến núi bảy báu, châu báu trong núi ấy nhiều vô lượng, vừa muốn lấy thì ông ta bị quỷ bắt lại nên đành bỏ

lỡ cơ hội mà đi bộ trở về với thân trơ trọi, không lấy được một món châu báu nào. Chúng sinh biếng nhác cũng vậy. Ở Thiệm-bộ châu, chúng sinh do phước đức của mười thiện nghiệp mà sinh vào trong cõi này. Bồ-tát quán vô lượng, vô biên châu bảo Thập thiện đầy khắp cả đại địa, chúng sinh bị quỷ giải đãi làm mê hoặc, cuồng loạn mất trí, nếu thấy châu bảo không được móng tâm lấy, như núi Diệu cao không thể lay chuyển. Nếu người tinh tấn lấy bảo vật này không lấy làm khó mà lại thấy dễ dàng như giơ mảy lông.

Đại Bồ-tát muốn viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa thì phải vì khắp tất cả chúng sinh từ vô lượng kiếp chịu sinh tử mãi mà không tiếc thân mạng, luôn siêng năng tinh tấn mới đạt đến Bồ-đề. Bồ-tát quán như vậy mà tâm không giải đãi, mỏi mệt, xem như thời gian chừng một bữa ăn.

Lại tư duy: Chư Phật quá khứ đã hành Bồ-tát hạnh, vì muốn viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa mà trải qua vô lượng kiếp cũng xem như thời gian chừng một bữa ăn. Đại Bồ-tát quán hiện tại, vị lai có vô lượng, vô biên chư Phật đã từng hành Bồ-tát hạnh, trải qua vô lượng kiếp mới thành Chánh giác, kiếp số như vậy khó tính đếm được. Giống như có bức thành rất cao rộng, bốn mặt cao dày đều một trăm do-tuần. Trong thành này có đầy hạt mè, cứ một trăm, một trăm kiếp lấy đi một hạt, như vậy trong từng kiếp số lấy dần dần từng hạt một, cho đến lúc trong thành không còn hạt nào cả là một đại kiếp. Như vậy, trong đại kiếp tính đủ ba a-tăng-kỳ kiếp. Kiếp số của Đại Bồ-tát cũng vậy, luôn vì mỗi hữu tình trong năm đường mà siêng năng tinh tấn, lại chịu các khổ não mới chứng Bồ-đề. Ví như nghiền nát đất thành bụi, như vậy bụi có nhiều không?

Từ Thị thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Đức Phật dạy Từ Thị:

–Giả sử chúng sinh như số bụi kia, thì Bồ-tát vì mỗi hữu tình mà siêng năng tinh tấn như trong kiếp số nói trên không tiếc thân mạng, chịu các khổ não, sau đó mới chứng Vô thượng Bồ-đề. Đại Bồ-tát nên tư duy như vầy: "Về quá khứ như kiếp số trên, ta đã siêng năng tinh tấn đầy đủ viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa, đắc quả vị không thoái chuyển mới chứng Bồ-đề." Tư duy như vậy rồi, ngày đêm Bồ-tát siêng năng tinh tấn dũng mãnh. Với kiếp số tính theo năm tháng trong nhân gian mà so với ở đó thì như khoảng một sát-na để thành Chánh giác, sao lại không tinh tấn? Đại Bồ-tát siêng năng tinh tấn một cách kiên cố, xả bỏ đầu, mắt, tủy, não, tay, chân... mà không chút tiếc nuối. Đã tư duy như vậy, Bồ-tát nhất tâm tinh

tấn, không giải đãi mỏi mệt. Đây gọi là Tinh tấn ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát.

Lúc đó Đức Thế Tôn nói kệ:

Các thật quả thế gian
Do tinh tấn sinh ra
Địa, thủy, hỏa, phong giới
Căn trần nhờ đây có
Tham, sân, si ba độc
Đều do giải đãi sinh
Bồ-tát thấy như vậy
Sợ hãi như tên độc.
Nếu người có tài năng
Biếng nhác việc không thành
Con cái mà giải đãi
Mẹ hiền không được vui.
Có trí gắng tinh tấn
Thành tựu hạnh Bồ-tát
Người ấy nở hoa giác
Thành quả vị Phật-đà.
Người trí luôn dũng mãnh
Thông đạt nghĩa thâm sâu
Người giải đãi lười biếng
Người đời không khen ngợi
Người nào không tinh tấn
Ở đời không được khen
Không hành trang thiện pháp,
Như phân dơ ô uế.
Như cỏ và ngói đá,
Ở đời còn dùng được
Người giải đãi biếng nhác
Không ai thèm dùng đến.
Giống như áo rách dơ
Như vòng hoa héo tàn
Người nào không tinh tấn
Người tốt không cần dùng.
Nếu ai được tiếng khen
Nhờ tinh tấn nhẫn nhục
Không nhẫn không tinh tấn

Là phi nữ phi nam.
Giải đãi thiếu của cải
Hèn hạ lắm kiêu mạn,
Thường sợ người ta chê
Việc nhà không thành đạt.
Không tinh tấn như vậy
Tuy có lắm tài năng,
Thường bị người đời khinh
Như rắn hết khí độc.
Dù không nhiều tài năng
Nhưng siêng năng tinh tấn
Chắc chắn được thành tựu
Phật quả đại Bồ-đề.
Những ai tu nghiệp phước
Đều nhờ sức tinh tấn
Nếu muốn làm sứ giả
Chuyên đợi lệnh vua sai.
Tinh tấn gốc tôn quý
Nên siêng năng dũng mãnh
Bồ-tát thích tu hành
Ắt thành quả Vô thượng.
Luôn trụ vào tinh tấn
Được người trí khen ngợi
Không trí bảo do trời
Tà kiến gốc sinh tử
Người trí trú chánh kiến
Tinh tấn từ bỏ trời.
Nên siêng năng tinh tấn
Để độ cõi trời kia
Ngu đần không tinh tấn
Thờ trời, không siêng năng.
Người trí thích tinh tấn
Tránh xa giáo pháp trời
Mạng trời và tinh tấn
Ngu, trí rất sai biệt
Tin trời do tà kiến
Tinh tấn được quả lành.
Có đất không hạt giống

Cày xới ích lợi gì!
Không tinh tấn cũng vậy
Làm sao được làm trời.
Ví như gió thổi lửa
Từ nhỏ cháy thành lớn,
Tinh tấn cũng như vậy
Pháp lành thêm lớn mạnh.
Làm các hạnh khó làm
Nên được quả tối thắng
Không tham tiếc thân mạng
Sẽ kế thừa Pháp vương.

Đức Thế Tôn dạy Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Khi cầu Bồ-đề, Bồ-tát phải mang giáp tinh tấn, lấy đại thệ nguyện làm binh khí, ngày đêm siêng năng làm tăng trưởng công đức, giống như trăng non dần dần tròn trịa. Ví như có người nghe ở phương xa kia có tháp xá-lợi Phật và có người khéo nói Chánh pháp. Nghe vậy, người kia rất vui mừng, không cần lương thực, xe cộ, bạn bè, một mình ông ta đi đến tháp ấy. Trên đường đi, người kia đã trải qua toàn là lửa dữ và dao bén nhưng vẫn mạnh mẽ kiên trì không thoái lui, quyết định tiến tới để chiêm ngưỡng, lễ lạy tháp Phật và nghe Chánh pháp. Giữa đao nhọn, lửa dữ, trong mỗi bước đi, người kia luôn tư duy và phát thệ rằng: "Trong đao lửa hôm nay, con nguyện được nghe Chánh pháp. Con nguyện sẽ ở trong biển khổ lớn sinh tử để cứu vớt chúng sinh qua bờ Niết-bàn an lạc." Đại Bồ-tát phát nguyện như vậy rồi, dù có đạp lên đao nhọn, lửa dữ cũng giống như đạp lên hoa sen, dưới chân mềm mại như hoa Tu-mạn-na và dường như nước thơm Chiên-đàn được rảy trên mình, mát mẻ thơm ngát, không gì ví dụ được.

Người kia lại phát nguyện: "Bắt đầu từ hôm nay cho đến khi chứng Vô thượng Bồ-đề, thân, khẩu, ý nghiệp của con luôn làm, nghĩ và nói những việc Phật sự. Nếu con làm những việc phi pháp thì nguyện thân này của con sẽ như cây khô, miệng con nói những lời phi pháp thì con sẽ bị câm ngọng, ý nghĩ đến những điều phi pháp thì con sẽ bị điên cuồng, ngoại trừ Chánh pháp. Còn những giáo pháp dị đạo con không ưa thích. Ba nghiệp đã tu các điều thiện như vậy, con đều hồi hướng lên Vô thượng Bồ-đề."

Lại nguyện cho tất cả chúng sinh đều thành Chánh giác với công đức vô tận, rộng lớn như pháp giới, cứu cánh như hư không, cho đến tận cùng vị lai không dừng nghỉ. Giống như trên hư không, mây bao phủ dày đặc và

mưa trận mưa lớn. Nếu nước mưa chảy đến những chỗ mặt đất, đá sỏi thì không bao lâu sẽ khô cạn. Nếu mưa một giọt vào biển lớn, nước biển chưa cạn thì giọt nước mưa ấy không mất. Công đức mà Bồ-tát đã tạo cũng vậy; nếu vì riêng mình cầu giải thoát thì giống như nước mưa ở mặt đất, không bao lâu sẽ khô. Nếu vì pháp giới hữu tình mà tu tập nghiệp thiện, vào biển sinh tử Niết-bàn, lấy lòng Từ bi rộng lớn, nguyện độ vô tận chúng sinh thì những điều thiện đã tạo cũng vô tận.

Này Từ Thị! Giống như Bồ-tát sống lâu vô cùng, đi về phương Đông trải qua vô lượng câu-chi tam thiên đại thiên thế giới, qua quốc độ của từng loài chúng sinh, Bồ-tát đều hướng dẫn họ đến chỗ đại Niết-bàn an lạc. Chúng sinh được độ trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp như vậy, ta thấy như đất dính trong móng tay, còn những người chưa được độ thì như đất ở mặt đất. Chúng sinh chưa độ ở cõi phương Đông đã như vậy thì nên biết phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên dưới cũng vậy. Mặc dù còn vô lượng hữu tình như vậy, nhưng Đại Bồ-tát vẫn không chán bỏ thoái lui, lại siêng năng tinh tấn, không bao giờ dừng nghỉ. Đại Bồ-tát luôn phát tâm rộng lớn như vậy thì không có một pháp nhỏ nào khó tu hành. Tất cả phước trí tôn quý tự tại của Đại Bồ-tát trong ba cõi, không nhọc công sức mà tự nhiên có.

Đức Phật dạy Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Tất cả chúng sinh Hữu học, Vô học, Bích-chi-phật trong quá khứ, hiện tại, vị lai của các thế giới, tất cả vô lượng, vô biên công đức của hữu tình này siêng năng tinh tấn tu tập so với một mảy công đức của Như Lai thì trăm ngàn vạn phần không bằng một phần của Ngài. Như vậy, mỗi chân lông công đức đều do vô lượng công đức của Như Lai sinh ra.

Tất cả công đức của hết thảy chân lông trên thân Như Lai cộng lại thành một sợi tóc công đức của Như Lai. Tám vạn bốn ngàn sợi tóc của Đức Phật mà trong mỗi sợi tóc đều đủ chân lông công đức ở trên như vậy mà hợp lại cộng thành một vẻ đẹp công đức của Như Lai. Như vậy, vẻ đẹp có đủ tám mươi loại, trong mỗi vẻ đẹp đều có tóc công đức của Phật như trên, hợp lại tất cả cộng thành công đức của một tướng tốt Như Lai.

Các tướng ấy đủ ba mươi hai tướng và đều giống như công đức vẻ đẹp. Như vậy, hợp lại gấp trăm ngàn lần thành công đức tướng lông giữa chặng mày của Như Lai. Tướng ấy tròn đầy, xoay về bên phải, như trái châu pha lê thanh tịnh, để trong đêm tối, giống như sao sáng. Tướng lông ấy duỗi ra đến cõi trời Sắc cứu cánh rồi cuốn lại như cũ ở giữa chặng mày.

Tất cả trăm ngàn lần công đức của tướng giữa lông mày thành tướng nhục kế trên đỉnh đầu Như Lai. Công đức ấy không có trời, người nào thấy

được. Như vậy, ngàn lần công đức của nhục kế không bằng công đức tiếng Phạm âm của Như Lai.

Âm thanh ấy, dưới thấu địa ngục A-tỳ, trên đến cõi trời Sắc cứu cánh. Vô lượng công đức được nói đều do đại Bi Như Lai hóa hiện. Như vậy, hóa thân đều do vô lượng, vô biên công đức hợp lại mà thành, không thể nào so sánh hoặc ví dụ được, và cũng không ai sánh bằng. Vậy thì ngàn lần công đức của hóa thân thành một báo thân Phật.

Tất cả trăm ngàn vạn lần công đức của báo thân thành Pháp thân Phật. Tất cả công đức ấy không ai biết được số lượng của nó. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe nói vô biên công đức của chư Phật Như Lai mà không kinh nghi sợ sệt thì nên biết rằng người đó đã thành tựu Tinh tấn ba-la-mật-đa. Cho nên hãy phát tâm rộng lớn như vầy: "Công đức thân Phật do vô lượng phước đức tụ lại. Nay ta được chiêm ngưỡng thì cần phải chứng đắc, siêng năng tinh tấn không tiếc thân mạng, vì tất cả chúng sinh mà trải qua vô số kiếp, chịu khổ trong ba đường không hối hận. Ta luôn làm cho họ đầy đủ viên mãn sáu pháp Ba-la-mật, chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề."

Phật dạy Bồ-tát Từ Thị:

–Này thiện nam! Nên quán thật kỹ về trí tuệ của Phật. Ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông mà nói: giống như trong hàng Thanh văn thì Xá-lợi-phất là người có trí tuệ đệ nhất. Thiệm-bộ châu này phía Bắc rộng, phía Nam hẹp, giống như thùng xe, chu vi bảy ngàn du-thiện-na. Địa hình của Đông Thắng thần châu như nửa mặt trăng, chu vi tám ngàn du-thiện-na. Địa hình của Tây Ngưu hóa châu tròn như trăng rằm, chu vi chín ngàn du-thiện-na. Địa hình của Bắc Cu-lô châu như hình vuông, chu vi mười ngàn du-thiện-na. Bốn phía núi Diệu cao chìm xuống nước tám vạn du-thiện-na. Do bốn báu hợp thành nên núi cao khỏi mặt nước cũng tám vạn du-thiện-na, chu vi của núi cũng tám vạn du-thiện-na. Bên ngoài núi có bảy lớp núi bằng vàng, xung quanh có tám biển lớn. Ngoài cùng là núi Đại thiết vi. Như vậy, lấy bốn châu và các núi dùng làm giấy, lấy nước tám biển làm mực, lấy tất cả cây cỏ làm bút, tất cả trời, người cùng nhau viết trong một đại kiếp, nhưng so với trí tuệ của Xá-lợi-phất, trong mười sáu phần không bằng một phần. Tất cả trí tuệ của chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới này bằng trí tuệ của Xá-lợi-phất. Tất cả trí tuệ của Đại Bồ-tát thông đạt Bố thí ba-la-mật-đa hơn gấp trăm ngàn lần so với trí tuệ của tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới.

Lại nữa, chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đủ trí tuệ về Bố

thí ba-la-mật-đa không bằng một phần trí tuệ của Đại Bồ-tát đắc Trì giới ba-la-mật-đa, cho đến Trí tuệ ba-la-mật-đa. Tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đủ trí tuệ sáu pháp Ba-la-mật-đa không bằng trí tuệ của một Đại Bồ-tát chứng Sơ địa, cho đến trí tuệ của Thập địa Đại Bồ-tát chứng đắc. Cứ như vậy mà lần lượt tăng dần. Trí tuệ mà Thập địa Bồ-tát chứng đắc so với trí tuệ của Đại Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ Từ Thị, trong trăm ngàn phần không bằng một phần.

Nghe Đức Phật nói xong, Đại Bồ-tát Từ Thị suy nghĩ: "Hôm nay giữa đại chúng, Như Lai khen ngợi mình như vậy thật là run sợ." Đức Thế Tôn dạy Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Này thiện nam! Ông hãy lắng nghe. Trí tuệ của tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới bằng trí tuệ của Từ Thị không khác. Như vậy, trí tuệ của tất cả Đại Bồ-tát ở đạo tràng ngồi dưới cội Bồ-đề chiến thắng quân ma, sắp thành Chánh giác thì tất cả trí tuệ ấy đối với trí tuệ của Phật Như Lai chứng đắc trăm ngàn vạn phần không bằng một phần.

Từ Thị nên biết! Trí tuệ của Như Lai thậm thâm vô lượng không thể nghĩ bàn, không thể ví dụ, so sánh được. Nếu Đại Bồ-tát nghe trí tuệ thậm thâm của chư Phật không kinh nghi sợ sệt, lại thêm tinh tấn, sẽ thành tựu Ba-la-mật-đa. Một việc thiện nhỏ ở đời mà người biếng nhác còn không làm xong, huống gì với việc của đại trí bỉ ngạn chư Như Lai có thể rộng độ tất cả chúng sinh.

Này Từ Thị! Có ba loại tinh tấn:

1. Nghe trí tuệ rộng lớn thậm thâm của Như Lai mà tâm không lay động.

2. Có thể thực hành theo hạnh đại Bi của các Đại Bồ-tát ở quá khứ.

3. Với những việc đã tu hành, giả sử gặp khổ nạn, không bao giờ thoái lui.

Dùng lực tinh tấn quán sát tất cả cảnh giới hữu tình, phi tình, thế gian và xuất thế gian đều là không. Vì quán thắng nghĩa không như vậy, nên thấy không có một chúng sinh nào có tướng khả đắc. Tuy biết là vô tướng nhưng vì chúng sinh trải qua vô số kiếp tu khổ hạnh không từ lao khổ, dùng bốn Nhiếp pháp: Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự để làm lợi ích cho hữu tình. Đem giáo lý ba thừa dạy cho họ được giải thoát, lần lượt đưa họ đến Tối thượng thừa, chứng quả vị không thoái chuyển. Tất cả hạnh nguyện đều được thành tựu, đầy đủ viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa, được chư Như Lai thọ ký riêng, sẽ chứng Vô đẳng đẳng Vô thượng Bồ-đề. Giống như trăng đêm mười bốn dần dần tròn trịa; Bồ-tát cũng vậy, đối với Phật Bồ-

đề, dần dần viên mãn chứng đắc Vô công dụng hạnh, tự nhiên đạt được mười loại thù thắng:

1. Không do nghe học tập Chánh pháp chư Phật nhưng tất cả đều được hiện tiền, có thể tuyên nói pháp vi diệu cho hữu tình.

2. Lực không thể nghĩ bàn tự nhiên phát thệ nguyện kiên cố, khiến cho tất cả chúng sinh phát tâm Bồ-đề.

3. Thân, khẩu, ý nghiệp tự tại, nguyện gì được nấy, không bị chướng ngại.

4. Có thể tự do biến hóa tất cả thần thông tùy tâm tự tại không bị chướng ngại.

5. Có thể làm những việc thù diệu chưa từng có, tất cả đều được tự tại.

6. Được sống tự tại, tùy theo căn cơ chúng sinh trong năm đường mà làm cho họ được lợi ích.

7. Có kho báu, tùy theo cuộc sống của chúng sinh mà chu cấp đầy đủ.

8. Làm thầy của tâm, không để tâm làm thầy. Không hung hăng, như voi được điều phục.

9. Tự nhiên giác ngộ, sinh tử, Niết-bàn, cả hai đều bình đẳng không do thầy răn dạy.

10. Được trí Vô thượng, làm lợi lạc cho hữu tình, cứu vớt hết ra khỏi sinh tử để an ổn nơi đường chân chánh Niết-bàn, cứu cánh Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Lại nữa, người tinh tấn nói các tai họa trong sinh tử là để hiển bày vô lượng công đức đại Niết-bàn, đại Bi và Bát-nhã luôn như đôi cánh không thể thiếu một. Do đây mà không trụ vào sinh tử, Niết-bàn, làm lợi lạc hữu tình cho đến cùng tận đời vị lai. Đó là Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Người tinh tấn nghe Chánh pháp tổng trì tự tại, nhờ sức tinh tấn mà thân không bệnh đau, với tất cả oán thù đều đem lòng Từ bi để đối xử với nhau. Tỳ-na-dạ-ca có làm chướng ngại cũng không thể được. Bồ-tát nói pháp, tất cả chúng sinh đều chấp nhận.

Người tinh tấn được tất cả chư Thiên cung kính, yêu mến, gặp ách nạn được tất cả thiện thần ủng hộ.

Người tinh tấn bố thí ít nhưng có thể viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa.

Người tinh tấn giữ gìn giới thanh tịnh, không biếng nhác, mau thành tựu viên mãn Trì giới ba-la-mật-đa.

Người tinh tấn lòng nhẫn nhục, coi oán thân như nhau, không có hai

tâm, mau thành tựu viên mãn Nhẫn nhục ba-la-mật-đa.

Người tinh tấn dũng mãnh không thoái lui, khoác giáp tinh tấn đại Từ, đại Bi không bao giờ lìa xa, mau thành tựu viên mãn Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Người tinh tấn siêng năng thiền định, an trụ trong chánh định không lay động, mau thành tựu viên mãn Thiền định ba-la-mật-đa.

Người tinh tấn đa văn trí tuệ, đọc tụng không mỏi mệt, không dừng nghỉ, mau thành tựu viên mãn Trí tuệ ba-la-mật-đa.

Nhưng biển lớn sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật này đối với tất cả Thanh văn, Độc giác và các vị Bồ-tát không cách nào suy lường được, chỉ có Tinh tấn ba-la-mật-đa mới có thể biết rốt ráo mà thôi.

Người tinh tấn ngày đêm làm tăng trưởng vô lượng công đức, như hoa sen xanh mọc trong bùn nhơ, ngày đêm phát triển dần dần lên khỏi mặt nước. Khi hoa nở, hương thơm ngào ngạt, ai cũng đều thích, lấy làm vòng hoa đặt trên đỉnh Phật. Tất cả Trời, Ma, Phạm, Quốc vương, Đại thần, Trưởng giả, Cư sĩ, Nhân dân đều ưa thích.

Người tinh tấn cũng vậy, trong bùn dơ sinh tử sinh chồi Bồ-tát, ra khỏi kiến chấp của Nhị thừa, mở bày tướng chân thật, làm sáng tỏ hạt giống Bồ-đề, trí tuệ khai mở, mùi hương thơm phức bay khắp cả mười phương, làm lợi ích cho trời, người. Giống như hoa sen xanh, ai thấy cũng ưa thích. Đó gọi là Tinh tấn ba-la-mật-đa.

Còn người biếng nhác giống như cái chày và cái cối.

Cối: tự mình không sử dụng được nên ngày càng bị hư hoại. Chày: không thể tự đứng một mình nên bị vứt bỏ nằm lăn trên đất, không thể dùng được nữa nên bị đốt. Người biếng nhác cũng vậy: Không tự mình sách tấn thì khiến cho sắc lực ngày càng giảm sút. Không thể lo lắng, sửa sang gia nghiệp, luôn nằm ngủ nghỉ. Đến khi qua đời đọa trong địa ngục lửa, bị khổ não thiêu đốt.

Người tinh tấn giống như cây như ý, làm chỗ nương tựa cho chúng sinh giữa đồng hoang sinh tử, làm thức ăn uống cho người đói khát, làm quần áo cho người trần truồng, cho đến đưa họ qua khỏi chỗ hiểm nạn sinh tử. Hết cả đời này cũng không để họ thiếu thốn, khiến cho tất cả chúng sinh đều được an vui hạnh phúc. Nhờ lực tinh tấn nên mau thành tựu Vô thượng Bồ-đề.

Khi Đức Thế Tôn nói Tinh tấn ba-la-mật-đa xong, trong hội có bảy mươi tám câu-chi na-do-tha người, trời phát tâm Vô thượng Bồ-đề; ba vạn hai ngàn Đại Bồ-tát đắc Vô sinh pháp nhẫn.

Phật dạy Từ Thị:

–Đây là Tinh tấn ba-la-mật-đa.

-oOo-

KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 8

Phẩm 9: Thiền Định Ba-La-Mật (phần 1)

Lúc ấy, Đức Thế Tôn ngồi tòa Sư tử vương, được trang sức bằng các loại châu báu ma-ni, có vô lượng vô số chúng Đại Bồ-tát vây quanh. Các vị Bồ-tát ấy hiện thân trời thì có chúng trời vây quanh, hiện thân rồng thì có chúng rồng vây quanh, cho đến hiện thân phi nhân thì có chúng phi nhân vây quanh, hiện thân Bồ-tát thì có chúng Bồ-tát vây quanh, ánh sáng rực rỡ chiếu khắp cả đại hội không một chỗ nào mà không có.

Đại Bồ-tát Từ Thị đứng dậy, trịch áo bày vai phải, quỳ gối chắp tay cung kính thưa:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Thế Tôn đã đem đại Từ, đại Bi làm lợi ích an lạc cho chúng Bồ-tát nên đã nói Tinh tấn ba-la-mật-đa. Cúi xin Ngài rủ lòng thương xót tuyên nói Thiền định ba-la-mật-đa để các hữu tình phát sinh hạnh Đại thừa, phải tư duy thế nào và tu tập như thế nào để Thiền định ba-la-mật được viên mãn? Chúng con rất muốn được nghe, cúi xin Ngài hãy tuyên nói.

Đức Thế Tôn dạy Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Nay ông hỏi về nghĩa thâm sâu như vậy là để làm an lạc lợi ích cho tất cả chúng sinh. Ông hãy lắng nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ, ta sẽ vì ông mà phân biệt giải nói.

Thiện nam, thiện nữ nào phát tâm Vô thượng Bồ-đề thì nên suy nghĩ thật kỹ như vầy: Phật đạo rất thâm sâu, không ai có thể đạt đến được, chỉ có một pháp làm lợi cho hữu tình, đó là Chánh định. Bồ-tát nào chưa đạt được định này thì tâm chưa được thanh tịnh bất động, chưa thấy sinh tử và Niết-bàn không có hai tướng. Do nghĩa này, nên độ chúng sinh dùng phương tiện khéo léo và tinh tấn tu tập tương ứng với thiền định vô tướng chánh trí, giống như hư không thanh tịnh, không dơ cấu, thường trụ bất biến. Lại quán định này giống như trăng rằm, tất cả vọng tưởng như mây nổi, chánh định này như gió mát xua tan tất cả mây che trên hư không, làm xán lạn thanh tịnh, ánh sáng chiếu rực rỡ khắp cả mọi nơi, tất cả hữu tình

nhìn thấy đều vui mừng. Ánh sáng của trăng rằm trang nghiêm, đem đến mát mẻ, vui thích cho chúng sinh. Gió mát thiền định xua tan mây vọng tưởng che tánh không, để cho trăng rằm chánh định xuất hiện ở thế gian. Ánh sáng đại Bi có thể diệt trừ các phiền não nóng bức cho hữu tình để được thanh tịnh Niết-bàn an lạc.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Thiền định sinh trí tuệ
Trí tuệ lại sinh định
Quả Phật đại Bồ-đề
Định tuệ là căn bản.
Cúng dường, đọc tụng, trì
Thí, Giới và Nhẫn nhục
Chánh trí thấy không hai
Không hai sao thể đắc.
Thiền định là bạn thân
Không bao giờ rời nhau
Các pháp trong thế gian
Chết rồi đều rời bỏ.
Đời sau không bạn lành
Cha mẹ không cứu được
Huống gì quyến thuộc khác
Chỉ thiền định cứu được.
Khi xả bỏ thân này
Như quăng bỏ đất, gỗ
Thân thuộc đều rời xa
Chỉ thiền định đi bên.
Thân này là vô thường
Tán loạn tạo nghiệp ác
Nếu không tu thiền định
Chết đọa ba đường ác.
Như người làm việc nhà
Xong việc liền đi nghỉ
Như trâu lúc dẫm lúa
Bị đánh vẫn cứ nhai
Như mù về nhà cũ
Đã quen không lạc đường
Ai thích tu chánh định
Phải về nhà không tịch.

Tâm chúng sinh vọng khởi
Mắt nhặm thấy không hoa
Chỉ định tuệ chữa hết
Chư Phật nói như vầy:
Tâm chúng sinh tháo động
Như vòng lửa xoay tròn
Nếu muốn nó dừng lại
Chỉ phải tu thiền định.
Nếu ở trong một niệm
Tu thiền, tâm bất động
Như người gặp giặc cướp
Khó bảo toàn thân mạng.
Bỏ định, tu nghiệp khác
Chỉ được quả báo lớn
Như thuốc pha chất độc
Người trí không nên uống.
Tài sản như bụi dơ
Sắc đẹp sẽ trôi nhanh
Không siêng năng tu định
Khó mở cửa cam lồ.
Như củi bị lửa đốt
Già trẻ bị bức bách
Ngu si không tu thiền
Bị ái dục làm hại.
Bị vô thường tiêu diệt
Đều do tham năm dục
Bỏ thiền định không tu
Làm sao được thường trú.
Như người nấu ít gạo
Tiếc củi đốt chiên-đàn
Bỏ định không chịu tu
Tán loạn cũng như vậy.
Người ngu ham ngủ nghỉ
Luân hồi biển sinh tử
Như trâu thích đuôi mình
Tham tiếc mất thân mạng.
Khi Luân vương qua đời
Bảy báu đều phân tán

Đại thần và hậu phi
Không người nào đi theo,
Chỉ có tu thiền định
Theo bên mình không rời
Người có trí tu hành
Ắt đến bờ Niết-bàn.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát muốn tu tập Thiền định ba-la-mật-đa, trước tiên phải gần gũi Đại Thiện tri thức, lánh xa bạn ác. Những điều ác và tiếng xấu ở đời đều do bạn ác gây ra. Các điều lành và tiếng khen phước đức đều nhờ bạn lành mà có. Nương vào bạn lành giữ gìn giới thanh tịnh để trang nghiêm pháp thân. Người phá giới như rang lúa giống, làm cho tất cả pháp lành không sao mọc được, huống gì tăng trưởng định sâu vô lậu. Biết vậy rồi nên nhất tâm giữ gìn giới thanh tịnh, cho đến một tội nhỏ cũng phải lo sợ. Thà tan thân nát thịt cũng không phá hủy giới cấm, như trong phần Giới ba-la-mật-đa đã phân biệt rõ ràng.

Đại Bồ-tát muốn tu Thiền định ba-la-mật-đa nên lìa bỏ tất cả mưu sinh buôn bán, trồng trọt. Vì sao? Vì nếu không lìa bỏ thì chính nó làm rối loạn tâm trí ta, lúc đó ta làm sao an trụ trong thiền định thâm sâu được. Do đó, Đại Bồ-tát trong bốn oai nghi luôn khéo nhiếp tâm diệt trừ vọng tưởng, nếu có nghe tiếng ồn cũng không loạn động.

Ví như bắt rắn độc bỏ vào trong ống trúc thì thân nó tự thẳng ra, Bồ-tát cũng vậy, vọng tưởng uốn cong nếu bỏ trong thiền định thì sẽ được chánh kiến chân chánh, không trụ vào sinh tử, không nhập vào Niết-bàn, lìa xa các tà vạy. Nếu khéo nhiếp sáu căn như vậy, không để cho nó buông lung thì mắt tuy thấy sắc nhưng không nắm lấy tướng, an trụ trong thiền định giải thoát. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng đều như vậy, luôn dùng chánh trí quán sát và tư duy. Những căn lành do ba nghiệp tạo ra đều vì tự lợi và lợi tha, vì lợi ích cho hiện tại và vị lai. Nếu không có những việc lợi ích như vậy thì Bồ-tát quán sát nhất định không làm.

Như ở thế gian dựng tượng đá, thân, miệng, ý nghiệp bất động cũng vậy, nếu bị người sân mắng chửi nên sinh lòng từ bi, hoặc bị xâm đoạt lợi dưỡng thì không nên tức giận, bị đánh mắng thì nên bỏ đi, tìm chỗ thanh vắng không có hoạn nạn, ngồi kiết già giữ chánh niệm và quán sát, lấy tâm đại Bi làm nhà cửa, lấy trí tuệ làm trống, lấy giác ngộ làm dùi đánh, nói với các phiền não rằng: "Này các giặc phiền não nên biết rằng, các người do vọng tưởng mà sinh ra, nhà pháp thân của ta để làm việc thiện, đó chẳng phải là việc làm của các người. Các người hãy mau cút khỏi, nếu không ta

sẽ lấy mạng đó.” Nói như vậy rồi thì các phiền não liền tự thoái lui và tan biến.

Tiếp đến, tự thân phải đề phòng, canh giữ một cách khéo léo, không để buông lung, lấy chân ngôn đại Bi làm cho sở cầu các hữu tình được toại nguyện, lấy tuệ phương tiện làm đại tướng, dùng bốn Niệm xứ để thủ hộ, đem tâm vương bản giác trụ trong cung điện thiền định Đệ nhất nghĩa, an ổn bất động như Kim cang, lấy kiếm trí tuệ chặt đứt giặc phiền não, phá quân sinh tử, chiến thắng quân ma, gánh vác tất cả để chúng sinh được giải thoát. Khi ấy, Bồ-tát nói với tâm của mình rằng: “Khi xưa ngươi đã phát thệ nguyện rồi, bây giờ phải cố gắng để nó viên mãn. Như Lai quá khứ đã thọ ký cho ngươi sẽ chứng Bồ-đề, độ khắp tất cả. Lúc đó, đứng trước chư Phật mười phương, Hiền thánh trong ba thừa, ngươi đã thệ nguyện cứu vớt tất cả chúng sinh trong năm đường được giải thoát. Nay hữu tình không có chỗ dựa, không nơi nương cậy, không người cứu giúp, không chỗ quay về, nếu ngươi nhập Niết-bàn, bỏ sinh tử thì trái với lời nguyện xưa. Ở thế gian, nhà Nho hành trung tín không nói hai lời, huống gì xưa kia ngươi đã nguyện rồi mà nay không y theo đó để làm. Ngươi hãy giữ chánh niệm, nhất tâm bất động để cứu vớt hữu tình ra khỏi ngục sinh tử, đặt an ổn nơi Vô thượng đại Bát-niết-bàn.”

Suy nghĩ như vậy rồi, trụ vào thiền định thâm sâu của Đại thừa. Đó là Đại Bồ-tát tu tập Thiền định ba-la-mật-đa.

Đức Phật dạy Từ Thị:

Có mười sáu loại Thiền định ba-la-mật-đa mà tất cả Thanh văn, Độc giác không thể biết được:

1. Thông suốt sinh tử mà không bị sinh tử là thiền định của Bồ-tát an trụ trong thiền thanh tịnh của Như Lai.

2. Không tham đắm mùi vị của thiền định, là thiền định của Bồ-tát không trụ vào các định loạn tướng.

3. Có lòng đại Bi, là thiền định của Bồ-tát diệt trừ những chướng nạn của hữu tình.

4. Làm tăng trưởng chánh định là thiền định của Bồ-tát vì thấy rõ ba cõi mà không như ba cõi.

5. Thành tựu thần thông là thiền định của Bồ-tát hiểu rõ các tâm hành của hữu tình.

6. Khéo điều phục tâm là thiền định của Bồ-tát không trụ vào pháp điều phục hay không điều phục.

7. Nương vào trí vô tướng mà được giải thoát thanh tịnh, vượt các thiền định khác, đó là thiền định của Bồ-tát đối với Sắc giới và Vô sắc giới đều được tự tại.

8. Tịch tĩnh, tối tịch tĩnh là thiền định của Bồ-tát thù thắng hơn các thiền định của Thanh văn, Độc giác.

9. Không ai có thể làm nhiễu loạn được là thiền định của Bồ-tát hiểu rõ tâm thanh tịnh vốn không lay động.

10. Đối trị với sự phá hủy giới cấm là thiền định của Bồ-tát trừ những tập khí phiền não của chúng sinh.

11. Vào cửa trí tuệ là thiền định của Bồ-tát thông đạt hoàn toàn thế gian như huyễn mộng.

12. Biết tâm chúng sinh là thiền định của Bồ-tát hiểu rõ các hữu tình vốn tánh không.

13. Kế thừa Tam bảo là thiền định của Bồ-tát thấy Như Lai xuất hiện ở thế gian.

14. Được pháp tự tại là thiền định của Bồ-tát hiểu rõ tất cả pháp đều là Phật pháp.

15. Thường trụ không hoại là thiền định của Bồ-tát thị hiện khắp nơi, luôn luôn tịch tĩnh.

16. Chiếu khắp tất cả là thiền định của Bồ-tát thấy pháp giới bình đẳng.

Từ Thị nên biết! Đó là mười sáu loại Thiền định ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát mà Thanh văn, Độc giác không thể có. Đối với chánh định thù thắng này, Đại Bồ-tát nên phát khởi như vậy. Như người cần lửa, lấy cây làm mồi, tay cầm hai thanh gỗ luôn làm cho cọ xát mãi mới phát lửa, nếu cứ dừng nghỉ thì khó được lửa. Đại Bồ-tát cũng vậy, tìm lửa Chủng trí thì lấy định làm mồi, tay nhẫn nhục kiên trì siêng năng không dừng nghỉ mới có thể sinh lửa Nhất thiết trí. Lửa ấy sinh rồi sẽ thiêu đốt củi phiền não, khi ấy lấy nước bố thí tắm rửa cho sạch sẽ, lấy hương thơm trì giới xoa thân thể, ngồi tòa đại Bi, nhận ngôi vị Pháp vương, mưa pháp vũ lớn để làm lợi lạc hữu tình, đạt đến Đại Niết-bàn an lạc giải thoát.

Này Từ Thị! Tâm các Đại Bồ-tát chưa thuần thục nên trong chánh định bị lay động, giống như ngựa dữ khó điều phục. Nên biết người đó đã thoái lui, làm mất thiền định, cho nên trong bốn oai nghi luôn ở trong chánh định thù thắng ấy, không buông bỏ một thời gian ngắn nào.

Bồ-tát có ba loại tâm:

1. Biếng nhác.

2. Tinh tấn.

3. Không biếng nhác, không tinh tấn.

Biết vậy rồi, Bồ-tát khéo điều phục tâm và càng tinh tấn để trừ giải đãi biếng nhác, tham ngủ và duyên sự mưu sinh gian nan ở đời. Nếu lìa bỏ siêng năng, biếng nhác đó thì tâm chánh trực, tròn đầy vắng lặng giống như người đi xa, mau quá thì sẽ mệt, còn chậm quá thì không đến. Trung dung giữa sự nhanh và chậm thì tuần tự sẽ tới nơi. Đại Bồ-tát cũng vậy, nên lấy Trung đạo để an định tâm mình, giả như thân bị lửa đốt cũng an trú bất động, trụ trong chánh định mà không đắm trước mùi vị của định. Dùng sức đại trí thường trụ trong tịch tĩnh, cứu vớt chúng sinh ra khỏi biển sinh tử để được giải thoát. Phải dùng mười sáu món định ấn ký riêng vào tâm, nếu trong một sát-na có chút động niệm nào, nên dùng móc câu chánh trí để quán sát, kềm chế dừng lại, trụ trong tinh tấn không dừng nghỉ mà tu hành Thiền định ba-la-mật-đa.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát tu tập thiền định có năm chướng ngại làm ngăn che tất cả hữu tình:

1. Tham dục.

2. Sân nhuế.

3. Trạo hối.

4. Hôn trầm.

5. Nghi hoặc.

Phải đoạn trừ năm ngăn che này mới thiền định được, làm cho thân tâm không lay động. Cho nên Bồ-tát phải quán sát nó do đâu mà khởi? Làm sao để xa lìa nó?

Trước tiên, Đại Bồ-tát nên quán sát sắc dục giống như trăng dưới nước, hễ nước động thì trăng động, tâm sinh thì pháp cũng sinh. Tâm tham dục cũng vậy, mỗi niệm mỗi niệm không đứng yên, sinh đó diệt đó. Lại quán sắc dục như mãng xà ở trong đồng hoang khi độc sân nổi lên đầu nó phùng ra như cái lộng. Người đi đường nóng bức nên lao vào núp dưới lộng, bị tiếp xúc với khí độc của nó đưa đến mất mạng. Người tham dục cũng vậy, đi trong đồng hoang sinh tử, vọng thấy cảnh dục liền sinh lòng đắm nhiễm. Dục tưởng vừa khởi lên liền làm tan mất thiền định. Đó gọi là bị tham dục che phủ.

Lại quán tánh dục giống như lửa địa ngục thiêu đốt hữu tình, như thác nước chảy nhận chìm tất cả, không có chút Từ bi. Giống như La-sát làm

não hại hữu tình, cũng như ngục tốt làm thương tổn tay chân người, như đao bén, như đồ tể đoạn mạng chúng sinh, như xúc chạm vào thuốc độc phải mạng chung, như từ núi cao rơi xuống vực sâu, bị khổ não lớn, như trong đêm tối tăm không thấy gì cả, như bệnh cùi hủi không thể trị liệu, như biển lớn khó mà khô cạn. Tham dục sâu rộng quá hơn biển lớn, năm dục to nặng hơn núi Diệu cao, giống như trái Khẩn-ba tươi tốt rất muốn nhìn, nhưng nếu chạm vào nó thì sẽ chết ngay. Như con dê bị treo trên cột, chắc chắn sẽ chết, như đội mão bằng vàng nóng đỏ, bị nó thiêu đốt đến chết. Như ở quá khứ, Chuyển luân vương, Thích Đề-hoàn Nhân, Tứ Đại thiên vương... các trời lực sĩ Na-la-diên, tất cả hữu tình đều do tham dục mà khởi binh đánh nhau, xương cốt chất như núi Tỳ-phú-la. Quá khứ đã như vậy thì hiện tại, vị lai cũng thế.

Người thế gian đối với thân thuộc, cha mẹ, anh em rất thương yêu nhau, dù bỏ thân mạng cũng không tiếc, nhưng vì tham dục mà oán ghét lẫn nhau, tạo nên tâm độc ác rồi giết hại nhau. Người tham sắc có hai nguyên nhân đau khổ:

1. Giàu sang vì tham sắc dục mà chịu hèn hạ, đủ mọi sự khinh khi.

2. Bị dao tham dục móc mắt trí tuệ, không thể nào phân biệt được, giống như người mù.

Vì nhân duyên này mà chết đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ.

Lại nữa, người tham dục lòng không biết nhàm chán, giống như lửa được thêm củi, như vua chúa tham đất đai, như chủ buôn tham tài lợi, như cầu tuệ giải mà tham nghe pháp, như các vị Bồ-tát thích độ chúng sinh. Với những việc ấy, những người này làm tròn không biết nhàm chán. Người tham dục cũng vậy, không biết nhàm chán, cứ tìm cầu cảnh dục trong buồn khổ gian nan. Khi được rồi thì ôm chặt, làm cho khổ tăng gấp trăm lần, sau khi chết đọa vào địa ngục chịu khổ kịch liệt. Người cầu thiền định không bao giờ tưởng nhớ đến oan gia sắc dục, huống gì gần gũi nó. Đó gọi là bị tham dục che phủ.

Người bị sân hận che lấp giống như người say rượu, lúc uống vào thì sắc mặt biến đổi. Sân giận cũng vậy, làm cho nhan sắc biến đổi, thân tâm run rẩy; hoặc đi hủy báng, não hại người khác; hoặc lửa sân thiêu đốt tâm thì làm sao tu tập thiền định. Giặc chém công đức chẳng qua là sân hận nên ai muốn tu tập thiền định phải nên tránh xa nó.

Người bị trạo hối che lấp giống như người điên, thân tâm tán loạn, hoặc nhờ vào bà con làng xóm sống qua ngày, vọng khởi tìm cầu những việc khổ vui, nhớ lại những việc thiện ác đã làm, xao động như vậy không

thể nào yên tịnh, nó che lấp hành xả, làm chướng ngại chánh định. Như vậy gọi là bị trạo hối che phủ.

Người bị hôn trầm che chướng thì dã dượi, mỏi mệt, nhăn mặt nhíu mày, hôn ám, không làm gì được. Nó che lấp sự khinh an, làm chướng ngại quán tuệ. Người tu thiền định nên trừ bỏ nó. Đó gọi là bị hôn trầm che phủ.

Người bị nghi ngờ che lấp thì thường hoài nghi, mê mờ, đối với sự, lý không xác định được, làm chướng ngại Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, nhân quả ba đời, làm cho tánh tướng của Tam bảo không được hiển hiện, như vậy làm sao có thiền định vi diệu. Đó gọi là bị nghi ngờ che phủ.

Do năm sự che lấp này mà học hành khó thành tựu, Giới, Định, Tuệ không thể hiển bày. Biết như vậy nên tư duy thật kỹ. Người tu tập thiền định nên tránh xa nó, phải tinh tấn tu tập mới có thể diệt trừ khổ dục, đạt được thiền định thâm sâu mà không chấp trước, nhờ thiền định này mà chứng năm trí chứng thông, đó là: Thiên nhãn trí chứng thông, Thiên nhĩ trí chứng thông, Tha tâm trí chứng thông, Túc trú trí chứng thông, Thần cảnh trí chứng thông.

Thế nào là Thiên nhãn trí chứng thông? Nghĩa là nhờ năng lực của Thiên nhãn mà thấu triệt vô lượng, vô biên thế giới chư Phật trong mười phương. Thấy tất cả các loài chúng sinh như: noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh, loài có sắc, không sắc, có tưởng, không tưởng, không có tưởng, chẳng phải không tưởng... như xem trái xoài trong lòng bàn tay. Các hữu tình đó đều bị các khổ trói buộc. Quán vậy rồi Bồ-tát khởi tâm đại Bi: Những hữu tình này rơi trong biển sinh tử, nơi hầm lớn phân dơ, nay ta vì sao buông bỏ họ, không chịu cứu? Do đó càng thêm tinh tấn, thân tâm không mỏi mệt liền phát khởi niệm Phật Tam-muội, nhờ dùng năng lực của định nên thấy tất cả chư Phật trong mười phương đầy khắp hư không, ngồi tòa Kim cang thành Đẳng chánh giác. Hoặc thấy chư Phật bắt đầu chuyển pháp luân hoặc thấy chư Phật đến ở Thiên cung, hoặc thấy Như Lai từ bảo tòa bước xuống, hoặc thấy Như Lai vào xóm khất thực, hoặc thấy Như Lai tùy căn cơ mà nói pháp, hoặc Ứng thân nói pháp cho quốc vương, đại thần, trưởng giả, Bà-la-môn; hoặc Ứng thân nói pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cận sự nam, Cận sự nữ; hoặc Ứng thân nói pháp cho Trời, Rồng, Dạ-xoa, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân; hoặc ứng thân nói pháp cho ngạ quỷ, Tỳ-xá-xà, Cưu-bàn-trà, Bổ-đát-na-ca-sất, Bổ-đát-na, vua Diêm-ma-la, ngạ quỷ, bàng sinh... tất cả đều tùy theo âm thanh của mỗi loài, nên mỗi loài, mỗi cõi đều nói: "Như Lai vì

mình mà thuyết pháp", làm cho tất cả đều được hiểu rõ và vui mừng khôn xiết.

Hoặc thấy chư Phật nói sáu Độ cho hàng Bồ-tát, hoặc nói mười hai nhân duyên cho hàng Duyên giác, nói pháp bốn Đế cho Thanh văn, hoặc khuyên hữu tình sống trong mười điều thiện. Hoặc thấy chư Phật hiện thân Phạm vương để nói pháp, hoặc hiện thân Đế Thích để nói pháp, hoặc hiện thân Hộ thế Tứ Thiên vương để nói pháp, hoặc hiện thân Đại Tự tại thiên, Na-la-diên thiên, Nhật Thiên tử, Nguyệt Thiên tử, Rồng, Dạ-xoa, chư Tiên, Bà-la-môn... để nói pháp. Hoặc hiện thân Chuyển luân vương, thân quốc vương, tể tướng, nam nữ, Hòa thượng, A-xà-lê và chư Phật cùng đệ tử để nói pháp. Hoặc hiện thân trong loài địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh để nói pháp. Tất cả nghe xong liền xa lìa các khổ nạn và đói khát, không tàn hại lẫn nhau mà đem lòng từ bi đến cho nhau.

Hoặc thấy Phật thị hiện nhập Bát-niết-bàn trong rừng Sa-la để nói pháp, hoặc thấy sau khi Phật Niết-bàn phân chia xá-lợi, xây dựng chùa tháp mà hiện ra để nói pháp, khiến chúng sinh đến cúng dường được giải thoát. Chư Phật hiện đủ tướng như vậy đều là cứu chúng sinh vượt ra khỏi sinh, già, bệnh, chết. Các tướng như vậy đầy khắp cõi hư không và vô vàn sự kỳ diệu khác đều là do thần thông tự tại của chư Phật biến hóa, thật là những việc hy hữu. Bồ-tát tuy thấy đủ thần thông biến hóa ấy nhưng chỉ được gọi là Thiên nhãn do Thiền định, chứ không được gọi là Ba-la-mật-đa.

Thiên nhãn mà Đại Bồ-tát chứng đắc, vượt hơn Thiên nhãn của tất cả Trời, Rồng, Bát bộ, Hữu học, Vô học, Thanh văn và Độc giác đã chứng đắc. Thiên nhãn của Đại Bồ-tát là tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu, rốt ráo minh tịnh, có năng lực lớn. Nhờ Thiên nhãn này mà Đại Bồ-tát thấy vô lượng, vô biên chư Phật, Bồ-tát ở quá khứ đi, đứng, nằm, ngồi, vô vàn oai nghi, vô lượng hạnh môn, thiền định giải thoát, Thập địa diệu trí, môn Đà-la-ni, Vô ngại biện tài, những phương tiện khéo léo đều được viên mãn.

Thiên nhãn thanh tịnh của Đại Bồ-tát thấy các màu sắc, hình tượng không bị chướng ngại, không đắm, không nhiễm, không nắm bắt tướng của tất cả màu sắc hình tượng, xa lìa tất cả kiến chấp tùy miên. Nhãn căn đó bản tánh vốn thanh tịnh, không nương tựa vào những cảnh giới. Nhãn căn này không do tất cả tập khí tùy miên phiền não sinh ra, cũng không đắm nhiễm, không mê, không loạn, không bị mê mờ, lại không có sự phân biệt, không bị vướng mắc vào phiền não chướng và sở tri chướng, đối với tất cả các pháp được tự tại. Nhãn căn này có thể thông suốt tất cả pháp bình đẳng, trú vào chân giải thoát. Thiên nhãn này còn biết rõ tất cả căn tánh sai biệt,

không thể có tướng hoại diệt, trong một sát-na có thể thấy được tất cả loài hữu tình. Thể tánh của Thiên nhãn này trong sáng thanh tịnh, có thể lìa bỏ tất cả pháp cấu uế hỗn loạn, có thể biết rõ tánh từ bi, không từ bỏ hữu tình, cũng không vướng mắc, không tham lam, không tổn hoại. Thiên nhãn này là cảnh giới thắng nghĩa do Chân đế sinh ra mà trí tuệ là người dẫn đường đi đầu, trụ vào đại Bi để thấu hiểu, thông đạt các pháp và những nghĩa lý sâu xa, lìa các hý luận. Nói như thật những điều đã thấy, nghe; tránh xa tất cả các pháp bất thiện, tâm hướng đến Vô thượng Bồ-đề không bị chướng ngại, thấy người xan tham khuyên họ bố thí, thấy người hủy phạm giới cấm thì nên thương xót, thấy người sân giận bảo họ nhẫn nhục, thấy người biếng nhác khuyên họ tinh tấn, thấy người tâm tán loạn khuyên họ tu tập thiền định, thấy người ngu si bảo họ học trí tuệ, người đi theo đường phi pháp chỉ họ trở về con đường Chánh pháp, người có tâm Tiểu thừa nên đem Đại thừa dạy họ, để cho tất cả hữu tình nhập Nhất thiết trí, đạt được thần thông, viên mãn Bồ-đề, thành tựu trí Nhất thiết trí.

Từ Thị nên biết! Đây gọi là Đại Bồ-tát tu hành Thiền định ba-la-mật-đa, đạt được Thiên nhãn trí thông thanh tịnh.

Này Từ Thị! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu hành Thiền định ba-la-mật đạt được Thiên nhĩ trí thông? Nghĩa là năng lực Thiên nhĩ của Đại Bồ-tát chứng đắc thù thắng hơn Thiên nhĩ của Trời, Rồng, Bát bộ, Thanh văn, Độc giác. Thiên nhĩ mà Đại Bồ-tát chứng đắc là tối thượng, tối tôn, tối thắng, tối diệu lắng trong cực độ, có năng lực vô cùng lớn mạnh. Vì sao? Vì do công đức này mà hồi hướng lên Vô thượng Bồ-đề.

Đại Bồ-tát dùng Thiên nhĩ này có thể nghe tất cả âm thanh của chư Phật Như Lai, Độc giác, Thanh văn, Trời, Rồng, Bát bộ, Nhân phi nhân, cho đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, hữu tình, phi tình... có bao nhiêu loại tâm thì Thiên nhĩ cũng đều nghe tất cả và nghe âm thanh phát ra của ba nghiệp sai biệt. Bồ-tát như vậy đều biết như thật tất cả. Hễ chúng sinh phát ngôn là đã tạo nhân thiện ác, phát lời tham đắm với tiếng mê hoặc thì Thiên nhĩ của Bồ-tát cũng biết như thật. Hoặc nói lý lẽ tuy chân chánh mà lời nói thô kệch, hoặc nói lý lẽ tuy bất chánh nhưng lời nói hòa nhã, hoặc cả hai lời nói và lý lẽ đều tốt đẹp, hoặc thô kệch, với Thiên nhĩ này đều biết như thật.

Thiên nhĩ này có thể nghe tất cả tiếng của phàm, Thánh; ở phàm phu thì không chán, ở Thánh hiền thì không hân hoan. Đối với cảnh giới của Hiền thánh thì tâm yêu thích, còn với cảnh giới phàm phu thì sinh lòng đại Bi. Như vậy tất cả âm thanh chặng trước, giữa và sau, Thiên nhĩ này đều

biết như thật, không sinh chấp trước.

Thiên nhĩ này nghe tiếng khắp tất cả vô lượng, vô biên thế giới trong mười phương. Tất cả âm thanh của chư Phật nói pháp đều biết như thật, tâm không tán loạn, cũng không quên mất, tùy theo căn cơ chúng sinh mà nói pháp, hiểu rõ pháp tánh không, bền chắc, chẳng phải không bền chắc, chẳng hư chẳng thực. Nghe một lời nói Chánh pháp của Như Lai là nghe tất cả pháp môn của vô số chư Phật, tức là trong một lúc đều nghe không lẫn lộn, không loạn động, không chướng ngại nhau, có thể lãnh thọ từng câu văn, từng chương cú, biết như thật về nghĩa lý tánh tướng.

Lại nghe tiếng của Như Lai, tùy theo âm tiếng của mỗi loài chúng sinh nói pháp để họ thấu rõ tướng chân thật mà được giải thoát, và đem công đức này hồi hướng về Thiên nhĩ thanh tịnh của Như Lai. Nguyện đời vị lai không nghe tên của Nhị thừa là Thanh văn và Độc giác.

Từ Thị nên biết! Đây gọi là Đại Bồ-tát tu hành thiền định mà đạt được Thiên nhĩ trí thông thanh tịnh.

Này Từ Thị! Sao gọi là Đại Bồ-tát có Tha tâm trí thông? Nghĩa là Bồ-tát biết tâm của tất cả hữu tình ở quá khứ, hiện tại và vị lai là ác, là thiện hay vô ký. Lại biết những nghiệp nhân quả sai biệt của tất cả hữu tình ở quá khứ, biết tất cả chúng sinh có tâm lớn, tâm nhỏ, tâm không lớn không nhỏ, tâm có tham dục hay không tham dục, tâm dơ cấu hay tâm thanh tịnh, tâm ngu si hay tâm trí tuệ, tâm rộng hay tâm hẹp, tâm định hay tâm loạn, tâm trói buộc hay tâm giải thoát, tâm thắng hay tâm bại, tâm cao thượng hay tâm thấp hèn...

Lại biết hữu tình có tâm tương ưng với Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, Từ, Bi, Hỷ, Xả, có tướng, không tướng và biết tất cả tâm hữu tình tương ưng với Thanh văn, Độc giác, Đại thừa Bồ-tát. Các hữu tình này có đủ căn lành như vậy, hoặc có hữu tình sinh trong quý tộc mà làm việc thấp hèn, hoặc sinh trong dòng thấp hèn mà tánh thanh tịnh, hoặc tâm tánh bất thiện mà làm việc thanh tịnh, hoặc cả hai thanh tịnh, hoặc cả hai bất thiện. Tất cả tâm hành sai khác của hữu tình quá khứ, Bồ-tát đều biết như thật, tùy theo sự thích ứng của họ mà nói pháp. Đây gọi là Tha tâm trí thông, biết rõ tất cả hữu tình ở đời quá khứ.

Lại biết rõ hữu tình vị lai, do hiện tại bố thí nên sinh ra nhân tịnh giới cho đời vị lai. Lại biết hữu tình hiện tại trì giới nên sinh ra nhân nhẫn nhục ở đời vị lai. Lại biết hiện tại nhẫn nhục nên sinh nhân tinh tấn đời vị lai. Biết hữu tình hiện tại tinh tấn nên sinh nhân thiền định đời vị lai. Biết hữu tình hiện tại tu tập tướng thiện nên sinh nhân tuệ vô tướng ở đời vị lai. Biết

hữu tình hiện tại tu tập điều thiện nhỏ nên sinh nhân Đại thừa đời vị lai. Các tướng trạng nhân duyên của các tâm như vậy, Đại Bồ-tát đều biết như thật, tùy duyên cứu vớt mà tâm không mỏi mệt, đưa các hữu tình vào sâu tuệ Phật không tăng không giảm, nói pháp như vậy không dừng nghỉ. Đối với pháp không bao giờ có tâm keo kiệt. Đây gọi là Tha tâm trí thông của Bồ-tát có biết rõ đời vị lai.

Lại biết hữu tình đời hiện tại có tâm tham dục hay không tham dục, tâm có tội lỗi hay không tội lỗi, tâm ngu si hay tâm trí tuệ, tâm rộng hay tâm hẹp, tâm định hay tâm loạn, tâm động hay không động, tâm bị trói buộc hay giải thoát, tâm dơ uế hay không dơ uế, tâm quảng đại hay tâm vô lượng, tâm cao thượng hay hạ liệt... Bồ-tát đều biết như thật. Những hữu tình bị vô lượng phiền não trói buộc, Bồ-tát đều biết như thật.

Biết vậy rồi, tùy theo căn cơ thích ứng sai khác mà Bồ-tát nói pháp. Tâm liễu ngộ hay vô tâm, không vướng mắc mình và người, Bồ-tát dùng phương tiện khéo léo, trí tuệ thiền định, biết được rõ ràng căn tánh của chúng sinh lanh lợi hay đần độn để dứt trừ hẳn nguồn gốc phiền não sinh tử, hiểu rõ bản tánh vốn không, tròn đầy không thiếu khuyết, không nhiễm, không vướng, cũng không có lỗi lầm, không cặn đục, không nhơ nhớp, cũng không thô kệch. Biết rõ các pháp như huyễn hóa, biết tâm hành sai biệt của hữu tình.

Từ Thị nên biết! Đây gọi là Đại Bồ-tát tu hành Thiền định mà được Tha tâm trí thông thanh tịnh.

Này Từ Thị! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu hành thiền định mà đạt được Túc trụ tùy niệm trí chứng thông? Nghĩa là trụ vào Bất động địa, chứng pháp bình đẳng, hoàn toàn hiểu rõ thật tánh của các pháp, với trí tuệ thanh tịnh an trú vào Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na tương ưng Chỉ và Quán, không bao giờ quên mất bất cứ một việc gì. Trí là người dẫn đầu làm cho ba nghiệp được thanh tịnh, được trang nghiêm bằng phước đức và trí tuệ, tự nhiên giác ngộ không nhờ thầy dạy bảo, có thể đạt đến bờ kia Niết-bàn an lạc. Với trí tuệ như vậy, Đại Bồ-tát nhớ tất cả đời trong quá khứ, từ một đời, hai đời, mười, hai mươi đến một kiếp, trăm ngàn vạn na-do-tha kiếp. Trong cả số kiếp ấy, thành hay hoại Bồ-tát đều nhớ biết. Trong những số kiếp đó, Đại Bồ-tát đều nhớ biết rõ ràng hữu tình sinh trong nhà như vậy, cha mẹ như vậy, dòng họ như vậy, tên tuổi như vậy, tướng mạo như vậy, sức lực như vậy, tuổi thọ như vậy và tất cả khổ vui như vậy. Nhớ biết tất cả hữu tình chết đây sinh kia, những loại chủng tộc của thân mình, thân người trong vô lượng đời. Tất cả căn lành cho đến khuyên bảo nhau, Bồ-tát nhớ

nghĩ biết rõ và đem hồi hướng tất cả lên Vô thượng Bồ-đề.

Lại quán thân sinh tử trong quá khứ là vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh. Biết vậy rồi, đối với các sắc tướng, thọ mạng dài ngắn, phú quý quyền lực, Bồ-tát đều không sinh ngã mạn, không mong cầu quả báo Đế Thích, Phạm thiên, Hộ thế Tứ Thiên vương, trời, người, chỉ đem đại Bi làm lợi lạc cho hữu tình, tùy theo nguyện lực mà thọ sinh.

Lại biết những nghiệp ác đã tạo trong vô số kiếp quá khứ nên rất hối hận, trong đời này thà bỏ thân mạng cũng không dám tạo ác nghiệp nữa. Bồ-tát đem tất cả nghiệp lành đã tạo trong vô lượng đời hồi hướng lên Vô thượng Bồ-đề, bố thí khắp cho tất cả hữu tình trong pháp giới mà không cầu quả báo tối thượng trong thế gian, kế thừa Tam bảo cho đến tận cùng vị lai không bao giờ dứt bỏ, không bao giờ dừng nghỉ.

Từ Thị nên biết! Đây gọi là Đại Bồ-tát tu hành thiền định mà đạt được Túc trụ trí thông thanh tịnh.

Này Từ Thị! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu hành Thiền định ba-la-mật-đa đạt được Thần cảnh trí thông làm lợi lạc vô cùng? Nghĩa là Bồ-tát trụ trong địa vị Bất động địa chứng được chân tịch tĩnh, trừ khử đi tất cả lo khổ, tâm tư hỷ lạc, hít vào thở ra... không sinh không diệt, trụ vào chân pháp giới, có thể hiện đủ thần thông biến hóa; hoặc làm thân như đống lửa, phóng ánh sáng lớn khắp cả tam thiên đại thiên thế giới; hoặc trên thân phun nước chảy như mưa lớn, rờ tới mặt trời mặt trăng... oai quang tự tại. Hoặc hiện thân lớn đến trời Phạm thiên, hoặc hiện thân nhỏ như hạt cải, hoặc chấn động đại địa như sóng biển, hoặc một thân mà hiện nhiều thân, hoặc nhiều thân mà hiện thành một thân, hoặc ẩn hoặc hiện nói vô lượng pháp, hoặc vào sâu trong núi đá, hoặc vượt xuyên qua hoặc lên hoặc xuống như điện dẫn ánh sáng, qua lại tự tại, đi ngồi trên không giống như chim bay lượn, hoặc lặn xuống đất như vào nước, đi trên nước như đi trên đất, ẩn hiện tự do không bị chướng ngại. Những thần lực như vậy đều vì làm lợi lạc cho tất cả hữu tình.

Lại đem lòng Đại bi Phổ môn mà thị hiện vô số thân: hoặc hiện thân Phật, thân Bồ-tát, thân Thanh văn, thân Độc giác, Đế Thích, Phạm thiên... và nhiều loại thân khác tùy theo căn tánh, tùy theo dục lạc của từng loài, từng cõi mà hiện thân. Hoặc các hữu tình ỷ mình có thế lực mà cống cao, tùy theo chỗ thích ứng của họ mà Bồ-tát hiện thân nói pháp để điều phục họ. Hoặc làm Đế Thích, Phạm thiên, Hộ thế Tứ Thiên vương, Đại lực sĩ Na-la-diên... vì muốn chiến thắng họ nên bưng núi Diệu cao quăng bỏ nơi vô lượng thế giới khác, giống như ném trái xoài về lại chỗ cũ, mà các trời,

người không biết mình có tướng qua lại và thần lực của Bồ-tát cũng không bị giảm tổn.

Lại trong tam thiên đại thiên thế giới, trên đến cõi trời Sắc cứu cánh, dưới đến Thủy cung, Bồ-tát dùng tay phải nắm thế giới này trải qua một kiếp, dù đi, đứng, nằm, ngồi cũng không bị chướng ngại. Sau đó để lại chỗ cũ, nhưng các hữu tình thuộc loài thủy tộc không bị tổn hại, tất cả đều không biết mình có tướng qua lại. Bồ-tát thị hiện có thần thông tự tại như vậy khiến cho các hữu tình có tâm kiêu mạn đều được điều phục để nghe pháp.

Bồ-tát dùng sức thần thông, tùy theo ý muốn của mình mà được tự tại, giống như bảo châu như ý, cầu gì được nấy, hoặc biến biển lớn thành dấu chân trâu, hoặc biến dấu chân trâu thành biển lớn, hoặc hiện hỏa tai lên đến Sơ thiền, hoặc hiện thủy tai lên đến Nhị thiền, hoặc hiện phong tai lên đến Tam thiền, hoặc biến nước thành lửa, biến lửa thành nước. Dùng đủ mọi cách thượng, trung, hạ tùy ý biến hóa đều được tự tại, không ai có thể chuyển động được. Ngoài Phật Thế Tôn, không ai có thể phá hoại.

Bồ-tát dùng thần thông biến hóa rộng lớn này, tùy theo căn duyên của chúng sinh mà nói pháp rộng hay hẹp để các chúng sinh được giải thoát. Thần lực tự tại của Bồ-tát như vậy, với tất cả Thiên ma và phiền não ma không thể làm chướng ngại được. Do đó, Bồ-tát vượt qua Thiên ma và phiền não ma, đi vào cảnh giới Phật. Sau đó tùy theo căn duyên của hữu tình mà cứu vớt họ được giải thoát, không bao giờ gián đoạn, không thể nào động chuyển.

Từ Thị nên biết! Đây gọi là Đại Bồ-tát tu tập thiền định mà đạt được Thần cảnh trí thông biến hóa tự tại.

Năm thần thông trên chỉ gọi là thiền định chứ không được gọi là Ba-la-mật-đa.

Từ Thị! Các vị Bồ-tát đã đạt được năm thần thông này rồi nên tinh tấn tu tập Thiền định ba-la-mật-đa với Vô thượng Bồ-đề, chứng đắc quả vị không thoái chuyển. Ví như người nghèo mới bắt đầu đào kho báu, chưa thấy gì lạ nên vẫn biếng nhác; càng đào sâu xuống không dừng nghỉ thì dần dần thấy chút ít tướng lạ, lúc đó mạnh mẽ tinh tấn không thôi, do không dừng nghỉ nên được kho báu. Đại Bồ-tát cũng vậy, chưa chứng Vô thượng Bồ-đề thì ngày đêm hãy tinh tấn siêng năng tu tập thiền định không dừng nghỉ, cho đến khi chứng đắc Vô thượng Bồ-đề.

Này Từ Thị! Nếu tất cả hữu tình phát tâm thiền định như vậy thì chẳng khó nhưng theo đó tu tập không bao giờ biếng nhác cho đến khi nào

thành tựu, đó mới là khó. Ví như quân nước mạnh xâm lăng chiếm lấy nước khác thì không khó, nhưng chiếm lấy được rồi canh giữ cho cẩn thận, đó mới là khó.

Tà sư ngoại đạo tu định cũng vậy, không gần gũi bạn lành, không nghe Chánh pháp, cầu tà giải thoát để đạt được định Vô sắc mà nói là chứng Niết-bàn. Khi qua đời, bọn người này đọa vào địa ngục. Như người ngu si nuôi rắn độc, thường cho uống sữa bò. Vì sao? Vì tất cả thầy thuốc ở đời đều nói sữa bò trừ độc. Rắn uống sữa bò thì khí độc càng phát triển, người ngu si ấy nói là chất độc của rắn đã tiêu hết rồi nên tiếp xúc và dạy bảo, bị nó cắn chết. Tất cả chúng sinh cũng vậy, ngày đêm nuôi dưỡng thân độc này, vì cầu an ổn khoái lạc cho nên luôn cung cấp thức ăn uống vô độ. Khi vô thường ập đến, độc ma chết phát sinh, làm mất hết các pháp lành rồi đi vào ba đường khổ.

Này Từ Thị! Thiền định mà Thanh văn, Độc giác đạt được chỉ đoạn trừ phiền não chướng, không có lòng đại Bi, chỉ nhập vào Niết-bàn thì chẳng phải là chân thiền định. Còn phàm phu hữu tình vì thân, khẩu, ý nghiệp luôn bị tám vạn bốn ngàn phiền não trói buộc nên không được tự tại. Ví như có người luôn cúng dường cho kẻ thù La-sát, ác quỷ để từ từ điều phục nó. Nhưng phiền não oan gia La-sát, ác quỷ thì không như vậy, được cung cấp sắc hương làm cho phiền não ngày càng phừng phực, khó điều phục được. Như vậy làm sao tu tập thiền định để giải thoát? Nếu không thiền định thì làm sao có trí tuệ? Không chánh trí thì cũng không có mười điều thiện, sẽ đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Do đó Đại Bồ-tát nên tu phạm hạnh bốn Tâm vô lượng, khởi lòng từ "hóa đạo vô duyên" bao trùm khắp cả pháp giới. Vì sao vậy? Vì lòng từ bi của Bồ-tát không có giới hạn, không thể nghĩ bàn, không có bờ bến, vì hữu tình khắp cả mười phương thế giới nên lòng Từ bi của Bồ-tát cũng rộng lớn như vậy. Ví như hư không không có giới hạn, lòng Từ bi của Bồ-tát cũng vậy. Do đó nên biết, hữu tình vô tận, lòng Từ bi của Bồ-tát cũng vô tận. Chân không vô tận, lòng Từ bi cũng vô tận. Thế nên lòng Từ bi của Bồ-tát chân thật không cùng tận.

Bồ-tát Từ Thị bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đối với hữu tình, Bồ-tát có lòng Từ bi rộng lớn như vậy, nếu có gì để thí dụ tuyên nói, con xin Ngài hãy dạy bảo cho chúng con.

Đức Thế Tôn dạy:

–Này thiện nam! Không thể lấy một việc nhỏ nào để thí dụ nói hết được. Từ Thị nên biết! Ví như phương Đông có hằng hà sa thế giới, phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên dưới cũng nhiều như vậy. Hằng hà sa thế giới

như vậy trong mười phương hợp lại thành một biển nước đầy. Các thế giới nhiều như cát sông Hằng trong mười phương đều có khắp đầy hữu tình. Mỗi hữu tình lần lượt cầm một sợi lông nhúng nước biển ấy rồi nhỏ qua nơi khác, cho đến đủ một kiếp. Như vậy, nước biển dù có khô cạn nhưng các hữu tình kia vẫn không cùng tận.

Này thiện nam! Hữu tình khắp cả mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng trong mười phương như vậy, Bồ-tát đều có lòng từ bi rộng lớn với mỗi hữu tình ấy.

Này thiện nam! Ý ông thế nào? Lòng Từ bi ấy có giới hạn không?

Bồ-tát Từ Thị thưa:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử hư không, còn có thể lường được, nhưng lòng từ bi này không thể cùng tận.

Đức Phật dạy:

–Nếu Đại Bồ-tát nghe lòng Từ bi ấy không có giới hạn mà không kinh nghi, sợ sệt, nên biết rằng vị ấy cũng có lòng Từ bi vô tận như vậy. Tâm Từ bi ấy có thể giữ gìn cho mình và người, diệt trừ tất cả điều ác, kiện tụng, tranh cãi, có thể ngăn ngừa tội lỗi cho hữu tình để ba nghiệp điều phục thường được an lạc, lìa xa các oán thù. Người nào nhiều sân hận thì khiến cho họ nhẫn nhục, từ bi, chấm dứt các khổ chinh chiến, binh đao... cứu hộ tất cả hữu tình xa lìa các sự lừa gạt để tiếng tốt đồn xa, được Đế Thích, Phạm thiên, Tứ Thiên vương cung kính cúng dường, lấy chuỗi anh lạc Từ tâm trang nghiêm thân. Vị ấy làm người đi đầu hướng dẫn đường giải thoát cho hữu tình để ai có tâm Nhị thừa quay về với Đại thừa, tích lũy chứa nhóm tất cả tư lương Bồ-đề, không chịu làm nô lệ phước báo thế gian, luôn lấy tướng tốt để trang nghiêm thân, các căn đều đầy đủ, trọn vẹn, xả bỏ tám nạn, được sinh lên trời, thực hành tám Chánh đạo để đến bờ kia Niết-bàn.

Bồ-tát tu Từ bi không tham đắm năm dục, đem tâm bình đẳng đối với các hữu tình. Khi hành hạnh bố thí, tâm không phân biệt, giữ giới thanh tịnh, cứu giúp người phạm giới, chỉ rõ năng lực nhẫn nhục để họ không còn sân hận, tu hành tinh tấn, đều thuận theo Chánh pháp, trụ trong chánh định, đem lòng Từ bi cứu vớt chúng sinh, được trí tuệ rộng lớn, ra khỏi thế gian. Lúc đó phiền não và Bồ-đề không còn hai tướng, đem lòng đại Từ lưu xuất từ tự tánh mà chiến thắng quân ma, làm an lạc cho tất cả hữu tình, đời này đời sau không từ bỏ họ. Trong lúc đi. đứng, nằm, ngồi luôn luôn tu tập hành trì, diệt trừ ngã mạn, xa rời phóng dật. Người có lòng Từ bi mặc áo tàm quý, xoa hương thơm giới thanh tịnh, đoạn trừ tập khí phiền não ở thế gian, làm lợi ích và đem an vui cho tất cả hữu tình. Lòng Từ bi của Thanh văn

chỉ cầu lợi cho riêng mình, còn lòng Từ bi của Bồ-tát cứu hộ cho tất cả chúng sinh.

–Này Từ Thị! Từ có ba loại:

1. Chúng sinh duyên từ.

2. Pháp duyên từ.

3. Vô duyên từ.

Thế nào là Chúng sinh duyên từ? Nghĩa là mới phát tâm, quán khắp hữu tình sinh lòng đại Bi.

Thế nào Pháp duyên từ? Nghĩa là khi tu hành quán tất cả pháp, gọi là Pháp duyên từ.

Thế nào là Vô duyên từ? Nghĩa là chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn, không có hai tướng.

Từ Thị nên biết! Đây là tâm đại Bi của Đại Bồ-tát trú trong chân pháp giới.

-oOo-

KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 9

Phẩm 9: Thiền Định Ba-La-Mật (phần 2)

Đức Phật dạy Từ Thị:

–Đại Bồ-tát tu hành Thiền định ba-la-mật cần phải tu tập đại Bi vô lượng, vì đại Bi là pháp dẫn đầu của các nghiệp lành. Ví như đối với mạng căn thì hơi thở ra vào là trên hết. Trong bảy báu của Luân vương thì bánh xe báu là trên hết. Trong vạn hạnh Đại thừa thì đại Bi là trên hết. Như trưởng giả có một đứa con, cha mẹ yêu thương thấu tận xương tủy, đại Bi của Bồ-tát cũng vậy, yêu thương các hữu tình như con một.

Sao gọi là đại Bi?

Đại gọi là Ma hạ. Ma gọi là ngã. Ngã đem đại Bi làm lợi lạc cho hữu tình nên gọi là đại Bi.

Hạ gọi là tánh, tự tánh đại Bi có thể cứu vớt hữu tình, vì không do người khác dạy bảo nên gọi là Đại Bi.

Lại gọi là Sa-phạ, Sa-phạ là thuộc về phần của ta. Ta phải cứu hộ tất cả hữu tình nên gọi là đại Bi. Ca là phòng hộ, không để cho người khác làm hại nên gọi là đại Bi. Đại Bi có thể làm phương tiện để hoàn thành tất cả pháp trợ Bồ-đề. Đại Bi có thể tự giác ngộ, không nhờ thầy dạy mà trí tự nhiên phát. Đại Bi có thể diệt tâm lo buồn, tùy thuận mà làm lợi ích cho chúng sinh.

Này Từ Thị! Tâm đại Bi này có năm mươi loại:

1. Không dua nịnh.
2. Thân, khẩu, tương ứng.
3. Không hư dối.
4. Luôn luôn chân thật.
5. Không thoái lui.
6. Liễu ngộ bản giác.

7. Không dối trá.
8. Tự tánh thanh tịnh.
9. Hành dụng ngay thẳng.
10. Trú nơi chánh tánh.
11. Cầu thân Phật.
12. Cầu tuổi thọ Phật.
13. Không tạo tất cả lỗi lầm.
14. Bảo vệ hữu tình.
15. Độ hữu tình không có hạn lượng.
16. Đồng với hư không.
17. Không từ bỏ chúng sinh nghèo khổ.
18. Nhổ bỏ các khổ.
19. Tự tánh bất động, gánh vác tất cả.
20. Hành hạnh thanh tịnh, không lừa gạt mình và người.
21. Có thể làm tự lợi bằng các thiện nghiệp.
22. Làm cho tất cả chúng sinh được an vui.
23. Không mệt mỏi.
24. Trừ bỏ gánh nặng, khai mở thắng nghĩa.
25. Kiên trì thực hành bố thí, nhẫn nhục, tinh tấn.
26. Nhẫn nhục khi bị người hạ liệt khinh mạn mình.
27. Không ôm thù hận xưa.
28. Làm thầy thuốc vô thượng.
29. Dùng trí Đại thừa giáo hóa những thừa dưới bình đẳng không hai.
30. Khéo giấu đức của mình, khen ngợi điều tốt của người.
31. Có thể sánh bằng với chân pháp lạc vô lậu.
32. Có thể xả bỏ những gì yêu thích mà không tiếc rẻ.
33. Vì hữu tình, không hối hận.
34. Khéo giữ gìn giới thanh tịnh, luôn cứu hộ người hủy phạm cấm giới.
35. Chịu khổ để hữu tình được an vui.
36. Làm hữu tình thành thục, trụ vào pháp thân.
37. Xả bỏ các bộ phận trong thân thể mà không tiếc thân mạng.

38. Thích tu công đức, không cầu quả báo.

39. Có thể điều phục hữu tình để tu tập thiền định.

40. Hiểu rõ ba cõi là không, không đắm trước.

41. Tích lũy căn lành, xa lìa điều bất thiện.

42. Làm toại nguyện tất cả chúng sinh.

43. Không bỏ nguyện xưa, trụ trong vô vi.

44. Bỏ pháp hữu vi.

45. Hữu tình xan tham thì dạy họ hành xả.

46. Có thể làm cho hữu tình sống trong giới luật nhà Phật.

47. Hữu tình đa sân, khiến họ nhẫn nhục.

48. Hữu tình giải đãi, khiến họ tinh tấn.

49. Hữu tình tán loạn, khiến họ thiền định.

50. Hữu tình ngu si, khiến họ có trí tuệ.

Phật dạy Từ Thị:

–Như vậy đại Bi làm cho tất cả căn lành của mình và người được thành tựu. Đó là đại Bi vô lượng.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát tu hành Thiền định ba-la-mật-đa phải tu tập như thế nào để đạt được đại Hỷ vô lượng? Nghĩa là nhớ nghĩ, ưa thích và cung kính tất cả Phật pháp, không chạy theo sinh tử, không phá hoại tâm hỷ, diệt trừ các tà kiến, xa lìa năm dục triền cái, có thể làm cho hữu tình an trụ trong Niết-bàn, luôn cầu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Như Lai, nghe Chánh pháp khế hợp với Đệ nhất nghĩa đế, luôn luôn thích tu hành để đạt đến bờ kia Niết-bàn, tâm sinh hoan hỷ đủ đầy viên mãn. Giống như ngày Tết thế gian, tất cả dòng họ, bạn bè đều hội họp hưởng khoái lạc năm dục, vui chơi thích thú. Bồ-tát cũng vậy, khi khởi thần thông biến hóa thì an trú vào đó, làm cho tất cả Bát bộ, Rồng, Thần, bốn chúng đều tụ họp vào Giới, Định, Tuệ, Giải thoát tri kiến, trong lòng vui thích. Đó là đại Hỷ.

Đại Hỷ này không có tâm làm tổn hại các hữu tình, siêng cầu tất cả diệu pháp chư Phật. Dù đã đạt được hay chưa tâm cũng không rời bỏ, luôn hiểu rõ pháp Đại thừa một cách chân chánh, không chấp lấy pháp Nhị thừa, xả bỏ tánh xan tham, làm tăng trưởng bố thí. Thấy người đến xin thì đem cho với tâm hoan hỷ. Đối với người trì giới thì phải có lòng tin thanh tịnh.

Thấy người phá giới thì phải thương xót, với tịnh giới của mình thì

giữ gìn thanh tịnh viên mãn, không còn lo sợ ba đường ác mà được hướng đến pháp thân.

Nếu bị ai mắng nhiếc thì nhẫn nhục mà nhận.

Với thầy gương mẫu nên cung kính, tôn trọng, siêng năng thực hành theo lời dạy của thầy.

Với hữu tình thì nói lời hòa nhã, mỉm cười, không nhăn nhó, cau mày. Ý đầu tiên là thăm hỏi, trụ trong định tịch tĩnh, không dua nịnh, không hư dối, không thô thiển, không tà vạy, luôn khen điều tốt của người, không nói lỗi người, thích hòa đồng chung với mọi người, thực hành sáu hòa kính, tôn trọng Đại Pháp sư, khai mở Niết-bàn và hiển bày tướng chân thật.

Đối với bậc Tôn trưởng thì tưởng như cha mẹ, xem tất cả chúng sinh như con một, tôn trọng Thân giáo sư như Phật.

Đối với người tu hành xem như người dẫn đường đi vào biển bảo châu vô giá của các Ba-la-mật-đa. Coi người nói pháp như châu như ý, dạo chơi tự tại trong rừng pháp vô lậu.

Ai dạy bảo ta phải vui mừng, nghe nói lỗi sai của mình giống như người thầy thuốc chỉ bệnh mình, nghe nói Chánh pháp như bệnh được thuốc. Đó gọi là Hỷ.

Hiểu rõ khổ, vô thường, vô ngã, bất tịnh, tùy thuận thường, lạc, ngã, tịnh của Niết-bàn là một tướng một vị, nên gọi là Hỷ. Thể tánh của đại Hỷ là chân thật thù thắng, tánh không sinh diệt, không trầm, không bổng, không đi, không đến, luôn nhất tâm, đó gọi là Hỷ chân thật.

Đại Hỷ: như nghe nói điều thiện, thân tâm vui thích, an trú bất động giống như núi Tu-di.

Đại Hỷ: sáng suốt hiểu rõ nhân quả không sai lầm.

Đại Hỷ: như đất làm chỗ nương tựa, không lay động.

Đại Hỷ: như người có oai đức, không ai có thể địch lại.

Đại Hỷ: như Thắng nghĩa đế không thể hủy hoại.

Đại Hỷ: như Phật, Pháp, Tăng công đức viên mãn, cầu không chán.

Từ Thị nên biết! Đây gọi là đại Hỷ vô lượng.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát tu tập Thiền định ba-la-mật-đa phải tu tập đại Xả vô lượng như thế nào?

Đại Bồ-tát tu tập Xả vô lượng nói chung có ba:

1. Xả phiền não.

2. Xả sự giữ gìn giữa mình và người.

3. Xả đúng thời, không đúng thời.

Thế nào là xả phiền não? Nghĩa là gặp được cung kính không tự cao, gặp khinh mạn không nhu nhược ti tiện, được lợi không vui mừng, mất lợi không buồn, bị mắng chửi không sân giận, được khen cũng không mừng, được đề cao không phấn khởi, nghe chê bai không tức giận. Khi gặp khổ nạn thì quán không, vô ngã, gặp việc vừa lòng đến luôn quán vô thường, tâm không tham đắm cảnh yêu thích. Nếu bị hiềm khích không sân giận, với người oán, thân, người giữ giới, phá giới có tâm bình đẳng. Đối với thiện ác, yêu ghét đều không có hai tướng. Nghe lời nói thiện ác, chánh hay bất chánh cũng như vậy. Đem tâm bình đẳng với tất cả chúng sinh. Đối với thân mạng, tài lợi không tham tiếc. Đó gọi là Đại xả phiền não.

Xả sự giữ gìn mình và người là thế nào? Nghĩa là nếu có người đến cắt chẻ từng khúc thịt của mình, Đại Bồ-tát không những không sân giận mà cả thân và lời nói cũng không biến đổi. Đó gọi là Xả.

Khất-xoa-đa nghĩa là đôi và cũng nghĩa là vết thương. Nghĩa là mắt và sắc giống như có hai người đến chỗ Bồ-tát: một người đánh đập gây vết thương, một người xoa hương thơm trên mình, nhưng Bồ-tát quán hai việc ấy với tâm bình đẳng, không thấy có hai. Bồ-tát quán vết thương trong Đệ nhất nghĩa thì người đánh gây vết thương là ai và ai là người xoa bóp, Bồ-tát không hề thấy tổn hại hoặc lợi ích, cũng không thấy có mình và người, không hại mình và người. Đó gọi là Xả.

Hai nghĩa của nhãn căn và sắc cảnh cũng thế. Nhĩ căn với âm thanh, tỷ căn với hương, thiệt căn với mùi vị, thân căn với xúc chạm, ý căn với pháp. Tất cả cũng đều tịch tĩnh bình đẳng như thế.

Người hủy báng, người khen ngợi, đối với sáu căn của ta trong Đệ nhất nghĩa không có tổn thương, không gây hại nên gọi là Xả. Giả sử bị người làm tổn hại, cũng không làm tổn hại lại họ. Đó gọi là Xả.

Hoặc giữ gìn mình và người, không cho thương tổn, đó gọi là Xả.

Xem lợi hay bất lợi như nhau, luôn nhất tâm không làm hại mình và người, đó gọi là Xả.

Thường tự xem xét, hỗ trợ tâm người khác, xa lìa các sự tranh cãi, kiện tụng, gọi đó là Xả.

Quán sát thật kỹ, không còn thị phi, gọi là Xả.

Xả như vậy gọi là xả sự giữ gìn mình và người.

Thế nào gọi là xả đúng thời và phi thời?

Nếu các hữu tình không nhận những sự dạy dỗ, chẳng phải là bậc Pháp khí thì Bồ-tát không nên sân giận, đó gọi là xả phi thời.

Đối với hàng Thanh văn, quán bốn Thánh đế đạt được pháp nhẫn về sự khổ, hướng đến quả A-la-hán, nhưng Bồ-tát không chướng ngại. Đó gọi là xả phi thời.

Khi hành bố thí thì dừng lại trì giới, khi giữ giới thanh tịnh thì dừng lại để bố thí, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cũng như vậy. Đó gọi là xả phi thời.

Nếu đối với các pháp cần phải thành tựu, việc quyết định phải làm thì tinh tấn dũng mãnh không bao giờ mệt mỏi, không nghỉ ngơi, không thoái lui, không nề hà khổ nhọc, đến khi làm xong công việc mới thôi. Đó là xả đúng thời.

Như vậy gọi là xả đúng thời, xả phi thời.

Tu tập Từ, Bi, Hỷ, Xả như vậy chỉ gọi là thiền định, chứ không được gọi là Ba-la-mật-đa.

Khi ấy Từ Thị bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lấy việc tu tập thiền định như vậy làm nhân, có thể được đầy đủ trí tuệ thần thông. Thế nào là trí tuệ thần thông?

Đức Thế Tôn dạy Từ Thị:

–Này thiện nam! Thần thông là dùng năng lực thần thông có thể thấy sắc cực vi. Dùng mắt pháp thanh tịnh biết tánh của sắc là không, nhưng không đắm trước, thì gọi là trí tuệ.

Lại nữa, có thể nghe các loại âm thanh rất nhỏ trong thế gian, gọi là thần thông. Biết rõ các thứ âm thanh ấy không có ngôn thuyết, lìa xa các thí dụ, gọi là trí tuệ.

Lại có thể biết tâm hành của các hữu tình, đó là thần thông. Hiểu rõ vọng tâm, phi tâm của hữu tình, đó gọi là trí tuệ.

Nhớ biết tất cả những gì ở quá khứ, vị lai, gọi là thần thông. Hiểu rõ cõi Phật chân không là trí tuệ.

Hiểu biết rõ ràng tướng sai biệt của căn tánh hữu tình, là thần thông. Hiểu rõ thắng nghĩa là không, đó gọi là trí tuệ.

Thấu biết các pháp là thần thông. Hiểu rõ thế tục như huyễn, đó là trí tuệ.

Năng lực vượt qua Đế Thích, Phạm thiên, Tứ Thiên vương là thần thông. Vượt qua Thanh văn, Độc giác là trí tuệ.

Từ Thị nên biết! Đó gọi là Đại Bồ-tát tu tập chân thiền định được quả báo thần thông không thể nghĩ bàn.

Này Từ Thị! Tất cả chúng sinh luôn bị vô lượng phiền não quấy nhiễu tâm mình, còn các Đại Bồ-tát thì được chân Tam-muội, rồi tùy theo từng loại phiền não của hữu tình mà hiện các môn Tam-muội để độ cho họ được giải thoát. Đại Bồ-tát càng siêng năng tinh tấn trụ trong Tam-muội ấy để cho các hữu tình an trụ trong pháp bình đẳng như vậy, nghĩa là tâm bình đẳng, hành bình đẳng, tương ưng bình đẳng; Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ đều bình đẳng, tức là tất cả các pháp thảy đều bình đẳng. Đó gọi là Pháp tánh Tam-muội.

Này Từ Thị! Tam-muội bình đẳng này là Bồ-đề bình đẳng, Bồ-đề bình đẳng là tất cả hữu tình bình đẳng, tất cả hữu tình bình đẳng là tất cả các pháp bình đẳng. Được pháp bình đẳng như vậy rồi, đó gọi là trụ vào chân Tam-muội.

Này Từ Thị! Bồ-đề bình đẳng tức là hư không bình đẳng, hư không bình đẳng tức là tất cả hữu tình bình đẳng, tất cả hữu tình bình đẳng tức là tất cả các pháp bình đẳng. Được tất cả các pháp bình đẳng như vậy gọi là trụ trong chân Tam-muội.

Này Từ Thị! Tánh của tất cả thế gian bình đẳng, tức là tánh thanh tịnh bình đẳng, tánh thanh tịnh bình đẳng tức là tất cả hữu tình bình đẳng, tánh của hữu tình bình đẳng tức là tất cả các pháp bình đẳng. Đạt được tất cả các pháp bình đẳng thì gọi là trụ trong chân Tam-muội.

Này Từ Thị! Nếu tâm chính mình bình đẳng tức là biết tâm của hữu tình bình đẳng, đó gọi là trụ trong chân Tam-muội.

Này Từ Thị! Đối với thân ta, các hữu tình dầu có làm lợi ích hay không lợi ích, thì ta đối với tâm của hữu tình như đại địa, đều bình đẳng với tâm bất động. Vì sao? Vì trụ trong tánh bình đẳng của Tam-muội này. Do trụ trong Tam-muội nên không có lời nói tán loạn và không có những lời vô ý thức. Thông đạt các pháp, hiểu rõ Đệ nhất nghĩa, biết rõ thời tiết tùy thuận để mà nói, không bị tám loại gió làm lay động. Bồ-tát trụ trong pháp tánh bình đẳng như vậy, không xả bỏ Tam-muội, không lìa thế gian, được tự tại vô ngại. Đó gọi là Đại Bồ-tát dùng phương tiện trí tuệ Thiền định ba-la-mật-đa.

Này Từ Thị! Thế nào là Đại Bồ-tát tu hành phương tiện trí tuệ xuất thế? Nghĩa là khi tu thiền định, Bồ-tát khởi lòng Từ bi với tất cả chúng sinh, đó gọi là phương tiện, quán các pháp tịch diệt là trí tuệ.

Khi tu thiền định, quy y Phật là phương tiện, hiểu rõ không chấp thủ là trí tuệ.

Cầu tất cả các pháp là phương tiện, hiểu rõ tánh của các pháp là không, đó là trí tuệ.

Quán sắc thân Phật là phương tiện, quán thân Phật là không, gọi là trí tuệ.

Quán Phạm âm của Phật là phương tiện, hiểu rõ không có ngôn thuyết là trí tuệ.

Khi chánh quán là phương tiện, sự quán chiếu cũng không, là trí tuệ.

Cứu vớt hữu tình là phương tiện, biết rõ chúng sinh là không, gọi là trí tuệ.

Biết căn tánh của chúng sinh là phương tiện, biết rõ căn tánh cũng không, là trí tuệ.

Quán cõi Tịnh độ của Phật là phương tiện, biết rõ cõi Phật là không, gọi là trí tuệ.

Chứng đắc Bồ-đề là phương tiện, biết rõ Bồ-đề vốn tịch tĩnh là trí tuệ.

Thỉnh chuyển pháp luân là phương tiện, biết pháp không có tướng chuyển, là trí tuệ.

Quán bảy Giác chi là phương tiện, biết rõ đó là chân bản giác, là trí tuệ.

Đại Bồ-tát tương ưng tu tập Thiền định ba-la-mật-đa như vậy làm cho tất cả Thiên ma không hại được và sẽ thành tựu Vô thượng Bồ-đề.

Khi Đức Thế Tôn nói Thiền định ba-la-mật-đa này có ba vạn hai ngàn Bồ-tát trong hội chứng Nhật đăng Tam-muội. Nhật đăng Tam-muội này cũng gọi là Nhất trang nghiêm Tam-muội.

Nhật đăng Tam-muội là gì?

Giống như khi mặt trời mọc thì tất cả ánh sáng của đèn đuốc, sao, trăng bị che lấp. Bồ-tát được Tam-muội này cũng như vậy, sẽ che khuất ánh sáng của hàng Hữu học, Vô học Thanh văn, Độc giác và các hữu tình, cho nên gọi là Nhật đăng Tam-muội.

Sao gọi là Nhất trang nghiêm Tam-muội?

"Nhất" tức là vô sinh, vô sinh là pháp không. "Nhất" nghĩa là ở khắp tất cả mọi nơi, giống như dầu mè có khắp trong mè; pháp vô sinh cũng vậy, thể tánh của nó biến khắp tất cả nên gọi là Nhất trang nghiêm Tam-muội.

Nhất trang nghiêm Tam-muội này cũng gọi là Nhất tăng trưởng Tam-muội. "Nhất" tức là A, A là pháp giới, nghĩa là Khế kinh làm cho pháp giới được hiện tiền. Pháp giới hiện tiền rồi thì tất cả các pháp thần thông trong pháp giới tăng trưởng, sáng rõ hiện tiền, cho nên gọi là Nhất tăng trưởng Tam-muội.

Nhất tăng trưởng Tam-muội này cũng gọi là Nhất pháp giới Tam-muội. "Nhất" là pháp giới, pháp giới cũng là không. Do có định lực cho nên cái không ấy hiển bày. Đó gọi là Nhất pháp giới trang nghiêm Tam-muội.

Nhất pháp giới này cũng gọi là Nhất không Tam-muội. "Nhất" giống như hư không, tất cả vạn vật sinh trưởng trong hư không, khi Bồ-tát đạt được chân không thì các pháp như tín,... đều tăng trưởng, cho nên gọi là Nhất không Tam-muội.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát trụ vào Thiền định ba-la-mật-đa có thể nhập trăm ngàn câu-chi na-do-tha Tam-muội. Nay ta nói cho ông một số tên Tam-muội, đó là: Điện quang Tam-muội, Nguyệt quang Tam-muội, Thiện tăng trưởng Tam-muội, Tỳ-lô-giá-na Tam-muội, Tăng trưởng chẳng nghĩ bàn Tam-muội, Như như quang chiếu Tam-muội, Vô cấu Tam-muội, Hải đức Tam-muội, Năng tự tại chuyển nhất thiết pháp luân Tam-muội, Thành tựu cấm giới Tam-muội, Vô ưu Tam-muội, Kiên cố Tam-muội, Tô-mê-lô Tam-muội, Pháp cự Tam-muội, Pháp dũng Tam-muội, Chuyển pháp trí tự tại Tam-muội, Tán tích tụ pháp Tam-muội, Trì nhất thiết pháp Tam-muội, Trì bạch pháp Tam-muội, Tri tha tâm Tam-muội, Trang nghiêm bảo tràng Tam-muội, Diệt phiền não Tam-muội, Hoại tứ ma Tam-muội, Phát khởi thập lực Tam-muội, Vô trước Tam-muội, Đoạn phược trước Tam-muội, Đăng thủ Tam-muội, Văn thí danh Tam-muội, Trì địa Tam-muội, An trụ tâm Tam-muội, Tu-di đăng Tam-muội, Tồi phục oán địch Tam-muội, Trí cự Tam-muội, Phát sinh trí Tam-muội, Giáo thọ Tam-muội, Tự tại chuyển vô biên pháp môn Tam-muội, Linh tâm kham nhậm Tam-muội, Tri thắng diệu thiện Tam-muội, Chấn nhật nguyệt âm Tam-muội, Vô sở hành Tam-muội, Hoại ma Tam-muội, Vô chủng chủng tưởng Tam-muội, Thiện điều phục tâm Tam-muội, Thích sư tử Tam-muội, Niệm phật Tam-muội, Niệm pháp Tam-muội, Niệm tăng Tam-muội, Bất thoái chuyển Tam-muội, Bất

cụ Tam-muội, Tối thắng vô ngã Tam-muội, Tợ không xứ Tam-muội, Thường giác ngộ Tam-muội, Trừ phiền não duyên Tam-muội, Như hư không Tam-muội, Nhập công năng Tam-muội, Niệm tuệ giác Tam-muội, Vô tận biện Tam-muội, Đại bi thanh Tam-muội, Hiện chân đế Tam-muội, Bất hủy hoại Tam-muội, Thiện hạnh Tam-muội, Hữu tình hoan hỷ Tam-muội, Tri ái lạc Tam-muội, Sinh thọ lạc Tam-muội, Thắng từ Tam-muội, Tánh tịnh Tam-muội, Đại bi Tam-muội, Đại thiện Tam-muội, Vô sở xả trước Tam-muội, Pháp nghĩa Tam-muội, Pháp bi Tam-muội, Tuệ cự Tam-muội, Trí hải Tam-muội, Vô động Tam-muội, Thiện điều phục thân Tam-muội, Giải thoát trí tự tại Tam-muội, Kim cang tràng Tam-muội, Thắng liên hoa đạo tràng Tam-muội, Ly thế gian pháp Tam-muội, Thắng trí Tam-muội, Phật quán hành Tam-muội, Oai quang Tam-muội, Oai diễm Tam-muội, Dữ giải thoát trí Tam-muội, Phật thân trang nghiêm Tam-muội, Quang minh phổ biến Tam-muội, Sát độ biến tịnh Tam-muội, Nhập hữu tính tánh Tam-muội, Mãn nhất thiết nguyện Tam-muội, Thuận Bồ-đề lộ Tam-muội, Ba-la-mật trang nghiêm Tam-muội, Bảo kế Tam-muội, Giác hoa Tam-muội, Dữ giải thoát quả Tam-muội, Cam lộ âm Tam-muội, Vô đới Tam-muội, Tật phong hành Tam-muội, Bảo quang Tam-muội, Tài hải lưu Tam-muội, Kim cang phong Tam-muội, Đại thần thông Tam-muội, Xuất sinh nghĩa Tam-muội, Kiến vô biên phật Tam-muội, Ức trì nhất thiết sở văn Tam-muội, Dữ sát-na trí Tam-muội, Thanh tịnh vô biên công đức Tam-muội....

Vô lượng câu-chi Tam-muội như vậy, nếu Đại Bồ-tát đạt được các Tam-muội ấy thì gọi là Thiền định ba-la-mật-đa.

Khi Đức Phật Thế Tôn nói Thiền định ba-la-mật-đa này, trong hội có bảy mươi tám na-do-tha trời, người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, ba vạn hai ngàn Bồ-tát chứng Vô sinh pháp nhẫn.

-oOo-

Phẩm 10: Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa (phần 1)

Lúc ấy Đức Phật Thế Tôn đang ngồi nơi tòa Sư tử được trang nghiêm bằng nhiều loại ma-ni quý báu, hiện đủ loại tướng và chung quanh Ngài toàn là chúng Đại Bồ-tát.

Đại Bồ-tát Từ Thị rời chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai phải, quỳ gối chắp tay cung kính thưa:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Thế Tôn đã làm lợi ích an lạc cho các

Bồ-tát nên nói Thiền định ba-la-mật-đa. Bây giờ con cúi xin Ngài vì các Bồ-tát mà nói Bát-nhã ba-la-mật-đa. Bát-nhã ba-la-mật-đa này có bao nhiêu loại? Tu như thế nào để đạt được? Cúi xin Ngài hãy phân biệt giải nói.

Đức Thế Tôn dạy:

–Này thiện nam! Ông hãy nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ, ta sẽ vì ông mà phân biệt giải nói. Bồ-tát tu hành Bố thí ba-la-mật-đa cho đến Thiền định ba-la-mật-đa đều từ nơi Trí tuệ ba-la-mật-đa. Vì nó là căn bản, là mẹ sinh ra các Ba-la-mật. Ví như năm Căn: mắt... nắm lấy năm trần, phát sinh ra thức, tất cả đều có chỗ dụng của nó. Như vậy, mỗi mỗi đều do tâm thức làm căn bản. Nếu lìa tâm ấy thì không thể làm được gì cả. Đại Bồ-tát tu năm pháp Ba-la-mật-đa trước luôn lấy Bát-nhã ba-la-mật-đa làm mẹ, nếu xa lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa thì không đạt được gì cả. Cũng như thân hữu tình có mạng căn mới hoạt động được, nếu mạng căn chết thì không làm gì được nữa. Tu hành các độ cũng vậy, nếu không có trí tuệ thì cũng giống như vậy. Ví như trong đất nước không có vị quan trí tuệ thì thiên hạ đảo lộn, nhân dân không an lạc. Cũng vậy, trong cõi vua của pháp, nếu không có vua trí tuệ thì tu hành Bố thí cho đến Thiền định ba-la-mật-đa đều không thành tựu, không bao giờ đạt được Niết-bàn giải thoát. Cũng như chủ buôn vào biển nhặt châu báu, cốt yếu là tìm được người chèo thuyền mới đến chỗ châu báu mà tùy ý lấy. Bồ-tát cũng vậy, trong biển sinh tử lấy năm pháp Ba-la-mật-đa làm thuyền chở châu báu công đức, chủ yếu là nhờ thuyền trưởng Vô thượng Bát-nhã ba-la-mật-đa mới đến được bờ bên kia.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

Trí tuệ là cội gốc
Sinh trưởng mầm pháp lành
Quả Phật đại Bồ-đề
Do trí tuệ phát sinh.
Như người gặp khổ nạn
Người trí luôn cứu giúp
Người tu tạo điều ác
Như đá ném biển sâu.
Không có chân trí tuệ
Đa văn vọng phân biệt
Người này không hiểu nghĩa
Như chén sao biết mùi!
Gọi là bậc Trưởng lão

Không phải do tuổi già
Tuy nhỏ, có trí tuệ
Đó chính là Trưởng lão.
Ở đời, người có đức
Chân chánh không tà vạy,
Không phân biệt tà chánh,
Sao biết lý đúng, sai?
Chánh trí nghe pháp mầu
Trí tương ưng với lý
Tùy thuận nơi Đại thừa
Đó là người chánh trí.
Không vướng mắc được, mất
Buồn vui không lay động,
An trú như Tu-di
Đó là người chánh trí.
Được cung kính không mừng
Bị khinh chê không giận,
Trí tuệ như biển lớn
Đó là người chánh trí.
Không nói lỗi người khác
Không khen đức của mình,
Trí chiếu không mình, người
Được mọi người khen ngợi,
Dũng mãnh luôn tinh tấn
Tránh xa tất cả tướng
Diệt trừ tâm ngã mạn
Đó là người chánh trí.
Luôn quán sát chân chánh
Không thấy lỗi người khác,
Tin sâu quả thiện, ác
Đó là người chánh trí.
Người trí ở trong chúng
Không nói công đức mình
Nếu được người khen ngợi
Xấu hổ không nhận lấy.
Thành tựu các công đức
Khiêm tốn không thấy có

Như cây trái chín nhiều
Cành lá tự rũ xuống.
Phước trí sinh giàu sang
Tuy giàu không kiêu mạn
Người ngu tự kiêu căng
Người trí nên quán sát
Trí tuệ là bạn lành
Tránh xa bạn xấu ác
Đoạn diệt các phiền não
Tự nhiên được giải thoát.
Ai gần gũi người ác
Cũng nên phải tránh xa
Tôn kính bậc Hiền thiện
Đó là người chánh trí.
Bồ-tát nhiều trí bi
Bị hại, vẫn thương xót
Như chiên-đàn bị chặt
Mùi hương tỏa thơm ngát.
Không nhớ lỗi người khác
Luôn nghĩ những việc lành,
Trí tuệ không phân biệt
Là đệ nhất loài người.
Người trí luôn tịch tĩnh
Bị chê không phiền muộn,
Các ác không thể đốt
Như hơi ấm biển lớn.
Đại Bi không phân biệt
Gặp ác luôn thương xót
Như mặt trời tỏa sáng
Không bỏ Chiên-trà-xá.
Người trí tuy lỗi nhỏ
Vì lợi ích ở chung
Như vào rừng Chiêm-bặc
Tự nhiên được xông ướp.
Chánh trí không phân biệt
Như mặt trời chiếu khắp
Cũng như trăng trong sáng

Xua tan các mây che.
Người trí nhiều Từ bi
Thường cứu kẻ khổ nghèo.
Thấy người xin không khinh
Nên sinh lòng hoan hỷ
Như cây mới sinh trưởng
Đêm ngày không dừng nghỉ
Người trí thích tu hành
Tăng trưởng cũng như vậy.
Người trí gặp kẻ thù
Giữ Từ bi không bỏ
Như bẻ gãy cọng sen
Tơ sen vẫn không đứt.
Sinh tử như cây độc
Giác ngộ quả Pháp thân
Sinh tử là Niết-bàn
Bản tánh đều bình đẳng.
Tịnh tuệ hạnh Hiền thánh
Đại Bi ích vạn loài
Không chọn thù hay thân
Không bao giờ phân biệt
Tuổi già nhiều trí tuệ
Tịnh giới đều tròn đầy
Gần gũi người như vậy
Hạnh an lạc mau thành.
Người trí tuệ không cấu
Ba nghiệp luôn thanh tịnh
Nên gần gũi người ấy
Tôn kính hơn cha mẹ.
Đừng gần gũi người ngu
Vì hoại tâm người lành
Như lửa đốt cây khô
Phải nên lánh người ấy.
Dung dưỡng người xấu ác
Muốn lợi nhưng bị hại
Như cho thú dữ ăn
Không ai không bị hại.

Cúng dường người trí tuệ
Tuy ít, được phước nhiều
Như người uống cam lồ
Luôn được vui an ổn.

Đức Phật dạy Đại Bồ-tát Từ Thị:

–Bát-nhã ba-la-mật-đa này đều nhờ bạn lành khai mở Chánh pháp. Kẻ tà kiến là kẻ thù của trí tuệ. Các ông nên gần gũi bạn lành, lánh xa bạn xấu ác. Bát-nhã ba-la-mật-đa này chẳng phải chỉ phát sinh ra tất cả pháp lành mà chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai cũng đều từ đây sinh ra. Nên biết, kinh này là mẹ của tất cả chư Phật.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát khi hành bố thí có hai loại trí, đó là trí nhỏ và trí lớn. Người trí nhỏ bố thí thì cầu sinh làm trời, người và quả giải thoát Nhị thừa. Bố thí như vậy chỉ được gọi là bố thí, không được gọi là Bố thí ba-la-mật-đa. Người trí lớn, bố thí với tâm không sở đắc, vì không sở đắc nên thành Phật Bồ-đề. Bố thí như vậy gọi là Bố thí ba-la-mật-đa. Vì thế nên biết, Bố thí ba-la-mật-đa là từ trí tuệ sinh ra.

Trì giới ba-la-mật-đa cũng có hai loại: trí nhỏ và trí lớn. Người trí nhỏ trì giới vì sợ ba đường ác nên cầu sinh vào trời, người và quả giải thoát Nhị thừa. Trì giới như vậy tâm không thanh tịnh, không được gọi là Trì giới ba-la-mật-đa. Người trí lớn trì giới vì làm lợi ích an lạc khắp các hữu tình, không trụ vào tướng mà vô sở đắc, hướng đến Bồ-đề. Trì giới như vậy gọi là Trì giới ba-la-mật-đa. Cho nên phải biết Trì giới ba-la-mật-đa là từ trí tuệ sinh ra.

Nhẫn nhục ba-la-mật-đa cũng từ Bát-nhã ba-la-mật-đa sinh ra. Tất cả bản trí của hữu tình như mặt trời bị vô minh che lấp, làm cho ánh sáng nhẫn nhục không hiện ra được. Người tu nhẫn nhục, đoạn trừ vô minh, Thánh trí hiện tiền, mặt trời Phật do đây mà chiếu sáng. Ví như trong một đất nước không có quan trí tuệ nên việc cai trị không công bằng, làm cho nhân dân ly tán, nếu có người trí tuệ, họ cũng sẽ trốn lánh. Người không có trí tuệ mà nhẫn nhục cũng như vậy. Trí tuệ này như người mắt sáng, thấy rắn độc liền tránh xa. Cũng vậy, người có mắt trí tuệ tránh xa rắn độc sân giận. Người không có mắt trí tuệ vì trong vô lượng kiếp quá khứ tu hành các điều thiện nhưng không có sức nhẫn nhục và mắt trí tuệ nên trong một niệm lửa sân thiêu đốt, tiêu diệt tất cả, không còn chút gì. Như quăng lửa vào đống cỏ khô thì cỏ khô bị thiêu đốt trụi. Người trí tuệ có sức nhẫn nhục, giả sử gặp người ác đến đánh đập mắng nhiếc, Bồ-tát nên dùng chánh trí nhẫn

nhục thì có thể điều phục được họ. Ví như voi lớn đã được điều phục rồi thì ra trận xông xáo, có thể phá tan quân địch. Đại Bồ-tát cũng vậy, trụ trong nhẫn vô tướng không sân giận, dùng vô duyên đại Bi mà rộng độ tất cả. Cho nên phải biết rằng, Nhẫn nhục ba-la-mật-đa là từ Bát-nhã ba-la-mật-đa sinh ra. Tinh tấn ba-la-mật-đa cũng từ Bát-nhã ba-la-mật-đa sinh ra. Vì sao? Vì nếu không có Bát-nhã ba-la-mật-đa thì làm việc gì cũng đều không thành tựu. Vô biên pháp môn, quả Đại Bồ-đề đều an trụ vào đại trí tuệ phương tiện tối thắng, quán sát khắp cả, chủ yếu là có sức tinh tấn mới có thể viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa. Cho nên phải biết rằng, Tinh tấn ba-la-mật-đa đều từ Bát-nhã ba-la-mật-đa sinh ra. Thiền định ba-la-mật-đa cũng từ Bát-nhã ba-la-mật-đa sinh ra. Vì sao? Vì ý nghiệp rất tinh vi, khó mà lường được. Thân, khẩu nghiệp dễ diệt trừ nhưng vọng tâm khởi lên khó chế ngự được. Ví như gió thổi lửa dữ, ta vẫn có thể ngăn cản được, sóng biển ta cũng có thể làm dừng lại được, nhưng vọng tâm rất khó điều phục. Vì sao? Vì bị vô minh từ vô thỉ làm mê mờ tâm tánh. Giống như người nhiều tư tưởng thế gian, khi vọng tưởng khởi lên thì mong cầu lăng xăng, cứ theo ý nghĩ mà phát sinh mãi. Người vọng tưởng như vậy, nếu có nhập vào định thì tâm vẫn còn chấp thủ. Vì không có trí tuệ nên trải qua trăm ngàn kiếp không bao giờ đạt được Tam-muội. Cũng như người ngu vọng chấp các kiến, chấp ngã là thường còn, hoặc chấp ngã là đoạn. Những kiến chấp ấy không thanh tịnh thì làm sao Tam-muội hiện tiền? Người có trí tuệ quán sát hai điều:

Một là tự quán sát thấy thân mình có nhiều tật bệnh, khổ vui là đều do đời trước vọng tưởng điên đảo tạo ra các nghiệp, nay phải chịu quả báo. Nếu không si ái thì làm gì có bệnh. Thân mình vốn nó là không, nhờ nhân duyên huyễn hóa mà có, nếu không tạo tác thì ai chịu khổ?

Hai là quán sát lại, tuy không có tướng ngã nhưng nghiệp phước đã tạo đều không mất. Nên nguyện vô lượng phước đức của tất cả hữu tình ở pháp giới đều thanh tịnh, tất cả đều thành tựu sáu pháp Ba-la-mật-đa, trang nghiêm thân bằng Giới, Định, Tuệ, cho nên biết tất cả các hạnh đều lấy Bát-nhã ba-la-mật-đa làm mẹ. Giống như đại địa đều nương vào hư không mà đứng vững, nhưng hư không đó không có chỗ nương dựa. Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vậy, cho nên biết Trí tuệ là mẹ của Thiền định ba-la-mật-đa. Chẳng phải chỉ có năm pháp Ba-la-mật-đa từ trí tuệ sinh ra, mà tất cả phước đức, tiếng khen ở thế gian, quả báo ở cõi trời, người, cho đến căn lành vô lậu của xuất thế đều nhờ trí tuệ sinh ra. Giống như đại địa nương

vào hư không mà được đứng vững. Tất cả chúng sinh vì chấp ngã, chấp tướng mà có năm sợ hãi:

1. Sợ không đủ sinh sống, nghĩa là thường cất chứa của cải, sợ mình không có để sống.

2. Sợ đường ác nghĩa là tạo ra nghiệp ác nên sợ mình đọa trong ba đường ác.

3. Sợ chết nghĩa là thương tiếc thân mạng.

4. Sợ tiếng xấu nghĩa là luôn làm việc ác để che lấp, sợ người nghe biết.

5. Sợ oai đức đại chúng nghĩa là trong đại chúng có nói ra lời gì cũng đều sợ hãi.

Đại Bồ-tát dùng trí tuệ quán sát đầy đủ, chứng được Nhị không, có thể làm lợi ích cho mình và người thì không sợ không đủ sinh sống. Đoạn trừ tà hạnh, giữ trọn vẹn giới, chắc chắn đạt đến Niết-bàn thì không sợ đọa vào đường ác. Nhập sâu vào lý duyên khởi, hiểu rõ nó vốn không sinh thì không sợ chết.

Trụ trong lý vô tướng, thân tâm tịch tĩnh, không có tướng mình và người thì không sợ tiếng xấu.

Thành tựu bốn Biện tài vô ngại nhiệm mầu thì ở trong chúng không sợ, giống như Sư tử chúa, cho nên gọi là không sợ đại chúng.

–Này Từ Thị! Căn tánh của tất cả chúng sinh đều sai biệt. Ai xan tham thì dạy họ bố thí, người sân giận thì dạy họ Từ bi nhẫn nhục. Người ngã mạn dạy họ khiêm nhường, người ngu si được trí tuệ. Khai mở Niết-bàn, làm hiển rõ vô lượng công đức của tướng chân như. Tất cả đều từ Bát-nhã ba-la-mật-đa mà sinh ra. Tất cả chư Phật và các vị Bồ-tát, Trời, Rồng, tám bộ chúng đều khen ngợi tôn trọng, cung kính giống như cha mẹ. Ví như mẹ hiền chỉ có một đứa con, nuôi dưỡng dạy dỗ nó dần dần trưởng thành, mong được nên danh; Bồ-tát cũng vậy, yêu thương hữu tình giống như con một, lấy trí tuệ cam lồ làm pháp thức ăn, lấy năm độ làm đại lương dược, lấy mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, các công đức vi diệu để trang nghiêm pháp thân, thành tựu ngôi vị Pháp vương vô thượng.

Này Từ Thị! Có mười việc làm chướng ngại đèn trí, che lấp làm cho ánh sáng không hiển hiện được, làm tăng trưởng sự tối tăm, không hiểu biết gì cả:

1. Biếng nhác: đối với sự nghiệp ở đời đều không thành tựu, thì làm sao có thể tu hành điều thiện vi diệu của đạo xuất thế!

2. Gần bạn ác thì tạo ra nghiệp ác, làm tăng trưởng vô minh.

3. Chìm đắm trong ngủ nghỉ, làm cho thân tâm hôn mê, không thể tu tập Vô thượng Bồ-đề.

4. Nghe Đại thừa liền quên mất.

5. Thích học tập tất cả kỹ nghệ ở thế gian, không biết nó như huyễn mà lại chấp trước.

6. Bị ngã mạn che lấp, dù gặp bạn lành nhưng không học hỏi Chánh pháp vô thượng.

7. Không liễu ngộ giáo lý Đại thừa vi diệu nhiệm mầu, lại ngã mạn tự cao thoái lui.

8. Xấu hổ về sự ngu muội của mình nên không gần gũi người có trí.

9. Bắt chước dị đoan, dối trá nói là thấy biết, nếu bị luận hỏi thì bỏ chạy.

10. Không tin thích Tối thượng thừa, giả sử có nghe thì lại hiểu bằng lăng kính tà kiến.

Do mười việc này mà làm chướng ngại Đại thừa. Do không nghe Chánh pháp nên bị đắm chìm trong sinh tử.

Mười việc này có mười pháp thù thắng để cho người ngộ nhập vào Vô thượng Bồ-đề:

1. Tinh tấn siêng năng, thích tu tập thiền định.

2. Gần gũi bạn lành nghe Chánh pháp.

3. Giảm bớt ngủ nghỉ, luôn luôn tự tỉnh thức.

4. Nghe pháp Đại thừa không bao giờ quên.

5. Làm theo sự nghiệp ở đời nhưng luôn quán nó như huyễn, không chấp trước.

6. Không giấu điều gì, giải nghi ngờ cho đại chúng.

7. Không nên chê mình, phải siêng năng tu hành.

8. Thích thiết lập đàn bố thí.

9. Luôn khiêm nhường, không lừa gạt chúng sinh.

10. Không nhờ thầy mà nhập sâu vào tuệ Phật.

Đại Bồ-tát nhờ mười việc này mà đầy đủ viên mãn sáu pháp Ba-la-mật-đa, thành tựu pháp thân thanh tịnh giải thoát.

Này Đại Bồ-tát Từ Thị! Bát-nhã ba-la-mật-đa này không tương ưng với mười sáu pháp:

1. Không tương ưng với mười hai nhân duyên, nghĩa là từ vô minh cho đến Lão tử.

2. Không tương ưng với Vô minh diệt cho đến sinh tử diệt. Vì Đại Bồ-tát lìa tâm phân biệt, không có hai tướng.

3. Không tương ưng với thân kiến, biên kiến, cho đến sáu mươi hai kiến.

4. Không tương ưng với tám loại gió thế gian, đó là: lợi dưỡng, khen ngợi, chê bai, khổ, vui, suy, hao, chế giễu.

5. Không tương ưng với tùy phiền não: phẫn, hận...

6. Không tương ưng với ngã mạn, tăng thượng mạn...

7. Không tương ưng với căn bản phiền não: tham, sân, si...

8. Không tương ưng với ma phiền não, ma chết...

9. Không tương ưng với tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, người làm, người nhận, nghiệp chướng, báo chướng, phiền não chướng.

10. Không tương ưng với vọng niệm phân biệt của thấy nghe, hay biết.

11. Không tương ưng với bốn pháp điên đảo: vô thường cho là thường, thường cho là vô thường; không vui cho là vui, vui cho là không vui; vô ngã nói là ngã, ngã cho là vô ngã; bất tịnh cho là tịnh, tịnh cho là bất tịnh. Do vọng tưởng nên gọi là pháp điên đảo. Do tâm hành của hữu tình như thế nên dẫn đến cửa trần lao.

12. Không tương ưng với xan tham, phạm giới, sân giận, biếng nhác, tán loạn, ngu si, và cũng không tương ưng với bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ mà có tướng.

13. Không tương ưng với các pháp bất thiện: tánh tội, già tội, hữu lậu, hữu vi, không tương ưng với sự phân biệt về pháp thiện của thế gian, xuất thế gian, vô lậu và vô vi.

14. Không tương ưng với hai mươi hai căn, đó là: Không tương ưng với mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Không tương ưng với khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Không ương ưng với nam căn, nữ căn, ý căn, mạng căn. Không ương ưng với tín... năm Căn, và không tương ưng với ba căn vô lậu.

15. Không tương ưng với mỗi loại hữu tình trong năm thú ba cõi. Cũng không tương ưng với sự phân biệt Đại thừa, Tiểu thừa của Phật, Pháp, Tăng bảo.

16. Không tương ưng với sự phân biệt của tâm ý, như: không phân biệt chân đế, tục đế; hữu vi, vô vi, hữu trí, vô trí; có thức, không thức; tác ý, không tác ý; tánh hữu thể, tánh vô thể; hữu tướng, vô tướng.

Từ Thị nên biết! Bát-nhã ba-la-mật-đa không nhiễm, không vướng mắc, không có các phân biệt; nó bình đẳng, thanh tịnh, là một tướng, một vị, không tương ưng với tất cả pháp sai biệt như vậy.

Này Từ Thị! Với phương tiện thiện xảo, Đại Bồ-tát khi tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm sâu thì phải trụ vào Chỉ và Quán, thân trụ trong tịch tĩnh, hiểu rõ nhân duyên các pháp như huyễn như hóa, thuận theo thắng nghĩa đế, lìa hữu, lìa vô, không thường, không đoạn, đều tùy thuận với nhân quả, không có tướng ngã, tướng nhân, là chân thật bất động, không mất oai nghi. Trụ vào ba cửa giải thoát nhưng không chấp đã chứng, không động không tịnh, đó là thiền của Như Lai. An trú thần thông, thâm nhập sâu vào thực tế, không ở mãi trong sinh tử, không nhập vào Niết-bàn, không chấm dứt hữu vi, không trụ trong vô vi. Mặc dù quán vô tướng nhưng không xả bỏ đại Bi. Mặc dù ở trong ba cõi nhưng luôn xuất ly. Tuy biết đúng về vô nhiễm nhưng không tu chứng. Tuy xa lìa các hý luận nhưng thích bàn luận về Chánh pháp.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nên gần gũi bạn lành, nghe Chánh pháp, đầy đủ tám mươi bốn loại tâm tối thượng thì mới có thể phát sinh Bát-nhã ba-la-mật-đa thù thắng vi diệu. Nghĩa là trụ vào tướng chân thật, tướng rất vi diệu, tướng tương ưng với Bát-nhã, tướng bạn lành, tướng lìa kiêu mạn, tướng cung kính, tướng đi nhiễu bên phải, tướng vô lượng, tướng lời nói hoàn hảo, tướng chí thành, tướng tác ý hoàn hảo, tướng không loạn, tướng vô định, tướng tốt đẹp quý báu, tướng thuốc hay, tướng trừ bệnh, tướng pháp khí, tướng chỉ dẫn, tướng nhập trí tuệ, tướng nghe pháp, tướng không chán, tướng tăng trưởng xả, tướng khéo điều phục voi ngựa, tướng kính thờ bậc đa văn, tướng thích nghe pháp vi diệu, tướng quán thân tịch diệt, tướng thanh tịnh vui thích, tướng nghe pháp không mệt mỏi, tướng nghe nghĩa, tướng nghe pháp, tướng lời nói đi đôi với việc làm, tướng nói pháp cho người, tướng nghe những điều chưa nghe, tướng nghe thần thông, tướng không tìm cầu thừa khác, tướng thích nghe Bát-nhã, tướng thích nghe Bồ-tát tạng, tướng thích nghe phương tiện quyền

xảo, tướng bốn Nhiếp pháp, tướng nghe phạm hạnh, tướng niệm chánh định, tướng hay sinh thiện xảo vô sinh, tướng tâm đại Từ bi, tướng duyên khởi, tướng vô thường, tướng khổ, tướng không, tướng vô ngã, tướng bất tịnh, tướng tịch tĩnh, tướng Không, tướng Vô tướng, tướng Vô nguyện, tướng không có hạnh bất thiện, tướng thắng nghĩa đế, tướng không hư hoại, tướng tự tại, tướng hộ tâm mình, tướng không bỏ tinh tấn, tướng tư duy pháp vi diệu, tướng đối trị phiền não, tướng tôn trọng Chánh pháp, tướng đối trị tà kiến, tướng đạt được Thánh tài, tướng trừ bỏ nghĩa khổ, tướng người trí khen ngợi, tướng người trí rất vui, tướng những điều người trí ưa thích, tướng tôn trọng bậc hiền thiện, tướng thấy bốn Đế, tướng quán lỗi lầm của uẩn, tướng tai hoạn của hữu vi, tướng căn cứ vào pháp, tướng căn cứ vào nghĩa, tướng căn cứ vào trí, tướng căn cứ vào kinh liễu nghĩa, tướng căn cứ vào kinh bất liễu nghĩa, tướng không tạo các điều ác, tướng tự mình làm lợi ích, tướng làm lợi ích cho người, tướng tạo thiện tốt đẹp, tướng không phiền não, tướng thắng hạnh, tướng đạt tất cả pháp môn của chư Phật.

Từ Thị nên biết! Người nghe pháp đầy đủ tâm thù thắng như vậy thì có thể nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm sâu, biết tất cả pháp không có ngã, không có người, xưa nay thanh tịnh. Sinh tử và Niết-bàn đều bình đẳng không hai.

Lại nữa, Đại Bồ-tát quán năm Căn: mắt,... các thọ khổ, vui... ý căn, mạng căn hay khởi lên phiền não làm căn bản cho sinh tử. Tín,... năm Căn và ba căn vô lậu hay xả bỏ phiền não. Đó là nhân Niết-bàn. Biết tánh phiền não từ xưa đến nay không sinh không diệt, tánh tướng thường trụ. Người nào tu tập như vậy gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Này Từ Thị! Đại Bồ-tát đã tu thắng hạnh tương ứng và không tương ứng với trí tuệ, không có phân biệt, hai trí đều bình đẳng, không xả bỏ chúng sinh mà luôn có lòng Từ bi, che chở tất cả được thanh tịnh bất động. Ai tu tập như vậy gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Đức Phật dạy Từ Thị:

–Câu nghĩa của Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể nghĩ bàn. Đó là câu tương ưng, câu như lý, câu như lượng, câu lời Phật, câu hiểu rõ nhân duyên, câu không chướng ngại, câu không diệt, câu đại xả, câu bất động, câu tất cả bất động, câu không y chỉ, câu bình đẳng, câu không khó, câu không cao thấp, câu thật tế, câu không biến đổi, câu không chấp trước, câu không trụ, câu không chỗ trụ, câu đối trị, câu tịch tĩnh, câu rất tịch tĩnh, câu khắp nơi

tịch tĩnh, câu không hý luận, câu vô khởi, câu tức chân, câu không khiếm khuyết, câu không thừa, câu không giới hạn, câu không đối trị, câu tối thắng, câu chân thật, câu như như, câu tuyệt ngôn, câu không phân biệt, câu không bỉ thử, câu ba đời bình đẳng, câu không ba đời, câu không trụ vào năm uẩn, câu không trụ vào sáu giới, câu không trụ vào mười hai xứ, câu không trụ vào mười tám giới, câu căn cứ vào pháp, câu căn cứ vào nghĩa, câu căn cứ vào trí, câu căn cứ vào liễu nghĩa.

Với câu nghĩa như vậy tức là Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể nghĩ bàn. Vì lìa ngôn thuyết, vì chân thắng nghĩa, vì không thể nghĩ bàn, vì không ví dụ, không so sánh, vì vô thượng, vì tự lợi và lợi tha, vì rất hy hữu, chỉ có Phật với Phật mới có thể chứng tri, ngoài ra không ai biết được. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa không có tánh, không có tướng, không so sánh, không ví dụ, chỉ có Phật Như Lai mới có thể biết tận.

Này Từ Thị! Bát-nhã ba-la-mật-đa này chẳng phải uẩn xứ giới, không chỗ nương tựa, không sinh không diệt, không trong không ngoài, không ở chặng giữa, cho nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa không thể nghĩ bàn.

Nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa này, Bồ-tát Từ Thị rất vui mừng, sung sướng nói kệ khen:

Thế Tôn Đại Hùng trí Vô thượng
Mười Lực, Vô úy, Chân giải thoát
Quảng đại thần thông không giới hạn
Nào ai có thể so lường được.
Quá khứ gần gũi vô lượng Phật
Đạt được trí vi diệu sâu xa
Vô số kiếp tu hạnh khó hành
Do đó thành Bậc Điều Ngự Sư.
Phật chứng tự nhiên Nhất thiết trí
Trụ trong tịch tĩnh khó nghĩ lường
Chỉ Phật Như Lai tự chứng biết
Hiện trong vô số cảnh giới Phật.
Tánh pháp chân thường lìa hai bên
Vô vi tịch tĩnh thoát ba cõi
Khổ nghiệp phiền não đều diệt trừ,
Pháp thân thanh tịnh chân giải thoát
Đạo tràng Bồ-đề thành Chánh giác
Chỉ có chư Phật mới chứng tri.

Thanh tịnh y nhiên, không đi, đến
Không tướng, không làm, không nói năng
Niết-bàn không sánh, không ví dụ
Phàm phu Nhị thừa không thể lường,
Đẳng giác Bồ-tát không thể biết,
Riêng Phật Thế Tôn mới hiểu rõ.
Các chúng Thanh văn trong hội Phật
Chứng đắc tự lợi, Như Lai khen,
Hết sinh hữu lậu, thân sau cùng
Họ cũng không biết cảnh giới Phật.
Tất cả Bích-chi-phật lợi trí
Nhiều khắp mười phương như lúa mè
Cùng tư duy trăm ngàn vạn kiếp
Không sao biết được trí tuệ Phật.

-oOo-

KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN 10

Phẩm 10: Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa (phần 2)

Đức Phật dạy Từ Thị:

–Đại Bồ-tát có bảy việc để đạt pháp môn vô tận không thể nghĩ bàn. Đó là:

1. Nhân vô tận.
2. Hữu tình vô tận
3. Giới vô tận.
4. Đại Bi vô tận
5. Diệu dụng vô tận.
6. Pháp môn vô tận
7. Phá hoại ma sinh tử nên có trí vô tận.

Như vậy, Bát-nhã ba-la-mật-đa không hành, không tướng, không sinh cũng không diệt. Bồ-tát ở trong tất cả pháp phải biết như vậy.

Khi Đức Phật nói Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm sâu này, trong hội có ngoại đạo tên Vi-mạt-để rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ngài nói tất cả pháp xưa nay không sinh, tự tánh thanh tịnh, nghĩa này không đúng. Tự tại thiên là thường, là cha mẹ của tất cả vạn vật sinh ra các pháp, có thể tạo tác, xếp đặt thế gian. Lại nói rằng, thần ngã có thể sinh ra tất cả các pháp, nhưng ngã này trụ trong tâm lớn giống như ngón tay cái. Ngài đã nói rằng, tất cả pháp do hòa hợp sinh ra, vì sao nay nói là không sinh?

Đức Thế Tôn dạy Vi-mạt-để:

–Ta sẽ theo ý ông mà trả lời những câu hỏi trên để đoạn trừ sự nghi ngờ của ông. Ông hãy lắng nghe cho kỹ. Như ông đã nói: Tự tại thiên là thường, có thể sinh ra tất cả. Như vậy, thì tất cả vạn vật được sinh phải đồng một tánh là thường. Nếu nói đã sinh thì trước sau biến đổi không thường trụ, theo lý thì không đúng. Vì sao? Vì dụng không lìa thể nên là thường trụ, thể không lìa dụng thì chẳng phải thường. Tự tại thiên là thường

có thể sinh thì phải thường sinh, vì sao có lúc sinh, có lúc không sinh? Đã không thường sinh thì sao gọi là thường? Vì nghĩa này cho nên đồng với chỗ sinh kia nhất định là vô thường. Cái sinh ra đã nhiều tức không phải là một. Nếu là một thì không có gì sai khác, nhưng muôn loài có từng loại riêng biệt, như vậy sao gọi là một?

Lại nữa, Tự tại thiên hay sinh ra tất cả mà không có lòng Từ bi. Nếu có lòng Từ bi thì nên làm cho hữu tình đều sinh lên cõi trời, người để hưởng sung sướng, tại sao làm cho các hữu tình chịu tám khổ, sinh trong ba đường ác chịu đủ các khổ? Nếu có lòng Từ bi tại sao tự sinh, tự sắp xếp, tự hại hữu tình? Nếu Tự tại thiên là một, là thường thì sinh ra tất cả không bị biến đổi, tại sao các loài khác sinh diệt vô thường, trong năm cảnh giới chịu sự bất tịnh riêng biệt? Ví như thấy quả thì biết ngay nhân của nó. Nên biết Tự tại thiên không thường, không phải một. Nếu tốt đẹp là do Tự tại thiên, còn thô ác bất thiện là do quỷ Tất-xá-giá làm ra, nói như vậy thì không đúng lý. Nếu thiện là do Tự tại thiên, còn ác là do quỷ Xá-giá, thiện ác trái nhau, sao gọi là tự tại?

Lại nữa, hữu tình tạo ác thì nhiều, người tu thiện thì ít, tức là quỷ Tất-xá-giá thắng vượt trời Tự tại. Hữu tình tạo các điều lành là phần của Tự tại thiên, tạo các điều ác là do quỷ Xá-giá dạy bảo. Đệ tử của các ông luôn nói như vầy: "Làm lành sinh lên trời, làm ác đọa địa ngục". Nếu nói sinh lên trời, đọa địa ngục là do tạo thiện ác, thì tại sao nói do Tự tại thiên tạo nên? Giống như vua ra lệnh ban cho quan tước, của cải, nhưng chỉ nói vua ban cho, chứ không nói là người tuyên mệnh lệnh. Lại như vua sai người giết, nhưng chỉ nói vua giết chứ không nói đồ tể. Nếu làm lành thì quy về Tự tại thiên, còn tạo ác thì quy về quỷ Tất-xá-giá, vậy thì vì sao hữu tình chịu khổ vui? Do đó nên biết, Tự tại thiên nhất định không thể tạo ra tất cả.

Nếu nói một thì vì sao hữu tình sinh ra vô lượng tâm thiện ác? Cho nên biết rằng không phải một.

Nếu nói tất cả do Tự tại thiên tạo ra thì phải thuần thiện, sao lại có ác? Giống như có người, có khi ở chỗ đông người tạo ra nhiều việc ác thì đó là người ác. Nếu chúng sinh làm ác do Tự tại thiên thì cả thế gian này đều nói là tội nhân địa ngục, vì tự tạo nghiệp ác. Vì sao riêng ông đả kích Tự tại thiên? Như có người chê người khác tạo ác thì mắc vô số tội, nay ngươi chê bai Tự tại thiên, bị mắc tội cũng vậy.

Này Vi-mạt-để! Tự tại thiên tạo tội như trên, còn tội lỗi của thần ngã nhiều gấp bội. Nếu ngã là thường có thể tạo tác thì thân này đi đứng phải được tự do, không ai hại được, vì sao phải khóc lóc sợ chết? Nếu ngã là

thường thì phải nhớ nghĩ quá khứ đã tạo nghiệp, bây giờ phải chịu khổ báo, cho nên đời này không tạo nghiệp ác nữa. Nếu ngã là thường thì phải tự tại, không già yếu mà phải luôn luôn trẻ khỏe, giống như cởi áo cũ mặc áo mới. Vậy tại sao có già, bệnh, chết? Do đây nên biết, ngã không thể tạo tác.

Này Vi-mạt-để! Ta quán các pháp cũng chẳng phải do nhân duyên hòa hợp sinh ra. Vì sao? Vì nhân là vô sinh, nếu nhân có sinh thì không cần đợi duyên. Tánh vô sinh của duyên lại cũng như vậy. Nếu nói do nhân duyên hòa hợp với ngã thì cũng không đúng. Giống như hai người mù đứng riêng ra thì không thể thấy màu sắc mà nếu đứng chung một chỗ cũng không thấy. Nên biết, nhân duyên hòa hợp với thần ngã cũng không thể sinh ra các pháp; nếu có thể sinh thì đó là vô thường, vì có tác dụng. Như vậy, những gì được sinh ra nhất định là vô thường, cho nên biết rằng lìa sở sinh ra thì không có cái năng sinh nào riêng khác. Có người nói năm đại cực vi là thường có thể sinh ra các pháp, như vậy cũng không đúng. Giống như nước hòa hợp với gạo thành rượu, uống vào thì say. Như vậy năng lực làm say không phải do bên ngoài, chẳng phải do bên trong của nước sinh ra, cũng chẳng phải phát sinh từ gạo, mà do nước và gạo hòa hợp mà biến thành rượu. Như vậy, tất cả các pháp không có tác giả, cũng không có ngã để làm nhân duyên. Vì sao? Vì đại địa, hư không, thủy, hỏa, phong giới cũng như vậy, có lẽ nào vật vô tình sinh ra hữu tình hay sao? Tất cả các pháp giả thì có mà pháp thật thì không, chẳng phải Tự tại thiên, chẳng phải thần ngã, chẳng phải nhân duyên hòa hợp, chẳng phải năm đại mà sinh ra. Cho nên biết rằng, bản tánh của tất cả các pháp không sinh, chỉ do duyên huyễn chuyển hóa mà có, không đến, không đi, không đoạn, không thường, thanh tịnh tròn đầy, là chân bình đẳng.

Khi ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

Tất cả pháp hữu vi
Như thành Càn-thát-bà
Tâm chúng sinh vọng chấp
Tuy hiện chẳng thật có.
Các pháp không nhân sinh
Cũng chẳng phải không nhân
Có là do vọng tưởng
Cho nên nói duy tâm.
Vô minh mà vọng thấy
Là nhân của sắc tướng
Tàng thức làm chỗ dựa
Tùy duyên hiện các hình,

Như người mắt bị bệnh
Thấy hoa đốm trên không
Tập khí quấy đục tâm
Theo ba cõi mà hiện.
Nhãn thức nương Lại-da
Hiện ra đủ thứ sắc
Như bóng ở trong gương
Phân biệt không ở ngoài.
Thấy biết đều do tâm
Không thường cũng không đoạn
Do thức Lại-da biến
Mà hiện ở thế gian.
Pháp tánh đều bình đẳng
Chỗ dựa của các pháp
Tàng thức hằng không đoạn
Mạt-na chấp làm ngã.
Tập khởi nói là tâm
Tánh suy lường là ý
Nghĩa phân biệt là thức
Cho nên nói duy tâm.
Các cảnh giới ngoài tâm
Vọng thấy như hoa đốm
Chấp thật có đều không
Đều do tâm thức biến.
Sắc và công năng sắc
Đều nương thức Lại-da
Phàm phu vọng phân biệt
Cho là chân thật có.
Thùy miên và hôn mê
Đi, đứng và ngồi, nằm
Tạo nghiệp và quả báo
Đều do tàng thức sinh.
Hữu tình và vô tình
Chẳng phải Tự tại sinh
Chẳng phải thần ngã tạo
Chẳng phải tánh vi trần.
Như tánh lửa trong cây
Dù có nhưng không cháy

Nhờ dùi mới có lửa
Do đó trừ tối tăm.
Xoay vần làm nhân duyên
Lại-da làm chỗ dựa
Các thức theo đó sinh
Khởi lên lậu, vô lậu.
Như biển gặp duyên gió
Nổi lên các sóng dữ
Hiện tiền luôn chuyển biến
Không bao giờ gián đoạn.
Biển tàng thức cũng vậy
Gió cảnh giới làm động
Luôn khởi các sóng Thức
Không bao giờ gián đoạn.
Như bơ chưa khuấy động
Không ai thấy được lạc,
Ra công không gián đoạn
Mới có được đề hồ.
Lại-gia vọng huân tập
Che lấp Như Lai tạng
Khi tu tập thuần thục
Chánh trí mới sáng tỏ.
Các thức chuyển theo duyên
Không thấy tâm bản giác
Trí tự giác hiện tiền
Chân tánh luôn bất động.
Giống như vàng trong quặng
Dính đá không thể dùng
Nấu lọc được vàng ròng
Làm các đồ trang sức.
Tánh Lại-da thanh tịnh
Bị vọng thức huân tập
Viên cảnh trí tương ưng
Như mặt trời thoát mây.
Ai tu tập về không
Theo không chấp giữ không
Quán không khác với sắc
Không gọi người chân quán.

Quán sắc tức là không
Sắc, không chẳng thể đắc
Đây là Thắng nghĩa không
Là người chân giải thoát.
Khách trần không tự tánh
Vô minh vọng phân biệt
Thật tướng không hữu, vô
Do chúng sinh vọng thấy.
Như ánh sáng nhật nguyệt
Tỏa sáng khắp mọi nơi
Như Lai thanh tịnh tạng
Đầy đủ các công đức.
Chân, vọng hòa lẫn nhau
Như hai voi thi đấu
Con yếu bỏ chạy luôn
Vọng hết, không sinh lại.
Tánh hoa sen không nhiễm
Khỏi nước lìa bùn dơ
Đến khi hoa sen nở
Ai thấy đều ưa thích.
Như Lai, Vô cấu tạng
Xa lìa các tập khí
Trí thanh tịnh tròn sáng
Chỗ Hiền thánh quay về.
Như châu bảo tối thắng
Không có chút tỳ vết
Luân vương làm mũ báu
Thường đội trên đỉnh đầu.
Như Lai thanh tịnh tạng
Không có các phân biệt
Thể đủ hằng sa đức
Pháp thân của chư Phật
Trụ vào cảnh vô lậu
Thanh tịnh giải thoát thân
Tịch diệt như hư không
Tánh pháp không đi, đến
Phật hiện trong ba cõi
Không sinh cũng không diệt

Cõi này và phương kia
Y nhiên, luôn bất động.
Bình đẳng chân pháp giới
Phật cũng như chúng sinh
Không đoạn, cũng không thường
Đại Bi không cùng tận.
Thân pháp tánh chư Phật
Trí bản giác tự nhiên
Chính là Thắng nghĩa đế
Chỉ Phật mới chứng tri.
Thể tự tánh vô sinh
Mâu-ni vốn tịch tĩnh
Lưu chuyển trong ba cõi
Chỗ quy y rốt ráo.
Pháp không tướng đến, đi
Ba đời luôn tịch tĩnh
Trụ trong chân Tam-muội
Thấy thân pháp giới kia
Thanh tịnh không thể bàn
Đủ hằng sa công đức
Đây là cõi vô lậu
Chỗ nương tựa chư Phật.
Chư Phật đủ ba thân
Thể, tướng, dụng bình đẳng
Tánh sâu xa rộng lớn
Thắng nghĩa không sai khác.
Vô lậu không biến đổi
Xa lìa tất cả tướng
Phiền não và sở tri
Bản tánh luôn thanh tịnh.
Không cấu, không nhiễm trước
Là Thầy chân điều ngự
Tánh tịnh là Niết-bàn
Cũng là Pháp thân Phật.
Thể đủ hằng sa đức
Vô cấu không nghĩ bàn
Luôn viên mãn sáu Độ
Đây là Nhất thiết trí.

Rộng lớn không giới hạn
Không còn các tư tưởng
Đoạn tập, chứng Bồ-đề
Đủ hằng sa công đức.
Với các pháp tự tại
Hiện đủ các sắc tượng
Quả đại Bi thanh tịnh
Làm lợi ích chúng sinh.
Vô lậu không phân biệt
Nguyện lực đều viên mãn
Giống như châu ma-ni
Hiện theo các màu sắc.
Giống như người thợ vẽ
Vẽ đủ các hình tượng
Hiện ra các cảnh giới
Đều do tâm thức biến.
Chúng sinh nhiều tánh dục
Như Lai đều biết rõ
Pháp thân luôn bất động
Nguyện lực hiện theo duyên
Thị hiện trời Đâu-suất
Thần thông cỡi voi trắng
Sinh ra ở cung vua
Xuất gia tu khổ hạnh
Đi đến gốc Bồ-đề
Chiến thắng các quân ma
Thành Phật chuyển pháp luân
Hoặc hiện tướng Niết-bàn.
Thị hiện có sinh diệt
Chân thân không lay động
Độn căn thích pháp nhỏ
Phương tiện nói Niết-bàn.
Trong pháp giới chân như
Không có tướng Niết-bàn
Đại Bi thích làm lợi
Dẫn đường cho chúng sinh.
Giống như người chủ buôn
Dẫn dụ các người ngu

Tâm Bồ-tát rộng lớn
Khiến chúng nhập Niết-bàn.

Nghe Đức Phật nói xong, Vi-mạt-để thân tâm vui mừng khôn xiết, liền rời chỗ ngồi, sửa y phục, quỳ gối chắp tay cung kính nói kệ khen ngợi Đức Phật:

Rơi vào sông sinh tử
Bị tà kiến trói buộc
Ca-tỳ-vi-dã-bà
Tiên Ca-na ngoại đạo.
Phàm phu bị hôn mê
Do đó sinh tà kiến
Mười Lực Đấng Thiện Thệ
Tuệ Phật chiếu sáng rỡ.
Hoặc nghe Na-la-diên
Trời Tự tại... chỉ dạy
Càng tăng trưởng tham dục
Làm tâm phát điên cuồng.
Chánh kiến phá tối tăm
Chính lời Như Lai dạy
Con nay lắng lòng nghe
Quy y Bậc Đại Thánh.
Đại Phạm có bốn mặt
Bốn tay đầy hoa sen
Diễn nói bốn Vệ-đà
Làm tăng trưởng tà kiến.
Chỉ có Phật Thế Tôn
Đại Thánh mặt trời trí
Phá nghi ngờ cho con
Chỗ quy y chân chánh.

Khen ngợi Đức Phật xong, Vi-mạt-để bạch Phật:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Hôm nay con được hoàn toàn lợi ích là nhờ ánh sáng trí tuệ chân chánh của Ngài làm cho tâm nghi tà kiến của con đều được tiêu trừ. Con nay xin quy y Đại Thánh Thế Tôn. Thưa Thế Tôn, sở dĩ con tên Vi-mạt-để vì con cầu đạo phi pháp nên tâm luôn nghi ngờ. Nay ở trước Phật con được Chánh pháp nhãn, diệt trừ tâm nghi hoặc nên nay con tên là Tô-mạt-để. Xin Ngài cho con làm đệ tử quy y Phật, Pháp, Tăng để tu hành Đại thừa, nguyện không bao giờ thoái lui, đạt được lợi ích

tốt đẹp, con sẽ đem công đức này hồi hướng cho hữu tình đều thành Phật đạo.

Khi Đức Thế Tôn nói pháp cho Vi-mạt-để, trong hội có vô lượng chúng sinh phát tâm Vô thượng Bồ-đề, sáu mươi hai na-do-tha Đại Bồ-tát chứng Vô sinh pháp nhẫn.

Đức Phật dạy:

–Này Từ Thị! Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nên tu tập tám pháp:

1. Thiện xảo về uẩn.
2. Thiện xảo về xứ.
3. Thiện xảo về giới.
4. Thiện xảo về đế.
5. Thiện xảo về duyên khởi.
6. Thiện xảo về ba đời.
7. Thiện xảo về tất cả thừa.
8. Thiện xảo về tất cả pháp.

Thế nào là Thiện xảo về uẩn?

Nghĩa là quán sắc uẩn giống như bọt trên nước, người ngu thấy vậy cho đó là tấm thảm trắng, liền xuống nước để lấy thì bọt trên nước tan mất, không thể nào nắm bắt được. Đại Bồ-tát dùng chánh trí tuệ thấy Đệ nhất nghĩa, hiểu rõ tánh sắc là không, giống như bọt trên nước, vì vậy nên gọi là Chánh tri kiến.

Quán thọ uẩn như bong bóng trên nước, vừa nổi lên thì mất ngay, sinh diệt trong từng sát-na, không đứng yên. Đại Bồ-tát dùng chánh trí tuệ thấy Đệ nhất nghĩa, hiểu rõ tánh của thọ là không, giống như bong bóng trên nước, do đó gọi là Chánh tri kiến.

Quán tưởng uẩn như quáng nắng. Ví như trời nóng bức, có người khát nước, từ xa thấy quáng nắng, nói đó là nước và liền chạy đến tìm, nhưng đến gần thì không có. Đại Bồ-tát dùng chánh trí tuệ thấy Đệ nhất nghĩa, hiểu rõ tánh của tưởng là không, do đó gọi là Chánh tri kiến.

Quán hành uẩn giống như cây chuối, bên trong không có lõi. Nếu lột thân nó ra mãi thì cuối cùng không còn gì cả. Đại Bồ-tát dùng chánh trí tuệ thấy Đệ nhất nghĩa, biết rõ tánh của hành là không, do đó gọi là Chánh tri kiến.

Quán thức uẩn như huyễn hóa. Như thầy ảo thuật giả làm vàng bạc,

trân bảo, trân châu, anh lạc nhưng tìm thật thể của nó thì hoàn toàn không thể có. Đại Bồ-tát dùng chánh trí tuệ thấy Đệ nhất nghĩa, biết rõ tánh của thức là không, giống như huyễn hóa, do đó gọi là Chánh tri kiến.

Quán như vậy rồi, phát tâm đại Bi cứu vớt tất cả hữu tình. Quán sát như vậy gọi là Thiện xảo về uẩn.

Lại quán năm uẩn như huyễn hóa. Tất cả đều do tâm vọng tưởng điên đảo sinh ra, không có ngã, không có người, không có chúng sinh, không có thọ mạng. Chẳng phải tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng, không có người tạo tác, không có người nhận. Với phương tiện thiện xảo hiểu rõ tánh của uẩn là không, giống như mộng tưởng, hoàn toàn không thể đắc. Đó gọi là trí Thiện xảo về uẩn của Đại Bồ-tát.

Đại Bồ-tát quán uẩn như âm thanh vọng lại, không có ta, không có người, cho đến không có người tạo tác, không có người nhận. Như vậy, tánh uẩn giống như âm thanh vọng lại trong hang trống. Nó thuộc vào các nhân duyên, nếu như thật liễu tri thì đều không có hai tướng. Đó gọi là trí Thiện xảo về uẩn của Đại Bồ-tát.

Đại Bồ-tát quán uẩn như ảnh, nó theo nghiệp duyên hiện, không có ta, không có người, cho đến không có người nhận. Như vậy, hiểu rõ tánh của uẩn như ảnh, không thể đắc, không có hai tướng. Đó gọi là trí Thiện xảo về uẩn của Đại Bồ-tát.

Đại Bồ-tát quán uẩn như bóng trong gương, không có ta, không có người, cho đến không có người nhận. Hình bóng trong gương không phải ở trong, không phải ở ngoài. Hiểu rõ nó không thể đắc, không hai tướng. Đó gọi là trí Thiện xảo về uẩn của Đại Bồ-tát.

Đại Bồ-tát quán uẩn nhờ duyên mà có nên nó như huyễn hóa, không có ta, không có người, cho đến không có người nhận. Dùng trí thiện xảo như thật liễu tri, thấy không có hai tướng. Đó gọi là trí Thiện xảo về uẩn của Đại Bồ-tát.

Đại Bồ-tát quán uẩn là tướng biến hoại, là vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh, tánh vốn không tịch, không hư hoại, không phải không hư hoại. Như thật liễu tri nên gọi là trí Thiện xảo về uẩn của Đại Bồ-tát.

Thế nào gọi là Thiện xảo về xứ?

Nghĩa là pháp nội xứ: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý đều không. Quán pháp ngoại xứ: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng không. Dùng chánh trí tuệ quán Đệ nhất nghĩa thấy không có trong, không có ngoài nên gọi là Chánh tri kiến. Đó gọi là trí Thiện xảo về xứ.

Lại có trí Thiện xảo về xứ, nghĩa là hiểu rõ các xứ: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt,

thân, ý đều không, cũng không có tướng thấy, nghe, hay biết. Đó gọi là trí Thiện xảo về pháp xứ.

Lại có trí pháp xứ, nghĩa là biết tự tánh của các xứ: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là không tịch, không có tướng cảnh giới của nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Đó gọi là trí Thiện xảo về pháp xứ.

Lại có trí thiện xảo về xứ, nghĩa là pháp tánh của các xứ: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý là không tịch, không có ta, không có cái của ta. Pháp tánh của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đều không, không có ta, không có cái của ta, không tương ưng, không phải không tương ưng, chẳng phải pháp lành, chẳng phải pháp ác, không tăng không giảm, không có hai tướng, xưa nay vắng lặng. Đó gọi là trí Thiện xảo về xứ của Đại Bồ-tát.

Lại có trí thiện xảo về xứ, nghĩa là nhãn xứ, sắc xứ xưa nay thanh tịnh, không nhiễm, không vướng mắc. Nhãn xứ bền chắc, tịch nhiên thường trụ. Cũng vậy, nhĩ, thanh xứ; tỷ, hương xứ; thiệt, vị xứ; thân, xúc xứ; ý, pháp xứ tánh vốn thanh tịnh, không nhiễm, không vướng mắc, cho đến ý căn kiên cố tịch nhiên, thường trụ không biến đổi. Đó gọi là trí Thiện xảo về xứ của Đại Bồ-tát.

Sao gọi là thiện xảo về xứ? Nghĩa là Thánh nhân xứ, chẳng phải phàm phu xứ có thể sinh ra Thánh đạo, đó gọi là xứ. Phàm phu tà kiến sinh đường ác gọi là phi xứ. Đại Bồ-tát trụ trong tám Thánh đạo phát tâm đại Bi để đưa hữu tình nhập vào chánh định tụ. Đó gọi là trí Thiện xảo về xứ.

Thế nào là trí Thiện xảo về giới của Đại Bồ-tát?

Nghĩa là quán nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới không có ta, không có của ta; cũng chẳng phải nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới theo duyên mà khởi. Cho đến ý giới, pháp giới không có ta, không có của ta, cho đến ý thức giới không có ta, cũng chẳng phải ý thức giới theo duyên mà khởi. Như vậy, Bồ-tát dùng chánh trí tuệ quán Đệ nhất nghĩa, biết rõ tánh của mười tám giới là không, không có ta, không có người, pháp giới bình đẳng, thanh tịnh bất động. Đó gọi là trí Thiện xảo về giới của Đại Bồ-tát.

Lại có thiện xảo về giới, nghĩa là trí hiểu rõ pháp giới, biết rõ tánh của địa, thủy, hỏa, phong giới là không; cứng, ướt, nóng, động... đều không thể đắc, đồng đẳng với tánh pháp chân tế. Đó gọi là trí Thiện xảo về pháp giới của Đại Bồ-tát.

Lại có trí Thiện xảo về pháp giới, nghĩa là hiểu rõ tánh của nhãn giới cho đến ý giới là không; tánh của sắc giới cho đến pháp giới là không; tánh của nhãn thức giới cho đến ý thức giới là không, không có tướng phân biệt, thấy nghe, hay biết. Đó gọi là trí Thiện xảo về pháp giới.

Thế nào là Thiện xảo về đế?

Đế là bốn Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Nghĩa là quán năm uẩn này là khổ, hành khổ, hoại khổ, đây gọi là trí về Khổ Thánh đế. Biết rõ vô minh làm tăng trưởng năm uẩn, gọi là trí tập đế. Không sinh tham dục, diệt sạch các khổ gọi là trí Diệt đế. Vì diệt này mà tu tám Thánh đạo gọi là trí Đạo đế. Đây gọi là trí Thiện xảo về đế của Đại Bồ-tát.

Lại có trí Thiện xảo về đế, nghĩa là biết khổ vốn không sinh gọi là trí Khổ đế. Biết tập không khởi gọi là trí Tập đế. Biết rõ xưa không sinh, nay không diệt gọi là trí Diệt đế. Không có hai tướng, tu tập Trung đạo gọi là trí Đạo đế. Đó gọi là trí Thiện xảo về đế.

Lại nữa, Đại Bồ-tát biết rõ khổ thọ vốn là không, không có tự tánh, chánh trí năng quán cũng không, đó gọi là trí Khổ trong khổ. Quán tập là do duyên khởi theo duyên huyễn hóa mà có, chánh trí năng quán cũng đều không, đó gọi là trí Tập trong tập. Biết tham ái nên diệt trừ, bản tánh vốn không, chánh trí hiện tiền, thanh tịnh bình đẳng, đó gọi là trí Diệt trong diệt. Biết rõ con đường thoát khổ không thể đắc, dùng chánh trí quán sát tự tánh đều không, đó gọi là trí Đạo trong đạo. Dùng chánh trí như vậy thì xa lìa các phân biệt, đó gọi là trí Thiện xảo về đế của Đại Bồ-tát.

Lại biết sự sinh ra khổ, thể nó vô sinh, gọi là chân trí trong Khổ. Biết sinh tập, khởi tập không hòa hợp, gọi là chân trí trong Tập. Biết sự sinh vốn không nên không có diệt, gọi là chân trí trong Diệt. Biết con đường thoát khổ, lìa hữu lìa vô, gọi là chân trí trong Đạo. Đại Bồ-tát như thật liễu tri như vậy gọi là Thiện xảo về đế.

Lại có thiện xảo về đế, nghĩa là ba đế: Thế tục đế, Thắng nghĩa đế, Thật tướng đế:

Thế tục đế là tất cả ngôn ngữ văn tự và sự thấy nghe hay biết của thế gian.

Thắng nghĩa đế là diệt hết sự hoạt động của tâm, không còn văn tự, xa lìa tất cả thấy nghe hay biết.

Thật tướng đế, tất cả tướng là vô tướng, vô tướng ấy là thật tướng.

Với thế tục, Đại Bồ-tát không bị ô nhiễm, quán sát chân bình đẳng không trú vào một tướng nào cả. Đó gọi là trí Thiện xảo về đế của Đại Bồ-tát.

Lại có hai đế là Thế đế và Chân đế. Thế đế là đối với tất cả pháp sắc, tâm... thấy như thật, biết như thật. Chân đế là lý Nhị không, thanh tịnh y nhiên, hoàn toàn tịch diệt, giáo hóa không biết chán, biết rõ mà không nắm bắt, không có pháp nào có thể đắc. Đó gọi là trí Thiện xảo về đế của Đại

Bồ-tát.

Lại có một đế, đó là pháp giới chân như thanh tịnh, không sinh không diệt, không thường, không đoạn, xa lìa hai bên an lạc cứu cánh. Với sinh hay vô sinh, tâm không hai tướng. Đó gọi là trí Thiện xảo về đế của Đại Bồ-tát.

Thế nào là Thiện xảo về duyên khởi?

Nghĩa là Đại Bồ-tát quán duyên khởi lưu chuyển không gián đoạn: vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên già, bệnh, chết, lo buồn khổ não. Bồ-tát dùng chánh trí như thật liễu tri về duyên khởi không có tánh, không sinh không diệt, tánh pháp hiện tiền không có tâm, không tạo tác, không chủ tể, không lệ thuộc. Đó gọi là trí Thiện xảo về duyên khởi của Đại Bồ-tát.

Lại có nhân thiện, nhân ác, nhân động, nhân bất động, nhân sinh tử, nhân Niết-bàn. Tất cả nhân như vậy đều biết như thật. Tất cả chúng sinh lợi căn hoặc độn căn, những căn tánh như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy, quả báo như vậy, gốc ngọn như vậy, đều biết như thật. Theo nhân duyên sinh đó mà khéo tu tập không để hao mất, đó gọi là trí Thiện xảo về duyên khởi của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, khi vọng tưởng diệt thì vô minh diệt, vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử, sầu khổ, ưu bi diệt. Đại Bồ-tát dùng chánh trí tuệ biết rõ duyên khởi không sinh không diệt, không chủ, không lệ thuộc, cho nên gọi là trí Thiện xảo về duyên khởi của Đại Bồ-tát.

Này Từ Thị! Tất cả nhân duyên đều là giả hợp, không có tự tánh, không phải do ta, người, chúng sinh hay thọ mạng mà được sinh trưởng. Vì các hữu tình mà nói pháp như vậy, vô lượng, vô biên không cùng tận, biết rõ như thật gọi là trí Thiện xảo về duyên khởi của Đại Bồ-tát.

Đại Bồ-tát liễu tri tất cả pháp duyên sinh không sinh không diệt là tướng vô tận, tướng vô tận này tức là tướng Bồ-đề. Đó gọi là trí Thiện xảo về duyên khởi của Đại Bồ-tát.

Sao gọi là thiện xảo về ba đời? Nghĩa là nhớ biết tất cả pháp lành ở quá khứ mà như thật tu hành, luôn xa lìa pháp bất thiện. Biết như thật rồi hồi hướng cho tất cả hữu tình. Đây gọi là trí Thiện xảo về quá khứ của Đại

Bồ-tát.

Lại nhớ biết tất cả tư lương căn lành Bồ-đề ở vị lai rồi đều hồi hướng về trí Nhất thiết trí. Đây gọi là trí Thiện xảo về vị lai của Đại Bồ-tát.

Tất cả chánh niệm tương ưng với pháp lành, không sinh tà niệm tương ưng với pháp bất thiện. Đây gọi là trí Thiện xảo về hiện tại của Đại Bồ-tát.

Lại quá khứ tất cả đều không, hiện tại, vị lai cũng đều không. Ba đời bình đẳng trụ vào Đệ nhất nghĩa, là chân thật giải thoát.

Lại quán phước đức và trí tuệ của tất cả chư Phật trong ba đời: quá khứ, hiện tại và vị lai mà sinh tâm tùy hỷ. Đây gọi là trí Thiện xảo về ba đời của Đại Bồ-tát.

Quán quá khứ đã diệt, vị lai chưa sinh, hiện tại không dừng, đem thắng hạnh tu học về thiện pháp trong ba đời hồi hướng lên Vô thượng Bồ-đề. Hiện tại pháp lành trong một sát-na cũng không dừng, mà luôn phát tâm Bồ-đề. Đây gọi là trí Thiện xảo về ba đời của Đại Bồ-tát.

Quá khứ đã diệt, vị lai chưa sinh, hiện tại không dừng. Mỗi niệm, mỗi niệm sinh diệt như vậy không ngừng, tâm luôn giác tỉnh. Đây gọi là trí Thiện xảo về ba đời của Đại Bồ-tát.

Bồ-tát có thần thông tự tại chẳng nghĩ bàn, có thể nhớ biết tất cả căn lành đã gieo trồng trong quá khứ, các pháp lành đã tu trong hiện tại và sẽ nguyện tâm giác ngộ ở vị lai được viên mãn, tất cả đều nguyện hồi hướng lên Vô thượng Bồ-đề. Đây gọi là trí Thiện xảo về ba đời của Đại Bồ-tát.

Vì muốn các hữu tình được thành thục mà nhớ lại tất cả căn lành đời quá khứ của tất cả hữu tình, tùy theo căn cơ của từng chúng sinh đó mà được thành tựu y theo lời nguyện. Tất cả hữu tình cúng dường chư Phật vị lai cũng tùy theo căn cơ của mỗi người sẽ được thành tựu. Tất cả hữu tình đời hiện tại, Đại Bồ-tát dùng thần thông thuyết pháp giáo hóa đủ cách, tùy thuận theo căn cơ của mỗi người mà thành tựu. Làm lợi ích cho mình và người trong ba đời như vậy tròn đầy diệu hạnh Bồ-đề thù thắng. Đây gọi là trí Thiện xảo về ba đời của Đại Bồ-tát.

Thế nào gọi là Thiện xảo ba thừa?

Nghĩa là nương vào ba thừa mà cầu pháp xuất ly.

Thế nào là trí thiện xảo về Thanh văn thừa của Đại Bồ-tát?

Nghĩa là gặp Phật ra đời, được nghe pháp Tứ đế; nhờ nghe mà ngộ lý, sinh chánh kiến, cho nên gọi là Thanh văn. Do giữ giới thanh tịnh nên viên mãn giới thân, đạt được thiền định nên viên mãn định thân. Vì thấy chân lý chắc thật nên được thân trí tuệ giải thoát, giải thoát tri kiến. Đây

gọi là trí Thiện xảo về Thanh văn của Đại Bồ-tát. Thiện xảo về Thanh văn thừa nghĩa là sinh tưởng nhàm chán đối với ba cõi, quán thật kỹ về pháp hữu vi là vô thường, thấy tất cả pháp đều vô ngã, vui thích hoan hỷ Niết-bàn tịch tĩnh.

Lại quán năm uẩn như giặc thù, quán các giới như rắn độc, quán mười hai xứ như làng bỏ không. Luôn nguyện cầu pháp xuất ly, ưa thích Niết-bàn và nghĩ tưởng nương tựa vào Niết-bàn. Đây gọi trí Thiện xảo về Thanh văn thừa của Đại Bồ-tát.

Thế nào gọi là trí Thiện xảo về Độc giác thừa của Đại Bồ-tát? Nghĩa là nhàm chán hữu vi, thích pháp xuất ly, ít ham muốn, biết đủ, tránh xa các hý ác luận, thích ở nơi yên tịnh, tự nhiên giác ngộ các nhân duyên, thấy các pháp vô thường, nhờ đó mà được giải thoát. Đây gọi là trí Thiện xảo về Độc giác thừa của Đại Bồ-tát.

Thế nào là trí Thiện xảo về pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát?

Nghĩa là công đức của Đại thừa vô lượng, vô biên, làm cho hữu tình đều ngộ nhập vào Tối thượng thừa mà không bị chướng ngại, không sinh không diệt, đạt được đại trí tuệ, tích lũy tất cả phước đức căn lành, là chỗ tất cả hữu tình thọ dụng, thành tựu các Ba-la-mật-đa, điều phục hoàn toàn các tâm hành, tăng trưởng Vô thượng Đại Bồ-đề, có oai lực lớn, đến đạo tràng, ngồi dưới cây Bồ-đề. Đem lòng đại Bi quán các căn cơ chúng sinh không lìa bỏ, không bị chướng ngại, thương xót tất cả đều bình đẳng như con một. Có thể vượt qua các sợ hãi về những cảnh giới ác, làm Phật pháp đều được hiện tiền, chiến thắng ngoại đạo ma oán, dựng cờ thắng pháp Bồ-đề, đoạn trừ các kết sử, đạt trí vô ngại của Phật Như Lai, làm tăng trưởng lợi ích trân bảo Phật pháp, tùy theo căn cơ mà làm lợi sinh không có sai lầm. Nuôi dưỡng hữu tình với lòng đại Bi rộng lớn, đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, tướng tốt, công đức, anh lạc trang nghiêm, không có lầm lỗi. Tất cả thiện xảo như vậy gọi là trí Thiện xảo về Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại có một thừa của chư Phật đầy đủ bảy pháp Phật làm Đại thừa giống như vua Chuyển luân có đầy đủ bảy báu:

1. Đại quán sát.
2. Đại tùy thuận.
3. Đại trí tuệ.
4. Đại tinh tấn.
5. Đại giác ngộ.

6. Đại phương tiện.

7. Đại sự nghiệp.

Đại quán sát nghĩa là Đại Bồ-tát gần gũi bạn lành nghe Chánh pháp, trong một sát-na ngộ thật tướng hiện tiền của tất cả pháp.

Đại tùy thuận nghĩa là Đại Bồ-tát thành tựu đại Trí, đại Định, đại Bi, làm lợi ích cho mình và người.

Đại trí tuệ nghĩa là Đại Bồ-tát thấy tướng chân thật, ngã, pháp đều không.

Đại tinh tấn nghĩa là Đại Bồ-tát trải qua vô lượng a-tăng-kỳ kiếp luôn thành tựu đại Bi vạn hạnh.

Đại phương tiện nghĩa là Đại Bồ-tát được nhẫn bình đẳng, không trụ trong sinh tử, không chứng Niết-bàn.

Đại giác ngộ nghĩa là Đại Bồ-tát chứng mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, được vô lượng, vô biên công đức.

Đại sự nghiệp là Đại Bồ-tát ở trong sinh tử chứng Đại Bồ-đề, thành tựu viên mãn hằng hà sa ức sự nghiệp của Phật.

Đầy đủ bảy pháp thù thắng như vậy là làm Pháp vương. Đây gọi là trí Thiện xảo về Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Thế nào là Thiện xảo về tất cả pháp của Đại Bồ-tát? Nghĩa là với pháp hữu vi, vô vi, Đại Bồ-tát đều thông thạo rốt ráo. Thân, khẩu, ý làm việc thiện, thanh tịnh tăng trưởng, hồi hướng lên Vô thượng Bồ-đề. Đó gọi là trí Thiện xảo về hữu vi.

Bồ-tát không tạo thân, khẩu, ý nghiệp, đầy đủ tam vô tác thanh tịnh bình đẳng, hồi hướng lên Vô thượng Bồ-đề. Đó gọi là trí Thiện xảo về vô vi.

Lại có thiện xảo là đối với Bố thí, Trì giới... cho đến Thiền định. Đại Bồ-tát tu tập dũng mãnh hồi hướng lên Vô thượng Bồ-đề. Đây gọi là trí Thiện xảo về hữu vi của Đại Bồ-tát.

Lại dùng Bát-nhã ba-la-mật-đa lìa tất cả tướng, tu các Ba-la-mật-đa hồi hướng lên Vô thượng Bồ-đề. Đây gọi trí Thiện xảo về vô vi của Đại Bồ-tát.

Lại có thiện xảo là dùng trí phương tiện hành bốn Nhiếp pháp để giáo hóa chúng sinh. Đây gọi là trí Thiện xảo về hữu vi của Đại Bồ-tát.

Lại có thiện xảo trụ trong Đệ nhất nghĩa, tuy làm lợi ích chúng sinh nhưng không chấp thủ, hồi hướng lên Vô thượng Bồ-đề. Đây gọi là trí Thiện xảo về vô vi của Đại Bồ-tát.

Lại có thiện xảo: liễu tri phiền não làm tăng trưởng sinh tử, liễu tri pháp Bồ-đề phần, chấm dứt sinh tử. Đây gọi là trí Thiện xảo về hữu vi của Đại Bồ-tát.

Lại biết ba pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, đối với Vô thượng Bồ-đề có lòng tin kiên cố nhất định không bao giờ thoái chuyển, bình đẳng không hai không khác. Đây gọi là trí Thiện xảo về vô vi của Đại Bồ-tát.

Lại có thiện xảo hữu vi, nghĩa là hoạt động trong ba cõi mà không vướng mắc ba cõi. Đây gọi là trí Thiện xảo về hữu vi của Đại Bồ-tát. Liễu tri tánh ba cõi là không, như huyễn như hóa mà không chấp giữ. Đây gọi là trí Thiện xảo về vô vi của Đại Bồ-tát.

Như vậy liễu tri tánh của các pháp thanh tịnh không tướng, không tên, đầy đủ Nhất thiết trí gọi là thật trí. Vì cứu hộ tất cả chúng sinh mà phương tiện giả lập, phân biệt như vậy gọi là Quyền trí.

Đối với tám pháp này, Đại Bồ-tát dùng Nhị trí một cách tự tại gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Lại liễu tri tất cả pháp tánh gọi là trí tuệ. Quán tất cả các pháp thiện ác là phương tiện; tùy thuận giải thoát, xa lìa các phân biệt, Thánh trí được hiện tiền gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại có thể phân biệt một cách khéo léo về các kiến và kết sử, dùng pháp Quán và Chỉ đoạn trừ tất cả chúng gọi là phương tiện; nhưng làm viên mãn đại nguyện Vô thượng gọi là trí tuệ.

Diệt trừ các phiền não để được tươi mát giải thoát gọi là phương tiện; có thể giải tỏa các phiền não vì tánh không thể đắc, là trí tuệ.

Đoạn diệt khổ của thân tâm, được nhẹ nhàng an vui là phương tiện, dạo chơi vườn pháp được niệm Tổng trì, lý trí hiện tiền là trí tuệ.

Làm chỗ nương tựa cho các hữu tình là phương tiện; không trụ không chấp vào năng y, sở y là trí tuệ.

Đạt được ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề là phương tiện; thường ly niệm mà tương ưng với thật tướng trí tuệ, được pháp lạc lớn là trí tuệ.

Hay làm tăng trưởng năm Độ là phương tiện; tùy theo sở thích của thừa nào mà đồng đưa về Phật tuệ, tự tánh chiếu sáng là trí tuệ.

Có thể cứu tất cả chúng sinh ra khỏi dòng thác dữ sinh tử là phương tiện; thật không có chúng sinh nào diệt độ là trí tuệ.

Xây dựng chánh hạnh là phương tiện, thấy bản tánh là không, là trí tuệ.

Trừ khách phiền não là phương tiện, giác ngộ hoàn toàn về tánh trí

không nhiễm là trí tuệ.

Làm mà không thấy làm là phương tiện, giác ngộ các pháp không là trí tuệ.

Không chấp trước ba cõi là phương tiện, khiến các Bồ-tát hiểu rõ Đệ nhất nghĩa là trí tuệ.

Giáo hóa chúng sinh tu hành các việc lành là phương tiện; tất cả Hiền thánh cùng một pháp giới là trí tuệ.

Tùy theo căn tánh của chúng sinh mà diệt trừ các phân biệt hư vọng là phương tiện; thấy xưa nay vốn thanh tịnh, tịch diệt, không sinh là trí tuệ.

Thường dùng mọi cách để đoạn diệt si ám là phương tiện; đi sâu vào thiền định nhưng không trụ vào thiền định là trí tuệ.

Giáo hóa dẫn dắt hàng Nhị thừa là phương tiện, đoạn trừ pháp chấp, nhập Phật tri kiến là trí tuệ.

Theo căn tánh của chúng sinh mà làm cho họ được sự thắng giải là phương tiện; hiểu rõ căn tánh đều không là trí tuệ.

Vượt qua cảnh giới hư vọng là phương tiện; khai mở thắng nghĩa đế là trí tuệ.

Quyền xảo tuyên thuyết bốn Đế là phương tiện; biết rõ những việc tu hành không thể đắc là trí tuệ.

Siêng cầu công đức với bi nguyện vô tận là phương tiện; biết rõ chân ngụy, không đến không đi, pháp giới bình đẳng là trí tuệ.

Tùy theo duyên mà giáo hóa chỉ dạy cho chúng sinh là phương tiện, hiểu rõ tánh phiền não xưa nay là giải thoát, đó là trí tuệ.

Biết kết sử do phân biệt hư vọng là phương tiện; biết rõ tâm chúng sinh xưa nay tịch tĩnh là trí tuệ.

Siêng năng tu tập đoạn trừ những tập khí tùy miên là phương tiện, tâm hành sai biệt của tất cả chúng sinh, tám vạn bốn ngàn cửa trần lao là cửa Phật tuệ, gọi là trí tuệ.

Khéo léo siêng tu Thanh văn, Duyên giác để dần dần đi vào Phật đạo là phương tiện; Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy, mau chứng Vô thượng Bồ-đề. Đó gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Khi Đức Phật nói Bát-nhã ba-la-mật-đa này, trong hội có ba mươi hai ức Đại Bồ-tát chứng Vô sinh pháp nhẫn, bảy vạn tám ngàn chúng sinh phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Đại chúng trong hội này dùng đủ loại hoa thơm đẹp lạ, tàn lọng, cờ xí, đầy đủ các đồ trang sức hương thơm hoa Chiêm-bặc để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật-đa, đại chúng rải cúng Như Lai, Đại Bồ-tát

Từ Thị và các Bồ-tát. Trên hư không chư Thiên trỗi nhạc trời ca tụng, khen ngợi Như Lai trong vô lượng kiếp thành tựu Bồ-đề, được vô lượng công đức.

Bấy giờ Đức Phật dạy Đại Bồ-tát Từ Thị cùng đại chúng:

–Các ông hỏi Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm sâu này là pháp môn công đức vô tận của Đại thừa không thể nghĩ bàn. Nghe kinh này, đại chúng trong hội kinh này cũng sẽ tròn đầy công đức như vậy. Nếu ai nghe kinh này có tâm tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói thì những người ấy được lợi ích vô lượng không thể nghĩ bàn, không thể ví dụ, không tính đếm được.

Khi ấy Đức Thế Tôn cởi y trao cho Từ Thị và nói:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam, ông hỏi Bát-nhã ba-la-mật-đa thâm sâu như vậy đã làm cho tất cả mười phương chư Phật Như Lai trong đều tùy hỷ.

Nhận y Phật rồi, Bồ-tát Từ Thị đội lên đầu, cung kính thưa:

–Bạch Thế Tôn! Y này là chân thân bảo tháp của Như Lai. Tất cả Trời, Rồng, Nhân phi nhân đều phải làm lễ, đi nhiễu bên phải, cung kính cúng dường.

Bồ-tát Từ Thị vừa nói xong, bỗng nhiên đại chúng thấy đủ thứ hoa, vòng hoa báu, cờ xí, tàn lọng từ mười phương đến ở hư không ngay trên đỉnh đầu Đức Phật, trong chốc lát che khắp cả đại hội, Từ thị Bồ-tát và cả đại chúng. Từ trong những phẩm vật cúng dường như tàng lọng, cờ xí... phát ra âm thanh khen ngợi:

–Lành thay, lành thay! Bồ-tát Từ Thị đã hỏi nghĩa như vậy, thâm tâm chúng ta phải tùy hỷ cúng dường.

Khi ấy Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả tàn lọng, vòng hoa, cờ xí... này từ đâu mà phát ra âm thanh khen ngợi tùy hỷ như vậy?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Trong đời quá khứ, Bồ-tát Từ Thị đã tu hành hạnh Bồ-tát, độ thoát vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh nên nay được trụ vào địa Bồ-tát không thoái chuyển. Hoặc trong Thanh văn, Độc giác, Trời, Người, do nhân duyên kiếp trước mà các chúng sinh ấy ở mười phương thế giới đều dùng đủ loại hoa, vòng hoa, tàn lọng, cờ xí cúng dường kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa và Phật Như Lai, khen ngợi công đức của Từ Thị, cho nên có âm thanh ấy.

Đức Phật nói kinh này xong, tất cả chúng hội hướng đến chỗ Bồ-tát Từ Thị trân trọng nói:

–Hôm nay chúng ta được lợi ích lớn, được gần gũi cúng dường vị ấy, được ở chỗ Đức Thế Tôn nghe kinh Bát-nhã ba-la-mật-đa này.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các chúng sinh này được nghe danh hiệu Phật và Bồ-tát Từ Thị còn được vô lượng, vô biên công đức, huống gì gần gũi trước Phật, được nghe kinh này và tin hiểu, thọ trì.

Đức Thế Tôn dạy Xá-lợi-phất:

–Thiện nam, thiện nữ nào trong một kiếp đem vàng bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, trân châu, ma-ni, đầu, mắt, tủy não... để bố thí mà không tiếc nuối và giữ gìn giới cấm, nhẫn nhục, tinh tấn tu tập thiền định. Nếu người nào nghe kinh này, dù chỉ một kệ bốn câu thì công đức thành tựu Đại thừa Bát-nhã ba-la-mật-đa của người này thắng vượt công đức trên. Nếu xa lìa pháp này, không thể thành tựu các Ba-la-mật-đa.

Này Xá-lợi-phất! Do đó mà thiện nam, thiện nữ nào nghe kinh điển này mà tin hiểu, thọ trì, suy nghĩ tu tập, ta nói người ấy mau thành Vô thượng Bồ-đề. Nên biết người ấy đã được pháp ấn Bồ-đề của chư Phật Như Lai.

Xá-lợi-phất! Khi nói kinh này, nếu có Bồ-tát phát nguyện như vầy: "Nay con sẽ trì tụng kinh này và vì người khác giảng nói", người ấy thường có tâm niệm như vậy, thì đó là viên mãn Bố thí ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì trong tất cả các sự bố thí, bố thí pháp là tối thắng. Nếu trì kinh này, giữ gìn phòng hộ pháp thân tức là viên mãn Trì giới ba-la-mật-đa. Thuận với Vô sinh nhẫn gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật-đa. Như lý, không giải đãi là Tinh tấn ba-la-mật-đa. An trú trong tịch diệt là Thiền định ba-la-mật-đa. Tự nhiên được trí tuệ, không nhờ vào duyên sinh mà giác ngộ, gọi là Trí tuệ ba-la-mật-đa.

Này Xá-lợi-phất! Nếu có người thọ trì kinh này, dù chỉ một kệ bốn câu thì mau viên mãn Vô thượng Bồ-đề. Nếu Bồ-tát thọ trì kinh này, đọc tụng, ghi chép, hoặc giữ gìn kinh này thì sinh ở đâu cũng đều gặp Phật. Nên biết người ấy đã được tất cả pháp tàng của Như Lai. Nếu người thọ trì kinh điển này, tuy hình tướng có sai khác nhưng tâm Bồ-đề không có hai tướng. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Vì kinh này là pháp ấn thật tướng Bồ-đề không thoái. Do đó nên biết, các Bồ-tát tùy thuận theo kinh này thì được Vô thượng Bồ-đề không thoái chuyển. Nếu Bồ-tát tùy thuận kinh này là tùy thuận với tất cả Phật pháp.

Khi ấy, Hộ thế Tứ Thiên vương cùng các Đại vương quyến thuộc đều chắp tay cung kính tôn trọng, nhất tâm giữ chánh niệm, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tứ Thiên vương chúng con nay sẽ giữ gìn Chánh pháp của Như Lai. Nếu thiện nam, thiện nữ nào trì kinh này thì người đó là Pháp sư, con sẽ tôn thờ, cung kính cúng dường như chư Phật không khác. Vì sao? Vì tất cả chư Phật và pháp Đại thừa đều từ kinh này mà ra.

Lúc ấy, trời Đế Thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con tuy theo Phật, được nghe nhiều kinh nhưng chưa từng được nghe kinh thâm sâu này. Con cùng chúng trời sẽ bảo vệ kinh này. Nếu kinh này có mặt ở thành ấp, xóm làng, rừng núi, dưới gốc cây, nơi thanh vắng... mà có người thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói, thì chư Thiên chúng con sẽ làm thính chúng. Nhờ kinh này mà sắc lực của quốc vương, hoàng hậu, hoàng phi, quyến thuộc nơi đó ngày càng dồi dào, không còn lo buồn gì cả. Chúng con luôn cung cấp, ủng hộ đại thần, khanh tướng, tất cả nhân dân và người thuyết pháp, khiến cho họ không có lo âu. Chúng con làm cho thời tiết của các quốc giới được thuận lợi, có thứ tự, không trái ngược, tất cả địch thù không thể xâm lăng làm hại, lúa má được mùa nhân dân an lạc, làm tăng thêm sắc lực của Pháp sư biện tài vô ngại; lại khiến cho Pháp sư ở trong chúng được Đại vô úy, giống như Sư tử vương thuyết pháp cho mọi người.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Thiên đế:

–Lành thay, lành thay! Này Kiều-thi-ca, ông ủng hộ kinh này và Pháp sư không còn nguy nạn. Ông nên biết rằng, nếu ai ủng hộ Pháp sư thì người đó là hộ pháp. Người hộ pháp là ủng hộ đất nước và nhân dân.

Bấy giờ, các Đại phạm Thiên vương ở thế giới Tố-ha bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con và chúng trời Phạm thiên bỏ sự khoái lạc thiền định, thích theo đến chỗ có kinh điển này và Pháp sư. Con sẽ đến đó hiện ra bốn tướng để Pháp sư biết có chúng con đến:

1. Thấy ánh sáng lớn.

2. Nghe có mùi thơm lạ.

3. Làm cho Pháp sư đó được biện tài vô ngại.

4. Làm cho thính chúng nhất tâm chánh niệm.

Do bốn tướng này mà biết có con ở trong hội, con sẽ làm người hộ pháp để nghe Chánh pháp.

Khi ấy, ma vương Ba-tuần thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói kinh này làm cho cung điện của con

không còn màu sắc ánh sáng, bị chấn động, không an ổn, thế lực bị suy hao.

Đức Phật nói:

–Các vị Đại Bồ-tát nghe kinh này, kinh này ở chỗ nào mà có thiện nam, thiện nữ thọ trì cho đến một kệ bốn câu, khi lọt vào tai thì tin hiểu thọ trì; nên biết người này đã được thọ ký Vô thượng Bồ-đề, sẽ kế thừa ngôi vị Phật.

Ma vương Ba-tuần thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ đó nhờ thọ trì kinh này mà làm cho oai đức, thế lực của quyến thuộc con bị tiêu diệt. Như vậy, nếu có người nào thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói kinh này, dù người đó ở đâu, chúng con nguyện luôn ủng hộ, không bao giờ khởi một tâm niệm làm chướng ngại.

Đức Thế Tôn dạy Xá-lợi-phất:

–Đời vị lai ông nên thọ trì, đọc tụng, lưu bố kinh này để cho Chánh pháp được tồn tại lâu dài.

Xá-lợi-phất thưa:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn! Con sẽ thọ trì.

Phật dạy A-nan:

–Ông nên thọ trì, đọc tụng, lưu bố kinh này.

A-nan thưa:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn! Con sẽ thọ trì. Tuy nhiên, chúng con luôn phụng hành nhưng không bằng các vị Bồ-tát lưu bố rộng rãi.

Phật dạy A-nan:

–Đừng lo sợ kinh này không được lưu bố, vì vô số Đại Bồ-tát trong đại hội này đều nguyện lưu truyền.

Trong hội có sáu mươi câu-chi Đại Bồ-tát vì muốn bảo hộ, giữ gìn kinh điển này liền đứng dậy thưa:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Chúng con thề sẽ lưu bố kinh này khắp cả mười phương thế giới. Thế giới Tố-ha đã có Từ Thị tuyên nói kinh này không cho gián đoạn. Sau khi Phật diệt độ năm trăm năm, có chúng sinh nào vừa mới nghe kinh này đã lọt vào tai thì biết người đó được Phật thọ ký. Ai thọ trì kinh này, dù một kệ bốn câu, nên biết những người đó đều do oai thần của Đại Bồ-tát Từ Thị kiến lập.

Đức Thế Tôn dạy chúng Bồ-tát:

–Lành thay, lành thay! Này các thiện nam tử, ở chỗ ta, các ông đã

ủng hộ kinh này nên biết rằng, các ông cũng phải ủng hộ kinh này ở vô lượng hằng sa cõi nước chư Phật.

Khi đó Đại Bồ-tát Từ Thị quỳ chắp tay thưa:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Con hỏi kinh này là xúc phạm đến Như Lai. Nay trước Phật con xin chí thành sám hối, cúi xin Ngài rủ lòng Từ bi thương xót, tha thứ lỗi lầm cho con và các vị Bồ-tát đây cũng xin sám hối nhận tội như con.

Phật dạy:

–Này Từ Thị! Ông đã được Bát-nhã ba-la-mật-đa với nghĩa lý thâm sâu, với pháp Đại thừa không có nghi ngờ, với thân, khẩu, ý không lầm lỗi, tất cả chư Phật đều ấn khả cho ông. Pháp của ông nói ra cũng như pháp của ta đã nói.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì? Và chúng con phụng trì thế nào?

Phật dạy:

–Kinh này tên là Quá Khứ Hiện Tại Vị Lai Đại Bồ-tát Ma-ha-tát Đại Thừa Lý Thú, cũng là mắt của tất cả chúng sinh, cũng là mẹ của chư Phật, cho nên kinh này tên là Đại Thừa Bồ-tát Lý Thú Lục Ba-la-mật-đa Vô Lượng Vô Biên Vô Tận Nghĩa Kinh. Với danh tự như vậy, ông nên thọ trì.

Được nghe Đức Phật nói xong, Cụ thọ A-nan, tất cả đại Thanh văn, Đại Bồ-tát Từ Thị và tất cả Đại Bồ-tát, tất cả thế gian Trời, Rồng, Dạ-xoa, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân, cùng Đại Bồ-tát Vô Tận Tạng ở thế giới Bất thuấn đều hoan hỷ tin thọ phụng hành.

-oOo-